Kinh Pháp Cú [Dhammapada] (Thiện Nhựt lược dịch & tìm hiểu)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

KINH PHÁP CÚ (DHAMMAPADA) Thiện Nhựt lược-dịch và tìm hiểu

"Thà biết ít mà biết chắc, Khỏi tu mù và chẳng mắc tu lầm." -- Thiện-Nhựt.

Mục Lục Vài lời xin thưa trước

[1] I.- Phẩm Song-yếu

1) Tích chuyện vị Tăng mù - Kệ số 001 2) Tích chuyện chàng thanh-niên được sanh lên cõi Trời - Kệ số 002 3) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa - Kệ số 003 và 004 4) Tích chuyện về nữ-quái Kha-ly - Kệ số 005 5) Tích chuyện chư Tăng ở Cô-sâm-bi - Kệ số 006 6) Tích chuyện Trưởng-lão Khả-la - Kệ số 007 và 008 7) Tích chuyện về Đề-bà-đạt-đa - Kệ số 009 và 010 8) Tích chuyện hai Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên - Kệ số 011 và 012 9) Tích chuyện về Tôn-giả Nan-đà - Kệ số 013 và 014 10) Tích chuyện người đồ-tể Thuần-đà - Kệ số 015 11) Tích chuyện ông Đàm-mi - Kệ số 016 12) Tích chuyện về tội-ác của Đề-bà-đạt-đa - Kệ số 017 13) Tích chuyện cô Sử-ma-na - Kệ số 018 14) Tích chuyện hai vị Tỳ-kheo - Kệ số 019 và 020

II.- Phẩm Không Phóng-dật

15) Tích chuyện Hoàng-hậu Sa-mã-hoa - Kệ số 021, 022 và 023 16) Tích chuyện người chủ ngân-hàng -Kệ số 024 17) Tích chuiyện Tôn-giả Tiểu Phan-tha-ca - Kệ số 025 18) Tích chuyện "Hội-hè tuổi trẻ vui-nhộn" - Kệ số 026 và 027 19) Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp - Kệ số 028 20) Tích chuyện hai vị Tỳ-kheo bạn đồng-tu - Kệ số 029 21) Tích chuyện Mã-Hà - Kệ số 030 22) Tích chuyện một vị Tỳ-kheo - Kệ số 031 23) Tích chuyện Trưởng-lão Ni-ga-ma 86 - Kệ số 032

III.- Phẩm Tâm

24) Tích chuyện Trưởng-lão Mễ-ghi-dạ - Kệ số 033 và 034 25) Tích chuyện bà Mã-thị-Kha - Kệ số 035 26) Tích chuyện về một Tỳ-kheo bất-mãn - Kệ số 036

27) Tích chuyện Sa-di Tha-di-nê - Kệ số 037 28) Tích chuyện Trưởng-lão Chí-ta-hạt - Kệ số 038 và 039 29) Tích chuyện Năm trăm vị Tỳ-kheo tu Thiền - Kệ số 040 30) Tích chuyện vị Tỳ-kheo Phù-ti-cát - Kệ số 041 31) Tích chuyện người chăn bò Nan-đà - Kệ số 042 32) Tích chuyện về Sở-rị-gia - Kệ số 043

IV.- Phẩm Hoa

33) Tích chuyện các vị Tỳ-kheo bàn về thế đất - Kệ số 044 và 045 34) Tích chuyện vị Tỳ-kheo quán thân như ảo-ảnh - Kệ số 046 35) Tích chuyện vua Tỳ-lưu-ly - Kệ số 047 36) Tích chuyện bà Khưu-ma-ly - Kệ số 048 37) Tích chuyện ông Cơ-sĩ-gia, kẻ giàu-có mà rít-róng - Kệ số 049 38) Tích chuyện ẩn-sĩ Phả-vị-gia - Kệ số 050 39) Tích chuyện cư-sĩ

Chúc-pha-nhi - Kệ số 051 và 052 40) Tích chuyện bà tín-nữ Vi-sa-kha - Kệ số 053 41) Tích chuyện về câu hỏi của Tôn-giả A-nan - Kệ số 054 và 055 42) Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp - Kệ số 056 43) Tích chuyện Trưởng-lão Cơ-thi-ca - Kệ số 057 44) Tích chuyện hai người bạn khác đạo - Kệ số 058 và 059

V.- Phẩm Ngu

45) Tích chuyện một mgười đi tìm hái hoa sen trắng - Kệ số 060 46) Tích chuyện người Sa-di của Tôn-giả Đại Ca-diếp - Kệ số 061 47) Tích chuyện người keo-kiết tên A-nan-đà - Kệ số 062 48) Tích chuyện hai người móc túi - Kệ số 063 49) Tích chuyện Trưởng-lão Ưu-đà-di - Kệ số 064 50) Tích chuyện ba mươi chàng thanh-niên - Kệ số 065 51) Tích chuyện người cùi Sở-phù-bút - Kệ số 066 52) Tích chuyện một người nông-phu - Kệ số 067 53) Tích chuyện người bán hoa Sử-mã-na - Kệ số 068 54) Tích chuyện Nữ-trưởng-lão Bích-Liên - Kệ số 069 55) Tích chuyện Trưởng-lão Giang-bửu-kha - Kệ số 070 56) Tích chuyện về ngạ-quỉ A-hi - Kệ số 071 57) Tích chuyện về ngạ-quỉ Sa-thi-cừu - Kệ số 072 58) Tích chuyện về người gia-chủ tên Tâm - Kệ số 073 và 074 59) Tích chuyện Sa-di Thi-sa - Kệ số 075 [2] VI.- Phẩm Hiền-trí

60) Tích chuyện Trưởng-lão Giả-đa - Kệ số 076 61) Tích chuyện hai vị tỳ-kheo Át-sa và Phú-na - Kệ số 077 62) Tích chuyện Tỳ-kheo Xà-nặc - Kệ số 078 63) Tích chuyện Trưởng-lão Kha-phi-na - Kệ số 079 64) Tích chuyện Sa-di Phan-di-ta - Kệ số 080 65) Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia - Kệ số 081 66) Tích chuyện tín-nữ Kha-nhã - Kệ số 082 67) Tích chuyện về mùa an-cư ở Vệ-lan-già - Kệ số 083 68) Tích chuyện Trưởng-lão Đàm-mi-kha - Kệ số 084 69) Tích chuyện những người nghe giảng pháp - Kệ số 085 và 086 70) Tích chuyện các Tỳ-kheo sau mùa an-cư - Kệ số 087, 088, 089

VII.- Phẩm A-la-hán

71) Tích chuyện về y-sĩ Kỳ-bà hỏi Đức Phật - Kệ số 090 72) Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp ở lại Trúc-lâm - Kệ số 091 73) Tích chuyện Trưởng-lão Lã-tha-sĩ - Kệ số 092 74) Tích chuyện Trưởng lão A-na-luật - Kệ số 093 75) Tích chuyện Trưởng-lão Ca-chiên-diên - Kệ số 094 76) Tích chuyện Trưởng-lão Xá-lợi-phất bị vu-cáo - Kệ số 095 77) Tích chuyện vị Sa-di ở Cô-sâm-bi - Kệ số 096 78) Tích chuyện về một lời nói của Đại-Đức Xá-lợi-phất - Kệ số 097 79) Tích chuyện Trưởng-lão Lê-va-ta - Kệ số 098 80) Tích chuyện về một người đàn-bà quyến-rũ - Kệ số 099

VIII.- Phẩm Ngàn

81) Tích chuyện người đao-phủ Tam-bá-đà - Kệ số 100 82) Tích chuyện về Bá-hi-gia - Kệ số 101 83) Tích chuyện Ni-cô Khuôn-đà-la - Kệ số 102 và 103 84) Tích chuyện thanh-niên Bà-la-môn Anh-tha-bút - Kệ số 104 và 105 85) Tích chuyện người cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất - Kệ số 106 86) Tích chuyện người cháu của Tôn-giả Xá-lợi-phất - Kệ số 107 87) Tích chuyện người bạn của Tôn-giả Xá-lợi-phất - Kệ số 108 88) Tích chuyện về cậu bé Trường-Thọ - Kệ số 109 89) Tích chuyện Sa-di Sầm-khí-ca - Kệ số 110 90) Tích chuyện Tôn-giả Khuôn-đà-na - Kệ số 111 91) Tích chuyện Trưởng-lão Xà-nô - Kệ số 112 92) Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Phả-tha-ca - Kệ số 113 93) Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Kỷ-sa-cơ - Kệ số 114 94) Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Bá-hư-phù - Kệ số 115

IX.- Phẩm Ác

95) Tích chuyện vợ chồng ông Cù-lê-kha - Kệ số 116 96) Tích chuyện Tỳ-kheo Sĩ-gia-sa - Kệ số 117 97) Tích chuyện Thiên-nữ Lã-giai - Kệ số 118 98) Tích chuyện Trưởng-giả Cấp-cô-độc - Kệ số 119 và 120 99) Tích chuyện một vị tỳ-kheo cẩu-thả - Kệ số 121 100) Tích chuyện ông nhà giàu Bình-lập - Kệ số 122 101) Tích chuyện thương-gia Đại-Đà-na - Kệ số 123 102) Tích chuyện vợ chồng người thợ săn Khúc-cư - Kệ số 124 103) Tích chuyện người thợ săn Cổ-kha - Kệ số 125 104) Tích chuyện viên hồng-ngọc - Kệ số 126 105) Tích chuyện về ba nhóm Tỳ-kheo - Kệ số 127 106) Tích chuyện vương-tử Thiện-giác trang - Kệ số 128

X.- Phẩm Hình-phạt

107) Tích chuyện hai nhóm Tỳ-kheo đánh nhau - Kệ số 129 108) Tích chuyện một nhóm Tỳ-kheo hay doạ-nạt - Kệ số 130 109) Tích chuyện một lũ trẻ đập rắn - Kệ số 131 và 132 110) Tích chuyện Trưởng-lão Khuôn-đà-na - Kệ số 133 và 134 111) Tích chuyện các bà thọ Bát-quan-trai - Kệ số 135 112) Tích chuyện con trăn - Kệ số 136 113) Tích chuyện Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên - Kệ số 137, 138, 139 và 140 114) Tích chuyện Tỳ-kheo Bá-hộ-thăng - Kệ số 141

115) Tích chuyện vị đại-thần San-tạ-tị - Kệ số 142 116) Tích chuyện Trưởng-lão Phí-lộ-thi - Kệ số 143 và 144 117) Tích chuyện vị Sa-di Sử-kha - Kệ số 145

XI.- Phẩm Già

118) Tích chuyện về các bạn đạo của bà Vi-sa-kha - Kệ số 146
119) Tích chuyện nàng Sĩ-mã - Kệ số 147
120) Tích chuyện Tỳ-kheo-ni Úc-ta-ra - Kệ số 148
121) Tích chuyện các tỳ-kheo tự-phụ - Kệ số 149
122) Tích chuyện công-chúa Gia-nhã-ba - Kệ số 150
123) Tích chuyện Hoàng-hậu Mạt-lợi - Kệ số 151
124) Tích chuyện Tỳ-kheo Lã-lưu - Kệ số 152
125) Tích chuyện Đức Phật thành Đạo - Kệ số 153 và 154
126) Tích chuyện con ông Đại-đà-na - Kệ số 155 và 156
[3] XII.- Phẩm Tự-ngã
127) Tích chuyện Vương -tử Bồ-đề - Kệ số 157 128) Tích chuyện Trưởng-lão Ưu -ba-nan-đà - Kệ số 158 129) Tích chuyện Trưởng-lão Phả-đà-ni - Kệ số 159 130) Tích chuyện bà mẹ của Cưu-ma-ca-diếp - Kệ số 160 131) Tích chuyện ông Ưu-bà-sa - Kệ số 161 132) Tích chuyện về một tiền-kiếp của Đề-bà-đạt-đa - Kệ số 162 133) Tích chuyện về sự chia-rẽ Giáo-hội - Kệ số 163 134) Tích chuyện Tỳ-kheo Kha-la - Kệ số 164 135) Tích chuyện thiện-nam Chu-la - Kệ số 165 136) Tích chuyện Trưởng-lão Ất-tha-đạt - Kệ số 166

XIII.- Phẩm Thế-gian

137) Tích chuyện một tỳ-kheo trẻ - Kệ số 167 138) Tích chuyện vua Tịnh-phạn - Kệ số 168 và 169 139) Tích chuyện các tỳ-kheo quán-tưởng bọt nước - Kệ số 170 140) Tích chuyện Vương-tử Vô-uý - Kệ số 171 141) Tích chuyện Trưởng-lão Sầm-mạc-gia - Kệ số 172 142) Tích chuyện Trưởng-lão Vô-não - Kệ số 173 143) Tích chuyện cô gái quay tơ - Kệ số 174 144) Tích chuyện ba mươi tỳ-kheo đắc thần-thông - Kệ số 175 145) Tích chuyện bà Chỉnh-ca-mã - Kệ số 176 146) Tích chuyện công-đức Đại-bố-thí - Kệ số 177 147) Tích chuyện con trai ông Cấp-cô-độc - Kệ số 178

XIV.- Phẩm Phật-đà

148) Tích chuyện ba cô gái của Ma-vương - Kệ số 179 và 180 149) Tích chuyện Đức Phật từ cõi Trời Đao-lợi trở lại thế-gian - Kệ số 181 150) Tích chuyện Long-vương Y-ra-kha - Kệ số 182 151) Tích chuyện về lời thưa hỏi của Tôn-giả A-nan - Kệ số 183, 184 và 185 152) Tích chuyện vị tỳ-kheo bất-mãn - Kệ số 186 và 187 153) Tích chuyện vị Bà-la-môn Ất-ghi-đạt - Kệ số 188, 189, 190, 191 và 192 154) Tích chuyện về nơi đản-sanh của bực Thánh - Kệ số 193 155) Tích chuyện các tỳ-kheo bàn về hạnh-phước - Kệ số 194 156) Tích chuyện về tượng Phật Ca-diếp - Kệ số 195 và 196

XV.- Phẩm An-lạc

157) Tích chuyện giải-hoà giòng-họ Thích-ca - Kệ số 197, 198 và 199 158) Tích chuyện Ma-vương khuấy Phật - Kệ số 200 159) Tích chuyện vua xứ Câu-tát-la thất-trận - Kệ số 201 160) Tích chuyện đôi vợ chồng sắp cưới - Kệ số 202 161) Tích chuyện người chăn mất con bò - Kệ số 203 162) Tích chuyện vua Ba-tư-nặc bớt ăn - Kệ số 204 163) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa ngồi Thiền - Kệ số 205 164) Tích chuyện vua Trời Đế-Thích săn-sóc Phật - Kệ số 206, 207 và 208

XVI.- Phẩm Thân-ái

165) Tích chuyện ba người khất-sĩ - Kệ số 209, 210 và 211 166) Tích chuyện một gia-chủ giàu-có - Kệ số 212 167) Tích chuyện bà Vi-sa-kha khóc cháu - Kệ số 213 168) Tích chuyện các ông hoàng xứ Ly-xa - Kệ số 214 169) Tích chuyện chàng thanh-niên Anh-thi - Kệ số 215 170) Tích chuyện người nông-phu Bà-la-môn - Kệ số 216 171) Tích chuyện các thanh-niên kính-mộ Tôn-giả Ca-diếp - Kệ số 217 172) Tích chuyện vị Trưởng-lão đắc quả A-na-hàm - Kệ số 218 173) Tích chuyện gia-chủ Nan-đi-gia - Kệ số 219 và 220

XVII.- Phẩm Sân-hận

174) Tích chuyện công-chúa Lỗ-hi-nhi - Kệ số 221 175) Tích chuyện vị Thọ-thần - Kệ số 222 176) Tích chuyện cô tín-nữ Úc-ta-ra - Kệ số 223 177) Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên hỏi Phật - Kệ số 224 178) Tích chuyện một người Bà-la-môn tự-nhận là cha Đức Phật - Kệ số 225 179) Tích chuyện nô-tỳ Phú-na - Kệ số 226 180) Tích chuyện chàng thanh-niên A-tu-la - Kệ số 227, 228, 229 và 230 181) Tích chuyện sáu vị tỳ-kheo mang guốc - Kệ số 231, 232, 233 và 234

XVIII.- Phẩm Ô-uế

182) Tích chuyện con của người đồ-tể - Kệ số 235, 236, 237 và 238 183) Tích chuyện người Bà-la-môn làm việc thiện - Kệ số 239 184) Tích chuyện ham áo cà-sa của Trưởng-lão Thi-sa - Kệ số 240 185) Tích chuyện tỳ-kheo Lã-lưu-đà-di - Kệ số 241 186) Tích chuyện người bị vợ ngoại-tình - Kệ số 242 và 243 187) Tích chuyện tỳ-kheo Chu-la-sĩ - Kệ số 244 và 245 188) Tích chuyện năm người cãi nhau về ngũ-giới - Kệ số 246, 247 và 248 189) Tích chuyện vị tỳ-kheo ganh-tị - Kệ số 249 và 250 190) Tích chuyện năm người ngồi nghe pháp - Kệ số 251 191) Tích chuyện vị hào-phú Mẫn-đà-kha - Kệ số 252 192) Tích chuyện tỳ-kheo Úc-gia - Kệ số 253 193) Tích chuyện ông Tu-bạt-đà-la, vị đệ-tử chót của Đức Phật- Kệ số 254 và 255

XIX.- Phẩm Pháp-trụ

194) Tích chuyện các vị thẩm-phán - Kệ số 256 và 257 195) Tích chuyện sáu vị tỳ-kheo ba-hoa. - Kệ số 258 196) Tích chuyện Trưởng-lão Nhứt-Kệ-tụng - Kệ số 259 197) Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia - Kệ số 260 và 261

198) Tích chuyện các tỳ-kheo ganh-tị - Kệ số 262 và 263 199) Tích chuyện tỳ-kheo Hạt-tha-ca - Kệ số 264 và 265 200) Tích chuyện người Bà-la-môn tự nhận là tỳ-kheo - Kệ số 66 và 267 201) Tích chuyện các người ngoại-đạo - Kệ số 268 và 269 202) Tích chuyện người đánh cá tên là Thánh-Hiền - Kệ số 270 203) Tích chuyện các tỳ-kheo tự-mãn - Kệ số 271 và 272

XX.- Phẩm Đạo

204) Tích chuyện các tỳ-kheo bàn về đường đi. - Kệ số 273, 274, 275 và 276 205) Tích chuyện các tỳ-kheo quán chiếu về Vô-thường, Khổ và Vô-ngã - Kệ số 277, 278 và 279 206) Tích chuyện tỳ-kheo Thi-sa lười nhác - Kệ số 280 207) Tích chuyện ngạ-quỉ đầu heo mình người - Kệ số 281 208) Tích chuyện Trưởng-lão Phổ-thi-la - Kệ số 282 209) Tích chuyện năm vị tỳ-kheo già - Kệ số 283 và 284 210) Tích chuyện con của người thợ bạc - Kệ số 285 211) Tích chuyện vị thương-gia Đại-Nghiệp - Kệ số 286 212) Tích chuyện bà Kỷ-sa-cơ - Kệ số 287 213) Tích chuyện bà Phả-tha-ca - Kệ số 288 và 289 [4] XXI.- Phẩm Tạp-lục

214) Tích chuyện công-đức xưa của Đức Phật. - Kệ số 290. 215) Tích chuyện một bà hay ăn hột gà. - Kệ số 291. 216) Tích chuyện các tỳ-kheo đan dép c ỏ. - Kệ số 292 và 293. 217) Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia, người thấp-lùn - Kệ số 294 và 295. 218) Tích chuyện con của người đốn củi. - Sáu bài Kệ,ừt số 296 đến số 301. 219) Tích chuyện vị tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly. - Kệ số 302. 220) Tích chuyện về vị gia-chủ Chi-ta. - Kệ số 303. 221) Tích chuyện cô Chu-la-sử. - Kệ số 304. 222) Tích chuyện Trưởng-lão độc-cư Y-kha. - Kệ số 305.

XXII.- Phẩm Địa-ngục

223) Tích chuyện bà Sơn-đà-ly. - Kệ số 306. 224) Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên thấy ngạ-quỉ. - Kệ số 307. 225) Tích chuyện các tỳ-kheo tăng-thượng-mạn. - Kệ số 308. 226) Tích chuyện thanh-niên Khê-ma-ca. - Kệ số 309 và 310. 227) Tích chuyện vị tỳ-kheo xem nhẹ giới-cấm nhỏ. - Kệ số 311, 312, 313. 228) Tích chuyện người vợ ghen-tuông. - Kệ số

314. 229) Tích chuyện các tỳ-kheo qua muà an-cư nơi biên-ải - Kệ số 315. 230) Tích chuyện nhóm loã-thể Ni-kiền-tử. - Kệ số 316 và 317. 231) Tích chuyện nhóm người dị-giáo. - Kệ số 318 và 319.

XXIII.- Phẩm Voi

232) Tích chuyện bà Mã-can-di-hoa. - Kệ số 320, 321 và 322. 233) Tích chuyện người quản-tượng. - Kệ số 323. 234) Tích chuyện người cha già bị các con ruồng-bỏ. - Kệ số 324. 235) Tích chuyện vua Ba-tư-nặc ăn quá no. - Kệ số 325. 236) Tích chuyện Sa-di Sà-nhu. - Kệ số 326. 237) Tích chuyện con voi già. - Kệ số 327.

238) Tích chuyện con voi hầu-hạ Phật. - Kệ số 328, 329 và 330. 239) Tích chuyện Ma-vương cám-dỗ Phật. - Kệ số 331, 332 và 333.

XXIV.- Phẩm Tham-ái

240) Tích chuyện con cá vàng. - Kệ số 334, 335, 336 và 337. 241) Tích chuyện con heo nái - Sáu bài Kệ từ số 339 đến số 343 242) Tích chuyện tên trộm bị xử tử. - Kệ số 344 243) Tích chuyện các người tù bị xiềng-xích - Kệ số 345 và 346 244) Tích chuyện Hoàng-hậu Khê-ma - Kệ số 347 245) Tích chuyện người diễn trò nhào lộn - Kệ số 348 246) Tích chuyện người thiện-xạ - Kệ số 349 và 350 247) Tích chuyện Tôn-giả La-hầu-la bị Ma khuấy - Kệ số 351 và 352 248) Tích chuyện ẩn-sĩ Ưu-ba-ca - Kệ số 353 249) Tích chuyện Trời Đế-Thích thưa hỏi Phật - Kệ số 354 250) Tích chuyện một người tuyệt-tự - Kệ số 355 251) Tích chuyện vị Thiên-nam An-khư-ra - Kệ số 356, 357, 358, và 359

XXV.- Phẩm Tỳ-kheo.

252) Tích chuyện năm vị Tỳ-kheo cãi nhau về năm căn - Kệ số 360 và 361 253) Tích chuyện vị Tỳ-kheo giết con thiên-nga - Kệ số 363 254) Tích chuyện Tỳ-kheo Cơ-khả-ly - Kệ số 363 253) Tích chuyện Trưởng-lão Pháp-hỉ - Kệ số 364. 256) Tích chuyện vị Tỳ-kheo muốn ngả theo Đề-bà - Kệ số 365 và 366 257) Tích chuyện người bố-thí hoa quả đầu mùa - Kệ số 367 258) Tích chuyện mẹ của Trưởng-lão Sơn-na - Chín bài Kệ từ số 368 đến 376 259) Tích chuyện Tỳ-kheo nhìn hoa lài rơi khi ngồi Thiền - Kệ số 377 260) Tích chuyện Trưởng-lão San-ta-kha - Kệ số 378 261) Tích chuyện Trưởng-lãi Nan-ga-la - Kệ số 379 và 380 262) Tích chuyện Tỳ-kheo Hoa-kha-ly - Kệ số 381 263) Tích chuyện Sa-di Sữ-mã - Kệ số 382

XXVI.- Phẩm Bà-la-môn

264) Tích chuyện vị Bà-la-môm gọi tâng cac vị Tỳ-kheo - Kệ số 383 265) Tích chuyện về hai pháp: Chỉ và Quán - Kệ số 384 266) Tích chuyện Ma-vương thưa hỏi Phật - Kệ số 385 267) Tích chuyện một vị Bà-la-môn hỏi Phật - Kệ số 386 268) Tích chuyện Tôn-giả A-nan nhìn hào-quang Phật - Kệ số 387 269) Tích chuyện một vị Bà-la-môn ẩn-sĩ - Kệ số 388 270) Tích chuyện nhẫn-nhục của Tôn-giả Xá-lợi-phất - Kệ số 389 và 390 271) Tích chuyện Ni-bà Ba-xà-ba-đề - Kệ số 391 272) Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất lạy mỗi đêm - Kệ số 392 273) Tích chuyện vị Bà-la-môn Gia-thi-la - Kệ số 393 274) Tích chuyện vị Bà-la-môn lừa gạt - Kệ số 394 275) Tích chuyện Ni-bà Kỷ-sa-cơ tu khổ-hạnh - Kệ số 395 276) Tích chuyện vị Bà-la-môn ở Xá-vệ đến hỏi Phật - Kệ số 396 277) Tích chuyện

Tỳ-kheo Úc-ga - Kệ số 397 278) Tích chuyện đấu trâu - Kệ số 398 279) Tích chuyện bốn anh em lỗ-mãng - Kệ số 399 280) Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất bị mẹ nhiếc-móc - Kệ số 400 281) Tích chuyện Ni-bà Bích-Liên - Kệ số 401 282) Tích chuyện người nô-lệ đắc quả A-la-hán - Kệ số 402 283) Tích chuyện Ni-bà Khê-ma - Kệ số 403

284) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa và vị thần-linh - Kệ số 404 285) Tích chuyện vị Tỳ-kheo bị đánh-đập - Kệ số 405 286) Tích chuyện bốn vị Sa-di - Kệ số 406 287) Tích chuyện Trưởng-lão Đại-Phan - Kệ số 407 288) Tích chuyện Trưởng-lão Phí-linh-đa - Kệ số 408 289) Tích chuyện vị Tỳ-kheo lượm vải - Kệ số 409 290) Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất và việc dâng y - Kệ số 410 291) Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên bị hiểu lầm - Kệ số 411 292) Tích chuyện Sa-di Lê-va-ta - Kệ số 412 293) Tích chuyện Trưởng-lão Can-đà - Kệ số 413 294) Tích chuyện Trưởng-lão Sĩ-hoa-ly - Kệ số 414 295) Tích chuyện Trưởng-lão Sơn-đà - Kệ số 415 296) Tích chuyện Trưởng-lão Gia-tị-la - Kệ số 416 297) Tích chuyện Giô-thi-ca 298) Tích chuyện Trưởng-lão Na-ta-bút (1) - Kệ số 417 299) Tích chuyện Trưởng-lão Na-ta-bút (2) - Kệ số 418 300) Tích chuyện Trưởng-lão Van-di-sa - Kệ số 419 và 420 301) Tích chuyện Ni-bà Đàm-ma - Kệ số 421 302) Tích chuyện Trưởng-lão Chi-man - Kệ số 422 303) Tích chuyện ông Đề-va-hy - Kệ số 423

Xin thưa nốt vài điều.

-ooOoo-

Vài lời xin thưa trước.

Kinh Pháp-Cú, tiếng Pali là Dhammapada, là quyển thứ hai trong Tiểu-Bộ-Kinh (Khuddhaka Nikàya), thuộc Tạng Kinh (Suttanta Pitaka) trong Tam-tạng Kinh-điển (Tipitaka). Kinh nầy gồm có 423 bài Kệ, văn vần bằng tiếng Pali và 305 Tích chuyện, nhắc lại trong dịp nào Đức Phật đã thốt lên các bài Kệ vừa nói.

Kinh Pháp-Cú được dịch ra rất nhiều thứ tiếng; bản dịch Anh-văn xưa nhứt là bản năm 1870 của Max Muller. Nhiều văn-hào trên thế-giới đã trích-dẫn và xem lời Kinh như chơn-lý của muôn đời.

Kinh Pháp-Cú trước đây đã được nhiều vị đại-sư Việt-nam dịch ra tiếng Việt. Gần đây có các bản: Kinh Pháp-Cú của Hoà-Thượng Thích Minh-Châu (Saigon, 1977), Kinh Pháp-Cú của Thượng-Toạ Thích Trí-Đức (Phật-học-viện Quốc-tế, 1985), Kinh Pháp-Cú của Trưởng-lão Narada, bản dịch Phạm- kim-Khánh (Paris, 1984), Suối nguồn vi-diệu của Phạm-Thiên-Thư (Saigon 1971) và nhiều bản khác nữa mà tôi chưa được biết.

Nhận thấy các lời dạy quí-báu của Đức Phật được kết-tập lại bằng lời thơ, có các Tích chuyện nêu rõ trong trường-hợp nào đã xãy ra khiến Đức Phật nói lên bài Kệ, tôi chẳng ngần-ngại sự ngu-dốt của mình, cố chuyển các lời văn trong Kinh sang văn-vần tiếng Việt, dễ hiểu, dễ đọc, mục-đích giúp cho các bạn đồng-tu có được tài-liệu để học-tập. Cách tôi trình-bày lại Kinh Pháp-Cú chẳng giống y như trong Kinh-Điển, nhưng tôi đã cố-gắng giữ đúng ý-nghĩa căn-bản của lời Phật dạy, nói lại bằng lời-lẽ thông-thường, người chưa rành Phật-pháp cũng có thể hiểu được.

Ngưỡng mong trên có các bực cao-minh chỉ-dạy thêm, chung-quanh có các đạo-hữu vui lòng khuyến- khích, tôi thành-tâm sám-hối những lỗi-lầm trong khi chép lại Kính Pháp-Cú và cầu nguyện người đọc hưởng được nhiều lợi-lạc trong khi học-tập Kinh nầy.

Thiện-Nhựt Montreal, 18-11-2000.

-ooOoo-

[01]

I.- Phẩm Song-yếu

1) Tích chuyện vị Tăng mù - Kệ số 001 2) Tích chuyện chàng thanh-niên được sanh lên cõi Trời - Kệ số 002 3) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa - Kệ số 003 và 004 4) Tích chuyện về nữ-quái Kha-ly - Kệ số 005 5) Tích chuyện chư Tăng ở Cô-sâm-bi - Kệ số 006 6) Tích chuyện Trưởng-lão Khả-la - Kệ số 007 và 008 7) Tích chuyện về Đề-bà-đạt-đa - Kệ số 009 và 010 8) Tích chuyện hai Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên - Kệ số 011 và 012 9) Tích chuyện về Tôn-giả Nan-đà - Kệ số 013 và 014 10) Tích chuyện người đồ-tể Thuần-đà - Kệ số 015 11) Tích chuyện ông Đàm-mi - Kệ số 016 12) Tích chuyện về tội-ác của Đề-bà-đạt-đa - Kệ số 017 13) Tích chuyện cô Sử-ma-na - Kệ số 018 14) Tích chuyện hai vị Tỳ-kheo - Kệ số 019 và 020

II.- Phẩm Không Phóng-dật

15) Tích chuyện Hoàng-hậu Sa-mã-hoa - Kệ số 021, 022 và 023 16) Tích chuyện người chủ ngân-hàng -Kệ số 024 17) Tích chuiyện Tôn-giả Tiểu Phan-tha-ca - Kệ số 025 18) Tích chuyện "Hội-hè tuổi trẻ vui-nhộn" - Kệ số 026 và 027 19) Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp - Kệ số 028 20) Tích chuyện hai vị Tỳ-kheo bạn đồng-tu - Kệ số 029 21) Tích chuyện Mã-Hà - Kệ số 030 22) Tích chuyện một vị Tỳ-kheo - Kệ số 031 23) Tích chuyện Trưởng-lão Ni-ga-ma 86 - Kệ số 032

III.- Phẩm Tâm

24) Tích chuyện Trưởng-lão Mễ-ghi-dạ - Kệ số 033 và 034 25) Tích chuyện bà Mã-thị-Kha - Kệ số 035 26) Tích chuyện về một Tỳ-kheo bất-mãn - Kệ số 036 27) Tích chuyện Sa-di Tha-di-nê - Kệ số 037 28) Tích chuyện Trưởng-lão Chí-ta-hạt - Kệ số 038 và 039 29) Tích chuyện Năm trăm vị Tỳ-kheo tu Thiền - Kệ số 040 30) Tích chuyện vị Tỳ-kheo Phù-ti-cát - Kệ số 041 31) Tích chuyện người chăn bò Nan-đà - Kệ số 042 32) Tích chuyện về Sở-rị-gia - Kệ số 043

IV.- Phẩm Hoa

33) Tích chuyện các vị Tỳ-kheo bàn về thế đất - Kệ số 044 và 045 34) Tích chuyện vị Tỳ-kheo quán thân như ảo-ảnh - Kệ số 046 35) Tích chuyện vua Tỳ-lưu-ly - Kệ số 047 36) Tích chuyện bà Khưu-ma-ly - Kệ số 048 37) Tích chuyện ông Cơ-sĩ-gia, kẻ giàu-có mà rít-róng - Kệ số 049

38) Tích chuyện ẩn-sĩ Phả-vị-gia - Kệ số 050 39) Tích chuyện cư-sĩ Chúc-pha-nhi - Kệ số 051 và 052 40) Tích chuyện bà tín-nữ Vi-sa-kha - Kệ số 053 41) Tích chuyện về câu hỏi

của Tôn-giả A-nan - Kệ số 054 và 055 42) Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp - Kệ số 056 43) Tích chuyện Trưởng-lão Cơ-thi-ca - Kệ số 057 44) Tích chuyện hai người bạn khác đạo - Kệ số 058 và 059

V.- Phẩm Ngu

45) Tích chuyện một mgười đi tìm hái hoa sen trắng - Kệ số 060 46) Tích chuyện người Sa-di của Tôn-giả Đại Ca-diếp - Kệ số 061 47) Tích chuyện người keo-kiết tên A-nan-đà - Kệ số 062 48) Tích chuyện hai người móc túi - Kệ số 063 49) Tích chuyện Trưởng-lão Ưu-đà-di - Kệ số 064 50) Tích chuyện ba mươi chàng thanh-niên - Kệ số 065 51) Tích chuyện người cùi Sở-phù-bút - Kệ số 066 52) Tích chuyện một người nông-phu - Kệ số 067 53) Tích chuyện người bán hoa Sử-mã-na - Kệ số 068 54) Tích chuyện Nữ-trưởng-lão Bích-Liên - Kệ số 069 55) Tích chuyện Trưởng-lão Giang-bửu-kha - Kệ số 070 56) Tích chuyện về ngạ-quỉ A-hi - Kệ số 071 57) Tích chuyện về ngạ-quỉ Sa-thi-cừu - Kệ số 072 58) Tích chuyện về người gia-chủ tên Tâm - Kệ số 073 và 074 59) Tích chuyện Sa-di Thi-sa - Kệ số 075

-ooOoo-

I.- Phẩm Song-yếu

(1).- Tích chuyện vị Tăng mù.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến chuyện một vị tăng mù tên là Cát-Khư.

Nguyên, lúc bấy giờ, vị Tăng mù Cát-Khư đến đảnh-lễ Đức Phật. Chiều hôm ấy, ông đi kinh-hành bên ngoài, vô-ý đạp chết nhiều côn-trùng. Sáng hôm sau, nhiều vị tăng trẻ tuổi thấy xác côn-trùng, sanh ra hiểu lầm, cho rằng vị Tăng Cát-Khư phạm giới sát-sanh. Họ liền vào thưa trình với Đức Phật. Phật hỏi: "Các ông có chính mắt trông thấy Cát-Khư giết hại côn-trùng không?" Các vị tăng đáp, không. Phật bảo: "Các ông chẳng thấy ông ta giết, cũng như ông ta đã chẳng thấy các côn-trùng dưới chơn, khi đi kinh-hành. Hơn nữa, Cát-Khư đã chứng được quả-vị A-la-hán rồi, chẳng hề có ý-định sát-sanh, nên chẳng có phạm tội." Các vị tăng lại hỏi, vì sao vị Tăng đã chứng được quả-vị A-la-hán mà hai mắt lại bị mù, Đức Phật mới kể lại câu chuyện xưa như sau:

Trong một đời về tiền-kiếp, Cát-Khư là một vị y-sĩ có danh-tiếng. Một người đàn-bà bị đau mắt, đến thưa cùng ông: "Nếu ông chữa lành đôi mắt tôi, tôi nguyện tôi và các con cái của tôi sẽ làm nô-lệ cho ông." Khi người đàn-bà ấy đã lành mắt, lại muốn nuốt lời, bảo rằng đôi mắt còn tệ hơn trước. Cát-Khư biết rõ người ấy nói dối mình, nên căm-thù và đưa cho một thứ thuốc xoa vào mắt. Người đàn-bà bất- hạnh đó bị mù luôn. Vì tội-ác nầy, Cát-Khư phải sanh ra mù-loà trong nhiều đời sống kế-tiếp, cho đến hiện nay.

Sau khi kể xong, Đức Phật liền đọc lên bài kệ:

Nơi muôn pháp, ý đi tiền-đạo; Ý làm chủ, ý tạo cõi lòng.

Ai đem tâm-ý chẳng trong
Nói năng, hành-động, khổ đồng theo sau;

Như xe chuyển bánh theo trâu kéo hoài.
(Kệ số 001)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Phẩm Song-yếu: Bộ Kinh Pháp-Cú có 26 chương, mỗi chương gọi là một Phẩm. Phẩm đầu-tiên nầy tên là Song-yếu (Song = hai; yếu = quan-trọng), gồm có nhiều bài kệ sắp thành từng cặp hai bài. Bài số 1 nầy được học chung với bài kệ số 2, ở phiá sau; cả hai bài cùng có liên-quan đến một ý-nghĩa chung.

- Tăng: đàn-ông, con trai, vào chùa tu theo đạo Phật. Nếu là giới phụ-nữ thì gọi là Ni.

- Cát-Khư: Thiện Nhựt mạn phép đặt tên Việt cho vị tăng nầy, để dễ đọc; trọn tên vị A-la-hán nầy bằng tiếng Pali là Cakkhupàla.

- Kỳ-viên-tự: chùa Kỳ-viên, tên tiếng Pali là Jetavana. Nguyên Thái-tử Kỳ-đà có khu vườn đẹp; ông Cấp-cô-độc muốn mua để cất tịnh-xá cho Đức Phật và Tăng-đoàn ở tu. Thái-tử bảo, lót vàng lên khắp mặt đất, ông sẽ bán cho. Ông Cấp-cô-độc làm theo, còn các hàng cây cao chẳng thể lót vàng lên được. Thái-tử cười, tặng cả khu vườn để xây tịnh-xá. Vì thế, tịnh-xá có tên là Kỳ-viên-tự (Kỳ = tên của Thái- tử Kỳ-đà; viên = vườn; tự = chùa). Trong các kinh, thường gọi nơi nầy là Kỳ-thọ Cấp-cô-độc-viên, nghĩa là ngôi chùa của Ông Cấp-cô-độc xây trong vườn có hàng cây của Thái-tử Kỳ-đà.

- Xá-vệ: một nước ở miền Bắc Ấn-độ ngày xưa, quê-hương của Đức Phật Thích-ca. Tên Pali là Sàvathi.

- kinh-hành: kinh = kinh; hành = đi. Đi kinh-hành là bước đi chầm-chậm từng bước, trong tâm im- lặng, hoặc vừa đi vừa niệm Phật. Còn gọi là thiền-hành.

- giới sát-sanh: giới = điều răn cấm của người tu-hành; sát = giết; sanh = sanh-vật có mạng sống. Sát- sanh là giết hại mạng sống, là điều răn cấm thứ nhứt trong giới-luật của đạo Phật.

- quả-vị A-la-hán: quả = kết-quả, khi tu thành-công; vị = ngôi-vị; A-la-hán = tiếng Phạn là Arhat, tiếng Pali là Arahant, người đã chứng được quả-vị thứ tư, cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Thanh-văn là những vị đệ-tử sống gần bên Đức Phật, nghe giảng Pháp mà tu-tập, để lần-lượt chứng các quả vị: (1) Tu-đà-huờn, (2) Tư-đà-hàm, (3) A-na-hàm, và (4) A-la-hán. Ba quả-vị trước thuộc bực Hiền; quả-vị A-la-hán là bực Thánh, chẳng còn phiền-não và hết phải sanh trở lại trong vòng Luân-hồi.

- tiền-kiếp: tiền = trước; kiếp = các đời sống: trước, sau và hiện-tại, kể chung lại. Tiền-kiếp là kiếp trước, đời sống trước khi sanh thành người vào đời thời nầy.

- nô-lệ = đày-tớ ở trọn đời với chủ, chẳng có tự-do cá-nhơn riêng.

- muôn pháp: muôn = mười ngàn, ở đây, chỉ số nhiều; pháp = tất cả sự sự, vật vật, có thể đặt tên để gọi. Ví-dụ: cái xe, con trâu, người ta, ý-nghĩ, lời nói, v.v. đều là pháp cả.

- tiền-đạo: tiền = trước; đạo = đường; Ý muốn nói, trong mọi việc, ý khởi lên trước nhứt, dẫn đầu mọi việc khác.

- kinh, kệ: kinh = lời giảng về pháp-tu của Phật hay Bồ-tát, được ghi chép lại; kệ = bài thơ ngắn tóm tắt lại lời kinh đã giảng.

- Pháp-Cú: dịch chữ Pali là Dhammapada. Dhamma = Pháp = ở đây, có nghĩa là pháp-tu, đường lối tu-hành đi tìm Chơn-Lý. Cú = câu văn. Kinh Pháp-Cú nằm trong Tiểu-Bộ-Kinh, thuộc Kinh-Tạng, trong Tam Tạng Kinh-Điển. Kinh nầy ghi chép lại các bài kệ của Phật nói, nhơn một tích chuyện có thật xãy ra. Việc ghi chép nầy được thực-hiện sau khi Đức Phật đã lìa đời.

B.- Nghĩa Ý:

1.- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

- một, kể lại việc, vì mù chẳng thấy côn-trùng ở dưới chơn, nên vị tăng chẳng phạm tội sát-sanh khi đạp chết chúng, lúc đi kinh-hành. Đức Phật bảo, vì chẳng có ý-định sát-sanh, nên chẳng phạm tội đó. Vậy, điều quan-trọng trong tội-lỗi, chính là ý ác khởi lên trước trong tâm.

- hai, kể lại việc báo thù của vị y-sĩ. Tại sao ông bị mù nhiều kiếp? Theo câu chuyện, chính ông có ác- ý, muốn hại người đàn-bà phải mù, để báo thù việc bà đã nói dối với ông. Ác-ý đó là nguyên-nhơn khiến cho ông phải chịu khổ-sở vì mù-loà, qua nhiều đời kế-tiếp.

2.- Ý-nghĩa của bài Kệ:

- Ý-nghĩa quan-trọng nhứt của bài Kệ là: trước khi nói-năng hay hành-động, từ trong tâm, ý đã khởi lên trước, khiến cho ta phải nói hay làm theo. Nếu có ý xấu, thì lời nói cùng việc làm, vì đó mà xấu theo. Rồi vì có ác-ý, có lời xấu, có việc làm dữ, nên phải chịu hậu-quả cũng xấu theo, là phải khổ-sở. Hễ có ý chẳng trong-sạch, rồi hành-động, hay nói, sai-lầm, thì sẽ phải khổ, theo sau liền, đâu tránh được. Diễn lại nghĩa nầy, giáo-lý nhà Phật gọi đó là luật Nhơn-quả: gây nhơn ác, chịu quả xấu.

- Hình-ảnh quan-trọng do bài Kệ gợi lên: Câu chót của bài Kệ gợi lên hình-ảnh cái bánh xe lăn theo chơn con trâu kéo phiá trước. Bánh xe chẳng thể ngừng, nếu con trâu phiá trước đang bước tới. Đó cũng như, đã có ý ác sẵn rồi, thì lời nói, việc làm chẳng thể tốt đẹp được. Lại nữa, lời nói, việc làm đã xấu thì người nói hay làm sẽ phải chịu sự khổ sở về sau, chẳng có cách nào thoát khỏi. Hình-ảnh bánh xe đang quay tượng-trưng cho vòng Luân-hồi (Luân = bánh xe; hồi = trở lại; quay hết một vòng rồi trở lại quay tiếp, chẳng ngừng.) Còn ở trong vòng Luân-hồi, là còn phải chịu cảnh sanh, già, bịnh, chết để rồi lại sanh trở lại, nối-tiếp khổ mãi.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ: đặc-biệt ghi nhớ: ý làm chủ, ý gây nên mọi việc khiến ta phải trôi lăn trong cảnh khổ của Luân-hồi.

2.- Trong ba nghiệp: nghiệp thân, nghiệp miệng và nghiệp ý thì ý-nghiệp là quan-trọng nhứt. Vì có nghiệp, nên con người phải chịu khổ trong cảnh Luân-hồi. Vậy, phải làm sao cho nghiệp được trong- sạch, mới dứt hết khổ. Dứt nghiệp bằng cách thanh lọc ý-nghiệp trước.

3.- Tập thanh-lọc tâm-ý: thanh-lọc tâm-ý là làm cho lòng mình được trong-sạch. Bằng cách nào? Bằng cách dẹp bỏ những ý-nghĩ xấu; hễ khi biết mình đang nghĩ quấy, phải liền dứt bỏ. Thí-dụ như đang nhớ đến việc xấu của người, đó là tâm mình đang bị "dơ", dơ vì mình để chỗ xấu của người len lọt vào tâm mình. Ai làm xấu mặc ai, mình chỉ nghĩ tốt.

(2).- Tích chuyện thanh-niên được sanh lên cõi Trời.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến Mã-Thà, một chàng thanh-niên dòng Bà-la-môn, được sanh lên cõi Trời.

Vào thời ấy, có một người Bà-la-môn giàu-có, nhưng rất rít-róng, chẳng ưa bố-thí cho ai cả. Ông tên là A-Đinh, chỉ có một đứa con trai, tên là Mã-Thà. Ông hà-tiện đến nổi chẳng chịu mua sắm vật trang- sức cho con mà chính tay ông lại làm lấy, để khỏi phải tốn tiền công thợ. Khi Mã-Thà đau nặng, ông chẳng chịu rước thầy thuốc để trị. Mãi cho đến khi bịnh-tình quá trầm-trọng, hết phương cứu chửa, ông liền đem giường con nằm ra để ngoài hàng ba, hướng về bàn thờ thần mưa ngoài sân, vì bụng ông sợ các người đến thăm-viếng, nhìn thấy đến của-cải trong nhà.

Sáng sớm hôm ấy, trong cơn thiền-định thâm-sâu, Đức Phật quán thấy cảnh thương-tâm của thanh- niên Mã-Thà đang nằm trước hàng ba ở nhà. Khi cùng với các đệ-tử vào thành Xá-vệ để khất-thực, Đức Phật liền đi đến trước cửa nhà ông A-Đinh và đứng dừng lại đó. Ngài phóng hào-quang chiếu vào nhà, khiến cho Mã-Thà phải chú-ý, quay đầu ra ngoài và nhìn thấy Phật. Vì bịnh quá nặng, Mã-Thà chỉ có thể dùng tâm-tư của mình, hướng về Phật mà đảnh-lễ. Thế cũng đủ! Ngay khi thở hơi cuối cùng, với tấm lòng kính-mộ Đức Phật sẵn trong tâm, Mã-Thà liền được sanh lên cõi Trời Đao-Lợi.

Từ trên cung Trời nhìn xuống, Mã-Thà thấy cha mình đang đau buồn ở nghĩa-địa, chàng liền hiện thân xuống bên cha, như hồi còn sống. Mã-Thà thưa với cha, kể lại vì sao mình đã được sanh lên cõi Trời sung-sướng và thúc-dục cha nên thỉnh Đức Phật về nhà để dâng cơm cúng-dường. Bấy giờ, trong nhà ông A-Đinh mọi người đang bàn-tán về việc, có thật hay chẳng có thật, chỉ cần dùng tâm-ý kính-mộ Đức Phật là đủ để sanh lên Trời. Đoán biết được tâm-trạng còn nghi-ngờ của mọi người, tâm Đức Phật liền triệu-thỉnh Mã-Thà từ cung Trời Đao-Lợi. Mã-Thà liền vâng lịnh, trong y-phục đẹp-đẽ của chư Thiên, hiện xuống nhà cũ, đứng giữa mọi người, kể lại nhờ tâm biết kính-lễ Đức Phật mà được sanh Thiên.

Bấy giờ, Đức Phật liền đọc lên bài Kệ:

Nơi muôn pháp, ý đi tiền-đạo,
Ý làm chủ, ý tạo cõi lòng.
Ai đem tâm-ý sáng trong

Nói năng, hành-động, vui đồng theo sau;
Khác nào bóng chẳng lìa hình.
(Kệ số 002)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Mã-Thà: Thiện Nhựt mạn phép đặt tên Việt cho chàng thanh-niên nầy, tên thật bằng tiếng Pali là Matthakundali.

- A-Đinh: cha của Mã-Thà; tên thiệt của ông là Adinnapubbaka.

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ trong xã-hội xưa ở Ấn-độ. Có bốn giai-cấp, từ trên xuống dưới: (1) Bà-la- môn, tu-sĩ; (2) Sát-đế-lợi, vua, quan; (3) Phệ-xá, buôn bán, (4) Thủ-đà-la, công-nhơn.

- Bàn thờ thần mưa: theo tục-lệ bên Ấn-độ, thờ thần mưa gió, đặt bàn thờ ngoài sân, cũng tựa như bình-dân Việt có bàn thờ ông Thiên.

- Thiền-định: ngồi Thiền và nhập định, nghĩa là lắng yên tâm-tư trong cảnh vắng-lặng, chẳng theo cảnh bên ngoài, chẳng bị ý bên trong trì-níu.

Quán: suy-nghĩ sâu-xa, nhìn thấy bằng tâm-tư.

Khất-thực: khất = đi xin; thực = ăn. Đây là giới-hạnh Đức Phật đặt ra, buộc mọi vị tỳ-kheo phải mang bình bát đi ăn xin từng nhà, chớ chẳng được làm nghề khác để sanh-sống. Hạnh khất-thực khiến cho

người tu-hành dẹp bỏ được sự kiêu-căng, cúi mình đi ăn xin, và có dịp gặp người thế-tục để giảng-dạy về pháp Phật.

Hào-quang: ánh-sáng phát ra từ người tu-hành đã chứng Đạo.

Đảnh-lễ: cúi đầu làm lễ, kính lạy. Mã-Thà chỉ đảnh-lễ Phật bằng ý-nghĩ thôi, vì lúc ấy anh đang đau nặng.

Cõi Trời Đao-Lợi: cõi Trời nầy, tiếng Pali là Tavatimsa. Còn gọi là Cõi Tam-thập-tam thiên, nghĩa là cõi Trời có 33 cảnh: mỗi phương có 8 cảnh, do một vị Thiên-đế cầm đầu, và ở trung-ương có Vua Đế- Thích ngự-trị.

Cúng-dường: dưng phẩm-vật lên để tỏ lòng kính-trọng. Vốn do đọc trại ra chữ Hán-Việt Cung-dưỡng (= cung-cấp và nuôi dưỡng).

Kính-mộ: kính = cung-kính; mộ = ái-mộ; kính-mến.

Triệu-thỉnh: triệu = gọi đến; thỉnh = mời đến; cho gọi tới.

Sanh Thiên: sanh lên cõi Trời.

B.- Nghĩa Ý:

1.- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

- một, vì tỏ lòng kính-lễ Đức Phật, vào lúc sắp lìa đời, nên chàng thanh-niên Bà-la-môn được sanh lên cõi Trời hưởng sự sung-sướng. Theo kinh sách, được thác-sanh vào cõi Trời, cuộc đời sẽ kéo dài lâu hơn ở trần-gian, mọi nhu-cầu đều được thoả-mãn đầy-đủ, chẳng phải lo việc ăn-uống, sống trong cung- điện huy-hoàng và muốn đi đâu liền được đến đấy. Nhưng khi hưởng hết phước lành, chư Thiên bị suy-thoái và còn phải chịu cảnh Luân-hồi, trở lại cõi trần hay đoạ vào các nẻo dữ. Người Phật-tử biết chọn mục-tiêu giải-thoát hoàn-toàn, chẳng lấy việc sanh lên Trời làm mục-đích, mà chọn con đường đi đến Niết-Bàn, chấm dứt cuộc tử-sanh, sống tịch-tĩnh trong niềm thường-vui.

- hai, thái-độ đáng trách của ông A-Đinh quá keo-kiệt: con đau chẳng rước thầy thuốc; đến lúc con lâm-nguy, lại đem ra bỏ ở hàng ba. Đó chính là vì bụng dạ quá rít-róng hà-tiện. Theo kinh-sách, những người như thế, sẽ thác-sanh vào hàng ngạ-quỉ (= quỉ đói), luôn luôn bị đói khát. Để trị bịnh xan-tham nầy, kinh-sách dạy phải năng bố-thí. Trong các hình-thức bố-thí, sự dâng cúng lễ-vật đến các bực chơn-tu là hình-thức cao quí, chỉ thua việc pháp-thí (= giảng-dạy Chánh-pháp cho kẻ khác biết được đường tu giải-thoát) mà thôi. Thanh-niên Mã-Thà, vì thế, đã khuyên cha nên thỉnh Phật đến nhà mà cúng-dường. Đó là việc tạo phước-đức thật to-lớn, khiến cho thí-giả (= người đem của ra bố-thí) được sanh lên cõi Trời vào đời sau.

2.- Ý-nghĩa của bài Kệ:

- Ý-nghĩa quan-trọng nhứt của bài Kệ là: cũng như bài Kệ số 001, ý làm chủ, ý gây ra mọi việc, từ lời nói đến việc làm. Nếu đem tâm-ý thanh-tịnh mà nói lên, hoặc hành-động, thì sẽ được vui hưởng điều lành.

- Hình-ảnh do bài Kệ gợi lên: Câu chót của bài Kệ:

"Khác nào bóng chẳng lìa hình" đã diễn-tả LUẬT NHƠN-QUẢ rất rõ-ràng bằng hình-ảnh: NHƠN là hình, còn QUẢ là bóng, là ảnh. Khi có ánh-sáng, ta chẳng thấy hình của vật nào mà chẳng có bóng của nó cả. Ở đời cũng vậy, chẳng có một sự-việc nào làm nguyên-nhơn gây ra mà chẳng có hậu-quả của nó

đi kèm theo. Chẳng có cách nào để tách rời bóng với hình ra, cũng chẳng có cách nào để khiến cho một nguyên-nhơn chẳng gây ra hậu-quả được.

Trong bài Kệ số 001, tâm-ý chẳng trong-sạch làm nguyên-nhơn gây ra hậu-quả xấu, còn gọi là ác-báo.

Trong bài Kệ số 002, tâm-ý sáng trong làm nguyên-nhơn tạo nên thành-quả tốt, còn gọi là phước-báo.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ: bài Kệ số 002 dễ nhớ, nhờ đã thuộc sẵn bài Kệ số 001; chỉ cần đổi: "tâm-ý chẳng trong" ra "tâm-ý sáng trong", và trước thì: "khổ đồng theo sau", còn sau thì đổi ra "vui đồng theo sau".

Và học thêm câu chót: "Khác nào bóng chẳng lìa hình", vốn là một câu thường nghe nói ở đời.

2.- Một cách thanh-lọc tâm-ý: Mô Phật! Ta thường thấy các cụ già mô Phật, mỗi khi nghe một câu nói chẳng vừa ý mình: đó là cách làm cho mình chẳng nổi lên tức-giận. Tiếng Mô Phật nầy chẳng nên thốt lên ngoài đầu môi chót lưỡi, mà khi nói, phải quay vào bên trong tâm mình, xem coi cơn giận nổi lên có còn đó hay không, hay đã bớt tức chút nào chưa. Người nào biết Mô Phật như thế là biết làm cho lòng mình trở nên trong-sáng hơn.

Thường người ta cũng mô Phật khi nghe một câu nói thiện-lành. Đó là làm cho tâm mình đang trong- sáng, lại càng trong-sáng hơn.

(3) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-Sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, ở nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến vị Tăng ngoan-cố là Tôn-giả Thi-Sa.

Tôn-giả Thi-Sa vốn là con người dì của Đức Phật, từng sống chung với Đức Phật khi Ngài còn là Thái- tử. Đến khi trộng tuổi, tôn-giả mới xuất-gia, thường tự coi mình là một vị Tăng Trưởng-lão. Thế nhưng đối với những nghĩa-vụ của một tăng-nhơn mới nhập-đạo, Tôn-giả thường hay xao-lãng; lại luôn cãi-vã náo-loạn lên với các vị tăng trẻ tuổi. Nếu có ai khiển-trách, thì Tôn-giả khóc lên, chạy đi mét với Đức Phật.

Một ngày kia, Thế-tôn hỏi ông: "Nầy Thi-Sa, cớ làm sao mà ông ưu-phiền đến nổi nước mắt chảy quanh mi như thế?" Thi-Sa vừa cãi-vã với một nhóm tăng-nhơn xong, liền thưa với Phật rằng: "Nếu họ đến đây để gặp Thế-tôn, thì chắc con chẳng phải ưu-phiền như vầy!" Vừa lúc ấy, các tăng-nhơn ấy đến lễ-bái Phật. Thi-Sa liền thưa: "Bạch đức Đạo-sư, các vị tăng nầy mới vừa khiển-trách con đây."

Thế-tôn hỏi:

- Hiện-tại, ông đang ở chỗ nào?

- Con đang ở tại Đại-sảnh-đường, Thế-tôn.

- Ông có thấy chúng tăng đi đến đây không?

- Con có thấy, Thế-tôn.

- Ông có đứng dậy nghinh-tiếp họ không?

- Chẳng có, Thế-tôn.

- Ông có đưa tay ra mời, dắt họ vào trong hay không?

- Chẳng có, Thế-tôn.

- Nầy Thi-Sa, ông chẳng nên có thái-độ như thế, đối với những người đã vào Đạo trước ông. Ông nên hướng về họ mà ngỏ lời xin lỗi đi.

- Thế-tôn, con chẳng chịu xin lỗi họ đâu!

Chúng tăng liền thưa với Đức Phật:

- Thế-tôn, vị tăng nầy rất là ngoan-cố.

Thế-tôn đáp:

- Nầy chư tăng, ông ta ngoan-cố như thế chẳng phải là lần thứ nhứt. Tại tiền-kiếp, ông ta cũng đã tỏ ra rất ngoan-cố rồi.

Chư tăng thỉnh-cầu Phật cho biết về tiền-kiếp, tôn-giả Thi-Sa đã ngoan-cố như thế nào. Do đó, Đức Phật mới kể lại câu chuyện xưa như sau đây:

Thuở xưa, có một vị tăng tu khổ-hạnh tên là Đề-va-la ngụ trên dãy núi Hi-mã-lạp-sơn. Vào đầu mùa mưa, ông quay về thành Ba-la-nại để mua muối, dấm và định lưu lại đây hết bốn tháng mưa dầm. Tại cửa thành, ông gặp hai vị tăng-nhơn trẻ tuổi, liền hỏi: "Các du-tăng đến thành nầy, thường trú-ngụ tại đâu?" Họ đáp, tại lò gốm. Đề-va-la liền đi đến lò gốm, xin ngủ qua đêm tại đó, và được chủ lò gốm chấp-thuận. Độ một lúc sau, lại có một vị du-tăng khác, tên là Na-ra-đa, cũng đến xin tá-túc. Hai người thi lễ với nhau rồi cùng tạm trú trong lò gốm bỏ trống về đêm.

Đến giờ đi ngủ, Na-ra-đa cẩn-thận xem Đề-va-la nằm ở đâu và cửa ra vào ở phía nào, rồi mới đi nghỉ. Thế nhưng một chập sau, Đề-va-la lại đổi chỗ, đến nằm gần bên cửa cái. Về khuya, Na-ra-đa cần đi ra ngoài, chẳng để-ý, đạp nhằm đầu của Đề-va-la. Đề-va-la hét lên:

- Ai đạp lên đầu ta vậy?

- Chính con là Na-ra-đa, con xin Sư-phụ tha lỗi.

- Mi là một tên ác-tăng, sống ở rừng-rú, cứ nhè đầu ta mà đạp lên.

- Con chẳng biết Sư-phụ đã đổi chỗ nằm, xin Sư-phụ tha tội.

Na-ra-đa liền đi ra ngoài. Trong lúc đó, Đề-va-la sợ bị đạp lần nữa, quay sang nằm chỗ khác. Lúc vào, Na-ra-đa cẩn-thận tránh chỗ cũ, đi chầm-chậm từng bước sờ-soạng, nhưng lại rủi thay lần nầy lại đạp trúng ngay cổ của Đề-va-la.

- Ai vậy?

- Chính con! Thật con chẳng biết Sư-phụ lại dời qua bên nầy, xin Sư-phụ từ-bi tha tội cho con.

- Mi quả thật là tên ác-tăng. Lúc đi ra, đạp đầu ta, lúc trở vào lại đạp cổ ta. Ta phải niệm chú nguyền- rủa mi mới được.

- Muôn vàn xin Sư-phụ từ-bi hỉ-xả mà tha tội cho con, xin đừng niệm chú.

Nhưng Đề-va-la chẳng tha, cứ niệm chú:

- Nguyện đầu mi sẽ bể thành bảy mảnh vụn vào lúc mặt trời mọc.

Na-ra-đa trong cơn thiền-định, nhận thấy chú-ngữ lại có phãn-ứng quay ngược lại hại người đang trù- rủa. Na-ra-đa liền vận thần-thông khiến cho mặt trời chẳng mọc lên

được. Lúc bấy giờ, Quốc-vương thành Ba-la-nại biết được chuyện tại sao mặt trời chẳng mọc, lền giận-dữ và buộc Đề-va-la phải xin lỗi, để cho mặt trời mọc. Nhưng Đề-va-la nhứt-định chẳng tuân lịnh, cứ tiếp-tục niệm chú. Bấy giờ, Na-ra-đa mới thưa:

- Bạch Sư-phụ, con sắp làm phép cho mặt trời mọc trở lại; nhưng đầu của Sư-phụ sẽ bị bể. Sư-phụ mau mau lấy đất sét trét lên đầu, rồi lặn xuống sông ngay, đến chỗ cạn mới trồi lên.

Đề-va-la biết cơn nguy-khốn sẽ xãy ra cho mình, liền vội lấy đất sét trét lên đầu và lặn xuống sông. Đến khi trồi lên, mặt trời chiếu rọi, lớp đất sét trên đầu liền bể tan thành bảy mảnh vụn, nhờ đó mà thoát chết.

Đức Phật kết-thúc câu chuyện: "Đề-va-la chính là Thi-Sa ngày nay, vị Quốc-vương là A-nan-đà, còn Na-ra-đa chính là Ta đây." Rồi Đức Phật mới đọc lên hai bài Kệ như sau:

"Nó mắng tôi, nó đánh đập tôi,
"Nó thắng tôi, nó cướp đoạt tôi."
Ai ôm-ấp mãi tâm-niệm ấy,
Oán-hận chẳng nguôi, nặng cõi lòng.
(Kệ số 003)
"Nó mắng tôi, nó đánh đập tôi,
"Nó thắng tôi, nó cướp đoạt tôi."
Ai sớm vứt đi tâm-niệm ấy,
Oán-hận liền nguôi, nhẹ cõi lòng.
(Kệ số 004)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Trưởng-lão: trưởng = lớn; lão = già. Trưởng-Lão =vị Tăng có nhiều tuổi Đạo (= dự một kỳ an-cư kiết-hạ vào mùa hè là thêm một tuổi Đạo)

- Tôn-giả: tôn = tôn-trọng; giả = người; bực đáng tôn-kính.

- Thi-Sa: tên thật bằng tiếng Pali là Tissa.

- Đề-va-la: tên thật bằng tiếng Pali là Devala.

- Na-ra-đa: tên thật bằng tiếng Pali là Narada.

- A-nan-đà: tên thật bằng tiếng Pali là Ananda.

- Thái-tử: thái = lớn; tử = con; người con trai lớn của Vua, sau sẽ nối ngôi.

- Trộng tuổi: đã lớn tuổi; vào khoảng trên bốn, năm mươi trở lên.

- Xuất-gia: xuất = đi ra; gia = nhà; rời nhà đi tu; trái nghĩa với chữ tại-gia là còn ở nhà, tu tại-gia.

- Ưu-phiền: ưu = lo-lắng; phiền = buồn lòng; buồn rầu.

- Khiển-trách: quở trách, trách móc.

- Đại-sảnh-đường: đại = lớn; sảnh =phòng; đường = nhà; căn phòng lớn trong nhà, tức là phòng khách.

- Chúng tăng: chúng = số đông; tăng = tu-sĩ theo đạo Phật.

- Nghinh-tiếp: nghinh = chào đón; tiếp = tiếp đón.

- Thế-tôn: thế = thế-gian; tôn = tôn trọng; bực được cả thế-gian tôn-trọng, tức là Đức Phật. Các tỳ- kheo gọi Phật là Thế-tôn; Phật tự xưng là Như-Lai.

- Ngoan-cố: cứng đầu, chẳng chịu vâng lời.

- Thỉnh-cầu: cầu xin; tiếng để thưa với các vị đáng tôn-trọng.

- Khổ-hạnh: khổ = cực khổ; hạnh = hành-động, hạnh-kiểm; đây là lối tu-hành ép-xác chịu cực-khổ nhiều.

- Ba-la-nại: thành-thị lớn ở Ấn-độ, còn có tên gọi là Vanarasi, hay là Bénarès. Chính ở một ngôi vườn gần thành nầy (vườn Lộc-uyển) Đức Phật đã giảng bài pháp đầu-tiên (Kinh Chuyển Pháp-Luân) cho năm anh em ông Kiều-trần-như nghe.

- Du-tăng: du = đi đó đi đây; tăng = tu-sĩ Phật-giáo; các vị du-tăng đi khắp nơi để tìm thầy học đạo, chẳng ở một nơi nhứt-định nào. Còn gọi là vị tăng hành-cước.

- Tá-túc: tá = nhờ vào, ở nhờ; túc = đêm; ở nhờ qua đêm.

- Thi lễ: thi = thi-hành, làm; lễ = chào; làm lễ chào hỏi nhau.

-Sư-phụ: thầy; thầy dạy Đạo (sư = thầy; phụ = cha).

- Ác-tăng: ác = dữ; tăng = tu-sĩ; tiếng để mạt-sát nhà tu-hành.

- Từ-bi hỉ-xả: theo nghĩa thông-thường là hãy mở lòng thương mà tha tội cho. Theo nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, Từ là đem sự vui đến cho kẻ khác; Bi là cứu giúp kẻ khác khỏi khổ-đau; Hỉ là vui mừng khi thấy kẻ khác thành-công; Xả là buông-bỏ chẳng cố-chấp. Trong Phật-học, từ, bi, hỉ, xả, được gọi là Tứ vô-lượng Tâm, nghĩa là bốn tấm lòng rộng-rãi thương người (từ), cứu giúp người (bi), vui mừng khi thấy người sung-sướng (hỉ), chẳng cố-chấp lỗi của người (xả). Đây là đường-lối tu-hành của bực Bồ-tát.

- Niệm chú: niệm = đọc ra tiếng hay đọc thầm; chú = còn gọi là chơn-ngôn, chú-ngữ, lời nói bí-mật được tin-tưởng là có hiệu-lực thần-bí.

- Nguyền-rủa: trù ẻo; mong cho kẻ khác bị hại.

- Thần-thông: phép-lực siêu-nhiên, trhí dụ như bay trên không.

- Quốc-vương: quốc = nước; vương = vua.

- Tâm-niệm: tâm = lòng; niệm = ở đây, là ý-nghĩ, tư-tưởng.

- Oán-hận: oán = oán-thù; hận = hờn-giận.

B.- Nghĩa Ý:

1.- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có các ý-nghĩa sau đây:

(1).- Bổn-phận của người mới vào tu đối với người đã tu lâu: Để tỏ lòng kính-trọng đối với người đã đi trước mình, người mới vào đạo phải kính-nhường, đón chào, kính-lễ và vâng lời. Vị Tăng Thi-Sa đã thiếu sót trong bổn-phận nầy, mặc dầu đã được Phật nhắc nhở.

(2).- Sự ngoan-cố chỉ đem hại lại cho người ngoan-cố:

- Thi-Sa chẳng chịu xin lỗi với chúng tăng và chẳng đứng dậy chào đón, mời họ vào Đại-sảnh-đường, nên mới bị Phật quở-trách.

- Đề-va-la cứ niệm chú để nguyền rủa Na-ra-đa, mặc dầu đã được xin lỗi, phải chịu hậu-quả tai-hại của lời chú quay ngược lại hại mình

- Người ngoan-cố phải chịu đau buồn vì trong lòng bị ý-tưởng xấu trì-níu, khuấy rối, xúi-dục làm điều quấy.

(3).- Thái-độ từ bi của vị Tăng Na-ra-đa: Nhờ thiền-định quán thấy ảnh-hưởng tai-hại của chú-ngữ sẽ xảy đến cho Đề-va-la, Na-ra-đa đã vận-dụng thần-thông cho mặt trời chẳng mọc. Lại chỉ cách cho Đề- va-la trét đất sét lên đầu, lặn xuống sông, để khỏi bị bể đầu. Đây là Na-ra-đa đã biết đem ơn mà trả oán.

2.- Ý-nghĩa của hai bài Kệ:

Ý-nghĩa quan-trọng của cả hai bài Kệ nầy là chỉ cách cho ta dẹp được niềm oán-hận đang nung-nấu trong tâm.

(1).- Tại sao sanh ra oán-giận? Hai câu đầu của cả hai bài Kệ nêu rõ nguyên-nhơn sanh ra oán-giận:

- "Nó mắng tôi": tôi sanh ra oán-giận nó, vì lời nói của nó làm chạm tự-ái của tôi.

-'‘Nó đánh-đập tôi": tôi sanh ra oán-giận nó, vì hành-động của nó xâm-phạm đến thân của tôi.

- "Nó thắng tôi": tôi sanh ra oán-giận nó, vì nó hơn tôi.

- "Nó cướp đoạt tôi": tôi sanh ra oán-giận nó, vì nó đã giựt lấy tài-sản của tôi.

Tóm lại, chỉ vì nó đã xâm-phạm đến tôi và những gì của tôi, mà tôi sanh ra oán-giận. Tôi giận vì tôi thấy những gì tôi quí đang bị xâm-phạm.

(2).- Khi mình sanh ra giận-hờn, thì lòng mình như thế nào?

So-sánh hai câu thứ ba và thứ tư ở cả hai bài Kệ, ta thấy:

(a).- Thái-độ khác nhau giữa người giận và người chẳng giận:

- "Ai ôm-ấp mãi tâm-niệm ấy": người giận cứ ghim chặt trong bụng mình lời nói và hành-động của người đã xâm-phạm mình;

-'‘Ai sớm vứt đi tâm-niệm ấy": người chẳng giận biết gạt khỏi bụng mình lời nói và hành-động của người đã xâm-phạm mình.

(b).- Kết-quả về phía người bị chọc giận:

- "Oán-hận chẳng nguôi, nặng cõi lòng": cơn giận khởi lên, chẳng những làm cho người giận tức-tối lên, nó còn đè nặng cõi lòng nữa, nghĩa là, nó nung-nấu, sôi sùng-sục, kéo dài sự khó chịu cho đến chừng nào quên giận đi thì mới thôi.

- "Oán-hận liền nguôi, nhẹ cõi lòng": cơn giận chẳng kịp nổi lên, lòng người bị chọc giận cảm thấy nhẹ-nhàng và vui hơn, vì đã "thắng" được mình, khi biết người gây oán-hận dầu có nói hay làm gì cũng chẳng "thấm" vào trong mình mình được.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ nầy. Học xong bài Kệ số 003, là thuộc luôn cả bài Kệ số 004. Tại sao? - Vì chỉ cần đổi có mấy chữ rất quan-trong nầy: đổi chữ ôm-ấp ra thành chữ vứt đi; đổi chữ chẳng nguôi ra thành chữ liền nguôi; đổi chữ nặng cõi lòng ra thành chữ nhẹ cõi lòng.

2.- Làm sao mà "Vứt Đi" được để cho "Nhẹ Cõi Lòng"?

Học thuộc lòng hai bài Kệ thì chẳng quá khó; đổi mấy chữ ở bài Kệ số 003 ra mấy chữ ở bài Kệ số 004 cũng chẳng phải quá khó, nhưng từ "Nặng cõi lòng" mà trở nên "Nhẹ cõi lòng" thì chẳng phải dễ. Phải tu cả đời mới khiến cho lòng mình được thanh-tịnh, nhẹ-nhàng.

Tôi xin đề-nghị vài cách "Vứt Đi cái Giận-Hờn" như sau:

- Cách thứ nhứt: hãy tìm ngay một ly nước lạnh, chẫm rãi uống từng ngụm và tự nói với mình: "Đừng có giận làm gì cho mệt!"

- Cách thứ hai: nếu chẳng có sẵn ly với nước, thì xin ngẩng đầu lên, nhắm mắt lại và chẫm-rãi hít vào một hơi dài, nghe luồng không-khí đi sâu vào, rồi thở từ từ ra, cũng nghe hơi xuyên qua lỗ mũi; thở như thế đến năm, mười hơi thì có lẽ người đang nói nặng kia cũng phải ... nín.

- Cách thứ ba: đừng nhìn vào người đang nói nặng, hãy nhìn vào bên trong lòng mình và thành-tâm niệm nho-nhỏ: Mô Phật! Chớ nên niệm ở đầu môi chót lưỡi, mà phải niệm chơn-thành, nếu tưởng thấy được tượng Phật đang ngồi trên toà sen thì rất quí. Tôi chắc niệm chừng năm sáu tiếng như thế, người nói nặng kia cũng ... bực mà nói: "Tao nói mầy có nghe không?" Ấy, đó là hiệu-lực của câu niệm đấy! Cứ niệm tiếp-tục, đừng trả lời, rồi thì chỉ còn tiếng Mô Phật, mà tiếng chửi bới im!

Trong ba cách nầy, tôi thấy cách thứ ba hiệu-nghiệm nhứt. Không tin, xin mời bạn gặp dịp làm thử xem!

Nhưng mà, khi bạn đang giận, bạn đâu biết bạn giận để đi tìm nước uống, để thở dài hơi, để Mô Phật. Vậy chỗ khó là chính mình phải biết mình đang giận, để tìm cách khắc-phục cơn giận. Làm sao biết?

3.- Câu hỏi: "Mình đang giận, làm sao biết mình đang giận?", nghe có vẻ lẩm-cẩm, nhưng câu hỏi đó chứa một sự-thật rất quan-trọng, và câu trả lời chẳng phải dễ tìm thấy. Sự-thật quan-trọng đó là, khi giận người ta như điên lên, chỉ biết hướng về đối-tượng mà trả thù cho hả cơn giận, chớ đâu có thời- giờ quay vào bên trong lòng mình mà nhìn xem tâm mình đang sôi sùng-sục như nồi cơm đang nấu trên bếp. Câu trả lời cho xác-đáng chẳng dễ tìm là vì rất khó cho mình nhìn biết tâm mình một cách vô- tư.

4.- Tại sao rất khó cho mình nhìn biết tâm mình một cách vô-tư? -

- Vì mình hay hướng ra bên ngoài, ít khi chịu quay vào bên trong để tự quán-sát và tự phán-xét mình. Nếu biết quay vào bên trong tâm mình, kinh sách gọi đó là phản quang tự-kỷ, nghĩa là dùng ánh-sáng của tâm-trí mình quay về chiếu rọi lấy tâm-trí của chính mình.

- Vì mình hay binh-vực mình, ít khi chịu thẳng-thắn nhìn lấy lỗi của mình, lại hay tìm cớ để bào-chửa cho cái Ta của mình. Nếu biết quên được cái Ta đó, hay cao hơn nữa biết vứt bỏ luôn cái Ta đó, kinh- sách gọi là thông-đạt được lẽ Vô-ngã của nhà Phật (vô = chẳng có; ngã = cái Ta). Và nếu chẳng những tâm-trí biết được lẽ Vô-ngã mà cả ý-tưởng, lời nói và việc làm đều theo đúng lẽ Vô-ngã, thì đang chứng-đắc được điều quan-trọng nhứt trong công việc tu-hành: tu là tu tâm mình.

5.- Thế nào là "Tu là tu tâm mình"? - Tu chẳng phải là chỉ ăn chay, đi chùa, lạy Phật, tụng kinh, niệm Phật mà đủ. Các việc vừa kể rất cần-thiết, nhưng chỉ là những hình-thức giúp cho mình biết hướng về bên trong mình, tập sao cho tâm-trí mình trở nên nhẹ-nhàng, trong-sáng hơn. Đến được mức tâm thamh-tịnh là được GIÁC-NGÔ và GIẢI-THOÁT.

6.- Bốn bài Kệ đầu-tiên trong Kinh Pháp-Cú vạch ra rõ con đường TU TÂM cho ta. Hai bài Kệ số 1 và số 2 chỉ rõ Tâm-Ý là nơi ta phải làm sao cho trong-sáng lên. Hai bài số 3 và số 4 dạy cách vứt đi sự Sân-Hận, để cho Tâm được nhẹ-nhàng hơn. Có ba món độc làm cho Tâm nặng-nề chẳng giải-thoát được: Tham, Sân và Si. Con đường tu tâm là dẹp sạch ba món độc-hại đó để được GIÁC-NGÔ và GIẢI-THOÁT. Chỉ có thế!

(4).- Tích chuyện về nữ-quái Kha-Ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ. Trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc hai người phụ-nữ có mối thù truyền-kiếp.

Vào thời xa xưa, một gia-chủ kia có một người vợ hiếm-hoi, chẳng sanh con cái. Bà sợ bị chồng phụ- bạc, nên dàn-xếp để cưới thêm một người vợ thứ cho chồng. Khi người vợ thứ có thai, người vợ lớn lén để thức-ăn kỵ-thai cho người vợ thứ ăn, thành ra bị hư-thai. Đến khi thụ-thai lần sau, người vợ lớn cũng ghen-tức và dùng mưu-kế cũ, khiến cho người vợ thứ phải chết. Trước khi lâm-chung, người đàn-bà bất-hạnh đó

phát lời thề là sẽ báo thù người vợ chánh và con cái của bà ta. Do đó, mối oan-cừu nhiều đời khởi lên từ đấy.

Trong hai kiếp sống Luân-hồi tiếp theo, cả hai người tái-sanh, một đời, làm gà mẹ và mèo cái; một đời, làm nai cái với beo gấm. Đến đời sau nữa, một người được sanh vào một nhà quí-tộc ở nước Xá-vệ; còn một người hiện thân làm nữ-quái tên là Kha-Ly.

Một ngày kia, nữ-quái Kha-Ly rượt đuổi theo người phụ-nữ quí-tộc đang bồng con trên tay. Bà mẹ sợ con bị hại, nghe nói có Đức Phật đang giảng pháp tại Kỳ-viên-tự, mới ôm con chạy vào, đặt đứa con dưới chơn Phật để xin bảo-hộ. Nữ-quái Kha-Ly đuổi theo đến cổng chuà, bị vị giữ cửa ngăn lại, chẳng cho vào. Đức Phật quán thấy thế, liền bảo người canh cổng cứ cho vào, để Ngài chỉ-dạy cho cả hai người phụ-nữ.

Sau khi hỏi đầu-đuôi câu chuyện, Đức Phật liền kể lại ngọn ngành mối thù truyền-kiếp từ các đời trước của họ: hai người vợ, cùng có chung một chồng, ghen-tức nhau; mèo cái giết hại gà con của mẹ gà; beo gấm ăn thịt nai tơ của nai cái, và cho đến nay, một người có con còn một người chạy theo bắt. Đức Phật liền giải-thích cho họ biết, tâm sân-hận làm cho oán-thù càng ngày càng tăng-gia; chỉ có thiện-ý hoà-giải và tình hữu-nghị mới có thể chấm dứt hận-thù. Cả hai cảm-động nghe lời Phật dạy và nhờ đó mà vui-vẻ với nhau, quên mối thù xưa.

Đức Phật liền bảo người mẹ bồng đứa con trao cho nữ-quái. Bà mẹ ngần-ngại một lát, rồi vâng lời. Nữ-quái ôm lấy đứa con, hôn-hít nó như con mình đẻ, rồi trả nó lại cho mẹ nó. Đến đây, mới thật chấm dứt hẳn mối thù giữa hai người.

Bấy giờ, Đức Phật mới đọc lên bài Kệ:

Chuyện thù-oán ở thế-gian Nào ai đem oán dẹp tan được thù? Cứ theo định-luật thiên-thu,

Bỏ lòng oán-giận, oan-cừu liền nguôi. (Kệ số 005).

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Nữ-quái: nữ = đàn-bà, cô gái; quái = kỳ-dị . Theo trong kinh, đó là một hạng chúng-sanh, gọi là ngạ- quỉ, nghĩa là quỉ đói.

- Gia-chủ: gia = nhà; chủ = chủ; chủ nhà.

- Hiếm-hoi: nói về người đàn-bà chẳng sanh con được.

- Phụ-bạc: phụ = làm trái ngược; bạc = lạt-lẽo; phụ-ơn và bạc-tình, nghĩa là chẳng thương mến, ghét bỏ.

-Vợ chánh, vợ thứ: theo chế-độ đa-thê (= có nhiều vợ), người chồng, ngoài người vợ chánh-thức, còn có thể cưới thêm nhiều người vợ thứ khác nữa. Vợ chánh có quyền làm bà chủ nhà; trong khi đó, vợ thứ đóng vai phụ-thuộc như người ở trong nhà.

- Thụ-thai: mang thai trong bụng.

- Ky-thai: chất gây nguy-hiểm đến tánh-mạng của cái thai.

- Hư-thai: cái thai chết trước khi được sanh ra khỏi bụng mẹ.

- Lâm chung: lâm = vào lúc; chung = hết; vào lúc sắp chết.

- Bất-hạnh: bất = chẳng có; hạnh = hạnh-phước; xấu số, vô-phước.; gặp chuyển rủi-ro, nguy-hiểm.

- oan-cừu = thù-oán.

- Tái-sanh: tái = một lần nữa; sanh = sanh đẻ; sanh lại lần nữa.

- Quí-tộc: quí = cao-sang; tộc = dòng họ; nhà giàu-sang.

- Kha-Ly: tên thật bằng tiếng Pali là Kàlayakkhini.

- Bảo-hộ: che chở cho.

- Truyền-kiếp: truyền = chuyển tới; kiếp = đời sống; nhiều đời.

- Thiện-ý: thiện = lành; ý = tư-tưởng; ý-tưởng lành, tốt.

- Hoà-giải: hoà = yên lành; giải = mở ra; vui hoà với nhau, chẳng tranh-chống nhau nữa.

- Hữu-nghị: hữu = bằng-hữu, bè-bạn thân; nghị = tình giao-kết; tình bạn thân-thiết với nhau.

- Thiên-thu: thiên = một ngàn; thu = mùa thu; ngàn thu, ngàn xưa

B.- Nghĩa Ý:

1.- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại mối thù nhiều đời giữa hai người đàn-bà ghen-tức nhau: một đời làm vợ chung một chồng, một đời làm mẹ gà và mèo cái, một đời làm nai cái và beo gấm, đến thời Đức Phật, trở lại làm người. Nguyên-nhơn chỉ vì một người có con, một người chẳng có, nên ganh-tức hại mẹ con người kia. Nhờ Đức Phật hoà-giải, chỉ cho họ thấy, chẳng thể lấy oán mà báo oán, phải đem lòng thân-hữu mà đối xữ với nhau thì thù-hận mới tiêu-tan.

2.- Ý-nghĩa của bài Kệ:

Lấy oán mà báo oán, oán oán kéo dài mãi mãi. Bỏ lòng oán-giận thì mọi mối thù-hận sẽ tiêu-tan. Đó là định-luật từ ngàn xưa và vẫn còn đúng đến ngàn sau.

HỌC TẬP:

1.- Hãy cắt đứt dây oan-trái: người hại mình, mình hại lại, người lại trả thù, như thế, cả hai bị ràng buộc trong mối dây oan-trái (= nợ oán). Muốn thoát khỏi sự ràng-buộc nầy, chỉ có cách là chẳng nên thù-oán ai, nên nhẫn-nhục chịu đựng và có lòng tha-thứ rộng-rãi.

2.- Vài đề-nghị:

- bị người lấn, chớ xô lại; hãy tránh ra xa, cả hai đều vui cả.

- bị người nói xấu, chớ tìm cách vạch lỗi người để bêu-riếu vì người cũng sẽ làm như thế đối với mình. Kết-quả cả hai đều xấu và lại chẳng chịu nhìn mặt nhau trong niềm vui, hoá ra cả hai cùng khổ cả.

- đem lòng thù ai khiến mình nặng lòng như mang một hòn đá.

(5).- Tích chuyện chư Tăng ở Cô-sâm-bi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có nhắc việc chư Tăng ở Cô-sâm-bi tranh-cãi nhau.

Lúc bấy giờ, chư Tăng ở Cô-sâm-bi chia rẽ nhau ra thành hai nhóm: một nhóm theo vị Giáo-thọ chuyên-giảng về Luật-Tạng và một nhóm theo vị Giáo-thọ chuyên-giảng về Kinh-Tạng. Họ tranh-cãi với nhau luôn. Ngay cả Đức Phật cũng chẳng thể khiến cho họ thôi cãi-vã, do đó Đức Phật mới rời bỏ họ, đi đến rừng Pali-lai, ngụ trong khu vườn Ra-khi-ta, sống qua mùa An-cư kiết-hạ một mình, được voi Pali-lai theo hầu-cận.

Các thiện-nam, tín-nữ ở Cô-sâm-bi, nghe tin Đức Phật đã rời Kỳ-viên-tự và khi biết được lý-do tại sao Ngài lại ra đi, họ liền từ-chối chẳng tiếp-tục cúng dường, dưng thực-phẩm cho các vị tỳ-kheo còn ở lại nữa. Điều nầy khiến cho chư Tăng phải lâm vào cảnh khổ-sở, vì lúc bấy giờ là mùa An-cư kiết-hạ, chư Tăng chẳng được phép đi ra ngoài khất-thực. Bấy giờ, họ mới tỉnh-ngộ và ý-thức được lỗi-lầm đã tranh-cãi nhau. Họ bắt đầu hoà-giải với nhau và chấm dứt sự chia-rẽ. Nhưng các thiện-nam, tín-nữ vẫn chưa chịu kính-nễ, cúng-dường họ như xưa, cho đến khi nào họ đến sám-hối tội-lỗi trước Đức Phật. Nhưng vì Đức Phật ở xa và đang mùa an-cư, nên chư Tăng phải sống qua ba tháng hè trong sự thiếu- thốn.

Khi mùa an-cư chấm dứt, Đại-đức A-nan-đà mới hướng-dẫn chư Tăng đến lễ Phật và trình lời thỉnh- cầu của ông Cấp-cô-độc và tín-chúng, khẩn-khoản mời Phật quay về tịnh-xá Kỳ-viên. Bấy giờ, Đức Phật mới trở về, theo sau có cả các vị tỳ-kheo. Khi về đến chùa Kỳ-viên, chúng Tăng đồng quì dưới chơn Phật, sám-hối tội-lỗi. Đức Phật mới quở-trách họ đã cãi lời Ngài và dạy rằng, mọi người ai cũng sẽ chết, tranh-cãi nhau ích-lợi gì đâu. Rồi Đức Phật liền nói lên bài Kệ sau đây:

Đời lắm kẻ chẳng ngờ sự chết Rình mọi người chẳng sót một ai. Kẻ nào sớm biết điều nầy,

Hơn thua, tranh-cãi, thôi ngay tức thì. (Kệ số 006)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Cô-sâm-bi: tên địa-danh nầy theo tiếng Pali là Kosambi.

- Rừng Pali-lai: tên khu rừng nầy bằng tiếng Pali là Pàlileyyaka. Con voi theo hầu Phật ở rừng nầy có tên là Pàlileyya.

- Vườn Ra-khi-ta: tên khu vườn nầy bằng tiếng Pali là Rakkhita.

- Giáo-thọ: vị Tỳ-kheo thông-thạo Kinh-điển, chuyên giảng dạy giáo-lý cho các tỳ-kheo khác.

- Luật-Tạng: Luật = giới-luật của Phật đặt ra cho các tín-đồ tuân theo trong khi tu-hành; Tạng = cái giỏ hay cái đẩy đựng các quyển kinh-sách. Luật-Tạng là Tạng thứ nhứt của Tam Tạng Kinh-điển trong Giáo-pháp của Đức Phật. Hai Tạng kia là: Kinh-Tạng, gồm các quyển Kinh và Luận-Tạng, gồm các bài luận giải-thích rõ thêm về Kinh-điển.

- An-cư kiết-hạ: An-cư = ở yên; kiết hạ = qua mùa hạ. Vào ba tháng mùa hè ở Ấn-độ mưa nhiều, côn- trùng sinh-sản, nên Đức Phật đặt ra khoá An-cư Kiết-hạ, để chư Tăng quay về chùa, ở yên trong ba tháng, chẳng đi ra ngoài, sợ đạp chết côn-trùng. Trong thời-kỳ nầy, chư Tăng lo tu-tập, trao đổi kinh- nghiệm. Cứ mỗi năm có dự một khoá an-cư như thế, tỳ-kheo được tăng thêm một tuổi-đạo.

- Thiện-nam, tín-nữ: thiện = lành, nam = đàn ông; tín = tin-tưởng; nữ = đàn-bà; chỉ đến những người tin theo đạo Phật, tu tại nhà và đến chùa giúp đỡ chư Tăng cùng cúng-dường thực-phẩm, thuốc, men, lễ-vật.

- Tỉnh-ngộ: tỉnh = thức-tỉnh, biết ra; ngộ = hiểu ra được.

- Ý-thức: ý = ý-nghĩ, tư-tưởng; thức = biết; bắt đầu thấy và hiểu rõ trong lòng. Biết mà chẳng để-ý, thì chẳng gọi là ý-thức được.

- hoà-giải: hoà = hoà-thuận với nhau; giải = cởi mở ra, bỏ điều chống-đối; làm lành lại với nhau, hết thù-oán.

- Cấp-cô-độc: tên một vị trưởng-giả giàu lòng từ-thiện, thường cứu-giúp những người cô-đơn. Tên thật là Anàthapindika. Chính ông nầy đã mua đất và cất tịnh-xá Kỳ-viên để Phật và chư Tăng trú-ngụ.

- Khẩn-khoản: thành-tâm nài-nỉ.

- Sám-hối: nhìn nhận lỗi đã làm và hứa chẳng tái-phạm nữa.

B.-Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa sau đây:

1.- Vì cố-chấp, các vị Tỳ-kheo ở Cô-sam-bi đã phạm lỗi tranh-cãi nhau và chia rẽ: Vì cho rằng nhóm của mình theo Luật-Tạng, hay theo Kinh-Tạng, giỏi hơn nhóm kia, nên các vị Tỳ-kheo mới sanh ra cãi-vã để rồi khiến cho Tăng-đoàn bị chia rẽ. Theo giới-luật nhà Phật, kẻ gây sự chia rẽ trong Tăng- đoàn, sẽ bị trục-xuất; và khi mất đi, sẽ sa vào địa-ngục.

2.- Phản-ứng của thiện-nam, tín-nữ đã thức-tỉnh các vị Tỳ-kheo ở Cô-sâm-bi: Khi các vị Tỳ-kheo chia rẽ và tranh-cãi nhau ồn-ào, Đức Phật đã khuyên-can, nhưng họ vẫn cố-chấp nên chẳng biết nghe theo. Đến khi các thiện-nam, tín-nữ thấy lỗi của họ, chẳng chịu tiếp-tục cung-dưỡng họ nữa, họ mới sáng mắt ra. Tỳ-kheo là gương-mẫu tu-hành để cho dân-chúng noi theo, nay lại bị dân-chúng "dạy cho bài học về nhẫn-nhục", nên

các vị Tăng đành phải chịu khổ-cực, thiếu-thốn, trong suốt ba tháng mùa hè.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ:

Bài Kệ rất rõ-ràng, chẳng có chữ nào khó, chứa đựng một sự-thật vô-cùng quan-trọng: Cái chết đang rình sẵn, chờ đợi mọi người, chẳng sót một ai. Ai cũng biết là mình thế nào rồi cũng phải chết, thế mà lúc còn sống, cứ mãi lo tranh hơn thua nhau. Hơn nhau nơi lời nói nào có ích-lợi chi lớn. Có biết đâu, đùng một cái Thần Chết đến, mọi việc đều buông xuôi! Lúc bấy giờ, nghiệp còn chưa dứt, phải chịu tái-sanh trong vòng Luân-hồi mãi mãi khổ-sở triền-miên. Thế nên, phải ngưng tranh-cãi nhau ngay và lo đến việc tu-hành cho thân-tâm dứt nghiệp mà được giác-ngộ và giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ nầy, và ôn lại bài Kệ số 005.

2.- Mỗi khi sắp cãi nhau với ai, nên nhớ lại: đừng tranh hơn thua nhau từ lời nói, mà phải biết Thần Chết đang chực sẵn kia, mình và người đang cãi với mình, chưa biết ai bị mời đi trước, thế thì còn mất thời giờ cãi-vã nhau làm chi! Có ai cãi được với Thần Chết?

(6).- Tích chuyện Trưởng-Lão Khả-La.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại thành-phố Sê-ta, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chuyện hai anh em người buôn-bán tên là Đại-Khả-La và Tiểu-Khả-La.

Hai anh em Khả-La có dịp được nghe Đức Phật giảng-pháp ở thành-phố Sê-ta, nơi họ trú-ngụ. Đại- Khả-La hiểu được lời-lẽ thâm-sâu của Đức Phật, nên mới thỉnh-cầu Đức Phật cho gia-nhập Tăng-đoàn. Người em là Tiểu-Khả-La cũng bắt-chước anh, nhưng trong bụng lại nghĩ, hãy tạm tu trong một thời- gian, rồi sẽ rủ anh trở về nhà mà hoàn-tục.

Đại-Khả-La tu-hành rất tinh-tấn, thường đến nghĩa-trang để quán-tưởng về lẽ vô-thường. Không bao lâu, Đại-Khả-La chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Bấy giờ, Đức Phật và chư Tăng đang trú-ngụ trong rừng Sim-sa-ba, gần thành-phố Sê-ta. Các người vợ của Tiểu-Khả-La hay tin, mới chuẩn-bị rước Phật và chư Tăng về nhà để dưng cơm cúng-dường. Tiểu-Khả-La xin phép được về nhà trước để giúp lo sắp đặt chỗ ngồi cho Đức Phật và chúng Tăng. Khi thấy chồng trở về, các bà vợ liền xin chồng cởi áo cà-sa và mặc thường-phục vào. Sau buổi lễ cúng-dường, Tiểu-Khả-La ở lại nhà luôn.

Qua ngày hôm sau, các bà vợ cũ của Đại-Khả-La cũng muốn bắt chước mưu-kế của các cô em bạn dâu là vợ của Tiểu-Khả-La, đến thỉnh Đức Phật và chư Tăng về nhà cúng-dường. Đại-Khả-La cũng theo chơn Đức Phật về nhà cũ. Sau buổi lễ, Đại-Khả-La cũng lưu lại nhà, khi Đức Phật và chư Tăng trở về tịnh-xá. Bấy giờ, có một số tăng-nhơn thắc-mắc, tại sao Đại-Khả-La lại được phép ở lại nhà, và họ lo- lắng rồi đây Đại-Khả-La cũng hoàn-tục như người em. Lúc ấy, Đức Phật mới bảo họ, hai anh em Khả- La chẳng giống tánh nhau. Người em thì lười-biếng, ham-mê dục-lạc, thường mong-muốn có cơ-hội để trở lại đời sống gia-đình, còn người anh tu-hành rất tinh-tấn, dứt khoát với

mọi ràng-buộc ở thế- gian.

Khi ấy ở nhà các bà vợ cũ muốn thay thường-phục cho Đại-Khả-La, nhưng chẳng được, vì Đại-Khả- La, đã chứng-đắc đạo-quả, vận-dụng thần-thông, bay lên trên không và đáp xuống bên cạnh Phật khi Ngài vừa nói chuyện xong với các tăng-nhơn còn thắc-mắc về Đại-Khả-La.

Bấy giờ, Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ, như sau đây:

Ai chạy theo thú-vui vật-chất,
Chẳng giữ-gìn, kiểm-soát giác-quan,
Chẳng điều-độ việc uống ăn,
Lại thêm lười-biếng, chẳng năng-lực gì,
Bị Ma-quân tức thì quật ngã,
Như gió to nhổ cả cây mềm.
(Kệ số 007)
Ai khéo quán tấm thân bất-tịnh,
Khéo giữ-gìn, chấn-chỉnh các căn,
Biết điều-độ việc uống ăn,
Vững tin Tam-Bảo, siêng-năng tinh-cần,
Ma nào khuấy, nếm phần thất-bại,
Như núi đá sao ngại gió to?
(Kệ số 008)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

Tiếng Việt: Tiếng Pali:

Đại-Khả-La = Mahakàla

Tiểu-Khả-La = Cùlakàla

Sê-ta = Setabya

Sim-sa-ba = Simsapa.

- Hoàn-tục: hoàn = trở lại; tục = thế-tục; đã đi tu rồi mà nay trở lại đời sống gia-đình như trước.

- Vô-thường: vô = chẳng có; thường = thường-hằng, luôn luôn như vậy hoài, chẳng bị hư-hoại. Theo Lẽ Vô-thường, thì chẳng có một sự-vật nào trên thế-gian nầy mà chẳng bị biến-đổi, rồi suy-hoại đi.

- Đạo-quả: Đạo = con đường tu-tập, đường lối tu-hành; quả = quả-vị, ngôi-vị, khi tu-hành đã thành- công. Hai chữ đạo-quả dịch từ chữ Pali là Magga (Đạo, con đường) và Phala (Quả, trái cây).

- Thường-phục: thường = thường ngày; phục = y-phục, quần-áo; thường-phục ở đây là quần-áo mặc lúc chưa đi tu.

- Chị em bạn dâu: các người đàn-bà làm vợ cho hai anh em ruột.

- Dục-lạc: dục = ham muốn; lạc = vui; thú vui. Dục-lạc ở đây chỉ vào thú vui vật-chất, do các giác- quan mang lại, như ăn ngon, nghe hát...

- Giác-quan: giác = biết; quan = cơ-quan, bộ-phận. Ta có năm giác-quan: mắt, tai, mũi, lưỡi và da trên thân.

- Điều-độ: giữ đúng chừng mực, không đi quá mức.

- Ma-quân: Ma = loài Ma; quân = quân lính, quyến-thuộc. Ở đây, chữ Ma-quân có nghĩa là sự cám- dỗ.

- Quán tấm thân bất-tịnh: quán = suy-tưởng sâu-xa về một vấn-đề gì; thân bất-tịnh = thân là tấm thân thể-xác nầy; bất = chẳng; tịnh = trong-sạch. Quán thân bất-tịnh là suy-tưởng về tấm thân vật-chất nầy bên ngoài xem đẹp-đẽ mà bên trong chứa nhiều chất dơ, như mủ, máu, đờm, dãi, nước tiểu, phẩn, v.v. Biết quán thân bất-tịnh sẽ sanh ra nhàm-chán, chẳng chạy theo thú-vui vật-chất của các giác-quan trên thân nữa.

- các căn: căn = nơi phát-sanh ra các cảm-thọ và tư-tưởng. Ta có năm giác-quan, nhưng trong Phật- học phân-biệt đến sáu căn: nhãn-căn (mắt), nhĩ-căn (tai), tị-căn (mũi), thiệt-căn (lưỡi), thân-căn (da trên thân) và ý-căn (bên trong tâm).

- Tam-Bảo: tam = ba; bảo = vật quí-báu. Tam-Bảo là ba ngôi quí-báu mà ta tìm về nương-tựa: (1) Phật-bảo tức là Đức Phật; (2) Pháp-bảo tức là Giáo-pháp của Đức Phật đã giảng-dạy và (3) Tăng-bảo tức là Tăng-đoàn gồm các vị tu-hành noi theo con đường của Đức Phật.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện liên quan đến người đã xuất-gia, nghĩa là những bực tu-hành đã dứt bỏ mọi liên-hệ với gia-đình và ngoài xã-hội. Tuy nhiên, đứng về phương-diện của người Phật-tử tại-gia, chúng ta có thể tìm thấy các ý-nghĩa sau đây:

1.- Đi tu là việc khó, phải có đủ phước-duyên mới xuất-gia được.: Hai anh em ông Khả-La, một người đi tu luôn được, còn một người thì không, đó là vì quyết-tâm của mỗi người khác nhau, một người đã dứt-khoát cắt đứt sợi dây thân-ái gia-đình, một người còn ham-mê các thú-vui vật-chất trong nhà. Người Phật-tử trước khi quyết-định xuất-gia, phải xét cho cẩn-thận xem lòng mình và hoàn-cảnh mình có thuận-tiện chưa.

2.- Thắng được sự quyến-rũ là do quyết-tâm: Trưởng Lão Khả-La đã thắng được sự quyến-rũ của các bà vợ cũ là do quyết-tâm của Ngài chọn con đường giác-ngộ và giải-thoát. Còn ông Tiểu-Khả-La hoàn-tục là vì ngã theo sự quyến-rũ của các bà vợ; vả lại, khi đi tu, ông ta chỉ tính tu tạm một thời-gian mà thôi, chưa dứt khoát hẳn với đời sống thế-tục. Vào chùa tu trong một thời-gian, rồi trở lại đời sống gia-đình, với

mục-đích đền ơn cha-mẹ và tạo cơ-duyên tu-hành cho kiếp sau, là việc đáng tán-thưởng; ở các nước theo Phật-Giáo nguyên-thuỷ đều có tập-tục nầy.

3.- Đức Phật biết chắc là Trưởng-Lão Khả-La sẽ trở lại chùa tu: Ngài biết chắc như thế, vì Ngài đã thấy rõ tánh-tình và đạo-hạnh của Trưởng-Lão Khả-La, người đã chứng-đắc đạo-quả A-la-hán, mọi ham-muốn đều đã dứt sạch.

(2).- Ý-nghĩa của hai bài Kệ:

Bài Kệ số 007 ứng-dụng cho Tiểu-Khả-La, bài sau chiếu vào Trưởng-Lão Đại-Khả-La.

1.- Những tật xấu khiến cho ta bị Ma quật ngã: (1) ham thú-vui vật-chất (= ham mê dục-lạc), (2)chẳng kềm-chế các giác-quan, nhứt là mắt và tai (ham sắc đẹp, ham nghe lời khen, dụ-dỗ), (3) chẳng ăn-uống điều-độ (ham ăn ngon), (4) lười-biếng (thiếu sự cố-gắng), (5)chẳng năng-lực gì (= sống buông-lung, chẳng tinh-tấn tu-hành). Bị Ma cám-dỗ, có nghĩa là mình hèn-yếu, chẳng chống-cự nổi với sự ham- muốn.

2.- Những tánh tốt khiến cho ta khuất-phục được Ma: (1) quán thân bất-tịnh (rồi nhàm-chán thân dơ- dáy, hết ham thú vui xác-thịt), (2) khéo diều-phục các căn (chẳng chạy theo cảnh-vật bên ngoài để bị quyến-rũ), (3) ăn-uống điều-độ (giữ gìn sức khoẻ, đủ sức chống lại mọi cám-dỗ), (4) vững tin ngôi Tam-Bảo (tạo thêm sức mạnh tinh-thần) và (5) siêng-năng tinh-cần (khiến cho sự lười-biếng, ham vui bị khuất-phục). Ma-quân đến phá, bị thất-bại, có nghĩa là chiến-thắng được sự cám-dỗ bên trong lòng mình.

3.- Hình-ảnh do hai bài Kệ gợi lên:

- người ham dục-lạc như cây mềm, bị ngọn gió to (sự cám-dỗ như Ma đến phá) nhổ đứt cả gốc ngọn.

- người biết dứt bỏ dục-lạc như vách đá kiên-cố, gió to (của Ma-quân đến khuấy) cũng chẳng làm gì nổi.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ số 007 và số 008.

2.- Tập dứt bỏ từ-từ năm tật xấu nói trong bài Kệ số 007: bắt đầu bằng việc ăn uống có điều-độ, như sau bữa cơm chiều, trước khi đi ngủ, chẳng ăn quà bánh, nếu có đói thì uống ly sữa nóng cũng đủ. Kế đó, đến việc kiểm-soát các giác-quan, bắt đầu bằng hai con mắt, như nghe nói có cái gì lạ, đẹp, đừng cố chạy đi tìm xem. Còn các tật khác, xin hãy tự tìm thấy và tự mình bỏ lấy từ-từ.

3.- Tập-luyện thêm những đức tánh tốt nói trong bài Kệ số 008: nếu tập dứt bỏ được các thói xấu kể trong bài Kệ số 007, thì đương-nhiên được các tánh tốt nói trong bài Kệ số 008. Riêng về vững tin ở Ngôi Tam-Bảo, thì phải siêng đi chùa, đọc kinh và niệm Phật. Thông thường, người ta chờ xem lời cầu xin, khi lạy Phật, có linh-nghiệm không rồi mới tin ở Phật, ở Pháp và ở Tăng. Đó là niềm tin chưa trọn-vẹn, tin mà còn đòi cho có được phần thưởng! Một niềm tin trong-sạch chẳng trông đợi ơn-huệ nào của ai.Tin ở Phật, vì Phật là bực Đại-giác-ngộ. Tin ở Pháp, vì Pháp dạy ta đường hay nẻo phải. Tin ở Tăng, vì Tăng đang đi theo con đường chơn-chánh của Phật. Thế thôi! Đừng chờ mong

được gì rồi mới tin!

4.- Có Ma hay chẳng có Ma? Theo kinh sách thì có Ma: (1)tử-ma, là thần-thức người chết vất-vưởng, lang-thang, (2) ngũ-ấm-ma là những khổ-não do năm ấm trong thân tạo nên; (3) phiền-não-ma là những phiền-não do tham, sân, si gây ra và (4) thiên-ma tức là Ma Ba-tuần ở trên cung Trời Tha-hoá Tự-tại thường hiện xuống cám-dỗ.

Nhưng nếu ta tin rằng mình đủ sức chống lại sự cám-dỗ của lòng mình, thì việc có Ma hay không, có hề gì đâu?

(7).- Tích chuyện về Đề-bà-đạt-đa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chuyện Đề-bà-đạt-đa mặc áo cà-sa.

Vào độ ấy, hai vị đại-đệ-tử của Đức Phật là các Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, từ Xá-vệ đến thành Vương-xá, để giảng đạo. Dân-chúng ở thành Vương-xá tổ-chức một lễ cúng-dường, dưng thực-phẩm lên hai vị Tôn-giả và chư Tăng tháp-tùng. Có một người tín-chủ, nhơn dịp nầy, đem một khúc vải quí, giá đáng ngàn vàng, trao cho ban tổ-chức, với lời dặn: đem bán đi để lấy tiền sung vào quỹ, nếu quỹ còn thiếu, bằng không thì đem vải dưng cho vị tỳ-kheo nào mà ban tổ-chức nhận thấy xứng đáng mặc vải ấy. Vì quỹ còn dư tiền, nên ban tổ-chức đem dưng cho một vị tỳ-kheo. Hai tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên sau đó rời Vương-xá trở về Xá-vệ, nên ban tổ-chức mới đem trao cho Tôn-giả Đề-ba-đạt-đa là người thường-trú ở thành Vương-xá. Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa liền đem cắt may thành áo cà-sa, và khoác lên đi đó đây với niềm hãnh-diện.

Có một vị Tăng ở Vương-xá nhìn thấy Tôn-giả Đề-bà-đạt-đa có vẻ khoe-khoang về chiếc áo quí, khi đến đảnh-lễ Phật, mới bạch cùng Đức Phật. Đức Phật bảo, đấy chẳng phải là lần thứ nhứt Đề-bà-đạt-đa mặc chiếc áo cà-sa mà mình chẳng xứng đáng mặc. Rồi Đức Phật mới kể lại câu chuyện xưa về Đề-bà- đạt-đa như sau:

Vào một thời xa xưa, Đề-bà-đạt-đa là một người thợ săn voi trong rừng. Trong khu rừng ấy có một đàn voi đông-đảo, mỗi khi thấy một vị Bích-chi Phật đi ngang qua, chúng liền qùi xuống đảnh-lễ. Đề-bà-

đạt-đa núp trong lùm cây, thấy thế, liền nghĩ ra một mưu-kế để săn voi. Nhơn lúc vị Bích-chi-Phật cởi áo ra tắm bên bờ suối, Đề-bà-đạt-đa liền lấy trộm chiếc áo cà-sa. Hôm sau, y lấy áo cà-sa khoác lên mình, dấu mũi chiã nhọn bên trong, đi vào rừng. Đàn voi ngỡ là vị Bích-chi-Phật đi đến, liền qùi xuống. Đề-bà-đạt-đa dễ-dàng phóng chĩa ra giết thú. Ngày qua ngày, đàn voi càng thưa lần vì số voi bị giết, khiến cho con voi đầu-đàn ngạc-nhiên, và theo trông chừng mỗi khi có người vào rừng. Khi thấy voi cùng đàn bị phóng chĩa, voi đầu-đàn vượt lên trước, dùng vòi quật ngã... người thợ săn gian-trá. Nhìn thấy chiếc áo cà-sa trên mình người thợ săn, voi đầu-đàn ngừng lại, tha chết cho y.

Kể đến đây, Đức Phật cho biết, vào thời ấy, con voi đầu-đàn đó chính là tiền-thân của Đức Phật, và ngày nay Đề-bà-đạt-đa khoe-khoang chiếc áo cà-sa, đó chẳng phải là lần

thứ nhứt mà một người chưa xứng đáng lại lạm-dụng y-phục của nhà tu-hành chơn-chánh.

Rồi Đức Phật mới đọc lên hai bài Kệ sau đây:

Kẻ nào tâm vướng điều phiền-não,
Khoác lên thân chiếc áo cà-sa,
Thiếu kềm-chế, chẳng thật-thà,
Còn chưa đáng mặc cà-sa áo vàng.
(Kệ số 009).
Kẻ nào tâm sạch điều phiền-não,
Thân vững-vàng, đạo-hạnh cao-xa,
Biết kềm-chế, lại thật-thà,
Là người xứng đáng cà-sa mặc vào.
(Kệ số 010).
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

Tiếng Việt Tiếng Pali

- Vương-xá Ràjagaha

- Xá-lợi-phất Sariputta

- Đại Mục-kiền-liên Maha Moggallàna

- Đề-bà-đạt-đa Devadatta

- Đại-đệ-tử: đại = lớn; đệ = em; tử = con; ngươi học-trò lớn, người đệ-tử lớn và giỏi. Đức Phật Thích Ca có mười người đại-đệ-tử, tôn-giả Xá-lợi-phất là người trí-huệ bực nhứt, tôn-giả Mục-kiền-liên, thần-thông đệ nhứt.

- Tôn-giả: tôn = tôn-trọng; giả = ngươi; người đáng tôn-kính.

- Tháp-tùng: tháp = đi theo, gắn vào; tùng = theo; đi theo ai.

- Tín-chủ: tín = tin-tưởng; chủ = chủ; người tin Đạo, thường dưng cúng lễ vật vào chùa.

- Quỹ: tiền trong hội, để chi-phí chung cho hội.

- Thường-trú: thường = luôn luôn ở đấy; trú = ở, ngụ. Vị Tăng thường-trú tại môt chùa là vị Tăng ở luôn tại đó, chẳng đi chỗ khác.

- Bích-chi-Phật = tiếng Pali là Paccekabuddha, bực tu-hành đã giác-ngộ và giải-thoát như Phật, nhờ tu Tứ-Diệu-Đế, vào thời chẳng có Phật ra đời. Bích-chi-Phật chỉ tự mình giác-ngộ mà chẳng đi giác-tha, nghĩa là chẳng thuyết-pháp, giảng-dạy cho kẻ khác để họ cùng tu theo.

- Tiền-thân: tiền = trước kia; thân = thân-hình; thân trước kia vào một đời xa-xưa, trong cảnh Luân- hồi.

- Lạm-dụng: lạm = dùng quá mức, chẳng phải của mình mà lại lấy dùng; dụng = dùng; lấy dùng quá mức, chẳng xứng đáng.

- Chơn-chánh: chơn = đúng như sự-thật; chánh = ngay thẳng. Nhà tu-hành chơn-chánh là người tu- hành đàng-hoàng, giữ đúng giới-luật

- Phiền-não: phiền = buồn-phiền; não = áo-não, đau buồn. Trong bài Kệ, chữ phiền-não nói đến ba món độc tham, sân, si làm cho tâm chẳng trong-sạch mà sanh ra phiền-não.

- Cà-sa: tiếng Pali là Kàsàya, áo màu vàng của các tu-sĩ Phật-giáo

- Thật-thà: tánh ngay-thẳng, chẳng có gian-trá.

- Đạo-hạnh: Đạo = đường-lối tu-hành; hạnh = tánh-hạnh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1.- Khi được biếu, chẳng nên nhận ngay nếu thấy mình còn chưa xứng-đáng: Khúc vải được đem dâng-cúng nhơn dịp hai vị đại-đệ-tử của Phật đến Vương-xá thuyết-pháp. Nếu tôn-giả Đề-bà-đạt-đa là người biết tự-trọng thì phải hỏi rõ lý-do và khước-từ tặng-phẩm. Đằng nầy, tôn-giả đã nhận lấy, lại đem may áo cà-sa quí để khoe-khoang với mọi người, đó là điều đáng trách. Vì thế, Đức Phật mới bảo là chẳng xứng đáng mặc.

2.- Khoác áo cà-sa, đội lốt nhà tu để gạt đàn voi, mắc hai tội: (1) lạm-dụng y-trang của nhà tu; (2)lập mưu gian để hại kẻ khác.

Xét theo giới-luật của người tu tại-gia, hai tội-trạng ấy tương-đương với tội trộm: mình chẳng phải nhà tu mà lạm-dụng mặc áo nhà tu; dùng áo nhà tu để gạt-gẫm kẻ khác nhẹ dạ tin mình là nhà tu. Người thợ săn Đề-bà-đạt-đa đã vướng hai tội ác đó.

Trong lịch-sử Phật-học, Đề-ba-đạt-đa còn phạm nhiều tội khác nữa. Vào lúc Đức Phật còn tại thế, Đề- bà-đạt-đa tái-sanh vào dòng quí-tộc, vốn là anh ruột của Tôn-giả A-nan, và là em chú-bác với Thái-tử Tất-đạt-ta. Khi đi tu, Đề-bà-đạt-đa gây chia rẽ trong Tăng-đoàn, đòi Đức Phật nhường quyền cho y cai- quản Tăng-đoàn và đã ba lần mưu-sát Đức Phật. Theo Kinh-sách, vì phạm các tội-ác đó, Đề-bà-đạt-đa phải sa vào địa-ngục.

3.- Lòng nhơn-từ của con voi đầu-đàn: Khi sắp quật chết người thợ săn, để cho bầy voi khỏi bị sát-hại nữa, con voi đầu-đàn nhìn thấy chiếc áo cà-sa, nên tha mạng cho Đề-bà-đạt-đa. Điều nầy cho thấy tấm lòng từ-bi của Đức Phật đã có từ trước khi sanh ra làm người.

(2).- Ý-nghĩa của hai bài Kệ:

1.- Ba điều xấu chẳng xứng đáng mặc áo cà-sa: (1) tâm còn các phiền-não tham, sân, si; (2) thiếu kềm-chế, tức là chẳng tuân-hành giới-luật; (3) chẳng thật-thà, tức là gian-dối, thiếu sự ngay-thẳng.

2.- Năm điều tốt khiến cho xứng-đáng mặc áo cà-sa: (1) tâm sạch phiền-não, chẳng còn khoe-khoang; (2)thân vững-vàng đặt mình trong giới-luật; (3) đạo-hạnh cao-xa, tức là chơn-chánh tu-hành; (4) biết kềm-chế thân-tâm; (5) thật-thà, ngay thẳng chẳng hề gian-dối.

HỌC TẬP:

1.- Hai bài Kệ liên-quan đến người xuất-gia, Phật-tử tại-gia học thuộc lòng cũng tốt.

2.- Mỗi khi mặc áo tràng đi chùa, phải biết giữ-gìn tư-cách và lời nói, cho xứng-đáng với chiếc áo mình mặc. Điều cần nhứt là trong tâm lúc ấy phải dẹp bỏ những tư-tưởng khoe-khoang và ganh-ghét.

(8).- Tích chuyện hai Tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-Lâm ở gần thành Vương-Xá, trong một kỳ giảng- pháp, có đề-cập đến vị thầy ngoại-đạo của hai tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Khi xưa, tôn-giả Xá-lợi-phất quê ở làng Ưu-ba-thích và tôn-giả Mục-kiền-liên ngụ tại làng Cô-ly-ta. Cả hai lúc bấy giờ còn là thanh niên, đi xem diễn trò ảo-thuật; họ nhận thấy được sự huyễn-hoá của mọi sự-vật, nên quyết-tâm đi tìm thầy để học đạo, hầu được giải-thoát. Họ tìm đến vị du-sĩ khổ-hạnh ngoại-đạo tên là San-dà-da ở Vương-xá, để thọ-giáo. Nhưng cả hai chẳng thoả-mãn về giáo-lý của vị tu-sĩ nầy, nên mới lên đường đi khắp nước để tầm sư học Đạo. Khi họ trở về quê cũ, vẫn chưa tìm được thầy, nên họ chia tay nhau, hẹn với nhau rằng, hễ ai gặp đúng được Thầy thì sẽ mách cho người kia cùng theo học.

Một hôm, tôn-giả Xá-lợi-phất gặp được Trưởng-lão Át-bệ và được Ngài đọc cho nghe bài Kệ, như sau:

(Bằng Hán-văn, dịch từ chữ Phạn)
Chư pháp nhơn-duyên sanh,
Diệc tùng nhơn-duyên diệt.
Ngã Phật Đại-Sa-môn
Thường tác như thị thuyết.
(Tạm dịch ra Việt-văn)
Muôn pháp do nhơn-duyên sanh
Cũng do nhơn-duyên mà diệt.
Thầy ta, Phật Đại-sa-môn
Thường nói rõ đúng như thế.
Nghe xong bài Kệ, tôn-giả Xá-lợi-phất thấu rõ nghĩa thâm-sâu, nên chứng-đắc ngay đạo-quả Tu-đà- huờn. Rồi đúng như lời ước-hẹn trước kia, tôn-giả Xá-lợi-phất đến gặp

bạn mình là tôn-giả Mục-kiền- liên, báo cho bạn biết mình đã chứng đạo-quả Tu-đà-huờn và đọc lại bài Kệ trên cho bạn nghe, Nghe xong, tôn-giả Mục-lkiền-liên cũng chứng-đắc đạo-quả Tu-đà-huờn. Bấy giờ, cả hai nhớ đến vị thầy cũ là San-dà-da, mới tìm đến mời thầy cùng đi đến gặp Đức Phật. Nhưng San-dà-da từ-khước.

Hai tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên liền cùng với năm trăm đồ-đệ lên đường đến gặp Đức Phật và xin xuất-gia để gia-nhập Tăng-đoàn. Bảy ngày sau khi được làm lễ xuất-gia, tôn-giả Mục-kiền-liên chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán, còn tôn-giả Xá-lợi-phất cũng chứng-đắc được đạo-quả ấy vào nửa tháng sau. Đức Phật liền chọn hai vị tôn-giả làm vị tỳ-kheo cầm đầu chúng Tăng.

Hai vị đại-đệ-tử liền bạch lại với Đức Phật việc thầy cũ của họ là San-dà-da, đã nói với họ, khi khước- từ lời mời của họ để đến qui-y với Đức Phật. Ông ta nói: "Ta đã từ lâu làm thầy dạy Đạo cho rất nhiều đệ-tử. Nay trở lại làm học-trò, thì cũng như cái lu to trở thành cái ly nhỏ vậy. Thế-gian rất hiếm người

hiền-trí, mà số người còn khờ-dại lại rất đông-đảo. Hãy để những người hiền-trí đi đến với Đại-Sa- môn Gotama, và hãy để những kẻ khờ tiếp-tục đến với ta. Thôi, hai trò cứ đi theo con đường đã chọn!"

Nghe xong, Đức Phật liền vạch rõ sự tự-phụ rỡm của San-dà-da đã khiến cho ông ta chẳng nhìn thấy được Sự-thật, ông ta lấy chỗ sai làm chỗ đúng, nên chẳng bao giờ đi đến Sự-thật được.

Rồi đó Đức Phật đọc lên hai bài Kệ, như sau:

Họ lầm chỗ sai, làm chỗ đúng;
Điều đúng đây, bảo cũng là sai.
Họ xa Chơn-lý dài dài,
Bởi đem tà-kiến mà cài vào tâm.
(Kệ số 011).
Họ xem đúng, đấy là chỗ đúng,
Điều nầy sai, bảo cũng là sai.
Họ gần Chơn-Lý tuyệt-vời,
Bởi theo chánh-kiến sáng ngời trong tâm.
(Kệ số 012).
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

Tiếng Việt Tiếng Pali

- Vương-xá : Ràjagaha

- Trúc-Lâm : Veluvana

- Ưu-bà-thích : Upatissa

- Cô-ly-ta : Kolita

- San-dà-da : Sanjaya

- Át-bệ : Assaji

- Ảo-thuật: ảo = xem như thật mà chẳng phải thật; thuật = sự khéo-léo . Ảo-thuật là diễn trò lạ thường xem như thật mà là giả, như biến cái khăn thành con chim bồ-câu, v.v.

- Huyễn-hoá: Huyễn = ảo, xem như thật mà chẳng có thật, ví dụ như bóng trong tấm kiếng, hình trên mặt nước, v.v.; hoá = biến-hoá, thay đổi, vô-thường. Sự-vật đều huyễn-hoá có nghĩa là mọi sự-vật trên thế-gian nầy, tuy có đó, nhưng chẳng thường còn mãi, chẳng bền-chắc, có đó rồi mất đó.

- Du-sĩ: ở đây, có nghĩa là tu-sĩ chẳng có nơi trú-ngụ, nay đây mai đó, đi lang-thang, sống đời khổ- hạnh, cầu giải-thoát.

- Ngoại-đạo: ngoại = ngoài; đạo = đạo; ở đây nói ngoài Đạo Phật. Phật-học dùng chữ ngoại-đạo để chỉ đến các đạo khác hơn là đạo Phật.

- Át-bệ: vị Trưởng-Lão nầy là một trong năm người đầu-tiên được nghe Phật giảng Kinh Chuyển Pháp-Luân tại vườn Lộc-Uyển, gần thành Ba-la-nại, khi Ngài vừa mới thành đạo. Vốn cùng với ông Kiều-trần-như, là bạn đạo cũ của thái-tử Tất-đạt-ta.

- Nhơn-duyên: lý-do, nguyên-nhơn tạo nên; nhơn là chánh, còn duyên là phụ, cùng gây nên hậu-quả.

- Diệt: tiêu mất đi.

- Đại-Sa-môn: Đại = lớn; Sa-môn = phiên-âm chữ Phạn Samona, có nghĩa là tu-sĩ Phật-giáo. Theo nghĩa chuyên-môn, Sa-môn có ba nghĩa: (1) cần-giả (= siêng làm điều thiện); (2) tức-giả (=chăm dứt bỏ điều ác) và (3) bần-giả (= cam chịu sự nghèo thiếu).

- Tu-đà-huờn: tiếng Pali là Sotàpatti, nghĩa là người đã bước vào dòng nước Thánh (chữ Hán-Việt là Nhập Lưu), chỉ còn phải tái-sanh bảy lần nữa mà thôi; nên còn gọi là Thất-Lai (thất = bảy; lai = đến). Đây là quả-vị đầu-tiên trong hàng Thanh-văn (= các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe giảng kinh, tu theo Tứ-Diệu-đế mà được giác-ngộ và giải-thoát.)

- A-la-hán: tiếng Pali là Arahant, quả-vị thứ tư, cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Theo nghĩa chuyên- môn, A-la-hán có nghĩa là (1) sát tặc (= giết giặc, đây là giặc phiền-não, dứt phiền-não), (2) ứng-cúng (= xứng đáng nhận sự cúng-dường của người và Trời), (3) vô-sanh (chẳng còn tái-sanh nữa, chứng- đắc Niết-bàn).

- Bạch: thưa với người trên. Các đệ-tử khi thưa với Phật, gọi là Bạch Thế-tôn.

- Qui-y: qui = quay về; y = nương-tựa. Qui-y là tìm về nương-tựa tinh-thần, dựa theo đó để tìm đường giải-thoát khỏi cảnh khổ của Luân-hồi sanh-tử. Tam Qui-Y là nương tựa vào Tam Bảo (= ba ngôi báu: Phật, Pháp và Tăng).

- Gotama: chữ Hán-Việt dịch là Cồ-đàm, họ của Đức Phật Thích-Ca

- Tự-phụ rỡm: Tự = chính mình; phụ = xem hơn; rỡm = giả-dối. Tự-phụ rỡm có nghĩa là tự-cao, kiêu- căng, làm phách.

- Chơn-Lý: Sự-thật, còn gọi là Chơn-Như.

- Tà-kiến: tà = xiêng-xéo, chẳng đúng; kiến = ý-kiến; ý-kiến sai

- Chánh-kiến: chánh = chơn-chánh, đúng-đán. Chánh-kiến trái ngược với Tà-kiến.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1.- Hai tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, mặc dầu còn trẻ, đã sớm hiểu được lẽ huyễn-hoá của mọi sự-vật trên thế-gian: Khi đi xem trò ảo-thuật, thấy sự biến-đổi giả-dối và nghĩ đến sự-vật ở đời cũng thế, có đó rồi mất đó, nên họ mới đi tìm Sự-thật để giải-thoát ra khỏi cảnh đau khổ của thế-gian. Sự huyễn-hoá của sự-vật ở thế-gian, trong Phật-học gọi là Lẽ Vô-thường; sâu hơn nữa là Lý Vô-ngã của muôn pháp. Nói cách dễ hiểu, Vô-thường là chẳng bền-vững; Vô-ngã là tánh rỗng-rang.

2.- Bài Kệ do Trưởng-Lão Át-bệ đọc, chứa một Sự-Thật vô cùng quan-trọng: Muôn pháp đều do NHƠN-DUYÊN mà SANH và DIỆT. Nói cho dễ hiểu, Sự-Thật đó là LÝ DUYÊN-SANH, nghĩa là bất cứ sự-vật gì trên trời đất cũng do nhiều sự-vật khác kết-hợp lại với nhau mà thành: đó là do nhơn-duyên mà sanh ra; rồi khi các sự-vật khác hết kết-hợp với nhau nữa, thì sự-vật đó phải mất đi: đó là do nhơn-

duyên mà diệt mất. Chớ chẳng phải do một đấng thần-linh nào, hay Thượng-đế nào, tạo ra và diệt đi cả.

Xin phân-tách từng câu Bài Kệ Nhơn-Duyên do Ngài Át-bệ đọc:

a) Muôn pháp do nhơn-duyên sanh: tất cả mọi sự-vật trên thế-gian đều do nhơn-duyên kết-hợp với các sự-vật khác mà thành. Phải hiểu ngầm là chẳng phải do một vị nào đứng tạo ra cả.

Thí-dụ: Mưa xuống là do sức nóng của mặt trời làm nước bốc hơi, bay lên cao, gặp khí lạnh, đông lại rớt xuống thành mưa. Chớ chẳng phải do Ông Trời hay Long-Vương nào phun nước. Vậy, nhơn-duyên tạo nên mưa là sức nóng của mặt trời và khí lạnh ở trên cao.

b) Cũng do nhơn-duyên mà diệt: chẳng có một vật nào trên thế-gian mà tự có một mình được, phải do nhiều vật khác kết-hợp lại mà thành; nay nếu các yếu-tố bên trong thôi kết lại với nhau thì vật ở bên ngoài phải tan-rã. Đó là do nhơn-duyên mà diệt. Phải hiểu ngầm là chẳng có một vị nào đứng ra làm cho tiêu-diệt cả.

Thí-dụ: Nấu-nướng bất-cẩn để lửa bắt cháy vào vách, gặp gió thổi, cháy thiêu căn nhà, chỉ còn gạch ngói, than củi ngổn-ngang. Đó là do nguyên-nhơn bất-cẩn, để lửa bén vào vách, khiến cháy mất ngôi nhà. Chớ chẳng phải có Bà Hoả nào đến đốt cháy nhà cả.

c) Thầy ta, Phật Đại Sa-môn: Đức Phật Thích-ca là thầy, giảng dạy Kinh Chuyển Pháp-Luân cho năm anh em ông Kiều-trần-như, trong đó có Ngài Át-bệ. Câu kệ nầy có nghĩa là lời nói ở hai câu Kệ trước là lời nói của Đức Phật, vị tu-hành đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát.

d) Thường nói rõ đúng như thế: ý muốn nói, Sự-thật nói trong bài Kệ, là một Sự-thật đúng-đắn, được nói rõ-ràng, cần phải tin theo.

Hiệu-quả của bài Kệ là hai tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, khi nghe hiểu xong, liền chứng-đắc quả-vị Tu-đà-huờn. Nói cách khác, ai nghe hiểu được bài Kệ là đã bước đúng vào con đường của đạo Phật.

3.- Thái-độ tự-phụ của San-dà-da đáng trách: đã làm thầy nhiều người rồi, nay chẳng lẽ trở lại làm học trò. Chẳng biết rằng sự hiểu-biết minh-mông, cần phải học-hỏi thêm, sao lại để cái danh làm thầy giữ mình ở mãi trong sự ngu-tối? Thái-độ ngoan-cố nầy đáng trách, vì như lời của Đức Phật, ông ta lấy chỗ sai làm chỗ đúng, nên chẳng bao giờ đi đến Sư-thật được.

Nhưng lời-lẽ của Sàn-dà-da có vẻ thật-tình đôi chút:"Hãy để người hiền-trí đến với Đại Sa-môn Gotama, và hãy để những kẻ khờ tiếp-tục đến với ta," cũng còn "khá" hơn các vị thầy tu ở đây, khi đệ- tử bỏ đi chùa khác thì trách là "đi tu dạo", hoặc nguyền-rủa học-trò cũ bỏ đi là "sẽ bị đoạ vào địa- ngục".

(2).- Ý-nghĩa hai bài Kệ số 011 và 012:

1.- Bài Kệ số 011 nói về "tà-kiến" .- Tà-kiến là: (1) lấy chỗ sai làm chỗ đúng; (2) điều đúng đây, bảo cũng là sai.

Tà-kiến có rất nhiều, nhưng quan-trọng nhứt về phương-diện giải-thoát, có hai tà-kiến khiến con người phải trôi lăn mãi trong Luân-hồi:

a.- Thường-kiến: cho rằng con người có một linh-hồn bất-diệt, khi chết đi, linh-hồn ấy sẽ tái-sanh lại làm một người khác. Ai theo tà-kiến nầy thì chẳng lo tu-tập, cứ thọ-hưởng các thú-vui vật-chất, vì nào có tội-phước gì đâu, rồi sẽ được sanh lại làm người kia mà.

b.-Đoạn-kiến: cho rằng con người hễ chết đi là hết, chẳng còn gì cả; vậy ngay khi còn sống, hãy mau mau thọ-hưởng, tu-tập làm chi cho khổ tấm thân.

2.- Bài Kệ số 012 nói về "chánh-kiến": Chánh-kiến còn gọi là chánh tri-kiến (tri = biết; kiến = thấy; ý- kiến), trái ngược với tà-kiến. Sự thấy biết đúng-đắn nầy vốn có sẵn trong tâm thanh-tịnh của mọi người, nhưng vì con người thường ôm-ấp những ý-kiến sai-lầm, những tin-tưởng dị-đoan, những thành-kiến cố-chấp, cho nên chánh-kiến bị che-mờ.

Hai bài Kệ nói: "Bởi đem tà-kiến mà CÀI vào tâm", và "Bởi theo chánh-kiến SÁNG-NGžI trong tâm", ý muốn nói là tà-kiến ở bên ngoài, tại mình dại-dột đem nó mà "cài" dính vào tâm mình, khiến cho nó che-mờ Sự-thật mình chẳng thấy được. Còn chánh-kiến, vốn có sẵn trong tâm thanh-tịnh, luôn luôn rạng-chiếu "sáng ngời" trong tâm nhưng tại

mình chẳng lưu-ý tới nó và nhứt là tại mình để cho tà-kiến che-mờ nó đi.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ: nếu khi học, để-ý đến chỗ nào nói đến tà-kiến, chỗ nào nói đến chánh- kiến, thì mau thuộc hơn. Đặc-biệt lưu-ý đến chữ "cài vào tâm" và "sáng ngời trong tâm", để biết chận- đứng tà-kiến và làm cho chánh-kiến rạng-chiếu lên. Con đường giải-thoát bằng Trí-Huệ của Đạo Phật bắt đầu bằng hai bài Kệ nầy: nên học cho kỹ.

2.- Làm sao biết chắc đó là điều đúng, đấy là điều sai? Thông-thường, ai cũng có sẵn lý-trí để phân- biệt được đúng với sai. Nhưng khi gặp những điều mà mình chẳng đủ sức phán-đoán, phải thưa hỏi các vị tu-hành chơn-chánh, các thiện-tri-thức, tra-cứu các Kinh-sách

3.- Làm sao biết phán-đoán cho chắc? Tiêu-chuẩn để xét xem đâu là điều tà, đâu là điều chánh: điều tà có hại cho mình, cũng có hại cho người; còn điều chánh phải vừa có lợi cho mình vừa có lợi cả cho người nữa. Về phương-diện giải-thoát, điều nào theo đúng Chánh-pháp của Đức Phật là chánh tri-kiến, còn điều nào trái ngược với Chánh-pháp, đó là tà tri-kiến. Vì thế, khi tụng-đọc Kinh-kệ, phải hiểu cho rõ nghĩa thâm-sâu cùng cách ứng-dụng lời Kinh vào đời sống hằng ngày.

4.- Chánh-kiến đứng đầu trong Bát-Chánh-Đạo. Bát Chánh-Đạo là con đường giải-thoát, đưa đến ngôi-vị Thánh, nên còn được gọi là Thánh-đạo: (1) Chánh-kiến, (2) Chánh tư-duy, (3)Chánh-ngữ, (4)Chánh-mạng, (5) Chánh-nghiệp, (6) Chánh tinh-tấn, (7)Chánh-niệm, (8) Chánh-định. Nếu nói theo Tam-học Giới, Định, Huệ, thì Chánh-kiến và Chánh Tư-Duy thuộc về Huệ-học, cái học giúp ta mở rộng TRÍ-HUÊ sáng-ngời. Và nhờ THÂN giữ Giới, mà TÂM được an-Định, nên TRÍ-Huệ mới sáng- ngời lên.

(9).- Tích chuyện về Tôn-giả Nan-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chuyện Tôn-giả Nan-đà, em họ của Đức Phật, người xuất-gia ngay trước khi làm lễ thành-hôn.

Lúc bấy giờ, Đức Phật đến ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá. Vua cha là quốc-vương Tĩnh-phạn sai nhiều sứ-giả đến mời Đức Phật trở về thành Ca-tỳ-la-vệ là nơi Ngài đã sống qua trước khi thành Đạo. Đức Phật mới cùng các vị tỳ-kheo, phần đông đã chứng-đắc quả-vị A-la-hán, rời Trúc- lâm trở về thăm quê-hương. Khi đến ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ, ngày đầu-tiên, Đức Phật giảng-pháp cho những thân-nhơn của Ngài tụ-tập nơi đây để chào đón Ngài. Qua ngày thứ hai, Đức Phật khi đi vào thành Ca-tỳ-la-vệ, nói lên hai câu đầu của bài Kệ (bài số 168):

"Hãy hăng-hái và đừng phóng-dật Mà lãng-xao hạnh khất-sĩ nầy ..."

khiến cho Vua Tĩnh-phạn nghe xong, chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Khi vừa đến hoàng-cung, Đức Phật nói tiếp hai câu đầu của bài Kệ (bài số 169):

"Đừng theo tà-hạnh mà phóng-dật Hãy nghiêm-trì hạnh khất-sĩ nầy ..."

khiến cho Vua Cha nghe xong, liền chứng được quả-vị Tư-đà-hàm.

Sau bữa cơm trưa, Đức Phật kể lại một Tiền-kiếp của các Đức Phật, và có lời khen-ngợi đến các đức- tánh của công-chúa Da-du-đà-la là mẹ của Tôn-giả La-hầu-la.

Đến ngày thứ ba là lễ thành-hôn của hoàng-tử Nan-đà. Đức Phật đến trước cửa dinh để khất-thực, hoàng-tử Nan-đà ra tiếp-đón, Đức Phật lẵng-lặng trao bình bát ấy cho hoàng-tử, và quay đi. Hoàng-tử Nan-đà tay cầm bát, chẳng biết phải làm sao, mới bước đi theo chơn Đức Phật. Cô dâu là công-chúa Dà-na vội chạy theo chú rể, khóc gọi hoàng-tử Nan-đà trở lại. Nhưng khi đến Tịnh-xá, hoàng-tử Nan- đà lại được Phật thâu-nhận vào làm tỳ-kheo.

Khi Đức Phật và đoàn tùy-tùng trở về Kỳ-viên-tự, bấy giờ tỳ-kheo Nan-đà cảm thấy đời sống tu-hành thật là lạt-lẽo, nhớ đến các thú-vui ở Hoàng-cung khi trước, trong tai còn văng-vẳng tiếng kêu khóc, van-lơn của cô dâu là công-chúa Dà-na mong "chàng" sớm trở lại.

Biết rõ tâm-trạng của Nan-đà, Đức Phật liền dùng thần-thông khiến cho tôn-giả Nan-đà thấy được cảnh Trời Đao-lợi, với các nàng Thiên-nữ còn đẹp hơn công-chúa Dà-na bội phần. Đức Phật lại còn hứa, nếu Nan-đà gắng công tu-tập theo Chánh-pháp, sẽ giúp Tôn-giả được kết bạn với các nàng tiên đó. Bấy giờ, các vị tỳ-kheo khác theo chế-nhạo Tôn-giả Nan-đà, là đi tu như người đi làm mướn mong được trả tiền công vậy. Tôn-giả Nan-Đà cảm thấy hổ-thẹn, nên mới tìm nơi thanh-vắng, nỗ lực tu-tập theo Chánh-pháp, gắng sức hành Thiền. Chẳng bao lâu, tôn-giả chứng-đắc quả-vị A-la-hán. Bao nhiêu các sự thèm-khát về thú-vui vật-chất đều được tiêu-tan, và cùng theo đó mà giải-kết lời hứa của Phật sẽ giúp Tôn-giả kết-duyên với các nàng Thiên-nữ.

Các vị tỳ-kheo khác vẫn tưởng tôn-giả Nan-đà còn chưa tìm thấy thích-thú trong đời sống tu-hành, nên lại hỏi Tôn-giả, độ rầy như thế nào. Tôn-giả bảo, bây giờ chẳng còn ham các thú-vui nhục-dục, chẳng còn thiết gì đến đời sống gia-đình nữa. Các vị Tỳ-kheo ngờ rằng Tôn-gia chưa nói lên sự-thật, nên vào trình với Đức Phật. Đức Phật liền bỏ họ rằng, Tôn-giả Nan-đà tánh-tình trước kia cũng tựa như một ngôi nhà vụng lợp khiến cho bị mưa dột, nhưng nay trở thành một căn nhà khéo lợp, các khát-vọng chẳng còn có cách nào mà len-lỏi vào được.

Rồi, Đức Phật liền nói lên hai bài Kệ, như sau:

Nhà vụng lợp, mưa xuyên qua mái; Tâm vụng tu, tham-ái len vào. (Kệ số 013).

Nhà khéo lợp, mưa rào chẳng dột; Tâm khéo tu, chận được ái-tham. (Kệ số 014).

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

Tiếng Việt: Tiếng Pali:

- Nan-đà: Nanda

- Tịnh-phạn: Suddhodana

- Ca-tỳ-la-vệ: Kapilavatthu

- Da-du-đà-la: Yasodharà

- La-hầu-la: Ràhula

- Dà-na: Janapadakalyàni

-Sứ-giả: sứ = sứ-mạng, nhiệm-vụ giao cho ai; giả = người; kẻ mang tin của một người đến cho ai.

- Phóng-dật: phóng = buông-lung, chẳng kềm-chế; dật = nghỉ-ngơi. Kẻ phóng-dật là kẻ lười-biếng, sống buông-lung, chẳng biết tự kềm-chế, chẳng hăng-hái; cứ vật-vờ, vất-vưởng.

- Lãng-xao: xao-lãng, bỏ-bê, quên mất chẳng nghĩ gì đến.

- Hoàng-cung: hoàng = hoàng-đế, vua; cung = cung-điện, đền-đài. Lầu-đài của vua chúa.

- Tà-hạnh: tà =xiêng-xéo, xấu-ác; hạnh = tánh-hạnh. Việc làm xấu.

- Nghiêm-trì: nghiêm = nghiêm-trang, đúng-đắn; trì = giữ-gìn. Nghiêm-trì là giữ đúng theo giới, chẳng thiếu-sót, chẳng vi-phạm.

- Thành-hôn: lễ cưới vợ.

- Tuỳ-tùng: tuỳ = theo, tùy-thuộc vào; tùng = đi theo. Đoàn tùy-tùng, ở đây, là những vị tỳ-kheo đi theo Phật.

- Giải-kết: giải = cởi ra, mở ra; kết = ràng-buộc, giao-kết. Giải-kết là được bãi bỏ lời hứa trước.

- Nhục-dục: nhục = thịt; thể-xác; dục = ham muốn. Các thú-vui về thể-xác.

- Khát-vọng: khát = ao-ước, mong mỏi nhiều; vọng = trông ngóng. Khát-vọng cùng một nghĩa với chữ tham-ái.

- Tham,-ái, ái-tham: tham = tham-lam; ái = thương, thích. Tham-ái là một tình-cảm rất sâu-đậm, ăn rễ trong tâm, nó thúc-đẩy con người nghiêng về các thú-vui vật-chất, bám víu vào đời sống, khiến các chúng-sanh phải trôi lăn mãi trong cảnh khổ của Luân-hồi. Công-việc tu-hành để giải-thoát, chính là chấm-dứt sự tham-ái nơi tâm.

B.- Nghĩa Ý:

1.- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1.- Hạnh Khất-sĩ là hạnh cao-quí từng được các Đức Phật từ các đời trước đã thi-hành: Khi Đức Phật Thích-ca thành Đạo, Ngài chẳng trở về ngay nơi thành Ca-tỳ-la-vệ để thăm Vua Cha, nên vua Tịnh- phạn buồn lòng, mới sai sứ-giả đi gọi. Khi Đức Phật về đến Ca-tỳ-la-vệ, Ngài vẫn ôm bình-bát đi khất- thực. Vua Tịnh-phạn cho rằng Phật làm

như vậy là làm nhục đến danh-dự hoàng-cung, vì trước đây Thái-tử Tất-đạt-ta sống trên cung vàng điện ngọc, nay lại đi ăn xin như người nghèo-khổ. Vì lẽ ấy, Đức Phật mới nói đến hai bài Kệ, nhắc lại hạnh khất-sĩ của các bực tu-hành chơn-chánh. Hạnh khất-sĩ được đặt ra là để cho tỳ-kheo dẹp bỏ lòng kiêu-mạn, phải cúi mình xuống đi ăn xin và có dịp gặp được dân-chúng để giảng-dạy giáo-pháp cho họ.

Hiệu-lực rất lớn của hai bài Kệ Đức Phật đọc lên cho Vua Cha nghe, đã khiến Vua Tinh-phạn lần lượt chứng-đắc được hai quả-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn là quả-vị Tu-đà-huờn và Tư-đà-hàm.

2.- Món quà Đức Phật tặng cho hoàng-tử Nan-đà, nhơn ngày lễ thành-hôn rất là quí-báu: chiếc bình- bát để đi ăn-xin! Nếu xét theo ý-nghĩa thông-thường của thế-tục, việc Đức Phật đến gặp hoàng-tử Nan- đà vào ngày thành-hôn mới xem ra có vẻ là ... "ác" quá: Ai đời đám cưới người ta, lại đem tặng cái bát để đi ăn xin. Nhưng đứng về phương-diện tu-hành giải-thoát, đó là món quà thật quí-giá vô-cùng! Chiếc bình-bát của Phật, theo kinh-sách, là do Đức Đế-Thích trên Trời đem dưng cho Phật; mang bình-bát nầy đi khất-thực là đi theo con đường giải-thoát của Đức Phật, tìm đến hạnh-phước chơn-thật và bền-vững, thoát khỏi mọi ràng-buộc, hơn rất xa các thú vui vật-chất của đời sống gia-đình.

3.- Đi tu mà đòi trả công thưởng như người đi làm mướn: Đức Phật khi hứa sẽ giúp cho Tôn-giả Nan- đà kết bạn với các nàng thiên-nữ, nếu Tôn-giả chịu gắng sức tu-hánh theo Chánh-pháp, Ngài cũng biết trước rằng, khi chứng-đắc được quả-vị, Tôn-giả chẳng còn ham-mê thú vui thể-xác để đòi được kết- hôn với các Thiên-nữ. Nhưng các tỳ-kheo lại theo trêu-chọc Tôn-giả là đi tu như đi làm mướn đòi đền công bằng mấy cô tiên-nữ. Điều nầy tuy có làm cho Tôn-giả hổ-thẹn, nhưng lại có hiệu-quả tốt là khiến Tôn-giả biết nỗ-lực tu-tập: xem như một nghịch-duyên, mà thật ra là một trợ-duyên, giúp cho Tôn-giả nỗ-lực, chuyên-cần.

2.- Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 013 và 014:

1.- Bài Kệ số 013 gợi lên hình-ảnh một căn nhà vụng lợp sánh với tâm người vụng tu: Nhà vụng lợp thì mưa xuyên qua mái, làm ướt chỗ ta trú-ẩn ngày đêm. Tâm vụng tu, chẳng biết tự kềm-chế, để cho sự thèm-khát tức là tham-ái len vào tâm, xúi-dục ta chạy theo các thú-vui vật-chất tạm-thời, mà quên đi mất mục-tiêu tu-hành giải-thoát khỏi cảnh khổ.

2.- Bài Kệ số 014 gợi lên hình-ảnh căn nhà khéo lợp, tránh được mưa gió, sánh với tâm người khéo tu, biết phòng-vệ lấy mình: Chỗ khéo của người biết tu-hành là chẳng quên mục-tiêu giải-thoát, luôn luôn canh-phòng tâm, chẳng để cho sự tham-ái len vào, chận được nó khi nó mới nổi lên. Vậy, vụng hay khéo, chính là chỗ biết kềm-chế tâm, chẳng cho chạy theo dục-vọng.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bốn câu ở hai bài Kệ: để ý đến nghĩa của các chữ "vụng lợp", "khéo lợp" và "vụng tu", ‘ ‘khéo tu".

2.- Tuy tích chuyện và hai bài Kệ nói nhiều đến bực xuất-gia, nhưng người tu tại nhà vẫn có thể ứng- dụng để tu-hành:

- biết tự kềm-chế thân mình: bắt đầu giữ-gìn cẩn-thận các giác-quan, nhứt là mắt và tai; đừng chạy theo sắc đẹp, đừng giận khi nghe điều trái tai;

- biết tự kềm-chế tâm mình: mỗi khi bị cám-dỗ làm điều sái-quấy, hãy tự nhắc lấy mình, đó là nhà mình đang bị dột đấy!

(10).- Tích chuyện người đồ-tể Thuần-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có nhắc đến việc người đồ-tể, giết thịt heo, tên là Thuần-đà.

Trong một ngôi làng chẳng xa thành Vương-xá có ông Thuần-đà chuyên nghề giết heo làm thịt bán. Tánh tình ông ta rất thô-bạo, lại rất ghét việc bố-thí làm phước. Suốt đời, ông ta chẳng làm được một việc gì có phước-đức cả. Đến khi gần chết, ông ấy đau-đớn, khổ-sở rất nhiều trong cơn hấp-hối. Ông rên la, tru-tréo, tay chơn co quắp lại, lưng cong lên, trông như con heo bị người ta đâm vào cổ vậy. Trong suốt bảy ngày trời trước khi thở hơi cuối cùng, ông Thuần-đà phải chịu đau-khổ như là đang ở

trong cảnh địa-ngục. Đến ngày thứ bảy, ông chết đi và bị tái-sanh vào cảnh địa-ngục Vô-gián, chịu hình-phạt chẳng ngừng.

Khi kể lại tích chuyện về ông Thuần-đà, Đức Phật có nói lên bài Kệ sau đây:

Nay than-thở, mai còn than-thở,
Kẻ ác-tâm khổ-sở hai đời.
Hắn còn đau khổ lâu dài,
Mỗi khi nhớ lại điều sai mình làm.
(Kệ số 015)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Đồ-tể: đồ = giết chết; tể = làm thịt súc-vật. Người giết thịt thú-vật để đem bán.

- Thuần-đà: tên thật bằng tiếng Pali là Cundasùkarika.

- Thô-bạo: hung-ác, dữ-tợn.

- Hấp-hối: lúc sắp chết.

- Địa-ngục: địa = đất; ngục = nhà tù. Nơi mà các người đã có tội lúc còn sống, phải chịu hình-phạt, trong cảnh tối âm-u.

- Vô-gián: Vô = chẳng; gián = ngưng-nghỉ, gián-đoạn. Nơi cảnh địa-ngục nầy, tội nhơn phải chịu hình-phạt không ngừng, bị chết đi sống lại, chịu khổ, chết nữa, rồi sống lại để chịu khổ tiếp, qua nhiều năm, cho đến khi mãn nghiệp ác.

- Ác-tâm: ác = dữ, xấu; tâm = lòng. Người có bụng dạ xấu, dữ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể chuyện người làm nghề giết heo, bán thịt, chẳng làm phước, khi gần chết phải chịu khổ-sở; khi chết đi phải sa vào địa-ngục Vô-gián.

Bình-dân nước ta thường cho cảnh khổ của người đồ-tể phải chịu lúc gần chết là quả-báo nhãn-tiền (= kết-quả của việc ác đã làm vì giết heo, nay xãy ra trước mắt; nhãn-tiền = trước mắt). Trong tích chuyện, ông Thuần-đà chẳng những chịu khổ ngay khi còn sống, mà chết đi phải chịu hình-phạt trong địa-ngục nữa. Đấy chẳng phải là muốn doạ cho ta sợ mà đừng có làm ác, nhưng theo Luật Nhơn-Quả, hễ đã làm ác, sớm muốn gì cũng phải gánh lấy hậu-quả xấu; ngay trong hiện-tại, cũng đã khổ-tâm, mỗi khi nhớ lại điều ác mình đã làm.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 015:

Bài Kệ rất rõ nghĩa: đã làm ác thì ngay đời nầy cũng đã chịu khổ; khổ vì nhớ lại điều mình làm quấy; và đến đời sau, còn phải chịu khổ dài dài. Vậy, phải cố giữ-gìn tâm-ý sao cho điều ác đừng len vào.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ: để-ý đến nghĩa của câu thứ hai:

"Kẻ ác-tâm khổ-sở hai đời".

2.- Phải biết chọn nghề cho đúng với CHÁNH-MANG: Trong Bát-Chánh-Đạo, Chánh-mạng là lối mưu-sanh chơn-chánh, đứng-đắn để nuôi mạng sống mình và gia-đình mình. Vì thế, cần tránh các nghề nầy: săn bắn, đồ-tể, chài-lưới, làm và bán võ-khí, buôn người, bán rượu.

(11).- Tích chuyện ông Đàm-mi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chuyện ông Đàm-mi, một người thiện-nam được sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có một người thiện-nam rất có đức-hạnh và rất chăm làm việc bố-thí. Thường thường, ông dưng thực-phẩm cho các vị tỳ-kheo đi khất-thực và cúng-dường các vật-dụng cần-thiết cho chư Tăng, như thuốc men, quần-áo, giường chiếu, v.v. Ông lại lãnh-đạo một nhóm cư-sĩ đông-đảo thường đến đảnh-lễ và nghe Đức Phật thuyết-giảng giáo-lý. Ông được bảy người con trai và bảy người con gái, tất cả đều giống tánh Cha, biết giữ-gìn giới-đức và chăm làm bố-thí.

Đến khi về già, gần chết, ông Đàm-mi cho cung-thỉnh chư Tăng đến tụng kinh bên giường bịnh. Trong khi chư Tăng đang tụng Kinh TỨ-NIỆM-XỨ, thì có sáu chiếc thiên-xa từ trên các cõi Trời hiện xuống và mời ông tùy-ý bước lên một chiếc để được đưa lên một trong sáu cõi Trời. Ông Đàm-mi bảo chư Thiên hãy chờ một chút, sợ làm gián-đoạn việc tụng kinh.

Khi dứt thời kinh, ông Đàm-mi gọi các con lại, nói rằng các thiên-xa đang chờ ông, và yêu-cầu các con rắc hoa lên chiếc thiên-xa đi về cung Trời Đâu-suất mà ông chọn để tái-sanh. Rồi đó, ông thở hơi cuối cùng và được sanh lên cung trời Đâu-suất như ước-nguyện. Như thế, người làm lành được hưởng phước ngay trong đời nầy và còn tiếp-tục hưởng nữa về đời sau.

Khi Đức Phật kể tích chuyên nầy xong, Ngài đọc lên bài Kệ như sau

Nay vui-sướng, mai còn vui-sướng,
Kẻ làm lành vui hưởng hai đời.
Anh còn sung-sướng lâu dài,
Mỗi khi nhớ lại điều ngay mình làm.
(Kệ số 016).
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Đàm-mi: tên thật, đầy-đủ bằng tiếng Pali là Dhammika Upàsaka

- Cõi Trời Đâu-suất: tiếng Pali là Tusita; ở cõi Trời nầy, có Đức Di-lặc đang giảng Kinh. Trong tương- lai, Đức Di-Lặc sẽ xuống cõi Ta-bà làm vị Phật kế-tiếp Đức Phật Thích-ca.

- Cư-sĩ: cư = ở, cư-trú; sĩ = người học-trò, người có danh. Cư-sĩ, theo nghĩa chuyên-môn trong Phật- học, là những người tu tại-gia, có đức-hạnh cao.

- Kinh Tứ-Niệm-Xứ: đây là bản Kinh quan-trọng trong Trung-Bộ-Kinh. Kinh dạy ta phép quán: (1) quán thân bất-tịnh (tức là bên trong thân chức chất dơ-bẩn), (2)quán thọ là khổ (tức là tất cả các cảm- thọ đều mang tính-chất đau-khổ cả), (3) quán tâm là vô-thường (tức là tâm thay đổi luôn, chẳng thường-hằng), (4) quán pháp là vô-ngã (tức là mọi sự-vật trên thế-gian đều mang bản-tánh rỗng-rang, chẳng có tự-ngã).

- Thiên-xa: thiên = Trời; xa = xe; chiếc xe trên Trời.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ kể chuyện người làm lành, khi gần chết, được chư Thiên đem thiên-xa đến rước sanh về cõi Trời. Ý-nghĩa là: làm lành thì được hưởng phước trong đời hiện-tại, chết đi sẽ sanh lên Trời

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 016:

Bài Kệ cũng rất giản-dị, ý nói ai làm lành thì đời nầy sung-sướng; chết đi sẽ tái-sanh vào cõi lành, tiếp- tục hưởng phước vào đời sau. Đó chẳng phải là dụ-dỗ ta phải làm lành, mà đó chính là Luật Nhơn- Quả.

HỌC-TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ: lưu-ý đến nghĩa của câu thứ nhì.

2.- Đường lên cõi Trời, chẳng phải đi bằng máy-bay, mà do làm lành và biết chăm làm bố-thí, tích chứa đức lành cho đời sau!

(12).- Tích chuyện về tội-ác của Đề-bà-đạt-đa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ-giảng-pháp có đề-cập đến tội-ác của Đề-bà-đạt-đa.

Thuở ấy, Đề-bà-đạt-đa ngụ tại xứ Cô-sâm-bi với Đức Phật. Trông thấy Đức Phật được sự kính-trọng cao-quí của mọi người và nhận được sự cúng-dường rất hậu-hĩ, Đề-bà-đạt-đa sanh tâm ganh-tị, và muốn được thay thế Đức Phật để cầm đầu Giáo-hội Tăng-già. Một hôm, trong khi Đức Phật đang giảng pháp, Đề-bà-đạt-đa liền đến bên Đức Phật, viện cớ Đức Phật nay đã già-cả rồi, nên giao quyền lại cho y cầm đầu Giáo-hội. Đức Phật bác-bỏ đề-nghị đó và khiển-trách Đề-ba-đạt-đa là đang nuốt phải đờm-dãi của kẻ khác. Rồi đó, Đức Phật bảo Giáo-hội Tăng-già ra giáo-chỉ cáo-tố Đề-bà-đạt-đa.

Đề-bà-đạt-đa phẫn-uất lên và nguyện sẽ báo-thù lại Đức Phật. Cả thảy ba lần, Đề-bà-đạt-đa mưu-sát Đức Phật. Lần thứ nhứt, Đề-bà-đạt-đa mướn các xạ-thủ bắn chết Phật. Nhưng bọn người giết mướn nầy được Đức Phật cải-hoá và cho thọ-giáo, họ chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Lần thứ hai, Đề-bà- đạt-đa trèo lên ngọn núi Linh-thứu, lăn một hòn đá to để đè chết Đức Phật, nhưng đá chỉ làm ngón chơn cái của Đức Phật bị thương mà thôi. Đến lần thứ ba, Đề-bà-đạt-đa thả con voi Nà-là-gi-ri để húc chết Đức Phật, nhưng khi thấy Đức Phật, con voi liền qùi xuống.

Sau ba lần mưu-sát thất-bại, Đề-bà-đạt-đa liền đổi chiến-thuật, phá sự hoà-hợp của Tăng-đoàn, bằng cách khuyến-dụ các tăng-nhơn vừa nhập Đạo, theo y đến núi Tượng-đầu lập thành một Giáo-hội mới. Nhưng hai vị đại-đệ-tử của Đức Phật là các Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đến thuyết-phục các tăng-nhơn kia trở về.

Về sau, Đề-bà-đạt-đa ngoạ-bịnh nặng trong chín tháng. Y liền bảo các đệ-tử của y khiêng y đến Kỳ- viên-tự là nơi Đức Phật ngụ lúc ấy. Nghe tin Đề-bà-đạt-đa sắp đến, Đức Phật bảo các đệ-tử rằng, Đề- bà-đạt-đa chẳng có cơ-duyên để gặp được Phật đâu. Khi bọn người khiêng Đề-bà-đạt-đa tới hồ nước trong khuôn-viên chùa Kỳ-viên, thì họ đặt cáng xuống và cổi áo ra tắm. Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nhổm dậy, đặt chơn xuống đất, định đi vào trong. Nhưng đất dưới chơn lún xuống, từ từ nuốt chửng Đề-bà-đạt-đa vào lòng đất. Quả thật, Đề-bà-đạt-đa chẳng gặp được Đức Phật trước khi sa xuống địa-ngục Vô-gián, vì các tội-ác đã làm trước kia, nay phải đền tội.

Khi Đức Phật kể xong câu chuyện về tội-ác của Đề-bà-đạt-đa, Ngài liền nói lên bài Kệ như sau:

Kẻ làm ác đời nầy khổ-sở,
Đến đời sau lại khổ tiếp theo.
Thường than: "Tội-ác đã gieo!"
Sau sa cõi dữ nặng đeo ưu-phiền.
(Kệ số 017)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Hậu-hĩ: rất nhiều và quí-giá.

- Ganh-tị: ghen-ghét, cà-nanh, đòi cho mình cũng được như thế, hay hơn thế mới ưng bụng.

- Giáo-hội Tăng-già: Hội-đồng các Trưởng-lão cầm đầu Giáo-hội.

- Giáo-chỉ: giáo = giáo-hội; chỉ = bản văn có tánh-cách như một sắc-lệnh, ra lịnh cho các cấp dưới phải tuân-hành.

- Cáo-tố: tố-cáo, nêu rõ tội-phạm ra. Trong Giáo-chỉ cáo-tố nầy, Giáo-hội tuyên bố rằng, những gì Đề- bà-đạt-đa làm hay nói chỉ có liên-hệ đến riêng y mà thôi, chẳng có liên-quan chi đến Đức Phật, Chánh- Pháp và Tăng-già. Danh-từ chuyên-môn nầy, tiếng Pali gọi là Pakàsanìya Kamma.

- Phẫn-uất: tức-giận dữ-dội.

- Mưu-sát: mưu = dự-tính làm lén; sát = giết . Mưu-sát là sắp đặt mưu-kế để giết, nhưng chẳng giết được.

- Xạ-thủ: xạ = bắn; thủ = tay. Người bắn cung hay bắn súng giỏi.

- Cải-hoá: cải = sửa đổi lại; hoá = trở nên. Cải-hoá là làm cho tốt trở lại.

- Thọ-giáo: thọ = nhận; giáo = dạy. Học-hỏi với ai.

- Linh-Thứu: chim kên-kên; tên một đỉnh núi gần thành Vương-xá, giống hình con ó, nơi Đức Phật giảng kinh Pháp-Hoa. Còn gọi là núi Kỳ-xà-quật. Tên bằng tiếng Pali là Gijjhakùta.

- Chiến-thuật: chiến = chiến-đấu, đánh nhau; thuật = cách, phương-pháp. Đổi chiến-thuật là đổi lối đánh, đánh cách khác hơn trước.

- Hoà-hợp: hoà = an-hoà, hoà-thuận với nhau; hợp = hiệp nhau, đồng ý với nhau, chẳng trái ngược. Phá sự hoà-hợp của Tăng-đoàn là tội nặng, thường bị trục-xuất.

- Khuyến-dụ: khuyến = khuyên; dụ = dụ-dỗ; gạt-gẫm mời.

- Núi Tượng-đầu: tên bằng tiếng Pali là Gayàsìsa.

- Thuyết-phục: thuyết = nói; phục = nghe theo.

- Ngoạ-bịnh: ngoạ = nằm . Ngoạ-bịnh là lâm bịnh nặng.

- Cơ-duyên: cơ-hội may-mắn.

- Khuôn-viên: trong vòng rào.

- Cáng: tấm ván mỏng để khiêng người yếu; cái băng-ca.

- Cõi dữ: cõi xấu ác, phải chịu khổ sở. Theo kinh sách Đại-Thừa, chúng-sanh sanh vào một trong 6 cõi: ba cõi lành là cõi người, A-tu-la (thần) và Trời; và ba cõi dữ là địa-ngục, ngạ-quỉ (quỉ đói) và súc- sanh. Phật-giáo Nguyên-thủy phân-biệt bốn cõi dữ (sắp A-tu-la

vào cõi dữ).

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1.- Tội-ác của Đề-bà-đạt-đa bắt nguồn từ lòng ganh-tị: Đề-bà-đạt-đa, vốn là em họ của Phật, đã ba lần mưu-sát Phật, phá-hoại Tăng-đoàn, chỉ vì ganh-ghét Phật, muốn thay-thế Phật để cầm đầu Tăng- chúng. Nguyên-do sâu xa là lòng ganh-tị. Lòng ganh-tị lại bắt nguồn từ sự tham-lam: thấy người hơn mình, muốn được hơn người. Đây là món độc-hại to-lớn nhứt mà người tu-hành phải sớm hôm lo dẹp cho sạch trong tâm mình.

2.- Đề-bà-đạt-đa sa vào địa-ngục ngay khi bị đất nứt hút xuống, đó là quả-báo của các tội-ác do y đã gây ra: đây cho thấy Luật Nhơn-Quả báo-ứng nhãn-tiền (= ngay trước mắt). Làm ác chẳng thể nào tránh khỏi được các hậu-quả ác đến cho mình, trong đời nầy, hay đời sau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 017:

Bài Kệ số 017 nêu lên hậu-quả kéo dài của tội-ác:

Kẻ làm ác phải chịu khổ-sở cả hai đời: đời hiện-tại và đời tương-lai: Tại sao? Theo luật Nhơn-Quả, gây nhơn ác, sẽ hứng chịu quả xấu. Quả xấu có thể xãy ra ngay trong đời hiện-tại, hoặc trong các đời sau. Nhưng ngay trong hiện-tại, kẻ làm ác cũng cảm thấy khổ-sở, mỗi khi nhớ lại hành-vi xấu-ác mình đã làm: đó là ý-nghĩa của câu Kệ:

Thường than: "Tội-ác đã gieo".

Khi than như thế, thì tâm buồn-rầu, lo-sợ, chẳng biết rồi đây mình sẽ chịu hậu-quả khổ đến bực nào. Chỉ nội sự lo-buồn đó cũng đã làm khổ-sở cho kẻ làm ác ngay trong hiện-tại.

Còn câu Kệ:

Sau sanh cõi dữ nặng đeo ưu-phiền

thì người chẳng tin có đời sau, chẳng tin có địa-ngục thì xem thường, chẳng sợ. Họ cứ bảo, chết là hết! Chưa chắc đâu! Hãy nói với họ, nếu có đời sau, có địa-ngục, thì sao? Ta cứ làm lành, tránh điều ác, thì mới chắc, dầu có địa-ngục hay chẳng có, ta có lo gì. Đó là điều lợi trước mắt, chẳng phải lo ngay bây giờ, mà cũng chẳng phải sợ về sau.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Rút lấy bài học ở Tích chuyện: tội-ác của Đề-bà-đạt-đa do lòng ganh-tị mà sanh ra, và lòng ganh- tị nầy lại bắt nguồn ở lòng tham. Vậy, ta cần phải chận đứng sự tham-lam nơi tâm ta. Chận đứng cách nào?

- Thấy người hàng xóm mua xe mới, đừng ganh-tị, cố mua một chiếc đẹp hơn. Đừng tranh giàu, tranh sang với láng-diềng, với đồng-nghiệp, với bạn-bè, với bà-con.

- Tham có nhiều thứ lắm, xin đề-nghị bớt tham vài việc dễ làm: đừng ham xem Ti-vi, tuồng cải-lương, đến quá nửa đêm, hãy tự hạn-chế thời-giờ nầy để đọc Kinh-sách.

- Khi thấy con người ta thi đậu, con mình rớt, thì ganh-ghét; hãy mừng giùm cho người ta. Đó là tâm hỉ, một trong bốn tâm vô-lượng rất quí, là từ, bi, hỉ, xả.

(13).- Tích chuyện cô Sử-ma-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có nhắc đến chuyện cô Sử-ma-na là con gái út của Trưởng-giả Cấp-cô-độc.

Vào thời ấy, ở nước Xá-vệ, có hai nhà: một là nhà bà Vi-sa-kha và một là nhà ông Cấp-cô-độc luân- phiên nhau hằng ngày dưng cúng thực-phẩm lên hàng ngàn chư Tăng. Ở nhà bà Vi-sa-kha, người cháu gái của bà lo thu-xếp mọi việc cúng-dường; còn nơi nhà ông Cấp-cô-độc thì việc đó giao cho ba cô con gái lo-liệu. Hai người con gái lớn của ông Cáp-cô-độc trong khi dưng-cúng thực-phẩm, nghe chư Tăng thuyết-pháp và chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Còn người con gái út là cô Sử-ma-na lại hơn thế nữa, cô chứng được quả-vị Tư-đà-hàm.

Đến khi cô Sử-ma-na bị bịnh nặng, nằm trên giường, cô liền cho mời cha là ông Cấp-cô-độc đến gần bên. Khi cha cô đến nơi, cô lại gọi cha cô bằng em. Rồi sau đó, cô từ-trần. Ông Cấp-cô-độc nghe gọi như thế, cứ tưởng con mình mê-sảng vào lúc hấp-hối, nên rất lo-buồn. Sau khi tang-lễ đã xong, ông liền đến đảnh-lễ Đức Phật và trình lại sự-việc.

Đức Phật bảo, cô Sử-ma-na chẳng có mê-sảng khi gần chết. Sở dĩ, cô gọi cha cô bằng em, là vì chính cô đã chứng được quả vị thứ hai trong hàng Thanh-văn, trong khi đó cha cô và hai chị cô mới chứng được quả-vị thứ nhứt mà thôi. Đức Phật còn cho biết, nay cô Sử-ma-na được tái-sanh lên cõi Trời Đâu- suất.

Sau đó, Đức Phật mới đọc bài kệ, như sau:

Người hành thiện đời nầy vui sướng
Đến đời sau còn hưởng phước nhàn.
Lòng vui nhớ: "Ta làm lành!"
Sau sanh cõi quí tăng phần phước duyên.
(Kệ số 018)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Vi-sa-kha: tên thật bằng tiếng Pali là Visakha.

- Sử-ma-na: tên thật bằng tiếng Pali làSumanadevi

- Luân-phiên: luân = bánh xe; thay nhau; phiên = kỳ, bận, lượt. Luân-phiên là thay phiên nhau, ngươi nầy hôm nay, người kia hôm sau.

- Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt trong hàng Thanh-văn; Sotàpatti.

- Tư-đà-hàm: quả-vị thứ hai trong hàng Thanh-văn; Sakadàgàmi.

- Mê-sảng: chẳng còn hiểu-biết nữa, nói nhảm.

- Tang-lễ: tang = đám ma. Tang-lễ là lễ đám ma.

- Hành thiện: hành = làm; thiện = lành. Làm lành.

- Phước nhàn: nhàn = an-vui, thong-dong, chẳng bị ràng-buộc.

- Cõi quí: cõi lành. Đó là ba đường lành: cõi Người, cõi Thần và cõi Trời.

- Phước-duyên: duyên = duyên may. Được thêm phần sung-sướng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

1) Khi kể Tích chuyện nầy, Đức Phật muốn chứng minh một lần nữa về Luật Nhơn-Quả: hễ đã làm lành, tất sẽ được hưởng phước, chẳng những ngay trong đời hiện-tại, mà cả về đời sau nữa.

2) Tại sao cô Sử-ma-na lại gọi Cha bằng em, Đức Phật đã giải-thích rõ trong Tích chuyện. Cô Sử chỉ gọi Cha như thế vào lúc sắp tái-sanh vào cõi Trời, nhờ chứng-đắc quả-vị cao hơn Cha và hai chị.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 018:

Cũng như bài Kệ số 017, bài Kệ số 018 nêu lên hậu-quả dài lâu của việc làm thiện. Công-đức của cô Sử-ma-na là cúng-dường chư Tăng. Cúng-dường các bực chơn-tu là một hình-thức của sự bố-thí, một đức-tánh cao-quí để dẹp lòng bỏn-xẻn, tham-lam nơi tâm mình.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Thực-hành việc bố-thí để dẹp bỏ sự rít-róng và bụng tham. Khi đem cho, chớ phân-biệt ba việc: người cho, người nhận và vật hiến-tặng.

(14).- Tích chuyện hai vị Tỳ-kheo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có nhắc đến việc hai vị tỳ-kheo mà đường-lối tu-tập rất khác nhau.

Thuở ấy có hai vị tỳ-kheo dòng-dõi quí-phái, kết làm bạn thân với nhau. Một vị rất thông-thạo về Tam-tạng Kinh-điển, đọc tụng và giảng-dạy giáo-lý rất lưu-loát. Vị nầy được làm giáo-thọ dạy cho năm trăm vị tăng-nhơn. Còn vị kia tuy hiểu rất ít về Kinh-điển, nhưng rất tinh-cần theo lời dạy trong Chánh-pháp mà tu-tập và hành-trì; nhờ đó mà chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Trong một dịp đến đảnh-lễ Đức Phật ở Kỳ-viên-tự, họ gặp lại nhau. Vị giáo-thọ chẳng ngờ là bạn mình đã chứng-đắc A-la-hán, nên xem thường người bạn, nghĩ rằng ông ấy còn chưa thông-thạo rành rẽ như mình về Kinh-điển, còn chưa biết được một Bộ nào trong năm Bộ-Kinh, cũng chẳng biết đến một Tạng nào trong Tam-Tạng. Vị giáo-thọ nghĩ như thế, nên định nêu ra những câu hỏi về Kinh-Tạng để làm cho bạn mình phải bối-rối và xấu-hổ.

Lúc bấy giờ, Đức Phật đọc được tư-tưởng của vị giáo-thọ, biết nếu ý-định xấu kia mà thực-hiện thì vị giáo-thọ thông-thái nầy sẽ bị tái-sanh vào cõi dữ. Với tấm lòng từ-bi, Đức Phật ngăn chẳng cho vị giáo-thọ hỏi khó vị kia, bằng cách chính Ngài đặt ra các câu hỏi về Thiền-định, về Đạo và về Quả. Vị giáo-thọ chẳng trả lời nổi vì ông chỉ biết về lý-thuyết mà thôi, còn chưa có kinh-nghiệm tu-tập. Còn vị tỳ-kheo kia, nhờ thực-hành thuần-thục, tuân theo Chánh-pháp mà hành-trì, đã chứng-đắc quả-vị A-la- hán, nên giải-đáp rất rành-rẽ. Đức Phật tán-thán vị nầy, và chẳng có một lời khen ngợi nào cả đối với vị giáo-thọ.

Chúng Tăng lúc ấy rất lấy làm lạ khi thấy vị thầy dạy Pháp của họ chẳng được Đức Phật khen ngợi, mới thưa hỏi Đức Phật tại sao vậy. Đức Phật giải-thích: vị giáo-thọ tuy hiểu biết rất nhiều về giáo-lý, mà chẳng đem ra thực-hành trên thân-tâm mình, thì cũng tựa như người chăn bò, lo săn-sóc bò cho chủ, để lãnh lương, còn những chất ngon của các con bò, gọi là ngũ chủng ngưu-vị, thì chỉ có chủ đàn bò mới biết mà hưởng được.

Vị giáo-thọ chỉ hưởng được sự cung-kính, cúng-dường của các người học-trò của ông. Còn bạn ông, vị A-la-hán, thì mới thọ-hưởng được những phước-lạc đo Đạo và Quả mang đến, giống như chủ đàn bò hưởng năm món ngưu-vị. Đó là nhờ ra công-sức chuyên-cần hành-trì, diệt hết ba món độc tham, sân, si, cùng các lậu-hoặc, nên tâm cùng tuệ đều được giải-thoát. Vị nầy mới thật-sự hưởng được lợi-ích do Chánh-pháp mang đến.

Bấy giờ, Đức Phật liền nói lên hai bài Kệ sau đây:

Kẻ dầu đọc tụng nhiều Kinh tạng,
Tánh buông-lung, chẳng ráng hành-trì.
Thằng chăn bò có khác chi,
Đếm bò cho chủ, ích gì cho thân?
Đạo-quả Sa-môn chẳng dự phần.
(Kệ số 019)
Người dầu tụng chẳng nhiều Kinh tạng,
Y theo Chánh-pháp ráng hành-trì,
Diệt ba độc tham, sân, si,
Tuệ, tâm giải-thoát, chẳng chi buộc ràng.
Đời nầy, đời khác, màng chi nữa,
Đạo-quả Sa-môn tự có phần.
(Kệ số 020).

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Kinh-điển: Kinh = lời Đức Phật giảng-dạy, được ghi chép lại; điển = phép-tắc. Kinh-điển là kinh- sách về giáo-pháp của Đức Phật.

- Lưu-loát: trôi chảy; dễ-dàng, dễ hiểu và chẳng ngập-ngừng.

- Giáo-thọ: vị tăng rành-rẽ về giáo-lý, giảng-dạy cho các tăng-ni.

- Hành-trì: hành = làm, thực-hành; trì = giữ. Hành-trì là tuân theo lời dạy trong Chánh-pháp áp-dụng vào đời sống tu-hành, chẳng quên.

- Năm Bộ-Kinh: đó là: (1) Trường-Bộ-Kinh, (2) Trung-Bộ-Kinh, (3) Tương-ưng-Bộ-Kinh, (4) Tăng- chi Bộ-Kinh và (5)Tiểu-Bộ-Kinh; mỗi Bộ-Kinh có trên dưới gần ngàn bài Kinh.

- Tam Tạng: tam = ba; tạng = giỏ, đãy đựng kinh. Tam Tạng là tiếng chung để gọi tất cả kinh-điển nhà Phật. Gồm có Tạng Luật, Tạng Kinh và Tạng Luận.

- Thông-thái: hiểu biết rõ nhiều việc, có kiến-thức thật rộng.

- Thuần-thục: rành-rẽ, giỏi-dắn, chín-chắn.

- Tán-thán: khen ngợi.

- Giải-thích: cắt nghĩa rõ ra.

- Ngũ chủng ngưu-vị: ngũ = năm; chủng = loại, thứ; ngưu = trâu, bò; vị = vị ngon. Năm món ngon từ sữa con bò là: sữa, kem, bơ sống, bơ chín và phô-mai (fromage).

- Lậu-hoặc: lậu = rỉ chảy dơ ra; hoặc = điều sai-lầm. Chữ lậu-hoặc được dùng để chỉ những thói xấu trong tâm, thường lộ ra ngoài, khiến cho ta phải phiền-não, như tham, sân, si, mạn, nghi, v.v..

- Tâm, Tuệ: tâm = lòng; tuệ = huệ, trí-huệ. Tâm bị phiền-não ràng buộc; trí-huệ bị vô-minh (=si-mê) che lấp. Diệt bỏ được phiền-não và vô-minh thì cả tâm lẫn tuệ đều được giải-thoát mà chứng-đắc Niết- bàn.

- Buông-lung: chẳng biết tự kềm-chế, sống bừa-bãi. Đồng nghĩa với chữ phóng-dật.

- Chẳng dự phần: chẳng hưởng được phần lợi-ích.

- Tự có phần: Đã có phần lợi-ích dành sẵn cho mình.

- Màng chi nữa: chẳng còn ham chi nữa; hết thèm rồi.

B. - Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang một ý-nghĩa quan-trọng về đường-lối tu-tập. Đọc-tụng nhiều Kinh-điển mà chẳng biết cách ứng-dụng tu-hành cho thân-tâm được thanh-tịnh, chỉ như người chăn bò lo đếm số bò cho chủ, chẳng ích-lợi gì cho bản-thân. Người biết cách đọc-tụng Kinh-điển, chẳng cố lấy nhiều, mà chỉ cầu tìm cách ứng-dụng để sửa đổi

tâm-tánh mình cho trong-sạch hơn lên, để tiến đến mục-tiêu giác- ngộ và giải-thoát.

Do đó, ta nên biết:

Thà biết ít mà biết chắc Khỏi tu mù, mà chẳng mắc tu lầm.

(2) Ý-nghĩa hai bài Kệ sối 019 và 020:

Ý-nghĩa của hai bài Kệ nhắc lại ý-nghĩa của Tích-chuyện: Khi đọc-tụng Kinh-điển, ta phải biết ứng- dụng vào đời sống tu-hành. Vấn-đề là ứng-dụng như thế nào? Bài Kệ số 020 chỉ rõ cách hành-trì:

- diệt ba mối độc: tham, sân, si;

- giải-thoát tâm và huệ. Tâm giải-thoát khi diệt hết các phiền-não-chướng (chướng = gây trở ngại), nhứt là tham, sân, si. Huệ giải-thoát khi diệt được sở-tri-chướng (sở-tri = điều hiểu biết; sở tri-chướng là các điều hiểu biết sai-lầm, lỗi-thời, cùng các cố-chấp, các thành-kiến).

- "Đời nầy, đời khác, màng chi nữa": câu nầy có nghĩa là chẳng còn bám-níu vào cuộc sống Luân-hồi nữa; như thế, sẽ chứng được cảnh-giới vô-sanh, nghĩa là chẳng bị sanh-tử (= sự chết sống) ràng-buộc nữa. Nói cách khác, đó là chứng-đắc được cảnh Niết-bàn.

Học- tập:

1. Học thuộc lòng hai bài Kệ: Đây là dịp để nhớ đến ý-nghĩa việc tụng-đọc Kinh-Kệ: đọc Kinh chẳng phải để được phước như một số người mê-tín bảo Kinh nầy linh-thiêng hơn Kinh kia. Kinh nào cũng

dạy ta một cách tu-hành, khi đọc tụng phải tìm cách ứng-dụng; và có ứng-dụng tu thì mới được hưởng lợi-ích, đó là Kinh linh-thiêng đấy.

2. Thà biết ít mà biết chắc. Nếu chẳng biết đến Kinh-kệ mà tu, đó là tu mù, chẳng hiểu rõ đâu là mục- tiêu, đâu là nỗ-lực. Nhưng biết mà biết quá nhiều, thì cũng chẳng hay, vì khi biết quá nhiều, lại đâm ra ít chịu thực-hành theo. Thế nên thà biết ít. Nhưng phải biết chắc; vì có biết chắc mới đi đúng đường, khỏi phải phân-vân, nghi-ngại.

3. Khỏi tu mù và chẳng mắc tu lầm. Khi mình hiểu biết về Kinh-Kệ, đó là căn-bản vững chắc cho mình đi tới dưới ánh-sáng của ngọn đuốc Kinh-kệ. Dọc đường có hầm-hố, chông-gai, mình nhờ Kinh-Kệ nhắc-nhở mà tránh được. Người tu mà chẳng hiểu biết Kinh-Kệ, thì dễ lầm-lẫn, lại thường mê-tín nghe theo lời khuyến-rủ của những kẻ đội lốt tu-hành.

Biết chắc về Kinh-Kệ tránh được khổ-nạn tu lầm, phí cả một cuộc đời.

4. Biết lấy Kinh-Kệ làm Thầy, tránh được hai nạn: tu mù, tu lầm.

-ooOoo-

II. Phẩm: Chẳng Phóng-dật

(15) Tích chuyện Hoàng-hậu Sa-mã-hoa

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ ở tu-viện Cô-si-ta, gần thành Cô-sâm-bi, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến Hoàng-hậu Sa-mã-hoa, chánh-cung của vua Ưu-đề-na, nước Cô-sâm-bi.

Hoàng-hậu Sa-mã-hoa có năm trăm cung-nữ, trong số đó có bà Khưu-du hằng ngày đến tiệm bán hoa của Sử-ma-na mua bông về trang-hoàng cung của Hoàng-hậu. Trong dịp đến tiệm bán hoa, bà Khưu- du được nghe Đức Phật thuyết-pháp ở đó và ba chứng-đắc được quả-vị Tu-đà-huờn. Khi trở về hoàng- cung, bà Khưu-du nhắc lại bài pháp cho Hoàng-hậu và các cung-nữ nghe và nhờ đó mà tất cả đều chứng-đắc được quả-vị Tu-đà-huờn. Kể từ đãy, bà Khưu-du được Hoàng-hậu kính-trọng như mẹ và thầy dạy đạo. Bà Khưu-du khỏi phải làm công-việc tạp-dịch nữa và tiếp-tục đi nghe Đức Phật giảng- pháp về chỉ-dạy lại cho Hoàng-hậu và các cung-nữ. Chẳng bao lâu, bà Khưu-du đã thông-thạo về Tam- Tạng Kinh-điển.

Hoàng-hậu Sa-mã-hoa và các cung-nữ rất mong muốn được trông thấy Đức Phật để đảnh-lễ, nhưng họ sợ Vua Ưu-đề-na tức-giận, nên chỉ dám khoét một lỗ hổng trên bức tường ở hoàng-cung để lén nhìn ra ngoài, nom theo Đức Phật hằng ngày đến nhà các cư-sĩ Cô-sa-ka, Cúc-khưu-ta và Pha-hoa-di để khất- thực.

Vào thời ấy, vua Ưu-đề-na còn có một vị vương-phi tên là Mã-can-di-hoa, vốn là người con gái yêu của một vị Bà-la-môn tên là Mã-can-di. Một hôm, Mã-can-di trông thấy Đức Phật với tướng-mạo trang-nghiêm, đẹp-đẽ, ôm bình bát đi khất-thực, ông Mã liền gọi vợ và con ra xem, và muốn gả con cho Đức Phật vì, theo ông, chỉ có người oai-nghi như Đức Phật mới xứng với vẻ đẽp tuyệt-trần của cô Mã-can-di-hoa. Nhưng Đức Phật từ-chối: "Ngay cả khi thấy ba người con gái của Ma-vương là các cô Tham-ái, Ác-cảm, và Dục-vọng, nhan-sắc xinh-đẹp hơn nhiều, ta còn chẳng cảm thấy một chút nào lòng dục khởi lên nữa. Dầu sao, đối với tấm thân đầy chất bẩn và nước tiểu kia, ta cũng chẳng muốn để chơn ta đụng phải."

Khi nghe Đức Phật nói như thế, hai vợ chồng vị Bà-la-môn Mã-can-di liền chứng-đắc được đạo-quả A-na-hàm. Họ liền giao con gái cho người em trai và xin gia-nhập vào Giáo-hội Tăng-già. Tuy nhiên, cô Mã-can-di-hoa lúc ấy rất căm-hận Đức Phật và thề rằng sẽ trả thù, khi có dịp. Về sau, cô Mã-can-di- hoa được người chú đem dâng cho Vua Ưu-đề-na và được tuyển làm vương-phi. Khi Mã-can-di-hoa hay tin Đức Phật đến xứ Cô-sâm-bi và Hoàng-hậu Sa-mã-hoa cùng các cung-nữ khoét vách tường để dòm ra ngoài, bà Mã liền tố-cáo với Vua, bảo rằng Hoàng-hậu và các cung-nữ chẳng trung-thành với

Vua và có sự giao-du với bên ngoài. Vua Ưu-đề-na đến cung Hoàng-hậu, nhìn thấy lỗ hổng trên tường, nhưng khi nghe trình-bày sự-thật, nhà vua hết nghi-nan và chẳng tức-giận.

Bà Mã-can-di-hoa vẫn còn căm-tức nên tìm cách thuyết-phục Vua rằng Hoàng-hậu Sa-mã-hoa chẳng những chẳng trung-thành với Vua mà còn âm-mưu giết vua nữa. Được biết trước Vua sẽ ngự đến cung Hoàng-hậu, bà vương-phi Mã liền bắt một con

rắn nhỏ thật độc, đem dấu vào trong cái bầu của cây đờn tì-bà, mà vua thường thích đờn, rồi lấy một bó hoa chận phía ngoài cho rắn chẳng bò ra được. Bà liền tâu với Vua là bà có linh-cảm rằng có người sẽ ám-hại vua, xin vua đừng đến cung Hoàng-hậu. Nhưng nhà vua chẳng nghe, bà Mã liền xin tháp-tùng, nói là để bảo-vệ Vua khi cần.

Đến cung Hoàng-hậu, sau khi dự tiệc, Vua sai mang đờn ra để Ngài tấu nhạc. Bà Mã liền rút bó hoa ra khỏi cây đờn và đem dưng cho Vua. Con rắn thoát khỏi chỗ bị giam, liền chui ra, rít lên, bò đến bên Vua. Nhà vua tức-giận, bấy giờ tin lời bà Mã là Hoàng-hậu Sa-mã-hoa muốn giết vua. Ngài liền bắt Hoàng-hậu và các cung-nữ đứng giàn hàng, rồi giương cây cung, đặt tên có tẩm thuốc độc, nhắm bắn. Lúc ấy, Hoàng-hậu trầm-tĩnh bảo các cung-nữ đừng sợ-hãi và cũng đừng oán-giận vua, mà phải nhiệt- tâm rải tâm Từ đến Vua và vương-phi. Khi mũi tên độc của Vua bay về phía các cung-nữ thì lạ thay, nó lại quay ngược trở về, rơi xuống đất. Nhà Vua tỉnh-ngộ mới biết Hoàng-hậu trong-trắng và vô- tội.Kể từ đó, Vua cho phép Hoàng-hậu được thỉnh Đức Phật vào hoàng-cung để cúng-dường thực- phẩm và nghe thuyết-pháp.

Nhận thấy các âm-mưu để hại Hoàng-hậu chẳng thành công, bà vương-phi Mã can-di-hoa mới nghĩ đến một kế-hoạch chót. Bà cho người về nhờ chú bà thuê người đến đốt cung Hoàng-hậu. Khi hay tin có hỏa-tai, nhà Vua đến cung Hoàng-hậu, nhưng chậm mất rồi, vì Hoàng-hậu và các cung-nữ đang nhập vào thiền-đỉnh dưới ngọn lửa hồng đang bùng cháy. Bấy giờ, phần lớn các cung-nữ đều chứng- đắc quả-vị Tu-đà-huờn, một số ít chứng được quả A-na-hàm.

Khi ngọn lửa đã tàn, nhà Vua chẳng để lộ vẻ tức-giận, mà nói rằng: "Khi Sa-mã-hoa còn sống, ta vẫn luôn luôn lo-ngại bà ta ám-hại, nay bà ta đã chết rồi, ta mới yên-tâm. Kẻ nào đã đốt cháy cung nầy mới thật là kẻ yêu ta, muốn bảo-vệ ta đó." Bãy giờ, bà Mã-can-di-hoa liền tâu rằng chính bà đã thuê người đốt. Nhà vua cười khen bà Mã và ra lịnh mời tất cả thân-nhơn của bà đến cung Vua để dự tiệc khen thưởng. Họ vui mà đến, đông đủ cả. Nhà Vua liền ra lịnh bắt tất cả, dĩ nhiên cả Vương-phi Mã-can-di- hoa cũng ở trong số đó, đem ra sân thiêu sống.

Khi Đức Phật nghe được các biến-cố đó, Ngài liền đọc lên ba bài Kệ sau đây cho chúng Tăng nghe:

Tình-giác là con đường Bất-tử
Buông lung là nẻo dữ Tử-sanh.
Sống theo tỉnh-giác, tâm lành
Hơn người phóng-dật đã thành chửa chôn
(Kệ số 021.)
Đã thông-hiểu chỗ hơn kém đó
Bực trí cao chẳng có buông-lung;
Chí thành tỉnh-giác một lòng
An vui cõi Thánh, ung-dung thanh-nhàn.
(Kệ số 022)
Bực trí-giả hằng tu thiền-định

Nỗ-lực tinh-cần tỉnh-giác luôn.
Vô-thượng Niết-bàn liền chứng-đắc;
Gông-cùm, xiềng-xích đều đập tan.
(Kệ số 023.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

Tiếng Việt: Tiếng Pali:

- Cô-si-ta: Ghosita:

- Cô-sâm-bi: Kosambi

- Sa-mã-hoa: Sàmàvati

- Ưu-đề-na: Udena

- Khưu-du: Khujjuttarà

- Sử-ma-na: Sumana

- Cô-sa-ka: Ghosaka

- Cúc-khưu-ta: Kukkuta

- Pha-hoa-di: Pàvàriya

- Mã-can-di: Màgandiya

- Mã-can-di-hoa: Màgandiyà

- Chánh-cung: người vợ chánh của vua; hoàng-hậu.

- Cung-nữ: cô gái phục-vụ trong hoàng-cung.

- Tạp-dịch: tạp = lặt-vặt; dịch = công-việc. Tạp-dịch là làm các công-việc lặt-vặt trong nhà.

- Vương-phi: vương = vua; phi = vợ; vợ thứ. Theo phong-tục đa-thê (= có nhiều vợ), ngoài Hoàng- hậu ra, Vua còn có nhiều vợ khác, gọi là vương-phi.

- Căm-hận: thù-ghét.

- Tố-cáo: kể rõ tội-trạng của một người với kẻ khác.

- Giao-du: giao = giao-thiệp, kết bạn; du = chơi bời với nhau.

- Nghi-nan: nghi-ngờ.

-Trung-trinh: trung = trung-thành; trinh = trinh-tiết. Giữ lòng trung-thành với chồng.

- Đờn tì-bà: một loại đờn giây, trông tựa như vĩ-cầm ngày nay.

- Linh-cảm: linh = linh-thiêng, huyền-bí; cảm = cảm-giác. Linh-cảm là tự-nhiên có ý-nghĩ biết trước về một việc sắp xãy ra.

-Ám-hại: ám = đen tối; hại = nguy-hại. Ám-hại là hại ngầm.

- rải tâm Từ: tức là trong tâm chỉ nghĩ đến sự Từ-bi, và mong muốn tấm lòng Từ-bi của mình sẽ chuyển-động được tâm người mình đang nghĩ đến.

- Tỉnh-ngộ: liền biết mình đã nghĩ lầm.

- Kế-hoạch: mưu-kế dự-định sẽ làm.

- Hoả-tai: hoả = lửa; tai = tai-nạn. Bị lửa cháy thiêu.

-Thân-nhơn: thân = thân-tình, bà con; nhơn = người.

- Biến-cố: việc quan-trọng đã xãy ra.

- Tỉnh-giác: tỉnh = chẳng còn mê; giác = biết. Người tỉnh-giác là người sáng-suốt, làm gì cũng biết mình đang làm gì, luôn chú-ý đến hành-động và mọi biến-chuyển trong tâm của mình.

- Bất-tử: bất = chẳng; tử = chết. Vì sao tỉnh-giác là con đường Bất-tử? Vì khi tỉnh-giác, biết mình đang sống, làm gì, nghĩ gì cũng biết, khác với người mê tuy còn thở nhưng như chết rồi vì mình chẳng biết mình đang làm gì, đang nghĩ gì.

- Buông-lung: buông trôi, chẳng có sự tự kềm-chế lấy mình. Cùng nghĩa với chữ Phóng-dật.

- Phóng-dật: phóng = buông trôi; dật = nghỉ ngơi. Cùng một nghĩa với các chữ: buông-lung, lười- biếng, cẩu-thả.

- Chưả chôn: còn sống đó, nhưng vật-vờ, vất-vưởng như người chết chưa chôn, vậy thôi.

- Ung-dung: thong-thả, tự-do, chẳng bị ràng-buộc.

- Vô-thượng: vô = chẳng có; thượng = trên. Vô-thượng là chẳng còn gì ở trên đó nữa; cao nhứt.

- Niết-Bàn: tiếng Pali là Nirvana, có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối, tức là rừng phiền-não. Chữ Niết-bàn chỉ tâm-trạng của người đã dứt sạch hết các phiền-não, sống ung-dung, tự-tại. Đừng tưởng-lầm Niết- bàn là một nơi chốn nào trong không-gian mà người tu-hành đắc-đạo đến đó ở cho thật sung-sướng. Đó chỉ là cảnh-giới của tâm người đã dứt hết các điều ham-muốn, sống an-nhiên trong niềm vui thanh- tịnh, nhẹ-nhàng.

Có hai cảnh Niết-bàn: khi còn sống thì vào Hữu-dư Niết-bàn; đến khi bỏ thân-xác thì vào Vô-dư Niết- bàn (dư = dư-y, tức là tấm thân thể-xác). Các bực chứng quả-vị A-la-hán, đắc được Vô-sanh (= chẳng còn phải tái-sanh trong cõi Luân-hồi), gọi là chứng-đắc Niết-bàn.

-Tham-ái, Ác-cảm, Dục-vọng: tên của ba cô gái đẹp của Ma-vương. Tham-ái = khao-khát; Ác-cảm = có ý ác, ghét; Dục-vọng = lòng ham-muốn. Cả ba đều chỉ đến sự cám-dỗ.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn, chẳng còn phải sanh lại ở cõi người nữa, nên được gọi là Bất-Lai. Tiếng Pali là Anàgàmi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện đưa ra hai mẩu người: một người hiền-từ biết tu-tập theo Chánh-pháp, biết lấy ơn ra trả oán; và một người buông-lung theo lòng oán-hận, gây ra nhiều tội-ác. Mẩu người trước là Hoàng-hậu Sa-mã-hoa; mẩu người sau là bà Vương-phi Mã-can-di-hoa. Tích chuyện cho thấy: đã làm ác, tất phải chịu lấy hậu-quả xấu, ngay trong đời nầy.

Ngoài ý-nghĩa chánh vừa nêu trên, ta còn tìm thấy những ý-nghĩa khác sau đây:

1.- Cùng một lời nói của Phật về tấm thân bất-tịnh, hai ông bà Mã-can-di và cô gái Mã-can-di-hoa có phản ứng khác nhau:

- Ông bà Mã-can-di biết rõ bên trong tấm thân của con người chứa những thứ bất-tịnh như nước tiểu, máu mủ, v.v. nên khi nghe xong lời Phật, hai vợ chồng mới chứng được thánh-quả.

- Cô Mã-can-di-hoa vì tự-ái, nghe Phật nói thế, liền căm-giận; sự si-mê nầy cộng với tâm thù-oán khiến cô đi sâu vào con đường tà-ác.

-Phép quán thân bất-tịnh giúp ta nhận thấy rõ, thân bề ngoài có đẹp-đẽ vì trau-chuốt, còn bên trong chứa đầy chất dơ-bẩn. Đó là Sự-thật. Một khi đã biết rõ như thế, sẽ sanh ra nhàm chán việc đuổi theo các thú vui thể-xác, nhờ đó mà dứt được các dục-vọng, tiến đến sự giải-thoát cho tâm thoát khỏi mọi sự ràng-buộc.

2.- Vua Ưu-đề-na là người biết nhận lỗi khi mình làm quấy: Khi mũi tên quay ngược lại chẳng hại bà Hoàng-hậu, nhà vua liền biết ngay là bà vô-tội. Trước đó, thái-độ trầm-tĩnh của Hoàng-hậu dặn bảo các cung-nữ chẳng những chẳng được oán-hận Vua, mà còn phải rãi tâm Từ đến Vua và vương-phi. Lẽ ra, đứng trước thái-độ đó, nhà Vua phải cảm-động mà dừng tay, nhưng vì lòng tức-giận đang nổi mạnh lên đã che mờ lý-trí của nhà vua. Nhà Vua đã tỏ ra sáng-suốt khi chăng cái bẫy ra để bắt kẻ thủ-phạm chủ mưu đốt chết Hoàng-hậu; tuy nhiên khi trừng-trị luôn tất cả thân nhơn của bà Mã-can-di-hoa, thì cũng tàn-ác quá!

3.- Rải tâm Từ: Lòng Từ là lòng thương người, muốn cho người được an-vui. Rải tâm Từ là trong tâm an-định phát ra những tư-tưởng tốt-đẹp hướng về người mà mình muốn cho nhận được các làn sóng tư-tưởng đó. Có hai điều cần trong việc rải tâm Từ: (1) tâm phải ở trong tình-trạng an-định, nghĩa là lúc đó chỉ nghĩ đến lòng Từ mà thôi; (2) tâm phải chơn-thành và khẩn-thiết, thật-sự mong muốn cho người mình đang hướng về được mọi sự an-lành. Rải tâm Từ đến những người thân-yêu thì dễ hơn rải đến người thù-nghịch. Người biết đem lòng Từ đối-đãi với kẻ nghịch là người đã thắng hoàn-toàn được món độc: sân (=giận-hờn).

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ:

1.- Bài Kệ số 021: so-sánh giữa hai lối sống: buông-lung (= phóng-dật) và tỉnh-giác. Sống buông- lung là chẳng biết tự kềm-chế, hoặc để cho tham, cho sân, lôi kéo mình đi. Chúng lôi kéo vào nẻo dữ. Còn sống tỉnh-giác, biết kềm-chế tâm, biết rõ mọi biến-chuyển của tâm, khi tham, biết tham là xấu; khi sân, biết giận thì mất khôn. Người tỉnh-giác như thế tiến theo con đường lành, sẽ chứng-đắc các đạo- quả, thoát vòng sanh-tử Luân-hồi.

2.- Bài Kệ số 022: nêu lên ích-lợi mà người tỉnh-giác được hưởng: sống an vui trong cõi Thánh, tức là được giải-thoát mọi ràng-buộc, ung-dung, thanh nhàn, chẳng phiền-muộn; trái hẳn với người buông- lung sống như người chết chưa chôn.

3.- Bài Kệ số 023: nhờ Thiền-định mà tâm thường tỉnh-giác. Nếu biết tu-tập thiền-định một cách tinh- cần, sẽ chứng-đắc được cảnh-giới an vui cuả Vô-thượng Niết-bàn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng ba bài Kệ.

2.- Tập rải tâm Từ đến những người thân, như cha, mẹ, anh chị em.

3.- Lâu lâu, có giận ai, hãy nghĩ tới việc rải tâm Từ đến người ấy. Khi gặp lại người ấy, lòng mình sẽ nhẹ-nhàng hơn: đó là lợi lớn cho mình rồi. Cứ thấy bớt giận dai là mừng đi, vì đã thắng được cái "sân"rồi đó!

(16).- Tích chuyện người chủ ngân-hàng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu-viện Trúc-Lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ông chủ ngân-hàng tên là Cung-thác-cơ.

Vào thời xa xưa ấy, thành Vương-xá bị nạn dịch, dân-chúng chết hại rất nhiều. Tại tư-gia của vị giám- đốc ngân-hàng, các đầy-tớ đều bị bịnh chết cả. Vợ chồng ông chủ cũng vướng phải bịnh dịch. Khi biết mình chẳng sống sót nổi, ông mới kêu người con trai còn nhỏ tuổi lại mà bảo trốn đi nơi xa; và chỉ nên trở về sau một thời-gian thật lâu. Ông còn trối với con là ông có chôn dấu một kho-tàng bốn ngàn nén vàng và chỉ chỗ cho nó sau nầy đào lên mà dùng. Đứa con vâng lời cha, trốn vào rừng sâu; mười hai năm sau, khi đã trưởng-thành, mới quay về chốn cũ.

Lúc bấy giờ, ở thành Vương-xá, chẳng ai nhận ra được chàng trai con ông chủ ngân-hàng cả, vì vóc- dáng đã to lớn, thay đổi nhiều. Cung-thác-cơ liền tìm đến nơi chôn dấu kho-tàng, thấy vẫn còn nguyên- hiện. Nhưng chàng nghĩ rằng, nếu ta đào lên lấy vàng, thì những người chung-quanh tưởng đó là của vô-thừa-nhận chôn dưới đất, sẽ tố-cáo đến quan, rồi ta sẽ bị bắt vì vi-phạm luật-lệ. Theo luật thời ấy, những của tìm ra dưới đất đều thuộc về nhà Vua. Vì thế, Cung-thác-cơ mới đi tìm nghề sanh-sống, chẳng đụng tới kho tàng. Vào nhà một nông-gia, chàng xin việc và được thâu-nhận làm người báo giờ, mỗi buổi sáng, kêu gọi mọi người thức dậy, đến giờ nấu cơm, đến giờ đem trâu bò ra cày ruộng, v.v. Chàng chăm-chỉ làm việc như thế trong một thời-gian.

Bấy giờ, Vua xứ Ma-kiệt-đà là Tần-bà-sa-la, mỗi buổi sáng nghe tiếng của Cung-thác-cơ đi rao khắp nơi, mới lấy làm lạ, nghe giọng nói như là tiếng nói của một người

giàu-sang. Ngài liền cho thị-vệ ra xem, thì ra đó là một chàng trai nghèo-khổ đang đi báo thức. Nhà vua chẳng tin người nghèo khổ mà có giọng nói như thế, mới cho điều-tra. Một thị-nữ được phái đi làm công-việc nầy. Bà ta dẫn theo một dứa con gái, cải-trang thành một người du-khách lỡ độ đường, đến xin ngụ qua đêm trong trang-trại mà Cung-thúc-cơ giúp việc. Người chủ nông-trại cho phép bà và con ngụ tạm nơi túp lều của Cung- thác-cơ.

Vào độ ấy, có buổi lễ cúng-tế cho hoa mầu được tươi-tốt. Vua ra lịnh mọi người phải đóng-góp vào để mua-sắm lễ-vật. Cung-thác-cơ nghèo quá, chẳng có tiền, đành phải đến chỗ chôn dấu vàng, đào lên, lấy vài đồng tiền, rồi nhờ bà khách ngụ đem đi đóng góp phần mình cho quan. Bà thị-nữ lấy tiền riêng của mình ra đóng góp, còn hai đồng tiền vàng gởi ngay đến hoàng-cung. Bà trở về tâu sự-việc lên Vua và đề-nghị Vua cho gọi Cung-thác-cơ đến trình-diện. Cung-thác-cơ sợ-hãi, chẳng biết mình bị tội gì, nhưng sau cùng cũng đến. Đức Vua hỏi nguyên-do vì sao Cung-thác-cơ có được hai đồng tiền vàng, và Vua hứa rằng, nếu nói lên đúng sự-thật thì chẳng hề bị bắt tội. Cung-thác-cơ liền kể lại hết sự-tình, ngày còn bé, cha là chủ ngân-hàng, bị bịnh dịch khi chết có trối chỗ chôn vàng, thời-gian mười hai năm trốn ở rừng sâu, nay trở về, nhưng chẳng dám đào lên để hưởng-dụng, mà phải đi làm công cho một nông-gia. Nhà Vua thấy vẻ thật-tình, cho điều-tra lại rõ-ràng, mới phong cho Cung-thác-cơ làm giám-đốc ngân-hàng của Hoàng-gia, và lại gả công-chúa cho chàng nữa.

Sau đó, trong một dịp đến đảnh-lễ Đức Phật ở tịnh-xá Trúc-Lâm, nhà Vua cho Cung-thác-cơ tháp- tùng. Nhà Vua trình lên Đức Phật sự-việc của Cung-thác-cơ, khen chàng là người biết nỗ-lực tìm lấy nghề-nghiệp để sanh-sống, hơn là nhờ vào gia-tài của cha-mẹ chôn dấu để lại.

Nhơn dịp nầy, Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người tỉnh-giác, các căn điều-phục;
Đúng theo Chánh-pháp, cuộc mưu-sanh;
Việc làm cẩn-trọng, nhiệt-thành;
Ý, lời, hành-động cũng thanh-tịnh rồi;
Chẳng hề phóng-dật trong lối sống, Danh-tiếng người nầy tăng-trưởng thật cao. (Kệ số 024).

Sau khi nghe xong bài Kệ, Cung-thác-cơ chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Ngân-hàng: ngân = bạc; hàng = cửa hàng. Ngân-hàng là nhà băng

- Trúc-Lâm: trúc = cây tre, cây trúc; lâm = rừng. Tên tu-viện nầy bằng tiếng Pali là Veluvana.

- Cung-thác-cơ: tên thật bằng tiếng Pali là Kumbhaghosaka.

- Giám-đốc: giám = cai-quản, coi-sóc; đốc = đốc-thúc, điều-khiển. Giám-đốc là vị chủ, điều-khiển mọi người trong hảng.

- Bịnh dịch: bịnh truyền-nhiễm nguy-hiểm, giết chết nhiều người.

- Vô-thừa-nhận: vô = chẳng có; thừa-nhận = nhìn-nhận. Của vô-thừa-nhận là của vô-chủ, chẳng biết của ai.

- Vi-phạm: vi = làm trái với; phạm = phạm tội.

- Nông-gia: nông = nghề làm ruộng; gia = nhà. Nông-gia là người làm ruộng, trồng lúa.

- Ma-kiệt-đà: tên nước, tiếng Pali là Magadha.

- Tần-bà-sa-la: tên thật bằng tiếng Pali là Bimbisara.

- Thị-vệ: thị = người theo hầu; vệ = người theo bảo-vệ. Thị-vệ là lính theo hầu vua.

- Thị-nữ: người đàn-bà hầu-hạ trong cung vua.

- Lỡ độ-đường: đi đường quá về ban đêm, tìm chỗ ngủ.

- Trang-trại: khu vườn hay ruộng có trồng-trọt.

- Nông-trại: khu vườn, ruộng của nông-gia.

- Điều-tra: tìm các bằng chứng về sự-thật.

- Trình-diện: trình = thưa trình; diện = mặt. Trình-diện là đến ra mắt.

- Các căn: căn = gốc; nơi phát-sanh ra. Theo nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

- Điều-phục: điều = điều-khiển, sắp-xếp cho có thứ-tự; phục = chế-phục, làm chủ lấy. Điều-phục các căn có nghĩa là làm chủ các giác-quan, chẳng chạy theo cảnh-vật bên ngoài. Thí-dụ: chẳng nhìn vào chỗ chẳng đáng nhìn.

- Cuộc mưu-sanh: mưu-sanh = làm nghề để sanh-sống, nuôi thân mình và gia-đình. Mưu-sanh đúng theo Chánh-pháp, chính là Chánh-Mạng, được Đức Phật giảng trong Bát-Chánh-Đạo. Về việc chọn

nghề cho đúng theo Chánh-pháp, xin xem lại ở cuối trang 45. Về Bát-Chánh-Đạo, xin xem lại cuối trang 38.

- Cẩn-trọng: cẩn = cẩn-thận, kỹ-lưỡng; trọng = chú-trọng tới.

- Nhiệt-thành: nhiệt = nóng, thành = thành-thật. Làm việc thật nhiệt-thành là làm việc rất cẩn-thận, hăng-say và thích-thú mà làm.

- Tăng-trưởng: tăng = gia-tăng, thêm lên; trưởng = lớn. Tăng-trưởng là càng ngày càng to lớn hơn. Trái với giảm-thiểu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại đời sống cần-cù, đúng theo Chánh-pháp của một chàng thanh-niên, tuy được cha- mẹ để lại nhiều tiền-của mà chẳng tiêu-dùng, vẫn siêng-năng chọn nghề sanh-sống trong-sạch và đạo- đức. Khác hẳn với các cậu "công-tử bột" xài-phá gia-tài cha mẹ để lại, chẳng có nghề-ngỗng gì làm ăn cả.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 024:

Ý-nghĩa của bài Kệ bổ-túc ý-nghĩa của Tích-chuyện và dạy ta nên sống trong tỉnh-giác và theo đúng Chánh-pháp. Người như thế biết:

- tỉnh-giác: khi làm hay suy-nghĩ thì biết làm và nghĩ đúng;

- các căn điều-phục: giữ gìn các căn, chẳng chạy theo các thú vui vật-chất, chẳng để cho cảnh-vật bên ngoài cám-dỗ và lôi-cuốn;

- cuộc mưu-sanh đúng theo Chánh-pháp: biết chọn nghề có ích cho mình, gia-đình mình mà chẳng hại đến các chúng-sanh khác;

- việc làm cẩn-trọng, nhiệt-thành: hành-động cẩn-thận, chín-chắn và hăng-hái.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Phải biết chọn nghề đúng với Chánh-mạng: xem lại trang 45.

3.- Giữ sao cho BA NGHIỆP được thanh-tịnh: (1) thân làm việc đàng-hoàng (thân-nghiệp); (2) miệng nói lời chơn-chánh (khẩu-nghiệp); (3) ý suy-nghĩ chơn-thiện (ý-nghiệp). Đó là đường-lối thanh-lọc thân-tâm.

(17).- Tích chuyện Tôn-giả Tiểu-Phan-tha-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu-viện Trúc-Lâm, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Tôn-giả Tiểu-Phan-tha-ca, vị tỳ-kheo chậm hiểu mà mau quên.

Tiểu Phan-tha-ca cùng với anh là Đại Phan-tha-ca, là cháu nội của một vị giám-đốc ngân-hàng; vị nầy thường dẫn hai cháu đi nghe giảng-pháp. Về sau, Đại Phan-tha-ca gia-nhập Tăng-đoàn, chẳng bao lâu chứng được đạo-quả A-la-hán. Tiểu Phan-tha-ca cũng theo chơn anh, đi xuất-gia, nhưng vì trí thông- minh chậm lụt, học đâu quên đó, một bài kệ bốn câu, thuộc câu chót thì quên mất câu đầu. Đó là vì trong tiền-kiếp, vào thời Đức Phật Ca-diếp, Tiểu Phan đã trêu chọc một vị Tăng-nhơn ngu-tối, cho nên

kiếp nầy phải sanh ra chậm hiểu mà mau quên. Anh là Đại Phan rất thất-vọng về Tiểu Phan, lại thường nói Tiểu Phan chẳng xứng-đáng làm tỳ-kheo trong Tăng-đoàn.

Vào độ ấy, có cư-sĩ Di-hoa-ca đến đảnh-lễ Phật và thỉnh Phật cùng chư Tăng về nhà để dâng cúng thực-phẩm. Đức Phật nhận lời. Đại Phan lúc bấy giờ chịu trách-nhiệm sắp xếp để chư Tăng đi thọ- thực. Trong danh-sách, tất cả tăng-chúng đều được mời đi, nhưng Đại Phan lại bỏ tên của Tiểu Phan ra. Khi Tiểu Phan biết được tin ấy, liền sanh ưu-phiền, cho rằng mình chẳng xứng đáng, mới tính trở về nhà, hoàn-tục. Đức Phật đọc rõ ý-định đau-buồn đó của Tiểu Phan, mới đến gọi Tiểu Phan theo Ngài về

Hương-phòng. Đức Phật lấy ra một cái khăn trắng, bảo Tiểu Phan ngồi xuống, cầm lấy khăn, mặt hướng về phương Đông, tay chà khăn, miệng đọc hai tiếng: "Lau sạch!" Sau đó, Đức Phật liền lên đường đến nhà cư-sĩ Di-hoa-ca.

Ngồi trong hương-phòng, Tiểu Phan chăm-chú làm theo lời Phật dạy, tay chà khăn, miệng đọc:'‘Lau sạch!", chẳng hề ngừng-nghỉ. Chẳng bao lâu, cái khăn trắng dính dơ, đổi thành màu ngà-ngà. Miệng vẫn đọc, tay vẫn chà, Tiểu Phạn nhận thấy sự biến-đổi của cái khăn và đồng thời trong tâm quán-tưởng được tánh-cách vô-thường của mọi vật hữu-vi. Bấy giờ, Đức Phật, từ nhà của Di-hoa-ca, đọc được tư- tưởng đó của Tiểu Phan, Ngài liền dùng thần-thông chiếu hào-quang lên và hoá hình ra ngồi trước mặt Tiểu Phan. Ngài bảo Tiểu Phan: "Chẳng phải chỉ có cái khăn bị dính bụi dơ mà thôi đâu; bên trong tâm mọi người có ba chất bẩn là tham, sân, si. Nếu biết "lau sạch" ba chất dơ đó trong tâm, thì tỳ- kheo sẽ đạt được mục-tiêu và chứng-đắc đạo-quả A-la-hán." Tiểu Phan nghe nhận được lời Phật dạy, tiếp-tục quán-tưởng, và chẳng bao lâu liền chứng-đắc quả-vị A-la-hán, gột rửa được chỗ u-tối trong tâm-trí.

Vào lúc ấy, nơi nhà cư-sĩ Di-hoa-ca đang sửa-soạn dâng thực-phẩm lên Đức Phật và tăng-chúng. Đức Phật liền lấy tay che bát lại, và nói: "Còn thiếu một tỳ-kheo, chưa được mời đến dự." Cư-sĩ vội sai người chạy đến tu-viện Trúc-lâm; rồi một lát sau, tỳ-kheo Tiểu Phan-tha-ca theo người đầy-tớ của cư- sĩ bước vào nhà. Sau khi thọ-thực xong, Đức Phật mời Tiểu Phan thuyết-pháp. Bấy giờ, Tiểu Phan với lòng đầy tự-tín, nói thao-thao bất-tuyệt, giọng như con sư-tử rống!

Khi trở về tịnh xá, chúng Tăng bày tỏ sự ngạc-nhiên, thấy Tiểu Phan thuyết-pháp rất hay, Đức Phật liền thuật lại việc Tiểu Phan đã tập-luyện với hai tiếng "Lau sạch" một cách tinh-cần, khẩn-thiết, nên đã chứng-đắc quả Thánh. Rồi Đức Phật đọc lên bài Kệ sau đây:

Bằng vào tỉnh-giác và nỗ-lực,
Giới-đức cao, điều-phục các căn;
Xem kìa bực trí xây hòn đảo,
Lũ-lụt dầu to khó ngập tràn.
(Kệ số 025).
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

Đại Phan-tha-ca: Mahàpanthaka.

Tiểu Phan-tha-ca: Cùlapanthaka. - Trung-hoa phiên-âm, đọc ra tiếng Hán-Việt là Châu-lợi-bàn-đà- già. (Mahà = lớn, Đại; Cùla = nhỏ, Tiểu)

Di-hoa-ca : Jivaka.

- Hoàn-tục: hoàn = trở về, trở lại; tục = thế-tục. Hoàn-tục là việc người đã xuất-gia đi tu rồi, nay lại bỏ tu, quay về với đời sống thế-tục.

- Hương-phòng: căn phòng riêng, có hương thơm, trong cốc của Đức Phật (cốc = túp lều nhỏ, dành cho người tu-hành tịnh-tu.) Chữ Hương-phòng dịch nghĩa tiếng Pali là Gandhakuti.

- "Lau sạch": nguyên tiếng Pali là Rajoharanam. Rajo, Raja là bụi dơ, chất bẩn; Harana là làm cho sạch; lau, tẩy cho sạch.

- Màu ngà-ngà: màu trắng đục, vì dính dơ, có lẽ vì buị và mồ-hôi tay của Tiểu Phan.

- Vô-thường: vô = chẳng có; thường = thường-hằng. Vô-thường là tánh-cách của sự biến-đổi theo thời- gian, chẳng giữ nguyên-vẹn được.

- Hữu-vi: hữu = có; vi = làm. Theo nghĩa thường thì hữu-vi là những sự-vật do tạo-tác nên mà thành; và vì do tạo-tác mà thành, nên cùng với thời gian mà bị huỷ-diệt mất; hễ có thành, thì có hoại. Theo nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, hữu-vi là những sự-vật bị điều-kiện-hoá, nghĩa là, chịu sự thay đổi tùy theo hoàn-cảnh, tùy theo duyên-cớ. Thí-dụ như cái nhà là vật hữu-vi, do xây cất mà thành, rồi một ngày kia sẽ sụp đổ. Thí-dụ khác, thân-tâm con người là vật hữu-vi, do cha-mẹ sanh ra, sẽ có ngày chết đi.

Trái ngược với Hữu-vi là Vô-vi, tức là những sự-vật chẳng do ai tạo nên mới có, mà luôn luôn thường- hằng, thí-dụ như: Sự-thật, Hư-không.

- Quán-tưởng: suy-nghĩ sâu-xa về một đề-tài duy-nhứt, chẳng xao lãng, chẳng lo-ra.

- Thao-thao bất-tuyệt: thao-thao = nói trôi chảy, rõ-ràng, lưu-loát; bất-tuyệt = chẳng dứt.

- Như sư-tử rống: trong kinh Phật, thường nói về tài thuyết-pháp khiến cho người nghe tin-phục và vâng theo, cũng như con sư-tử rống lên muôn thú nghe đến đều sợ-hãi và tuân-phục.

- Tự-tín: tin ở tài-sức của mình, chẳng nhút-nhát.

- Nỗ-lực: ráng hết sức mình, dẹp bỏ mọi việc khác để làm cho xong được việc đang làm.

- Giới-đức: giới = các điều răn-cấm; đức = đức-hạnh, tánh-tình.

- Xây hòn đảo: ý nói tạo cho mình một nơi nương-tựa vững chắc; cũng như một hòn đảo vươn lên khỏi mặt nước vậy.

- Lũ-lụt: nước dâng tràn cao lên làm ngập tất cả.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1.- Nỗ-lực tinh-cần của Tiểu Phan khi thực-hành lời dạy của Phật: ngồi yên, tay chà khăn, miệng đọc "Lau sạch", mắt nhìn khăn, tâm chú-ý chẳng lúc nào lo-ra, chẳng lúc nào ngưng-nghỉ. Nỗ-lực tinh- chuyên nầy đưa đến sự định-tâm và nhờ đó mà trí-huệ phát sáng. Cố-giữ thân trong kỷ-luật, đó là giới; chú-ý liên-tục, đó là định. Kết-quả: đắc huệ.

2.- Cách dạy của Phật hết sức thực-tiển và có hiệu-lực phi-thường: đối với người chậm hiểu mau quên, Ngài chỉ dạy có hai tiếng: "Lau sạch" mà thôi, rồi chỉ cách điều-phục thân-tâm: tay thì chà, miệng thì đọc, tai nghe tiếng, mắt nhìn vào khăn, tức là buộc tâm phải chú-ý vào việc học. Thầy như thế, trò như thế, thảo nào chẳng đạt được kết-quả mau chóng.

3.- Từ sự quan-sát cái khăn đổi màu đến sự quán-tưởng tính-cách vô-thường của sự-vật hữu-vi: đó là con đường thanh-lọc thân-tâm. Trong Tích chuyện chẳng thuật rõ sự biến-chuyển ở nội-tâm của Tiểu Phan, nhưng ta có thể phỏng-đoán là nhờ sự định-tâm mà Tiểu Phan đã đi sâu vào quán-tưởng, quét sãch được ba món độc: tham, sân, si mà Phật chỉ dạy phải lau sạch, phải dẹp bỏ.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 025:

Ngoài việc nhắc lại các đức-tánh: tỉnh-giác và nỗ-lực, bài kệ còn nói đến giới-đức và điều-phục các căn. Thường tu Thiền mà chẳng đắc định-tâm được, là vì thường ngày giữ giới lơ-là, các căn buông lung, chạy theo ngoại-cảnh.

Bài kệ ví sự thành-công của người tỉnh-giác như xây cho mình một hòn đảo vững-chắc, khiến cho lũ- lụt của ba món độc chẳng tràn ngập nổi

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài kệ.

2.- Tập chú-ý: thử nhìn vào cây nhang và xem đến bao giờ thì lại nhìn vào chỗ khác; thử hít vào và thở ra, theo dõi hơi thở, coi được mấy hơi thở.

3.- Ngay bây giờ, thử soát lại xem mình còn nhớ được mấy bài Kệ.

(18).- Tích chuyện "Hội-hè tuổi-trẻ vui-nhộn".

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến dịp lễ vui-nhộn của lũ thiếu-niên khờ.

Vào thời đó, ở nước Xá-vệ có tục-lệ của bọn thiếu-niên khờ-dại tổ-chức một tuần-lễ vui-đùa. Trong thời-gian nầy, bọn trẻ ngốc-nghếch ấy lấy tro và phân bò bôi trét lên đầu, mặt, rồi đi rong khắp cả phố- phường, hò-hét om lên. Chúng đến trước cửa nhà người ta, đứng đấy phiền-nhiễu, chờ được cho tiền mới chịu đi khỏi.

Lúc bấy giờ, các thiện-nam, tín nữ đến tu-viện trình với chư Tăng, xin đừng ra đường, và mỗi ngày họ đem thực-phẩm đến dâng-cúng các vị tỳ-kheo. Dân-chúng cũng ngại có việc rắc-rối, nên đóng cửa im- ỉm. Đến ngày thứ tám, hội-hè chấm dứt, các cư-sĩ mới đến mời Đức Phật và chư Tăng lên đường khất- thực như trước.

Khi nghe kể lại cuộc hội-hè của bọn trẻ trong tuần qua, Đức Phật bảo rằng, chỉ những kẻ ngu-khờ, dại- dột mới có thái-độ và hành-động như thế, thật đáng chê-trách. Bấy giờ, Đức Phật đọc hai bài Kệ sau đây:

Người ngốc với kẻ khờ
Sống buông-lung, vật-vờ.

Bực trí giữ tỉnh-giác,
Tợ viên ngọc trong kho.
(Kệ số 026.)
Chớ sống đời phóng-dật,
Chớ say mê dục-lạc.
Hãy thiền-định, tỉnh-giác,
Niềm vui lớn sẽ đạt.
(Kệ số 027.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Hội-hè: dịp vui có đông người tu-tập ồn-ào.

- Vui nhộn: vui nhưng quá ồn-ào.

- Khờ-dại: thiếu thông-minh, ít học.

- Ngốc-nghếch: ngu khờ, thiếu hiểu-biết.

- Phiền-nhiễu: gây bực-bội, khó chịu cho kẻ khác.

- Im-ỉm: im-lìm, chẳng mở hé cửa.

- Vật-vờ: lờ-phờ, lười-biếng, chẳng chút hăng-hái.

- Dục-lạc: dục = ham muốn; lạc = thú vui. Dục-lạc là các thú vui về vật-chất, thấp-kém.

- Niềm vui lớn: ý muốn nói đến niềm vui lâu dài, to lớn của cảnh-giới Niết-bàn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại phong-tục xấu xưa kia ở nước Xá-vệ về bọn trẻ khờ-dại tu-tập đông-đảo trong một tuần, gây ồn-ào và phiền-nhiễu dân-chúng. Đức Phật cho rằng hành-động của chúng là dại- khờ, chẳng biết sống theo tỉnh-giác, để đạt được niềm vui lớn hơn: Niết-Bàn.

(2) Ý-nghĩa của hai Kệ 026 và 027:

1.- Kệ số 026 chê-trách hạng người sống buông-lung và khen các bực biết tỉnh-giác: kẻ buông-lung vật-vờ, sống chẳng có mục-đích; còn người trí, biết giữ sự tỉnh-giác, cao-quí như viên bảo-ngọc trong kho.

2.- Kệ số 027 khuyên ta chớ phóng-dật và hãy chuyên-cần tu-tập thiền-định và tỉnh-giác, để đạt nguồn vui to lớn, lâu dài hơn các thú-vui vật-chất: đó là nguồn vui Vô-thượng Niết-Bàn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ.

2.- Bớt nghe ca-nhạc, xem phim, xem truyền-hình, đã mất thời-giờ, còn khiến tâm dễ buông-lung, bị các cảnh say-mê, bạo-hành lôi-cuốn. Giới cấm thứ 8 trong Bát-quan-trai-giới là chẳng nghe hát- xướng.

(19).- Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-Diếp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-cệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Tôn-giả Đại Ca-diếp.

Thuở ấy, Tôn-giả Đại Ca-diếp đang ẩn-cư nơi động Cây Tiêu và để trọn thời-giờ luyện-tập Thiền-định. Tôn-giả quán-tưởng về ánh hào-quang và cố gắng phát-triển thiên-nhãn để chiếu soi pháp-giới và xem chúng-sanh nào tỉnh-giác, chúng-sanh nào phóng-dật, chúng-sanh nào sắp chết cùng chúng-sanh nào sắp tái-sanh.

Lúc bấy giờ, Đức Phật trong cơn nhập-định tại Kỳ-viên-tự, bằng thiên-nhãn, Ngài thấy được đường-lối của Tôn-giả Đại Ca-diếp đang tu-tập. Đức Phật muốn báo cho Tôn-giả biết rằng Tôn-giả đang phí mất thời-giờ để làm công-việc quán-chiếu như trên. Ngài liền phóng hào-quang và hoá hiện ngồi ngay trước mặt Tôn-giả Đại Ca-diếp. Đức Phật bảo: "Nầy Ca-diếp, số chúng-sanh chết đi và tái-sanh lại thật là vô-lượng, ông chẳng thể đếm cho xuể được. Ông chẳng nên lo-lắng về điều ấy, vì đó là phạm-vi trách nhiệm của chư Phật."

Bấy giờ, Đức Phật liền đọc lên bài Kệ sau đây:

Bực hiền-trí lên lầu cao trí-huệ,
Bằng giác-tâm, dẹp hết tệ buông-lung.
Các ngài dứt khổ trong lòng,
Đoái nhìn đến kẻ trong vòng khổ-đau,
Như bực Thánh trên cao đỉnh núi,
Cúi nhìn xem bên dưới đồng bằng
Còn lắm phàm-phu nhọc-nhằn, dại-dột.
(Kệ số 028.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Tôn-giả Đại Ca-diếp: tên bằng tiếng Pali là Mahàkassapa. Ngài là vị Tổ thứ nhứt của Thiền-tông Ấn-độ. Trong hội Linh-sơn, một hôm Đức Phật cầm một cành hoa đưa lên trước chúng Tăng mà chẳng nói gì cả Tôn-giả Đại Ca-diếp nhìn cành hoa, lặng-lẽ mĩm cười. Đức Phật nói: "Ta nay có Chánh-pháp nhãn-tạng, trao cho Đại Ca-diếp." Câu chuyện nầy về sau thường được nhắc đến là việc "nhìn hoa mà nhận ra được Phật-tánh."

Tôn-giả Đại Ca-diếp là vị đại-đệ-tử giỏi nhứt về hạnh đầu-đà (= tu khổ-hạnh).Sau khi Phật nhập Niết- bàn, Tôn-giả cầm đầu Tăng-đoàn, và triệu-tập Kỳ Kết-tập Kinh-điển Lần Thứ Nhứt tại thành Vương- xá.

- Ẩn-cư: ẩn = ở riêng một mình nơi xa vắng; cư = ở, cư-trú, ngụ.

- Động Cây Tiêu: động = hang đá; cây Tiêu tên bằng tiếng Pali là Pipphali.

- Hào-quang: ánh-sáng rực-rỡ.

- Thiên-nhãn: thiên = Trời; nhãn = con mắt. Người tu-hành đắc được thiên-nhãn có thể nhìn thấy thật xa, thấy cả những vât bị ngăn che.

- Nhập-định: nhập = vào; định = định-lực. Nhập-định là tâm của người tu thiền đang ở trong tình- trạng vắng-lặng, chẳng bị cảnh-vật bên ngoài lôi-kéo, mà ý bên trong cũng dừng lại, chẳng trì-níu.

- Vô-lượng: vô = chẳng có; lượng = tính, đếm, cân, lường. Vô-lượng có nghĩa lààvô-số, chẳng thể đếm tính được.

- Phạm-vi trách-nhiệm: ý muốn nói đó là thuộc về phần việc riêng của chư Phật.

- Hiền-trí: hiền: lành, tốt; trí = trí-huệ, thông-minh. Theo nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, bực Hiền là người chứng-đắc được ba quả-vị đàu-tiên của hành Thanh-văn; bực Trí là người đã chứng-đắc được trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật (= trí-huệ giác-ngộ và giải-thoát.)

- Trí-huệ: trí thông-minh. Theo nghĩa chuyên-môn trong Phật-h sự sáng-suốt (= Bát-nhã) đưa ta sang bờ giác-ngộ bên kia (=ba-la-mật).

- Giác-tâm: giác = hiểu-biết thấu-đáo; tâm = lòng. Giác-tâm là tâm giác-ngộ, thấu rõ đường-lối giải- thoát khỏi cảnh sanh-tử Luân-hồi.

- Tệ: điều xấu-tệ.

- Đoái nhìn: thương mà nhìn đến.

- Phàm-phu: phàm = thường; phu = người. Phàm-phu là người thường, chưa tu-hành. Trong Phật-học chữ phàm-phu trái với chữ Thánh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: Tôn-giả Đại Ca-diếp quán-tưởng về sự sanh-tử của chúng-sanh, dùng thiên- nhãn để đếm xem ai phải sanh về đâu, ai sắp chết. Đức Phật biết được tâm-trạng đó của Tôn-giả, mới khuyên Tôn-giả đừng mất thời-giờ làm công việc đó, vì chúng-sanh sanh-tử, tử sanh thật là vô-lượng, đếm sao cho xuể.

Thế thì ta phải chọn đề-tài gì để quán-tưởng? Tích chuyện chẳng thấy nói, nhưng bài Kệ chỉ rõ: dùng giác-tâm để dẹp hết sự phóng-dật và các phiền-não trong lòng.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 028:

Bài Kệ gợi lên hình-ảnh của bực hiền-trí đang bước lên lầu cao trí-huệ, nhìn xuống phiá dưới thấy những kẻ phàm-phu còn dại-khờ mà xót lòng thương, muốn cứu-giúp.

Ngày nay, ta thường gọi những người trí-thức cao là những bực đã đến đỉnh cao trí-huệ. Theo ý-nghĩa trong bài Kệ, bực đỉnh cao trí-huệ đã dẹp hết tất cả phiền-não

trong lòng mình, nhìn thấy kẻ còn lận- đận trong vòng đau-khổ, phải thương họ, và dĩ-nhiên, phải giúp họ thoát khổ. Đó là đường-lối tự-giác và giác-tha: mình đã giác-ngộ, dẹp bỏ mọi phiền-não cùng tánh buông-lung (phóng-dật), nay đi chia- xẻ sự giác-ngộ của mình với kẻ khác.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Tập dẹp bỏ tật xấu phóng-dật: Xin đề-nghị vài điểm:

- Sáng sớm 5giờ rưỡi, thức dậy tập thể-thao và ngồi Thiền, muà hè cũng như mùa đông. Đừng viện cớ gì để "nằm nướng" thêm.

- Đừng gát lại ngày mai việc có thể làm ngay ngày nay: chịu khó ngồi lại viết bức thơ trả lời bạn, vì đã nhận được thơ bạn hơn mười bữa rồi. Lười viết thơ cũng là một hình-thức phóng-dật đấy!

(20).- Tích chuyện hai vị Tỳ-kheo bạn đồng-tu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến hai vị tỳ-kheo là bạn đồng-tu, nhưng cách tu-tập lại khác nhau xa.

Vào độ ấy, hai vị tỳ-kheo đó, sau khi được Đức Phật chỉ-dạy cho mỗi người một đề-tài quán-tưởng, liền đi vào rừng sâu, để tỉnh-tu. Một vị tỳ-kheo có tánh phóng-dật, dành phần lớn thời-giờ ngồi sưởi bên đống lửa, tán chuyện gẫu với các vị tỳ-kheo trẻ tuổi khác trong suốt canh đầu của đêm, rồi sau đó nằm lăn ra ngủ. Còn vị tỳ-kheo kia rất tinh-cần, giữ đúng các bổn-phận của một vị tăng-nhơn. Vị ấy đi

kinh-hành vào thời canh đầu, canh giữa thì an-nghỉ, đến canh cuối, lại thức dậy, siêng-năng hành- thiền. Nhờ tinh-tấn luyện-tập như thế, nên chẳng bao lâu vị nầy chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Đến cuối mùa mưa, chấm-dứt thời-kỳ an-cư-kiết-hạ, hai vị tỳ-kheo đều quay về Tịnh-xá Kỳ-viên để đảnh-lễ Phật. Đức Phật hỏi: " Trong mùa an-cư, các ông đã tu-hành như thế nào?" Vị tỳ-kheo lười- biếng mới bạch Phật: " Bạch Thế-tôn, anh bạn đồng-tu với con chẳng được siêng-năng cho lắm, thường bỏ phí thời-giờ, nằm lăn ra ngủ." Nhưng Đức Phật lại gạn hỏi: ‘ ‘Thế, còn ông thì sao?" Vị tỳ- kheo ấy đáp rằng ông ta thường ngồi gần bên lửa sưởi ấm vào canh đầu, rồi ngồi yên suốt cả đêm chẳng ngủ. Tuy nhiên, Đức Phật quán thấy rõ ràng sự thật, nên bảo vị tỳ-kheo lười-biếng rằng: "Chính ông là người lười, phóng-dật, chẳng tu-hành tinh-tấn, lại tìm cách nói xấu bạn ông, vu cho bạn ông là người lười và phóng-dật. Ông cũng như một con ngựa hèn, chậm-lụt, sánh thế nào được với con tuấn- mã, chạy nhanh, là người bạn đồng-tu của ông."

Rồi Đức Phật mới đọc lên bài Kệ sau đây:

Tinh-cần sống giữa người còn phóng-dật,
Tỉnh-táo bên kẻ ngủ gật triền-miên,
Bỏ sau lưng đám ngựa hèn,

Như con tuấn-mã, bực hiền phi nhanh.
(Kệ số 029.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Đề-tài quán-tưởng: đề-tài = đầu-đề, vấn-đề; quán-tưởng = suy-nghĩ sâu-xa. Đề-tài quán-tưởng là đầu-đề được đem ra suy-nghiệm trong lúc ngồi thiền; như nếu đang quán-tưởng về tấm thân bất-tịnh, thì đầu-đề là thân-thể chứa đầy chất dơ-bẩn bên trong.

- Tỉnh-tu: tỉnh = yên lặng; tu = tu. Tỉnh-tu là tu trong yên-lặng, ở nơi xa vắng, để dễ chuyên-tâm.

- Tán chuyện gẫu: nói chuyện tầm-phào cho vui, chẳng đứng-đắn.

- Canh đầu của đêm: canh = khoảng thời gian vài tiếng đồng-hồ trong một đêm. Ấn-độ chia đêm ra ba canh, canh đầu, canh giữa và canh chót. Việt-nam ta chia đêm ra làm năm canh, mỗi canh hai giờ; nửa đêm vào giờ Tí, là canh ba.

- Kinh-hành: Kinh = kinh-kệ; hành = đi. Đi hinh-hành là đi chậm chậm từng bước một, trong tâm niệm Kinh hay niệm Phật. Còn gọi là thiền-hành.

- Vu: nói phao-vu, gán tội xấu cho kẻ khác.

- Ngựa hèn: ngựa xấu, ngựa dở.

- Tuấn-mã: tuấn = đẹp, mạnh; mã = con gnựa. Tuấn-mã là ngựa hay, giỏi, chạy nhanh. Phi = bay; ở đây có nghĩa là chạy thật nhanh.

- Tinh-cần: siêng-năng, nỗ-lực và bền-chí.

- Triền-miên: chằng-chịt; ở đây, có nghĩa là ngủ lâu và nhiều quá.

- Bực Hiền: các vị tu-hành đã chứng-đắc được một trong ba quả-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn: Tu- đà-huờn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại hai thái-độ tu-hành của hai vị tỳ-kheo đồng-tu: một vị lười-biếng, phóng-dật; một vị tinh-cần, nỗ-lực hành-thiền. Lẽ dĩ nhiên, kẻ lười đã bỏ phí thời-giờ để ngủ-nghỉ, tán gẫu; còn người tinh-cần, tu-hành đúng theo lời Phật dạy, nên sớm chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Đức Phật ví người lười như con ngựa hèn, lẹt đẹt theo sau, còn người siêng-năng như con tuấn-mã chạy nhanh, bỏ lại sau đám ngựa dở.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 029:

Bài kệ số 029 nêu lên hình-ảnh của hai mẩu người: kẻ lười như con ngựa hèn, người siêng như con tuấn-mã. Cùng nhận chung một lời chỉ-dạy của Đức Phật để tỉnh-tu, một người thành-công, còn một người chẳng đắc được gì cả; chỗ khác nhau chính là nỗ-lực

của từng người. Bài kệ cho thấy rõ ích-lợi của sự tinh-cần và tai-hại của sự phóng-dật.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Để tự mình sửa đổi lấy mình, xin đề-nghị lập một bảng, chia ra làm hai cột, một cột ghi những việc mình thường ngán chẳng thích làm, và một cột ghi những việc mình thường ham thích làm. So sánh hai cột, tự hỏi tại sao mình ngán ở cột bên nầy, và tại sao mình thích ở cột bên kia. Rồi, thử làm như thế nầy: lấy một việc ngán làm, đem làm ngay; đến khi nhớ và thèm muốn làm việc mình thích, thì dừng lại, tự nói với mình: hãy chờ trong chốc lát, mười phút chẳng hạn. Kế đó, so-sánh hai thái-độ của chính mình, lúc bắt đầu làm cái việc ngán, với thời-gian chờ-đợi để làm cái việc thích.

Nếu thấy mình hăng-hái làm việc mình ngán: tánh lười đã bị khuất-phục.

Nếu thấy mình chẳng nôn-nóng trong khi chờ, chưa làm việc mình thích: sự cám-dỗ bị đánh lui trong một thời-gian; nếu kiên-quyết thêm, thắng luôn sự cám-dỗ. Đó là một cách nhỏ để thanh-lọc tâm.

(21).- Tích chuyện Mã-Hà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Nóc Nhọn, gần thành Tỳ-da-ly, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Mã-Hà sau tái sanh làm Vua Đế-Thích ở cõi Trời.

Vào độ ấy, có một vị hoàng-tử xứ Ly-xa, tên là Mã-hà-ly, đến nghe Đức Phật giảng kinh Đế-Thích Sở- Vấn. Đức Phật nhắc đến tên của vị Đế-Thích một cách rất nồng-nhiệt, khiến cho hoàng-tử Mã-hà-ly nghĩ trong bụng chắc Đức Phật đã có quen biết nhiều với vị Thiên-chủ đó. Hoàng-tử liền bạch Phật để hỏi cho rõ. Đức Phật đáp: "Ta biết rõ Đế-Thích và Ta cũng biết do đâu mà vị ấy trở thành Thiên-chủ Đế-Thích." Rồi đó, Đức Phật kể lại sự-tích như sau .

Thuở xưa, tại làng Ma-ca-la, có chàng thanh-niên tên là Mã-Hà. Chàng thanh-niên nầy, cùng với ba mươi hai người bạn cùng tuổi, lo đi đắp đường, xây cầu và cất nhà tạm-trú cho khách bộ-hành. Mã-Hà còn tuân theo đúng bảy điều giới-luật trong suốt đời mình. Bảy điều ấy là: (1) phụng-dưỡng mẹ cha, (2) kính-trọng các bực tôn-trưởng, (3) nói lời dịu-dàng, hoà-nhã, (4) tránh phỉ-báng, vu-khống kẻ khác, (5) chẳng rít-róng mà sẵn lòng bố-thí, (6) luôn luôn nói lên Sự-thật, (7) biết tự kềm-chế chẳng nổi giận.

Chính nhờ những công-đức phước-thiện và đức-hạnh đẹp-đẽ đó trong đời sống ấy, nên Mã-Hà được tái-sanh thành Thiên-chủ Đế-Thích, làm vua ở cõi Trời.

Bấy giờ, Đức Phật mới nói lên bài Kệ như sau:

Tinh-cần hành thiện gắng tua, Khiến cho Đế-Thích làm vua cõi Trời.

Tình-giác thời được lời khen ngợi, Còn buông-lung thì mới bị chê. (Kệ số 030.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Mã-Hà: tên thật bằng tiếng Pali là Magha.

- Chùa Nóc-Nhọn: tên thật bằng tiếng Pali là Kùtàgàra (Kùtà = nhô lên cao; agàra = nơi cư-trú).

- Tỳ-da-ly: thành-phố Vesali; phiên-âm đọc theo chữ Hán-Việt.

- Kinh Đế-Thích Sở-Vấn: Đế-Thích = Vua ở cõi Trời, tiếng Pali gọi là Sakka; sở = chỗ; vấn = hỏi. Trong bản Kinh nầy, vua Trời Đế-Thích thưa hỏi Đức Phật, tại sao có thù-hận giữa các chúng-sanh. Bản Kinh tên là Sakkapanha Suttanta, thuộc về Trường-Bộ-Kinh (Digha Nikaya).

- Mã-hà-ly: tên thật bằng tiếng Pali là Mahàli.

- Xứ Ly-xa: tên thật của xứ nầy bằng tiếng Pali là Licchavi.

- Nồng-nhiệt: nồng = nhiệt = nóng, ấm; ở đây, lời rất khen-ngợi.

- Thiên-chủ: thiên = Trời; chủ = vua, chúa. Vua cõi Trời.

- Đế-Thích: tên vị Thiên-chủ. Vị nầy còn có tên là Kiều-thi-ca.

- Vu-khống: đặt chuyện nói xấu người khác.

- Gắng tua: cố gắng, nỗ-lực.

- Buông-lung: thả lỏng, chạy theo thú vui, chẳng biết tự kềm-chế. Đồng-nghĩa với Phóng-dật. Trái nghĩa với Tinh-cần, Tinh-tấn, Siêng-năng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại vì sao Mã-hà được sanh lên làm Vua Đế-Thích ở cõi Trời; chính nhờ vào hai việc, (1) siêng năng làm việc thiện, (2) tuân giữ bảy điều giới-luật. Làm Vua ở cõi Trời thì sung-sướng lắm, nhưng ngay tại cõi thế-gian nầy, nếu ta bắt chước theo Mã-Hà, ta cũng được sung-sướng trong lòng.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 030:

Bài Kệ nhắc lại Tích chuyện dưới hình-thức văn vần cho dễ nhớ. Chỗ Phật khuyên ta nên theo là làm việc lành và giữ giới-luật.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Tiếp-theo việc đề-nghị ở phần Học-Tập, xin đề-nghi thêm vài việc nhỏ có tầm quan-trọng lớn:

- đừng vứt rác ngoài đường: khi thấy đứa cháu ăn kẹo vứt giấy xuống, mình cúi xuống lượm, cất vào túi. Nó có hỏi, thì bảo để đem bỏ vào thùng rác. Tập cho trẻ có tánh tốt nầy rất quí.

- Đi đường, thấy có miểng chai, cúi xuống lượm bỏ vào thùng rác.

(22).- Tích chuyện một vị Tỳ-kheo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Tỳ-kheo nhờ quán-sát ngọn lửa bùng cháy mà chứng được Đạo-tuệ.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo, sau khi được Phật chỉ-dạy cho một đề-tài quán-tưởng, liền rút vào rừng sâu, để hành-thiền. Mặc dầu vị ấy đã nỗ-lực chuyên-cần trong một thời-gian khá lâu, nhưng chẳng đạt được kết-quả mong-muốn. Vị ấy cảm thấy buồn lòng và chán-nản, nên mới quay trở về Kỳ-viên-tự để xin Đức Phật chỉ-dạy thêm. Trên đường về, vị ấy chợt thấy một làn khói xanh mù-mịt bốc cao lên, liền vội leo lên đỉnh núi để nhìn. Trông thấy ngọn lửa từ-từ bốc lên và lan rộng ra, vị tỳ-kheo bỗng nảy ra trong tâm ý-tưởng nầy: cũng giống như ngọn lửa kia đang thiêu-đốt hết tất cả, Đạo-tuệ sẽ tiêu-diệt mọi kết-sử, cả lớn lẫn nhỏ."

Lúc bấy giờ, tại nơi Hương-phòng ở Kỳ-viên-tự, Đức Phật đang thiền-quán, nhơn đọc được tư-tưởng của vị Tỳ-kheo đang suy-nghiệm, Ngài liền phóng hào-quang, hiện hình đứng trước mặt vị Tỳ-kheo và nói rằng: "Này Tỳ-kheo, tư-tưởng của ông đang đi đúng đường, hãy tinh-tấn tiến theo hướng đó. Tất cả chúng-sanh phải dùng Đạo-tuệ mà đốt cháy hết các kết-sử, lớn hoặc nhỏ, cũng như ngọn lửa rừng đang đốt cháy hết các lùm cây."

Rồi, Đức Phật liền nói lên bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo nào sợ nguy phóng-dật,
Lại an-vui, tỉnh-giác trong lòng,
Tiến nhanh như ngọn lửa hồng
Đốt thiêu kết-sử, xích-xiềng nhỏ, to.
(Kệ số 031.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Đạo-tuệ: đạo = con đường; tuệ = trí sáng-suốt nhìn thấy được ý-nghĩa sự-vật. Nói các vắn-tắt, đạo- tuệ khiến tâm ta nhìn thấy được đúng con đường tu-hành, cần làm gì, cần tránh gì, sẽ chứng-đắc được gì. Trong thiền-tông gọi đó là sơ-giác-ngộ, sự giác-ngộ ở bước đầu.

- Quán-sát: quán = nhìn vào bên trong; sát = xem xét kỹ-lưỡng. Quán-sát khác với quan-sát ở chỗ khi quán-sát, ta quay vào trong tâm mà nhìn sự biến-chuyển của tâm, còn quan-sát, thông-thường thì nhìn cảnh-vật bên ngoài.

- Xiềng-xích: sợi dây sắt trói tay, buộc chơn.

- Kết-sử: kết = kết chặt lại, ràng-buộc lại; sử = sai-khiến. Kết-sử là những tình-cảm, tư-tưởng có tánh- cách ràng-buộc và thúc-dục ta phải hành-động một cách sai-lầm. Còn được dịch là thúc-thằng, theo tiếng Pali là Sanyojana (thúc = ràng-buộc; thằng = sợi dây trói.)

Theo giáo-lý Bắc-tông, có tất cả mười kết-sử, chia ra:

- ngũ độn-sử: năm mối ràng-buộc và sai-khiến, cấp thấp, như (1) thân-kiến (chấp thân thường còn; tiếng Pali là sakkàyaditthi), (2) nghi (hồ-nghi, chẳng tin Chánh-pháp, tiếng Pali là vicikiccha), (3) giới- cấm-thủ (tin vào giới-cấm mê-tín như cúng-tế các tà-thần, tiếng pa-li là silabha taparàmàsa) (4) tham

(tiếng Pali là kàmaràga và (5) sân (giận-hờn, tiếng Pali là patigha). - Tu đến bực A-na-hàm thì dứt được hết năm kết-sử nầy.

- ngũ lợi-sử: năm món ràng-buộc và sai khiến, cấp cao, như (1)sắc-ái-kết (tiếng Pali là Rùparàga, luyến-ái cảnh Sắc-giới), (2) vô-sắc-ái (tiếng Pali là Arùparàga, luyến-ái cảnh Vô-sắc-giới), (3) mạn (tiếng Pali là mano, sự kiêu-căng, khi người), (4)trạo (tiếng Pali là Uddachcha, sự giao-động, bối-rối), (5) vô-minh (tiếng Pali là Avijja, sự si-mê, ngu-tối.) - Tu đến bực A-la-hán dứt nốt năm kết-sử nầy, được hoàn-toàn giải-thoát.

Theo giáo-lý Nam-tông, cũng có mười thúc-thằng (Sanyojana), y như trong giáo-lý Bắc-tông, chia ra:

- ba thúc-thằng đầu-tiên khi diệt được, sẽ chứng quả Tu-đà-huờn;

- hai thúc-thằng kế-tiếp khi diệt được sẽ chứng quả Tư-đà-hàm;

- cả năm thúc-thằng đầu-tiên (tương-đương với ngũ độn-sử) khi diệt xong hết, sẽ chứng quả A-na- hàm;

- bực A-la-hán diệt nốt năm thúc-thằng chót (tương-đương với ngũ lợi-sử).

Nhớ đủ 10 món thì khó, chỉ cần nhớ ba món chánh: tham, sân, si.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, thuật lại việc một tỳ-kheo vào rừng hành-thiền, có điểm còn thắc-mắc, quay về thưa hỏi Phật. Dọc đường, thấy một ngọn lửa rừng đang đốt cháy các lùm cây, bỗng nghĩ đến, nơi tâm ta, các kết-sử đang nung-nấu, thúc-đẩy ta vào con đường tà. Nếu ta biết và chứng Đạo-tuệ, thấy rõ con đường tu-hành chơn-chánh, thì với trí-huệ đó, ta sẽ dẹp tan được các kết-sử ràng-buộc kia, cũng như ngọn lửa rừng đang thiêu đốt hết các lùm cây.

Vấn-đề đặt ra cho ta là làm sao chứng được Đạo-tuệ. Đường-lối để tiến đến đó là tiếp-tục quán-tưởng, nghĩa là quay vào bên trong tâm, nhận rõ các biến-chuyển của tâm để điều-phục, để chấn-chỉnh lại theo đúng Chánh-pháp. Đó là đại-ý của lời khuyên của Phật đã dạy vị Tỳ-kheo.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 031:

Khi mình ham quá mà kịp biết mình đang tham, khi mình nổi nóng mà kịp biết mình đang giận, đó là tâm mình đang tỉnh-giác . Tâm ấy đang biết rõ sự tham, sự giận là quấy, chẳng để cho tham lôi-cuốn, chẳng để cho giận trì-kéo, đó là chận được tham, khắc-phục được giận. Do đó, nhờ sự tỉnh-giác mà tâm tạm thời phá tan được hai kết-sử tham và sân.

Nếu biết giữ tâm luôn luôn tỉnh-giác, trong lòng sẽ an-vui, nhờ đó mà tiến nhanh trên con đường đạo- hạnh. Trái lại, nếu tâm buông-lung, thì nguy-cơ của sự phóng-dật sẽ khiến cho các kết-sử nổi lên ràng- buộc, lôi-kéo, thúc-đẩy ta vào đường tà.

Biết siêng canh-chừng tâm, hằng tỉnh-giác, đó là ý-nghĩa của bài Kệ mà hai câu chót nói đến ích-lợi lớn-lao của việc diệt tan các kết-sử.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài kệ.

2.- Ôn lại cách chận cơn giận nổi lên, được bàn ở trang 15 và 16.

3.- Giới-cấm-thủ là một kết-sử thường thấy ở kẻ mê-tín: mất dao, đem nải chuối cúng Ông Địa nhờ chỉ giùm! Chớ cúng, ráng đi kiếm lấy còn hơn. Ông Địa nào, ở đâu, lại đi ăn hối-lộ như thế!

(23).- Tích chuyện Trưởng-lão Ni-ga-ma.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Trưởng-lão Ni-ga-ma là một tỳ-kheo rất biết đủ.

Tỳ-kheo Ni-ga-ma sanh trưởng tại một thành-phố nhỏ thuộc nước Xá-vệ. Khi gia-nhập Tăng-đoàn, tỳ- kheo Ni-ga-ma sống một cuộc đời hết sức giản-dị, luôn luôn biết đủ, chẳng có những ham-muốn đòi hỏi nhiều như người đời. Hằng ngày, đi khất-thực, ông thường quay về làng cũ, nơi đây thân-nhơn của ông đã chờ sẵn để cúng-dường vật-thực. Ông chẳng hề tham-dự các cuộc đại-bố-thí do Trưởng-giả Cấp-cô-độc hay Vua Ba-tư-nặc tổ-chức.

Lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ-kheo khác bàn-tán về thái-độ của Trưởng-lão Ni-ga-ma. Họ cho rằng Trưởng-lão còn giữ sự lưu-luyến đến các thân-nhơn, chưa cắt đứt được sự luyến-ái. Khi sự-việc trình lên Đức Phật, Ngài liền cho gọi Trưởng-lão Ni-ga-ma đến hầu. Đức Phật hỏi duyên-cớ vì sao Trưởng- lão cứ khất-thực ở các nhà thân-nhơn cũ. Trưởng-lão cung-kính bạch rằng, quả thật, Trưởng-lão có quay về làng cũ để khất-thực nơi nhà thân-nhơn; nhưng khi được đủ số cần-dùng thì thôi chẳng đi đến các nhà khác nữa. Và Trưởng-lão cũng chẳng màng được thức ngon hay vật dở, khi thọ-thực. Bấy giờ, Đức Phật thay vì khiển-trách, lại hết lời khen ngợi thái-độ và đức-hạnh của Trưởng-lão Ni-ga-ma. Hướng về các vị tỳ-kheo khác, Đức Phật khuyên nên noi gương biết đủ của Trưởng-lão Ni-ga-ma, hãy bằng lòng với những gì mình có, đừng quá đòi hỏi, đừng ham muốn nhiều, hãy sống đúng theo các nguyên-tắc mà các Đức Phật và các bực Thánh đã đặt ra. Rồi đó, Đức Phật mới kể một câu chuyện về tiền-kiếp của Ngài như sau đây.

Vào một thời xa xưa, có một con Két chúa sống trong một khu vườn cây sung, bên bờ sông Hằng, cùng với một đàn két đông-đảo. Khi ăn hết tất cả các trái sung chín, đàn két liền bay đi nơi khác tìm thức ăn, chỉ còn két-chúa ở lại mà thôi, vì két chúa sống rất đơn-giản, chẳng màng là trái chín, trái sống, hay nếu chẳng có trái thì cũng còn lá, còn cành, còn rễ, vẫn đủ để no dạ. Bấy giờ vị Thiên-chủ Sắc-ca muốn thử lòng của Két chúa, mới dùng thần-thông làm cho cây sung bị héo-tàn. Rồi vị Thiên- chủ cùng Hoàng-hậu

biến hình thành một cặp ngỗng, đi đến bên cây sung khô-héo, hỏi Két chúa tại sao lai còn ở mãi tại đây, chẳng bay đi nơi khác mà tìm hoa trái. Két chúa đáp: "Bởi vì tôi cảm thấy mình chẳng biết ơn cây sung nầy, nếu tôi bay đi chỗ khác. Tôi cứ ở mãi nơi đây khi mà tôi còn tìm thấy chút ít đủ để nuôi mình sống. Tôi sẽ là kẻ bạc ơn nếu tôi bỏ đi khi thấy cây đã héo."

Thiên-chủ rất cảm-động trước lời đáp chơn-thành của Két chúa, liền hiện-hình lên và múc nước sông Hằng tưới lên cây. Cây trở nên xanh-tươi, trái oằn cả nhánh.

Kết thúc câu chuyện, Đức Phật nói rằng, bực hiền-trí, dầu là súc-sanh đi nữa, luôn luôn biết đủ, rất bằng lòng với những gì mình đang có. Và Đức Phật cho biết thêm, Két chúa là tiền-thân của Đức Phật; còn Thiên-chủ Sắc-ca là tiền-thân của Tôn-giả A-nâu-lâu-đà.

Bấy giờ, Đức Phật mới đọc bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo nào sợ nguy phóng-dật,
Lại an-vui, tỉnh-giác trong lòng,
Chẳng hề thối-đoạ long-đong,
Niết-bàn ngưỡng cửa đã trông gần kề.
(Kệ số 032.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Ni-ga-ma: tên thật bằng tiếng Pali là Nigamavàsitissa.

- Ba-tư-nặc: tên thật bbằng tiếng Pali là Pasenadi, vua nước Câu-tát-la (Kosala) rất tôn sùng Đạo Phật, thường đến thưa hỏi với Đức Phật.

- Sắc-ca: tên bằng tiếng Pali là Sakka, Vua Đế-Thích ở cõi Trời.

- A-nâu-lâu-đà: đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca, tên thật bằng tiếng Pali là Anurudha.

-Biết đủ: dịch chữ Hán-Việt là tri-túc. Người biết đủ chẳng hề có lòng tham, vui lòng sống với những gì mình có, rất ít nhu-cầu, ít đòi hỏi.

- Đại-bố-thí: đại = lớn; bố = cùng khắp, chẳng sót; thí = cho, tặng. Đại-bố-thí là cuộc hội-lễ lớn do một người giàu-có tổ-chức, đem tiền-của, vật-thực ra hiến-tặng tất cả mọi người đến xin, kéo dài trong nhiều ngày.

- Lưu-luyến; Luyến-ái: tình-cảm quyến-luyến, rời ra chẳng dứt, tríu mến; (lưu = giữ; luyến = đeo-đuổi theo; ái = thương-mến).

- Chẳng màng: chẳng quá chú-trọng đến; xem thường.

- Thọ-thực: thọ = nhận; thực = ăn. Thọ-thực là tiếng nhà chùa để nói việc ăn uống của các người tu- hành.

- Khiển-trách: quở trách, chê, phạt.

- Bạc ơn: phụ lòng người đã giúp mình, vô-ơn, chẳng biết ơn.

- Oằn: nặng trĩu; nói về trái cây nhiều quá làm cong cả cành cây.

- Tiền-thân: tiền = trước; thân = thân hình. Tiền-thân là thân vào đời trước.

- Thối-đoạ: thối = thoái, đi lùi trở lại chỗ xấu; đoạ = rơi xuống thấp. Thối-đoạ, thoái-đoạ, là nói về người tu-hành lùi trở lại chỗ xấu, thấp; tức là sự tu-hành bị kém-cõi đi, chẳng có tiến-bộ.

- Long-đong: lo-lắng, khổ-sở, bơ-vơ.

- Niết-bàn ngưỡng cửa: Ngưỡng cửa Niết-Bàn; ý muốn nói sắp đến thời sẽ được giác-ngộ và giải- thoát, sẽ được sống trong cảnh an-nhiên, tự-tại, thường vui.

- Gần kề: kế bên, sắp tới nơi rồi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại hai việc: (1) cuộc sống biết đủ của Trưởng-lão Ni-ga-ma, (2) tiền-thân của Đức Phật dưới thân-hình con chim Két chúa. Cả hai chuyện đều đề-cao thái-độ tri-túc trong cuộc sống, biết bằng lòng với những gì mình có, chẳng tham-cầu, chẳng đòi-hỏi, biết tiết-chế trong việc uống ăn. Người biết đủ về phương-diện vật-chất, lại thêm tinh-cần, tỉnh-giác trong lòng, thì sớm chứng được Niết-Bàn vô-thượng.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 032:

Cũng như bài Kệ số 031, bài Kệ nầy nhấn mạnh đến nỗ-lực tinh-cần tu Thiền-định, sao cho trong lòng luôn tỉnh-giác. Ngoài ra, trong cuộc sống hằng ngày, biết hạn-chế các nhu-cầu, sẽ giúp ta tinh-tấn tu- hành, chóng chứng được cảnh an-lạc của Niết-bàn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài kệ.

2.- Học-tập về đức-tánh "biết đủ" của Trưởng-lão Ni-ga-ma: xin đề-nghị vài việc như sau:

- ăn cơm thiếu ớt thì cảm thấy mất ngon, nhưng ớt chẳng phải là món cần-thiết để nuôi sống mình. Thiếu ớt, thì có tiêu, gừng, v.v. nhưng trong giới ăn chay phải cử năm món cay-nồng (thường gọi là ngũ vị tân: hành, hẹ, tỏi, riềng và nén, vì các chất nầy dễ khiến người sanh ra nóng tánh và hay khởi lòng dục.)

- mặc đúng thời-trang chẳng phải là điều đáng trách, nhưng quá chú-trọng đến cách phục-sức là điều cần tránh. Chẳng nên quá cầu-kỳ trong sự chưng-diện; sạch-sẽ, tươm-tất mới là điều cần-thiết đánh giá bề ngoài của con người. Tránh các màu-sắc quá loè-loẹt; giầy cao-su cũng tốt, cần chi đến áo lông cừu, da hải cẩu, vừa tiết-kiệm được tiền-bạc, vừa giữ được giới sát-sanh.

- giải-trí cần sự thanh-tịnh để tỉnh-dưỡng tinh-thần; các buổi nhạc-hội quá ồn-ào, các màn trình-diễn quá dâm-ô, chẳng những trái với đạo-lý, đã tốn tiền, tinh-thần bị đầu-độc thêm ra. Đọc sách, đi bộ tiêu- khiển, đi xe đạp, thăm viếng các cảnh chùa-chiền

hay thánh-đường, du-ngoạn nơi thanh-vắng, thường làm cho tinh-thần bớt căng-thẳng.

3.- Học-tập về sự chẳng luyến-ái: luyến-ái là tình-cảm cần tránh, vì tuy bắt nguồn từ tình thương, nhưng luyến-ái khiến ta đắm-mê, bám chặt vào đối-tượng. Luyến-ái chính là một phần của sự tham-ái (= tanha), tức là lòng mong-muốn, tham-cầu, gom về mình, rồi bám vào sự sống với các thú-vui; do đó mà bị ràng-buộc vào cảnh sanh-tử của Luân-hồi khổ-đau triền-miên. Trong Bốn Chơn-Lý Nhiệm- Mầu, khi nói đến nguyên-nhơn gây ra khổ-đau, Đức Phật đã chỉ rõ chính vì sự tham-ái mà chúng-sanh phải trôi lăn trong cảnh khổ-đau chết đi sống lại mãi mãi.

Vậy, xin tạm đề-nghị vài ba việc thường-thường: (1) bớt "cưng" con; (2) bớt "cưng" xe; và ... (3) bớt hút thuốc, nhai kẹo!

-ooOoo-

III.- Phẩm Tâm.

(24).- Tích chuyện Trưởng-lão Mễ-ghi-Dạ.

Vào một thời kia, Đức Phật trú tại núi Ca-la-ca, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Mễ-ghi-Dạ và cách điều-phục tâm.

Thuở ấy, Trưởng-lão Mễ-ghi-Dạ làm thị-giả hầu-cận bên Đức Phật. Sáng hôm ấy, trong khi đi khất- thực, trưởng-lão nhận thấy có một khu vườn xoài rất xinh-xắn và thanh-nhã, liền khởi lên ý-nghĩ muốn được đến đấy để toạ-thiền. Về đến tịnh-xá, Trưởng-lão bèn thưa với Phật, xin phép được đến hành- thiền tại vườn xoài. Bấy giờ, các tỳ-kheo còn đi vắng, nhưng thấy trưởng-lão muốn đi quá, nên Đức Phật đồng-ý cho đi.

Trưởng-lão ra đi, đến vườn xoài, ngồi bên gốc cây to và bắt đầu hành-thiền. Nhưng cả ngày hôm ấy, tâm của trưởng-lão cứ lang-thang chạy đi đó đây và trưởng-lão cảm thấy chẳng có chút tiến-bộ nào về định-tâm. Chiều về, trưởng-lão vào trình Phật, thưa với Đức Phật rằng, suốt thời-gian ngồi thiền, tâm của trưởng-lão bị các tư-tưởng tham-dục, sân-hận và bạo-hành xâm-lấn, khiến trưởng-lão chẳng định- tâm được.

Đức Phật mới dạy rằng, tâm rất dễ bị kích-thích, hay thay-đổi, biến-chuyển rất nhanh-chóng; vì thế, ta phải biết cách điều-phục tâm. Rồi Đức Phật nói lên hai bài kệ sau đây:

Tâm giao-động, tâm hay cảm-nhiễm;
Khó giữ tâm, khó kiểm-soát tâm.
Như thợ khéo vót tên thẳng-tắp,
Bực hiền-lương khéo tập trực-tâm.
(Kệ số 033.)
Như con cá bắt lìa khỏi nước,
Thoi-thóp nằm sóng-sượt bên đàng,
Tâm kia rung-động bàng-hoàng,
Khi lìa cảnh-giới giác-quan bên ngoài;

Cám-dỗ ác-ma thoát được ngay!
(Kệ số 034.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Mễ-ghi-Dạ: tên thật bằng tiếng Pali là Meghiya.

-- Thị-giả: thị = hầu-cận; phục-thị; ở bên cạnh để nghe lịnh sai-khiến; giả = người. Vị thị-giả nổi-tiếng của Phật Thích-ca là Ngài A-nan.

- Thanh-nhã: thanh = thanh-tú, đẹp-đẽ; nhã = văn-nhã, u-nhã; đẹp mà dịu-hiền.

- Toạ-thiền: toạ = ngồi; thiền = tâm lắng-yên, vắng-vẻ. Thiền, tiếng Phạn đủ chữ là thiền-na (Dhyana). Trước, dịch là suy-tư; sau, dịch là tĩnh-lự, suy-nghĩ trong yên-lặng. Thiền là đường-lối tu- hành khiến cho tâm được an-tịnh.

- Định-tâm: định = dừng lại, đứng yên, chẳng thay đổi; tâm = lòng

- Bạo-hành: bạo = hung-bạo, dữ-tợn; hành = hành-động.

- Kích-thích: nghĩa gốc là lấy gươm đâm vào; nghĩa rộng và thông-thường là dễ bị ảnh-hưởng, dễ bị làm cảm-động, hay thay đổi.

- Điều-phục: điều = điều-khiển, sai khiến; phục = hàng-phục, bắt phải tuân theo. Điều-phục Tâm là buộc Tâm phải ở yên, chẳng được chạy lung-tung, giữ cho có định-tâm, có sự chú-tâm, sự chú-ý.

- Giao-động: động-đậy mãi, chẳng ở yên, hay lo-lắng, bối-rối.

- Cảm-nhiễm: cảm =cảm-động; nhiễm = dính theo, lây.

- Vót tên: chuốt mũi tên cho trơn láng, sắc-bén.

- Hiền-lương: người hiền và tốt. Ở đây có nghĩa là hiền-trí, người có trí-huệ làm điều phải, điều lành.

- Trực-tâm: trực = thẳng. Trực-tâm là tâm ngay-thẳng, chẳng cong-queo, chẳng dấu-diếm, chẳng giả- dối.

- Thoi-thóp: thở hơi yếu-ớt, sắp chết đến nơi.

- Nằm sóng-sượt: nằm chẳng cựa quậy, như sắp chết.

-Bàng-hoàng: lo-lắng, khắc-khoải.

- Cảnh-giới: môi-trường, nơi sanh-sống, chỗ đang ở.

- Giác-quan: giác = biết; quan = cơ-quan, bộ-phận. Ta có năm giác-quan: mắt, tai, mũi, lưỡi và da.

- Cám-dỗ: dụ-dỗ.

- Ác-ma: ác = xấu-ác; ma = kẻ vô-hình dụ-dỗ, gạt-gẫm, hại người.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tich chuyện thuật lại việc Trưởng-lão Mễ-ghi-Dạ ngồi Thiền mà chẳng đác định-tâm và được Đức Phật chỉ dạy cách điều-phục Tâm.

Lời chỉ dạy của Đức Phật nằm gọn trong hai bài Kệ.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 033 và 034:

1.- Bài Kệ số 033: Đức Phật dạy, Tâm rất khó giữ, rất khó kiểm-soát. Tại sao? Vì tâm (1) hay giao- động, (2) dễ cảm-nhiễm. Cũng như người thợ làm tên khéo vót mũi tên cho thật thẳng, thật bén, người hiền-trí khéo tập cho Tâm thật ngay-thẳng, gọi là trực-tâm. Nói cách khác, việc tu-hành quan-trọng là biết điều-phục tâm, biết kiểm-soát tâm, biết làm chủ lấy tâm. Bằng cách nào? Phật chỉ cách đó trong bài Kệ sau.

2.- Bài Kệ số 034: Đức Phật chỉ cách hàng-phục tâm, nghĩa là cách làm chủ lấy tâm mình, điều-khiển, chấn-chỉnh, sửa đổi tâm cho ngay-thẳng, để được trực tâm. Phật đưa ra thí-dụ: con cá bị bắt ra khỏi nước, hết vùng-vẫy được, nằm sóng-sượt đó, tùy ý người bắt, muốn làm sao thì làm. Cùng thế ấy, nếu biết lìa cảnh-giới của các giác-quan, tức là chẳng chạy theo cảnh-vật bên ngoài (như mắt chớ nhìn, tai chớ nghe, mũi chớ ngữi, trong khi ngồi thiền), thì tâm phải dừng lại, đứng yên, quay vào bên trong: đó là cách cột con vượn Tâm lại, chẳng cho nó chuyền cành nữa. Lại còn một ích-lợi to-lớn nữa là tránh cho tâm khỏi bị cảm-nhiễm, khỏi bị lôi-kéo, khỏi bị cám-dỗ. Ai cám-dỗ tâm? Bài kệ nói là ác-ma cám- dỗ. Đó là một cách nói, vậy thôi; chớ thật ra, vì mắt có nhìn, thì tâm mới bị lôi-kéo; tai có nghe, thì tâm mới bị trì-níu. Có ma hay không chẳng cần biết, chỉ cần biết: (1) mắt nhìn mà chẳng thấy; (2) tai nghe tiếng mà chẳng để tâm vào, thì chắc-chắn tâm thoát được cám-dỗ ngay, để được lắng yên.

Ý-nghĩa quan-trọng của hai bài Kệ: muốn hàng-phục Tâm, trước hết phải biết giữ-gìn các giác-quan, trong khi toạ-Thiền.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng ngay hai bài Kệ và thử tập chế-phục các giác-quan như được nói trong Phần Ý-Nghĩa của hai bài Kệ. Trong bài tới, sẽ xin đề-nghị vài cách nho-nhỏ, dễ làm, để hàng-phục tâm.

(25).- Tích chuyện bà tín-nữ Mã-thị-Kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Tỳ-kheo tu Thiền, nhờ sự hỗ-trợ của một tín-nữ là bà Mã-thị-Kha mà chứng-đắc được quả-vị A- la-hán.

Thuở ấy, có sáu mươi vị tỳ-kheo, sau khi nhận được đề-tài quán-tưởng của Đức Phật chỉ-dạy, liền đến ngôi làng dưới chơn núi mà hành-thiền, trong suốt mùa mưa. Thân-mẫu của vị chủ làng là bà Mã-thị- Kha hằng ngày dưng cúng thực-phẩm lên các vị tỳ-kheo. Bà cho xây cất tịnh-xá để các vị tu-hành có

nơi trú mưa ẩn gió, khiến các vị có thể qua được mùa mưa trong tiện-nghi. Một hôm, bà Mã đến thưa hỏi một nhóm tỳ-kheo về đường-lối tu-tập. Họ chỉ-dạy bà cách quán-tưởng ba mươi hai chỗ dở-bẩn trong thân-thể con người; đó là phép quán thân bất-tịnh, dẫn đến sự thông-hiểu thấu-đáo về cảnh già- lão suy-yếu và huỷ-diệt của tấm thân. Bà Mã theo đó mà thực-hành thật tinh-cần, và chẳng bao lâu bà chứng-đắc được Đạo và Quả của ba ngôi-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn, ngay trước cả một số vị tỳ-kheo khác còn đang tu-tập.

Với đạo-lực đã chứng-đắc, bà Mã mở được thiên-nhãn nhìn thấy tâm-trạng của các vị tỳ-kheo còn chưa chứng-đắc. Bà nhận thấy rằng, nếu được nuôi-dưỡng bằng các thực-phẩm thanh-khiết và bổ- dưỡng, các vị tỳ-kheo tinh-tấn hành-thiền sẽ chóng chứng được đạo-quả. Bà Mã liền chọn và chuẩn-bị thức ăn rất tốt đem dưng-cứng, khiến cho phần lớn các vị siêng-năng hành-thiền nhờ đó mà sớm đắc được đạo-quả A-la-hán.

Đến cuối mùa an-cư, các vị tỳ-kheo quay trở về Kỳ-viên-tự, thưa trình lên Đức Phật, nhờ sự hỗ-trợ đắc-lực của bà Mã-thị-Kha mà tất cả tỳ-kheo an-cư được đầy-đủ sức-khoẻ, thoải-mái, chẳng phải lo- lắng chi đến thực-phẩm, nhờ đó mà nỗ-lực dễ-dàng để tiến tu. Các vị tỳ-kheo còn trình rằng, bà Mã còn có khả-năng biết được tư-tưởng của họ, nên bà đã hiến-tặng đúng các món ăn mà mỗi người riêng mong muốn có được.

Bấy giờ có một vị tỳ-kheo nghe các vị khác khen-ngợi bà Mã, mới thỉnh-cầu Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài quán-tưởng và đến tịnh-xá ở làng của bà Mã mà hành-thiền. Tại đây, vị ấy được bà Mã cung-cấp cho đầy-đủ thực-phẩm và các tiện-nghi khác. Khi vị ấy có ý muốn gặp bà Mã, bà liền đi đến, mang theo đúng các món ăn mà vị ấy mong muốn. Sau khi thọ-thực xong, vị tỳ-kheo mới hỏi bà Mã, có đúng chăng bà đọc được tư-tưởng của người khác. Bà Mã lẫn tránh câu trả lời trực-tiếp, bảo rằng, các bực đã chứng được tha-tâm-thông thì hành-động như thế nầy, thế nọ. Vị tỳ-kheo liền ngẫm-nghĩ: "Nếu mình còn giữ những tư-tưởng chẳng tinh-khiết của phàm-phu, thế nào bà Mã cũng nhận thấy được." Rồi, vị ấy khởi tâm lo-sợ xấu-hổ với vị tín-nữ, mới bỏ quay về Kỳ-viên-tự, để thưa trình lại với Đức Phật. Nghe vị tỳ-kheo ấy bạch sự lo-lắng ấy, Đức Phật bảo ông cứ trở lại làng của bà Mã mà hành-thiền, chỉ cần thực-hành cho thật đúng mỗi một việc nầy: kiểm-soát kỹ-lưỡng tất cả tư-tưởng mình trong lúc hành thiền. Vị tỳ-kheo vâng lời trở lại tịnh-xá trong làng, ông tiếp-tục được bà Mã cung-cấp thực-phẩm ngon như trước. Nhờ chẳng còn lo-lắng như trước nữa, vị tỳ-kheo tinh-cần tu-tập, chẳng bao lâu chứng được đạo-quả A-la-hán.

Khi nhắc đến vị tỳ-kheo nói trên, nhờ sự hỗ-trợ của bà Mã về thực-phẩm, trong thời-gian tu thiền, Đức Phật có đọc lên bài Kệ sau đây:

Tâm rất khó cho ta nắm giữ,
Nhẹ-nhàng, nhanh-nhẹn, nó bay cao;
Rồi đáp xuống chỗ nào nó thích.
Hàng-phục được tâm là tuyệt-đích,
Chế-ngự tâm thuần, hạnh-phước cao!

(Kệ số 035.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Tín-nữ: tín = tin-tưởng; nữ = phụ-nữ, đàn-bà, cô gái. Tín-nữ là người phụ-nữ tu tại-gia, tin-tưởng nơi Đức Phật và Chánh-pháp. Còn gọi là ưu-bà-di (Upasikà) hay cận-sự-nữ.

- Mã-thị-Kha: tên thật bằng tiếng Pali là Màtikamàtà.

- Thân-mẫu: người mẹ của mình.

- Chủ làng: người đứng đầu trong làng, như Ông Cả.

- Tiện-nghi: tiện = tiện-lợi; nghi = đúng chỗ. Tiện-nghi là những việc thích-đáng, vừa phải, khiến cho thân-tâm được thoải-mái.

- Quán thân bất-tịnh: quán = suy-tưởng sâu-xa; bất-tịnh = chẳng sạch-sẽ. Đây là phép quán đầu-tiên trong phép Quán Tứ-niệm-xứ. Người thực-hành phép quán thân bất-tịnh, xem xét kỹ-lưỡng bên trong thân-thể mình chứa đầy các chất dơ-bẩn. Có tất cả 32 chỗ bất-tịnh trong thân, xin kể ra một số chánh là: máu, mủ, đờm, dãi, nước tiểu, phẩn, ghèn, cứt ráy, v.v. Biết quán thân bất-tịnh đúng cách tâm sẽ sanh ra nhàm-chán thân-thể bất-tịnh mà dứt được sự luyến-ái vào thân, thấy được sự suy-giảm từ-từ của thân đi đến sự huỷ-diệt; nhờ đó mà tâm hướng về sự giải-thoát khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi.

- Suy-yếu: suy = giảm mất sức-lực. Muôn vật, với thời-gian đều bị suy-yếu lần lần, đó là sư-thật mà người thường hay quên, cứ lo theo đuổi các thú-vui vật-chất tạm-thời.

- Ba ngôi-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn: đó là Tu-đà-huờn (Nhập-Lưu), Tư-đà-hàm (Nhứt-Lai), và A-na-hàm (Bất-Lai).

-Đạo-lực: đạo = con đường tu-tập; lực = sức mạnh. Người có đạo-lực cao chứng được các quyền- năng tâm-linh mà người chẳng tu chẳng thể có được.

- Thiên-nhãn: thiên = Trời; nhãn = mắt. Người đắc được thiên-nhãn, tâm nhìn thấy các vật ở xa, chẳng bị ngăn-cách. Chẳng phải là được thêm một cặp mắt nào mới, đấy chỉ là tâm thanh-tịnh nhìn được xa.

- Thanh-khiết: thanh = trong, sạch; khiết = sạch.

- Đắc-lực: đắc = được; lực = sức. Đắc-lực là vừa giỏi, khéo vừa thành-công.

- Câu trả lời trực-tiếp: lời đáp thẳng. Bà Mã chẳng đáp thẳng là bà có được tha-tâm-thông, nhưng lời nói của Bà khiến cho vị tỳ-kheo đoán được là bà có khả-năng đọc được tư-tưởng người khác.

- Tha-tâm-thông: tha = kẻ khác; tâm = lòng; thông = biết rõ.

- Tuyệt-đích: tuyệt = hơn tất cả; đích = nơi nhìn vào; cái ấy. Theo nghĩa thông-thường, tuyệt-đích là hay, giỏi, khéo hơn hết. Theo nghĩa ở đây, đó là cái mục-đích cao nhứt mà mình nhắm vào khi tu: giữ tâm.

- Chế-ngự: chế = chế-phục, điều-khiển, làm chủ được; phục = hàng-phục, khiến phải tuân theo lịnh, chẳng cho chống-cãi . Chế-ngự Tâm là nắm giữ tâm, làm chủ được tâm.

- Tâm thuần: tâm thuần-thục, chẳng còn bay nhảy, biết đứng yên, chẳng sanh vọng-tưởng, chứng được định-tâm và phát-sanh huệ.

- Hạnh-phước cao: ở đây, ý bài Kệ muốn nói đến hạnh-phước cao nhứt là chứng được quả-vị vô-sanh của cảnh-giới Niết-bàn thường vui.

- Hỗ-trợ: hỗ = đắp đổi bên nầy qua bên kia; trợ = giúp-đỡ. Hỗ-trợ là giúp-đỡ lẫn nhau.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

a.- Bà Mã giúp thực-phẩm cho các vị tỳ-kheo; các vị nầy chỉ-dạy giúp Bà cách tu-hành: đây là ý-nghĩa quan-trrọng của việc cúng-dường chư Tăng. Đem dâng-cúng lễ-vật cho người tu-hành chơn-chánh là

việc quí vì đem lại phước-đức lớn cho người thí-giả. Nhưng chưa đủ! Chưa đủ, vì người thí-giả chẳng những tạo phước bằng cách dâng-cúng, mà còn phải biết thưa hỏi về cách tu-tập riêng cho mình. Vị tỳ- kheo biết cách chỉ-dạy đúng đường cho các thiện-nam, tín-nữ, là đang bố-thí ngược lại cho người giúp mình: bố-thí pháp-tu (=pháp-thí). Đấy mới thật là sự hỗ-trợ: hai bên giúp-đỡ lẫn nhau, tiến tu để cùng được giải-thoát.

b.- Lời dạy của Đức Phật: giữ tâm mình thật kỹ-lưỡng, đã khiến cho vị tỳ-kheo biết cách TU TÂM. Nói tu-hành, nghĩa là sao? Tu là sửa lại cho đúng. Sửa cái chi? Sửa cái tâm cho thanh-tịnh và giữ tâm ấy trong-sạch luôn. Như thế, sớm chứng được định-tâm, sớm phát được huệ. Đường-tu giản-dị chỉ có thế, nhưng phải cố gắng giữ tâm thanh-tịnh suốt đời. Giúp vào việc giữ tâm nầy là (1)phải giữ năm giới-tu cho thật cẩn-thận, chẳng hề lơ-là; (2)phải siêng bố-thí.

Ngoài ra, Tích chuyện còn dạy ta một điều khá quan-trọng: ăn-uống phải đầy-đủ thì việc tu-hành mới mau tấn-tới. Đây là điều mà một số người tại-gia thường lãng quên: hôm nào ăn chay thì ăn sơ-sịa, quấy-quá cho qua bữa, thiếu chất bổ-dưỡng, xem việc ăn chay như trả nợ!

Phải chuẩn-bị bữa cơm chay thật tươm-tất, khiến cho con cháu trong nhà thích ăn chay và mong đến ngày ăn chay.

B.- Ý-nghĩa của bài Kệ số 035:

Bài kệ nầy mang một ý-nghĩa rất quan-trọng, gói gọn trong hai chữ TÂM THUẦN. Như đã biết, tu là tu Tâm. Tu tâm đến mức tâm được thuần, là thành-công viên-mãn. Tâm thuần là sao? Người luyện được tâm thuần cũng như người luyện tập ngựa cho thuần. Ngựa thuần khéo biết ý của chủ, theo lịnh của chủ, chạy êm, chạy nhanh. Tâm thuần cũng thế, biết dừng lại, biết quay vào trong, biết theo đúng con đường tu-hành, lúc nào cũng trong-sạch và an-tịnh. Làm sao cho tâm thuần? Đây là một nỗ-lực khó, phải

bền-chí: kiểm-soát tâm ở mỗi biến-chuyển của tâm.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ và xin thường đọc lại ít nhứt một lần mỗi ngày.

2.- Xin đọc lại bài Kệ số 034 ở bài trước và phối-hợp với bài nầy để tự mình đặt ra cách TU TÂM cho chính mình. Xin đề-nghị vài cách nho-nhỏ, dễ làm, mà có hiệu-quả lớn:

- kiểm-soát các giác-quan: khi làm việc gì, chú-ý vào việc ấy, đừng nghe, đừng thấy các việc khác. Thí-dụ, đang ăn, thì chỉ lo ăn, mà chẳng vừa ăn vừa xem Ti-vi. Thí-dụ khác, đang đọc sách, thì chỉ đọc sách, chẳng nghe nhạc; hay xem xong một đoạn cho kỹ rồi hãy nghe nhạc sau.

- giữ tâm trong khi ăn: trong khi ăn, thường nói chuyện với nhau mới vui. Đành là thế! Nhưng người siêng tu thì tạm hy-sinh cái vui nói chuyện trong khi ăn, để, tay gắp thức ăn, trong tâm niệm thầm: tay gắp; đưa thức ăn vào miệng nhai, tâm niệm thầm: nhai. Đến khi nuốt, cũng niệm: nuốt. Như thế, cho hết một chén cơm. Thử tập như thế thì ăn lâu hơn, người ta ăn xong hết, mình còn ngồi lại, coi cũng kỳ-kỳ, thành ra ăn ít đi; nhờ đó mà ... sụt cân, bớt .. phì!

- khi mình cau-có giận ai: nếu kịp thời biết được mình đang giận, thì hãy quay vào trong, nghe coi hơi thở mình như thế nào, tim mình đập nhanh như thế nào, rồi lấy tay vuốt mặt ba cái, để vuốt cái giận mất đi!

(26).- Tích chuyện về một Tỳ-kheo bất-mãn.

Vào một thời kia, Đức Phật trú tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một tỳ-kheo bất-mãn.

Thuở ấy, có một chàng thanh-niên, con của một chủ ngân-hàng, sống tại nước Xá-vệ. Người thanh- niên ấy thưa hỏi vị ty-kheo thường đến khất-thực tại nhà anh, anh phải làm gì để tránh mọi khổ-đau cho đời anh. Vị tỳ-kheo liền bảo, hãy chia tài-sản của anh ra làm ba phần: một phần để kinh-doanh, một phần để nuôi gia-đình, còn một phần thì đem ra bố-thí. Người thanh-niên làm y theo lời dạy đó. Một thời-gian sau, thanh-niên ấy lại hỏi vị tỳ-kheo, nên tiếp-tục làm những gì nữa. Vị tỳ-kheo bảo, trước hết là quy-y Tam-Bảo và giữ đúng năm giới tại-gia; kế đó sẽ thực-hành Thập Thiện-nghiệp-đạo, rồi sau cùng khước-từ đời sống thế-tục và gia-nhập Tăng-đoàn để đi tu. Chàng thanh-niên thi-hành theo thứ-lớp, đúng lời dạy và trở thành một vị tỳ-kheo.

Vào chùa, vị tân tỳ-kheo được một vị giáo-thọ dạy cho Chánh-pháp trong Tam-Tạng kinh-điển, và một vị giáo-thọ khác dạy Luật-Tạng. Bấy giờ, vị ấy cảm thấy có quá nhiều điều để học-hỏi và phải nhớ kỹ để thi-hành. Có nhiều giới-cấm thật nghiêm-nhặt đến nổi lắm lúc chẳng còn chút tự-do cá-nhơn để duỗi cánh tay nữa! Vị tỳ-kheo ấy sanh ra bất-mãn, nghĩ rằng có lẽ tốt hơn quay về với cuộc sống thế- tục trong gia-đình. Hậu-quả của sự bất-mãn rất nặng khiến cho vị ấy xao-lãng các bổn-phận của tỳ- kheo, thân-thể trở nên gầy-ốm. Khi Đức Phật được biết đến tình-trạng của vị tỳ-kheo ấy, Ngài dạy rằng: "Này tỳ-kheo, con chỉ cần giữ gìn tâm con cho thật kỹ-lưỡng, ngoài ra chẳng cần

kiểm-soát thêm gì nữa cả." Rồi Đức Phật liền đọc lên bài Kệ sau đây:

Tâm rất khó cho ta nhìn thấy,
Mỏng-manh, tế-nhị, chạy khắp nơi;
Rồi ngừng lại chẳng rời nơi thích.
Người hiền kềm-thúc tâm mình,
Tâm khéo giữ-gìn, được hạnh-phước cao.
(Kệ số 036.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Bất-mãn: bất = chẳng có; mãn = đầy; vừa ý, mãn nguyện, thoả-mãn. Bất-mãn là chẳng bằng lòng, chẳng vừa ý.

- Tài-sản: tiền-của.

- Kinh-doanh: làm ăn, dùng vào nghề-nghiệp sanh-sống; trù-hoạch công việc làm ăn.

- Quy-y Tam-Bảo: tìm về nương-tựa nơi Phật, Pháp và Tăng.

- Năm giới tại-gia: thường gọi là ngũ-giới: chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cắp, chẳng tà-dâm, chẳng nói dối và chẳng uống rượu.

- Thập Thiện-nghiệp đạo: thập = mười; thiện = lành; nghiệp = hành-động; đạo = đường-tu. Mười điều Thiện: chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cắp, chẳng tà-dâm. chẳng nói dối, chẳng nói lưỡi hai chiều, chẳng nói lời thô-ác, chẳng nói lời vô-nghĩa, chẳng tham, chẳng giận, chẳng có tà-kiến.

- Kềm-thúc: giữ-gìn chặt-chẽ, bó-buộc phải theo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyên:

Tích chuyện thuật lại cuộc đời đi tu của một tỳ-kheo. Trước, khi còn ở nhà, được chỉ dạy chia tài-sản ra ba phần, lấy một phần để bố-thí: đó là để tạo phước cho đời sau được giàu-có. Kế đó được chỉ-dạy nên giữ gìn năm giới của người tu tại-gia: đó tu theo nhơn-thừa, nghĩa là để đời sau được tái-sanh lại làm người. Sau, lại được dạy thi-hành Thập-thiện: đó là đường-tu Thiên-thừa, nghĩa là đời sau sẽ được

sanh lên cõi Trời sung-sướng. Sau cùng được bảo nên xuất-gia làm tỳ-kheo: đó là đường-tu giải-thoát khỏi cảnh Luân-hồi. Ba đường trước còn dễ nhớ, dễ làm vì chỉ có một điều: bố-thí; chỉ có năm điều: ngũ giới; chỉ có mười điều: thập-thiện. Đến khi học giới tỳ-kheo: 250 điều và Tam-tạng Kinh-điển thì nhiều quá, học chẳng xuể. Đức Phật tóm lại cho gọn thành ra có một điều duy-nhứt: giữ gìn tâm cho kỹ-lưỡng. Đó là con đường tu tâm để được giải-thoát. Xem thế thì biết, thiên kinh vạn quyển (= ngàn cuốn kinh, vạn cuốn sách), chỉ tóm lại có một điều: Tu Tâm!

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ:

Bài Kệ số 036, giống bài Kệ số 035, ở lời văn và ý-nghĩa; cả hai mô-tả tâm nơi ba câu đầu, và khuyên ta nên tu tâm ở hai câu sau.

Tu Tâm như thế nào, trong bài trước đã nói qua, xin khỏi nhắc lại. Chỉ xin nhấn mạnh một điều: Kinh Phật, giới-luật, có rất nhiều, nhưng chỉ cần hiểu, nhớ và thi-hành đúng một điều duy-nhứt:TU TÂM. Ta hãy thán-phục cách dạy của Đức Phật: dạy rất giản-dị, ít mà đủ, lại có hiệu-quả. Xin xem lại Tích chuyện của Tỳ-kheo Tiểu Phan-tha-ka, trang 69, và so-sánh với mẩu chuyện ở đây thì thấy rõ tài dạy- dỗ khéo-léo của Đức Phật.

Học-tập

1. Học thuộc lònh bài Kệ nầy. Hãy nhớ lại cả hai bài trước đó. Trọn ba bài đ ều nói về việc tu-tâm. Học thuộc lòng rất tốt, nhưng chưa đủ, phải thực-hành mới có hiệu-quả.

2.- Có một cách để nhớ đủ mười điều thiện: chia ra,

- ba điều nói về thân: (1) chẳng sát-sanh, (2) chẳng trộm-cắp, (3) chẳng tà-dâm;

- bốn điều nói về miệng: (1) chẳng nói dối, (2) chẳng nói lưỡi đôi chiều, (3) chẳng nói lời thô-ác, (4) chẳng nói lời vô-nghĩa;

- ba điều nói về ý: (1) chẳng tham, (2) chẳng giận, (3) chẳng có tà-kiến.

Giữ được ba nơi thân, miệng, ý đều lành,là giữ cho ba nghiệp được thanh-tịnh. Đó là căn-bản cho mọi đường-tu, chẳng chỉ riêng Thiên-thừa.

Xin giải-thích thêm vài điều trong Thập-Thiện:

- tà-dâm có nghĩa là đã có vợ-chồng mà còn lang-chạ, xâm-phạm tiết-hạnh của người khác. Đối với tỳ- kheo, cấm hẳn việc dâm-dục, phải theo hạnh độc-thân.

- nói lưỡi đôi chiều là nói đâm thọc, gặp người nầy nói vầy, gặp người kia nói khác, cố ý gây chia rẽ, gieo thêm giận-hờn.

- nói lời vô-nghĩa là nói chuyện tầm-phào, ngồi lê đôi mách.

- tà-kiến: có nhiều tà-kiến, nhưng cần nhớ biết ba tà-kiến nầy để tránh: thân-kiến, chấp lấy thân làm ta; thường-kiến, cho rằng có linh-hồn bất-diệt, đoạn-kiến, cho rằng chết là hết, chẳng có Luân-hồi.

(27).- Tích chuyện Sa-di Tha-di-nê.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Sa-di Tha-di-nê và Trưởng-lão Tăng-ga-ra.

Thuở ấy, có một vị Trưởng-lão ở nước Xá-vệ, tên là Tăng-ga-ra, có người cháu gọi mình bằng cậu, tên là Tha-di-nê. Tha-di-nê còn nhỏ tuổi, được thâu-nhận vào chùa, làm Sa-di. Bấy giờ, Sa-di Tha-di-nê

nhận được hai bộ cà-sa cúng-dường; sau mùa an-cư kiết-hạ, mới đến gặp Trưởng-lão Tăng-ga-ra, để chia lại cho cậu mình một bộ áo. Nhưng Trưởng-lão từ-chối chẳng nhận, bảo rằng Trưởng-lão đã có đủ ba bộ y rồi. Sa-di Tha-di-nê rất buồn lòng, thấy cậu chẳng

chịu chia-xẻ phước-báu cùng mình.

Hôm ấy, Sa-di Tha-di-nê đang đứng hầu, quạt mát cho Trưởng-lão. Trong đầu chú Sa-di liền khởi lên ý-nghĩ, mình cúng-dường cho cậu mình, mà cậu chẳng nhận, thôi thì mình còn ở lại chùa làm chi nữa, hãy cứ quay về sống đời sống thế-tục. Rồi mình đem bán bớt một chiếc áo, lấy tiền mua một con dê- cái để nuôi. Chẳng bao lâu, dê đẻ con, mình sẽ có một đàn dê, đủ tiền để cưới một cô vợ. Năm sau, vợ mình sanh một đứa con, mình sẽ dẫn vợ con để đảnh-lễ cậu mình ở tu-viện. Mình dùng một chiếc xe nhỏ để đưa vợ con đi. Dọc đường, mình muốn bồng con lên, nhưng vợ mình cãi lại, bảo để con cho nàng bồng, còn mình hãy cứ đẩy xe đi. Mình chẳng chịu, vói tay bồng con, vợ mình giựt lại, khiến con té xuống đất. Mình tức quá, mới lấy cây gậy đuổi dê, gõ mạnh vào đầu vợ mấy cái...

Suy-nghĩ miên-man như thế, Sa-di Tha-di-nê trở cán quạt khỏ vào đầu Trưởng-lão một cái đau-điếng. Trưởng-lão ngẩng lên nhìn chú Sa-di, đọc được tư-tưởng của chú, liền nói: "Cháu muốn đánh vợ cháu, sao lại nhè cái đầu trọc của nhà sư già nầy mà đập, đau thế!" Tha-di-nê mới bừng tỉnh cơn mộng, sợ quá sợ, vì cậu mình đã biết được ý-nghĩ trong đầu mình. Vừa xấu-hổ, vừa lo-lắng, Sa-di Tha-di-nê vụt bỏ chạy ra khỏi chùa. Các vị tăng trẻ tuổi và mấy chú tiểu trong chùa vội rượt theo bắt lại và dẫn Sa-di Tha-di-nê đến trước mặt Đức Phật.

Khi nghe kể lại câu chuyện, Đức Phật mới bảo rằng, tâm có khả-năng nghĩ đến một việc ở xa, thật xa, và mọi người tu-hành chăm-chỉ phải biết cách gìn-giữ tâm, phải khiến cho tâm rửa sạch được ba món độc tham, sân, si. Bấy giờ, Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Tâm lang-thang đi xa,
Nó chạy rong một mình;
Nó chẳng hình, chẳng sắc,
Ẩn trong hang động sâu.
Ai điều-phục tâm nầy,
Thoát vòng vây bọn ma.
(Kệ số 037.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Sa-di: tiếng Phạn phiên-âm, Sramanera, người còn trẻ tuổi vào chùa tập-sự tu, chưa thọ-giới Tỳ- kheo.

- Tha-di-nê: tên thật bằng tiếng Pali rất dài: Sangharakkhita Bhàgineyya, Thiện-Nhựt lấy chữ sau để đặt tên tiếng Việt cho dễ đọc.

- Tăng-ga-ra: tên thật bằng tiếng Pali là Sangharakkhita.

- Ba bộ y: theo giới-luật tỳ-kheo, mỗi người chỉ giữ lại cho mình có ba bộ áo. Mục-đích của giới nầy là để diệt lòng tham tích-trữ của cải và tránh sự khoe-khoang về cách ăn-mặc.

- Cơn mộng: mộng = chiêm-bao; ngủ mê, trong đầu mơ nghĩ đến chuyện chẳng thật. Ở đây, chú Sa-di đang ngủ đứng!

- Chú tiểu: tiếng thông-thường để gọi các vị Sa-di.

- Chạy rong: chạy đi chơi lang-thang chẳng có mục-đích gì.

- Ở trong hang động sâu: ở đây, ý muốn nói đến trái tim ở trong buồng ngực. Thông-thường, người ta cho rằng tâm là trái tim; nhưng như bài Kệ nói rõ, nó vô-hình, nó là phần tâm-linh ở bên trong, chẳng có nơi xác-định trên thân-thể.

- Điều-phục: điều = điều-khiển, nắm lấy quyền làm chủ để sai-khiến; phục = hàng-phục, khuất-phục, bắt buộc phải theo lịnh của người chủ. Ở đây, điều-phục tâm là biết kềm-giữ tâm, chẳng cho nó chạy rong.

- Bọn ma: ở đây, ý muốn nói: thoát được sự cám-dỗ.

B.- Nghĩa Ý:

(1).- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một chú Sa-di đang quạt hầu một vị Trưởng-lão, vì đang mơ-mộng, nên chú trở cán quạt, khỏ vào đầu vị Trưởng-lão. Khi biết tư-tưởng trong đầu mình bị người khác đọc thấy được, chú xấu-hổ chạy đi, nhưng sau đó, được Đức Phật chỉ-dạy cách kềm tâm lại, chẳng cho nó chạy rong nữa.

Ý-nghĩa quan-trọng nầy: kềm-giữ tâm, đã được nói rõ trong ba bài Kệ trước.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 037:

Bài Kệ có hai phần chánh:

a.- Ba câu đầu mô-tả Tâm:

1) Tâm chẳng có hình-sắc. Tại sao? Vì tâm chỉ vào phần tâm-linh, chẳng phải là vật-chất mà có hình- dáng và màu sắc.

2) Tâm ẩn trong hang động sâu: Câu nầy có thể hiểu Tâm là trái tim, ở sâu trong buồng ngực. Nhưng hiểu như thế, tuy cũng đúng, nhưng chưa đầy-đủ, vì ta chẳng thể xác-định phần vô-hình của Tâm ở vào chỗ nào nhứt-định trong thân-thể ta cả. Ở đầu chăng? Không, trong đầu chỉ có óc, tuy rằng nhờ óc mà ta suy-nghĩ được, nhưng đó còn chưa hẳn là Tâm. Ở trong bụng chăng? Không, trong bụng chỉ có dạ- dày (=bao-tử), ruột và các bộ-phận khác của bộ tiêu-hoá. Ở trong ngực chăng? Không, ở trong ngực có phổi để thở, và tim để đưa máu đi khắp châu-thân) Có lẽ nên hiểu chữ hang động sâu, như là một nơi kín đáo nào đó bên trong ta. Tuy chẳng biết rõ đích-xác chỗ nào, nhưng ta có thể nắm-bắt được Tâm, bằng cách hễ Tâm đang nghĩ gì, mình biết ngay là Tâm đang nghĩ điều đó. Vậy, cần chi xác-định Tâm ở đâu, chỉ cần biết nắm-giữ Tâm lại là đủ.

3) Nó chạy rong một mình, đi lang-thang rất xa: đó là hai đặc-tánh của cái Tâm chưa được điều-phục. Nó chạy rong một mình, bỏ thân-thể đang đứng hay nằm, ngồi, ở đây. Nó lang-thang đi thật xa, theo sự tưởng-tượng của nó. Chẳng những đi xa, nó còn quay

về dĩ-vãng, hướng về tương-lai, lại thêm tạo ra những việc giả-tưởng nữa.

b.- Hai câu chót: ích lợi của sự điều-phục Tâm. Biết nắm-giữ Tâm, biết kiểm-soát Tâm, biết điều-phục Tâm, thì thoát khỏi sự cám-dỗ, mà bài Kệ gọi là vòng vây bọn Ma. Tại sao lại bị cám-dỗ? Trong hai bài Kệ trước, số 035 và 036, có nói: nó bay cao rồi đáp xuống nơi nào nó thích; nó chạy khắp nơi, rồi ngừng lại chẳng rời nơi thích. Tại nó thích, cho nên nó mới bị cám-dỗ.

Chung qui, vấn-đề đặt ra là làm cách nào để điều-phục tâm cho có hiệu-quả; xin xét đến vấn-đề nầy ở Phần Học-Tập.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Đã biết Tâm rất khó nắm-giữ, rất khó kiểm-soát, muốn điều-phục Tâm, cần phải kiên-nhẫn, thực- hành luôn luôn, mới có hiệu-quả. Xin đề-nghị vài cách để biết nắm-giữ Tâm trước đã.

1) Khi rỗi-rảnh chẳng có việc gì cần làm, chính lúc đó là Tâm hay đi lang-thang: muốn giữ-gìn Tâm lúc nầy, cần phải niệm thầm trong đầu một bài Kệ. Bất cứ bài Kệ nào mình nhớ, phải đọc thầm trong đầu trọn bài, chỗ nào quên, lấy sách ra đọc lại, kỳ đến thuộc làu mới thôi. Trong thời-gian nầy, đang giữ Tâm một cách hữu-hiệu. Xin nhớ, phải đọc thầm cả bài Kệ, chẳng thiếu chữ nào. Khi thiếu, Tâm thường hẹn, để lúc nào đó sẽ giở sách ra xem lại. Nếu chiều theo ý-nghĩ lười nầy, Tâm sẽ đi lang- thang ngay.

2) Trong khi tụng kinh ở Chánh-điện, thường hay lo ra, nghĩ đến việc sẽ làm sau thời kinh. Đó là: cái miệng đọc tụng mà cái bụng đi chợ! Trong lúc bụng đi chợ như thế, nếu nghe tiếng chuông mà sực- tỉnh, nên sửa lại cặp kiếng, hay vuốt mặt một cái, rồi chăm-chú vào lời Kinh, dầu có hiểu hay chẳng hiểu cũng chẳng sao, miễn là mình biết mình đang đọc chữ gì, câu gì. Đấy là kéo Tâm về với hiện-tại và tại đây đó.

(28).- Tích chuyện Trưởng-lão Chí-ta-hạt.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến trường-hợp của Trưởng-lão Chí-ta-hạt, bảy lần thọ-giới Tỳ-kheo.

Thuở ấy, có một người ở nước Xá-vệ, vì đi tìm một con bò đi lạc suốt buổi sáng trong rừng sâu, nên đói quá. Anh liền ghé vào một ngôi chùa, xin cơm ăn. Trong khi ăn, anh ngẫm-nghĩ, mình làm việc vất-vả cả ngày mà chẳng có được thức ăn ngon như vầy, chi bằng mình cứ xin vào chùa tu thì sướng hơn. Sau bữa ăn, anh ta liền xin phép được xuất-gia, và được thu-nhận vào Tăng-đoàn. Tại tu-viện, anh thi-hành đầy-đủ bổn-phận của một vị rỳ-kheo và nhờ có thực-phẩm đầy-đủ, nên anh béo mập ra. Sau một thời-gian, anh cảm thấy buồn chán, mỗi ngày phải mang bình-bát đi khất-thực, nên xin quay về nhà, trở lại đời sống thế-tục. Về nhà được mấy hôm, anh lại cảm thấy cuộc sống nơi đây cực-khổ quá, nên trở lại chùa, xin được đi tu lại, và được chấp-nhận. Cứ thế, cả thảy, sáu bận thọ giới Tỳ-kheo, sáu lần hoàn-tục. Các vị tăng-nhơn trong chùa gọi chàng ta là tỳ-kheo Tâm-bất-định.

Đến lần thứ bảy trở về nhà, vợ anh mang bầu. Một đêm, anh ta đi vào phòng vợ, thấy vợ nằm ngủ, bụng phình to, hơi thở ngáy ồ-ồ, nước dãi chảy thòng xuống mép. Trông thấy cảnh-tượng đó, trong tâm anh khởi lên sự nhàm-chán thân-xác nầy, vừa dơ-bẩn, lại vừa vô-thường. Anh lẩm-bẩm: "Bất-tịnh! Vô-thường!", rồi quay ra ngoài, lẳng lặng thay y-phục trở lại chùa. Bấy giờ, chư Tăng từ-khước chẳng cho anh xuất-gia nữa. Năn-nỉ hồi lâu, bảo đây là lần chót, nhứt-định đi tu luôn, anh mới được thâu- nhận lại. Bẵng đi một thời-gian khá lâu, thấy anh chẳng xin trở về thăm nhà, các bạn đồng tu mới hỏi anh lý-do. Anh bảo: "Tôi đã xuất-gia nhiều lần mà chẳng được, đó là vì còn nhớ tưởng đến người đàn- bà, vợ tôi. Nay tôi nhận thấy thân con người là bất-tịnh và cơn vô-thường chợt đến, nên tôi nhứt quyết rời hẳn đời sống thế-tục." Các vị tỳ-kheo nghe nói thế, chưa cho đó là sự-thật, nên đến thưa trình cùng Đức Phật.

Đức Phật bảo: "Tỳ-kheo Chí-ta-hạt nay đã đắc đạo-quả A-la-hán, tâm trở nên kiên-cố rồi. Trước kia, đi đi lại lại là vì tâm ông ta chưa ổn-định và chưa hiểu thấu Chánh-pháp. Nay với quả-vị A-la-hán, ông ta đã vượt qua cả điều thiện lẫn điều ác." Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Tâm người còn lao-chao,
Chánh-pháp chửa thấm vào,
Niềm tin còn lỏng-lẻo
Bao giờ đạt trí cao?
(Kệ số 038.)
Tâm người lìa tham-ái,
Hận-thù đều đã giải,
Vượt trên điều thiện, ác,
Đấy là bực Đại-giác.
(Kệ số 039.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Chí-ta-hạt: tên thật bằng tiếng Pali là Cittahattha.

- Thọ-giới Tỳ-kheo: còn gọi là thọ Cụ-túc-giới, nghĩa là làm lễ hứa nhận sẽ tuân theo 250 giới-điều của Tỳ-kheo.(Cụ-túc = đầy-đủ)

- Xuất-gia: xuất = ra khỏi; gia = nhà. Xuất-gia là rời nhà vào chùa đi tu. Những người còn sống đời thế-tục mà tu-hành theo Chánh-pháp, gọi là tu tại-gia.

- Bình-bát: cái chén to như cái tô; bằng gỗ hay bằng đồng, các vị khất-sĩ dùng đựng thức-ăn vừa đi xin được.

- Hoàn-tục: hoàn = trở lại, trở về; tục = thế-tục, đời sống thường- nhơn, có gia-đình.

- Tâm bất-định: Tâm = lòng; bất = chẳng; định = yên. Thầy tỳ-kheo Chí-ta-hạt cứ nay ở chùa mai về nhà, lúc tu lúc không, tấm lòng cứ thay đổi luôn, nay vầy mai khác, đó là tâm bất-định, chẳng kiên-cố.

- Mang bầu: tiếng bình-dân, có nghĩa là mang thai, có con trong bụng.

- Vô-thường: vô = chẳng; thường = luôn luôn. Vô-thường, danh-từ chuyên-môn về Phật-học nầy có nghĩa là muôn sự-vật có hình-tướng đều chẳng bền-vững, nay tuy thấy có đó, nhưng rồi sẽ bị tiêu-huỷ vào một ngày nào đó. Còn một nghĩa nữa, cơn vô-thường chợt đến, có nghĩa là cái chết đến bất-chợt, chẳng biết chắc được trước vào lúc nào.

- Bất-tịnh: bất = chẳng; tịnh = sạch. Xin xem lại bài Bà Mã thi-Kha, các trang 93 đến 97, về phép Quán thân bất-tịnh (trang 95).

- Kiên-cố: kiên = cứng; cố = vững, yên. Tâm kiên-cố nhứt quyết theo điều gì, thì theo luôn, chẳng đổi bụng, hay thối-chí.

- Vượt qua cả điều thiện và điều ác: vì đã thông-suốt Chánh-pháp, tâm trở nên thanh-tịnh, cho nên lúc nào cũng nghĩ đến việc lành; đối với thái-độ thiện-ác của người khác, cũng chẳng chỉ-trích, phê-bình. Đó là tâm vô-phân-biệt, rất khó tập, vì thông-thường ai cũng khen điều thiện mà chê điều ác. Hễ còn khen chê là tâm còn xao-động; vì thế, phải giữ cho bình-thản, thì tâm mới kiên-cố.

- Lao-chao: xao-động, nghiêng-ngửa, thay-đổi lung-tung.

- Chửa thấm vào: chưa thông-hiểu được rõ.

- Đạt Trí cao: Trí cao ở đây muốn nói đến Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật, cái Trí-huệ đưa người tu-hành đến bờ giác-ngộ và giải-thoát. Đạo Phật chủ trương Từ-bi và Trí-huệ; Trí-huệ đây là Trí cao nói trong bài Kệ.

- Tham-ái: tham = ham muốn quá; ái = thích, tríu-mến. Sự tham-ái là sự ham-muốn bám vào các thú vui vật-chất tạm-thời, để phải sống trong sự đau-khổ triền-miên của cảnh sanh-tử Luân-hồi. Muốn diệt Khổ, phải bỏ tiệt sự tham-ái, đừng tríu-mến gì nữa.

- Giải: mở ra. Hận thù đều đã giải, là đã buông-bỏ mọi thù-giận.

- Đại-Giác: đại = lớn; giác = hiểu rõ. Bực Đại-Giác có nghĩa là Đức Phật. (Phật = giác). Hiểu rõ gì? Hiểu rõ lẽ sống chết của mọi chúng-sanh. Nói cách khác, đã thông-hiểu hoàn-toàn về Bốn Chơn-Lý Nhiệm-mầu. Tu đến cấp A-la-hán cũng gọi là bực Đại-giác.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại một vị tỳ-kheo tâm chẳng kiên-cố, đến lần thứ bảy thọ-giới tỳ-kheo mới tu thành- công. Tại sao? Vì độ trước, vị ấy cứ nhớ nhà, bỏ chùa quay về với vợ. Đến lần thứ sáu về nhà, nhơn khi nhìn thấy người vợ nằm ngủ trong tư-thế chẳng được đẹp-đẽ, thầy Chí-ta-hạt sực nhớ đến phép quán thân bất-tịnh, ngộ được lẽ Vô-thường, mới quyết-chí trở lại chùa, tu-hành cho đến ngày thành- công viên-mãn.

Đức Phật cho rằng trước kia tâm của thầy Chí-ta-hạt còn chưa ổn-định, sau nhờ thấu-hiểu Chánh-pháp, vượt qua được mọi điều thiện, ác, nên chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

(2).- Ý-nghĩa hai bài Kệ số 038 và 039:

a.- Bài Kệ 038 nói đến Tâm tu-hành chưa kiên-cố:

- Tâm người còn lao-chao: đó là tâm hay xao-động, hay thay đổi, thiếu kiên-quyết, gặp khó thì lùi, chẳng bền-chí;

- Chánh-pháp chửa thấm vào: chưa thật-sự đem Chánh-pháp ra thi-hành trên bản-thân mình một cách chuyên-cần;

- Niềm tin còn lỏng-lẻo: chưa vững tin nơi Tam-Bảo vì còn bị cám-dỗ, vì còn hoài-nghi;

Hậu-quả: việc tu-hành lơ-là, chẳng thể nào đạt được Trí-Huệ để đi đến mục-tiêu giác-ngộ và giải- thoát.

b.- Bài Kệ 039 nói đến Tâm và Tuệ đều được giải-thoát:

- Tâm người lìa tham-ái: bỏ được sự tham-ái là dứt được mối độc lớn, hết bấu-víu vào các thú-vui của đời sống thế-tục;

- Hận-thù đều đã giải: Tâm diệt bỏ được mối độc to lớn thứ hai là sân-hận, chẳng còn bị nghịch-cảnh trì-níu;

- Vượt lên trên các điều thiện, ác: Tâm hoàn-toàn quân-bình, an-nhiên, chẳng xao-động trước cảnh thuận, nghịch, nhờ đó Trí-huệ phát-sanh, kiên-cố theo con đường giải-thoát.

Kết-quả: tu-hành tinh-tấn, đạt mục-tiêu giác-ngộ và giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ, và nhớ cho THẤM vào Tâm mình bằng cách giữ đúng giới-luật, tinh-tấn hành-thiền, theo đúng Chánh-pháp

2.- Muốn cho Tâm tu-hành kiên-cố, cần nhớ đến mục-tiêu:

- giải-thoát Tâm khỏi hai mối độc: tham và sân;

- giải-thoát Trí khỏi mối độc: si-mê.

(29).- Tích chuyện Năm trăm vị Tỳ-kheo tu Thiền.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc năm trăm vị tỳ-kheo vào rừng sâu để thực-tập thiền-định.

Thuở ấy, có năm trăm vị tỳ-kheo được Đức Phật chỉ-dạy cho đề-tài quán-chiếu, cùng nhau vào rừng sâu, cách thành Xá-vệ hơn một trăm do-tuần. Nơi đây, các vị ấy tìm thấy một địa-điểm u-nhã rất thích hợp cho việc hành-thiền. Bấy giờ, các vị thọ-thần canh giữ khu rừng, nghĩ rằng có các tu-sĩ đến ngụ trong rừng, thì nên đem hết quyến-thuộc của họ xuống ở dưới đất, để tỏ lòng kính-trọng. Họ những tưởng đoàn tỳ-kheo đến tạm-trú một vài đêm rồi sẽ di-chuyển đi nơi khác. Nào dè, các vị ty-kheo vẫn lưu lại suốt hai tuần-lễ rồi mà chưa dời gót. Các thọ-thần thấy như thế thì quyến-thuộc của họ phải chịu thiếu-thốn tiện-nghi lâu ngày, mới bàn cùng nhau tìm cách doạ-nhát các tu-sĩ để phải sợ mà sớm bỏ đi. Họ liền cùng nhau phát ra những tiếng ma kêu quỉ hú, biến

thành những thi-ma chẳng có đầu, hoặc có đầu mà chẳng có thân, v.v. Quả thật, các vị tỳ-kheo nhát gan, sợ cuống lên, mới quay về trình với Đức Phật. Đức Phật bảo: "Đó là tại các ông còn chưa mang võ-khí khi vào rừng. Đây, Như-Lai chỉ-dạy cho võ-khí đó: các ông hãy học thuộc bài Kệ về Tâm Từ nầy, và khi trở lại chỗ cũ, tới ven rừng, nên thành-tâm đọc tụng và rải Tâm Từ đến mọi chúng-sanh."

Bài Kệ "Rải Tâm Từ" như sau:

"Hướng về cảnh Niết-bàn an-tịnh,
Tạo phước lành cho cõi nhơn-thiên,
Người rải Tâm Từ khắp mọi miền,
Hiền-hoà, khiêm-nhường và trực-tính."
Sau khi học thuộc bài Kệ, các vị tỳ-kheo trở lại khu rừng. Vừa đến bìa rừng, tất cả thành-tâm đọc-tụng vang lên bài Kệ và tâm hướng về các chúng-sanh trong rừng mà rải lòng Từ. Các vị thọ-thần nghe thấy, nhận được làn sóng tư-tưởng hiền-hoà của Tâm Đại-từ rộng lớn tràn ngập, mới phát lòng Từ hướng về các vị tỳ-kheo, chào mừng và hết lòng ủng-hộ. Nhờ đó, trong mùa an-cư tại khu rừng, các vị tỳ-kheo đã tinh-tấn hành-thiền, đắc được định-tâm.

Bấy giờ, Đức Phật từ Kỳ-viên-tự, quán thấy cảnh tu-hành tinh-tấn của các vị tỳ-kheo, Ngài mới phóng hào-quang đến khu rừng, khiến cho tâm các vị tỳ-kheo trông thấy được Đức Phật và nghe Ngài dạy thêm: "Này các vị tỳ-kheo! Như các ông đã nhận thấy, tấm thân thể-chất nầy cũng như cái hủ bằng sành dễ bể, nó chẳng thường còn và rất mong-manh..." Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Biết thân nầy như hủ sành dễ vỡ,
Phòng-hộ tâm như củng-cố thành-trì.
Vung gươm trí dẹp tan Ma cám-dỗ.
Chiến-thắng rồi vẫn trụ chỗ giác-tâm,
Chẳng tham-đắm trong vinh-quang thắng-lợi.
(Kệ số 040.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Do-tuần: đơn-vị đo chiều dài, vào khoảng 12 dặm; tiếng Pali là yojana.

- U-nhã: u = thanh-u, êm-ả; nhã = đẹp.

- Thọ-thần: thọ = cây to lớn, lâu năm; thần: thần-linh, một hạng chúng-sanh vô-hình-sắc, có thần- thông, Phật-học xếp vào hạng giữa cõi người và cõi Trời.

- Quyến-thuộc: quyến = gia-quyến; thuộc = thuộc về. Quyến-thuộc kể cả con cái, họ-hàng và các tôi- tớ.

- Thi-ma: thây ma; thây người chết.

- Tâm Từ: lòng thương rộng lớn, chẳng phân-biệt thân sơ, muốn cho mọi người được yên-vui.

- Như-Lai: Đức Phật thường tự-xưng là Như-Lai. Như là như thế; Lai là đến, Ngài đến cõi nầy như thế. Tiếng Pali là Tathàgata.

- Rải Tâm Từ: trong Tâm chỉ nghĩ về sự thương-mến và đem nguồn an-vui đến cho người mà mình đang nghĩ tới. Muốn rải tâm Từ có hiệu-quả, phải thật thành-tâm.

- Cõi nhơn-thiên: cõi Trời và cõi người.

- Trực-tính: trực = ngay-thẳng; tính = tánh.

- Ủng-hộ: giúp-đỡ.

- Dễ vỡ: dễ bể.

- Phòng-hộ: giữ-gìn cẩn-thận.

- Củng-cố: làm cho bền-vững thêm lên.

- Gươm Trí: Trí-huệ được ví như cây gươm cắt bỏ được các sự ràng-buộc của các cám-dỗ, các phiền- não và các tà-kiến.

- Giác-tâm: giác = biết thấu-đáo; chẳng còn mê-muội, chẳng bị phiền-não, chẳng bị cám-dỗ; thấy rõ con đường giải-thoát.

- Vinh-quang thắng-lợi: thành-công rực-rỡ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích-chuyện:

Tích chuyện kể lại việc các vị Tỳ-kheo vào rừng tu Thiền, sợ ma. Đức Phật dạy cho võ-khí chống lại: đem Tâm Từ rải lên khắp chúng-sanh. Võ-khí nầy chẳng phải chống lại ma, đàn-áp ma, mà chính là để cảm-hoá mọi chúng-sanh bằng tình thương rộng-rãi. Nó hữu-hiệu nhờ sự thành-tâm của mình, sẽ được sự cảm-ứng của kẻ khác.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ "Rải Tâm Từ":

Đây là bài Kệ quan-trọng (Rất tiếc, Thiện Nhựt chẳng đủ sức để diễn lại cho đầy-đủ ý-nghĩa ra tiếng Việt, xin sám-hối!). Từ-Bi là điều thứ nhứt phải tu-tập trong Đạo Phật.

a.- Hai câu đầu: Hướng về cõi Niết-Bàn an-tịnh. Đây là mục-đích ban vui của lòng Từ, muốn mọi chúng-sanh được yên-vui, chẳng phải là thú-vui thường-tình của thế-tục, mà là niềm vui được giải- thoát, tự-tại.

b.- Hai câu chót: các đức-tánh của người có tâm Từ.

- khắp mọi miền: ý muốn nói, đem an-vui lại cho tất cả, chẳng phân-biệt thân hay sơ, bạn hay thù.

- Hiền-hoà, khiêm-nhường và trực-tánh: sự hiền-hoà đi trước, bỏ mọi sự bạo-động, lấy tình-thương xoá bỏ hận-thù; sự khiêm-nhường, chẳng kiêu-căng, chẳng tự xem mình

hơn kẻ khác, chịu sự thua-lỗ cho mình để giúp kẻ khác mà chẳng tự-hào; trực-tánh là tâm ngay-thẳng, chẳng che-dấu, chẳng giả-vờ. Còn hai đức-tánh nữa, Thiện Nhựt dịch chẳng hết trong bài Kệ: đó là sự đắc-lực, giúp người cho thật có hiệu-quả, chẳng chỉ dùng lời nói suông, hay an-ủi bằng miệng mà thôi; và sự cẩn-mật, luôn luôn canh-phòng tâm mình chẳng cho khởi lên một ý ác nào đối với bất cứ mọi chúng-sanh và sẵn-sàng ra tay giúp-đỡ tất cả.

(3).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 040:

Đây là bài Kệ cũng quan-trọng chẳng kém bài Kệ "Rải Tâm Từ", vì đây là bài dạy về Trí-Huệ, điểm quan-trọng thứ hai của Đạo Phật: Từ-bi và Trí-huệ. Xin phân-tách từng câu:

a.- Biết thân nầy như hủ sành dễ vỡ: "Biết" được như thế là đã có Trí-huệ rồi, vì người thường si-mê, chấp thân nầy còn hoài, lo bồi-đắp cho thân béo-mập ra, chẳng lo tu-hành để giải-thoát khỏi khổ-đau của Luân-hồi sanh-tử triền-miên.

b.- Phòng-hộ Tâm như củng-cố thành-trì: "Biết" phòng-hộ Tâm là biết điều-phục Tâm, giữ-gìn Tâm, kiểm-soát Tâm, khiến cho ba nghiệp được thanh-tịnh, đó là con đường giải-thoát. Cái biết nầy rất quí.

c.- Vung gươm Trí dẹp tan Ma cám-dỗ: "Biết" dẹp tan sự cám-dỗ thì chẳng sa-đoạ. Nhờ đâu? Nhờ Trí- huệ sáng-suốt, bén như gươm, nên chặt bỏ được sự quyến-rũ, khỏi phải sa vào tội-lỗi, thẳng đến mục- tiêu giải-thoát.

d.- Chiến-thắng rồi vẫn trụ chỗ giác-tâm: "Biết" như thế là biết khiêm-nhường, chẳng tự-mãn, chẳng tự-cao: thắng mà chẳng kiêu! Thắng cái gì? - Tự thắng lấy mình, mình thắng tật xấu của mình, đó là chiến-thắng vẻ-vang nhứt. Trụ chỗ giác-tâm là trụ thế nào? Lúc nào cũng phải theo dõi từng biến- chuyển trong tâm mình: nay vừa thắng đây, hãy coi chừng, đừng quá tự-hào, kẻo lại rơi vào vết xấu cũ. Trụ vào giác-tâm luôn luôn, đó là điều khó, chính nó mới đánh-giá đạo-hạnh kẻ tu-hành.

e.- Chẳng tham-đắm trong vinh-quang thắng-lợi: Đây là lời khuyên mà có rất nhiều vị tu-hành ngày nay quên mất: tự xem mình như bực ... Tổ-sư, nhìn mọi người như còn đang thấp-kém, và đòi hỏi được sự kính-nễ, tôn-sùng của kẻ khác. Mặc dầu có được thành-công, ta cứ nên âm-thầm giữ sự khiêm- nhường như buổi ban đầu, mới quí.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ, ráng tìm cách ứng-dụng trong cuộc sống hằng ngày.

2.- TỪ-BI và TRÍ-HUÊ là hai khẩu-hiệu căn bản của Đạo Phật. Muốn tập Tâm từ-bi và luyện Trí-huệ, cần hiểu rõ hai nguyên-tắc chánh nầy:

- Từ-bi là ban vui, cứu khổ cho mọi chúng-sanh; nên bắt đầu nơi các người thân trước dễ làm hơn, và phải biết quên mình.

- Trí-huệ là thông-suốt được Chánh-pháp; phải bắt đầu học ít mà hiểu chắc.

3.- Xin đề-nghị vài việc làm nho-nhỏ, có thể giúp ta phát-triển lòng Từ sau nầy:

- Ngăn-cấm sắp nhỏ chẳng được bắt bướm, chuồn-chuồn chơi, rồi bứt cánh, bẻ cẳng. Hãy dạy chúng, nếu chúng đứt tay chảy máu, sao lại khóc, còn con côn-trùng bị bứt cẳng, bộ chẳng biết đau sao?

- Hễ trẻ xin phép đi bắn chim, bắt cá thia-thia, đừng cho phép: giải-thích cho chúng hiểu sự đau-đớn của loài chim, loài cá, khi phải lìa nơi chúng quen sanh-sống. Đề-nghị với chúng các thú tiêu-khiển khác, lành-mạnh hơn, hiền-hoà hơn.

- Trong số các món đồ-chơi của trẻ em ở Âu-Mỹ, có nhiều món gợi lên sự bạo-động. Nếu có thể, khuyên chúng đừng quá mê mà đòi mua, giải-thích cho chúng biết thế nào là lòng nhơn-từ.

- Đối với người lớn, thi-hành tâm Từ dễ nhứt là bố-thí. Hiến-tặng tiền-của xây cất các cơ-sở xã-hội, y- tế, tôn-giáo là điều quí, nhưng chẳng phải mọi người đều có thể làm nổi; nhưng để ra một vài đồng tặng người hành-khất, đâu có khó. Lợi trước mắt cho người cho là dẹp được lòng bỏn-xẻn, kế đó tập cho mình có thói quen của lòng Từ.

- Hãy tập ăn chay ít nhứt mỗi tháng một lần, ăn đầy đủ chất bổ, rau cải thanh-khiết. Đó là giữ giới sát- sanh trong ngày ấy. Nếu đang ngồi đọc sách, bị muỗi cắn, đừng đập mạnh cho chết, rồi lấy tay chà ... cho đã ngứa và đã ... giận. Hãy chịu khó thổi vào nó để nó bay đi, tha cho nó sống thêm một ngày, ngày mà mình ... ăn chay!

- Đừng dùng thuốc giết sâu bọ để xịt sân cỏ, vườn rau. Muốn trị sâu ở rau cải trong vườn, pha loảng xà-bông với nước, tưới lên.

(30).- Tích chuyện vị Tỳ-kheo Phù-ti-Cát.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Tỳ-kheo mắc bịnh ghẻ lở, thân-thể hôi-hám, có biệt-hiệu là Phù-ti-Cát.

Sau khi được Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, Tỳ-kheo Phù-ti-Cát liền tinh-tấn thực-hành thiền-định, cho đến khi ông vướng phải bịnh ghẻ lở. Nhiều mụn nhỏ nổi lên khắp mình, chẳng bao lâu mụn vỡ, mủ máu chảy lan, bốc mùi hôi-hám. Áo cà-sa bị dính, đóng cứng những máu và mủ. Các vị tăng-nhơn đồng-tu đều lánh xa; cả các người đệ-tử của tỳ-kheo Phù-ti-Cát cũng chẳng dám đến gần.

Bấy giờ, trong cơn thiền-định, Đức Phật quán thấy tình-cảnh đáng thương của Tỳ-kheo Phù-ti-Cát, Ngài soi thấy và biết rằng chẳng bao lâu vị tỳ-kheo nầy sẽ chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Ngài liền đi đến cốc của tỳ-kheo Phù-ti-Cát, ra ngoài căn nhà chứa củi, nhúm lửa lên và nấu nước nóng. Kế đến, Đức Phật bước vào thăm Tỳ-kheo Phù-ti-Cát, hiện đang nằm trên giường bệnh có một mình. Đức Phật liền giơ tay nhắc đầu giường lên, định đem tỳ-kheo ra sau để tắm. Lúc ấy, các người đệ-tử của Phù-ti-Cát bước vào phụ khiêng thầy đi tắm rửa. Một người giặt sạch bộ cà-sa và sấy khô. Sau khi tắm rửa sạch-sẽ, ăn mặc tươm-tất xong, Tỳ-kheo Phù-ti-Cát được nghe Phật giảng. Đức Phật đứng ở đầu giường, nói rằng, thân-thể con người chẳng bao lâu cũng mất đi sự sống; thân ấy trở nên vô-dụng đâu khác chi khúc gỗ bỏ nằm dài trên mặt đất bên đường.

Lúc bấy giờ, tỳ-kheo Phù-ti-Cát cảm thấy khoẻ-khoắn, dễ chịu, liền nhập-định và chứng được quả A- la-hán, kế đó thở hơi cuối cùng.

Đức Phật kết thúc thời pháp bằng bài kệ sau đây:

Chẳng bao lâu, thân nầy
Nằm dài trên mặt đất;
Hởi ôi! Thần-thức mất,
Như khúc cây vô-dụng.
(Kệ số 041.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Phù-ti-Cát: tên thật bằng tiếng Pali là Tissa, có biệt-hiệu là Pùtigattatissa.

- Biệt-hiệu: biệt = riêng biệt; hiệu = tên. Biệt-hiệu là tên riêng, hoặc tự mình đặt ra cho mình, hay do các người khác đặt ra gán cho mình.

- Nhập-định: nhập = vào; định = tình-trạng của tâm vắng-vẻ, yên-tịnh, chẳng có vọng-tưởng, chẳng bị cảnh-vật trì níu, chẳng bị ý bên trong lôi cuốn.

- Thần-thức: thần = thuộc về tinh-thần, phần tâm-linh; thức = biết. Chữ thần-thức là danh-từ chuyên- môn trong Phật-học, chỉ đến phần tâm-linh sâu-kín bên trong, gọi là thức a-lại-da (tiếng Phạn là alaya), có nghĩa là kho-tàng chứa những chủng-tử của những việc đã làm qua. (Chủng-tử: chủng = trồng; tử = hột; chủng-tử có nghĩa là hột giống sanh ra nghiệp-báo; tức là đã làm việc ác, được ghi lại thành chủng-tử, về sau nẩy mầm sanh ra hậu-quả xấu, phải chịu; cũng như đã làm việc lành, có chủng- tử lành, về sau sẽ hưởng được thành-quả tốt. Vì thế, thức a-lại-da còn được gọi là nghiệp-thức, cái thức tàng-trử và sanh ra nghiệp-báo.)

Theo sự tin-tưởng trong Phật-học, tâm con người có tám thức: (1)nhãn-thức (cái biết do nơi mắt), (2) nhĩ-thức (do tai), (3)tị-thức (do mũi), (4) thiệt-thức (do lưỡi), (5)thân-thức (do thân hay do da), (6)ý- thức (do tâm), (7)mạt-na-thức (tiếng Phạn là màna, gợi lên ý-nghĩ) và (8) a-lại-da thức (phần thật sâu- kín trong tâm). Theo thuyết Luân-hồi, khi con người chết, thân và tâm tan rả, chỉ có thần-thức hay a- lại-da-thức là còn, và thoát ra khỏi thân-tâm để đi tìm nơi nhập vào thai mẹ mà tái-sanh, sống đời sống kế-tiếp.

Ở trong bài Kệ, nói thần-thức mất, có nghĩa là thần-thức đã lìa khỏi thể-xác; thân-thể lúc chết đã mất thần-thức, chớ chính thần-thức vẫn còn. Thông-thường người ta bảo, sau khi chết thì hồn-viá đi đầu thai; Phật-học chẳng tin có linh-hồn nào cả, chỉ có thần-thức lià khỏi xác mà thôi.

- Vô-dụng: vô = chẳng; dụng = dùng. Vô-dụng là chẳng dùng được vào việc gì cả.

B.- Nghĩa Ý:

(1).- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại việc một tỳ-kheo chuyên-tâm tu Thiền-định, chẳng may vướng phải bịnh ghẻ lở, thân-thể hôi-hám. Nhờ Đức Phật giúp cho tắm rửa sạch-sẽ, thân trở nên thoải-mái, nhập- định được chứng quả A-la-hán và thở hơi cuối cùng sau đó.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là khi chết, phần thể-xác tan rả, phần tâm-linh là thần-thức vẫn còn, sẽ theo nghiệp-báo mà tái-sanh. Ở đây, vị tỳ-kheo đắc A-la-hán, chứng được cảnh vô-sanh (vô = chẳng; sanh = sống trở lại ở cõi nhơn-gian), nên thoát khỏi vòng tái-sanh của Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 041:

Bài Kệ nhấn mạnh đến sự vô-thường của thân-tâm; thân nầy chẳng bao lâu cũng phải chết, nằm bất- động như một khúc gỗ, vô-dụng chẳng dùng vào việc chi được. Vậy, chớ nên quyến-luyến thân quá lắm. Còn phần tâm-linh, chỉ riêng có thần-thức còn tồn-tại, lìa khỏi xác mà đi tái-sanh theo nghiệp- báo. Nếu tu chứng được quả A-la-hán, sẽ khỏi phải tái-sanh, từ đây sống vĩnh-viễn trong cảnh an-lạc của Niết-bàn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, thường nhắc đi nhắc lại trong đầu, để nhớ rằng, đến ngày nào đó, thân-thể nầy chẳng còn nữa. Hiện nay, phải lo cho thân nầy được đầy-đủ tiện-nghi, nhưng chớ nên quá quyến- luyến.

2.- Xin nhắc lại: thân-tâm con người do năm uẩn kết thành trong lúc sống, khi lìa đời, thân tan rả, chỉ có thần-thức theo nghiệp-báo mà tái-sanh. Để nhớ: năm uẩn gồm có (1)sắc-uẩn (thân-thể vật-chất), (2)thọ-uẩn (các tình-cảm), (3)tưởng-uẩn (các tư-tưởng), (4) hành-uẩn (các hành-động), (5)thức-uẩn (các sự hiểu-biết). Muốn nhớ tám thức trong thức-uẩn cần nhớ: năm thức trước (nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân) liên-quan đến năm giác-quan; còn ba thức sau: ý-thức, mạt-na-thức và a-lại-da-thức là phần

tâm-linh nằm trong Tâm. Ý-thức nằm lộ, dễ nhận thấy; mạt-na-thức, ẩn tiềm-tàng đâu đây trong tâm, còn thức a-lại-da là kho chứa chủng-tử, sâu-kín chẳng thể dùng Tâm để biết đến được. Muốn biết rõ về các thức, phải học thêm về Duy-Thức-học, cũng gần giống với Tâm-lý-học.

(31).- Tích chuyện về Nan-đà, người chăn bò.

Vào một thời kia, Đức Phật và các tỳ-kheo đi qua một làng, nước Câu-tát-la, trong một kỳ giảng-pháp, có nói đến Nan-đà là một người chăn bò.

Thuở ấy có một người tên là Nan-đà, làm nghề chăn bò, gia-đình cũng khá-giả, thường đến nhà người chủ là ông Cấp-cô-độc, để nghe Đức Phật giảng pháp. Một hôm, sau khi nghe Đức Phật giảng, Nan-đà bạch với Phật xin thỉnh Phật và chư Tăng về nhà để cúng-dường. Đức Phật bảo, nay chưa phải thời, để khi khác.

Sau đó, cùng với chư Tăng có dịp đi qua làng Nan-đà trú-ngụ, Đức Phật quán thấy đã đến lúc nên giảng-dạy giáo-pháp cho Nan-đà, nên Ngài cùng các tăng-nhơn ghé vào. Nan-đà cung-kính dâng thực- phẩm cúng-dường, đủ cả năm món ngưu-vị thật là

tinh-khiết. Sau khi được nghe Đức Phật giảng-dạy, Nan-đà chứng được đạo-quả Tu-đà-huờn. Khi Đức Phật và chư Tăng ra về, Nan-đà mang bình-bát của Đức Phật, theo tiễn chơn một quảng đường, rồi mới trở lại nhà.

Vào lúc đó, có một người thợ-săn là kẻ thù cũ của Nan-đà, dùng cung bắn chết Nan-đà ở dọc đường. Các vị tỳ-kheo đi sau, thấy thân-thể Nan-đà nằm sóng-sượt bên vệ đường, mới đến trình Đức Phật. Họ bạch: "Bạch Thế-tôn, chỉ vì Nan-đà đã mời Phật đến cúng-dường và theo tiễn chơn Phật mà bị bắn chết." Đức Phật đáp: "Dầu cho Như-Lai có đến nhà Nan-đà hay chẳng đến đi nữa, thì Nan-đà cũng chẳng thể nào tránh được sự chết-chóc, vì chẳng ai mà chẳng chết cả. Này các tỳ-kheo! Nếu tâm-ý mà tà-ác thì sẽ gây tai-hại cho mình còn hơn là một kẻ thù hay một tên trộm, cướp gây ra cho ta nữa."

Rồi, Đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

Kẻ địch-thủ hại người địch-thủ,
Lũ oan-gia hại lũ oan-gia,
Chưa hại bằng tâm tà, ý ác
Đẩy thân nầy đọa-lạc trầm-luân.
(Kệ số 042.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chư:

- Câu-tát-la: tên nước nầy bằng tiếng Pali là Kosala.

- Nan-đà: tên bằng tiếng Pali là Nanda. Đừng lầm người chăn bò nầy với vị đại-đệ-tử của Phật là Nanda, vốn là vị hoàng-tử dòng họ Thích.

- Cấp-cô-độc: tên thật của vị đại-trưởng-giả nầy bằng tiếng Pali là Anàthapindika. Nhà rất giàu, ông mua khu vườn của Thái-tử Kỳ-đà cất tịnh-xá Kỳ-viên, dưng cúng Đức Phật và chư Tăng. Ông hay bố- thí, cứu-giúp kẻ bần-cùng, cô-đơn, nên được biệt-hiệu là Cấp-cô-độc (cấp = cung-cấp, giúp đỡ; cô-độc = ở một mình, đơn-côi.)

- Chưa phải thời: chưa phải đúng lúc thuận-tiện.

- Năm món ngưu-vị: ngưu = con bò (thuỷ-ngưu mới là con trâu); vị = mùi-vị của món ăn. Năm món ngưu-vị lấy từ sữa bò chế ra: sữa, kem, bơ sống, bơ chín và đề-hồ (đề-hồ ngày nay ta gọi là phô-mai, fromage.)

- Tinh-khiết: trong-sạch.

-Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt của hàng Thanh-văn. Tiếng Pali là Sotàpatti có nghĩa là bước vào giòng nước Thánh, nên còn được dịch là Nhập-Lưu. Lại có nghĩa là chỉ còn phải tái-sanh lại cõi người bảy lần nữa, nên được gọi là Thất-Lai. Tu-hành khi diệt được trong tâm các mối kết-sử nầy thì chứng được đạo-quả Tu-đà-huờn: (1) thân-kiến, xem tấm thân nầy là Ta, của Ta, lo bồi-bổ, gìn-giữ nó mãi cho còn hoài-hoài; bỏ được thân-kiến, bằng cách quán thân bất-tịnh, biết thân bên trong dơ-bẩn, biết thân vô-thường, nên sanh ra nhàm-chán các thú-vui vật-chất về thân-thể; (2) Nghi-hoặc, chẳng tin-tưởng vào Chánh-pháp; (3) giới-cấm-thủ, mê-tín tin vào các sự cúng-kiến theo

tà-đạo, như cúng Ông Địa, Ông Bình-vôi, Bà Chuối-Sứ, v.v.

- Một quảng đường: một khúc đường ngắn.

- Bên vệ đường: bên lề đường.

- Địch thủ: địch = chống-cự nhau; thủ = tay. Địch-thủ là người chống-đối, thù-nghịch với mình.

- Oan-gia: oan = thù-oán, oan-trái; gia = nhà. Oan-gia là kẻ thù lâu đời với nhau.

- Đoạ-lạc: đoạ = rơi xuống thấp; lạc = rớt xuống. Đoạ-lạc là phải sa vào chỗ thấp-kém, đê-hèn, khổ- sở.

- Trầm-luân: trầm = chìm, luân = giợn sóng trên mặt nước. Trầm-luân có nghĩa bóng là bị chìm đắm trong biển khổ; ở đây, có nghĩa là phải trôi lăn trong các cõi ác của Luân-hồi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một gia-chủ thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà để cúng-dường, được nghe pháp và chứng quả-vị Tu-đà-huờn. Sau khi tiễn chơn Đức Phật, trên đường trở về nhà, gia-chủ bị người thợ- săn là kẻ thù cũ bắn chết. Nhơn cái chết do kẻ thù gây ra nầy, Đức Phật dạy, cái hại do tâm tà ý ác còn lớn hơn cái chết do kẻ thù gây ra, vì tâm tà ý ác lôi kéo ta trôi lăn mãi trong các cõi ác của Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của bài kệ số 042:

- Cái hại do kẻ địch-thủ, kẻ oán-thù gây ra: Cái hại nầy dầu lớn mấy đi nữa cũng hạn-chế trong một đời người. Kẻ địch-thủ có thể gây hại về tài-sản, danh-dự; kẻ oan-gia có thể gây hại về tánh-mạng. Nhưng họ chỉ hại được trong một đời mà thôi.

- Cái hại do tâm tà ý ác kéo dài nhiều đời, vì tạo nên nghiệp-báo: Tâm tà, ý ác tạo nên hành-động xấu- dữ làm nguyên-nhơn khiến cho hậu-quả trong tương-lai là phải sa vào ba đường dữ của Luân-hồi: (1) địa-ngục, chịu hình-phạt chẳng gián-đoạn qua nhiều đời-kiếp; (2) ngạ-quỉ, làm thân quỉ đói, khổ-sở; (3) súc-sanh, trong thân-hình thú-vật, thiếu trí thông-minh, chẳng biết bao giờ thoát khỏi cảnh si-mê.

- Ý-nghĩa chánh-yếu của bài Kệ là khuyên ta nên gìn-giữ Tâm, điều-phục Tâm sao cho được thanh- tịnh, biết theo đường lành nẻo phải.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ.

2.- Xem lại Phần HọcTập ở các Bài trước về cách giữ-gìn Tâm-ý cho trong-sạch.

(32).- Tích chuyện về Sở-rị-Gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chuyện chàng thanh-niên Sở-rị-Gia, bị thay đổi phái tính, trở thành phụ-nữ.

Thuở ấy, ở thành-phố Sở-rị-Gia có một chàng thanh-niên giàu có, cũng tên là Sở-rị-Gia, một hôm cùng với các bạn, ngồi trên chiếc xe lộng-lẫy, đi tắm. Dọc đường, gặp một vị Trưởng-lão tên là Khắc-ca-gia, tướng-mạo trang-nghiêm, đang sửa lại áo cà-sa cho ngay-ngắn để vào thành-phố khất-thực. Nhìn thấy nước da vàng ánh, đẹp-đẽ của vị Trưởng-lão, chàng thanh-niên Sở-rị-Gia bỗng nổi lên ý-nghĩ trong đầu: "— kià! Ta muốn "cưới" vị tỳ-kheo nầy làm vợ! Hay là, vợ ta ở nhà phải có được một làn da đẹp- đẽ như vị Trưởng-lão nầy!" Tư-tưởng bất-chánh nầy vừa khởi lên, thì lạ thay, Sở-tị-Gia lại biến thành một cô gái, đẹp với làn da óng-ánh vàng chói. Sở-rị-Gia cảm thấy xấu-hổ, ngồi chung xe với các thanh-niên khác, nên bỏ xuống và trốn đi xa.

Trên đường đi trốn, thiếu-nữ Sở-rị-Gia bán chiếc nhẫn đeo tay để có tiền quá-giang xe đi đến thị-trấn Tắc-xi-la. Một người khách đồng-hành vào thị-trấn, gặp một vị công-tử giàu-có đang kén vợ, liền mách có một thiếu-nữ rất đẹp đã ngồi cùng xe với mình. Vị công-tử tìm đến gặp cô Sở-rị-Gia và xin cưới cô ngay. Và trong cuộc sống mới, "bà" Sở-rị-Gia sanh được hai đứa con trai, cùng với hai người con trai trước, khi "bà" còn là thanh-niên.

Một hôm, có người khách-thương từ thành Sở-rị-gia đến thị-trấn Tắc-xi-la buôn bán. "Bà" Sở-rị-Gia nhận ra được người quen cũ, mới cho mời về nhà đãi-đằng. Vị khách-thương rất ngạc-nhiên, thấy bà chủ nhà là người lạ với mình, sao tỏ ra thân-mật. "Bà" Sở liền hỏi thăm tin-tức ở thành-phố cũ, về gia- cảnh của người khách-thương cùng các nhà láng-diềng; sau đó, bà mới kể lại câu chuyện mình bị biến- đổi phái-tính như thế nào. Bấy giờ vị khách thương mới tin và khuyên, bà nên đến gặp vị Trưởng-lão Khắc-ca-gia ngỏ lời xin sám-hối. Bà Sở làm y theo lời khuyên, thỉnh Trưởng-lão về nhà cúng-dường thực-phẩm, nghe giảng-pháp, xong rồi ra qùi trước Trưởng-lão mà tỏ lời hối-tiếc. Vị Trưởng-lão bảo:

"Xin nữ-thí-chủ đứng dậy, bần-tăng xin chấp-nhận lời sám-hối của bà!" Tức thì, "bà" Sở liền biến trở lại thành "ông" Sở-rị-Gia như khi trước.

Kể từ khi trở lại thành đàn-ông, Sở-rị-Gia thường suy-gẫm về sự biến-đổi vô-thường của cuộc sống, sao trong một đời mà mình vừa làm cha hai đứa con trai trước, lại vừa làm mẹ hai đứa sau. Chẳng bao lâu, Sở-rị-Gia nhàm-chán cuộc sống thế-tục, liền xin xuất-gia và được Trưởng-lão Khắc-ca-gia thâu- nhận làm đệ-tử. Nơi tu-viện, các bạn đồng-tu thường hỏi tỳ-kheo Sở-rị-Gia, trong lòng thương con nào nhiều nhứt, con gọi mình bằng cha, hay con gọi mình bằng mẹ? Thật-tình, tỳ-kheo Sở-rị-Gia đáp, con mình sanh từ bụng mình thì thương hơn. Sau đó, thường bị theo hỏi mãi điều đó, ty-kheo Sở-rị-Gia buồn-chán, mới xin ẩn-cư, sống riêng một mình trong cốc vắng, để chuyên-tâm tu-tập thiền-định. Chẳng bao lâu, chứng-đắc quả-vị A-la-hán. Các vị tỳ-kheo đồng-tu lại hỏi về câu hỏi cũ nữa. Tỳ-kheo Sở-rị-Gia đáp: "Trước kia, tôi tríu-mến các con do tôi sanh ra; nay tôi xem tất cả bốn đứa đều như nhau, chẳng quyến-luyến đứa nào cả." Các vị tỳ-kheo tưởng rằng Sở-rị-Gia chẳng nói lên Sự-thật, mới đến bạch với Đức Phật.

Đức Phật bảo: "Tỳ-kheo Sở-rị-Gia đã nói lên Sự-Thật; tâm của vị A-la-hán đã cắt đứt sự luyến-ái, đem tình-thương mà trải rộng ra đến mọi người, chẳng có sự phân-biệt, kỳ-thị. Tỳ-kheo Sở-rị-Gia, với tâm- ý thiện-lành đã thực-hiện được niềm an-lạc cao-thượng, mà cha hay mẹ của mình, dầu có thương mình đến đâu đi nữa, cũng chẳng ban-cấp được niềm an-lạc đó cho mình."

Bấy giờ, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Cha mẹ, họ-hàng làm chửa được
Sao cho mình hưởng phước dài lâu.
Tâm thành, ý thiện, riêng làm được,
Tự tạo cho mình phước-lạc cao.
(Kệ số 043.)
TÌM HIỂU:

Xin Chú-ý:

Trước khi Tìm Hiểu và Học-Tập bài nầy, Thiện-Nhựt xin có vài lời lưu-ý người đọc:

1.- Thiện-Nhựt do-dự rất nhiều chẳng biết có nên dịch Tích-chuyện nầy hay không, vì câu chuyện nhuốm vẻ hoang-đường: chỉ một ý-nghĩ xấu đã biến-đổi tức-khắc phái-tính của một người, từ người nam ra thành người nữ.

2.- Tuy nhiên, suy-nghĩ kỹ về việc học-tập Kinh-Kệ, chúng ta chẳng nên quá chú-trọng đến sự chính- xác của sự-tích do người kết-tập viết lại, để tìm cách kiểm-nhận theo lối khoa-học ngày nay tìm bằng- chứng, mà nên tìm hiểu và học-tập Ý-nghĩa chánh-yếu, nằm ẩn bên dưới Tích chuyện. Tích-chuyện có thể chẳng đúng một trăm phần trăm với thực-tế của đời sống thế-tục mà chúng ta đang sống, nhưng Sự-thật chứa trong lời dạy của Đức Phật đúng cả muôn đời. Sự-thật đó, trong bài nầy, là sự thương- yêu, quyến-luyến có tánh-cách thiên-vị: thương con mình đẻ ra hơn là con ghẻ, con nuôi, con riêng của chồng hay vợ. Tình thương mà Đức Phật dạy là Tình thương rộng-lớn, bao la, trải khắp mọi loài chúng-sanh, chẳng cứ gì riêng thương con cháu của mình, đó là Tâm Từ, mà mọi người Phật-tử phải cố luyện-tập.

3.- Vì lẽ trên đây, Thiện-Nhựt mong-mỏi người đọc nên tìm thấy lời dạy chơn-thật và quí-báu của Đức Phật trong Kinh-Kệ, và dẹp bỏ qua ý-định tìm cách kiểm-chứng sự xác-thực của các sự-kiện được kể lại. Chuyện có thể khó cho ta, vào thời-đại nầy, trong hoàn-cảnh sanh-sống nầy, hiểu được và dễ tin được. Nhưng đó chẳng phải là điều chánh-yếu. Điều chánh-yếu là phải biết tìm hiểu và học-tập lời dạy của Đức Phật.

A.- Nghĩa CHỮ:

- Sở-rị-Gia: tên thật của thành-phố và đồng thời tên của nhơn-vật chánh trong Tích-chuyện, bằng tiếng Pali là Soreyya.

- Phái-tính: chỗ khác nhau giữa người nam và người nữ.

- Nước da, màu da: màu-sắc của làn da trên thân-thể.

-Bất-chánh: bất = chẳng; chánh = ngay-thẳng.

- Khắc-ca-gia: tên thật của Trưởng-lão bằng tiếng Pali là Mahàkaccàyana. Mahà là lớn, thường được dịch là Đại.

- Quá-giang: quá = đi qua; giang = sông. Ở đây, chữ quá-giang có nghĩa là đi nhờ xe. Thường hay nói có giang.

- Tắc-xi-la: tên thật của thị-trấn nầy bằng tiếng Pali là Taxila.

- Đồng-hành: đồng = cùng, chung; hành = đi. Bạn đồng-hành là người cùng đi chung với nhau.

- Gia-cảnh: gia = nhà; cảnh = tình-cảnh. Gia-cảnh là tình-cảnh ở nhà mạnh-giỏi ra sao.

- Sám-hối: nghĩa thông-thường là xin lỗi. Nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, sám là tiếng Phạn ksamayati, có nghĩa hối-tiếc về lỗi-lầm đã lỡ làm qua; hối là tiếng Hán-Việt, có nghĩa là hối-tiếc. Ráp hai chữ lại, thường được dùng để chỉ hai việc phải có, khi mình thật-sự thành-tâm xin sám-hối: (1) nhìn-nhận lỗi-lầm mình đã làm và xin nhận tội; (2) hứa từ rày về sau, chẳng hề tái-phạm nữa.

- Nữ-thí-chủ: nữ = người đàn-bà, phụ-nữ; thí = bố-thí; chủ = chủ. Thí-chủ, Thí-giả là người bố-thí, dưng-cúng lễ-vật cho người tu-hành.

- Bần-tăng: bần = nghèo; tăng = tu-sĩ. Bần-tăng là tiếng tự-xưng của người tu-sĩ nghèo.

- Vô-thường: vô = chẳng; thường = thường còn; Vô-thường là chẳng bền-vững, có đó rồi mất đó.

- Cốc: căn nhà nhỏ, chỉ có một phòng, dành cho tu-sĩ tu ẩn-cư.

- Quyến-luyến, Tríu-mến, Luyến-ái: thương nhiều và bám-víu vào, rời ra chẳng được. Tình thương quyến-luyến, tríu-mến, luyến-ái nầy, Đức Phật dạy phải dẹp bỏ, vì nó chính là lòng tham-ái, nguyên- nhơn gây ra khổ-đau, khiến ta bám vào đời sống thế-tục mà chẳng đi tìm giải-thoát khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi.

- Kỳ-thị: đối-đãi cách khác nhau vì chẳng đồng giai-cấp, màu da, v.v.; có tánh thiên-vị, thương kẻ nầy lại ghét bỏ kẻ khác.

- Niềm an-lạc cao-thượng: niềm vui cao-cả, bền-vững; ở đây có nghĩa là niềm vui được giải-thoát, sống trong cảnh-giới Niết-Bàn an-lạc.

- Ban-cấp: đem cho.

- Phước-lạc cao: đó chính là niềm vui được hưởng trong cảnh-giới an-lạc, trường-cửu của Niết-Bàn.

B.- Nghĩa Ý:

(1).- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có hai phần: phần đầu kể lại việc vì sao Sở-rị-Gia bị biến-đổi từ người nam ra người nữ; phần sau thuật lại việc tu-hành của Sở-rị-Gia được thành-công, chứng

quả-vị A-la-hán. Ta nên lướt qua phần thứ nhứt và tìm hiểu kỹ ở phần thứ nhì, nhứt là lời Phật dạy về sự dứt bỏ niềm luyến-ái trong tâm.

a.- Việc thay đổi phái-tính: theo Tích-chuyện, chỉ vì trong tâm khởi lên ý-nghĩ bất-chánh đối với vị trưởng-lão mà Sở-rị-Gia phải thành người nữ. Sự thay đổi phái-tính, trong hiện-trạng của y-khoa, chẳng phải là chẳng có: với thuật giải-phẫu y-khoa ngày nay đã có nhiều người nam được đổi thành người nữ về thể-xác và ngược lại. Nhưng Tích-chuyện nhấn mạnh ở điểm: chỉ vì ý-định bất-chánh trong tâm mà bị biến thành người nữ. Chuyện đúng hay sai sự-thực, ngày nay chúng ta khó lòng kiểm-chứng. Nhưng điều quan-trọng, chẳng phải là sự biến-đổi phái-tính, mà sự quyết-tâm tu-hành sau nầy của Sở-rị-Gia. Chỗ thành-công của Sở-rị-Gia là do việc dứt bỏ sự luyến-ái thiên-vị, thương con chính mình đẻ ra, để có được một tấm lòng thương-yêu tất cả đồng-đều nhau của tâm Từ.

b.- Lời Phật dạy ở phần cuối Tích-chuyện: cha, mẹ dầu có thương con, để tiền-của cho con hưởng, cũng chỉ đem hạnh-phước một đời mà thôi. Còn hạnh-phước chơn-thật, lâu-bền là hạnh-phước sống trong cảnh Niết-bàn, phải do mình tự-tạo lấy, hạnh-phước nầy sanh ra do tâm thành, ý-thiện, nói cách khác, là do biết tu-hành đúng cách để được giải-thoát.

(2).- Ý-nghĩa bài Kệ số 043:

Ý-nghĩa bài Kệ được tóm gọn trong lời Phật dạy ở đoạn cuối của Tích chuyện: bỏ lòng luyến-ái, để Tâm được thanh-tịnh.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng cả hai bài Kệ số 042 và 043, để biết nên giữ-gìn Tâm-ý cho thanh-tịnh.

2.- Ứng-dụng: Con cái trong nhà, chẳng nên có con cưng, con ghét, nên thương chúng đồng-đều, đừng dành món ngon nầy cho một đứa, các đứa khác phải nhịn; đừng bắt chỉ một đứa làm nặng làm luôn, còn các đứa khác thì khỏi.

-ooOoo-

IV.- Phẩm Hoa.

(33).- Tích chuyện các vị Tỳ-kheo bàn về thế Đất.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ-kheo bàn về thế đất lồi-lõm hay bằng-phẳng.

Thuở ấy, có năm trăm vị tỳ-kheo theo sau chơn Đức Phật vào làng để khất-thực, rồi trở về Kỳ-viên-tự. Vào buổi chiều, họ tụ-tập nhau và bàn về chuyến đi khất-thực buổi sáng. Một số bình-phẩm về thế đất dọc đường, có chỗ lồi, chỗ lõm; các vị khác cho rằng khoảng nầy có cát, khoảng kia có đất sét trơn- trợt; một nhóm khác bảo vùng ấy có đồi nổng, vùng kia có hố đèo, v.v. Vào lúc ấy, Đức Phật đi ngang qua, biết được các tỳ-kheo đang bàn về thế đất, Ngài dừng lại và dạy rằng: "Này các tỳ-kheo, đất cát mà các vị đang bàn-cãi với nhau đó, đều ở ngoài tấm thân của quí vị. Tốt hơn, quí-vị nên quay lại

nhìn trên bản-thân mình, và chuẩn-bị đầy-đủ để chuyên-tâm hành-thiền."

Bấy giờ, Đức Phật nói lên hai bài kệ sau đây:

Ai khéo vượt qua cõi đất liền,
Cõi Diêm-ma và cõi nhơn-thiên?
Ai thông-đạt chơn-truyền Chánh-pháp,
Khéo như người hái, kết tràng hoa?
(Kệ số 044.)
Bực hữu-học qua cõi đất liền,
Cõi Diêm-ma và cõi nhơn-thiên,
Lại thông-đạt chơn-truyền Chánh-pháp.
Khéo như người hái, kết tràng hoa.
(Kệ số 045.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Thế Đất: hình-thể của mặt đất có chỗ lồi, chỗ lõm, v.v...

- Nổng: gò đất cao.

- Cõi Diêm-ma: cõi âm, cõi chết, nơi vua Diêm-Vương ngự-trị.

- Cõi nhơn-thiên: Nhơn = người; Thiên = Trời.

- Thông-đạt: hiểu biết rõ-ràng, thấu đáo.

- Chơn-truyền: Chơn = chơn-chánh, đúng-đắn; truyền = dạy bảo, nói và giảng đúng, cho rõ nghĩa.

- Tràng hoa: các hoa kết lại thành vòng.

- Hữu-học: Hữu =có; học = học hỏi. Hữu-học, theo nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, là người đã thông-đạt Chánh-pháp. Về phương-diện tu-hành, đó là những người còn đang học cách tu thế nào để

diệt hết các phiền-não tham, sân, v.v. và các sự si-mê về sở-tri-chướng để cho tâm và huệ được giải- thoát. Cao hơn bực Hữu-học là bực Vô-học nghĩa là những bực tu-hành đã học xong rồi, đã dẹp hết phiền-não-chướng và sở-tri-chướng, hết còn gì để học thêm nữa, tâm và huệ đều giải-thoát. Đừng lầm bực Vô-học với kẻ thất-học, là hạng người chẳng biết học gì hết ráo. Bực Hữu-học: tiếng Pali là Sekha; Vô-học + Asekha.

B. Nghĩa Ý

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, các vị tỳ-kheo tụ-tập nhau vào buổi chiều để tán gẫu. Đức Phật đi ngang qua, nghe thấy, nhắc các vị tuỳ-kheo nên siêng-năng quán thân bất-tịnh và chuyên-tâm hành thiền thì tốt hơn.

(2) Ý-nghĩa hai bài Kệ số 044 và 045:

Tuy chia ra hai bài, nhưng một bài đặt câu hỏi, bài sau trả lời. Hỏi: Ai vượt qua được mọi cõi trong cảnh Luân-hồi? Đáp: bực Hữu-học đang tu, dẹp hết các chướng-ngại, để tâm và huệ được giải-thoát.

Học-tập

1. Học thuộc lòng hai bài Kệ.

2. Ứng-dụng: Bớt tán gẫu, dành thời-giờ đọc Kinh, đi kinh-hành.

3. Nghe ai nói chuyện hàng xóm, chỉ nghe thôi, đừng tán thêm.

(34) - Tích chuyện vị Tỳ-kheo quán thân như ảo-ảnh.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến một vị Tỳ-kheo quán thân như ảo-ảnh.

Thuở ấy, có một vị Tỳ-kheo, sau khi nhận được đề-tài quán-tưởng do Đức Phật chỉ-dạy, liền đi vào rừng sâu để thực-tập thiền-quán. Mặc dầu vị ấy nỗ-lực rất chuyên-cần, nhưng sau một thời-gian, chẳng thấy có kết-quả khả-quan. Vị ấy định quay về Kỳ-viên-tự để xin Đức Phật chỉ dạy thêm. Dọc đường, vị ấy đứng lưng-chừng một ngọn đồi thấp, thấy thấp-thoáng một ngọn tháp cao, xa xa, ẩn hiện trong lùm cây. Khi đến gần bờ sông, thì ra đó chỉ là ảo-ảnh của một tàn cây rọi xuống dòng nước, có ánh mặt trời chiếu lên. Ngay lúc ấy, vị ấy nghĩ đến tấm thân nầy cũng tựa như ảo-ảnh, chẳng có thực-thể gì. Vị ấy liền ngồi xuống bên bờ sông, nhìn các bọt nước phập-phồng, chẳng mấy chốc lại vỡ tan. Thân nầy rồi cũng thế, vô-thường chẳng bền-vững, khác nào bọt nước trên sông.

Lúc bấy giờ, Đức Phật quán-thấy sự tiến-bộ của vị Tỳ-kheo, liền phóng hào-quang, đến bên cạnh, và nói: "Nầy Tỳ-kheo, như ông vừa quán-thấy trong tâm, tấm thân nầy là vô-thường, chẳng có thực-thể, có khác gì ảo-ảnh trên mặt nước kia." Rồi Đức Phật đọc lên bài kệ sau đây; vị Tỳ-kheo chăm-chú nghe, ghi nhận kỹ và chứng được đạo-quả A-la-hán.

Nhìn thân, biết vô-thường bọt nước;
Trông ảo-ảnh, thông được thể không,
Nhổ mũi tên hoa Ma cám-dỗ,
Người nầy, Thần Chết hết chỗ tìm.
(Kệ số 046)
Tìm hiểu:

a. nghĩa chữ:

- Quán: nhìn kỹ và nhận-xét rõ trong tâm.

- Ảo-ảnh: ảo = giả, chẳng có thật; ảnh = hình. Ảo-ảnh là hình giả, mắt nom thấy nhưng chẳng có vật thật; tựa như bóng soi trên mặt nước.

- Khả-quan: Khả = có thể; quan = xem. Kết quả khả-quan là có kết-quả tốt, xem được lắm.

- Tàn cây: thân cây có nhàn h lá, có bóng mát.

- Thực-thể: thực = thật; thể = bản-thể. Chẳng có thực-thể, có nghĩa là, tuy có đó, nhưng do sự kết-hợp tạm thời của n hững chất khác; hễ các chất nầy rời nhau ra, thì thân tiêu mất, chẳng còn gì. Nếu có thực-thể thì thực-thể còn tồn-tại được một mình; chỗ tồn-tại độc-lập đó là bản-thể.

- Thể không: thể = bản-thể; vốn là; Không = rỗng-rang, chẳng chứa đựng gì. Thể không rất khó định- nghĩa; thường nghe dạy: muôn vật đều thể không, có nghĩa là muôn vật đều rỗng-rang, chẳng có thực- thể.

- Mủi tên hoa: tên hoa = trên mũi tên nhọn có vẽ bông hoa, tượng-trưng sự cám-dỗ. Bài Kệ gọi đó là sự cám-dỗ là Ma; còn gọi là Ma-quân.

- Thần Chết hết chỗ tìm: có nghĩa là người ấy chẳng còn tái-sanh nữa nên chẳng chết. Tu đến mức chứng được vô-sanh là chứng-đắc cảnh Niết-bàn an-vui và thường-còn mãi mãi. Vì thế Thần Chết bắt chẳng được.

B. Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, được tóm gọn trong tựa-đề: một vị Tỳ-kheo biết quán thân như ảo-ảnh, nghĩa là xem thân nầy giả-tạm, chẳng thường-còn. Người quán được như thế, rời bỏ các thú-vui vật-chất cám-dỗ, tu chứng được cảnh vô-sanh của Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 046:

Bài Kệ có bốn câu, mỗi câu chứa một ý-nghĩa quan-trọng trong giáo-lý nhà Phật. Xin phân-tách vắn- tắt:

1. Nhìn thân, biết vô-thường bọt nước: đây là phép quán thân vô-thường. Biết thân nầy giả-tạm, do tứ- đại (= bốn chất: đất, nước, gió, lửa) kết-hợp tạm-thời mà có, chẳng bền-vững, như bong-bóng nước chẳng mấy chốc mà vỡ đi.

2. Trông ảo-ảnh, thông được thể KHÔNG: đây là phép quán các sự-vật hữu-vi đều có thể Không rỗng- rang. Sự-vật hữu-vi là những sự-vật do sự tạo-tác mà có, chịu ảnh-hưởng của sự đổi-thay (bị điều- kiện-hoá), bên trong chẳng có thực-chất, nên được gọi là chẳng có thực-thể, hay là, bản-thể là Không. Biết được thể Không của mọi vật ở thế-gian, mới đi tìm chỗ thường-còn, chơn-thật, bền-vững là cõi xuất-thế của Niết-bàn.

3. Nhổ mũi tên hao Ma cám-dỗ: mũi tên hoa tượng-trưng cho sự cám-dỗ của các thú-vui vật-chất (thú- vui vật-chất thường được gọi bằng danh-từ chuyên-môn trong Phật-học là các dục-lạc; dục = ham muốn; lạc = thú-vui) Gọi là mũi tên có tẩm thuốc độc vì khi bắn vào người sẽ gây ra chết-chóc; mũi tên có vẽ hoa, trông đẹp, nên có sức cám-dỗ. Người biết nhổ mũi tên hoa là người biết bỏ qua các thú- vui vật-chất, chẳng chạy theo sự cám-dỗ, chọn con đường tu-hành, tự khép mình trong kỷ-luật của ngũ giới (= năm

điều răn-cấm của người tu tại-gia) và thực-hành mười điều thiện (xin xem lại Thập Thiện ở trang 100).

4. Người nầy Thần Chết hết chỗ tìm: thi-hành đúng ba điều kể trên trong ba câu Kệ trước, thì đạt được kết-quả là chứng được cảnh vô-sanh. Vô-sanh có nghĩa là chẳng tái-sanh nữa, mà chẳng tái-sanh thì chẳng chết, sống mãi mãi trong cõi an-klạc, thường-hằng của cảnh-giới Niết-bàn. Câu chót nầy nói đến kết-quả của sự tu-hành viên-mãn.

Tóm lại, bài Kệ nầy dạy ta phép quán thân như ảo-ảnh, như bọt nước, biết tránh sự cán-dỗ của dục- lạc, khép mình trong giới-luật tu-hành, sẽ tránh được vĩnh-viễn cảnh đau-khổ triền-miên của sanh-tử Luân-hồi và chứng được Niết-bàn an-lạc.

Học-tập

1. Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ hai điều căn-bản trong giáo-lý: Vô-thường, thể Không.

2, Thực-tập về quán Vô-thường: xin đề-nghị vài việc nho-nhỏ để nhận-xét về lẽ Vô-thường của mọi vật hữu-vi:

- thay bó hoa tươi trên bàn Phật: mỗi khi thay hoa, nên lẩm-bẩm trong đầu, đời người rồi cũng chóng hết như hoa sớm nở tối tàn!

- khi uống trà hay cà-phê: nhìn vào bọt nước ở ly, tách, để nửa phút suy-gẫm về sự nhanh-chóng của bọt nước, chẳng mấy chốc rồi bể đi; đời người, các thú-vui vật-chất cũng chóng tàn như thế.

3. Nhổ mũi tên hoa: trong buổi tiếp-tân: nếu có thể, thay vì nhận một ly rượu, xin đổi lấy ly nước trái cây; và ngẫm-nghĩ: đây là ta đang tìm cách nhổ mũi tên hoa của Ma cám-dỗ, Ma đó là ... ma men!

(35) - Tích chuyện vua Tỳ-lưu-ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến Vua Tỳ-lưu-ly tàn-sát dòng họ Thích-ca.

Thuở ấy, vua Ba-tư-nặc của nước Câu-tát-la, muốn cưới một công-chúa dòng Thích-ca làm hoàng-hậu, mới gởi sứ-giả đến thành Ca-tỳ-la-vệ để cầu-hôn. Vua Đại-dnh dòng Thích-ca mới chọn trong hàng con mình một nàng công-chúa rất đẹp, vốn do một người cung-nữ nô-lệ sanh ra. Vua Ba-tư-nặc phong làm Hoàng-hậu, sanh ra Thái-tử Tỳ-lưu-ly. Khi Thái-tử đúng mười sáu tuổi, về thăm quê mẹ ở Ca-tỳ- la-vệ, các vị hoàng-tử dòng Thích-ca đều bỏ đi săn, để khỏi đón tiếp một người vốn thuộc dòng ti-tiện. Nhưng Thái-tử Tỳ-lưu-ly vẫn được tiếp-đãi nồng-hậu nơi hoàng-cung. Sau cuộc viếng thăm, Thái-tử Tỳ-lưu-ly ra về; trong bọn tùy-tùng có người bỏ quên đồ-vật, trở lại lấy. Bấy giờ có người đầy-tớ gái trong cung đang chùi rửa cái ghế Thái-tử đã ngồi, vừa chùi vừa lẩm-bẩm: "Ghế nầy ô-uế đi vì đứa cháu của kẻ nô-lệ đã ngồi lên." Người tùy-tùng lấy làm lạ, mới hỏi tại sao, người đầy-tớ thuật lại nguồn-gốc, dòng-dõi bên ngoại của Thái-tử Tỳ-lưu-ly. Bà ngoại của Thái-tử là một người nô-lệ, được vua

Đại-danh thương, nên mới sanh ra công-chúa, mẹ của Thái-tử. Chuyện được dấu kín trong thời- gian Thái-tử viếng thăm. Nào ngờ, người tùy-tùng thuật lại hết cho Thái-tử nghe. Tỳ-lưu-ly nổi giận, nguyện sẽ báo mối thù nầy.

Tỳ-lưu-ly là kẻ bạo-ngược, đuổi vua cha phải chạy sang nước Ma-kiệt-đà, cướp ngôi, cầm quân sang đánh thành Ca-tỳ-la-vệ. Biết bao nhiêu người trong dòng họ Thích-ca bị giết chết. Ngài A-nan khóc- lóc xin nhờ Đức Phật cứu cho, nhưng Đức Phật bảo, đó là quả-báo của dòng họ Thích-ca phải gánh chịu, vì trong một tiền-kiếp, họ đã bỏ thuốc độc vào một hồ nước, giết hết loài cá trong hồ; nay cá ấy tái-sanh ở nước Câu-tát-la, đến báo oán.

Trên đường trở về nước, quân-đội của Vua Tỳ-lưu-ly đóng đại-dinh bên bờ sông, an giấc. Nửa đêm, nước lụt to lớn tràn ngập khắp nơi, cuốn tất cả mọi người trôi ra biển, chết hết.

Khi nghe kể lại việc nầy, Đức Phật đọc lên bài Kệ sau đây:

Người mải-mê hái hoa dục-lạc,
Bị Tử-thần đến bắt mang đi;
Như cơn lụt lớn, khác gì,
Cuốn phăng làng xóm ngủ khì, say mê.
(Kệ số 047.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Tỳ-lưu-ly: tên thật vua nầy bằng tiếng Pali là Vitatùbha.

- Ba-tư-nặc: tên thật vua nầy bằng tiếng Pali là Pasenadi, tiếng Phạn là Prasenajit. Vua Ba-tư-nặc là một Phật-tử thuần-thành, thường đến thưa hỏi Đức Phật về giáo-pháp.

- Câu-tát-la: tên thật nước nầy bằng tiếng Pali là Kosala.

- Ca-tỳ-la-vệ: tên thật thành nầy bằng tiếng Pali là Kapilavatthu.

- Thích-ca: tên thật của dòng-họ nầy bằng tiếng Pali là Sakya.

- Đại-danh: tên thật của vua nầy bằng tiếng Pali là Mahànàma.

- Ma-kiệt-đà: tên thật nước nầy bằng tiếng Pali là Magadha.

- Tàn-sát: tàn = tàn-bạo; sát = sát-hại, giết chết.

- Cầu hôn: xin cưới.

- Nô-lệ: nô = đầy-tớ; lệ = lệ-thuộc. Nô-lệ là người đầy-tớ, thân-thể thuộc về chủ, chủ có quyền sinh-sát được.

- Ô-uế: dơ-bẩn.

- Đại-dinh: đại = lớn; dinh = doanh trại, chỗ đóng quân.

- Hoa dục-lạc: hoa = bông hoa; dục = ham muốn; lạc = vui. Thú-vui vật-chất về thể-xác, trong Phật- học gọi là dục-lạc. Bảo đó là hoa, vì dục-lạc hay cám-dỗ, làm người vui-thích và mê-đắm.

- Tử-thần: thần Chết.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc báo-thù của vua Tỳ-lưu-ly đã tàn-sát dòng-họ Thích-ca. Ý-nghĩa quan-trọng là Luật Nhơn-Quả báo-ứng: dòng-họ Thích-ca trong tiền-kiếp đã giết chết hết loài cá trong hồ bằng thuốc độc, trong kiếp nầy phải chịu cảnh tàn-sát. Vua Tỳ-lưu-ly giết-hại người trong họ Thích-ca, phải chịu quả-báo hiện-tiền (= ngay trước mắt) là bị nước lụt cuốn chết trôi ngoài biển, ngay trong đêm sau trận tàn-sát.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 047:

Trong bài Kệ, Đức Phật chỉ nhơn việc vua Tỳ-lưu-ly và quân lính đang ngủ mê, bị lũ-lụt cuốn trôi trong đêm, mà so-sánh với việc người ham chạy theo thú vui vật-chất, chẳng dè Thần Chết rình sẵn bắt

đi, vào lúc mình chẳng ngờ. Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ là đừng tham-đắm dục-lạc, phải lo tu- hành, vì mình chẳng biết được lúc nào mình sẽ chết. Nếu chẳng tu-hành để giải-thoát, sẽ phải trôi lăn mãi trong vòng khổ-đau của sanh-tử Luân-hồi.

Tại sao Đức Phật lại chẳng dùng thần-thông cứu-giúp dòng-họ mình tránh khỏi cuộc tàn-sát? Chẳng phải Đức Phật đã vô-tình với họ-hàng, đó là vì luật quả-báo khi báo-ứng chẳng vì-nể ai, chẳng tư-vị ai, hễ đã làm ác thì phải chịu điều khổ-sở. Chẳng có nơi nào trên thế-gian nầy mà ta trốn được quả-báo cả.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để tự khuyên-răn lấy mình mỗi khi thấy bị thú-vui cám-dỗ.

2.- Ghi nhớ Tích chuyện, để tự-trách mình mỗi khi có ý-định muốn làm hại ai, hay trả thù ai.

3.- Hãy xem lại các Tích chuyện số (1), (2), (3), (4), và các bài Kệ liên-hệ đến việc thù-oán. Nhớ rằng: ôm việc thù-oán trong lòng là tự hại mình trước, vì lòng mình chẳng được nhẹ-nhàng, thanh-thản.

4.-Về các thú-vui giải-trí, sau những giờ làm việc nhọc-mệt, xin đề-nghị thử xét lại để tránh các "dục- lạc" thông-thường sau đây:

- hút thuốc lá, nhai kẹo, tán gẫu với bè-bạn;

- chơi bài tứ-sắc, xoa mạt-chược;

- rủ nhau vào quán rượu nhâm-nhi, sau giờ làm việc.

(36).- Tích chuyện bà Khưu-ma-Ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bà Khưu-ma-Ly, một người tín-nữ được sanh lên cõi Trời.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có bà Khưu-ma-Ly, cố chồng từ năm mười sáu tuổi và sanh được bốn người con trai. Bà là một Phật-tử thuần-thành, hằng ngày thường dâng-cúng thực-phẩm cho các vị Tăng-ni đi khất-thực. Bà thường đến chùa nghe giảng pháp, quét dọn quanh chùa, gánh nước đổ đầy vào lu và làm các công-quả khác. Bà Khưu lại có được khả-năng nhớ được tiền-kiếp của bà, trước ở cung Trời Đao-Lợi, làm vợ của vị Thiên-nam tên là Tràng Hoa. Bà nhớ rõ, thuở ấy, bà và các người bạn đang cùng nhau hái hoa và vui-đùa trong vườn hoa, bỗng bà qua đời và tái-sanh xuống cõi nhơn-gian. Cho nên, ngày nay, mỗi khi cúng-dường chư Tăng-ni, bà thường cầu-nguyện được tái-sanh trở lại cõi Trời để gặp lại người chồng cũ và các bạn-bè ở đấy.

Một hôm, vào buổi sáng, bà Khưu bị bịnh nhẹ, đến buổi chiều thì chết. Đúng như lời nguyện, bà Khưu được tái-sanh lên cõi Trời Đao-lợi và gặp lại ngay vị Thiên-nam Tràng Hoa, bấy giờ còn đang ngoạn cảnh trong vườn hoa với các bạn gái của bà. Vì một trăm năm dưới cõi trần chỉ bằng một ngày trên Thiên-giới, nên các người bạn và vị Thiên-nam, mới hỏi bà Khưu, tự nẩy giờ, bà đi đâu vắng mặt chẳng thấy. Bà Khưu thuật lại thời-gian ở cõi người, có gia-đình con cái và được nghe Đức Phật giảng pháp như thế nào cho các thiên-nữ cùng chồng nghe.

Bấy giờ, ở thế-gian, các vị Tỳ-kheo rất đau buồn khi hay tin bà Khưu đã lìa cõi trần, và đem chuyện bà Khưu trình với Phật. Đức Phật cho biết nơi tái-sanh của bà Khưu là cõi Trời Đao-lợi, đồng thời chỉ- dạy các vị tỳ-kheo rằng, đời người rất ngắn-ngủi, chưa kịp hưởng cho thoả-mãn các thú-vui vật-chất, đã phải chết đi. Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người mải-mê hái hoa dục-lạc, Chưa thỏa lòng thèm-khát ước-mong, Đà trông thấy kìa ông Thần Chết

Nắm cổ lôi đi, hết một đời. (Kệ số 048.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Khưu-ma-Ly: tên thật bằng tiếng Pali rất dài, Patipùjika Kumàrì.

- Tín-nữ: tín = tin-tưởng; nữ = phụ-nữ, đàn-bà, cô gái. Chữ tín-nữ, trong Phật-học, chỉ vào người phụ- nữ tu tại-gia, giữ năm giới, thường vào chùa làm công-quả(= giúp việc thí-công trong chùa). Danh-từ chuyên-môn là ưu-bà-di (Upasikà), còn gọi là cận-sự-nữ. Về phiá đàn-ông, là ưu-bà-tắc (Upasakà), hay là cận-sự-nam.

- Thuần-thành: rất có nhiệt-tâm, tin tưởng vào ngôi Tam-Bảo, thi-hành đúng các bổn-phận của người tu tại-gia.

- Công-quả: công = công-đức; quả = kết-quả, trái (cây). Danh-từ nhà chùa, có nghĩa là vào chùa giúp việc lặt-vặt, bếp-núc; được tin-tưởng là nhờ đó mà được công-đức lành về sau.

- Thiên-nam: Thiên = Trời; nam = đàn-ông. Một vị Trời phái nam, còn phái nữ gọi là thiên-nữ.

- Tràng Hoa: tên thật bằng tiếng Pali là Màlabhàri.

- Nhơn-gian: nhơn = người; gian = khoảng, cõi, giới, xứ. Cõi nhơn-gian là cõi người.

- Cõi Trời Đao-lợi: tên cõi Trời nầy bằng tiếng Pali là Tàvatimsa.

- Ngoạn cảnh: xem cảnh, ngắm hoa trong vườn.

- Mải-mê: đang mê vào việc đó, chẳng để ý gì đến việc khác.

- Dục-lạc: dục = ham muốn; lạc = vui. Trong Phật-học, chữ dục-lạc trỏ vào các thú vui vật-chất, để thoả-mãn các giác-quan, nên thấp-kém so với các thú vui tinh-thần, hướng-thượng, cao hơn.

- Đà = đã; vừa thấy ngay đó liền.

B.- Nghĩa Ý:

(1).- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị thiên-nữ ở cung Trời Đao-lợi tái-sanh xuống cõi nhơn-gian, làm Phật-tử thuần-thành, có gia-đình và bốn con. Nhờ nhớ lại tiền-kiếp, bà Khưu đến chùa làm công-quả, cúng-dường chư Tăng-ni, nghe giảng-pháp. Bà cầu-nguyện được tái-sanh trở lên cung Trời, tái-hợp lại với chồng cũ là một vị Thiên-nam.

Ý-nghĩa quan-trọng trong Tích chuyện là cái chết đến bất-ngờ, như đang hái hoa vui đùa mà phải chết; vì thế cho nên trong lúc sống, đừng chạy theo dục-lạc, mà phải tinh-tấn tu-hành theo Chánh-pháp.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 048:

Cũng như bài Kệ số 047, bài kệ số 048 cảnh-cáo ta, nên biết cái chết sẽ đến bất-ngờ, đừng " mải-mê hái hoa dục-lạc", mà phải lo tu-tập để được giác-ngộ và giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ số 048: ý-nghĩa cũng giống như bài trước, nên dễ thuộc.

2.- Thời-gian rất tương-đối: Theo Tích chuyện, thời-gian ở dưới trần-gian một năm chỉ bằng một ngày trên cõi Trời. Theo kinh-kệ Phật-học, ở các cõi Trời khác, thời-gian còn lâu hơn nữa. Chúng ta chẳng thể nào kiểm-chứng lại được, vì còn phải sống ở cõi trần-gian. Ngay tại trần-gian nầy, thời-gian cũng chẳng giống nhau: ở Montreal 8 giờ sáng thì ở Sài-gòn là 8 giờ tối. Vậy, ta chớ nên cho rằng Tích chuyện nói sai sự-thật về thời-gian: khi mình chưa biết, chưa thấy, mình chẳng có quyền nói điều đó sai hay đúng; thái-độ đứng-đắn là chỉ nghe biết mà chẳng nên phê-bình đúng hay sai.

3.- "Chẳng mải-mê hái hoa dục-lạc" bằng cách nào? Tại sao ta lại chạy theo thú-vui vật-chất? Vì các thú-vui nầy làm thoả-mãn sự đòi-hỏi của các giác-quan ta, như mắt

muốn xem tuồng cải-lương, như tai muốn nghe ca Vọng-cổ, v.v. Biết kềm-chế các giác-quan, là chẳng mải-mê chạy theo hái hoa dục-lạc đó.

(37).- Tích chuyện ông Cơ-sĩ-gia, kẻ giàu-có mà rít-róng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến ông Cơ-sĩ-gia là một kẻ giàu-có nhưng rất bỏn-xẻn (rít-róng).

Thuở ấy tại làng Sắc-kha-ra, gần Vương-xá-thành, có một người rất giàu-có, nhưng tâm-tánh rất hà- tiện, chẳng hề chịu bố-thí, dầu là một vật thật nhỏ-nhít trong số của-cải của ông ta. Một hôm, vợ chồng ông ta muốn ăn bánh rế, bánh cay, mới đem chảo dầu lên từng thượng trên lầu để chiên bánh, chẳng muốn cho ai trong nhà trông thấy để xin chia phần.

Sáng sớm hôm ấy, Đức Phật, trong cơn thiền-định, quán thấy vợ chồng ông Cơ-sĩ-gia có được cơ- duyên sắp chứng-đắc đạo-quả Tu-đà-huờn. Đức Phật liền sai vị đại-đệ-tử là Ngài Đại-Mục-kiền-liên đi đến nhà của ông Cơ-sĩ-gia và đưa hai vợ chồng người nầy đến tịnh-xá Kỳ-viên, vào đúng lúc chư Tăng sắp thọ ngọ-trai.

Ngài Mục-kiền-liên dùng thần-thông bay đến làng Sắc-kha-ra, đứng lơ-lửng trên không, trước cửa sổ, nơi hai vợ chồng Cơ-sĩ-gia đang lén-lút chiên bánh. Ông Cơ-sĩ-gia nom thấy, mới bảo Ngài Mục-kiền- liên đi chỗ khác, nhưng vị đại-đệ-tử vẫn đứng yên, im-lặng, chẳng nói lời nào. Một lúc sau, Cơ-sĩ-gia sốt ruột và tức tức trong bụng, mới bảo vợ: "Thôi, Bà hãy lấy một chút-xíu bột, chiên một cái bánh thật nhỏ, đem thí cho hắn đi đâu thì đi cho rảnh!"Bà vợ nghe lời, vít chút bột bỏ vào chảo chiên, nhưng lạ thay, cái bánh phồng to lên chiếm cả mặt chảo. Cơ-sĩ-gia nghĩ rằng vợ mình đã lấy nhiều bột quá, nên chính tay vít một chút-tẻo bột bỏ vào chảo chiên. Lạ thay, bánh cũng phồng to lên và chiếm cả mặt chảo như cái bánh trước. Mấy lần chiên như thế, cũng chẳng có được cái bánh nhỏ nào cả, Cơ-sĩ-gia mới bảo vợ, lựa trong rổ xem có cái nào nhỏ nhứt, lấy đem cho. Người vợ nghe lời, bốc lấy một cái, nhưng lạ thay, tất cả các bánh chiên sẵn đều dính chặt vào nhau, chẳng cách nào gỡ ra lấy riêng một cái được. Hì-hục một chặp mà chẳng lấy được cái bánh nào, Cơ-sĩ-gia cảm thấy hết thèm ăn bánh nữa, mới bưng cả rổ bánh trao cho Ngài Mục-kiền-liên. Lúc ấy, Ngài Mục-kiền-liên mới dùng lời hoà-nhã khuyến-dạy hai vợ chồng Cơ-sĩ-gia về hạnh bố-thí và mời cả hai đến chùa Kỳ-viên, gặp Phật và chư Tăng còn đang đợi họ đến thọ-trai. Làng Sắc-kha-ra cách chùa Kỳ-viên hơn bốn mươi lăm do-tuần, nhưng với sức thần-thông của Ngài Mục-kiền-liên, cả hai vợ chồng Cơ-sĩ-gia, tay bưng rổ bánh, chẳng mấy chốc đến nơi, đem dưng rổ bánh cúng-dường Đức Phật và chư Tăng. Bấy giờ, Đức Phật, sau buổi ngọ-trai, mới giảng về hạnh bố-thí; Cơ-sĩ-gia và vợ nghe lời Phật dạy, thấu-hiểu được Chánh-pháp, mới chứng-đắc quả-vị Tu-đà-huờn.

Buổi chiều hôm ấy, khi các vị Tỳ-kheo khen ngợi Tôn-giả Mục-kiền-liên đã cảm-hoá được vợ chồng Cơ-sĩ-gia bỏ được thói rít-róng, Đức Phật mới bảo chư Tăng rằng: "Này các vị tỳ-kheo, các ông nên học theo tư-cách của Mục-kiền-liên, mỗi khi đi vào làng để khất-thực: nhận của bố-thí mà chẳng hề làm giảm mất sự tin-tưởng, sự rộng-lượng cùng tài-sản của người thí-giả."

Bấy giờ, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Ong đến bên hoa, tìm hút nhụy,
Chẳng làm phai một tí sắc hương.
Y nhu thế, trên đường khất-thực,
Tỳ-kheo tỉnh-giác bước vào làng.
(Kệ số 049.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

- Cơ-sĩ-gia: tên thật người nầy bằng tiếng Pali là Kosiya.

- Sắc-kha-ra: tên thật làng nầy bằng tiếng Pali là Sakkàra.

- Đại Mục-kiền-liên: tên thật của Tôn-giả bằng tiếng Pali là Mahà Moggallàna.

- Rít-róng: cùng một nghĩa với các tiếng hà-tiện, bỏn-xẻn, kẹo, keo-kiệt.

- Bánh rế, bánh cay: loại bánh bằng bột, chiên dòn, thường được người Ấn-độ ưa dùng, trông giống như bánh còng, bánh cam của ta.

- Từng thượng: từng lầu cao nhứt trong nhà.

- Ngọ-trai: Ngọ = đúng trưa, mười hai giờ trưa; trai: ăn chay. Ngọ-trai là bữa ăn trưa; các tu-sĩ theo Phật-giáo nguyên-thủy mỗi ngày chỉ ăn một bữa vào buổi trưa mà thôi.

- Hoà-nhã: Hoà = hiền-hoà; nhã = nhã-nhặn. Lời nói hiền-từ và êm-dịu, dễ nghe.

- Hạnh bố-thí: Hạnh = hành, hành-động; bố-thí = đem của-cải, công-sức, lời nói ra hiến-tặng ai. Hạnh bố-thí tạo nên phước lành cho người bố-thí. Hạnh nầy đứng đầu trong sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát- đạo. Hạnh nầy giúp người tu-hành dứt bỏ được mối độc to lớn là xẻn-tham, trong ba mối độc tham, sân, si.

- Thọ-trai: ăn chay.

- Do-tuần: phiên-âm chữ Phạn là yojana, ước chừng một cây-số.

- Cảm-hoá: Cảm = cảm-động; hoá = chuyển đổi. Cảm-hoá là khiến cho người nghe biết bỏ chỗ sai mà theo điều đúng.

- Khất-thực: Khất = đi xin; thực = ăn. Khất-thực là hạnh tu của Đức Phật đặt ra, buộc mọi tỳ-kheo phải đi xin ăn, chẳng được làm nghề nào khác để sanh-sống. Hạnh nầy có mục-đích diệt lòng kiêu- hảnh nơi người tu-sĩ, phải cúi mình nhận của bố-thí của kẻ khác mà sống; đây cũng là dịp để các tu-sĩ gặp-gỡ người thường để khuyên-dạy về sự tu-hành cho họ.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = thức-tỉnh, chẳng mê, tỉnh-táo; giác = biết. Người tỉnh-giác luôn luôn giữ chánh- niệm trong tâm, nói gì, làm gì, nghĩ gì, cũng biết mình đang nói, đang làm, đang nghĩ điều chánh-đáng. Trái với sự tỉnh-giác là thói buông-lung, mê-mờ,

phóng-dật, chẳng biết kềm-thúc các giác-quan, chẳng biết chấn-chỉnh các vọng-tưởng.

B.- Nghĩa Ý:

(1).- Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc hai vợ chồng ông Cơ-sĩ-gia giàu mà rít-róng, muốn ăn bánh mà chẳng muốn mời ai, nên trốn lên lầu cao chiên bánh. Tôn-giả Mục-kiền-liên với sự kiên-nhẫn và thái-độ hiền-hoà đã cảm-hoá được họ, đưa họ đến gặp Đức Phật nghe thuyết-pháp mà chứng được quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn. Tích chuyện đã khéo mô-tả sự rít-rít-róng của vợ chồng Cơ-sĩ-gia: rứt lấy một cái bánh nhỏ trong rổ chẳng được, bánh dính chặt nhau trong rỗ, cũng như tiền-bạc cất trong bóp chẳng chịu móc ra một ít để đem bố-thí vậy! Người ta thường nói: "Đồng tiền dính liền khúc ruột!" đâu đành lòng rứt ra để tặng ai!

Trong Tích chuyện có nói đến sự thần-thông của Tôn-giả Mục-kiền-liên, ngày nay ta chẳng chứng- kiến được, thấy để mà tin theo, nhưng điều đó chẳng quan-trọng mấy; chỗ quan-trọng cần hiểu rõ là sự kiên-nhẫn của Tôn-giả, đứng im chờ được bố-thí, kiên-nhẫn đến mức cảm-hoá được cả hai vợ-chồng giàu mà kẹo nầy. Đọc Kinh-Sách Phật, ta chớ nên chú-trọng quá đến các phép lạ, mà nên cố tìm hiểu nghĩa sâu-kín ẩn trong lời kinh. Ở đây, nghĩa sâu-kín đó chính là sự keo-kiệt cần phải dẹp bỏ, để mau được giác-ngộ và giải-thoát.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 049:

Bài Kệ nầy so-sánh thái-độ của vị tỳ-kheo đi khất-thực với cảnh con ong bay đến bên hoa, chỉ để hút nhụy mà chẳng làm phai một tí sắc hương của hoa. Thái-độ đó như thế nào? Đó là phải tỉnh-giác, nghĩa là chẳng bao giờ đánh mất chánh-niệm, luôn luôn tỉnh-táo, kiên-nhẫn, điềm-đạm chờ nhận sự bố-thí, mà chẳng làm giảm mất sự tín-tâm, sự rộng-rãi hay tài-sản của người thí-giả (= người cho). Ong đến hút nhụy nơi hoa, cũng như vị tỳ-kheo đến với người thí-giả, giúp cho người nầy dẹp bỏ sự rít-róng, tạo được cho tâm mình sự vô-tham, chẳng luyến-tiếc của-cải, để có cơ-hội về sau được giải-thoát ra khỏi cảnh khổ của kiếp Luân-hồi.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ: tuy bài Kệ nói về việc các tỳ-kheo đi khất-thực, nhưng người tu tại-gia cũng có dịp ứng-dụng trong việc tu-hành của mình, khi tình-nguyện đi xin tiền giúp cho các cơ-quan từ-thiện. Trong công-tác nầy, cần phải nhẫn-nhục, mềm-mỏng.

2.- Trong các cuộc lạc-quyên, mình có bao nhiêu, tùy sức mình mà giúp, chẳng nên vì danh mà cho thật nhiều, chẳng nên tủi thân vì mình chẳng sẵn tiền bạc dư. Của ít, lòng nhiều, tâm thành mới quí.

(38).- Tích chuyện ẩn-sĩ Phả-vị-gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ẩn-sĩ Phả-vị-gia được một tín-nữ bảo-trợ.

Thuở ấy, tại nước Xá-vệ có một người tín-nữ giàu-sang rất thành-tâm hộ-trợ một người ẩn-sĩ, chăm- sóc như con đẻ, giúp đỡ mọi nhu-cầu. Bấy giờ, bà ấy nghe nói đến có Đức Phật đang ngụ tại chùa Kỳ- viên, nên muốn thỉnh Phật cùng chư Tăng về nhà cúng-dường thực-phẩm. Bà liền đi đến nơi Đức Phật trú-ngụ, cung-thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà thọ-trai. Đức Phật nhận lời. Trong khi Đức Phật ngỏ lời tán-thán công-đức cúng-dường của vị tín-nữ, thì vị ẩn-sĩ Phả-vị-gia đang ở trong căn phòng bên cạnh, nghe thấy, mới nổi giận, to tiếng nguyền-rủa bà thí-chủ đã tỏ lòng kính-trọng Đức Phật và chư Tăng hơn mình. Vị tín-nữ nghe ông ta đang nói xấu Đức Phật và chúng Tăng, nên cảm thấy hổ-thẹn trong lòng, chẳng còn theo dõi được những lời Phật đang giảng dạy. Đức Phật nom thấy mới bảo vị tín-nữ, chớ nên để-ý đến những lời bất-nhã của kẻ ẩn-sĩ kia, mà chỉ nên chú-tâm đến những hành-động tốt hoặc xấu của chính mình.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Đừng nhìn thấy lỗi-lầm người khác, Hoặc lỡ làm, hoặc sót chẳng làm. Hãy nhìn thấy tâm mình trước đã:

Trót làm, lỡ sót, cả ngay gian. (Kệ số 050.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Ẩn-sĩ: Ẩn = kín; sĩ = người; người tu-sĩ. Ẩn-sĩ là người tu-hành ở nơi xa-vắng.

- Phả-vị-gia: tên thật của vị ẩn-sĩ nầy bằng tiếng Pali là Pàveyya.

- Bảo-trợ, Hộ-trợ: Bảo = che-chở; Hộ = giúp-đỡ; trợ = cứu-giúp.

- Tín-nữ: Tín = tin-tưởng; Nữ = phụ-nữ, đàn-bà, cô gái. Tín-nữ là người phụ-nữ tin-tưởng vào Phật- pháp. Đàn-ông gọi là thiện-nam.

- Nhu-cầu: các sự cần-dùng.

- Cung-thỉnh: Cung = cung-kính, kính-trọng; thỉnh = mời.

- Tán-thán: khen ngợi.

- Bất-nhã: Bất = chẳng; nhã = nhã-nhặn. Lời bất-nhã là lời hỗn-láo, bất-lịch-sự, vô-phép.

- Chú-tâm: để-ý đến.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện rất rõ-ràng: chê hành-động khiếm-nhã của vị ẩn-sĩ, vì ganh-ghét mà có lời vô-lễ đối với vị tín-nữ và Đức Phật cùng chúng Tăng. Sự ganh-ghét nầy làm phát-sanh sự tức-giận, tức là sân, một món độc thứ hai trong ba mối độc lớn, đã khiến cho chúng-sanh trôi lăn mãi trong cảnh khổ của kiếp Luân-hồi.

Đức Phật dạy bà tín nữ: "Đừng nhìn thấy lỗi-lầm của kẻ khác" mà hãy chú-tâm đến những lỗi-lầm của chính mình." Nếu biết lỗi của mình mà sửa chữa lại, thì tâm trở nên thanh-tịnh, sớm giác-ngộ và giải- thoát. Khi mình vạch lỗi của người, chính mình cũng đã có lỗi trước rồi: lỗi đã kẽ-vạch lỗi-lầm kẻ khác để chê-bai.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 050:

Bài Kệ khuyên ta ba điều: (1) đừng vạch lỗi kẻ khác, (2) phải chơn-thành xét lấy lỗi-lầm của chính mình, (3) lỗi có hai thứ: (a) lỡ làm điều quấy; (b) quên làm điều lành. Đây là đường-lối thiết-thực để thanh-lọc tâm-ý cho thanh-tịnh. Tâm thanh-tịnh là tâm đã được giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ để ứng-dụng trong cuộc sống hằng ngày với kẻ khác, giữ tâm sao cho được thanh-tịnh.

2.- Đối với những người mà mình có trách-nhiệm hướng-dẫn, dìu-dắt, chỉ-dạy, việc chỉ rõ các lỗi-lầm của họ để sửa chữa lại, rất cần-thiết. Nhưng khi chỉ-dạy, phải dùng lời dịu-dàng, chớ trách-móc, đay- nghiến.

(39).- Tích chuyện cư-sĩ Chúc-pha-nhi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị cư-sĩ Chúc-pha-nhi và hai vị vương-phi của vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ có vị cư-sĩ tên là Chúc-pha-nhi, tu-hành đắc được quả-vị A-na-hàm. Lúc bấy giờ, cư-sĩ Chúc-pha-nhi đang chăm-chú ngồi nghe Đức Phật thuyết-pháp; bỗng có Vua Ba-tư-nặc vào yết-kiến Đức Phật. Cư-sĩ Chúc-pha-nhi chẳng đứng dậy chào đón Vua, vì sợ rằng làm như vậy thì thiếu lễ-độ đối với Đức Phật trong khi Ngài đang giảng pháp. Nhưng nhà vua lại cho rằng cư-sĩ cứ ngồi yên như thế là thiếu sự kính-trọng đối với mình, nên vua tỏ vẻ chẳng bằng lòng. Đức Phật nom thấy, đoán biết tâm-trạng của nhà vua, nên sau đó có lời khen ngợi cư-sĩ là người rất thông-hiểu Chánh-pháp và đã chứng đắc được quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn là quả vị Bất-Lai (= A-na- hàm). Khi nghe lời tán-thán nầy của Đức Phật, vua Ba-tư-nặc liền thay đổi thái-độ và tỏ ra có cảm-tình với cư-sĩ Chúc-pha-nhi.

Khi gặp lại cư-sĩ Chúc-pha-nhi, nhà vua nói: "Cư-sĩ là người rất thông-hiểu Chánh-pháp của Đức Phật, Trẫm xin mời cư-sĩ đến hoàng-cung để chỉ-dạy lại cho hai người vương-phi của Trẫm." Nhưng cư-sĩ từ-chối lời mời và khuyên vua nên trình với Đức Phật cử một vị đại-đệ-tử đến giảng-dạy. Thể theo lời thỉnh-cầu của Vua, Đức Phật chỉ-định Tôn-giả A-nan đến cung vua để giảng pháp cho hai vị vương- phi là bà Mạt-lợi và bà Hoa-sa. Một thời-gian sau, Đức Phật hỏi Tôn-giả A-nan về sự tiến-bộ của hai vị vương-phi. Tôn-giả đáp: "Bà Mạt-lợi tu-hành rất tinh-tấn, còn bà Hoa-sa, mặc dầu nghe giảng nhưng chẳng chú-tâm đến." Đức Phật bảo rằng: "Chánh-pháp chỉ đem lại lợi-ích thiết-thực cho những ai chăm-chú nghe và biết tinh-tấn áp-dụng những điều học-hỏi vào nếp sống hằng ngày."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Hoa đẹp sắc mà hương chẳng có,
Người cài lên chẳng toả mùi hương.
Lời cao-quí, miệng thường bàn-bạc,
Chẳng thực-hành, lợi-lạc chi đâu?
(Kệ số 051.)
Hoa đẹp sắc, hương thơm ngào-ngạt,
Người cài lên bát-ngát mùi hương.
Lời cao-quí, miệng thường bàn-bạc,
Thực-hành ngay, lợi-lạc đường tu.
(Kệ số 052.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

- Chúc-pha-nhi: tên thật vị ẩn-sĩ nầy tiếng Pali là Chattapàni.

- Ba-tư-nặc: tên thật vị vua nầy tiếng Pali là Pasenadi.

- Câu-tát-la: tên thật nước nầy, tiếng Pali là Kosala.

- A-nan: tên thật của Tôn-giả, tiếng Pali là Ànanda.

- Mạt-lợi: tên thật vị vương-phi nầy, tiếng Pali là Mallikà.

- Hoa-sa: tên thật vị vương-phi, tiếng Pali là Vàsabhakhattiya.

- Cư-sĩ: Cư = ở, cư-ngụ; sĩ = người. Chữ cư-sĩ dùng để chỉ đến các Phật-tử tu-hành tại-gia, có đức- hạnh cao.

- Vương-phi: Vương =vua; Phi = vợ vua.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn (=các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe giảng kinh, tu- tập và đắc quả.) Tiếng Phạn là Anagàmi, còn dịch là Bất-Lai, nghĩa là chẳng phải tái-sanh lại cõi người.

- Hoàng-cung: Hoàng = vua; cung = cung-điện.

- Tinh-tấn: chuyên-cần và cố-gắng tiến lên mãi.

- Thiết-thực: gần với sự thật, có ích-lợi rõ-ràng, trước mắt, ngay cho mình. Trái với thiết-thực là viễn- vông.

- Bàn-bạc: bàn-luận, nói về.

- Lợi-lạc: có ích-lợi cho bản thân và cho người khác.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có hai ý-nghĩa: (1) Danh-lợi chẳng làm động-tâm được cư-sĩ Chúc-pha-nhi: (2) Nghe hiểu Chánh-pháp xong còn chửa đủ, cần đem giáo-pháp ra ứng-dụng vào đời sống tu-hành, liên-quan đến hai vị vương-phi của vua Ba-tư-nặc.

Cư-sĩ Chúc-pha-nhi chú-tâm nghe Phật giảng-pháp, chẳng đứng dậy chào Vua; đó là cư-sĩ trọng Phật hơn là kính-nễ quyền-thế của đấng quân-vương. Sau được vua mời vào cung giảng-pháp, cư-sĩ từ-chối danh-dự nầy, và đề-nghị với vua thỉnh một vị đại-đệ-tử của Phật. Đây là lòng khiêm-nhường đáng quí.

Bà Mạt-lợi nghe pháp do Tôn-giả A-nan chỉ dạy, tinh-tấn thi-hành theo, nên có tiến-bộ trong đường tu. Trái lại bà Hoa-sa, tuy có nghe pháp, nhưng lơ-là, chẳng chịu thực-hành, nên chẳng được lợi-ích chi cả.

Rút bài học về ý-nghĩa thứ hai của Tích-chuyện: Mỗi khi nghe giảng-pháp ở chùa, chớ nên bàn-luận miên-man rằng pháp nầy cao, pháp kia linh-nghiệm v.v. mà phải tìm cách ứng-dụng để tu-hành, sao cho tâm được thanh-tịnh. Đó mới là lợi-ích thiết-thực của việc đi chùa nghe pháp.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 051 và 052:

- Bài Kệ số 051 nói đến hoa có sắc mà chẳng có hương. Đây là ám-chỉ đến người có sắc đẹp mà chẳng có đức-hạnh. So-sánh với người thường bàn-luận về lời cao ý-đẹp mà chính mình chẳng chịu thực- hành, thành ra chẳng có ích-lợi gì cả.

- Trái lại, bài kệ số 052 nói đến hoa vừa có sắc vừa có hương, để ám-chỉ vào người vừa có sắc đẹp lại có đức-hạnh cao-quí. Đó là nhờ nghe đến lời cao-quí trong Chánh-pháp và tinh-tấn thi-hành theo trong đường tu. Ích-lợi cho việc tu-hành rất là to lớn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài kệ; để-ý: có sắc mà chẳng có hương.

2.- Tìm cách ứng-dụng bài học nầy vào việc đi chùa:(1) để nghe pháp; (2) tìm cách thi-hành trên bản thân mình;(3) chẳng bàn-luận suông.

(40).- Tích chuyện bà tín-nữ Vi-sa-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Đông-viên (Pubbàràma), nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng- pháp, có đề-cập đến bà tín-nữ Vi-sa-kha, người đã cúng dường cho Tăng-đoàn ngôi tu-viện Đông-viên.

Bà Vi-sa-kha là cháu nội của ông Mẫn-đà-kha, một trong năm người hào-phú nhứt ở vương-quốc của vua Tần-bà-sa-la. Khi Đức Phật du-hành đến làng Bhaddiya, ông Mẫn dẫn bà Vi-sa-kha, lúc bấy giờ được bảy tuổi, cùng năm trăm quyến-thuộc tới nghe Phật giảng pháp, và chứng-đắc được đạo-quả Tu- đà-hườn.

Khi đến tuổi trưởng-thành, bà Vi-sa-kha kết-hôn với con trai ông Mỹ-nga-ra là một người rất giàu-có ở Xá-vệ. Một hôm, ông Mỹ đang ngồi ăn cơm, có một vị tỳ-kheo dừng lại trước cửa để khất-thực. Ông Mỹ lờ đi, chẳng chịu bố-thí. Bà Vi-sa-kha thấy thế mới thưa cùng vị tỳ-kheo: "Xin Ngài tha lỗi cho, cha chồng tôi đang bận ăn các thức ăn còn

thừa, nên chẳng cúng-dường Thầy được." Nghe con dâu nói thế, ông Mỹ nổi giận lên và đuổi bà Vi-sa-kha ra khỏi nhà. Bà Vi-sa-ka chẳng chịu đi, bảo rằng mình chẳng có lỗi chi. Bà yêu-cầu mời tám vị trưởng-thượng trong làng đến, để xét xem bà có lỗi cùng không. Khi các vị trưởng-thượng đến nhà, ông Mỹ trình-bày rằng: "Tôi đang dùng các thức ăn tươi-tốt, cháo sữa đựng trong chén bằng vàng như thế nầy, mà con dâu tôi dám bảo là tôi đang ăn đồ thừa. Thật đáng đuổi nó đi! ‘’ Bà Vi-sa-kha phân-trần: "Thưa các Ngài, khi tôi thấy cha chồng tôi cứ ngồi yên ăn cháo, lờ đi việc vị tỳ-kheo đang đến khất-thực, tôi nghĩ rằng cha chồng tôi chẳng chịu tạo phước lành bố-thí cúng-dường trong đời nầy, mà chỉ đang thọ-hưởng phước dư-thừa của đời trước. Vì thế, tôi mới nói, cha chồng tôi đang bận ăn các thức ăn còn thừa lại. Xin quí Ngài xét xem tôi có lỗi trong lời nói hay không." Các vị trưởng-thượng cùng thảo-luận và đồng-ý rằng, khi nói lên Sự-Thật như thế, bà Vi- sa-kha chẳng có lỗi gì. Bà Vi-sa-kha tiếp: "Con là người vững tin nơi Phật-pháp, con chẳng muốn sống trong một nhà mà người chủ lại chẳng chịu bố-thí cúng-dường chư Tăng. Con sẽ ra đi, nếu chẳng được phép cung-thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến nhà để dưng-cúng thực-phẩm." Liền đó, lời thỉnh-cầu của bà được chấp-thuận.

Ngày hôm sau, Đức Phật và chư Tăng được mời đến nhà ông Mỹ để thọ-trai. Trong khi dưng thực- phẩm lên Đức Phật và Tăng-chúng, bà Vi-sa-kha cho mời ông Mỹ đến để chia-xẻ phước-đức cúng- dường, nhưng ông lại từ-chối. Đến khi việc thọ-thực đã xong, bà Vi-sa-kha cũng cho người mời ông Mỹ ra phòng khách để nghe Đức Phật giảng-pháp. Bấy giờ, ông Mỹ nghĩ rằng chẳng nên từ-chối nữa, nên mới ngồi trong phòng bên cạnh, cách sau một bức rèm, theo đúng lời căn-dặn của vị thầy ngoại- đạo Ni-kiền-tử của ông ta. Nhờ nghe được lời giảng-pháp của Đức Phật mà ông Mỹ chứng được quả- vị Tu-đà-hườn; ông rất hân-hoan, cảm ơn người con dâu và bảo rằng từ rầy về sau, bà Vi-sa-kha được coi như người mẹ tinh-thần của ông,

Bà Vi-sa-kha sanh được mười người con trai và mười người con gái. Bà có một chiếc áo choàng nạm kim-cương do cha bà cho khi bà về nhà chồng. Bà mặc áo ấy đi đến Kỳ-viên-tự để lễ Phật. Thấy áo nặng quá, bà cởi ra, trao cho đứa hầu gái giữ. Sau buổi giảng-pháp, đứa tớ gái quay về, lại bỏ quên chiếc áo ở tu-viện. Bấy giờ, Tôn-giả A-nan có nhiệm-vụ thu-nhặt các vật bỏ quên để hoàn lại. Bà Vi- sa-kha sai đứa ở trở lại và dặn nó rằng: "Nếu Tôn-giả A-nan đã cất chiếc áo, thì đừng xin lại, vì ta muốn cúng-dường cho Tôn-giả." Nhưng Tôn-giả A-nan từ-khước chẳng nhận. Bà Vi-sa-kha liền đem bán chiếc áo để lấy tiền mua thực-phẩm cúng-dường chư Tăng. Chẳng ai có đủ tiền để mua, nên bà Vi- sa-kha mới mua lại với giá chín đồng tiền vàng. Với số tiền to lớn nầy, bà xây ngôi tu-viện Đông-viên, ở về phía Đông chùa Kỳ-viên để dưng-cúng lên Đức Phật và chư Tăng-ni. Tên tu-viện đó bằng tiếng Pali là Pubbàràma.

Sau buổi lễ khánh-thành tu-viện Đông-viên, bà Vi-sa-kha bảo với con cháu rằng, mọi ước-nguyện của bà nay đã hoàn-toàn thoả-mãn. Bà hân-hoan và thành-tâm đọc kinh cầu nguyện, đi nhiễu nhiều vòng chung quanh tu-viện. Chư Tăng thấy thế, cho rằng bà Vi-sa-kha đang ca-hát và đến thưa trình với Phật rằng bà Vi-sa-kha tỏ ra rất khác thường, có lẽ bà đang mất trí. Đức Phật bảo: "Tín-nữ Vi-sa-kha, trong

nhiều đời, tâm rất rộng-rãi, bố-thí cúng-dường rất nhiều. Bà ta là người làm cho Phật-pháp được hưng- thịnh. Hôm nay, bao nhiêu sự ước-mong cúng-dường Phật-pháp đã hoàn-mãn, nên bà rất hân-hoan, chẳng phải là người mất trí đâu. Đó cũng như người thợ kết tràng hoa khéo-léo, đã khéo chọn số hoa tươi trong đống hoa ngổn-ngang, kết thành một tràng hoa thật đẹp."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Lấy hoa trong đống ngổn-ngang,
Khéo tay, thợ kết nhiều tràng hoa xinh.
Cùng thế ấy, tử-sanh tuy lận-đận.
Khéo biết làm lành, việc thiện cũng tăng.
(Kệ số 053.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

-Các tên được Việt-hoá cho dễ đọc:

- Vi-sa-kha: tên thật vị tín-nữ nầy tiếng Pali là Visàkhà.

- Mẫn-đà-kha: tên thật vị hào-phú nầy tiếng Pali là Mendaka.

- Tần-bà-sa-la: tên thật vị vua nầy là Bimbisàra.

- Mỹ-nga-ra: tên thật người giàu-có nầy tiếng Pali là Migàra.

- Tín-nữ: Tín =tin-tưởng; nữ = phụ-nữ, đàn-bà, cô gái. Tín-nữ là người phụ-nữ tin-tưởng vào Phật- pháp, tu-hành tại nhà.

- Tu-viện: Tu = tu-hành; Viện = ngôi chùa, đền-đài.

- Hào-phú: người rất giàu-có.

- Du-hành; đi dạo đến.

- Quyến-thuộc: Quyến = gia-quyến, người trong nhà. Quyến-thuộc là những người sống trong nhà, trong gia-quyến. Còn gọi là thân-bằng quyến-thuộc.

- Trưởng-thành: Trưởng = lớn. Đến tuổi trưởng-thành là đã đến tuổi để lập gia-đình, vào độ hai mươi tuổi.

- Kết-hôn: lấy vợ, lấy chồng.

- Lờ đi: giả bộ chẳng thấy, chẳng nghe đến.

- Trưởng-thượng: Trưởng = lớn; Thượng = trên. Bực trưởng-thượng là những người lớn tuổi, đáng kính-trọng.

- Đồ thừa: thức ăn còn dư, chẳng được tươi-tốt.

- Phân-trần: nói rõ ra để kẻ khác hiểu được bụng thật của mình.

- Thỉnh-cầu: lời yêu-cầu, lời cầu-xin.

- Thọ-trai: Thọ = nhận; trai = ăn chay.

- Thọ-thực: Thọ = nhận; thực = ăn. Thọ-trai, thọ-thực là tiếng ở chùa chỉ đến việc ăn cơm chay.

- Bức rèm: tấm màn mỏng ngăn chia hai phòng trong nhà.

- Ngoại-đạo: Ngoại = ngoài; đạo = đạo tu-hành. Danh-từ ngoại-đạo dùng để chỉ các đạo khác với Đạo Phật. Vào thời Đức Phật có sáu ngoại-đạo; trong đó có phái chủ-trương loã-thể (= chẳng mặc quần- áo) gọi là Ni-kiền-tử (= phiên-âm chữ Nigantha.)

- Người mẹ tinh-thần: Ở đây có nghĩa là bà Vi-sa-kha hiểu biết Phật-pháp nhiều hơn ông Mỹ, nên được ông ta kính-trọng, chẳng xem như con dâu, mà xem như một bực tu-hành đạo-đức cao hơn mình.

- Khánh-thành: buổi lễ mừng việc xây cất đã thành công.

- Đi nhiễu: đi chầm-chậm xung-quanh ngôi chùa, tháp, để tỏ lòng kính-trọng. Thường các đệ-tử hay đi nhiễu ba vòng chung quanh chỗ Phật ngồi để tỏ lòng kính-trọng Phật.

- Hưng-thịnh: khởi-phát lên mạnh-mẽ.

- Tử-sanh lận-đận: Tử-sanh là sống chết; lận-đận là khổ-sở. Vì phải tái-sanh, sống đi chết lại nhiều đời-kiếp để chịu khổ-sở, nên bài Kệ mới nói Tử-sanh lận-đận. Tu-hành đến mức được giải-thoát, khỏi phải chịu cảnh Luân-hồi nữa, thì thoát được vòng tử-sanh lận-đận, chứng được cảnh Niết-bàn vô-sanh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa: (1) bà Vi-sa-kha chê thái-độ cứ ngồi ăn, lờ đi việc cúng-dường của ông Mỹ là đang ăn đồ thừa; (2) công-đức cúng-dường tu-viện Đông-viên của bà Vi-sa-kha.

Bà Vi-sa-kha rất có lý khi bảo ông Mỹ đang ăn đồ thừa, mặc dầu ông ta đang ăn cháo sữa trong chén vàng. Vì chẳng chịu tạo thêm phước mới trong đời nầy, nên chỉ hưởng-dụng phước cũ của đời trước. Phước cũ đó tức là đồ ăn dư-thừa của đời trước. Hưởng hết phước cũ rồi mà chẳng chịu tạo phước mới, bằng cách bố-thí, cúng-dường, thì chẳng còn được sung-sướng về các đời sau.

Bà Vi-sa-kha là người tín-nữ rất nổi tiếng vào thời Đức Phật còn tại thế. Sau khi ông Cấp-cô-độc mua ngôi vườn của Thái-tử Kỳ-đà bằng cách lót vàng lên khu đất, để xây tu-viện Kỳ-viên cúng-dường Phật và chư Tăng, thì bà Vi-sa-kha đã xây cất ngôi tu-viện Đông-viên, cũng rộng lớn cúng-dường Phật và chư Tăng-ni. Hai công-đức cúng-dường nầy rất to-tát, kinh-sách thường nhắc đến.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 053:

Bài Kệ có liên-quan đến ý-nghĩa thuú hai của Tích chuyện: công-đức cúng-dường tu-viện cho Tăng-ni.

Hai câu đầu: So-sánh với người thợ kết tràng hoa. Giữa đống hoa ngổn-ngang, người thợ khéo tay, biết chọn hoa đẹp kết thành tràng. Cũng như người đang sống trong cảnh khổ, biết tìm cách tạo phước-đức trong đời nầy, khiến cho cuộc sống có ý-nghĩa đẹp như một tràng hoa.

Hai câu sau: Tuy còn đang trôi lăn trong cảnh sanh-tử khổ-sở của Luân-hồi, người biết tạo phước lành, khéo tìm cơ-hội làm cho việc thiện của mình tăng lên thêm, do đó sẽ có ngày gặp đủ cơ-duyên để được giác-ngộ và giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; nhớ đến công-đức bà Vi-sa-kha, để mỗi khi được mời hùn công-đức tu-bổ chùa chiền mà hăng-hái tham-gia vào.

2.- Thực-tập việc cúng-dường, bố-thí:

- Mỗi khi gặp người nghèo khổ, nên đưa tiền, ít nhiều chẳng kể, cho con cháu đi theo mình, để chính tay nó trao cho người ăn xin, tập cho nó có thói quen bố-thí.

- Mỗi tuần vào chùa lễ Phật, nên bảo con cháu đi theo, cầm theo hoa-quả, cung-kính đặt lên bàn Phật, dạy nó xá ba xá trước tượng Phật, để tỏ lòng cung-kính. Chớ nên bảo nó, con lạy Phật để Ngài phò-hộ con học giỏi, thi đậu, v.v. vì như thế làm mất ý-nghĩa cúng-dường đi.

(41).- Tích chuyện về câu hỏi của Tôn-giả A-nan.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một câu hỏi của Tôn-giả A-nan.

Thuở ấy, vào buổi chiều, Tôn-giả A-nan đang ngồi một mình, ngẫm-nghĩ trong đầu về một việc: "Hương thơm của thân-cây, của bông-hoa, của rễ-cây, các loại hương thơm nầy đều bay theo chiều gió mà lan rộng ra. Chẳng biết có mùi hương nào vừa bay theo chiều gió, lại vừa ngược với chiều gió chăng? Chẳng biết có hương thơm nào toả rộng bát-ngát khắp nơi chăng?" Tôn-giả chẳng tự mình tìm lấy câu trả lời, mà lại đến gần bên Đức Phật, thưa thỉnh Ngài giải-đáp cho.

Đức Phật nói: "Nầy A-nan, thí-dụ như có người quy-y Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng, hành-trì đầy đủ năm giới tại-gia, tỏ ra rộng-rãi trong việc bố-thí, cúng-dường, chẳng hề rít-róng, người ấy thật có đức- hạnh và đáng khen-ngợi. Danh-tiếng người nầy sẽ lan rộng ra khắp chốn, và các tỳ-kheo, các bà-la- môn, cả những người thường-nhơn, ai ai cũng đều khen ngợi người ấy, dầu người ấy cư-trú ở bất cứ nơi nào."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Hương chiên-đàn, mạt-ly, già-la,
Chẳng hương nào ngược gió bay xa.
Chỉ có hương thơm nhà đạo-đức
Ngược gió mà phảng-phất mười phương.
(Kệ số 054.)

Hương chiên-đàn cùng hương mạt-ly,
Hương già-la với hương vũ-quí,
Giữa những thứ hương nầy,
Giới-hương là vô-nhị.
(Kệ số 055.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Hương: mùi thơm.

- Quy-y Tam-Bảo: Quy = trở về; Y = nương-tựa; Tam = ba; Bảo = quí-báu. Quy-y Tam-Bảo là trở về nương-tực nơi ba ngôi báu: Phật, Pháp và Tăng.

- Hành-trì năm giới tại gia: Hành = làm; Trì = giữ; Năm giới: (1)chẳng sát-sanh, (2) chẳng trộm-cắp, (3) chẳng tà-dâm, (4) chẳng nói dối, (5) chẳng uống rượu. Đây là năm giới cấm mà người tu tại-gia phải giữ đúng.

- Bà-la-môn: tiếng Pali là Brahmana, giới tu-sĩ Ấn-độ. Theo sự phân-chia giai-cấp ở Ấn-độ, có bốn giai-cấp: Bà-la-môn (tu-sĩ), Sát-đế-lợi (vua, quan), Vệ-xá (buôn-bán) và Thủ-đà-la (nông-dân). Dân cùng-khổ nhứt là hạng Chiên-đà-la, làm các nghề hạ-tiện.

- Chiên-đàn: loại gỗ thơm, có mùi như trầm-hương. Tiếng Pali là Gandha.

- Mạt-ly: loại hoa giống như hoa lài của ta. Tiếng Pali là Mallika.

- Già-la: một loại gỗ thơm. Tiếng Pali là Tagara.

- Hoa vũ-quí: một loại hoa thơm tựa mùi hoa lài, tiếng Pali là Vassiki.

- Mười phương: bốn phương chánh: Đông, Tây, Nam, Bắc; bốn phương bàng: Đông-Nam, Đông-Bắc, Tây-Nam, Tây-Bắc; và hai bên Trên và Dưới, cộng lại là mười phương.

- Vô-nhị: Vô = chẳng có; Nhị = hai. Cùng nghĩa với chữ độc-nhứt, nghĩa là chỉ có một, chẳng thể có hai; chẳng có gì sánh bằng được.

B.- Nghĩa Ý:

(1)Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: các mùi hương đều bay theo chiều gió, chỉ có giới-hương mới có thể ngược gió mà phảng-phất khắp mười phương. Đức Phật nêu rõ thế nào là giới-hương: đức-hạnh của người tu- hành, quy-y Tam-Bảo, giữ đúng ngũ-giới, siêng-năng bố-thí, nhờ đó mà danh-thơm, tiếng tốt được mọi người xa gần đều quí-mến.

(2) Ý-nghĩa hai bài Kệ số 054 và 055:

Hai bài kệ so-sánh các thứ hương thơm, như hương chiên-đàn, mạt-ly, già-la, vũ-quí, chẳng thể ngược gió bay xa như hương thơm nhà đạo-đức, tức là giới-hương. Người có

đức-hạnh, tu-hành tinh-tấn, sẽ được mọi người gần xa kính mến, nhờ biết quy-y Tam-Bảo và giữ đúng giới-hạnh.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; ghi nhớ: giới-hương cao-quí hơn tất cả mọi mùi hương.

2.- Tập giữ giới cho thật thanh-tịnh: Phật-tử tu tại-gia chỉ có năm giới phải tuân theo, nhưng giữ cho trọn-vẹn chẳng phải là việc dễ. Cần phải thường thường xét lòng mình, đừng dễ-dãi với mình mà vi- phạm.

(42).- Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc Tôn-giả Đại Ca-diếp, vừa xuất diệt-tận-định.

Thuở ấy, Tôn-giả Đại Ca-diếp vừa xuất cơn diệt-tận-định liền ôm bình bát đi vào một khu nghèo-khổ nhứt trong thành Vương-xá để khất-thực. Mục-đích của Tôn-giả là khiến cho một người nghèo-khổ nào đó có được cơ-duyên tạo nên phước-đức thật to-lớn vì cúng-dường cho một bực vừa chứng-nhập diệt-tận-định. Lúc bấy giờ, Vua Đế-Thích Sắc-ca trên cõi Trời, nom thấy, muốn tạo nên phước-báu đó, mới cùng với vợ là bà Sử-gia-ta, hoá hình làm hai vợ-chồng già-cả cùng-khổ, làm nghề dệt vải ở thành Vương-xá. Tôn-giả Đại Ca-diếp dừng lại trước cửa nhà, người chồng liền bưng lấy bình bát của Tôn- giả, sớt vào cơm trắng với cà-ri đầy bát, mùi thơm của thức ăn bốc lên bát-ngát cả thành-phố. Bấy giờ, Tôn-giả đoán biết người thí-giả nầy chẳng phải là người thường, liền mở mắt thiên-nhãn ra nhìn, thấy đó chính là Vua Trời Đế-Thích Sắc-ca hoá hình ra. Vua Đế-Thích mới nói thiệt rằng, trước kia ông rất

nghèo khổ vì chẳng có cơ-hội tạo phước cúng-dường trong thời Đức Phật. Nói xong, Vua Đế-Thích và phu-nhơn liền kính-cẩn chào Tôn-giả để từ-biệt trở về cung Trời.

Nơi tịnh-xá Trúc-lâm, Đức Phật dùng thiên-nhãn, nhìn thấy cảnh-tượng nói trên, mới nói cho các vị tỳ- kheo biết việc cúng-dường của vua trời Đế-Thích. Các vị tỳ-kheo thắc-mắc tại sao vua Đế-Thích lại biết được Tôn-giả Đại Ca-diếp vừa xuất cơn diệt-tận-định, để giáng trần mà cúng-dường. Đức Phật giải-đáp rằng: "Nầy chư tỳ-kheo! Danh-tiếng của một người có đức-hạnh cao-quí như Đại Ca-diếp vang dội xa gần, thấu đến tận cung Trời, khiến cho Vua Đế-Thích biết được mà đến cúng-dường."

Bấy giờ Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hương chiên-đàn, hương già-la còn nhạt, Chỉ có giới-hương toả ngát cung Trời. (Kệ số 056.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Tôn-giả Đại Ca-diếp: Tôn-giả = bực đáng kính-trọng; Đại Ca-diếp = tên thật của Tôn-giả bằng tiếng Pali là Mahàkassapa. Tôn-giả Đại Ca-diếp là vị đại-đệ-tử của Phật, tu theo hạnh đầu-đà vào bực nhứt. Ngài kế-tiếp Đức Phật lãnh-đạo Tăng-đoàn và là vị Tổ-sư

thứ nhứt của Thiền-tông Ấn-độ.

- Diệt-tận-định: Diệt = tiêu-diệt; tận = hết cả, chẳng còn gì; định = tâm-trạng của người tu-thiền, đạt đến mức rỗng-không, chẳng còn bị ngoại-cảnh chi-phối, chẳng còn bị ý-tưởng bên trong trì-níu. Diệt- tận-định là tình-trạng nhập-định cao nhứt, vượt qua bốn cõi Thiền và bốn cõi đại-định, chấm-dứt tạm thời được thọ-uẩn và thức-uẩn, mà chứng-nhập Niết-bàn.

- Tịnh-xá Trúc-lâm: tên thật tịnh-xá nầy bằng tiếng Pali là Veluvana, ở ngoài thành Vương-xá, trong rừng tre, nơi Đức Phật thường cư-trú và giảng-pháp. Tĩnh-xá nầy do vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) dâng-cúng Đức Phật.

- Vương-xá thành: tên thật thủ-đô cũ của nước Ma-kiệt-đà (Magadha), bằng tiếng Pali là Ràjagaha. Gần thành Vương-xá, có ngọn núi Linh-thứu, còn gọi là ngọn Kỳ-xà-quật hay Kê-túc-sơn, tiếng Phạn là Gridhrakùta, hình-thể giống như con chim ó xoè cánh ra. Chính nơi đây, có hương-phòng của Đức Phật, và Kinh Diệu-pháp Liên-Hoa được Đức Phật giảng tại đây.

- Sắc-ca: tên của Vua Trời Đế-Thích, tiếng Pali là Sakka.

- Sử-gia-ta: tên thật bằng tiếng Pali là Sujàta.

- Thiên-nhãn: Thiên = Trời; nhãn = con mắt. Thiên-nhãn chẳng phải là một cặp mắt nào khác, mà chỉ vào khả-năng nhìn được xa, thấy được rõ của bực tu-hành đắc đạo có đức-hạnh cao. Thiên-nhãn có thể thấy xuyên qua các vật ngăn cách.

- Giáng-trần: Giáng = đi xuống; trần = ở đây, chỉ cảnh trần-gian của cõi người.

- Nhạt = lợt-lạt, chẳng đượm nồng.

- Giới-hương: Giới = các điều răn-cấm trong giáo-lý; hương = mùi thơm. Chữ giới-hương có nghĩa là danh-tiếng của người tu-hành giữ giới luật thật đầy-đủ, đức-hạnh thật cao.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Vua Đế-Thích từ cung Trời hiện xuống để cúng-dường Tôn-giả Đại Ca- diếp, một bực tu-hành đã chứng đắc được diệt-tận-định. Ý-nghĩa của Tích chuyện là giới-hương toả rộng khắp nơi, xa đến tận cung Trời; nói cách khác, danh-tiếng người tu-hành có đức-hạnh cao, tự- nhiên vang-dội đi xa, chẳng cần phải phô-trương chi cả.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 056:

Ý-nghĩa cũng giống với hai bài Kệ trước, số 054 và 055.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, và nhớ lại hai bài Kệ trước về giới-hương.

(43).- Tích chuyện Trưởng-lão Cơ-thi-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tĩnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Cơ-thi-ca, người chứng-đắc được quả-vị A-la-hán, trước khi nhập-diệt.

Thuở ấy ở nước Ma-kiệt-đà, có Trưởng-lão Cơ-thi-ca tu-hành rất tinh-tấn, thường ngồi Thiền trên một phiến đá ở núi Isigili. Nhưng rủi thay, mỗi khi vào cơn đại-định, Trưởng-lão lại bị bịnh-hoạn hoành- hành, khiến cho việc tu-tập bị trở-ngại. Với chí cương-quyết, Trưởng-lão nỗ-lực hành-trì, nhưng mỗi lần đều bị gián-đoạn vì cơn đau, khiến cho sự tiến-bộ bị ngưng-trệ. Đến lần thứ bảy, Trưởng-lão quyết- tâm, thà chết chớ chẳng chịu ngả lòng. Trưởng-lão toan dùng dao cạo cắt lấy yết-hầu để tự-sát, thì chứng đắc được quả-vị A-la-hán. Sau đó, Ngài nhập-diệt.

Lúc bấy giờ, Ma-vương hay biết Trưởng-lão đã từ-trần, mới tìm cách xem Trưởng-lão thác-sanh về đâu. Ma-vương tìm hoài chẳng thấy, mới hoá hình ra một chàng thanh-niên đến yết-kiến Đức Phật để thưa hỏi, chẳng biết Trưởng-lão Cơ-thi-ca, nay đi về đâu. Đức Phật bảo Ma-vương: "Nầy Ma-vương, ông đừng cố tìm biết nơi thác-sanh của Cơ-thi-ca chi cho vô-ích vì Trưởng-lão Cơ-thi-ca đã chứng-đắc được quả-vị A-la-hán, sau khi gột sạch tất cả lậu-hoặc và nhập Niết-bàn. Với tất cả quyền-lực của một vị Ma-vương, ông chẳng thể nào tìm được nơi thác-sanh của những bực đã chứng quả vô-sanh như Cơ- thi-ca."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người hằng sống trong lòng tỉnh-thức;
Giới-hạnh cao, đạo-đức vẹn-toàn,
Bằng Chánh-trí, giải-thoát xong lậu-hoặc;
Ác-ma muốn bắt, biết đâu mà tìm.
(Kệ số 057.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Trưởng-lão: Trưởng = lớn, lớn tuổi; lão = già. Chữ Trưởng-lão, trong Phật-học chỉ vào các bực tu- hành lâu năm, đức-hạnh vẹn-toàn.

- Cơ-thi-ca: tên thât của vị Trưởng-lão bằng tiếng Pali là Godhika.

- Quả-vị A-la-hán: đây là quả-vị thư tư, cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Người chứng được quả-vị nầy chẳng còn phải tái-sanh trong cõi Luân-hồi nữa, nên gọi là quả vô-sanh, hằng sống an-vui trong cảnh tịch-diệt của Niết-bàn.

- Isigili: tên một ngọn núi thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

- Đại-định: tâm-trạng của người ngồi Thiền đạt đến cảnh-giới vắng-lặng, rỗng-không.

- Hoành-hành: Hoành = tung-hoành, tàn-phá; hành = làm. Bị hoành-hành là bị hành-hạ khổ-sở.

- Ngưng-trệ: bị dừng lại, chẳng tiến lên thêm được.

- Yết-hầu: cổ họng.

- Tự-sát: mình giết mình, tự-tử.

- Nhập-diệt: chết.

- Từ-trần: chết.

- Thác-sanh: sanh trở lại nữa.

- Yết-kiến: đến gặp người cao-quí.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy; hoặc = điều sai-lầm. Chữ lậu-hoặc là danh-từ chuyên-môn Phật-học, trỏ vào các thói xấu của con người chẳng có tu-hành. Lậu-hoặc được ví với các chất bẩn-thỉu rỉ chảy từ bên trong ra. Đó là các món độc như tham, sân, si, mạn(=kiêu-căng), nghi, tà-kiến.

- Vô-sanh: Vô = chẳng có; sanh = sanh trở lại nữa, theo vòng Luân-hồi. Chứng được quả vô-sanh thì chẳng phải chịu cảnh chết đi sống lại và sự khổ-sở của Luân-hồi. Đừng tưởng-lầm vô-sanh là chẳng sanh nữa, tiêu-diệt luôn; trái lại, người chứng quả vô-sanh hằng sống mãi trong cảnh tịch-diệt an-vui của Niết-bàn.

- Chánh-trí: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Trí = trí-huệ. Đồng một nghĩa với chữ Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật, cái trí của bực tu-hành đã đến được bờ bên kia, nghĩa là được giác-ngộ và giải-thoát.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện đề-cao ý-chí cương-quyết của một vị Trưởng-lão tinh-tấn hành Thiền, khuất-phục được cơn đau, để chứng được quả-vị A-la-hán.

Tích chuyện còn nêu lên việc Ma-vương muốn tìm bắt Trưởng-lão Cơ-thi-ca khi Ngài từ-trần, nhưng chẳng được. Đó là một cách nói trong Kinh-sách, để giải-thích sự vô-sanh: vì chẳng còn phải tái-sanh nữa, sống an-vui trong cảnh Niết-bàn, nên sự cám-dỗ của Ma-vương chẳng có cách nào phá-hại được nữa.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 057:

Bài Kệ ghi lại con đường tu-tập để tiến lên mục-tiêu đắc được đạo-quả vô-sanh, nghĩa là thoát khỏi được vòng sanh-tử Luân-hồi, chứng-nhập cảnh-giới Niết-bàn an-vui.

Thử phân-tách bài Kệ:

- Người hằng sống trong lòng tỉnh-thức: đây là đường-lối tu-tâm, luôn luôn giữ chánh-niệm, tỉnh-giác, khiến cho vọng-niệm chẳng thể khởi lên lôi kéo tâm theo còn đường quấy;

- Giới-hạnh cao, đạo-đức vẹn-toàn: trì giữ giới-hạnh thật thanh-tịnh, tránh điều dữ, siêng làm việc lành, vừa tạo thêm phước, vừa chuyển-đổi được nghiệp-quả xấu của các đời trước;

- Bằng Chánh-trí, giải-thoát xong lậu-hoặc: về mặt tích-cực, phát-triển Trí-huệ Bát-nhã (Chánh-trí) bằng cách siêng tu Thiền-định; về mặt tiêu-cực, tận-diệt các lậu-hoặc, nhứt là ba món độc tham, sân, si.

- Ác-ma muốn bắt, biết đâu mà tìm: chứng được quả vô-sanh, chẳng còn bị sự tham-ái lôi kéo vào con đường sanh-tử nữa.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để tự nhắc nhở lấy con đường tu-tập.

2.- Tập ngồi Thiền: buổi đầu nên tập ngồi tĩnh-tâm, yên lặng theo dõi từng hơi thở ra vào, hơi đi tới đâu, tâm theo dõi đến đấy. Thử tập trong mười hơi thở, nghỉ một lát, tập tiếp. Nhớ đừng nghĩ gì cả, khi thở.

(44).- Tích chuyện hai người bạn khác đạo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến hai người bạn khác đạo nhau và phép mầu hoa sen.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ có hai người bạn thân nhau, một người tên là Sĩ-di-cúc, một người tên là Hạ- đinh-nha. Sĩ-di-cúc là một Phật-tử tại-gia rất thuần-thành, còn Hạ-đinh-nha thì theo ngoại-đạo là nhóm loã-thể Ni-kiền-tử. Nhóm ngoại-đạo nầy chống-đối với Đức Phật. Đã nhiều lần, anh Hạ nghe theo lời bọn Ni-kiền-tử, thường khuyên bạn mình nên bỏ đạo Phật mà đi theo nhóm loã-thể. Anh Hạ nói: "Nầy bạn, bạn nên theo học đạo với chúng tôi. Các vị thầy của tôi có được quyền-năng mạnh-mẽ, biết được cả việc quá-khứ, việc hiện-tại và việc tương-lai. Các Ngài còn đọc được tư-tưởng của các người khác nữa!" Anh Sĩ nghe nói thế, muốn biết được sự-thật, nên mới thỉnh nhóm Ni-kiền-tử đến nhà mình để dâng cơm cúng-dường.

Anh Sĩ cho đào một hố sâu trước sân, che rạp lại; bên dưới hố để đầy phân và các chất bẩn-thỉu, bên trên lót ván mỏng, kê ghế ngồi. Anh sắp nhiều chậu, chất lá chuối ở dưới, còn bên trên thì để cơm và cà-ri. Khi các người Ni-kiền-tử đến, anh Sĩ mời họ xếp hàng đi vào từng người một, theo thứ-tự đứng trước ghế của mình, rồi cùng ngồi xuống một lượt. Vừa ngồi xuống, thì ghế bật ngả, cả bọn Ni-kiền-tử lọt vào hố phân, la chí-choé. Anh Sĩ to tiếng nói: "Các ông thường khoe là biết cả việc quá-khứ, hiện- tại và vị-lai, đoán rõ được tư-tưởng của người khác, sao lại chẳng biết mình sẽ rơi vào hầm phẩn?" Cả bọn Ni-kiền-tử giận-dữ, vừa nguyền-rủa, vừa bẽn-lẽn, bò lên, bỏ ra về.

Thấy những người đồng-đạo của mình bị nhục như thế, anh Hạ rất căm-phẫn; trong hai tuần, chẳng thèm nói chuyện với anh Sĩ. Sau nghĩ được mưu-kế trả thù, anh giả bộ làm lành, đến nhờ anh Sĩ tới cung-thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến nhà anh, để anh dâng cơm cúng-dường. Anh Sĩ đến trình Phật việc anh gạt bọn Ni-kiền-tử khi trước, và thưa-thỉnh Ngài nên xét xem có nên nhận lời đến nhà anh Hạ chăng? Đức Phật quán-thấy đã đến cơ-duyên khiến cho đôi bạn Hạ và Sĩ cùng chứng-đắc được đạo- quả Tu-đà-huờn, nên nhận lời, hôm sau đến thọ-thực ở nhà anh Hạ.

Để báo thù, anh Hạ cũng đào hố sâu, bên dưới để than hồng, bên trên lót ván, trải thảm và kê ghế ngồi. Các chậu đựng thức ăn cũng chứa đầy lá chuối bên dưới, có chút ít cơm và cà-ri phủ bên trên. Khi Đức Phật và Tăng-đoàn đến nhà, bước lên tấm thảm, thì lạ thay, than hồng dưới hố đều biến mất, và năm trăm cành hoa sen thơm ngát đang vươn lên cao, nở rộng ra, làm toà ngồi cho Đức Phật và các đệ-tử. Trông thấy phép mầu đó, anh Hạ hoảng-hốt đến bên anh Sĩ, nói nhỏ: "Nầy bạn ơi! Làm sao bây giờ? Tôi đã lỡ nhét lá chuối bên dưới các chậu đựng thức ăn, làm sao mà có thực-phẩm để dưng-cúng Phật?" Anh Sĩ bảo bạn, nên xem lại, thì lại lạ-lùng thay, mỗi chậu đựng đầy các thức ăn thơm ngon cả.

Sau buổi ngọ-trai, Đức Phật giảng-pháp, nói về hạnh bố-thí; cả hai người bạn thấu hiểu được Chánh- pháp, nên đắc được đạo-quả Tu-đà-huờn. Đức Phật bảo họ: "Các phàm-phu tục-tử chẳng biết các đức-

hạnh cao-quí của ngôi Tam-Bảo là Phật, Pháp, Tăng. Họ cũng như những người mù, chỉ có bực hiền- trí, đầy đủ Trí-huệ, như người sáng mắt."

Rồi Đức Phật thốt lên hai bài Kệ sau đây:

Giữa hố rác dơ bên đại-lộ,
Hoa sen thơm nở, đẹp lòng người.
Cùng thế ấy, giữa chợ đời phàm-tục,
Kẻ mê-mù còn nhung-nhúc nơi nơi.
Nhô lên cao, với trí-huệ sáng ngời,
Người đệ-tử chơn-thành của Đức Phật.
(Kệ số 058 và 059.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Phép mầu: phép lạ, các quyền-năng siêu-phàm của người đắc-đạo mà người thường chẳng có được.

- Sĩ-di-cúc: tên thật người Phật-tử nầy bằng tiếng Pali là Sirigutta.

- Hạ-đinh-nha: tên thật người nầy bằng tiếng Pali là Garahadinna.

- Thuần-thành: rất tin-tưởng và trung-thành với Đạo.

- Loã-thể: Loã = loã-lồ, chẳng mặc quần-áo; Thể = thân-thể. Phái loã-thể chủ-trương chẳng mặc quần- áo, mính trần, đóng khố che phiá dưới. Nhóm nầy được gọi là Ni-kiền-tử, phiên-âm tiếng Pali là Nigantha.

- Quyền-năng = sức-lực, tài-phép.

- Siêu-nhiên: Siêu = vượt lên trên; Nhiên = tự-nhiên. Quyền-năng siêu-nhiên là có sức làm những việc khác thường, như bay bổng, đi trên mặt nước, v.v.

- Quá-khứ: Quá = đã qua; Khứ = đi; Quá-khứ hay dĩ-vãng là việc đã qua rồi; việc xưa.

- Tương-lai: Tương = gần, sắp; Lai = đến; Tương-lai hay vị-lai là việc sắp xãy đến.

- Rạp: cái mái lợp che phiá trước nhà, để đón khách.

- Căm-phẫn: căm giận lắm.

- Cơ-duyên: Cơ =cơ-hội, dịp; Duyên = duyên-cớ. Chữ Cơ-duyên trong Phật-học có nghĩa là dịp tốt, giúp ta thành-tựu được việc gì.

- Thọ-thực: Thọ = nhận; Thực = ăn.

-Toà ngồi: ghế ngồi. Chỗ Phật ngồi gọi là toà ngồi.

- Ngọ-trai: Ngọ = đúng trưa, mười hai giờ trưa; Trai = ăn chay.

-Phàm-phu tục-tử: người thường, ít học.

- Đại-lộ: Đại = lớn; Lộ = đường đi. Đại-lộ là đường cái, rộng lớn.

- Nhung-nhúc = đông-nghẹt.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa: (1) chê nhóm loã-thể Ni-kiền-tử khoác-lác khoe biết được việc quá- khứ, vị-lai; (2) khen-ngợi người tu-hành có trí-huệ sáng-suốt, biết tin-tưởng ngôi Tam-Bảo.

Vấn-đề có thể gây thắc-mắc cho người đọc Kinh là quyền-năng siêu-nhiên của Đức Phật, biến than hồng thành hoa sen để làm toà ngồi. Chẳng có chi đáng trách trong việc nghi-ngờ về phép lạ cả, vì ngày nay, ta chẳng chứng-kiến được việc đó để tin theo. Nhưng vấn-đề có phép lạ hay không, chẳng liên-quan gì với Chánh-pháp mà Đức Phật dạy ta cả. Tại sao? Vì lời dạy của Ngài rất thiết-thực cho đời sống hằng ngày của chúng ta, biết đường ngay, nẻo phải, mà thi-hành theo để khỏi phải chịu khổ- sở mãi trong cuộc sống nơi cõi Luân-hồi. Vả lại, Ngài đã được anh Sĩ-di-cúc báo trước việc trả thù của anh Hạ-đinh-nha, tất nhiên Ngài sẽ đề-phòng, tránh được cạm-bẫy. Việc hoá các hoa sen làm chỗ ngồi cũng thế, giả-dụ Phật nói cho anh Hạ biết rằng Ngài đã biết mưu-kế của anh để hại Ngài, thì chắc anh Hạ cũng sẽ phải nhắc ghế cao mời Ngài ngồi, nào có khác chi là các toà hoa sen.

Đọc Kinh-sách, do người sau chép lại, đôi khi có thêm nhiều chi-tiết lạ-thường, để thu-hút những người nhẹ da, mê-tín, ta cần phân-biệt rõ ý-nghĩa sâu-xa của lời Kinh, chớ vội tin theo, hoặc chê bỏ, vì các chi-tiết khác thường đó. Ý-nghĩa quan-trọng ở đây là sự sáng-suốt của người tin theo Chánh-pháp, chẳng bị lừa gạt vì lời khoe-khoang của bọn ngoại-đạo, tự-bảo mình biết việc quá-khứ, vị-lai, biết được tư-tưởng của người khác.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 058 và 059:

Hai bài kệ nêu lên hình-ảnh rất đẹp của hoa sen bát-ngát hương thơm giữa hố rác bên đường, để ví với người đệ-tử chơn-thành của Đức Phật. Giữa đám người còn mê-mờ,

chạy theo danh-lợi, tranh-giành nhau trong cuộc sống, người đệ-tử Phật sáng-suốt tuân theo Chánh-pháp, trì-giữ giới-hạnh, khiến cho tiếng tốt vang xa, nào có khác chi hương thơm bát-ngát của đoá hoa sen, toả rộng ra, vượt lên khỏi chỗ bẩn-thỉu của hố rác bên đường.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ.

2.- Tập bỏ các thói mê-tín dị-đoan:

- Đi chùa để xin Xâm: đây là thói mê-tín cần dẹp bỏ. Phải tự-nhũ rằng: việc sẽ đến, thế nào cũng đến; chắc gì cây xâm đoán đúng. Chỉ cần biết giữ lòng thành, làm lành lánh dữ, việc hung-hiểm rồi sẽ qua đi; mình sẵn-sàng để đối-phó, cần gì lời tán-tỉnh của thầy bói.,

- Đừng nhẹ dạ tin lời đồn-đãi rằng thầy nầy có phép thần-thông, cô kia có tài biến-hoá, mà chạy theo để nhờ cứu-độ cho. Phật độ chúng-sanh, chẳng phải bằng cách hoá phép đưa mọi người đến Niết-bàn, mà Ngài chỉ chỉ cách tu-tập cho mọi người tự-tu để chứng Niết-bàn.

-ooOoo-

V.- PHẨM NGU.

(45).- Tích chuyện một người đi tìm hái hoa sen trắng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc một người đàn-ông, theo lịnh Vua Ba-tư-nặc, đi xa để tìm hái hoa bạch-liên.

Thuở ấy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, một hôm ra khỏi thành đi dạo, gặp một thiếu-phụ trẻ đẹp đang đứng bên cửa sổ trong nhà. Vua trầm-trồ khen ngợi sắc đẹp của người đàn-bà ấy và trong lòng nổi lên ý-định muốn xâm-chiếm lấy. Nhưng người đàn-bà ấy đã có chồng. Vua liền cho mời hai vợ chồng người thiếu-phụ vào làm việc trong hoàng-cung. Người chồng được lịnh vua, phải đi đến một nơi cách xa thành Xá-vệ hơn mười hai dặm đường, để hái hoa bạch-liên và lấy đất-sét đỏ đem về kịp trong buổi chiều cùng ngày, để Vua dùng khi tắm rửa. Nếu về chẳng đúng giờ, người chồng sẽ bị xử tử: nhà vua muốn giết người chồng để chiếm lấy người vợ.

Sáng sớm hôm ấy, người chồng vội-vàng mang giỏ cơm, từ-giả vợ, lên đường đi đến địa-phận của Địa-Long-Vương, nơi có hoa sen trắng và đất sét đỏ màu lửa. Dọc đường, anh dừng chơn, nghỉ mệt, đem cơm ra mời các khách bộ-hành cùng ăn. Đến ao sen rộng lớn minh-mông, anh chẳng biết cách nào tìm hái được hoa bạch-liên và móc đất sét đỏ, nên mới đứng bên bờ ao, lấy cơm ra, rải xuống ao và khấn to lên: "Hỡi các vị thần-linh canh-giữ ao sen nầy, xin hãy nhận thực-phẩm cúng-dường của con và giúp con có được bông sen trắng cùng đất-sét đỏ, đem về cho Vua, trước khi mặt trời lặn, vì nếu chậm, con sẽ bị vua xử tử!" Bấy giờ, vua Địa-Long nghe thấy, mới hiện thân lên làm một người già-cả, cầm một bó hoa sen và nắm đất-sét đỏ, đem đến cho người

chồng. Tạ ơn xong, người chồng vội-vã lên đường quay về thành.

Chiều hôm ấy, Vua Ba-tư-nặc sợ người chồng trở về kịp thời, nên ra lịnh đóng cửa thành sớm hơn mọi khi. Người chồng về đến thành, thấy cửa đã đóng, liền đến bên vách thành, trét đất sét lên tường, cậm bó hoa sen xuống đất, cất cao giọng, nói to lên: "Hỡi dân-chúng trong thành!

Nhà Vua muốn giết tôi để cướp vợ tôi, sai tôi đi hái hoa bạch-liên và lấy đất-sét đỏ, phải về trước khi mặt trời lặn. Mặt trời còn đang đỏ-ối kia, mà cửa thành lại đóng chặt. Xin hãy làm chứng cho tôi đã về kịp thời." Nói xong, người chồng bỏ đi, hướng về Kỳ-viên-tự nơi Đức Phật ngụ, để tìm nơi nương-tựa.

Suốt đêm ấy, vua Ba-tư-nặc trằn-trọc mãi, chẳng ngủ được, trong lòng nung-nấu vì ý-định gian-ác, muốn giết người chồng để chiếm người vợ. Vào khoảng nửa đêm, tai nhà Vua nghe văng-vẳng tiếng kêu than, khóc-lóc rền-rĩ của bốn người đang đau-khổ, từ dưới địa-ngục vang lên. Sáng ra, nhìn thấy vẻ bơ-phờ của nhà Vua, nghe vua nói mất ngủ, hoàng-hậu Mạt-lợi mới khuyên vua đến thưa-thỉnh cùng Đức Phật. Theo lời, Vua ngự đến chùa Kỳ-viên, nơi đây gặp lại người chồng, đang ngồi hầu bên cạnh Đức Phật. Nghe nhà vua kể lại việc nghe tiếng kêu-khóc trong đêm qua, Đức Phật bảo đó là tiếng kêu khóc của bốn chàng thanh-niên giàu-có, vào thời Đức Phật Ca-diếp, thường hay gian-dâm với vợ người, nay còn đang phải chịu hình-phạt khổ-sở, bị chất đồng-đỏ nấu sôi trong cảnh địa-ngục Dương- đồng. Nhà vua sực-tỉnh lại, cảm thấy ăn-năn về ý-định đen-tối của mình muốn chiếm vợ của người khác.

Bấy giờ, nhà vua mới thưa với Đức Phật: "Bạch Thế-tôn! Một đêm mất ngủ, con nằm trằn-trọc, thấy đêm dài vô-tận!" Người chồng ngồi gần đó, cũng thưa với Đức Phật: "Bạch Thế-tôn! Khi con cố đi nhanh qua quảng đường dài hơn chục dặm, lòng con cảm thấy ngao-ngán, mệt-mỏi vì đường xa!" Lúc ấy, Đức Phật mới bảo cả hai, đường xa, đêm dài, còn chưa lâu, chưa dài bằng cuộc sống sanh-tử mãi trong cõi Luân-hồi!"

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người trằn-trọc thấy đêm dài vô-tận;
Kẻ mỏi chơn ngao-ngán dặm đường xa.
Hạng ngu-khờ chưa thông Chánh-pháp,
Cõi Luân-hồi, biết thuở nào ra!
(Kệ số 060.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Bạch-liên: Bạch = trắng; Liên = sen; Bạch-liên là hoa sen trắng. Trong bản Kinh tiếng Pali gọi đó là Kamuda.

- Đất-sét đỏ: chất đất dùng khi tắm rửa ngày xưa, như sà-bông ngày nay. Trong bản Kinh tiếng Pali, gọi đất đó là Arunavati.

- Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la: tên thật bằng tiếng Pali là vua Pasenadi, nước Kosala.

- Xử tử: Xử = xét tội; tử = chết. Xử tử là kết tội phải bị chết

- Địa-phận: Địa = đất; Phận = khu, vùng; Địa-phận là vùng đất.

- Địa-Long-Vương: Địa = đất; Long = rồng; Vương = vua. Địa-Long-Vương là vua Rồng đất.

- Trằn-trọc: nằm trên giường mà ngủ chẳng được, thao-thức mãi.

- Bơ-phờ: nhọc-mệt, vẻ mặt hốc-hác.

- Mạt-lợi: tên thật của hoàng-hậu tiếng Pali là Mallikà.

- Đức Phật Ca-diếp: tên Đức Phật nầy tiếng Pali là Kassapa. Đức Phật Ca-diếp giáng-sanh trước Đức Phật Thích-ca. Ngài là vị Phật thứ sáu trong số bảy vị Phật của Hiền-kiếp.

- Gian-dâm: gian-dối lấy vợ hay chồng của người khác.

- Địa-ngục Dương-đồng: Địa-ngục = ngục-thất nơi các người chết đang chịu hình-phạt vì tội-ác đã làm lúc còn sống. Địa-ngục Dương-đồng, tiếng Pali là Lohakumbhi Niraya, nơi đó tội-nhơn bị chất đồng đỏ nấu sôi, cứ một thời-gian lâu mới được trồi lên mặt chảo, kêu khóc chẳng thành lời. Trong địa-ngục Dương-đồng có bốn chàng thanh-niên lúc sống ở trần-thế, giàu-có mà gian-dâm với vợ người khác.

- Sực-tỉnh: bỗng-nhiên tỉnh-ngộ lại, nhận biết lỗi của mình.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = quay trở lại. Chữ Luân-hồi, trong Phật-học, dùng để chỉ số-phận của chúng-sanh phải sanh ra rồi chết đi để phải sanh lại nữa, chịu các cảnh khổ-vui của cuộc đời. Muốn thoát khỏi cõi Luân-hồi, phải thông-hiểu Chánh-pháp, tu-tập tiêu-diệt các phiền-não, lậu-hoặc, dứt bỏ được sự tham-ái bám-víu vào cuộc sống sướng ít khổ nhiều nầy, mà chứng cảnh vô-sanh, nhập vào Niết-bàn được an-vui mãi mãi, khỏi phải tái-sanh nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa: (1) chê-trách ý-định gian-ác của vua Ba-tư-nặc, muốn chiếm lấy vợ của người khác; (2) so-sánh sự ngao-ngán của người mỏi chơn phải đi xa, của người trằn-trọc ban đêm chẳng ngủ được, với số-phận tái-sanh nhiều lần của chúng-sanh ở cõi Luân-hồi.

Gian-dâm, hay tà-dâm, là phạm vào giới thứ ba trong năm điều cấm của ngũ-giới mà người Phật-tử tu tại-gia phải tuân theo. Gian-dâm là thông-dâm với chồng hay vợ của kẻ khác. Đối với giới tỳ-kheo, phải dứt tuyệt việc hành-dâm, nghĩa là phải sống độc-thân trọn đời.

Đức Phật so-sánh con đường dài thăm-thẳm của Luân-hồi với đoạn đường xa, với đêm dài chẳng ngủ được, để chỉ cho ta thấy cuộc Luân-hồi, phải tái-sanh trong vòng sanh-tử, là dài-dặc, như người bước đi mãi trong đêm tối. Người thường, chẳng hiểu Chánh-pháp, chỉ biết một đời sống trăm năm mà thôi, tưởng rằng sau khi chết là hết.

Đó là điều sai-lầm lớn, vì trước khi sanh ra đời nầy, đã có đời trước, và

sau khi chết đi, còn phải tái-sanh vào đời sau. Tại sao vậy? Đó là vì khi sống, chúng-sanh đã tạo nên nghiệp; khi dứt cuộc sống nầy, nghiệp sẽ kéo ta đi tái-sanh. Ai làm lành, sanh vào cõi lành; ai làm ác, sanh vào cõi dữ. Cứ thế tiếp-tục mãi chẳng ngừng, trừ phi biết tu-tập để chứng được Niết-bàn vô-sanh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 060:

Bài Kệ, sau khi so-sánh cõi Luân-hồi với dặm đường xa, với đêm dài trằn-trọc, mách cho cách thoát khỏi: phải thông-hiểu Chánh-pháp và chuyên-tâm tu-tập để dứt nghiệp mà chứng cảnh Niết-bàn vô- sanh. Chỉ có người ngu-khờ, chẳng biết đến Chánh-pháp, mới trôi lăn mãi trong vòng đau-khổ của Luân-hồi.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ cảnh khổ của Luân-hồi.

2.- Có Luân-hồi thật-sự hay không? Đây là câu hỏi mà các người chẳng tin nơi Đạo Phật, thường đặt ra. Ta chớ nên để mất thì-giờ, bàn-cãi vô-ích với họ về việc nầy. Chỉ nên tự-hỏi: nếu thật có Luân-hồi, mà chẳng chịu tin, thì số-phận của mình sẽ ra sao? Tin thì có lợi, chẳng tin lỗ-lã biết chừng nào mà kể.

(46).- Tích chuyện người Sa-di của Tôn-giả Đại Ca-diếp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người Sa-di của Tôn-giả Đại Ca-diếp.

Thuở ấy, Tôn-giả Đại Ca-diếp ngụ gần thành Vương-xá, có hai người Sa-di theo hầu; một người biết tuân theo lời dạy, kính-cẩn, lễ-độ với Tôn-giả; còn người kia thì chẳng được như thế. Khi Tôn-giả chỉ- dạy bổn-phận của người tu-hành đối với bực trưởng-thượng, thì người sau nầy tỏ ra rất bất-mãn. Một hôm, người ấy đến nhà một người tín-nữ, nói dối rằng Tôn-giả Đại Ca-diếp bị bịnh; người tín-nữ liền dưng-cúng thực-phẩm ngon, nhờ đem về cho Tôn-giả dùng. Người Sa-di ấy nhận lời, nhưng dọc đường ăn hết cả. Đến khi Tôn-giả biết chuyện đó, mới quở-trách về tội nói dối, thì anh ta lại tỏ ra căm- giận. Sánh hôm sau, khi Tôn-giả và người Sa-di kia đi khất-thực, thì anh ta ở lại tịnh-xá, đập vỡ cả chậu, bát, son chảo, rồi nổi lửa đốt cháy cả căn nhà.

Bấy giờ có một vị tỳ-kheo ở Vương-xá-thành, đến Kỳ-viên-tự yết-kiến Đức Phật, thuật lại việc Tôn- giả Đại Ca-diếp bị người Sa-di đốt cháy cả tịnh-xá, Đức Phật mới bảo, nếu chẳng gặp được người tốt, thì cứ nên sống một mình, còn hơn là làm bạn với người ngu.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tìm bạn đường, mà tìm chưa gặp
Kẻ bằng mình, hoặc bậc hơn mình.
Thà rằng cứ ở độc-cư,
Còn hơn kết bạn người ngu, kẻ khờ.

(Kệ số 061.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Đại Ca-diếp: tên thật của Tôn-giả tiếng Pali là Mahàkassapa.

- Sa-di: người tu-sĩ vào chùa tập-sự tu-hành. Sau hai năm, nếu đủ tuổi, sẽ được thọ-giới tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera, ở chùa Việt gọi là chú tiểu, chú điệu.

- Tịnh-xá: Tịnh = yên-tịnh, thanh-tịnh; Xá = nhà. Tịnh-xá là ngôi nhà nhỏ, thanh-vắng, để làm nơi tu- hành.

- Bất-mãn: Bất = chẳng; Mãn = vừa ý. Bất-mãn là giận, chẳng được vừa lòng.

- Độc-cư: Độc = cô-độc, ở một mình, chẳng có bạn-bè; Cư = ở.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện chê thái-độ tu-hành của người Sa-di: chẳng biết nghe lời thầy dạy, tỏ ra bất-mãn khi bị quở trách về tội nói dối. Ý-nghĩa của Tích chuyện là chớ nên thân-cận với người ngu, kẻ khờ, vì sẽ gặp những điều bất-lợi do họ gây ra cho mình.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 061:

Bài Kệ khuyên ta nên chọn người bạn đường. Thông-thường chữ bạn đường có nghĩa là người cùng đi chung đường với mình; lại còn có nghĩa là người bạn chung sống cả đời với mình, chồng hay vợ. Ở đây, Tôn-giả có hai người đệ-tử, một người tốt, một người xấu. Đức Phật bảo, thà rằng ở độc-cư, chớ chọn đệ-tử ngu-khờ mà bị thiệt-hại. Thật ra Tôn-giả Đại Ca-diếp chẳng phải kết-bạn với hai người đệ- tử, mà chính là thâu-nhận họ để chỉ-dạy đạo cho họ. Lời khuyên của Đức Phật về việc chọn bạn để sống chung có tầm-mức rộng-rãi hơn: thà ở một mình, nếu chẳng gặp người bằng mình hay hơn mình mà kết bạn. Bằng mình, hay hơn mình, ở đây, có nghĩa là bằng hay hơn về đức-hạnh, chớ chẳng có nghĩa là giàu-có, sang-trọng hơn mình, vì nếu chọn như thế sẽ mang tiếng là quá trọng danh-lợi, quyền-thế, điều mà người tu-hành phải tránh.

HỌC TẬP:

Học thuộc lòng bài Kệ; để ghi nhớ trong việc chọn bạn mà chơi. Một khi đã kết-thân rồi, ta phải tỏ lòng trung thành với nhau, vì thế, cần chọn lựa kỹ-lưỡng trước khi kết bạn.

(47).- Tích chuyện người keo-kiết tên A-nan-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ông A-nan-đà là người giàu-có lớn mà rất rít-róng, chẳng hề chịu bố-thí cho ai cả.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có một người rất giàu, gia-sản lên đến tám triệu tiền vàng, nhưng rất rít-róng, chẳng dám ăn-tiêu, chẳng hề chịu bố-thí cho người nghèo-khổ. Ông ta thường dạy con là Mã-la-sĩ rằng: "Con đừng tưởng là nhà ta giàu-có lớn. Con chẳng nên

bố-thí cho ai, mà phải lo làm sao cho của- cải mỗi ngày một tăng thêm, nếu không sẽ bị phá-sản." Ông ta có năm hủ vàng chôn dấu trong nhà; đến khi chết, quên chẳng kịp chỉ chỗ cho người con.

A-nan-đà thác-sanh vào một làng chuyên nghề đi ăn xin, ở nước Xá-vệ. Khi mẹ ông ta mang thai, cả làng bị khốn-khó vì đi xin chẳng được ai cho như ngày trước. Các vị bô-lão trong làng, nghi rằng trong làng hiện đang có kẻ bất-hạnh, đem đến điều không may cho cả xóm, mới bàn cùng nhau, tìm xem nhà nào là nhà gây ra sự xui-xẻo đó. Sau khi phân-tách, chia ra từng nhóm, họ nhận thấy chính người đàn- bà mang thai kia là nguyên-nhơn, nên đuổi bà ta ra khỏi làng. Người đàn-bà bất-hạnh nọ, sau sanh ra được một đứa con rất xấu-xí, mặt mũi gớm-ghiếc, trông thấy rất ghê-tởm. Mỗi khi đi ẵm con đi xin, chẳng ai dám nhìn mà cho tiền bố-thí. Hôm nào bỏ con ở nhà, đi xin mới được đủ tiền nuôi miệng. Khi đứa con biết đi, bà ta cho nó một cái bát để tự đi xin ăn lấy, rồi bỏ nó luôn. Bấy giờ, đứa bé lang-thang đi khắp nước Xá-vệ, bỗng sực nhớ đến tiền-kiếp của nó, nhà cửa rất giàu-có. Nó liền đi trở lại nhà cũ, nhưng lũ con của Mã-la-sĩ trông thấy gương mặt gớm-ghiếc của nó, khóc thét lên, nên bọn đầy-tớ lấy gậy đuổi nó đi khỏi.

Lúc bấy giờ, Đức Phật và chư Tăng đang đi khất-thực ở thành Xá-vệ, Ngài thấy cảnh-tượng ấy, biết đến tiền-kiếp của A-nan-đà rít-róng như thế nào, đã dạy con ra sao, mới sai đệ-tử mời Mã-la-sĩ đến tu- viện nói chuyện. Đức Phật bảo Mã-la-sĩ rằng, đứa bé ăn mày kia chính là cha của anh ta vào kiếp trước. Mã-la-sĩ chẳng tin. Đức Phật nói thêm, cha anh chôn năm hủ vàng trong nhà, khi chết chưa kịp chỉ chỗ cho anh. Mã-la-sĩ theo lời chỉ-dạy của Phật, về nhà đào lên, được vàng, mới tin lời Phật. Kể từ ấy, Mã-la-sĩ trở nên một Phật-tử tại-gia rất thuần-thành.

Bấy giờ Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

"Đây, con Ta!". "Đấy, của Ta!"
Người ngu tham-ái sanh ra ưu-phiền.
Sao chẳng biết "Ta" riêng còn chẳng có,
Nói làm chi "con ta đó", "của ta đây"?
(Kệ số 062.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Keo-kiết: hà-tiện, rít-róng, kẹo, bỏn-xẻn.

- A-nan-đà: tên thật người nầy tiếng Pali là Ànanda. Đừng lầm với Tôn-giả A-nan-đà là vị đại-đệ-tử của Đức Phật.

- Gia-sản: Gia = nhà; Sản = của-cải . Gia-sản là tiền của trong nhà.

- Mã-la-sĩ: tên thật người con nầy tiếng Pali là Mùlasiri.

- Phá-sản: Phá = bị hư hao; Bị phá-sản là bị nghèo đi, hết tiền.

- Thác-sanh: sanh trở lại.

- Bất-hạnh: Bất = chẳng; Hạnh = may-mắn. Bất-hạnh là chẳng may, vô-phước, gặp điều rủi-ro.

- Bô-lão: các người già-cả và minh-mẫn.

- Tiền-kiếp: Tiền = trước kia; Kiếp = đời sống. Tiền-kiếp là đời sống trước đời hiện-tại.

- Tham-ái: lòng tham bám-víu vào cuộc sống sướng ít khổ nhiều nầy, khiến cho phải trôi lăn trong cõi Luân-hồi mãi.

- Ưu-phiền: sự phiền-muộn, buồn-khổ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại cuộc đời và kiếp tái-sanh của một con người rít-róng, giàu-có mà chẳng dám tiêu-xài, chẳng chịu bố-thí. Vì quá bỏn-xẻn trong lối sống, nên theo nghiệp phải tái-sanh làm kẻ nghèo- khổ.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là tiền-bạc, con-cái chẳng thể mang theo để giúp-đỡ cho ta trong kiếp sống sau nầy, chỉ có sự bố-thí, hào-phóng (= bố-thí rộng-rãi) mới đem lại hạnh-phúc vào các đời sau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 062:

Bài Kệ, nhơn Tích chuyện nói lên hai điều quan-trọng: (1) vì tham-luyến về tiền-bạc, con-cái, mà con người phải chịu phiền-não; (2) quan-niệm VÔ-NGÃ trong giáo-lý nhà Phật.

- Về sự tham-luyến.- Tham-ái, tham-luyến là một tình-cảm tríu-mến, bám chặt vào điều mình ham- thích. Chính sự bấu-víu nầy làm nguyên-nhơn khiến cho chúng-sanh phải tái-sanh mãi trong vòng sanh-tử của cõi Luân-hồi, để theo-đuổi vào điều mình ham-thích. Ngay trong cuộc sống hiện-tại, vì sự tham-luyến, mà con người phải chịu nhiều phiền-lụy, như có tiền chẳng dám tiêu-dùng, lo tích-trữ, chịu thiếu-thốn, "làm mọi" cho đồng tiền, mỗi khi phải chi-tiêu thì xót-xa trong bụng.

- Về quan-niệm VÔ-NGÃ: Đây là quan-niệm căn-bản trong giáo-lý nhà Phật. Vô-ngã là chẳng có cái Ta, cái Ngã. Thông-thường mọi người nói: Ta có thân Ta, có nhà Ta, có con-cái của Ta. Phật-học gọi Ta là Ngã, những điều của Ta đó, là Ngã-sở. Phật-học cho rằng Ngã và Ngã-sở đều rỗng-rang, giả- tạm, chẳng có thật, tuy thấy có đó, nhưng rồi sẽ tiêu-tán đi, chẳng bền-vững. Người tu-hành chẳng tham-luyến vào điều giả-tạm, mà phải biết quí-trọng đến điều chơn-thật, bền-vững. Điều chơn-thật, bền-vững đó, chính là Phật-tánh có sẵn nơi mọi chúng-sanh; Phật-tánh là khả-năng giác-ngộ và giải- thoát khỏi cảnh Luân-hồi. Còn tấm thân nầy, ta gọi là Ta đó, do năm uẩn hợp-thành, sẽ có lúc năm uẩn rời nhau ra mà thân bị diệt chết. Chỉ có Phật-tánh mới tồn-tại, hằng còn, nhưng người thường chẳng biết đến để noi theo mà tu-tập thoát khổ.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; lưu-ý về quan-niệm Vô-ngã.

2.- Tập dứt bỏ sự luyến-ái:

- mỗi khi mất-mát một vật chi, đừng quá tiếc-rẻ.

- nên bố-thí rộng-rãi để diệt bỏ bụng xẻn-tham.

(48).- Tích chuyện hai người móc túi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến hai người làm nghề móc túi.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có hai người chuyên sống về nghề móc túi trộm tiền của kẻ khác. Một hôm, cả hai theo chơn một nhóm Phật-tử vào chùa Kỳ-viên nghe Đức Phật giảng-pháp. Một người lắng nghe lời Phật dạy, còn một người thừa cơ các Phật-tử mãi lo nghe, để móc túi họ lấy tiền-bạc. Sau buổi giảng-pháp, cả hai quay về nhà nấu cơm ăn. Người móc túi được tiền, mua đồ ăn ngon nấu trong bếp; còn anh kia chẳng có tiền, phải ăn nhờ vào bạn. Người vợ anh móc túi liền nói mỉa-mai anh kia: "Anh là người quá thông-minh, biết nghe lời Phật dạy, nên chẳng kiếm được tiền, nay phải đến nhà tôi ăn nhờ vào của chồng tôi vừa kiếm ra." Nghe nói thế, anh nầy nghĩ rằng: 'Bà ta là người ngu mà cứ tưởng mình và chồng mình là người có trí, nên mới mỉa-mai chê-trách ta như vậy."

Sau đó, anh cùng với thân-nhơn trở lại yết-kiến Đức Phật ở chùa Kỳ-viên. Khi nghe anh kể lại lời mỉa- mai của người vợ bạn móc túi của anh, Đức Phật mới nói lên bài Kệ ngắn sau đây:

Người ngu biết mình ngu,
Chẳng ngu đến chừng ấy.
Người ngu nhận mình trí,
Đấy là người chí ngu.
(Kệ số 063.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Mìa-mai: nói lời chua-ngoa, thầm chê kẻ khác.

- Thân-nhơn = người bà-con.

- Yết-kiến = đến gặp người trưởng-thượng.

- Chí ngu = ngu hết sức là ngu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc hai người móc túi, đến nghe Đức Phật giảng-pháp. Một người biết mình còn ngu-dại làm nghề bất-lương, nên lắng nghe lời giảng. Còn người kia, tự cho mình là người khôn, biết thừa cơ-hội để móc túi những kẻ đang chăm-chú nghe lời Phật.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: thừa cơ-hội người ta chăm-chú nghe pháp mà móc túi, là một hành-động rất ngu-khờ, vì tạo nên tội-lỗi, sau phải chịu quả-báo xấu. Chẳng biết sự ngu-khờ đó, mà lại tưởng mình khôn-lanh biết thừa cơ-hội, đó là sự dại-dột đến tột-bực: chỉ trông thấy mối lợi nhỏ, chẳng biết quả-báo tai-hại về đời sau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 063:

Bài Kệ phân-tách hai trường-hợp:

- Người ngu biết mình ngu: biết được mình ngu chẳng còn ngu đến chừng ấy, vì đã biết được mình. Nếu mình biết mình còn ngu, mình mới lo học-hỏi thêm, mới có cơ-hội để thành người trí.

- Người ngu tự-nhận mình là người trí: chẳng biết được mình, lại thêm kiêu-căng nhận mình là người khôn, thì còn cái ngu nào bằng, cho nên bài Kệ mới nói là chí ngu, hết sức ngu! Tại sao lại chí ngu? Chí ngu vì khi tự nhận mình đã khôn rồi, đâu chịu học-hỏi thêm, thành ra chẳng có cơ-hội mở mang trí thông-minh của mình, sống mãi trong sự ngu-tối.

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ: đừng bao giờ tự-nhận mình là người trí, hãy khiêm-nhường nhận sự thiếu thông-minh của mình để học hỏi thêm điều hay lẽ phải.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, nhớ lấy để giữ lấy tánh khiêm-nhường.

2.- Khi bị ai chê là ngu, đừng nổi giận. Hãy bình-tâm xét xem mình đã ngu ở điểm nào mà sửa-chữa lại. Hành-động nầy là hành-động khôn-ngoan, để trả lời cho người đã chê mình ngu vừa qua.

3.- Nên thành-thật cám ơn kẻ chê mình ngu, vì kẻ ấy đã giúp cơ-hội cho mình được khôn thêm.

(49).- Tích chuyện Trưởng-lão Ưu-đà-di.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Ưu-đà-di.

Thuở ấy, có Trưởng-lão Ưu-đà-di là một tỳ-kheo tánh hay khoe-khoang, muốn được mọi người khen tặng mình là người thông-hiểu rành-rẽ về Chánh-pháp, nên hay lên ngồi nơi các vị Trưởng-lão thường thuyết-pháp. Một hôm có một nhóm du-tăng đến viếng chùa, trông thấy Trưởng-lão Ưu-đà-di, mới đến

thưa hỏi về ngũ uẩn. Trưởng-lão Ưu-đà-di chẳng thể giảng-giải được thế nào là năm uẩn, vì Trưởng- lão chẳng thông-suốt Chánh-pháp. Các vị du-tăng rất ngạc-nhiên, nhận thấy một vị tỳ-kheo lớn tuổi, đã ở lâu bên cạnh Phật mà chẳng hiểu được thế nào là tấm thân năm uẩn, chẳng rành về lục căn và lục trần.

Bấy giờ, để trả lời chỗ họ thắc-mắc, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người ngu dầu mãi bên người trí,

Chánh-pháp còn chẳng tí hiểu rành;
Khác nào cái muỗng múc canh,
Múc thời có múc, chẳng sành vị ngon.
(Kệ số 064.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Trưởng-lão: Trưởng = lớn; Lão = già-cả. Trong Phật-học, chữ Trưởng-lão dùng để chỉ các vị tu- hành lâu năm, đức-hạnh cao. Tiếng Pali là Thera; phái nữ là Theri.

- Ưu-đà-di: tên thật của Trưởng-lão, tiếng Pali là Udàyi.

- Du-tăng: Du = đi đó đây; Tăng = nam tu-sĩ. Các vị du-tăng thường đi đây đó, để tìm thầy học-hỏi thêm về Đạo-pháp.

- Ngũ-uẩn, năm uẩn: năm nhóm tụ-họp tạm thời tạo nên thân-tâm con người. Đó là sắc-uẩn, thân-thể vật-chất, và bốn uẩn thuộc về tâm: thọ-uẩn, các tình-cảm; tưởng-uẩn, các tư-tưởng, hành-uẩn, các hành-động, và thức-uẩn, các sự hiểu-biết.

- Lục-căn: Lục = sáu; Căn = nơi phát-xuất ra, nguồn-gốc. Lục căn là các giác-quan giúp ta biết được cảnh bên ngoài và tư-tưởng bên trong. Lục căn gồm có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

- Lục trần: Trần = bụi-bặm. Chữ Lục-trần trong Phật-học dùng để chỉ sáu hình-thái của cảnh vật bên ngoài và ý bên trong. Đó là: sắc (màu-sắc, hình-dáng), thanh (tiếng động), hương (mùi), vị (vị nếm), xúc (sự đụng-chạm), pháp (sự-vật bên ngoài gợi lên ý bên trong).

- Sành = hiểu rành-rẽ, thấu đáo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, chê Trưởng-lão Ưu-đà-di ở gần bên Phật lâu ngày mà chẳng thông-hiểu được Chánh-pháp.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 064:

Bài Kệ ví người ngu ở gần người trí, mà chẳng biết học-hỏi thêm điều gì, tựa như cái muỗng ngâm trong tô canh mà chẳng biết gì đến vị ngon của canh cả.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; mỗi khi đến chùa nghe giảng Kinh-kệ, nên tìm hiểu cho rành-rẽ hầu ứng- dụng vào việc tu-hành; chớ lơ-là, nghe xong rồi ra khỏi cổng chùa, bao nhiêu lời giảng đều cuốn theo chiều gió!

2.- Tập thưa hỏi với các bực thiện-tri-thức:

- đem những điều mình còn thắc-mắc ra hỏi, đừng e-lệ sợ bị chê là dốt;

- thử nhìn lại thân-tâm mình, xét xem sắc-uẩn, thọ-uẩn,... là gì, tại sao thân năm uẩn nầy lại vô-thường và vô-ngã.

- học thuộc lòng lục căn, lục trần gồm có những gì, để biết kềm-chế các giác-quan chẳng chạy theo cảnh-vật bên ngoài khiến cho tâm phải vọng-động.

(50).- Tích chuyện ba mươi chàng thanh-niên.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến ba mươi chàng thanh-niên ở Phả-vị-kha.

Thuở ấy, có một nhóm thanh-niên tại làng Phả-vị-kha dẫn một dâm-nữ vào rừng để hành-lạc. Người dâm-nữ lén đánh cắp các vật trang-sức và bỏ trốn đi. Trong khi bọn thanh-niên lùng kiếm trong rừng, thì họ gặp được Đức Phật và chư Tăng đi ngang qua đó. Họ dừng lại, nghe Đức Phật thuyết-pháp và một số ít trong nhóm thanh-niên chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Các thanh-niên ấy liền xin Đức Phật cho gia-nhập Tăng-đoàn, và theo Đức Phật về chùa Kỳ-viên. Trong một thời-gian ngắn cư-trú tại đây, các thanh-niên ấy đã tỏ ra rất chuyên-cần tu-tập, giữ giới thật thanh-tịnh và theo hạnh đầu-đà để thanh- lọc thân-tâm. Đến khi Đức Phật thuyết-giảng Kinh Tương-Ưng Vô-Thỉ (Anamatagga Samyutta), tất cả ba mươi chàng thanh-niên ở làng Phả-vị-kha đều chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Khi các vị tỳ-kheo khác tỏ ra ngạc-nhiên trước sự thành-đạt nhanh-chóng của đoàn thanh-niên Phả-vị- kha, Đức Phật liền nói lên bài Kệ sau:

Người khôn một lúc bên người trí,
Chánh-pháp liền thông chí ngọn-ngành,
Khác nào cái lưỡi nếm canh,
Canh chua, canh ngót, đều sành vị ngon.
(Kệ số 065.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Phả-vị-kha: tên thật làng nầy tiếng Pali là Pàveyyaka.

- Dâm-nữ: người đàn-bà bán dâm (= làm điếm).

- Hành-lạc: Hành = làm; Lạc = vui. Hành-lạc là mua vui về thể-xác.

- Vật trang-sức: đồ-vật quí-giá đeo trong người để trang-điểm.

- Hạnh đầu-đà: tiếng Pali là Dhutanga; đây là lối tu khổ-hạnh. Người khéo giữ hạnh đầu-đà vào thời Đức Phật là Tôn-giả Đại Ca-diếp.

- Kinh Tương-ưng Vô-thỉ: trong các bản Kinh thuộc Tương-ưng nầy, Đức Phật diễn-giảng về thuyết Luân-hồi, cắt nghĩa tại sao chúng-sanh phải trôi lăn mãi qua vô-lượng kiếp tái-sanh sống đi chết lại.

- Thông chí ngọn-ngành: thông-suốt rành-rẽ cả đầu-đuôi gốc ngọn, chẳng sót chỗ nào.

- Canh chua, canh ngót: Thiện-Nhựt tôi xin thành-tâm sám-hối, vì trong bản nguyên-tác chẳng có bốn chữ "Canh chua, canh ngót" nầy, tôi sở dĩ thêm vào, là để cho gọn câu văn. Canh ngót là canh rau ngót.

- Sành: biết rành-rẽ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc ba mươi chàng thanh-niên biết bỏ các thú-vui nhục-dục, nghe lời Phật dạy mà tu-tập chứng được quả-vị A-la-hán. Họ sở dĩ thành-công nhanh-chóng, là nhờ vào trí-huệ thông-minh, chí kiên-quyết tu-tập và giữ giới-hạnh đầu-đà.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 065:

Thử so-sánh với bài Kệ trước, số 064: người ngu ở mãi bên người trí, cũng chẳng học được gì, còn người khôn dầu ở bên người trí một thời-gian ngắn, cũng sớm thông-thạo được Chánh-pháp.

Trái với bài Kệ số 064 so-sánh người ngu như cái muỗng vô-tri, chẳng biết mùi-vị của canh, bài Kệ số 065 khen người khôn như cái lưỡi nhạy cảm, nếm biết được mùi-vị thơm ngon của các loại canh.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, so-sánh với bài Kệ trước, và cố-gắng thưa hỏi thêm để sớm trở thành người khôn.

2.- Thử soát lại xem mình đã hiểu bổn-phận của người Phật-tử tu tại-gia như thế nào: Thọ Tam-quy là gì? Tại sao lại quy-y? Giữ ngũ giới là giữ những giới nào? Tại sao? Nếu còn ngập-ngừng, phải mau thưa hỏi các vị tu-hành nơi chùa.

(51).- Tích chuyện người cùi Sở-phù-bút.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ông Sở-phù-bút là người cùi.

Thuở ấy có một người cùi tên là Sở-phù-bút, ngồi bên ngoài đám đông đang tụ-tập nghe Đức Phật giảng pháp, mà chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Đến khi đám đông giải-tán, anh Sở mới lặng-lẽ bước theo sau chơn Đức Phật và chư Tăng mà đi về chùa Kỳ-viên. Dọc đường, có vị Thiên-đế là Sắc-ca muốn thử xem tín-tâm của anh Sở có kiên-cố chăng, mới hiện-hình lên làm một người giàu-có, nói với anh Sở: ‘Này anh kia, tôi xem anh đang nghèo-khó, bịnh-tật, phải sống nhờ vào lòng từ-thiện của mọi người. Nay tôi sẽ ban cho anh thật nhiều của-cải, nếu anh chịu từ-khước đừng tin-tưởng vào Phật, Pháp và Tăng nữa. Anh chịu không?" Anh Sở thẳng-thắng trả lời: ‘Thưa ông, ông lầm lắm. Tôi là người giàu-có, đủ cả bảy món thánh-tài của bực Thánh-giả. Một là tín-tâm; hai là giới-hạnh; ba là tâm tàm; bốn là tâm quí; năm là đa-văn; sáu là trí-huệ; bảy là xả-ly. Bấy nhiêu điều đó còn quí hơn tài-sản của ông cho tôi."

Vị Thiên-đế liền đến bên Phật, trước khi Sở-phù-bút tới chùa. Thiên-đế thuật lại những lời đối-đáp của anh Sở cho Đức Phật nghe. Đức Phật nói: "Cho dầu có một trăm vị Thiên-đế như ông đến dụ-dỗ anh Sở cũng chẳng thành-công khiến anh ta chẳng tin vào Phật-pháp." Vừa lúc ấy, anh Sở tới nơi, trình với Đức Phật rằng, anh vừa chứng được quả-vị Tu-đà-huờn, sau khi nghe Phật giảng-pháp. Sau đó, anh rời chùa ra về. Dọc đường, anh Sở bị một con bò cái hung-hăng húc vào người, anh ngả ra chết tại chỗ.

Bấy giờ chư Tăng nghe thấy, mới đến thưa cùng Phật và hỏi chẳng biết anh Sở được tái-sanh về cõi nào. Đức Phật đáp: "Anh Sở hiện đang tái-sanh vào cõi Trời Đao-lợi, nhờ chứng được quả-vị Tu-đà-

huờn. Trong một kiếp trước, anh Sở đã phun-nhổ vào một vị Bích-chi-Phật, nên kiếp nầy phải sanh làm người cùi-hủi. Trong một kiếp khác, anh Sở đã giết một người dâm-nữ, nên nay bị ngươi ấy, đầu- thai làm con bò húc chết để trả thù."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người ngu là kẻ thù chính họ;
Làm ác, vì chẳng có trí khôn,
Phải chịu quả đắng-cay khổ-sở.
(Kệ số 066.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Người cùi: người bị bịnh phung (=phong) lở-lói, rụng móng tay, móng chơn, nhức-nhối, khổ-sở. Còn gọi là bịnh hủi.

- Sở-phù-bút: tên thật người cùi nầy tiếng Pali là Suppabuddha.

- Thiên-đế Sắc-ca: tên vị Vua Trời nầy tiếng Pali là Sakka.

- Tín-tâm: Tín = lòng tin-tưởng vào Phật-pháp; tâm = lòng. Tiếng Pali là Saddhà.

- Kiên-cố = bền-chặc, vững-chắc, chẳng lung-lay.

- Từ-thiện: Từ = nhơn-từ, thương người; Thiện = lành. Từ-thiện là lòng thương người nghèo khó, muốn giúp đỡ họ.

- Bảy món Thánh-tài: Thánh = bực đã giác-ngộ và giải-thoát; trái với phàm-phu; Tài = tài-sản, của- cải. Bảy món Thánh-tài là bảy đức-tánh của bực Thánh-giả, quí-báu hơn của-cải vật-chất.

- Giới-hạnh: Giới = điều răn-cấm; Hạnh = hạnh-kiểm. Giới-hạnh là sự giữ-gìn các giới-cấm; tiếng Pali là Sila.

- Tâm tàm: Tàm = biết hổ-thẹn trong lòng khi lỡ làm điều quấy. Tiếng Pali là Hiri.

- Tâm Quí: Quí = biết lo-sợ khi lỡ làm điều quấy (sợ quả-báo xấu). Tiếng Pali là Ottappa.

- Đa-văn: Đa = nhiều; Văn = nghe. Đa-văn là người nghe nhiều, học rộng. Tôn-giả A-nan là người đa-văn bực nhứt vào thời Đức Phật Thích-ca.

- Trí-huệ: ở đây là trí thông-minh đưa ta đến bờ giác-ngộ và giải-thoát, trong Phật-học gọi là Trí-huệ Bát-nhã; tiếng Pali là Pannà.

- Xả-ly: Xả = buông-bỏ, chẳng luyến-tiếc; Ly = lìa xa. Tiếng Pali là Upekkha.

- Cõi Trời Đao-lợi: cõi Trời nầy, tiếng Pali là Tàvatimsa.

- Bích-chi-Phật: phiên-âm tiếng Pali là Paccekabuddha; Bích-chi-Phật là vị tu-hành vào thời chẳng có Phật giáng-sanh, quán-chiếu pháp Mười Hai Nhơn-Duyên mà chứng-quả. Còn gọi là Duyên-giác, Độc- giác.

- Quả đắng-cay: Quả = quả-báo, kết-quả của việc đã làm lúc trước. Trái nghĩa với chữ nguyên-nhơn, nhơn-duyên. Quả-báo đắng-cay là trong đời nầy phải chịu nhiều điều khổ-sở.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa: (1) lời đối-đáp giữa anh Sở-phù-bút và Thiên-đế Sắc-ca, liên-quan đến bảy món Thánh-tài; (2) quả-báo xấu mà người cùi Sở-phù-bút phải gánh chịu trong đời nầy.

Tại sao gọi bảy đức-tánh của bực Thánh là Thất Thánh-tài? Bảy đức-tánh quí-báu nầy giúp ta đến nơi giác-ngộ và giải-thoát khỏi cuộc sống khổ-sở, nên cao-quí hơn tiền-bạc, của-cải.

Theo Luật Nhơn-Quả, hễ làm ác thì phải chịu quả-báo xấu trong đời nầy hay các đời sau. Quả-báo chẳng trỗ liền theo hành-động, mà chờ đủ cơ-duyên mới kết-thành, có thể kéo dài qua nhiều đời.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 066:

Thử phân-tách từng câu của bài Kệ:

- Người ngu là kẻ thù chính họ: người ngu tạo điều ác gây ra quả-báo khổ-sở, cũng như kẻ thù gây đau-khổ cho mình. Vì thế, sự ngu-dốt của mình là kẻ thù của chính mình, cần phải tu-học dẹp bỏ sự si- mê.

- Làm ác, vì chẳng có trí-khôn: người ngu chỉ trông thấy mối lợi nhỏ trước mắt, chẳng phân-biệt được điều lành với việc ác, chẳng trông xa biết đến Luật Nhơn-quả sau nầy, nên mới phạm tội. Đó chẳng qua vì thiếu trí-khôn, chẳng phân-biệt được thiện và ác.

- Phải chịu quả đắng-cay, khổ-sở: đây là hậu-quả chắc-chắn sẽ xãy ra, hoặc trong đời nầy, hoặc về đời sau. Cứ nhìn đến cảnh khổ của người cùi Sở-phù-bút là biết được quả đắng-cay xãy ra như thế nào.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ để tự răn mình, mỗi khi sắp làm điều sai

2.- Học thuộc lòng Thất Thánh-tài (thất = bảy); tự xét xem mình đang có được món nào; còn đang thiếu món nào, ráng tập để có được.

(52).- Tích chuyện một người nông-phu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người nông-phu cầm thuốc độc.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một bọn trộm-cắp vào nhà một người giàu-có, lấy mất một số tiền-bạc lớn, đem chia nhau rồi giải-tán. Một đứa trong bọn, lãnh phần, trên đường về, đánh rơi một gói vàng ở dọc đường mà không hay biết.

Bấy giờ, vào sáng sớm, sau cơn Thiền-định, Đức Phật quán-thấy có một người nông-phu trong làng kia, đã đến cơ-duyên chứng-được quả-vị Tu-đà-huờn, nên Ngài cùng chư Tăng đi khất-thực ngang qua đó. Người nông-phu trông thấy Đức Phật, liền cung-kính làm lễ, rồi mới tiếp-tục cày-bừa. Đức Phật nhìn thấy bên vệ đường có gói vàng, mới nói với Tôn-giả A-nan: "Này A-nan, ông có thấy một con rắn rất độc đó không?" Tôn-giả A-nan cũng nhìn thấy gói vàng đó, mới thưa cùng Phật: "Bạch Thế-tôn, vâng, đó là một con rắn thật độc." Nói xong, cả đoàn tiếp-tục lên đường.

Người nông-phu nghe Đức Phật và Tôn-giả A-nan nói có rắn độc bên đường, mới dừng cày lại, đến bên vệ đường tìm xem con rắn, nhưng chỉ thấy một gói vàng của ai bỏ quên đó. Anh ta liền cầm lên, đem vào bụi rậm, bỏ đấy, rồi trở ra làm việc như cũ. Lúc ấy, người nhà giàu hay tin bị mất trộm, mới cùng đầy-tớ, theo dấu, rượt theo bọn cắp. Đến nơi người nông-phu đang cày ruộng, họ nom theo dấu

chơn, xông vào bụi rậm, lấy lại được túi vàng. Họ bắt anh nông-phu, đánh đập anh và giải anh đến đền vua để kết tội. Vua ra lịnh xử tử người nông-phu vì tội trộm. Các người lính được lịnh dẫn người nông- phu ra pháp-trường để giết chết. Dọc đường, người nông-phu cứ lập đi, lập lại mãi câu nói: "Này A- nan, ông có thấy con rắn độc đó không? - Bạch Thế-tôn, vâng đó là một con rắn thật độc." Bọn lính chẳng hiểu ý-nghĩa tại sao người nông-phu cứ lảm-nhảm nói mãi như vậy, mới dẫn anh ta trở lại đền Vua, và trình lên Vua sự-việc như thế. Vua nghĩ có lẽ anh nông-phu vô-tội và muốn được Đức Phật đứng ra làm chứng cho sự vô-tội của anh, mới truyền dẫn anh đến gặp Đức Phật. Nghe Đức Phật thuật lại việc thấy gói vàng ban sáng, nhà Vua biết anh nông-phu vô-tội, mới tha cho. Vua nói: "Nếu người nông-phu nầy chẳng nhắc lại lời của Đức Phật, thì đã bị xử-tử rồi." Đức Phật bảo: "Người hiền-trí chẳng hề làm việc gì mà phải hối-tiếc về sau."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hành-động ác, làm xong thì hối-quá. Lệ tràn mi, sợ quả-báo về sau. (Kệ số 067.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Giải-tán = rời nhau mà đi phân-tán, mỗi người một ngả.

- Vệ đường = lề đường.

- Xử tử = kết tội phải chết.

- Pháp-trường: Pháp = pháp-luật; Trường = nơi, chỗ. Pháp-trường là nơi xử tử các tội-nhơn bị tử- hình.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành, ngay-thẳng; Trí = thông-minh. Người hiền-trí là người có trí thông-mình, làm lành lánh dữ.

- Hối-tiếc; Hối-quá: Hối = ăn-năn; Tiếc =tiếc rẻ; Quá = tội-lỗi. Hối-tiếc là tiếc rẻ; Hối-quá là ăn-năn đã lỡ phạm tội.

- Lệ = nước mắt. Lệ tràn mi là khóc lóc, chảy nước mắt.

- Quả-báo: kết-quả của hành-động đã làm trước kia. Quả-báo có thể xãy ra trong đời nầy, hay về các đời sau.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa chánh-yếu của Tích chuyện là xem gói vàng bỏ bên đường như con rắn độc. Tại sao gọi đó là con rắn độc? Bị rắn độc cắn, nọc độc có thể giết chết người. Gói vàng bỏ quên kia, nếu tham-lam mà lấy, sau bị người chủ biết, sẽ bị tù-tội; tai-hại cũng như nọc độc của con rắn giết người. Bài học của Tích chuyện là chớ nên tham-lam lấy của rơi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 067:

Bài Kệ số 067 định-nghĩa thế nào là hành-động ác. Hành-động ác, làm xong thì tỏ ra hối-tiếc, lo-lắng vì sợ bị quả-báo xấu.

Thông-thường, muốn biết một hành-động lành hay dữ, người ta xét đến hành-động ấy có đem lại lợi- ích hay gây ra tổn-hại. Nếu có lợi cho mình mà có hại cho người khác, thì đó là hành-động xấu. Dầu trong hiện-tại có đem lợi cho mình ít nhiều, nhưng vì gây thiệt-hại cho kẻ khác, nên hành-động ấy trở nên xấu-ác, mà hậu-quả bất-lợi sẽ đến với người chủ-động về sau.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; ghi nhớ để khỏi bị cám-dỗ làm việc ác.

2.- Tập tánh ngay-thẳng cho trẻ con:

- đi đường thấy có tiền rơi, lượm lên đem cho người ăn xin

- trong lớp, lượm được cây viết chì, đem lên trình Thầy để trả lại cho người mất.

- đi xe buýt, thấy trên ghế có cây dù bỏ quên, cầm lấy giao cho người tài-xế, để đem hoàn lại cho người chủ., v.v.

(53).- Tích chuyện người bán hoa Sử-mã-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người bán hoa tên là Sử-mã-na.

Thuở ấy, ở thành Vương-xá, có một người bán hoa tên là Sử-mã-na, mỗi ngày cung-cấp hoa tươi cho vua Tần-bà-sa-la. Một hôm, anh mang hoa đến đền vua, dọc đường gặp Đức Phật đang cùng chư Tăng đi khất-thực, ánh hào-quang rực-rỡ toả ra. Anh Sử trông thấy cảnh trang-nghiêm đó, mới phát-tâm dâng hoa cúng-dường lên Đức Phật. Trong đầu anh nghĩ, cho dầu vua có đuổi anh ra khỏi thành, cho dầu Vua có buộc tội chết cho anh đi nữa, vì chẳng đem hoa đúng hẹn, anh cũng muốn được đến bên Phật mà dâng hoa lên cho Ngài. Nghĩ xong, anh liền đem tất cả bó hoa rải lên trên đỉnh đầu Đức Phật, hai bên và sau lưng Ngài. Lạ lùng thay, các bông hoa chẳng rơi xuống đất, mà lơ-lửng trên không, kết thành một cái lọng che đầu Phật, làm thành một bức tường hoa hai bên và sau lưng Phật. Mỗi bước chơn của Phật bước tới, các cánh hoa bay theo, chẳng rời. Dân chúng trong thành nô-nức rủ nhau ra ngắm xem cảnh-tượng đẹp-đẽ đó. Lòng anh Sử tràn-ngập một niềm phỉ-lạc vô-biên.

Bấy giờ, vợ của Sử-mã-na đến hoàng-cung, tâu cùng Vua Tần-bà-sa-la, là chồng bà đã đem hết hoa ra dâng cúng Phật rồi, nên hôm nay chẳng có hoa để đem dâng vua. Nhà Vua nghe nói có Đức Phật đi đến, mới ngự ra thành, trông thấy quang-cảnh trang-nghiêm, Đức Phật đang đi dưới tàng hoa đẹp, hào- quang sáng chói, mới thỉnh Phật vào thành cúng-dường thực-phẩm. Sau buổi ngọ-trai, Đức Phật quay về tịnh-xá, nhà Vua đi tiễn một quãng đường. Trở về hoàng-cung, Vua cho gọi Sử-mã-na đến, thưởng cho tám con voi, tám con ngựa, tám người nô-lệ nam, tám người nô-lệ nữ, tám người đầy-tớ gái và tám ngàn đồng tiền.

Nơi tịnh-xá, khi Đức Phật bước vào Hương-phòng, thì các bó hoa tự-nhiên rơi xuống đất. Ngài A-nan bạch Phật: "Sử-mã-na dưng-hoa cúng-dường như thế được công-đức gì?" Đức Phật bảo: "Sử-mã-na dâng hoa cúng-dường Phật mà chẳng nghĩ đến mạng-sống, vì có thể bị tội với vua, sẽ được công-đức rất to lớn: trong nhiều kiếp Luân-hồi, Sử-mã-na sẽ khỏi phải sa vào nẻo dữ, rồi sau cùng sẽ chứng được quả-vị Bích-chi-Phật." Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hành-động thiện, làm xong không tiếc-rẻ, Quả-báo lành, mặt đầy vẻ vui-tươi. (Kệ số 068.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Sử-mã-na: tên thật của người bán hoa, tiếng Pali là Sumana.

- Hào-quang = ánh-sáng năm màu rực-rỡ toả ra từ Đức Phật.

- Tần-bà-sa-la: tên thật vị vua nước Ma-kiệt-đà (Magadha) nầy, tiếng Pali là Bimbisàra.

- Vương-xá: tên thành nầy, tiếng Pali là Ràjagaha.

- Phát-tâm = trong lòng nẩy ra ý-định tốt.

- Lọng = cây dù lớn bằng lụa để che cho các người sang-trọng.

- Phỉ-lạc = niềm vui rộng-lớn từ trong lòng toả ra mặt-mũi.

- Vô-biên = chẳng có bờ-bến nào, hết sức rộng lớn.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm dành riêng cho Đức Phật, tiếng Pali là Gandhakuti.

- Nẻo dữ: tái-sanh vào cõi ác-đạo như địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh

- Bích-chi-Phật: xem lại bài trước.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể kại việc ông Sử-ma-na phát-tâm dâng hoa cúng-dường Phật, mà chẳng nghĩ đến mạng- sống của mình bị lâm nguy. Làm được công-đức nầy, lòng ông Sử tràn-đầy niềm phỉ-lạc. Theo lời Đức Phật ông Sử nhờ đó mà chẳng sa vào ác-đạo khi tái-sanh và về sau sẽ chứng được quả-vị Bích-chi- Phật. Đó là hành-động thiện đem lại quả-báo tốt, đúng theo Luật Nhơn-Quả.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 068:

Trái với bài Kệ số 067 ở trước, bài Kệ nầy nói về hành-động thiện. Hành-động thiện, làm xong, thì chẳng tiếc rẻ; trái lại người làm việc thiện, biết sẽ được quả-báo lành về sau, nên trong hiện-tại, lòng rất vui-thích. Đó là lợi-ích của việc thiện.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, nhớ lại bài Kệ trước, để phân-biệt các hành-động thiện và ác.

2.- Điều quan-trọng trong việc cúng-dường là sự thành-tâm, chẳng phải vì mong-muốn được quả-báo tốt, mà chỉ vì lòng thành-kính đối với Phật là bực đại-giác đã chỉ dạy ta con đường thoát khổ. Quả-báo tốt thế nào cũng đến, chẳng cần phải mong-cầu, tự nó sẽ đến về sau.

(54).- Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Bích-Liên.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Kỳ-viên-tự, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Nữ-trưởng-lão Bích-Liên.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có một cô thiếu-nữ rất đẹp và hiền-thục. Vẻ đẹp sắc-sảo và tánh-nết hiền-hoà của cô, được mọi người khen-tặng và gọi cô là nàng Bích-Liên, đoá hoa sen màu xanh-biếc. Nhiều bực vương-tôn, công-tử, hào-phú đều gấm-ghé xin cưới làm vợ. Nhưng cô chẳng ưng ai cả, lại muốn xuất- gia vào làm ni-cô trong chùa. Sau khi được thọ-giới Tỳ-kheo-ni, ni-cô tinh-tấn tu-hành; trong một kỳ

toạ-thiền, ngồi chăm-chú nhìn vào ngọn đèn, quán-chiếu về đề-tài thiền-quán là hoả-đại, ni-cô Bích- liên chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Sau đó, ni-cô Bích-Liên dựng một cái cốc nhỏ nơi rừng Hắc-lâm để tịnh-tu trong cảnh độc-cư. Vào một buổi sáng nọ, ni-cô mang bình bát vào làng khất-thực. Một kẻ bất-lương tên là Nan-đà, vốn là con người cậu của ni-cô, lẻn vào cốc, trốn dưới gầm giường. Khi ni-cô trở về, hắn nhảy ra cưỡng-bức; vì sức yếu, ni-cô chống-cự chẳng lại,

bị hắn hãm-hiếp. Sau khi thoả-mãn thú-tánh, hắn bước ra ngoài; bỗng đất nứt ra, hút hắn sa ngay vào địa-ngục A-tỳ.

Khi được biết thảm-trạng của ni-cô, Đức Phật nói lên bài Kệ sau:

Hành-vi ác còn chưa chín-rục,
Tưởng như là mật ngọt, người ngu.
Đến khi nó đã chín muồi,
Phải mang quả khổ khóc vùi, người ngu.
(Kệ số 069.)

Bấy giờ, Đức Phật sai thỉnh vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến tịnh-xá, trình-bày cùng Vua sự nguy- hiểm của các ni-cô phải sống độc-cư trong rừng và yêu-cầu vua bảo-vệ họ, tránh sự tái-diễn thảm-trạng bị cưỡng-hiếp đó. Vua hứa sẽ cho xây cất nữ-tu-viện ở gần thành, để các tỳ-kheo-ni có chỗ an-toàn mà tu-tập.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Nữ-Trưởng-lão: vị tỳ-kheo-ni tu lâu năm, đức hạnh cao. Tiếng Pali là Theri. Phái nam gọi là Thera, trưởng-lão.

- Bích-Liên: Bích = màu xanh biếc; Liên = hoa sen. Tên thật của vị ni-cô, tiếng Pali là Uppalavannà.

- Đề-tài thiền-quán: trong khi ngồi Thiền, chuyên-tâm suy-tư về một đề-tài. Ở đây, ni-cô suy-tư về lửa, hay là hoả-đại.

- Cốc = cái am nhỏ, cất nơi thanh-vắng để tu-hành.

- Độc-cư: Độc = cô-độc, ở một mình; Cư = ở, cư-trú, cư-ngụ.

- Cưỡng-bức: dùng sức mạnh mà hiếp người phụ-nữ.

- Hãm-hiếp: dùng võ-lực xâm-phạm tiết-hạnh người phụ-nữ.

- Thú-tánh: thoả-mãn thú-vui xác-thịt, cách dã-man như loài thú.

- Địa-ngục A-tỳ: tên địa-ngục, nơi chịu hình-phạt chẳng ngừng. Tiếng Pali là Avìci Niraya.

- Thảm-trạng: Thảm = bi-thảm, đau-đớn; Trạng = tình-trạng.

- Chín-rục = Chín muồi = đã đầy-đủ nhơn-duyên đưa đến hậu-quả.

-Tái-diễn: Tái = lập lại;diễn =xãy ra.Tái-diễn là việc cũ xãy ra lần nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại cuộc đời đạo-hạnh của một vị ni-sư trẻ-đẹp chẳng may bị cưỡng-hiếp. Hành-động xấu-ác của kẻ dâm-ô xâm-phạm tiết-hạnh của ni-cô, bị quả-báo

nhãn-tiền (=trước mắt), ngay sau khi hãm-hiếp: bị đất nứt hút sâu vào địa-ngục A-tỳ.

Ý-nghĩa quan-trọng: làm ác bị quả-báo dữ, theo Luật Nhơn-Quả.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 069:

Bài Kệ nói về hậu-quả mau và chậm của hành-động xấu-ác. Khi chưa thấy hậu-quả, người ngu tưởng rằng hành-động xấu đem lại lợi-lạc cho mình, như mật ngọt; nhưng đến khi quả-báo xấu trỗ ra, bị khổ- sở, bấy giờ người ngu sẽ khóc vùi vì đau-khổ.

HỌC TẬP:

Học thuộc lòng bài Kệ, để răn mình, tránh bị điều ác cám-dỗ.

(55).- Tích chuyện Trưởng-lão Giang-bửu-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Giang-bửu-kha.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một người con nhà giàu-có, tên là Giang-bửu-kha, vì nghiệp-quả xấu của các đời trước, nên có hai tập-quán lạ-lùng: ngủ trên mặt đất, chẳng nằm giường chiếu, và ăn phân của chính mình, thay vì dùng cơm như mọi người. Lớn lên, cha mẹ gởi theo học đạo với nhóm ẩn-sĩ loã- thể. Khi các người ẩn-sĩ biết được thói-quen xấu hay ăn phân của Giang, họ liền đuổi Giang đi khỏi. Giang lang-thang đây đó, đứng một chân, miệng há-hốc. Có ai hỏi, Giang nói mình chỉ sống nhờ không-khí, chẳng ăn uống, cho nên mới mở miệng ra hoài. Chỉ đứng một chơn thôi, vì sợ mặt đất chẳng chịu đựng nổi sức nặng của thân mình. Giang thường tự-hào bảo rằng: "Tôi chẳng bao giờ ngồi xuống và chẳng bao giờ ngủ cả." Nhiều người tưởng thật, mới dưng-cúng thực-phẩm ngon cho Giang. Y chỉ vít lấy một chút xíu đồ ăn và nói với người hiến cơm rằng: "Ta thọ-nhận bấy nhiêu cũng đủ tạo công-đức cúng-dường cho anh rồi. Thôi, đi đi! ‘’ Thái-độ kỳ-dị của Giang đã khiến cho mọi người tặng cho anh ta biệt-hiệu là con chó sói.

Một hôm, trong cơn thiền-quán, Đức Phật nhận thấy cơ-duyên đã đến cho Giang-bửu-kha chứng được đạo-quả A-la-hán. Buổi chiều hôm ấy, Đức Phật đi đến chỗ Giang trú-ngụ, và xin Giang chỉ cho mình một chỗ để nghỉ qua đêm. Giang liền chỉ hang đá bên cạnh. Vào khoảng canh ba đêm ấy, các vị Thiên- đế xuống yết-kiến Đức Phật, từ Tứ Thiên-vương, Vua Trời Đế-Thích, đến cả Đại-Phạm Thiên-vương, lần lượt đến đảnh-lễ Phật, hào-quang sáng chói cả vùng. Sáng ra, Giang-bửu-kha tới hỏi Phật có thấy ánh hào-quang ban đêm không. Khi nghe Đức Phật thuật lại việc các Thiên-vương đến đảnh-lễ, Giang liền nói: "Ngài hẳn là một bực siêu-nhơn được các vua Trời đảnh lễ. Tôi tu khổ-hạnh hơn bốn mươi lăm năm nay, đứng một chơn, chỉ sống bằng không-khí chẳng hề ăn uống, thế mà chẳng có vị Trời nào đảnh-lễ tôi cả." Đức Phật đáp: "Này Giang-bửu-kha, anh có gạt người khác thì được, chớ nói dối ta chẳng được đâu. Ta biết rõ, trong bốn mươi lăm năm, anh chỉ ăn phân thế cơm, và tối ngủ nằm dưới đất." Rồi Đức Phật lại thuật chuyện tiền-kiếp của Giang cho Giang nghe. Vào thời Đức Phật Ca-diếp, Giang đã ngăn trở một vị Trưởng-lão không cho đến nhà một thí-chủ, chỉ để một mình Giang nhận thực-phẩm cúng-dường mà thôi. Khi ra về, thí-chủ nhờ mang

cơm về cho vị Trưởng-lão, thì Giang đem vứt đi hết. Vì tội-ác đó mà kiếp nầy, Giang mới ăn phân và ngủ trên mặt đất. Nghe đến đó, Giang rùng mình hoảng-sợ, ăn-năn tội-lỗi, và xin Đức Phật cho quy-y để gia-nhập Tăng-đoàn. Đức Phật liền đem Chánh-pháp ra giảng-dạy cho Giang nghe. Giang tinh-tấn tu-hành, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán.

Sau đó, có mấy người đệ-tử cũ của Giang ngày xưa, đến tịnh-xá Kỳ-viên, thấy Giang ở đó, mới ngạc- nhiên hỏi. Giang cho biết, bây giờ đã quy-y Phật-pháp, làm đệ-tử của Đức Phật. Đức Phật mới nói với các người đệ-tử cũ của Giang rằng: "Thầy cũ của các ông, mặc dầu trong hơn bốn mươi năm tu khổ-

hạnh, ăn rất ít, nhưng công-đức đó chẳng bằng một phần mười sáu của sự tu-tập và chứng-quả ngày nay."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tháng nầy qua tháng nọ,
Người ngu tu khổ-hạnh,
Ăn ít, vít bằng ngọn cỏ kusa.
So ra hắn chẳng bằng phần mười sáu
Của bực sành Chơn-lý pháp hữu-vi.
(Kệ số 070.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Giang-bửu-kha: tên thật vị trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Jambuka.

- Nghiệp-quả = hành-động của kiếp đã qua có ảnh-hưởng đến đời sống của kiếp hiện-tại.

- Tập-quán = thói quen.

- Ẩn-sĩ = tu-sĩ ở nơi xa-vắng, sống khổ-hạnh.

- Loã-thể: Loã = loã-lồ, chẳng mặc quần-áo, chỉ vấn khố che phiá dưới. Thể = thân-thể.

- Tự-hào: tự cho mình là giỏi, khoe-khoang.

- Hiến = tặng, đem cho.

- Thiên-đế: Thiên = trời; Đế = vua. Thiên-đế là vua trên cõi Trời.

- Tứ Thiên-Vương: bốn vị Vua Trời trị-vì ở bốn phương trên cõi Trời Dục-giới: Trì-quốc (Đông), Tăng-trưởng (Nam), Quảng-mục (Tây) và Đa-văn (Bắc). Tiếng Pali là Càtumahàràjika.

- Đại-Phạm Thiên = vua Trời cõi Sắc-giới, tiếng Pali là Mahàbrahmà

- Đảnh-lễ: lạy, làm lễ chào-kính, cúi đầu sát đất.

- Siêu-nhơn: Siêu = vượt lên trên; Nhơn = người. Bực siêu-nhơn là người tài-năng vượt lên trên người thường.

- Tu khổ-hạnh: tu ép-xác, tưởng lầm rằng hễ càng ép-xác là càng được giải-thoát.

- Ăn ít, vít bằng ngọn cỏ kusa: Kusa là tên một loại cỏ, lá nhỏ. Câu nầy có nghĩa là ăn rất ít,như dùng lá cỏ kusa khều chất ăn vào miệng.

- Chơn-lý: Sự-thật.

- Pháp hữu-vi: Pháp = tất cả sự sự, vật-vật; Hữu = có; Vi = làm. Các pháp hữu-vi là những sự-vật có hình-thể, do tạo nên mà có, và vì thế mà chẳng bền-vững, vô-thường; thí-dụ như ngôi nhà, bàn-ghế. Trái với pháp hữu-vi là pháp vô-vi, những sự-việc chẳng có hình-tướng mà thường-hằng, chẳng biến- đổi, chẳng phải do sự tạo-tác mà nên, thí-dụ như Sự-Thật, Phật-tánh. Người tu-hành để được giải- thoát, chẳng chạy theo các pháp hữu-vi để tham-luyến, mà hướng về các pháp vô-vi để thanh-lọc thân- tâm, phát-triển trí-huệ hầu sớm ra khỏi cảnh Luân-hồi sanh-tử khổ-đau.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có hai ý-nghĩa: (1) Giang-bửu-kha mang hai tật xấu ăn phân và nằm ngủ trên mặt đất, là do quả-báo của kiếp trước đã vứt bỏ thức ăn cúng-dường cho một vị Trưởng-lão; (2) việc tu khổ-hạnh, ép-xác là sai-lầm, chẳng đưa đến sự giác-ngộ và giải-thoát.

Nhờ gặp được Phật chỉ-dạy cho Chánh-pháp, Giang mới biết bỏ lối tu khổ-hạnh mà theo đúng đường tu phát-triển Trí-huệ để được giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 070:

Bài Kệ chê-trách lối tu khổ-hạnh (= ép-xác), hành-hạ thân-thể như đứng mãi một chơn chẳng ngồi, ăn thật ít chỉ để khỏi chết đói, như thế chẳng làm phát-triển được Trí-huệ, để có thể được giác-ngộ và giải-thoát. Đức Phật cho rằng tu khổ-hạnh như thế, tháng nầy qua tháng nọ, mà công-đức chẳng bằng một phần mười sáu của người đã thông-hiểu Chơn-lý các pháp hữu-vi nói trong Chánh-pháp.

Tu-hành để giải-thoát khỏi cảnh khổ của Luân-hồi, phải dựa vào Trí-huệ, giúp ta phân-biệt được việc nào vô-thường, việc nào thường-hằng. Tránh chẳng để các pháp hữu-vi cám-dỗ mà tham-luyến, biết sự bền-vững của các pháp vô-vi mà noi theo, người Phật-tử tu-tập Thiền-định, mở mang Trí-huệ, nhờ đó mà giác-ngộ và giải-thoát, sớm chứng được lẽ vô-sanh của Niết-Bàn tịch-diệt.

Tóm lại, bài Kệ dạy ta, giữa hai con đường (1) lợi-dưỡng, chạy theo các tiện-nghi vật-chất thái-quá, và (2) khổ-hạnh, ép-xác, hành-hạ thân-thể, ta phải chọn con đường Trung-đạo, biết giữ-gìn sức khoẻ để phát-triển Trí-huệ, mới mong sớm đến ngày thành-công viên-mãn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; ứng-dụng vào việc tu-hành hằng ngày: ăn uống đầy-đủ, giữ-gìn sức-khoẻ, đồng thời siêng-năng tu Thiền-định.

2.- Phá bỏ các sự hiểu-lầm về việc ăn chay: nhiều người cứ tưởng tu tại-gia là phải ăn chay trường, càng ăn khắc-khổ càng được phước. Đó là điều sai-lầm lớn.

- Ăn chay cốt là để diệt bỏ ý sát-sanh. Nếu trong khi ăn chay mà còn nghĩ đến thịt, đến cá, thì việc ăn chay chẳng đem lại công-đức gì, vì ý sát-sanh vẫn còn đó. Mặt khác, ăn chay thì phải ăn đầy-đủ các chất bổ-dưỡng, chẳng nên ăn quấy-quá, cơm với muối sả mà thôi, sẽ mất sức rồi đau-ốm, thì việc tu- hành chẳng tiến-bộ được.

- Dọn thức ăn chay, chẳng nên làm các món chay trông giống món ăn mặn, như chiên mì-căn làm con cá, kho cà-tím làm cá-trê; như thế, gợi lên sự thèm-thuồng các món mặn, và chưa bỏ được ý-nghĩ sát- sanh.

(56).- Tích chuyện về Ngạ-quỉ A-hi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một ngạ-quỉ tên là A-hi.

Thuở ấy, Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên cùng với tỳ-kheo Lạt-kha-na đi khất-thực tại một làng ở gần thành Vương-xá. Dọc dường, Tôn-giả chợt nhìn thấy một điều gì, mỉm cười rồi tiếp-tục đi, chẳng nói gì cả. Đến khi về đến tịnh-xá, tỳ-kheo Lạt-kha-na mới hỏi, tại sao lúc nẩy Tôn-giả đã mỉm-cười. Tôn- giả đáp: "Tôi nhìn thấy một ngạ-quỉ đầu người mình rắn, nên mới mỉm-cười."

Đức Phật nghe thấy, cũng bảo rằng: "Vào ngày ta chứng đắc đạo-quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh- giác, ta cũng trông thấy ngạ-quỉ đó." Rồi Đức Phật liền kể lại tiền-kiếp của ngạ-quỉ đó. Vào một thời xa-xưa, có một vị Bích-chi-Phật được nhiều người tôn-sùng. Dân-chúng đi lại để đảnh-lễ Ngài nơi tịnh-xá, phải trải qua một cánh đồng. Người chủ cánh đồng sợ dân-chúng qua lại nhiều, dẫm lên lúa má của mình, nên thừa dịp vị Bích-chi-Phật đi vắng, lén đốt cháy ngôi tịnh-xá. Vị Bích-chi-Phật phải dời đi nơi khác. Các người đệ-tử của Ngài tức-giận, mới giết chết người chủ ruộng. Người nầy tái-sanh vào địa-ngục Vô-gián A-tỳ, vì hành-động xấu-ác đó mà chịu hình-phạt trong nhiều kiếp. Đến kiếp nầy, y mang thân-hình ngạ-quỉ, để trả nốt quả-báo.

Đức Phật kết-luận: "Một hành-động xấu chẳng đem đến quả-báo xấu ngay tức-khắc, nhưng nghiệp-quả vẫn theo đuổi mãi người phạm tội cũng như viên than hồng còn ngún mãi dưới đống tro."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Việc làm ác đâu liền trỗ quả,
Như sữa tươi đâu đã đông ngay,
Âm-thầm theo đốt người ngu-dốt,
Như cục than hồng ngún dưới tro.
(Kệ số 071.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Ngạ-quỉ: còn gọi là Ngã-quỉ, là quỉ-đói, một loại chúng-sanh trong đường dữ, bụng to mà cổ nhỏ, luôn luôn đói khát.

- Lạt-kha-na: tên thật của vị tỳ-kheo, tiếng Pali là Lakkhana.

- Đạo-quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác: dịch nghĩa chữ A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề (Anuttara Sanyak Sambodhi) tức là quả-vị Phật. Vô-thượng = chẳng còn gì cao hơn nữa; Chánh-đẳng = đẳng-cấp chơn-chánh nhứt; Chánh-giác = giác-ngộ đứng-đắn nhứt.

- Bích-chi-Phật: tiếng Pali là Paccekabuddha, bực tu-hành tự-giác, vào thời chẳng có Phật, nhờ quán- chiếu Lý Mười-hai Nhơn-Duyên mà giác-ngộ; còn gọi là Duyên-giác, Độc-giác. Theo đẳng-cấp các bực đại-giác, từ dưới lên trên: A-la-hán, Duyên-giác, Độc-giác, Bích-chi-Phật, Bồ-tát và Phật.

- Địa-ngục Vô-gián: tên địa-ngục nặng tội nhứt, tội-nhơn chịu hình-phạt chẳng ngừng (= vô-gián, chẳng gián-đoạn), tiếng Pali là Avìci Niraya, dịch âm là A-tỳ dịa-ngục.

- Trỗ quả: hành-động ác sanh ra hậu-quả xấu, cũng như cây đơm bông, kết trái vậy.

- Đông: đông-đặc lại.

B-. Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nêu lên hậu-quả dài lâu, từ ngục Vô-gián đến thân-hình quỉ-đói, của một hành-động xấu- ác: đốt tịnh-xá của vị Bích-chi-Phật đang tu-hành.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 071:

Bài kệ nhắc lại ý-nghĩa của Tích chuyện: chẳng có cách nào trốn thoát quả-báo của một hành-động xấu. Tuy chẳng khởi-phát ngay liền sau hành-động, ví như sữa tươi chẳng đông-đặc ngay; nhưng quả- báo vẫn theo đuổi người phạm-tội mãi mãi, tựa như viên than hồng còn ngún dưới tro chẳng tắt.

HỌC TẬP:

Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ về Luật Nhơn-Quả.

(57).- Tích chuiyện về Ngạ-quỉ Sa-thi-cừu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ngạ-quỉ Sa-thi-cừu.

Thuở ấy, Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên, cùng với tỳ-kheo Lạt-kha-na, đang đi khất-thực; bỗng Tôn-giả nhìn thấy một ngạ-quỉ với một cái đầu to lớn dị-thường. Về đến tịnh-xá, Tôn-giả thưa trình với Phật. Đức Phật nói: "Đó là ngạ-quỉ Sa-thi-cừu, trong một tiền-kiếp, có tài quăng đá, trăm phát trăm trúng. Một hôm, Sa-thi-cừu xin người Thầy cho phép mình thử tài ném đá xem. Vị Thầy bảo, đừng ném vào trâu, bò hay người đi

đường, vì phải bồi-thường thiệt-hại. Chỉ nên chọn một mục-tiêu nào chẳng có chủ hay người chăn-giữ mà ném.

Vừa lúc ấy, Sa-thi-cừu trông thấy một vị Bích-chi-Phật đi khất-thực ngang qua đấy. Anh ta nghĩ vị tu- sĩ nầy chẳng có thân-nhơn, chẳng có ai đi theo coi chừng, vậy đó là một mục-tiêu lý-tưởng cho anh ta thử tài ném đá. Anh ta liền quăng một hòn đá nhỏ, vào lỗ tai bên trái, rồi xuyên qua lỗ tai bên mặt của vị Bích-chi-Phật. Khi về đến am, vị Bích-chi-Phật ngả ra chết. Các người đệ-tử biết chuyện, tìm đến giết chết Sa-thi-cừu để trả thù. Sa-thi-cừu chết đi, lọt vào địa-ngục A-tỳ, chịu hình-phạt nhiều kiếp; đến kiếp nầy, tái-sanh dưới thân-hình ngạ-quỉ, đầu to dềnh-dàng, luôn bị một cái búa đồng nóng đỏ đập vào liên-tiếp. Đó là để trả nốt nghiệp-quả mà y đã gây ra, vì thử tài ném đá vào đầu vị Bích chi- pPhật.

Đức Phật kết-luận: "Người ngu mà có tài khéo-léo chỉ tổ hại mình mà thôi!"

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Chỉ có hại cho thân,
Người ngu tập thuật khéo;
Danh-vọng và kiến-thức
Tiêu-diệt mất công-đức,
Bổ đầu anh bể nứt.
(Kệ số 072.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Sa-thi-cừu: tên ngạ-quỉ nầy, tiếng Pali là Satthikùtapeta.

- Trúc-lâm: Trúc = cây tre, cây trúc; Lâm = rừng. Vua Tần-bà-sa-la dưng-cúng vườn trúc gần thành Vương-xá, để cất Tịnh-xá Trúc-lâm.

- Các chữ Ngạ-quỉ, Bích-chi-Phật, Lạt-kha-na, địa-ngục A-tỳ, xin xem lại bài trước ở trang 192.

- Mục-tiêu: Mục = con mắt; tiêu = cái nêu để nhắm vào mà bắn.

- Lý-tưởng: ở đây mục-tiêu lý-tưởng có nghĩa là mục-tiêu tốt nhứt

- Am = căn nhà nhỏ để thờ-cúng, hay để ở tu-hành.

- Dềnh-dàng = to-lớn quá, kềnh-càng.

-Thuật = kỹ-thuật, sự khéo-léo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Cũng như bài trước, Tích chuyện kể lại hậu-quả của hành-động ác phải gánh chịu trong nhiều kiếp. Mặt khác, Tích chuyện nêu lên sự ngu-khờ của Sa-thi-cừu, nghe thầy

nói nên chọn mục-tiêu chẳng có chủ, liền nhắm vào nhà tu-hành mà ném đá. Vì chẳng có trí thông-minh, nên tài khéo ném đá trở lại hại anh ta, chẳng những bị giết chết kiếp nầy, mà còn bị hình-phạt ở địa-ngục và đầu-thai làm ngạ-quỉ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 072:

Bài Kệ nêu lên sự nguy-hiểm cho người ngu khi tập làm khéo, vì thuật khéo đó, nếu chẳng biết sử- dụng đúng đường, sẽ trở lại hại mình.

Ba câu Kệ sau nói về danh-vọng và kiến-thức làm tiêu-diệt mất công-đức. Danh-vọng dễ làm người say-mê, kiêu-căng và ỷ tài, thường đưa đến cái hại cho thân. Kiến-thức là sự hiểu-biết; nếu biết nhiều mà chẳng có đức-hạnh, sự hiểu-biết cũng có thể khiến ta theo con đường tà, có hại. Bài Kệ bảo rằng danh-vọng và kiến-thức bổ đầu ta, đó là vì cả hai thường cám-dỗ, xúi-dục người ngu hành-động liều- lĩnh, dễ gây tai-hại cho người và cho mình.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để tự răn mình, đừng ham "làm khéo".

2.- Ghi nhớ hai Tích chuiyện số 56 và 57: đây là những thí-dụ chứng-minh được nói trong Kinh-sách về Luật Nhơn-Quả.

(58).- Tích chuyện về người gia-chủ tên Tâm.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến Tỳ-kheo Sử-đạt-ma và một người gia-chủ tên Tâm.

Thuở ấy có người gia-chủ tên Tâm, một hôm gặp được Tôn-giả Ma-nam là một trong năm người đệ-tử đầu-tiên của Đức Phật, đang đi khất-thực. Ông Tâm dâng-cúng thực-phẩm rồi được nghe giảng-pháp và chứng-đắc được quả-vị Tu-đà-huờn. Sau đó, ông Tâm dựng một tịnh-xá trong vườn xoài của mình, tiếp-đón chư Tăng, cúng-dường mọi nhu-cầu và mời Tỳ-kheo Sử-đạt-ma về làm trụ-trì.

Một hôm, hai vị đại-đệ-tử của Đức Phật là Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đến viếng tịnh- xá trong vườn xoài. Sau khi nghe Tôn-giả Xá-lợi-phất giảng-pháp, ông Tâm chứng được quả-vị A-na- hàm. Ông liền thỉnh hai vị đại-đệ-tử ngày mai đến nhà thọ-thực. Hôm sau, khi hai Tôn-giả đến nhà, ông Tâm liền đến mời Tỳ-kheo Sử-đạt-ma cùng dự buổi ngọ-trai. Vị tỳ-kheo thấy ông Tâm mời mình sau khi thỉnh hai vị kia, cho rằng ông Tâm khinh-dễ mình mới từ-chối. Ông Tâm ngõ lời xin lỗi nhiều lần, tỳ-kheo Sử mới chịu đến, nhưng chẳng vào ngồi. Khi nhìn thấy lễ-vật dâng-cúng lên hai vị đại-đệ- tử, tỳ-kheo Sử trong lòng nổi lên ganh-tị, đứng dậy to-tiếng nói với ông Tâm: "Ta chẳng thèm ở tịnh- xá nầy nữa!" rồi bỏ ra đi.

Tỳ-kheo Sử-đạt-ma liền đó đi đến chùa Kỳ-viên, thưa-trình sự-việc nơi nhà ông Tâm lên Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy tỳ-kheo Sử-đạt-ma, ông đã có lỗi hỗn-hào với gia-chủ Tâm, ông nên đến xin lỗi đi." Vâng lịnh Đức Phật, tỳ-kheo Sử đến xin lỗi gia-chủ, nhưng ông Tâm vẫn chưa vừa lòng. Tỳ-kheo

Sử mới trở lại chùa Kỳ-viên lần nữa để thưa với Phật. Đức Phật nhận thấy, bấy giờ, sự kiêu-mạn nơi tâm của tỳ-kheo Sử đã giảm mất đi nhiều, mới bảo ông ta rằng: 'Nầy tỳ-kheo Sử-đạt-ma, một vị tỳ- kheo đứng-đắn chẳng bao giờ nói: "Đây là chùa của tôi, đây là đệ-tử của tôi, đây là đàn-việt của tôi!" Tại sao? Vì khi nói lên như thế, thì khiến cho sự tham-luyến, sự kiêu-mạn trong lòng ngày càng gia- tăng."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây:

Kẻ ngu-tăng ham danh chẳng xứng,
Trong Tăng-đoàn, dành đứng chỗ cao;
Nơi tu-viện, đòi cao quyền-thế,
Ngoài đời, muốn kẻ thế tôn-sùng.
(Kệ số 073.)
"Hãy để cho người Tăng, kẻ tục
Nghĩ, nhờ ta công-tác mới thành.
Trong mọi việc, dầu to, dầu nhỏ,
Ai cũng đều theo lịnh của Ta!"
Đó là tham-vọng người ngu-dại,
Khiến cho dục, mạn, lại gia-tăng.
(Kệ số 074.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Tâm: tên người gia-chủ nầy, tiếng Pali là Citta.

- Sử-đạt-ma: tên vị tỳ-kheo nầy tiếng Pali là Sudhamma.

- Ma-nam: tên vị Tôn-giả nầy tiếng Pali là Mahànàma. Cùng với các ông Kiều-trần-như, Át-bệ, Bạt-đề và Ca-diếp là những người được nghe Đức Phật thuyết-giảng Kinh Chuyển Pháp-Luân lần đầu-tiên tại vườn Lộc-Uyển, sau khi Đức Phật vừa thành Đạo.

- Tu-đà-huờn: đây là quả-vị thứ nhứt, thấp nhứt. Ba quả-vị kia là Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. A-la-hán là bực Thánh, còn ba quả-vị trước là bực Hiền.

-Trụ-trì: vị tỳ-kheo coi-sóc và cai-quản một tu-viện.

- Ganh-tị = ghen-ghét, cà-nanh.

- Kiêu-mạn = kiêu-căng, phách-lối.

- Đàn-việt: người thí-chủ, tin-tưởng đạo Phật, năng cúng-dường. Tiếng Pali là dànapati.

- Ngu-tăng: vị Tăng thiếu trí thông-minh.

- Kẻ thế, kẻ tục = những người ở ngoài đời, chưa xuất-gia đi tu.

- Dục, mạn: Dục = dục-vọng, lòng ham-muốn, tham-luyến; Mạn = kiêu-mạn, kiêu-căng, phách-lối.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị tỳ-kheo vì lòng ganh-tị và kiêu-mạn mà có lời hỗn-hào với một người gia-chủ (= chủ nhà) đã thành-tâm cúng-dường một ngôi tịnh-xá. Biết nghe lời dạy của Đức Phật, tỳ-kheo Sử-đạt-ma đến xin lỗi ông Tâm là người gia-chủ, nhờ đó mà lòng kiêu-mạn nơi vị tỳ- kheo được diệt-bỏ.

Kiêu-mạn, ganh-tị là những món độc khiến cho tâm chẳng được thanh-tịnh; người tu-hành cần phải diệt-bỏ, cũng như đối với ba món độc căn-bản là tham, sân, si.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 073 và 074:

Trong hai bài Kệ nầy, Đức Phật chê-trách thái-độ ngu-dốt, kiêu-mạn và ham-muốn của các người ngu- tăng:

- Ham danh chẳng xứng: ham-muốn được người đời trọng-vọng, trong khi mình chẳng có đức-độ gì, chẳng xứng-đáng gì;

- Nơi Tăng-đoàn, dành đứng chỗ cao: ham đứng, ngồi vào chỗ dành riêng cho các bực Trưởng-lão;

-Nơi tu-viện, đòi cao quyền-thế: trong chùa, đòi có nhiều quyền-hành cai-quản, chỉ-huy mọi người;

- Ngoài đời, muốn kẻ thế tôn-sùng: ham-muốn được các thiện-nam, tín-nữ ngoài đời trọng-vọng mình;

- Thường khoe-khoang: "Hãy để cho mọi người nghĩ rằng nhờ mình mà các công-tác được thành-tựu", hay dành công với người khác;

- Thường tự-hào: "Mọi việc lớn, nhỏ, phải theo lịnh của Ta!", tự xem mình như người lãnh-đạo, có quyền chỉ-huy mọi người.

Các thái-độ xấu đó chỉ làm gia-tăng sự kiêu-căng, phách-lối, có hại cho sự thanh-lọc thân-tâm, nên cần phải luôn luôn xét mình mà diệt-bỏ.

HỌC TẬP:

Tuy hai bài Kệ nói đến các ngu-tăng, nhưng người Phật-tử tại-gia cũng nên học thuộc lòng, để ghi nhớ, tập tánh khiêm-nhường, mỗi khi đi đến chùa làm công-quả.

(59).- Tích chuyện Sa-di Thi-sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Sa-di tên là Thi-sa, tu ẩn-cư trong rừng.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ có một người trẻ tuổi tên là Thi-sa, con nhà rất giàu-có; người cha năng dâng- cúng thực-phẩm cho chư Tăng đi khất-thực. Cha của Thi-sa thường thỉnh Tôn-giả Xá-lợi-phất đến nhà thọ-thực, nên Thi-sa có dịp gặp được Tôn-giả. Năm lên bảy tuổi, Thi-sa được Tôn-giả Xá-lợi-phất nhận làm đệ-tử và làm Sa-di tại chùa

Kỳ-viên. Trong thời-gian ngụ tại chùa, anh em, bà con thường đến thăm-viếng Thi-sa, mang quà tặng đến biếu. Thi-sa nhận thấy các buổi thăm-viếng như thế thường làm rộn cho mình và mất thì-giờ cho việc tu-hành. Thi-sa mới xin Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, và xin phép đi vào rừng, tu-tập một mình. Mỗi khi, Thi-sa vào làng khất-thực, các thí-chủ dưng cúng phẩm-vật, Thi-sa chỉ thốt lên mấy lời ngắn-ngủi: "Nguyện-cầu thí-chủ được an-lạc. Nguyện-cầu thí-chủ thoát khỏi mọi khổ-đau của cuộc đời." Rồi Thi-sa tiếp-tục lên đường, trở về am- cốc vắng-vẻ một mình. Thi-sa tinh-tấn tu-tập ngày đêm, chẳng bao lâu đắc được đạo-quả A-la-hán.

Sau mùa an-cư kiết-hạ, Tôn-giả Xá-lợi-phất và đông-đảo tỳ-kheo tháp-tùng, được phép Đức Phật, vào rừng viếng thăm Sa-di Thi-sa. Các thiện-nam, tín-nữ trong làng rất mừng, dâng-cúng lễ-vật, và thỉnh- cầu Tôn-giả thuyết-pháp cho nghe. Nhưng Tôn-giả từ-khước và bảo: " Sa-di Thi-sa trú-ngụ ở đây, sẽ

thuyết-pháp cho các vị nghe." Nhưng một thiện-nam lại bảo: "Thầy Thi-sa chỉ biết nói có hai câu: Nguyện-cầu thí-chủ được an-lạc. Nguyện-cầu thí-chủ thoát khỏi mọi khổ-đau của cuộc đời!" mà thôi, thì thuyết-pháp làm sao?" Tôn-giả Xá-lợi-phất liền bảo Thi-sa: "Thi-sa, con hãy giảng Chánh-pháp cho mọi người nghe; con hãy chỉ làm cách nào để được an-lạc và giải-thoát được mọi khổ-đau của cuộc đời."

Vâng lịnh Thầy, Thi-sa bước lên toà ngồi, trong mấy giờ đồng-hồ, thao-thao bất tuyệt, giảng-giải thế nào là ngũ uẩn, lực căn, lục trần, thế nào là ba-mươi-bảy phẩm trợ Đạo, thế nào là con đường dẫn tới đạo-quả A-la-hán và Niết-Bàn. Và chấm-dứt lời giảng bằng câu kết-luận sau đây:

"Đấy, các bực đã chứng-đắc đạo-quả A-la-hán được giải-thoát mọi khổ-đau của cuộc đời và hằng sống trong cảnh an-lạc. Còn những kẻ khác cứ trôi-lăn mãi trong cảnh khổ-não của cuộc tử-sanh Luân-hồi."

Tôn-giả Xá-lợi-phất hết lời ngợi-khen Sa-di Thi-sa đã khéo giảng-giải Chánh-pháp thật rành-rẽ. Dân- chúng nghe pháp, nhiều người thán-phục, mà cũng có một số người còn thắc-mắc tại sao Thi-sa thông- hiểu Chánh-pháp như thế, mà ngày thường chỉ thốt lên có hai câu nguyện-cầu như thế. Bấy giờ tại chùa Kỳ-viên, Đức Phật quán-thấy tâm-trạng của dân-chúng còn phân-vân, nên hôm sau, Ngài cùng chư Tăng vào làng khất-thực. Sau buổi ngọ-trai và giảng-pháp, Đức Phật bảo dân chúng rằng: ‘Các ông rất may-mắn có được thầy Thi-sa ở vùng nầy; nhờ đó mà chư tăng thường đến viếng làng."

Tối hôm đó, tại chùa Kỳ-viên, chư Tăng thưa cùng Đức Phật: "Thầy Thi-sa đã làm được một việc khó làm: ở đây được nhiều người hiến-tặng phẩm-vật, thế mà thầy đã từ-khước để đi vào rừng sâu tu-tập khổ-hạnh một mình." Đức Phật bảo: "Nầy các tỳ-kheo, cho dầu sống nơi thành-thị hay ở chốn thôn- quê, một vị tỳ-kheo giữ đúng giới-hạnh chẳng bao giờ chú-trọng đến của-cải vật-chất được hiến-tặng. Nếu biết tập hạnh viễn-ly, xa-lìa con đường lợi-dưỡng, danh-vọng của thế-gian, mà siêng tu-tập Thiền- định thì sẽ sớm chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Một đường dẫn đến lợi thế-gian,
Một nẻo đưa ta tới Niết-bàn.
Thông-hiểu rõ hai đường sai-biệt,
Vị tỳ-kheo, đệ-tử Phật-đà,
Chẳng chút đắm-say mùi danh-lợi
Nỗ-lực hành-trì hạnh viễn-ly.
(Kệ số 075.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Sa-di: người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới Tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmenara.

- Thi-sa: tên thật của vị Sa-di nầy, tiếng Pali là Tissa. Đừng lầm với vị tỳ-kheo Thi-sa, trùng tên, nói ở Tích chuyện số 3, trang 9.

- Năng dâng cúng: Năng = siêng-năng, thường hay làm.

- Thọ-thực: Thọ = nhận; Thực = ăn.

- Đệ-tử: Đệ = em, Tử = con. Đệ-tử là học-trò.

- Thí-chủ: Thí = bố-thí, hiến-tặng; Thí-chủ là người hiến-tặng.

- An-lạc: An = yên-ổn; Lạc = vui.

- Am-cốc: Am, Cốc = căn nhà nhỏ nơi xa vắng, để ở ẩn-cư.

- An-cư kiết-hạ: vào ba tháng mùa mưa, các vị tỳ-kheo quay về chùa tu-tập, chẳng đi ra ngoài, sợ dẫm lên côn-trùng, giết-hại sâu-bọ.

- Tháp-tùng: đi theo.

- Thiện-nam, tín-nữ: những người đàn-ông, đàn-bà tin-tưởng vào Đạo Phật, thường dưng-cúng lễ vật đến chư Tăng-ni.

- Thao-thao bất tuyệt: nói rất trôi chảy, chẳng ngừng.

- Ngũ uẩn: năm uẩn: (1) sắc-uẩn, (2) thọ-uẩn, (3) tưởng-uẩn, (4)hành-uẩn, (5) thức-uẩn.

- Lục căn: (1) mắt, (2) tai, (3) mũi, (4) lưỡi, (5) thân, (6) ý.

- Lục trần: (1) sắc, (2)thanh, (3)hương, (4)vị, (5) xúc, (6) pháp.

- Ba-mươi-bảy phẩm trợ Đạo: giúp ta sớm được giác-ngộ và giải-thoát; gồm có (a) 4 niệm-xứ, (b) 4 chánh-cần, (c)4 như-ý-túc, (d) 5 căn, (e) 5 lực, (f) 7 giác-chi, (g) 8 Thánh-đạo. Tiếng Pali là Bodhipakkhiya Dhamma. Muốn biết thêm chi-tiết, xem Phật-Học Phổ-Thông, quyển 3.

- Quán-thấy: nhìn thấy qua cơn Thiền-định.

- Phân-vân: còn nghi-ngờ, chưa tin, chưa chắc.

- Viễn-ly: Viễn = xa, rời; Ly = là. Hạnh viễn-ly là hạnh xa-là, chẳng tham-luyến, rời-bỏ, từ-khước mọi danh-lợi.

- Lợi-dưỡng = lối sống thụ-hưởng tiện-nghi vật-chất thật đầy-đủ.

- Phật-đà: phiên-âm chữ Buddha, Phật là hiểu-biết, giác-ngộ.

- Hành-trì: Hành = làm; Trì = giữ. Hành- trì là tuân theo đầy-đủ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện khen-ngợi một vị Sa-di trẻ tuổi biết thực-hành hạnh viễn-ly, tránh xa các lợi-dưỡng của thế-tục, vào rừng tu-tập Thiền-định.

Hạnh viễn-ly là hạnh khước-từ các lợi-lạc về vật-chất, tránh xa các thú-vui của thế-tục, dẹp-bỏ sự tham-luyến, hướng về sự giác-ngộ và giải-thoát. Đây là hạnh cao-quí, tương-đương với tâm xả, là một trong bốn tâm vô-lượng của Bồ-tát-đạo: Từ là ban vui, Bi là cứu khổ, Hỉ là chung vui cùng kẻ thành- công, Xả là buông-bỏ, chẳng bấu-víu vào để tham-luyến.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 075:

Thử phân-tách bài Kệ nầy, như sau:

- Một đường dẫn đến lợi thế-gian: đây là lối sống của người ở thế-gian, lấy lợi làm mục-tiêu để tranh- đấu trong cuộc sống còn. Lợi ở thế-gian gồm có tiền-tài, nhà-cửa, vợ đẹp con khôn, quyền-thế, địa-vị...

- Một nẻo đưa ta tới Niết-bàn: đây là lối sống xuất-thế, nghĩa là chẳng màng đến cảnh danh-lợi của thế-gian, vượt qua lối sống tranh-đua giành-giựt ở đời, để tiến lên mục-tiêu giác-ngộ và giải-thoát của cảnh-giới an-vui thường-hằng của Niết-Bàn, khỏi còn bị khổ-đau của sự tái-sanh trong cõi Luân-hồi nữa.

-Thông-hiểu rõ hai đường sai-biệt: biết rõ sự hơn kém giữa hai lối sống; lối thứ nhứt thoả-mãn các thú-vui tạm-bợ ở một đời; lối thứ hai là lối sống từ-khước mọi tiện-nghi vật-chất, để khắc-phục các phiền-não khiến tâm thanh-tịnh, đạt được niềm vui vĩnh-cửu là được giải-thoát.

- Ba câu chót: đây là thái-độ đứng-đắn của tỳ-kheo, chẳng đắm-say mùi danh-lợi, xa-lìa mọi dục-lạc, nỗ-lực tu-tập để chứng Niết-bàn.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ mục-tiêu tu-tập, bền-chí trong việc dứt-bỏ sự thèm-khát, sự tham-luyến.

2.- Thử tập vài điều dễ làm về Hạnh viễn-ly:

- Các món "ghiền" như ăn trầu, hút thuốc, ăn ớt, mê tuồng cải-lương, nhâm-nhi rượu đế, v.v. thử tập nhịn một vài lần, xem sao.

- Ghế mình thường ngồi, chén mình thường cầm, nay bị người khác lỡ dùng, thử xét xem trong bụng mình lúc ấy ra thế nào?

-ooOoo-

[02]

VI.- Phẩm Hiền-trí

60) Tích chuyện Trưởng-lão Giả-đa - Kệ số 076 61) Tích chuyện hai vị tỳ-kheo Át-sa và Phú-na - Kệ số 077 62) Tích chuyện Tỳ-kheo Xà-nặc - Kệ số 078 63) Tích chuyện Trưởng-lão Kha-phi-na - Kệ số 079 64) Tích chuyện Sa-di Phan-di-ta - Kệ số 080 65) Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia - Kệ số 081 66) Tích chuyện tín-nữ Kha-nhã - Kệ số 082 67) Tích chuyện về mùa an-cư ở Vệ-lan-già - Kệ số 083 68) Tích chuyện Trưởng-lão Đàm-mi-kha - Kệ số 084 69) Tích chuyện những người nghe giảng pháp - Kệ số 085 và 086 70) Tích chuyện các Tỳ-kheo sau mùa an-cư - Kệ số 087, 088, 089

VII.- Phẩm A-la-hán

71) Tích chuyện về y-sĩ Kỳ-bà hỏi Đức Phật - Kệ số 090 72) Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp ở lại Tr?-l? - Kệ số 091 73) Tích chuyện Trưởng-lão Lã-tha-sĩ - Kệ số 092 74) Tích chuyện Trưởng lão A-na-luật - Kệ số 093 75) Tích chuyện Trưởng-lão Ca-chiên-diên - Kệ số 094 76) Tích chuyện Trưởng-lão Xá-lợi-phất bị vu-cáo - Kệ số 095 77) Tích chuyện vị Sa-di ở Cô-sâm-bi - Kệ số 096 78) Tích chuyện về một lời nói của Đại-Đức X?lợi-phất - Kệ số 097

79) Tích chuyện Trưởng-lão Lê-va-ta - Kệ số 098 80) Tích chuyện về một người đàn-bà quyến-rũ - Kệ số 099

VIII.- Phẩm Ngàn

81) Tích chuyện người đao-phủ Tam-b?đà - Kệ số 100 82) Tích chuyện về Bá-hi-gia - Kệ số 101 83) Tích chuyện Ni-cô Khuôn-đà-la - Kệ số 102 và 103

122) Tích chuyện công-chúa Gia-nhã-ba - Kệ số 150 123) Tích chuyện Hoàng-hậu Mạt-lợi - Kệ số 151 124) Tích chuyện Tỳ-kheo Lã-lưu - Kệ số 152 125) Tích chuyện Đức Phật thành Đạo - Kệ số 153 và 154 126) Tích chuyện con ông Đại-đà-na - Kệ số 155 và 156

-ooOoo-

VI.- Phẩm Hiền-Trí.

(60).- Tích chuyện Trưởng-lão Giả-đa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Giả-đa, trước vốn là một người Bà-la-môn nghèo-khó.

Thuở ấy, có một người Bà-la-môn nghèo-khó tên là Giả-đa, đến sống ở một tu-viện, làm công-việc tạp-dịch trong chùa và được các tỳ-kheo nuôi cơm, cung-cấp cho những nhu-cầu cần-thiết trong đời sống hằng ngày. Giả-đa rất mong-muốn được gia-nhập

Tăng-đoàn, nhưng chẳng được các vị Tỳ-kheo khuyến-khích.

Sáng sớm hôm ấy, Đức Phật trong cơn Thiền-định, quán-sát khắp pháp-giới, thấy Giả-đa có đủ cơ- duyên để chứng-đắc quả-vị A-la-hán. Ngài liền đi đến tu-viện, gặp Giả-đa, và được Giả-đa trình rằng lòng mình mong-muốn được xuất-gia thọ-giới Tỳ-kheo, nhưng các tu-sĩ trong chùa chẳng ai hoan- nghinh việc ấy cả. Đức Phật nhận thấy lòng thành của Giả-đa, mới cho tập-họp chư Tăng lại và hỏi rằng: 'Này các vị tỳ-kheo, trong số các vị ở đây, có ai còn nhớ một hành-động thiện mà Giả-đa đã làm cho mình không?" Tôn-giả Xá-lợi-phất liên thưa rằng: 'Con còn nhớ Giả-đa có lần đã nhường cho con một muỗng cơm." Đức Phật bảo: "Nếu quả thật như vậy, tại sao ông chẳng giúp-đỡ người thí-chủ của ông là Giả-đa được giải-thoát khỏi mọi khổ-đau của cuộc đời?" Tôn-giả hiểu ý Phật, mới thâu-nhận Giả-đa làm đệ-tử, chỉ dạy cho Chánh-pháp và đường-lối tu-hành để được thoát khổ. Chẳng bao lâu, Giả-đa tinh-tấn tu-hành, vâng theo lời giáo-huấn của Tôn-giả Xá-lợi-phất, và chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Vào một dịp khác, Đức Phật đến viếng tu-viện, các tỳ-kheo trình Phật sự-việc Giả-đa biết nghe theo lời hướng-dẫn của Tôn-giả Xá-lợi-phất mà chuyên-cần, tinh-tấn tu-hành. Đức Phật khuyên mọi người nên noi gương tốt của Giả-đa, biết nghe lời thầy dạy, khi bị quở-phạt chẳng nên oán-trách thầy.

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Gặp ai vạch lỗi mình, rồi chỉ-dạy,
Đó là người hiền-trí, phải noi theo,
Như theo kẻ dẫn đường tìm kho báu.
Được kết-hợp với người hiền như thế,
Lợi lớn cho mình, chẳng tệ chi đâu.
(Kệ số 076.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Giả-đa: tên thật của Trưởng-lão, tiếng Pali là Ràdha.

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ trong xã-hội Ấn-độ. Có bốn giai-cấp: (1) Bà-la-môn, (2) Sát-đế-lợi (vua, quan), (3) Phệ-xá (buôn-bán), (4) Thủ-đà-la (nông-dân, thợ-thuyền).

- Công-việc tạp-dịch = công-việc lặt-vặt.

- Nhu-cầu = các điều cần-dùng.

- Pháp-giới: thế-giới, tất cả sự-vật trên hoàn-cầu. Tiếng thường là thế-giới; tiếng chuyên-môn Phật- học là pháp-giới. Pháp = tất cả sự-vật.

- Hoan-nghinh: Hoan =vui, hoan-hỉ; Nghinh = đón. Hoan-nghinh là vui lòng tiếp-nhận.

- Xá-lợi-phất: tên thật của Tôn-giả, tiếng Pali là Sariputta (=con bà Sari). Tôn-giả là đại-đệ-tử của Đức Phật, nổi tiếng là đệ-nhứt Trí-huệ. Tôn-giả thường được Đức Phật

mời lên ngồi chung, để thuyết- pháp. Hiện còn ngôi tháp thờ Tôn-giả, tại làng Na-lan-đà, Ấn-độ.

- Được giải-thoát mọi khổ-đau của cuộc đời: Ý Phật muốn bảo, chỉ cho cách tu-hành để được giải- thoát.

- Thí-chủ: Thí = hiến-tặng, cho; Chủ = người chủ; Thí-chủ, hay Thí-giả, là người đem của-cải ra bố- thí. Còn gọi là đàn-việt.

- Đệ-tử = học-trò.

- Chánh-pháp = đường-lối tu-hành đúng-đắn.

- Giáo-huấn = dạy-dỗ, huấn-luyện.

- Hiền-Trí: hiền-lành và có Trí-huệ. Còn gọi là Thiện-tri-thức.

- Kết-hợp = làm bạn, sống gần bên.

- Tệ = xấu, ác.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Trưởng-lão Giả-đa, một người Bà-la-môn giúp việc trong chùa, nhờ sự can- thiệp của Đức Phật mà được Tôn-giả Xá-lợi-phất thâu-nhận làm đệ-tử, rồi nghe theo lời dạy của thầy, tinh-tấn tu-hành, đắc được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuiyện là nếu gặp được bực hiền-trí chỉ-dạy cho mình, thì nên cố-gắng tuân theo, chẳng nên bất-mãn khi bị quở-trách vì lỗi-lầm.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 076:

Thử phân-tách bài Kệ:

- Gặp ai vạch lỗi mình, rồi chỉ-dạy: khi bị ai chỉ-trích mình, chớ nên nóng-giận vì tự-ái; trái lại hãy bình-tỉnh nghe lời người chỉ-dạy, để sửa đổi lại theo con đường phải.

- Đó là người hiền-trí, phải noi theo: người vạch lỗi mình rồi chỉ-dạy cho mình là muốn cho mình trở nên người tốt, vì thế mình nên nghe theo lời người ấy chỉ-dạy. Người như thế là bực hiền-trí: hiền, vì muốn cho mình được tốt hơn lên; trí, vì người nhận thấy rõ lỗi của mình và chỉ cho mình cách sửa lại.

- Như theo kẻ dẫn đường tìm kho-báu: Kho-báu ở đây có nghĩa là điều quí-báu, tức là con đường chơn- thiện, đưa ta tới nơi giác-ngộ và giải-thoát, như trường-hợp của Trưởng-lão Giả-đa, theo lời dạy của Tôn-giả Xá-lợi-phất, để tu-tập chứng được quả-vị cao-quí là quả A-la-hán, vĩnh-viễn thoát mọi khổ- đau của cuộc đời.

- Được kết-hợp với người hiền như thế, Lợi lớn cho mình, chẳng tệ hơn: đây là lợi-lạc to lớn được sống gần bên người hiền-trí, nhờ đó mà ta trở nên người chơn-thiện, chẳng có tệ-hại chút nào cả.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ: chẳng nên tự-ái sằng, mỗi khi nghe ai chỉ-trích và chỉ-dạy cho mình. Người ấy là người ơn của mình.

(61).- Tích chuyện hai vị tỳ-kheo Ất-sa và Phú-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến hai vị tỳ-kheo tên là Ất-sa và Phú-na vi-phạm giới-luật.

Thuở ấy, ở làng Kỳ-tà, nước Xá-vệ, tại một tu-viện nọ, có hai vị tỳ-kheo tên là Ất-sa và Phú-na, cùng với năm trăm đồ-đệ, sống về nghề trồng-trọt rau-cải và cây ăn trái. Vì chẳng theo hạnh khất-sĩ nên các vị tu-sĩ nầy đã vi-phạm giới-luật. Bấy giờ, Đức Phật nghe tin đó, mới sai hai vị đại-đệ-tử là Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đi đến làng Kỳ-tà, và ra lịnh cho các tỳ-kheo chẳng được sanh-sống về nghề trồng-trọt nữa. Đức Phật căn-dặn: "Nếu họ chẳng vâng lời, các ông đừng ngần-ngại chi mà đuổi họ ra khỏi chùa, vì hành-động vi-phạm giới-luật của họ gây tai-hại lớn, làm giảm mất lòng tin- tưởng của dân-chúng vào đạo-pháp."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Hãy nghe ông ấy rầy la,
Giúp mình, chỉ dạy, tránh xa đường tà.
Người hiền quí-mến ông ta,
Chỉ có kẻ dữ mới là ghét ông.
(Kệ số 077.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Ất-sa: tên thật vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Assaji

- Phú-na: tên thật vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Punabhasuka.

- Kỳ-tà: tên thật làng nầy, tiếng Pali là Kìtàgiri.

- Vi-phạm giới-luật: làm trái với điều răn-cấm.

- Hạnh khất-sĩ: Hạnh = hanh-kiểm, lối sống; Khất =đi xin ăn; Sĩ = người; tu-sĩ. Đức Phật đặt ra hạnh khất-sĩ để buộc chư tăng-ni chẳng được có nghề sanh lợi, phải cúi mình xuống đi xin ăn, để diệt lòng kiêu-mạn, và có dịp gặp-gỡ dân-chúng cúng-dường để chỉ-dạy Đạo cho họ.

- Giới-luật: các điều răn-cấm trong Đạo, cốt để ngăn-ngừa tội-ác.

- Đường tà: Tà = cong-queo, xiêng-xéo; Đường tà là đường tội-lỗi

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nêu lên sự vi-phạm giới-luật của hai vị tỳ-kheo: có nghề sanh lợi và chẳng theo hạnh khất-sĩ. Tại sao lại cấm tu-sĩ có nghề sanh lợi? Vì khi sanh lợi, ta thường

mong muốn có nhiều lợi, đó

là lòng tham, cần phải diệt bỏ. Tại sao phải theo hạnh khất-sĩ? Hạnh nầy diệt lòng kiêu-mạn, vì phải dẹp lòng tự-ái xuống để đi xin ăn mà sống. Hạnh nầy tạo nên cơ-hội gặp-gỡ giữa người tu-sĩ và dân- chúng, để có thể chỉ-dạy đường tu cho họ.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện: người tu-hành mà vi-phạm giới-luật sẽ làm giảm lòng tin của dân-chúng vào Đạo-pháp.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 077:

Bài Kệ nói về sự chỉ-dạy nghiêm-khắc, rầy la, của bực hiền-trí. Bực hiền-trí thấy lỗi-lầm của con-em, cần phải quở-trách để chúng đừng tái-phạm, lại nên chỉ cho chúng con đường phải mà theo.

Trước lời thẳng-thắn quở-trách, người biết điều thì sẽ thầm cám ơn bực đã chỉ-dạy mình; còn kẻ hung- dữ, trái lại thì oán-ghét, xem như gặp kẻ thù. Đó là lẽ thường-tình ở đời, người tu-hành chớ nên bắt- chước làm theo kẻ dữ.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ nầy, cùng với bài Kệ trước, để ghi nhớ, chớ có tự-ái sằng, mỗi khi bị quở, nên tỏ lòng biết ơn người chỉ-dạy mình

2.- Biết rằng, lời phải thường trái tai, khó nghe, nhưng đối với những người mình có trách-nhiệm dìu- dắt, chớ nên sợ mếch lòng mà chẳng quở-trách. Một lỗi nhỏ bỏ qua, sẽ khiến con-em xem thường mà phạm lỗi nặng hơn.

(62).- Tích chuyện Tỳ-kheo Xà-nặc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Tỳ-kheo tên Xà-nặc, vốn là người giữ ngựa cho Thái-tử Tất-đạt-ta.

Xà-nặc là người giữ ngựa, theo hầu Thái-tử Tất-đạt-ta khi Thái-tử lìa bỏ cung vàng điện ngọc, vượt qua cửa Đông thành Ca-tỳ-la-vệ, cởi ngựa vào rừng, trên đường đi tìm Chơn-lý và Đạo-pháp. Đến khi Thái-tử thành Đạo, chứng ngôi Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, thì Xà-nặc trở thành một vị tỳ- kheo. Tỳ-kheo Xà-nặc thường tự-hào rằng mình là người duy-nhứt thân-cận bên Phật ngay tự buổi đầu, nên ganh-tị với địa-vị ngày nay của các Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, trong Tăng- đoàn. Ông ta thường ba-hoa với mọi người: "Khi Thái-tử vượt thành vào rừng đi tu, ta là người luôn luôn ở bên cạnh; bấy giờ nào đã có Xá-lợi-phất, hay Mục-kiền-liên đâu; cớ sao nay họ lại vênh-vang xưng với chư Tăng, họ là đại-đệ-tử của Đức Phật?" Đức Phật nghe thấy, nhiều lần gọi Xà-nặc đến bên cạnh, khuyên răn: "Ông nên thay đổi thái-độ ngay, chớ có lời vô-lễ với hai vị tỳ-kheo đức-hạnh đó. Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên là những người bạn tốt của chư Tăng, ông nên thân-cận và cung- kính họ." Xà-nặc lẫng-lặng nghe lời Phật nói, nhưng lòng vẫn chẳng chịu tuân theo.

Bấy giờ, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chớ kết bạn đường với phường ngu-ác,

Chẳng giao-du thân-mật các bọn tà.
Ráng chọn bạn hiền-lương mà giao-thiệp;
Cùng người cao-đức kết-hiệp tình thân.
(Kệ số 078.)

Mặc dầu nhiều lần được Đức Phật khuyên-can, chỉ-dạy, Xà-nặc vẫn giữ thái-độ ngoan-cố, thường có lời hỗn-hào đối với hai vị đại-đệ-tử. Đức Phật biết Xà-nặc là người khó-trị, nên lúc Ngài sắp nhập Niết-bàn, gọi Tôn-giả A-nan đến bên cạnh, trối rằng: "Đối với Xà-nặc ngoan-cố, nên áp-dụng hình- phạt nặng-nề nhứt là cô-lập hắn, đừng cho tỳ-kheo nào giao-du với hắn nữa." Nhưng đến khi Đức Phật nhập-diệt, Xà-nặc đau-buồn thái-quá, nhiều lần ngất-xỉu, hối-hận chẳng biết vâng lời Đức Phật lúc

Ngài còn tại thế-gian. Xà-nặc mới đến xin sám-hối tội-lỗi với hai vị Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đại Mục- kiền-liên. Từ đó, Xà-nặc tinh-tấn tu-hành, chẳng bao lâu đắc quả-vị A-la-hán.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Xà-nặc: tên thật người giữ ngựa nầy, tiếng Pali là Channa.

- Thái-tử Tất-đạt-ta: Thái-tử = con trai lớn của Vua, sẽ được nối ngôi; Tất-đạt-ta: tên thật của Thái-tử, tiếng Pali là Siddhattha, con vua Tịnh-phạn (Suddhodana). Theo Kinh sách, Thái-tử sau khi đi viếng bốn cửa thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu), thấy cảnh bịnh, già, chết và gặp một vị tu-sĩ, mới quyết-định bỏ cung vàng điện ngọc đi tu. Sau sáu năm khổ-hạnh, chọn con đường Trung-đạo, tu-sĩ Tất-đạt-ta ngồi thiền bốn mươi chín ngày đêm dưới cội Bồ-đề, chứng-đắc chánh-quả mà thành Phật, hiệu là Thích-ca mâu-ni (Sakya Muni).

- Ngôi Chánh-đẳng Chánh-giác: quả-vị Phật, tức là thành Phật.

- Thân-cận: Thân = thân-thích; Cận = gần. Thân-cận là ở gần bên cạnh luôn.

- Ganh-tị = cà-nanh, ghen-ghét.

- Tăng-đoàn = đoàn-thể các vị Tỳ-kheo.

- Ba-hoa = nói lời phách-lối, om lên chẳng dứt.

- Vênh-vang = thái-độ phách-lối, kiêu-căng trong lời nói và cử-chỉ.

- Đại-đệ-tử = học-trò lớn, đồ-đệ cao-cấp, giỏi.

- Bạn đường = người cùng đi chung một đường với mình. Ở đây là những người đồng-tu với nhau.

- Phường ngu-ác = bọn người dốt-nát, dữ-dằn.

- Giao-du, Giao-thiệp: chơi-bời với nhau, thân-thích với nhau.

- Bọn tà = bọn ác-tà, bọn xấu dữ, làm điều quấy.

- Cao-đức = có đức-hạnh cao-quí; người hiền-lành và có trí-huệ.

- Ngoan-cố = cứng đầu, chẳng chịu nghe theo lời phải.

- Nhập Niết-bàn: rời bỏ xác thân, vào cảnh tịch-diệt. Nghĩa thông-thường là chết đi. Còn gọi là nhập- diệt. (Nhập = vào; diệt = chết mất.)

- Tôn-giả A-nan = tên thật của tôn-giả, tiếng Pali là Ànanda, tôn-giả là người thị-giả (=hầu-cận) của Đức Phật Thích-ca.

- Hình-phạt nặng-nề nhứt: địch chữ Brahmadanda, tiếng Pali. Danda có nghĩa là hình-phạt. Brahma, ở đây,nghĩa là cao nhứt, nặng nhứt.

- Cô-lập: Cô = cô-độc, một mình, trơ-trọi; Lập = đứng. Cô-lập một người là chẳng cho ai gần với người ấy cả. Tiếng bình-dân gọi là tẩy chay.

- Sám-hối = ăn-năn, xin thú-tội và hứa từ nay sẽ chẳng tái-phạm.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại sự-việc Xà-nặc ỷ mình là người theo Phật từ buổi đầu mà tỏ ra phách-lối với mọi người và vô-lễ với hai vị đại-đệ-tử của Đức Phật. Xà-nặc lại còn ngoan-cố, chẳng biết theo lời khuyên của Phật. Chỉ sau khi Phật nhập-diệt rồi, Xà-nặc mới hối-hận, sám-hối tội-lỗi với hai vị Tôn-giả và chuyên-cần tu-hành mới chứng được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là phải biết nghe theo lời của người có đức-hạnh, thân-cận bên họ, mới có lợi cho đường tu.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 078:

Ý-nghĩa của bài Kệ rất rõ-ràng: nên chọn bạn mà kết-thân, xa người ngu-ác, gần người hiền-lương, có đức-hạnh.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ để đọc lên cho con-em nghe, mỗi khi muốn khuyên chúng nên xa- lánh bạn-bè chẳng tốt.

2.- Tập bỏ tánh ỷ-lại: ỷ-lại là dựa thế của người khác mà tự coi mình cao hơn; đó là lòng kiêu-căng sái chỗ, cần dẹp bỏ. Xin đề-nghị:

- đừng tự-hào về giai-cấp, địa-vị, tiền-của của mình: giá-trị con người chính ở nơi đức-hạnh, chớ đâu phải ở nhà cao, xe đẹp, có con "làm lớn"! Càng tỏ ra nhũn-nhặn, mới càng quí.

- lạy sám-hối trước tượng Phật: lạy là một hình-thức dẹp bỏ lòng kiêu-căng bên trong của mình, khi mình cúi đầu sát đất.

(63).- Tích chuyện Trưởng-lão Kha-phi-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lạo Kha-phi-na, vốn là vị Vua ở Cúc-khư, xúất-gia cùng với các vị đại-thần của mình.

Thuở ấy, vua Kha-phi-na cùng với các vị đại-thần, đi du-ngoạn trong vườn thượng-uyển. Ngài gặp được một nhóm thương-gia từ nước Xá-vệ đến, thuật chuyện có Đức Phật cùng Tăng-đoàn đang tu- hành ở chùa Kỳ-viên. Vua Kha-phi-na liền cùng với các vị đại-thần lên đường đến gặp Đức Phật.

Bấy giờ, sau cơn Thiền định buổi sáng, Đức Phật quán-thấy đã đến cơ-duyên độ cho vua Kha-phi-na và các vị đại-thần được thành chánh-quả, mới rời chùa Kỳ-viên, đi đến nửa đường để gặp Vua. Đức Phật cùng chư Tăng đi đến ngồi chờ, dưới cội cây Bồ-đề bên đường, gần bờ sông Càn-đà. Khi Vua Kha-phi-na và quần-thần đi đến, từ xa đã trông-thấy hào-quang rực-rỡ của Đức Phật rạng-chiếu lên. Họ đến đảnh-lễ dưới chơn Phật và được Đức Phật giảng pháp cho nghe. Sau thời pháp, tất cả đều chứng được sơ-quả Tu-đà-huờn. Vua và các quan đồng qùi xuống, thỉnh-cầu Đức Phật cho xuất-gia và thọ-giới tỳ-kheo. Đức Phật vui-vẻ liền nói: "Thiện Lai! Tỳ-kheo!", chấp-nhận tất cả vào Tăng-đoàn. Vua cùng quần-thần liền theo chơn Đức Phật trở về tịnh-xá Kỳ-viên.

Lúc bấy giờ, Hoàng-hậu An-nỡ-gia hay tin Vua đã rời kinh-thành đi đến Xá-vệ, bà liền mời các phu- nhơn các vị đại-thần, tập-hợp nhau, lên đường đi tìm Vua. Khi họ đến chùa Kỳ-viên, Đức Phật đang giảng-pháp cho Vua và các quan nghe, nhưng với sức thần-thông của Đức Phật, Hoàng-hậu và các vị phu-nhơn chẳng trông thấy Vua và các quan đang ngồi đó. Hoàng-hậu qùi tâu với Đức Phật ý-định đi tìm chồng. Đức Phật bảo hãy chờ một chút, sau thời kinh, sẽ gặp. Khi Phật chấm dứt bài giảng, các vị phu-nhơn nhìn lên, trông thấy các ông chồng của họ đang trong lớp áo tỳ-kheo, họ liền qùi xin Đức

Phật cho họ được gia-nhập hàng-ngũ tu-hành. Đức Phật chấp-thuận cho họ được vào nữ-tu-viện của các Tỳ-kheo-ni ở Xá-vệ.

Trong thời gian cư-trú tại chùa Kỳ-viên, tỳ-kheo Kha-phi-na ngày đêm thường thốt lên lời nói nầy: ‘Ôi! Hạnh-phước biết bao!" Chư Tăng nghe thấy như thế, mới đến thưa trình cùng Đức Phật. Phật bảo: ‘Tỳ-kheo

Kha-phi-na đang thấm-nhuần trong Chánh-pháp, cảm thấy một nguồn sung-sướng vô-biên nơi tâm- khảm, cho nên mới thốt lên lời tán-thán cõi an-lạc Niết-bàn tịch-diệt."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người thấm-nhuần Chánh-pháp,
Sống trong niềm hoan-lạc,
Tâm thanh-tịnh an-nhiên.
Người hiền-trí lòng luôn thoả-thích
Trong Chánh-pháp do bực Thánh truyền.
(Kệ số 079.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Kha-phi-na: tên thật của vị Vua nầy, tiếng Pali là Mahàkappina.

- Cúc-khư: tên nước nầy, tiếng Pali là Kukkutavatì.

- An-nỡ-gia: tên thật của Hoàng-hậu, tiếng Pali là Anojà.

- Càn-đà: tên con sông nầy, tiếng Pali là Candabhaga.

- Du-ngoạn: Du = đi chơi đó đây: Ngoạn = ngắm xem. Đi đạo.

- Thượng-uyển = vườn hoa của Vua.

- Thương-gia = người sống về nghề buôn-bán.

- Độ = cứu-độ = giúp-đỡ. Tiếng Hán-Việt Độ có nghĩa là đưa qua sông; ở đây, chữ độ có nghĩa là giúp-đỡ, chỉ-dạy giáo-pháp cho người khác, để họ tu-hành, vượt qua được các sự mê-lầm, thoát khổ.

- Chánh-quả: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Quả = kết-quả, quả-vị. Chánh-quả là đạt được kết-quả chánh-đáng, tốt, của sự tu-hành.

- Hào-quang: ánh-sáng rực-rỡ toả ra từ các bực tu-hành đắc quả.

- Đảnh-lễ: cúi đầu làm lễ tỏ lòng tôn-kính.

- Sơ-quả: Sơ = sơ-đẳng, bước đầu, thứ-nhứt; Quả = quả-vị. Sơ-quả là quả-vị đầu-tiên, thấp nhứt trong bốn quả-vị của hàng Thanh-văn.

Bốn quả-vị nầy chia ra: bực Hiền có Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm; bực Thánh là A-la-hán. Đến quả A-la-hán, chứng được cảnh Vô-sanh của cõi Niết-bàn. (Vô-sanh = chẳng còn bị tái-sanh trong cảnh Luân-hồi nữa).

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Xuất-gia là rời nhà, lià-bỏ đời sống thế-tục, vào chùa tu-hành. Trái với xuất-gia là tại-gia, còn ở nhà, sống đời người thường mà tu-hành theo đạo Phật.

- Thọ giới Tỳ-kheo: làm lễ xin theo đúng 250 điều răn-cấm của vị Tỳ-kheo. Còn gọi là thọ Cụ-túc-giới. Về phiá Tỳ-kheo-ni, có 348 giới.

- Thiện Lai! Tỳ-kheo!: dịch tiếng Pali là "Ehi Bhikkhù!"; Thiện = lành; Lai = đến. Đây là lời Đức Phật nói khi hoan-nghinh người mới gia-nhập Tăng-đoàn.

- Phu-nhơn = người vợ của các bực giàu-sang, quyền-thế.

- Đại-thần: Đại = lớn; Thần = ở đây là quan. Đại-thần là Quan lớn.

- Sức thần-thông: quyền-năng đặc-biệt có hiệu-lực khác thường; như có thể bay bổng, đi trên mặt nước, v.v.

- Tỳ-kheo-ni: phụ-nữ thọ giới Cụ-túc (348 điều), tu-hành sống trong nữ-tu-viện (= chuà dành riêng cho các sư-nữ.)

- Thấm-nhuần: Thấm = thấm vào; Nhuần = nhuần-nhã. Thấm-nhuần Chánh-pháp là hiểu rõ rành-rẽ lời dạy của Đức Phật ghi trong Kinh-kệ.

- Vô-biên: Vô =chẳng có; Biên = bờ bến; biên-giới. Vô-biên là to lớn, rộng-rãi đến chẳng có bờ bến nào cả.

- Tâm-khảm = sâu trong lòng.

- Tán-thán = khen-ngợi.

- An-lạc = yên-vui.

- Niết-bàn = cõi an-vui, thường còn, chẳng còn tái-sanh nữa, sống mãi trong cảnh tịch-diệt (= yên- lặng, vắng-vẻ). Tiếng Pali là Nirvana, có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối của các phiền-não. Niết-bàn chẳng phải là nơi chốn nào trong không-gian, chính là tâm-trạng yên-vui của người khỏi bị tái-sanh nữa.

- Hoan-lạc = vui-sướng.

- An-nhiên = yên-ổn, tự-do, tự-tại, chẳng bị ràng-buộc.

- Thoả-thích = vui thích, thích-chí.

- Bực Thánh truyền: do bực Thánh chỉ dạy, trao-truyền lại.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang ý-nghĩa quan-trọng sau đây: hạnh xả-ly, lià-bỏ chốn giàu-sang để chọn con đường tu-hành giác-ngộ và giải-thoát.

Noi theo gương của Thái-tử Tất-đạt-ta, vua Kha-phi-na, Hoàng-hậu A-nở-gia, các quan đại-thần cùng các vị phu-nhơn đã từ-khước sự sung-sướng vật-chất của cuộc đời quyền-quí, xuất-gia tu-hành, nhằm vào mục-tiêu chứng-đắc Niết-bàn an-lạc và tịch-diệt vì đó mới là hạnh-phước chơn-thật và bền-vững.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 079:

Bài Kệ nói lên sự sung-sướng về tinh-thần của người thấm-nhuần Chánh-pháp: tâm thanh-tịnh, an- nhiên, lòng luôn hoan-lạc. Người như thế được gọi là người hiền-trí, biết thoả-thích trong sự thông- hiểu Chánh-pháp và ứng-dụng Chánh-pháp vào cuộc đời tu-hành của mình.

HỌC TẬP:

Học thuộc lòng bài Kệ, nên thường đọc lên, mỗi khi cảm thấy thiếu hăng-hái trong việc tụng-kinh, niệm Phật hằng ngày.

(64).- Tích chuyện Sa-di Phan-di-ta.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến vị Sa-di tên là Phan-di-ta.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có một cậu bé bảy tuổi, tên là Phan-di-ta, con của một người rất giàu-có, được thâu-nhận làm Sa-di và theo học với Tôn-giả Xá-lợi-phất. Một buổi sáng, cậu Phan mang bình bát, theo chơn Thầy đi khất-thực. Dọc đường, cậu thấy các nông-phu đang đào mương dẫn nước vào tưới ruộng. Cậu liền bạch với Tôn-giả: "Bạch Thầy, nước kia chẳng có ý-thức, có thể nào ta khiến cho nước phải chảy đúng theo chiều-hướng mình muốn không?" Tôn-giả đáp: 'Ừ, được chớ!" Cả hai lại tiếp-tục lên đường. Một lát, cậu bé nhìn vào khu xóm, thấy các thợ làm cung tên, đang hơ lửa khúc tre để uốn thẳng làm các mũi tên. Đi được một đỗi đường nữa, Phan-di-ta nhìn thấy một người thợ mộc bào, đẽo một tấm ván để làm bánh xe. Phan-di-ta mới ngẫm-nghĩ trong lòng: "Nếu nước kia là vật vô-tri mà có thể chảy xuôi theo chiều-hướng mình muốn, nếu cành tre vô-tri cong kia có thể uốn lại cho thẳng, nếu tấm ván vô-tri có thể đem đẽo thành bánh xe, tại sao ta đây có tâm tri-giác, lại chẳng thể điều-phục được tâm mình mà thực-hành Thiền Minh-sát?"

Nghĩ đến đấy, Phan-di-ta liền xin phép Thầy cho quay về tịnh-xá, rồi vào phòng riêng, ngồi xuống trong tư-thế toạ-thiền. Phan tập-trung tư-tưởng, quán-chiếu thân bất-tịnh, lòng rất nhiệt-thành, chẳng hề xao-lãng. Bấy giờ, Vua Trời Đế-thích và chư Thiên thấy nỗ-lực phi-thường của Phan, nên đến giữ- gìn chung quanh tịnh-xá thật yên-tịnh. Trước giờ ngọ-trai, Sa-di Phan-di-ta chứng đắc được đạo-quả thứ ba là A-na-hàm.

Lúc ấy, Tôn-giả Xá-lợi-phất vừa đi khất-thực về đến tịnh-xá, định đem cơm vào cho Phan-di-ta. Tại chùa Kỳ-viên, Đức Phật dùng thiên-nhãn thấy Sa-di Phan-di-ta sắp chứng được quả-vị thứ tư là A-la- hán, Ngài liền đi đến tịnh-xá, hỏi chuyện Tôn-giả, mục-đích là ngăn Tôn-giả, đừng vào phòng ngay, để cho Phan-di-ta tiếp-tục hành-thiền. Trong khi Tôn-giả Xá-lợi-phất đang bận hầu chuyện với Đức Phật, Sa-di Phan-di-ta chứng-đắc được ngôi-vị A-la-hán, chỉ có tám ngày sau khi được thâu-nhận vào tu trong chùa.

Thuật lại chuyện Sa-di Phan-di-ta đắc quả-vị, Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo rằng: "Khi một tu-sĩ nhiệt- tâm hành-thiền đúng theo Chánh-pháp, thì ngay cả Vua Trời Đế-Thích cũng đến ủng-hộ."

Rồi Đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

Người làm ruộng đào mương dẫn nước,
Kẻ làm tên chuốt vót mũi tên,
Bác thợ mộc uốn ngay tấm ván,
Bực hiền-trí điều-phục tâm mình.
(Kệ số 080.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Phan-di-ta: tên thật của vị Sa-di nầy tiếng Pali là Pandita

- Sa-di: người trẻ tuổi vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới Tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera.

- Đào mương: đào đất thành một rảnh nhỏ cho nước chảy vào.

- Có ý-thức: Ý = ý-tưởng; Thức = biết. Có ý-thức là đang làm gì, nói gì, nghĩ gì, trong lòng biết rõ việc mình làm, nói hay nghĩ. Trái lại với có ý-thức là sự vô-ý, chẳng để-ý đến. Ở đây, nói nước chẳng có ý- thức là muốn nói nước là vật vô-tri, chẳng biết gì. Trong Phật-học, các sự-vật vô-tri được gọi là vật vô- tình, chẳng có tình-cảm; trái với vật hữu-tình, có tình-cảm, biết đau-đớn, biết nghĩ-suy như con người hay loài thú.

- Vô-tri: Vô = chẳng có; Tri = biết.

- Tri-giác = Tri = biết; Giác = hiểu rõ.

- Thiền Minh-sát: Thiền = phép tu về Trí-huệ, giữ tâm trong sự yên-tịnh; thường dịch là tĩnh-lự (tĩnh =yên-tịnh; lự =suy-nghĩ); Minh = sáng; Sát = quan-sát, xem xét kỹ, nhìn vào trong tâm mình. Phép Thiền Minh-sát, tiếng Pali là Vipassana, theo dõi từng biến-chuyển một của tâm.

- Điều-phục: Điều = điều-khiển; Phục = chế-phục. Điều-phục tâm là nắm quyền chủ-động, chẳng để tâm chạy buông-lung theo cảnh bên ngoài, cũng chẳng cho các vọng-tưởng nổi lên trì-kéo tâm bên trong.

- Toạ-thiền: Toạ = ngồi. Toạ-thiền là ngồi thiền trong tư-thế kiết-già hay bán-già. Ngồi kiết-già, hai bàn chơn tréo lên hai đùi; bán-già thì một bàn chơn gát lên đùi, bàn chơn kia để dưới đùi.

- Tập-trung tư-tưởng = giữ cho tư-tưởng chú-ý vào một đề-tài duy-nhứt, chẳng được nghĩ-ngợi lang- bang nữa.

- Quán-chiếu thân bất-tịnh: Quán-chiếu = suy-nghĩ sâu-xa trong cơn Thiền; Thân bất-tịnh: Thân =thân-thể; Bất-tịnh = chẳng sạch. Quán thân bất-tịnh là đề-tài thứ nhứt của Pháp Tứ-niệm-xứ, theo đó người thiền-giả nhìn xem bên trong thân có 32 chỗ dơ-dáy, do đó sanh ra nhàm-chán thân-thể, chẳng tríu-mến nữa.

- Ngọ-trai: Ngọ = 12 giờ trưa; Trai = ăn chay. Ngọ-trai là bữa ăn trưa của các nhà tu-hành.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn (= các đệ-tử sống gần Phật, nghe Kinh mà tu-tập), tiếng Pali là Anàgàmi, còn dịch là Bất-Lai, nghĩa là chẳng sanh trở lại cõi người nữa, được sanh lên Trời.

- Thiên-nhãn: Thiên = trời; Nhãn = mắt. Có thiên-nhãn chẳng phải có thêm một cặp mắt nào khác, đó là khả-năng của người tu-hành cao, có định-lực mạnh, nhìn xuyên qua được các vật bị ngăn che, và vật ở xa.

- Ủng-hộ = giúp đỡ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại sự thành-công tốt-đẹp của một vị Sa-di trẻ tuổi, tinh-tấn hành Thiền Minh-sát, chứng đắc được quả-vị A-la-hán.

Nhờ đâu Sa-di Phan-di-ta thành-công? Trước nhờ sự quan-sát sự-việc bên ngoài: đào mương dẫn nước, uốn thẳng cành tre, đẽo ván thành bánh xe, rồi hướng vào bên trong tâm mình, tìm cách điều- phục tâm. Sau nhờ nỗ-lực hành Thiền, chẳng để tâm xao-lãng, mới chứng được quả-vị. Tại sao nhiều

người tu Thiền mà chẳng có kết-quả? Sự thất-bại phần lớn do tâm xao-lãng, chẳng chuyên-chú vào đề- tài quán-chiếu. Tại sao tâm hay xao-lãng? Vì ngày thường thiếu sự giữ-gìn giới luật cho nghiêm. Khi giữ giới thật thanh-tịnh, định-lực sẽ sanh ra, nhờ đó mà phát-triển được trí-huệ: Giới đưa đến Định, Định đưa đến Huệ, đúng như theo ba môn học vô-lậu (vô-lậu = chẳng còn bị lậu-hoặc hay phiền-não khuấy rối) là Giới, Định và Huệ.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 080:

Bài Kệ nhắc lại đoạn đường Sa-di Phan-di-ta trrải qua thật ngắn để chứng-đắc quả-vị A-la-hán: quán- sát sự-vật bên ngoài, quán-chiếu Tâm bên trong, nỗ-lực hành Thiền, chẳng hề xao-lãng.

Chẳng phải ai ai cũng đắc được quả-vị như Phan-di-ta, nhưng tấm gương của Phan-di-ta nhắc-nhở ta trong việc ngồi Thiền hằng ngày, để phát-triển Trí-huệ.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ rằng, các vật vô-tri còn uốn-nắn được, huống chi Tâm tri-giác, sao chẳng điều-phục được.

(65).- Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến vị Trưởng-lão Phát-di-gia.

Thuở ấy, có Trưởng-lão Phát-di-gia tu-hành rất tinh-tấn, chứng được quả-vị A-la-hán. Trưởng-lão người thấp-lùn, thường bị các tỳ-kheo trẻ tuổi gán cho biệt-hiệu là Lakundaka, có nghĩa là người lùn- tịt. Tâm-tánh Trưởng-lão rất hiền-hoà; mỗi khi bị trêu-chọc, Trưởng-lão chẳng hề tức-giận, ngay cả khi các người trẻ tuổi theo véo tai, bóp mũi hay vò đầu. Trưởng-lão chẳng hề cau-có, mà vẫn giữ vẻ mặt bình-thản, khi có kẻ trêu-chọc hay có lời thiếu lễ-độ với mình.

Khi Đức Phật nghe nói đến sự nhẫn-nhục, hiền-hoà của Trưởng-lão Phát-di-gia, Ngài bảo rằng chư Tăng rằng: "Đối với một bực A-la-hán, chẳng bao giờ mất sự bình-tỉnh trong lòng, chẳng hề có ý-định nói nặng lời, chẳng hề có ác-ý với ai cả. Vị ấy cũng như tảng đá kiên-cố, đâu bị bão-tố lay-động được. Vị ấy lúc nào cũng điềm-nhiên khi bị mắng-mỏ, bị trêu-chọc, cũng như khi được khen-tặng."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Như tảng đá thật kiên-cố,

Chẳng lay-động trước bão-tố,
Người hiền-trí vẫn điềm-nhiên
Khi được khen, hay bị mắng-mỏ.
(Kệ số 081.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Phát-di-gia: tên thật của Trưởng-lão, tiếng Pali là Bhaddiya.

- Lakundaka: tiếng Pali, đọc là La-cun-đa-ca, có nghĩa là lùn-tịt.

- Biệt-hiệu: Biệt = riêng-biệt; Hiệu = tên. Biệt-hiệu là tên riêng do người khác gán cho mình, hay mình tự-đặt lấy.

- Bình-thản = thản-nhiên, dửng-dưng chẳng giận, tâm yên.

- Nhẫn-nhục = nhịn-nhục, chẳng oán-giận, chịu nhịn.

- Ác-ý: trong bụng nghĩ việc ác xãy ra cho kẻ khác.

- Kiên-cố = thật vững-chắc.

- Bão-tố = cơn gió mạnh làm đổ gãy cây cối, sập nhà cửa.

- Điềm-nhiên = bình-tỉnh, tâm chẳng xao-động, vẻ mặt yên-ổn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất gian-dị, thuật lại tánh-tình hiền-hoà của một vị tỳ-kheo tu-hành đắc quả-vị A-la-hán. Mặc dầu bị trêu-chọc về thân-thể thấp-lùn của mình, vị tỳ-kheo chẳng hề nóng-giận, có ác-ý hay có lời lẽ nặng-nề đối với ai. Đức Phật khen ngợi đức-tánh trầm-tỉnh nầy và so-sánh Tâm của Trưởng-lão với tảng đá kiên-cố trước cơn bão-tố.

(2) Ý-Nghĩa của Bài Kệ số 081:

Hai câu đầu của bài Kệ so-sánh tâm của bực hiền-trí luôn-luôn điềm-nhiên chẳng bị xao-động, với một tảng đá thật kiên-cố, dầu bão to gió lớn cũng chẳng làm lung-lay được.

Hai câu chót nói đến tâm điềm-nhiên, bình-thản của bực hiền-trí, khi được khen-ngợi, cũng như khi bị mắng-mỏ. Được khen, thì khó giữ được sự vui-mừng, làm cho tâm xao-động. Bị chê càng khó giữ được sự điềm-nhiên, vì tự-ái bị xúc-phạm, dễ nổi nóng, hay buông lời nói nặng.

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ là khuyên ta phải giữ tâm bình-thản.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ để cố-gắng tập sao cho tâm mình được quân-bình, chẳng quá vui khi được khen, chẳng quá giận khi bị chê.

2.- Thử tập giữ tâm bình-thản trước tám hoàn-cảnh nầy: khi được khen, khi bị chê, khi bị nói xấu, khi được nịnh-bợ, khi gặp vui, khi gặp khổ, khi có lợi, khi bị thiệt-hại. Tám hoàn-cảnh đó, trong Kinh- sách gọi là tám ngọn gió, thổi mạnh đến khiến cho lòng người bị chao-động.

3.- Đề-nghị: khi được khen nồng-nhiệt, chỉ nên cúi đầu cảm-ơn người khen, và trong bụng đừng tỏ ra quá thích-chí mà sanh kiêu-căng.

(66).- Tích chuyện tín-nữ Kha-nhã.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến một người tín-nữ tên là Kha-nhã.

Cô Kha-nhã là con gái của một vị nữ-cư-sĩ rất mộ đạo Phật, được mẹ gả chồng sang làng bên. Thỉnh- thoảng, cô Kha-nhã trở về quê thăm mẹ, cùng với mẹ sửa-soạn thực-phẩm dưng-cúng chư Tăng đi khất-thực hằng ngày. Chồng cô Kha-nhã sai người đến nhà vợ, nhắn tin bảo cô Kha-nhã phải trở lại nhà chồng. Mẹ cô bảo cô ở nán lại một hôm để giúp bà làm mứt ngọt cúng-dường các vị tỳ-kheo. Hai mẹ con làm nhiều kẹo mứt ngon-ngọt, định để dành một mớ cho Kha-nã đem về cho chồng; nhưng sáng sớm hôm đó, hai mẹ con thấy có đông-đảo tỳ-kheo đến trước cửa nhà, nên đem ra hiến hết cả. Bà mẹ bảo cô Kha-nhã, thôi con hãy ở nán thêm một ngày nữa, đem về chút ít kẹo cho chồng con. Nhưng ngày hôm sau, nghe nói ở nhà bà Kha có nhiều bánh mứt ngon-ngọt, số tỳ-kheo đến khất-thực lại gia-

tăng lên, khiến cho bao nhiêu kẹo mứt đều được đem ra hiến-tặng cả. Bà mẹ lại lưu cô Kha-nhã ở thêm một ngày nữa. Bấy giờ, người chồng sai người đến thúc-dục cô Kha-nhã phải trở về nhà chồng ngay. Đó là một bức tối-hậu-thơ, nếu mai chẳng về, thì chồng cô sẽ cưới vợ khác. Bà mẹ tưởng đó là lời doạ suông của một người chồng nhớ vợ quá, nên mới giữ con gái lại thêm một ngày nữa, làm bánh mứt dâng cúng chư Tăng. Nào dè, người chồng cô Kha-nhã làm thiệt, cưới một người vợ mới. Khi cô Kha- nhã hay tin đó, mới buồn rầu, ở lại luôn nhà mẹ, trong lòng lại sanh ra oán-ghét chư Tăng, nói lời vô- lễ, cho rằng vì chư Tăng đến khất-thực, mà cô bị chồng bỏ. Tiếng đồn vang xa, chư Tăng chẳng đến nhà mẹ cô Kha-nhã khất-thực nữa.

Đức Phật hay biết câu chuyện đó, mới cùng một số tỳ-kheo đi đến trước cửa nhà mẹ của cô Kha-nhã. Bà cụ cung-thỉnh Đức Phật vào nhà, dâng-cúng thực-phẩm. Sau khi thọ-thực xong, Đức Phật cho mời cô Kha-nhã ra và hỏi: "Này tín-nữ, chẳng hay khi đến đây khất-thực, các tỳ-kheo chỉ nhận những gì hiến-tặng cho họ, hay họ đã lấy những gì chẳng được hiến-tặng cho họ?"Cô Kha-nhã bạch Phật rằng: "Bạch Thế-tôn! Chư Tăng chẳng có ai nhận quá phần dưng-cúng cho mình cả. Trước đây, vì bị chồng con bỏ con, con đau-buồn có lời thất-lễ với chư Tăng, nay con thành-tâm thú-tội, kính mong Thế-tôn tha lỗi cho con." Đức Phật vui-vẻ chấp-nhận lời sám-hối của cô Kha-nhã, và giảng một bài pháp về hạnh bố-thí. Cô Kha-nhã nghe xong, liền chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Trên đường trở về tịnh-xá Kỳ-viên, Đức Phật gặp vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la. Nghe Đức Phật thuật lại thái-độ thiếu-lễ-độ trước đây của cô Kha-nhã đối với chư Tăng, nhà

Vua hỏi Phật có giảng-giải Chánh-pháp cho cô ta nghe chăng. Đức Phật đáp: "Như-Lai đã giảng pháp cho Kha-nhã nghe và khiến cho cô ta sẽ được giàu-sang vào kiếp tới." Vua Ba-tư-nặc lại nói: "Bạch Thế-tôn, con có cách làm cho Kha-nhã được giàu-có ngay trong hiện đời." Rồi đó nhà vua sai sứ-giả mời cô Kha-nhã đến hoàng- cung, nhận làm con nuôi. Giữa triều-đình, nhà vua nói: 'Này chư Khanh, có ai đủ khả-năng làm cho con gái nuôi ta là Kha-nhã đây được đầy-đủ tiện-nghi, sung-sướng, thì được phép đưa về nhà." Một vị đại-thần liền đứng ra xin nhận. Cô Kha-nhã được cha nuôi ban cho nhiều tiền-của và bảo cứ tuỳ-nghi mà bố-thí. Mỗi ngày, cô Kha-nhã mở hội bố-thí ở bốn cửa thành, phát chẩn cho dân nghèo.

Khi nghe dân-chúng nói đến tấm lòng bố-thí rộng-rãi của cô Kha-nhã, Đức Phật bảo các tỳ-kheo rằng: "Trước kia, tâm-trí của Kha-nhã bị mê-mờ và vẩn-đục, sau khi nghe được Chánh-pháp, đã trở nên trong-sáng và an-tịnh."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Như hồ sâu đầy nước
Phẳng-lặng và trong-suốt,
Vừa nghe giảng Pháp xong,
Tâm người trí thanh-tịnh.
(Kệ số 082.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Kha-nhã: tên thật của người tín-nữ nầy, tiếng Pali là Kàna.

- Tín-nữ: Tín =tin-tưởng; Nữ = phụ-nữ. Tín-nữ là người phụ-nữ tin-tưởng vào đạo Phật, thường dâng- cúng lễ-vật cho chư Tăng.

- Nữ-cư-sĩ = người đàn-bà theo đạo Phật, tu-hành tại nhà.

- Mộ đạo = rất tôn-sùng Đạo.

- Ở nán = ở thêm một vài ngày nữa, khoan đi về.

- Lưu = lưu giữ thêm, chưa cho về.

- Thúc-dục = hối-thúc.

- Bức tối-hậu-thơ: bức thơ chót; tối-hậu = sau cùng, chót hết. Hai nước chống đối nhau, một nước gởi tối-hậu-thơ cho nước kia, ra điều-kiện, nếu chẳng theo thì sẽ có chiến-tranh, đánh nhau ngay.

- Doạ suông = hăm-doạ bằng lời mà chẳng làm.

- Cung-thỉnh: Cung = cung-kính; Thỉnh = mời.

- Thọ-thực: Thọ = nhận; Thực = ăn. Thọ-thực là tiếng nhà chùa, có nghĩa là ăn cơm.

- Sám-hối = tỏ lòng hối-tiếc vì lỡ làm quấy, nay xin ăn-năn và hứa chẳng tái-phạm nữa.

- Hạnh bố-thí: Hạnh = hành-động, việc làm; Bố = cùng khắp; Thí = cho, tặng. Hạnh bố-thí là công-tác đem tiền-của, công-sức, hay lời nói ra giúp-đỡ người khác. Bố-thí đứng đầu trong sáu hạnh Ba-la-mật của Bồ-tát-đạo (bố-thí, trì giới, nhẫn-nhục, tinh-tấn, thiền-định và bát-nhã).

- Tu-đà-huờn = quả-vị thứ nhứt, còn gọi là Nhập-Lưu (= bước vào dòng Thánh) hay Thất-Lai (= chỉ còn tái-sanh bảy lần nữa thôi, rồi chứng Niết-bàn). Tiếng Pali là Sotàpatti.

- Ba-tư-nặc = vị vua rất tôn-sùng đạo Phật, tiếng Pali là Pasenadi.

- Câu-tát-la: tên nước nầy, tiếng Pali là Kosala.

- Sứ-giả = người mang tin đến cho ai.

- Hiện-đời = ngay trong đời hiện-tại nầy.

- Hoàng-cung = cung-điện của nhà Vua.

- Triều-đình = nơi Vua và các quan hội-họp.

- Chư Khanh: Chư = nhiều, số đông; Khanh = các vị quan lớn, đây là tiếng vua gọi các quan (còn vua tự-xưng là Trẫm)

- Đại-thần = quan lớn.

- Tuỳ-nghi: tuỳ theo sự tiện-lợi của mình, tùy ý thích.

- Phát chẩn = phân-phát tiền bạc, áo quần, thực-phẩm cho người nghèo khổ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1) Cô Kha-nhã, vì bị chồng bỏ, sanh ra oán-ghét chư Tăng; đây là một lỗi-lầm lớn của cô, thiếu suy- nghĩ cho rằng vì bận lo cúng-dường chư Tăng mà bị chồng bỏ. Đức Phật gọi sự thiếu suy-nghĩ chín- chắn nầy là sự mê-mờ và vẩn-đục của tâm-trí (= bị dơ, có nhiều cặn).

2) Bố-thí ngày nay đem lại phước-đức về sau sẽ được giàu-sang, đúng theo Luật Nhơn-quả: hễ làm điều lành thì được việc tốt. Đó là lời của Đức Phật khi Ngài nói, khi giảng hạnh bố-thí cho cô Kha-nhã

nghe: " ... khiến cho cô ta sẽ được giàu-sang vào kiếp tới." Nhưng Vua Ba-tư-nặc lại còn có khả-năng làm cho cô được giàu-sang ngay trong đời nầy bằng cách nhận cô làm con nuôi. Như thế, vì bận cúng- dường, chẳng kịp về nhà mà bị chồng bỏ, cô Kha-nhã lại được hưởng phước-báu của hạnh bố-thí ngay trong đời nầy: được làm công-chúa!

3) Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là lời nói sau cùng của Đức Phật: nhờ nghe giảng pháp về hạnh bố-thí mà tâm-trí của cô Kha-nhã hết mê-mờ, vẩn-đục (vì trước đã oán-ghét chư Tăng), mà trở nên trong-sáng và an-tịnh (hăng-hái thi-hành hạnh bố-thí,

phát chẩn.)

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 082:

Bài Kệ ví tâm-trạng của người hiền-trí như mặt nước hồ trong suốt và phẳng-lặng, nhờ nghe Phật- pháp mà trở nên thanh-tịnh.

Trong công-việc tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát, việc quan-trọng là biết giữ-gìn tâm-ý sao cho được trong-sáng. Muốn được như thế, phải năng nghe giảng Pháp, theo đó mà tu-tập. Tu là tu tâm.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ để thường đến chùa nghe giảng pháp. Đi chùa chẳng phải chỉ được phước về đời sau, mà ngay trong đời nầy, sau khi nghe giảng-pháp, lòng mình được thanh-thản, nhẹ- nhàng, đó cũng là một phước-báu lớn, rất thiết-thực cho cuộc sống hằng ngày.

(67).- Tích chuyện về mùa an-cư ở Vệ-lan-già.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến mùa an-cư ở Vệ-lan-già.

Thuở ấy, có một người Bà-la-môn ở làng Vệ-lan-già thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến làng ông ta, để qua mùa an-cư kiết-hạ. Khi Đức Phật và chư Tăng đến làng, thì vị Bà-la-môn chẳng thể cung-ứng nhu- cầu thực-phẩm cho Tăng-đoàn nổi, vì lúc ấy làng Vệ-lan-già đang bị nạn đói-kém. Bấy giờ, Đức Phật cùng các tỳ-kheo hằng ngày phải dùng lúa mã-mạch, do các người buôn ngựa cúng-dường. Mặc dầu vậy, chư Tăng chẳng thấy buồn lòng, vẫn tinh-tấn tu-tập. Đến cuối mùa mưa, Đức Phật từ-giả vị Bà-la- môn, để cùng chư Tăng trở về tịnh-xá Kỳ-viên. Nơi đây dân-chúng rất vui mừng tiếp-đón Đức Phật và dâng-cúng thực-phẩm thượng hảo-hạng.

Có một nhóm người nghèo-khó ở làng Vệ-lan-già, đến sống nhờ bên chư Tăng trong thời-gian bị nạn đói, đến khi chư Tăng về chùa Kỳ-viên, họ cũng đi theo. Nơi đây, họ được ăn uống đầy-đủ, nên cả ngày, ăn no xong, họ lại lăn ra ngủ, tỉnh-dậy ca hát, nhảy múa tưng-bừng. Vào một buổi chiều, Đức Phật đến viếng chư Tăng, các tỳ-kheo trình Phật việc ồn-ào do nhóm người ấy gây ra. Đức Phật bảo: "Các người ấy, trong thời-gian ở Vệ-lan-già, đã tỏ ra đàng-hoàng, cam chịu cực-khổ với các tỳ-kheo, nay họ được ăn uống sung-sướng nên lộ vẻ vui-mừng thái-quá. Tuy nhiên, đối với tỳ-kheo dầu nay được thoả-mãn mọi nhu-cầu, cũng nên giữ thái-độ bình-thản như lúc còn sống khổ-cực ở Vệ-lan-già vậy. Người hiền-trí, khác với kẻ còn ngu-mê, dầu trong hoàn-cảnh nào, cũng giữ tâm thản-nhiên, chẳng buồn thái-quá, cũng chẳng vui ồn-ào".

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người hiền dứt hết điều tham-luyến;
Ái-dục, thánh-nhơn chẳng luận-bàn.
Điềm-nhiên, người trí tâm an,
Chẳng vui bồng-bột, chẳng than khi sầu.

(Kệ số 083.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- An-cư kiết-hạ: Theo giới-luật nhà Phật, vào muà mưa chư Tăng quay về Tĩnh-xá, chẳng ra ngoài khất-thực, vì sợ đạp chết côn-trùng. Ở yên trong tịnh-xá, gọi là an-cư, qua hết mùa hè, gọi là kiết-hạ. Trong thời-gian nầy, nhờ các thiện-nam, tín-nữ đem vật-thực đến tịnh-xá cúng-dường, chư Tăng-ni chuyên lo tu-hành cho tinh-tấn.

- Vệ-lan-già: tên thật làng nầy, tiếng Pali là Veranjà.

- Cung-ứng = cung-cấp đầy-đủ.

- Nhu-cầu thực-phẩm: Nhu-cầu = sự cần-dùng; Thực-phẩm = đồ ăn

- Lúa mã-mạch = một loại lúa dùng để cho ngựa ăn.(mã = ngựa)

- Thượng hảo-hạng: Thượng = cao, trên; Hảo = tốt; Hạng = thứ. Thượng-hảo-hạng là tốt vào bực nhứt.

-Thái-quá = quá mức.

- Bình-thản, Điềm-nhiên, Thản-nhiên: trong lòng an-ổn, chẳng quá vui mà cũng chẳng quá buồn, trầm- tĩnh, an-nhiên.

- Tham-luyến: ham-mê quá độ, chẳng dứt bỏ ra được.

- Ái-dục: Ái = thương; Dục = muốn. Ái-dục là tình-cảm xấu, chẳng giống với tình thương thông- thường, vì ái-dục khiến ta tham-đắm, mê-say, chẳng dứt bỏ được. Chính ái-dục (tiếng Pali là tanha) đẩy con người trôi lăn mãi trong cảnh khổ sanh-tử của Luân-hồi. Đó là nguyên-nhơn gây ra đau-khổ, Chơn-lý thứ hai, Tập-đế, trong Tứ-Diệu-đế được Đức Phật chỉ dạy trong Kinh Chuyển Pháp-Luân.

- Thánh-nhơn: Thánh = bực đã giác-ngộ và giải-thoát, chẳng còn tái-sanh trong vòng Luân-hồi nữa. Trái nghĩa với chữ phàm-phu.

- Sầu = buồn-rầu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Xin Lưu-ý: Trong quyển Phật-Học Từ-Điển của Đoàn-Trung-Còn, nơi chữ Mã-mạch, có thuật lại chuyện Đức Phật phải ăn luá-ngựa trong muà an-cư kiết-hạ, cũng giống như Tích chuyện được nói ở đây. Theo quyển Từ-điển, vua A-kỳ-đạt thỉnh Phật vào thành trong ba tháng hè, nhưng vì mải-mê theo các thú-vui, nhà Vua lại quên mất việc cúng-dường Tăng-đoàn, khiến cho Đức Phật và các tỳ-kheo phải chịu cực-khổ.

Trong Tích chuyện ở đây, chỉ vì dân làng Vệ-lan-già bi nạn đói-kém mà vị Bà-la-môn đã chẳng cung- ứng nổi thực-phẩm cho Tăng-đoàn trong mùa an-cư. Ý-nghĩa của Tích chuyện muốn nói lên là sự vui lòng cam chịu khổ-sở và tinh-tấn tu-hành của chư vị

Tỳ-kheo trong mùa an-cư.

Còn một ý-nghĩa quan-trọng nữa là lời dạy của Đức Phật: "Phải giữ tâm luôn luôn an-tịnh, bình-thản, trước mọi hoàn-cảnh; khi gặp thuận-duyên, chớ quá vui-mừng; khi gặp nghịch-cảnh, chớ quá ưu-sầu." Thực-hành đúng lời Phật dạy, người tu-hành biết gìn-giữ tâm-ý, chẳng để ngoại-cảnh chi-phối lòng mình; nhờ đó mà dễ có được định-tâm khi hành Thiền, để phát-triển Trí-huệ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 083:

Bài Kệ dạy ta hai điều:

- dứt bỏ sự tham-luyến, ái-dục . Tại sao phải dứt bỏ? Vì chính sự tham-ái, hay ái-dục là nguyên-nhơn gây khổ-đau cho cuộc đời.

- giữ tâm điềm-nhiên: Giữ như thế nào? Khi vui, chẳng bồng-bột; khi buồn, chẳng quá ưu-sầu. Giữ cách nào? Tập kềm-chế lòng mình, bỏ tánh vọng-động, tập tánh ít nói.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ để giữ-gìn tâm-ý thanh-tịnh.

2.- Thử đề-nghị vài thái-độ khi gặp việc buồn:

- Việc buồn đã xãy ra cho mình rồi, bây giờ có buồn thêm nữa cũng chẳng làm cho việc ấy chẳng xãy ra được. Tưởng nên ngồi yên lại, xét xem có thể làm điều gì để sửa đổi được hoàn-cảnh chăng; nếu không, thì nên vui lòng chấp-nhận, xem đó như là hậu-quả chẳng may do nghiệp cũ của mình trước đây gây ra, vậy thôi.

- Muốn mau quên nỗi buồn, cần kiếm việc khác làm cho khuây lãng; đừng nhắc đi nhắc lại trong lòng việc chẳng may đã xãy ra. Nên nhắc nhở trong lòng hai câu chót của bài Kệ số 083:

Điềm-nhiên, người trí tâm an, Chẳng vui bồng-bột, chẳng than khi sầu!

(68).- Tích chuyện Trưởng-lão Đàm-mi-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến Trưởng-lão Đàm-mi-kha.

Thuở ấy, vợ chồng ông Đàm-mi-kha sống tại nước Xá-vệ. Một hôm, ông bảo vợ rằng ông muốn xuất- gia đi tu. Vợ ông đang có thai, xin ông hãy chờ cho bà sanh con xong rồi hãy đi. Sau khi vợ sanh xong, ông Đàm nhắc lại ý-định muốn trở thành một vị tỳ-kheo. Người vợ lại năn-nỉ, con hãy còn quá nhỏ, xin ráng đợi thêm một thời-gian chờ cho con biết đi rồi hãy vào chùa. Bấy giờ, ông Đàm nghĩ rằng: "Ta đâu cần được vợ cho phép rồi mới đi tu. Ta hãy cứ tự lo lấy việc giải-thoát cho chính mình." Rồi với quyết-tâm vững-chắc rời bỏ cuộc sống thế-tục, ông Đàm xin gia-nhập Tăng-đoàn. Sau đó, tỳ-kheo Đàm-mi-kha đến xin Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, rồi với nhiệt-tâm, ông Đàm hành thiền ngày đêm, chẳng bao lâu, chứng được quả-vị A-la-hán.

Mười mấy năm sau, Trưởng-lão Đàm-mi-kha trở lại nhà cũ với mục-đích là chỉ dạy Chánh-pháp cho vợ con. Người con nghe hiểu được, mới cùng cha vào chùa xin làm tỳ-kheo. Chẳng bao lâu, người con tinh-tấn tu-hành, cũng chứng được quả A-la-hán. Người vợ ở nhà một mình, thường nghĩ: "Chồng ta, con ta nay đã đi tu hết rồi, ta còn ở lại nhà làm chi, sao ta chẳng đi tu luôn?" Nghĩ xong, bà đến nữ-tu- viện, xin xuất-gia làm tỳ-kheo-ni. Rồi theo với thời-gian, bà cũng chứng-đắc quả A-la-hán.

Trong một kỳ hội-họp chư Tăng, có vị tỳ-kheo trình Đức Phật việc Trưởng-lão Đàm-mi-kha cùng vợ con đồng đi tu, chứng được quả-vị, Đức Phật mới nói rằng: "Nầy các tỳ-kheo! Một người hiền-trí chẳng vì sự giàu-sang, danh-vọng cho mình hay cho kẻ khác mà làm quấy. Người hiền-trí biết chọn con đường giác-ngộ và giải-thoát cho chính mình, để ra khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi, bằng cách tu- tập chuyên-cần theo Chánh-pháp."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng vì mình, chẳng vì người khác Mà có những hành-động lầm-lạc.

Chẳng cầu được con-cái, giàu-sang,
Chẳng vì thích ngai vàng trong nước,
Mà có những hành-vi bạo-ngược.
Chẳng mong tìm thành-công cho được
Mà phải dùng phương-tiện chẳng ngay.
Đó mới thật là người hiền-trí,
Giới-đức cao, sống theo Chánh-pháp.
(Kệ số 084.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Đàm-mi-kha: tên thật của vị Trưởng-lão tiếng Pali là Dhammika.

- Thế-tục: đời sống trong xã-hội, có gia-đình con cái.

- Đề-tài thiền-quán: một đầu-đề dùng để suy-nghĩ trong khi ngồi Thiền; thí-dụ như quán tấm thân bất- tịnh, suy-nghĩ về các chỗ dơ-bẩn trong thân mà sanh ra nhàm-chán thân, chẳng chạy theo các thú-vui vật-chất nữa.

- Quả-vị A-la-hán: đây là quả-vị Thánh, thứ tư, cao nhứt. Người chứng A-la-hán chẳng còn phải tái- sanh trong cõi Luân-hồi, sống trong cảnh an-vui của Niết-bàn. Tiếng Pali, quả A-la-hán là Arahat.

- Hiền-trí: bực hiền-lành và có trí-huệ, thông-hiểu Chánh-pháp.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Theo giáo-lý nhà Phật, chúng-sanh sau khi chết đi, phải tái- sanh lại, rồi lại chết đi nữa, cứ như thế mãi mà phải chịu cảnh khổ trong cuộc sống. Tiếng Pali là Samsàra.

- Thích ngai vàng trong nước: Ngai vàng là ngôi vua. Chẳng thích làm vua.

- Hành-vi bạo-ngược: việc làm tàn-ác, đánh giết người để giành lấy chỗ giàu-sang, quyền-thế.

- Phương-tiện chẳng ngay: những cách bất-chánh để đoạt điều mình muốn, như gian-tham, lừa-đảo, giết-hại, v.v.

- Giới-đức cao = tánh-tình, hạnh-kiểm tốt, biết theo giới-luật.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại việc một người quyết-tâm lià bỏ đời sống ràng-buộc của thế-tục, đi tu chứng quả A-la-hán; sau đó trở về chỉ dạy Chánh-pháp cho vợ con, khiến cho cả gia-đình đều được giải-thoát.

Trong Tích chuyện, có câu: "Ta đâu cần được vợ cho phép rồi mới đi tu.", có thể gây sự hiểu-lầm trong những người còn sống đời sống thế-tục. Thông-thường có người vì làm ăn thất-bại, chán đời, bỏ gia-đình đi tu tìm nguồn an-ủi. Đó chẳng phải là trường-hợp của Trưởng Đàm-mi-kha; vị nầy dứt- khoát cắt bỏ mọi sự luyến-ái về gia-đình, đi tu tìm sự giải-thoát cho đời mình, sau đó trở về chỉ-dạy lại cho vợ con. Còn những người trốn nợ đời đi tu thì khác, bỏ phế gia-đình cho vợ con. Ta nên thu-xếp việc nhà cho xong, trước khi vào chùa học Đạo. Theo giới-luật của Phật, con cái muốn đi tu, phải được sự ưng-thuận của mẹ cha; chẳng thấy có điều luật nào trong giáo-lý buộc chồng hay vợ phải được sự ưng-thuận trước của người hôn-phối (= vợ hay chồng), rồi mới đi tu.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 084:

Bài Kệ hơi dài, xin phân-tách ra hai phần: (1) bảy câu đầu nói về những việc sai-lầm mà người hiền-trí biết tránh được; (2) hai câu chót nói về đức-tánh của bực hiền-trí.

- Chẳng vì mình hay vì kẻ khác mà làm quấy: đây muốn nói đến các sự tranh-giành trong cuộc sống, để lấy lợi cho mình và gia-đình mình

- Chẳng thích được con khôn, giàu-sang, quyền-thế: đây muốn nói đến hạnh khước-từ: lià bỏ hạnh- phúc gia-đình, lià bỏ danh-lợi.

- Chẳng mong thành-công bằng phương-tiện bất-chánh: đây muốn nói về Chánh-mạng, mưu-sanh bằng phương-tiện chơn-chánh.

- Đức-tánh quan-trọng nhứt của bực hiền-trí: giữ giới thật nghiêm.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ; ghi nhớ các điều cần tránh để giữ giới.

2.- Mỗi khi sắp đến chùa, nên thu-xếp việc nhà cho xong trước đó vài hôm, để khỏi bận-tâm. Đừng hẹn để làm xong việc nầy, việc kia, rồi mới đi chùa. Công-việc nhà bề-bộn, bao giờ làm cho xong hết được!

(69).- Tích chuyện những người nghe giảng-pháp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến nhóm người thức khuya nghe giảng-pháp.

Thuở ấy, tại một làng trong nước Xá-vệ, có một nhóm dân-chúng thỉnh chư Tăng đến cúng-dường thực-phẩm, xong họ thỉnh-cầu chư Tăng tổ-chức một buổi thuyết-pháp về đêm. Đêm ấy, dân làng đến tham-dự rất đông. Vào nửa đêm, một số người mỏi-mệt, bỏ ra về. Một số khác ngồi nán lại, nhưng càng về khuya, họ ngủ gục tại chỗ, chẳng theo dõi được bài giảng. Chỉ một số rất ít người chăm-chú nghe đến hết thời pháp.

Sáng sớm hôm ấy, khi chư Tăng đến đảnh-lễ Đức Phật, có vị tỳ-kheo trình Phật quang-cảnh dân-chúng nghe pháp đêm qua, Đức Phật nói: "Đa-số thường-dân còn bị ràng-buộc vào cuộc sống ở thế-gian, chỉ có một số rất ít người vượt đến bờ giác của cảnh-giới Niết-bàn."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Một ít người, trong đám đông nhơn-loại,
Vượt qua dòng đến bờ giác bên kia.
Số còn lại đang quay-quần đông-đảo,
Ngược xuôi tất-tả ở cả bờ nầy.
(Kệ số 085.)
Nhưng những người thực-hành theo Chánh-pháp,
Đã được khéo tuyên-giảng thật rõ-ràng,
Sẽ đến bên bờ giác-ngộ Niết-bàn,
Thoát khỏi cõi tử-sanh rất khó vượt.
(Kệ số 086.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Thời pháp = thời-gian đang nói chuyện về giáo-lý.

- Đảnh-lễ = cúi đầu làm lễ lạy chào.

- Vượt đến bờ giác: Bờ giác = sự giác-ngộ, tức là hiểu rõ lẽ sống chết ở đời, biết tu-tập theo đường ngay nẻo phải. Trong kinh sách, thường ví những người chẳng biết Chánh-pháp, chẳng chịu tu-hành, là những người còn đứng ở bờ bên nầy, chưa giác-ngộ, còn bị dòng sông mê-lầm ngăn-cách; còn những người thông-hiểu Chánh-pháp, biết thực-hành theo là, người giác-ngộ, vượt đến bờ giác-ngộ bên kia. Trong kinh sách Hán-Việt, gọi bờ bên nầy là thử ngạn (thử = nầy; ngạn =bờ), còn bờ bên kia là bỉ- ngạn; vượt đến bờ giác là đáo bỉ ngạn (đáo = đến; bỉ = kia).

- Cảnh-giới Niết-bàn: xin nhắc lại, cảnh-giới Niết-bàn chẳng phải là một chỗ trong không-gian, đó là tâm-trạng của người dứt hết phiền-não, sống an-nhiên, tự-tại. Tiếng Pali là Nirvana = ra khỏi rừng u- tối.

- Nhơn-loại = loài người.

- Tất-tả = lăng-xăng lo-lắng, khổ-sở.

- Tuyên-giảng = giảng thật rõ-ràng, dễ hiểu cho mọi người nghe.

- Cõi Tử-sanh: Tử = chết; sanh = sanh ra đời. Cõi tử-sanh là cõi sanh ra để rồi lại chết đi rồi tái-sanh nữa, sống ở đời sướng ít khổ nhiều nầy.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa Tích chuyện:

Tích chuyện chỉ nhắc lại trong trường-hợp nào Đức Phật nói lên hai bài Kệ số 085 và 086.

(2) Ý-nghã các bài Kệ số 085 và 086:

Hai bài kệ cùng nhận-xét về hoàn-cảnh của nhơn-loại, còn đang chìm-đắm trong sự mê-lầm, nên bị trôi-lăn mãi trong vòng tử-sanh, sanh-tử của Luân-Hồi. Chỉ một số ít thông-hiểu Chánh-pháp mới vượt đến bờ giác, thoát khỏi vòng tử-sanh lận-đận.

Câu chót của bài Kệ thứ nhì nói, thoát khỏi cõi tử-sanh rất khó vượt. Tại sao rất khó vượt qua? Vì phải có đủ Phước và Huệ mới vượt qua được. Tu Phước, làm việc thiện để tiêu-trừ các tội-ác cũ đã lỡ làm; Tu Huệ để có Trí biết lià-bỏ các sự phiền-não, ràng-buộc của Luân-hồi.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng hai bài Kệ, và cố gắng tập sống đúng Chánh-Pháp, theo đường-lối Phước-Huệ song tu, mới mong sớm đến bờ giác.

(70).- Tích chuyện các Tỳ-kheo sau mùa an-cư.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ-kheo sau mùa an-cư đến đảnh-lễ Đức Phật.

Thuở ấy có năm trăm vị tỳ-kheo sau mùa an-cư kiết-hạ ở nước Câu-tát-la, đi đến tịnh-xá Kỳ-viên, đảnh-lễ Đức Phật. Trong dịp nầy, Đức Phật có nói lên ba bài Kệ sau đây:

Người hiền-trí lià nhà khát-ái, Chọn mục-tiêu là cõi Niết-bàn.

Bỏ ác-pháp là đàng tăm-tối, Theo nẻo lành thiện-đạo sáng soi. (Kệ số 087.)

Tìm thoả-thích trong hạnh khước-từ
Rất khó cho phàm-phu thọ-hưởng;
Dứt dục-lạc, chẳng gì tríu-mến,
Bỏ nhiễm-ô, thanh-lọc thân-tâm.
(Kệ số 088.)
Người đã thấm-nhuần Thất-giác-chi,
Đã cắt đứt những gì tham-ái,
Là người đang thọ-hưởng hạnh viễn-ly.
Bực người ấy nhiễm-ô đà rửa sạch,

Tâm-trí sáng ngời đạo-quả Vô-sanh,
Hiện-đời đang chứng Hữu-dư Niết-bàn.
(Kệ số 089.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Muà an-cư kiết-hạ: xin nhắc lại, theo giáo-lý của nhà Phật, vào mùa mưa, các vị tỳ-kheo chẳng ra ngoài để khất-thực, vì sợ đạp chết côn-trùng, ở lại tịnh-xá tu-tập.An-cư = ở yên; kiết-hạ = qua mùa hè.

- Câu-tát-la: tên nước nầy tiếng Pali là Kosala.

- Nhà khát-ái: ý muốn nói đến sự thèm-khát, ham-muốn.

- Ác-pháp = việc làm ác, tội-lỗi.

- Thiện-đạo: Thiện = lành; đạo = đường.

- Hạnh khước-từ: Hạnh = hành-động; Khước-từ = từ-bỏ, chẳng luyến-tiếc; thí-dụ như đang giàu-có, bỏ tài-sản lại đi tu để giải-thoát.

- Thọ-hưởng: Thọ = nhận. Tại sao lại Rất khó cho phàm-phu biết thọ-hưởng sự thoả-thích trong hạnh khước-từ. Vì phàm-phu thích thọ-hưởng về vật-chất, chẳng muốn khước-từ sự sung-sướng nhứt-thời để tìm nguồn vui lâu-dài là được giải-thoát.

- Dục-lạc: Dục = ham-muốn; Lạc = vui. Chữ nầy chỉ vào các thú-vui vật-chất, thấp-kém của cuộc đời, so với nguồn vui cao-thượng được giải-thoát vĩnh-viễn khỏi cõi Luân-hồi.

- Nhiễm-ô: Nhiễm = lây, dính dơ; Ô = đen-tối, dơ-dáy, bẩn-thỉu.

- Thanh-lọc = làm cho trong sạch, tinh-khiết hơn.

- Thất-giác-chi: Thất = bảy; Giác = biết rõ; Chi = nhánh, cành. Thất-giác-chi (Pali: Bojjhangà) là bảy yếu-tố của sự giác-ngộ: (1)niệm (Sati), (2) trạch-pháp (lựa chọn pháp-tu, Pali: Dhamma-vicaya), (3) tinh-tấn (Viriya), (4) hỷ (vui, Pali: Piti), (5) khinh-an (nhẹ-nhàng, than-thản, Pali: Passadi), (6)định (samàdhi), (7) xả (buông-bỏ, Pali: Upekkha).

- Viễn-ly: Viễn = xa; ly = lià-bỏ. Hạnh viễn-ly là hạnh khước-từ, lià bỏ, chẳng quyến-luyến, chẳng tham-ái.

- Đạo-quả Vô-sanh: Đạo = con đường tu-tập (Pali =Magga); Quả = kết-quả chứng được (Pali = Phala); Vô-sanh = chẳng bị tái-sanh nữa trong cõi Luân-hồi; Chứng được Đạo-quả Vô-sanh là chứng được Niết-bàn.

- Hữu-dư Niết-bàn: Hữu = có; Dư = dư-y, tức là tấm thân hiện có., còn chịu quả-báo. Chứng Hữu-dư Niết-bàn là hiện còn sống nhưng đã diệt-tận hết tất cả các phiền-não và lậu-hoặc. Khi lià thân-xác nầy, sẽ chứng Vô-dư Niết-bàn, chẳng còn tái-sanh nữa, như ngọn đèn hết dầu.

B.- Nghĩa Ý:

(1)Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyên chỉ kể lại trong trường-hợp nào (sau muà an-cư), Đức Phật đã nói lên ba bài Kệ số 087, 088 và 089 để chỉ-dạy chư Tăng.

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ số 087, 088 và 089:

- Nơi bài Kệ số 087 Đức Phật dạy ta phải lià nhà khát-ái, tức là lià-bỏ các thú-vui về thể-xác, mà chọn mục-tiêu là chứng-đắc Niết-bàn. Nói cách khác, ta đừng tríu-mến sự sung-sướng tạm-bợ về vật-chất, tránh các lỗi-lầm của ác-pháp, theo con đường thiện-đạo làm lành, để sớm dứt sạch các phiền-não, lậu- hoặc, chứng được tâm thanh-tịnh, sống an-vui.

- Nơi bài Kệ số 088, Đức Phật dạy ta về hạnh khước-từ, nghĩa là từ bỏ danh-lợi vật-chất, chẳng quyến- luyến vào của-cải, gia-đình, địa-vị, v.v. để chuyên-tâm tu-hành. Đức Phật nói, phàm-phu rất khó biết hưởng các lợi-lạc của hạnh khước-từ. Tại sao vậy? Vì phàm-phu ham các thú-vui vật-chất, bảo bỏ đi mà tu-hành, thì chẳng chịu. Có biết đâu rằng, càng chạy theo thú-vui vật-chất, càng bị thêm phiền-não. Hễ mình bớt tham, bớt giận, bớt si-mê, thì lòng mình được nhẹ-nhàng thanh-thản, đó là nguồn vui cao- cả, mà ít người biết hưởng.

- Nơi bài Kệ số 089, Đức Phật dạy về Thất-giác-chi, là bảy yếu-tố của sự giác-ngộ. Nhờ có chánh- niệm (niệm), giữ-gìn tâm-ý mà sáng-suốt biết chọn đúng con đường (trạch-pháp) phù-hợp với mình mà tu-tập. Trong khi tu-tập chuyên-cần (tinh-tấn), ta sẽ được nguồn vui thấy tâm mình trở nên vui-vẻ, nhẹ-nhàng (hỷ và khinh-an), nhờ đó mà sớm đắc được định-tâm (đỉnh), dẫn đến Trí-huệ sáng-suốt. Dầu đã được định và huệ rồi, vẫn tiếp-tục tu-hành, chẳng sanh ra kiêu-căng vì được đạo-quả, đó là hạnh xả, còn gọi là hạnh viễn-ly, giữ tâm bình-thản, chẳng quá vui, cũng chẳng quá buồn. Đó là ngưỡng-cửa của Niết-bàn tại thế-gian.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng cả ba bài Kệ, đó là đường-lối tu-hành để chứng-đắc Niết-bàn, ngay trong hiện-đời.

2.- Ba bài kệ nầy rất cao, Đức Phật chỉ dạy cho các tỳ-kheo; nhưng người Phật-tử tại-gia, dầu chẳng thi-hành được hết, cũng có thể nhớ các điểm nầy: (1) phải dẹp lòng khát-ái, biết từ-khước các thú-vui vật-chất nhỏ-mọn; (2) áp-dụng hai điều quan-trọng của Thất-giác-chi: chọn đúng con đường tu (trạch- pháp) và chuyên-cần (tinh-tấn)tu theo con đường ấy.

-ooOoo-

VII.- Phẩm A-la-hán.

(71).- Tích chuyện về y-sĩ Kỳ-bà hỏi Đức Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá trong Vườn Xoài của vị Y-sĩ Kỳ-bà, trong một kỳ giảng- pháp có đề-cập đến một câu hỏi của y-sĩ Kỳ-bà.

Thuở ấy, Đề-bà-đạt-đa muốn ám-sát Đức Phật, lăn một tảng đá lớn từ trên đỉnh núi Linh-thứu xuống, khi Đức Phật đi ngang qua. Tảng đá va mạnh vào một mép đá nhô lên bên sườn núi, một mảnh vụn văng ra trúng vào ngón chơn cái của Phật, khiến Ngài bị thương. Đức Phật liền được đưa đến tịnh-xá trong vườn xoài của y-sĩ Kỳ-bà. Nơi đây, vị y-sĩ nổi tiếng nầy thoa thuốc và băng-bó vết thương cho Đức Phật. Sau đó, ý-sĩ phải lên đường đến chữa bịnh cho một bịnh-nhơn khác trong thành, và hẹn chiều sẽ về thay băng cho Đức Phật. Chiều hôm ấy, khi y-sĩ Kỳ-bà quay về để thăm Đức Phật, thì rủi thay, bốn cửa thành đều đóng cả. Y-sĩ rất lo-lắng, vì nếu chẳng thay băng kịp thời, thì vết thương sẽ gây nhức-nhối, thân-thể sẽ phát-nhiệt và Đức Phật có thể bị đau-đớn và khổ-sở.

Vào lúc ấy, nơi tịnh-xá, Đức Phật gọi Tôn-giả A-nan đến gỡ băng cho Ngài và thấy vết thương đã hoàn-toàn lành hẳn. Sáng sớm hôm sau, khi y-sĩ Kỳ-bà về đến nơi, ông liền đến gần bên Đức Phật và thưa hỏi: "Bạch Thế-tôn, đêm qua con về chẳng kịp để thay băng cho Thế-tôn, chẳng hay Thế-tôn có bị nhức-nhối, đau-đớn chăng?" Đức Phật đáp: "Nầy ông Kỳ-bà, kể từ ngày Như-Lai đắc quả-vị Vô- thượng Bồ-đề, Như-Lai chẳng hề cảm thấy có sự nhức-nhối, đau-đớn, lo-lắng chi cả."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Với người đi trọn đường sống-chết,
Giải-thoát ưu-phiền và tất cả;
Gông-cùm, xiềng-xích đã đập tan,
Đâu còn nóng-bức vì não-nhiệt.
(Kệ số 090.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Y-sĩ Kỳ-bà: tên vị thầy thuốc nổi-tiếng nầy, tiếng Pali là Jìvaka.

- Vườn Xoài: đây là một vườn xoài rất đẹp ở ngoài thành Vương-xá, được y-sĩ Kỳ-bà dưng-cúng cho Tăng-đoàn để cất tịnh-xá.

- Đề-bà-đạt-đa: tên thật bằng tiếng Pali là Devadatta. Đề-bà-đạt-đa dòng họ Thích-ca, anh ruột của Tôn-giả A-nan, gia-nhập Tăng-đoàn, ganh-tị với Đức Phật, ba lần ám-sát Phật, sau bị đất nứt hút vào địa-ngục.

- Ám-sát: Ám = mờ-ám, lén-lút; Sát = giết. Ám-sát là giết lén.

- Phát-nhiệt: Nhiệt = nóng-bức trong người.

- Quả-vị Vô-thượng Bồ-đề: ngôi-vị Phật.

- Đi trọn đường sống-chết: Ở đây, ý muốn nói, người đã trải qua cảnh sanh-tử, tử-sanh của Luân-hồi, nay chứng được quả Vô-sanh, chẳng còn phải tái-sanh nữa.

- Gông-cùm, xiềng-xích: Gông = tấm gỗ nặng đeo ở cổ người tù; Cùm = còng sắt khoá chơn của tù; Xiềng-xích = dây sắt trói buộc chơn tay. Ở đây, gông, cùm, xiềng, xích chỉ

những điều ràng-buộc khổ- sở, tức là các mối phiền-não, lậu-hoặc làm cho ta đau-khổ trong cuộc sống.

- Não-nhiệt: Não = phiền-não, sự đau-buồn; Nhiệt = nóng-bức. Ở đây chữ não-nhiệt có nghĩa là các mối phiền-muộn trong lòng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại Đức Phật bị Đề-bà-đạt-đa lăn đá để ám-sát, nhưng chỉ bị thương ở ngón chơn. Ngài được y-sĩ Kỳ-bà săn-sóc, nhưng Ngài chẳng hề bị nhức-nhối, đau-đớn chi cả.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: đắc quả-vị Phật thì chẳng còn phiền-não.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 090:

Bài kệ mô-tả cảnh sống an-nhiên, tự-tại của một bực A-la-hán vì đã tận-diệt xong các sự ràng-buộc của phiền-não, lậu-hoặc.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ mục-tiêu tu-tập là tiêu-diệt phiền-não, để được sống trong cảnh an- nhiên, tự-tại.

(72).- Tích chuyện Tôn-giả Đại Ca-diếp ở lại Trúc-lâm.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tĩnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến việc Tôn-giả Đại Ca-diếp lưu lại tịnh-xá nầy.

Thuở ấy, vào mùa an-cư kiết-hạ, Đức Phật cùng chư Tăng đang ở tại Vương-xá-thành. Còn mười lăm hôm nữa thì xuất-hạ, Đức Phật dặn bảo chư Tăng chuẩn-bị hành-trang để lên đường. Bấy giờ, tăng- chúng rộn-rịp, kẻ giặt-gỵa áo-quần, người may vá cà-sa. Một số tỳ-kheo nhìn thấy Tôn-giả Đại Ca- diếp đem phơi các bộ áo mới đẹp-đẽ, mới nghĩ: "Tôn-giả Đại Ca-diếp được dân thành Vương-xá quí- phục lắm, nên dâng-cúng những bộ y rất đẹp. Chẳng lẽ Tôn-giả lại rời bỏ họ ra đi, thế nào Ngài cũng ở nán lại đây."

Đến hôm trước ngày khởi-hành, Đức Phật lại nghĩ, hiện ở đây, dân-chúng còn cần được giúp-đỡ về mặt giáo-lý, như chỉ-dạy thêm cho các Sa-di hay cho các thiện-nam, tín-nữ đến tịnh-xá cúng-dường. Do đó, Đức Phật liền chỉ-định Tôn-giả Đại Ca-diếp cùng với một số tỳ-kheo vừa gia-nhập Tăng-đoàn, nên lưu lại Tịnh-xá Trúc-lâm thêm một thời-gian nữa.

Đến hôm khởi-hành, chẳng thấy Tôn-giả Đại Ca-diếp tháp-tùng Đức Phật, mấy vị tỳ-kheo kia liền nói: "Đúng rồi, ta đã đoán chẳng sai! Tôn-giả Đại Ca-diếp lưu-luyến các tín-đồ ở đây, nên chẳng chịu rời đi." Đức Phật nghe thấy mới bảo họ rằng: "Các ông đừng nghĩ xấu cho Đại Ca-diếp. Chính Như-Lai đã yêu-cầu Đại Ca-diếp ở lại tịnh-xá Trúc-lâm để chỉ-dạy giáo-lý thêm cho dân-chúng, chớ nào phải vì luyến-lưu nơi nầy mà Đại Ca-diếp chẳng rời đi được."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người chuyên-cần tỉnh-giác trong chánh-niệm,
Chẳng tìm thoả-thích nơi chỗ trú chơn,
Rời nhà phiền-não, tâm không ái-nhiễm.
Như cánh ngỗng trời rời hồ bẩn-đục,
Rày đó mai đây, vui sống độc-thân.
(Kệ số 091.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Trúc-lâm: Trúc = tre, hay trúc; Lâm = rừng. Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) dâng cúng lên Đức Phật ngôi vườn trúc rất đẹp, để xây cất Tịnh-xá Trúc-lâm (Veluvana), gần thành Vương-xá (Ràjagaha).

- An-cư kiết-hạ: An-cư là ở yên; Kiết-hạ là trải qua mùa hè. Xin nhắc lại: vào mùa hè, chư Tăng quay về Tịnh-xá tu-tập, chẳng đi khất-thực bên ngoài, để tránh đạp chết côn-trùng. Dự một kỳ an-cư, thì thêm một tuổi đạo.

- Xuất-hạ: Xuất = đi ra. Hạ = mùa hè. Xuất-hạ ở đây có nghĩa là chấm-dứt thời kỳ an-cư kiết-hạ.

- Đại Ca-diếp: tiếng Pali là Mahàkassapa, tôn-giả là đại-đệ-tử của Đức Phật, tu theo hạnh đầu-đà, cầm đầu Tăng-đoàn khi Đức Phật mất.

-Hành-trang = đồ-vật mang theo.Hành = đi.Trang = trang-bị, hành-lý

- Cà-sa: tiếng Phạn là Kasaya, áo màu vàng hay nâu của tu-sĩ.

- Y = y-phục, quần-áo. Tiếng nhà chùa, đắp y là mặc áo cà-sa vào.

- Sa-di: tiếng Pali Samanera, người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới Tỳ-kheo.

- Tháp-tùng = đi theo.

- Lưu-luyến: mê-thích, chẳng rời bỏ được.

- Tín-đồ: Tín = tin-tưởng; Đồ = đồ-đệ, học-trò. Tín-đồ là kẻ tin Đạo.

- Tỉnh-giác trong chánh-niệm là làm gi, nói gì, nghĩ gì, cũng biết mình đang làm, đang nói, đang nghĩ đến việc đó, chẳng xao-lãng.

- Trú chơn = nghỉ chơn; ở đây có nghĩa là nhà cửa để ở.

- Nhà phiền-não: ý muốn nói, rời đời sống thế-tục để đi tu.

- Ái-nhiễm: Ái = thương-yêu, tríu-mến; Nhiễm: dính, lây. Chữ ái-nhiễm ở đây có nghĩa như tham-ái, khát-ái, ái-dục, khiến ta say-đắm, dứt bỏ ra chẳng được; vì thế mà phải chiu mãi cảnh khổ của Luân- hồi.

- Ngỗng trời: tiếng Hán-Việt là thiên-nga, ngỗng lông màu trắng.

- Rày đây mai đó: nay ở đây mai ở chỗ kia, chẳng quyến-luyến chỗ ở nào cả.

- Độc-thân: sống một mình, chẳng có gia-đình riêng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại một số Tỳ-kheo thấy Tôn-giả Đại Ca-diếp lưu lại tịnh-xá Trúc-lâm, sau khi Đức Phật và Tăng-đoàn rời đi, cho rằng Tôn-giả lưu-luyến nơi nầy. Đức Phật quở các vị Tỳ-kheo đó đã nghĩ quấy về Tôn-giả. Đức Phật bảo, Ca-diếp ở nán lại Trúc-lâm là do lời yêu-cầu của Phật, để dạy-dỗ dân-chúng về giáo-lý, chớ Tôn-giả đã dứt-bỏ sự tham-luyến rồi, đâu còn tríu-mến nơi nầy hơn nơi khác.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là dạy ta đừng tham-luyến.

(2) Ý nghĩa của bài Kệ số 091:

Ý-nghĩa của bài Kệ dạy ta về hạnh xả-bỏ, còn gọi là hạnh khước-từ, hay hạnh viễn-ly. Theo hạnh nầy thì chẳng tham-đắm, mê-luyến, hay tríu-mến vào điều nào cả. Tại sao phải lìa-bỏ, đừng tham-đắm? Vì sự tríu-mến có tánh-cách ràng-buộc, khiến ta mất sự tự-do. Chỉ vì quyến-luyến vào cuộc sống sướng ít khổ nhiều nầy, mà con người phải tái-sanh lại mãi trong vòng Luân-hồi, chẳng được giải-thoát.

Như đã biết, Xả là một trong bốn Tâm vô-lượng, khiến ta xem mọi sự-vật đều bình-đẳng như nhau (vì bản-tánh muôn vật vốn rỗng-rang), chẳng quá mến vật nầy, chẳng quá ghét việc kia; giữ được tâm xả, là có được tâm quân-bình, thanh-thản. Trong bốn Tâm vô-lượng Từ, Bi, Hỉ, Xả, tâm Xả là khó tu-tập nhứt, nhưng nhờ nó mà ta dứt bỏ được sự ràng-buộc

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, đặc biệt nên ghi nhớ câu "Chẳng tìm thoả-thích nơi chỗ trú chơn", để chẳng tríu-mến mọi sự-vật trên cõi đời "tạm trú chơn" nầy.

2.- Thử tập một vài điều nhỏ trong hạnh Xả-ly:

- Đến "cử" cà-phê, đang bận làm việc gì, nên làm cho xong đàng-hoàng, rồi hãy uống.

- Đến nhà lạ ngủ, thiếu cái gối ôm quen thuộc, đừng thao-thức nhớ mà chẳng ngủ được. Thử ngủ thiếu gối một đêm xem sao.

- Con dao cưng bị mẻ, đừng quát-tháo vang lên, dao nào cũng là dao, sao lại chẳng tạm dùng đỡ dao khác cho tiện.

(73).- Tích chuyện Trưởng-lão Lã-tha-sĩ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Lã-tha-sĩ về vấn-đề ăn uống.

Thuở ấy có Trưởng-lão Lã-tha-sĩ khi đi khất-thực trong làng, thường ngừng lại để dùng bữa. Sau đó, Trưởng-lão lại lên đường tiếp-tục đi khất-thực nữa, để có thêm thực-phẩm.

Khi về đến tu-viện, Trưởng-lão đem cơm ra phơi khô và tích-trữ lại. Mấy ngày hôm sau, Trưởng-lão cứ lấy cơm khô ra pha nước vào, hâm nóng lại mà dùng, khỏi phải đi khất-thực, để dành trọn thời-giờ ngồi Thiền. Có vài vị Tỳ-kheo thấy thế, cho rằng Trưởng-lão đã vi-phạm giới-luật, tích-trữ vật-phẩm, mới trình với Đức Phật. Đức Phật liền ra lịnh cấm không cho tỳ-kheo để dành thực-phẩm đã xin được, sau bữa ngọ-trai. Nhưng Đức Phật chẳng khiển-trách Trưởng-lão Lã-tha-sĩ, vì việc Trưởng-lão phơi cơm để dành ăn hôm sau xãy ra trước khi có lịnh cấm. Vả lại, Trưởng-lão sở dĩ tích-trữ cơm trước đây, chẳng phải vì lòng tham-lam về thức-ăn, mà chỉ vì muốn có dư thời-giờ để ngồi thiền lâu hơn.

Bấy giờ, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Những ai chẳng tích-trữ,
Biết niệm-thực khi ăn,
Lấy Giải-thoát Niết-Bàn
- Vốn Không và Vô-tướng -
Để riêng làm đối-tượng,
Hướng họ đi, khó vẽ
Như chim bay trên trời.
(Kệ số 092.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Lã-tha-sĩ: tên thật của Trưởng-lão, tiếng Pali là Belatthasìsa.

- Khất-thực: Khất = đi ăn xin; Thực = ăn. Khất-thực là đi xin ăn.

- Tích-trữ: chứa lại để dành về sau.

- Ngọ-trai: Ngọ = giữa trưa, mười hai giờ trưa; Trai = bữa ăn chay.

- Khiển-trách: rầy-la, trách-phạt và dạy-dỗ.

- Niệm-thực: Niệm = đọc thầm hay đọc ra tiếng; Thực = ăn. Theo giới-luật, trong bữa ăn, tu-sĩ phải niệm-thực, nghĩa là, khởi lên trong tâm những ý-tưởng thiện-lành liên-quan về việc ăn-uống, như sau đây:

Theo Bắc-tông, khi ăn ba muỗng cơm đầu, phải niệm Tam-đề: (1) nguyện bỏ điều ác, (2) nguyện làm điều lành, (3) nguyện giữ tâm-ý trong-sạch, cứu-độ chúng-sanh. Và suốt bữa ăn, trong tâm phải nghĩ đến Ngũ-quán: (1) nhớ ơn thí-chủ đã hiến-tặng bữa ăn, (2) xét xem mình có xứng-đáng được lãnh ăn vật-thực cúng-dường chăng, (3) phải ngăn lòng tham ăn, (4) quán-tưởng thức ăn như vị thuốc để trị bịnh đói của mình, (5) dùng các thức ăn nầy chỉ để thêm sức-khoẻ mà tu-tập cho chóng thành Đạo.

Theo Nam-tông, niệm-thực có nghĩa là trong khi ăn, phải có ba sự liễu-tri (Parinnàs =hiểu-biết thật rõ- ràng) về vật-thực: (1) biết rõ bản-chất của món đang ăn (nataparinnà); (2) biết rõ tánh-cách vật-chất thấp-kém của thức ăn (tìranaparinnà); (3)

biết rõ chẳng ham-thích trong việc ăn uống (pahànaparinnà).

- Giải-thoát Niết-bàn: Giải = tháo mở ra; Thoát = ra khỏi; Niết-bàn = chữ Phạn là Nirvana, tiếng Pali là Nibbana, có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối của các phiền-não, khổ-sở.

- Không = tiếng Phạn là Sunyata, có nghĩa là trống-không, rỗng-rang, chẳng chứa-đựng gì. Đừng tưởng-lầm Không là chẳng có, trái lại, Không có nghĩa là Có, có mà rỗng-rang. Đây là một ý-niệm rất khó giải-thích trong giáo-lý Phật-học.

- Vô-tướng: Vô = chẳng có; Tướng = hình-tướng. Vô-tướng là chẳng có hình-dạng, màu-sắc, mùi-vị, v.v. để dùng giác-quan mà nhận ra được, nhưng dùng trí thì biết được.

- Đối-tượng: Đối = ở trước mặt; Tượng = hình-thể. Chữ đối-tượng ở đây có nghĩa là những gì mình đang nghĩ đến trong tâm, những gì tâm mình đang quán-thấy.

- Hướng họ đi khó vẽ: vì đã chứng-đắc Niết-bàn, chẳng tái-sanh nữa, nên chẳng thể biết được họ "đi" về đâu (ở cõi tịch-diệt, vắng-vẻ).

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc Trưởng-lão Lã-tha-sĩ để dành cơm, đem phơi khô, để khỏi đi khất-thực hằng ngày, dùng thời-giờ dư ra để ngồi Thiền, tu-tập cho tinh-tấn. Đức Phật sau đó có ra lịnh cấm chẳng được tích-trữ thực-phẩm, vì chẳng muốn cho tỳ-kheo có lòng tham-lam về ăn-uống. Ý-nghĩa của Tích- chuyện là chẳng nên tham-đắm về thực-phẩm, chẳng nên tích-trữ đồ-vật, để dẹp lòng tham-ái còn sót lại.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 092:

Bài Kệ nầy dạy ta ba điều:

1) Chẳng nên tích-trữ: Theo giới-luật của Tỳ-kheo, mỗi người chỉ có được ba bộ quần-áo, một cái bát, và một vài vật-dụng cần-thiết khác cùng thuốc men. Tại sao vậy? Đây là hạnh-nguyện giữ sự bần- cùng, chẳng tham-đắm của-cải, bởi vì tiền-bạc, tài-sản là sợi dây ràng-buộc con người vào đời sống thế-tục, khiến ta cứ trôi-lăn mãi trong vòng sanh-tử của Luân-hồi.

2) Biết niệm-thực khi ăn: Đây là giới-luật phải thi-hành trước khi dùng bữa. Cho dầu là Bắc-tông, hay Nam-tông, người tu-sĩ trong khi ăn phải niệm trong tâm rằng việc ăn-uống chỉ cần-thiết để mình có đủ sức-khoẻ hầu tinh-tấn tu-hành. Thức-ăn được coi như một vị thuốc, thuốc để trị bịnh đói nơi ta, chớ chẳng phải để cho khoái khẩu-vị!

3) Tu-tập Thiền-định nhắm vào mục-tiêu Niết-Bàn: đây là lời dạy cho các vị tu-hành nhằm chứng-đắc sự giác-ngộ và giải-thoát; mục-tiêu rất cao cho người Phật-tử tại-gia. Dầu sao, bước khởi đầu cho cả hai hạng xuất-gia và tại-gia, đều là sự dứt bỏ chẳng tham-luyến đến thực-phẩm, chẳng tích-trữ của cải. Nhờ sự dứt-bỏ nầy mà lòng tham-ái lần lần bị dẹp đi, mở đường cho sự giải-thoát sau nầy.

HỌC TẬP:

1.- Ghi các điều NIÊM-THƯC trước khi ăn và nhớ nên xem thức-ăn chỉ như vị thuốc trị bịnh đói hàng ngày mà thôi.

2.- Xin đề-nghị nhìn lại dưới gầm giường, trong nhà xe, các vật bị trữ lại lâu ngày, nên vứt đi. "Bỏ thì thương, mà vương thì tội!"

(74).- Tích chuyện Trưởng-lão A-na-luật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến Trưởng-lão A-na-luật.

Thuở ấy, Trưởng-lão A-na-luật vì chiếc áo-cà-sa đã cũ, rách nhiều chỗ, muốn tìm vải may một bộ áo lành để mặc. Trưởng-lão định đến các đống rác, nhặt các mảnh vải vụn, đem về ráp may áo. Lúc bấy giờ, thiên-nữ Gia-li-ni trên cung Trời, nhìn thấy người chồng cũ của mình trong tiền-kiếp là Trưởng- lão A-na-luật, đang bới các đống rác tìm vải vụn, mới lấy ba khúc vải quí trên cõi Trời đem dấu bên dưới. Trưởng-lão nhìn thấy, lấy đem về tịnh-xá. Hôm sau, Đức Phật cùng chúng Tăng đến viếng Trưởng-lão A-na-luật và giúp Trưởng-lão may cắt áo.

Khi ấy, thiên-nữ Gia-li-ni hoá hình thành một thiếu-phụ, đi vào làng, kêu gọi dân-chúng trong vùng, mang thực-phẩm tươi-tốt đến cúng-dường Đức Phật. Số thực-phẩm dâng-cúng rất nhiều, chư Tăng dùng chẳng hết. Bấy giờ, có một số tỳ-kheo nghĩ rằng, Trưởng-lão A-na-luật muốn khoe-khoang mình có nhiều đồ-chúng, đã bảo họ dâng-cúng nhiều phẩm-vật lên Đức Phật và chúng Tăng như thế, cho nên mới thừa-thãi. Đoán biết tâm-trạng của họ đang nghĩ lầm về Trưởng-lão A-na-luật, Đức Phật nói: "Nầy chư Tỳ-kheo, chớ nên nghĩ lầm về thái-độ của A-na-luật. Tấm vải quí nầy, cùng thực-phẩm cúng-dường kia, là do vị thiên-nữ Gia-li-ni trên cung Trời dâng-cúng. Đối với bực A-la-hán đã giải- thoát như A-na-luật, trong lòng chẳng bao giờ có sự lo nghĩ đến các sự ăn, mặc cả."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người tận-diệt lậu-hoặc,
Chẳng đắm-say vật-thực,
Lấy Giải-thoát Niết-bàn
- Vốn Không và Vô-tướng -
Để riêng làm đối-tượng,
Như chim bay trên không,
Lối người đi, khó vẽ
(Kệ số 093.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- A-na-luật: tên thật của Trưởng-lão, tiếng Pali là Anuruddha; thường được phiên-âm theo giọng đọc Hán-Việt là A-nâu-lâu-đà.

- Cà-sa: áo màu vàng, khoác bên ngoài, của tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là kàsàva. Còn gọi là phước- điền-y (= áo ruộng phước.)

- Thiên-nữ: Thiên =Trời;Nữ =phụ-nữ, đàn-bà. Thiên-nữ là người phụ-nữ trên cõi Trời.

- Tiền-kiếp:Tiền =trước;Kiếp =đời sống. Tiền-kiếp là đời kiếp trước.

- Đồ-chúng: Đồ =tín-đồ, đệ-tử, người theo học Đạo; Chúng =số đông. Đồ-chúng là những người đệ-tử theo học Đạo.

- Tận-diệt: Tận =hết cả; Diệt = làm cho tiêu mất. Tận diệt là dẹp hết.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy ra, như máu, mủ; Hoặc = điều sai-lầm. Chữ Lậu-hoặc được dùng để dịch chữ àsavas tiếng Pali, chỉ vào các phiền-não như tham, sân, si, thường bộc-lộ ra các hành-động xấu- ác, xem như chất dơ-dáy từ trong người rỉ chảy ra.

- Lấy Giải-thoát Niết-bàn - vốn Không và Vô-tướng- Để riêng làm đối-tượng: Ba câu kệ nầy đã được tìm hiểu trong bài trước, trang 245. Xin nhắc lại vắn-tắt: Giải-thoát = hết bị ràng-buộc; Niết-bàn = tâm-trạng người đã diệt xong các phiền-não; Không =rỗng-rang, chẳng chứa đựng gì; Vô-tướng = chẳng có hình-thể; Đối-tượng = điều đang nghĩ trong tâm.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Trưởng-lão A-na-luật đi lượm vải vụn về ráp may áo cà-sa. Nhơn việc nầy, Đức Phật dạy, các bực A-la-hán chẳng hề lo nghĩ đến việc ăn và mặc, để chuyên tâm tu-hành.

(2)Ý-nghĩa của bài Kệ số 093: giống bài Kệ số 092.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng hai bài Kệ số 092 và 093, để ghi nhớ, đừng quá chú-trọng đến việc ăn thật ngon, mặc thật đẹp, để lo tu-hành.

(75).- Tích chuyện Trưởng-lão Ca-chiên-diên.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Đông-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề- cập đến Trưởng-lão Đại Ca-chiên-diên.

Vào cuối thời-kỳ an-cư kiết-hạ, nhằm đêm trăng tròn, vua Trời Đế-thích cùng chư Thiên đến đảnh-lễ Đức Phật tại tịnh-xá Đông-viên, do bà nữ-cư-sĩ Vi-sa-kha xây cất và cúng-dường cho Tăng-ni-đoàn. Bấy giờ, vây quanh Đức Phật có đông-đủ các vị đại-đệ-tử và chư tăng, ni. Chỉ còn thiếu Trưởng-lão Ca-chiên-diên đang bận việc ở xứ A-văng-ti chưa về kịp; một chỗ ngồi trang-trọng được chừa trống, để chờ Trưởng-lão. Sau khi dâng hoa và lễ Phật xong, vua Trời Đế-thích nhìn thấy chỗ trống, mới hỏi, để dành cho ai ngồi. Khi nghe đáp, chỗ ấy dành cho Trưởng-lão Ca-chiên-diên, Vua Đế-thích mới phát lòng ngưỡng-mộ, mong được dâng hoa cúng-dường Trưởng-lão Ca-chiên-diên. Ngay vào lúc ấy, Trưởng-lão về đến nơi và được chư Thiên chào đón, dâng hoa và đảnh

lễ.

Đa-số chư Tăng đều kính-mến Trưởng-lão Ca-chiên-diên, chỉ có một số ít lại cho rằng vua Trời Đế- thích đã tỏ ra thiên-vị vì ngưỡng-mộ Trưởng-lão hơn các vị tỳ-kheo khác. Đức Phật bảo: "Một người đã khéo điều-phục các căn thì được cả Trời và Người cùng kính-mến."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Bực A-la-hán điều-phục các căn,
Như ngựa thuần khéo luyện bởi người chăn.
Ngã-mạn đã trừ, lậu-hoặc cũng dứt,
Người vững-chắc, chư Thiên đều mến-phục.
(Kệ số 094.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa CHỮ:

- Ca-chiên-diên: tên thật Trưởng-lão, tiếng Pali là Mahakaccàyana, thường được phiên-âm, đọc theo tiếng Hán-Việt là Đại Ca-chiên-diên.

- An-cư kiết-hạ: Vào mùa hè, chư Tăng ở lại tịnh-xá tu, chẳng đi khất-thực. An-cư là ở yên; kiết-hạ là qua mùa hè.

- Vua Trời Đế-thích: vua cõi Trời Đao-lợi, tên tiếng Pali là Sakka.

- Đông-viên: ngôi tịnh-xá do bà Vi-sa-kha xây cất để cúng-dường Tăng-ni-đoàn, nằm phiá Đông chùa Kỳ-viên; tiếng Pali là Pubbàràma.

- Vi-sa-kha: bà tín-nữ nổi tiếng thời Đức Phật, tiếng Pali là Visakha

- A-văng-ti: tên địa-danh nầy tiếng Pali là Avanti.

- Trang-trọng = cao-quí.

-Ngưỡng-mộ: Ngưỡng = kính-ngưỡng; Mộ = ái-mộ; kính mến.

- Thiên-vị: Thiên = nghiêng về một bên; Vị =vị-trí, chỗ. Thiên-vị là chẳng công-bình, ưa người nầy hơn người khác.

- Điều-phục: Điều = điều-khiển; Phục = phục-tùng.Điều-phục các căn nghĩa là biết làm chủ các giác- quan, chẳng chạy theo cảnh bên ngoài.

- Ngựa thuần: ngựa đã được luyện-tập thuần-thục, dễ khiến, dễ cỡi

- Ngã-mạn = kiêu-căng, phách lối.

- Lậu-hoặc = các lỗi-lầm, phiền-não để lộ ra hành-động xấu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Khi thấy Vua Trời Đế-thích riêng tỏ lòng ngưỡng-mộ Trưởng-lão Ca-chiên-diên, một số tỳ-kheo cho đó là hành-vi thiên-vị, Đức Phật dạy rằng, một bực A-la-hán như Trưởng-lão, đã điều-phục được các giác-quan, dẹp xong lòng ngã-mạn, thì đáng được chư Thiên kính mộ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 094:

Ý-nghĩa bài Kệ nêu ra bốn đức-tánh của bực A-la-hán:

1) Điều-phục các căn; chẳng chạy theo cảnh-vật bên ngoài;

2) Ngã-mạn đã trừ: dẹp bỏ sự kiêu-căng, chẳng xem mình hơn kẻ khác; có lòng nhũn-nhặn.

3- Lậu-hoặc cũng dứt: các món phiền-não tham, sân, si đã được tận-diệt.

4) Người vững-chắc: ý muốn nói, tâm đã an-định, hết xao-động.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ bốn đức-tánh của bực La-hán. Đối với người tu tại-gia, có thể bắt đầu tập bỏ bớt hai điều lậu-hoặc nầy: diệt tham bằng bố-thí; diệt sân bằng nhẫn-nhục, chẳng tranh hơn thua.

(76).- Tích chuyện Trưởng-lão Xá-lợi-phất bị vu-cáo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến việc Trưởng-lão Xá-lợi-phất bị vu-cáo.

Thuở ấy, vào cuối mùa an-cư, Trưởng-lão Xá-lợi-phất sắp-sửa lên đường đi xa, cùng với một số tỳ- kheo. Có một tăng-nhơn trẻ tuổi vì bị Trưởng-lão nghiêm-khắc chỉ-dạy lỗi-lầm, nên sanh lòng oán- giận, đến thưa trình với Đức Phật rằng, mình bị Trưởng-lão Xá-lợi-phất mắng-nhiếc và đánh-đập. Đức Phật cho mời Trưởng-lão đến để hỏi sự thật ra sao. Trưởng-lão Xá-lợi-phất thưa: "Bạch Thế-tôn, có thể nào một tỳ-kheo thường quán-niệm thân-tâm, trước khi lên đường đi xa lại chẳng sám-hối lỗi-lầm của mình với người bạn đồng-tu? Con đây cũng như đất kia, chẳng thấy thoả-thich khi được hoa đẹp cắm lên, cũng chẳng thấy buồn-phiền khi bị phân hay rác-rưới vung-vãi lên. Con cũng như tấm thảm để chà chơn, như người ăn-mày, như con trâu đã gãy sừng. Con lại cảm thấy nhàm-chán, chẳng hề kuyến-ái đến tấm thân bất-tịnh nầy."

Khi nghe Trưởng-lão thốt lên những lời như thế, vị tăng-nhơn trẻ tuổi cảm thấy hổ-thẹn quá đỗi, bật lên khóc và xin thú tội đã nói dối vu-oan cho Trưởng-lão. Đức Phật khuyên Trưởng-lão nên vì lòng từ- bi mà chấp-nhận lời sám-hối của vị tăng-nhơn, kẻo y bị trừng-phạt nặng-nề. Trưởng-lão Xá-lợi-phất chẳng những chấp-nhận lời sám-hối của vị tăng-nhơn mà còn xin lỗi lại với vị nầy, nếu trước đây Trưởng-lão có làm điều chi xúc-phạm đến.

Lúc bấy giờ, chư Tăng thấy thái-độ đáng kính của Trưởng-lão nên hết lời khen ngợi. Đức Phật nói: "Nầy chư tỳ-kheo, Xá-lợi-phất chẳng còn chút sân-hận và ác-ý trong tâm nữa. Cũng như đất kia, Xá- lợi-phất rất nhẫn-nhục; cũng như trụ đồng kia, Xá-lợi-phất

rất vững-chắc; cũng như nước hồ kia lắng sạch bùn-sình, tâm Xá-lợi-phất luôn luôn thanh-tịnh."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Trơ như đất, tâm không hiềm-hận;
Vững như trụ đồng, mặc cảnh nhục vinh,
Trong như hồ nước lắng sạch bùn sình,
Bực La-hán dứt Luân-hồi lận-đận.
(Kệ số 095.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xá-lợi-phất: vị đại-đệ-tử của Phật, nổi tiếng là thông-minh bực nhứt. Tên tiếng Pali là Sariputta, nghĩa là con trai của bà Sari (= bà Thu.)

- Vu-cáo: Vu = bịa đặt ra để gán tội cho ai; Cáo = mách, mét.Vu-cáo là dùng lời nói dối-trá đổ tội oan cho kẻ khác.

-Bạch Thế-tôn: Bạch = tiếng thưa trình với bực trưởng-thượng; Thế = thế-gian; Tôn = tôn-kính. Thế- tôn là bực được cả thế-gian tôn-kính. Khi đệ-tử thưa với Đức Phật, thì nói Bạch Thế-tôn. Phật tự-xưng là Như-Lai

- Quán-niệm thân-tâm: Quán-niệm =suy-nghĩ sâu-xa. Theo phép Quán Tứ niệm-xứ, hành-giả luôn nhớ nghĩ đến bốn điều: (1)thân bất-tịnh (=bên trong thân chứa nhiều chất dơ), (2)thọ thị khổ (=các cảm- thọ gây ra đau-khổ), (3)tâm vô-thường (=tâm hay thay đổi luôn), (4) pháp vô-ngã (muôn vật đều rỗng- rang, vô-ngã). Nhờ phép quán nầy, ta chẳng bấu-víu vào thú vui vật-chất của cuộc đời sướng ít khổ nhiều nầy, mà lo tu-hành.

- Sám-hối = ngỏ lời xin lỗi, ăn-năn, và hứa chừa từ rày về sau.

- Đồng-tu = người bạn cùng tu-hành với mình.

- Vung-vãi = vứt bừa-bãi lên rất dơ-dáy.

- Bất-tịnh: Bất =chẳng; Tịnh = sạch-sẽ. Thân bất-tịnh, ở đây, chỉ vào bên trong thân chứa nhiều chất dơ, thân chẳng đáng quá quí-trọng.

- Từ-bi: Từ = thương người và đem vui cho người;Bi = thương người và cứu khổ cho người. Từ-bi, ở đây, nghĩa là vì lòng thương mà tha tội.

- Sân-hận: Sân =giận; Hận = hờn. Sân, giận thì nổi nóng la quát một lúc rồi nguôi; còn hận, hờn, tuy chẳng la lối, nhưng trong lòng giữ sự phiền-trách lâu ngày hơn.

- Hiềm-hận: cũng hờn-giận, nhưng dai-dẳng hơn.

- Nhẫn-nhục = nhịn nhục, cam chịu nhịn mà chẳng buồn tức hay oán

- Trơ = trơ-trơ, chẳng có phản-ứng gì.

- Nhục Vinh: Nhục =bị nói nặng, làm mất danh-dự, bị chạm tự-ái; Vinh = vinh-quang, được khen-ngợi, đề-cao.

- La-hán, A-la-hán: tiếng Pali là arahant, quả-vị Thánh, người đã diệt xong các phiền-não, chứng được vô-sanh, chẳng còn tái-sanh trong cõi Luân-hồi nữa, sống an-nhiên trong cảnh tịch-diệt.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Theo giáo-lý nhà Phật, chúng-sanh sanh ra, lớn lên hưởng sướng thì ít mà chịu khổ thì nhiều, chết đi phải sanh trở lại nữa, tùy theo nghiệp; sự tái-sanh đó gọi là cảnh Luân-hồi. Tu-hành đến cấp La-hán, mới hết bị nghiệp ràng-buộc.

- Lận-đận = gian-nan, khốn-khó, khổ-sở, ba chìm bảy nổi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện đề-cao thái-độ của Trưởng-lão Xá-lợi-phất: chẳng tìm cách tự bào-chữa mình khi bị vu- oan, chẳng oán-giận người vu-cáo mình. Thái-độ nầy rất khó cho ta tập-luyện được, vì thường-nhơn

hay phản-ứng, ăn miếng trả miếng. Trong sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát-đạo: bố-thí, trì-giới, nhẫn- nhục, tinh-tấn, thiền-định và Bát-nhã, hạnh nhẫn-nhục là hạnh khó tập-luyện nhứt, vì phải biết quên cái Ta.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 095:

Bài Kệ dạy ta giữ tâm cho thật an-tịnh:

- Tâm an: phải trơ như đất, vững như trụ-đồng. Trơ như đất, có nghĩa là khi bị sỉ-nhục, chẳng dùng lời thô-ác chống đối lại, giữ sự im-lặng mà trong lòng chẳng giận. Vững như trụ đồng, có nghĩa là khi được khen chẳng nở mũi khoe-khoang; khi bị chê-trách chẳng xụ mặt giận-dữ.

- Tâm tịnh: Tịnh là trong sạch. Tâm thanh-tịnh chẳng chứa giữ các ý xấu-ác, chỉ nghĩ tốt cho người, chỉ nghĩ nhũn-nhặn cho mình.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ phải giữ tâm an-tịnh.

2.- Thử đề-nghị tập giữ tâm thản-nhiên:

- khi được khen, chỉ cám ơn người khen và mỉm cười.

- khi bị chê, cũng cám ơn và nhỏ-nhẹ hứa sửa đổi.

(77).- Tích chuyện vị Sa-di ở Cô-sâm-bi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến một vị Sa-di nhỏ tuổi ở xứ Cô-sâm-bi.

Thuở ấy ở Cô-sâm-bi có một cậu bé con lên bảy tuổi được nhận vào làm Sa-di, dưới sự chỉ-dạy của Trưởng-lão Thi-sa. Trước khi làm lễ thế-phát cho cậu, Trưởng-lão dạy cho cậu một đề-tài thiền-quán. Trong khi được cạo đầu, cậu bé suy-tư về đề-tài quán-chiếu thật là chăm-chú, khiến cho đến khi các sợi tóc cuối cùng vừa được hớt xong, thì cậu bé đã chứng được quả-vị A-la-hán.

Sau đó ít lâu, Trưởng-lão Thi-sa dẫn cậu bé lên đường đi đến Xá-vệ để đảnh-lễ Đức Phật. Dọc đường, cả hai nghỉ đêm trong một ngôi chùa nhỏ trong làng. Đêm ấy, Trưởng-lão lên giường nằm ngủ, còn cậu bé lại ngồi thiền suốt cả đêm bên cạnh giường của Sư-phụ. Trời mờ mờ sáng, Trưởng-lão chỗi dậy, định đánh thức cậu Sa-di, mới dùng cán quạt lá-kè khỏ vào đầu để gọi dậy. Rủi thay, cán quạt lại đánh mạnh nhằm vào mắt cậu Sa-di. Cậu lấy tay che mắt, nhổm dậy, đi lo nấu nước nóng cho Sư-phụ rửa mặt. Khi bưng nước ấm dâng lên cho Thầy, cậu cầm thau nước có một tay, còn một tay thì che mắt. Sư-phụ quở, sao lại vô-lễ dùng có một tay? Cậu vội bỏ tay bụm mắt ra cầm lấy thau nước, bấy giờ Trưởng-lão mới nhận ra là mình đã đánh trúng mắt học-trò và làm hỏng hết một con mắt. Trưởng-lão vội-vàng xin lỗi, nhưng cậu Sa-di thưa: "Bạch Thầy, đó chẳng phải là lỗi của Thầy, mà chính là vì nghiệp cũ của con, nay con phải chịu chột mắt."

Đến khi đảnh-lễ Đức Phật, Trưởng-lão bạch Phật rằng, cậu Sa-di nầy là một bực cao-quí nhứt mà Trưởng-lão chưa từng gặp. Khi nghe kể chuyện lại, Đức Phật mới bảo rằng: ‘Nầy chư tỳ-kheo, một vị A-la-hán chẳng hề sanh lòng tức-giận đối với một ai, bao giờ cũng điều-phục các căn và luôn luôn tỏ ra thanh-thản và hoàn-toàn trầm-tĩnh."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tâm trầm-tĩnh, ý lời trầm-tĩnh, Các hành-động cũng đều trầm-tĩnh.

Đó là người có chánh-biến-tri, Giải-thoát, sống quân-bình, an-tịnh. (Kệ số 096.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di: người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera.

- Cô-sâm-bi: tên xứ nầy tiếng Pali là Kosambi.

- Thi-sa: tên của Trưởng-lão tiếng Pali là Tissa.

- Thế-phát: Thế = cắt, hớt (tóc); Phát = tóc. Làm lễ thế-phát là cạo trọc đầu đi tu.

- Đề-tài thiền-quán: Đề-tài là một đầu-đề, một đề-mục; Thiền-quán là để tâm suy-nghĩ thật sâu-xa về vấn-đề gì, chẳng hề xao-lãng.

- Quả-vị A-la-hán: quả-vị Thánh, cao nhứt trong bốn quả-vị của hàng Thanh-văn(= các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh và tu-tập theo)

- Ngồi Thiền: ngồi yên trong tư-thế kiết-già(=tréo hai chơn lên hai đùi), chăm-chú suy-tư về một đề- tài, chẳng lo ra. Còn gọi là toạ-thiền.

- Sư-phụ: Sư =thầy dạy; Phụ = cha. Sư-phụ là thầy dạy. Ở chùa, các vị tu-hành thường gọi thầy hay sư-cô dạy đạo cho mình là Sư-phụ.

- Lá-kè: lá cây kè, giống như lá dừa nước.

- Vô-lễ = vô phép, thiếu lễ-độ.

- Hỏng = hư. Làm hỏng mắt là làm hư con mắt.

- Nghiệp cũ: các hành-động của kiếp trước, nay sanh ra quả-báo.

- Chột mắt: bị hư hết một con mắt.

- Trầm-tĩnh: Trầm = chìm, lắng xuống; Tĩnh = yên-tịnh.

- Thanh-thản: nói về tâm-hồn của người cảm thấy nhẹ-nhàng, chẳng lo-lắng, chẳng phiền-muộn.

- Chánh-biến-tri: Chánh =chơn-chánh, đúng-đắn; Biến = cùng khắp tất cả, mọi việc; Tri =biết rõ. Chữ Chánh-biến-tri dùng để dịch danh-từ tiếng Phạn là Samyak-sambuddha, biết rõ được tất cả, đại-giác- ngộ.

- Quân-bình: Quân = đều nhau; Bình = ngang nhau, bằng nhau.Sống quân-bình có nghĩa là cuộc sống bình-thản, yên-ổn, chẳng náo-động, có tâm-hồn êm-ả, chẳng xao-xuyến.

- An-tịnh: An = yên-ổn; Tịnh = vắng-lặng. Chữ an-tịnh ở đây nói về tâm; tâm an-tịnh là tâm vừa trong-sạch, vừa yên-ổn, vắng-lặng, có nghĩa là lòng chẳng có ý ác, chẳng lo-sợ, chẳng phiền-muộn, luôn nhẹ-nhàng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa

1) Vị Sa-di chuyên-tâm quán-chiếu trong khi làm lễ thế-phát đã chứng-đắc được quả-vị cao-quí A-la- hán. Chẳng phải ai làm theo như thế mà cũng chứng-đắc được; đây là trường-hợp hết sức đặc-biệt; vì phải tu nhiều đời kiếp, còn chưa chứng được quả-vị A-la-hán như thế.

2) Khi bị đánh hư một mắt, vị Sa-di chẳng thốt lên lời than-vãn kêu đau: đây là ý-chí hết sức mạnh-mẽ đè-nén được cơn đau khủng-khiếp. Đến khi Thầy ngõ lời xin lỗi vì lỡ tay, vị Sa-di lại cho rằng chính vì nghiệp cũ của mình mà bị chột mắt chớ chẳng phải do lỗi vô-ý của Thầy gây ra. Thái-độ chẳng oán- hờn nầy rất đáng ta nễ-phục.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 096:

Bài Kệ nêu lên đức-tánh của vị A-la-hán: Tâm an-tịnh; Trí giải-thoát. Thế nào là tâm an-tịnh? Ở đây, có ba phương-diện: (1) tâm trầm-tĩnh; (2) ý trầm-tĩnh, (3) lời trầm-tĩnh, cả ba phương-diện nói đến sự trầm-tĩnh, nghĩa là luôn luôn hiền-từ, dịu-dàng, từ-tốn, thanh-thản. Thế nào là Trí giải-thoát? Ở đây, bài Kệ nói đến Chánh-biến-tri, đó sự

hiểu-biết thông-suốt được tất cả mọi sự-việc; đấy là Trí-huệ của Đức Phật. Người Phật-tử còn chưa được chánh-biến-tri, cho nên cố gắng học-tập Kinh-điển, thực-hành lời dạy của Đức Phật, dẹp bỏ các tà-kiến, sẽ đi đến gần chỗ Trí-huệ được giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ phải luôn tập tâm trầm-tĩnh

2.- Đề-nghị một thái-độ trầm-tĩnh: bị đứt tay chảy máu nhiều, đừng khóc lóc, chớ cuống lên, hãy lo băng-bó trong yên lặng.

(78).-Tích chuyện về một lời nói của Đại-Đức Xá-lợi-phất.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập về ý-nghĩa của một lời nói của Trưởng-lão Xá-lợi-phất.

Thuở ấy có ba mươi vị tỳ-kheo từ một làng nọ đi đến tịnh-xá Kỳ-viên để đảnh-lễ Đức Phật. Đức Phật quán-thấy trong số đó sẽ có người sắp chứng-đắc được quả-vị A-la-hán, mới cho mời Trưởng-lão Xá- lợi-phất đến và hỏi rằng: "Nầy Xá-lợi-phất, ông có nghĩ rằng khi quán-chiếu thâm-sâu về các căn, hành-giả có thể chứng-đắc được Niết-bàn chăng?" Trưởng-lão Xá-lợi-phất bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, về vấn-đề chứng-đắc được Niết-bàn nhờ quán-chiếu thâm-sâu về các căn, chẳng phải vì con đây đã nghe lời dạy của Thế-tôn, rồi tin-tưởng nơi Thế-tôn mà con tin theo đó; chỉ có những kẻ còn chưa tự mình chứng-đắc mới đi tin lời của người khác nói mà thôi." Nghe nói thế, một số tỳ-kheo hiểu-lầm và cho rằng Trưởng-lão chưa dứt sạch các tà-kiến và thiếu niềm tin nơi Đức Phật.

Đoán biết tâm-trạng nghi-ngờ nầy của các tỳ-kheo kia, Đức Phật liền giải-thích thêm: ‘Này các tỳ- kheo, lời nói của Xá-lợi-phất chỉ có nghĩa giản-dị như thế nầy: Xá-lợi-phất có tin rằng, nhờ quán-chiếu thâm-sâu các căn, hành-giả sẽ chứng-đắc Niết-bàn; nhưng Xá-lợi-phất chỉ tin như thế, sau khi chính mình đã thực-sự chứng-đắc Niết-bàn, chớ chẳng phải chỉ tin vì nhẹ dạ nghe theo lời dạy của kẻ khác. Xá-lợi-phất luôn luôn tin-tưởng vào Phật, tin-tưởng vào các hậu-quả của các hành-động thiện và bất- thiện."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người chẳng dễ tin vì nhẹ dạ, Thông-đạt pháp vô-vi Niết-bàn, Cắt mọi hệ-lụy gây tái-sanh,

Diệt mọi duyên tạo nên nhơn-quả,
Bao tham-ái cũng đều bỏ cả,
Quả thật là vô-thượng Thánh-nhơn.
(Kệ số 097.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-đức: Đại = lớn; Đức = đức-hạnh. Đại-đức là tiếng nhà chùa gọi các vị Tỳ-kheo; được trên ba mươi tuổi đạo thì gọi là Thượng-Toạ (thượng = trên; toạ = chỗ ngồi.), trên bốn

mươi tuổi đạo là Hoà- thượng.

- Quả-vị A-la-hán, Xá-lợi-phất, Niết-bàn: xin xem lại bài trước.

- Quán-chiếu thâm-sâu: suy-nghĩ thật sâu-xa, chẳng xao-lãng.

- Các căn: Căn =gốc, nơi phát-sanh. Chữ các căn trong Phật-học chỉ vào năm giác-quan: mắt, tai, mũi, lưỡi và da; nhưng trong Phật-học có sáu căn, thêm ý-căn trong tâm.

- Tà-kiến: Tà =xiêng-xéo, sai lầm; Kiến = ý-kiến. Tà-kiến là ý sai-lầm.

- Nhẹ dạ = nghe ai nói cũng liền tin theo, chẳng suy-xét cặn-kẽ.

- Hậu-quả: Hậu = sau;Quả = kết-quả. Hậu-quả của một hành-động là những gì xảy ra do hành-động đó gây nên. Hậu-quả =/ = nguyên-nhơn.

- Thiện và Bất-thiện: Thiện =lành; Bất-thiện = chẳng lành.

- Thông-đạt = hiểu rõ thật tường-tận.

- Pháp vô-vi: các sự-việc chẳng bị điều-kiện-hoá, chẳng bị biến-đổi, luôn-luôn thường-còn, được gọi là pháp vô-vi, thí-dụ như Chơn-lý, Hư-không là các pháp vô-vi. Niết-bàn cũng thế.

- Hệ-lụy: Hệ = liên-hệ, dính mắc vào; Lụy = bó-buộc.

- Tái-sanh: Tái = một lần nữa; sanh = sanh ra. Tái-sanh là sau khi chết đi ở cõi đời nầy lại sanh ra một đời khác, theo luật Luân-hồi.

- Duyên = cơ-duyên, những gì khiến cho một sự-việc xảy ra.

- Nhơn-Quả: nguyên-nhơn và hậu-quả.

- Tham-ái = sự tham-muốn thái-quá. Chính vì tham-ái (tiếng Pali là Tanha) mà con người phải tái- sanh mãi trong cõi Luân-hồi.

- Vô-thượng: Vô = chẳng có; Thượng = trên. Vô-thượng là bực mà trên đó chẳng còn ai hơn nữa.

- Thánh-nhơn: Thánh = theo giáo-lý nhà Phật, bực đã dứt được tái-sanh trong vòng Luân-hồi. Tu-hành đến bực A-la-hán là chứng bực Thánh; còn ba quả-vị kia: Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vì còn tái-sanh, nên được gọi là bực Hiền. Đó là bốn quả-vị, ba hiền, một thánh của hàng Thanh-văn

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc hiểu-lầm về một lời nói của Trưởng-lão Xá-lợi-phất: "Chẳng phải vì con nghe lời dạy của Thế-tôn mà con tin theo..." rồi cho rằng Trưởng-lão thiếu lòng tin-tưởng nơi Đức Phật. Đâu phải vậy! Ý Trưởng-lão muốn nói, chỉ tin vào Phật, sau khi đem lời dạy của Phật ra thi-hành thấy đúng và có lợi-ích. Nếu ta vừa nghe xong, đã tin ngay, đó có thể là vì nhẹ dạ mà tin, niềm tin đó còn lỏng- lẻo; chỉ khi nào ta thực-hành theo lời dạy, thấy rõ kết-quả mong-muốn, bấy giờ niềm tin mới vững- chắc.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 097:

Xin phân-tách các đức-tánh của Thánh-nhơn, nêu trong bài Kệ:

1) Người chẳng dễ tin vì nhẹ dạ: đây là lòng tin-tưởng thật vững-chắc vào Tam-Bảo: Phật, Pháp và Tăng.

2) Thông-đạt pháp vô-vi Niết-bàn: chẳng những hiểu rõ rành-rẽ về các pháp vô-vi (= thường-hằng, chẳng bị điều-kiện-hoá, chẳng bị thay đổi) mà còn thực-hành, chứng-đắc về Niết-bàn (= tâm-trạng người đã dứt hết các phiền-não, chẳng còn phải tái-sanh nữa.)

3) Cắt mọi hệ-luỵ gây tái-sanh: có nghĩa là dứt được mọi ràng-buộc trong cảnh Luân-hồi; nói cách khác, khiến cho sạch được nghiệp, chẳng còn tạo nhơn ác để phải tái-sanh lại nữa.

4) Diệt mọi duyên tạo nên nhơn-quả: tức là bỏ dứt việc làm ác tạo nên ác-báo sau nầy, chỉ chuyên hành thiện để mong được giải-thoát.

5) Bao tham-ái cũng đều bỏ cả: dứt mọi tham-luyến vào cuộc sống sướng ít khổ nhiều nầy, chỉ chuyên-tâm tu để được giải-thoát. Nhắm mục-tiêu Niết-Bàn, mà chẳng mong-cầu sớm đắc Niêt-bàn, vì còn mong-cầu là còn tham-ái.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ về lòng tin vững-chắc vào Phật-pháp, sau khi đã biết thực-hành theo giáo-pháp.

2.- Đề-nghị bỏ thái-độ nghe đồn ở đâu có chùa linh-thiêng, có thầy đắc-đạo, liền vội chạy đi theo. Đừng chê ngay, xét cho kỹ mới tin.

(79).- Tích chuyện Trưởng-lão Lê-va-ta.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Lê-va-ta, tu ẩn-cư trong rừng keo.

Thuở ấy gia-đình của Trưởng-lão Xá-lợi-phất có nhiều người đi xuất-gia, trong nhà chỉ còn một cậu trai nhỏ bảy tuổi. Cha mẹ lo-lắng rồi đây chẳng còn ai ở bên cạnh lúc tuổi già, nên đã sớm nhờ mối-lái tìm vợ cho cậu Lê-va-ta, theo phong-tục tảo-hôn ở Ấn-độ. Đến ngày đám cưới của mình, cậu Lê bỗng gặp một bà cụ già, hơn trăm tuổi; nhìn thấy cụ già lụm-cụm, cậu liền nghĩ đến cảnh khổ của con người trong kiếp sống, rồi đây ai cũng phải trải qua sự suy-nhược của tuổi già. Nghĩ đến đấy, cậu liền bỏ buổi lễ, trốn đi, chạy vào ngụ trong một tu-viện. Bấy giờ, các vị tỳ-kheo trong tu-viện, trước đây có được lời dặn của Trưởng-lão Xá-lợi-phất, hễ em của Ngài muốn đi tu, thì cứ nhận ngay cho làm Sa-di. Sau lễ thế-phát, các tỳ-kheo liền thông-báo cho Trưởng-lão Xá-lợi-phất hay tin rằng Lê-va-ta đã xuất-gia.

Sa-di Lê-va-ta được các tỳ-kheo chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, liền xin phép lên đường vào khu rừng cây keo, cách tu-viện hơn ba mươi do-tuần để tu-hành ẩn-cư. Chẳng bao lâu, chứng đươc quả-vị A-la-hán. Sau mùa an-cư kiết-hạ, Trưởng lão

Xá-lợi-phất xin phép Đức Phật để vào khu rừng keo thăm em. Đức Phật bảo, Ngài và chúng Tăng sẽ cùng đi để viếng nơi cư-ngụ của Sa-di Lê-va-ta.

Đường đi đến rừng keo khá xa, quanh-co, gồ-ghề, lại vắng người, nhưng chư Thiên đã dựng lên ở mỗi do-tuần một trạm nghỉ chơn, có đầy-đủ thức-ăn vật-uống để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Khi hay tin Tăng-đoàn sắp đến, Sa-di Lê-va-ta nỗ-lực dựng thêm lều để tiếp-đón. Và trong thời gian lưu lại tại rừng keo, mọi người đều được đủ tiện-nghi.

Khi trở về, Đức Phật và chúng Tăng ghé qua tu-viện Đông-viên ở phiá đông thành Xá-vệ. Bà Vi-sa- kha ra nghinh-đón, dâng-cúng thực-phẩm lên Đức Phật. Sau buổi ngọ-trai, bà Vi-sa-kha thưa hỏi Đức Phật về nơi cư-trú trong rừng keo của Sa-di Lê-va-ta như thế nào, Đức Phật liền đáp bằng bài Kệ, như sau đây:

Dù tại trong làng mạc,
Hay ở chốn rừng sâu,
Vực thẩm hay đồi cao,
Nơi La-hán toạ-lạc,
Vùng đất lành khả-ái.
(Kệ số 098.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Lê-va-ta: tên của Trưởng-lão, tiếng Pali là Revata.

- Rừng keo = rừng nầy có nhiều cây keo (tên cây nầy là Acacia)

- Ẩn-cư: Ẩn = ẩn-núp, ở chỗ kín-đáo; Cư = ở, cư-ngụ. Tu ẩn-cư là ở nơi vắng-vẻ, một mình, để chuyên-tâm tu-hành.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Xuất-gia là rời nhà đi tu.

- Mối-lái = người ở giữa, giúp cho hai người lạ, tính xong công-việc. Trong đám cưới, ta thường gọi người mối-lái là ông mai, bà mai.

- Tảo-hôn: Tảo = quá sớm; hôn =cưới vợ. Theo tục tảo-hôn, cha me lo cưới vợ cho con trai còn nhỏ tuổi. Tục nầy ở Việt-nam xưa kia cũng có.

- Suy-nhược: Suy = suy-sụp; Nhược = yếu-ớt. Trong bốn cảnh Khổ, được nói trong giáo-lý nhà Phật: sanh, lão, bịnh, tử thì lão (=già)chỉ vào sự suy-nhược. Chẳng có ai tránh khỏi sự suy-nhược khi về già cả.

- Thế-phát: Thế = cắt (tóc); Phát = tóc. Lễ thế-phát là lễ cạo trọc đầu để thọ-giới Sa-di (=người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ giới tỳ-kheo. Sa-di, tiếng Pali là Sàmanera.)

- Đề-tài thiền-quán: xin nhắc lại, đó là một đầu-đề để suy-nghĩ sâu-xa khi ngồi Thiền.

- Do-tuần: dài khoảng một dặm (km, cây số), tiếng Pali là yojana.

- Quả-vị A-la-hán, An-cư kiết-hạ: xin xem lại nghĩa ở hai bài trước.

- Chư Thiên = các vị Trời.

- Tu-viện Đông-viên = tu-viện nầy, tiếng Pali là Pubbàràma, do bà cư-sĩ Vi-sa-kha xây cất, nằm về phiá Đông của chùa Kỳ-viên.

- Toạ-lạc: Toạ = ngồi; Lạc = chỗ tụ-hội. Ở đây, toạ-lạc = ở, cư-trú.

- Khả-ái = đáng yêu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

1) Bỏ trốn vào ngày đám cưới: đây là trường-hợp rất đặc-biệt của một cậu bé bảy tuổi rời cuộc sống trong gia-đình để đi tu. Tích chuyện thuật lại vì cậu Lê trông-thấy cảnh già-suy nơi bà lão lụm-cụm hơn trăm tuổi mà quyết-định xuất-gia, tìm đường giải-thoát khỏi cảnh Khổ của sanh-già-bịnh-chết. Quyết-định xuất-gia nầy xảy ra vào ngày đám cưới rất kịp thời vì ngăn chặn được sự tạo thêm các mối ràng-buộc về vợ con sau nầy. Ta có thể thắc-mắc tại sao một cậu bé mới bảy tuổi mà có được một quyết-định quan-trọng như thế; nhưng xét lại, trong nhà cậu, các anh chị em đều đã xuất-gia, đó cũng là một nguyên-nhơn đã thúc-đẩy cậu noi theo con đường mà anh chị đã chọn. Nếu ta tin vào tiền-kiếp, có lẽ trong các đời trước, cậu đã tu-hành nhiều, nên kiếp nầy mới sớm cắt-đứt được mọi luyến-ái trong gia-đình mà đi xuất-gia.

2) Vùng đất lành khả-ái nơi vị A-la-hán ẩn-tu: Tích chuyện thuật lại Đức Phật đến Rừng Keo thăm- viếng nơi Sa-di Lê-va-ta ở, với mục-đích đề-cao cảnh-trí ẩn-tu thanh-tịnh. Tại sao nơi có vị A-la-hán ở lại là vùng đất khả-ái, đáng yêu? Đó là một nơi vắng-vẻ, xa hẳn chốn xôn-xao, đua chen của đời sống xã-hội ồn-ào. Đó là một nơi mà đức-hạnh cao-cả của người tu-hành có thể làm biến-đổi được phong- tục của những người sống chung-quanh, bằng lối sống giản-dị, an-nhiên, tự-tại.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 098:

Trong bài Kệ nầy, Đức Phật bảo, bất cứ nơi nào có vị A-la-hán đang tu-hành, dầu ngay trong làng- mạc, hay ở chốn vắng-vẻ, nhờ đức-hạnh cao-cả và sáng-chói của bực Thánh, đã trở thành một vùng đất an-lành, khả-ái. Tại sao? Lý-do vừa được nêu lên ở mục 2, bên trên.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để biết mến nơi tu-hành thanh-vắng.

2.- Để giải-trí vào dịp cuối tuần, xin đề-nghị đưa gia-đình đi viếng thăm một ngôi chùa trên núi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến việc một tỳ-kheo bị một người đàn-bà quyến-rũ.

Thuở ấy có một vị tỳ-kheo, sau khi được Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, liền đến một khu vườn để thực-tập toạ Thiền. Bấy giờ, có một người đàn-bà đi ngang qua trông-thấy trang-mạo tuấn-tú của vị tu-sĩ mới sanh lòng quyến-luyến, và đến bên cạnh tìm cách dụ-dỗ. Vị tỳ-kheo vừa sợ-hãi, vừa cảm thấy toàn thân được một sự thoả-thích lâng-lâng tràn-ngập. Từ nơi hương-phòng ở chùa Kỳ-viên, Đức Phật quán-thấy cảnh-tượng ấy, ngại cho vị tỳ-kheo sa-ngã, Ngài dùng thần-thông, chiếu hào-quang đến khu vườn và bảo vị Tỳ-kheo rằng: 'Nầy Tỳ-kheo, bọn phàm-phu thường hay chạy theo các dục-lạc về thể-chất; đây chẳng phải là nơi thuận-tiện cho việc toạ-thiền. Nên chọn nơi vắng-vẻ trong rừng sâu, vì phàm-phu chẳng tìm thấy thoả-thích ở các nơi ấy."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Rừng-rú đầy thích-thú,
Người đời ít ai chuộng.
Bực đã dứt dục-vọng,
Mến sống cảnh rừng hoang.
(Kệ số 099.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-kheo: tiếng Pali là Bhikkhu, phiên-âm là bí-sô, dịch nghĩa là khất-sĩ, là tu-sĩ theo Phật-giáo, giữ giới khất-thực (=đi xin ăn).

- Quyến-rũ = theo rủ-rê khiến cho người phải ngã theo điều xấu.

- Đề-tài thiền-quán: xin nhắc lại, một đầu-đề hay là đề-mục để suy-nghĩ thật sâu-xa, tâm chẳng xao- động, trong khi ngồi Thiền.

- Toạ Thiền = ngồi Thiền.

- Trang-mạo = hình-dung, dung-nhan, gương mặt, dáng-vóc.

- Tuấn-tú: đẹp trai, hiên-ngang, khôi-ngô.

- Hương-phòng = căn phòng có hương thơm, nơi dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là Gandhakuti.

- Quán-thấy: trong cơn Thiền-định, thấy được nơi tâm.

- Thần-thông = phép-lực cao-cường như có thể bay trên không.

- Hào-quang = ánh-sáng chói lọi và rực-rỡ.

- Phàm-phu: Phàm =tầm-thường; phu = người. Phàm-phu là người thường, chưa tu; trái nghĩa với bực Thánh-hiền.

- Dục-lạc: Dục =ham-muốn; lạc =thú vui. Chữ dục-lạc thường trỏ vào các thú-vui thể-chất, thoả-mãn các giác-quan, nên thấp-kém.

- Dục-vọng = ham-muốn, giống nghĩa với chữ dục-lạc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể việc một tỳ-kheo ngồi Thiền trong vườn bị một người đàn-bà đi ngang qua quyến-rũ; nhưng nhờ Đức Phật chỉ dạy nên chọn nơi rừng sâu vắng-vẻ, mới khỏi bị sa-ngã.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là khi ngồi Thiền, ta phải chọn một nơi thích-hợp, vắng-vẻ, mới có thể chuyên-tâm tu-hành.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 099:

Bài Kệ rất giản-dị, chẳng chữ nào khó cả, đề-cao cảnh thanh-vắng của rừng-rú, dễ cho việc tu-hành tinh-tấn. Người thường chẳng thích nơi rừng-rú vì họ còn ham-mê các thú-vui nhục-dục, rộn-ràng; còn người đã dứt bỏ mọi dục-vọng (tức là bực A-la-hán), dẹp bỏ mọi ham-muốn, thì thấy thoả-thích khi sống trong cảnh núi rừng xa vắng.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để biết mến chuộng cảnh núi rừng.

2.- Thử đề-nghị một cách nghỉ hè: tham-dự một khoá tu Thiền tại vùng núi rừng. Đây là một lối thay đổi không-khí rất thoải-mái, đi du-lịch rất thích-thú, chẳng phải chỉ để ngoạn cảnh núi non hùng-vĩ, mà còn có dịp ngồi dưới gốc cây khô, trên tảng đá mòn, tĩnh-tâm xét lại lòng mình.

-ooOoo-

VIII.- Phẩm NGÀN.

(81).- Tích chuyện người đao-phủ Tam-bá-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc người đao-phủ-thủ tên là Tam-bá-đà.

Thuở ấy, có người đao-phủ-thủ, tên là Tam-bá-đà, chuyên nghề chặt đầu các tội-phạm đã bị nhà Vua xử tử-hình. Tam làm nghề đao-phủ trong năm mươi lăm năm, vừa nghĩ việc về hưu. Sáng hôm ấy, anh ta vừa nấu xong một nồi cháo, định xuống sông tắm rửa rồi sẽ ăn sáng. Bấy giờ, Trưởng-lão Xá-lợi- phất vừa xuất cơn diệt-tận-định, là cõi thiền-định cao nhứt, lên đường đi khất-thực. Khi sắp bước vào nhà, Tam nhìn thấy Trưởng-lão Xá-lợi-phất đang cầm bình bát đứng trước cửa, chờ được bố-thí. Tam nghĩ trong lòng, mấy chục năm qua, ta theo nghề chặt đầu tội-nhơn, chẳng có dịp làm được một việc thiện nào, nay chính là lúc nên đem cả nồi cháo ra cúng-dường cho vị Trưởng-lão nầy để tạo phước. Nghĩ xong, anh ta thỉnh Trưởng-lão vào nhà và bưng cháo ra dâng-cúng.

Sau khi thọ-thực, Trưởng-lão Xá-lợi-phất liền đem Chánh-pháp ra giảng-dạy cho Tam-bá-đà nghe, nhưng lúc ấy Tam chẳng thể nào chú- tâm nghe hiểu được, vì trong

lòng cứ mãi nhớ cả đời đao-phủ- thủ của mình chỉ chuyên đi giết người. Đoán biết tâm-trạng đó, Trưởng-lão Xá-lợi-phất mới khéo-léo hỏi rằng: "Trong mấy mươi năm qua, ông giết người vì theo lịnh của Vua hay vì chính anh thích giết?" Tam liền đáp, vì theo lịnh Vua mà giết. Trưởng-lão bảo:"Như thế, nếu chẳng có ác-ý giết người, thì đâu có tội sát-sanh." Nghe nói thế, lòng của Tam-bá-đà trở nên thanh-thản mới chăm-chú nghe giảng và thông-hiểu được Chánh-pháp. Bấy giờ, anh chứng được tuệ thuận-thứ của Tu-đà-huờn-đạo. Khi Trưởng-lão chấm-dứt thời pháp, Tam theo tiễn đưa Ngài một quảng đường; khi trở về, rũi thay, Tam- bá-đà bị một con bò điên húc chết.

Chiều hôm ấy, khi hay tin Tam-bá-đa đã chết, các vị tỳ-kheo mới thưa trình Đức Phật và hỏi Ngài, chẳng biết Tam-bá-đà nay được tái-sanh về đâu. Đức Phật bảo, mặc dầu Tam-bá-đa suốt đời có phạm tội giết người theo lịnh Vua, nhưng trước khi chết, đã thông-hiểu được Chánh-pháp, chứng-đắc được tuệ thuận-thứ, nên nay được tái-sanh lên cõi Trời Đâu-suất. Các vị tỳ-kheo tỏ vẻ ngạc-nhiên khi thấy Tam-bá-đa chỉ nghe Chánh-pháp được tuyên-giảng có một lần mà đắc được đạo-quả và sanh lên Trời, Đức Phật liền bảo, chẳng phải thuộc làu muôn kinh ngàn kệ trong Chánh-pháp là điều quan-trọng, mà chỉ cần hiểu rõ một câu thật có ý-nghĩa trong Chánh-pháp là được hưởng phước-lạc cao.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Dầu có nói ngàn lời vô-dụng,
Chẳng theo đúng đạo-quả Niết-bàn.
Sao bằng thốt một lời ý-nghĩa,
Nghe xong rồi tâm được bình-an.
(Kệ số 100.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đao-phủ-thủ: Đao = cây dao lớn để chém; Phủ = cái búa lớn; Thủ = tay; Đao-phủ-thủ là người chém đầu các tội-nhơn bị xử tử-hình.

- Tam-bá-đà: tên kẻ đao-phủ-thủ nầy tiếng Pali là Tambadàthika.

- Tử-hình: Tử = chết; Hình = hình-phạt. Tử-hình là phải tội chết.

- Về hưu: thôi việc về nghĩ, sau một thời-gian làm nhiều năm.

- Diệt-tận-định = cơn đại-định cao nhứt trong tám cõi Thiền và Định, trong đó hành-giả đã chấm dứt được tất cả các cảm-thọ và tri-giác. Danh-từ Pali là Jhàna samàpatti.

- Tội-nhơn: Tội =lỗi lớn; Nhơn =người. Tội-nhơn là kẻ phạm tội nặng

- Sát-sanh: Sát = giết; Sanh = sanh-mạng, mạng sống.

- Thanh-thản = nhẹ-nhàng, chẳng còn lo-âu, sợ-hãi nữa.

- Tuệ thuận-thứ: Tuệ =trí-huệ, tâm-trí; Thuận = theo đúng chiều-hướng; Thứ = thứ lớp trước sau. Theo Thiền Minh-sát (Vipassanà), đây là giai-đoạn định-tâm khiến cho sự

nhận-thức của hành-giả về Danh-Sắc (Nàmarùpa) diễn-tiến theo đúng chiều-hướng của Đạo (Magga).

-Tu-đà-huờn-đạo: còn gọi là Tu-đà-huờn-hướng (Sotàpatti Magga), theo đó hành-giả đã theo đúng con đường đưa đến quả-vị Tu-đà-huờn.

- Húc = bị con bò điên đâm đầu vào và đạp lên.

- Tái-sanh: Tái = một lần nữa; Sanh = sanh ra. Theo thuyết Luân-hồi, chúng-sanh sau cõi đời nầy, chết đi tuỳ theo nghiệp mà sanh trở lại nữa.

- Đâu-suất: cõi Trời cao hơn cõi Trời Tứ-thiên-vương và cõi trời Đao-lợi. Tiếng Pali là Tusita.

- Tuyên-giảng: Tuyên = nói lên cho mọi người biết; Giảng = nói rõ.

- Thuộc làu = nhớ và đọc lại vanh-vách.

- Phước-lạc: Phước =hạnh-phước; Lạc = vui. Phước-lạc là điều vui.

- Vô-dụng: Vô =chẳng; Dụng =dùng. Vô-dụng là chẳng dùng được vào việc gì có ích-lợi cả.

- Đạo-quả Niết-bàn: Đạo là con đường tu-tập (Magga).Quả là quả-vị, sự tu đã thành-công (Phala). Đạo-quả Niết-bàn là đường-lối tu-tập để chứng Niết-bàn (Niết-bàn = tâm-trạng của người đã dứt sạch các phiền-não, chẳng còn bị tái-sanh nữa.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một người chuyên hành-hình tội-nhơn, nhờ nghe hiểu được một câu trong Chánh-pháp mà được tái-sanh lên cõi trời Đâu-suất. Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện gồm có bốn điểm chánh:

1) Phương-tiện khéo-léo của Trưởng-lão Xá-lợi-phất dùng câu hỏi để khiến cho người nghe bớt lo- lắng mà chú-tâm vào việc nghe giảng pháp: Trưởng-lão biết ông Tam đang lo-sợ vì tội suốt đời đã giết chết nhiều người, nên chẳng thể chú-tâm nghe pháp, mới dùng câu hỏi khiến cho ông Tam nhận-thức rằng, mình chẳng có ác-ý gây tội sát-sanh, để lòng được thanh-thản mà nghe pháp.

2) Đây chỉ là một phương-tiện khéo thôi, chớ ông Tam vẫn có tội sát-sanh. Tại sao? Vì tuy chẳng có ác-ý sát-sanh, nhưng hành-động của nghề đao-phủ là giết người; tội nầy do vì ông đã chẳng biết chọn đúng được một nghề sanh-sống chẳng làm hại mạng chúng-sanh. Chọn nghề đúng-đắn để mưu-sanh, trong Bát Chánh-Đạo, gọi là Chánh-mạng. Theo đúng Chánh-mạng, ta chẳng chọn các nghề như đánh cá, săn-bắn, chế-tạo khí-giới, bán rượu mạnh; dĩ nhiên, nghề đao-phủ cũng là nghề chẳng chánh-đáng.

3) Tại sao biết ông Tam vẫn có tội mà Trưởng-lão lại đưa ra câu hỏi khiến cho ông Tam tưởng-lầm là mình vô-tội? - Đó là vì Trưởng-lão muốn cho lòng ông Tam bớt lo-lắng, để

có thể chú-tâm vào lời giảng, và nhờ hiểu rõ lời giảng nên mới có đủ phước-duyên để chứng đạo-quả Tu-đà-huờn, thoát được cảnh ác, mà sanh lên cõi Trời. Đấy là phương-tiện khéo giúp người tạo thêm duyên lành để tránh được ác-báo. Điều nầy giúp ta vững tin rằng, một người tuy mắc phải tội-lỗi, nếu biết sớm quay về con đường phải của Chánh-pháp, tạo được phước lành, thì ác-báo sẽ chẳng có đủ cơ-duyên để khởi lên được.

4) Chẳng phải cần thông-thuộc tất cả Kinh-điển, chỉ cần hiểu-biết thật rõ một câu có ý-nghĩa trong Chánh-pháp là có thể được hưởng phước-lạc cao. Phước-lạc đó, đối với ông đao-phủ-thủ Tam-bá-đà là khỏi phải sa vào cõi địa-ngục vì tội đồng-loã sát-sanh, mà lại được sanh lên cảnh Trời Đâu-suất, hưởng phước thanh-nhàn. Ứng-dụng điểm nầy, khi học-tập về Kinh-kệ, ta chớ nên tham-lam học cho nhiều bài, chỉ cần hiểu rõ một bài, một câu, có ý-nghĩa liên-quan đến sự giác-ngộ và giải-thoát, đủ để tu-tập sao cho tâm được thanh-tịnh và bình-an.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 100:

Bài Kệ nầy rất quan-trọng, dạy ta khi học-tập Kinh-kệ, chớ nên tham-lam thâu góp cho thật nhiều, mà phải biết nghe hiểu một lời thật có ý-nghĩa, khiến cho tâm được bình-yên. Khi nào tâm bình-yên? Khi nhờ nghe Chánh-pháp mà lòng ta trở nên trong-sạch, thanh-thản, thấy rõ con đường tu-tâm để giải- thoát khỏi các phiền-não.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ nầy, để ghi nhớ, khi học-tập Kinh-kệ, chẳng phải cầu lấy số nhiều, mà phải biết hiểu rõ câu nào, lời nào giúp cho tâm được thanh-tịnh, bình-an.

2.- Một bài kệ tóm-tắt được cả Chánh-pháp:

- Chớ làm điều ác,
- Siêng làm việc lành,
- Tâm-ý thanh-tịnh,
- Là lời Phật dạy.

(82).- Tích chuyện về Bá-hi-gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc người lái buôn Bá-hi-gia.

Thuở ấy có một nhóm thương-gia ngồi thuyền vượt biển đi buôn xa. Chẳng may, thuyền bị bão-tố lớn đánh chìm, các thương-gia bị chết đuối, chỉ trừ một người sống-sót, tên là Bá-hi-gia. Nhờ ôm được mợt khúc gỗ, Bá trôi dạt vào bờ, tấp vào hải-cảng Sử-pha-kha. Mình trần truồng, Bá lấy miếng ván che thân, lượm được một cái bát, mới đến chỗ có người qua lại, để ăn xin. Nhiều khách bộ-hành thương- tình đem cơm cháo đến bố-thí, có kẻ lại đem quần-áo cho để che thân, nhưng Bá từ-chối, vì sợ nếu ăn mặc theo người thường, sẽ ít được người bố-thí. Lại có nhiều người trông thấy cảnh Bá che thân bằng tấm ván, tưởng đâu đó là bực tu-hành khổ-hạnh, đã chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Tiếng đồn vang xa, rồi chính Bá cũng tưởng đâu mình là một

bực A-la-hán thật, cứ tiếp-tục sống trong tà-kiến như thế.

Cho đến một đêm kia, Bá-hi-gia đang ngủ, bị một người đánh thức dậy. Người ấy là một bực chơn-tu vốn là bạn thân với Bá-hi-gia trong một tiền-kiếp. Người bạn nói: 'Nầy anh Bá-hi-gia, anh đâu phải là người đã chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán, sao anh lại dám nhận như thế?" Bá-hi-gia thật-tình thưa: "Tôi cũng biết tôi có tội lớn, chẳng có tu-hành chi mà chứng-đắc được. Anh có biết trên thế-gian nầy ai là người đã chứng được ngôi-vị A-la-hán không?" Người bạn đáp: 'Tôi có biết. Cách đây hơn trăm dặm đường, tại chùa Kỳ-viên, có tu-sĩ Cồ-đàm chứng-đắc được quả-vị A-la-hán, là bực đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát." Bá-hi-gia mừng-rỡ nói: "Tôi phải đến đây để xin Ngài chỉ-dạy." Liền đó, Bá- hi-gia nhờ người bạn chỉ đường, lặn-lội cả đêm ngày để đến chùa Kỳ-viên.

Vào sáng sớm hôm ấy, Đức Phật cùng chư Tăng đang đi khất-thực. Bá-hi-gia quần-áo rách-rưới, chân cẳng bị trầy sướt, qùi bên đàng và thưa với Đức Phật: "Bạch Ngài, con lặn-lội đường xa đến đây, mong Ngài đem Chánh-pháp ra chỉ dạy cho con." Đức Phật đáp, nay còn chưa phải thời, vì đang đi khất- thực, hãy để đến khi khác. Nhưng Bá-hi-gia cố nài-nỉ thưa rằng, đời người quá ngắn-ngủi, chẳng biết rồi đây có bị tai-nạn gì mất mạng sống đi chăng, xin Đức Phật thương-tình mà chỉ dạy ngay cho.

Đức Phật quán-thấy đã đủ cơ-duyên cho Bá-hi-gia chứng đắc đạo-quả, nên Ngài liền dừng lại bên đường, giảng vắn-tắt cho Bá-hi-gia nghe: "Nầy thiện-nam-tử, khi mắt nhìn một vật, chỉ nên thấy có vật; khi tai nghe tiếng, chỉ để-ý đến tiếng; khi mũi ngửi, chỉ biết đến mùi hương; khi lưỡi nếm, chỉ nhận ra vị; khi có sự đụng-chạm, chỉ cảm-nhận được cảm-giác; khi nghĩ đến một việc, chỉ ý-thức đến việc ấy mà thôi." Khi chăm-chú nghe xong lời Đức Phật giảng, tâm-trí của Bá-hi-gia liền khai-ngộ và chứng-đắc ngay quả-vị A-la-hán. Bá-hi-gia liền thỉnh-cầu Đức Phật cho gia-nhập Tăng-đoàn. Đức Phật bảo Bá-hi-gia hãy đi lấy áo cà-sa, bình-bát và các thứ cần-dùng của một tỳ-kheo đem đến. Bá-hi-gia vâng lời; trên đường đi, rủi thay lại bị một con bò điên húc vào và ngả ra chết trên đống rác. Sau khi thọ-trai xong, các tỳ-kheo phát-giác thi-thể của Bá-hi-gia, vào trình Đức Phật. Đức Phật bảo làm lễ hoả-táng cho Bá-hi-gia và lấy tro xương đem thờ nơi tháp.

Trở về chùa Kỳ-viên, Đức Phật bảo chúng Tăng rằng, sau khi nghe Phật giảng mấy câu về Chánh- pháp, Bá-hi-gia đã thấu-hiểu nhanh-chóng, đắc được đạo và quả A-la-hán, nên nay nhập vào cảnh-giới Niết-bàn. Trước sự ngạc-nhiên của các tỳ-kheo thấy Bá-hi-gia chỉ nghe có mấy câu trong Chánh-pháp mà chứng-đắc được quả-vị Niết-bàn, Đức Phật mới bảo: "Một bài pháp đem lại lợi-ích cho người, đâu cần phải dài-dòng."

Rồi Đức Phật mới thốt lên bài Kệ sau đây:

Dầu có đọc một ngàn câu Kệ
Chẳng liên-hệ đạo-quả Niết-bàn,
Sao bằng nói một câu Chánh-pháp,
Nghe xong rồi, tâm được bình-an.
(Kệ số 101.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bá-hi-gia: tên người nầy tiếng Pali là Bàhiyadàruciriya.

- Sử-pha-kha: tên hải-cảng nầy tiếng Pali là Suppàraka.

- Hải-cảng: Hải =biển; Cảng =cửa biển. Hải-cảng là cửa sông đổ ra biển, nơi tu-tập ghe thuyền buôn- bán.

- Khổ-hạnh: Khổ = khổ-sở; Hạnh = hạnh-kiểm, lối sống. Tu-hành Khổ-hạnh là tu theo lối ép-xác, chịu cực-khổ thái-quá.

- Đạo và Quả A-la-hán: Đạo = con đường, đường-lối tu-hành (Magga); Quả =quả-vị, sự tu đã thành- công (Phala).A-la-hán = quả-vị Thánh, cao nhứt trong hàng Thanh-văn(Sravaka), đã diệt được hết các lậu-hoặc, phiền-não, chẳng còn tái-sanh trong cảnh Luân-hồi nữa.

- Tà-kiến: Tà =xiêng-xéo, sai-lầm; Kiến =ý-kiến. Tà-kiến là ý-kiến sai-lầm.

- Chơn-tu: Chơn = chơn-lý, đúng sự-thật. Bực chơn-tu là bực tu-hành có đức-hạnh cao.

- Tiền-kiếp = xin nhắc lại, đó là đời, kiếp trước, xưa hơn đời nầy.

- Cồ-đàm: họ của Đức Phật Thích-ca; tiếng Pali là Gautama.

- Hoàn-toán giác-ngộ và giải-thoát = tức là thành Phật. Giác-ngộ là thông-hiểu tất cả mọi sự-việc, đúng theo Chơn-lý; Giải-thoát là thoát khỏi mọi phiền-não, lậu-hoặc, chẳng còn bị tái-sanh trong cõi Luân-hồi nữa.

- Chưa phải thời = chưa phải lúc thuận-tiện.

- Quán-thấy: nhìn thấy rõ trong tâm.

- Cơ-duyên: Cơ = cơ-hội; Duyên = duyên-cớ. Chữ cơ-duyên hàm ý nghĩa là cơ-hội may-mắn đang đến.

- Thiện-nam-tử: Thiện = lành; Nam = đàn-ông; Tử =người, con, đệ-tử. Chữ Thiện-nam-tử trong Phật- học, dùng để chỉ đến các người đàn-ông có lòng tin-tưởng vào Đạo Phật, biết làm lành, lánh dữ. Về phiá phụ-nữ, gọi là Thiện-nữ-nhơn.

- Ý-thức: Ý = ý-tưởng; Thức = biết rõ. Có ý-thức về việc gì có nghĩa là biết mình đang nghĩ-ngợi và hiểu-biết về điều ấy. Nhưng nếu biết mà chẳng để-ý, thì chẳng gọi là có ý-thức được.

- Khai-ngộ: Khai = mở ra; Ngộ = hiểu rõ. Trước còn chưa hiểu, nay nhờ nghe và suy-nghĩ mà hiểu, mà biết, đó gọi là khai-ngộ.

- Xin gia-nhập Tăng-đoàn = xin vào làm tỳ-kheo để tu-hành.

- Cà-sa = xin nhắc lại: áo vàng khoác bên ngoài của Tỳ-kheo.

- Bình-bát = cái bình giống như cái nồi nhỏ, để đựng cơm khi đi khất-thực; bằng sành, bằng gỗ hay bằng đồng.

- Hoả-táng: Hoả =lửa; táng =đám ma. Hoả-táng là lễ thiêu-đốt xác người chết.

- Tháp = ngôi mộ xây nhọn lên cao, thờ tro, xá-lợi các bực tu-hành.

- Chẳng liên-hệ đạo-quả Niết-bàn: ý muốn nói, dầu có nhiều lời chẳng dính-dấp chi đến việc tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát, để chứng được cảnh an-vui, vắng-lặng của Niết-bàn.

- Tâm bình-an = tâm yên-ổn. Ở đây, có nghĩa là tâm của bực A-la-hán, đã diệt xong các phiền-não mà trở nên thanh-tịnh, quân-bình; và đang sống tự-tại trong cảnh-giới Niết-bàn, chẳng còn phải tái-sanh khổ-sở nữa mà trở nên an-nhiên.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một người biết ăn-năn lỗi-lầm gạt kẻ khác là mình đã chứng-đắc quả-vị A- la-hán, đến xin Đức Phật chỉ-dạy cách tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát. Với một bài pháp ngắn, Đức Phật dạy cách điều-phục các căn: khi thấy, nghe, ngữi, nếm, sờ, nghĩ, chẳng để cho tâm bị cảnh- vật bên ngoài và ý-tưởng bên trong trì-níu, lôi-cuốn. Đó là pháp khiến tâm an-tịnh, để bước vào ngưỡng cửa Niết-Bàn.

Đấy là ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 101:

Cũng như bài Kệ số 100, bài Kệ nầy dạy ta phải biết nghe và hiểu Chánh-pháp, thế nào để ứng-dụng tu tâm. Chẳng phải học thuộc lòng muôn kinh ngàn kệ mà được giác-ngộ và giải-thoát. Hiểu rõ một câu và chí-thành áp-dụng, mới đem lại ích-lợi thiết-thực cho đường tu.

(3) Một thắc-mắc cần được giải nghi:

Trong hai Tích chuyện vừa qua, cả hai người, Tam-bá-đa và Bá-hi-gia, vừa nghe và hiểu xong Chánh- pháp, khi ra về lại bị một con bò điên húc chết. Thắc-mắc: họ nghe pháp rồi bị chết như thế thì có lợi- ích chi đâu? Đừng nghĩ lầm như thế! Cả hai người vừa chứng được đạo-quả, hai cái chết đột-ngột đến chỉ là dịp cuối cùng cho họ trả xong được nghiệp-báo đã qua, nếu không họ còn phải kéo dài cuộc sống khổ, trước khi sanh lên Trời, hay được nhập Niết-bàn.

HỌC-TẬP:

- Đọc kỹ lại lời dạy của Đức Phật về cách điều-phục các căn.

(83).- Tích chuyện Ni-cô Khuôn-đà-la.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Ni-cô Khuôn-đà-la.

Thuở ấy ở thành Vương-xá, có một người thiếu-nữ con của một gia-đình thật giàu-có, tên là Khuôn- đà-la. Một hôm, cô Khuôn đi ra ngoài đường, thấy lính giải một tên trộm đi hành-hình. Lòng cô cảm thấy thương-mến người phạm tội đó, nên xin tiền cha-mẹ

để chuộc tội cho kẻ trộm, và sau đó, cô lại ưng lấy người ấy làm chồng. Tên kẻ trộm chẳng yêu thương gì người vợ đã cứu mình, chỉ thích tài-sản của cô mà thôi. Ít lâu sau, hắn bảo vợ cùng hắn lên núi, để làm lễ tạ-ơn thần-thánh đã cứu mạng y. Cô Khuôn theo chồng leo lên đỉnh núi. Bấy giờ, tên trộm mới bảo thật là sắp giết cô, để lột lấy hết nữ-trang. Cô Khuôn năn-nỉ chồng, cứ lấy vòng-vàng mà tha cho mạng sống. Nhưng tên gian-ác chẳng thuận. Cô nghĩ, nếu chẳng thanh-toán kẻ bất-lương nầy, thì mạng mình khó sống. Cô liền nói: " Chỉ trong giây lát nữa là vợ chồng ta phải lìa nhau, xin anh cho phép em đi nhiễu quanh anh ba vòng, để tỏ lòng kính-yêu anh, trước khi em chết." Người chồng đồng-ý. Cô Khuôn chẫm-rãi bước quanh chồng, rồi thừa dịp chàng ta sơ-ý, vụt xô chồng xuống núi.

Sau đó, cô Khuôn cảm thấy hết muốn trở về nhà nữa, liền cổi hết nữ-trang treo lên cành cây. Cô xuống núi, đi lang-thang, lại gặp một nhóm nữ-du-sĩ khất-thực ngoại-đạo, cô liền xin theo họ làm đệ-tử. Họ dạy cho cô Khuôn cả ngàn câu ngụy-biện, để tranh-luận với các tu-sĩ. Vốn là người thông-minh, cô Khuôn chẳng bao lâu trở thành một nhà biện-thuyết có tài thuyết-phục người; cô liền đi khắp đó đây, vun lên một mô đất, lấy một cành cây cắm vào, rồi ngồi đấy để thách-thức mọi người đến đối-đáp với cô. Chẳng ai thắng được cô cả, cho đến một hôm Tôn-giả Xá-lợi-phất đi khất-thực ngang qua đó. Tôn- giả nhận sự thách-thức, giải-đáp tường-tận các câu hỏi bí-hiểm của cô Khuôn. Đến phiên Tôn-giả hỏi lại có một câu: "Vậy chớ, một là gì? ‘’, cô Khuôn chẳng đáp được, mới xin Tôn-giả chỉ-dạy cho. Tôn- giả bảo, muốn học câu đáp, trước phải xuất-gia làm tỳ-kheo-ni. Cô Khuôn liền xin Tôn-giả nhận mình làm đệ-tử. Chẳng bao lâu, ni-cô Khuôn-đà-la chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Bấy giờ, chư Tăng bàn-luận về trường-hợp Ni-cô Khuôn-đà-la đã thắng được người chồng gian-ác và nhờ nghe có một câu trong Chánh-pháp mà đắc được đạo-quả A-la-hán, mới thưa hỏi nguyên-do cùng Đức Phật. Đức Phật liền đáp lại bằng hai bài Kệ như sau:

Dầu đọc tụng một trăm bài kệ
Chẳng liên-hệ đạo-quả Niết-bàn,
Sao bằng đọc một câu Chánh-pháp,
Nghe đọc xong, tâm được bình-an.
(Kệ số 102.)
Chiến-thắng ngàn ngàn người nơi quân-trận Chưa vẻ-vang bằng mình thắng được mình. (Kệ số 103.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ni-cô = nữ tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là Bhikkhuni, phiên-âm là Tỳ-kheo-ni. Bên nam-giới là Tỳ-kheo (Bhikkhu, còn gọi là Bí-sô, Tỳ-khưu).

- Khuôn-đà-la: tên vị ni-cô tiếng Pali là Kundalakesi.

- Vương-xá: tên địa-danh nầy tiếng Pali là Ràjagaha.

- Hành-hình: Hành = thi-hành; Hình = hình-phạt. Đem đi hành-hình ở đây, có nghĩa là đem giết chết.

- Thanh-toán: Thanh = làm cho xong việc; Toán = tính-toán. Chữ Thanh-toán ở đây, có nghĩa là làm cho tiêu mất, tức là giết chết.

- Bất-lương: Bất = chẳng; Lương = lương-thiện, ngay thẳng. Bất-lương là gian-tà, xấu-ác, làm việc quấy.

- Đi nhiễu = bước đi chầm-chậm chung-quanh một người để tỏ lòng kính-ngưỡng.

- Du-sĩ khất-thực ngoại-đạo: Du-sĩ = người chẳng chỗ ở nhứt-định; Khất-thực = đi ăn xin; Ngoại-đạo: Ngoại = ngoài. Các du-sĩ nầy tu theo lối khổ-hạnh, đi khất-thực, nhưng chống đối với Phât-giáo, vì thế nên được gọi là ngoại-đạo. Vào Thời Đức Phật, tại Ấn-độ có sáu phái ngoại-đạo.

- Đệ-tử: Đệ = em, Tử =con. Đệ-tử là học-trò học Đạo.

- Ngụy-biện: Ngụy =giả-dối, chẳng chơn-thật; Biện = biện-luận, bàn-cãi. Ngụy-biện là dùng lời nói khéo đem chuyện dối-trá nói thành như sự thật để gạt-gẫm kẻ khác nhẹ dạ tin theo.

- Biện-thuyết: Biện = biện-luận; bàn-cãi; Thuyết = nói. Nhà biện-thuyết nói khéo được nhiều người tin theo, còn gọi là hùng-biện.

- Bí-hiểm:Bí =bí-mật; Hiểm = hiểm-hóc. Bí-hiểm là câu nói khó hiểu.

- Một là gì?: Nguyên-văn tiếng Pali là Ekam nàma kim?. Ba tiếng nầy chẳng có chữ nào nào khó, nhưng tìm ra được sự-việc gì chỉ có một là điều rất khó. Thiện-Nhựt chẳng thấy trong Kinh giải-thích, nên đoán mò rằng, "Một" đó là Phật-tánh, cái khả-năng có sẵn của mọi người để hiểu-biết và tu-hành thành Phật. Thiện-Nhựt xin người đọc hãy dè-dặt.

- Ngàn ngàn = ngàn lần một ngàn, tức là một triệu.

- Quân-trận = nơi chiến-trường, chỗ đánh giặc.

B.- Nghĩa Ý:

(1)Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một cô gái cứu một kẻ trộm khỏi chết, lấy y làm chồng rồi sau đó, vì mạng sống của mình lại giết chết y. Như thế, ta tự hỏi, cô có tội sát-sanh không; nếu có, sao lại chẳng bị quả- báo? Tích chuyện chỉ nói, sau khi làm tỳ-kheo-ni, cô chứng được quả A-la-hán. Theo đây mà suy- đoán, cô Khuôn nhờ biết theo Chánh-pháp tu-hành khiến cho ác-báo chẳng đủ cơ-duyên để nảy sanh được. Vậy, ý-nghĩa của Tích chuyện là: hễ ăn-năn việc cũ, tinh-tấn tu-hành, thì tránh được ác-báo.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 102 vá 103:

Ý-nghĩa của bài Kệ số 102 giống hai bài Kệ trước, số 100 và 101. Ý-nghĩa của bài Kệ số 103 là: thắng nhiều người nơi chiến-trường chưa vẻ-vang bằng mình thắng được mình.

Tại sao? Thắng nhiều người nơi chiến-trường chỉ cần nỗ-lực trong một lúc đánh nhau mà thôi; còn muốn mình tự-thắng mình, phải nỗ-lực dài lâu hơn; vả lại kẻ thù nơi mình chính là các tật xấu, rất khó mà tận-diệt cho xong hết, vì mình hay binh mình.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ số 103, để ghi nhớ phải thắng tật xấu của mình.

(84).- Tích chuyện về Phạm-chí Anh-tha-bút.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến thanh-niên Anh-tha-bút.

Thuở ấy có một chàng thanh-niên Bà-la-môn tên là Anh-tha-bút đến yết-kiến Đức Phật và thưa rằng: "Bạch Ngài, có phải là Ngài chỉ biết rõ những hành-động nào đem lại lợi-ích cho ta và Ngài chẳng rõ được các hành-động nào có hại cho ta chăng?" Đức Phật đáp, Ngài hiểu rõ cả các hành-động nào chẳng những chẳng đem lợi-ích cho ta mà còn có hại đến thân nữa. Rồi Đức Phật bảo: "Có sáu hành- động khiến cho tài-sản phải sớm tiêu-tan. Đó là: (1) thức dậy trễ, mặt trời đã lên cao; (2) thường lười- biếng; (3) bạo-ác; (4) uống rượu mạnh hay dùng các chất say; (5) đi lang-thang vơ-vẩn ngoài đường vào đêm khuya; (6) tà-dâm.

Kế đó, Đức Phật lại hỏi chàng thanh-niên đang làm nghề gì để sanh-sống. Anh ta đáp, sống về nghề cờ-bạc. Đức Phật lại hỏi tiếp: "Có được khá không?". "Thưa có khi thắng, có khi thua." Đức Phật bảo: "Đánh thắng các con bạc sao cho bằng tự-mình khắc-phục được tất cả các lậu-hoặc trong tâm mình."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Thắng được mình, quả thật, vẻ-vang,
Còn vẻ-vang hơn thắng kẻ khác.
Dầu Trời, Nhạc-thần hoặc Ma-vương,
Cả Phạm-thiên cũng đâu thắng nổi
Con người từng biết khắc-phục mình.
(Kệ số 104 và 105.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ. Ở Ấn-độ xưa, có bốn giai-cấp: (1)Bà-la-môn; (2)Sát-đế-lợi (vua quan); (3)Phệ-xá (buôn-bán); (4) Thủ-đà-la (nông-phu, công-nhơn). Còn hàng Chiên-đà-la thì làm nghề hạ- tiện.

- Anh-tha-bút: tên người nầy tiếng Pali là Anathapucchaka.

- Yết-kiến = đến gặp người đáng tôn-kính.

- Bạo-ác: Bạo = tàn-bạo; Ác = xấu, có hại cho kẻ khác.

- Tà-dâm: Tà = gian-tà; Dâm = dâm-đãng. Tà-dâm là đã có gia-đình rồi mà còn lấy vợ hay chồng của kẻ khác.

- Con bạc = người chơi bài, đánh bạc.

- Khắc-phục = chống-cự và thắng được. Ở đây, Khắc-phục nghĩa là tự mình thắng được các tật xấu nơi mình, để trở lại người tốt như xưa.

- Lậu-hoặc: Xin nhắc lại, đó là các phiền-não từ bên trong lộ ra hành-động bên ngoài.

- Nhạc-thần: chúng-sanh cõi Trời chuyên lo về âm-nhạc, tiếng Pali là Gandhabba, thường được phiên- âm trong kinh là Càn-thát-bà.

- Phạm-thiên = cõi Trời thuộc Sắc-giới, về cảnh Sơ-thiền.

- Ma-vương = Vua các loài thiên-ma, thường hiện ra khuấy-rối, cám-dỗ người tu-hành.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, chàng thanh-niên Bà-la-môn được nghe Phật giảng năm tật xấu có hại cho mình, để tránh. Khi nghe chàng ta nói sống về nghề cờ-bạc, có khi thắng, có khi thua, Đức Phật dạy thêm, người mà thắng được các tật xấu nơi mình, mới là chiến-thắng vẻ-vang.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 104 và 105:

Hai bài Kệ nhắc lại ý-nghĩa của Tích chuyện: tự thắng mình mới vẻ-vang hơn thắng kẻ khác. Tự-thắng là tự-thắng điều chi? Tự thắng được các phiền-não, lậu-hoặc, khiến cho tâm được bình-an và thanh- tịnh. Tại sao Trời, Nhạc-thần và Ma-vương chẳng thắng nổi người từng biết khắc-phục mình? Trời có thể giáng họa, ban phước, nhưng với người tâm đã thanh-tịnh, vui hay buồn chẳng hề làm tâm xao- xuyến. Nhạc-thần quyến-rũ, Ma-vương cám-dỗ, nhưng với người tâm đã thanh-tịnh thì sự quyến-rũ cùng việc cám-dỗ chẳng thể nào làm cho tâm lay-chuyển được.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ: nên tranh-đấu với chính mình chống lại thói hư tật xấu của mình, hơn là ganh-đua với kẻ khác.

(85).- Tích chuyện người cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-viên, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất, là người theo phái ngoại-đạo.

Cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất là người Bà-la-môn, tin theo phái ngoại-đạo loã-thể Ni-kiền-tử. Một hôm, Tôn-giả hỏi cậu: "Từ trước đến giờ, cậu có làm một việc phước-đức nào không?" Người cậu trả lời là có, hàng tháng thường cúng-dường cho các tu-sĩ phái loã-thể, số tiền nay lên đến cả ngàn, hi-vọng rằng trong kiếp tới sẽ được sanh về cõi Trời Phạm-thiên. Tôn-giả bảo các tu-sĩ ngoại-đạo loã-thể đó đã gieo niềm hi-vọng sai-lầm cho cậu, vì chính họ cũng chẳng biết rõ con đường lên đến cõi Phạm-thiên.

Tôn- giả mời cậu đi đến gặp Đức Phật, để nghe giảng-dạy về Chánh-pháp, nhờ đó mà sẽ được sanh lên cõi Phạm-thiên.

Đức Phật bảo người cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất: "Nầy Bà-la-môn, cúng-dường một tô cơm cho tỳ- kheo đi khất-thực còn đem lại nhiều phước-đức hơn là dâng cả ngàn tiền cho bọn loã-thể."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Dầu thường cúng-tế ngàn vàng,
Tháng nầy tháng nọ, kể hàng trăm năm,
Sao cho bằng thành-tâm kính-mộ
Bực Thánh-nhơn, chỉ độ phút giây.
Kính người đức-hạnh cao dầy,
Còn hơn cúng-tế kéo dài trăm năm.
(Kệ số 106.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tịnh-xá Trúc-viên: Vua Tàn-bà-sa-la (Bimbisara), nước Ma-kiệt-đà (Magadha) xây cất tịnh-xá trong vườn Trúc, để cúng-dường Đức Phật. Tên tịnh-xá bằng tiếng Pali là Veluvana.

- Vương-xá: thủ-đô nước Ma-kiệt-đà; tiêqng Pali là Ràjagaha.

- Ngoại-đạo: Ngoại = ngoài; Ngoại-đạo là muốn nói đến những giáo-phái khác hơn Đạo Phật. Vào thời Đức Phật có sáu môn-phái tu-sĩ chống-đối với Đức Phật, gọi là lục sư ngoại-đạo (lục = sáu; sư = thầy.)

- Loã-thể: Loã = loã-lồ, trần-truồng; Thể = thân-thể. Loã-thể là chẳng mặc quần-áo, chí đóng khố che phiá dưới.

- Ni-kiền-tử: phiên-âm tiếng Pali là Nigantha, nhóm tu-sĩ loã-thể tu khổ-hạnh. Nhóm nầy vẫn còn tồn- tại ở Ấn-độ ngày nay.

- Phạm-thiên: cõi Trời Sắc-giới, thuộc cảnh Sơ-thiền.

- Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt (còn gọi là sơ-quả) trong hàng Thanh-văn (=các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe giảng kinh mà tu-tập). Tiếng Pali là Sotàpatti, có nghĩa là được gia-nhập vào dòng nước Thánh, nên được dịch là Nhập-Lưu (nhập = vào; lưu = dòng nước), còn gọi là Thất Lai (thất = bảy; lai = đến, trở lại), nghĩa là chỉ còn phải tái-sanh bảy lần nữa trong cõi Luân-hồi, rồi sẽ chứng được quả Thánh.

- Thánh-nhơn: Thánh = bực Thánh, trái với phàm-phu; Nhơn = người. Ba quả-vị đầu-tiên: Tu-đà- huờn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm, vì còn phải tái-sanh nên gọi là bực Hiền; đến quả-vị thứ tư, cao nhứt, là A-la-hán, chứng được vô-sanh (= hết bị tái-sanh nữa), nên được gọi là bực Thánh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc người cậu của Tôn-giả Xá-lợi-phất lầm tưởng hễ cúng-dường cho phái loã- thể là được tái-sanh lên cõi Trời Phạm-thiên. Được nghe Đức Phật giảng Chánh-pháp, khuyên nên bố- thí cho các tỳ-kheo là những người tu-hành chơn-chánh sẽ được phước nhiều hơn,người cậu chứng được quả-vị Tu-đà-huờn, gia-nhập vào dòng Thánh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 106:

Bài Kệ khuyên ta nên cúng-dường các bực tu-hành chơn-chánh, đừng nhẹ dạ tin theo lời của bọn ngoại-đạo.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ để biết cúng-dường đúng cách, đúng chỗ.

(86).- Tích chuyện người cháu của Tôn-giả Xá-lợi-phất.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến người cháu của Tôn-giả Xá-lợi-phất, theo đạo thờ lửa.

Một hôm, Tôn-giả Xá-lợi-phất hỏi người cháu vốn thuộc giai-cấp Bà-la-môn, rằng: "Từ trước đến giờ, cháu có làm được một việc phước-đức nào không?" Người cháu đáp, mỗi tháng anh ta đều giết một con dê để cúng-tế thần lửa, với niềm tin là mình sẽ được tái-sanh lên cõi Trời Phạm-thiên. Tôn-giả liền giải-thích cho cháu nghe, các vị thầy thờ thần-lửa của cháu đã gạt cháu, vì chính họ cũng chẳng biết đường-lối nào để lên đến cõi Phạm-thiên.

Được dẫn đến yết-kiến Đức Phật, người cháu của Tôn-giả Xá-lợi-phất được nghe Đức Phật giảng về Chánh-pháp, chỉ rõ đường-lối tu-hành để được sanh lên Trời. Đức Phật bảo: ‘Nầy thanh-niên Bà-la- môn, tỏ lòng kính-mộ một vị tỳ-kheo tu-hành chơn-chánh còn đem cho ta nhiều phước-đức hơn là giết dê để tế thần lửa cả trăm năm."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà chàng thanh-niên kia chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Dầu thường đốt lửa rừng hoang,
Cúng thờ thần lửa kể hàng trăm năm
Sao cho bằng thành-tâm kính-mộ
Bực thánh-nhơn chỉ độ phút giây,
Kính người đức-hạnh cao-dầy
Còn hơn thờ lửa kéo dài trăm năm.
(Kệ số 107.)
TÌM HIỂU và HỌC-TẬP:

Trong bài nầy, Tích chuyện và Kệ cũng giống với bài trước, xin xem các chữ khó và ý-nghĩa ở bài trước. Xin nói thêm về việc thờ thần-lửa, ở Ấn-độ, phái ngoại-đạo nầy đốt

lửa cháy suốt ngày đêm để thờ.

(87).- Tích chuyện người bạn của Tôn-giả Xá-lợi-phất.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-viên, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến một người bạn của Tôn-giả Xá-lợi-phất, là người hay cúng-tế và bố-thí.

Một hôm, Tôn-giả Xá-lợi-phất gặp một người bạn, vốn thuộc giai-cấp Bà-la-môn, mới hỏi rằng: "Nầy bạn, từ trước tới nay, bạn có làm được một việc phước-đức nào không?" Người bạn đáp có, thường

giết thú-vật để cúng-tế và mở hội bố-thí rộng-rãi, với hi-vọng được sanh lên cõi Trời, theo như lời dạy của các vị thầy của mình. Tôn-giả Xá-lợi-phất bảo, đó là các thầy của anh đã cho anh một ảo-vọng sanh Thiên, chớ chính họ cũng còn chưa biết đúng được theo con đường nào mà lên đến cõi Trời. Tôn- giả liền mời bạn đến yết-kiến Đức Phật để nghe giảng Chánh-pháp, Ngài sẽ chỉ cho đường-lối tu-hành để được sanh lên cõi Trời.

Đức Phật bảo người bạn của Tôn-giả Xá-lợi-phất: "Nầy ông Bà-la-môn, kính-lễ bực Thánh, dầu chỉ trong giây lát cũng đem lại công-đức nhiều hơn là suốt năm giết thú-vật để tế-thần mà cầu phước."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà người bạn của Tôn-giả Xá-lợi-phất chứng được quả- vị Tu-đà-huờn:

Trên thế-gian, bất luận tế-vật nào
Hay tặng-phẩm, suốt năm đem hiến trao,
Phước tạo được, thua phần-tư công-đức
Chí thành đảnh lễ bực đức-hạnh cao.
(Kệ số 108.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bố-thí: xin nhắc lại: Bố =rộng-rãi, cùng khắp; Thí = cho. Bố-thí là hiến-tặng tiền-của, công-sức, lời an-ủi đến cho người khác đang thiếu.

-Ảo-vọng: Ảo = giả, chẳng có thật; Vọng =hi-vọng, mong-mỏi. Ảo-vọng là sự hi-vọng hão-huyền, chẳng thể thực-hiện được.

- Sanh Thiên = sanh lên cõi Trời, được hưởng phước sung-sướng.

- Bực Thánh = bực tu-hành đã chứng quả-vị A-la-hán, chẳng còn phải tái-sanh nữa. Trái với phàm- phu, chưa tu. Tiếng Pali là Ariya.

B.- Nghĩa Ý:

Về Tích chuyện và bài Kệ, ở đây, cũng giống ý-nghĩa ở hai bài trước, xin xem lại. Nhơn đây, xin có vài ý-kiến về sự CÚNG-TẾ và BỐ-THÍ:

1.- Cúng-tế là tỏ lòng kính-mến đến các bực vô-hình. Thành-tâm tưởng-niệm trong khi cúng mới quí, quí hơn các lễ-vật dưng-cúng.

2.- Cúng-tế để cầu phước, xét cho kỹ, nào có khác gì "lo-lót"các thần-linh. Giết thú-vật cúng-tế cho các tà-thần gây thêm tội-ác (sát sanh), phước đâu chẳng thấy, trước mắt chỉ thấy sự đau-đớn thú-vật bị hy-sanh.

3.- Trong các lễ giỗ, đám cưới, đám ma, chẳng nên quay heo, giết gà-vịt để cúng. Theo các sách luận, người được cúng chẳng những chẳng có được lợi-ích gì, lại còn phải chịu chia-xẻ tội sát-sanh. Nếu cần có thức ăn mặn để đãi khách trong bữa tiệc, sao lại chẳng đi mua? Dùng thịt mà mình chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết người ta vì mình mà giết thú-vật, thịt đó gọi là tịnh-nhục, được phép ăn, theo giới-luật Nguyên-thủy.

4.- Bố-thí là hạnh thứ nhứt của Bồ-tát-đạo: hạnh nầy giúp người thí-giả diệt được lòng bỏn-xẻn (rít- róng), giúp người thọ-thí qua được cơn túng-thiếu, khổ-sở. Nếu được thi-hành một cách rốt-ráo, sự bố- thí trở nên bố-thí Ba-la-mật, nghĩa là hạnh-tu khiến ta đến được bờ bên kia là bờ giác-ngộ và giải- thoát.

5.- Khi bố-thí, cần tránh sự khoe-khoang, chẳng vì cầu danh khen mà bố-thí. Gởi tiền, đồ-vật để tặng các hội từ-thiện là hành-vi bố-thí tốt.

6.- Tuy chẳng nên phân-biệt người nhận khi mình cho, nhưng cần tránh trường-hợp dung-dưỡng sự lười-biếng của những hạng người lấy việc ăn-xin, khêu gợi lòng trắc-ẩn của kẻ khác, mà làm nghề sanh-sống.

7.- Đến chùa làm công-quả cũng là một hình-thức cúng-dường, bố-thí. Nhưng đến giờ giảng kinh, phải chịu khó lên nghe, chớ ở miết sau nhà bếp, ngại nghe chẳng hiểu. Nếu chẳng hiểu, sao lại chẳng hỏi Thầy?

HỌC TẬP:

- Xin đọc lại Mục B: vài ý-nghĩ về Cúng-tế và Bố-thí, và bàn-luận thêm với bạn-đạo: các thái-độ sai- lầm bấy lâu nay về Cúng-tế và Bố-thí.

(88).- Tích chuyện về cậu bé Trường-Thọ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại một tu-viện ở làng Đích-hạ-lan, trong một kỳ giảng pháp, có đề- cập đến cậu-bé tên là Trường-Thọ.

Thuở ấy có hai người ẩn-sĩ tu-hành khổ-hạnh trong bốn mươi tám năm. Sau đó, một người quay về đời sống xã-hội, lập gia-đình và sanh được một đứa con trai. Một hôm, hai vợ chồng bồng con đến thăm người bạn đạo cũ. Vị nầy ngõ lời chào: "Chúc anh chị được sống lâu!", nhưng vị ấy nhìn đứa bé mà chẳng nói lời chúc-tụng nào cả. Hai vợ chồng ngạc-nhiên, hỏi. Đáp, cháu nó vô-phước quá, chỉ còn sống thêm được bảy ngày nữa mà thôi. Người chồng liền xin bạn cứu mạng cho con. Đáp, ta chẳng đủ pháp-lực làm việc đó. Gần nơi đây, có Đức Phật Cồ-đàm đang ở trong tu-viện kia, mới đủ sức cứu nó được.

Cha mẹ đứa bé liền bồng con đến yết-kiến Đức Phật và xin Ngài cứu-mạng cho nó. Đức Phật dạy, về nhà cất một ngôi miễu nhỏ bên cạnh cửa ngõ, đặt con nằm trên chõng, và

mời các thầy tỳ-kheo đến tụng kinh Tiêu-tai cho nó. Cha mẹ đem con về, làm y theo lời dặn. Đến ngày thứ bảy, Đức Phật cùng chư Tăng đến bên ngôi miễu, thăm đứa bé. Bấy giờ, tên ác-quỉ định bắt đứa bé, thấy Đức Phật, chư Tăng cùng chư Thiên đứng bao quanh, chẳng dám bén mảng tới, đứng đằng xa chờ đợi. Cả đêm ấy, chư Tăng tiếp-tục tụng kinh đến sáng. Sáng hôm sau, cha mẹ đứa bé bồng con đến tu-viện tạ-ơn Đức Phật. Ngài chúc lành cho nó: "Nguyện con được trường-thọ!" Người cha thưa hỏi Đức Phật, con mình sẽ sống được bao lâu. Đức Phật đáp, nó sẽ sống đến một trăm hai mươi tuổi. Cha mẹ nó mừng lắm, và từ đó gọi tên nó là Trường-Thọ.

Khi cậu bé lớn lên, chăm lo tu-hành, hướng-dẫn một số bạn-bè đến chùa Kỳ-viên đảnh-lễ Đức Phật. Bấy giờ, có vài vị tỳ-kheo năm xưa biết mặt cậu, nhận ra, mới đến thưa cùng Đức Phật: "Bạch Thế- tôn, làm người sống ở đời, có cách nào để được sống trường-thọ không?" Đức Phật đáp: ‘Biết kính-lễ bực trưởng-thượng và bực cao-đức, con người chẳng những được sống dài lâu, mà còn được hưởng giàu-sang, sắc-đẹp và hạnh-phước.’

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Kính-nễ, tôn-vinh bực trưởng-thượng,
Được bốn phước lành càng tăng-trưởng:
Sức-khoẻ dồi-dào, lại đẹp tươi,
Hạnh-phước, sống lâu mà an-hưởng.
(Kệ số 109.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Trường-Thọ: Trường =dài lâu; Thọ = tuổi. Trường-thọ là sống dai. Tên cậu bằng tiếng Pali là àyuvaddhanakumàra.

- Đích-hạ-lan: tên làng nầy tiếng Pali là Dighalanghika.

- Ẩn-sĩ: Ẩn =dấu mình kín-đáo, sống xa người; Sĩ = người, tu-sĩ.

- Cồ-đàm = họ của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Gautama.

- Pháp-lực: Pháp = phép-lực, tài-sức; Lực = sức. Pháp-lực là sức mạnh tinh-thần của người tu-hành cao.

- Miễu = cái am, cốc nhỏ để thờ-cúng.

- Tiêu-tai: Tiêu = tiêu mất đi; Tai = tai-nạn. Chữ Tiêu-tai nầy, có nghĩa là cầu an, được tạm dùng để dịch nghĩa chữ Pali là Paritta.

- Trưởng-thượng: Trưởng = lớn;Thượng =trên. Người lớn tuổi.

- Tôn-vinh: Tôn = tôn-kính; Vinh = vinh-dự, khen ngợi.

- Tăng-trưởng: Tăng = thêm lên; Trưởng = lớn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc Đức Phật cứu mạng sống cho một đứa bé. Ý-nghĩa của Tích chuyện nằm trong lời Đức Phật dạy, phải biết tôn-kính bực trưởng-thượng và bực tu-hành có đức-hạnh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 109:

Bài Kệ kể ra bốn lợi-ích của sự tôn-kính bực trưởng-thượng: (1) có sức-khoẻ, (2) có sắc đẹp, (3) hạnh- phước, (4) sống lâu. Nhưng ta chẳng đợi được bốn điều ấy mới kính người già-cả, ta kính chỉ vì các cụ lớn tuổi.

HỌC TẬP:

- Dạy trẻ học thuộc bài Kệ, để tập chúng biết chào kính các cụ già.

(89).- Tích chuyện Sa-di Sầm-khí-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến vị Sa-di Sầm-khí-ca.

Thuở ấy, có ba mươi vị tỳ-kheo được Đức Phật dạy cho mỗi người một đề-tài thiền-quán, đi đến một làng nọ cách chùa Kỳ-viên hơn trăm do-tuần, để tu-tập. Lại có một đảng cướp hung-ác đang lập sào- huyệt trong khu rừng già gần ngôi làng. Sáng hôm ấy, chúng đánh vào làng, cướp của và đòi bắt theo một người đem vào rừng giết lấy máu để tế-thần. Thấy dân làng sợ-hãi, chư Tăng mới đứng ra nhận việc hy-sanh để bọn cướp bắt đi. Từ vị lớn tuổi nhứt đến các vị còn trẻ, ai cũng tình-nguyện chịu bị cướp bắt. Bấy giờ, trong số có một cậu Sa-di bảy tuổi, đệ-tử của Tôn-giả Xá-lợi-phất, đứng lên thưa rằng: "Bạch các Tôn-giả, khi ra đi, thầy của đệ-tử đã đoán biết việc nầy, nên cho con tháp-tùng cùng

quí vị và dặn con thay quí-vị mà đi vào rừng với các vị "anh-hùng" nầy." Các tỳ-kheo nghe thế, ngậm- ngùi mà tiễn-đưa cậu Sa-di đi vào cõi chết.

Đến bìa rừng, bọn cướp dẫn Sa-di Sầm-khí-ca đến một mô đất, bắt ngồi xuống, chờ tên đầu-đảng ra tay. Sầm ngồi theo thế kiết-già, tâm-trí đang vào cơn đại-định. Chúa đảng vung gươm ra chém. Lạ thay lưỡi gươm chẳng chạm được vào đầu vị Sa-di trẻ mà lại bật ngược ra ngoài. Tướng cướp ngạc-nhiên, vuốt lại lưỡi gươm, vung mạnh lên chém xuống. Lần nầy, lưỡi gươm cong oằn lại cuốn ngược vào đến cán. Tướng cướp hoảng-hốt, biết đang gặp phải một bực tu-hành đã đắc đạo-quả Thánh. Y liền qùi xuống, xin sám-hối; trong khi đó, cả đảng cướp cũng răm-rắp làm theo. Vừa xuất cơn đại-định, vị A- la-hán Sầm-khí-ca chấp-nhận lời sám-hối. Cả bọn liền xin cải tà qui chánh, và được dẫn trở về làng. Khi thấy Sầm đi đầu, theo sau các tướng cướp, các vị tỳ-kheo trong làng mừng mừng tủi-tủi. Rồi tất cả cùng lên đường về chùa Kỳ-viên.

Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo vừa gia-nhập Tăng-đoàn: "Nầy chư tỳ-kheo, nếu các ông tiếp-tục cướp của, giết người, đời sống của các ông thật là vô-ích, dầu có kéo dài đến trăm năm. Thà chỉ sống một ngày đức-hạnh, còn hơn sống trăm năm trong tội-lỗi"

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Nếu phải sống trăm năm trong phóng-dật, Chẳng thà tu thiền-định, sống một ngày. (Kệ số 110.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di: người tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới tỳ-kheo (Sàmanera.)

- Sầm-khí-ca: tên vị Sa-di nầy, tiếng Pali là Samkicca.

- Đề-tài thiền-quán: xin nhắc lại, đó là một đầu-đề để suy-nghĩ sâu-xa trong khi ngồi Thiền nhập đỉnh.

- Do-tuần: xin nhắc lại, đó là đơn-vị đo đường dài, khoảng một dặm (hơn một cây-số, km), tiếng Pali là yojana.

-Sào-huyệt: Sào = ổ chim, chỗ ở; huyệt = hang, hầm-hố. Sào-huyệt có nghĩa là nơi xa-vắng, ẩn-kín bọn cướp dùng làm chỗ trú-đóng.

- Tháp-tùng = đi theo.

- Kiết-già = thế ngồi của người tu Thiền, hai bàn chơn tréo lên đùi.

- Đại-định: Đại =lớn; Định = yên, chẳng xao-động. Đại-định là tâm-trạng vắng-lặng, an-ổn của người ngồi thiền, chẳng bị cảnh bên ngoài lôi-cuốn, chẳng bị ý bên trong trì-níu.

- Quả Thánh = quả-vị của bực Thánh-nhơn; ở đây, muốn nói đến bực đã tu đắc quả A-la-hán. Bực Thánh, trong Phật-học, là bực đã diệt được các phiền-não, chẳng còn phải tái-sanh trong Luân-hồi.

- Sám-hối: Sám = tiếng Phạn là samma, nghĩa là ăn-năn; Hối = tiếng Hán, nghĩa tiếc-rẻ. Sám-hối là xin thú tội, gồm có hai việc: (1)nhận rõ tội-lỗi của mình đã làm; (2)hứa từ rày sẽ chừa, chẳng tái-phạm nữa.

- Cải tà qui chánh: Cải =sửa lại; Tà = sái-quấy; Qui = quay trở về; Chánh =ngay thẳng. Cải tà qui chánh là ăn-năn bỏ việc lỗi-lầm cũ mà quay về theo con đường chơn-chánh.

- Phóng-dật = buông trôi theo tội-lỗi, chẳng biết tự kềm-chế. Đồng nghĩa với: buông trôi, lười biếng, buông-lung, phóng-đãng.

- Thiền-định: đường-lối tu-hành thanh-lọc tâm-ý, giữ tâm yên-ổn. Thiền, chữ Pali là Jhàna, phiên-âm là thiền-na. Có bốn cảnh Thiền, từ Sơ-thiền đến tứ-thiền, và bốn định.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại sự hy-sinh của một cậu bé ngồi chịu chết đã cảm-hoá được bọn cướp phải cải tà qui chánh. Việc đã xảy ra vào thời xa xưa, ngày nay những người có tinh-thần khoa-học khó tin theo; nhưng đứng về lý mà xét, chẳng phải là hoang-đường: trước cảnh một đứa bé ngây-thơ, ngồi im-lìm chịu chết, tên cướp kia đã quá cảm-động,

run tay nên chẳng thể vung gươm chém đúng được, là việc rất có thể xảy ra. Huống chi, còn có sức mạnh tâm-linh và luồng tư-tưởng từ-bi phát ra từ người nhập- định, đã ảnh-hưởng mạnh-mẽ đến tinh-thần của các tướng cướp. Nhưng ý-nghĩa của Tích chuyện, chẳng phải là để kể lại chuyện nhiệm-mầu, mà muốn nói đến sự xúc-động của kẻ gian-ác đã biết rời bỏ con đường tội-lỗi mà theo con đường chánh-đạo.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 110:

Bài Kệ ngắn nầy so-sánh sự hơn kém giữa hai lối sống: buông trôi theo năm tháng trong tội-lỗi và biết tinh-tấn tu-hành dù chỉ trong một ngày. Sự hơn-kém rất là rõ-rệt: người phóng-dật năm nầy tháng nọ làm nô-lệ cho các tật xấu, sống cuộc đời vô-ý-nghĩa; còn người tinh-tấn tu-hành, tự chiến-thắng mình dầu trong giây lát, khiến cho cuộc sống mới có ý-nghĩa.

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ là phải tìm thấy được nghĩa-lý của cuộc sống::sống chẳng phải là buông trôi theo ngày tháng, mà sống để tìm đường giác-ngộ và giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ mỗi khi viện cớ nầy hay cớ nọ mà xao lãng việc đi chùa, tụng kinh hay ngồi Thiền.

2.- Nếu biết thích mỗi buổi sáng ngồi nhâm-nhi ly cà-phê, đọc báo để xem tin-tức khắp hoàn-cầu, tại sao lại chẳng biết thích dành vài phút ngồi yên-lặng, tĩnh-tâm, để mình sống với lòng mình?

(90).- Tích chuyện Tôn-giả Khuôn-đà-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Tôn-giả Khuôn-đà-na.

Thuở ấy có tỳ-kheo Khuôn-đà-na, sau khi được Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, mới đi vào khu rừng già, tu-tập thiền-định và chẳng bao lâu chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Bấy giờ, Tôn- giả Khuôn-đà-na quay về chùa Kỳ-viên để đảnh-lễ Đức Phật. Trên đường về, trời tối, Tôn-giả mỏi- mệt, mới ngồi nghỉ trên một tảng đá, và tâm-trí liền đi vào thiền-định. Vào lúc ấy có một đảng cướp vừa đánh phá một làng bên cạnh, vào khu rừng tạm nghỉ. Chúng đem các bao đựng đồ-vật cướp được, máng lên đầu, lên vai của vị tỳ-kheo, tưởng đó là một gốc cây khô-trụi. Sáng ra, nhìn thấy Tôn-giả còn đang trong cơn đại-định, chúng lại tưởng đó một hung-thần hiện lên đến bắt chúng. Chúng sợ-hãi, bỏ chạy. Vừa xuất cơn đại-định, Tôn-giả Khuôn-đà-na gọi họ lại, bảo cho biết mình là người tu-hành, chẳng làm hại ai cả. Tôn-giả lại giảng cho họ nghe về Chánh-pháp mình đang tu-tập. Bọn cướp cảm- phục, liền bỏ nghề hung-ác, xin được theo Tôn-giả đi tu. Bấy giờ, cả đoàn lên đường, hướng về chùa Kỳ-viên tiến bước.

Nơi chùa Kỳ-viên, sau khi được nghe Tôn-giả Khuôn-đà-na thưa trình lại sự-việc vừa qua trong rừng, Đức Phật khen ngợi các vị tỳ-kheo mới, biết cải-tà qui-chánh. Ngài nói: "Nầy các tỳ-kheo, sống trăm năm trong sự mê-mờ và hành-động điên-cuồng, bạo-ác như trước kia, là sống vô-dụng. Nay các vị đã thấy được Chơn-lý, biết được

Chánh-pháp, trở nên người hiền-trí, sống một ngày như thế mới là đáng sống."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Sống trăm năm si-mê, không tự-chế, Thua một ngày có trí-huệ, hành thiền. (Kệ số 111.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tôn-giả: Tôn =tôn-trọng; Giả = người. Tôn-giả là người đáng kính

- Khuôn-đà-na: tên thật của Tôn-giả tiếng Pali là Kondanna.

- Đề-tài Thiền-quán: xin nhắc lại, đó là một đầu-đề để suy-nghĩ thật sâu-xa trong khi ngồi Thiền.

- Đại-định: xin nhắc lại, đó là tâm-trạng của người ngồi Thiền chẳng còn bị cảnh-vật bên ngoài lôi- cuốn, bên trong tập-trung tư-tưởng vào đề-tài Thiền-quán.

- Xuất cơn đại-định: Xuất = ra khỏi. Xuất-định = chấm dứt việc ngồi Thiền.

- Cải-tà qui-chánh: xin nhắc lại, đó là bỏ điều dữ theo việc lành.

- Mê-mờ: ngu-tối, si-mê.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-từ; Trí = trí-huệ.

- Tự-chế: Tự = chính mình; Chế = chế-phục. Tự-chế là tự mình kềm-chế lấy mình, nghĩa là biết bỏ thói xấu của mình mà tập tánh tốt.

- Hành Thiền: Hành =làm, tu-hành. Hành-Thiền là tu-tập Thiền-định.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Cũng giống như bài trước về Sa-di Sầm-khí-ca. Xin xem lại.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 111:

Bài Kệ nầy ý-nghĩa cũng giống bài Kệ số 110, tuy có thay đổi vài chữ; thay vì dùng chữ phóng-dật, ở đây nói đến si-mê và không tự-chế. Chẳng biết tự mình kềm-chế mình, đó là phóng-dật.

Tại sao phóng-dật, chẳng tự-chế lại là si-mê? Vì chẳng biết suy-xét, cứ bị các tật xấu cám-dỗ mà chẳng biết khuất-phục chúng, để theo con đường giác-ngộ và giải-thoát.

Tại sao hành Thiền đem đến Trí-huệ cho ta? Thật ra, hành Thiền chẳng đem đến Trí-huệ. Trong khi hành Thiền, biết nghĩ-suy thâm-sâu, thì Trí-huệ đã có sẵn nơi ta mới khỏi bị mê-mờ, và được phát- triển thêm lên.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng hai bài Kệ số 110 và 112, để cố gắng học-tập ngồi Thiền, cho tâm được an-tịnh và Trí-huệ phát-triển.

(91).- Tích chuyện Trưởng-lão Xà-nô.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Xà-nô.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo nỗ-lực tu-tập ngày đêm chẳng ngừng nghỉ, cảm thấy chán-nản với cuộc sống trong tu-viện. Vị ấy lại chẳng muốn trở về đời sống thế-tục, vì ngại thẹn với bạn-bè cũ. Vì thế, vị ấy nghĩ chỉ có cách tốt nhứt là quyên-sinh. Vị ấy thò ngón tay vào một cái hủ có nhốt một con rắn độc. Nhưng rắn chẳng cắn, vì ở tiền-kiếp, rắn đã làm nô-lệ cho vị ấy. Bấy giờ, trong số chư Tăng có người biết chuyện đó, mới kể lại cho mọi người hay. Và kể từ ấy, mọi người gọi vị tỳ-kheo đó là Xà-nô, người chủ của con rắn nô-lệ.

Ít lâu sau, tỳ-kheo Xà-nô lại muốn tự-tử nữa. Ông tìm đến một chỗ vắng người, lấy con dao cạo thật bén, định cắt yết-hầu của mình. Nhưng khi lưỡi dao chạm vào cổ, vị tỳ-kheo nhớ lại cuộc đời đức-hạnh của mình, suy-nghĩ sâu-xa về con đường tu-hành đã đi qua, bỗng nhiên trong tâm khởi lên một niềm phỉ-lạc, khiến toàn thân cảm thấy tràn ngập một niềm vui-sướng vô-biên. Sau cơn phỉ-lạc, tâm-trí liền nhập vào đại-định và chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán.

Khi quay trở lại chùa, chư Tăng thấy tay tỳ-kheo Xà-nô còn cầm con dao cạo, mới hỏi đi đâu về. Tỳ- kheo Xà-nô đáp: "Tôi vừa có ý-định dùng dao để cắt đứt cuống họng tôi, nhưng với lưỡi dao Trí-Huệ, tôi đã cắt đứt được tất cả mọi phiền-não, lậu-hoặc trong tâm tôi." Chư Tăng còn chưa tin lời nói đó, mới đến thưa trình cùng Đức Phật, rằng: "Bạch Thế-tôn, tỳ-kheo Xà-nô bảo mình chứng được quả-vị A-la-hán ngay trong lúc đưa con dao lên sắp cắt cổ mình, như thế có đúng với Sự-thật chăng?" Đức Phật đáp: 'Nầy chư Tăng, với một người đã nỗ-lực ngày đêm, tinh-tấn tu Thiền-định, quả-vị A-la-hán có thể chứng-đắc được ngay trong phút-giây. Cả khi đang đi kinh-hành, giở một chơn lên để bước tới, chơn chưa đụng đất, đã chứng ngay được đạo-quả A-la-hán."

Rồi Đức Phật mới thốt lên bài kệ sau đây:

Sống trăm năm buông-lung và thụ-động, Thua một ngày tinh-tấn và hành-thiền. (Kệ số 112.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xà-nô: Xà = con rắn; Nô =nô-lệ, tôi-tớ ở đời với chủ, sanh-mạng và tự-do thuộc về chủ. Chữ Xà-nô ở đây, dùng để dịch nghĩa tên của vị tỳ-kheo bằng tiếng Pali là Sappadàsa: Sappa là con rắn; Dàsa là nô-lệ.

- Đời sống thế-tục = đời sống của người thường, chưa tu, có gia-đình, bận-bịu việc làm ăn.

- Quyên-sinh: tự-tử. Quyên = bỏ đi; Sinh = sanh-mạng, mạng sống.

- Yết-hầu = nơi cổ họng.

- Niềm phỉ-lạc: Phỉ = vui vì đã thoả-mãn, được vừa lòng; Phỉ, tiếng Pali là Pìti. Lạc cũng là vui, thú vui tinh-thần, dứt được mọi khổ-não; Lạc, tiếng Pali là Sukha, trái ngược với Khổ là Dukkha. Tâm- trạng phỉ, lạc thường chứng được khi tu đến cấp sơ-thiền và nhị-thiền.

- Đại-định: xin nhắc lại, đây là tâm-trạng của thiền-giả đã hoàn-toàn vắng-lặng, cảnh bên ngoài chẳng lôi-cuốn được, ý-tưởng bên trong chẳng trì-níu nổi, lòng đắm trong cõi tịch-diệt, yên-vắng.

- Đạo-quả A-la-hán: Xin nhắc lại: Đạo là con đường, đường-lối tu-hành đưa đến quả-vị, tiếng Pali là Magga; Quả là kết-quả của việc tu-hành đã thành-công; tiếng Pali là Phala. Chứng Đạo-Quả là đã biết rõ và đã thi-hành theo đúng con đường đưa đến sự tu-hành thành-công. A-la-hán là bực Thánh, đã dứt hết các phiền-não trong tâm, chẳng còn phải tái-sanh nữa; tiếng Pali là Arahant. Quả-vị A-la-hán là quả-vị thứ tư cao nhứt trong hàng các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe Phật giảng kinh mà tu-tập, các đệ- tử nầy được gọi là hàng Thanh-văn (Thanh =tiếng nói; Văn = nghe), tiếng Phạn là Sravaka.

- Lưỡi dao Trí-huệ: đây là lời nói thí-dụ, ví Trí-Huệ có sức bén như con dao, dùng để cắt bỏ, diệt-trừ được tất cả các phiền-não, si-mê.

- Lậu-hoặc: Xin nhắc lại: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = sự sai-lầm. Lậu-hoặc là các phiền-não, như tham, sân, si, bộc-lộ ra với hành-động xấu-ác.

- Kinh-hành: Kinh = kinh, kệ; Hành = đi. Sau khi ngồi thiền, để chơn cẳng thoải-mái hơn, ta đi kinh- hành, bước chầm-chậm, lòng vắng-lặng, vừa niệm thầm, hay niệm ra tiếng, lời kinh hay danh-hiệu Phật.

- Buông-lung = thả trôi, chẳng kềm-chế; nói cách khác là lười-biếng

- Thụ-động: Thụ =nhận-chịu; Động = hành-động. Người thụ-động là người lười, chẳng ham hoạt- động, như kẻ "chết chưa chôn".

- Tinh-tấn = nỗ-lực, cố gắng mãi lên cho có sự tấn-bộ.

- Hành Thiền = tĩnh-tâm và tu-tập Thiền.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Trước khi nói đến Ý-nghĩa của Tích chuyện, xin được bàn qua vài chi-tiết có vẻ khó-tin được trong Tích chuyện:

1) Thò tay vào cho rắn độc cắn mà chẳng bị rắn cắn: chuyện khó tin thật, nhưng ý của người kết-tập Kinh nầy chẳng phải muốn ta tin việc đó, mà phải nên suy-nghĩ thêm rằng, bên trong tâm ta có ba món độc lớn là tham, sân, si, cũng như con rắn độc, luôn luôn sai-khiến ta làm những hành-động xấu-ác.

2) Đưa lưỡi dao cạo lên cắt cổ mà chẳng chết: chuyện khó tin thật, nhưng ý của người kết-tập Kinh nầy chẳng phải muốn ta tin vào việc ấy, mà phải nên suy-nghĩ thêm rằng, Trí-huệ có sẵn trong tâm ta, nếu được tu-tập thiền-định, sẽ trở nên bén nhạy, giúp ta

cắt đứt bỏ được các phiền-não, các món độc lớn, vậy Trí-huệ còn bén hơn lưỡi dao cạo nữa.

3) Điểm khá quan-trọng cần bàn-luận thêm cho rõ là: ý-định tự-tử của vị tỳ-kheo. Tại sao vị ấy lại muốn tự-tử? Vì vị ấy chán hết muốn sống cuộc đời đau-khổ. Khi quán-niệm thân bất-tịnh, nhận thấy thân-thể nầy chứa đầy chất dơ-bẩn, sanh ra chán-ghét, hết muốn sống: đây là tu thiền-quán Tứ-niệm-xứ chẳng đúng cách. Phật dạy quán thân bất-tịnh chỉ là để cho ta đừng quá tríu-mến thân, phải nghĩ đến việc giải-thoát thân-tâm khỏi cảnh tái-sanh đau-khổ, chớ chẳng phải là để bỏ trốn khỏi thân nầy. Ta phải nhớ lời Phật đã dạy: Được sanh ra làm người rất khó, rất quí; phải dùng thân-tâm nầy tu-học cho đến khi được giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn.

Sau khi đã vẹt bỏ các sự hiểu-lầm có thể có, về Tích chuyện, ta hãy tìm hiểu về Ý-nghĩa của Tích chuyện nầy: Vì quá nỗ-lực ngày đêm chẳng ngừng-nghỉ, một vị tỳ-kheo sanh ra chán sống, muốn tự-

tử. Nhưng khi nghĩ sâu-xa lại khoảng đời đức-hạnh vừa qua của mình, cùng con đường tu-hành chơn- chánh đã theo, vị ấy cảm thấy một niềm phỉ-lạc, rồi nhập định, chứng được quả-vị A-la-hán. Ý-nghĩa của Tích chuyện nằm gọn trong lời Phật dạy chư Tăng: "Nầy chư Tăng, với một người đã nỗ-lực ngày đêm, tinh-tấn tu Thiền-định, quả-vị A-la-hàn có thể chứng-đắc được ngay trong phút-giây. Cả khi đi kinh-hành, giở một chơn để bước tới, chơn chưa đụng đất, đã chứng ngay được đạo-quả A-la-hán."

Ta nên suy-nghĩ sâu-xa về lời dạy của Đức Phật, đừng quá nôn-nóng muốn chứng được quả-vị, mà phải nên bền-chí nỗ-lực, ngày tu-hành thành-công sẽ đến trong đời nầy, hay trong đời sau, có chi đâu mà phải quá vội-vàng mong-mỏi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 112:

Cũng như hai bài Kệ trước, số 110 và 111, bài Kệ nầy khuyên ta chớ nên lười-biếng, buông-lung, mà phải tinh-tấn tu-hành, ngồi Thiền, để cho Trí-huệ khỏi bị che-mờ và phát-triển lên, hầu cắt đứt được mọi phiền-não, lậu-hoặc trong tâm.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ mỗi khi thiếu sự hăng-hái trong việc tu-hành, thường viện lý-do quá bận-rộn mà bỏ qua một ngày chẳng đọc Kinh, lễ Phật.

2.- Để dễ tự khép mình vào kỷ-luật tu-hành, nên đặt ra cho mình một thời-khoá trong ngày để tụng- niệm hay ngồi Thiền. Chẳng cần phải có dư thời-giờ một hai tiếng, chỉ cần độ mười lăm phút mà lòng mình thanh-thản, tâm-trí chú vào lời Kinh, câu Kệ là đủ. Xin đề-nghị chọn vào buổi sáng, sau khi rửa mặt đánh răng xong; hoặc buổi tối, trước khi lên giường đi ngủ. Điều quan-trọng là mỗi ngày phải tập, đừng có ngày tập, ngày bỏ qua. Nhứt là, trong khi tập, phải thành-tâm, đừng làm lấy lệ, chớ đọc-tụng một cách máy-móc theo kiểu trả nợ quỷ-thần cho xong!

(92).- Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Phả-tha-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến Nữ-Trưởng-lão Phả-tha-ca.

Thuở ấy, cô Phả-tha-ca là người có nhan-sắc đẹp, con nhà giàu-có lớn, ở nước Xá-vệ. Cô lại thương- yêu một người hầu-cận trong nhà, trốn cha-mẹ, theo chàng trai, sống cuộc đời nghèo-khó. Chẳng bao lâu, cô mang thai, mới về nhà cha-mẹ để sanh-nở. Người chồng rượt theo, định bắt lại, nhưng cô chuyển bụng và sanh ngay bên bụi cây một đứa con trai. Sống với chồng con một thời-gian sau, cô lại mang thai và cũng đòi về nhà cha-mẹ, để mẹ con được chăm-sóc. Người chồng dẫn đứa con trai đi theo, để bắt vợ về, nhưng lại một lần nữa, cô Phả đau bụng nặng, sắp giở dạ. Anh chồng bước vào trong một lùm cây rậm, tìm chỗ cho vợ nằm đẻ. Chẳng may, anh bị rắn độc cắn chết. Chờ lâu chẳng thấy chồng trở lại, sau khi sanh con, cô Phả đi tìm, thấy xác chồng nằm bất-động bên bụi cây, cô khóc- lóc, rồi tay bồng, tay dắt, ba mẹ con cô thất-thểu lên đường về quê ngoại.

Lúc bấy giờ, trời đổ mưa tầm-tã, nước sông A-xi-ra dâng cao lên, tràn ngập cả hai bên bờ. Cô Phả chẳng thể nào cùng một lúc bồng cả hai con lội qua sông, mới để đứa lớn đứng chờ ở bờ bên nầy, ẵm đứa nhỏ bơi qua sông, rồi đặt nó bên mô đất cao, định quay lại rước đứa kia. Cô vừa ra đến giữa dòng nước, bỗng đâu một con chim ó to lớn bay đến thấy đứa bé sơ-sanh tưởng là một miếng thịt ngon, xớt thằng nhỏ, bay đi. Cô Phả trông thấy hò hét lên đuổi chim, nào ngờ thằng con trai lớn ở bờ bên kia, tưởng là mẹ gọi, bước lại gần mé, bị nước-lũ cuốn trôi theo dòng. Trong khoảnh-khắc, cô Phả đã mất chồng và cả hai con, ngồi khóc than thảm-thiết bên bờ sông. Bấy giờ, có người bộ-hành từ thành Xá-vệ đi tới, cô Phả hỏi thăm tin tức cha-mẹ, tính về quê cũ nương thân. Người bộ-hành cho biết, cách đây mấy hôm, một trận cuồng-phong đã tàn-phá nhiều nhà cửa dân-chúng ở Xá-vệ, và cả gia-đình, cha-mẹ, anh em của cô Phả đều bị chôn-vùi dưới đống gạch vụn. Nghe đến đó, lòng cô Phả quá đau-đớn, phát điên lên, xé áo quần, loạng-choạng bước đi, dưới cơn mưa to, miệng hét: "Chồng đâu, con đâu, cha mẹ anh em tôi đâu?!

Vừa đi vừa than-khóc, cô Phả lang-thang khắp các nẻo đường, duyên may lại đi hướng về chùa Kỳ- viên, bấy giờ Đức Phật đang giảng pháp. Từ trong đại-sảnh-đường, Đức Phật đã quán-thấy cảnh khổ của cô Phả. Khi người giữ cửa chẳng cho cô vào chùa, Đức Phật bảo cứ mời cô vào để Đức Phật an-ủi. Bước vào trong ấm-áp, cô Phả tỉnh lại, cảm thấy hổ-thẹn vì chẳng có mảnh áo che thân. Một vị tỳ-kheo thương tình cởi áo ra khoác lên người cô. Đức Phật hỏi sự-tình, cô Phả thuật lại chỉ trong một ngày mà mình đã mất cả chồng lẫn hai con, cha mẹ và anh em cùng chết cả, Đức Phật mới bảo: "Nầy tín-nữ Phả-tha-ca, nước mắt cô đã khóc các cái chết của cha, của mẹ, của chồng, của con, của anh chị em, qua các kiếp sống Luân-hồi, so ra còn nhiều hơn nước ở bốn biển nữa." Rồi Đức Phật liền giảng Kinh Tương-Ưng Vô-thỉ vạch rõ vô-lượng kiếp sống đã qua, khiến cho cô Phả-tha-ca cảm thấy được nhiều an-ủi. Ngài kết-thúc thời pháp: "Chớ quá đau-đớn nhớ mãi đến những người đã qua đời, mà hiện nay, cần phải thanh-lọc tâm-thần cho trong-sạch, nỗ-lực tu-tập để chứng-đắc Niết-bàn, sống vĩnh-viễn an- vui trong cõi tịch-diệt." Sau thời pháp, cô Phả chứng được sơ-quả Tu-đà-huờn, và xin đi tu.

Tỳ-kheo-ni Phả-tha-ca tu-hành rất tinh-tấn. Một hôm, bà đến bên bờ suối, múc nước rửa chơn, xối lên cẳng ba lần, bùn sình theo nước trôi đi, lòng bà trở nên nhẹ-nhàng, nghĩ đến ba cảnh: sanh, già, chết của đời người. Trong cơn đại-định, tâm bà quán-thấy Đức Phật đang thốt lên: "Nầy tỳ-kheo-ni Phả- tha-ca, tâm con đang đi đúng đường và nhận thấy rõ tánh-cách vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện của thân-tâm ngũ uẩn. Ai đã thấu-đạt được thân-tâm ngũ-uẩn với ba đặc-tánh như thế, dầu chỉ sống được một ngày, vẫn còn hơn kẻ sống trăm năm mà mê-mờ về thân-tâm ngũ uẩn." Sau đó, bà Phả chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

Bấy giờ tại Kỳ-viên-tự, Đức Phật thốt lên bài Kệ như sau:

Sống trăm năm mê-mờ thân ngũ-uẩn
Sanh rồi diệt, cứ sanh-diệt thăng-trầm,
Sao bằng sống một ngày mà rành-rẽ
Lẽ vô-thuờng sanh-diệt của thân-tâm.
(Kệ số 113.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Nữ Trưởng-lão: Nữ =phụ-nữ, đàn-bà;Trưởng =lớn; Lão =già. Chữ Nữ-trưởng-lão được dùng ở đây để dịch nghĩa chử Pali là Theri, nữ-tu-sĩ Phật-giáo đã dứt hết phiền-não, lậu-hoặc, chứng được A-la- hán. Bên Tăng, gọi là Thera, Trưởng-lão.

- Phả-tha-ca: tên vị Nữ-trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Patàcàrà.

- Hầu-cận: Hầu =hầu-hạ, theo giúp việc; Cận =gần bên. Người hầu-cận là người ở làm công, theo hầu người chủ trong nhà.

- Mang thai: có con trong bụng.

- Chuyển bụng: nói về người đàn-bà có thai sắp sanh con ra.

- Giở dạ: Dạ = bụng dạ. Giở dạ là sắp đẻ con ra, chuyển bụng.

- Bất-động: Bất =chẳng; Động = lay-động. Bất-động là nằm trơ, chẳng lay-động, tức là đã chết rồi nên chẳng nhúc-nhích.

- Thất-thểu = dáng đi buồn-khổ, đầy vẻ thất-vọng, chán-chường.

- Sông A-xi-ra: tên con sông nầy tiếng Pali là Aciravatì.

- Sơ-sanh: Sơ = vừa mới đó; Sanh = đẻ ra; Sơ-sanh = vừa mới đẻ ra

- Nước-lũ = nước lụt, nước dâng lên cao, ngập tràn khắp cả.

- Khoảnh-khắc = trong một lúc ngắn.

- Bộ-hành = người đi bộ.

- Cuồng-phong: Cuồng =điên-cuồng; Phong =gió. Cuồng-phong là cơn gió lớn, bão-tố, thổi mạnh làm sập nhà cửa.

- Loạng-choạng = bước đi chập-choạng, vừa bước vừa té.

- Đại-sảnh-đường: Đại = lớn; Sảnh = phòng; Đường = nhà. Căn đại-sảnh-đường là căn phòng khách, lớn nhứt trong nhà.

- Quán-thấy: xin nhắc lại, quán-thấy là nhìn thấy trong tâm; người tu Thiền cao, nhìn thấy, bằng tâm, các việc ở xa được.

- Tín-nữ: Tín = tin-tưởng; Nữ = phụ-nữ. Chữ Tín-nữ trong Phật-học dùng để chỉ người đàn-bà có lòng tin-tưởng vào Đạo Phật. Bên nam-phái thì gọi là Thiện-nam (thiện = lành).

- Các Kiếp sống Luân-hồi: các đời sống đã qua, sanh ra rồi lại chết đi, sanh ra nữa, liên-tiếp chẳng biết bao nhiêu đời. Luân-hồi: Luân là bánh xe, cứ quay mãi; Hồi là trở lại; Luân-hồi là cứ phải sống chết, sống chết mãi mãi, chẳng ngưng.

- Kinh Tương-Ưng Vô-thỉ: Kinh Anamatagga Samyutta trong Trung-Bộ-Kinh thuộc Kinh-Tạng (Suttanta Nikàya). Tương-Ưng là có liên-hệ với nhau; các bài Kinh cùng nói về một đề-tài; Vô-thỉ: Vô =chẳng; Thỉ = Thủy = chỗ bắt đầu. Trong Phật-học, nói về thời-gian, kinh-sách bảo là vô-thỉ, vô- chung, có nghĩa là về thời-gian, ta chẳng biết lúc nào là lúc khởi đầu, cũng chẳng thể biết lúc nào là lúc chấm-dứt. Chung = lúc tận-cùng.

- Vô-lượng: Vô =chẳng; Lượng =tính đếm. Vô-lượng là nhiều, tính đếm chẳng xuể.

- Niết-Bàn: xin nhắc lại: Niết-Bàn có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối, tức là diệt hết các phiền-não, mê-mờ, và chứng được cảnh vô-sanh, chẳng còn phải tái-sanh trong cảnh Luân-hồi nữa. Tiếng Pali là Nibbàna. Đây chẳng phải là một nơi chốn nào trong không-gian, mà là tâm-trạng của người đã dứt hết lậu-hoặc, mê-lầm, sống an-nhiên, tự-tại và vắng-lặng.

- Vĩnh-viễn:Vĩnh = lâu-bền; Viễn = xa. Vĩnh-viễn = mãi mãi.

- Tịch-diệt:Tịch = yên-lặng; Diệt = tiêu mất hết. Tịch-diệt =vắng-lặng

- Sơ-quả: Sơ =mới bắt đầu, thấp nhứt; Quả = kết-quả. Sơ-quả tức là quả-vị đầu-tiên, thấp nhứt; đó là quả Tu-đà-huờn, còn gọi là Nhập-Lưu.

- Đại-định: Đại = lớn; Định =an-định. Đại-định là tâm-trạng người tu-thiền đã vắng-lặng, bên ngoài cảnh-vật chẳng ảnh-hưởng đến, bên trong các ý-tưởng chẳng trì-níu, đang suy-tư thâm-sâu.

- Đang đi đúng con đường: Con Đường ở đây chính là Đạo, tiếng Pali là Magga, sẽ dẫn đến Quả, tu- hành thành-công, tiếng Pali là Phala.

- Vô-thường: Vô =chẳng; Thường = thường-hằng, chẳng biến-đổi, chẳng hư-hoại. Vô-thường là bị biến-đổi, bị hư-hoại, có đó rồi mất đó.

- Vô-ngã: Vô = chẳng; Ngã = ta. Vô-ngã là chẳng có ai làm chủ, để gọi đó là Ngã, là Ta cả; chẳng có đặc-tánh gì riêng-biệt, vốn rỗng-rang.

- Bất-toại-nguyện: Bất = chẳng; Toại = vừa ý, vừa lòng; Nguyện = mong-ước. Bất-toại-nguyện là còn thiếu-sót, chẳng làm ta vừa lòng được.

- Ngũ-uẩn: Ngũ = năm; uẩn = còn gọi là ấm, có nghĩa là tập-họp chung lại, và che-mờ. Phật-học dùng chữ Ngũ uẩn để chỉ năm thành-phần tạo nên thân-tâm con người: (1)sắc-uẩn = tấm thân vật-chất; (2)thọ-uẩn = các cảm-giác; (3) tưởng-uẩn = các tư-tưởng; (4)hành-uẩn = các hành-động; (5) thức-uẩn = các sự hiểu-biết. Bốn uẩn sau hợp lại thành tâm.

- Sanh-diệt = Sanh = sanh ra, sanh-sống; Diệt = tiêu mất, chết đi.

- Thăng-trầm: Thăng = lên cao; Trầm = chìm lắng xuống.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất dài; phần đầu kể lại trong trường-hợp nào cô Phả đã mất chồng con, cha mẹ và anh em; phần sau là những lời an-ủi và chỉ dạy của Đức Phật. Xin hãy lướt qua phần đầu và xét kỹ thêm về phần sau.

Phật an-ủi bà Phả bằng cách giảng Kinh Tương-Ưng Vô-Thỉ. Ta chẳng có trong tay bản Kinh nầy, nhưng ý-kinh được nói rõ: "Nước mắt khóc các cái chết của vợ-chồng, con cái, cha mẹ anh em, trong các kiếp sống Luân-hồi còn nhiều hơn nước ở bốn biển". Cho nên, người ta thường nói, đời là biển khổ. Biết sống trong cảnh Luân-hồi là đang ở trong biển khổ, vậy, muốn tìm cách ra khỏi, phải biết tu- tập để chứng-đắc được Niết-bàn. Mà bước đầu tu-tập chính là phải thanh-lọc thân-tâm.

Thanh-lọc thân-tâm bằng cách nào? Bà Phả được Phật dạy rằng: "Tâm con đang đi đúng đường, nhận thấy rõ tánh-cách vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện của thân-tâm ngũ-uẩn". Bản kinh Tứ-niệm-xứ dạy ta cách quán-chiếu thân-tâm ngũ-uẩn là vô-thường, vô-ngã, và bất-toại-nguyện: (1)thân bất-tịnh, (2)thọ thị khổ, (3)tâm vô-thường, (và 4)pháp vô-ngã.

Tóm lại, ý-nghĩa của Tích chuyện khuyên ta phải năng quán-chiếu thân-tâm năm uẩn nầy, thanh-lọc tâm-ý, để tiêu-diệt các phiền-não.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 113:

Bài Kệ nhấn-mạnh tánh-cách vô-thường của thân-tâm năm uẩn. Giản-dị mà nói, thân nầy, nay tuy còn khoẻ, còn đẹp, nhưng với thời-gian, sẽ già, sẽ yếu, sẽ còm-cõi; vậy chớ quá bấu-víu vào thân, mà phải quán thấy các chỗ dơ-bẩn bên trong thân để biết nhàm-chán các thú vui vật-chất. Tâm-trí nầy nay tuy còn minh-mẫn, nhưng với số tuổi càng cao, sẽ có ngày già-lẫn, lú-lộn; vậy ngay bây giờ, phải biết học- tập Kinh-kệ, kẻo đến lúc tuổi già, mau quên và chậm hiểu.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, để ghi nhớ tánh-cách vô-thường của thân-tâm.

(93).- Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Kỷ-sa-cơ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Nữ-trưởng-lão Kỷ-sa-cơ.

Thuở ấy có cô Kỷ-sa-cơ là con gái của một nhà hào-phú ở nước Xá-vệ, chồng cô cũng là người giàu- có. Hai vợ chồng có được một đứa con trai kháu-khỉnh. Rủi thay, đứa bé vừa biết đi lẫm-đẫm thì bị bịnh nặng rồi chết. Cô Kỷ-sa-cơ khóc than thảm-thiết, bồng con lên đi khắp các nẻo đường, gặp ai cũng hỏi thuốc cứu mạng sống cho con. Nhiều người khuyên cô, kẻ đã chết rồi thì có thuốc nào đâu để cải-tử huờn-sanh được. Nhưng cô vì quá đau buồn chẳng chịu rời xác con ra. Vừa may, cô gặp được một cụ già hiền-lành và mộ-đạo, mách cho cô, nên đến gặp Đức Phật, Ngài sẽ có thuốc chữa cho cô.

Tại chùa Kỳ-viên, Đức Phật bảo cô Kỷ-sa-cơ, hãy tìm đến nhà nào chẳng có người chết để xin một ít hột cải đem về đây, Ngài sẽ chỉ thuốc cho. Bồng xác con trên tay, cô Kỷ đi từ đầu làng tới cuối làng, đến nhà nào cũng hỏi và ai cũng đáp, ở nhà trước đây đã có người chết rồi. Cuối cùng, cô chán-nản, quay lại chùa, đặt con bên lề đường, vào yết-kiến Đức Phật. Ngài bảo: "Nầy Kỷ-sa-cơ, cái chết đến với mọi nhà, chẳng phải chỉ riêng có một mình cô mới khóc cái chết của con mình. Như cô đã thấy, cái chết đến với mọi chúng-sanh chẳng chừa ai, ngay cả trong lúc mà mọi ước-mong về cuộc đời còn chưa thoả-mãn hết." Bình-tâm nghe Đức Phật nói, cô Kỷ-sa-cơ bỗng ngộ được lẽ vô-thường, vô-ngã và bất- toại-nguyện của thân-tâm năm uẩn nầy, và chứng-đắc được sơ-quả Tu-đà-huờn.

Sau khi thiêu xác con xong, cô Kỷ trở lại chùa, xin làm Tỳ-kheo-ni. Một hôm, cô đang đốt lửa thắp đèn, nhìn ngọn lửa loé lên rồi phụt tắt, cô liền suy-nghĩ sâu-xa đến mạng-sống con người lại cũng như thế, khởi lên rồi chấm-dứt đột-ngột như ngọn lửa kia. Rồi tâm cô đi vào thiền-định, quán-thấy Đức Phật nói với cô: " Con đang đi đúng đường, hãy tiếp-tục quán-chiếu cho thật thâm-sâu về lẽ vô-thường của kiếp nhơn-sanh mà lo tu-tập để chứng-đắc cõi vô-sanh của Niết-bàn." Ít lâu sau, tỳ-kheo-ni Kỷ-sa- cơ tinh-tấn tập thiền-định và chứng được đạo-quả A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Phật mới thốt lên bài Kệ sau đây:

Sống trăm năm mê-mờ cảnh Bất-diệt, Thua sống một ngày ngộ cảnh Vô-sanh. (Kệ số 114.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Các chữ: Nữ-trưởng-lão, Vô-thường, Vô-ngã, Bất-toại-nguyện, thân-tâm năm uẩn, sơ-quả Tu-đà- huờn, Niết-bàn, A-la-hán, xin xem lại lời giải-nghĩa ở bài trước.

- Kỷ-sa-cơ: tên vị tỳ-kheo-ni nầy tiếng Pali là Kisàgotami.

- Hào-phú: Hào = có thế-lực; Phú = giàu. Hào-phú là giàu-có lớn.

- Kháu-khỉnh = khoẻ-mạnh và dễ thương.

- Đi lẫm-đẫm: mới biết đi, đi còn chưa vững.

- Cải-tử huờn-sanh: Cải =sửa; Tử = chết; Huờn = hoàn, trả lại; Sanh =sống. Cải-tử huờn-sanh là làm cho kẻ chết sống lại.

- Mộ-đạo: Mộ = sùng-mộ, tin-tưởng nhiều.

- Yết-kiến: đến gặp người trưởng-thượng.

- Chúng-sanh: Chúng = số đông; sanh =sống. Trong Phật-học, chữ chúng-sanh dùng để chỉ tất cả các sanh-vật có mạng sống.

- Bình-tâm: Bình = bằng-phẳng, chẳng xao-động; Tâm = lòng. Bình-tâm là lòng đã yên-ổn, chẳng xao- động nữa.

- Tỳ-kheo-ni: tiếng Pali là Bhikkhuni, nữ tu-sĩ đạo Phật, thường được gọi tắt là ni-cô.

- Ngộ được = hiểu được thật thấu-đáo, rành-rẽ.

- Vô-sanh: Vô = chẳng; Sanh = sống. Lẽ Vô-sanh có nghĩa là chẳng còn phải tái-sanh nữa trong cảnh Luân-hồi. Đừng hiểu-lầm Vô-sanh là chẳng còn sống nữa; trái lại, chứng được vô-sanh thì chẳng bao giờ phải chết, vì có sanh ra đâu mà lại phải chết. Chứng vô-sanh có nghĩa là nhập vào cảnh Niết-bàn, sống an-nhiên, tự-tại, trong cảnh vắng-lặng.

- Bất-diệt: Bất = chẳng; Diệt = tiêu-diệt, mất đi. Cảnh Bất-diệt nói ở đây là cảnh-giới Niết-bàn; vì chẳng còn tái-sanh nữa, nên chẳng thể bị tiêu-diệt đi. Thế thì sống bằng gì? Bằng Phật-tánh, cái khả- năng tu-tập để thành Phật.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một người mẹ bồng xác con chết, đi tìm thuốc để cứu sống con lại. Khi gặp Đức Phật, Ngài giảng cho hiểu, sự chết chẳng chừa một ai, phải biết tu-hành để chứng-đắc Niết-bàn, khỏi bị tái-sanh nữa thì sống mãi trong cảnh tịch-diệt.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là dạy ta phải có thái-độ đứng-đắn trước cái chết: ai rồi cũng phải chết, vì chẳng ai giữ mãi được tấm thân thể-xác nầy còn hoài được. Chết là gì? Đó là sự sống đã rời khỏi thân. Rời đi đâu? Rời để đi tìm một tấm thân mới, rồi về sau lại phải chết nữa, cứ thế mà luân- chuyển mãi chẳng ngừng trong cõi Luân-hồi. Muốn chẳng bị chết, chỉ có cách là làm sao khỏi phải sanh lại. Phật dạy, muốn khỏi phải tái-sanh, thì phải tu-hành diệt-trừ hết các phiền-não để chứng được cảnh Vô-sanh của Niết-bàn. Chừng nào chứng được Niết-bàn, thì ta còn chưa biết chắc; điều ta biết chắc là trong tâm ta hiện còn nhiều phiền-não, một trong số đó là sự ham sống và sợ chết . Người nào biết chẳng ham sống và sợ chết là người có thái-độ thản-nhiên trước cái chết. Sợ, đau-buồn, thương- tiếc, nào có đem sự sống trở lại đâu! Nếu đã chắc, sau cuộc đời khổ nhiều, sướng ít nầy, một cuộc sống an-nhiên, tự-tại vẫn còn có thể có được, thì sao lại đi sợ chết?

Phần sau của Tích chuyện thuật lại việc ni-cô nhơn khi thắp đèn, nhìn ngọn lửa loé lên rồi phụt tắt, nghĩ đến mạng sống con người cũng lại như thế, nhờ đó mà quán-tưởng

đến lẽ vô-thường, chẳng bền- vững của thân-tâm năm uẩn. Đó cũng giống như Tích chuyện ở bài trước, ni-cô Phả-thi-ca nhìn dòng nước cuốn mà nghĩ đến cảnh sanh, già, chết của đời người. Ý-nghĩa quan-trọng nầy của Tích-chuyện nhắc nhở ta phải năng tập quán-chiếu về lẽ vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện của năm uẩn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 114:

Trong bài Kệ có hai danh-từ Bất-diệt và Vô-sanh, mới đọc tưởng như đối chọi nhau, thật-sự lại cùng một nghĩa, đó là cảnh-giới Niết-bàn.

HỌC TẬP:

- Học kỹ cả hai bài Kệ số 113 và 114, ghi nhớ đừng quá sợ chết.

(94).- Tích chuyện Nữ-Trưởng-lão Bá-hư-phù.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị nữ-trưởng-lão Bá-hư-phù.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ có một cặp vợ chồng giàu-có, sanh đặng bảy người con trai và bảy người con gái. Sau khi đã dựng vợ gả chồng cho các con, người cha từ-trần. Bà mẹ sống một mình trong dinh-cơ rộng lớn. Các người con khuyên mẹ nên đem chia gia-tài cho các con để có đủ thời-giờ an-hưởng tuổi già. Sau một thời-gian ngần-ngại, bà cụ mới chia hết gia-tài cho các con, chẳng giữ lại chi cho mình. Từ ấy, cứ mỗi tháng, bà đến ở nhà một người con, tháng sau đến nhà đứa kế, luân-chuyển như thế mãi. Cho đến khi, các con dâu và các chàng rể nói ra nói vào, bà buồn lòng, thấy sự kính-trọng của con cái đối với bà chẳng còn nể-nang như xưa nữa. Chán tình đời đen bạc, bà vào chùa xin đi tu.

Nghĩ mình đã lớn tuổi mới bước vào đường tu, bà Bá-hư-phù cố-gắng tu-tập ngày đêm, tuân theo giới- luật, học-hỏi kinh-kệ, chẳng bao lâu bà đã thấm nhuần Chánh-pháp. Một đêm, ngồi Thiền, bà quán- thấy trong tâm có Đức Phật hiện đến và dạy rằng: 'Nầy tỳ-kheo-ni, kẻ nào dầu sống đến trăm năm mà chẳng hiểu-biết đến Chánh-pháp do Như-Lai giảng-dạy, thì cũng chẳng bằng một người, thà chỉ sống một ngày, mà hiểu thật thấu-đáo con đường giác-ngộ và giải-thoát của Như-Lai."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ như sau:

Sống trăm năm chưa rành Pháp vô-thượng, Thua sống một ngày hiểu Pháp tối-tôn. (Kệ số 115.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bá-hư-phù: tên vị tỳ-kheo-ni nầy tiếng Pali là Bahuputtikà, có nghĩa là bà mẹ có đông con cái.

- Từ-trần: Từ =giả-từ, lìa; Trần = trần-thế, cõi đời nầy. Từ-trần = chết

- Dinh-cơ = nhà cửa rộng-lớn, có thật nhiều của-cải.

- Luân-chuyển = lần-lượt thay đổi theo thứ-tự.

- Nói ra nói vào = tìm cách nói xấu ai. Bị ai nói ra nói vào là bị dèm

- Tình đời đen-bạc = ý nói, tình đời chẳng tốt.

- Chánh-pháp: Chánh = chơn-chánh, đúng-đắn; Pháp = pháp-tu. Chánh-pháp là đường-lối tu-hành Đức Phật dạy trong Kinh-kệ.

- Như-Lai: Như = như thế; Lai = đến. Như-Lai là lời tự-xưng của Đức Phật, đệ-tử gọi Phật bằng Thế- tôn. Như-Lai, tiếng Pali là Tathàgata.

- Vô-thượng: Vô = chẳng; Thượng =trên. Vô-thượng là cao nhứt, trên đó chẳng còn gì cao hơn nữa.

- Tối-tôn: Tối = hết sức; Tôn = tôn-kính. Tối-tôn là đáng kính nhứt.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại việc một bà cụ chia hết gia-tài cho đàn con đông-đảo; về sau, thấy các con chẳng thương-kính mình nữa, mới đi tu. Bà chí tâm học đạo, tu-tập ngay đêm, nên tâm trở nên thanh-tịnh, quán-thấy Phật đến khuyến-khích.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: "Thà sống một ngày mà biết được Chánh-pháp, còn hơn sống trăm năm chẳng hiểu biết đường tu."

Tại sao vậy? Vì người thông-hiểu Chánh-pháp, biết được và thi-hành theo con đường giác-ngộ và giải- thoát, tất phải hơn người mãi sống trong mê-mờ, trọn kiếp trôi-lăn trong biển khổ của Luân-hồi sanh- tử.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 115:

Bài Kệ khen người biết đến Chánh-pháp, và chê người chẳng biết tu-hành. Tại sao phải tu-hành? Tu- hành để sửa đổi tâm-tánh hiện nay cho hiền-lương khiến tâm được thanh-tịnh, nhẹ-nhàng, sống trong an-vui và tự-tại. Tu-hành để sau này được giải-thoát khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi, khỏi phải trôi lăn kiếp nầy qua kiếp khác, trong cuộc sống sướng ít, khổ nhiều nầy. Tu cách nào cho đúng? Phải theo đúng Chánh-pháp, được Đức Phật giảng-dạy trong Kinh-kệ.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ việc học-hỏi Kinh-kệ mỗi ngày.

-ooOoo-

IX.- Phẩm Ác.

(95).- Tích chuyện vợ chồng ông Cù-lê-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc vợ chồng ông Cù-lê-kha.

Thuở ấy, có một đôi vợ-chồng người Bà-la-môn, tên là Cù-lê-kha, nhà nghèo, chỉ có một chiếc áo choàng bên ngoài mà thôi. Mỗi khi chồng ra đi, thì vợ phải ở lại nhà, vì chẳng có áo mặc. Họ rất mộ đạo, ban ngày, vợ mặc áo đến chùa Kỳ-viên, nghe Phật giảng-pháp; đến đêm, tới phiên người chồng mặc áo, đi nghe giảng đạo. Một đêm kia, vào lúc đầu hôm, người chồng mãi chăm-chú nghe Đức Phật thuyết-pháp, trong lòng cảm thấy một niềm vui-sướng vô-biên, định cởi áo ra dâng-cúng lên Đức Phật. Nhưng nghĩ đến vợ ở nhà, mai chẳng có áo đi ra ngoài, nên thôi. Đến nửa đêm, nghe tiếp, anh muốn dưng áo, nhưng suy-nghĩ một chốc, lại thôi. Đến hừng sáng, ý-định dâng-cúng bỗng trở nên mạnh-mẽ, anh cởi áo ra, đem đặt dưới chơn Phật, thốt lên ba lần: "Ta đã thắng!"

Bấy giờ trong hàng thính-chúng, có đức vua Ba-tư-nặc nghe thấy, mới sai viên quan hầu-cận, đến điều-tra sự-việc ra sao. Sau khi biết người kia đã đem chiếc áo độc-nhứt của vợ-chồng mình ra cúng- dường lên Đức Phật, đức Vua hết sức khen ngợi việc làm rất khó làm kia, nên sai quân mang một tấm vải tốt đến thưởng cho anh ta. Người chồng liền đem tấm vải đặt dưới chơn Phật. Vua thấy thế, liền bảo thưởng thêm cho người ấy hai tấm vải mới. Anh ta lại cũng dâng-cúng Đức Phật luôn. Đức Vua lại thưởng bốn tấm nữa, cứ mỗi lần tăng số tấm vải lên gấp đôi. Cho đến lúc được thưởng ba mươi hai tấm, anh ta mới giữ lại hai tấm, còn ba mươi tấm kia đều cúng-dường lên Đức Phật.

Sáng ngày, đức Vua sai quan về hoàng-cung chọn hai tấm gấm thật đẹp, ban cho người chồng. Sau khi nhận hai bức gấm, người ấy về nhà may hai chiếc lọng, một đem dâng tại hương-phòng của Đức Phật, còn một treo trước cửa nhà mình, để chờ đón chư Tăng khất-thực đi ngang qua. Lần sau, khi nhà vua vào chùa Kỳ-viên, thấy chiếc lọng, biết là do tấm gấm của mình ban cho anh nhà nghèo kia, mới tỏ lòng khâm-phục và ra lịnh ban thưởng cho anh thật là nồng-hậu. Số tặng-phẩm gồm có bảy thứ, mỗi thứ bốn món: bốn con voi, bốn con ngựa, bốn người nô-lệ gái, bốn người nô-lệ trai, bốn cậu trai nhỏ để sai-vặt, tiền thuế của bốn xã và bốn ngàn đồng tiền mặt.

Bấy giờ, chư Tăng nghe thấy sự việc ấy, mới đến thưa trình cùng Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, vì cớ chi mà một hành-động thiện của người Bà-la-môn kia lại trỗ quả tốt ngay như thế?" Đức Phật bảo: "Nầy

chư Tăng, nếu người Bà-la-môn dâng-cúng chiếc áo vào đầu hôm, thì sẽ được thưởng mười sáu chiếc; nếu dưng vào nửa đêm, sẽ được thưởng tám chiếc. Vì dưng vào lúc hừng sáng, nên chỉ được thưởng có hai chiếc. Thế cho nên, chư tỳ-kheo, khi phát tâm bố-thí, ta nên hăng-hái thi-hành ngay, nếu còn so-đo, ngại-ngùng rồi mới bố-thí, thì quả-báo tốt sẽ đến chậm hơn và thưa-thớt hơn. Mỗi khi gặp việc thiện đáng làm mà lại chần-chờ, thì dễ bỏ lỡ cơ-hội, vì tâm-ý thường thích quay theo việc chẳng lành."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Gấp gấp làm việc lành,
Mau mau tránh điều ác.
Chuyện thiện còn lần-khần,
Ý liền thích chỗ dữ.

(Kệ số 116.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Cù-lê-kha: tên người Bà-la-môn nầy, tiếng Pali là Cùlekasàtaka.

- Thính-chúng: Thính = nghe; Chúng = số đông. Thính-chúng là những người đang ngồi nghe.

- Ba-tư-nặc: tên vua nước Câu-tát-la (=Kosala), người rất tôn-sùng đạo Phật. Tên tiếng Pali là Pasenadi.

- Hầu-cận: Hầu = hầu-hạ; Cận = gần bên.

- Điều-tra = tìm biết sự thật ra sao.

- Độc-nhứt = chỉ có một mà thôi.

- Hoàng-cung: Hoàng = hoàng-đế, vua; cung = cung-điện; đền-đài; Hoàng-cung là đền-đài chỗ vua ở.

- Lọng = giống như một cây dù lớn, phiá trên tròn, rộng vành, để che mát, trông rất trang-nghiêm.

- Hương-phòng: Hương = mùi thơm. Hương-phòng là căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật. Tiếng Pali là Gandhakuti.

- Tặng-phẩm: Tặng = ban-tặng, biếu; Phẩm = phẩm-vật. Ở đây, vua Ba-tư-nặc đã theo tục-lệ xưa, tặng bảy thứ, mỗi thứ bốn món; tiếng Pali là sabbacatukka (sabba = mỗi thứ; catukka = bốn món.)

- Trỗ quả: ý muốn nói, vì hành-vi thiện trước làm nguyên-nhơn, nên sau sanh ra kết-quả tốt, ví như trước có bông, sau nở ra trái cây vậy.

- Lần-khần: lừng-khừng, chần-chờ, chẳng chịu làm ngay.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một người nghèo-khổ đã dâng-cúng Đức Phật chiếc áo duy-nhứt của hai vợ- chồng. Làm được việc khó làm nầy, ông Cù-lê-kha được nhà Vua thưởng cho rất trọng-hậu. Nhơn việc nầy, Đức Phật dạy, khi gặp việc thiện, ta phải làm ngay, nếu chần-chờ sẽ mất cơ-hôi, vì tâm-trí ta thường hay nghĩ đến việc chẳng lành.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 116:

Bài Kệ thúc-dục ta phải mau mau: (1) làm ngay việc thiện; và (2) tránh ngay việc ác. Tại sao ta phải mau làm ngay việc thiện? Vì nếu chần-chờ, chẳng những lỡ mất cơ-hội để làm, mà ngay trong bụng ta cũng hay so-đo, tính-toán, rồi bỏ qua luôn. Tại sao phải gấp gấp tránh ngay việc ác? Vì nếu ta chẳng sớm tránh, việc ác sẽ theo cám-dỗ, rồi sớm muộn chi ta cũng bị sa-ngã.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ: gặp việc thiện nên làm liền; thấy việc ác cám-dỗ, nên tránh xa ngay.

(96).- Tích chuyện Tỳ-kheo Sĩ-gia-sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc tỳ-kheo Sĩ-gia-sa.

Thuở ấy, có vị tỳ-kheo tên là Sĩ-gia-sa thường hay thủ-dâm. Thói xấu đó đến tai Đức Phật. Ngài quở- trách vị tỳ-kheo rất nặng-nề, dạy rằng tật xấu thủ-dâm sẽ dẫn người tu-sĩ rời xa khỏi con đường chứng được Đạo và Quả. Đức Phật liền đặt ra điều giới-luật nghiêm-cấm tất cả các hành-vi có liên-quan đến dục-tình. Đức Phật bảo, người vi-phạm giới-luật nầy chẳng những sẽ bị trục-xuất ra khỏi Tăng-đoàn trong đời nầy, mà còn bị sa vào nẻo ác trong đời tới nữa.

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Trót lỡ làm việc ác,
Đừng lập lại nhiều lần.
Chớ ham-thích chỗ dở
Chứa ác, chịu khổ-sở.
(Kệ số 117.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sĩ-gia-sa: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Seyyasaka.

- Thủ-dâm: Thủ = bàn tay; Dâm = dâm-dục; Thủ-dâm là dùng tay sờ vào bộ-phận sinh-dục để kích- thích dục-tình.

- Đạo, Quả: Đạo = con đường tu-hành, cách-thức tu-tập; tiếng Pali là Magga. Quả = kết-quả, sự thành-công của việc tu-hành, chứng-đắc được quả-vị; tiếng Pali là Phala.

- Giới-luật = những điều răn-cấm trong đạo Phật, để ngăn-ngừa hành-giả phạm tội-ác. Đối với người tu tại-gia, có ngũ-giới: (1) cấm sát-sanh; (2) cấm trộm-cướp; (3) cấm tà-dâm, (4) cấm nói dối, (5) cấm rượu.

- Nghiêm-cấm = ngăn-cấm nghiêm-ngặt.

- Hành-vi: Hành = Vi = làm. Đồng nghĩa với hành-động, việc làm.

- Trục-xuất = đuổi ra khỏi.

- Dục-tình: Dục =ham muốn, ham-muốn về xác-thịt; Tình = tình-cảm. Dục-tình là lòng ham-muốn thoả-mãn việc giao-hợp giữa trai gái.

- Tăng-đoàn: đoàn-thể gồm bốn, năm vị tỳ-kheo tu chung tại một nơi. Ở đây, chữ Tăng-đoàn có nghĩa là Giáo-hội. Tiếng Pali là Sangha, phiên-âm là Tăng-già.

- Sa vào = rơi vào, phải đầu-thai vào.

- Nẻo ác: có ba nẻo ác: (1) địa-ngục, (2) ngạ-quỉ, (3) súc-sanh. Chúng-sanh khi tái-sanh sẽ sanh vào một trong sáu nẻo, thường được gọi là Lục đạo Luân-hồi; có ba đường lành và ba nẻo ác. Ba đường lành: (1) cõi người; (2) cõi thần (còn gọi là A-tu-la, tiếng Pali là Asura), (3) cõi Trời

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một tỳ-kheo có thói xấu hay thủ-dâm. Đức Phật quở-trách vị ấy, dạy rằng việc dâm-dục trong hàng ngũ người tu-hành là một việc tệ, khiến cho người tu-hành phải xa rời Đạo- quả. Ngài đặt ra giới-luật nghiêm cấm các hành-động liên-quan đến tình-dục.

Theo giới-luật của tỳ-kheo, người tu-sĩ phải sống độc-thân, xa lánh hẳn dục-tình, để giải-thoát khỏi các ràng-buộc về thể-xác. Theo giới-luật của người tu tại-gia, đạo Phật cấm việc tà-dâm (tà =xiêng-xéo, xấu-ác), đã có vợ, chồng rồi mà còn dính-líu tình-dục, lang-chạ với người khác.

Tại sao lại ngăn-cấm việc dâm-dục? Vì dâm-dục là một tình-cảm nặng tính-chất về thể-xác khiến cho tâm mất sự trong-sạch, xa rời con đường tu-hành chơn-chánh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 117:

Bài Kệ khuyên ta, nếu đã lỡ làm việc ác, đừng nên tái-diễn lại nhiều lần. Tại sao? Vì sự lập lại nhiều lần một hành-vi tệ-ác gây thành nghiệp xấu, khiến cho ta phải chịu khổ-sở, chẳng những ngay trong đời nầy, mà cả đến các đời sau nữa. Vậy, mỗi khi biết mình làm quấy, phải thành-tâm sám-hối, tự hứa từ rày sẽ chừa đi.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ các buổi lễ sám-hối vào đầu tháng và giữa tháng.

(97).- Tích chuyện Thiên-nữ Lã-giai.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Thiên-nữ tên là Lã-giai.

Thuở ấy, tại động Cây Tiêu, Tôn-giả Đại Ca-diếp nhập đại-định trong bảy ngày. Sau khi xuất-định, Tôn-giả sửa-soạn đi khất-thực. Tôn-giả nhìn quanh núi, thấy tại một túp lều dưới chơn núi có người đang rang bắp. Tôn-giả muốn cho người ấy được dịp may cúng-dường một bực tu-hành vừa xuất cơn đại-định, nên xuống núi, đến trước cửa lều, cầm bình-bát chờ được bố-thí. Người phụ-nữ đang rang bắp, liền đem hết số bắp đã rang, trút vào bát của Tôn-giả.

Sau khi cúng-dường xong, người ấy đi vòng quanh gốc cây để trở vào lều, chẳng may bị một con rắn độc cắn chết. Nhờ công-đức cúng-dường, người phụ-nữ được tái-sanh lên cõi Trời Đao-lợi và được gọi tên là Lã-giai. Thiên-nữ Lã-giai biết mình sở dĩ được sanh thiên là nhờ nơi ơn-đức của Tôn-giả Đại Ca-diếp. Thiên-nữ muốn báo đáp ơn sâu đó và

cũng muốn được hưởng phước ở cõi Trời lâu-dài, nên mỗi sáng đến quét dọn, gánh nước đổ đầy lu và làm các việc lặt-vặt nơi Tôn-giả trú-ngụ. Mấy hôm đầu, Tôn-giả chẳng biết ai đã đến dọn-dẹp, cứ tưởng là các vị Sa-di trẻ tuổi đến giúp. Về sau, Tôn-giả biết được sự-tình, mới ngăn lại, và nói: "Nầy thiên-nữ, bà chớ nên đến đây nữa, vì sợ kẻ ngoài chẳng hiểu rồi đàm-tiếu." Thiên-nữ Lã-giai thấy Tôn-giả chẳng cho phép mình tạo thêm phước-đức, mới khóc-lóc, bảo rằng: 'Ngài đành lòng nào làm tiêu-tán phước-báu của con!" Bấy giờ, tại hương-phòng,

chùa Kỳ-viên, Đức Phật quán-thấy cảnh-tượng đó, mới đến bảo vị Thiên-nữ: "Nầy Lã-giai, con chớ buồn lòng, Ca-diếp vì bổn-phận người tu-hành nói với con như thế. Người làm việc thiện, nên tiếp-tục làm hoài, thì phước-báu sẽ gia-tăng."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó thiên-nữ chứng được quả Tu-đà-huờn:

Làm được một việc hay,
Nhiều lần, lập lại ngay.
Nên ham-thích chỗ tốt,
Tích thiện, hạnh-phước thay!
(Kệ số 118.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thiên-nữ: Thiên =Trời; Nữ =con gái. Chúng sanh cõi Trời có Thiên-nam, đàn-ông, Thiên-nữ. đàn-bà, cô gái, và Thiên-đế, vua Trời.

- Lã-giai: tên thiên-nữ nầy, tiếng Pali là Làjadevadhità (Làja = bắp rang; deva = chư Thiên; dhità =con gái của.)

- Động Cây Tiêu: động đá nầy gần núi Linh-thứu, tiếng Pali là Pippali, cây tiêu.

- Đại Ca-diếp: tên Tôn-giả bằng tiếng Pali là Mahàkassapa.

- Đại-định: cơn thiền-định thật thâm sâu.

- Xuất-định = chấm-dứt cơn thiền-định.

- Cõi Trời Đao-lợi: cõi Trời nầy thuộc về Dục-giới, các thiên-chúng lòng còn ham-muốn (dục = ham- muốn.) Tiếng Pali là Tàvatimsa.

- Sanh Thiên = được sanh lên cõi Trời.

- Sa-di: người mới tập-sự tu-hành ở chùa, chưa thọ-giới Tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera.

- Đàm-tiếu: Đàm = nói chuyện, phê-bình, đàm-luận; Tiếu = cười. Chữ đàm-tiếu có nghĩa là phê-bình, chê-cười.

- Hương-phòng: Xin nhắc lại, đây là căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là Gandhakutì.

- Tích-thiện: Tích = chứa, tích-luỹ; Thiện = điều lành.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: nhờ cúng-dường cho Tôn-giả Đại-Ca-diếp mà một người phụ-nữ được sanh lên cõi Trời. Ý-nghĩa của Tích-chuyện là lời dạy của Phật: nên tiếp-tục làm việc thiện, để tăng thêm phước-báu.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 118:

Bài Kệ nầy dạy ta cố gắng sức làm nhiều việc thiện, càng nhiều càng quí; càng tích-thiện, càng được hạnh-phước.

HỌC TẬP:

- Học kỹ hai bài kệ số 117 và 118, để ghi nhớ chăm làm việc lành.

(98).- Tích chuyện Trưởng-giả Cấp-cô-độc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Trưởng-giả tên Cấp-Cô-độc.

Trưởng-giả Cấp-cô-độc là người đã mua khu vườn của Thái-tử Kỳ-đà, nước Xá-vệ, xây cất chùa Kỳ- viên để cúng-dường lên Đức Phật và chư Tăng. Nhà rất giàu-có, Trưởng-giả thường bố-thí rộng-rãi, nuôi-dưỡng kẻ mồ-côi, cô-đơn, nên dân-chúng gọi ông là Trưởng-giả Cấp-cô-độc. Trưởng-giả là người rất mộ-đạo, mỗi buổi sáng dâng cơm cúng-dường lên chư Tăng, buổi trưa mang thuốc men, vật-dụng đến chùa, và buổi chiều đem hương-hoa và trái cây đến lễ Phật. Trưởng-lão chăm nghe lời Phật dạy, nên đã chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Vì chẳng hề lưu-tâm đến việc làm giàu thêm, nên chẳng bao lâu tài-sản của Trưởng lần lần hao-hụt, và trở nên túng-thiếu. Vị thần giữ cửa nhà của Trưởng-giả, một hôm nói với Trưởng-giả rằng: 'Nầy Trưởng-giả, tôi là người giữ cửa nhà của ông. Bấy lâu nay, tôi thấy ông chỉ lo việc cúng-dường cho Sa-môn Cồ-đàm mà chẳng liệu-lý đến gia-sản của mình, cho nên ngày nay ông phải sa-sút. Ông nên thôi, đừng cúng-dường, bố-thí nữa, mà hãy chăm lo việc nhà, tôi sẽ giúp ông trở lại cảnh giàu-sang sung-túc như ngày xưa." Nghe lời nói ích-kỷ đó, Trưởng-giả Cấp-cô-độc chẳng bằng lòng, và ra lịnh đuổi vị thần đi khỏi cửa. Vị thần giữ cửa kia chẳng dám cãi lời của một bực Tu-đà-huờn, đành phải ra đi bơ-vơ. Vị ấy lên đến cung Trời Đao-lợi, gặp được vua Trời Đế-thích, thuật lại việc mình bị đuổi ra khỏi nhà Trưởng-giả Cấp-cô-độc. Vua Trời Đế-Thích mách cho cách trở về xin lỗi vị Trưởng-giả: "Hiện nay, có vài người thương-gia còn mắc nợ Trưởng-giả một số tiền là mười tám ngàn lượng vàng chưa trả, tổ-tiên của Trưởng-giả có chôn dấu trong vườn mười tám ngàn lượng vàng, chẳng ai biết chỗ; vậy nhà-ngươi dùng sức thần-thông của mình đi thâu góp số của-cải đó, đem về để trong phòng kín của Trưởng-giả, và ngỏ lời xin lỗi, thì Trưởng-giả sẽ tha tội cho." Vị thần-linh làm theo lời chỉ-dạy. Khi nghe vị thần-linh kể lại sự-tình, Trưởng-giả chấp-nhận lời sám-hối và cùng với vị ấy đến yết-kiến Đức Phật. Đức Phật bảo: "Có thể quả-báo của việc lành, hay việc

ác sẽ chậm đến; nhưng hậu-quả của việc thiện, hay việc dữ chắc-chắn sẽ theo thời-gian mà xảy ra, chẳng hề sai."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây:

Làm ác mà gặp việc lành,
Đó là quả dữ chưa sanh kịp thời.
Đến khi ác-báo chín muồi,
Ác thời gặp ác, đời đời chẳng sai.
(Kệ số 119.)
Làm lành gặp việc chẳng may,
Đó là phước báu chờ ngày trỗ sanh.
Đến khi trỗ được quả lành,
Ở hiền gặp lành, có lúc nào sai.
(Kệ số 120.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Trưởng-giả: Trưởng = lớn; Giả = người. Chữ Trưởng-giả có nghĩa là bực giàu-có, được mọi người kính-nể.

- Cấp-cô-độc: Cấp = cung-cấp, cho; Cô-độc = chỉ có một mình, nghèo-khó. Vì Trưởng-giả cứu-giúp người cô-đơn nghèo-khó, nên được gọi là Trường-giả Cấp-cô-độc. Tên thật bằng tiếng Pali là Anathapindika.

- Lưu-tâm = để-ý đến, lo-lắng đến.

-Sa-môn Cồ-đàm: Sa-môn, gốc chữ Phạn Samana, có nghĩa là tu-sĩ; Cồ-đàm: họ của Đức Phật Thích- ca, tiếng Phạn là Gautama.

- Liệu-lý: lo-liệu đến công-việc.

- Gia-sản: Gia = nhà; Sản = tài-sản, tiền-của.

- Sa-sút = trở nên nghèo-túng hơn trước.

-Sung-túc = đầy-đủ, có dư tiền-bạc.

- Ích-kỷ: Ích = có ích cho; Kỷ = mình, ta. Người ích-kỷ chỉ biết làm lợi cho mình, chẳng chịu giúp-đỡ ai cả.

- Đế-Thích: tên vị vua cõi Trời Đao-lợi, tên tiếng Pali là Sakka.

- Sám-hối: Sám, gốc chữ Phạn samma, là ăn-năn tội-lỗi; Hối, gốc chữ Hán, nghĩa là tiếc-rẻ lỗi đã lỡ làm. Khi sám-hối, trong lòng phải biết (1)nhận lỗi cũ của mình và (2)hứa xin chừa từ rày về sau, chẳng tái-phạm.

- Sức thần-thông = tài-lực khác thường, như bay cao, biến-hoá, v.v.

- Quả-báo: kết-quả về sau của một việc đã làm từ trước. Quả-báo tốt được gọi là phước-báu; quả-báo xấu gọi là ác-báo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại công-đức của Trưởng-giả Cấp-cô-độc đã dưng-cúng Tĩnh-xá Kỳ-viên cho Tăng- đoàn và thường cứu-giúp người mồ-côi nghèo khổ. Công-đức bố-thí nầy về sau đem lại nhiều của báu cho Trưởng-giả. Chuyện kể lại lời nói của vị thần-linh giữ cửa, khuyên Trưởng-giả đừng bố-thí nữa. Đây là lời khuyên ích-kỷ, cho nên Trưởng-giả chẳng nghe theo, mới đuổi vị ấy ra khỏi nhà.

Ý-nghĩa quan-trọng trong Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật về Luật Nhơn-quả: hành-động nào, xấu hay tốt, cũng đem lại hậu-quả về sau, chỉ có chậm hay mau mà thôi. Sớm muộn chi, hễ làm ác, sẽ chịu ác-báo, hễ làm lành, sẽ được hưởng phước-báu, chẳng hề sai khác được.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 119 và 120:

Bài Kệ số 119 nói về ác-báo; bài Kệ số 120 nói về phước-báu. Vì còn chờ đủ cơ-duyên, hậu-quả của hành-động mới xảy ra về sau. Lý-do mau, chậm được nói rõ: phải chờ đủ thời-gian. Vì chẳng thấy được hậu-quả tức-thời, cho nên nhiều người lầm mà chẳng tin ở Luật Nhơn-Quả.

(3)Các hình-thức bố-thí:

Nhơn Tích chuyện nói về bố-thí, xin xét qua các hinh-thức của công-đức nầy, vốn là hạnh thứ nhứt của Bồ-tát-đạo:

(1) Tài-thí: hiến-tặng tiền-của, đồ-vật hay ra công giúp đỡ;

(2) Pháp-thí: chỉ-dạy cho kẻ khác biết điều lành mà theo, điều dữ mà tránh, biết cách tu mười điều thiện; hoặc giảng-pháp, in kinh;

(3) Vô-úy-thí: Vô-úy là chẳng sợ-hãi. Khi gặp người đang lo-lắng, sợ-hãi, dùng lời đứng-đắn khuyên- nhũ, an-ủi cho họ được yên lòng. Vị Đại-Bồ-tát Quán-thế-âm thường được gọi là vị vô-úy-thí-giả, vì Ngài nghe lời cầu-khẩn của các người lâm nạn mà cứu-khổ cho.

HỌC TẬP:

- Học kỹ hai bài Kệ, ghi nhớ và dùng hai bài ấy để khuyên dạy con.

(99).- Tích chuyện một vị tỳ-kheo cẩu-thả.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo tánh hay cẩu-thả

Thuở ấy, tại Kỳ-viên-tự có một vị tỳ-kheo tánh hay cẩu-thả, ít chịu giữ-gìn kỹ-lưỡng các đồ dùng trong chùa. Như khi, nhắc ghế ra ngồi ngoài hành-lang, vị ấy chẳng mang ghế trở vào, cứ để ghế đấy phơi mưa, phơi nắng. Nhiều vị tỳ-kheo khác thấy thế mới

quở-trách; nhưng vị tỳ-kheo lại chẳng nghe lời, bảo rằng: "Tôi nào có ý-định phá hư cái ghế đâu; vả lại, nào đã có chút ít tổn-hại gì?" Mặc dầu được khuyên dạy nhiều lần, vị tỳ-kheo ấy vẫn thói nào tật nấy. Việc đến tai Đức Phật. Ngài cho gọi vị tỳ- kheo đến, dạy rằng: "Nầy tỳ-kheo, ông nên sửa ngay thái-độ lại; một lỗi-lầm dầu nhỏ, nếu được lập-lại nhiều lần theo thói quen, tích-chứa lại sẽ trở thành một tội to."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Đừng xem nhẹ phạm điều ác nhỏ,
"Nó chẳng đến gần", có hại chi!
Nước rơi từng giọt li-ti,
Bình kia hứng chứa, mấy khi cũng đầy.
Người ngu mà đắm-say trong ác-đạo,
Cũng vì ác tạo mỗi ngày một thêm.
(Kệ số 121.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-kheo: phiên-âm tiếng Phạn Bhikkhu, còn gọi là tỳ-khưu, nghĩa là tu-sĩ Phật-giáo theo giới-luật đi khất-thực (=xin ăn).

- Cẩu-thả: thường được nói trại ra là ẩu-tả; nghĩa là chẳng cẩn-thận

- Kỳ-viên-tự = chùa Kỳ-viên; Tự = chùa.

- Li-ti = nhỏ xíu.

- Ác-đạo = đường ác. Có ba ác-đạo: (1) địa-ngục, (2)ngạ-quỉ (=quỉ-đói); (3) súc-sanh (= thú-vật).

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại việc một tỳ-kheo có tánh cẩu-thả, cho rằng một lỗi nhỏ chẳng có hại chi. Đức Phật quở và dạy rằng: Một lỗi dầu nhỏ, nếu lập lại nhiều lần theo thói quen, tích chứa lại thì thành một tội lớn.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là đừng thấy lỗi nhỏ mà làm, vì đó là mình quá dễ-dãi đối với mình, rồi về sau, sẽ dễ vướng vào tội nặng; cần phải thận-trọng kềm-chế lòng mình, chớ cẩu-thả!

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 121:

Bài Kệ có ba phần:

1) Hai câu đầu dạy ta đừng quá dễ-dãi với mình, tự bào-chữa mỗi khi phạm một lỗi nhỏ.

2) Hai câu giữa nêu lên hình-ảnh rất sống-động của sự chất-chứa lỗi-lầm lâu ngày trong tâm, cũng như cái bình hứng từng giọt nước, lâu rồi cũng đầy.

3) Hai câu chót cho ta thấy hậu-quả tai-hại của người mê-lầm phạm nhiều tội tích-luỹ năm nầy qua tháng nọ, phải sống trong ác-đạo.

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ: phải cẩn-thận giữ-gìn tâm-ý, chớ dễ-dãi với mình mà phạm tội, dầu đó là một lỗi nhỏ.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ: có biết năng tránh điều lỗi nhỏ, thì khi gặp điều lỗi lớn mới biết sợ mà tránh đi.

2.- Xin đề-nghị vài điều để tập tánh cẩn-thận trong lời nói, hành-động và tư-tưởng:

- trước khi nói, nên dừng lại một giây, suy-nghĩ xem lời sắp nói có hại cho ai chăng, có đúng sự-thật chăng,

- trước khi làm điều gì, nên suy-xét kỹ đến hậu-quả của hành-động; giả-dụ như ai làm điều đó cho mình, mình có buồn không.

- đừng bao giờ nghĩ trong đầu: nó ác quá, giá mà tao có súng, tao bắn cho nó chết ngay. Ý-nghĩ giết người dầu chỉ là ý-nghĩ suông, cũng đã là tội-lỗi rồi.

(100).- Tích chuyện ông nhà giàu Bình-lập.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ông nhà giàu tên là Bình-lập.

Thuở ấy, có một người ở nước Xá-vệ, một hôm nghe Đức Phật giảng về pháp bố-thí, rất xúc-động và quyết-tâm thực-hành lời dạy của Ngài. Anh ta cung-thỉnh Đức Phật và tất cả các vị tỳ-kheo ở chuà Kỳ- viên, ngày mai đến nhà anh để anh dưng cơm cúng-dường. Anh lại theo lời chỉ-dạy của Phật, đi khắp làng, mời thêm các thiện-nam, tín-nữ cùng tham-gia vào công-đức cúng-dường đó. Mỗi người, tùy theo khả-năng của mình, cùng đóng góp vào công-cuộc bố-thí.

Khi đến nhà một vị giàu-có lớn trong vùng, tên là Bình-lập, người ấy nói lên mục-đích cúng-dường vào ngày mai, và mời ông Bình-lập tham-gia. Ông Bình-lập nghe nói, trong lòng ngẫm-nghĩ: "Cái anh nầy sao lại bầy đặt như thế, tại sao chẳng tùy sức mình mà mời một số ít tỳ-kheo cũng đủ, lại đèo-bồng đi thỉnh tất cả chư Tăng, rồi chạy lăng-xăng đi kêu-gọi kẻ khác giúp-đỡ cho mình. Để ta thí cho hắn

chỉ một bát cơm nhỏ thôi, cho bỏ ghét." Người đứng ra tổ-chức việc cúng-dường cũng vui lòng nhận bát cơm, cám ơn và để bát cơm riêng ra một bên. Ông Bình-lập nhìn thấy, ngạc-nhiên, lại ngẫm-nghĩ: "A! Anh ta để riêng bát cơm của mình, có lẽ để rồi sẽ đem ra bêu-riếu ta là kẻ rít-róng." Ông Bình-lập liền sai đầy-tớ theo dõi xem người ấy hành-động ra sao. Người đầy-tớ rình thấy người tổ-chức đem bát cơm, sớt ra từ phần nhỏ, để mỗi phần vào các tô đựng cà-ry và các thức ăn khác. Khi người đầy-tớ về thuật lại sự sắp-đặt như thế, ông Bình-lập chẳng hiểu ý làm sao. Hôm sau, ông ta cũng đến dự

cuộc cúng-dường, mang theo một con dao nhọn, định bụng, nếu bị người tổ-chức mà nói xấu mình rít-róng, sẽ đâm chết anh ta.

Đến giờ ngọ trai, chủ nhà qùi bạch Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, buổi cúng-dường nầy là do sự đóng-góp của tất cả thiện-nam, tín-nữ, chẳng kể kẻ ít người nhiều, nhưng đều do lòng mộ-đạo nhiệt-thành và hảo-tâm chia-xẻ của mọi người. Ngưỡng mong công-đức cúng-dường mang đến phước-báu đồng-đều cho tất cả những ai đã đóng-góp." Nghe lời nói đó, ông Bình-lập cảm thấy mình trước đây đã nghĩ quấy đối với người tổ-chức, nên đến bên cạnh, ngỏ lời xin sám-hối.

Khi Đức Phật nghe được lý-do tại sao ông Bình-lập xin lỗi, Ngài dạy rằng: "Nầy các thiện-nam, tín-nữ, một việc thiện, dầu nhỏ mấy đi nữa, nếu được làm nhiều lần, tích chứa lại cũng thành công-đức lớn"

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Đừng xem nhẹ bỏ qua điều thiện nhỏ,
"Nó chẳng đến gần", nào có lợi chi!
Nước rơi từng giọt li-ti,
Bình kia hứng chứa, mấy khi cũng đầy.
Người hiền-trí vui say trong thiện-đạo,
Nhờ phước lành chất-chứa dài lâu.
(Kệ số 122.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bình-lập: tên thật ông nhà giàu nầy tiếng Pali là Bilàlapàdaka.

- Bố-thí: xin nhắc lại: Bố =rộng lớn, cùng khắp, chẳng sót; Thí = cho. Bố-thí là hạnh tu thứ nhứt của Bồ-tát-đạo (gồm có sáu pháp Ba-la-mật: bố-thí, trì-giới, nhẫn-nhục, tinh-tấn, thiền-định và Bát-nhã.)

- Cúng-dường: xin nhắc lại: do đọc trại chữ Hán-Việt cung-dưỡng, nghĩa là cung-cấp để nuôi-dưỡng. Cúng-dường là dâng-hiến đồ-vật cho các tu-sĩ.

- Cung-thỉnh: Cung =cung-kính; Thỉnh = mời.

-Thiện-nam,tín-nữ: Thiện = lành; Nam = đàn-ông; Tín = tin-tưởng; Nữ = đàn-bà. Chữ Thiện-nam, tín- nữ trỏ vào các người tin-tưởng đạo Phật.

-Đèo-bồng = bầy-đặt thêm cho rắc-rối, để tỏ mình hơn người khác.

- Bêu-riếu: nói xấu ai để mọi người biết mà chê theo.

- Rít-róng = hà-tiện lắm, kẹo lắm, bỏn-xẻn.

- Ngọ-trai: Ngọ =mười hai giờ trưa; Trai = bữa cơm chay. Theo giới-luật Phật-giáo Nguyên-thủy, tỳ- kheo chỉ ăn mỗi ngày một bữa, vào buổi trưa mà thôi.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành; Trí = có trí-huệ.

- Thiện-đạo = đường lành. Có ba thiện-đạo: (1)cõi người; (2) cõi thần, hay A-tu-la (=Asura, tiếng Pali), (3) cõi Trời.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc cúng-dường chư Tăng, thường thấy ngày nay: nhiều người chung sức nhau lại để thực-hiện việc bố-thí. Đây là một công-đức tạo phước đáng quí.

Ý-nghĩa của Tích chuyện, cũng giống như bài trước, là ở lời Phật dạy: "Đừng bỏ qua điều thiện nhỏ mà chẳng làm." Thường làm điều thiện nhỏ, dễ làm hơn, sẽ tập được tánh-tốt có thói quen biết chia-xẻ cùng người khác.

Thái-độ của ông Bình-lập, nhận biết lỗi của mình mà xin sám-hối, rất đáng khen.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 122:

Hai bài Kệ số 121 và 122 giống nhau ở sự tích-chứa lâu ngày của các hành-vi đã làm: hễ làm được điều thiện nhỏ nhiều lần, thì phước-đức cũng gia-tăng lên theo. Nên nhớ: đừng bỏ qua một cơ-hội nhỏ để làm lành; và cũng đừng xem nhẹ mà phạm điều lỗi nhỏ.

Ý-nghĩa sâu-xa của hai bài Kệ là nói đến thói quen làm lành, hay làm ác; thói quen đó gây thành Nghiệp, rồi tuỳ theo nghiệp tốt hay xấu, mà con người sẽ được sung-sướng hay khổ-sở.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ, để ghi nhớ: tập thói quen làm lành, lánh dữ, dầu trong mọi việc nhỏ- nhặt.

2.- Xin đề-nghị vài điều giúp ta tập cho trẻ con có thói quen làm việc thiện:

- dẫn trẻ đi chơi, thấy có người ăn xin nghèo khó, móc tiền đưa cho trẻ, bảo mang đến tặng người ăn xin.

- bảo trẻ chọn các đồ-chơi cũ, lau chùi lại cho sạch, đem hiến-tặng các cơ-quan từ-thiện.

- dẫn trẻ đi chùa, đến giờ ăn, bưng dọn tiếp thức ăn; ăn xong giúp dọn-dẹp và lau rửa chén bát: đó là góp sức nhỏ mọn của mình vào việc thiện.

(101).- Tích chuyện thương-gia Đại Đà-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị thương-gia tên Đại-Đà-na.

Thuở ấy tại nước Xá-vệ có một vị thương-gia giàu-có lớn, tên là Đại-Đà-na, thường hay đi buôn xa. Ông đang chuẩn-bị một chuyến buôn lớn, đem theo nhiều xe bò chở hàng-hoá quí-giá, nghe tin có một đoàn tỳ-kheo sắp lên đường, theo chung một lộ-trình. Đại-Đà-na liền đến chùa, mời chư Tăng tháp- tùng với mình, nguyện cung-cấp lương-thực trong thời-gian du-hành. Chư tăng đồng-ý và hẹn ngày cùng khởi-hành.

Hành-trình sắp xuyên qua một khu rừng già, cây-cối um-tùm, vốn là sào-huyệt của một bọn cướp độc- ác giết người, giựt của. Đại-Đà-na dừng lại tại một ngôi làng gần ven rừng. Dân-chúng đến báo tin, bọn cướp đang chuẩn-bị phục-kích trong rừng, chờ đoàn khách-thương đến sẽ ra tay. Vì lo đến sự an-

ninh của chư Tăng, Đại-Đà-na dừng lại, tạm-trú trong làng, và khuyên chư Tăng nên quay trở lại để tránh mối hiểm nguy.

Khi về đến chùa Kỳ-viên, chúng Tăng đến lễ Phật và thuật lại chuyến đi dở-dang cùng sự nguy-hiểm của cuộc du-hành, Đức Phật nhơn đó mới dạy rằng: "Nầy chư tỳ-kheo, thương-gia Đại-Đà-na thấy được mối hiểm-nguy nên tránh khỏi. Cùng thế ấy, người muốn sống lâu, chẳng đến gần nơi có thuốc độc; bực hiền-trí thông-hiểu ba cõi dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới có đầy cạm-bẫy gian-nan, nên tránh xa các tội-ác."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Như khách thương ít người đồng-bọn,
Của lại nhiều, chẳng chọn đường nguy.
Như người muốn sống lâu dài,
Thấy nơi thuốc độc, tránh ngay chẳng gần.
Cũng như thế, ở cõi trần,
Thấy điều dữ-ác là cần tránh xa.
(Kệ số 123.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-Đà-na: tên vị thương-gia nầy, tiếng Pali là Mahàdhana.

- Thương-gia: Thương =buôn-bán; Gia = nhà; Thương-gia là người chuyên lo việc buôn-bán.

- Lộ-trình: Lộ =đường đi; Trình = đi qua. Lộ-trình = đường vượt qua.

- Tháp-tùng = đi chung với ai.

- Du-hành: Du =du-lịch, đi chơi; Hành = đi. Du-hành là chuyến đi.

- Khởi-hành: Khởi = bắt đầu. Khởi-hành là bắt đầu đi.

- Hành-trình: Trình = đi qua. Hành-trình, lộ-trình là đường đi qua.

- Sào-huyệt: Sào = ổ; Huyệt = hang.Sào-huyệt là chỗ ở kín-đáo của bọn cướp.

- Phục-kích: Phục = nằm núp chờ; Kích = chống đánh. Phục-kích là núp chờ để đánh lén.

- Dở-dang = chẳng thành được, bỏ dở nửa chừng.

- Ba cõi: ba cảnh sống trên thế-gian, gồm có:1) cõi Dục-giới (tiếng Pali là Kàmabhava) có mười-một cảnh thuộc về các ham-muốn thể-xác; (2) cõi Sắc-giới (tiếng Pali là Rùpabhava) có mười-sáu cảnh còn hình-chất thuộc Trời Phạm-thiên thấp; (3) cõi

Vô-sắc-giới (tiếng Pali là Arùpabhava) có bốn cảnh chẳng còn hình-sắc thuộc Trời Phạm-thiên cao.

- Đồng-bọn = chung một bọn, chung một đoàn.

- Cõi trần: Cõi = nơi sanh-sống; Trần = bụi-bặm. Cõi trần là cõi ta đang sống; coi như bụi-bặm chẳng đáng quí, vì nhỏ, ngắn và đầy khổ-sở.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Nhơn câu chuyện người thương-gia biết tránh chọn đường đi nguy-hiểm, Đức Phật dạy, ở đời phải biết tránh tội-ác, cũng nguy-hiểm như thuốc-độc, như bọn cướp vậy.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 123:

Ý-nghĩa bài Kệ được nói trong Tích chuyện là phải tránh xa tội-ác.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ: cần tránh xa tội-ác, xem tội-ác như bọn cướp đoạt công-đức của mình, như thuốc độc giết chết đời sống tu-hành.

(102).- Tích chuyện vợ chồng người thợ săn Khúc-cư.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến vợ chồng con cái người thợ săn tên là Khúc-cư.

Thuở ấy, ở thành Vương-xá có một thiếu-nữ, con nhà giàu-có, tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Một hôm cô ra chợ, gặp người thợ-săn tên là Khúc-cư, đem da thú đi bán. Cô phải lòng người thợ-săn và ưng lấy người ấy. Hai vợ chồng sanh được bảy người con trai, và theo năm tháng, cũng lập gia-đình có vợ con.

Mùa hè năm ấy, Khúc-cư đi vào rừng, đặt bẫy săn thú. Sáng sớm hôm đó, Đức Phật trong cơn thiền- định, quán-sát khắp pháp-giới, thấy đã đủ cơ-duyên cho gia-đình của Khúc-cư chứng được quả-vị Tu- đà-huờn. Sau đó, Ngài lên đường đi vào rừng, dẫm dấu chơn lên gần chỗ đặt bẫy, rồi ngồi xuống bên gốc cây trong bụi rậm. Gần trưa, Khúc-cư đi thăm bẫy, thấy dấu chơn người đi, đến nơi chẳng thấy có thú nào mắc bẫy cả. Khúc-cư nghĩ, có lẽ ai đó đã bắt thú thả đi rồi, mới dò theo bước chơn, nom thấy Đức Phật đang ngồi trong lùm cây. Y nổi giận, định giương cung lên bắn, nhưng thấy Đức Phật ngồi yên, nên tay chơn của ý bủn-rủn, khiến cho mũi tên rớt xuống đất, rồi đứng bất động như bị Trời trồng. Các người con trai theo cha đi săn, nom theo dấu, nhìn thấy cha đang ủ-rủ trước một người lạ, tưởng đâu đó là kẻ thù của cha mình, định chạy đến đánh để cứu cha. Vừa lúc đó, vợ của Khúc-cư và bảy người dâu, mang cơm cho chồng cũng đến nơi. Bà Khúc-cư trông thấy các con sắp hành-hung, vội la lên: "Đừng có hỗn-láo với Cha lành của ta!" Nghe nói thế, Khúc-cư tưởng đó là cha-vợ của mình, còn bảy người con tưởng đó là ông ngoại của mình, nên trong lòng họ dẹp bỏ sự tức-giận mà khởi lên niềm yêu-thương. Bà Khúc-cư liền bảo: 'Buông cung tên xuống hết, mau cúi đầu đảnh-lễ Đức Từ-phụ!" Mọi người cùng làm theo, bấy giờ Đức Phật nhận thấy

thành-tâm của họ, mới vì họ mà giảng một bài pháp. Mọi người chăm-chú nghe xong, chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Khi trở về đến tịnh-xá Trúc-lâm, Đức Phật thuật lại cho Tôn-giả A-nan cùng chúng tăng nghe việc Ngài vừa hoá-độ cho gia-đình Khúc-cư ở trong rừng. Có một vị tỳ-kheo qùi xuống bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, bà Khúc-cư trước đã chứng sơ-quả, nay có tội sát-sanh chăng, khi bà sửa-soạn cung, tên, lưới, bẫy giúp chồng đi săn thú?" Đức Phật dạy rằng, một vị Tu-đà-huờn chẳng hề giết-hại sanh-mạng. Bà Khúc-cư sửa-soạn cung tên cho chồng là tuân theo lịnh chồng mà làm, bà chẳng hề có ý-định sát-sanh, nên chẳng phạm tội. Đó cũng như một người có bàn tay chẳng bị trầy-trụa, nếu có cầm đến thuốc độc, cũng chẳng bị hại đến tánh-mạng của mình."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Bàn tay lành-lặn, chẳng trầy,
Dẫu cầm thuốc độc, chẳng gây hiểm-nghèo.
Cùng thế ấy, người theo thiện-đạo,
Điều dữ-ác chẳng tạo hiểm-nguy.
(Kệ số 124.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khúc-cư: tên người thợ săn nầy, tiếng Pali là Kukkutamitta.

- Trúc-lâm: Trúc =cây trúc, cây tre; Lâm = rừng. Trúc-lâm là rừng tre trong vườn thượng-uyển của vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara). Vua xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) nầy dưng-cúng khu vườn để xây tịnh-xá cho Đức Phật ngụ. Tên tịnh-xá Truc-lâm bằng tiếng Pali là Veluvana.

- Vương-xá: thủ-đô nước Ma-kiệt-đà, tên Pali là thành Ràjagaha.

- Tu-đà-huờn: quả-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn là những người đệ-tử sống gần bên Phật, nghe giảng kinh, tu theo Tứ-diệu-đế mà đắc-đạo. Quả Tu-đà-huờn, tiếng Pali là Sotàpatti, dịch là Nhập-Lưu, nghĩa là được bước vào giòng nước Thánh, còn được gọi là Thất-Lai, nghĩa là chỉ còn tái-sanh lại bảy lần nữa, thì chứng được Niết-bàn. Bực Tu-đà-huờn đã dứt bỏ được (1)thân-kiến, nghĩa là còn chấp lấy thân-tâm nầy là Ta, (2)nghi-hoặc, nghĩa là thiếu sự tin-tưởng vững-chắc vào Đạo-pháp; (3)giới-cấm- thủ, nghĩa là còn tin theo các sự cúng-tế thần-linh tà-đạo.

- Phải lòng = tin theo và thương-yêu, muốn nên vợ-chồng.

- Pháp-giới: danh-từ chuyên-môn Phật-học có nghĩa là thế-giới.

- Cơ-duyên: Cơ = cơ-hội; Duyên =duyên-cớ. Cơ-duyên là dịp.

- Bất-động: Bất = chẳng; Động = cử-động; Bất-động là đứng yên, chẳng nhúc-nhích được.

- Hành-hung: Hành = làm; Hung = dữ. Hành-hung là làm dữ.

- Đảnh-lễ = cúi đầu lễ lạy.

- Từ-phụ = Cha lành: tiếng để chỉ vào Đức Phật, trọng như Cha.

- Hoá-độ: Hoá = cải-hoá, sửa lại cho đúng; Độ = nghĩa gốc của chữ Hán-Việt độ là đưa qua sông; ở đây là giúp-đỡ cho. Chữ Hoá-độ trong Phật-học có nghĩa là chỉ dạy đạo-pháp cho ai, để người ấy biết cách mà tu-hành và trở nên người hiền-trí.

-Sơ-quả: Sơ = ban-sơ, buổi đầu; Quả = quả-vị, kết-quả của sự tu-hành thành-công. Sơ-quả, ở đây, chỉ vào quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại gia-đình người thợ-săn được Đức Phật hoá-độ và chứng được quả-vị Tu-đà- huờn. Tại sao họ được hoá-độ? Vì Đức Phật nhận thấy thành-tâm của họ, bỏ sự sân-hận mà khởi lòng mến đạo.

Trong phần thứ nhì của Tích chuyện, vị Tỳ-kheo hỏi, sửa-soạn cung tên giúp chồng đi săn, có bị tội sát-sanh không. Đức Phật bảo, phạm tội sát-sanh là khi nào có ý-định sát-hại trong tâm. Ý trong tâm là điều quan-trọng, tạo thành nghiệp; vì thế ta phải luôn giữ tâm cho trong-sạch.

Đức Phật còn dạy, với người theo thiện-đạo dẫu gặp điều dữ cũng chẳng hề chi, giống như bàn tay lành-lặn dẫu có cầm thuốc độc cũng chẳng nguy-hiểm. Ta nên cẩn-thận hiểu lời dạy nầy, biết đức-

hạnh của mình có vững-chắc chưa mà dám gần kẻ dữ. Thôi thì, có gặp thuốc độc là nên tránh xa ngay, như lời Đức Phật đã dạy trong bài trước, an-toàn hơn!

(2)Ý-nghĩa của bài Kệ số 124:

Ý-nghĩa bài Kệ nầy dành cho các bực có đức-hạnh vững-vàng, dấn thân vào sống cùng bọn dữ-ác, để cải-hoá họ. Điều khó là phải giữ cho mình đừng bị nhiễm vào thói xấu của kẻ dữ ở gần bên, giữ thật cẩn-thận, như giữ tay chẳng cho trầy-trụa mới dám cầm thuốc độc mà chẳng bị hại.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, để giữ tâm-ý mình khi phải sống gần kẻ dữ.

(103).- Tích chuyện người thợ săn Cổ-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến người thợ săn Cổ-kha.

Thuở ấy ở nước Ma-kiệt-đà, có người thợ săn tên là Cổ-kha, buổi sáng sớm, dẫn đàn chó dữ đi vào rừng. Dọc đường, anh gặp một vị tỳ-kheo đang đi khất-thực. Anh cho đó là điềm xui-xẻo, có lẽ bữa nay chẳng săn được gì. Quả thật, hôm ấy anh chẳng bắt được thú rừng, bực-bội quay về, lại gặp vị tỳ- kheo ban sáng. Anh ta lẩm-bẩm, chỉ tại cái anh nầy mà mình về tay không. Vừa nghĩ, anh vừa xua đàn chó đến cắn vị tỳ-kheo cho bỏ

ghét. Vị tỳ-kheo hoảng-hốt, vội leo lên thân cây bên lề đường để tránh chó. Dưới nầy, anh thợ-săn lại ác, lấy cây chĩa, thọt vào chơn vị tỳ-kheo. Đau quá, vị tỳ-kheo đánh rơi cả áo cà-sa, lại trúng ngay đầu anh thợ săn, trùm kín anh ta. Đàn chó vồ lại cắn xé, tưởng đó là người trên cây té xuống. Vị tỳ-kheo thấy tội-nghiệp, bẻ một cành cây, quơ xuống đuổi chó đi. Bấy giờ, bầy chó mới biết chúng đã cắn lầm đến chủ, liền bỏ chạy vào rừng. Xuống đến đất, vị tỳ-kheo đến bên người thợ săn để giúp đỡ, nhưng y đã bị chó dữ cắn chết mất rồi.

Về đến tịnh-xá, vị tỳ-kheo đến bên Phật xin sám-hối tội-lỗi, vô-tình gây nên cái chết cho người thợ săn. Đức Phật bảo: "Nầy tỳ-kheo, hãy an-tâm, con chẳng phạm tội chi cả, giới-đức của con chẳng bị tì- vết gì. Kẻ săn bắn kia đã có dã-tâm muốn hại con là người vô-tội, thì phải chịu lấy hậu-quả nghiêm- khắc đó."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Kẻ nào xâm-phạm người vô-tội,
Trắng-trong, lậu-hoặc dẹp xong rồi.
Cũng như tung bụi ngược gió thổi,
Ác quay trở lại, hại mình thôi.
(Kệ số 125.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa chữ:

- Cổ-kha: tên người thợ săn nầy, tiếng Pali là Koka.

- Các chữ: Trúc-lâm, Vương-xá, Ma-kiệt-đà, xin xem lại nghĩa ở bài trước, trang 322.

- Cà-sa: phiên-âm tiếng Phạn Kasaya, áo màu vàng choàng bên ngoài của tu-sĩ Phật-giáo.

- Tịnh-xá: Tĩnh = yên-tịnh, thanh-tịnh; Xá = nhà. Tịnh-xá là nơi cư-ngụ của người tu-hành, như chùa, tu-viện, am, cốc.

- Giới-đức: đức-hạnh giữ đúng các điều răn-cấm trong Đạo.

- Tì-vết: chỗ dơ, chỗ bị trầy-trụa. Ở đây, tì-vết có nghĩa là tội-lỗi.

- Dã-tâm = bụng dạ xấu-ác.

- Hậu-quả: Hậu = sau; Quả = kết-quả; Hậu-quả là kết-quả về sau của việc đã làm từ trước.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy; Hoặc = lỗi-lầm. Chữ lậu-hoặc trong Phật-học dùng để chỉ các lỗi-lầm, phiền-não, từ trong tâm biểu lộ (= rỉ chảy ra) ra bằng hành-động hay lời nói.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một người thợ săn vô-cớ xua chó cắn vị tỳ-kheo; nhưng vị tỳ-kheo chẳng bị hại gì vì leo kịp lên cây, còn kẻ ác kia lại bị chính đàn chó dữ của mình cắn chết. Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là: hễ gieo việc ác thì phải chịu hậu-quả khốn-khổ về sau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 125:

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ: gây việc ác đến người vô-tội thì người gieo sẽ hứng chịu hậu-quả khốn-khổ về sau. Đó cũng như kẻ tung bụi ngược gió, bụi thổi ngược trở lại làm hại mắt mình.

Trong bài kệ có câu: ...phạm người vô-tội, trắng-trong, lậu-hoặc dẹp xong, có nghĩa là người nầy đã chứng được quả-vị A-la-hán, vì đã dứt trừ tất cả phiền-não bên trong và tâm trở nên trắng-trong.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài kệ, ghi nhớ để tự răn mình, đừng hại kẻ vô-tội.

(104).- Tích chuyện viên hồng-ngọc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến viên hồng-ngọc và Trưởng-lão Thi-sa.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ, có một người thợ kim-hoàn mỗi ngày cùng vợ hay dâng-cúng thực-phẩm cho một vị Trưởng-lão tên là Thi-sa đến khất-thực. Một hôm, vào buổi sáng, vị Trưởng-lão bước vào sân, chờ được bố-thí, thì có một sứ-giả của vua Ba-tư-nặc đem đến một viên hồng-ngọc để người thợ kim- hoàn mài-dũa. Lúc ấy, người thợ từ trong bếp bước ra, tay còn dính máu, nhận viên ngọc để trên bàn, rồi quay trở vào trong để rửa tay. Có con ngỗng nuôi trong sân, nhìn thấy viên ngọc bị dính máu, tưởng là món ăn, bước lại ngoạm và nuốt vào cổ.

Khi người thợ kim-hoàn trở ra, nhìn trên bàn chẳng thấy viên hồng-ngọc, mới hỏi vợ và con có ai lấy không. Không tìm thấy, người thợ mới nghi là vị Trưởng-lão đã lấy trộm viên ngọc, nhưng vị Trưởng- lão lắc đầu, bảo mình chẳng lấy. Mối nghi-ngờ nơi người thợ càng lúc càng gia-tăng, anh ta bực-tức, quên cả lễ-phép, sấn lại bên vị tu-hành, quát to: ‘Ông chẳng lấy viên ngọc, thì ai vào đây; nếu chẳng đưa ra, đừng trách ta tàn-ác."Miệng nói, tay nắm cổ vị Trưởng-lão đè xuống, dùng hèo đập mạnh. Máu đổ, người ngã, nhưng vị tu-sĩ già vẫn im-lìm. Người vợ ra can-ngăn cũng chẳng được. Bấy giờ, con ngỗng còn đứng gần đó, thấy có máu chảy quanh cổ vị Trưởng-lão, mới chạy đến, đưa mỏ vào hút uống. Đang cơn tức-giận, người thợ lấy chơn đá mạnh con ngỗng văng đi trúng vào vách tường, chết tốt. Vị trưởng-lão ngẩng đầu lên, hỏi: "Con ngỗng có thật đã chết rồi hay không?"Người thợ: "Cả ông nữa cũng sẽ chết như nó vậy, nếu chẳng chịu trả viên ngọc lại cho ta." Trưởng-lão từ-tốn bảo: ‘Nầy thí-chủ, chính con ngỗng đã nuốt viên ngọc!"

Nghe thế, người thợ liền xách con ngỗng vào bếp, lấy dao mổ bụng, quả thật viên ngọc đang nằm trong dạ-dày con ngỗng. Bấy giờ, anh ta quá ăn-năn, đến đỡ vị Trưởng-lão

ngồi trên ghế. Vợ anh băng-bó, còn anh qùi xuống xin sám-hối. Trưởng-lão Thi-sa phều-phào nói: "Thí-chủ nên đứng dậy. Việc xảy ra là do lỗi của bần-đạo, khi đi khất-thực thì chẳng nên bước vào trong nhà, mà phải đứng chờ ngoài cổng." Nói xong, Ngài thở hơi cuối cùng.

Chiều hôm ấy, các vị tỳ-kheo đến thưa trình Đức Phật việc đáng tiếc xảy ra buổi sáng và hỏi: "Bạch Thế-tôn, chẳng biết các nhơn-vật nơi tiệm kim-hoàn sẽ thác-sanh về đâu?" Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, con ngỗng được thác-sanh vào làm con trai của người thợ kim-hoàn; người chồng sẽ sa vào địa- ngục, người vợ được sanh lên cõi Trời làm thiên-nữ. Còn Trưởng-lão Thi-Sa, đã chứng-đắc quả-vị A- la-hán lúc còn sống, nên nay chứng-nhập vào Vô-dư Niết-bàn."

Rồi đó, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người thường từ bụng mẹ sanh ra.
Phải sa địa-ngục là kẻ dữ.
Bực hiền-lương đến được Thiên-đàng.
Chứng Niết-bàn là hàng Vô-nhiễm.
(Kệ số 126.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Hồng-ngọc: Hồng =màu hồng; Ngọc = viên đá quí. Hồng-ngọc là viên đá quí màu hồng, chói sáng.

- Kim-hoàn: Kim =vàng; Hoàn =chiếc vòng. Hiệu Kim-hoàn là tiệm làm và bán đồ nữ-trang.

- Thi-Sa: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là Tissa.

- Sứ-giả = người mang tin đến cho kẻ khác.

- Ba-tư-nặc: tên vua xứ Câu-tát-la (Kosala), tiếng Pali là Pasedani.

- Hèo = cây gậy cứng nặng, dùng để đánh-đập.

- Từ-tốn = nói chẫm rãi và dịu-dàng.

- Thí-chủ: Thí =bố-thí; Chủ =chủ, chủ nhà. Thí-chủ là người bố-thí, còn gọi là Thí-giả. Trái lại, người nhận của bố-thí là thọ-giả.

- Dạ-dày = bộ-phận trong bụng để chứa đồ ăn ăn vào; thường gọi lầm là bao-tử.

- Sám-hối: xin nhắc lại: ăn-năn, hối-tiếc và hứa chẳng tái-phạm .

- Bần-đạo: Bần =nghèo; Đạo =đạo-sĩ; Bần-đạo là tiếng tự-xưng của các tu-sĩ; cũng như bần-tăng.

- Thác-sanh: tái-sanh; sanh trở lại.

-Thiên-nữ: Thiên = Trời; Nữ =phụ-nữ. Thiên-nữ là cô gái, đàn-bà trên cõi Trời. Đàn-ông là Thiên- nam. Còn Thiên-đế là vua cõi Trời.

- Vô-dư Niết-bàn: Theo giáo-lý Nguyên-thuỷ, người chứng được quả-vị A-la-hán lúc còn sống sống trong cảnh Hữu-dư Niết-bàn, Hữu = có; Dư = dư-y, tức là tấm thân còn chịu nốt những nghiệp-báo

còn sót lại. Khi chết đi, rời thân-xác nầy, sống vĩnh-viễn trong cảnh tịch-diệt gọi là Vô-dư Niết-bàn, chẳng phải tái-sanh trong sáu đường Luân-hồi nữa.

- Thiên-đàng: ở đây có nghĩa là sanh lên các cõi Trời.

- Vô-nhiễm: Vô = chẳng; Nhiễm = dính dơ. Vô-nhiễm ở đây có nghĩa là chẳng còn bị các lậu-hoặc, phiền-não làm bợn nhơ tâm của mình. Nói cách khác, bực Vô-nhiễm là người đã hoàn-toàn giải-thoát.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất lâm-ly, thuật lại đức nhẫn-nhục của một vị Trưởng-lão, thà im-lặng chịu bị đánh-đập hơn là nói lên sư-thật có thể làm chết con ngỗng. Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là nêu gương anh-dũng của đức nhẫn-nhục.

Trong phần sau của Tích chuyện, Đức Phật nói cho các tỳ-kheo biết nơi tái-sanh của các nhơn-vật tại tiệm kim-hoàn, đó là Ngài muốn cho các tỳ-kheo thấy rõ Luật Nhơn-quả: con ngỗng bị đá chết, sanh trở lại làm con người thợ kim-hoàn, để đòi nợ; người thợ phạm đến sanh-mạng của Trưởng-lão bị rơi vào địa-ngục Vô-gián (= bị hình-phạt chẳng ngừng-nghỉ); người vợ biết làm việc thiện, can-ngăn để cứu vị Trưởng-lão, nên được sanh lên Trời hưởng sung-sướng. Vị Trưởng-lão vì đã chứng quả-vị A-la- hán, chẳng còn bị tái-sanh, thì sống và chết ở cõi đời nầy, chẳng có chi khác-biệt mà phải sợ chết, tham sống.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 126:

Bài Kệ số 126 phân-biệt các cõi: (1) cõi người, sanh ra từ bụng mẹ; (2) cõi địa-ngục, trừng-trị kẻ dữ; (3) cõi Trời, dành cho người hiền-lương; (4) cõi Niết-Bàn, dành cho bực Vô-nhiễm, đã hoàn-toàn giải- thoát.

(105).- Tích chuyện về ba nhóm Tỳ-kheo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ba câu hỏi của ba nhóm tỳ-kheo

Thuở ấy, có ba nhóm tỳ-kheo khác nhau từ xa đến đảnh-lễ Đức Phật. Dọc đường, mỗi nhóm gặp phải một chuyện lạ, như sau:

1.- Nhóm thứ nhứt: Trên đường đi hướng về Kỳ-viên-tự, nhóm Tỳ-kheo nầy dừng chơn lại tại một ngôi làng, để khất-thực. Trong khi dân-chúng nấu cơm, sửa-soạn thức ăn, thì có một căn nhà bốc cháy lên dữ-dội. Tàn lửa bay lên cao; bỗng đâu một con quạ đen bay ngang qua, trúng lửa bị thiêu cháy rớt xuống chết. Các vị Tỳ-kheo chẳng biết

duyên-cớ nào mà con quạ lại bị rủi-ro như thế, định khi đến gặp Phật sẽ hỏi.

2.- Nhóm thứ hai: Nhóm nầy dùng thuyền vượt biển để đi đến chùa Kỳ-viên. Giữa đường, thuyền bỗng dừng lại, chẳng di-động được. Các thủy-thủ trên thuyền dùng thẻ xâm để khấn xem ai là người trên thuyền nầy đã khiến cho thuyền bị nạn. Ba lần xin xâm đều nhằm vào người vợ của vị thuyền-trưởng. Ông nầy nói: "Nếu thần-linh đã bảo rõ như thế, thì phải quăng người đàn-bà nầy xuống biển, thì thuyền mới đi được." Nói xong, ông ra lịnh bắt trói người vợ, đeo vào cổ một viên đá nặng, rồi xô xuống biển. Các vị Tỳ-kheo chẳng rõ duyên-cớ nào mà người đàn-bà phải chịu số-phận hẩm-hiu như thế, định khi đến gặp Phật sẽ hỏi.

3.- Nhóm thứ ba: Nhóm Tỳ-kheo nầy đi đường bộ, gặp đêm tối, tìm chỗ tạm trú. Họ được chỉ một động-đá bên sườn núi. Bảy vị bước vào trong, bỗng đâu một hòn đá lớn lăn xuống, chận bít chỗ ra vào. Cả bọn hì-hục ngày đêm để đẩy hòn đá. Mãi đến ngày thứ bẩy, hòn đá mới xê-dịch, đủ để cho bảy vị

bên trong thoát ra ngoài. Các vị Tỳ-kheo chẳng biết duyên-cớ gì đã khiến cho bảy vị thiếu may-mắn kia bị nhốt trong hang động, đói khát suốt bảy ngày. Họ định khi đến gặp Phật sẽ hỏi.

Một thời-gian sau, cả ba nhóm Tỳ-kheo đồng đến một lượt tại chùa Kỳ-viên. Sau khi đảnh-lễ Đức Phật, mỗi người trong mỗi nhóm thuật lại chuyện lạ xảy ra cho nhóm mình, và thỉnh-cầu Đức Phật giải-thích rõ duyên-do của mỗi việc. Đức Phật lần-lượt giải-đáp như sau:

1.- Nhóm thứ nhứt: ‘Nầy các Tỳ-kheo, trong một kiếp xa xưa, có một người nông-phu nuôi một con bò. Bò rất lười-biếng, cả ngày gâm cỏ xong thì nằm ngủ. Chủ bò tìm đủ cách để bắt nó đi làm, nhưng bò rất ngoan-cố chẳng chịu cất bước. Chủ bò giận quá, mới lấy dây rơm cột cổ bò lại và nổi lửa lên đốt. Bò chết. Vì hành-động tàn-ác đó, chủ bò phải sa vào địa-ngục; đến khi mãn hạn ở địa-ngục, được sanh vào hàng súc-sanh và phải chịu chết cháy trong bảy đời liên-tiếp."

2.- Nhóm thứ hai: "Nầy các Tỳ-kheo, trong một kiếp xa xưa, có một người đàn-bà nuôi một con chó, đi đâu cũng dẫn nó theo. Một hôm bà đi ra chợ, bị một bọn thanh-niên chê chọc con chó, bà mắc-cỡ quá, mới tính giết con chó đi. Bà lấy dây buộc một cái chậu đầy cát, đeo vào cổ chó và trấn nước nó. Chó bị chết chìm. Vì hành-vi tàn-ác đó, người đàn-bà phải sa vào địa-ngục; đến khi mãn hạn khỏi địa-ngục, phải chịu cảnh chết chìm trong nhiều kiếp tái-sanh."

3.- Nhóm thứ ba: ‘Nầy các Tỳ-kheo, trong một kiếp xa xưa, có bảy người chăn bò thấy một con kỳ-đà đang bò vào một cái hang dưới một mô đất cao. Tinh-nghịch, họ lấy các nhánh cây khô chận bít cả bảy ngách của hang, khiến cho con kỳ-đà bị nhốt chẳng ra được. Sau đó, mấy kẻ chăn bò bỏ đi, quên bẳng việc con thú bị nhốt. Đến khi họ nhớ lại, tới giở các nhánh cây ra, thì con kỳ-đà mới thoát ra được, sau bảy ngày nhịn đói. Vì hành-vi ác-độc đó, bảy kẻ chăn bò đó trong mười bốn kiếp tái-sanh, sẽ bị giam- nhốt trong hang và chịu đói khát bảy ngày."

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo thốt lên rằng: ‘Bạch Thế-tôn, con thấy chẳng có cách nào trốn thoát được ác-báo cả, cho dầu có bay trên trời cao, hay lặn xuống biển cả, hoặc chui vào hang đá, hễ gây nhơn xấu là phải chịu quả xấu." Đức Phật bảo: "Đúng như thế, trên thế-gian nầy, chẳng có nơi nào mà tránh khỏi ác-báo của hành-vi bất-thiện cả."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Dầu bay vút trên trời cao,
Hay lặn sâu dưới biển cả,
Hoặc chui rút vào hang đá,
Trốn làm sao được hậu-quả
Các điều ác đã tạo ra.
(Kệ số 127.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Di-động: Di = di-chuyển; Động = động-đậy.

- Thuỷ-thủ: Thuỷ = nước; Thủ = bàn tay; Thủy-thủ = người làm công trên tàu-bè.

- Xin xâm = tục-lệ dùng các thẻ tre, khấn vái, lắc ống cho thẻ rớt ra, theo đó mà suy-đoán ý-định của vị thần-linh. Có vẻ dị-đoan.

- Thuyền-trưởng: Thuyền =tàu-bè; Trưởng = lớn. Thuyền-trưởng là vị chỉ-huy một chiếc tàu.

- Hẩm-hiu = thiếu may-mắn, bị khốn-khổ.

- Duyên-cớ = Duyên-do = lý-do tại sao, vì cớ gì .

- Ngoan-cố = cứng đầu, chẳng chịu nghe lời dạy.

- Súc-sanh = thú-vật, chẳng có trí thông-minh.

- Trấn nước = nhận chìm xuống nước cho chết ngộp.

- Kỳ-đà = loài bò-sát thân to, thường sống cả trên bờ và dưới nước

- Ác-báo: Ác = tàn-ác, dữ-dằn; Báo = báo đền, báo thù. Ác-báo là hậu-quả xấu-ác xảy ra sau, do một hành-động ác trước đã gây ra.

- Nhơn, Quả: Nhơn = nguyên-nhơn, cớ; Quả = kết-quả, hậu-quả.

- Bất-thiện: Bất = chẳng; Thiện = lành. Bất-thiện là ác, chẳng lành.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Bài nầy có đến ba Tích chuyện, nhưng cùng chỉ đến hậu-quả của việc làm ác khi trước. Đó là ác-báo thế nào cũng xảy ra cho người đã làm việc bất-thiện, dầu trốn đi đâu cũng chẳng khỏi.

(2) Ý-nghĩa cvủa bài Kệ số 127:

Bay lên trên không-trung, lặn dưới biển-cả, chui rút vào hang đá, cứ tưởng đâu là nơi trốn-tránh được an-toàn, nhưng ý-nghĩa của bài Kệ dạy, chẳng có nơi nào thoát khỏi ác-báo của việc bất-thiện cả.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ và ghi nhớ Tích chuyện, để khuyên-răn trẻ-con chớ có hành-hạ, gây đau-đớn cho thú-vật.

2.- Khuyến-khích con-cái giúp-đỡ các Hội Bảo-vệ Súc-vật.

(106).- Tích chuyện vương-tử Thiện-giác .

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Cây Sung, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vương-tử Thiện-giác.

Thuở ấy, vương-tử Thiện-giác vốn dòng họ Thích-ca, là cha của Đề-bà-đạt-đa và công-chúa Da-du-đà- la, vợ của Thái-tử Tất-đạt-ta. Vương-tử Thiện-giác mang niềm hiềm-hận đối với Đức Phật Thích-ca, vì hai lý-do. Thứ nhứt là trước kia, Thái-tử Tất-đạt-ta đi tu, bỏ công-chúa Da-du-đà-la ở lại một mình, khiến công-chúa phải sống trong cô-đơn. Thứ hai là về sau, vì hay binh con là Đề-bà-đạt-đa, khi vị nầy gia-nhập Tăng-đoàn, đã có thái-độ thù-nghịch với Đức Phật.

Một hôm, khi biết được Đức Phật và chư Tăng đi khất-thực trong thành Ca-tỳ-la-vệ, vương-tử Thiện- giác cùng bọn người hầu-cận ngồi uống rượu thật say, chận đường Đức Phật đi ngang qua. Khi Đức Phật cùng chúng Tăng đến nơi, vương-tử chẳng chịu dời tránh đi, bảo rằng: "Sa-môn Cồ-đàm nhỏ tuổi hơn ta, sao ta lại phải nhường đường cho ông ấy." Đức Phật mới quay đi sang đường khác. Vương-tử Thiện-giác liền cho người rình theo Đức Phật, xem Ngài có nói gì về ông ta không. Đi một đỗi đường, Đức Phật nói với thị-giả A-nan rằng: "Nầy A-nan, trong bảy ngày nữa, vương-tử Thiện-giác sẽ chết vì bị đất nứt hút xuống, ngay tại nấc thang bước vào thềm cung-điện." Người kia nghe được liền thuật lại cho vương-tử Thiện-giác. Ông ta cười bảo: ‘Ta sẽ có cách làm cho lời tiên-đoán của Sa-môn Cồ-đàm

trở nên sai-bét!" Vương tử ra lịnh cho bọn thợ hồ cạy hết các bực thang trước thềm, làm một lối đi khác, và dặn người túc-trực ở đó để nhắc Vương-tử nếu quên mà đi ngang qua chỗ cũ.

Bảy ngày hôm sau, vương-tử Thiện-giác đang dùng bữa, bỗng đâu con ngựa quí của ông nổi chứng, chạy lồng-lộn vào. Vương-tử đứng lên chận ngựa lại, lôi kéo nhau, đến bên chỗ thềm cũ, rồi đất nứt ra, hút cả vừa ngựa vừa người, lọt xuống hang sâu chẳng thấy đáy.

Tin Vương-tử bị đất hút được các tỳ-kheo thưa trình lại với Phật. Đức Phật nói: "Nầy các tỳ-kheo, dầu bay cao trên trời, bơi ra khơi ngoài biển cả, hay chui rút vào hang đá, chẳng có nơi nào trên thế-gian nầy mà con người trốn khỏi tay của Thần Chết."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Dầu bay vút trên trời cao,
Hay lặn sâu dưới biển cả,
Hoặc chui vào hang đá,
Chẳng chỗ nào trên thế-gian
Trốn khỏi được tay Thần Chết.
(Kệ số 128.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vương-tử: Vương =vua; tử = con; Vương-tử là người dòng vua.

- Thiện-giác: tên thật vị vương-tử tiếng Pali là Suppabuddha.

- Chùa Cây Sung: tên ngôi chùa nầy tiếng Pali là Nigrodhàràma; Nigrodhà là loại cây to lớn, có trái nhỏ, tròn, trong có hột như hột mè, mùi-vị thơm, ngọt, tựa như trái sung ở nước Việt ta.

- Đề-bà-đạt-đa:tên thật bằng tiếng Pali là Devadatta, vị tỳ-kheo đã ba lần mưu-sát Đức Phật.

- Da-du-đà-la: tên thật công-chúa tiếng Pali là Yasodharà, rất đẹp và hiền, vợ của Thái-tử Tất-đạt-ta (Siddhattha) trước khi đi tu thành Phật.

- Tất-đạt-ta: tên của Đức Phật Thích-ca, khi ngài còn là Thái-tử, con vua Tĩnh-phạn (Suddhodana), chưa đi tu. Tiếng Pali là Siddhattha.

- Ca-tỳ-la-vệ: tên thủ-đô của nước Xá-vệ, nơi Thái-tử Tất-đạt-ta sống khi chưa đi tu. Tiếng Pali là Kapilavatthu.

- Hiềm-hận = mối giận-hờn ghi sâu trong lòng.

- Cô-đơn = sống một mình.

- Sa-môn = tu-sĩ Phật-giáo, tiếng Pali là Samana.

- Cồ-đàm = họ của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Gotama.

- Một đỗi đường: một khoảng đường đã đi qua.

- Tiên-đoán: Tiên =trước; Đoán = nói về chuyện chưa xảy ra. Lời tiên-đoán là lời đoán trước sự việc sẽ xảy ra.

- Túc-trực = ở mãi tại một chỗ để canh-chừng.

- Nổi chứng = bỗng trở nên hung-hăng, khó trị.

- Thần Chết: sự chết-chóc. Người ta thường lầm-tưởng là khi sắp chết, con người bị một vị thần-linh đến bắt dẫn linh-hồn đi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại cái chết của Vương-tử Thiện-giác, tuy được Đức Phật báo trước, nhưng cũng chẳng thế nào tránh khỏi được. Chuyện kể việc đất nứt ra, hút sâu vào lòng đất, ngày nay ta khó tin, vì đất nứt chỉ xảy ra trong các cuộc động-đất. Nhưng rất có thể, vì chạy theo con ngựa

điên, bị lôi đến bực thềm, lọt xuống hố đào sẵn còn cây gỗ đá ngổn ngang, bị thương nặng mà chết. Ý- nghĩa của Tích chuyện là chẳng ai tìm được cách nào mà khỏi chết cả, hễ đã sanh ra có thân-thể, thì sẽ có ngày thân-thể ấy bị huỷ-diệt mà chết, chẳng cách nào trốn tránh được.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 128:

Bài Kệ nầy giống với bài Kệ trước, số 127, giống ở chỗ chẳng có nơi trú-ẩn an-toàn nào cả, và khác với bài Kệ trước, là trước thì trốn chạy ác-báo, còn sau thì cố tránh cho khỏi chết. Cả hai bài đều nói lên sự bất-khả-kháng (=chẳng chống-cự nổi được) đối với ác-báo, và đối với cái chết. Đây là sự-thật muôn đời mà người học Đạo phải thấu rõ và phải có thái-độ đứng-đắn đứng trước các việc xấu-ác, cũng như trước sự chết.

Gặp việc xấu-ác, cần phải tránh xa, đó là con đường để thoát khỏi ác-báo về sau.

Đã sanh ra làm người, mang tấm thân tứ-đại nầy, có sanh thì có diệt, con người muốn tránh được cái chết trong cõi Luân-hồi, chỉ có cách là gắng công tu-tập để chứng được cảnh Vô-sanh, chẳng còn bị sanh-tử, tử-sanh ràng buộc nữa, để khỏi bị tái-sanh thì sao lại bị chết nữa được.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng cả hai bài Kệ, để ghi nhớ: con người chẳng thể trốn-tránh khỏi ác-báo nếu đã gây ra tội-lỗi, và cũng chẳng có ai là khỏi phải chết cả.

2.- Đừng nghe theo lời mê-tín chạy đi tìm thuốc "trường-sanh" để sống mãi chẳng già. Đó là lời dối- gạt, chớ nên tin theo, đã mất tiền, lại còn đem chất độc vào mình hại thân.

-ooOoo-

X.- Phẩm Hình-phạt.

(107).- Tích chuyện hai nhóm Tỳ-kheo đánh nhau.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng pháp, có đề-cập đến vụ đánh-lộn giữa hai nhóm Tỳ-kheo.

Thuở ấy có một nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị đang lo tu-bổ và quét dọn sạch-sẽ một khu nhà bỏ trống trong chùa Kỳ-viên để làm nơi cư-ngụ. Lại có một nhóm Tỳ-kheo khác, gồm có sáu vị, thấy thế, mới đến chiếm lấy, bảo rằng: "Chúng tôi cao tuổi đạo hơn các bạn, các bạn phải nhường chỗ nầy lại cho chúng tôi ở." Mười bảy vị kia chẳng nhịn, sanh ra tranh-cãi nhau, rồi lại dùng võ-lực đánh nhau với

sáu vị kia. Bấy giờ, việc ẩu-đả đó đến tai Đức Phật. Ngài quở trách cả hai nhóm Tỳ-kheo và đặt ra giới-luật nghiêm-cấm tỳ-kheo chẳng được đánh nhau.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Ai cũng sợ run trước gậy-gộc,
Ai cũng hãi-hùng cuộc tử-vong.
Xét lòng mình, biết lòng người khác,
Đừng giết và cũng đừng bảo giết.
(Kệ số 129.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tu-bổ = sửa chữa lại cho đầy-đủ, cho tốt hơn.

- Cư-ngụ: Cư = cư-trú, ở; Ngụ =trú-ngụ, ở. Cư-ngụ = đến sống ở đó

- Tuổi đạo: cứ tham-dự một kỳ an-cư kiết-hạ là thêm một tuổi đạo.

- Võ-lực = sức mạnh về tay chơn. Dùng võ-lực là đánh nhau.

- Ẩu-đả: Ẩu =đánh-đập; Đả =đánh. Ẩu-đả là đánh nhau, đánh lộn.

- Giới-luật = điều luật răn cấm.

- Gậy-gộc = hèo, gậy, dùng để đánh nhau.

- Hãi-hùng = sợ-hãi, lo-lắng.

- Tử-vong: Tử =chết; Vong = mất. Cuộc tử-vong là sự chết-chóc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại vụ ẩu-đả giữa hai nhóm Tỳ-kheo, một nhóm ỷ mình cao tuổi đạo, đến giành chỗ của một nhóm khác. Hai bên cãi và đánh nhau, bị Đức Phật quở.

Giới-luật cấm đánh nhau giữa các Tỳ-kheo, được Đức Phật đặt ra là ý-nghĩa của Tích chuyện, khuyên ta chớ tranh-cãi và đừng dùng võ-lực để giải-quyết mọi sự bất-hoà.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 129:

Thử phân-tách từng câu của bài Kệ:

- Câu 1: Ai cũng sợ run trước gậy-gộc: tâm-lý con người sợ bị đánh-đập đau đớn thân-thể. Găy-gộc là một loại vũ-khí bằng cây cứng.

- Câu 2: Ai cũng hãi-hùng cuộc tử-vong: ai cũng sợ chết cả.

- Câu 3: Xét lòng mình, biết lòng người khác: mình mà sợ thì phải biết kẻ khác cũng sợ như mình. Ta chẳng muốn, có ai lại muốn đâu?

- Câu 4: Đừng giết và cũng đừng bảo giết: lời khuyên nầy mới thật là đầy-đủ: chẳng giết, chưa đủ; phải chẳng giết và đừng sai bảo kẻ khác giết, thì mới đầy-đủ được. Sai người giết, tội còn nặng hơn là giết.

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ nói lên tinh-thần hiếu-hoà, vô-tác-hại trong Phật-giáo: thà mình chịu nhẫn-nhục hơn là dùng võ-lực gây ra ẩu-đả, khiến cho cả hai phe đều bị thiệt-hại cả.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ khi giữ giới thứ nhứt của người tu tại-gia: chẳng sát-sanh. Dùng ý-nghĩa bài Kệ để giảng-giải cho trẻ, tập cho chúng biết tinh-thần bất-bạo-động trong Phật-giáo.

2.- Thử tập nhịn: nhịn ai, chẳng phải là vì sợ thua, mà chính là thắng được lòng mình muốn báo thù. Thắng được lòng mình, chẳng hờn-giận, chẳng cau-có, đó là chiến-thắng vẻ-vang nhứt mà chỉ một mình mình biết và cảm thấy niềm vui nhẹ-nhàng ở nội-tâm mình. Đừng ngại, hễ nhịn rồi sẽ bị lấn-hiếp tới: hãy cảnh-cáo cho kẻ kia biết rằng, mình đang nhịn, chớ chẳng phải mình đang sợ đâu.

(108).- Tích chuyện một nhóm Tỳ-kheo hay doạ-nạt.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một nhóm Tỳ-kheo thường hay doạ-nạt.

Thuở ấy, có một nhóm Tỳ-kheo gồm sáu vị, tranh-cãi và ẩu-đả với một nhóm tỳ-kheo khác gồm mười bảy vị, nhơn việc giành nhau khu nhà trống trong chùa Kỳ-viên. Sau khi Đức Phật quở trách và cấm các Tỳ-kheo, chẳng được đánh lộn với nhau, cả hai nhóm vẫn chưa hoà-thuận. Họ lại tranh-cãi nhau dữ-dội. Nhóm Tỳ-kheo cao tuổi hạ lại cung tay doạ-nạt nhóm Tỳ-kheo kia. Sự-việc đến tai Đức Phật. Một lần nữa, Đức Phật quở các vị Tỳ-kheo đã thiếu tinh-thần hoà-giải, chẳng biết đem đức-tánh bất- bạo-động ra cư-xử cùng nhau. Đức Phật liền ra điều giới-luật cấm tất cả tỳ-kheo, chẳng được cung tay ra doạ-nạt ai.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Ai cũng sợ run trước gậy-gộc,
Ai cũng mến thương cuộc sống-còn.
Xét lòng mình, biết lòng người khác,
Đừng giết và cũng đừng bảo giết.
(Kệ số 130.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Doạ-nạt: hăm-he khiến cho người khác sợ-hãi.

- Hoà-giải: Hoà = hoà-thuận, bình-yên; Giải = cởi-mở. Hoà-thuận là vui-vẻ cùng nhau, chẳng hờn- giận nhau, chẳng cãi nhau.

- Bất-bạo-động: Bất = chẳng; Bạo = hung-bạo, tàn-ác; Động = hành-động. Tinh-thần Bất-bạo-động là tánh tốt chẳng dùng võ-lực, theo đường-lối hiền-hoà mà giải-quyết việc tranh-chấp.

- Sống-còn: tiếng Hán-Việt là Sanh-tồn; trái nghĩa với chữ Tử-vong.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nầy liên-quan đến Tích chuyện số (107) ở bài trước. Hai nhóm tỳ-kheo tranh-chấp, dành chỗ ở, trước dùng võ-lực để giải-quyết, bị Đức Phật quở-trách. Sau họ chẳng dùng võ-lực nữa mà lại cung tay ra doạ-nạt nhau. Đức Phật khuyên dạy họ phải có tinh-thần hiếu-hoà và dùng tánh bất-bạo- động mà đối-xử cùng nhau.

Chẳng đánh nhau, mà lại cung tay doạ đánh, thì cũng như đánh nhau: đánh nhau bằng lời doạ-nạt, đó là ý-nghĩa của Tích chuyện.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 130:

Bài Kệ nầy giống bài Kệ trước về ý-nghĩa cũng như về lời văn; chỉ khác nhau ở câu thứ nhì về cách hành-văn:

- Ở bài trước: Ai cũng hãi-hùng cuộc tử-vong,

- Ở bài sau: Ai cũng mến thương cuộc sống-còn,

Cả hai câu đều hàm ý-nghĩa: Ai cũng muốn được sống bình-yên.

Ý-nghĩa bài Kệ nầy cũng giống bài Kệ trước: đừng dùng võ-lực để đối-xử với nhau; phải biết áp-dụng tinh-thần bất-bạo-động của Phật-giáo trong cuộc sống chung ở xã-hội.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng cả hai bài Kệ số 129 và 130: để khi gặp dịp, biết nêu cao tinh-thần bất-bạo-động của Phật-giáo.

2.- Giải-thích cho trẻ-con trong nhà biết: giơ dao lên doạ chém còn nặng tội hơn là lỡ tay chém phải kẻ khác. Tại sao? Ý-định giết-hại nẩy sanh trong đầu là mầm của nghiệp ác. Lại nữa, doạ-nạt gây ra sợ-hãi cũng tai-hại như thật-sự làm hành-vi ác, đó là một cách đánh nhau bằng lời nói, đánh nhau bằng đòn tâm-lý.

3.- Răn-dạy trẻ-con như sau: lỡ tay làm ai chảy máu, chỉ cần xin lỗi; mà giơ dao lên doạ chém, thì bị đòn ba roi. Nhắc-nhở chúng rằng: Một cái giá dao bằng ba cái chém! (giá dao = giơ dao lên để doạ.)

(109).- Tích chuyện lũ trẻ đập rắn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến lũ trẻ-con đập một con rắn.

Vào một buổi sáng, Đức Phật đang cùng chư Tăng đi khất-thực trong thành Xá-vệ, dọc đường, Ngài gặp một lũ thiếu-niên cầm roi, gậy hò hét, đánh-đập một con rắn bên lề đường. Ngài dừng lại, hỏi tại sao chúng lại đập rắn như thế. Chúng trả lời, vì sợ bị rắn cắn, nên phải đập rắn cho chết đi. Đức Phật bảo: "Nếu chúng cháu sợ bị đau-đớn, sao các cháu lại làm đau-khổ cho kẻ khác? Nếu nay các cháu làm hại đến kẻ khác, thì trong

kiếp sau, các cháu chẳng có được hạnh-phước đâu."

Rồi quay lại các vị Tỳ-kheo, Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Ai muốn cầu cho mình được hạnh-phước,
Dùng gậy-gộc đoạt-tước hạnh-phước người.
Về đời sau, kẻ ấy mất an-lạc.
(Kệ số 131.)
Ai muốn cầu cho mình được hạnh-phước, Chẳng dùng gậy-gộc tước hạnh-phước người.

Về đời sau, kẻ nầy đầy an-lạc. (Kệ số 132.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khất-thực: Xin nhắc lại: Khất = xin; Thực =ăn. Đức Phật đặt ra giới khất-thực, buộc các vị Tỳ-kheo phải đi xin ăn, chớ chẳng được có nghề riêng sanh-sống, vì Ngài muốn Tỳ-kheo phải hạ mình xuống, dẹp bỏ lòng tự-ái, để có dịp gặp dân-chúng chỉ-dạy giáo-pháp cho họ.

- Xá-vệ = một nước ở miền Bắc Ấn-độ, quê-hương của Đức Phật Thích-ca. Tiếng Pali là nước Sàvatthi.

- Thiếu-niên: Thiếu = còn trẻ; Niên = năm, tuổi. Thiếu-niên là người còn trẻ, tuổi từ 10 đến 19 tuổi. Sau tuổi thiếu-niên, là tuổi thanh-niên.

- Kiếp sau = đời sau. Theo thuyết Luân-hồi của nhà Phật, sau khi chết đi khỏi cõi đời nầy, chúng-sanh lại tái-sanh trong đời kế-tiếp.

- Hạnh-phước = sự may-mắn, sung-sướng, yên-vui trong dời sống.

- Tước-đoạt = cướp giựt.

- Gậy-gộc = khúc cây cứng, to, dùng để đánh-đập.

- An-lạc: An = yên; Lạc = vui. An-lạc là yên vui, sung-sướng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: vì sợ bị rắn cắn, lũ trẻ đập rắn chết. Đức Phật trông thấy con rắn bị hành-hạ, khổ-sở đến chết, mới ngăn lũ trẻ, và dạy chúng, đừng vì muốn mình khỏi bị hại mà lại đi hại kẻ khác.

Có thể có người cho rằng, con rắn độc, nếu mình chẳng giết nó, nó sẽ hại mình. Mới nghe thì có lý; nhưng suy-nghĩ lại: đâu phải tự-nhiên vô cớ mà rắn cắn mình. Tại nình đạp nó, đi gần bên nó, nó mới cắn. Lời dạy của Đức Phật đặt trên căn-bản công-bằng: mình chẳng muốn mình bị hại, thì đừng hại ai. Lời dạy của Đức Phật còn đặt trên căn-bản từ-bi: thương-yêu tất cả mọi chúng-sanh, chẳng phân-biệt kẻ hiền, người dữ, bạn hay thù. Thái-độ đứng-đắn đối với các người dữ-ác và các độc-vật, là ta nên tránh

xa, để khỏi bị hại, đồng thời cảnh-cáo người khác đừng gần.

(2) Ý-nghĩa của hai bài kệ số 131 và 132:

Cả hai bài Kệ nói về Luật Nhơn-Quả: đời nầy hại người, ác-báo sẽ đến vào đời kế; nay chẳng hại người, sau sẽ được yên-vui.

Tước-đoạt hạnh-phước của người là làm sao? Trong bài kệ nói dùng gậy-gộc, đó là nói đến dùng võ- lực để hành-hạ kẻ khác. Nhưng đoạt hạnh-phước còn có nhiều cách xấu-ác khác, dùng mưu-gian, lường-gạt, dụ-dỗ, v.v. cần phải tránh xa, vì đó là tạo nên ác-nghiệp.

Hạnh-phước to lớn nhứt là gì? Đó là hạnh-phước được sống-còn trong an-vui. Vì lẽ đó, giới thứ nhứt: cấm sát-sanh là để tôn-trọng sanh-mạng, đồng thời tôn-trọng hạnh-phước to lớn nhứt của chúng-sanh.

HỌC TẬP:

- Học kỹ hai bài Kệ, để ghi nhớ và dạy trẻ chớ bứt cánh bướm, chớ đuổi bắt chuồn-chuồn, chớ bắn chim, chớ câu cá, v.v...

(110).- Tích chuyện Trưởng-lão Khuôn-đà-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Khuôn-đà-na.

Thuở ấy, có vị Tỳ-kheo tên là Khuôn-đà-na, kể từ khi gia-nhập Tăng-đoàn, đi đâu cũng bị một hình- bóng mờ-mờ của môt người đàn-bà theo bên cạnh. Hình-bóng đó, các người chung quanh đều nhìn thấy, nhưng riêng vị Tỳ-kheo ấy lại chẳng nom ra, nên chẳng biết mình bị một người đàn-bà đeo theo mãi. Khi đi khất-thực, các người tín-chủ thường dâng-cúng hai phần ăn, bảo một phần dành cho Tỳ- kheo Khuôn-đà-na, còn phần kia dành cho người đàn-bà. Tiếng đồn có vị Tỳ-kheo dắt đàn-bà đi theo bên cạnh, lan rộng ra. Một người tâu lên vua Ba-tư-nặc việc đó, và xin vua hãy đuổi người Tỳ-kheo thiếu đức-hạnh đó ra khỏi nước.

Vua Ba-tư-nặc dẫn quân đến bao vây tịnh-xá nơi Tỳ-kheo Khuôn-đà-nà trú-ngụ. Nghe tiếng quân-lính ồn-ào, Tỳ-kheo Khuôn bước ra đứng trước cửa. Hình-bóng người đàn-bà hiện lên bên cạnh. Biết có vua đến, Tỳ-kheo Khuôn-đà-na liền thỉnh vua vào phòng. Khi Vua vào, hình-bóng người đàn-bà lại biến mất. Vua hỏi: "Người đàn-bà đi đâu rồi?" Vị Tỳ-kheo chẳng hiểu, hỏi lại: "Tâu đại-vương, người đàn-bà nào?" Nhà vua ngẫm-nghĩ một lát, mới bảo Tỳ-kheo Khuôn-đà-na hãy bước ra khỏi phòng xem sao. Khi vị Tỳ-kheo ra khỏi được vài bước, bóng người đàn-bà lại hiện lên, đi theo sau. Nhưng đến khi vị Tỳ-kheo trở lại vào phòng, thì hình-bóng ấy lại biến mất. Nhà vua kết-luận, hình-bóng người đàn-bà đó chỉ là ảo-ảnh, và Tỳ-kheo Khuôn-đà-na chẳng phải là người thiếu đức-hạnh mê nữ-sắc, nên mới mời ông đến hoàng-cung mỗi ngày để được cúng-dường thực-phẩm.

Các vị tỳ-kheo đồng-tu rất ngạc-nhiên trước quyết-định của nhà vua, mới bảo: 'Nầy Tỳ-kheo Khuôn- đà-na, ông là người chẳng có giới-hạnh, đi đâu cũng dắt người đàn-bà

theo bên cạnh. Nay nhà vua lại mời ông đến hoàng-cung để cúng-dường, ông sẽ bị đoạ xuống địa-ngục, không sai!" Nghe nói thế, Tỳ- kheo Khuôn-đà-na tức giận quát: 'Chính ông mới sa vào địa-ngục, chính các ông mới dẫn người đàn- bà theo sau mãi bên mình!" Rồi sau đó hai bên cãi-vã om lên. Chuyện đến tai Đức Phật. Ngài cho gọi Tỳ-kheo Khuôn-đà-na đến và hỏi rằng: "Nầy Tỳ-kheo Khuôn-đà-na, ông có chính mắt thấy các vị tỳ- kheo kia dắt đàn-bà theo sau bên mình không?" Tỳ-kheo Khuôn-đà-na bạch: "Bạch Thế-tôn, con chẳng thấy người đàn-bà nào theo sau các vị Tỳ-kheo cả." Đức Phật lại bảo: "Ông chẳng thấy có người đàn- bà đi theo họ, cũng như họ đã thấy hình-bóng một người đàn-bà đi theo ông vậy. Ông có biết tại sao ông bị bóng người đàn-bà theo đuổi ông mãi vậy không? Đó là vì trong một kiếp trước, ông sanh lên cõi Trời, thấy có hai vị Tỳ-kheo khắn-khít với nhau, ông ghen tức, mới hoá hình làm thân người nữ, đeo theo một người, để phá rối họ. Vì hành-động xấu-xa đó, nên kiếp nầy, ông phải chịu quả-báo, bị bóng một người đàn-bà theo đuổi mãi. Kể từ rày, ông chớ nên cãi-cọ với các vị tỳ-kheo đồng-tu nữa, mà phải biết ngậm miệng im lặng như chiếc chuông bể chẳng tiếng ngân. Bằng cách ấy, ông tu-tập tinh-tấn, sẽ chứng được cảnh an-lạc của Niết-bàn."

Rồi đó, Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Nói lời thô-lỗ cộc-cằn,
Người nghe mắng lại cũng bằng lời thô.
Giọng phẫn-nộ xí-xô gây đau-khổ,
Lời qua tiếng lại, trở lại hại mình.
(Kệ số 133.)
Nếu biết giữ mồm trong yên-lặng,
Như chuông nứt bể chẳng tiếng ngân.
Đó là người chứng-đắc Niết-bàn,
Trong tâm chẳng mang niềm hiềm-hận.
(Kệ số 134.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khuôn-đà-na: tên vị tỳ-kheo nầy tiếng Pali là Kondadhàna.

- Gia-nhập: Gia = tham-gia, dự vào; Nhập = đi vào. Gia-nhập Tăng-đoàn là được nhận vào làm Tỳ- kheo trong chùa.

- Khất-thực = xin nhắc lại: đi xin ăn (Khất =xin; thực = ăn).

- Tín-chủ: Tín =tin-tưởng; Chủ = người chủ. Tín-chủ là người tin-tưởng theo đạo, hay bố-thí nên còn được gọi là thí-chủ, thí-giả.

- Ba-tư-nặc: tên đức Vua xứ Câu-tát-la (Kosala), rất sùng-mộ đạo Phật. Tên tiếng Pali là Pasenadi.

- Ảo-ảnh: Ảo =giả, thấy như có thật, mà chẳng thật có; Ảnh = hình-bóng. Ảo-ảnh là hình bóng giả, như nhìn qua khung kiếng ở cửa sổ thấy có bóng mình trên kiếng; bóng ấy là ảo-ảnh.

- Mê nữ-sắc: Nữ =phụ-nữ, đàn-bà cô gái; Sắc =sắc đẹp.

- Hoàng-cung: Hoàng = hoàng-đế, vua; Cung = cung-điện. Hoàng-cung là đền-đài nơi vua ở.

- Giới-hạnh: Giới = điều răn-cấm trong đạo Phật; Hạnh = hạnh-kiểm, thái-độ, hành-động, cách cư-xử. Người có giới-hạnh tốt biết giữ điều răn.

- Quả-báo = Quả =kết-quả, hậu-quả; Báo = báo đền, báo-thù. Vì trước đã có hành-động xấu làm nguyên-nhơn, nên nay phải chịu quả-báo xấu, đó là Luật Nhơn-quả báo-ứng về sau.

- Xí-xô = ồn-ào, om-sòm.

- Niết-bàn: xin nhắc lại vắn-tắt: đó là tâm-trạng người đã dứt bỏ hết các phiền-não, sống an-nhiên, tự- tại trong niềm an-lạc.

- Hiềm-hận: Hiềm =thù-hiềm; Hận = sân-hận, giận-hờn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Trước khi tìm hiểu ý-nghĩa của Tích chuyện, xin bàn qua về điểm: Tích chuyện có thật không, hay mơ-hồ, huyền-hoặc, chẳng đáng tin? Theo lý mà xét, Tích chuyện mang vẻ huyễn-hoặc, mơ-hồ, khó tin, vì ngày nay ta chẳng thấy có ai bị một bóng-hình nào theo đuổi như trong trường-hợp của vị Tỳ- kheo Khuôn-đà-na. Nhưng nếu ta suy-nghĩ lại: việc kết-tập các Tích chuyện do người sau viết lại khi Đức Phật đã nhập Niết-bàn, có thể thêm ít nhiều chi-tiết vào, khiến câu chuyện mang vẻ huyền-bí, huyễn-hoặc, thì ta nên bỏ qua phần cốt chuyện, và chỉ chú-tâm vào lời dạy của Đức Phật ghi ở phần cuối. Lời dạy đó: đừng cãi-vã nhau, phải tập im-lặng và tinh-tấn tu-hành để sớm chứng được cảnh Niết-bàn an-lạc. Rất có thể, vì Tỳ-kheo Khuôn-đà-na có một dĩ-vãng xấu, nay tuy đi tu, vẫn còn bị dĩ- vãng xấu đó theo ám-ảnh mãi và những người khác khi thấy ông, họ nhớ đến dĩ-vãng đó, tựa như bóng ảo-ảnh bám theo ông vậy.

Thiện-Nhựt có biết một chuyện thật, hơi giống việc nầy. Trong xóm có anh Hai L. ghiền rượu, thường lén bắt chó của người ta, đem giết đi để ăn thịt. Hai L. đi đâu là mấy con chó trong xóm sủa vang lên. Dân chúng biết, bảo nhau rằng Hai L. bị mấy hồn oan của chó bị giết theo bám, cho nên đi đâu lũ chó trong xóm nghe thấy mới sủa vang lên như thế. Thiện-Nhựt bấy giờ còn nhỏ, tin theo; đến khi lớn lên,

nghĩ lại, tại Hai L. hay đi bắt chó ăn thịt, nên lũ chó đánh hơi Hai L. là sủa vang để báo-động cho nhau. Cái tật bắt chó ăn thịt để nhậu-nhẹt của Hai L. đến loài chó cũng biết, huống là các người xung-quanh. So với việc ảo-ảnh người đàn-bà bám theo Tỳ-kheo Khuôn, chắc cũng chẳng khác bao nhiêu.

Như đã thưa trước, ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật: đừng cãi-vã nhau, hãy tập im- lặng, giữ khẩu-nghiệp cho trong sạch và tinh-tấn tu-hành để sớm chứng được cảnh an-vui Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa hai bài Kệ số 133 và 134:

Cả hai bài khuyên ta nên giữ-gìn khẩu-nghiệp cho trong-sạch. Giữ cách nào? Trước, đừng cãi-vã với ai. Sau, tập giữ im-lặng, đừng lắm lời, nhiều chuyện. Tập im-lặng cách nào? Thường ta nghe nói có người tu tịnh-khẩu, nghĩa là suốt ngày chẳng nói lời nào. Đây là việc khó, có miệng thì phải nói, nín làm sao được. Nhưng khi mình tịnh-khẩu, việc quan-trọng chẳng phải chỉ là câm cái miệng lại như chuông bể chẳng tiếng ngân, mà còn là: Trong tâm chẳng mang niềm hiềm-hận nữa. Nghe ai nói nặng, nín chẳng trả lời lại, tốt lắm! Nhưng nếu chẳng trả lời, mà trong bụng hờn-giận, ghi đó, để "khi tao hết tu tịnh-khẩu, tao sẽ cho nó một bài học". A! Nếu trong bụng còn sân-hận, thì tịnh-khẩu có ích-lợi gì, chẳng qua là dồn-nén đó, rồi khi gặp dịp bật ra, còn dữ-tợn hơn gấp bội.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng hai bài Kệ, ghi nhớ và để dạy trẻ biết nín nhịn.

2.- Giảng cho trẻ biết: hai người chưởi-bới nhau, cũng như cả hai đang lấy lọ-nghẹ bôi vào mặt nhau, một lát cả hai mặt đen thui, xấu lắm!

(111).- Tích chuyện các bà thọ Bát-quan-trai.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Đông-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các bà tín-nữ thọ Bát-quan-trai.

Chùa Đông-viên nằm về phía Đông chùa Kỳ-viên, do bà ưu-bà-di Vi-sa-kha xây cất và dâng-hiến cho Ni-đoàn. Dạo ấy, có hàng trăm vị phụ-nữ trong vùng đến chùa Đông-viên, để thọ Bát-quan-trai-giới.

Khi buổi lễ xả giới đã xong, bà Vi-sa-kha đến hỏi các người giới-tử lý-do vì sao họ tới đây để thọ Bát- quan. Những người già-cả đáp, họ mong-muốn được hưởng hạnh-phước sanh lên cõi Trời trong kiếp tới. Các bà trung-niên bảo, họ đến chùa thọ Bát là để khỏi phải sống cả ngày với các người vợ bé của chồng ở nhà. Còn các cô thiếu-nữ thì đáp, họ mong-mỏi sau nầy được gặp một người chồng tốt, xứng- đáng, để có hạnh-phước trong gia-đình. Sau đó, bà Vi-sa-kha đưa các nữ-giới-tử đến yết-kiến Đức Phật ở đại-sảnh-đường. Bà bạch Phật các lời ước-nguyện của các hạng giới-tử. Đức Phật liền giảng- dạy như sau: "Này tín-nữ Vi-sa-kha, Sanh, Già, Chết là những điều tất-yếu mà mọi chúng-sanh phải trải qua. Hễ đã sanh ra, thì sẽ lớn lên, già-yếu rồi chết đi, tái-sanh lại theo vòng lẩn-quẩn. Phải biết cách tu-tập để khỏi phải trôi lăn mãi trong sáu cõi của Luân-hồi."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người chăn bò tay cầm cây gậy,
Lùa đàn bò ra bãi cỏ xanh.

Cảnh già, cõi chết cũng như vậy,
Lùa mọi người đến chỗ tử-sanh.
(Kệ số 135.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bát-quan trai-giới: Bát =tám; Quan =đóng lại; Trai = (ăn) chay; Giới = điều răn-cấm. Lễ Bát-quan- trai-giới được Phật đặt ra để cho các người tu tại-gia, vì bận-bịu gia-đình, nghề-nghiệp, đến chùa tu trong 24 tiếng đồng-hồ, tuân theo tám điều giới-luật. Theo giáo-lý, ai thọ Bát-quan mà lòng trong-sạch, giữ gìn giới-luật thật thanh-tịnh, thì khỏi phải sa vào địa-ngục. Tám điều cấm trong lễ Bát-quan: (1) cấm sát-sanh, (2) cấm trộm-cắp, (3) cấm tà-dâm, (4) cấm nói dối, (5) cấm uống rượu, (6) chẳng ăn phi- thời (ăn sái giờ-giấc), (7)chẳng trang-điểm, nằm giường cao, (8) chẳng xem hát-xướng. Lễ Bát-quan, tiếng Pali là Uposatha Sila.

- Chuà Đông-viên: ngôi chùa nầy được bà Vi-sa-kha xây cất về phiá Đông chùa Kỳ-viên, dưng-cúng cho Ni-đoàn. Tên Pali là Pubbàràma.

- Ưu-bà-di: phiên-âm tiếng Phạn Upàsikà, nữ-cư-sĩ tu tại-gia của Đạo Phật. Tín-đồ của Đức Phật gồm có Tứ Bộ-chúng: (1)Tỳ-kheo (Bhikkhu) nam tu-sĩ xuất-gia; (2) Tỳ-kheo-ni (Bhikkhuni), nữ-tu-sĩ xuất- gia, (3) Ưu-bà-tắc (Upàsaka) nam cư-sĩ tu tại-gia, còn gọi là cận-sự-nam và (4) Ưu-bà-di, còn gọi là cận-sự-nữ.

- Ni-đoàn: Ni = tỳ-kheo-ni, nữ tu-sĩ xuất-gia.Ni-đoàn là đoàn-thể các vị ni-cô, từ bốn người trở lên, tu trong chùa.

- Xả giới: Xả =chấm-dứt; bỏ; Giới =giới-luật, điều răn-cấm trong Đạo. Lễ xả-giới là buổi lễ tổ-chức sau 24 tiếng đã thọ Bát-quan-trai. Khi mới bắt đầu tu, thì làm lễ thọ-giới, theo đó, thầy truyền-giới đọc các giới lên; sau mỗi giới, người thọ-giới qùi nói: 'Nguyện vâng theo." Tuy gọi là xả-giới, nhưng người cư-sĩ vẫn tiếp-tục tuân theo các giới-luật, sau buổi lễ thọ Bát, trong cuộc sống hằng ngày ở nhà.

- Giới-tử: Giới = giới-luật, điều răn cấm trong Đạo; Tử = người, con. Giới-tử là người thọ giới; ở đây, chỉ các người tham-dự lễ Bát-quan.

- Trung-niên: Trung =trung-bình, vừa vừa; Niên =năm, tuổi. Bực trung-niên vào khoảng bốn, năm mươi tuổi; thường gọi là tuổi xồn-xồn.

- Đại-sảnh-đường: Đại = lớn; Sảnh = phòng; Đường = nhà. Đại-sảnh-đường là căn phòng lớn trong nhà, tức là phòng khách.

- Tất-yếu: Tất =bắt-buộc phải có; Yếu = trọng-yếu, quan-trọng. Điều tất-yếu là điều quan-trọng bắt buộc phải có, chẳng tránh được.

- Tái-sanh: Tái = trở lại, một lần nữa; Sanh = đẻ ra. Tái-sanh là sanh trở lại một lần nữa ở cõi đời nầy, sau khi đã chết. Đó là thuyết Luân-hồi của Đạo Phật. (Luân = bánh xe quay; Hồi = trở lại; tiếng Pali là samsàra.)

- Sáu cõi: còn gọi là Lục đạo: (1) địa-ngục, (2) ngạ-quỉ, (3) súc-sanh, (4) người, (5) thần (hay A-tu-la) và (6) Trời. Ba cõi trước là cõi dữ-ác

- Tử-sanh: Tử = chết; Sanh = sống. Cõi tử-sanh là cõi sống đi chết lại của cảnh Luân-Hồi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

(1)) Khuyên ta nên tham-dự một ngày thọ Bát-quan-trai-giới: đây là một lối tu dành cho những người còn bận-bịu việc gia-đình, được gia-nhập hàng ngũ xuất-gia trong 24 tiếng đồng-hồ. Đức Phật hứa rằng người thọ Bát biết giữ giới thanh-tịnh, lòng chí-thành trong-sạch, sẽ chẳng bao giờ sa vào địa-

ngục. Lợi-ích thiết-thực nhứt cho người thọ Bát là gát hẳn các mối lo-âu hằng ngày, sống hoàn-toàn trong sự tĩnh-tâm.

(2)) Tu phước còn thua Tu Huệ để giải-thoát: Khi nghe bà Vi-sa-kha trình-bày ước-nguyện của các giới-tử, Đức Phật cho đó là tu-phước để tạo phước-báu đời nầy hay đời sau. Đức Phật dạy, phải tu-tập để thoát khỏi vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi, đó là đường-tu giải-thoát. Giải-thoát khỏi những gì? Giải- thoát khỏi các phiền-não trong tâm. Bằng cách nào? Mở-mang Trí-huệ để cắt đứt các phiền-não, bằng cách học-tập Kinh-kệ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 135:

Bài Kệ so-sánh Cảnh Già-Chết của con người với kẻ chăn bò dùng gậy lùa hết đàn bò ra bãi cỏ. Kẻ ấy lùa hết cả đàn bò, chẳng sót một con, cũng như Thần Chết chẳng chừa một ai sống-sót cả. Đó là định- luật rắn-chắc của kiếp nhơn-sanh. Muốn thoát khỏi, chỉ có một cách là phải tu-tập để được giải-thoát. Giải-thoát bằng Trí-huệ, vì thế phải chăm tu Huệ.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ Tu-Huệ quí hơn Tu-Phước.

2.- Đi chùa, làm công-quả, bố-thí cúng-dường là những công-tác đáng quí, nhưng đó là việc tu phước, còn chưa đủ. Phải lên Chánh-điện nghe Thầy giảng kinh, để biết cách tu-tập diệt-trừ phiền-não mới là đường-tu giải-thoát.

3.- Hùn tiền in kinh, ấn-tống kinh tạo nhiều phước-báu đáng quí. Nhưng ngồi chăm-chỉ nghe kinh, thưa hỏi để hiểu rõ kinh, cũng đáng quí, vì mở mang được Trí-huệ, trên đường-tu giải-thoát.

(112).- Tích chuyện con trăn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chuyện một con trăn.

Thuở ấy, Tôn-giả Mục-kiền-liên cùng với Trưởng-lão Lạc-kha-na, vừa đi xuống lưng-chừng núi Linh- Thứu, bỗng Tôn-giả thấy một con trăn và lặng-lẽ mỉm cười một

mình. Khi về đến chùa Kỳ-viên, trước mặt Đức Phật, Tôn-giả mới nói với Trưởng-lão Lạc-kha-na rằng, trong khi đi đường Tôn-giả đã gặp một con trăn lớn, dưới thân-hình một loài ngạ-quỉ, mình-mẫy bị lửa hừng thiêu-đốt.

Đức Phật liền bảo, chính Ngài trước đây, sau khi thành Đạo, cũng nom thấy một con trăn ngạ-quỉ, mình-mẫy bị đốt cháy như thế, nhưng Ngài chẳng nói với ai, vì ngại người ta chẳng tin. Đến nay có Mục-kiền-liên thấy được con ngạ-quỉ đó, Đức Phật mới kể lại sự-tích của con trăn, như sau: Vào thời Đức Phật Ca-diếp, có một tên trộm rất ác-tâm. Y đã bảy lần đốt nhà của một người trưởng-giả giàu-có. Còn chưa vừa lòng, hắn lại đốt luôn Hương-phòng mà trưởng-giả đã dâng-hiến lên Đức Phật Ca-diếp, khi Ngài đang đi khất-thực. Vì tội-ác to-lớn đó, tên trộm bị sa vào địa-ngục nhiều đời kiếp. Đến khi mãn hạn trong địa-ngục, lại phải đầu-thai làm ngạ-quỉ, dưới thân hình một con trăn to lớn, mình luôn luôn bị ngọn lửa đốt cháy lần lần từ đầu đến đuôi, rồi từ đuôi đến đầu, chẳng ngưng-nghỉ.

Đức Phật kết-luận: "Kẻ ngu-mê làm việc dữ mà chẳng ý-thức được hậu-quả xấu, nhưng kẻ ấy chẳng bao giờ thoát khỏi ác-báo cả."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người ngu hành-động lỗi-lầm, Còn chưa ý-thức việc làm mình sai. Bị ác-nghiệp chính tay mình tạo

Dày-vò áo-não như lửa thiêu. (Kệ số 136.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tôn-giả: Tôn = tôn-trọng; Giả = người. Tôn-giả là bực đáng tôn-trọng.

- Mục-kiền-liên: Đại-Mục-kiền-liên = vị đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca, giỏi nhứt về thần-thông. Tên bằng tiếng Pali là Mahà Moggallàna, giáo-lý Bắc-tông gọi là Đại Mục-kiền-liên.

- Lạc-kha-na: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Lakkhana.

- Con trăn: một loài giống như con rắn thật to, mình dài, gặp thú khác thì quấn chặt cho gảy xương, rồi hả miệng nuốt trộng.

- Ngạ-quỉ: một loài chúng-sanh trong ba đường dữ, thân hình rất ốm-o, đầu và bụng to mà cổ thì nhỏ, luôn luôn bị đói khát, nên thường được gọi là quỉ đói; tiếng Pali là Peta.

- Đức Phật Ca-diếp: Đức Phật Ca-diếp giáng trần trước Đức Phật Thích-ca, vị Phật thứ sáu của Hiền- kiếp, tiếng Pali là Kassapa Buddha.

- Ác-tâm: Ác =hung-ác; Tâm = lòng. Kẻ có ác-tâm là kẻ có bụng-dạ hung-dữ, tàn-ác.

- Trưởng-giả: Trưởng = lớn; Giả = người. Trong Phật-học, chữ Trưởng-giả là người giàu-có, đạo-đức cao, được mọi người kính-phục.

- Hương-phòng: Hương = mùi thơm; Phòng = căn phòng. Chữ Hương-phòng dùng để chỉ căn phòng riêng của Đức Phật ở. Tiếng Pali là Gandhakuti.

- Khất-thực: xin nhắc lại: Khất =xin; Thực = ăn. Theo giới luật của khát-sĩ của Đức Phật, tỳ-kheo chẳng được có nghề-nghiệp riêng để sanh-sống, mà phải đi xin ăn. Đó là vì Đức Phật muốn các tỳ- kheo phải dẹp lòng tự-ái, hạ mình xuống đi khất-thực; lại cũng có dịp cho các tỳ-kheo gặp-gỡ dân- chúng, để chỉ-dạy cho họ giáo-pháp mà tu-tập theo.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = khám, trại giam. Theo sự tin-tưởng trong Phật-học, người nay làm ác, khi chết đi, sa vào địa-ngục tối-tăm, chịu hình-phạt khổ-sở chẳng ngừng. Địa-ngục là một trong ba cõi dữ.

- Đầu-thai: nhập vào thai mẹ để được sanh ra trong cõi đời, theo thuyết Luân-hồi (Luân = bánh xe quay; hồi = trở lại; sanh ra chết đi rồi sanh lại nữa.)

- Ý-thức: Ý =ý-tưởng trong đầu; Thức = biết. Có ý-thức về một việc gì, có nghĩa là, việc đang xảy ra, mình thấy và để-ý trong tâm về việc đó. Nhưng để-ý suông chưa đủ gọi là có ý-thức, phải hiểu rõ về việc đó, vào lúc đó, mới gọi là có ý-thức về việc đó. Ở đây, người ngu chưa ý-thức việc mình làm sai, có nghĩa là người ngu ấy đang làm một việc lỗi-lầm, mà chẳng biết đó là lỗi, lại chẳng biết về sau sẽ bị hậu-quả xấu nữa.

-Ác-nghiệp: Ác =xấu-ác, dữ-ác; Nghiệp: nghiệp-báo, tức là những hành-động cũ đã làm, tạo nên điều- kiện cho cuộc sống ngày nay. Ác-nghiệp sẽ gây nên những điều chẳng may khiến đời ta phải khổ-sở.

- Dày-vò: chà-đạp, đè-nén, áp-bức, tóm lại là làm cho khổ-sở.

- Áo-não = buồn-bã, than-khóc u-sầu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Tôn-giả Mục-kiền-liên trông thấy một con trăn quỉ-đói, Ngài mỉm cười chẳng nói gì. Đến khi thuật lại cho Trưởng-lão Lạc-kha-na biết việc ấy, trước mặt Phật, thì được Đức Phật kể lại tiền-kiếp của con quỉ-đói. Trong kiếp trước, hắn là tên trộm độc-ác đốt nhà người, đốt cả Hương-phòng của Phật Ca-diếp, nên khi chết bị sa địa-ngục; mãn hạn ở địa-ngục, phải tái sanh làm con trăn, mình-mẫy bị lửa hồng thiêu-đốt chẳng ngừng. Nhơn việc nầy, Đức Phật bảo, người ngu-mê chẳng ý-thức được việc ác mình làm, nên phải chịu khổ-sở vì quả-báo

Ý-nghĩa của Tích chuyện: trước khi làm một việc gì, phải suy-nghĩ chín-chắn, xét hậu-quả về sau, rồi mới thi-hành. Chẳng có ai làm ác mà tránh khỏi được ác-báo cả.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 136:

Ý-nghĩa của bài Kệ rất rõ-ràng: hễ làm ác là tạo ác-nghiệp, rồi sẽ bị ác-báo rồi khổ-sở cả đời.

Xin đặc-biệt lưu-ý hai câu chót: Ác-nghiệp do chính mình tạo nên trước, nay nó dày-vò mình phải chịu khổ-sở như đang bị lửa thiêu-đốt.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ, mình tạo nên nghiệp-báo cho chính mình; nay sung-sướng hay khổ- sở, là do hành-động của đời trước.

(113).- Tích chuyện Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến cái chết của Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên.

Thuở ấy có bọn ngoại-đạo loã-thể Ni-kiền-tử muốn dành ảnh-hưởng với Đức Phật, nên dự-định ám-sát Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên là vị đại-đệ-tử của Đức Phật. Chúng thuê bọn cướp giết người, rình-rập Tôn-giả đang ở làng Khả-la gần thành Vương-xá. Đến đêm chúng bao vây tịnh-xá nơi Tôn-giả trú-ngụ. Hay tin, Tôn-giả bỏ trốn, thoát được. Chúng lại tìm cách hại lần thứ hai, cũng thất-bại. Đến lần thứ ba, Tôn-giả quán-thấy trong tiền-kiếp mình, có làm một việc ác, nên nay phải chịu nốt quả-báo còn sót lại. Thế nên, Tôn-giả chẳng trốn-tránh nữa, nên bị bọn cướp bắt, đánh-đập tàn-nhẫn, lăn ra bất-tỉnh. Bọn cướp tưởng Tôn-giả đã chết, bỏ đi. Nhưng nhờ sức thần-thông nhập-định, Tôn-giả hồi-tỉnh lại và đi đến chùa Kỳ-viên bạch Phật rằng, Tôn-giả sẽ nhập Niết-bàn nay mai. Đức Phật bảo Tôn-giả nên hội- họp chúng Tăng lại và tuyên-dạy một bài pháp cuối cùng. Tôn-giả vâng lời, và sau thời-pháp, Tôn-giả qùi xuống lễ Phật bảy lạy, sau đó Tôn-giả nhập Bát-Đại-Niết-Bàn.

Tin Tôn-giả Mục-kiền-liên bị bọn cướp sát-hại đến tai vua A-xà-thế, Ngài liền ra lịnh truy-lùng, bắt được cả bọn đem thiêu sống. Nhưng các vị Tỳ-kheo tiếc thương Tôn-giả Mục-kiền-liên, mới đến bạch Phật, thưa hỏi tại sao một vị tu-sĩ giới-đức cao-dầy như Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên mà phải chết thê- thảm như thế. Đức Phật bảo: "Trong một tiền-kiếp, Mục-kiền-liên có phạm tội giết cha-mẹ, nên kiếp nầy, trước khi nhập Niết-bàn, phải trả nốt quả-báo xấu đó. Số là, kiếp xưa, cha mẹ Mục-kiền-liên đều mù-loà, sống nhờ con phụng-dưỡng. Mục-kiền-liên thờ-phụng cha-mẹ rất là hiếu-thảo. Đến khi có vợ, Mục-kiền-liên, nghe lời nói ra nói vào của vợ, mới dẫn cha-mẹ vào rừng, đánh chết, và dàn cảnh làm như hai cụ già bị bọn cướp giết chết. Vì tội-ác đó, Mục-kiền-liên phải sa vào địa-ngục A-tỳ trong nhiều đời; đến nay vào đời cuối cùng còn phải chết vào tay bọn cướp, để đền tội-ác." Đức Phật kết-luận: "Hễ ai làm ác hại đến người vô-tội, thì chắc chắn sẽ bị quả-báo khổ-sở nhiều đời."

Rồi Đức Phật mới nói các bài Kệ sau đây:

Dùng đao-trượng đập tơi-bời,
Hại người vô-hại, với người tay không,
Sớm muộn chi, khó lòng tránh thoát
Một trong mười quả ác, kể ra:
Một là nhức-nhối rên la;
Hai là tai-biến, ba là bị thương;
Bốn là mất trí, thường lú-lẫn;
Năm là bị lận-đận vua quan;

Sáu là trọng-tội vu-oan;
Bảy là thân-quyến họ-hàng ly tan;
Tám là bị tiêu-tan tài-sản;
Chín là phải chịu nạn hoả-tai;
Mười là khi bỏ hình-hài,
Sa vào địa-ngục, biết ngày nào ra.
(Các bài Kệ 137, 138, 139 và 140.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại Mục-kiền-liên: tên Tôn-giả tiếng Pali là Mahà Moggallàna.

- Loã-thể: Loã = loã-lồ, chẳng có mảnh vải che thân; Thể = thân-thể. Nhóm tu-sĩ ngọai-đạo nầy chủ- trương loã-thể, di xin ăn, người cầm đầu tên là Ni-kiền-tử (=Nigantha).

- Ám-sát = Ám =mờ-ám, lén-lút; Sát = giết. Ám-sát là rình giết lén.

- Làng Khả-la = tên làng nầy bằng tiếng Pali là Kàlalkà.

- Vương-xá: thủ-đô nước Ma-kiệt-đà (Magadha), trước được vua Tần-bìm-sa-la (Bimbisara) cai-trị, sau bị con cướp ngôi, là vua A-xà-thế (Ajàtasattu), cả bai vị vua đều tôn-sùng đạo Phật.

- Quán-thấy: xin nhắc lại: khi ngồi nhập-định, trong tâm thấy rõ sự việc cũ, hay việc tương-lai, đó là quán-thấy trong tâm thanh-tịnh.

- Thần-thông = sức lực mạnh-mẽ của người đang cơn thiền-định thâm-sâu. Có thể bay lên trời, lặn xuống nước, v.v.

-Hồi-tỉnh = Hồi = trở lại; Tình = tỉnh-táo. Tỉnh lại sau khi chết giấc.

- Nhập Niết-bàn: đi vào cảnh tịch-diệt, chẳng tái-sanh nữa.

- Truy-lùng: tìm kiếm cho ra kẻ thủ-phạm.

- Tiền-kiếp: Xin nhắc lại: trong một đời sống trước đời nầy.

- Nói ra nói vào: cứ nói mãi để người nghe phải chịu nghe theo lời mình. Thưiờng nói ra nói vào về ai là nói xấu kẻ đó.

- Địa-ngục A-tỳ: đây là cõi âm, u-tối, trừng-phạt kẻ có tội. Địa-ngục nầy có tên là A-tỳ (tiếng Pali là Avìci), chịu hình-phạt chẳng ngưng.

- Đao-trượng = Đao = dao to; Trượng = gậy-gộc để đánh-đập.

- Người vô-hại: nghĩa ở đây là, người chẳng làm hại ai, người hiền

- Quả-ác = ác-báo; chuyện chẳng may xảy về sau làm khổ-sở.

- Lận-đận vua quan = mắc vòng tù-tội.

- Trọng-tội = Trọng = nặng-nề; Trọng-tội là tội nặng-nề.

- Hoả-tai = hoả = lửa; tai = tai-nạn; Hoả-tai là bị nạn lửa cháy.

- Hình-hài = thân-thể.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích-chuyện:

Tích chuyện kể lại việc Tôn-giả Mục-kiền-kiên chịu nốt quả-báo đời trước, vì đã giết chết cha-nẹ, nên nay phải bị đập chết, trước khi nhập Niết-bàn. Ý-nghĩa của tích-chuyện là lời dạy của Phật, chẳng ai thoát khỏi quả-báo đã gây ra, dầu đó là người đã tu-hành đạo-đức cao.

(2) Ý-nghĩa của các bài Kệ từ số 137 đến số 140:

Các bài Kệ kể lại mười quả-báo của người đã đánh-đập, giết hại kẻ vô-tội: khi còn sống phải chịu hiều tai-nạn; đến khi chết phải sa vào địa-ngục.

Ý-nghĩa của các bài Kệ khuyên ta nên tránh các tội-ác, nhứt là đừng hà-hiếp kẻ vô-tội, yếu-đuối chẳng đủ sức để chống-đỡ.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ để khuyên-răn những ai sắp làm tội-ác. Đừng thấy kẻ hiền-lành dễ ăn-hiếp mà lấn-áp, ác-báo sẽ xảy ra, chẳng chóng thì chầy, khó thoát được.

2.- Đề-nghị thực-tập lòng Từ-Bi, để dễ tránh sự độc-ác:

- Bị muỗi cắn, lấy quạt quạt cho nó bay đi, đừng đập chết.

- Đừng dùng thuốc sát trùng giết sâu bọ ngoài vườn rau.

(114).- Tích chuyện Tỳ-kheo Bá-hộ-Thăng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề cập đến vị Tỳ-kheo tên là Bá-hộ-Thăng.

Thuở ấy, có một người rất là giàu-có ở nước Xá-vệ. Sau khi vợ mất, ông quyết-định di tu. Trước khi gia-nhập hàng ngũ Tỳ-kheo, ông xây cất một tịnh-xá khang-trang, có phòng riêng cho mình, có gian nhà chứa các đồ cần-dùng, song, chảo nồi, niêu. Mỗi khi ông muốn ăn thức gì các đầy-tớ của ông theo hầu nấu-nướng. Cuộc đời tu-hành của ông ta quá đầy đủ tiện-nghi, nên bạn đồng-tu mới đặt tên cho ông là Bá-hộ-Thăng.

Một hôm có một vị Tỳ-kheo mời Bá-hộ-Thăng đến yết-kiến Đức Phật. Vị ấy trình Đức Phật rằng, mặc dầu đã đi tu, ông Thăng vẫn sống cuộc đời quá sung-túc, đem theo nhiều đồ-đạc bên mình. Đức Phật bảo Tỳ-kheo Bá-hộ-Thăng: "Nầy Tỳ-kheo, đã bao lần, ta khuyên các Tỳ-kheo phải sống một cuộc đời đạm-bạc, cớ sao ông lại mang theo nhiều tài-sản vậy?" Nghe Đức Phật quở, Tỳ-kheo Thăng phật-ý, nói xẵng: "Bạch Thế-tôn, Ngài muốn con sống đạm-bạc, con xin vâng" Vừa nói, ông ta liền cổi áo cà-sa choàng bên

ngoài ra, chỉ mặc chiếc áo cánh.

Đức Phật ôn-tồn bảo: 'Này Bá-hộ-Thăng, trong kiếp trước ông tuy nghèo khó và chưa đi tu, nhưng lúc nào cũng giữ được tâm tàm biết hổ-thẹn khi làm việc quấy, và tâm quí, biết lo-sợ tội-lỗi, sao nay đã là Tỳ-kheo rồi, ông lại cổi hai tâm-sở đó mà vứt xuống đất như thế?" Nghe Đức Phật trách như thế, Tỳ- kheo Thăng hối-ngộ, lòng biết-thẹn và lo-sợ tội-lỗi lại nổi kên trong tâm, ông liền quì xuống xin sám- hối. Đức Phật dạy: "Cởi bỏ áo cà-sa ra cũng chẳng làm cho Tỳ-kheo biết sống đạm-bạc, mà cần phải cởi bỏ dứt khoát sự nghi-hoặc trong lòng kia."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài kệ sau đây:

Đâu phải vì thân loã-thể đi rong;
Đâu phải vì bện tóc không gội đầu;
Đâu phải vì bôi bùn vào bụng, ngực;
Đâu phải vì tuyệt-thực, ngồi xổm luôn;
Mà có thể thanh-lọc được tâm-hồm
Con người hoài-nghi còn chưa nhiếp-phục.
(Kệ số 141)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bá-hộ-Thăng: tên vị Tỳ-kheo nầy tiếng Pali là Bahubhandika.

- Khang-trang = đẹp-dẽ, đầy-đủ tiện-nghi.

- Sung-túc = đầy-đủ, dư-dả.

- Đạm-bạc: lạt-lẽo, đơn-sơ, chẳng cầu-kỳ.

- Phật-ý: chẳng bằng lòng.

- Nói xẵng: nói lời cau-có, có vẻ hờn-giận bên trong.

- Cà-sa = chữ Phạn Kasaya, áo màu vàng, tu-sĩ khoác bên ngoài.

- Tâm-tàm: đây là tâm-sở (=một cõi lòng) biết hổ-thẹn khi mình sắp làm điều quấy.

- Tâm quí: đây là tâm-sở biết lo-sợ tội-lỗi, nhờ đó mà tránh được.

- Hối-ngộ = biết mình đang có lỗi và muốn sửa lại.

- Sám-hối: xin lỗi và hứa chừa chẳng tái-phạm nữa.

- Nghi-hoặc = nghi ngờ, chưa vững tin.

- Loã-thể, bện-tóc, ngồi xổm: đây là những phái ngoại-đạo tu khổ-hạnh, mong rửa sạch tội-lỗi để được sanh lên cõi Trời Phạm-thiên. Ngày nay ở Ấn-độ, cũng còn các phái tu nầy.

- Thanh-lọc: Thanh = trong; lọc = lượt cho sạch. Thanh-lọc tâm-hồn là dứt bỏ tư-tưởng xấu và nuôi dưỡng tư-tưởng tốt.

- Hoài-nghi = nghi-hoặc, nghi-nhờ, chưa vững tin

- Nhiếp-phục = làm chủ được, dẹp bỏ được.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc Tỳ-kheo Bá-hộ-Thăng còn chưa dứt khoát rời bỏ của cải để đi tu. Đức Phật dạy, đi tu phải sống đạm-bạc, trong tâm phải biết hỗ-thẹn khi làm điều quấy và biết lo-sợ khi phạm tội- lỗi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 141:

Bốn câu đầu của bài Kệ chỉ rõ bốn cách tu khổ-hạnh, ép-xác chẳng đưa đến sự thanh-lọc thân-tâm. Muốn thanh-lọc thân-tâm, để được tái sanh lên cõi Trời, thì cần dứt bỏ sự hoài-nghi và tu theo Thập- thiện.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, để ghi nhớ, chớ chạy theo ngoại-đạo, tà-giáo.

(115).- Tích chuyện vị đại-thần San-tạ-tị.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị đại-thần tên là San-tạ-tị.

Thuở ấy, vị đại-thần San-tạ-tị vâng lịnh vua Ba-tư-nặc, dẫn quân đi đánh dẹp một bọn phiến-loạn. Đắc thắng trở về, đại-thần San-tạ-tị được Vua trọng thưởng vàng-bạc rất nhiều và tặng thêm một người vũ- nữ tuyệt đẹp. Trong bảy ngày đêm, vị đại-thần hưởng các lạc-thú vật-chất, tiệc-tùng tưng-bừng, có cô vũ-nữ giúp vui. Quan tỏ ra rất bằng lòng, và yêu-mến cô ấy lắm. Sáng hôm sau, quan ra bờ sông để tắm rửa, gặp Đức Phật đang cùng chúng Tăng đi khất-thực. Quan San-tạ-tị gật đầu chào qua loa, rồi bước xuống dòng sông. Đức Phật mỉm cười. Ngài A-nan thấy vậy mới hỏi lý-do. Phật đáp: ‘’Chiều tối nay, vị đại-thần đó sẽ đến chùa, ta sẽ giảng pháp cho nghe, rồi chứng-đắc đạo-quả A-la-hán xong, liền nhập Niết-bàn."

Quan San-tạ-tị cùng đoàn tùy-tùng tắm xong, lên bờ bầy tiệc rượu, ca hát, đến chiều trở về dinh. Tiệc vui lại tiếp-tục, cô vũ-nữ trang-phục lộng-lẫy ra nhảy múa làm cho quang-cảnh thêm náo-nhiệt. Bỗng đâu, giữa tiếng nhạc réo-rắt, cô vũ-nũ ngã lăn ra bất-tỉnh, sùi bọt mép, rồi chết luôn. Đó là vì mấy ngày qua, cô cố nhịn ăn, để thân-hình được mảnh-khảnh cho đẹp, nên nay kiệt-sức mà chết. Quan San-tạ-tị rất đau buồn, sực nhớ buổi sáng gặp Đức Phật, muốn đến chùa để tìm nguồn an-ủi. Cả đoàn lên đường. Đến nơi, quan qùi xuống thưa với Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, xin Ngài giúp con qua khỏi cơn đau-khổ nầy, chỉ cho con làm cách nào để tâm con được an-ổn." Đức Phật dạy: "Nầy quan đại-thần, nước mắt ông khóc người vũ-nữ trải qua bao kiếp Luân-hồi còn nhiều hơn nước biển ở các đại-dương. Nay ông muốn được an-tâm, hãy biết rằng, trong

quá-khứ ông đã từng bấu-víu vào sự thèm-khát, hãy cởi bỏ nó đi. Trong tương-lai, đừng bao giờ để sự thèm-khát đến với ông nữa. Và ngay trong hiện-tại, cũng đừng bám chặt vào sự khao-khát nào, sự mê-đắm nào, tâm ông sẽ được an-nhiên và sớm chứng-đắc được cảnh-giới Niết-bàn."

Nghe giảng xong, Quan San-tạ-tị liền chứng được quả A-la-hán, nhận thấy đời sống ở trần-thế của mình cũng sắp chấm-dứt mới xin phép Đức Phật được nhập Niết-bàn. Đức Phật im lặng nhận lời. Quan San-tạ-tị ngồi theo thế kiết-già dưới gốc cây, quán-tưởng về hoả-đại, nhập vào diệt-tận-định, rồi chứng-đắc cảnh-giới Niết-bàn. Bấy giờ, thân-thể bốc cháy, tro xương bay lên cao, rớt xuống trên tấm vải trắng do các Tỳ-kheo theo lịnh Đức Phật trải phiá dưới để hứng hài-cốt.

Sau đó, các tỳ-kheo mới thưa hỏi Đức Phật: 'Bạch Thế-tôn, vị đại-thần nhập Niết-bàn trong trang-phục lộng-lẫy như thế, vậy Ngài là một sa-môn hay một bà-la-môn?" Đức Phật đáp: "Nầy chư Tăng, có thể gọi cả hai, sa-môn hay bà-la-môn cũng được."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Một người ăn-mặc tuy diêm-dúa,
Nhưng trầm-tĩnh, dục-vọng tiêu-trừ,
Trong phạm-hạnh, các căn rèn-dũa
Chẳng hại ai, đao-trượng khước-từ,
Đấy quả thật, là bực Phạm-chí,
Bực Sa-môn và bực Khất-sĩ.
(Kệ số 142.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-thần: quan lớn.

- San-tạ-tị: tên vị đại-thần nầy tiếng Pali là Santati.

- Ba-tư-nặc: tên vua xứ Câu-tát-la (Kosala), rất sùng đạo Phật, tiếng Pali là Pasenadi.

- Phiến-loạn: giặc-giả nổi lên trong xứ chống lại nhà cầm quyền.

- Đắc-thắng: thắng trận, dẹp yên được giặc.

- Vũ-nữ: Vũ =múa; Nữ = cô gái. Vũ-nữ là cô gái múa hát khéo-léo.

- Lạc-thú: Lạc = vui; Thú = thích-thú; Lạc-thú là trò vui ham-thích.

- Chào qua loa = chào cho có lệ, chẳng có ý tôn-trọng.

- Tuỳ-tùng: Tuỳ =đi theo, nghe lịnh; Tùng = theo hầu. Đoàn tuỳ-tùng là những người đi theo để hầu- hạ, sai khiến.

- Trang-phục lộmg-lẫy = áo quần thật đẹp-đẽ.

- Mảnh-khảnh = mảnh-mai, thon đẹp.

- Kiệt-sức: Kiệt = kiệt-quệ, mất hết cả sức-lực.

- Kiếp Luân-hồi = nhiều đời sống kế tiếp nhau chẳng dứt.

- Đại-dương = biển to. Nước Việt ta nằm ven bờ Thái-bình-dương.

- Quá-khứ: Quá =đã qua; Khứ = đi. Quá-khứ hay dĩ-vãng là thời-gian đã qua rồi.

- Tương-lai: Tương =gần đến; Lai = đến. Tương-lai hay vị-lai là thời-gian sẽ đến sau.

- Cảnh-giới Niết-bàn: Xin nhắc lại, đây là tâm-trạng người đã dứt hết các phiền-não, chẳng còn tái- sanh lại trong Luân-hồi, sống an-nhiên, tự-tại, trong cảnh tịch-diệt.

- A-la-hán: quả-vị cao nhứt trong hàng Thanh-văn (= các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh Tứ- Diệu-đế tu-tập), dứt hết phiền-não, chứng-đắc cảnh vô-sanh (= chẳng tái-sanh nữa) của Niết-bàn. Tiếng Pali là Arahant.

- Kiết-già: thế ngồi Thiền, hai bàn chơn gát lên hai đùi, lưng thẳng.

- Quán-tưởng: ngồi suy-nghĩ sâu-xa về một đề-tài, trong tâm lặng-lẽ, chẳng bị vọng-tưởng trì-níu, cảnh-vật bên ngoài chẳng lôi-cuốn.

- Hoả-đại: Hoả = lửa; Đại = lớn; ở đây chữ Đại chỉ vào bốn nguyên-tố: đất, nước, gió và lửả.

- Diệt-tận-định: tâm-trạng người ngồi Thiền, vượt qua bốn cảnh Thiền, bốn cảnh định, đến cảnh diệt- tận-định, dứt được mọi cảm-xúc, mọi tri-giác. (Diệt-tận = tiêu mất hết.)

- Hài-cốt: Hài = thân-thể, hình-hài; Cốt = xương-cốt. Hài-cốt là xương-thịt còn sót lại sau khi chết.

- Sa-môn = tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là Samana.

- Bà-la-môn = giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ; tiếng Pali là Brahmana.

- Diêm-dúa = đẹp sặc-sỡ, loè-lẹt.

- Trầm-tĩnh: Trầm = trầm-lặng, chìm lặng; Tĩnh =yên-tĩnh.

- Dục-vọng = Dục = ham-muốn; Vọng = trông-mong. Dục-vọng là lòng ham-muốn, thèm-khát.

- Tiêu-trừ = dẹp hết, bỏ hết.

- Phạm-hạnh: Phạm = khuôn phép; Hạnh = hạnh-kiểm, hành-động. Phạm-hạnh là tánh-tình tốt đáng làm khuôn-mẫu cho kẻ khác.

- Các căn rèn-dũa: biết giữ-gìn các giác-quan, chẳng bị cảnh vật bên ngoài lôi-cuốn.

- Đao-trượng khước từ: chẳng dùng dao, gậy đánh chém ai.

- Phạm-chí: cùng một nghĩa với chữ Bà-la-môn.

- Khất-sĩ: Khất =đi xin ăn; Sĩ = người. Khất-sĩ là vị tỳ-kheo đi xin ăn để nuôi sống, chẳng có nghề riêng. Tiếng Pali là Bhikkhu, tỳ-kheo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị đại-thần hưởng đầy-đủ thú-vui vật-chất, vì quá yêu người vũ-nữ trẻ đẹp phải chết bất-ngờ, nên đến gặp Đức Phật tìm nguồn an-ủi. Đức Phật dạy, muốn tâm được an-ổn, phải dẹp bỏ lòng thèm-khát bấu-víu vào các dục-lạc, trong dĩ-vãng, tương-lai và hiện-tại. Nghe giảng xong, chứng được quả A-la-hán, ông giữ nguyên y-phục trang-trọng của một vị đại-thần, ngồi kiết-già và nhập Niết-bàn.

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa: (1) khi trong tâm đã thanh-tịnh, dứt bỏ mọi phiền-não, diệt được lòng khát-ái thì chứng được cảnh-giới Niết-bàn; (2) hình-dáng bên ngoài, y-phục diêm-dúa chẳng ngăn trở chi đến việc giữ tâm trầm-tĩnh, điều-phục các căn. Về điểm thứ hai nầy, bài Kệ sẽ giải-thích rõ thêm.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 142:

Ý-nghĩa bài Kệ: hình-dáng bên ngoài chẳng quan-trọng bằng tâm bên trong, về phương-diện giải-thoát. Thử phân-tách từng câu của bài Kệ:

- Một người ăn mặc tuy diêm-dúa: đây là hình-dáng bên ngoài.

- Nhưng trầm-tĩnh, dục-vọng tiêu-trừ: tâm bên trong hoàn-toàn thanh-tịnh, trầm-tĩnh, dứt được dục- vọng, phiền-não.

- Trong phạm-hạnh, các căn rèn-dũa: giới-hạnh thật trong-sạch, các căn (=giác-quan) được điều- phục, chẳng bị cảnh ngoài lôi-cuốn nữa.

- Chẳng hại ai, đao-trượng khước-từ: có tâm Từ-bi, thương người, chẳng hề làm hại chúng-sanh.

- Đấy quả thật là bực Phạm-chí, bực Sa-môn, bực Khất-sĩ: xứng-đáng là bực đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát, nên chứng-đắc Niết-bàn

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: tu là tu Tâm, y-phục, hình dáng bên ngoài là điều thứ-yếu, chớ quan- tâm đến chi cho lắm.

(116).- Tích chuyện Trưởng-lão Phí-lộ-thi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Phí-lộ-thi.

Thuở ấy, Tôn-giả A-nan trong một buổi đi khất-thực, gặp một chàng thanh-niên áo-quần rách rưới, tay cầm cái chén đi ăn xin, trông rất thảm-thương. Tôn-giả động lòng thương-hại, mới nhận cho làm Sa-di trong chùa. Sa-di Phí-lộ-thi liền dấu quần-áo và cái chén trong bụi râm bên lề đường, theo thầy về chùa tu-hành. Một thời-gian sau, tuy được ăn-uống đầy-đủ, học-tập kinh-kệ, nhưng anh vẫn nhớ đến cuộc đời phóng-khoáng bên ngoài, mới trở lại bụi cây, nhìn đóng quần-áo cũ. Anh thầm nghĩ: "Sao mình lại muốn trở lại cuộc đời lang-thang, thật là hỗ-thẹn biết bao!" Rồi anh quay

lại chùa. Lại một thời-gian nữa, anh muốn sống lại khoảng đời xưa, đến bên gốc cây, nhìn đống quần-áo và cái chén mẻ, anh lại tự-trách mình, sao chẳng tiếp-tục tu-hành theo con đường giải-thoát. Lại trở về chùa lần nữa. Đi đi lại lại mấy lần như thế, khiến cho các vị đồng-tu lấy làm lạ, mới hỏi đi đâu vậy. Anh đáp: "Tôi đến thăm người thầy cũ của tôi." (Ý anh muốn nói đến đống quần-áo cũ và cái chén mẻ.)

Bẵng đi một thời-gian lâu, chẳng thấy anh trở lại gốc cây nữa, các vị tỳ-kheo mới hỏi, sao bây giờ chẳng đến thăm thầy cũ như trước. Anh đáp: "Bây giờ mỗi khi tôi nhớ đến quần-áo cũ và cái chén mẻ, lòng tôi quán-chiếu đến cảnh vô-thường, vô-ngã, và khổ-đau của cuộc sống lang-thang, nên tôi chẳng còn thấy cần đến gặp chúng lại nữa. Tôi nay đã chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán rồi." Các Tỳ-kheo cho rằng Phí-lộ-thi chẳng nói đúng Sự-thật, mới cùng Phí-lộ-thi đi đến trình với Đức Phật. Đức Phật bảo: "Phí-lộ-thi đã nói đúng Sự-thật. Trước đây, Phí còn cần đến nhìn các vật cũ để quán-chiếu, nay đã biết tự mình phân-biệt được đường ngay với nẻo tà, thông-đạt được lẽ vô-thường, vô-ngã và đau-khổ của sự-vật, nên chứng được quả-vị A-la-hán. Vì thế, nên Phí chẳng còn giữ mối liên-hệ nào với "vị thầy cũ" của y nữa.

Rồi đó Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Thế-gian hiếm thấy được người
Giữ mình, biết thẹn, tránh lời rầy la,
Khéo như ngựa giỏi tránh roi da.
(Kệ số 143.)
Như ngựa hay, ngọn roi vừa chạm,
Hãy nhiệt-tâm, dũng-cảm, chuyên-cần.
Với niềm tin, giới-đức, hành-thiền,
Với trạch-pháp đi tìm Chơn-lý,
Minh-hạnh-túc, và trong chánh-niệm,
Hãy đoạn-trừ đau-khổ vô-biên. (Kệ số 144.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phí-lộ-thi: tên thật vị Trưởng-lão tiếng Pali là Pilotikatissa.

- A-nan: vị thị-giả (=người theo hầu bên cạnh) của Phật, vốn là em họ của Phật, một vị đại-đệ-tử, nổi tiếng là đa-văn (nghe nhớ nhiều, hiểu rộng); trong các kinh Đại-thừa, mở đầu có câu: "Tôi nghe như vầy:", đó là lời Ngài A-nan thuật lại. Tên tiếng Pali là Ànanda.

- Sa-di: người mới được nhận vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ giới Tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera.

- Phóng-khoáng = rộng-rãi, tự-do, chẳng gì ngăn-cấm.

- Quán-chiếu: suy-nghĩ sâu-xa, lòng chẳng lo ra, chẳng bị cảnh-vật bên ngoài lôi-cuốn, trong khi ngồi Thiền.

- Vô-thường: Vô = chẳng; Thường = thường-hằng, còn hoài. Lẽ vô-thường là một chơn-lý quan-trọng trong Phật-học, theo đó mọi vật có hình-tướng đều bị biến-đổi rồi cùng với thời-gian mà bị tiêu-diệt. Đời sống con người cũng vô-thường.

- Vô-ngã: Vô = chẳng; Ngã = ta, tôi. Vô-ngã là một chơn-lý quan-trọng trong Phật-học, theo đó muôn sự-vật đều chẳng có cái ngã làm chủ, bổn-thể vốn rỗng-rang, gặp duyên thì thành, hết duyên thì tan-rả. Chính thân-tâm của ta đây cũng là vô-ngã.

- Đau-khổ: đây là chơn-lý thứ nhứt trong Tứ-Diệu-đế. Sanh ra là khổ, Già là khổ, bịnh là khổ, chết là khổ. Đời sống hiện tại nầy khổ nhiều mà sướng ít, vì thế phải tu-tập để theo con đường giải-thoát dứt khoát mọi khổ-đau.

- Quả-vị: Quả =kết-quả, thành-quả; Vị = ngôi-vị.

-Đạo-quả: Đạo = con đường; đường-lối tu-tập; Quả = kết-quả việc tu-hành thành-công. Tiếng Pali Magga =đạo; Phala =quả.

- A-la-hán: Xin nhắc lại, đây là đạo-quả cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Bực A-la-hán dứt hết các phiền-não, chứng được vô-sanh (chẳng còn bị tái-sanh trong cảnh Luân-hồi nữa), sống an-nhiên, tự-tại, trong cảnh tịch-diệt. Tiếng Pali là Arahant.

- Thông-đạt = hiểu thật rõ-ràng, thi-hành theo đúng.

- Nhiệt-tâm = Nhiệt =nóng; tâm = lòng. Nhiệt-tâm là tấm lòng nồng-nhiệt, chơn-thành, hăng-hái.

- Dũng-cảm: can-đảm, gan-dạ.

- Giới-đức = sự tuân-hành đúng-đắn các điều răn-cấm trong Đạo.

- Hành-thiền: Hành = làm; Thiền = đường-lối tu-hành khiến tâm được yên-tĩnh, hoặc ngồi, hoặc đi, trong các tư-thế, tâm lúc nào cũng an-nhiên, chẳng xao-động.

- Trạch pháp: Trạch = chọn lựa; Pháp = pháp-tu, pháp-môn. Trạch-pháp là sự lựa chọn lối tu phù-hợp với căn-cơ của mình.

- Minh-hạnh-túc: Minh = sáng, hiểu rõ; Hạnh = đức-hạnh; Túc = đầy-đủ. Trong Phật-học, chữ Minh- hạnh-túc là hiệu thứ tư trong mười hiệu của Đức Phật; Minh là tam minh: (1) túc-mạng-minh, biết rõ đời sống mọi người trong quá-khứ, hiện-tại và tương-lai; (2)thiên-nhãn-minh, nhìn thấy xa các vật bị ngăn che;(3)lậu-tận-minh, dứt hết các lậu-hoặc (=phiền-não) Hạnh chỉ về các thiện-nghiệp, các điều lành đã làm qua. Vậy, Minh-hạnh-túc có nghĩa là đầy-đủ trí-huệ và phước-báu (= Phước-Trí vẹn toàn).

- Chánh-niệm: Chánh =chơn-chánh, đứng-đắn; Niệm = ý-nghĩ trong tâm. Có chánh-niệm là đang làm gì, nói gì, nghĩ gì, thì trong lúc làm, nói, nghĩ, biết rõ mình đang làm, đang nói, đang nghĩ những gì. Nói cách khác, chánh-niệm theo dõi thật sát mọi biến-chuyển của tâm.

- Đoạn-trừ: Đoạn = cắt bỏ; trừ = dẹp trừ đi.

- Vô-biên: Vô = chẳng; Biên = bờ, mé. Vô-biên là vô-giới-hạn, minh-mông chẳng cùng-tận.

B.- Nghĩa Ý:

(1)Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị Sa-di, nhơn quán-chiếu các đồ-vật cũ khi chưa vào Đạo mà thông-đạt được lẽ vô-thường, vô-ngã và khổ-đau, nhờ đó mà chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Pháp-tu đó gọi là pháp-tu gì? Đó là pháp quán Tứ-niệm-xứ:(1) thân bất-tịnh, thân-thể bề ngoài xem đẹp-đẽ mà bên trong chứa nhiều chất dơ-bẩn; nhờ quán-thấy như thế mà chẳng tríu-mến vào thân; (2) thọ thị khổ, các cảm-thọ gây ra đau-khổ, dầu cho có sướng đôi chút, rồi sau đó cũng sanh đau-khổ; do đó mà chẳng chạy theo các thú-vui dục-lạc tạm-bợ; (3) tâm vô-thường, tâm luôn luôn xao-động, biến-chuyển mãi; do đó biết giữ-gìn tâm-ý cho thanh-tịnh; (4) pháp vô-ngã, chữ pháp ở đây chỉ vào muôn sự-vật; tất cả mọi sự-vật đều do duyên mà hợp-thành, hết duyên thì tan-rả, chẳng có ngã, chẳng có chủ; do đó chẳng bám-víu vào bất cứ sự-vật nào, dứt bỏ được thì giải-thoát. - Biết pháp Tứ-niệm-xứ là một lẽ, còn thực- hành theo đúng như thế, lại là một lẽ khác. Người tu-hành sở dĩ thành-công là do chuyên-cần quán- chiếu và ứng-dụng vào đời sống hằng ngày.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 143 và 144:

Bài Kệ số 143 rất rõ-ràng, dạy ta phải biết thẹn với lòng, chẳng cần đợi người rầy la, mỗi khi sắp làm điều quấy.

Bài Kệ số 144 là bài Kệ quan-trọng: chỉ cho ta con đường tu-hành để thành-công viên-mãn. Con đường ấy tóm tắt lại như sau: (1) trạch-pháp, trước phải biết chọn đúng con đường hợp với sức mình; (2) có niềm tin vững-chắc về pháp-tu đã chọn; (3) chuyên-cần tu-tập, nhứt là quán-chiếu, thiền-định để thanh-lọc thân-tâm cho thanh-tịnh; (4) phát-triển trí-huệ và tạo nhiều phước báu (minh-hạnh-túc); (5) trong mọi thời, phải giữ đúng chánh-niệm, nghĩa là tâm phải giữ-gìn tâm, theo dõi mọi biến-chuyển trong tâm. - Để cho dễ nhớ, cần tập một điều thôi: giữ chánh-niệm sáng tỏ trong tâm; từ đó suy ra các điểm khác.

HỌC TẬP:

1.- Học kỹ bài Kệ số 144, ghi nhớ các điểm chánh về đường-lối tu.

2.- Xin đọc kỹ Phần Tìm Hiểu lại, có nhiều điểm giáo-lý quan-trọng

(117).- Tích chuyện vị Sa-di Sử-kha.

(Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (64) về Sa-di Phan-di-ta)

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Sa-di tên là Sử-kha.

Sử-kha vừa lên bảy tuổi đã được Tôn-giả Xá -lợi-phất nhận cho làm Sa-di. Vào ngày thứ tám sau khi nhập đạo, Sử-kha mang bát theo thầy đi khất-thực. Trên đường đi vào làng,

thầy trò gặp một nhóm nông-phu đang đào mương dẫn nước vào ruộng. Đi một đỗi đường, họ thấy nhiều người đang ngồi vót thẳng khúc tre để làm tên bắn. Một chặp sau, họ đi ngang qua xưởng làm xe, thấy các thợ đang đẽo gỗ làm vòng xe. Sử-kha mới hỏi thầy: "Bạch Thầy, nước kia, tre đó với gỗ đây đều là vật vô-tình, bất- động, người ta có thể nào khiến cho chúng phải làm theo ý muốn của mình hay trở nên những món đồ theo ý mình muốn chăng?" Tôn-giả Xá-lợi-phất đáp: "Được chớ!" Nghe thế, Sa-di Sử-kha ngẫm-nghĩ trong lòng, vật vô-tri còn có thể uốn-nắn theo ý mình được, thì tại sao ta chẳng thể bắt buộc và kềm- chế tâm mình để lắng lòng và giữ ý mà tu-tập thiền-định được hay sao? Nghĩ thế xong, Sa-di Sử-kha liền xin phép Thầy quay trở về tịnh-xá.

Về đến nơi, Sử-kha bước vào phòng riêng, khép cửa và bắt đầu thực-tập thiền-định trong khung-cảnh tịch-mịch, vắng-vẻ. Bấy giờ vua Trời Đế-Thích và chư Thiên hiện xuống canh giữ phiá ngoài tịnh-xá cho thật yên-tịnh. Với nỗ-lực hành-thiền vượt bực, ngay trong chiều hôm ấy, tám ngày làm Sa-di, Sử- kha đã chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

Tin Sa-di Sử-kha đắc quả-vị được các vị Tỳ-kheo đến trình cùng Đức Phật. Ngài bảo: "Nầy chư Tỳ- kheo, khi một người nỗ-lực thực-tập theo Chánh-pháp, thì chư Thiên đều đến ủng-hộ. Ta đây cũng cầm-giữ Xá-lợi-phất lại ở ngoài cửa, để khỏi làm phiền-rộn đến Sử-kha trong cơn thiền-định." Rồi Đức Phật mới nói lên bài kệ sau đây:

Người làm ruộng đào mương dẫn nước,
Kẻ làm tên chuốt vót nũi tên,
Bác thợ mộc uốn ngay tấm ván,
Bực đức-hạnh điều-phục tâm mình.
(Kệ số 145.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di: Xin nhắc lại: người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ giới tỳ-kheo; tiếng Pali là Sàmanera.

- Sử-kha: tên thật vị Sa-di nầy, tiếng Pali là Sukha.

- Nhập-đạo = vừa mới vào chùa đi tu.

- Vô-tình: Vô = chẳng; Tình = tình-cảm. Trong Phật-học, phân-biệt hai loại: (1) hữu-tình, các sanh-vật có tình-cảm, hiểu-biết; (2) vô-tình, các vật-thể bất-động, chẳng có tình-cảm lại vô-tri (chẳng có sự hiểu-biết).

- Bất-động: Bất = chẳng; Động = cử-động, động-đậy.

- Thiền-định: Thiền =lối tu-tập giúp tâm trở nên thanh-tịnh; Định = tâm-trạng của người mà lòng đã an-ổn, dừng ý-nghĩ lại, chẳng lo ra.

- Tịnh-xá: Tịnh = yên-tịnh; Xá = nhà. Tịnh-xá là căn nhà yên-tịnh để tu-hành, còn gọi là am, cốc, thất.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Cũng như Tích chuyện số (64) về Phan-di-ta, Sa-di Sử-kha được chư Thiên và cả Đức Phật hộ-trợ trong lúc hành-thiền, nên chứng được quả A-la-hán. Đây là trường-hợp hết sức đặc-biệt, một người còn nhỏ tuổi, vừa mới nhập đạo, mà chứng được quả-vị cao.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: Tâm có sự hiểu-biết dễ điều-khiển, uốn-nắn hơn là vật vô-tình, vô-tri như nước, như tre, như gỗ; chỉ cần nỗ-lực kềm-chế tâm chẳng cho nó chạy lang-thang nữa là có thể bước vào định. Vấn-đề khó cho người tập-luyện là phải giữ tâm định trong một thời-gian, muốn thế phải siêng-năng tu-tập hằng ngày mới có chút kinh-nghiệm.

(2)Ý-nghĩa của bài Kệ số 145:

Xin xem lại ý-nghĩa của bài Kệ số 80, trang 221. Cũng như Phan-di-ta, Sa-di Sử-kha bắt đầu quán-sát sự-vật bên ngoài: đào mương dẫn nước, chuốt vót tên cho thẳng, uốn ngay tấm ván, rồi quay vào bên trong quán-chiếu mọi biến-chuyển của Tâm, liền giữ Tâm an-tịnh mà đắc định.

HỌC TẬP:

- Đã thuộc bài Kệ số 80, thì bài Kệ số 145 cũng dễ nhớ: chỉ cần đổi hai chữ hiền-trí (câu 4) ra thành hai chữ đức-hạnh mà thôi.

-ooOoo-

XI.- Phẩm Già

(118).- Tích chuyện về các bạn đạo của bà Vi-sa-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các bạn đạo của bà Vi-sa-kha.

Bà Vi-sa-kha là một ưu-bà-di rất nổi tiếng vào thời Đức Phật Thích-ca. Nhà giàu-có lớn, bà xây cất chùa Đông-viên để cúng-dường cho Ni-đoàn. Bà rất được dân-chúng tín-phục, nên có nhiều gia-đình trong vùng cho vợ con đi theo bà, làm bạn đạo với bà, để noi gương đức-hạnh của bà. Vào một dịp lễ lớn kéo dài cả tuần, các bà bạn đạo, nhơn lúc vắng bà Vi-sa-kha, lấy rượu còn dư lại của các ông chồng, đem ra cùng nhau uống say-sưa. Đến khi tỉnh lại, họ xin bà Vi-sa-kha dẫn họ tới chùa Kỳ-viên để đảnh-lễ Phật và nghe giảng-pháp. Lúc ra đi, họ dấu nhiều chai rượu nhỏ trong áo, lén lút uống dọc đường, xong rồi quẳng chai đi. Tới cổng chùa, họ đã say mèm, múa chơn múa tay, miệng hát nhảm- nhí. Bà Vi-sa-kha mới thỉnh-cầu Đức Phật giảng-dạy Chánh-pháp cho họ nghe.

Đức Phật nhìn thấy quang-cảnh như thế, biết bọn đàn-bà đang bị Ma men khuấy rối. Ngài dùng sức thần-thông tắt hết đèn đuốc trong phòng. Một cảnh tối om, dầy-dặt bao trùm lên tất cả. Bọn đàn-bà ngơ-ngác, tỉnh cả rượu. Bấy giờ, Đức Phật mới phóng một đạo hào-quang sáng chói rọi lên khắp nơi. Sau khi họ đã tỉnh-táo lại, qùi xuống

đảnh-lễ, Đức Phật mới bảo họ: "Nầy các tín-nữ, các bà chẳng nên uống nhiều rượu đến nổi say-sưa rồi lại vào chùa trong tư-cách thật đáng hổ-thẹn như thế. Các bà đã bị Ma men làm cho mất trí, múa hát, cười-cợt, hò-hét om-sòm như bọn người điên. Hãy mau thức-tỉnh lại."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Cười sao được, sướng vui sao được,
Lửa hồng đang thiêu-đốt thế-gian.
Bị màn đêm bao phủ tối đen,
Sao chẳng tìm theo ánh ngọn đèn?
(Kệ số 146.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vi-sa-kha: tên thật của bà bằng tiếng Pali là Visakha.

- Ưu-bà-di: đàn-bà tu tại-gia, đến chùa làm công-quả và học Đạo. Đức Phật có bốn hạng đệ-tử, gọi là Tứ bộ-chúng: (1)Ty-kheo (Bhikkhu); (2)Tỳ-kheo-ni (Bhikkhuni); đó là hai hạng xuất-gia; (3) Ưu-bà-tắc hay là cận-sự-nam (Upàsaka); (4) Ưu-bà-di hay là cận-sự-nữ (Upàsikà), hai hạng sau là cư-sĩ tu tại- gia.

- Chùa Đông-viên: chùa nầy nằm về phiá Đông chùa Kỳ-viên, do bà Vi-sa-kha xây cất; tên tiếng Pali là Pubbàràma.

- Ni-đoàn: Ni = tỳ-kheo-ni, nữ tu-sĩ Phật-giáo. Ni-đoàn là đoàn-thể các vị nữ-tu-sĩ.

- Ma men = chất men rượu uống vào làm mất trí như bị Ma phá.

- Sức thần-thông: sức mạnh phi-thường do nơi đạo-lực cao.

- Hào-quang = ánh-sáng rực-rỡ toả ra từ bực tu-hành đạo-lực cao.

-Tín-nữ:Tín = tin-tưởng; Nữ = đàn-bà. Còn đàn-ông, gọi là thiện-nam

- Lửa hồng: nghĩa bóng là sự say-đắm, tham-mê.

- Ánh ngọn đèn: nghĩa bóng là ánh-sáng của Trí-huệ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc các người đàn-bà uống rượu say-sưa, bị Đức Phật quở-trách. Giới thứ năm của những người tu tại-gia là cấm uống rượu, vì khi say thì trí thông-minh bị mờ-ám, làm nhiều điều sằng bậy.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 146:

Thử phân-tách từng câu bài Kệ:

- Hai câu đầu: Chẳng vui cười được ở thế-gian, vì đang bị lửa hồng thiêu-đốt. Lửa gì? Lửa tham-mê, say-đắm, thúc-đẩy con người sa vào tội-lỗi, rồi phải chịu đau-khổ mãi trong kiếp Luân-hồi.

- Câu 3: Màn đêm tối đen, nghĩa bóng là sự si-mê, ngu-tối.

- Câu 4: Ánh ngọn đèn đây là ánh-sáng của Trí-huệ.

HỌC TẬP:

1- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ Tích chuyện, để giữ giới cấm uống rượu.

2.- Trong các tiệc vui, nên dùng nước trái cây thay cho rượu.

(119).- Tích chuyện nàng Sĩ-mã.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến nàng dâm-nữ tên là Sĩ-mã.

Thuở ấy ở thành Vương-xá có một người dâm-nữ tên là Sĩ-mã, nhan-sắc rất đẹp-đẽ, thường dâng-cúng thực-phẩm cho tám vị tỳ-kheo đi khất-thực. Một vị tỳ-kheo khen sắc đẹp của nàng Sĩ-mã và thực-phẩm nàng hiến-tặng rất thơm ngon. Một vị tỳ-kheo trẻ tuổi nghe thấy, mới tháp-tùng với bạn đồng-tu, ghé qua nhà nàng Sĩ-mã. Hôm ấy, nàng Sĩ-mã bị bịnh, nhưng cũng gượng đau ra dâng thực-phẩm cúng- dường. Vị tỳ-kheo trẻ tuổi nhìn nàng dâm-nữ, nghĩ trong lòng, tuy nàng đang bị bịnh nhưng vẻ đẹp vẫn rất sắc-sảo, rồi trong tâm khởi lên yêu-mến nàng.

Tối hôm ấy, trở cơn đau nặng, nàng Sĩ-mã chết. Vua Tần-bà-sa-la hay tin đó, đến thưa trình cùng Đức Phật, rằng người em gái của vị y-sĩ Kỳ-bà, tên là Sĩ-mã đã qua đời. Đức Phật dạy, hãy mang thi-thể nàng Sĩ-mã ra nghĩa-địa, khoan mai-táng, và trong vài ba ngày, cho người canh-chừng thú rừng hay chim kên-kên đến ăn thịt. Nhà vua tuân theo lời Phật dặn. Đến ngày thứ tư, Đức Phật cùng chư Tăng, Vua quan và dân-chúng ra nghĩa-địa. Vị tỳ-kheo trẻ tuổi cũng đi theo, nhưng vẫn chưa biết tin nàng Sĩ- mã đã chết.

Đến nghĩa-địa, Đức Phật tới gần thi-thể nàng Sĩ-mã, mọi người đứng vòng quanh. Đức Phật bảo nhà Vua sai một người lính to tiếng xướng lên rằng, ai muốn được ở cùng nàng Sĩ-mã trong một đêm thì hãy trả một ngàn quan tiền. Mọi người nhìn thi-thể tái-nhợt, nằm sóng-sượt đó, chẳng ai đáp. Đức Phật lại bảo người lính xướng lên, ai muốn được ở với nàng Sĩ-mã một đêm thì chỉ trả năm trăm, một trăm, một chục, rồi một quan thôi. Chẳng ai trả lời cả. Vị tỳ-kheo trẻ tuổi kia cũng im-lặng. Bấy giờ Đức Phật mới nói: 'Nầy chư Tăng! Hãy nhìn nàng Sĩ-mã. Trước kia, khi còn sống, muốn gần nàng một đêm, phải trả đến ngàn tiền, nay nàng nằm đó, chẳng ai muốn cả, dầu chẳng phải tốn kém gì. Thân-thể con người, ai cũng vậy, suy-yếu, già-lão rồi tàn-tạ như thế."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hãy nhìn thân, bề ngoài xinh-xắn,
Còn bên trong, một đống vết thương.
Gây khổ đau, sao còn vướng-bận,

Thân nầy đâu bền-vững, hằng thường.
(Kệ số 147.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sĩ-mã: tên nàng dâm-nữ nầy bằng tiếng Pali là Sirimà.

- Vương-xá = thủ-đô Ràjagaha của xứ Ma-kiệt-đà (=Magadha).

- Dâm-nữ: người phụ-nữ bán sắc đẹp cho đàn-ông mua vui.

- Tần-bà-sa-la: tên vị vua nước Ma-kiệt-đà, rất tôn-sùng đạo Phật; tiếng Pali là Bimbisara.

- Kỳ-bà: tên vị y-sĩ nổi tiếng thời Đức Phật, có trị vết thương cho Đức Phật khi Ngài bị Đề-bà-đạt-đa lăn đá. Tên tiếng Pali là Jìvaka.

- Thi-thể = thân-xác người chết.

- Nghĩa-địa = nơi chôn-cất người chết.

- Mai-táng = chôn người chết.

- Xướng = nói thật to tiếng cho mọi người nghe được.

- Hằng-thường = thường-hằng, còn hoài hoài.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một nàng dâm-nữ nhan-sắc đẹp-đẽ khi còn sống được mọi người yêu- chuộng, đến khi chết đi, chẳng ai muốn gần thi-thể của nàng. Đức Phật nhơn đó giảng về phép quán thân bất-tịnh, để dứt bỏ sự tríu-mến về tấm thân vật-chất, và phép quán thi-thể người chết để suy ra lẽ vô-thường của mọi sự-vật.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 147:

Ý-nghĩa của bài Kệ dạy ta chẳng nên quá tríu-mến tấm thân vật-chất và đừng mê-đắm các thú-vui xác- thịt.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ: muốn dẹp bỏ lòng dâm-dục, cần phải quán thân bất-tịnh (= chẳng sạch, vì bên trong chứa các chất dơ-bẩn).

(120).- Tích chuyện Tỳ-kheo-ni Úc-ta-ra.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Tỳ-kheo-ni Úc-ta-ra.

Thuở ấy có vị tỳ-kheo-ni tên là Úc-ta-ra, đã trên trăm tuổi, mỗi ngày vẫn ôm bình bát đi khất-thực. Một hôm, bà gặp một vị tỳ-kheo đi khất-thực về, chẳng được chi cả, bà liền hiến cả phần ăn của mình cho vị ấy. Hôm đó, bà phải nhịn đói. Luôn cả hai hôm, bà

cũng gặp vị tỳ-kheo đó và cũng hiến hết phần ăn của mình. Đến hôm thứ tư, bà đang đi khất-thực, bỗng gặp Đức Phật đang đi trên đường, bà vội nép vào lề, qùi đảnh-lễ Đức Phật. Chẳng may, vì kiệt-sức, bà dẫm lên vạt áo cà-sa của mình và ngã lăn xuống. Đức Phật đỡ dậy, thấy đầu cổ bà bị thương, chảy máu. Băng bó xong, Đức Phật nói: "Nầy tỳ-kheo-ni, thân-thể của bà đã quá già-yếu, đi đứng chẳng còn được vững-vàng nữa, chẳng bao lâu sẽ tàn-tạ."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà Tỳ-kheo-ni Úc-ta-ra chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Thân nầy bị tuổi già tàn-tạ,
Là ổ chứa bịnh-tật, mong-manh.
Khối dơ-bẩn ấy rồi tan-rả,
Chết đến là hết mạng chúng-sanh.
(Kệ số 148.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-kheo-ni: nữ tu-sĩ Phật-giáo, tiếng Pali là Bhikkhuni.

- Úc-ta-ra: tên vị tỳ-kheo-ni nầy, tiếng Pali là Uttarà.

- Bình bát: cái nồi nhỏ bằng sành, bằng gỗ hay bằng đồng, các vị tỳ-kheo dùng để đựng thức ăn khi đi khất-thực.

- Kiệt-sức = mất hết cả sức-lực, yếu-ớt lắm.

- Cà-sa: áo màu vàng, choàng bên ngoài của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni; tiếng Pali là Kasaya.

- Quả-vị: Quả =kết-quả, thành-quả, việc tu đã thành-công; Vị = ngôi-vị. Quả-vị là cấp-bực trong hàng các tu-sĩ chứng-đắc .

- Tu-đà-huờn: Xin nhắc lại, đây là quả-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn, còn gọi là Nhập-Lưu hay Thất-Lai. Tiếng Pali là Sotàpatti.

- Mong-manh = yếu-ớt, dễ bị đau, dễ bị hư.

B.- Nghĩa Ý:

(1)Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

1) Việc vị tỳ-kheo trút hết thực-phẩm trong bát của bà tỳ-kheo-ni Úc-ta-ra là một hành-vi thiếu suy- xét, ích-kỷ, chẳng nghĩ đến hoàn-cảnh của kẻ khác. Sau vụ nầy, Đức Phật đặt ra điều giới-luật: "Nếu một tỳ-kheo thọ-dụng thức ăn, hoặc cứng hoặc mềm, đã tự tay mình nhận thức ăn ấy từ một tỳ-kheo- ni, chẳng có liên-hệ với mình, đã đi khất-thực được, vị tỳ-kheo ấy phải nhận lỗi và thưa với một tỳ- kheo khác rằng: "Thưa đạo-hữu, tôi vừa phạm một lỗi đáng trách và phải nhận tội. Tôi thú-nhận đã vi- phạm vào giới-luật Pàtidesanìya." (Pàtidesanìya = tội-lỗi cần được thú-nhận và xin sám-hối.)

2) Bà tỳ-kheo-ni Úc-ta-ra nghe lời dạy và bài Kệ của Đức Phật xong, chứng được quả-vị Tu-đà-huờn, là nhờ hiểu thấu được lẽ vô-thường của muôn pháp. Nói cách khác, bà nhận ra tấm-thân thể-chất nầy bị biến-đổi, chẳng giữ được nguyên-vẹn sức-khoẻ, theo tuổi già mà mang lấy bịnh-tật và tàn-tạ theo thời- gian. Thông-đạt được lẽ vô-thường, người tu-hành chẳng còn quá tríu-mến về phần vật-chất, mới quyết-tâm theo con đường giải-thoát khỏi cảnh sanh, già, bịnh, chết trong cõi Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 148:

Ý-nghĩa bài Kệ nầy cũng giống bài Kệ trước, số 147. Cả hai bài dạy ta phải ý-thức được lẽ vô-thường của tấm-thân thể-chất, bị sự già-lão làm suy-yếu, bị bịnh-tật hành-hạ, rồi sẽ tan-rả khi mạng hết. Vì thế, hiện còn sức-khoẻ, phải cố-gắng tu-tập để được giải-thoát khỏi cảnh khổ Luân-hồi

HỌC TẬP:

- Học kỹ hai bài Kệ, ghi nhớ lẽ vô-thường của đời sống con người.

(121).- Tích chuyện các tỳ-kheo tự-phụ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ-kheo tự-phụ.

Thuở ấy, có một nhóm tỳ-kheo đến thưa-thỉnh Đức Phật và được chỉ-dạy cho mỗi người một đề-tài thiền-quán. Họ liền rời chùa đi vào rừng ẩn-tu trong một thời-gian. Nhờ sự cố-gắng tinh-cần, họ tập- trung được tư-tưởng và sớm nhập vào cơn thiền-định. Đắc được định-lực, họ tưởng rằng đã diệt xong được mọi ham-muốn về nhục-dục và chứng được quả-vị A-la-hán. Thật ra, họ đã tự đánh-giá quá cao và trở nên tự-phụ. Họ liền quay về chùa Kỳ-viên, để trình lên Đức Phật việc họ tưởng họ đã chứng quả.

Khi họ về đến cổng chùa, Đức Phật nom thấy, bảo Tôn-giả A-nan rằng: "Các tỳ-kheo kia sắp vào chùa, nếu họ đến gặp ta ngay thì chẳng được lợi-ích chi nhiều cho họ. Nên bảo họ đi ra quán-sát ngoài nghĩa- địa xong, trở về sẽ gặp ta." Tôn-giả A-nan chuyển lại lời căn-dặn của Đức Phật. Các vị tỳ-kheo nghe lời, chẳng vào chùa ngay và cùng nhau đi hướng về nghĩa-trang.

Đến nơi, họ nhìn thấy chỗ nầy có nhiều thi-thể sình-chướng, mùi hôi thối bốc lên; chỗ kia, nhiều khúc xương còn dính thịt bầy-nhầy; xa xa nhiều mảnh xương trắng-hếu nằm lăn-lóc. Trong lòng họ mới khởi lên sự nhàm-chán tấm-thân vật-chất đang bị tan-rả, hôi-thối kia, và suy-nghĩ sâu-xa về lẽ vô- thường của cuộc sống. Khi họ quay về chùa, Đức Phật hỏi: "Nầy các tỳ-kheo, nhìn thấy các khúc xương trắng ngổn-ngang trong nghĩa-địa, các ông còn giữ sự ham-muốn về nhục-dục, bám-víu vào tấm-thân vật-chất nữa hay không?"

Rồi đó, Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà các vị tỳ-kheo tự-phụ kia được giác-ngộ và chứng-đắc quả-vị A-la-hán:

Khúc xương màu trắng bồ-câu,
Tựa như trái bầu mùa thu bị vứt,

Thích-thú chi khi nhìn đến chúng?
(Kệ số 149.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tự-phụ = tự xem mình cao hơn kẻ khác, tự đánh-giá mình quá cao; hợm mình.

-Đề-tài Thiền-quán: Xin nhắc lại: đề-tài thiền-quán là một vấn-đề đem ra quán-tưởng sâu-xa khi ngồi Thiền. Đề-tài có thể là: quán thân bất-tịnh, quán-tưởng về Đức Phật A-di-đà, v.v. nhờ đó mà đắc định.

- Ẩn-tu: tu-hành nơi xa vắng người.

- Tập-trung tư-tưởng = giữ sao cho tâm chú-ý vào một đề-tài duy-nhứt, chẳng xao-lãng, chẳng lo ra, chẳng nghĩ lang-bang.

- Định, định-lực = trong khi ngồi Thiền, tư-tưởng dừng lại, tâm vắng-lặng, an-ổn, nhẹ-nhàng.

- Nhục-dục: Nhục = thịt; Dục = ham-muốn; Nhục-dục là ham-muốn về thể-xác.

- A-la-hán: Xin nhắc lại: đây là quả-vị cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Bực A-la-hán dứt sạch các phiền-não, lậu-hoặc, chứng được vô-sanh nghĩa là chẳng phải tái-sanh trong vòng lẩn-quẩn khổ-đau của Luân-hồi. Tiếng Pali là Arahant.

- Nghĩa-địa, Nghĩa-trang: nơi chôn-cất người chết. Ngày xưa, ở Ấn-độ, xác người chết hoặc được thiêu, hoặc để bỏ ngoài thi-lâm (thi = thi-thể; lâm = rừng; khu rừng để các xác chết chưa chôn.)

- Thi-thể = thể-xác người chết, thây-ma.

- Vô-thường: Xin nhắc lại: Vô = chẳng; Thường = thường-hằng, còn hoài-hoài. Lẽ vô-thường là Chơn- lý, theo đó mọi sự-vật có hình-tướng phải chịu sự biến-đổi rồi suy-tàn để đi đến sự tiêu-diệt.

- Giác-ngộ: Giác = biết rõ; Ngộ = hiểu thấu. Người giác-ngộ là người đã hiểu thấu rõ lẽ sống-chết, biết rõ con đường thoát khỏi mọi khổ-đau của vòng lẩn-quẩn Luân-hồi. Thông-thường chữ giác dùng để dịch chữ Bồ-đề, hay chữ Phật. Đức Phật là bực đại-giác.

- Khúc xương màu trắng bồ-câu = khúc xương khô, màu trắng, giống như màu lông chim bồ-câu.

- Trái bầu mùa thu bị vứt: vào mùa thu, bầu chín rụng xuống đất, chẳng ai thèm hái lượm để ăn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

1) Các vị tỳ-kheo lầm tưởng mình đã chứng quả, vô-tình mắc tội tăng-thượng-mạn, (tăng = thêm; thượng = cao; mạn = chữ Phạn là mano, có nghĩa là ngạo-mạn, làm phách, kiêu-căng). Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, các tăng-ni đắc quả, còn cần được Phật chứng-minh cho, mới biết chắc là mình đắc quả. Trong Tích chuyện, các vị tỳ-kheo chỉ đắc được định-lực, nhưng các phiền-não, lậu-hoặc vẫn còn, nên chưa chứng quả A-la-hán. Trong việc tu-hành, đừng mong được đắc quả; nếu còn mong- muốn là còn tham-mê, đó cũng là một điều phiền-não chưa sạch.

2) Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo ra nghĩa-địa quán-sát các xác chết, đó là dạy phép cửu-tưởng-quán (cửu = chín; tưởng = tư-tưởng; quán = suy-nghĩ sâu-xa.) Theo phép quán nầy, hành-giả quán-sát chín giai-đoạn tan-rả của thân người chết: (1) xác sình lên; (2) xác bị dòi, bọ ăn; (3) xác chỉ còn bộ-xương dính chút ít thịt; (4) bộ-xương còn dính chút ít máu; (5)các đốt xương còn dính với nhau; (6) các khúc xương đã rời nhau ra; (7) chỉ còn một đống xương trắng-hếu; (8)chỉ còn một mớ xương khô; (9)chỉ còn vài khúc xương đã mục. Phép quán cửu-tưởng có hiệu-quả khiến cho hành-giả nhận rõ các giai- đoạn tan-hoại của tấm thân vật-chất, mà sanh ra nhàm-chán các thú-vui nhục-dục tạm-bợ, chẳng chấp thân nầy là thường-còn, suy ra được lẽ vô-thường của cuộc sống.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 149:

Thử phân-tách từng câu bài Kệ:

1) Câu 1: Khúc xương màu trắng bồ-câu: đây là giai-đoạn (7) của cửu-tưởng-quán, thân-thể tan-rả chỉ còn một đống xương trắng-hếu;

2) Câu 2: Tựa như trái bầu mùa thu bị vứt: đây là giai-đoạn (3) của cửu-tưởng-quán, thân-thể rã-rời, như trái bầu thúi rụng xuống đất;

3) Câu 3: Thích-thú chi...: sự nhàm-chán thân-thể vật-chất.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, để ghi nhớ: thân nầy chẳng mấy chốc rồi cũng tan-hoại, theo lẽ vô-thường, và gắng công tu-tập để thoát vòng sanh-tử.

(122).- Tích chuyện công-chúa Gia-nhã-ba.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến công-chúa Gia-nhã-ba.

Thuở ấy, có một vị công-chúa tên là Gia-nhã-ba, nhan-sắc rất đẹp-đẽ, vốn là con của người dì của Đức Phật Thích-ca. Công-chúa kết-hôn với hoàng-tử Nan-đà, nhưng vào ngày làm lễ cưới, hoàng-tử lại theo Đức Phật vào chùa đi tu. Chính bà mẹ của công-chúa cũng quy-y Đức Phật và trở thành một vị tỳ- kheo-ni. Trong cảnh cô-đơn, công-chúa nghĩ: "Mẹ ta, chồng ta đều đi tu cả. Thôi, ta cũng đi tu theo luôn!." Công-chúa liền vào chùa, xin xuất-gia và trở thành một tỳ-kheo-ni, chẳng phải vì lòng tin nhiệt-thành nơi ngôi Tam-Bảo, mà vì muốn bắt chước theo mẹ và chồng, chọn con đường tu-hành, cho mình bớt lẻ-loi.

Tỳ-kheo-ni Gia-nhã-ba được nghe các bạn đồng-tu bảo Đức Phật thường giảng-dạy rằng thân-tâm ngũ-uẩn nầy là vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện. Vì còn chưa hiểu thấu rõ-ràng nghĩa-lý của tánh-cách vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện của thân-tâm ngũ-uẩn, bà tưởng lầm rằng Đức Phật chẳng khen ngợi chi đến sắc-đẹp lộng-lẫy của bà, nên bà thường tránh các dịp được gặp Đức Phật.

Nhưng các vị đồng-tu lúc nào cũng tán-thán Đức Phật, nên bà mới quyết-định đi theo họ đến chùa Kỳ- viên để đảnh-lễ.

Khi Đức Phật trông thấy công-chúa Gia-nhã-ba đến chùa, Ngài nghĩ rằng: "Đạp gai thì phải lấy gai mà lể. Tỳ-kheo-ni Gia-nhã-ba quá hãnh-diện và quá tríu-mến đến thân-sắc của mình, phải làm sao cho công-chúa thấy rõ sắc-đẹp chóng tàn-phai để dẹp bỏ sự hãnh-diện và lòng tham-luyến vào nhan-sắc lộng-lẫy của mình ." Khi các tỳ-kheo-ni đảnh-lễ, Đức Phật dùng sức thần-thông của Ngài, tạo hình-ảnh một thiếu-nữ tuổi chừng mười sáu, rất đẹp-đẽ, mỹ-miều, đang cầm quạt, phe-phẩy quạt sau lưng Đức Phật, mà chỉ riêng có Gia-nhã-ba mới nhìn thấy được mà thôi. Gia-nhã-ba ngẩng đầu lên nhìn, thấy cô thiếu-nữ nhan-sắc đẹp tuyệt-trần, so với nhan-sắc của nàng còn hơn gấp bội. Gia-nhã tiếp-tục nhìn mãi, bỗng cô thiếu-nữ từ-từ trở thành một người thiếu-phụ ba mươi tuổi, vẻ đẹp có phần sút-giảm đi. Nhìn hồi lâu, bóng người thiếu-phụ hoá thành một người đàn-bà trung-niên, tóc đã hoa râm, trên làn da mặt đã bắt đầu có vết nhăn. Bấy giờ, trong lòng Gia-nhã-ba mới nghĩ ra được sự chóng tàn-phai của sắc- đẹp, cùng sự suy-yếu, già-lão từ-từ đến với tấm thân vật chất. Vào lúc ấy, bóng người đàn-bà ngồi sau lưng Đức Phật đã biến thành một cụ già, run-rẩy mệt-nhọc cầm cây quạt, tay quạt hết muốn nổi. Sau cùng, cụ già đó lại lăn đùng ra chết. Mắt Gia-nhã-ba lại trông thấy thân-thể cụ già sình lên, dòi, bọ nhung-nhúc. Lòng nàng nghĩ, thân-thể của ta rồi đây sẽ cũng lại như thế, chẳng cách nào tránh khỏi sự chết-chóc được.

Đức Phật đoán biết sự đổi thay tâm-trạng của Gia-nhã-ba, liền thâu phép thần-thông lại, và Ngài mới bắt đầu giảng bài pháp về tánh-cách vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện của thân-tâm ngũ-uẩn. Gia- nhã-ba lắng nghe và nhờ đó mà chứng-đắc được quả-vị Tu-đà-huờn.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Thành-trì thân nầy dựng bằng xương,
Đắp bằng thịt và tô bằng máu,
Chất-chứa bên trong cảnh già-lão,
Chết-chóc, ngã-mạn và lừa-đảo.
(Kệ số 150.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Công-chúa: con gái của Vua.

- Gia-nhã-ba: tên công chúa nầy tiếng Pali là Janapadakalyànì.

- Hoàng-tử: con trai của Vua.

- Quy-y: Quy =quay về; Y = nương-tựa. Quy-y là lòng thề-nguyện quay về nương-tựa nơi Đức Phật và tin làm theo lời dạy của Ngài.

- Tỳ-kheo-ni: nữ tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là Bhikkhuni.

- Cô-đơn = lẻ-loi, ở một mình chẳng có người bầu-bạn.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Chữ Xuất-gia trong Phật-học có nghĩa là rời bỏ nếp sống ở gia- đình, vào chùa đi tu.

- Tam-Bảo: Tam = ba; Bảo = ngôi báu, điều quí-báu. Ba ngôi Tam-Bảo là Phật-bảo (= Đức Phật), Pháp-Bảo (= lời dạy của Đức Phật, kinh, kệ) và Tăng-Bảo (=người xuất-gia tu-hành theo đường-lối của Đức Phật.)

- Thân-tâm ngũ-uẩn: Ngũ = năm; uẩn = sự tập-hợp có tánh-cách che-mờ. Ngũ uẩn gồm có: (1)sắc- uẩn, tấm thân vật-chất; (2)thọ-uẩn, các tình-cảm như vui, buồn; (3)tưởng-uẩn, các ý-tưởng trong lòng; (4) hành-uẩn, các hành-động, các biến-chuyển trong tâm; (5)thức-uẩn, các sự hiểu-biết trong tâm. Bốn uẩn sau thuộc về tâm; còn sắc-uẩn thuộc về thân.

- Vô-thường = Xin nhắc lại: vô-thường là chẳng bền-vững, hay biến-đổi, rồi bị hủy-diệt.

- Vô-ngã: Vô =chẳng; Ngã = ta, tôi. Vô-ngã là chẳng có chủ, không có thực-thể thường-còn, rỗng- rang, do sự tập-hợp mà có, hễ hết duyên thì rời nhau ra mà bị diệt đi.

- Bất-toại-nguyện: Bất =chẳng; toại =vừa ý; nguyện = mong-muốn. Bất-toại-nguyện là chẳng làm vừa lòng ta được, tức là gây ra khổ-đau.

- Tán-thán = khen-ngợi bực cao-quí.

- Đạp gai phải lấy gai mà lể: thành-ngữ nầy có nghĩa đen là, khi đạp gai nhọn, phải dùng kim nhọn mà lể (lể = cạy bật mũi gai ra). Ta thường nói: lấy độc trị độc. Ở đây, theo nghĩa bóng, vì Gia-nhã-ba quá mê-luyến sắc-đẹp, nên Đức Phật mới dùng sắc-đẹp chóng tàn-phai của cô thiếu-nữ để giúp Gia-nhã-ba bỏ được sự hãnh-diện về thân-sắc mình.

-Tríu-mến: quá yêu-chuộng, quá mê-thích và bấu-víu vào việc gì.

- Hãnh-diện = tự-cao, tự cho mình là hơn hết.

- Thần-thông = sức định-lực mạnh-mẽ của bực tu-hành cao, có thể làm các việc khác thường, như bay cao, biến-hoá, v.v.

- Mỹ-miều: rất đẹp và hiền-từ.

- Tuyệt-trần = vào hạng nhứt ở trần-gian.

- Trung-niên: Trung = trung-bình, ở giữa; Niên = tuổi, năm; Tuổi trung-niên vào khoảng bốn, năm mươi.

- Tóc hoa râm: trên mái tóc đã có nhiều sợi màu bạc trắng.

- Nhung-nhúc =nhiều lắm, bò ngổn-ngang.

-Tâm-trạng: Tâm =lòng; Trạng = tình-trạng; Tâm-trạng là cõi lòng đang vui, buồn, giận, ghét, v.v. sự thay-đổi về ý-nghĩ ở trong lòng.

- Tu-đà-huờn: Xin nhắc lại: đây là quả-vị thứ nhứt trong hàng Thanh-văn, còn gọi là Nhập-Lưu hay Thất-Lai. Người chứng quả Tu-đà-huờn dẹp bỏ được sự cố-chấp vào thân (thân-kiến), sự nghi-ngờ (hoài-nghi) và sự tin theo các nghi-thức cúng-tế của tà-giáo (giới-cấm-thủ.)

- Thành-trì thân nầy: xem thân-thể vật-chất nầy bền-vững như thành-trì, như chẳng thể bị phá-huỷ được vậy.

- Ngã-mạn = kiêu-căng, phách-lối, quá tự-cao, quá hãnh-diện.

- Lừa-đảo: dối-gạt, gạt-gẫm.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc nhờ đâu mà công-chúa Gia-nhã-ba, người rất hãnh-diện về thân-sắc của mình, đã dẹp bỏ thân-kiến ra được khỏi tâm mà chứng-đắc quả-vị Tu-đà-huờn. Công-chúa đã chấp thân-tâm làm ngã, xem đó như bền-vững mãi với thời-gian, nay được Phật cho thấy, trước mắt, một thiếu-nữ trẻ đẹp, từ từ trở thành già-yếu rồi lăn ra chết; nhờ đó mà tâm-trí của công-chúa hiểu thấu lẽ vô-thường, vô-ngã và bất-toại-nguyện của thân-tâm năm uẩn.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là một khi đã hiểu rõ được lẽ vô-thường, vô-ngã và bất-toại- nguyện của thân-tâm, ta chẳng còn chấp chặt thân-thể nầy thường-còn mãi-mãi, thân ấy chẳng phải là ta; mà ta chính là phần tinh-thần có sự hiểu-biết, hằng còn, gọi là chơn-ngã (= cái Ta thật-sự), hay là pháp-thân (= tấm thân vô-hình, chẳng bị hư-hoại), còn được gọi là Phật-tánh (= khả-năng giác-ngộ và giải-thoát như Đức Phật.) Tâm bỏ được việc xem thân-thể nầy là của Ta, là Ta, và nhận ra được Phật-tánh có sẵn nơi mình, còn mãi, tuy nay bị che-mờ vì sự si-mê, đó là tâm đã giác-ngộ, chỉ cần tu- tập theo đúng đường-lối của Phật dạy là vượt qua đến được bờ giải-thoát, chẳng còn phải khổ-đau, bất-toại-nguyện, trong cảnh sống Luân-hồi nữa.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 150:

- Hai câu đầu: đừng xem tấm thân nầy bền-vững như thành-trì, vì nó được đắp lên bằng xương, thịt và máu, rất dễ bị tan-rả.

- Hai câu sau: nằm bên trong thân vật-chất nầy, có sẵn sự già-yếu, sự chết-chóc rồi. Vì thế chẳng nên quá hãnh-diện về thân-sắc mà sanh ra ngã-mạn, và lừa-dối kẻ khác bằng sự trau-chuốt thân-hình bề ngoài.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ lẽ vô-thường và đừng chấp vào thân-kiến.

(123).- Tích chuyện Hoàng-hậu Mạt-lợi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bà hoàng-hậu Mạt-lợi.

Hoàng-hậu Mạt-lợi là vợ Vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la; cả hai vị rất tôn-sùng Đức Phật, thường đến nghe Đức Phật giảng-pháp. Hoàng-hậu có nuôi một con chó đực, cưng chiều như con. Một hôm, hoàng-hậu vào phòng tắm rửa mặt, con chó chạy theo. Khi Hoàng-hậu đến bên bồn nước, mắt nhìn qua khung cửa sổ, chó liền nhảy chồm lên, liếm liếm vào váy của bà. Thấy nhột-nhột có cảm-giác thích- thú, hoàng-hậu để yên cho chó liếm. Nào ngờ, bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ngồi phía ngoài, nhìn thấy được cảnh ấy. Khi Hoàng-hậu trở ra, đức Vua giận-dữ nói: "Bà là người xấu-xa, bỉ-ổi, để cho con chó đực liếm váy bà." Hoàng-hậu giựt mình, liền nghĩ ra cách đối-đáp: "Tâu Hoàng-thượng, Ngài có nhìn lầm chăng? Căn phòng tắm nầy lạ-thường lắm. Kẻ nào vào phòng mà nhìn qua cửa sổ, ai ở bên ngoài nhìn vào phòng thấy rõ có cả hai người đấy. Nếu Hoàng-thượng chẳng tin, xin cứ bước vào, xem sao." Nhà Vua liền bước vào phòng tắm. Khi trở ra, Hoàng-hậu làm ra vẽ ngạc-nhiên, bảo: "—! Sao Hoàng- thượng lại dắt con dê-cái vào phòng, kỳ-cục quá vậy!" Nhà vua nhẹ dạ dễ tin, cứ tưởng đó là sự thật.

Kể từ hôm nói dối nhà Vua như thế, Hoàng-hậu rất ăn-năn tội-lỗi. Chẳng bao lâu, Hoàng-hậu bị bịnh, rồi mất, tâm-thần vẫn còn ân-hận việc đã dối vua, quên hết tất cả các công-đức bố-thí cúng-dường đã cùng nhà vua thi-hành lúc còn sống, Vì thế, bà bị sa vào địa-ngục. Sau khi chôn-cất Hoàng-hậu xong, đức Vua đến yết-kiến Đức Phật, định thưa hỏi, chẳng biết Hoàng-hậu Mạt-lợi tái-sanh về cõi nào. Đức Phật chẳng muốn làm vua buồn lòng, nên hỏi sang chuyện khác, khiến nhà Vua quên mất ý-định tìm biết nơi thác-sanh của Hoàng-hậu.

Bảy ngày sau đó, Hoàng-hậu Mạt-lợi mãn hạn ở địa-ngục, được thác-sanh lên cõi Trời Đâu-suất, nhờ ở công-đức bố-thí, cúng-dường khi còn sống. Vào ngày hôm ấy, Đức Phật cùng chư Tăng đi đến hoàng- cung để khất-thực. Sau buổi ngọ-trai, nhà Vua sực nhớ đến câu hỏi dự-định hỏi Đức Phật khi trước,

mới bạch với Phật. Đức Phật liền nói: "Hiện nay, Hoàng-hậu Mạt-lợi được tái-sanh trên cung Trời Đâu-suất." Nhà Vua rất vui mừng bạch cùng Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, đệ-tử rất vui lòng khi được biết Hoàng-hậu sanh lên cõi Trời. Khi còn sống, Hoàng-hậu rất siêng-năng bố-thí và trông mong có dịp cung-thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng đến hoàng-cung để cúng-dường. Nay Hoàng-hậu đã mất rồi, đệ-tử chẳng biết ngày ngày làm gì đây nữa." Đức Phật liền bảo: "Nhà vua chớ qua ưu-phiền, luyến-tiếc đến Hoàng-hậu. Nầy, Hoàng-thượng hãy nhìn chiếc long-xa kia, khi xưa Vua Cha đã trang-hoàng lộng-lẫy để lại cho Hoàng-thượng, nay nó đã cũ-kỹ, bỏ nằm yên trong góc phòng. Muôn sự-vật, kể cả tấm thân con người, đều theo lẽ vô-thường mà biến-đổi rồi bị hủy-diệt. Chỉ có Chánh-pháp mới chẳng bị sự già- lão làm cằn-cỗi!"

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Xe lộng-lẫy của Vua rồi cũng cũ,
Thân-thể nầy rồi cũng còm-cõi,
Chánh-pháp thiện-nhơn đâu cằn-cỗi,
Các bực chí-thiện thường nhắn-nhủ.
(Kệ số 151.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Hoàng-hậu = vợ chánh của Vua.

- Mạt-lợi: tên thật của Hoàng-hậu, tiếng Pali là Mallikà.

- Vua Ba-tư-nặc xứ Câu-tát-la: tên vị vua rất tôn-sùng đạo Phật nầy, tiếng Pali là Pasenadi, nước Kosala.

- Váy: quần của phụ-nữ, dài quá gối, chỉ có một ống.

- Bỉ-ổi = thô-xấu, đáng chê-khinh.

- Tâu Hoàng-thượng = lời nói cung-kính trình lên đức Vua.

- Ân-hận = ăn-năn, hối-tiếc.

- Thác-sanh = khi chết đi được sanh lại cõi khác.

- Trời Đâu-suất: cõi Trời cao nhứt của Dục-giới, nơi có Đức Di-Lặc giảng-pháp; tiếng Pali là Tusita.

- Hoàng-cung = cung-điện nhà Vua, nơi Vua ở.

- Ngọ-trai: Ngọ = 12 giờ trưa; Trai = bữa ăn chay.

- Bạch = thưa trình khi nói với bực tu-hành cao-quí.

- Long-xa: Long = con rồng; Xa = chiếc xe. Xe của vua ngự được gọi là long-xa.

- Vô-thường = Xin nhắc lại: vô-thường là chẳng thường-còn, hay biến-đổi, suy-tàn rồi bị huỷ-diệt.

- Cằn-cỗi = già-cả, khô-héo, mất hết sanh-lực đi.

- Còm-cõi = quá già-nua, lưng còng, da nhăn, gầy-yếu.

- Chánh-pháp = lời dạy của Đức Phật về đường-tu để được giác-ngộ và giải-thoát.

- Thiện-nhơn, Chí-thiện: Thiện = lành; Nhơn = người; Chí = đến, hết sức, thật cao. Bực Chí-thiện là người hết sức lành; ý muốn nói bực Thánh.

- Nhắn-nhủ: nhắc-nhở, thường chỉ-dạy cho.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

1) Vì nói dối, hoàng-hậu Mạt-lợi mặc dầu có công-đức bố-thí, cũng vẫn bị sa địa-ngục. Giới thứ tư của người tu tại-gia là cấm nói dối.

2) Lẽ vô-thường (= chẳng thường-còn, bị biến-đổi và hủy-diệt) ứng vào các sự-vật có hình-tướng, như chiếc xe của vua, lâu rồi cũng bị cũ và hư. Nhưng với Chánh-pháp, lời giảng-dạy của Đức Phật lúc nào cũng đúng và ở đâu cũng đúng, nên thoát ra ngoài lẽ vô-thường.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 151:

Cũng như các bài Kệ trước, từ số 147, bài Kệ nầy dạy ta về lẽ vô-thường, lấy chiếc long-xa ra làm thí- dụ. Xe vua lộng-lẫy rồi cũng cũ, mà thân người ngồi trên xe ấy, với thời-gian, cũng sẽ già-nua, còm- cõi. Chỉ có Chánh-pháp, được các bực Thánh-nhơn tuyên-dạy rõ mới chẳng bị lẽ vô-thường chi-phối.

HỌC TẬP:

1.- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ mọi sự-vật có hình-tướng đều bị lẽ vô-thường chi-phối cả; chớ nên quá luyến-tiếc khi tài-sản của mình bị hư-tán.

2.- Nói dối thường là bịa chuyện khác ra để tránh tội; nhưng còn có một hình-thức nói dối nữa là im- lặng, dấu tội mình chẳng dám nói ra.

(124).- Tích chuyện tỳ-kheo Lã-lưu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo tên là Lã-lưu.

Thuở ấy, có vị tỳ-kheo tên là Lã-lưu, ít trí thông-minh, tánh lại hay lơ-đãng. Vị ấy vụng-về, ít khi biết nói những lời cho hợp thời, hợp cảnh. Gặp việc vui, vị ấy lại đem chuyện buồn ra nói; còn khi gặp dịp đau-buồn, vị ấy lại nhắc đến chuyện tức-cười. Nhiều bạn đồng-tu đã nhắc-nhở cho tỳ-kheo Lã-lưu nên tế-nhị, nói cho đúng lúc, hợp tình, nhưng chứng nào tật nấy, Lã-lưu chẳng mở-mang thêm trí-huệ chút nào cả. Sự-việc đến tai Đức Phật, Ngài bảo: "Người kém trí như tỳ-kheo Lã-lưu, chẳng có kiến-thức chi, cũng giống như con bò, thân-thể có to-lớn thêm theo năm tháng, mà trí-óc vẫn tối-mò."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Già đời người ít học,
Chẳng khác chi con bò.
Bắp-thịt có thêm to,
Trí-huệ vẫn tối-mò.
(Kệ số 152.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Lã-lưu: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Làludàyì.

- Lơ-đãng = ít có sự chú-ý, thiếu sự chú-tâm, hay vô-ý.

- Tế-nhị: Tế = nhỏ-nhắn, xinh-xắn;Nhị = bóng mượt. Chữ tế-nhị dùng ở đây theo nghĩa là khéo-léo, suy-nghĩ kỹ-lưỡng trước khi nói hay làm. Người tế-nhị chẳng bật cười khi thấy có người trợt té.

- Kiến-thức: Kiến = thấy; Thức = hiểu-biết. Kiến-thức là sự hiểu-biết do học-tập mà có được.

- Trí-huệ: trí thông-minh. Trong Phật-học, chữ Trí-huệ có nghĩa đặc-biệt, chỉ trí thông-minh sáng-suốt đã giác-ngộ được Chơn-lý, dùng để dịch chữ Bát-nhã (Pali:Prajna), Trí vượt qua bờ giác-ngộ và giải- thoát.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ kể lại việc một vị tỳ-kheo tánh hay lơ-đãng, lại ít học nên trí-huệ chẳng mở- mang. Đức Phật ví người kém trí như con bò, thân-thể có to-lớn thêm, nhưng tâm-trí vẫn si-mê, u-tối.

Ý-nghĩa của Tích chuyện khuyên ta, trong sự tu-hành, phải biết học-tập mở-mang kiến-thức, phát-triển trí-huệ, để được giác-ngộ và giải-thoát. Vấn-đề đặt ra là làm thế nào để có được Trí-huệ? Xin thử xét qua các điểm quan-trọng về vấn-đề Trí-huệ trong Đạo Phật.

1.- Đạo Phật lấy Từ-bi và Trí-huệ làm tôn-chỉ: điều nầy có nghĩa là người tu-hành phải luôn luôn: (a) thương-yêu và giúp-đỡ mọi chúng-sanh; (b) mở-mang tâm-trí để biết chọn điều lành, bỏ điều ác và giữ-gìn tư-tưởng cho trong-sạch, hướng về con đường giác-ngộ và giải-thoát.

2.- Trí-Huệ trong Đạo Phật khác với Trí thông-minh ngoài đời: người đời cho mình là khôn khi khéo biết làm lợi cho mình, cho gia-đình mình, đó là thế-trí, cái Trí của người đời chưa tu-hành. Trong đạo Phật, Trí-huệ chẳng những khéo-léo biết làm lợi mình mà lợi cả cho người ngoài, và nhứt là thấy được con đường giải-thoát mọi khổ-đau của cuộc đời. Vì lẽ nầy, Trí-huệ còn được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật (tiếng Pali: Prajna Paramita) giúp ta vượt qua bờ bên kia, nghĩa là bờ giác-ngộ và giải-thoát, chẳng còn phải bị tái-sanh trong cõi Luân-hồi khổ-đau nữa.

3.- Tam-Học Giới-Định-Huệ giúp ta phát-triển Trí-huệ: Con đường phát-triển Trí-huệ là con đường Tam-Học, gồm có ba điều: (1)Giới, giữ-gìn thật châu-đáo các điều giới-cấm; đây là kỷ-luật tự-giác, tự mình kiểm-soát lấy mình; (2) Định, giữ-gìn các giác-quan chẳng để cảnh bên ngoài lôi-cuốn và nhứt là bên trong, tâm chẳng chạy lang-bang, chẳng lo ra, luôn luôn biết chú-tâm và dẹp bỏ các ý-nghĩ sai- lầm; (3)Huệ, sáng-suốt nhận-định điều lành để theo, việc ác để tránh, hiểu thấu-đáo thân-phận con người và bổn-thể rỗng-rang của muôn sự-vật, biết và làm theo con đường giác-ngộ và giải-thoát.

Tuy phân ra ba việc Giới, Định, Huệ, nhưng khi thực-hành, phải làm cùng một lúc cả ba việc, chẳng sót việc nào. Tại sao? Vì biết giữ giới, theo đúng kỷ-luật tự-giác, tâm-trí sẽ

dừng lại, chẳng chạy lung- tung, nhờ đó mà được Định; có được định-lực, thì Trí-huệ mới phát-triển lên.

Ngược lại, nhờ có Trí-huệ, tâm-trí được an-định biết khép mình vào kỷ-luật, do đó việc giữ giới sẽ dễ- dàng và châu-đáo hơn.

4.- Muốn phát-triển Trí-Huệ nhanh-chóng, cần theo đúng đường-lối Văn-Huệ, Tư-Huệ và Tu-Huệ, gọi tắt là Văn, Tư, Tu.

Thế nào là Văn, Tư, Tu?

(a) Văn là nghe. Nghe gì? Nghe và hiểu rõ về Kinh, Kệ bằng cách theo dõi các buổi giảng-pháp ở chùa, hay đọc sách dạy về giáo-lý;

(b) Tư là suy-nghĩ; suy-nghĩ thật sâu-xa và tìm cách áp-dụng vào đời sống những lời dạy của Đức Phật nói trong Kinh-Kệ;

(c) Tu là sửa đổi. Sửa đổi cái chi? Sửa đổi tánh-tình cho có đức-hạnh, biết suy-nghĩ cho chín-chắn, chẳng lo ra, chẳng nghĩ lang-bang.

Áp-dụng đường-lối Văn, Tư, Tu là mỗi tuần phải đi chùa nghe giảng-pháp; nghe xong, phải hiểu rõ lời Phật dạy, suy-nghĩ cho kỹ, hễ còn chút nghi-ngờ chưa thấu, phải thưa hỏi lại ngay; và ghi nhớ thật đầy- đủ áp-dụng vào đời sống tu-hành của mình những điều đã học-hỏi được. Điều quan-trọng trong pháp Văn, Tư, Tu là phải biết quay về bên trong tâm mình, xét xem điều mình nghe, mình đã hiểu rõ chưa, đã suy-nghĩ sâu-xa về điều mình vừa mới hiểu thêm chưa, và chính mình đã áp-dụng điều mình vừa nghe chưa. Có quay về với lòng mình như thế, thì pháp Văn, Tư, Tu mới có hiệu-quả thiết-thực cho đời sống tu-hành của mình.

5.- Chẳng cần có nhiều kiến-thức, thà biết ít mà biết chắc: học cho nhiều, biết cho lắm, mà chưa sắp- xếp cho có thứ-tự, thì thành ra rối Trí, có hại cho việc phát-triển Trí-huệ. Vì thế, nên chọn một pháp- môn duy-nhứt và chỉ nên nghe, học, suy-nghĩ, và thực-hành cho kỹ pháp-môn ấy.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 152:

Bài Kệ chẳng có chữ nào khó hiểu; nhưng ý-nghĩa rất sâu-xa, dạy ta phải biết phát-triển Trí-huệ, để được giác-ngộ và giải-thoát, theo đúng điều thứ hai trong Tôn-chỉ của Đạo Phật: Từ-bi và Trí-huệ.

Tu theo đạo Phật chẳng phải là chờ Phật độ cho mình thành Phật, mà là phải học hỏi lời Phật dạy, hiểu và thi-hành theo, để tự-mình tu-tập hầu đời nầy hay vào các đời sau mình được giải-thoát như Đức Phật.

HỌC TẬP:

- Học kỹ bài Kệ, đọc cho con-cái nghe khi chúng làm biếng học.

(125).- Tích chuyện Đức Phật thành Đạo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp theo lời thỉnh- cầu của Tôn-giả A-nan, có đề-cập đến sự-tích Thành-Đạo của Đức Phật Thích-ca.

Thái-tử Tất-đạt-ta, họ Cồ-đàm, là con của Vua Tịnh-phạn và Hoàng-hậu Ma-gia, trị-vì tại thành Ca-tỳ- la-vệ. Đến năm hai mươi chín tuổi, Thái-tử rời cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con khôn, xuất-gia đi tu thành một người ẩn-sĩ khổ-hạnh, dạo khắp châu-thổ sông Hằng, tìm thầy học Đạo. Các vị thầy đều dạy Thiền, nhưng giáo-lý của họ chẳng làm thoả-mãn lòng tìm kiếm Chơn-lý của Thái-tử Tất-đạt-ta, nên Ngài quyết-tâm theo con đường riêng của mình. Ngài sống khổ-hạnh trong sáu năm nơi rừng sâu, ép mình theo một kỷ-luật khắc-khổ. Cho đến khi bị ngất xỉu và được thôn-nữ Thiện-Sanh dâng bát sữa, Ngài tỉnh-ngộ, bỏ lối tu khắc-khổ, chọn con đường Trung-Đạo, lánh xa hai cực-đoan: lợi-dưỡng và khổ-hạnh. Con đường Trung-Đạo chính là Bát-Chánh-đạo gồm có: Chánh-kiến, Chánh-tư-duy, Chánh- ngữ, Chánh-nghiệp, Chánh-mạng, Chánh tinh-tấn, Chánh niệm và Chánh-định, đưa đến cảnh-giới an- lạc, vắng-lặng của Niết-Bàn.

Sau bốn mươi chín ngày đêm ngồi nhập-định dưới cội cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền, thái-tử Tất-đạt-ta chứng-đắc được quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, vào năm ba mươi lăm tuổi. Vào khoảng canh đầu đêm ấy, Thái-tử chứng được Túc-mạng-minh biết rõ được vô-số kiếp đã qua. Đến canh giữa, Ngài chứng được Thiên-nhãn-minh, thấy rõ nguyên-nhơn khiến cho chúng-sanh phải tái- sanh ở cõi nầy, cõi nọ. Vào khoảng canh cuối cùng của đêm, Ngài chứng được Lậu-tận-minh, dứt mọi

lậu-hoặc, giải-thoát được cảnh sanh-tử của Luân-hồi với Lý-thuyết Thập-Nhị Nhơn-Duyên theo hai chiều lưu-chuyển và hoàn-diệt. Đến khi bình-minh ló dạng, Thái-tử Tất-đạt-ta chứng được bốn Chơn- lý nhiệm-mầu là Tứ Diệu-Đế. Với Trí-huệ hoàn-toàn sáng-suốt Ngài chiếu-soi bốn Chơn-lý: Khổ-đế, Tập-đế, Diệt-đế và Đạo-đế, thấy rõ bổn-thể của mỗi Chơn-lý, sự cần-thiết phải thực-hiện về mỗi Chơn- lý và sự hoàn-tất việc thực-hiện về mỗi Chơn-lý; do đó, Ngài chứng-đắc được Trí-huệ đại-giác của Phật-đà, trở thành Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Chỉ sau khi bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu hiện lên thật rõ-ràng, trong-suốt nơi tâm thanh-tịnh của Ngài, với ba lần chuyển và mười hai hành-tướng, Ngài mới tuyên-bố lên cho tất cả ở cõi Người, cõi Trời và cõi Phạm-thiên biết rằng Ngài đã chứng-đắc được quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Liền sau khi đã giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn, Ngài thốt lên bài Chứng-đạo-ca, diễn thành ra hai bài Kệ sau đây:

Lang-thang qua bao kiếp Luân-hồi,
Ta cố tìm nhưng rồi chưa gặp
Kẻ xây dựng lên ngôi nhà nầy,
Cứ mãi tái-sanh, khổ-sở thay!
(Kệ số 153.)
Ô kìa! Anh thợ làm nhà!

Nay ta bắt gặp, khó mà xây thêm.
Cây đòn-tay bên thềm gẫy đổ,
Rui mè, kèo cột bỏ ngổn-ngang.
Ta nay chứng-đắc Niết-Bàn,
Ái-tham, dục-vọng, hoàn-toàn tiêu-vong.
(Kệ số 154.)
TÌM HIỂU:

Xin Lưu-Ý:

Tích chuyện Thành-Đạo của Phật Thích-Ca vừa được đọc qua vốn được kết-tập dựa theo Kinh Chuyển Pháp-Luân. Kinh nầy được Đức Phật, sau khi chứng-đắc quả-vị Phật, tuyên-giảng cho năm anh em ông Kiều-trần-như nghe, tại vườn Lộc-uyển, thành Ba-la-nại.

Vì ý Kinh rất thâm-sâu và Tích chuyện lại dùng nhiều danh-từ chuyên-môn khó hiểu, Thiện-Nhựt mạn phép viết lại hai đoạn chót của Tích chuyện theo lời-lẽ thông-thường, trước khi bắt đầu việc TÌM HIỂU:

" ... Sau bốn mươi chín ngày đêm ngồi thiền dưới cội cây Bồ-đề, Thái-tử Tất-đạt-ta chứng được quả-vị Phật. Vào đêm cuối, Ngài lần-lượt chứng được Túc-mạng-minh, nhớ được các kiếp sống đã qua, Thiên-nhãn-minh, nhìn thấy chúng-sanh phải tái-sanh mãi trong cảnh Luân-hồi và Lậu-tận-minh, dứt- khoát dẹp tan mọi lậu-hoặc nơi thân-tâm mình. .

Khi bình-minh vừa ló dạng, Ngài chứng-đắc được bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu là Khổ-đế, Tập-đế, Diệt- đế, và Đạo-đế. Tâm-trí thanh-tịnh của Ngài lần-lượt chiếu-soi từng Chơn-lý, thấy rõ thế nào là Khổ (= Khổ-đế) cần được hiểu rõ; nguyên-nhơn đã gây ra Khổ (= Tập-đế) cần được đoạn-tận; đến sự tận- diệt của Khổ (= Diệt-đế), cần được chứng-ngộ và con đường đi đến sự tận-diệt Khổ (= Đạo-đế), cần được tu-tập. Về mỗi Chơn-lý, tâm-trí thanh-tịnh của Ngài lần-lượt chuyển-động qua ba giai-đoạn gọi là ba lần chuyển: (1)thấy rõ, (2) đang hiểu và (3) đã thông-đạt chẳng còn chút nghi-ngờ; ba lần chuyển-động như thế cho bốn Chơn-lý thành ra là mười hai hành-tướng.

Bấy giờ, biết chắc mình đã chứng được Trí-Huệ Bát-nhã Ba-la-mật, Ngài mới tuyên bố cùng mọi chúng-sanh trong ba cõi, rằng Ngài đã đạt được ngôi-vị Phật. Sau đó, Ngài thốt lên bài Chứng-đạo- ca, tức là hai bài Kệ số 153 và 154.

A.- Nghĩa Chữ:

- Sự-tích Thành-Đạo: những sự-việc có thật đã xãy ra khi Thái-tử Tất-đạt-ta hoàn-thành việc tu-tập để chứng-đắc ngôi-vị Phật.

- Thái-tử: con trai lớn của Vua, sẽ nối ngôi Vua.

- Tất-đạt-ta: tên của Đức Phật Thích-ca, khi chưa xuất-gia; tiếng Pali là Siddhattha.

- Cồ-đàm: họ của thái-tử Tất-đạt-ta; tiếng Pali là Gotama.

- Tịnh-phạn = tên Vua cha của Thái-tử Tất-đạt-ta, tiếng Pali là Suddhodana.

- Ma-gia: tên của Hoàng-hậu, mẹ của Thái-tử Tất-đạt-ta, tiếng Pali là Màyà.

- Ca-tỳ-la-vệ: thủ-đô nước Xá-vệ, quê-hương của Thái-tử, nay thuộc phần đất của vương-quốc Nepal; tiếng Pali là Kapilavatthu.

- Vợ đẹp con khôn: Vợ của Thái-tử Tất-đạt-ta là công-chúa Gia-du-đà-la (Yasodharà); con của Thái-tử là La-hầu-la (Rahula).

- Châu-thổ: Châu = cồn, bãi cát đất; Thổ = đất. Châu-thổ là khu-vực hai bên dọc theo dòng sông.

- sông Hằng: một con sông lớn ở Ấn-độ, tiếng Pali là Gangà.

- Chơn-lý = Sự-Thật. Ở đây, ý muốn nói đến Sự-Thật thoát được mọi khổ-đau trong thân-phận của mọi chúng-sanh.

- Khổ-hạnh = Khổ = khắc-khổ; Hạnh = hạnh-kiểm; hành-động. Khổ-hạnh là cuộc sống khắc-khổ, thiếu-thốn; tương-truyền rằng khi tu khổ-hạnh, thái-tử Tất-đạt-ta chỉ ăn mỗi ngày có mấy hột mè, thân- thể gầy-yếu, chỉ còn da bọc xương.

- Thiện-Sanh: dịch nghĩa tên của nàng thôn-nữ, tiếng Pali là Sujàtà

- Tỉnh-ngộ: thức-tỉnh, nhận biết mình đã lầm.

- Trung-Đạo: Trung = ở giữa; Đạo = con đường. Trung-Đạo là con đường ở giữa, tránh xa cả hai nẻo khắc-khổ và hưởng-thọ. Trung-Đạo, tiếng Pali là Majjhinapatipadà.

- Cực-đoan: Cực = rất, cùng-cực, quá-mức; đoan = đầu cùng; mức cuối; Cực-đoan là chỗ quá mức; ở đây nói về lối sống, có hai cực-đoan: một đầu chỉ lo hưởng thọ vật-chất đầy-đủ, phủ-phê, gọi là lợi- dưỡng; còn một đầu nhịn ăn, chịu đói lạnh, ép-xác, gọi là khổ-hạnh.

- Lợi-dưỡng = hưởng lợi thật đầy-đủ về vật-chất.

- Chánh-kiến = ý-kiến đứng-đắn, chơn chánh.

- Chánh tư-duy = suy-nghĩ đứng-đắn, chơn-chánh.

- Chánh ngữ = lời nói đứng-đắn, chơn-chánh

- Chánh nghiệp = việc làm, hành-động, sự-nghiệp đứng-đắn, chơn-chánh.

- Chánh-mạng = nghề-nghiệp sanh-sống đứng-đắn, chơn-chánh.

- Chánh-tịnh-tấn = nỗ-lực, cố-gắng đứng-đắn, chơn-chánh.

- Chánh-niệm = ý-nghĩ, tư-tưởng trong tâm đứng-đắn, chơn-chánh

- Chánh-định = tâm-ý dừng lại, chẳng nghĩ ngợi lang-bang, giữ trong sự lặng-lẽ đứng-đắn, chơn- chánh.

- An-lạc: An = yên; Lạc = vui; cảnh an-lạc là cảnh yên-vui, sướng.

- Niết-Bàn: tâm-trạng của người đã dứt bỏ hết mọi phiền-não, chẳng còn tái-sanh nữa. Theo tiếng Phạn Nirvana, có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối, tức là thoát khỏi mọi phiền-não, mê-lầm, ngu-tối.

- Nhập-định: Nhập = vào; Định = ở yên. Nhập-định là ngồi Thiền, tâm-trí vắng-lặng, yên-ổn, ý-tưởng dừng lại, chẳng xao-lãng.

- Bồ-đề: chữ Phạn là Bodhi, nghĩa là giác-ngộ, hiểu rõ lẽ sống chết của chúng-sanh. Nguyên là cây Pippala, thân cao trên 10 thước, cành to, lá hình trái-tim, hột to có thể kết thành chuỗi, Thái-tử Tất- đạt-ta ngồi Thiền 49 ngày đêm dưới gốc cây nầy, thành Phật, nên gọi là cây Bồ-đề.

- Sông Ni-liên-thiền: sông khá rộng ở Ấn-độ, tên tiếng Pali là Neranjarà.

- Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác: Vô-thượng = cao nhứt, chẳng có gì cao hơn; Chánh-đẳng = ở vào hàng cao-quí, chơn-chánh nhứt; Chánh-giác = giác-ngộ chơn-chánh nhứt. Quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác dịch nghĩa chữ Phạn Anouttara Samyas Sambôdhi, còn gọi là Vô-thượng Bồ- đề, hay nói gọn hơn nữa là thành Phật.

- Canh đầu, canh giữa, canh cuối: ở Ấn-độ, ban đêm chia ra ba canh; khác với Việt-nam, đêm có năm canh, mỗi canh hai giờ.

- Túc-mạng-minh: Túc = ngày xưa; Mạng = đời, kiếp sống; Minh = biết rõ. Túc-mạng-minh là khả- năng nhớ được các đời sống đã qua; tiếng Pali là Pubbenivàsànussati nàna.

- Thiên-nhãn-minh: Thiên = Trời; Nhãn = con mắt; Minh = biết rõ. Thiên-nhãn-minh là khả-năng nhìn thấy được các sự-vật bị ngăn-che; tiếng Pali là Dibbacakkhu nàna.

- Lậu-tận-minh: Lậu = lậu-hoặc, các phiền-não từ bên trong rỉ chảy lộ ra thành hành-động xấu-ác; Tận = dứt hết; Minh = biết rõ. Chứng được Lậu-tận-minh thì dứt hết các phiền-não bên trong mà trở nên giải-thoát.

- Thuyết Thập-nhị Nhơn-Duyên: Thuyết = lý-thuyết; Thập-nhị = mười hai; Nhơn-duyên = nguyên-cớ. Thuyết nầy được dịch là thuyết Mười hai Nhơn-duyên, tiếng Pali là Paticcasamuppàda.

Thuyết nầy có hai chiều;

(a) chiều lưu-chuyển là (1)Vô-minh(= sự ngu-tối) duyên Hành (=hành-nghiệp, hành-động); (2)Hành duyên Thức (= sự hiểu-biết); (3) Thức duyên Danh-sắc (=tên hay tâm và vật); (4) Danh-sắc duyên Lục-nhập (= sáu giác-quan); (5) Lục-nhập duyên Xúc (= sự va-chạm); (6) Xúc duyên Thọ (= cảm- giác); (7) Thọ duyên Ái (= yêu thích); (8) Ái duyên Thủ (= chấp chặt giữ lấy); (9) Thủ duyên Hữu (= đời sống); (10) Hữu duyên Sanh (=sự sanh-đẻ ra, tái-sanh); (11) Sanh duyên Tử (= chết); (12) Tử duyên Vô-minh. Theo chiều lưu-chuyển nầy, thì cứ mãi mãi sanh-tử, tử-sanh trong vòng Luân-hồi (Chữ duyên dùng ở đây có nghĩa là: do đó mà sanh ra)

(b) chiều hoàn-diệt là: (1) Hết-vô-minh thì dứt Hành; (2) Hành dứt thì Thức dứt; (3) Thức dứt thì Danh-sắc dứt; (4)Danh-sắc dứt thì Lục-nhập dứt; (5) Lục-nhập dứt thì Xúc

dứt; (6)Xúc dứt thì Thọ dứt; (7) Thọ dứt thì Ái dứt; (8) Ái dứt thì Thủ dứt; (9)Thủ dứt thì Hữu dứt; (10) Hữu dứt thì Sanh dứt; (11)Sanh dứt thì Tử dứt. Theo chiều hoàn-diệt nầy thì ra khỏi được vòng sanh-tử, tử-sanh của Luân- hồi, đắc quả-vi Duyên-giác.

- Lưu-chuyển: Lưu =chảy; Chuyển = chuyển-động. Chiều Lưu-chuyển của Thuyết 12 Nhơn-duyên cho thấy rõ tại sao chúng-sanh phải trôi lăn mãi trong cõi đau-khổ của Luân-hồi. Tiếng Pali gọi chiều lưu- chuyển là Anuloma. Về chữ duyên dùng trong chiều lưu-chuyển, như nói "Vô-minh duyên Hành", có nghĩa là gây nên, tạo ra cơ-hội cho việc sau xãy đến; tức là: "Vì đã có Vô-minh, nên Hành mới sanh ra, mới có theo."

- Hoàn-diệt: Hoàn = trở lại; Diệt = tiêu mất. Theo chiều hoàn-diệt thì phá vỡ được vòng lẩn-quẩn sanh-tử, tử-sanh của Luân-hồi. Hễ phá-vỡ được một nguyên-nhơn trong mười hai nhơn-duyên, là vòng tròn lẩn-quẩn bị đứt, nhờ đó mà giải-thoát được khỏi Luân-hồi. Tiếng Pali gọi chiều Hoàn-diệt là Patiloma.

- Tứ-Diệu-Đế: Tứ = bốn; Diệu = nhiệm-mầu; Đế = Chơn-lý.

- Khổ-đế = Chơn-lý về sự đau-khổ của thân-phận chúng-sanh trong cõi Luân-hồi. Phật-học Bắc-tông phân-biệt tám sự Khổ, được gọi là Bát-Khổ: (1) Sanh là Khổ; (2)Lão, già là Khổ;(3)Bịnh, đau-ốm là Khổ; (4)Tử, chết là Khổ; (5)Ái biệt-ly, thương nhau phải xa nhau là Khổ; (6)Oán tăng hội, ghét nhau mà phải gần nhau là Khổ; (7)Cầu bất đắc, mong-cầu mà chẳng được là Khổ; (8)ngũ-ấm xí thạnh, thân năm uẩn phát-triển quá mạnh và thiếu thăng-bằng, là Khổ. Tiếng Pali gọi Khổ-đế là Dukkha Ariya Sacca.

- Tập-đế = Chơn-lý về nguyên-nhơn của Khổ, tức là sự tham-ái; còn gọi là khát-ái, ái-dục. Tiếng Pali gọi Tập-đế là Samudaya Ariya Sacca

- Diệt-đế = Chơn-lý về sự tiêu-diệt mọi Khổ-đau, tức là chứng-đắc được cảnh an-lạc của Niết-Bàn. Tiếng Pali gọi Diệt-đế là Nirodha Ariya Sacca.

- Đạo-đế = Chơn-lý về con đường đưa đến sự giác-ngộ và giải-thoát, tức là Bát-Chánh-Đạo, hay Bát- Thánh-Đạo, hay con đường Trung-Đạo. Con đường nầy có tám ngành, được kể ra trong Tích chuyện. Tiếng Pali gọi Đạo-đế là Magga Ariya Sacca.

- Đại-giác: Đại = lớn; Giác = biết rõ. Đại-giác là hoàn-toàn giác-ngộ.

- Phật-đà: phiên-âm chữ Phạn Buddha, có nghĩa là Đại-giác.

- Mâu-ni: phiên âm chữ Phạn Mouni, có nghĩa là bực nhơn-từ, đức-hạnh và tịch-tĩnh. Trong Phật-hiệu Thích-ca Mâu-ni, chữ Thích-ca là dòng họ, chữ Mâu-ni là tiếng tôn-xưng Ngài là bực nhơn-từ, tịch- tĩnh.

- Ba lần chuyển: ba lần tâm chuyển-động; đó là: (1)biết đang thấy, (2)biết đang hiểu, (3)biết đã hiểu chẳng còn nghi-ngờ.

- Mười hai hành-tướng: Hành-tướng =hình-tướng chuyển-động của Tâm. Mười hai hành-tướng đó là ba lần chuyển cho mỗi Chơn-lý, nhơn lên cho bốn Chơn-lý, thành ra mười hai hành-tướng của Tâm.

- Chứng-đạo-ca: Chứng = chứng-đắc, biết chắc đã được; Đạo = đường-lối tu-hành; Ca = bài thơ, bài Kệ, bài hát. Các bực tu-hành khi được đắc-đạo, thường thốt ra lời cảm-xúc nói lên sự chứng-đạo của mình.

- Ngôi nhà nầy = nghĩa bóng, ngôi nhà ở đây là thân-tâm.

- Tái-sanh = sanh trở lại cõi đời sướng ít khổ nhiều nầy.

- Cây đòn-tay = xà ngang, khúc gỗ lớn nằm ngang trên sườn nhà.

- Rui, mè, kèo = những khúc gỗ để dựng lên nóc nhà.

- Ái-tham: Ái =yêu, thích; Tham = ham quá.

- Dục-vọng: Dục = ham-muốn; Vọng = vọng-cầu.

- Tiêu-vong = tiêu mất đi hết cả. (Vong = mất.)

- Kết-tập = dựa theo lời Phật giảng mà ghi nhớ lại và chép lại thành Kinh, sách, cho người sau đọc.

- Kinh Chuyển Pháp-Luân: Chuyển = quay, chuyển-động; Pháp = pháp-tu; Luân = bánh xe; Chuyển Pháp-Luân là quay bánh xe Pháp, tức là đem Chánh-pháp ra giảng-dạy. Kinh nầy là bài pháp đầu-tiên của Đức Phật Thích-ca, ngay sau khi Thành-Đạo.

- Kiều-trần-như: tên của vị tu-sĩ tu khổ-hạnh, vốn là bạn đồng-tu với Thái-tử Tất-đạt-ta. Sau khi nghe Kinh Chuyển Pháp-Luân, ông Kiều trần-như đắc quả A-la-hán. Tèn tiếng Pali là Annatàkondanna.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại sự-tích có thật của việc thành Đạo của Đức Phật Thích-ca, vì thế rất quan-trọng cho người Phật-tử, để có đầy-đủ lòng tin vào Đức Phật. Tích chuyện mang nhiều ý-nghĩa quan-trọng sau đây:

1) Sự-tích của Đức Phật Thích-ca là việc có thật: còn rất nhiều chứng-tích chứng thật lịch-sử của Đức Phật ở Ấn-độ, ở Nepal, như các trụ-đá của vua A-dục, tháp Đại-giác, Bồ-đề đạo-tràng, núi Linh-thứu, vườn Lâm-tỳ-ni, thành Ca-tỳ-la-vệ, v.v. Người Phật-tử biết vị giáo-chủ của mình, trước cũng là người như mình, chớ chẳng phải Thần-thánh chi, chính nhờ tu-tập mà Ngài mới thành Phật.

2) Sự tu-hành khổ-hạnh sáu năm của Thái-tử Tất-đạt-ta chẳng phải là vô-ích, mặc dù về sau con đường Trung-Đạo khuyên nên tránh đi. Tại sao? Vì sự khổ-hạnh luyện cho ta biết tuân theo một kỷ- luật chặt-chẽ để tu-hành; tu mà chẳng theo một kỷ-luật, vui thì tu, chán thì thôi, làm sao mà thành-công được. Ngày nay, ta có tránh là tránh ép-xác, vì có hại cho sức khoẻ; nhưng phải biết khép mình vào kỷ- luật tu-tập hằng ngày.

3) Thời-gian dài nhập-định bốn mươi chín ngày đêm có vẻ khó tin được, vì còn các nhu-cầu về thể-xác như ăn-uống, tiểu-tiện. Nhưng khoa-học đã chứng-minh, khi thân-tâm hoàn-toàn trong tư-thế tĩnh- lặng, các bộ máy tiêu-hoá, bài-tiết bên trong đều

chạy chậm lại. Ý-nghĩa quan-trọng cho người Phật-tử là khi ngồi Thiền, phải bền gan chịu đựng sự tê chơn, mỏi lưng, v.v. mới có thể điều-phục được tâm-ý trong một thời-gian lâu mà nhập-định.

4) Một điểm quan-trọng nhứt về Bốn Chơn-Lý Nhiệm-mầu: Khổ, Tập, Diệt, Đạo: khi quán-chiếu rõ- ràng và trước khi tuyên-bố đã đắc-đạo, tâm-trí của Đức Phật trải qua ba lần chuyển và mười hai hành- tướng.

Điều đó có nghĩa là gì? Mười hai hành-tướng là mười hai lần chuyển-động của Tâm. Chuyển-động như thế nào? Mỗi lần quán-chiếu một Chơn-lý, Tâm ghi-nhận: (1)quán-thấy được Chơn-lý, thấy được bổn-thể của nó; (2)soi-thấu được sự cần-thiết cần phải thực-hành về Chơn-lý đó, tức là đang hiểu rõ về Chơn-lý đó; (3)chiếu-nhận đã hoàn-tất việc thực-hiện Chơn-lý đó, tức là đã hiểu rõ và thi-hành xong về Chơn-lý đó, chẳng còn chút nghi-ngờ nào cả.

Riêng khi ghi-nhận lần thứ nhì, soi-thấu sự cần-thiết cần phải thực-hành về Chơn-lý đó, thì mỗi Chơn- lý mỗi khác:

- về Khổ-đế, cần phải liễu-tri, nghĩa là biết thật rõ-ràng;

- về Tập-đế, cần phải đoạn-tận, nghĩa là phải tiêu-diệt cho hết nguyên-nhơn gây ra đau-khổ là sự tham- ái.

- về Diệt-đế, cần phải chứng-ngộ, nghĩa là phải tu-hành thế nào để đắc cho được cảnh-giới Niết-Bàn an-lạc;

- về Đạo-đế, cần phải tu-tập, nghĩa là phải áp-dụng vào đời sống tu-hành, cả tám ngành của Bát- Chánh-Đạo.

Trong mỗi lần Tâm chuyển-động, khi quán-chiếu Tứ-Diệu-Đế, Thái-tử Tất-đạt-ta đều ghi-nhận rõ-ràng mỗi hành-tướng; như thế, tâm-trí Ngài hoàn-toàn theo dõi và kiểm-soát được chính tâm của Ngài; đó chính là tâm chiếu lấy tâm, trong sự thanh-tịnh hoàn-toàn. Đây là bài học vô-cùng quí-giá cho những người hành Thiền, nhập Định.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 153 và 154:

Hai bài Kệ nầy quan-trọng vào bực nhứt, người Phật-tử cần học thật kỹ. Các nhà văn trên thế-giới xem đấy như là một trong các bài thơ tuyệt-tác của nhơn-loại. Thiện-Nhựt rất lo-ngại chẳng biết khi chuyển-dịch sang tiếng Việt, có còn giữ được ý-vị của bài Kệ nguyên-tác hay chăng.

Cả hai bài Kệ, đúng ra chỉ là một bài, bài Chứng-Đạo-ca của Đức Phật Thích-ca, nói lên sự cảm-xúc vô-cùng vui-sướng khi đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát. Giác-ngộ được gì? Giác-ngộ được rằng thể-xác nầy gây đau-khổ qua bao kiếp sống Luân-hồi, và do chính nguyên-nhơn Ái-tham đã khiến ta phải mang lấy thể-xác đó. Giải-thoát khỏi được những gì? Giải-thoát khỏi mọi phiền-não từ bên trong thân nầy gây ra, vì kể từ đây chẳng còn phải tái-sanh để mang thân ấy nữa. Tóm lại, sự vui-mừng đó, là do chứng được cõi vô-sanh của Niết-bàn an-lạc.

Thử phân-tách từng câu:

- "Lang-thang qua bao kiếp Luân-hồi": Tại sao phải lang-thang? Vì ở mỗi đời sống bị khổ-đau chồng- chất, chẳng biết hướng để thoát khổ.

- "Ta cố tìm nhưng rồi chưa gặp": Tại sao tìm chẳng gặp? Vì tâm-trí còn bị vô-minh (= sự ngu-tối) che-lấp nên tìm chẳng thấy được.

- "Kẻ xây dựng lên ngôi nhà nầy": Ngôi nhà nào? Đó là tấm-thân mà ta mang lấy để che-chở cho ta. Kẻ xây-dựng nhà nầy là ai? Đó là sự Ái-tham, lý-do khiến ta phải mang lấy tấm-thân nầy hết đời nầy sang đời khác. Nói khác đi, kẻ xây-dựng nên ngôi nhà nầy, chính là sự Ái-tham từ bên trong thân-tâm nầy, đã khiến ta tái-sanh mãi để mang lấy thân-xác.

- "Cứ mãi tái-sanh, khổ-sở thay!": Tại sao mãi tái-sanh? Vì quá tham-luyến vào thân-xác, quá ham sống sợ chết, nên phải tái-sanh để có thân-xác mà sống. Tại sao lại khổ-sở thay? Vì cuộc sống trong cảnh Luân-hồi sướng ít, khổ nhiều, như đã xét qua về Bát-Khổ.

- "Ô kìa! Anh thợ làm nhà!": đây là lời vui-mừng vì đã tìm thấy ra điều mình đang tìm kiếm suốt nhiều đời kiếp qua mà chưa gặp được. Anh thợ làm nhà nào đó? Đó là kẻ khiến ta có được căn nhà nầy, tức là có tấm-thân nầy; kẻ ấy chính là sự Ái-tham, sự quyến-luyến, tríu-mến bám vào thân thể-xác để được sống, dầu là sống mãi trong sự đau-khổ.

- "Nay ta bắt gặp, khó mà xây thêm": Nhờ đâu mà bắt gặp được? Chính nhờ ở Trí-huệ sáng-suốt khám-phá ra "anh thợ ấy" chẳng ở đâu xa, mà chính ngay bên trong ta, chính là sự Ái-tham của ta. Đã ở bên trong ta, do ta tự-tạo nên, thì sự ái-tham cũng sẽ bị chính ta diệt bỏ đi, bởi thế cho nên "anh thợ làm nhà =Ái-tham" đó mới "khó mà xây thêm" Xây thêm làm sao được, vì ta chẳng còn ham-muốn căn nhà của anh nữa. Nói khác đi, kể từ nay, ta chẳng còn muốn tái-sanh nữa.

- "Cây đòn-tay bên thềm gẫy đổ": Cây đòn-tay nào? Trên sườn nhà, cây đòn-tay chống-đỡ cả ngôi nhà, nghĩa bóng ở đây, chính là sự vô-minh (=ngu-tối); vì vô-minh mà phải bị tái-sanh; nay hết-vô-minh thì cũng như cây đòn-tay bị gẫy-đổ, làm gì mà dựng được căn nhà? Nói khác đi, ta nay đã được Trí-huệ, thì vô-minh bị vẹt tan, hết vì ngu-muội mà tham-ái nữa, hết vì mê-lầm mà quá tríu-mến vào thân-xác nầy nữa.

- "Rui, mè, kèo, cột bỏ ngổn-ngang": các vật-liệu xây-cất bị bỏ ngổn-ngang chẳng được dùng nữa, thì làm sao mà cất nhà mới nổi? Nghĩa bóng của rui, mè, kèo, cột, ở đây là các lậu-hoặc, phiền-não như tham, sân, si, mạn, nghi, v.v.

- "Ta nay chứng-đắc Niết-Bàn": "Chứng-đắc Niết-bàn" theo nghĩa dễ hiểu là gì? Đó là kể từ nay, ta chẳng phải còn tái-sanh nữa, chứng được cõi vô-sanh, sống mãi mãi với pháp-thân (= tấm thân đạo- lý, vô-hình-tướng, chẳng sanh mà chẳng diệt, hằng-còn) trong cảnh an-lạc và tịch-diệt.

- "Ái-tham, dục-vọng hoàn-toàn tiêu-vong": Khi ái-tham và dục-vọng đã mất bặt luôn khỏi tâm thì hành-giả đã đắc được tâm thanh-tịnh và chứng-đắc quả-vị A-la-hán, hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát.

HỌC TẬP:

1.- Đọc thật kỹ Tích chuyện, ghi nhớ các điểm chánh, vì đó là Lịch-sử của Đức Phật. Muốn xứng đáng là Phật-tử, phải biết rõ lịch-sử của đấng Từ-phụ.

2.- Học thuộc lòng hai bài Kệ, vì đây là bài Chứng-Đạo-ca của Đức Phật Thích-ca; nghĩa-lý thâm-sâu giúp ta vững tin nơi Phật-đạo và tinh-tấn tu-hành theo Chánh-pháp.

3.- Tích chuyện và hai bài Kệ là bản tóm-tắt sơ-lược tất cả giáo-lý nhà Phật. Thiện-Nhựt rất tiếc mình chẳng đủ sức để TÌM HIỂU gọn-gàng và dễ đọc hơn như đã làm. Xin người đọc còn chỗ nào chưa rõ, nên đến thưa hỏi thêm các bực xuất-gia cùng các thiện-tri-thức.

(126).- Tích chuyện con ông Đại-Đà-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại rừng Mi-già, gần thành Ba-la-nại, trong một kỳ giảng-pháp, có đề- cập đến người con trai của ông Đại-Đà-na.

Thuở ấy, ở thành Ba-la-nại có một người giàu-có tên là Đại-Đà-na. Ông có người con trai lúc còn nhỏ chẳng chịu học-hành gì, đến khi trưởng-thành, cưới được một người vợ, con gái của một người cũng rất giàu-có. Người vợ cũng giống chồng, chẳng có sự giáo-dục khi còn trẻ. Khi cha mẹ hai bên qua đời, vợ chồng người ấy được thừa-hưởng gia-tài to-lớn của bên chồng và bên vợ. Cả hai người đều là người dốt-nát, chẳng biết giữ-gìn của-cải, chẳng hiểu cách làm-lụng để của-cải được sanh lợi thêm, cả ngày họ chỉ biết ăn ngon mặc đẹp, uống rượu, đánh bạc, vui đùa mà thôi. Chẳng bao lâu, tài-sản của họ lần lần tiêu-tán, họ trở nên thiếu-thốn. Bấy giờ họ bán cả đất cát, ruộng vườn để trả nợ, và sau cùng phải bán luôn ngôi nhà đang ở cùng các bàn ghế, rồi lang-thang nơi đầu đường xó chợ đi ăn xin, sống nhờ vào sự bố-thí của kẻ khác.

Một hôm, Đức Phật nhìn thấy con trai ông Đại-Đà-na, ăn mặc rách-rưới, thân-thể gầy-yếu, già-nua, đang đứng dựa lưng vào vách tường chùa, chờ các vị Sa-di đem các thức ăn còn thừa ra cho mà ăn. Đức Phật mỉm cười; lúc ấy Tôn-giả A-nan đứng bên cạnh mới thưa hỏi tại sao Phật lại cười.

Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, hãy nhìn con trai ông Đại-Đà-na đang đứng dựa tường kia. Con nhà giàu- có, anh ta lúc thiếu-thời chẳng học-hành chi cả, sống một cuộc đời thật là vô-dụng. Nếu vào buổi đầu của cuộc đời, anh ta biết bảo-tồn tài-sản của mình, anh sẽ trở thành một nhà cự-phú. Hay nếu biết xuất- gia, thọ-giới Tỳ-kheo, thì nay anh có thể đắc được quả-vị A-la-hán và vợ anh, nếu biết tu-hành cũng có thể chứng được quả-vị A-na-hàm. Nếu vợ chồng anh, vào tuổi trung-niên, biết làm-lụng để của-cải sanh lợi, thì nay cả hai cũng khá-giả. Hay nếu họ đi tu vào thời đã đứng tuổi,thì nay chồng cũng chứng được quả A-na-hàm, vợ được quả Tư-đà-hàm. Nếu hai người ấy vào lúc tuổi đã xế chiều, biết giữ-gìn tiền-của, thì nay hai vợ chồng già cũng có đủ ăn. Hay nếu về già, họ đi tu, thì nay chồng cũng đắc được quả Tư-đà-hàm, vợ cũng chứng quả Tu-đà-huờn. Tuy nhiên, vì cả trong ba giai-đoạn thời-gian của đời sống, họ đã chẳng biết làm điều lợi-ích nào, cho nên họ đã mất hết cả tài-sản, bỏ qua những cơ-hội quí để chứng-đắc được các Đạo và Quả."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Lúc thiếu-thời, chẳng sống đời Phạm-hạnh,
Chẳng đi làm để được lãnh tiền lương.
Đến tuổi già, trông giống con cò hương
Ủ-rũ bên hồ thường vắng cá tôm.
(Kệ số 155.)
Lúc thiếu-thời, chẳng sống đời Phạm-hạnh,
Chẳng đi làm để được lãnh tiền lương.
Đến tuổi già, nằm dài như cung gãy,
Nhìn dĩ-vãng, than-thở nhớ thương.
(Kệ số 156.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-Đà-na: tên vị nhà giàu nầy, tiếng Pali là Mahàdhana.

- Ba-la-nại: tên thành-phố lớn của Ấn-độ; tiếng Pali là Varanasì.

- Thừa-hưởng = nhận lãnh để hưởng-dụng.

- Sa-di = Xin nhắc lại: người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới Tỳ-kheo; tiếng Pali là Samanera.

- A-nan: tên vị thị-giả của đức Phật Thích-ca; tiếng Pali là Ànanda

- Thiếu-thời: Thiếu =còn trẻ, nhỏ tuổi; Thời = thời-gian. Thiếu-thời là vào khoảng còn trẻ, chưa đến hai mươi tuổi.

- Vô-dụng: Vô = chẳng; Dụng = dùng được. Vô-dụng là chẳng có ích-lợi gì, chẳng dùng được vào việc gì.

- Bảo-tồn: Bảo = bảo-vệ, giữ-gìn; Tồn = còn. Bảo-tồn là giữ-gìn cho còn nguyên-vẹn.

- Cự-phú: Cự = to lớn; Phú = giàu-có. Cự-phú là giàu-có lớn.

- Trung-niên: Trung = giữa; Niên = tuổi. Tuổi trung-niên vào khoảng bốn, năm mươi tuổi; còn gọi là đứng tuổi.

- Tuổi đã xế chiều: đến tuổi già, như mặt trời về chiều sắp lặn.

- Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán: Bốn quả-vị, từ thấp đến cao, của hàng Thanh-văn(=các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh mà tu-tập).(1) Tu-đà-huờn còn gọi là Nhập-Lưu (= bước vào dòng nước Thánh) hay là Thất-Lai (= còn tái-sanh bảy lần nữa); tiếng Pali là Sotàpatti. (2) Tư-đà-hàm còn gọi Nhứt-Lai, chỉ còn tái-sanh một lần nữa thôi; tiếng Pali là Sakadàgàmì. (3)A-na-hàm còn gọi là Bất-Lai, chẳng sanh lại cõi người nữa, chỉ sanh lên Trời, tiếp-tục tu; tiếng Pali là Anàgàmì. (4)A-la- hán, chứng được vô-sanh, hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát; tiếng Pali là Arahant.

- Đạo và Quả: Đạo = con đường, đường-lối tu-hành dẫn đến sự chứng-đắc; tiếng Pali là Magga. Quả = quả-vị, ngôi-vị, kết-quả thành-công trong việc tu-hành được sự chứng-đắc; tiếng Pali là Phala.

- Phạm-hạnh: Phạm =Phạm-ma,Pali là Brahma, Bà-la-môn; Hạnh = hạnh-kiểm, đức-hạnh. Sống đời Phạm-hạnh là tu theo đường-lối của đạo Bà-la-môn, cắt-đứt sự dâm-dục, khi chết sẽ sanh lên cõi Trời Phạm-Thiên.

- Cò hương = một loài chim cò, chơn cao, mỏ dài, nhưng ốm-gầy.

- Dĩ-vãng: thời-gian đã qua; trái với tương-lai là việc sẽ đến.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại một người nhà giàu, lúc nhỏ chẳng chịu học-hành, lớn lên chẳng có nghề làm việc mưu-sanh, nên về già phải nghèo-khổ, đi ăn xin.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời Phật dạy: lúc nhỏ chẳng học-hành, chẳng có nghề, thì về già sẽ nghèo- khó. Trong suốt cuộc đời nếu bỏ qua các dịp quí-báu để tu-hành, thì chẳng chứng-đắc được đạo-quả nào cả.

(2)Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 155 và 156:

Hai bài Kệ rất giống nhau về ý-nghĩa: lúc còn nhỏ mà chẳng sống cuộc đời đức-hạnh, chẳng có nghề- nghiệp mưu-sanh, thì về già sẽ nghèo-khổ. Bài Kệ trước ví người già nghèo khó như con cò hương gầy-ốm chẳng tìm thấy cá, tôm ở bên hồ. Bài Kệ sau ví người già nghèo khó như cây cung gẫy nằm dài, bị bỏ xó, nhớ tiếc thời xưa.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc hai bài Kệ, ghi nhớ, dùng để nhắc-nhở con-cái phải chăm-chỉ học-hành khi còn trong tuổi thanh-niên.

2.- Nếu có quyết-tâm tu-hành, nên sắp-xếp công-việc và thời-giờ để tu-học. Các khó-khăn trong việc tu-học, phần lớn do chính bên trong mình mà ra: tánh hẹn lần, để khi rỗi-rảnh sẽ tu, đó là chẳng bao giờ tu được cả. Nên nhớ, còn đủ sức-khoẻ cường-tráng là có đủ cơ-duyên để học Đạo; đến khi tuổi già, bịnh-hoạn liên-miên, khó mà tu-tập được.

-ooOoo-

[03]

XII.- Phẩm Tự-ngã

127) Tích chuyện Vương-tử Bồ-đề - Kệ số 157 128) Tích chuyện Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà - Kệ số 158 129) Tích chuyện Trưởng-lão Phả-đà-ni - Kệ số 159

130) Tích chuyện bà mẹ của Cưu-ma-ca-diếp - Kệ số 160 131) Tích chuyện ông Ưu-bà-sa - Kệ số 161 132) Tích chuyện về một tiền-kiếp của Đề-bà-đạt-đa - Kệ số 162 133) Tích

chuyện về sự chia-rẽ Giáo-hội - Kệ số 163 134) Tích chuyện Tỳ-kheo Kha-la - Kệ số 164 135) Tích chuyện thiện-nam Chu-la - Kệ số 165 136) Tích chuyện Trưởng-lão Ất-tha-đạt - Kệ số 166

XIII.- Phẩm Thế-gian

137) Tích chuyện một tỳ-kheo trẻ - Kệ số 167 138) Tích chuyện vua Tịnh-phạn - Kệ số 168 và 169 139) Tích chuyện các tỳ-kheo quán-tưởng bọt nước - Kệ số 170 140) Tích chuyện Vương-tử Vô-uý - Kệ số 171 141) Tích chuyện Trưởng-lão Sầm-mạc-gia - Kệ số 172 142) Tích chuyện Trưởng-lão Vô-não - Kệ số 173 143) Tích chuyện cô gái quay tơ - Kệ số 174 144) Tích chuyện ba mươi tỳ-kheo đắc thần-thông - Kệ số 175 145) Tích chuyện bà Chỉnh-ca-mã - Kệ số 176 146) Tích chuyện công-đức Đại-bố-thí - Kệ số 177 147) Tích chuyện con trai ông Cấp-cô-độc - Kệ số 178

XIV.- Phẩm Phật-đà

148) Tích chuyện ba cô gái của Ma-vương - Kệ số 179 và 180 149) Tích chuyện Đức Phật từ cõi Trời Đao-lợi trở lại thế-gian - Kệ số 181 150) Tích chuyện Long-vương Y-ra-kha - Kệ số 182 151) Tích chuyện về lời thưa hỏi của Tôn-giả A-nan - Kệ số 183, 184 và 185 152) Tích chuyện vị tỳ-kheo bất-mãn - Kệ số 186 và 187 153) Tích chuyện vị Bà-la-môn Ất-ghi-đạt - Kệ số 188, 189, 190, 191 và 192 154) Tích chuyện về nơi đản-sanh của bực Thánh - Kệ số 193 155) Tích chuyện các tỳ-kheo bàn về hạnh-phước - Kệ số 194 156) Tích chuyện về tượng Phật Ca-diếp - Kệ số 195 và 196

XV.- Phẩm An-lạc

157) Tích chuyện giải-hoà giòng-họ Thích-ca - Kệ số 197, 198 và 199 158) Tích chuyện Ma-vương khuấy Phật - Kệ số 200 159) Tích chuyện vua xứ Câu-tát-la thất-trận - Kệ số 201 160) Tích chuyện đôi vợ chồng sắp cưới - Kệ số 202 161) Tích chuyện người chăn mất con bò - Kệ số 203 162) Tích chuyện vua Ba-tư-nặc bớt ăn - Kệ số 204 163) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa ngồi Thiền - Kệ số 205 164) Tích chuyện vua Trời Đế-Thích săn-sóc Phật - Kệ số 206, 207 và 208

XVI.- Phẩm Thân-ái

165) Tích chuyện ba người khất-sĩ - Kệ số 209, 210 và 211 166) Tích chuyện một gia-chủ giàu-có - Kệ số 212 167) Tích chuyện bà Vi-sa-kha khóc cháu - Kệ số 213 168) Tích chuyện các ông hoàng xứ Ly-xa - Kệ số 214 169) Tích chuyện chàng thanh-niên Anh-thi - Kệ số 215 170) Tích chuyện người nông-phu Bà-la-môn - Kệ số 216 171) Tích chuyện các thanh-niên kính-mộ Tôn-giả Ca-diếp - Kệ số 217

172) Tích chuyện vị Trưởng-lão đắc quả A-na-hàm - Kệ số 218 173) Tích chuyện gia-chủ Nan-đi-gia - Kệ số 219 và 220

XVII.- Phẩm Sân-hận

174) Tích chuyện công-chúa Lỗ-hi-nhi - Kệ số 221 175) Tích chuyện vị Thọ-thần - Kệ số 222 176) Tích chuyện cô tín-nữ Úc-ta-ra - Kệ số 223 177) Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên hỏi Phật - Kệ số 224 178) Tích chuyện một người Bà-la-môn tự-nhận là

cha Đức Phật - Kệ số 225 179) Tích chuyện nô-tỳ Phú-na - Kệ số 226 180) Tích chuyện chàng thanh-niên A-tu-la - Kệ số 227, 228, 229 và 230 181) Tích chuyện sáu vị tỳ-kheo mang guốc - Kệ số 231, 232, 233 và 234

XVIII.- Phẩm Ô-uế

182) Tích chuyện con của người đồ-tể - Kệ số 235, 236, 237 và 238 183) Tích chuyện người Bà-la-môn làm việc thiện - Kệ số 239 184) Tích chuyện ham áo cà-sa của Trưởng-lão Thi-sa - Kệ số 240 185) Tích chuyện tỳ-kheo Lã-lưu-đà-di - Kệ số 241 186) Tích chuyện người bị vợ ngoại-tình - Kệ số 242 và 243 187) Tích chuyện tỳ-kheo Chu-la-sĩ - Kệ số 244 và 245 188) Tích chuyện năm người cãi nhau về ngũ-giới - Kệ số 246, 247 và 248 189) Tích chuyện vị tỳ-kheo ganh-tị - Kệ số 249 và 250 190) Tích chuyện năm người ngồi nghe pháp - Kệ số 251 191) Tích chuyện vị hào-phú Mẫn-đà-kha - Kệ số 252 192) Tích chuyện tỳ-kheo Úc-gia - Kệ số 253 193) Tích chuyện ông Tu-bạt-đà-la, vị đệ-tử chót của Đức Phật- Kệ số 254 và 255

XIX.- Phẩm Pháp-trụ

194) Tích chuyện các vị thẩm-phán - Kệ số 256 và 257 195) Tích chuyện sáu vị tỳ-kheo ba-hoa. - Kệ số 258 196) Tích chuyện Trưởng-lão Nhứt-Kệ-tụng - Kệ số 259 197) Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia - Kệ số 260 và 261 198) Tích chuyện các tỳ-kheo ganh-tị - Kệ số 262 và 263 199) Tích chuyện tỳ-kheo Hạt-tha-ca - Kệ số 264 và 265 200) Tích chuyện người Bà-la-môn tự nhận là tỳ-kheo - Kệ số 66 và 267 201) Tích chuyện các người ngoại-đạo - Kệ số 268 và 269 202) Tích chuyện người đánh cá tên là Thánh-Hiền - Kệ số 270 203) Tích chuyện các tỳ-kheo tự-mãn - Kệ số 271 và 272

XX.- Phẩm Đạo

204) Tích chuyện các tỳ-kheo bàn về đường đi. - Kệ số 273, 274, 275 và 276 205) Tích chuyện các tỳ-kheo quán chiếu về Vô-thường, Khổ và Vô-ngã - Kệ số 277, 278 và 279 206) Tích chuyện tỳ-kheo Thi-sa lười nhác - Kệ số 280 207) Tích chuyện ngạ-quỉ đầu heo mình người - Kệ số 281 208) Tích chuyện Trưởng-lão Phổ-thi-la - Kệ số 282 209) Tích chuyện năm vị tỳ-kheo già - Kệ số 283 và 284 210) Tích chuyện con của người thợ bạc - Kệ số 285 211) Tích chuyện vị thương-gia Đại-Nghiệp - Kệ số 286 212) Tích chuyện bà Kỷ-sa-cơ - Kệ số 287 213) Tích chuyện bà Phả-tha-ca - Kệ số 288 và 289

-ooOoo-

XII.- Phẩm TỰ-NGÃ.

(127).- Tích chuyện Vương-tử Bồ-đề.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ trong rừng Thê-sa, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Vương-tử Bồ-đề.

Vào thuở ấy, Vương-tử Bồ-đề vừa xây cất xong một cung-điện thật nguy-nga, lộng-lẫy, đến cung- thỉnh Đức Phật và chư Tăng vào vương-cung để cúng-dường trai-tăng. Trong dịp nầy, Vương-tử cho trang-hoàng lầu-các thật trang-nghiêm, dùng bốn loại hương thơm xông-ướp tất cả các căn phòng. Vương-tử lại sai trải một tấm thảm gấm quí, thật

dài, từ ngoài thềm đi vào phòng khách, và Vương-tử phát lời nguyện rằng, nếu sanh được quí-tử thì Đức Phật khi vào cung, sẽ bước chơn lên tấm thảm gấm ấy.

Khi Đức Phật và chư Tăng đến nơi, vương-tử Bồ-đề ra tận bên ngoài nghinh-đón và cung-kính thỉnh Đức Phật bước vào trong. Đến bậc thềm, Đức Phật dừng lại. Vương-tử ân-cần mời Đức Phật bước tới, nhưng Ngài vẫn đứng yên, mắt nhìn Tôn-giả A-nan. Tôn-giả A-nan đoán biết ý của Đức Phật, mới đến nói với vương-tử xin cuốn tấm thảm gấm lại, thì Đức Phật mới đi vào trong. Vương-tử liền tuân theo. Sau bữa ngọ-trai, Vương-tử mới bạch cùng Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, tại sao lúc nảy Thế-tôn chẳng bước qua tấm thảm gấm?" Đức Phật hỏi: "Khi cho trải thảm ra, Đại-vương có lời nguyện nào chăng?" Vương-tử đáp, quả có lời nguyện: nếu Đức Phật dẫm chơn lên tấm thảm, thì vương-tử sẽ có được con trai. Đức Phật liền bảo: " Vợ chồng vương-tử chẳng bao giờ có con được, vì đó là quả-báo của kiếp trước." Rồi Đức Phật mới kể lại sự-tích xưa của tiền-kiếp của Vương-tử Bồ-đề như sau:

Trong một kiếp xa xưa, vương-tử và vương-phi là hai người hành-khách còn sống-sót trên một chuyến tàu đi biển bị chìm. Họ được trôi tấp vào một hoang-đảo, chẳng thấy bóng người. Để khỏi bị chết đói, họ đã bắt phá các ổ chim, lấy trứng ăn, mà trong lòng họ chẳng hề có một chút ý-nghĩ hối-tiếc vì đã sát-hại sanh mạng của lũ

chim non sắp chào đời. Về sau, khi trở lại với loài người, họ cũng chẳng hề hối-tiếc việc sát-sanh đó, trong thời-gian họ còn đang trung niên và cả đến lúc tuổi-già. Nếu họ đã có lúc ăn-năn khi đứng tuổi hay tuổi đã xế chiều, thì kiếp nầy, ít ra họ cũng có được một, hai đứa con.

Kể xong sự-tích, Đức Phật thốt lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà Vương-tử Bồ-đề chứng được quả Tu- đà-huờn:

Nếu biết tự-ngã mình là quí,
Mình phải nên khéo bảo-vệ mình.
Suốt ba canh cuộc đời, người hiền-trí
Luôn luôn tỉnh-giác và phòng-bị.
(Kệ số 157.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tự-Ngã: Tự = chính mình; Ngã = ta. Tự-Ngã tức là chính Ta. Nhưng Ta là gì? Có phải thân ta là Ta chăng? Không. Có phải tâm ta là Ta chăng? Cũng không. Tự-ngã là phần linh-quang, vô-hình, bàng- bạc trong thân-tâm ta, khi thân-tâm nầy tan-rã, tư-ngã vẫn còn; đó là tánh-giác hay Phật-tánh, hay pháp-thân, thường-hằng, mắt tuy chẳng thấy, nhưng tâm-trí biết được có tự-ngã.

- Vương-tử: Vương = vua; Tử = con. Vương-tử là con dòng vua.

- Vương-phi = vợ của vua, vợ của vương-tử.

- Vương-cung = cung-điện của Vua.

- Vương-tử Bồ-đề: tên thật của vị vương-tử nầy, tiếng Pali là Bodhiràjakumàra.

- Thê-sa = tên khu rừng nầy, tiếng Pali là Bhesakalà.

- Trai-tăng: Trai = bữa ăn chay; Tăng = tu-sĩ Phật-giáo. Trai-tăng là buổi lễ dâng-cúng thực-phẩm lên cho các tu-sĩ Phật-giáo.

- Bốn loại hương thơm: gồm có hương-bột, hương-đốt, hương-xoa và tâm-hương (= tấm lòng thành- kính)

- Quí-tử: Quí = quí-báu; Tử = con. Quí-tử là đứa con quí.

- Ngọ-trai: Xin nhắc lại, ngọ-trai là bữa ăn chay vào buổi trưa, đúng giờ Ngọ (=12 giờ trưa).

- Quả-báo: Quả =kết-quả, thành-quả, hậu-quả; Báo = đền trả lại. Theo thuyết Nhơn-Quả của nhà Phật, hễ nay làm lành, về sau sẽ được phước-báu; hễ nay làm dữ, về sau sẽ chịu ác-báo.

- Tiền-kiếp: Xin nhắc lại: tiền-kiếp là kiếp trước. Theo thuyết Luân-hồi của nhà Phật, chúng-sanh trải qua nhiều kiếp sống, các đời trước, đời hiện-tại và các đời tương-lai.

- Hoang-đảo: Hoang = hoang-vu, chẳng người ở; Đảo = cù-lao.

- Sát-sanh: Sát = giết chết; Sanh = sanh-mạng, mạng sống. Cấm sát-sanh là giới thứ nhứt của người Phật-tử tu tại-gia.

- Trung-niên = đứng tuổi, khoảng bốn, năm mươi tuổi.

- Tuổi đã xế chiều: tuổi già, như buổi chiều mặt trời sắp lặn.

-Tu-đà-huờn: Xin nhắc lại: quả-vị đầu, thấp nhứt trong hàng Thanh-văn, còn gọi là Nhập-lưu hay Thất-lai. Tiếng Pali là Sotàpatti.

- Ba canh cuộc đời: Chữ canh nghĩa đen là thời-gian hai giờ ban đêm. Ở đây, ba canh cuộc đời được hiểu là ba giai-đoạn đời người: lúc còn trẻ, khi lớn tuổi và về già.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = thức-tỉnh, chẳng mê-mờ; Giác = biết rõ. Người tỉnh-giác là người tâm giữ chánh- niệm, đang nói gì, đang làm gì, đang nghĩ gì, thì trong tâm đều biết rõ mình đang nói, làm, nghĩ gì.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

1) Tại sao Đức Phật chẳng bước qua tấm thảm gấm? Theo Tích chuyện, vì Ngài đã biết trước lời nguyện của vương-tử Bồ-đề. Nhưng ta có thể hiểu cách khác: Ngài khiêm-nhường, chẳng nhận danh- dự chủ nhà dành cho khách, trải tấm thảm (đỏ) để rước khách.

2) Bị tuyệt-tự vì ăn trứng chim, mắc tội sát-sanh chẳng biết ăn-năn, hối-tiếc: đây là Luật Nhơn-Quả, trước đã giết chết chim non, nên nay chẳng có con để nối dòng. (Tuyệt-tự =

chẳng có con-cái.)

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 157:

Mới đọc qua, chẳng thấy có sự liên-hệ nào giữa Tích chuyện và bài Kệ. Tích chuyện nói về luật Nhơn- quả, còn bài Kệ nói về Tự-ngã. Nhưng nghĩ kỹ lại, Tự-ngã là gì?, ta thấy được có sự liên-hệ giữa Tích chuyện và bài Kệ. Tự-ngã là Ta, cái Ta chẳng những trong đời nầy, mà còn là cái Ta trong các đời trước, và vẫn còn là cái Ta ấy về các đời sau của kiếp Luân-hồi. Cái Ta ấy tạo nghiệp ác trong đời trước, thì trong đời nầy, chính cái Ta đó phải chịu ác-báo, theo luật Nhơn-quả.

Bài Kệ hàm-chứa ý-nghĩa nầy: nếu mình biết bảo-vệ mình, bảo-vệ cái ta, cái Tự-ngã của mình, kẻ khác cũng biết bảo-vệ Tự-ngã của họ, thì mình đừng vì Tự-ngã của mình mà xâm-phạm đến Tự-ngã của kẻ khác. Trong Tích chuyện, hai vợ-chồng vương-tử, vì muốn nuôi sống Tự-ngã của họ khỏi chết đói mà giết-hại sanh-mạng lũ chim non còn trong trứng chưa ra đời, nên nay Tự-ngã của đôi vợ-chồng đó phải chịu hậu-quả xấu là chẳng có con-cái để nối dòng.

Bài Kệ khuyên: Nếu biết Tự-ngã mình là quí, mình phải khéo bảo-vệ Tự-ngã mình. Bảo-vệ thế nào? Bảo-vệ Tự-ngã mình để khỏi chịu quả-báo xấu-ác. Bảo-vệ cách nào? Bảo-vệ bằng cách luôn-luôn tỉnh-giác và phòng-bị, nghĩa là trong tâm phải luôn luôn trong-sạch và biết canh-chừng mọi ý-nghĩ xấu-ác định làm hại kẻ khác, để tránh ác-báo. Và việc phòng-bị như thế, chẳng những phải giữ suốt "ba canh của cuộc đời", mà phải giữ suốt trong ba đời: quá-khứ, hiện-tại và vị-lai.

Có cách nào mà giữ-gìn Tự-ngã cho vẹn-toàn trong suốt ba đời như thế không? Có, bằng cách theo Chánh-pháp tu-tập để thoát khỏi vòng sanh-tử của Luân-hồi, chứng được vô-sanh, chẳng còn tái-sanh để chịu quả-báo. Chứng được vô-sanh có nghĩa là chứng được cảnh-giới Niết-bàn, Tự-ngã trở thành Chơn-ngã là cái Ta chơn-thật, thường-còn, là cái điểm linh-quang sẵn-có nơi mọi chúng-sanh, hiện còn bị sự ngu-tối che-mờ. Bằng sự tỉnh-giác thường-hằng, ta thắp sáng lên điểm linh-quang đó, tức là làm hiển-lộ được tánh-giác, được Phật-tánh ở nơi Ta, nơi Tự-ngã của Ta: đó là ý-nghĩa thâm-sâu của bài Kệ.

HỌC TẬP:

1.- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ: phải luôn tỉnh-giác, giữ chánh-niệm.

2.- Đừng ăn và đừng dọn cho kẻ khác ăn hột vịt lộn, hột gà lộn. Cũng đừng ăn cá ròng-ròng (= cá lóc con, nhỏ chỉ bằng chừng ngón tay út), hay mắm-tép. Ăn như thế, ác lắm!

3.- Nhắc-nhở con em về Luật Bảo-vệ Súc-vật: chẳng được săn-bắn các loài thú sắp bị diệt-chủng, chẳng bắt cá-con chưa đủ lớn.

(128).- Tích chuyện Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà, thuộc bộ-tộc Thích-ca.

Thuở ấy, có vị Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà là một tỳ-kheo có tài biện-thuyết, giảng pháp rất hay. Trưởng-lão thường giảng dạy người nghe chớ nên tham-lam, phải biết đủ, và tạo công-đức lành bằng lối sống đạm-bạc và theo hạnh khắc-khổ của đầu-đà. Tuy nhiên, về phần Trưởng-lão, ông chẳng hề thực-hành những lời ông đã dạy kẻ khác phải làm. Trưởng-lão thường giữ riêng cho mình tất cả những bộ y và các vật-dụng khác mà các tín-hữu đã dưng-cúng cho Trưởng-lão.

Năm ấy vào mùa an-cư kiết-hạ, Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà đi đến một ngôi chùa trong một làng kia. Trưởng-lão hỏi vị tỳ-kheo trẻ tuổi, ở đây vào mùa an-cư, mỗi vị Tăng được cúng-dường mấy bộ y. Nghe đáp là chỉ một bộ cho mỗi người, Trưởng-lão liền bỏ đi và để lại một đôi dép tại chùa ấy. Đi đến ngôi chùa thứ nhì, nghe nói mỗi tỳ-kheo được cúng hai bộ y, Trưởng-lão cũng bỏ đi và để cây gậy lại tại chùa ấy. Đi đến ngôi chùa thứ ba, nghe nói mỗi tỳ-kheo được tặng ba bộ y, Trưởng-lão cũng bỏ đi

và để lại một cái bát tại chùa ấy. Sau cùng, đến ngôi chùa thứ tư, nghe nói mỗi vị Tăng, sau mùa an-cư, được dưng bốn bộ y, Trưởng-lão mới dừng lại, và sống qua mùa an-cư tại đấy.

Sau khi xuất-hạ, Trưởng-lão trở lại ba ngôi chùa trước mà mỗi nơi Trưởng-lão có gởi vật-dụng riêng của mình, và đòi các bộ y phải để dành phần cho Trưởng-lão. Sau đó, Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà dùng xe chở các bộ y đem về tịnh-thất của mình.

Dọc đường, Trưởng-lão gặp hai vị Sa-di trẻ tuổi đang tranh-cãi chẳng biết phân chia nhau thế nào cho công-bằng hai bộ y và một cái mền gấm. Trưởng-lão được mời đứng ra phân-xử. Trưởng-lão chia mỗi người một bộ y, còn cái mền gấm thì thuộc về công người xử. Hai vị Sa-di nhận phần, nhưng trong lòng chẳng phục, mới đến thưa sự-việc với Đức Phật. Sau khi nghe trình về thái-độ của Trưởng-lão Ưu-ba-nan-đà, Đức Phật dạy: "Kẻ đi dạy người, trước hết phải tự dạy mình, thực hành ngay những điều mình đem dạy kẻ khác."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Trước, biết tự đặt mình vững-chắc
Vào những gì thích-đáng chánh-chơn;
Sau, mới đi giáo-hoá người khác.
Như thế, người trí khỏi bị trách.
(Kệ số 158.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Trưởng-lão: Xin nhắc lại: Trưởng = lớn; Lão = già. Trong Phật-học, chữ Trưởng-lão dùng để chỉ các bực tu-hành lâu năm, đức-hạnh cao. Riêng về Nam-tông, chữ Trưởng-lão dùng để dịch chữ Thera, bực cao tuổi đạo đã chứng quả-vị A-la-hán. Theri dịch là Nữ-trưởng-lão.

- Ưu-ba-nan-đà: tên thật vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Upananda

- Biện-thuyết: Biện =phân-biện; Thuyết =nói. Tài biện-thuyết, nói năng lưu-loát, Phật-học gọi là biện- tài vô-ngại (vô-ngại =chẳng sợ)

- Biết đủ: biết có vừa đủ, chẳng tham; tiếng Hán-Việt là tri-túc.

- Sống đạm-bạc = sồng giản-dị, đơn-sơ, chẳng đòi-hỏi nhiều.

- Hạnh khắc-khổ = lối sống kham khổ để tuân theo kỷ-luật tu.

- Đầu-đà = phiên-âm chữ Pali là Dhùtanga, người sống theo hạnh khắc-khổ. Hạnh đầu-đà gồm có 13 điều: (1) mặc áo do vải vụn lượm được may ráp lại; (2) chỉ có được ba bộ áo mà thôi; (3) chỉ ăn những gì đi khất-thực được; (4) phải đi khất-thực từ nhà; (5)ngồi một chỗ mà ăn, đứng lên thì chẳng ăn thêm nữa; (6) chỉ ăn nội trong bát của mình mà thôi; (7) chỉ ăn mỗi ngày một lần vào giữa trưa; (8) phải ở nơi vắng-vẻ; (9)phải sống dưới gốc cây; (10) ở chỗ trống, chẳng che lợp; (11) chọn nơi mồ-mả mà ở; (12) sống ở nơi nào Giáo-hội đã chỉ-định; (13) từ sáng đến tối, chỉ đi, đứng, ngồi, chẳng được nằm.

- Tín-hữu: Tín =tin-tưởng; Hữu =bạn. Gần nghĩa với chữ đạo-hữu.

- An-cư kiết hạ: Xin nhắc lại: an-cư là ở yên; kiết-hạ = sống qua mùa hè. Đức Phật đặt ra lệ an-cư kiết- hạ, vào mùa hè, mưa nhiều, côn-trùng sanh-sản, các tỳ-kheo quay về tịnh-xá, chẳng đi ra ngoài, sợ đạp chết côn-trùng. Trong thời-gian an-cư, tỳ-kheo tu-tập và học-hỏi kinh-nghiệm của nhau. Dự một khoá an-cư là thêm một tuổi đạo.

- Bộ-tộc: Bộ = bộ-lạc, xóm nhà sống chung dưới quyền người tộc-trưởng; Tộc = dòng họ. Tỳ-kheo Ưu-ba-nan-đà "vốn thuộc bộ-tộc Thích-ca" có nghĩa là vị ấy cùng một họ Thích-ca với Đức Phật.

- Tịnh-thất: Tịnh = yên-vắng; Thất = nhà. Tịnh-thất là ngôi nhà nhỏ, còn gọi là am, cốc, dành cho một tu-sĩ Phật-giáo.

- Sa-di: phiên-âm chữ Pali là Sàmanera, nghĩa là người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới Tỳ-kheo.

- Thích-đáng chánh-chơn = hợp với sự chơn-chánh, đứng-đắn.

- Giáo-hoá = dạy-dỗ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một tỳ-kheo khéo dạy người đừng tham, mà chính mình lại quá tham: trong một mùa an-cư mà thâu-nhận cho riêng mình mười chiếc áo cà-sa và một cái mền gấm.

Ý-nghĩa Tích chuyện là lời Phật dạy: "Trước khi dạy người khác điều gì, mình phải thực-hành nhuần- nhã lời dạy ấy trước đã."

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 158:

Thử phân-tách từng câu bài Kệ:

1) Trước, biết tự đặt mình vững-chắc: Trước hết, phải tu-tập cho mình thật nhuần-nhã;

2) Vào những gì thích-đáng chánh-chơn: tức là những điều hay, đứng-đắn mà mình đem ra dạy cho kẻ khác phải làm;

3) Sau, mới đi giáo-hoá người khác: mình có làm rồi, sau mới dạy lại cho kẻ khác;

4.- Như thế, người trí khỏi bị trách: trách gì? Trách mình chỉ "năng thuyết bất năng hành" (chỉ biết nói, chớ chẳng chịu làm).

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ mình phải làm gương cho con.

2.- Tham là món độc nhứt, khi bắt đầu khởi tu, phải bỏ tánh tham- lam ngay. Tu mà muốn mau chứng quả, đó là còn tham đấy.

(129).- Tích chuyện Trưởng-lão Phả-đà-ni.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Phả-đà-ni.

Thuở ấy, vào đầu mùa an-cư kiết-hạ, Trưởng-lão Phả-đà-ni cùng với một nhóm tỳ-kheo đệ-tử, đến thỉnh Phật chỉ-dạy cho mỗi người một đề-tài thiền-quán, rồi cùng đi vào rừng sâu tu-tập. Đến nơi, Trưởng-lão dặn các đệ-tử phải luôn tỉnh-giác và tinh-tấn thực-tập thiền-định. Sau khi dặn xong, Trưởng-lão về phòng riêng, ngã mình xuống chiếu, nằm ngủ. Các tỳ-kheo đệ-tử, vâng lời thầy dặn, chăm-chỉ ngồi thiền trọn canh đầu trong đêm. Đến khi họ sắp đi nghỉ, Trưởng-lão Phả-đà-ni trở dậy,

bảo họ phải tiếp-tục hành thiền luôn cả canh giữa. Đến canh cuối, Trưởng-lão lại đến bên họ, bảo phải tiếp-tục nữa, như hai canh qua.

Vì ngày qua ngày, Trưởng-lão cứ hành-động như thế, các tỳ-kheo thường bị quở-trách, chẳng được an- tâm để tập-trung tư-tưởng trong khi ngồi thiền. Cả khi đọc-tụng Kinh kệ, họ cũng mất chú-tâm. Một hôm, họ chia phiên nhau, rình xem Trưởng-lão đã làm những gì trong ngày, có đúng như lời Trưởng- lão đã dặn các tỳ-kheo phải làm theo không. Họ khám-phá ra, Trưởng-lão đã ngủ kỹ trong khi họ đang ngồi thiền. Họ bảo nhau: "Hỏng rồi! Thầy chỉ biết rầy-la chúng ta, mà chính thầy đang lãng-phí thời- giờ để ngủ, chẳng thực-tập thiền."

Đến cuối mùa an-cư, cả đoàn quay về chùa Kỳ-viên. Các vị tỳ-kheo trình lên Đức Phật sự thất-bại của họ cùng nguyên-nhơn do đâu mà họ tu-tập chẳng được tấn-bộ. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, người muốn dạy kẻ khác, trước hết phải tự-dạy lấy mình, tự-điều-phục mình, kềm-chế tư-cách mình cho xứng-đáng."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chính mình phải làm ngay
Điều mình dạy người khác.
Tự kiểm-soát mình trước,

Sau mới dạy người được.
Tự điều-phục, khó thay!
(Kệ số 159.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phả-đà-ni: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Padhànikatissa.

- An-cư kiết-hạ: Xin nhắc lại: an-cư =ở yên; kiết-hạ = qua mùa hè. Mùa hè, chư Tăng chẳng đi khất- thực vì sợ đạp chết côn-trùng.

- Đề-tài thiền-quán: Xin nhắc lại: một đầu-đề để suy-tư thâm-sâu khi ngồi thiền nhập-định.

- Tỉnh-giác: xin xem lại bài trước.

- Tinh-tấn = cố-gắng, nỗ-lực cho có tấn-bộ.

- Tập-trung tư-tưởng = chú tâm = gom ý vào một điểm thôi.

- Canh đầu, canh giữa, canh cuối: Ấn-độ chia đêm ra làm ba canh, trong khi ở Việt-Nam, đêm có năm canh.

- Tấn-bộ = tiến-bộ, có khá hơn trước.

- Điều-phục = kềm-chế, làm chủ, bắt buộc phải theo ý mình.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nầy cũng giống với Tích chuyện bài trước: làm thầy, bảo đệ-tử phải tinh-tấn ngồi thiền suốt đêm, còn thầy thì đi ngủ.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: điều gì mình dạy kẻ khác làm, thì chính mình phải làm trước. Tại sao? Nếu không như thế, sẽ bị mỉa-mai rằng; "Hãy làm những gì thầy nói, đừng làm những gì thầy làm."

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 159:

Bài Kệ nhấn mạnh việc tự-điều-phục mình. Tự-điều-phục là gì? Đó là tự mình phải tuân theo kỷ-luật khi tu. Điều-phục những gì? Điều-phục: (1)giữ-gìn các giác-quan, tâm chẳng lang thang chạy theo cảnh-vật bên ngoài;(2) thanh-lọc tâm-ý cho trong-sạch, tâm luôn luôn giữ chánh-niệm, và (3) ba nghiệp thân, khẩu, ý phải thanh-tịnh, việc làm, lời nói và tư-tưởng phải chơn-chánh. Vì phải tự-điều- phục trong mọi thời, nhiều việc như thế, nên Đức Phật mới nói: "Khó thay!"

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ: trước dạy mình, sau sẽ dạy người.

2.- Đặt ra kỷ-luật trong nhà cho con-cái, cha-mẹ phải tuân theo trước: 9 giờ con phải tắt TV để học bài, thì cha-mẹ đừng ngồi coi thêm "phim Chưởng" đến nửa đêm.

(130).- Tích chuyện bà mẹ của Cưu-ma-ca-diếp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập tới Trưởng-lão Cưu-ma-ca-diếp và mẹ.

Thuở ấy, có một người đàn-bà trẻ tuổi, được chồng cho phép xuất-gia. Bà qui-y với Đề-bà-đạt-đa và tu-hành tại một nữ tu-viện. Bà đã có thai trước khi đi tu mà chẳng biết, đến khi việc phát-giác, các tỳ- kheo-ni ở tu-viện mới dẫn bà đến gặp Đề-bà-đạt-đa để phân-xử. Đề-bà-đạt-đa ra lịnh cho bà phải hoàn- tục. Nhưng bà nghĩ mình chẳng có lỗi chi, nên đến chùa Kỳ-viên, trình cùng Đức Phật. Đức Phật quán- thấy bà ấy quả thiệt có thai trước khi đi tu, nhưng Ngài chẳng phán-quyết, giao cho Trưởng-lão Ưu-bà- li, hợp với Vua Ba-tư-nặc, Trưởng-giả Cấp-cô-độc, tín-nữ Vi-sa-kha, cùng xét-xử trước công-chúng.

Bà Vi-sa-kha dẫn người thiếu-phụ vào phòng kín, khám thai, thấy quả thật người ấy đã có thai trước khi vào tu-viện. Trước công-chúng, Trưởng-lão Ưu-bà-li tuyên-bố, giới-hạnh của người đàn-bà ấy hoàn-toàn chẳng bị tì-vết chi, được tiếp-tục giữ qui-chế tỳ-kheo-ni. Mấy tháng sau, bà ấy sanh được bé trai, đặt tên là Cưu-ma-ca-diếp và được Vua Ba-tư-nặc nhận làm con nuôi. Khi lên bảy, Cưu-ma-ca- diếp được thâu-nhận vào làm Sa-di ở chùa Kỳ-viên. Chẳng bao lâu, Cưu-ma-ca-diếp được Đức Phật chỉ-dạy cho một đề-tài thiền-quán, mới đi vào rừng sâu, tinh-tấn tu-tập trong mười hai năm.

Trong thời-gian dài đăng-đẳng, bà mẹ của Cưu-ma-ca-diếp nhớ thương con biết mấy. Một hôm gặp lại con, bà chạy theo sau, gọi tên con, khóc-lóc nức-nở, kể-lể nỗi-niềm thương nhớ. Cưu-ma-ca-diếp nhìn mẹ và ngẫm-nghĩ, nếu nay ta dùng lời âu-yếm thưa cùng mẹ, thì bà chẳng thể nào dứt bỏ được sự tríu- mến vào con; như thế, con đường tu-tập của mẹ sẽ bị cản trở. Rồi Cưu-ma-ca-diếp mới làm mặt nghiêm, lạnh-lùng bảo mẹ: " Một tỳ-kheo-ni như bà, sao lại chẳng cắt-đứt được tình-cảm quyến-luyến vào con-cái?" Nói xong, Cưu-ma-ca-diếp thản-nhiên bước tới. Trước cử-chỉ tàn-nhẫn đó của con, bà mẹ rất ngạc-nhiên, hỏi lại, chẳng biết mình có nghe lầm chăng. Cưu-ma-ca-diếp lập-lại rõ-ràng từng tiếng. Tuy quá đau buồn trước thái-độ lạnh-nhạt của con, nhưng bà mẹ lại thức-tỉnh: "Phải! Con ta nói phải. Trong mười hai năm qua, biết bao nhiêu nước mắt ta đã khóc vì nhớ con. Nay gặp lại nó, nghe những lời phụ-bạc, ta còn quyến-luyến đến con-cái làm chi nữa." Tâm bà liền dứt khoát dẹp bỏ được sự tríu-mến, và ngay trong hôm ấy, bà chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

Sau đó, tại chùa Kỳ-viên, một vị tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế-tôn nếu bà mẹ của Cưu-ma-ca-diếp nghe lời của Đề-bà-đạt-đa mà hoàn-tục, thì nay cả mẹ lẫn con đâu chứng được quả-vị A-la-hán. Đề-bà- đạt-đa quả đã làm hại mẹ con bà ấy; còn Thế-tôn mới thật là nơi nương-tựa của họ." Đức Phật bảo: "Nầy chư Tỳ-kheo, trong nỗ-lực tu-tập để được sanh lên cõi Trời, hay chứng quả A-la-hán, các vị chẳng thể nương-tựa vào kẻ nào khác, mà phải nương-tựa vào chính mình, tự mình cố-gắng lấy."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tự mình nương-tựa chính mình,
Còn hơn tìm kiếm cứu-tinh nơi nào.
Khéo tự điều-phục sao cho vẹn,
Được nơi nương-tựa, hiện khó tìm.
(Kệ số 160.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Cưu-ma-ca-diếp: tên vị tu-sĩ nầy, tiếng Pali là Kumàrakassapa.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Xuất-gia là rời nhà đi tu.

- Đề-bà-đạt-đa: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Devadatta. Vốn là anh của Tôn-giả A-nan (em họ của Đức Phật), ba lần mưu-sát Phật.

- Có thai, mang thai = có con trong bụng còn chưa sanh.

- Phát-giác: Phát = lộ ra;Giác = biết. Phát-giác là bị lộ ra nên mọi người biết đến.

- Tỳ-kheo-ni = nữ-tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là Bhikkhuni.

- Hoàn-tục: Hoàn = trở lại; Tục =thế-tục; Hoàn-tục là trở về sống đời thường, chẳng đi tu nữa.

- Quán-thấy = nhìn thấy rõ trong tâm.

- Ưu-bà-li = vị đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca, giỏi nhứt về giới-luật; tên tiếng Pali là Upàli.

- Vua Ba-tư-nặc = Vua xứ Câu-tát-la (Kosala), tên tiếng Pali là Pasenadi

- Cấp-cô-độc = vị Trưởng-giả giàu-có, nổi tiếng cứu-giúp người nghèo-khổ, cô-đơn, nên được tặng danh-hiệu là ông Cấp-cô-độc, tên tiếng Pali là Anàthapindika. Ông Cấp-cô-độc xây chùa Kỳ-viên dâng-cúng Đức Phật và Tăng-đoàn.

- Vi-sa-kha: vị tín-nữ giàu tiền-của, rộng lòng bố-thí, đạo-tâm rất cao, xây cất chùa Đông-viên (Pubbàràma)ở phiá Đông chùa Kỳ-viên, để dưng-cúng cho Ni-đoàn.

- Giới-hạnh: Giới = giới-luật, điều cấm trong đạo Phật; Hạnh = hạnh-kiểm, tư-cách, lối sống; Giới- hạnh là sự tuân theo các điều răn-cấm trong đạo Phật. Tiếng Pali là Sila.

- Tì-vết = vết trầy, vết nhơ. Giới-hạnh chẳng có tì-vết có nghĩa là sự giữ giới hoàn-toàn trong-sạch, chẳng phạm một lỗi nhỏ.

- Qui-chế: Qui = cái khuôn; chế = điều lệ bó-buộc; Qui-chế có nghĩa là tất cả quyền-lợi và bổn-phận dành cho một hạng người. Ở đây, được giữ qui-chế tỳ-kheo-ni có nghĩa là được tiếp-tục tu và được đối-xữ xứng-đáng là một vị tỳ-kheo-ni.

- Sa-di: Xin nhắc lại, Sa-di là người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ-giới tỳ-kheo; tiếng Pali là Sàmanera.

- Đề-tài thiền-quán: Xin nhắc lại: đầu-đề để suy-tư sâu-xa khi ngồi Thiền nhập định. Thí-dụ như, đề- tài thân bất-tịnh (bên trong thân chứa những sự dơ-dáy) để quán-tưởng về pháp Tứ-niệm-xứ; hoặc tượng Đức Phật A-di-đà, để quán-tưởng, theo pháp-môn Tịnh-độ.

- Thức-tỉnh = tỉnh-ngộ lại, hết mê-mờ, nhận biết mình đã lầm-lẫn.

- Phụ-bạc = phụ ơn và bạc-tình; đối-xử xấu với người ơn.

- Quyến-luyến, Tríu-mến = hai chữ nầy cùng có chung nghĩa với chữ Khát-ái, Tham-ái, nghĩa là quá bám vào điều mình thương, thích.

- A-la-hán: Xin nhắc lại: đây là quả-vị cao nhứt trong hàng Thanh-văn, dứt bỏ mọi phiền-não, chẳng phải tái-sanh nữa (Arahant)

- Nương-tựa: dịch chữ quy-y, nơi an-ổn được bảo-vệ; (qui = quay về; y = nương-tựa).

- Cứu-tinh = người cứu-giúp cho qua khỏi tai-nạn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang ba ý-nghĩa:

1) Tại sao bà mẹ của Cưu-ma-ca-diếp bị đưa ra xét-xử? Vì bà mang bầu (có thai) nên các ni-cô tưởng bà đã phạm tội tà-dâm trong khi tu.Theo giới-luật, tu-sĩ Phật-giáo phải cắt-đứt mọi tình-dục, sống độc- thân. Phạm tội nầy, sẽ bị đuổi ra khỏi Giáo-hội. Vì mẹ của Cưu-ma-ca-diếp đã có thai trước khi đi tu, nên chẳng phạm tội dâm.

2) Tại sao Cưu-ma-ca-diếp lại đối-xử lạnh-nhạt với mẹ? Đó là vì muốn giúp mẹ dứt bỏ được sự quyến-luyến vào con. Dứt được sự tríu-mến là một hạnh trong hạnh xả-ly (xả = bỏ; ly = lìa ra), giữ tâm thanh-tịnh, dửng-dưng trước mọi việc dầu vui hay buồn, như thế mới giải-thoát được mọi phiền- não. Tríu-mến là tự mình xe dây để trói-buộc mình; muốn được giải-thoát, phải cắt-đứt sợi dây tình- cảm ấy.

3) Tại sao, ngoài mình ra, mình chẳng nên tìm nơi nương-tựa nào khác? Mình nương-tựa vào chính mình có nghĩa là chính mình phải cố-gắng lấy, chẳng được chờ ai đến giúp cho mình. Tại sao? Vì ai tu thì người ấy được, nào có ai tu được giùm cho kẻ khác đâu. Nói cách khác, muốn thân của mình sạch, mình phải đi tắm lấy thân mình, kẻ kia đi tắm, thì thân người ấy sạch, chớ thân mình vẫn còn dơ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 160:

Thử phân-tách bài Kệ:

1) Tự mình nương-tựa chính mình: tự mình cố-gắng tu-tập lấy mình, tin-tưởng các nỗ-lực của mình sẽ đưa đến kết-quả tốt cho mình.

2) Còn hơn tìm kiếm cứu-tinh nơi nào: còn đi tìm kiếm người khác tu giúp mình là còn chần-chờ, thiếu quyết-tâm. Có ai cứu cho mình ra khỏi cảnh sanh-tử Luân-hồi đâu mà mất công đi tìm.

3) Khéo tự-điều-phục sao cho vẹn: khéo tự-điều-phục ở đây có nghĩa là khéo tu-tập lấy. Về sự điều- phục, xin xem lại trang 413.

4) Được nơi nương-tựa, hiện khó tìm: nơi nương-tựa nào mà khó tìm? Đó là quả A-la-hán, dứt sạch phiền-não, hết bị tái-sanh nữa.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: cố-gắng theo Phật-pháp mà tự-tu lấy mình vì ai tu, thì người ấy được, chẳng ai tu giúp ai được cả.

(131).- Tích chuyện ông Ưu-bà-sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người thiện-nam tên là Ưu-bà-sa.

Thuở ấy có người thiện-nam, tên Ưu-bà-sa, đến chùa Kỳ-viên thọ Bát-quan-trai-giới, trong hai mươi bốn tiếng đồng-hồ giữ giới, nghe kinh. Sau buổi lễ vào sáng sớm, Ưu-bà-sa đi ra bờ ao gần chùa để rửa mặt. Cách chùa không xa, trong đêm qua, có một gia-đình giàu-có bị cướp-bóc. Bọn cướp bị rượt đuổi, chạy ngang qua gần ao, đánh rơi tang-vật cướp được bên bờ ao, gần chỗ Ưu-ba-sa đang rửa-ráy. Một lát sau, chủ nhà chạy đến, thấy của-cải của mình bên bờ, tưởng người dưới ao là kẻ cướp, mới hô gia-nhơn vây đánh Ưu-ba-sa. Ưu-bà-sa bị đánh-đập tàn-nhẫn, thương-tích nặng-nề chịu chẳng nổi, nằm lăn xuống cỏ, thở hơi cuối cùng.

Khi mặt trời lên cao, các vị tỳ-kheo và sa-di ra ao gánh nước, thấy thi-thể Ưu-bà-sa, nhận ra được người thiện-nam nầy vừa thọ Bát hôm qua, mới vào trình cùng Đức Phật. Các vị tỳ-kheo thưa: "Bạch Thế-tôn, vị cận-sự-nam Ưu-bà-sa là người hiền-lành, mộ đạo, vừa thọ Bát-quan xong, lại bị đánh chết. Ưu-bà-sa đâu đáng phải chết đau-khổ như thế!" Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, nếu quí vị phán-xét về đức-hạnh trong đời nầy của thiện-nam Ưu-bà-sa, thì quả thật, chẳng đáng phải chịu một cái chết đau-khổ như thế. Nhưng nếu quí vị xét đến tiền-kiếp của Ưu-bà-sa, quí vị sẽ thấy ông ấy đang chịu quả-báo của đời trước. Trong một tiền-kiếp, Ưu-bà-sa là một vị quan cận-thần, có dính-líu tình-ái với vợ của một người khác. Ỹ thế vua thương, vị cận-thần ấy vu-oan cho người chồng, bắt đem đánh-đập đến chết, để chiếm lấy người vợ. Vì tội-ác đó, nên trong đời nầy, Ưu-bà-sa phải chết thê-thảm như vậy. Hành-động xấu-ác chẳng những gây khốn-khó trong đời nầy, mà còn đưa ta tái-sanh vào các nẻo ác- đạo nữa."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tự mình làm điều ác,
Ác từ bụng mình sanh,
Ác do mình tạo thành,
Người ngu, ác nghiến nát.
Kim-cương, nào có khác,
Nghiến nát hòn bảo-thạch
Trước chứa nó long-lanh.

(Kệ số 161.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ưu-bà-sa: tên vị thiện nam nầy, tiếng Pali là Mahàkàla Upàsaka

- Thiện-nam = Cận-sự-nam = Phật-tử tu tại-gia, nam gọi là thiện-nam (Pali: Upàsaka), nữ gọi là tín- nữ (Upàsikà).

- Thọ Bát-quan-trai-giới: gọi tắt là thọ Bát, vào chùa tu trong 24 tiếng đồng-hồ, nguyện giữ tám điều răn-cấm gồm năm giới của người tu tại-gia, cộng thêm (1) chẳng trang-sức và nằm giường cao, (2) chẳng ăn phi-thời (= sái giờ) và (3) chẳng nghe hát-xướng. Phật bảo, kẻ nào thọ Bát thật thanh-tịnh, sẽ khỏi phải sa vào địa-ngục.

- Tang-vật: Tang = tang-chứng, bằng-cớ tội-phạm; Tang-vật là đồ vật bị trộm cắp, hay võ-khí dùng để hại người, bị bắt gặp.

- Gia-nhơn: Gia = nhà; nhơn = người; Gia-nhơn là người ở, đầy-tớ.

- Thương-tích =vết thương, chỗ bầm, trầy, hay đổ máu trên mình.

- Tỳ-kheo, Sa-di: xin xem lại nghĩa ở bài trước.

- Mộ đạo = rất tin-tưởng vào Đạo, siêng tu-hành.

- Tiền-kiếp = kiếp trước, đời trước.

- Cận-thần: Cận = gần, gần bên vua; thần = quan. Cận-thần là vị quan được ở gần bên vua, được vua thương.

- Dính-líu tình-ái = dan-díu, ngoại-tình, thông-gian.

- Vu oan = phao tội gian cho kẻ khác bị oan-ức.

- Nẻo ác-đạo = phải tái-sanh vào ba đường ác của Luân-hồi: (1) địa-ngục; (2) ngạ-quỉ (= quỉ đói); (3) súc-sanh (= thú-vật.)

- Kim-cương = hột xoàn.

- Bảo-thạch: Bảo = quí báu; Thạch = đá. Bảo-thạch là đá quí, có chứa hột xoàn bên trong.

- Thi-thể: Thi = thây-ma; thể = thân-thể; Thi-thể là thân-xác người chết còn chưa chôn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một người mộ-đạo, vừa thọ Bát xong vì "tai bay hoạ gởi" mà phải bị đánh chết thê-thảm. Đó là vì trong kiếp trước, kẻ ấy có phạm-tội ngoại-tình, đập chết người chồng để chiếm người vợ, nên kiếp nầy phải trả quả-báo.

Tích chuyện chứng-minh rõ-ràng luật Nhơn-Quả: tội-ác ở đời trước là nhơn, đưa đến cái chết thê-thảm ở đời nầy là quả. Nhơn nào quả nấy chẳng sai, đó là ý-nghĩa của Tích

chuyện.

Vì mình chẳng thấy biết được tiền-kiếp cho nên mình chẳng hiểu rõ được sự báo-ứng của luật Nhơn- Quả. Luật Nhơn-Quả vì thế, cần phải xét đến qua ba đời: đời trước, đời nầy và đời sau. Ứng-dụng vào cuộc sống, ta có thể nói: nhìn đến thân-phận hiện nay của một người, ta có thể đoán biết người ấy lành hay dữ trong kiếp trước; và nhìn vào hành-động đời nầy của một người, ta có thể tiên-đoán vận-mạng tốt hay xấu của người ấy trong kiếp sau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 161:

Ý-nghĩa của bài Kệ rất rõ-ràng: hễ ai làm ác thì sẽ bị ác nghiến-nát, nghĩa là sẽ phải chịu quả-báo khốn-khổ do nguyên-nhơn tội-ác đã làm, chẳng thể nào tránh khỏi.

Bài Kệ dùng một thí-dụ rất cụ-thể để chỉ rõ sự báo-ứng của luật Nhơn-Quả: vì mê-mờ mà tạo ác, ác đó sẽ nghiến-nát đời mình, cũng như hòn bảo-thạch kia, bên trong chứa sẵn hột kim-cương, rồi sẽ bị viên kim-cương cứng-rắn đó nghiến-nát.

Nếu đã lỡ làm ác, có cách nào để khiến ác-báo chậm đến hay không? Có, phải sám-hối tội-lỗi và tạo thêm điều lành, khiến cho quả-báo chẳng đủ cơ-duyên để xảy ra. Xảy chậm thôi, vì thế, tốt nhứt là thấy việc ác, phải tránh ngay.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ để tự răn mình trong hành-động thường ngày. Nhớ: ác do mình tạo, mình có thể tránh nó trước được.

(132).- Tích chuyện về một tiền-kiếp của Đề-bà-đạt-đa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Đề-bà-đạt-đa trong một tiền-kiếp.

Một hôm, trong giờ nghỉ-ngơi, các vị tỳ-kheo đang bàn chuyện với nhau, thì Đức Phật đi đến. Ngài hỏi, bàn chuyện chi, thì các tỳ-kheo thưa, bàn về hạnh-kiểm của Đề-bà-đạt-đa. Một vị tỳ-kheo thưa: "Bạch Thế-tôn, Đề-bà-đạt-đa là người chẳng có đức-hạnh chi, tham-lam, bỏn-xẻn, lại hám danh trục lợi. Ông ta đã xúi-dục vua A-xà-thế giết vua cha là vua Tần-bà-sa-la, một vị đạo-đức vẹn-toàn. Đề-bà- đạt-đa lại ba lần mưu-sát Thế-tôn; như thế, Đề-bà-đạt-đa quả thật là người xấu-ác, chẳng chữa-trị được." Đức Phật bảo: "Chẳng phải Đề-bà-đạt-đa muốn giết ta trong đời nầy mà thôi, cả trong các đời trước, Đề-bà-đạt-đa cũng muốn giết-hại ta nữa." Rồi Đức Phật kể lại câu chuyện về một tiền-kiếp của Ngài và Đề-bà-đạt-đa, như sau:

Vào thời đức Vua Phạm-đạt trị-vì ở thành Ba-la-nại, ta (Đức Phật) thác-sanh làm một con nai và Đề- bà-đạt-đa làm người thợ săn. Một hôm, người thợ săn thấy dấu chơn nai ở một gốc cây, mới leo lên cây ấy rình chờ, sắp sẵn mũi chĩa nhọn. Chú nai sắp đi đến gần bên cây, nhưng rất dè-dặt, cẩn-thận nhìn quanh. Người thợ săn thấy nai còn ngập-ngừng, chưa đến gần cây, mới hái mấy trái cây, liệng xuống để dụ nai đến gần. Nai bước chầm-chậm, nhìn lên thấy có người núp sẵn trên ngọn, mới bỏ đi nhanh chỗ khác, vừa đi vừa nghĩ: "Nầy cây cổ-thọ, mọi hôm cây để rơi quả theo chiều thẳng đứng,

hôm nay, trái rụng sao lại rơi xiêng-xiêng như thế nầy. Cây đã chẳng tuân theo luật rớt thẳng của thiên- nhiên, thì ta bỏ cây nầy, tìm đến cây khác vậy." Thấy nai bỏ đi, Đề-bà-đạt-đa tức-giận đánh rơi mũi chĩa xuống đất và nói: "Hôm nay, ta tính sai nên mầy mới chạy thoát." Con nai quay lại nhìn kẻ săn- bắn như muốn nói: "Nầy ông thợ săn, hôm nay ông tính đã sai, nhưng mà ác-nghiệp của ông chẳng có tính sai đâu, ác-nghiệp đó sẽ theo đuổi ông mãi mãi, chẳng sai đâu."

Kể xong, Đức Phật nói thêm: "Đề-bà-đạt-đa luôn luôn muốn giết ta từ nhiều kiếp trước, nhưng chẳng thành-công được. Nầy chư tỳ-kheo, cũng như dây bìm quấn quá chặt vào cây, khiến cho cây phải khô- héo, ác-nghiệp của kẻ dữ chẳng có đức-hạnh sẽ theo đuổi kẻ ấy mãi cho tận dưới địa-ngục."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Dây bìm leo bám cây ta-la,
Quấn quá chặt khiến cây khô héo.
Người phá-giới nặng nề chỉ khéo
Chuốc hoạ cho mình, như kẻ thù mong.
(Kệ số 162.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đề-bà-đạt-đa: tên vị nầy tiếng Pali là Devadatta. Vốn là anh của Tôn-giả A-nan, em họ của Đức Phật Thích-ca.

- Tiền-kiếp: Xin nhắc lại: kiếp trước, đời sống trước đời nầy.

- Hạnh-kiểm: nết-na, tánh-tình, hành-động thường làm.

- Bỏn-xẻn = rít-róng, hà-tiện, bần-tiện, keo-kiệt, kẹo.

- Hám danh trục lợi:Hám = ham;Trục = tìm kiếm.Hám danh trục lợi là ham tiếng khen và muốn có nhiều lợi cho mình, ham danh-lợi.

- A-xà-thế: tên vị vua giết cha nầy, tiếng Pali là Ajàtasattu.

- Tần-bà-sa-la: tên vua nước Ma-kiệt-đà (Magadha), rất mộ đạo Phật, tiếng Pali là Bimbisara.

- Mưu-sát: Mưu = mưu-kế; Sát = giết. Müu-sát là tìm cách giết lén, nhưng chẳng giết được.

-Phạm-đạt: tên vị vua nầy, tiếng Pali là Brahmadatta.

-Ba-la-nại: tên thành-phố lớn nầy ở Ấn-độ, tiếng Pali là Varanasi. Khi thành Đạo, Phật Thích-ca đến đây, thuyết-pháp lần đầu.

-Thác-sanh: sanh ra trong một kiếp tới, sau khi chết ở đời trước

- Thiên-nhiên = tự-nhiên. Theo luật sức hút của trái đất, mọi vật khi rơi xuống, nếu chẳng bị cản, thì rơi theo chiều thẳng đứng.

- Cổ-thọ: Cổ = xưa, lâu đời; Thọ = cây. Cổ-thọ là cây lâu năm.

- Ác-nghiệp = vận-mạng xấu, số-phần xấu-ác.

- Dây bìm: loại cây có thân-dây quấn quanh cây lớn mà sống.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = nhà tù. Theo giáo-lý nhà Phật, kẻ làm ác khi chết phải sa vào địa-ngục, là nơi phải chịu hình-phạt nặng-nề Địa-ngục là một cõi ác trong ba nẻo dữ của Luân-hồi, hai nẻo kia là ngạ-quỉ (= quỉ đói) và súc-sanh (= thú-vật).

- Ta-la = tên một loại cây, cao khoảng mười thước, lá mỏng màu xanh-vàng tươi. Đức Phật Thích-ca mất trong rừng cây ta-la.

- Phá-giới = chẳng tuân theo điều răn-cấm.

- Chuốc họa: có hành-động khiến cho tai-họa xảy đến cho mình.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại tiền-kiếp của Đức Phật và Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa làm người thợ săn, tìm cách bắn con nai là tiền-thân (= tấm thân ở kiếp-trước) của Đức Phật, nhưng chẳng được.

Nhơn Tích chuyện, Đức Phật dạy, kẻ tạo ác sẽ bị ác-nghiệp lôi xuống địa-ngục, như dây bìm quấn chặt thân cây, khiến cây khô chết.

Nghiệp là gì?Chữ Nghiệp dịch chữ Phạn Karma, có nghĩa là các hành-động đã qua, có ảnh-hưởng về sau. Ba nghiệp: nghiệp miệng, nghiệp thân, nghiệp ý. Muốn giữ ba nghiệp thanh-tịnh, trước phải giữ- gìn tâm-ý cho trong sạch, chẳng nghĩ điều ác, chỉ nghĩ điều thiện.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 162:

Hai câu đầu đưa ra thí-dụ về dây bìm sống nhờ vào cây ta-la, nhưng vì quấn quá chặt, khiến cây chết đi, dây bìm cũng chết theo. Thí-dụ cho thấy hễ làm ác, sẽ bị ác-nghiệp đi theo làm khổ-sở về sau.

Hai câu chót có thể viết lại cho xuôi câu theo văn thường là: hành-động của người phá-giới, chẳng tuân theo giới-luật, chỉ đem lại hậu-quả xấu-ác, đau-khổ cho người đó, mang lại tai-hoạ nặng-nề như kẻ thù của mình, ghét mình mong muốn mình bị hại như thế đó.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ Luật Nhơn-Quả.

2.-" Họa tùng khẩu xuất" = Họa do từ miệng mà ra. Vậy, ta phải giữ-gìn miệng-lưỡi. Giữ cách nào? Người xưa dạy, uốn lưỡi bảy lần trước khi nói. Ta chẳng cần uốn lưỡi chi đến

bảy lần, chỉ cần tuân theo giới thứ tư là đừng: nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô-ác và vô-nghĩa.

(133).- Tích chuyện về sự chia-rẽ Giáo-hội.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, nước Ma-kiệt-đà, trong một kỳ giảng-pháp, có đề cập đến việc Đề-bà-đạt-đa gây sự chia-rẽ trong Giáo-hội Tăng-già.

Một hôm, trong lúc Đức Phật đang thuyết-pháp tại tịnh-xá Trúc-lâm, Đề-bà-đạt-đa đến gặp Đức Phật và đề-nghị với Phật nên để cho ông ta điều-khiển Tăng-đoàn thay thế Đức Phật, viện lẽ là nay Đức Phật đã già-yếu rồi. Đức Phật bác-bỏ ngay lời yêu-cầu đó và bảo rằng Đề-bà-đạt-đa là "kẻ đã nuốt đờm-dãi". Kể từ đó, Đề-bà-đạt-đa rất căm-hận Đức Phật, nên đã ba lần tìm cách mưu-sát Đức Phật nhưng chẳng thành. Về sau, Đề-bà-đạt-đa nghĩ ra một chiến-thuật mới: đề nghị với Đức Phật năm điều giới-luật mới để cho tất cả tỳ-kheo phải tuân theo. Đó là: (1) tỳ-kheo phải sống trong rừng; (2) tỳ-kheo chỉ được ăn những thực-phẩm mà mình khất-thực được; (3) tỳ-kheo chỉ được mặc áo may bằng vải vụn lượm được ở đống rác; (4) tỳ-kheo phải ngủ dưới gốc cây; (5) tỳ-kheo chẳng được ăn cá và thịt. Đức Phật chẳng bác-bỏ các đề-nghị đó, cũng chẳng cấm-đoán các tỳ-kheo nào tuân theo, nhưng Ngài chẳng hề ban-bố các điều nêu trên để trở thành giới-luật chung cho mọi tỳ-kheo phải tuân-hành.

Đề-bà-đạt-đa cho rằng các điều ông đề-nghị hoàn-hảo hơn các giới-luật hiện-hành và có một số tỳ- kheo lại tin theo ông ta. Một hôm, Đức Phật hỏi Đề-bà-đạt-đa, có phải ông ta muốn chia-rẽ Tăng-đoàn ra thành hai nhóm hay không. Đề-bà-đạt-đa nhìn-nhận rằng, quả thật ông ta có ý ấy. Đức Phật liền cảnh-cáo rằng, đó là một trọng-tội, sẽ bị sa địa-ngục, nhưng ông ta xem nhẹ lời cảnh-cáo đó. Mấy hôm sau, trong khi đi khất-thực ở thành Vương-xá, gặp Tôn-giả A-nan, Đề-bà-đạt-đa thông-báo: "Nầy A- nan, kể từ nay, ta sẽ làm lễ Bố-tát và thi-hành giới-luật riêng, chẳng liên-hệ chi đến Tăng-đoàn của Đức Phật nữa." Về đến tịnh-xá, Tôn-giả A-nan trình lời nói đó lên Đức Phật.

Đến nửa tháng sau, Đề-bà-đạt-đa dẫn một số đông tỳ-kheo nhẹ dạ tin theo ông, rời Tăng-đoàn đi đến gần núi Tượng-đầu, làm lễ Bố-tát riêng tại đấy, như một Giáo-hội độc-lập. Hai Tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên liền đến giải-thích cho các tỳ-kheo đã nhẹ dạ đi theo Đề-bà-đạt-đa, hiểu rõ sự sai-lầm rất nghiêm-trọng của họ là phá sự hoà-hợp trong Tăng-đoàn, nên một số lớn các tỳ-kheo kia liền quay về tịnh-xá Trúc-lâm như cũ. Sự-việc được trình lên Đức Phật. Ngài nói: "Kẻ vô-hạnh, mê-mờ, ngu-tối thường dễ làm điều ác, có hại cho mình. Thật là khó mà thành người đức-hạnh, biết hành-động sao cho có lợi cho mình và cho kẻ khác."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Làm ác, có hại mình, thì dễ; Khó thay, hành-thiện để lợi mình! (Kệ số 163.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

-Tịnh-xá Trúc-lâm: ngôi chùa trong vườn Trúc, gần thành Vương-xá (Rajàgaha) nước Ma-kiệt- đà(Magadha) do vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) xây để dưng-cúng lên Đức Phật. Tên tịnh-xá, tiếng Pali là Veluvana.

- Giáo-hội Tăng-già: Giáo-hội = đoàn-thể tôn-giáo; Tăng-già = phiên-âm chữ Phạn Sangha, có nghĩa là nhóm tỳ-kheo từ bốn người trở lên, tu chung với nhau.

- Đề-bà-đạt-đa: Devadatta; xin xem lại chữ nầy ở trang 422.

- "Kẻ đã nuốt đờm-dãi": Đờm-dãi = chất nhờn dơ từ trong miệng khạc nhổ ra. Đây là lời nhục-mạ, chê kẻ ấy đã nuốt đồ dơ-bẩn của người khạc nhổ ra. Dịch tiếng Pali là Khelàsika.

- Căm-hận = tức giận lắm, ghim sâu vào lòng.

- Mưu-sát: Mưu = mưu-kế; Sát = giết chết. Mưu-sát là tìm cách giết lén mà chẳng giết được. Đề-bà- đạt-đa đã (1) thuê người giết Đức Phật, nhưng người ấy lại quy-y với Đức Phật; (2)thả voi say để húc Đức Phật, nhưng voi lại qùi xuống trước Đức Phật; (3) lăn đá từ trên núi Linh-thứu xuống, nhưng Đức Phật chỉ bị thương ở ngón chơn cái.

- Chiến-thuật: Chiến = tranh chiến; Thuật = cách.

- Giới-luật = điều răn-cấm để giữ kỷ-luật sống chung.

- Hoàn-hảo: Hoàn =hoàn-toàn;Hảo =tốt. Hoàn-hảo là trọn tốt hơn.

- Hiện-hành = hiện đang được áp-dụng.

- Cảnh-cáo = báo cho biết trước sự nguy-hiểm.

- Trọng-tội = tội nặng; ở đây, tội đó sẽ dẫn đến cõi địa-ngục.

- Lễ Bố-tát: lễ đọc giới-luật, mỗi tháng hai lần, để nhắc-nhở nhau về kỷ-luật tu-hành. Tiếng Pali là Uposatha. Chớ lầm chữ Bố-tát nầy với chữ Bồ-tát (= Bồ-đề-tát-đoả = Bodhisatta = bực đã giác-ngộ)

- Núi Tượng-đầu = dịch nghĩa tên núi Gayàsisa, có hình giống như đầu con voi, ở xứ Ma-kiệt-đà, Ấn- độ xưa.

- Xá-lợi-phất (Sariputta), Mục-kiền-liên (Moggallàna) = tên hai vị đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca; họ vốn là bạn thân nhau về trước.

- Nhẹ dạ = dễ tin, ít suy-xét, nghe ai nói dụ, thì theo liền.

- Hoà-hợp: Hoà = thuận-hoà; Hợp = hội-hiệp với nhau. Phá sự hoà-hợp trong Tăng-đoàn là gây sự chia rẽ trong Giáo-hội; phạm tội nầy sẽ bị trục-xuất (=đuổi) ra khỏi Tăng-đoàn.

- Vô-hạnh: Vô = chẳng; Hạnh = đức-hạnh. Kẻ vô-hạnh là người chẳng có đức-hạnh, xấu-xa và bê-bối.

- Hành-thiện: Hành = làm; Thiện = lành. Hành-thiện là làm lành.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại tội Đề-bà-đạt-đa phá sự hoà-hợp của Tăng-đoàn. Đề-bà-đạt-đa vì ganh-tị với Đức Phật, lại tham danh-lợi, muốn làm giáo-chủ, nên phạm trọng-tội gây sự chia-rẽ trong hàng-ngũ các tỳ- kheo; đó là tự mình làm hại mình, vì sẽ bị sa vào địa-ngục.

Ngày nay, lắm kẻ tu-hành đức-hạnh còn kém, muốn lập ra môn nầy phái nọ, cạnh-tranh nhau, nên lấy Tích chuyện để răn mình.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 163:

Bài Kệ ngắn gọn, khuyên ta nên làm lành lánh dữ. Làm lành, có lợi cho mình, cho người, điều nầy dễ hiểu nhưng khó làm. Tại sao làm ác thì dễ mà lại hại mình? Có hại cho mình, vì làm ác thì gây ra nghiệp xấu, rồi sẽ phải chịu ác-báo trong đời nầy hay vào các đời sau.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc hai câu Kệ, để ghi nhớ việc làm lành lánh dữ.

2.- Chớ vội tin theo lời quyến-rũ của kẻ tu hành hay khoa-trương.

(134).- Tích chuyện Tỳ-kheo Kha-la.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến tỳ-kheo Kha-la.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có một bà cụ-già rất mộ đạo, châu-cấp đầy-đủ cho một vị tỳ-kheo tên là Kha-la như con đẻ. Một hôm, nghe người láng-diềng tán-thán Đức Phật, cụ phát-tâm muốn đến yết-kiến Ngài. Cụ nói ý-định của mình cho vị tỳ-kheo nghe, nhưng vị nầy lại chẳng tán-thành. Hai lần nữa, cụ tiếp-tục trình-bày lòng mình mong-mỏi thiết-tha được nghe Đức Phật thuyết-pháp, nhưng tỳ-kheo Kha-la vẫn chẳng bằng lòng. Đến ngày thứ tư, khi tỳ-kheo Kha-la vừa đi vào làng để khất-thực, cụ dặn con cháu ở nhà chăm-sóc phục-dịch cho vị tỳ-kheo trong khi cụ vắng mặt, rồi lên đường đi ngay đến chùa Kỳ- viên. Tỳ-kheo Kha-la khi đi khất-thực, nghe nói cụ chủ nhà đang lên đường đi đến chùa Kỳ-viên, liền nghĩ rằng: "Có thể bà cụ chẳng còn tin-tưởng vào ta nữa!" Nghĩ xong, tỳ-kheo Kha-la vội đi quay về hướng chùa để chận cụ già lại. Đến nơi, thấy cụ đang chăm-chỉ nghe Đức Phật thuyết-pháp, tỳ-kheo Kha-la đến bên cạnh Đức Phật và bạch: "Bạch Thế-tôn, cụ già nầy lẩm-cẩm lắm, chẳng hiểu nổi Chánh-pháp cao-thượng đâu. Thế-tôn chỉ nên dạy cụ ta về bố-thí và trì-giới mà thôi." Đức Phật quán-thấy tâm-địa ích-kỷ của Tỳ-kheo Kha-la mới bảo rằng: "Này tỳ-kheo Kha-la, chớ có nghĩ xằng mà mạ- lỵ Chánh-pháp của ta. Chính ông mới là người chẳng hiểu được Chánh-pháp, và vì tà-kiến, vì ích-kỷ, vì ngu-muội, ông sẽ đi vào con đường diệt-vong."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Vì ác-kiến, người ngu-khờ khinh-miệt
Giáo-pháp bực La-hán đức-hạnh cao,

Sẽ hoại-vong như ngọn trúc lau
Hễ trỗ quả xong liền tiêu-diệt.
(Kệ số 164.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Kha-la: tên vị tỳ-kheo nầy tiếng Pali là Khàla.

- Châu-cấp = cung-cấp, giúp-đỡ thật đầy-đủ mọi nhu-cầu.

- Tán-thán = khen ngợi nồng-nhiệt.

- Tán-thành = đồng-ý, chấp nhận, chịu theo ý người khác.

- Phát-tâm = trong lòng nẩy sanh ý-định tốt.

- Khất-thực = đi xin ăn.

- Phục-dịch = hầu-hạ, chờ sẵn gần bên để được sai-khiến.

- Lẩm-cẩm = hay lẫn-lộn, lú-lẫn, chẳng sáng-suốt.

- Chánh-pháp cao-thượng = lời giảng-dạy quí-báu của Đức Phật.

- Bố-thí = hiến tặng (đem cho) giúp kẻ thiếu (tiếng Pali: dana)

- Trì-giới = tuân giữ điều răn-cấm trong Đạo (tiếng Pali: sila)

- Tâm-địa ích-kỷ = bụng-dạ xấu chỉ nghĩ lợi cho riêng mình.

- Nghĩ xằng = nghĩ bậy, nghĩ sái-quấy

- Mạ-lỵ = nói xấu, chê bậy.

- Tà-kiến = tư-tưởng sái-quấy, chẳng đúng theo Chánh-pháp.

- Diệt-vong = tiêu-mất đi.

- Ác-kiến = có ý ác, có tư-tưởng xấu.

- Khinh-miệt = chê-bai, chẳng kính-trọng.

- La-hán = bực A-la-hán đã dứt hết phiền-não, hết bị tái-sanh.

- Trúc lau = cây trúc, cây lau, thân-cây thẳng đứng, hễ trỗ bông kết trái, thì đã quá già, chẳng bao lâu sẽ chết tàn đi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện chê một vị tỳ-kheo vì ích-kỷ chẳng muốn cho người thí-chủ của mình đến chùa nghe Đức Phật thuyết-giảng, sợ thí-chủ thôi sẽ chẳng giúp mình nữa. Ngày nay, thường thấy có vài vị tu-hành, khi đệ-tử đi sang chùa khác nghe giảng, thì chẳng bằng lòng, mỉa-mai là đi tu dạo.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 164:

Ý-nghĩa bài Kệ giống với Tích chuyện, so-sánh sự hoại-vong của người ngu chê Chánh-pháp như ngọn cỏ lau, hễ trỗ bông thì sẽ tàn-tạ.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ: phải luôn tôn-trọng Chánh-pháp.

2.- Trì-giới, bố-thí rất quí, nhưng chưa đủ; phải nghe giảng Kinh.

(135).- Tích chuyện thiện-nam Chu-la.

(Tích chuyện nầy hơi giống với Tích chuyện số 131 về Ưu-bà-sa)

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị thiện-nam tên là Chu-la.

Thiện-nam Chu-la là người rất mộ đạo, tới ngày rằm vào chùa Kỳ-viên để thọ Bát, giữ giới và nghe giảng Kinh-kệ. Sáng sớm hôm sau, làm lễ xả-giới xong, Chu ra bờ ao gần chùa để rửa-ráy. Bấy giờ có bọn cướp bị rượt đuổi, chạy ngang qua, đánh rơi các tang-vật bên bờ ao. Một lát sau, chủ nhà bị cướp, cùng với gia-nhơn chạy đến, thấy đồ-vật của mình bỏ bên bờ ao, ngờ rằng thiện-nam Chu-la là kẻ cướp, mới vây đánh. May thay, có mấy người nô-lệ gái đang đi gánh nước, liền can-thiệp, bảo rằng thiện-nam Chu chẳng phải là kẻ bất-lương, vì mới thọ Bát ở chùa trong hai mươi bốn tiếng đồng-hồ. Nhờ đó, Chu-la khỏi bị đánh đập oan.

Khi Đức Phật nghe được chuyện đó, Ngài bảo Chu-la: "Ông thoát được nạn, chẳng những nhờ các người nô-lệ gái dám nói lên sự-thật, mà còn nhờ vào sự trong-trắng, chẳng làm quấy của ông. Kẻ nào làm điều xấu-ác sẽ sa vào địa-ngục khi bỏ thân nầy, còn người làm việc thiện sẽ chứng được cảnh-giới Niết-bàn."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà Chu-la chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Điều ác tự mình gây,
Nhiễm-ô tự mình vướng.
Chẳng làm ác, do ta;
Trong-sạch cũng do ta.
Thanh-tịnh hay ô-trọc,
Chẳng ai thanh-lọc ai.
(Kệ số 165.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thiện-nam: Thiện = lành; Nam = đàn-ông. Thiện-nam là người đàn-ông tin theo đạo Phật. Về phiá phụ-nữ thì gọi là tín-nữ.

- Chu-la: tên vị thiện-nam nầy, tiếng Pali là Cùlakàla Upàsaka.

- Mộ đạo = xin nhắc lại: rất tin tưởng đạo Phật, làm lành, đi chùa

- Ngày rằm: ngày thứ mười-lăm trong tháng âm-lịch, trăng tròn.

- Thọ Bát = nói đủ chữ là thọ Bát-quan-trai-giới, là vào chùa tu trong 24 tiếng đồng-hồ, tuân theo 8 điều răn-cấm: chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cướp, chẳng tà-dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, chẳng trang-sức và nằm giường cao, chẳng ăn sái giờ, chẳng nghe hát-xướng. Phật bảo, kẻ nào thọ Bát đàng- hoàng, khỏi sa địa-ngục.

- Kinh-Kệ: Kinh là lời Phật dạy ghi thành sách, Kệ là bài thơ ngắn ghi tóm-tắt điều Phật dạy.

- Xả-giới: lễ chấm-dứt việc thọ Bát. Tuy là xả-giới, nhưng người tu-hành vẫn tiếp-tục giữ 8 điều răn- cấm khi về nhà, sau khoá tu.

- Tang-vật: Xin nhắc lại: đồ-vật trộm cướp bị bắt gặp.

- Nô-lệ = đầy-tớ ở đời với chủ, mất tự-do cá-nhơn.

- Bất-lương: Bất = chẳng; Lương = ngay thẳng; kẻ bất-lương là người gian-xảo, xấu-ác.

- Địa-ngục = theo sự tin-tưởng của đạo Phật, kẻ làm ác đời nầy, khi chết chịu thêm hình-phạt ở cõi âm-u đen tối, gọi là địa-ngục

- Niết-bàn: cảnh sống an-vui của người đã hết phiền-não, chẳng còn phải tái-sanh nữa trong Luân-hồi.

- Nhiễm-ô: Nhiễm = dính, lấm-lem; Ô = đục, dơ; Nhiễm-ô là lây điều xấu, trở nên dơ-bẩn, xấu-xa) Ô- trọc = đục và dơ.

- Thanh-lọc = làm cho trong-sạch lại, khiến hết dơ-bẩn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện là khi giữ mình theo giới-luật thì chẳng bị đánh-đập dầu gặp việc oan-ức.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 165:

Bài Kệ dạy, điều ác tự mình làm, vậy muốn thân-tâm trong-sạch, phải chính mình thanh-lọc lấy, bằng cách tránh điều xấu-ác, đừng làm.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ, muốn thanh-lọc thân-tâm, phải tự mình làm lấy: theo điều thiện-lành, tránh xa điều xấu-ác.

(136).- Tích chuyện Trưởng-lão Ất-tha-đạt.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Ất-tha-đạt.

Thuở ấy, khi Đức Phật tuyên-bố còn bốn tháng nữa, Ngài sẽ nhập Niết-bàn, các vị tỳ-kheo còn chưa chứng-đắc quả-vị rất hoang-mang lo-sợ. Họ chẳng biết rồi đây, ai sẽ dìu-dắt họ tu-tập nữa, nên lúc nào cũng ở gần bên Phật. Tuy nhiên, tỳ-kheo Ất-tha-đạt lại chẳng làm như thế, mà trở về cốc, một mình ngồi Thiền, với mục-tiêu là chứng-đắc quả-vị A-la-hán ngay khi Đức Phật còn tại thế-gian. Các vị tỳ- kheo khác chẳng hiểu ý-định của Ất-tha-đạt, cho rằng Ất chẳng tha-thiết chi đến Phật, mới đến mời Ất-tha-đạt đến gặp Phật và bạch rằng: "Bạch Thế-tôn, vị tỳ-kheo nầy chẳng có vẻ gì thương-mến và kính-mộ Thế-tôn, nghe tin Thế-tôn sắp nhập Niết-bàn mà vị ấy cả ngày chỉ ngồi trong cốc vắng một mình." Tỳ-kheo Ất-tha-đạt trình lên Đức Phật rõ, mình ở trong cốc vắng là cố hành-thiền để chứng được quả A-la-hán trước ngày Đức Phật nhập-diệt. Đức Phật phán: "Nầy chư tỳ-kheo, những ai thật-sự kính-mộ Ta cần phải hành-động như Ất-tha-đạt, chớ chẳng phải là nên thường đến gặp Ta và đem dâng hương-hoa cho Ta. Cách mến Ta chơn-chánh nhứt là biết đem Chánh-pháp mà Ta đã giảng-dạy ra thực-hành cho thật chu-đáo."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó tỳ-kheo Ất-tha-đạt chứng được quả-vị A-la-hán:

Dầu lợi-tha to lớn bao nhiêu,
Đường tu tự-lợi, chớ quên nhiều.
Thấy rõ lợi mình là giải-thoát,
Chuyên tâm lấy đó làm mục-tiêu.
(Kệ số 166.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ất-tha-đạt: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Attadattha.

- Nhập Niết-bàn, Nhập-diệt: lìa thân-xác nầy vào cõi tịch-diệt.

- A-la-hán: quả-vị cao nhứt hàng Thanh-văn(=đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh mà tu-tập), dứt hết phiền-não, hết bị tái-sanh nữa. Tiếng Pali là Arahant.

-Cốc = căn nhà nhỏ ở nơi vắng-vẻ để tu-hành, còn gọi là am, thất.

- Hành Thiền = ngồi thiền.

- Lợi-tha = làm lợi cho kẻ khác, giúp đỡ kẻ khác.

- Tự-lợi = làm lợi cho mình; ở đây, tự-lợi có nghĩa là cố-gắng tu-tập để mình được chứng-quả, và được giải-thoát, có lợi cho mình.

- Mục-tiêu: Mục = con mắt; tiêu = cái mốc nhìn để bắn. Ở đây, chữ mục-tiêu gần nghĩa với chữ mục- đích, tức là điều mà mình nhắm tới, muốn đạt được, khi mình cố-gắng làm việc gì.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại, khi nghe Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, các tỳ-kheo đều quay-quần bên Đức Phật để tỏ lòng quyến-luyến; chỉ có Trưởng-lão Ất-tha-đạt lại rút về cốc ở một mình. Họ lầm tưởng Trưởng- lão Ất-tha-đạt thiếu lòng thương-tưởng đến Đức Phật. Khi biết lý-do là Trưởng-lão đang nỗ-lực hành- thiền để chứng quả A-la-hán, trước khi Đức Phật nhập-diệt, Đức Phật khen ngợi thái-độ đó, khuyên các tỳ-kheo nên bắt chước, và Ngài bảo: "Kính mộ ta, là biết đem Chánh-pháp của ta ra thực-hành cho chu-đáo."

Ý-nghĩa của Tích chuyện là khi thương-mến ai lúc sắp lìa đời, chẳng phải là thở-than, khóc-lóc vì người đó, mà chính là làm theo nguyện-vọng của người đó mới thật là kính-mộ người ấy mãi mãi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 166:

Ý-nghĩa của bài Kệ khuyên ta, trên đường tu, đừng quá vì lợi tha mà quên sự tự-lợi. Chớ tưởng-lầm đó là lời khuyên ích-kỷ, vì mình hơn vì kẻ khác. Ý sâu của bài Kệ là đừng quá hăng-say trong công-tác xã-hội, giúp người, mà xao-lãng tu-tập để chính mình được giải-thoát. Mình có giác-ngộ và giải-thoát rồi, đi giúp kẻ khác mới hữu-hiệu hơn.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: khi tu theo hạnh Bồ-tát, làm công-tác xã-hội giúp người, cũng đừng quên mục-tiêu tự-giải-thoát.

-ooOoo-

XIII.- Phẩm THẾ - GIAN.

(137).- Tích chuyện một Tỳ-kheo trẻ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo trẻ tuổi.

Thuở ấy, có một tỳ-kheo trẻ tuổi cùng đi với một vị Trưởng-lão đến nhà bà nữ-cư-sĩ Vi-sa-kha để khất- thực. Sau khi nhận phần cháo, vị Trưởng-lão bỏ ra đi, vị tỳ-kheo trẻ tuổi còn nán lại. Bấy giờ, người cháu nội gái của bà Vi-sa-kha đang lọc nước để múc cho khách. Khi trông thấy bóng mình trên mặt nước trong lu, cô lặng-lẽ mỉm cười. Ngẩng đầu lên, thấy vị tỳ-kheo đang nhìn mình lom-lom, miệng lại cười, cô gái mắc-cỡ rồi giận-dỗi, xẵng giọng nói: "A, cái ông đầu cạo trọc nầy, sao lại cười ta?"Nghe nói thế, vị tỳ-kheo trẻ tuổi bỗng nổi cơn giận, chẳng giữ gìn lời nói, mắng lại: "Cô mới bị cạo đầu, cha cô, mẹ cô cũng trọc đầu!"Hai bên cãi qua cãi lại, cô gái bật lên khóc và chạy vào mét với bà Vi-sa-kha. Vừa lúc ấy, vị Trưởng-lão cũng quay lại. Hai vị lớn tuổi dùng lời khuyên-răn đôi bên, nhưng chẳng bên nào chịu im tiếng.

Một lát sau, Đức Phật đi tới nơi và nghe tiếng cãi-vã om-sòm. Ngài quán-thấy cơ-duyên đã đến cho vị tỳ-kheo trẻ tuổi được chứng quả-vị Tu-đà-huờn, nên dừng chơn lại trước nhà. Sau khi nghe kể qua sự- việc đáng tiếc, Đức Phật biết vị tỳ-kheo còn đang nóng-giận, mới dùng lời-lẽ dịu-dàng nói: "Nầy tín- nữ Vi-sa-kha, vì lý-do gì mà cô cháu nội gái bà sao lại mắng vị tỳ-kheo nầy là kẻ trọc đầu? Ai đi tu, muốn được gia-nhập Tăng-đoàn cũng đều phải cạo đầu cả, có đúng vậy hay không?" Nghe lời Đức Phật nói,

vị tỳ-kheo dịu lại, quì xuống đảnh-lễ Đức Phật và bạch rằng: "Bạch Thế-tôn, chỉ có Ngài mới hiểu được con. Thầy con và bà tín-nữ, chẳng ai hiểu con cả." Bấy giờ Đức Phật biết chắc tâm-trạng của vị Tỳ-kheo đã lắng-dịu lại, sẵn-sàng nghe lời Ngài dạy, mới nói: "Nầy tỳ-kheo, mỉm cười nhìn gái dẹp, tâm khởi lên dục-vọng, là đang có tư-tưởng xấu-xa, cần nên tránh."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó vị tỳ-kheo chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Đừng theo đường ti-tiện
Chớ ôm-ấp tà-kiến,
Chẳng buông-lung và chớ kéo dài
Cuộc sống Luân-hồi cõi trần-ai.
(Kệ số 167.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vi-sa-kha: tên vị tín-nữ giàu lòng bố-hí, nổi tiếng thời Đức Phật. Bà dưng-cúng tu-viện Đông-viên cho Ni-đoàn. Tên tiếng Pali: Visakha

- Nhìn lom-lom = nhìn trân-trân, nhìn quá kỹ chẳng nháy mắt.

- Cơ-duyên: Cơ = cơ-hội; Duyên = duyên-cớ. Cơ-duyên là dịp may

- Tu-đà-huờn: quả-vị đầu-tiên, thấp nhứt; tiếng Pali là Sotàpatti. Người chứng quả Tu-đà-huờn dứt được (1) thân-kiến, chấp thân làm ngã; (2) nghi, chẳng tin vào Chánh-pháp; (3)giới-cấm-thủ, tin theo nghi-lễ của tà-giáo. Quả Tu-đà-huờn còn gọi là Nhập-Lưu, Thất-Lai.

- Đảnh-lễ: quì lạy, tỏ lòng kính-trọng.

- Tâm-trạng: Tâm = lòng; Trạng = tình-trạng. Tâm-trạng = cõi lòng

- Dục-vọng: Dục = ham-muốn; Vọng = mong-cầu. Chữ dục-vọng chỉ sự ham-muốn thú-vui vật-chất, được dùng theo nghĩa xấu.

- Ti-tiện: Ti =thấp; Tiện = hèn-hạ.

- Tà-kiến: Tà = xiêng-xéo;Kiến = ý-kiến; Tà-kiến là ý-kiến sái-quấy

- Buông-lung = chẳng biết tự kềm-chế mình, lười-nhác.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Cõi Luân-hồi là cảnh chết đi sống lại qua nhiều đời kiếp. Tiếng Pali là samsàra.

- Trần-ai: Trần = bụi-bặm; ai = bi-ai, đau-khổ. Cõi trần-ai là cõi đời đầy đau-khổ nầy ở thế-gian.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một tỳ-kheo chẳng biết giữ-gìn các giác-quan, nhìn gái đẹp mà mỉm cười, lòng khởi lên dục-vọng. Được Đức Phật chỉ dạy, phải biết điều-phục các căn, vị tỳ-kheo chứng được quả Tu-đà-huờn. Ý-nghĩa của Tích chuyện là phải giữ-gìn các giác-quan, chẳng buông-lung chạy theo cảnh-vật bên ngoài, phải biết thanh-lọc tâm-ý, khiến cho khỏi phải mãi trôi lăn trong cảnh sanh-tử, tử- sanh của vòng Luân-hồi lẩn-quẩn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 167:

Thử phân-tách từng câu của bài Kệ:

1) Đừng theo đường ti-tiện: đường ti-tiện là đường thấp-kém, hèn-hạ. Đường nào? Đó là để cho các giác-quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chạy theo cảnh cám-dỗ bên ngoài mà thoả-mãn các thú-vui vật- chất tạm-bợ và chẳng thanh-cao.

2) Chớ ôm-ấp tà-kiến: Tà-kiến là ý-tưởng sái-quấy, như (1)chấp thân nầy thường-còn, là Ta, lo bảo-vệ mà quên phần tinh-thần để đi đến giác-ngộ và giải-thoát; (2) như chấp vào đoạn-kiến, cho rằng chết đi là hết, chẳng có Luân-hồi, quả-báo chi cả, nay còn sống, cứ lo hưởng-thọ trước, kẻo chết thì chẳng còn gì; (3) như chấp vào các thủ-tục cúng-tế của tà-giáo, giết thú-vật cúng tế các tà-thần để cầu phước. - Hễ ôm-ấp tà-kiến thì tâm chẳng thanh-tịnh, bị tà-kiến làm vẩn-đục, chẳng phát-triển được Trí-huệ.

3) Chẳng buông-lung và chớ kéo dài cuộc sống Luân-hồi cõi trần-ai: Hai câu nầy khuyên ta nên cố- gắng tu-tập tinh-tấn, để sớm chấm-dứt cuộc sống sướng ít khổ nhiều trên thế-gian. Buông-lung hay Phóng-dật, có nghĩa là lười-nhác, sống buông-trôi, chẳng biết tự-kềm-chế; như thế sẽ cứ phải hết đời nầy sang đời khác chịu nghiệp-báo mà tái-sanh mãi trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi. Cuộc sống Luân-hồi cõi trần-ai là gì? Đó là phải sanh ra chịu khổ, sống đời sướng ít khổ nhiều, đau bịnh rồi chết, lại phải tái-sanh lại nữa, vì thế mới gọi là cõi trần-ai, cõi đầy bụi-bặm, đầy đau-khổ.

Ý-nghĩa của bài Kệ khuyên ta nên sớm tỉnh-ngộ, nhận ra cõi đời nầy là khổ, phải biết cách tu-hành, để được giác-ngộ và giải-thoát khỏi cảnh sanh-tử Luân-hồi.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: muốn chẳng kéo dài cuộc sống trần-ai, phải tìm cách ra khỏi Luân- hồi, thân-tâm được giải-thoát.

2.- Răn dạy trẻ: chớ chọc người đầu trọc, phải kính bực tu-hành.

(138).- Tích chuyện vua Tịnh-phạn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Cây Sung, gần thành Ca-tỳ-la-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Vua Tịnh-phạn là cha của Thái-tử Tất-đạt-ta khi chưa xuất-gia đi tu thành Phật.

Thuở ấy, trong một dịp trở về viếng thăm lại thành Ca-tỳ-la-vệ, Đức Phật ngụ tại chùa Cây Sung; nơi đây Ngài đem Chánh-pháp ra giảng-dạy cho thân-nhơn trong dòng họ Thích-ca. Đức Vua Tịnh-phạn nghĩ rằng thế nào Đức Phật cũng đến hoàng-cung, nên chẳng thỉnh Đức Phật, mà lại lo chuẩn-bị thức ăn cho hơn cả ngàn tỳ-kheo, để chờ Đức

Phật đến.

Sáng sớm hôm ấy, công-chúa Gia-du-đà-la, vợ của Thái-tử Tất-đạt-ta, nhìn qua khung cửa sổ, thấy Đức Phật đang mang bình bát đi khất-thực từng nhà. Công-chúa vội đi báo với Vua Tịnh-phạn. Vua Cha tức-tốc chạy đến bên Đức Phật, bảo rằng, thật là nhục-nhã cho một người dòng Sát-đế-lợi mà phải đi ăn xin từng nhà. Đức Phật đáp lại rằng, khất-thực là một hạnh cao-quí, được tất cả chư Phật trong ba đời thi-hành, nên nay Ngài tuân-theo hạnh đó, là đang giữ đúng truyền-thống đó, có chi đâu là nhục-nhã.

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Hãy hăng-hái và đừng phóng-dật
Mà lãng-xao hạnh khất-sĩ nầy.
Trang-nghiêm chánh-hạnh hành-trì
Thế-gian hưởng lạc đời nầy, đời sau.
(Kệ số 168.)
Đừng theo tà-hạnh mà phóng-dật,
Hãy nghiêm-trì hạnh khất-sĩ nầy.
Trang-nghiêm chánh-hạnh hành-trì
Thế-gian hưởng lạc đời nầy, đời sau.
(Kệ số 169.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tịnh-phạn: tên vua cha của Thái-tử Tất-đạt-ta, Pali: Suddhodana

- Chùa Cây Sung: tạm dịch chữ Pali là Nigrodhàràma; chữ Nigrodha là một loại cây to như cây da, trái giống trái sung của ta.

- Ca-tỳ-la-vệ: thành nầy là nơi Thái-tử Tất-đạt-ta sống khi chưa đi tu, nay thuộc phần đất của Nepal. Tên tiếng Pali là Kapilavatthu.

- Gia-du-đà-la: vợ của Thái-tử Tất-đạt-ta, tiếng Pali là Yasodhàra.

- Tức-tốc: Tức = lập-tức; Tốc = nhanh.Tức-tốc là thật nhanh.

- Sát-đế-lợi = giai-cấp vua quan ở Ấn-độ xưa, tiếng Pali: Khattiya

- Truyền-thống: Truyền = trao lại; Thống = nối tiếp theo. Truyền-thống là thông-lệ được truyền lại từ nhiều đời, để tuân theo.

- Lãng-xao = xao-lãng, bỏ phế, bỏ quên chẳng làm tiếp nữa.

- Khất-sĩ, Khất thực: Khất = đi xin; Sĩ = người; Thực = ăn. Hạnh khất-sĩ là hạnh đi xin ăn, chẳng có nghề riêng để sanh-sống. Đây là giới-luật Phật đặt ra, buộc tu-sĩ phải khuất mình đi xin ăn để nén lòng tự-ái xuống, và có dịp gặp dân-chúng để chỉ-dạy đường-lối tu-hành.

- Phóng-dật = lười-biếng, buông trôi, chẳng tha-thiết đến.

- Chánh-hạnh = hạnh tu căn-bản, lối tu chơn-chánh nhứt.

- Tà-hạnh = trái với chánh-hạnh. Tà-hạnh là hành-động xấu-ác.

- Hành-trì: Hành = làm; Trì = giữ-gìn. Hành-trì là chuyên làm theo.

- Thế-gian: Thế = đời; Gian = khoảng; Thế-gian ở đây có nghĩa là đời sống bình-thường, có gia-đình, còn chưa đi tu. Xuất-thế-gian có nghĩa là rời cuộc sống thế-tục, đi tu để được giải-thoát.

- Hưởng lạc: Lạc = vui sướng. Hưởng lạc = được vui-sướng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc Đức Phật về đến gần hoàng-cung xưa, mà vẫn đi khất-thực. Vua Cha cho đó là nhục-nhã. Đức Phật bảo, hạnh khất-sĩ cao-quí, nên nghiêm-trì mãi: đó là ý-nghĩa của Tích chuyện.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 168 và 169:

Hai bài Kệ giống nhau, nói về hạnh khất-sĩ, khuyên đừng vì phóng-dật, tà-hạnh mà xao-lãng hạnh khất-sĩ. Ngày nay, vì cuộc sống thay-đổi, hạnh nầy ít được thi-hành ở các chùa thuộc Bắc-tông.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng hai bài Kệ, ghi nhớ: hạnh khất-sĩ rất cao-quí, chớ chẳng phải vì lười-biếng chẳng có nghề sanh-sống mà phải đi xin.

(139).-Tích chuyện các tỳ-kheo quán-tưởng bọt nước.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các tỳ-kheo quán-tưởng về bọt nước.

Thuở ấy, có một nhóm khá đông tỳ-kheo được Đức Phật chỉ-dạy cho mỗi người một đề-tài thiền-quán, cùng đi vào rừng để thực-tập thiền-định. Mặc dầu họ đã cố-gắng tinh-tấn tu-hành, nhưng họ chẳng có chút tiến-bộ nào đáng kể. Họ định quay về chùa để thưa hỏi lại Đức Phật và được chỉ dạy thêm. Trên đường về, họ trông thấy một ảo-ảnh và quán-tưởng về ảo-ảnh đó. Đến khi bước chơn vào khuôn viên chùa, trời đổ mưa, nhiều hạt mưa to rơi từ mái ngói xuống vũng nước, bong-bóng nước lóng-lánh nổi lên, phập-phồng, rồi tan-vỡ. Nhìn các bọt nước nổi lên chẳng mấy chốc lại vỡ, họ liền suy-nghĩ sâu-xa: "Tấm thân tứ-đại nầy của ta, cũng chẳng khác chi các bọt nước kia, chẳng bền-vững, thường-còn; năm uẩn nơi thân-tâm nầy, rồi cũng rời nhau ra mà hoại-diệt theo lẽ vô-thường."

Bấy giờ, Đức Phật từ nơi hương-phòng, quán-thấy các tỳ-kheo ngoài hiên chùa, đang trầm-ngâm suy- tưởng về lẽ vô-thường, Ngài liền đi đến và bảo: 'Nầy chư Tăng, các vị đang đi đúng đường-lối quán- tưởng, nhìn bọt nước mà biết được lẽ vô-thường của tấm-thân năm uẩn. Nên tiếp-tục theo con đường đó."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà số lớn các tỳ-kheo chứng được quả-vị A-la-hán:

Nhìn bọt nước thế nào,
Xem ảo-ảnh ra sao,
Quán thế-gian cũng vậy.
Muốn bắt được người ấy,
Thần Chết tìm chẳng thấy.
(Kệ số 170.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Quán-tưởng: Thiền-quán = suy-tưởng thật sâu-xa khi ngồi Thiền, nhập định. Khi tâm đã an-định, trí hành-giả bắt đầu cứu-xét về đề-tài thiền-quán, tư-tưởng tập-trung vào đề-tài, để phát-hiện lên Sự-thật.

- Ảo-ảnh: Ảo = giả, chẳng thật có; Ảnh = hình-bóng. Ảo-ảnh là hình-bóng giả-tạm, tuy mắt trông-thấy, nhưng bóng ấy chẳng thật có. Thí-dụ như lấy tay dụi mắt, nhìn lên thấy có nhiều đóm sáng như ngôi sao, các đóm đó chẳng thật có, nên gọi là ảo-ảnh.

- Thân tứ-đại: Tứ = bốn; Đại = lớn. Tứ-đại, trong Phật-học chỉ về bốn chất: đất, nước, gió, lửa; còn có nghĩa là bốn chất cứng, lỏng, hơi, nóng trong thân ta. Thân tứ-đại nầy do các chất đó hoà-hiệp với nhau mà thành, khi bốn chất ấy rời nhau ra, thì chết. Đó là lẽ vô-thường.

- Năm uẩn: Uẩn = nhóm họp và che-mờ. Phật-học phân-tách thân-tâm con người ra làm năm phần, gọi là năm uẩn (= năm ấm): (1)sắc-uẩn (=thân-thể vật-chất), (2) thọ-uẩn (=các tình-cảm); (3)tưởng-uẩn (=các tư-tưởng); (4) hành-uẩn (= các hành-động); (5)thức-uẩn (=các sự hiểu-biết). Bốn uẩn sau, thọ, tưởng, hành, thức, thuộc về tâm. Khi quán thấy năm uẩn hoà-hiệp nhau mà thành thân-tâm, hễ chúng rời nhay ra là chết, đó là quán-thấy được lẽ vô-thường của thân năm uẩn.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là Gandhakutì.

- Vô-thường: Vô =chẳng; Thường = thường-còn. Lẽ vô-thường là định-luật thiên-nhiên theo đó, chẳng có vật nào có hình-thể mà chẳng biến-đổi, rồi hư-hoại với thời-gian. Hiểu lẽ vô-thường là biết được sự tạm-bợ của muôn vật trên thế-gian, dứt bỏ sự tham-luyến và tìm về sự hằng-còn của cảnh-giới Niết- bàn an-lạc.

- A-la-hán: quả vị thứ tư, cao nhứt, dứt hết phiền-não, chẳng bị tái-sanh trong Luân-hồi nữa. Tiếng Pali là Arahant.

- Thần Chết tìm chẳng thấy = hễ Thần Chết tìm chẳng thấy, thì chẳng bị chết nữa, có nghĩa là đã đắc được A-la-hán, vào Niết-bàn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, chẳng có chi là ly-kỳ cả (!!!): một nhóm tỳ-kheo nhìn ảo-ảnh, bọt nước, mà suy ra lẽ vô-thường của thân-tâm và của muôn vật trên thế-gian. Ý-nghĩa: biết được lẽ vô-thường, liền rời sự tham-luyến, nỗ-lực tu-tập để chứng quả vô-sanh của Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 170:

Bài Kệ chia ra hai phần: (1) cách quán-tưởng bọt nước, ảo-ảnh và thế-gian; (2)hai câu chót nói về kết- quả của việc quán-tưởng đã thành-công, chứng được vô-sanh, chẳng bị chết nữa vì hết tái-sanh.

Cách quán-tưởng bọt nước và ảo-ảnh như thế nào? Trước hết, ta phải biết quán-tưởng cho đúng cách. Như đã biết, quán-tưởng là suy-nghĩ thật sâu-xa, tâm nhìn vào bên trong tâm. Tâm nhìn vào bên trong tâm cách nào? Điều nầy có nghĩa là, các giác-quan chẳng hướng về cảnh-vật bên ngoài nữa, mắt tuy có mở nhưng chẳng thấy vật, tai còn đó nghe tiếng nhưng chẳng để-ý đang nghe gì, khiến cho tâm ở yên, vắng-lặng, rồi khởi lên hình-ảnh trong tâm, tâm chỉ nghĩ và chỉ thấy đến đề-tài quán-tưởng, đề-tài đó là bọt nước. Khi tâm nhìn thấy trong tâm, có bọt nước đó, nổi lên, lóng-lánh, phập-phồng, rồi chẳng mấy chốc, bọt nước lại bể phụt mất. Tâm nhìn bọt nầy bể, bọt kia phồng lên rồi bể, nhiều lần như thế, sẽ đi đến kết-luận, bọt nước chẳng bền, có đó rồi mất đó. Khi nghĩ ra được kết-luận đó, tâm đang thấy

được lẽ vô-thường của mọi sự-vật) Cách quán ảo-ảnh cũng như thế. Chọn các ảo-ảnh: như bóng trăng rọi xuống mặt hồ nước, như đám mây bay trên trời trông giống hình con vật nào đó, v.v. Quán như trên về các ảo-ảnh vừa nói, để nhận ra sự giả-tạm của ảo-ảnh. Khi nghĩ ra được kết-luận về sự giả-tạm đó, là tâm đã quán đúng cách.

Bài Kệ nói: quán bọt nước, ảo-ảnh như thế nào, thì quán thế-gian cũng như thế ấy. Điều nầy có nghĩa là muôn vật có hình-tướng ở thế-gian, đều vô-thường như bọt nước, đều giả-tạm như ảo-ảnh. Vạn vật rất nhiều, trong một lúc chẳng nhìn thấy trong tâm hết cả được. Muốn biết muôn vật đều vô-thường và giả-tạm, tâm ta hãy cố tìm xem, có vật nào trong vũ-trụ nầy, mà tồn-tại mãi mãi không. Câu trả lời là chẳng có, nhờ đó tâm quán thấy thế-gian vô-thường và giả-tạm.

Khi ngồi Thiền, quán-tưởng như trên có ích lợi gì? Nhờ quán-tưởng đúng cách, tâm lọc bỏ được các tà-kiến, các phiền-não, để trở nên trong-sạch hơn. Đó là cách thanh-lọc tâm-ý của phép tu tâm.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ lẽ vô-thường của muôn vật.

2.- Xin đọc lại nhiều lần trang nầy và áp-dụng lối quán-tưởng.

(140).- Tích chuyện Vương-tử Vô-uý.

(Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số 115 về vị đại-thần San-tạ-tị.)

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-viên, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Vương-tử Vô-úy.

Thuở ấy, vương-tử Vô-uý vừa đắc-thắng quân giặc ở biên-cương trở về thành, được vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà, ban-thưởng cho rất trọng-hậu. Món quà quí là một nàng vũ-nữ thật xinh đẹp, múa hát trong bảy ngày đêm để mua vui cùng Vương-tử. Đến đêm thứ bảy, vì quá cố sức, cô vữ -nữ ngã lăn ra chết về bịnh tim. Vương-tử rất đau buồn trước cái chết đột-ngột của người yêu, mới tìm đến Đức Phật để nghe lời an-ủi.

Đức Phật bảo Vương-tử Vô-uý rằng: "Nầy Vương-tử, số-lượng nước mắt mà Vương-tử đã khóc các người thân-yêu, trải qua các số-kiếp của Luân-hồi, còn nhiều hơn nước biển các đại-dương. Thế-gian của thân-tâm ngũ uẩn nầy đầy đau-khổ, chỉ có những người còn ngu-muội mới mê-say, chìm-đắm trong đó."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Nào, hãy nhìn cõi thế-gian nầy
Như xe Vua trang-hoàng lộng-lẫy.
Kẻ cuồng-dại đắm chìm cõi ấy,
Người hiền-trí chẳng chút mê-say.
(Kệ số 171.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vương-tử Vô-uý: Vương-tử = con cháu của Vua; chữ Vô-úy, có nghĩa là chẳng hề sợ-hãi, được dùng để dịch chữ Abhaya, tiếng Pali. Trọn tên của Vương-tử Vô-uý là Abhayaràjakumàra.

- Trúc-viên, Vương-xá: tịnh-xá nầy xây trong vườn Trúc, do Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) cúng cho Tăng-đoàn. Tên Pali Truc-viên là Veluvana, thành Vương-xá là Ràjagaha; nước Ma-kiệt-đà là Magadha.

- Trọng-hậu = nhiều và quí-báu lắm.

- Vũ-nữ = người con gái múa hát, giúp vui cho đàn-ông.

- Đột-ngột = quá nhanh và chẳng ngờ được.

- Đại-dương = biển lớn, như Thái-bình-dương, Đại-tây-dương.

- Thân-tâm ngũ-uẩn: Ngũ = năm. Xin xem lại thân-tâm năm uẩn ở bài trước, trang 439.

- Thế-gian: Thế = đời; Gian = khoảng. Nghĩa thông-thường của chữ Thế-gian là nói đến vũ-trụ, vạn- vật; ở đây chữ Thế-gian được Đức Phật dùng theo nghĩa hẹp, chỉ vào thân-tâm, coi như một vũ-trụ nhỏ.

- Cuồng-dại = điên-khùng, chẳng có trí-huệ, còn ngu-si.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành; Trí = trí-huệ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Vương-tử Vô-uý đau-buồn mến tiếc người yêu là cô vũ-nữ xinh-đẹp đã chết đột-ngột. Đức Phật khuyên đừng luyến-tiếc tấm thân năm uẩn nầy, vì nó vô-thường.

Ý-nghĩa: đừng đắm-say thế-gian vô-thường, phải tìm cách tu-hành để vượt khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi đau-khổ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 171:

Hai câu đầu của bài Kệ so sánh thế-gian nầy với chiếc xe Vua được trang-hoàng lộng-lẫy. Sự so-sánh nầy hơi khó hiểu; nhưng nếu ta biết Đức Phật xem thân-tâm nầy như một vũ-trụ nhỏ, một thế-gian thu- hẹp lại, thì sự so-sánh sẽ rõ-ràng. Tại sao trang-hoàng lộng-lẫy? Xe đó của Vua ám-chỉ vào thân-tâm (= thế-gian), nên thân-tâm ấy được trang-sức đẹp-đẽ, dồi phấn thoa son, v.v.

Hai câu chót nêu sự khác-biệt về thái-độ giữa người còn ngu-si với người hiền-trí đã giác-ngộ.

Ý-nghĩa của bài Kệ khuyên ta chớ nên tham-luyến vào thân-tâm năm uẩn, tuy nay được chưng-diện đẹp-đẽ, nhưng rồi sẽ bị tan-hoại theo thời-gian.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: đừng say-đắm cảnh thế-gian.

2.- Thực-tập quán-tưởng về thân bất-tịnh, thân-tâm vô-thường.

(141).- Tích chuyện Trưởng-lão Sầm-mạc-gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Sầm-mạc-gia.

Thuở ấy có tỳ-kheo Sầm-mạc-gia cả ngày chỉ lo việc quét tước quanh chùa Kỳ-viên. Cùng tu-tập chung trong chùa có Trưởng-lão Lê-va-ta, trái lại, cả ngày chỉ ngồi Thiền nhập định. Tỳ-kheo Sầm thấy thái-độ của Trưởng-lão Lê, cả ngày chỉ ngồi yên, im-lặng, cho rằng Trưởng-lão đã lãng-phí thời- giờ. Một hôm, tỳ-kheo Sầm đến nói với Trưởng-lão: 'Nầy ông Lê, cả ngày tôi thấy ông chỉ ngồi yên, chẳng làm gì cả. Như thế là lười-biếng, chỉ biết sống nhờ vào sự tín-thí của các đàn-việt mà thôi." Trưởng-lão Lê đáp: "Nầy đạo-hữu, một vị tỳ-kheo chẳng nên để trọn hết thì-giờ của mình mà quét-tước cả ngày. Vị ấy nên quét dọn vào sáng sớm, xong lên đường đi khất-thực. Trở về, thọ-trai xong, vị ấy hoặc quán-tưởng về thân-tâm năm uẩn nầy, để biết rõ bản-thể của các uẩn ấy, hoặc đọc-tụng kinh- điển cho đến chiều tối. Bấy giờ, nếu muốn, có thể ra quét sân thêm." Tỳ-kheo Sầm nghe kỹ lời dạy đó, chuyên-cần thực-hành theo đúng, nên chẳng bao lâu chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

Các vị tỳ-kheo khác nhận thấy dạo nầy, các đống rác quanh chùa chẳng thấy được quét dọn, mới hỏi tỳ-kheo Sầm-mạc-gia, sao bây giờ chẳng còn chăm quét-tước như trước

nữa. Tỳ-kheo Sầm đáp: "Ngày trước, tâm tôi còn nhiều phiền-não và vọng-tưởng, thiếu sự tỉnh-giác, nên tôi phải quét cho sạch. Đến ngày nay, tâm tôi thanh-tịnh, lúc nào cũng tỉnh-giác, nên chẳng cần quét nữa." Các vị đồng-tu cho rằng tỳ-kheo chẳng nói đúng sự-thật, tự cho mình đã chứng A-la-hán, mới đến bạch cùng Phật. Đức Phật bảo: " Tỳ-kheo Sầm-mạc-gia đã nói đúng sự-thật, vì đã chứng-đắc được quả-vị A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người trước kia buông-lung, phóng-dật,
Về sau, biết tỉnh-giác chuyên-cần,
Ánh quang-minh soi khắp thế-gian,
Như trăng sáng thoát mây che lấp.
(Kệ số 172.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sầm-mạc-gia: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Sammajjana.

- Lê-va-ta: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng pa-li là Revata.

- Ngồi Thiền nhập Định: Thiền = chữ Phạn là Thiền-na (Dhyana), có nghĩa là tâm rời cảnh-vật bên ngoài, đang suy-nghĩ thật sâu-xa; Định = dịch chữ Phạn Tam-muội (Samadhi), có nghĩa là tâm an-tịnh, chẳng lay-động, ý dừng lại và chú-tâm vào cảnh vắng-lặng.

- Lãng-phí thời-giờ: buông-lung, sống thả trôi, chẳng làm việc chi có ích-lợi cả, làm mất thời-giờ.

- Tín-thí: Tín = tin-tưởng; Thí = cho, hiến-tặng. Sự tín-thí là sự bố-thí do lòng tin-tưởng của kẻ tại-gia tặng cho các vị tu-hành xuất-gia.

- Đàn-việt: phiên-âm tiếng Phạn Dânapati, dịch nghĩa là thí-chủ, người bố-thí giúp cho kẻ tu-hành.

- Đạo-hữu: Đạo = đường-lối tu-hành; Hữu = bạn-bè, bạn-hữu. Chữ đạo-hữu thường dùng để chỉ các người tu chung theo một tôn-giáo.

- Thọ-trai: Thọ = nhận; Trai = ăn cơm chay. Thọ-trai là tiếng nhà chùa, có nghĩa là dùng bữa cơm chay.

- Quán-tưởng = suy-nghĩ sâu-xa, trong sự an-tịnh, về một đề-tài.

- Thân-tâm năm uẩn: Uẩn = Ấm = nhóm họp lại và che-mờ. Thân-tâm năm uẩn là thân và tâm gồm có năm uẩn: (1)sắc-uẩn là tấm thân vật-chất; (2)thọ-uẩn là các tình-cảm; (3)tưởng-uẩn là các tư-tưởng;

(4) hành-uẩn là các hành-động; (5) thức-uẩn là các sự hiểu-biết. Bốn uẩn sau: thọ, tưởng, hành, thức nhóm-hợp nhau lại mà thành cái tâm.

- Bản-thể của các uẩn: Bản-thể = thể-chất riêng-biệt và thật-sự. Nói "biết rõ bản-thể của các uẩn" là muốn nói, đã biết rõ các uẩn ấy rỗng-rang, vì sự nhóm-họp chung lại mà có, chớ tự chúng chẳng có một bản-thể nào riêng-biệt. Vì tập-hợp lại mà có, nên khi rời nhau ra, thì trở nên không, đó là bản-thể rỗng-rang của năm uẩn.

- Quả-vị A-la-hán: Quả-vị = kết-quả của sự tu-tập đã thành-công; A-la-hán: bực Thánh, tu-hành đã dứt hết phiền-não, chẳng còn bị tái-sanh trong Luân-hồi nữa.Tiếng Pali:Phala = quả-vị; Arahant = A-la- hán.

- Quét cho sạch: chữ quét ở đây, chẳng những có nghĩa là quét tước cho sạch rác-rến bên ngoài, mà còn có nghĩa quét sạch hết các ý-tưởng vọng-động, lang-bang trong tâm, để tâm được thanh-tịnh.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = thức-tỉnh, hết mê-mờ; Giác = biết rõ. Tỉnh-giác là tình-trạng tâm an-tịnh, biết rõ mọi biến-chuyển bên trong, cũng như bên ngoài, luôn luôn giữ được sự chú-ý, chẳng hề lơ-là, xao- lãng.

- Phóng-dật: Phóng =buông-thả; Dật = lỗi-lầm. Phóng-dật là buông-trôi theo các lỗi-lầm, chẳng biết tự kềm-chế trong kỷ-luật.

- Quang-minh = ánh-sáng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một vị tỳ-kheo cả ngày chỉ lo quét tước quanh chùa, đến khi được một vị trưởng-lão dạy phải biết việc ngồi Thiền nhập-định là bổn-phận của kẻ tu-hành, nên mới chuyên-tâm tu-tập mà đắc được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện nằm trong chữ quét, quét cho sạch chẳng những các rác-rến quanh chùa, mà còn là quét cho sạch các vọng-tưởng, phiền-não trong tâm, để cho tâm được thanh-tịnh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 172:

Thử phân-tách bài Kệ ra từng câu:

1) Người trước kia buông-lung, phóng-dật: đây là nói về người sống buông trôi, chẳng có định-hướng, chạy theo các thú-vui vật-chất, thỏa-mãn các nhu-cầu tầm-thường, chẳng lo việc tu-tập. Hai chữ buông-lung và phóng-dật đồng nghĩa nhau, thường là làm biếng.

2) Về sau biết tỉnh-giác chuyên-cần: đây là nói về người đã thức-tỉnh, nhận ra được sự lỗi-lầm, lười biếng của mình, mà trở nên người tỉnh-giác, tâm biết quay vào bên trong tâm, lo dọn-dẹp sạch-sẽ tâm mình, bỏ vọng-tưởng lang-bang, dứt phiền-não tham, sân, si.

3) Ánh quang-minh soi khắp thế-gian, như trăng sáng thoát mây che-lấp: đây là nói ánh-sáng của Trí- huệ đang vẹt bỏ được sự u-tối của si-mê, ví với đám mây đang che mặt trăng sáng.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: tu là tu tâm, phải quét sạch các vọng-tưởng và phiền-não, để Trí- huệ được phát-triển.

2.- Xin ngưng một phút để tự-hỏi lòng mình: đã tỉnh-giác chưa?

(142).- Tích chuyện Trưởng-lão Vô-não.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Vô-não.

Thuở ấy ở nước Câu-tát-la, có người con trai của vị quốc-sư trong triều vua Ba-tư-nặc, tên là Vô-não. Chàng trai rất thông-minh, được cha gởi đi học ở thành Ta-xi-la. Vô-não rất siêng-năng và khéo vâng lời thầy dạy, nên rất được lòng thầy thương-mến, khiến cho các bạn đồng-học sanh ra ganh-tị. Họ đặt điều nói xấu, vu-oan cho Vô-não có dan-díu với vợ của thầy. Ban đầu, vị thầy chẳng tin việc đó, nhưng ngày lại ngày, nghe mãi lời ton-hót của bọn học-trò, khiến cho ông ta phải tin theo. Ông ta nghĩ nếu mình giết chết Vô-não thì chẳng những bị tù-tội mà còn bị quả-báo nặng-nề nữa. Ông tìm được một mưu-kế khác, còn tệ-hại hơn là ám-sát Vô-não. Ông liền kêu Vô-não lại và nói riêng: "Thầy có một phép bí-quyết thật cao-thâm, huyền-diệu, muốn truyền lại cho trò, nhưng phép ấy đòi hỏi mạng sống của một trăm người, trò phải giết chết đủ số đó, cả đàn-ông lẫn đàn-bà, đem nộp bằng-cớ cho thầy, thì thầy sẽ dạy cho." Vô-não rất muốn có được bí-quyết đó, nhưng còn ngần-ngại chẳng muốn sát sanh hại mạng. Nhưng về sau, lòng ham-muốn được phép-lực cao-thâm, huyền-diệu thúc-đẩy quá mạnh-mẽ, Vô-não bỏ vào rừng sâu ẩn-núp, rình giết người cho đủ số để nạp cho thầy.

Chẳng bao lâu, tiếng-tăm tàn-ác của Vô-não cướp của giết người, chặt lấy ngón tay, kết thành xâu chuỗi đeo ở cổ, khiến dân quá sợ-hãi, gọi Vô-não là tướng cướp Chỉ-man, và tâu-trình lên vua. Vua Ba-tư-nặc liền chỉnh-đốn quân-đội, định đem quân vây bắt Chỉ-man. Bà mẹ của Chỉ-man, vì lòng thương con, sáng hôm ấy, định vào rừng báo tin cho con. Cùng ngày ấy, vào lúc tinh-sương, Đức Phật nhập thiền-định, quán-thấy Vô-não sắp phạm tội ngũ-nghịch vì giết mẹ, rồi sẽ bị sa vào địa-ngục A-tỳ, nên thương-xót, Ngài liền đi vào rừng để ngăn Chỉ-man. Tên tướng cướp sau một đêm mất ngủ, sáng ra đếm xâu chuỗi ngón tay lại, thấy còn thiếu một mạng nữa là đủ một trăm, mới quyết-tâm hôm nay hễ gặp ai là giết ngay cho đủ số, đem nộp cho thầy. Vừa đến ven rừng, Chỉ-man bỗng thấy Đức Phật đi tới. Anh liền khoa ngọn dao bén nhọn lên chực đâm; bỗng đâu tay chơn bủn-rủn vì mệt-mỏi, hắn ngẩng đầu lên nhìn Đức Phật mà thét lên: "Ớ nầy ông thầy tu, sao ông chẳng dừng lại?" Đức Phật dừng bước: "Này Chỉ-man, ta đã dừng từ lâu rồi, chỉ có anh là chưa chịu dừng đó thôi!" Chỉ-man còn chưa hiểu ý Đức Phật, mới hỏi; Đức Phật đáp: "Nầy Chỉ-man, đã từ lâu ta dừng nghỉ việc sát-hại chúng- sanh; còn anh, anh vẫn còn chưa chịu dừng lại việc giết người, cướp của đó." Nghe lời nói phải, trông dáng mạo trang-nghiêm đẹp-đẽ của người đứng trước mặt mình, Chỉ-man bỗng tỉnh-ngộ, biết đang gặp Đức Phật. Anh liền quăng dao đi, quì xuống xin qui-y cùng Đức Phật. Đức Phật vui-vẻ chấp-nhận và cùng với Vô-não trở về chùa Kỳ-viên.

Kể từ ngày gia-nhập Tăng-đoàn, Vô-não chuyên-cần, tinh-tấn tu-hành, nên chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán. Một hôm, vào buổi sáng, đang đi khất-thực, Trưởng-lão Vô-não gặp một đám người đang đánh lộn, quăng đá vào nhau. Một hòn đá lớn va phải đầu của Trưởng-lão, gây thương-tích nặng, nhưng Trưởng-lão cũng ráng về đến chùa. Đức Phật đến thăm hỏi, và nói: "Nầy Vô-não, ngày trước con đã gây nhiều tội-ác giết người, lẽ ra phải sa vào địa-ngục A-tỳ; nhưng nay con đã ăn-năn sám-hối, tinh-tấn tu-hành, vậy con nên nhẫn-nhục mà chịu lấy quả-báo nầy, tránh cho con khỏi phải sa vào nẻo dữ." Trưởng-lão lắng nghe lời Phật dạy, lặng-lẽ nhập Niết-bàn.

Các vị tỳ-kheo muốn biết Trưởng-lão Vô-não được tái-sanh về đâu, mới thưa hỏi Phật. Nghe đáp Trưởng-lão đã nhập Niết-bàn, các vị tỳ-kheo rất đổi ngạc-nhiên. Đức Phật nói: "Trước kia, vì mê-lầm, chẳng có bạn hiền, nên Vô-não mới phạm tội ác. Về sau, biết ăn-năn sám-hối, chuyên-tâm tỉnh-giác làm việc thiện, tuân theo Chánh-pháp, tinh-tấn tu-hành, nên nay nhờ cơ-duyên lành của việc thiện chận đứng được ác-báo." Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người trước kia trót gây tội-ác, Nay sửa sai bằng các hạnh lành, Ánh quang-minh soi khắp thế-gian,

Như trăng sáng thoát mây che lấp. (Kệ số 173.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vô-não, Chỉ-man = tên vị trưởng-lão, cựu tướng cướp nầy, tiếng Pali là Ahimsaka, dịch là Vô-não, Bất-hại, chẳng hại ai; và Angulimàla, phiên-âm là Ương-quật-ma-la, dịch là Chỉ-man, chùm ngón tay. (Não = não-hại; gây phiền-não; Chỉ = ngón tay; Man = chùm.)

- Quốc-sư: Quốc = nước; Sư = thầy; Quốc-sư là thầy dạy Đạo cho cả nước; thầy dạy Đạo cho Vua.

- Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la: tên vị vua nầy, tiếng Pali là Pasenadi, cai-trị nước Kosala, giáp ranh với nước Xá-vệ (Savatthi).

- Ta-xi-la: tên thị-trấn nầy, tiếng Pali là Taxila.

- Ton-hót: đặt điều láo-khoét nói tới nói lui mãi, để hại ai.

- Ám-sát: Ám = mờ-ám, lén; Sát = giết; Ám-sát là giết lén.

- Bí-quyết: Bí = bí-mật, kín; Quyết = pháp-thuật mầu-nhiệm.

- Huyền-diệu = sâu-kín, khéo-léo và nhiệm-mầu.

- Chỉnh-đốn = sắp sửa hàng-ngũ cho chỉnh-tề.

-Sáng tinh-sương = mờ-mờ sáng, mặt trời chưa lên, còn sương.

- Nhập Thiền-định, quán-thấy = ngồi Thiền và thấy rõ trong tâm.

- Tội ngũ-nghịch: năm tội lớn sẽ bị đoạ vào Địa-ngục A-tỳ. Đó là: giết cha, mẹ, A-la-hán, chém Phật và phá sự hoà-hợp Tăng-đoàn.

- Địa-ngục A-tỳ = tên địa-ngục nầy, tiếng Pali là Avìci, dịch nghĩa là Vô-gián, tức là chịu hình-phạt liên-tục chẳng ngừng-nghỉ.

- Khoa dao = giơ cao con dao lên để đâm mạnh.

- Tỉnh-ngộ: Tỉnh = thức-tỉnh, hết mê; Ngộ = hiểu rõ; Tỉnh-ngộ là trở nên sáng-suốt, nhận biết mình lầm-lỗi, cần sửa lại.

- Qui-y: Qui = quay về; Y =nương-tựa; Qui-y là mình tìm về nương-tựa tinh-thần mình vào ai, hay vào sự-việc gì.

- Thương-tích: vết thương, đổ máu, gãy xương, v.v.

- Ăn-năn = Sám-hối: chịu nhận lỗi mình, tỏ ra hối-tiếc đã có lỗi và hứa xin chừa chẳng tái-phạm nữa.

- Nhẫn-nhục: chịu nhịn, bền gan chịu đựng mà chẳng oán-than.

- Quả-báo: Quả = kết-quả, hậu-quả; báo = báo đền,; Quả-báo là sự-việc xảy ra sau, do một hành-động cũ đã có trước làm nguyên-nhơn mà quả-báo là hậu-quả, chiếu theo Luật Nhơn-quả.

- Nhập Niết-bàn: lìa bỏ xác thân, đi vào cõi tịch-diệt, vắng-lặng.

- Cơ-duyên lành = điều may-mắn tốt. Vì tu-hành, làm việc thiện nên được hưởng cơ-duyên lành.

- Ác-báo: Ác = xấu, dữ; Báo = quả-báo. Ác-báo là quả-báo xấu.

- Sửa sai = sửa đổi điều sai-lầm, theo con đường chơn-chánh.

- Hạnh lành = các hành-động tốt, giúp đỡ người khác.

- Ánh quang-minh = ánh-sáng rực-rỡ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang nhiều ý-nghĩa:

1) Nghe hoài lời ton-hót, rồi cũng tin theo: đây là một lỗi-lầm, cần tránh, bằng cách phải điều-tra sự- thật, khi nghe lời dèm.

2) Mưu-kế để hại Vô-não bằng cách xúi đi giết người, người bầy mưu có bị quả-báo không? Có, phải chịu quả-báo như chính mình đi giết vậy. Trong Kinh: cấm giết và cấm xúi, bảo giết.

3) Sao chẳng dừng lại? Chỉ-man hiểu chữ dừng là dừng bước; còn Đức Phật nói dừng là ý muốn nói, thôi chẳng làm tiếp-tục nữa; tức là, từ-khước chẳng làm điều ác nữa. Đây là ý-nghĩa quan-trọng nhứt của Tích chuyện: mặc dầu đã trót làm điều dữ, nhưng biết

dừng lại, thôi chẳng làm ác nữa, và làm điều thiện, thì quả-báo xấu chẳng có đủ cơ-duyên để trỗ quả, nhờ đó mà tạm-thời tránh được. Trong trường- hợp của Chỉ-man, nhờ biết ăn-năn tội-ác và quay về con đường lành, nên mới bị trúng đá mà chết, khỏi phải sa vào địa-ngục A-tỳ. Tích chuyện cho thấy, việc tu-hành chơn-chánh cải-đổi được nghiệp-báo; vì thế, nên siêng làm lễ sám-hối và gắng làm việc thiện.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 173:

Bài Kệ nầy giống bài Kệ trước, số 172, ở hai câu chót, nói về hiệu-quả tốt của sự bỏ điều quấy mà theo điều lành. Ý-nghĩa cũng giống bài trước: khuyên ta nên sớm cải tà qui chánh, ăn-năn tội-lỗi và siêng làm lành lánh dữ để cải-thiện nghiệp-lực của mình.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: có thể sửa được mạng-vận xấu, bằng cách siêng năng làm việc thiện và từ-khước hẳn việc ác.

(143).- Tích chuyện cô gái quay tơ.

Vào một thời kia, Đức Phật du-hành đến xứ Anh-huy, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một cô gái quay tơ.

Dạo ấy, sau buổi lễ trai-tăng ở Anh-huy, Đức Phật có giảng-pháp cho dân-chúng nghe. Hôm ấy, Ngài giảng-dạy về sự vô-thường của thân-tâm năm uẩn. Ngài nói: "Cuộc sống của ta thì vô-thường, còn sự chết lại là thường. Chắc-chắn rồi đây có ngày ta sẽ chết, đời ta chấm-dứt bằng sự chết-chóc. Cho nên, sống là vô-thường, còn chết là thường vậy." Đức Phật khuyên mọi người nên nhận rõ bản-thể chơn- thật của năm uẩn, chúng tạm-thời hoà-hiệp nhau mà thành sự sống, đến khi chúng rời nhau ra là cái chết đã tới nơi. Ngài nhấn mạnh: "Như một người cầm trong tay một cây gậy hay một ngọn chỉa nhọn sẵn-sàng đối-phó với kẻ thù, hay với một con rắn độc, người đời phải luôn luôn tỉnh-giác và trầm-tĩnh

để đối-diện với cái chết. Có như thế, đến lúc ra đi vĩnh-viễn, mới chọn theo được đường lành." Lời giảng-dạy đó của Đức Phật chỉ được một số ít người lưu-tâm đến, trong số nầy, có một cô gái mười sáu tuổi, chuyên việc quay tơ cho cha dệt lụa. Sau buổi thuyết-pháp, Đức Phật lên đường trở về chùa Kỳ-viên.

Bẵng đi ba năm, một hôm Đức Phật nhập-định, quan-sát khắp pháp-giới, Ngài quán-thấy đã đủ cơ- duyên cho cô gái quay tơ năm xưa chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Ngài liền lên đường trở lại xứ Anh- huy, để giảng Chánh-pháp một lần nữa. Hay tin Đức Phật đến xứ mình, cô gái quay tơ muốn đến ngay để nghe pháp; nhưng còn phải mang ba cuộn tơ đến xưởng dệt cho cha cô đang chờ.Trên đường đến xưởng, cô đi ngang qua nơi giảng-pháp, dừng lại, ngồi xuống phiá ngoài, tai lắng nghe lời Đức Phật. Đấng Thế-tôn nhìn thẳng vào cô gái, Ngài vừa quán-thấy cô gái sẽ tử-nạn ngay sau khi gặp cha, nếu chờ đến bận quay về thì lỡ mất cơ-hội để nghe được Chánh-pháp. Ngài liền ngưng nói, ngẩng nhìn chăm-chú vào cô gái. Cô gái liền bạo-dạn lách đám đông, đặt giỏ tơ xuống đất, quì trước Đức Phật mà đảnh-lễ. Đức Phật liền hỏi cô bốn câu và cô lễ-phép đáp ngay như sau:

1. Hỏi: Cô từ đâu tới?

Đáp: Con chẳng biết.

2) Hỏi: Cô đi về đâu?

Đáp: Con chẳng biết.

3) Hỏi: Cô biết không?

Đáp: Vâng, con có biết.

4) Hỏi: Cô biết được không?

Đáp: Không, con chẳng biết được.

Nghe lời đối-đáp của cô gái quay tơ, Đức Phật tỏ vẻ hài-lòng, nhưng các người ngồi nghe pháp lại chẳng hiểu ý-nghĩa thâm-sâu của bốn câu hỏi và bốn câu trả lời. Đức Phật liền bảo cô gái giải-thích, cô đã hiểu ra sao mà trả lời như thế.

Cô gái thưa: "Bạch Thế-tôn, về câu hỏi thứ nhứt, Ngài đã biết con từ nhà con mà tới đây, mà còn hỏi con, từ đâu tới?, con nghĩ ý Ngài muốn hỏi con, từ kiếp nào mà tới đây?, vì thế mà con đã thưa, con chẳng biết. Về câu hỏi thứ hai, con nghĩ khi hỏi con đi về đâu là ý Ngài muốn hỏi con có biết chăng, kiếp sau đi về đâu?, nên con thưa, con chẳng biết. Về câu hỏi thứ ba, Ngài hỏi con có biết không?, con nghĩ ý Ngài muốn hỏi con có biết mình sẽ chết không?, nên con mới đáp, Vâng, con có biết. Về câu chót, Ngài hỏi, có biết được không?, con nghĩ ý Ngài muốn hỏi con có biết được lúc nào sẽ chết không?, nên con mới trả lời, con chẳng biết được."

Đức Phật khen-ngợi cô gái quay tơ đã đáp rõ-ràng các câu hỏi đúng theo ý Phật, Ngài liền nói với các người ngồi nghe: "Trong số quí vị ngồi đây, cũng có ít người đã hiểu thấu ý-nghĩa sâu-xa các lời giải- đáp của cô thiếu-nữ quay tơ nầy. Những ai còn mê-mờ chẳng biết thì đang sống trong cảnh tối-tăm như kẻ mù-loà."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà cô gái quay tơ chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Thế-gian nầy đầy người mù-quáng;
Biết trông xa, loáng-thoáng vài người.
Như bầy chim, ít con thoát lưới,
Thật hiếm người lên tới Thiên-đàng.
(Kệ số 174.)
Sau đó, cô gái quay tơ lên đường đến xưởng dệt lụa. Cha cô chờ lâu đang ngủ gục bên khung cửi, nghe tiếng cô gọi, giựt mình thức dậy, tay quờ-quạng đụng nhằm chốt cửi, đánh bật văng con thoi ra, trúng mạnh vào ngực cô. Cô té xuống đất và thở hơi cuối cùng, đúng như lời tiên-đoán tai-nạn của Đức Phật. Cha cô hoảng-hốt đỡ con lên, nhưng chậm mất rồi. Ông khóc nức-nở, rồi bỏ nghề, vào chùa xin làm tỳ-kheo. Chẳng bao lâu, ông chứng được quả-vị A-la-hán.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xứ Anh-huy: tên phần đất nầy, tiếng Pali là àlavì.

- Trai-tăng: dưng cơm chay lên cho các vị Tăng.

- Vô-thường: Vô = chẳng; Thường = thường-hằng, thường còn hoài. Lẽ Vô-thường có nghĩa là sự biến-đổi chẳng thể tránh được của muôn sự-vật có hình-tướng, để về sau trở thành hư-hoại.

- Thân-tâm năm uẩn: Uẩn = Ấm = nhóm họp lại và che-mờ. Có năm uẩn hợp lại thành thân-tâm nầy: (1) sắc-uẩn, phần vật-chất, là Thân; (2) thọ-uẩn, các tình-cảm; (3) tưởng-uẩn, các ý-tưởng; (4) hành- uẩn, các hành-động; (5) thức-uẩn, các sự hiểu-biết; bốn uẩn sau lập thành Tâm. Năm uẩn khi hợp nhau lại thì có sự sống; khi rời nhau ra thì chết. Vì năm uẩn chỉ tạm-thời họp lại, mới gọi chúng là vô- thường

- Bản-thể chơn-thật của năm uẩn: Bản-thể = chỗ cội-rễ của một sự-vật; nguyên-thể; chơn-thật = thật sự, có thiệt. Tìm hiểu bản-thể của năm uẩn là phân-tách năm uẩn ra từng phần nhỏ, bỏ đi, xem lại coi còn chất nào, sự nào, việc nào chẳng bị tách ra được nữa, nếu có thì chất ấy là bản-thể; nhưng khi phân-tách năm uẩn ra, ta thấy thân-tâm chẳng còn gì nữa, nên mới gọi bản-thể chơn thật của năm uẩn là không, là rỗng-rang, vì thế mà chẳng thường-còn, nên mới nói rằng thân-tâm năm uẩn nầy là vô- thường.

- Tỉnh-giác = luôn luôn chú-ý biết mọi sự biến-chuyển trong và ngoài tâm. Trái với tỉnh-giác là lơ-là, vô-ý, vô-tâm, thiếu sự chú-tâm, phóng-dật, buông-lung.

- Đối-diện = thấy hiện có ở trước mặt. Chữ đối-diện ở đây có nghĩa là đương-đầu, đối-phó với.

- Ra đi vĩnh-viễn = chết, lìa thân-xác. (Vĩnh-viễn = mãi mãi.)

- Chọn theo được đường lành: Sau khi chết đời nầy, sẽ sanh vào đời sau, ở một trong sáu đường. Ba đường dữ: (1)địa-ngục,(2)ngạ-quỉ (= quỉ đói);(3) súc-sanh(= thú-vật). Ba đường lành: (4)cõi người; (5) cõi A-tu-la(=Asura, thần-linh); (6) cõi Trời.

- Lưu-tâm = để-ý đến và hiểu rõ.

- Pháp-giới: thế-giới, vũ-trụ. Tiếng thường gọi là thế-giới; tiếng chuyên-môn Phật-học gọi là pháp- giới, cảnh-giới của toàn-thể sự-vật trong trời đất, trong vũ-trụ.

-Nhập-định, quán-thấy: khi ngồi Thiền, tâm an-định nhìn thấy rõ trong tâm. (Tâm an-định = nhập- định; thấy rõ trong tâm = quán-thấy.)

- Cơ-duyên: Cơ = cơ-hội; duyên = duyên-do. Cơ-duyên, ở đây, chỉ cho cơ-hội may-mắn.

- Quả-vị Tu-đà-huờn: khi tu thành-công, gọi là chứng quả-vị. Có bốn quả-vị: (1)Tu-đà-huờn (= Sotàpatti, còn gọi là Nhập-Lưu, Thất-Lai); (2)Tư-đà-hàm (=Sakadàgàmin, còn gọi là Nhứt-Lai); (3) A- na-hàm (=Anàgàmin, còn gọi là Bất-Lai); (4) A-la-hán (= Arahant). Ba quả-vị trước còn phải tái-

sanh, nên được gọi là bực Hiền; quả A-la-hán, cao nhứt, chứng được vô-sanh (= hết bị tái-sanh) là bực Thánh.

- Tử-nạn: Tử = chết; Nạn = tai-nạn; Tử-nạn = bị tai-nạn mà chết.

- Đảnh-lễ = qùi xuống lạy để làm lễ ra mắt.

- Hài lòng = ưng ý, vừa bụng, vui lòng.

- Giải-thích = cắt nghĩa rõ ra.

- Thế-tôn: Thế = thế-gian; Tôn = tôn-kính; Thế-tôn là bực được cả thế-gian tôn-kính. Đệ-tử gọi Phật là Thế-tôn, Phật tự-xưng là Như-lai.

- Kiếp: nghĩa thông-thường là đời sống; có kiếp trước, kiếp sau. Nhưng nghĩa chuyên-môn trong Phật- học, một kiếp (kalpa = kiếp-ba) dài đến một triệu năm (= bá vạn niên).

- Mù-loà = cặp mắt bị hư, chẳng thấy ánh-sáng.

- Mù-quáng = ở đây, nghĩa bóng là chẳng thấy biết con đường tu

- Loáng-thoáng = thưa-thớt, chẳng được bao nhiêu.

- Hiếm = rất ít.

- Thiên-đàng: cảnh sung-sướng trên cõi Trời. Trái với địa-ngục.

- Khung cửi = máy bằng gỗ, đạp bằng chơn, dùng để dệt vải, lụa.

- Con thoi = ống chỉ bằng đồng chạy qua, chạy lại trên khung cửi.

- Tiên-đoán = Tiên = trước; Tiên-đoán là đoán biết trước được.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có hai ý-nghĩa: lời Phật dạy về lẽ vô-thường của thân-tâm năm uẩn, và bốn câu hỏi của Phật nêu ra để chỉ về cái chết.

Về ý-nghĩa thứ nhứt, lẽ vô-thường của thân-tâm năm uẩn, trước ta phải biết năm uẩn là gì, mỗi uẩn gồm có những gì, kết-hợp với các uẩn khác ra sao, sau đó xét đến khi thiếu một uẩn thì thân-tâm trở nên thế nào, mà suy ra sự chẳng bền-vững của thân-tâm năm uẩn. Vì chẳng bền-vững, nên vô-thường; vì vô-thường, nên bất-toại-nguyện, chẳng vừa ý; vì bất-toại-nguyện, nên sanh ra đau-khổ; vì đau-khổ, nên tìm về sự tu-hành để giải-thoát. Đó là các chặn-đường quán-chiếu về thân-tâm vô-thường. Để dễ ghi nhớ lẽ vô-thường, nên thường thường quán-chiếu ảo-ảnh, bọt nước, sương mai, điện-chớp và thân bất-tịnh.

Về ý-nghĩa thứ hai của Tích chuyện là sự chết, Đức Phật nêu ra bốn câu hỏi: câu (1) về kiếp trước; câu (2) về kiếp sau; câu (3) về sự ai cũng phải chết; câu (4) về biết lúc nào sẽ chết. Hiểu rõ hai câu đầu về kiếp trước và kiếp sau là hiểu được cuộc sanh-tử trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi, nên mới có các đời trước, đời nầy và các đời sau. Hiểu rõ

hai câu sau về cái chết và chết đến lúc nào là hiểu được thân- phận của con người chẳng trốn được cái chết. Khi hiểu rõ cả bốn câu, ta mới tự-hỏi, vậy có cách nào để khỏi phải chết, khỏi phải bị tái-sanh lẩn-quẩn mãi chăng? - Có cách, cách đó được dạy trong Chánh-pháp, ai biết tu-tập theo đúng sẽ được giải-thoát khỏi Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 174:

1.- Hai câu đầu: Thế-gian nhiều người mù-quáng, chẳng hiểu rõ lẽ sống-chết, mà lại ít có người biết trông xa, thấy rõ cảnh Luân-hồi.

2.- Hai câu chót: Chim thoát lưới ví cho những người thoát khỏi cảnh sanh-tử, tử sanh của vòng Luân- hồi khổ-đau lẩn-quẩn.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ về thân-phận sống-chết của mọi chúng-sanh trong vòng lẩn-quẩn, đầy đau-khổ của cõi Luân-hồi.

(144).- Tích chuyện ba mươi tỳ-kheo đắc thần-thông.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ba mươi vị tỳ-kheo đắc được thần-thông.

Thuở ấy, có ba mươi vỉ tỳ-kheo đến đảnh-lễ Đức Phật. Lúc bấy giờ, Tôn-giả A-nan đang hầu-cận bên Đức Phật, thấy Đức Phật có khách, nên mới bước ra ngoài, chờ đợi. Một hồi lâu sau, Tôn-giả A-nan trở vào trong, chẳng trông thấy các vị tỳ-kheo nữa, mới hỏi Đức Phật các vị ấy bây giờ đang ở đâu. Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, các tỳ-kheo đó, sau khi nghe Ta giảng-pháp, đã chứng-đắc được quả-vị A- la-hán, nên họ mới dùng thần-thông phi giữa không-gian mà ra đi."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Thiên-nga bay theo đường mặt nhựt,
Bực thần-thông phi giữa không-gian.
Hàng hiền-trí thoát khỏi thế-gian,
Nhờ thắng Ma-vương và quyến-thuộc.
(Kệ số 175.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thần-thông: nhờ định-lực tâm-thần cao mà có được các quyền-năng siêu-nhiên, như bay trên không, biến-hoá, v.v.

- Đảnh-lễ: quì lạy để làm lễ ra mắt.

- Hầu-cận = hầu-hạ ở gần bên cạnh.

- Chứng-đắc quả-vị = tu-hành đã thành-công. (Chứng-đắc = được; Quả-vị: Quả = kết-quả; Vị = ngôi- vị, địa-vị.)

- A-la-hán: quả-vị cao nhứt trong hàng Thanh-văn(=đệ-tử sống bên Phật, nghe giảng Kinh mà tu-tập), diệt hết các phiền-não, chứng được vô-sanh(= hết bị tái-sanh trong Luân-hồi). Tiếng Pali là Arahant.

- Phi giữa không-gian = bay lên trên không-gian.

- Thiên-nga = ngỗng trời, lông màu trắng.

- Mặt nhựt = mặt trời.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành; Trí = trí-huệ. Bực Hiền-trí là bực hiền-lành có trí-huệ sáng-suốt, thấm- nhuần Chánh-pháp.

- Ma-vương = vua loài Ma; còn gọi là Ma Ba-tuần.

- Quyến-thuộc = họ-hàng, bà-con. Ma-vương và quyến-thuộc, ở đây, ám chỉ các sự cám-dỗ, quyến-rũ, xúi-dục làm điều quấy.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, kể lại việc ba mươi vị tỳ-kheo nhờ nghe Đức Phật giảng-pháp mà chứng-đắc được đạo-quả A-la-hán. Theo Tích chuyện, các vị ấy sau khi đắc quả, dùng thần-thông, bay lên không- gian mà ra về, khiến cho Tôn-giả A-nan chẳng nhìn thấy được.

Vấn-đề đặt ra cho chúng ta ngày nay là: việc đắc thần-thông, bay lên trên không, có thật hay không? Xét theo lý, việc chưa thấy tận mắt, nghe tận tai, ta chẳng nên vội tin ngay; nhưng chính mình chưa thấy, chưa nghe, mình vẫn chẳng chưa có quyền quả-quyết là việc ấy chẳng có. Tại sao? Vì có thể việc ấy có thật mà mình còn chưa đủ điều-kiện để thấy nghe được. Thái-độ đứng-đắn là đối với các sự-việc có vẻ siêu-nhiên, ta nên tỏ ra dè-dặt: chớ vội tin theo, mà cũng chớ vội bác-bỏ, hãy dè-dặt mà chẳng nghi-ngờ, giữ thái-độ chờ và xem.

Việc chứng-đắc thần-thông vào thời Đức Phật, theo trong Kinh sách, chẳng phải là chẳng có. Nhưng điều ta phải tin, là tin vào lời Phật dạy. Về thần-thông, Phật dạy thế nào? Ngài thường nhắc-nhở các tỳ-kheo mong-cầu sớm đắc thần-thông rằng, việc chứng-đắc thần-thông, tự nó sẽ đến, khi tu-tập đàng- hoàng, giữ giới-đức vẹn-toàn, thân-tâm hoàn-toàn thanh-tịnh, chớ mong-cầu được sớm đắc thần-thông. Thiển-nghĩ, còn mong-cầu đắc thần-thông sớm, là còn tham, còn chưa dẹp sạch cái tham muốn có thần-thông để hơn người.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 175:

Ý-nghĩa của bài Kệ nằm trong hai câu chót: thoát khỏi thế-gian nhờ thắng Ma-vương. Thoát khỏi thế- gian, chẳng phải là bay trên trời, mà là dứt hết các phiền-não ở thế-gian. Thắng được Ma-vương, chẳng phải là dùng thần-thông đánh lộn với Ma, mà là tự thắng được sự cám-dỗ trong lòng mình. Dẹp hết các phiền-não, thắng được sự cám-dỗ, đó chưa phải là thần-thông hay sao?

(145).- Tích chuyện bà Chỉnh-ca-mã.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bà Chỉnh-ca-mã đã phao-vu tội dâm cho Đức Phật.

Thuở ấy, các nhóm tu-sĩ khổ-hạnh ngoại-đạo rất ghen-ghét Đức Phật vì các tín-đồ của họ càng ngày càng bỏ họ mà quy-y với Đức Phật. Họ bàn mưu để làm mất danh-dự của Phật. Họ kêu một người nữ- đồ-đệ rất trung-thành với họ là bà Chỉnh-ca-mã đến và nói: "Nầy tín-nữ, vì quyền-lợi chung của giáo- phái chúng ta, tín-nữ nên làm như thế nầy, để nhục-mạ Sa-môn Cồ-đàm..." Bà Chỉnh vâng lời làm theo.

Mỗi buổi chiều, vào lúc chạng-vạng, bà Chỉnh, tay cầm bó hoa, đi hướng về chùa Kỳ-viên. Gặp ai hỏi đi đâu, bà đáp, đi vào ngủ trong chùa. Đến lúc trời tối, bà Chỉnh lẻn sang lều của các tu-sĩ khổ-hạnh ngoại-đạo. Sáng sớm ra, bà đi về, ai có hỏi đi đâu mà về sớm thế, bà đáp, vừa từ hương-phòng của Phật ra, sau một đêm ở đấy. Cứ như thế, bà Chỉnh đi đi về về trong bốn tháng. Sau đó, bà lấy khăn quấn bụng, độn to u-u lên, làm như đang có thai. Bảy, tám tháng sau, bà lấy nhiều vải bọc một miếng gỗ mỏng, buộc trước bụng to phồng lên, dùng thuốc thoa tay chơn sưng-vù lên, trông giống như người đàn-bà sắp đến kỳ sanh-đẻ. Bà giả-bộ mệt-mỏi, lê bước tới chùa Kỳ-viên, vào lúc xế chiều khi Đức

Phật còn đang giảng-pháp cho các tỳ-kheo và thiện-nam, tín-nữ nghe. Bà ong-óng miệng nói to: "Ớ nầy ông Sa-môn Cồ-đàm! Ông ngồi êm trên bồ-đoàn kia, sướng quá hả, sao ông chẳng giúp đỡ gì cho người đàn-bà mà ông cho mang bầu là tôi đang sắp sanh đây? Ông chỉ biết hưởng thú-vui xác-thịt với tôi mà chẳng chịu nhận lấy trách-nhiệm với người mà ông đã ôm-ấp." Đức Phật ngưng giảng, ôn-tồn bảo: "Nầy chị, chỉ có chị với tôi mới biết rõ là chị có nói đúng sự-thật hay không." Bà Chỉnh tru-tréo: "Ừ! Phải đó, chuyện giữa hai ta, ai vào đó mà biết được?"

Bấy giờ, vua Trời Đế-Thích nhìn xuống, biết chuyện gay-cấn đang diễn ra tại chùa Kỳ-viên. Ngài liền sai bốn vị thiên-nam, biến hình thành bốn con chuột lắt, cắn đứt mấy sợi dây quấn bụng bà Chỉnh, khiến cho tấm ván mỏng rơi tuột xuống. Sự-thật được phơi-bày ra, dân chúng đang ngồi nghe, nổi giận lên, tống cổ bà Chỉnh ra khỏi chùa. Sượng-sùng, bà Chỉnh vừa ra khỏi cổng chùa, đất nứt ra, hút sâu bà sa vào địa-ngục.

Tối hôm ấy, các vị tỳ-kheo bàn-tán về tấn bi-hài-kịch buổi xế, Đức Phật đi ngang qua, nghe thấy, mới bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, một người đã chà-đạp Sự-thật như thế, còn có điều ác nào mà y chẳng dám làm, chẳng hề nghĩ đến ác-báo vào kiếp sau."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Kẻ nào Chơn-lý mà vi-phạm,
Dùng lời vọng-ngữ nói rêu-rao,
Bác bỏ rằng chẳng có đời sau,
Còn có ác nào, hắn chẳng dám?
(Kệ số 176.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Chỉnh-ca-mã: tên người đàn-bà nầy, tiếng Pali là Cincamànavika

- Phao-vu: đặt điều nói xấu rêu-rao cho kẻ khác.

- Khổ-hạnh = đường-lối tu-hành ép-xác như nhịn đói khát, luôn ngồi xổm chẳng nằm, loã-thể, v.v.

- Tín-đồ: Tín = tin-tưởng theo; Đồ = đồ-đệ, học-trò đạo, đệ-tử.

- Quy-y: Quy = quay về, Y =nương-tựa; Quy-y là tìm về nương-tựa

- Chạng-vạng = lúc gần chiều tối, mờ mờ.

- Hương-phòng = căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là Gandhakutì.

- Ong-óng, Tru-tréo = lên cao giọng nói hỗn-hào, vô-lễ.

- Sa-môn: tu-sĩ, phiên-âm chữ Phạn là Sramana, có ba nghĩa: (1) cần-giả (= siêng làm điều thiện); (2) tức-giả (= ngưng bỏ các điều ác); (3) bần-giả (= cam chịu thiếu-thốn).

- Cồ-đàm = họ của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Gotama.

- Bồ-đoàn = nệm để ngồi Thiền.

- Mang bầu: nghĩa bóng là có con trong bụng chưa sanh.

-Thiên-nam: Thiên = Trời; Nam = đàn-ông.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = nhà giam tù. Theo sự tin-tưởng trong Phật học, kẻ làm tội-ác dữ đời nầy sẽ phải chịu hình-phạt khổ-sở trong địa-ngục, khi chết về cõi âm.

- Tấn bi-hài-kịch: Tấn kịch = vở tuồng; Bi = buồn; hài = vui-cười. Tấn bi-hài kịch là màn đóng kịch vừa buồn, vừa tức cười.

- Ác-báo: Ác = dữ-ác; Báo = quả-báo, báo trả; Ác-báo là việc dữ xảy ra, do vì một tội ác trước đã qua làm nguyên-nhơn, nên nay sanh ra hậu-quả xấu là ác-báo.

- Chơn-lý = Sự-Thật.

- Vi-phạm = làm sai, phạm vào điều cấm.

- Vọng-ngữ: Vọng = giả-dối; Ngữ = lời nói. Vọng-ngữ là nói dối.

- Rêu-rao = nói lớn lên nhiều lần cốt để mọi người nghe mình.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc bà Chỉnh-ca-mã vu-oan tội dâm cho Đức Phật. Chuyện bà độn bụng, bị lộ, thật buồn cười, nhưng sau đó bà bị đất nứt, sa vào địa-ngục.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là ngoài việc kẻ nào đặt điều nói láo để hại người khác, thì sẽ bị sa vào địa- ngục; lại còn có sự ngu-ác chẳng chịu tin-tưởng theo giáo-lý là có kiếp sau của Luân-hồi, cứ tưởng- lầm, hễ chết đi là hết (đó gọi là đoạn-kiến, vốn là một tà-kiến.)

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 176:

Bài Kệ dạy rằng, kẻ nào rêu-rao chê-bai chẳng có đời sau hay kiếp sau là vi-phạm vào Chơn-lý, vào Sự-Thật của việc tái-sanh trong vòng Luân-hồi. Đối với kẻ ấy, chẳng có điều ác nào làm cho y sợ-hãi, vì y cho rằng chỉ có một đời thôi, hãy cứ hưởng-thọ điều sung-sướng, hãy cứ dùng mọi cách, tốt xấu chẳng hề gì, miễn là mình được lợi mà thôi, nào có quả-báo Luân-hồi chi ở đời sau mà lo.

Hậu-quả của tà-kiến nầy, cho rằng hễ chết là hết cả, là sẽ sa vào địa-ngục chịu hình-phạt khổ-sở để đền tội.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ: quả-báo, nhơn-quả, trải qua ba đời: các đời trước, đời nầy và các đời sau.

(146).- Tích chuyện công-đức Đại-Bố-thí.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến công-đức Đại-Bố-thí của vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la.

Thuở ấy, vua Ba-tư-nặc có cung-thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến hoàng-cung để làm đại-lễ trai-tăng bố-thí. Các vị quan đại-thần cũng tranh nhau cúng-dường Đức Phật và Tăng-đoàn, để thi-đua với nhà Vua. Theo đề-nghị của Hoàng-hậu Mạt-lợi, vua Ba-tư-nặc cho dựng lên một căn lều vĩ-đại, trang- hoàng rực-rỡ, có năm trăm cái lọng bằng tơ trắng, giương ra, được năm trăm con voi trắng cầm, để che mát cho năm trăm vị tỳ-kheo thọ-thí. Ngay giữa lều, mười chiếc đại-thuyền chở đầy hương-hoa thơm ngát; lại có hai trăm năm mươi nàng công-chúa trẻ đẹp cầm quạt, đứng quạt hầu cho các vị tỳ-kheo.

Các quan trong triều chẳng tìm đâu ra đủ số lọng trắng, voi trắng và các nàng công-chúa nào, nên đành chịu thua.

Đến ngày đại-lễ, quan đại-thần Dung-hạ nhìn quang-cảnh tráng-lệ, hết lời khen ngợi nhà Vua và tỏ ra rất vui-mừng thấy Vua thực-hiện được công-đức bố-thí vĩ-đại đó. Ông nghĩ rằng công-đức vô-lượng của việc đại-bố-thí nầy, nhà vua sẽ hồi-hướng cho chúng-sanh mọi miền, và chính ông cũng được dự hưởng.Trái lại, quan đại-thần Khả-la thì nghĩ khác; ông cho rằng chỉ trong một ngày mà nhà Vua đã tiêu-phí đến hàng vạn tiền vàng để tổ-chức bố-thí. Theo ông, đó là một sự phí-phạm lớn, làm hao-tổn công-quỹ, các vị tỳ-kheo nên lãnh phần ăn rồi ra về chùa tụng kinh xong đi ngủ là tốt nhứt. Đức Phật quán-thấy tâm-trạng bủn-xỉn của quan Khả-la, Ngài nghĩ rằng, nếu nay Ngài giảng một bài pháp dài để tán-thán công-đức nhà Vua, thì quan đại-thần Khả-la sẽ bất-mãn, và hậu-quả là đời sau, ông ấy sẽ đoạ vào các đường dữ. Vì thế, Đức Phật chỉ giảng một bài pháp thật vắn-tắt, rồi ra về. Vua Ba-tư-nặc thất- vọng, tưởng rằng trong

khi cúng-dường, mình có sơ-sót điều chi, nên ngày hôm sau, vua đến yết-kiến Đức Phật.

Vừa trông thấy vua Ba-tư-nặc đến, Đức Phật liền nói: "Hôm qua, nhà vua đã tổ-chức một cuộc đại-bố- thí vô cùng trọng-thể, thật là công-đức vô-biên. Mọi người đều khen-ngợi, chỉ trừ có quan đại-thần Khả-la chẳng thích việc bố-thí, xem đó như lãng-phí tiền-của. Nếu Như-lai thuyết-giảng dài-dòng, ông ta sẽ bất-mãn và trong tâm sẽ nổi lên sự chê-bai việc bố-thí; điều đó khiến cho đời nầy, ông ta chẳng được sung-sướng, mà đời sau lại càng khổ-sở. Vì lẽ ấy mà hôm qua Như-lai chỉ nói vắn-tắt vài lời mà thôi." Đức Phật lại nói tiếp: "Nầy Đại-vương, kẻ ngu-dại chẳng hề khen-ngợi sự bố-thí rộng-rãi của người khác, y sẽ sanh vào cõi dữ. Còn người hiền-trí biết tán-thán lòng từ-thiện của kẻ khác, biết tuỳ-hỉ công-đức, chia xẻ được lợi-lạc cùng người thí-giả và sẽ sanh lên cõi Trời vào đời sau."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Kẻ bủn-xỉn chẳng được sanh Thiên,
Người ngu-dại chẳng khen bố-thí.
Vui với lòng từ-thiện, bực hiền
Đời sau hưởng hạnh-phước vô-biên.
(Kệ số 177.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-Bố-thí: Đại = lớn; Bố = rộng lớn, cùng khắp; Thí = cho. Đại-bố-thí là lễ hiến-tặng thực-phẩm, của-cải thật lớn lao cho nhiều người.

- Vua Ba-tư-nặc xứ Câu-tát-la: Xin nhắc lại, đây là vị vua rất tôn-sùng đạo Phật. Tiếng Pali: vua Pasenadi, nước Kosala.

- Thi-đua = tranh hơn.

- Mạt-lợi: hoàng-hậu rất sùng đạo Phật nầy, tiếng Pali là Mallikà.

- Lọng = cây dù lớn và cao, bên trên mặt bằng, giương ra che mát, trông rất trang-nghiêm, để đón-tiếp các bực quí-trọng.

- Dung-hạ: tên vị quan-lớn nầy, tiếng Pali là Junha.

- Công-đức vô-lượng = hành-động thiện rất rộng lớn. (Công-đức = hành-động thiện-lành, đem lại phước-báu cho người làm; Vô-lượng = chẳng thể tính-toán hết nổi, vì quá rộng lớn.)

- Hồi-hướng: Hồi = quay trở về; Hướng = hướng về, chiếu về; Hồi-hướng là tâm nghĩ đến việc chia xẽ lợi-lạc của công-đức đến kẻ khác.

- Công-quỹ: kho tiền của nhà-nước.

- Bủn-xỉn = keo-kiệt, kẹo, rít-róng, chẳng chịu tốn tiền của mình.

- Khả-la = tên vị đại-thần nầy, tiếng Pali là Kàla.

- Bất-mãn: Bất = chẳng; Mãn = thoả-mãn, vừa lòng. Bất-mãn là chẳng vừa ý, chẳng vui lòng.

- Đường dữ: dịch tiếng Hán-Việt là ác-đạo. Theo Phật-học, chúng-sanh sẽ sanh lại vào một trong sáu đường, ba đường ác (=ác-đạo) và ba đường lành (=thiện-đạo). Xin nhắc lại: Ba ác-đạo: (1) địa-ngục, (2)ngạ-quỉ (= quỉ đói); (3) súc-sanh (=thú-vật). Ba thiện-đạo là: (4) cõi người;(5)cõi A-tu-la (Asura, thần-linh);(6) cõi Trời(= sanh Thiên)

- Tán-thán = khen ngợi.

- Từ-thiện: Từ = thương và giúp người; Thiện = lành; Từ-thiện, ở đây, trỏ vào lòng thương người và siêng-năng làm việc bố-thí.

- Tuỳ-hỉ công-đức: Tùy = theo; hỉ = vui. Tuỳ-hỉ công-đức là khi thấy người khác làm việc thiện, mình tỏ lòng vui-mừng cùng với người ấy, mà chẳng hề ganh-ghét. Đây cũng là một công-đức lành cho người biết tuỳ-hỉ, được chia-xẻ phước-báu với kẻ làm việc thiện.

- Vô-biên = chẳng có bờ bến nào, vì quá lớn (Biên = bờ ranh).

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại công-cuộc đại-bố-thí của Vua Ba-tư-nặc, một vị đại-thần biết ngợi-khen công-đức và biết tuỳ-hỉ công-đức ấy. Trái lại quan Khả-la lại chê-bai việc bố-thí, Đức Phật bảo ông ta chẳng được sung-sướng trong đời nầy, và đời sau, sẽ tái-sanh vào đường dữ.

Ý-nghĩa quan-trọng của Tích chuyện là việc Tuỳ-hỉ công-đức. Đây là một trong mười hạnh của Bồ-tát Phổ-Hiền, vui mừng khi thấy có người làm việc thiện. Khi tuỳ-hỉ, ta diệt được lòng ganh-ghét kẻ khác khi thấy họ làm được việc khó làm, có ích lợi cho chúng-sanh. Khi tuỳ-hỉ, ta chia-xẻ được phước-báu với người đang làm việc thiện: người ấy vui vì làm được việc thiện, ta cũng vui vì thấy người khác thành-công.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 177:

Ý-nghĩa bài Kệ cũng giống với ý-nghĩa Tuỳ-hỉ của Tích chuyện.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, đọc lên để nhắc-nhở những kẻ bủn-xỉn, đã chẳng bố-thí, lại chẳng biết tuỳ-hỉ công- đức bố-thí của kẻ khác.

(147).- Tích chuyện con trai ông Cấp-cô-độc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người con trai của ông Cấp-cô-độc, tên là Khả-la.

Ông Cấp-cô-độc là một người đệ-tử tu tại-gia rất thuần-thành của Đức Phật. Ông rất chăm làm việc bố- thí, cứu-giúp kẻ nghèo-khó, cô-đơn, nên được người đời tặng cho danh-hiệu là Cấp-cô-độc. Chính ông đã đem vàng ra trải lên mặt đất để mua khu vườn của Thái-tử Kỳ-đà, cất chùa Kỳ-viên, dưng-cúng Đức Phật và Tăng-đoàn. Nhưng ông có

người con trai, tên là Khả-la, lại chẳng chịu nghe Chánh-pháp, mỗi khi Đức Phật đến nhà thuyết-pháp, thì cậu ta lại bỏ đi chơi. Ông Cấp-cô-độc nghĩ ra một cách để cho con mình biết trọng Chánh-pháp. Biết chàng thiếu-niên nầy muốn có tiền riêng để tiêu-phí, ông Cấp-cô-độc liền bảo rằng: "Nầy Khả-la, nếu con chịu vào chùa thọ Bát-quan-trai trong một ngày, cha sẽ cho con mười đồng tiền vàng." Khả-la bằng lòng, vào chùa, trong hai mươi bốn tiếng, phần lớn là ngồi ngủ gục, chẳng nghe Đức Phật giảng-pháp. Hôm sau về nhà, trước khi ăn cháo buổi sáng Khả-la đã ngửa tay ra đòi tiền ... công đi tu!

Cách đó mấy ngày, ông Cấp-cô-độc bảo con: "Nầy con, cha muốn nghe một bài Kệ của Đức Phật, con hãy vào chùa ngồi nghe giảng-pháp và học thuộc lòng một bài Kệ về đọc lại cho cha nghe, cha sẽ thưởng con hai mươi đồng tiền vàng." Khả-la thích tiền nhiều hơn kỳ trước, đi ngay vào chùa, thưa với Đức Phật xin nghe giảng pháp và học một bài Kệ. Đức Phật giảng một bài pháp ngắn và đọc lên bốn cây Kệ. Nghe xong, Khả-la đọc nhẩm lại trong đầu, nhưng chẳng nhớ hết. Được Phật nhắc lại, Khả-la ráng học thuộc, đọc đi đọc lại nhiều lần cho nhuần, rồi chạy thẳng về nhà, đọc lên vanh-vách, và đòi ... tiền công.

Trong vòng nửa tháng, Khả-la lãnh được nhiều tiền mà trong tâm cũng thuộc được nhiều bài Kệ. Nhờ đọc đi đọc lại nhiều lần cho thật thuộc để nhắc lại cho cha nghe, nên tâm-trí Khả-la bắt đầu hiểu được nghĩa sâu-xa của các bài Kệ, tồi từ đó mà lần lần mến-thích Đạo-pháp. Chẳng bao lâu, Khả-la chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Hôm ấy, Khả-la thọ Bát ở chùa xong, liền tháp-tùng cùng chư Tăng, theo Đức Phật, trở về nhà, vì ông Cấp-cô-độc đang sửa-soạn thực-phẩm để cúng-dường. Khả-la vào nhà, liền ra ngồi nghiêm-chỉnh lắng nghe bài thuyết-pháp của Đức Phật, lòng nghĩ thầm: "Cầu mong cha ta đừng đem tiền ra thưởng ta trước mặt Đức Phật, ta chẳng muốn Ngài biết rằng ta đi thọ Bát chỉ để lãnh tiền công tu." Nhưng sau thời pháp, ông Cấp-cô-độc mang tiền ra cho con, ngạc-nhiên thấy Khả-la từ-chối chẳng nhận. Ông liền bạch Phật: "Sao bây giờ, thằng Khả-la của con, tánh-tình lại đổi khác như thế? Mấy tháng nay, hễ nó vào chùa học thuộc được bài Kệ nào, đọc lại cho con nghe, thì được thưởng tiền, nay số tiền nầy lên đến cả ngàn, sao nó lại chê?" Đức Phật vui-vẻ bảo; 'Khả-la nay đã chứng được quả-vị Tu-đà-huờn, lòng đã dứt được sự tham-luyến tiền-của. Đắc được quả-vị Tu-đà-huờn còn quí hơn là ngai vàng của vị bá-chủ hoàn-cầu, của chư Thiên và của các Phạm-thiên."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hơn quyền bá-chủ hoàn-cầu,
Hơn ngôi Thiên-chủ trên bầu Trời xanh;
Chủ-tể càn-khôn tranh chưa nổi,
Chính là quả-vị Tu-đà-huờn.
(Kệ số 178.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

-Cấp-cô-độc: tên vị cư-sĩ nổi-danh nầy, tiếng Pali: Anàthapindika

- Thuần-thành = rất mộ-đạo và chăm chỉ tu-hành.

- Cô-đơn, Cô-độc = ở một mình chẳng có cha-mẹ, bà-con giúp.

- Thọ Bát-quan-trai: Xin nhắc lại: thọ Bát là vào chùa tu trong 24 giờ, tuân theo 8 điều giới-cấm.

- Tu-đà-huờn: tiếng Pali là Sotapatti, dịch là Nhập-Lưu, nghĩa là được bước vào dòng nước Thánh (= đã tu đúng đường rồi), còn gọi là Thất-Lai, nghĩa là chỉ còn phải tái-sanh bảy lần nữa, mới chứng quả Thánh, khỏi phải sanh-tử trong cảnh Luân-jồi khổ-đau và lẩn-quẩn.

- Tham-luyến = tham-lam và luyến-tiếc, chẳng dứt bỏ đi được.

- Ngai vàng = cái ghế bằng vàng dành cho Vua ngồi.

- Bá-chủ hoàn-cầu: vị chúa-tể cai trị cả hoàn-cầu (= trái đất.)

- Thiên-chủ = vua Trời.

- Càn-khôn = vũ-trụ, hoàn-cầu, thế-giới.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc dạy con theo Đạo-pháp, rất khôn-khéo của ông Cấp-cô-độc: dùng sự tưởng- thưởng để từ từ khuyến-khích con đi theo con dường đạo-đức.

Ta có thể ứng-dụng cách dạy con nầy vào việc sửa đổi lần lần tánh-nết của con:

- tập cho con tánh có trật-tự và sạch-sẽ: mỗi khi chúng chơi xong, nhắc chúng dọn-dẹp đồ chơi lại cho có thứ-tự, rồi thưởng cho một món đồ chơi mà nó thích.

- Mừng ngày Sinh-nhựt của mẹ, bảo trẻ đọc một bài Kệ ngắn, gọi là đền ơn mẹ, v.v.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 178:

Bài Kệ nêu lên sự quí-báu của quả-vị Tu-đà-huờn là quả-vị đầu-tiên trong hàng Thanh-văn. Tại sao lại quí-báu:

- quí hơn ngôi bá-chủ hoàn-cầu, vì, vị bá-chủ đó khi hưởng hết phước làm bá-chủ sẽ phải tái-sanh lại, có thể sa vào các đường dữ, nếu trong khi còn sống chẳng làm lành. Còn vị đã chứng quả Tu-đà-huờn khi tái-sanh lại bảy lần, đều sanh vào ba đường lành.

- quí hơn các bực Trời, các vị chủ-tể càn-khôn, vì, các bực Trời, các bực chủ-tể, khi hưởng hết phước, tái-sanh lại có thể được làm người hay phải sa vào đường dữ.

Điểm quí-báu nhứt của quả-vị Tu-đà-huờn là đã đi đúng con đường Thánh-đạo, tiếp-tục đi tới chẳng thoái chuyển, sau bảy đời sẽ chứng quả vô-sanh của bực Thánh, an-nhàn trong cõi Niết-bàn.

HỌC TẬP:

1.- Học kỹ bài Kệ, ghi nhớ: sự quí-báu của quả-vị Tu-đà-huờn.

2.- Khuyến khích sắp nhỏ theo bà ngoại đi chùa, về nhà sẽ khen.

-ooOoo-

XIV.- Phẩm PHẬT - ĐÀ.

(148).- Tích chuyện ba cô gái của Ma-vương.

(Tích chuyện nầy hơi giống Tích chuyện Hoàng-hậu Sa-mã-hoa)

Vào một thời kia, Đức Phật du-hành qua xứ Ku-ru, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến ba nàng con gái đẹp của Ma-vương.

Thuở ấy, ở xứ Ku-ru có một vị Bà-la-môn tên là Mã-can-di, thờ thần lửa. Ông có một người con gái nhan-sắc rất đẹp, tên là Mã-can-di-hoa, bao nhiêu chàng trai đến xin cưới, nhưng ông còn chưa bằng lòng vì chưa gặp người xứng-đáng với sắc đẹp của con.

Sáng sớm hôm ây, trong cơn Thiền-định, Đức Phật quán-thấy cơ-duyên đã đủ để cho vợ chồng ông Mã đắc được quả-vị A-na-hàm, nên sau đó Ngài bưng bình bát đi khất thực ngang qua xóm của Mã-can-di. Vừa trông thấy tướng-mạo trang nghiêm, đủ ba mươi vẻ đẹp của Đức Phật, ông Mã chạy vào kêu vợ ra nhìn, và có ý-định gả con cho Đức Phật. Nhưng Đức Phật từ chối, nói: "Khi Ta sắp thành Đạo dưới cội Bồ-đề, Ma-vương cho ba người con gái đẹp, nhan-sắc tuyệt-trần là các nàng Tham-ái, Ác-cảm và Dục- vọng đến cám-dỗ Ta. Nhưng đối với kẻ đã dứt sạch tham-ái, tríu-mến và dục-vọng, các nàng đã dùng đủ mọi cách mà chẳng dụ-dỗ nổi. Tâm Ta chẳng hề mảy-may khởi lên sự ham-muốn nào cả. Huống chi ngày nay, tấm thân vật-chất của con gái ông, bên trong chứa đầy chất bất-tịnh, Ta cũng chẳng muốn bước chơn tới gần đụng-chạm đến."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó mà vợ chồng ông Mã-can-di chứng được quả-vị A- na-hàm và xin gia-nhập Giáo-hội

Ngài chiến-thắng hoàn-toàn trên thế-gian,
Dục-vọng tiêu-trừ chẳng còn theo bận,
Trí-huệ Phật rộng sâu vô-cùng-tận,
Bực không dấu-vết, ai vẽ được bước chơn.
(Kệ số 179.)
Ngài đã vượt qua lưới tham rối-rắm,
Ái-dục chẳng còn tham-đắm tái-sanh,
Trí-huệ Phật rộng sâu vô-cùng-tận,
Bực không dấu-vết, ai vẽ được bước chơn.
(Kệ số 180.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phật-đà: phiên-âm chữ Phạn Buddha, Phật, có nghĩa là giác, bực đã giác-ngộ và giải-thoát hoàn- toàn.

- Ku-ru: xứ ở miền Bắc Ấn-độ xưa, tên tiếng Pali là Kuru.

- Ma-vương = Vua Ma, còn gọi là Ma Ba-tuần, tượng-trưng cho sự cám-dỗ người khác làm việc quấy; tiếng Pali là Màra.

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ; tiếng Pali là Brahma. Bốn giai-cấp xưa ở Ấn là (1)Bà-la- môn,tu-sĩ, (2)Sát-đế-lợi, vua quan; (3)Phệ-xá, buôn-bán; (4) Thủ-đà-la, công-nhơn, nông-phu.

- Mã-can-di: tên vị nầy tiếng Pali là Màgandiya; còn người con gái là Màgandiyà.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn, còn gọi là Bất-Lai, nghĩa là chẳng tái-sanh trở lại cõi người nữa, sanh lên Trời, tiếp-tục tu để đắc Thánh-quả A-la-hán. A-na-hàm, tiếng Pali: Anàgàmi.

- Ba mươi hai vẻ đẹp của Phật: theo trong Kinh sách, thân-thể của Đức Phật có 32 tướng tốt, như vành tai dài, trên đầu có nhục-kế (= cục thịt u trên đỉnh đầu), trước ngực có chữ Vạn, v.v.

- Cội Bồ-đề: cây Bồ-đề, nơi tu-sĩ Cồ-đàm ngồi Thiền 49 ngày đêm, sau đó thành Đức Phật Thích-ca.

- Nhan-sắc tuyệt-trần = sắc đẹp chẳng còn có ai hơn được.

- Cám-dỗ = dụ-dỗ, xúi-giục.

- Tham-ái = còn gọi là khát-ái, ái-dục; sự tham-lam tríu-mến;

- Ác-cảm = cảm-tình xấu-ác, như ghen ghét, oán-ghét.

- Dục-vọng = lòng ham-muốn, nhứt là về thú vui xác-thịt.

- Tríu-mến = tham-luyến, đeo chặt chẳng buông bỏ ra được.

- Bất-tịnh: Bất = chẳng; Tịnh = sạch-sẽ. Chất bất-tịnh là chất dơ.

- Tiêu-trừ = diệt bỏ mất hết, chẳng còn vết-tích gì nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc ông Mã-can-di trông thấy tướng-mạo trang-nghiêm của Đức Phật, muốn gả cô gái đẹp của ông cho Ngài. Nhưng Đức Phật từ-chối, bảo rằng trước đây ba cô gái của Ma-vương, nhan-sắc tuyệt-trần, theo cám-dỗ, tâm Ngài còn chẳng khởi lên sự ham-muốn, nữa là nay nhìn thấy tấm thân bất-tịnh của một người nữ, sao lại chẳng nhàm-chán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là người đã hoàn-toàn ly-dục (=dứt bỏ mọi tham-luyến, mong-cầu, dục- vọng) dễ-dàng thoát khỏi sự cám-dỗ của cảnh-vật bên ngoài cùng các sự ràng-buộc lôi-kéo của các tâm-trạng bất-thiện ở bên trong. Tâm của bực ấy thật là thanh-tịnh. Đó là mục-tiêu tu-tập và kết-quả chứng-đắc của các bực A-la-hán, Phật-đà.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 179 và 180:

Thử phân-tách từng câu:

1.- Ngài chiến-thắng hoàn-toàn trên thế-gian: Ngài ở đây chỉ vào Đức Phật. Ở thế-gian nầy, Ngài đã diệt hoàn-toàn các lậu-hoặc.

2.- Dục-vọng tiêu-trừ chẳng còn theo bận: Các ham-muốn và tríu-mến dứt bỏ xong, chúng chẳng còn đeo theo làm bận Ngài nữa.

3) Trí-huệ Phật rộng sâu vô-cùng-tận: đó là nhứt-thiết chủng-trí cuả Đức Phật, cái trí thông-suốt được tất cả muôn loài.

4. Bực không dấu-vết, ai vẽ được bước chơn: Dấu-vết gì? Đó là các dấu-vết còn sót lại tức là tham-ái, dục-vọng cứ dẫn mãi chúng-sanh phải trôi lăn trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi. Vì chẳng có dấu-vết gì để lại, thì ai lại có thể thấy(=vẽ lại) được chỗ các Ngài tái-sanh.

5.- Ngài đã vượt qua lưới tham rối-rắm: tức là Ngài đã diệt bỏ được mọi hình-thức của sự tham-luyến đang giăng ra để lôi kéo chúng-sanh vào cảnh tái-sanh trong vòng Luân-hồi.

6.- Ái-dục chẳng còn tham-đắm tái-sanh: Tâm Ngài đã dứt tuyệt sự ham muốn được tái-sanh nữa.

7) Hai câu chót bài Kệ số 180 giống với hai câu chót của bài Kệ số 179: chẳng thể nào tìm thấy dấu- vết nào của bực A-la-hán, của Phật-đà, để biết các Ngài tái-sanh về đâu. Tại sao? Vì các Ngài đã chứng vô-sanh, tự-tại mãi trong cảnh tịch-diệt của Niết-bàn.

(149).- Tích chuyện Đức Phật từ cõi trời Đao-lợi trở lại thế-gian.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, trong một kỳ giảng-pháp, có nói đến chuyến đi của Ngài từ cung trời Đao-lợi trở lại cõi thế-gian.

Thuở ấy, vào đầu muà an-cư kiết-hạ, sau khi chiến-thắng các giáo-phái ngoại-đạo, Đức Phật thăng lên cung Trời Đao-lợi để giảng-pháp cho chư Thiên nghe. Mẹ Ngài là Hoàng-hậu Ma-gia trước kia, từ cung Trời Đâu-suất cũng đến cõi Trời Đao-lợi để dự-thính. Trong ba tháng, Đức Phật khai giảng Kinh Vi-diệu-pháp A-tỳ-đạt-ma cho chư Thiên, chư Phạm-Thiên, nhờ đó mà Hoàng-hậu Ma-gia chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Trong thời-gian đó, Tôn-giả Xá-lợi-phất vâng lịnh Phật, đến thành San-kha, cách thành Xá-vệ ba mươi do-tuần, giảng dạy Vi-diệu-pháp cho năm trăm vị tỳ-kheo đang qua mùa an-cư tại đây. Gần mãn mùa an-cư, Tôn-giả Mục-kiền-liên dùng phép thần-thông lên cõi Trời Đao-lợi để gặp Đức Phật, Tôn-giả được cho biết Đức Phật sẽ trở lại thế-gian đúng vào đêm trăng tròn rằm tháng Tám, ngay tại thành San-kha.

Vào đêm ấy, Đức Phật hiện lên với hào-quang sáu màu rực-rỡ, theo hầu bên trái Ngài là chư Thiên, bên phải có chư Phạm-thiên. Thành San-kha bừng sáng lên trong cảnh huy-hoàng chưa từng có. Tôn- giả Xá-lợi-phất hướng-dẫn tỳ-kheo đến cung-nghinh Phật. Tôn-giả bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, chúng con chưa từng được chiêm-ngưỡng một khung-cảnh trang-nghiêm, rực-rỡ, chói-lọi như thế nầy. Quả thật, Thế-tôn là bực được cả cõi Trời, cõi người đồng kính-mộ." Đức Phật bảo: "Đức-độ của chư Phật được Trời,

Người đều mến-yêu."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Bực hiền-trí tinh-tấn hành thiền,
Vui an-tịnh trong hạnh viễn-ly,
Tỉnh-giác hoàn-toàn trong chánh-niệm,
Được sự kính-mộ của chư Thiên.
(Kệ số 181.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Cõi Trời Đao-lợi = cõi Trời thuộc về Dục-giới, tiếng Pali là Tàvatimsa, dịch là cõi Tam-thập-tam Thiên, có 33 cảnh (bốn phiá có tám cảnh, ở giữa có thành Hỷ-kiến của vua Trời Đế-thích, 4x8 +1 = 33)

- Cõi Trời Đâu-suất = cõi Trời cao hơn cõi Đao-lợi, thuộc Dục-giới, tiếng Pali là Tusita, nơi đây có Bồ-tát Di-lặc đang giảng pháp.

- Muà an-cư kiết hạ: Xin nhắc lại: an-cư = ở yên; kiết-hạ = trải qua mùa hè. Vào mùa nầy, chư Tăng- ni chẳng ra ngoài khất-thực, sợ đạp chết côn-trùng đang sanh-sản nhiều.

- Chiến-thắng các giáo-phái ngoại-đạo: theo trong kinh-sách, vào lúc đó, Đức Phật đấu phép thần- thông, thắng được phe ngoại-đạo.

- Ma-gia: tên của Hoàng-hậu, mẹ Thái-tử Tất-đạt-ta, tiếng Pali là Màyà; khi tái-sanh làm thiên-nữ có tên là Santusita.

- Dự-thính: Dự = tham-dự;Thính = nghe. Dự-thính = đến ngồi nghe

- Vi-diệu-pháp, A-tỳ-đạt-ma: Kinh nầy thuộc về Luận-tạng, tiếng Pali là Abhidhamma, phiên-âm là A- tỳ-đạt-ma, dịch là Vi-diệu-pháp.

- Thành San-kha: tên thành-phố nầy, tiếng Pali: Sankassanagara

- Do-tuần: đơn-vị đo chiều dài hơn một dặm, tiếng Pali: yojana

- Đêm trăng tròn rằm tháng Tám: theo trong Kinh-sách, đó là tháng Assayuja, vào khoảng giữa hai tháng 10, 11 của dương-lịch.

-Hào-quang = ánh-sáng chói-lọi phát ra từ thân-thể bực tu-hành cao, định-lực thật mạnh.

- Phạm-Thiên = vị Trời ở cõi Phạm, tiếng Pali là Brahmà.

- Cung-nghinh: Cung = cung-kính; Nghinh = nghinh đón.

- Chiêm-ngưỡng = ngắm nhìn với lòng đầy thán-phục.

- Hạnh viễn-ly: Hạnh =hành-động, tánh-tình; Viễn = xa; Ly = lìa ra. Hạnh viễn-ly là hạnh xa-lià, dứt- bỏ, xả-bỏ, chẳng còn tham-luyến.

- Tỉnh-giác = Tỉnh = tỉnh thức, chẳng mê; Giác = biết rõ. Chữ Tỉnh-giác là danh-từ chuyên-môn Phật- học, gần nghĩa với chú-tâm, chú-ý.

- Chánh-niệm: Chánh = chơn-chánh; Niệm = ý-nghĩ. Tâm đang ở trong chánh-niệm là tâm dứt được vọng-tưởng mà trở nên an-tịnh.

- Kính-mộ = kính mến và thương-yêu.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Đức Phật lên cung trời Đao-lợi giảng Vi-diệu-pháp, nhờ đó mà Hoàng-hậu Ma-gia, mẹ Ngài, chứng được quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn. Tích chuyện mô-tả cảnh huy-hoàng ở thành San-kha khi Đức Phật được chư Thiên, chư Phạm-Thiên theo hầu, trở về cõi thế-gian.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: Đức-độ cao-cả của chư Phật được cả Trời, Người đồng kính-mộ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 181:

Bài Kệ nêu ra các đức-tánh quí-báu của chư Phật đã khiến cho tất cả Trời, Người đồng kính-mộ.

Các đức-tánh đó gồm có ba, được bài Kệ kể ra là:

1) Tinh-tấn hành Thiền: Tính-tấn là cố gắng và bền-bỉ thực hành việc gì. Hành Thiền là tu Thiền, nhứt là ngồi Thiền, giữ sao cho tâm-ý được an-tịnh. Tinh-tấn hành thiền là nỗ lực tu-tập cho tâm trở nên càng ngày càng thanh-tịnh hơn.

2) Hạnh viễn-ly: Viễn-ly là xa-lìa, dứt bỏ. Bỏ cái chi? Bỏ sự tham-luyến. Tham-luyến cái gì? Tham- luyến những cái của ta, bên ngoài là vật-chất, của-cải, danh-lợi; bên trong là các phiền-não. Tại sao lại tham-luyến những cái của ta? Vì trong tâm lúc nào cũng nghĩ đến cái Ta, cái Ngã. Dẹp bỏ, hay là rời xa ra, được cái Ta và những cái của Ta, là đang thực-hiện hạnh viễn-ly.

3) Tỉnh-giác hoàn-toàn trong chánh-niệm: Người tỉnh-giác luôn luôn giữ chánh-niệm. Người có chánh-niệm thường-xuyên là người tỉnh-giác. Bước đầu tu-luyện phải luôn luôn chú-tâm vào chính tâm mình, làm gì, nói gì, nghĩ gì bao giờ cũng biết mình đang làm việc đó, và chỉ chú-tâm vào việc đó mà thôi; đối với nói và nghĩ, cũng lại chú tâm y như thế.

Tóm lại, ba đức-tánh quí ấy qui về việc tu tâm, tu sao cho tâm thanh-tịnh hoàn-toàn.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, để ghi nhớ ba đức-tánh do sự tu-tâm đem lại

(150).- Tích chuyện Long-vương Y-ra-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ gần thành Ba-la-nại, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Long- vương Y-ra-kha.

Thuở ấy, có một vị Long-vương tên là Y-ra-kha, vua của loài rồng, trong một tiền-kiếp làm một tỳ- kheo, vì vô-ý dẫm lên một ngọn cỏ non, chẳng sám-hối, nên mới tái-sanh vào hàng rồng. Long-vương có một người con gái tuyệt-đẹp, muốn dùng nhan-sắc của con làm phương-tiện để biết được khi nào có một vị Phật ra đời. Long-vương tuyên-bố cho mọi người biết, ai đáp trúng các câu hỏi do công-chúa nêu ra, thì sẽ được chọn làm Phò-mã. Mỗi buổi sáng, công-chúa ra múa hát trước đền, chờ đợi người đến đối-đáp. Nhiều chàng trai say-mê sắc-đẹp đến trỗ tài, nhưng chẳng ai đáp đúng cả.

Một hôm vào sáng sớm, Đức Phật quán-thấy một chàng thanh-niên đẹp trai, sắp đủ cơ-duyên để chứng-đắc quả-vị Tu-đà-huờn. Ngài ra đi khất-thực, gặp chàng trai đang lên đường đi đến đền vua rồng, Ngài mới dừng lại dạy chàng cách trả lời các câu hỏi của công-chúa. Nghe hiểu xong lời Phật dạy, chàng trai, có tên là Ức-tha-ra, chứng ngay được quả-vị Tu-đà-huờn. Chàng chẳng còn mong- muốn làm Phò-mã nữa, nhưng chỉ vì lợi-ích cho chúng-sanh, chàng vẫn đến đền vua để trả lời.

Các câu hỏi đầu-tiên gồm có:

1) Ai là vị chủ-tể?

2) Kẻ mê-mờ vì các lậu-hoặc có làm chủ-tể được không?

3) Kẻ chủ-tể nào thoát khỏi các lậu-hoặc?

4) Hạng người nào đáng gọi là người ngu-si?

Các câu trả lời đúng-đắn là:

1) Người làm chủ sáu căn là vị chủ-tể.

2) Kẻ còn bị lậu-hoặc làm mê-mờ, sao gọi là chủ-tể được?

3) Chủ-tể nào đã thoát khỏi tham-ái, thì thoát khỏi lậu-hoặc.

4) Hạng người nào còn tham-đắm các thú-vui thể-xác là hạng người ngu-si.

Sau khi nghe đáp đúng các câu hỏi sơ-khởi, công chúa lại nêu lên các vấn-đề: sự tràn-ngập của các dục-vọng, cuộc tái-sanh lẩn-quẩn trong vòng Luân-hồi, các tà-thuyết ngoại-đạo, cùng cách giải-quyết các vấn-đề đó. Ức-tha-ra đều giải-đáp thoả-đáng cả, dựa theo lời chỉ-dạy của Đức Phật. Long-vương nghe qua, lòng rất mừng rỡ, biết chắc là có Phật ra đời, mới ưng gả con cho chàng trai. Ức tha-ra từ chối, nói mình sẽ đến gặp Phật để xin làm tỳ-kheo. Long-vương ngỏ lời xin đi theo. Khi vào yết-kiến Đức Phật, Long-vương thuật lại vì sao mình phải thác-sanh vào hàng rồng. Đức Phật bảo: "Được sanh vào cõi người, rất khó. Gặp được chư Phật ra đời, lại khó hơn. Được nghe Chánh-pháp của chư Phật, càng khó-khăn hơn nữa."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Khó thay, sanh được làm người!

Khó thay, giữ toàn mạng sống!
Khó thay, được nghe Chánh-pháp!
Khó thay, thấy Phật ra đời!
(Kệ số 182.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Long-vương: Long = rồng;Vương = vua. Long-vương là vua rồng

- Y-ra-kha: tên vị vua rồng nầy, tiếng Pali là Erakapatta.

- Thành Ba-la-nại = thành-phố Bénarès ở Ấn-độ, nay là Vàranasì, trước đây Đức Phật khi thành Đạo giảng bài pháp đầu-tiên là "Tứ-diệu-đế" cho năm anh em ông Kiều-trần-như nghe.

- Tiền-kiếp = một đời sống trước đời sống hiện nay. (Tiền = trước)

- Sám-hối: tỏ vẻ ăn-năn tội-lỗi và nguyện xin chẳng tái-phạm.

- Tái-sanh: Tái = một lần nữa; Sanh = sanh ra, chào đời. Tái-sanh là sau khi chết ở đời nầy, lại sanh ra ở đời sau, theo thuyết Luân-hồi.

- Phò-mã = chồng của công-chúa, rể của Vua.

- Quán-thấy = trong cơn Thiền-định, nhìn thấy rõ trong tâm.

- Cơ-duyên: Cơ = cơ-hội; Duyên = duyên-cớ. Đủ cơ-duyên là gặp đủ cơ-hội tốt, dịp may-mắn.

- Quả-vị Tu-đà-huờn = quả-vị thứ nhứt; người chứng quả Tu-đà-huờn (1) chẳng chấp thân nầy là Ta; (2) chẳng nghi-ngờ Chánh-pháp; (3) chẳng theo các nghi-thức cúng-tế của tà-giáo.

- Khất-thực = mang bình bát đi xin ăn. (Khất = xin; Thực = ăn).

- Ức-tha-ra: tên chàng trai nầy, tiếng Pali là Uttara.

- Chủ-tể = người làm chủ; (tể = cầm đầu.)

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = điều sai-lầm, tội-lỗi. Danh-từ chuyên-môn nầy, Lậu-hoặc, trỏ vào các mối phiền-não, như tham, sân, si, kiêu-căng, nghi-ngờ,v.v. từ bên trong tâm, lộ ra ngoài bằng các hành-động xấu hay lời nói ác.

- Sáu căn: Căn = nơi phát-sanh ra, tức là các giác-quan. Ta có tất cả sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, da trên thân (= đó là năm giác-quan) và ý-căn ở trong tâm.

- Tham-ái: ham-mê, tham-luyến, tríu-mến, bấu-víu vào.

- Sơ-khởi: mới bắt đầu.

- Dục-vọng = ham-muốn sai. (Dục = muốn;vọng = giả-dối, sai-lầm)

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Theo thuyết Luân-hồi, chúng-sanh chết đời nầy, sẽ sanh lại đời sau, cứ sống sống chết chết mãi, như bánh xe cứ quay hết một vòng lại quay tiếp, chẳng ngừng.

- Tà-thuyết ngoại-đạo = các lý-thuyết tôn-giáo sai lầm, mê-tín, dị-đoan. (Tà = xiêng-xéo, cong-vạy, chẳng thẳng, chẳng đúng)

- Thác-sanh = tái-sanh, sanh lại; nói tiếng thường là đầu thai.

- Chánh-pháp: Chánh = chơn-chánh; Pháp = pháp-tu. Trong Phật-học, Chánh-pháp là giáo-lý của Đức Phật, tiếng Pali là Dhamma.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, nhưng các câu hỏi công-chúa nêu ra rất thâm-sâu, chỉ có Đức Phật bấy giờ mới đáp rõ-ràng được. Vì thế, khi nghe đáp đúng, vua Rồng biết ngay là có Phật ra đời.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 182:

Bài Kệ nêu ra bốn điều khó được, trong đó có việc sanh ra làm người. Vậy nay được làm người, ta phải quí sanh-mạng và lo tu-hành.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ: được sanh làm người, gặp Phật, nghe Pháp là ba việc quí-báu, ba cơ- hội hiếm-có.

(151).- Tích chuyện về lời thưa hỏi của Tôn-giả A-nan.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến câu hỏi của Tôn-giả A-nan.

Thuở ấy, một hôm Tôn-giả A-nan bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, con chẳng biết các giáo-lý căn bản của chư Phật ngày xưa có giống với giáo-lý của Thế-tôn ngày nay chăng?"

Đức Phật đáp: "Nầy A-nan, tóm-lược tất cả giáo-lý của chư Phật trong quá-khứ, để chỉ-dạy các tỳ- kheo tu-tập, đều được ghi trong các bài Kệ sau đây."

Rồi Đức Phật đọc các bài Kệ ấy như sau:

Việc ác chẳng làm,
Điều lành siêng tu,
Tâm-ý trong-sạch,
Lời chư Phật dạy.
(Kệ số 183.)
Phật dạy, nhẫn-nhục, khổ-hạnh quí,
Quả-vị tối-cao là Niết-Bàn.
Tỳ-kheo chẳng hại chúng-sanh;

Áp-bức người lành, chẳng phải Sa-môn.
(Kệ số 184.)
Chẳng lăng-mạ, chẳng gây thương-tổn,
Chế-phục mình tuân theo Giới-bổn,
Ăn uống điều-hoà, sống ẩn-cư,
Và thiền-định, là lời Phật dạy.
(Kệ số 185.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tôn-giả A-nan: Tôn-giả = người đáng tôn-kính; A-nan = tên vị thị-giả hầu bên cạnh Đức Phật, tiếng Pali là Ànanda.

- Giáo-lý: Giáo = tôn-giáo; Lý = lý-thuyết. Giáo-lý là các lời dạy căn-bản trong một tôn-giáo.

- Quá-khứ: Quá = đã qua; Khứ = đi. Quá-khứ là thời-gian đã qua.

-Nhẫn-nhục = cam chịu khổ-sở, chẳng oán-giận, chẳng than-van.

- Khổ-hạnh = chịu cực-khổ về thân-xác để tu-hành.

- Niết-bàn: tiếng Phạn là Nirvana, có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối, tức là thoát khỏi sự mê-mờ của các phiền-não, lậu-hoặc. Niết-bàn chẳng phải là một nơi trong không-gian, mà là tâm-trạng của người tu- hành đã dứt được hết các phiền-não, và chứng được vô-sanh, nghĩa là chẳng còn phải bị tái-sanh mãi trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi. Tiếng Hán-Việt dịch chữ Nirvana, Niết-bàn là cõi Tịch-diệt, vắng- lặng.

-Sa-môn: tiếng Phạn là Sramana, có ba nghĩa; (1)cần-giả (= siêng làm điều thiện); (2)tức-giả (= ngưng bỏ điều ác); bần-giả (= cam chịu nghèo-nàn), danh-từ nầy chỉ các tu-sĩ Phật-giáo.

- Lăng-mạ: Lăng: xâm-phạm;Mạ = chửi mắng. Lăng-mạ = chửi bới

- Thương-tổn = bị hại, hay gây hại cho kẻ khác.

- Chế-phục = đè-nén, khép vào kỷ-luật.

- Giới-bổn: tiếng Phạn là Patimokka, phiên-âm: Ba-la-đề-mộc-xoa, là bản kết-tập các giới-luật chung lại, bản ghi các điều răn-cấm.

- Ẩn-cư: Ẩn = dấu kín; Cư = ở. Ẩn-cư = ở riêng một mình nơi vắng

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện chẳng có ý-nghĩa chi đặc-biệt.

(2) Ý-nghĩa các bài Kệ số 183, 184 vá 185:

Bài Kệ số 183 dạy ba điều (1) tránh điều ác, (2) siêng làm điều lành; (3) giữ tâm-ý cho trong-sạch. Bài Kệ nầy quan-trọng bực nhứt.

Bài Kệ số 184 dạy: ba điều nên làm:(1) nhẫn-nhục; (2) chịu khổ-hạnh, (3) theo mục-tiêu: đắc Niết-bàn; đồng thời, dạy tránh hai điều: (1) chẳng hại chúng-sanh; (2) chẳng áp-bức người hiền-lành.

Bài Kệ số 185 dạy tránh hai điều: (1) chẳng chửi-bới; (2) chẳng gây tổn-hại; và phải làm bốn điều: (1) tuân theo Giới-luật, (2) ăn-uống điều-độ, (3) sống ẩn-cư và (4) tu-tập Thiền-định.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng cả ba bài Kệ, riêng bài Kệ số 183 ghi vắn-tắt ba điều quan-trọng mà người tu chẳng được phép có lúc nào quên đi.

(152).- Tích chuyện vị tỳ-kheo bất-mãn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo trẻ bất-mãn.

Thuở ấy, có một người tỳ-kheo trẻ tuổi tu-tập tại chùa Kỳ-viên. Một hôm, vị giáo-thọ bảo chàng nên đến một tu-viện khác để học thêm giáo-lý. Trong khi đi xa, người cha của vị tỳ-kheo ấy ở nhà, mắc bịnh nặng, qua đời, để lại một gia-tài cho con lên đến trăm đồng tiền vàng, giao cho người chú giữ tạm. Sau khoá học, vị tỳ-kheo trở lại chùa, người chú đến báo tin cha chết, và muốn giao lại số tiền cho cháu. Lúc đầu, vị tỳ-kheo bảo, nay đi tu chẳng cần đến tiền-bạc. Nhưng sau đó, chàng ta lại suy-nghĩ, có lẽ tốt hơn nên quay về với đời sống thế-tục, dùng gia-tài của cha cho mà xây-dựng lại cuộc đời. Vì tâm-tư bị giằng-co giữa hai ý-định, tiếp-tục tu-hành hay hoàn-tục, nên vị tỳ-kheo trẻ tuổi sanh ra bất- mãn, chẳng còn thấy thích-thú trong việc học-tập kinh-kệ, biếng ăn biếng uống, thành ra gầy-yếu. Các bạn đồng-tu nhận thấy thế, mới dẫn vị tỳ-kheo trẻ tuổi đến yết-kiến Đức Phật.

Đức Phật hỏi duyên-cớ, vị tỳ-kheo trình-bày nỗi phân-vân trong lòng, nửa muốn quay về với đời sống thế-tục, dùng gia-tài của cha để lại mà sanh-sống, nửa muốn tiếp-tục tu-hành, nên sanh ra mất cả sự hăng-hái học-tập. Đức Phật bảo, trở lại sống trong gia-đình, cần phải mua sắm nào là vật-thực, quần- áo, chén bát, bàn ghế, tậu trâu bò để cầy cấy, thuê người làm vườn-tược, thì một trăm đồng tiền kia cũng chẳng đủ cho các chi-phí đó. Thường-nhơn chẳng có ai mà biết đủ, ngay cả vị Chuyển-Luân Thánh-vương, ngự-trị trên hoàn-cầu kia, vàng bạc nhiều như mưa rào, cũng còn chưa thoả-mãn. Như vị Chuyển Luân Thánh-vương Mãn-đà-tu xưa kia sống vinh-quang trên cõi Trời Tứ-đại-thiên-vương và cõi Trời Đao-lợi, còn chẳng muốn chia-xẻ quyền thống-trị chung với vua Trời Đế-thích, cho nên phải suy-thoái mà rơi xuống cõi người, chẳng bao lâu phải già ốm mà chết.

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó mà vị tỳ-kheo trẻ tuổi thức-tỉnh và chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Dầu cho vàng bạc như mưa,
Người còn dục-lạc cũng chưa vừa lòng.
Thú vật-chất đắng trong, ngoài ngọt,
Bực hiền-trí rành-rọt điều nầy.
(Kệ số 186.)
Biết rõ thế, người đệ-tử Phật
Chẳng thích tìm thú vui vật-chất,
Dầu đó là lạc-thú cõi Trời.
Người hiền-thích diệt ái-dục mất.
(Kệ số 187.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bất-mãn = chẳng vừa lòng.

- Giáo-thọ = vị tỳ-kheo dạy giáo-lý cho các tỳ-kheo mới vào tu.

- Hoàn-tục: Hoàn = trở lại; Tục = thế-tục, đời sống trong xã-hội của người có vợ-con, nghề- nghiệp.Hoàn-tục là trở về nhà thôi tu-hành

- Yết-kiến = đến gặp người trên.

- Phân-vân = trong lòng chưa dứt-khoát, nửa tin nửa ngờ.

- Vật-thực = thức ăn vật uống (Thực = ăn.)

-Tậu = mua sắm.

- Chuyển-Luân Thánh-vương: Chuyển-Luân = quay bánh xe; Thánh-vương = vị vua Thánh, cai-trị khắp hoàn-cầu. Theo giáo-lý, vị Chuyển-Luân Thánh-vương là bực mà thân có đủ 32 tướng tốt như Đức Phật, thống-trị hoàn-cầu, cởi các chiếc xe bằng vàng (= Kim-luân thánh-vương), bằng bạc (=Ngân-luân thánh-vương), bằng sắt (= Thiết- luân thánh-vương), bằng đồng (= Đồng-luân thánh- vương), đi bốn phương trong thiên-hạ. Chuyển-Luân Thánh-vương khi hưởng hết phước phải bị suy- thoái, trở lại cõi người, rồi chết và tái-sanh theo vòng Luân-hồi. Tiếng Phạn là Tchakravartin.

- Mãn-đà-tu: tên vị thánh-vương nầy, tiếng Pali là Mandàtu.

- Cõi Trời Tứ-đại-thiên-vương: bốn cõi Trời do bốn vị Thiên-vương thống-trị, ở bốn phiá của cõi Trời Đao-lợi. Bốn cõi đó, tiếng Pali là Càtumahàràjila.

- Cõi Trời Đao-lợi: cõi Trời ở giữa bốn cõi Tứ Thiên-vương, có vua Trời Đế-thích ngự-trị; tiếng Pali là Tàvatimsa. (Xin xem lại Bài Tích chuyện Đức Phật từ cõi Trời Đao-lợi trở về thế-gian, trang 469 và kế.)

- Suy-thoái: Suy = suy-yếu; Thoái = trở lùi lại. Bị suy-thoái là trở lại sự thiếu-kém lúc trước. Trái nghĩa với: tiến-bộ, tinh-tấn.

- Dục-lạc: Dục = ham muốn; Lạc = thú-vui. Người còn dục-lạc là kẻ chạy theo các thú-vui thể-xác, vật-chất tạm-bợ.

- Thú vật-chất = thú-vui vật chất tạm-bợ.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành; Trí = trí-huệ. Bậc hiền-trí là người tu-hành cao, hiền-lành và có trí-huệ. Còn gọi là bực thiện-tri-thức.

- Diệt ái-dục mất: Ái-dục = thích ham-muốn nhiều. Bốn chữ Diệt ái-dục mất, đọc nghe trục-trặc, viết lại: diệt sự ái-dục cho mất tiêu đi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một tỳ-kheo thừa hưởng gia-tài của cha, nảy ra ý-muốn hoàn-tục, phân-vân chẳng biết nên tiếp-tục tu-hành nữa hay không, nên trở thành bất-mãn. Được Phật chỉ-dạy, chẳng nên chạy theo các thú-vui vật-chất tạm-bợ, vị tỳ-kheo ấy chứng được quả-vị Tu-đà-huờn, tiếp-tục tu-hành để thành chánh-quả.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: khi xuất-gia, phải dứt-khoát với đời sống thế-tục: xuất là ra khỏi, chẳng những thân ra khỏi nhà, mà tâm cũng phải ra khỏi các phiền-não, ràng-buộc và ham-muốn nữa.

(2) Ý-nghĩa của hai Bài Kệ số 186 và 187:

Hai bài Kệ hợp chung lại thành một bài dạy ta chớ theo các thú-vui dục-lạc, dầu đó là cảnh vui-sướng thần-tiên ở cõi Trời đi nữa.

Ý-nghĩa quan-trọng của hai bài Kệ nằm trong câu: Thú vui vật-chất đắng trong, ngoài ngọt. Câu nầy có nghĩa, thú-vui vật-chất tuy thấy bề ngoài sung-sướng, nhưng bên trong chứa sự khổ-đau. Sung- sướng gì? Sung-sướng tấm thân trong một lúc, hễ hết sướng thì sao, đó là ngoài ngọt. Chứa sự khổ-đau nào? Khổ-đau vì phải tái-sanh mãi trong cõi Luân-hồi, sướng ít mà khổ nhiều nầy; đó là bên trong đắng.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng hai bài Kệ, ghi nhớ sự tạm-bợ của thú vui vật-chất.

(153).- Tích chuyện vị Bà-la-môn Ất-ghi-đạt.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Bà-la-môn tên Ất-ghi-đạt.

Thuở ấy ở xứ Câu-tát-la, có vị quốc-sư là Ất-ghi-đạt, sau khi vua mất, ông liền từ-chức, đem hết tài- sản ra bố-thí và trở thành một tu-sĩ khổ-hạnh ngoại-đạo đến ẩn-cư ở vùng ba biên-giới giữa các xứ An- gia, Ma-kiệt-đà và Ku-ru. Đồ-đệ theo học rất đông-đảo. Tu-sĩ Ất dạy họ nên tôn-thờ núi-non, rừng-rú, cây-cối ở công-viên và vườn-tược, để được giải-thoát mọi khổ-đau của cuộc đời.

Vào sáng sớm hôm ấy, Đức Phật quán-thấy đã đến cơ-duyên cho Ất-ghi-đạt và một số đồ-đệ của ông ta được chứng-quả, nên Ngài mới sai Tôn-giả Mục-kiền-liên đi đến nơi

cư-trú của Ất trước, rồi Ngài sẽ đến sau. Tôn-giả Mục-kiền-liên vâng lịnh, đến khu rừng của tu-sĩ Ất, và xin cho mình được trú-ngụ một đêm. Bọn đồ-đệ biết Tôn-giả là đại-đệ-tử của Đức Phật, nên tỏ ra chẳng bằng lòng, và chỉ cho Tôn-giả một mô đất cao ở chơn núi gần đó, đến đấy mà nghỉ. Tôn-giả liền đến đó ngồi Thiền nhập- định. Nguyên, bên dưới mô đất là hang-ổ của một con địa-long rất hung-ác. Nửa đêm, nó bò ra cắn Tôn-giả Mục-kiền-liên, nhưng Tôn-giả cùng nó chiến-đấu một hồi lâu, rồi khuất-phục được nó. Để tỏ lòng hàng-phục, địa-long liền khoanh tròn, đầu ngẩng cao lên thành cái lọng, che bên trên Tôn-giả. Sáng ra, các đồ-đệ của tu-sĩ Ất ra mô đất xem, những tưởng con địa-long đã cắn chết người khách ban đêm, nào ngờ thấy địa-long đang thần-phục Tôn-giả, mới biết được Tôn-giả là bực thần-thông cao- cường. Họ qùi xuống đảnh-lễ. Vừa lúc ấy, Đức Phật đi tới. Tôn-giả Mục-kiền-liên nói với các đồ-đệ ấy rằng: "Đây là Đức Phật, thầy của ta, các người chớ nên lạy ta, mà phải nên mau đến đảnh-lễ Ngài." Bấy giờ, Ất-ghi-đạt cùng các học-trò mới biết Đức Phật là ai, cùng nhau qùi xuống xin quy-y Phật.

Đức Phật vui-vẻ chấp-nhận và nói: "Nầy Ất-ghi-đạt, thờ kính núi rừng, cỏ cây chẳng đem lại nương- tựa bền-vững cho mình. Chỉ những kẻ biết quy-y Phật, Pháp và Tăng, mới có được nơi nương-tựa vững-chắc, và sẽ được chỉ-dạy phương-cách giải-thoát khỏi vòng sanh-tử khổ-đau của Luân-hồi lận- đận."

Rồi đó Đức Phật nói lên năm bài Kệ sau đây, nhờ đó mà Ất-ghi đạt và một số tu-sĩ khác chứng được đạo-quả A-la-hán:

Trong cơn nguy-khốn bàng-hoàng,
Con người tìm trú dưới hàng cây thiêng.
Hoặc vào đền miếu, chùa chiền,
Hoặc lên đồi núi, hoặc miền rừng hoang.
(Kệ số 188.)
Trú thân như thế, thiếu an-toàn,
Vì chưa tựa vào hàng tối-thượng.
Ẩn-náu nơi đấy vẫn bất-an,
Vì các khổ-đau còn bận vướng.
(Kệ số 189.)
Người tìm về nương-tựa nơi Phật,
Nơi Giáo-pháp và nơi Tăng-đoàn,
Với chánh-trí, thông-hiểu rõ-ràng
Lẽ nhiệm-mầu của Bốn Sự-Thật.
(Kệ số 190.)
Thấy KHỔ, TẬP là nguồn-gốc khổ,
Thấy DIỆT là khi khổ vượt qua.
Thấy Bát-chánh-ĐẠO là thánh-lộ,
Dẫn đến việc diệt khổ nơi ta.
(Kệ sdố 191.)

Đấy là nơi nương-tựa an-toàn,
Đấy là chỗ qui-y vô-thượng.
Hãy tìm về đấy mà nương thân,
Thoát khỏi mọi khổ đau, hết vướng.
(Kệ số 192.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ất-ghi-đạt: tên vị tu-sĩ nầy, tiếng Pali là Aggidatta.

- Bà-la-môn: Xin nhắc lại: đó là giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ xưa.

- Quốc-sư: Quốc = nước, Sư = thầy. Quốc-sư là vị tu-sĩ cao nhứt trong nước, được vua xem như thầy dạy đạo cho cả nước.

- An-gia: tên xứ nầy, tiếng Pali là Anga.

- Ma-kiệt-đà: tên xứ nầy, tiếng Pali là Magadha.

- Ku-ru: tên xứ nầy, tiếng Pali là Kuru.

- Mục-kiền-liên: tên của vị đại-đệ-tử của Phật, có thần-thông vào bực nhứt, tiếng Pali là Moggallàna.

- Địa-long: Địa = đất; Long = rồng. Địa-long là rồng đất.

- Khất-phục, Hàng-phục = thắng được và buộc phải theo lịnh.

- Thần-phục = hoàn-toàn chịu vâng theo lịnh.

- Thần-thông cao-cường = có pháp-lực, phép-thuật, thật mạnh.

- Đảnh-lễ = cúi đầu xuống làm lễ lạy ra mắt.

- Quy-y: Quy = quay về; Y = nương-tựa. Quy-y là quay về tìm nơi để nương-tựa; tìm chỗ an-toàn mà trú-ẩn.

- Quy-y Phật, Pháp, Tăng, hay Quy-y Tam-Bảo = buổi lễ long-trọng trong chùa, người đệ-tử Phật xin nguyện nương-tựa vào Đức Phật, tu-tập theo Chánh-pháp của Phật và nghe theo lời dạy của chư Tăng, là những người đang tu theo đường lối của Đức Phật.

- Đạo-quả A-la-hán: Đạo = con đường tu-tập; Quả = kết-quả của việc tu-tập; A-la-hán = quả-vị thứ tư, cao nhứt của bực tu-hành đã dứt sạch phiền-não và hết bị tái-sanh nữa. Tiếng Pali: Magga = đạo; Phala = quả; Arahant = A-la-hán.

- Bàng-hoàng = lo-sợ nhiều, mất sự bình-tỉnh.

- Cây thiêng = cây có thần-linh trú-ngụ, cây linh-thiêng.

- Tối-thượng = Tối = hết sức; Thượng = cao. Tối-thượng là cao nhứt.

- Tăng-đoàn, hay Tăng-già: một nhóm tỳ-kheo tu chung với nhau, từ bốn người trở lên. Tăng-già, tiếng Pali là Sangha.

- Chánh-trí: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn nhứt; Trí = trí-huệ.

- Bốn Sự-Thật = Tứ Diệu-đế, gồm có (1) Khổ-đế, sự đau-khổ; (2)Tập-đế, nguyên-nhơn, nguồn-gốc của sự Khổ; (3) Diệt-đế, tận-diệt sự Khổ, tức là đắc được cảnh-giới Niết-bàn; (4) Đạo-đế, con đường tu-tập để thoát Khổ. Riêng về Đạo-đế, gồm tám ngành, gọi là Bát-Chánh-Đạo (= chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh mạng, chánh-nghiệp, chánh tinh-tấn, chánh niệm và chánh-định.)

- Thánh-lộ:Thánh = bực Thánh; Lộ = đường. Thánh-lộ là con đường đưa đến ngôi-vị Thánh (= A-la- hán, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật.)

- Vô-thượng: Vô =chẳng; Thượng = trên. Vô-thượng là cao-cả nhứt, trên đó chẳng còn gì cao hơn nữa được.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc quy-y của Ất-ghi-đạt và đồ-đệ: trước nương-tựa tinh-thần vào việc thờ-kính núi rừng, cây cối, sau họ gặp Tôn-giả Mục-kiền-liên, mới quay về quy-y với Phật, Pháp, và Tăng.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật: quy-y Tam-Bảo là tìm nơi nương-tựa an-toàn và vững-chắc nhứt, vì được học-hỏi về cách tu-tập sao cho được giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa các bài Kệ từ số 188 đến số 192:

Năm bài Kệ hợp lại thành một bài, dạy ta ý-nghĩa cao-cả của việc quy-y Tam-Bảo: Phật, Pháp và Tăng.

Hai bài số 188 và 189 cho rằng tìm vào ẩn-núp ở các hàng cây, đền miếu, chùa chiền hay núi rừng, chẳng phải là nơi an-toàn, vì vẫn còn vướng-bận khổ-đau. Tại sao? Vì các nơi nầy chỉ tạm-thời che- chở thân ta tránh được mưa, gió mà chẳng giúp ta vượt qua được sự đau-khổ của cuộc đời.

Bài Kệ số 190 chỉ rõ nơi an-toàn nhứt để ta tìm về nương-tựa; đó là quy-y Tam-Bảo: Phật, Pháp và Tăng, được chỉ-dạy để mở-mang chánh-trí mà thông-hiểu lẽ nhiệm-mầu của Tứ-Diệu-Đế, Khổ-đế, Tập-đế, Diệt-đế và Đạo-đế, nhờ đó mà ta có đủ khả-năng vượt qua mọi khổ-đau của cuộc đời.

Bài Kệ số 191 ghi lại vắn-tắt ý-nghĩa của Tứ-Diệu-đế, thế nào là Khổ, thế nào là Tập, thế nào là Diệt, thế nào là Đạo. Bài Kệ còn nhấn mạnh, Đạo-đế tức là Bát-Chánh-Đạo, tức là con đường Thánh-lộ, đưa ta đến ngôi-vị Thánh, dẹp hết phiền-não, khỏi bị tái-sanh để chịu đau-khổ mãi trong cõi Luân-hồi lận-đận.

Bài Kệ số 192 quả-quyết việc quy-y Tam-Bảo là biết tìm về nơi nương-tựa an-toàn, cao-thượng nhứt, vì nhờ đó mà vĩnh-viễn dứt khổ.

HỌC TẬP:

- Học kỹ năm bài Kệ, ghi nhớ rõ thế nào là quy-y Tam-Bảo, Tứ-Diệu-Đế và nhứt là Bát-Chánh-Đạo. Còn thắc-mắc, phải hỏi lại Thầy.

(154).- Tích chuyện về nơi đản-sanh của bực Thánh.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến câu hỏi của Tôn-giả A-nan về nơi đản-sanh của bực Thánh.

Một hôm, Tôn-giả A-nan ngẫm-nghĩ: "Đức Phật có nói, loài voi rặc-giống chỉ thấy ở xứ Chất-đăng-ta, loài ngựa rặc-giống chỉ có ở xứ Sinh, còn loài trâu-bò rặc-giống thì xứ U-sa-tha mới có được. Nhưng Đức Phật còn chưa nói, các bực Thánh đản-sanh ở nơi nào." Sau đó, Tôn-giả mới đến bạch Phật để xin giải mối nghi-nan trong lòng. Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, chẳng biết chắc được nơi đản-sanh của bực Thánh, vì các Ngài chỉ sanh vào hai giai-cấp Sát-đế-lợi và Bà-la-môn."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Khó tìm gặp được bực Thánh-trí cao.
Người chẳng sanh ra bất cứ nơi nào.
Ở chốn nào đản-sanh người hiền-trí
Gia-tộc nơi nầy hạnh-phước dồi-dào.
(Kệ số 193.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đản-sanh: sanh-đẻ, tiếng tôn-trọng dành cho bực cao-quí.

-Bực Thánh: theo giáo-lý nhà Phật, bực Thánh là những người tu-hành đã chứng được vô-sanh, nghĩa là chẳng còn phải tái-sanh trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi. Trong bốn quả-vị: Tu-đà-huờn (chỉ tái- sanh bảy lần nữa), Tư-đà-hàm (chỉ còn tái-sanh một lần nữa), A-na-hàm (chẳng sanh lại cõi người nữa, sanh lên Trời), là ba quả-vị còn sanh lại nên được gọi là bực Hiền. Đến quả-vị A-la-hán, diệt được hết các phiền-não, chứng Niết-bàn, mới gọi là bực Thánh. Như thế, chẳng phải khi sanh ra đã là bực Thánh, mà nhờ tu-hành tinh-tấn mới trở thành bực Thánh. Vì lẽ nầy, Đức Phật mới nói chẳng biết chắc được nơi đản-sanh của bực Thánh.

- Tôn-giả A-nan: Tôn-giả = bực đáng tôn-trọng; A-nan = tên Tôn-giả tiếng Pali:Ànanda. Tôn-giả là em họ của Đức Phật, đa-văn(=nghe nhiều, nhớ lắm), làm thị-giả (= hầu bên cạnh) cho Đức Phật Thích-ca.

- Rặc-giống = giống thật tốt, chẳng lai giống khác.

- Chất-đăng-ta: tên xứ nầy, tiếng Pali là Chaddanta.

- Sinh: tên xứ nầy, tiếng Pali là Sindh.

- U-sa-tha: tên xứ nầy, tiếng Pali là Usabha.

- Nghi-nan = nghi-ngờ vì chưa hiểu rõ cho thấu-đáo.

- Sát-đế-lợi, Bà-la-môn: hai giai-cấp trong xã-hội xưa ở Ấn-độ. Theo thứ-tự từ cao đến thấp: (1) Bà-la- môn (Pali: Brahmanà, tu-sĩ); (2)Sát-đế-lợi (Pali: Khattiyà, vua quan); (3) Phệ-xá (Pali: Vessà, buôn- bán); (4) Thủ-đà-là (Pali: suddà, nông-phu, thợ-thuyền). Còn hạng Chiên-đà-la (Pali: Candala) là cấp hạ-tiện, nô-lệ, làm các nghề dơ-dáy như hốt phân chẳng hạn, chẳng ai muốn đến gần.

- Thánh-trí: bực Thánh có trí-huệ thật sáng-suốt.

- Hiền-trí: hiền-lành và có trí-huệ.

- Gia-tộc: Gia = nhà; Tộc = họ. Gia-tộc là những nhà cùng một họ, sống gần nhau trong một vùng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, kể lại sự thắc-mắc của Tôn-giả A-nan về nơi đản-sanh các bực Thánh. Đức Phật dạy, chẳng thể biết chắc được nơi nào có bực Thánh đản-sanh, vì chẳng ai sanh ra là Thánh cả; muốn thành bực Thánh, phải tu-tập tinh-chuyên mới được.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 193:

Hai câu đầu của bài Kệ dạy, bực Thánh chẳng dễ gặp, chẳng có nơi nào sanh ra bực Thánh cả.

Hai câu sau của bài Kệ cho biết, nơi nào có bực Thánh, tu-hành đắc quả, là nơi đó được nhiều hạnh- phước. Tại sao? Vì nhờ đức-độ cao-cả của bực Thánh, phong-tục của dân trong vùng được cải-thiện.

HỌC TẬP:

- Học thuộc lòng bài Kệ, ghi nhớ, chẳng ai sanh ra đã là Thánh, muốn thành bực Thánh, phải tu-học tinh-cần.

(155).- Tích chuyện các tỳ-kheo bàn về hạnh-phước.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các tỳ-kheo bàn-luận về hạnh-phước.

Thuở ấy, vào một buổi chiều, các vị tỳ-kheo ngồi tại nhà mát, cùng nhau bàn-luận về vấn-đề hạnh- phước. Một vị nói: "Hạnh-phước là có được thật nhiều tiền-của, quyền-thế như đức Vua." Một vị khác bảo: "Đủ cơm ăn ngon, thức uống ngọt là đã có nhiều hạnh-phước rồi." Một vị khác lại đưa ra ý-kiến: "Thoả-mãn được các giác-quan, sống đầy-đủ với các thú-vui, đó là hạnh-phước." Trong khi họ đang bàn-luận, thì Đức Phật đi đến. Ngài bảo: "Thú-vui vật-chất, tiền-của, quyền-thế, ăn ngon mặc đẹp đó chưa hẳn là hạnh-phước, vì các điều đó giữ ta mãi trong vòng tái-sanh của Luân-hồi khổ-đau lận-đận. Trên thế-gian nầy, hạnh-phước là gặp được Đức Phật ra đời, có được cơ-duyên nghe lời Ngài giảng- dạy về Sự-Thật cao-quí, và sống trong sự hoà-hợp của Tăng-đoàn."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Vui thay Đức Phật ra đời! Vui thay Chánh-pháp với lời cao-xa! Vui thay hoà-hợpTăng-già!

Vui thay hoà-hợp mọi nhà đồng tu! (Kệ số 194.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Giác-quan: các bộ-phận trên thân như mắt, tai, mũi, lưỡi và da

- Vòng tái-sanh của Luân-hồi khổ đau lận-đận = thân-phận của chúng-sanh phải chết đi sanh lại mãi ở cuộc đời sướng ít khổ nhiều nầy là cõi Luân-hồi.(Lận-đận = gặp việc chẳng vui, chẳng may.)

- Cơ-duyên: Cơ =cơ-hội; Duyên = duyên-cớ. Cơ-duyên là cơ-hội tốt

- Sự-Thật cao-quí: đó là bốn Sư-thật nhiệm-mầu, thường gọi là Tứ Diệu-đế: Khổ-đế, Tập-đế, Diệt-đế và Đạo-đế.

- Chánh-pháp: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn. Chánh-pháp là giáo-lý của Đức Phật giảng dạy các phép tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát.

- Hoà-hợp = cùng chung một chí-hướng, chẳng có sự tranh-cãi.

- Tăng-già, Tăng-đoàn: Tăng-già = tiếng Pali là Sangha, có nghĩa một đoàn-thể tỳ-kheo, từ bốn người trở lên, tu theo cùng một giới-luật và giáo-pháp. Đồng-nghĩa với:Tăng-đoàn, Ni-đoàn (= các ni-cô.)

- Đồng tu = hoà-hợp nhau, cùng tu chung với nhau.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại việc bàn-luận của các tỳ-kheo trong giờ nghỉ, về vấn-đề hạnh-phước ở đời. Ý-kiến các tỳ-kheo đưa ra đều dựa trên sự thoả-mãn đầy-đủ các các giác-quan, về tiền-của, danh-lợi và quyền-thế, đó chỉ là các điều sung-sướng ở thế-gian.

Đức Phật dạy, hạnh-phước thật-sự là gặp được Phật ra đời, được nghe Chánh-pháp và mọi nhà được đồng-tu trong sự hoà-hợp của Tăng-già. Tại sao? Vì đó là đường-lối tu-tập để được giải-thoát mọi khổ- đau trong cảnh Luân-hồi lẩn-quẩn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 194:

Có bốn sự "Vui thay!" được nêu trong bài Kệ:

1) Vui thay Đức Phật ra đời: Vui, vì Ngài dẫn-dắt chúng-sanh trên con đường giác-ngộ và giải-thoát mọi khổ-đau của Luân-hồi.

2) Vui thay Chánh-pháp với lời cao-xa: Vui, vì Chánh-pháp với lời-lẽ cao-xa về Sự-Thật, là chìa khoá mở cửa cho hạnh-phước được giác-ngộ và giải-thoát.

3) Vui thay hoà-hợp Tăng-già: Vui, vì được nương-tựa vào các tỳ-kheo đồng một chí-hướng, hoà-hợp nhau, cùng nỗ-lực giúp đỡ mọi người tu-tập theo Chánh-pháp.

4) Vui thay hoà-hợp mọi nhà đồng tu: Vui, vì mọi nhà đều biết tu-hành theo Chánh-pháp, chẳng có sự đấu-tranh với nhau, sống trong sự hoà-bình, an-lạc.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ: điều quí-báu nhứt là nghe Chánh-pháp.

(156).- Tích chuyện về tượng Phật Ca-diếp.

Vào một thời kia, Đức Phật và các tỳ-kheo du-hành từ nước Xá-vệ đến thành Ba-la-nại, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bức tượng bằng vàng, tạc hình Đức Phật Ca-diếp.

Thuở ấy, Đức Phật và các tỳ-kheo, trên đường tới thành Ba-la-nại, đi ngang qua một cánh đồng lúa. Bên lề đường, có một ngọn tháp nhỏ thờ thần-linh. Bấy giờ có một người Bà-la-môn đang cầy ruộng. Người ấy bước lên bờ, cung-kính đến đảnh-lễ ngôi tháp mà chẳng chào hỏi Đức Phật. Đức Phật nói: "Nầy Bà-la-môn, đảnh-lễ tháp-miếu như thế đem lại nhiều phước-báo." Nghe Đức Phật nói thế, người Bà-la-môn rất hài lòng. Bấy giờ Đức Phật mới dùng sức thần-thông, tạo ra một tượng Phật bằng vàng, tạc hình Đức Phật Ca-diếp đang ngồi lơ-lửng trên không-trung. Tất cả ngẩng lên trông thấy, và khen-ngợi vẻ đẹp trang nghiêm của tượng Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, có bốn hạng nhơn-vật cần phải đảnh-lễ: (1) chư Phật Như-lai, (2) các vị Bích-chi-Phật, (3)chư vị Thánh Thanh-văn đệ-tử, và (4) Chuyển-Luân thánh-vương. Có ba thứ tháp-miếu cần đảnh-lễ: (1)tháp thờ nhục-thân các vị kể trước; (2) tháp thờ hình-tượng tạc giống hình các vị ấy; (3)tháp thờ các vật-dụng cá-nhơn của các vị ấy, như áo cà-sa, bình bát, thiền-trượng, v.v. Thành-tâm đảnh-lễ các ngôi-tháp thờ các vị đã hoàn-toàn giác- ngộ và giải-thoát như thế, đem lại vô-lượng công-đức, và phước-báu, chẳng thể nghĩ bàn được."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Người kính-mộ bực đáng tôn-trọng,
Chư Phật cùng Thanh-văn đệ-tử,
Những bực chướng-ngại đã dẹp xong,
Phiền-não, sầu-bi cũng chẳng giữ.
(Kệ số 195.)
Công-đức cúng-dường các bực trước,
Bực an-tịnh, tự-tại,
Bực chẳng hề sợ-hãi,
Công-đức nầy chẳng ước-lượng được.
(Kệ số 196.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xá-vệ: quê-hương của Đức Phật Thích-ca, nay thuộc phần đất của vương-quốc Népal; tiếng Pali là Sàvatthi.

- Ba-la-nại: tên thành-phố Bénarès của Ấn-độ, ngày nay là Vàrànasì. Tại vườn Lộc-uyển, gần thành nầy, Đức Phật giảng Kinh Chuyển-Pháp-Luân lần đầu cho năm anh em ông Kiều-trần-như nghe.

- Phật Ca-diếp: Đức Phật thuộc về Hiền-kiếp, giáng trần trước Đức Phật Thích-ca; tiếng Pali là Kassapa Buddha.

- Tháp: ngôi đền, nóc nhọn, bên trong thờ hình-tượng hay hài-cốt của một bực tôn-quí.

- Miếu: miễu thờ; ngôi đền nhỏ để thờ thần-linh.

- Bích-chi-Phật: phiên -âm tiếng Pali là Paccekabuddha, vị tu-hành theo thuyết Thập-Nhị Nhơn- Duyên, chứng đạo vào thời chẳng có đức Phật nào ra đời. Vị Bích-chi-Phật chẳng đi giáo-hóa chúng- sanh.

- Chư Thánh Thanh-văn: Thanh-văn là hàng đệ-tử sống gần bên Phật,nhờ nghe Kinh(=Thanh- văn,Sàvaka,Pali) mà tu-chứng quả Thánh.

- Chướng-ngại: các trở-ngại trên đường tu. Thường được phân-biệt có tam chướng (ba chướng-ngại): (1) phiền-não-chướng gồm có tham, sân, si v.v. (2) sở-tri-chướng gồm các sự hiểu-biết sai lầm như tà- kiến, định-kiến, v.v. và (3) báo-chướng, tức là tấm thân còn chịu nghiệp-báo nầy.

- Tự-tại = chẳng bị ràng-buộc. Ở đời, nói tự-do; đạo gọi là tự-tại.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị thuật lại việc Đức Phật nhơn thấy một người đảnh-lễ ngôi tháp, mới chỉ-dạy các tỳ-kheo nên lễ-lạy những bực hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát và các ngôi tháp thờ các vị ấy.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 195 và 196:

Hai bài Kệ nói đến phước-báu của người biết kính-lễ các bực đại-giác và tháp thờ các Ngài. Xin xem lại Tích chuyện để biết các vị ấy.

HỌC TẬP:

- Học kỹ hai bài Kệ, ghi nhớ: đừng mê-tín mà lễ-lạy các cục đá "ông Tà", bình vôi, các miếu thờ các tà-thần.

-ooOoo-

XV.- Phẩm AN-LẠC

(157).- Tích chuyện cuộc giải-hoà giòng-họ Thích-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến sự tranh-chấp giữa dòng-họ Thích-ca và bộ-tộc Cô-ly-gia, cùng sống ở hai bên bờ sông Lỗ-hi-ni.

Thuở ấy, thành Ca-tỳ-la-vệ của dòng họ Thích-ca nằm bên bờ sông Lỗ-hi-ni, còn bên kia bờ có thành Cô-ly-gia của bộ-tộc nầy. Cả hai bộ-tộc đều nhờ vào nước sông mà trồng-trọt sanh-sống. Vào một năm kia, trời hạn-hán, nước sông cạn dần, chẳng đủ cho dân hai bên bờ dùng. Dân bộ-lạc Cô-ly-gia dùng cuốc xẻng, đào sông, dẫn dòng nước chảy sang địa-phận mình, khiến đồng ruộng bên phiá bộ-lạc Thích-ca trở nên khô-khan, lúa mạ uá héo hết. Sự tranh-chấp giưã nông-phu hai bên bờ sông càng ngày càng gây cấn, khiến cho dân-chúng và vua quan ở hai thành chuẩn-bị chiến-tranh để đánh nhau, giành độc-quyền xử-dụng nguồn nước sông.

Sáng sớm hôm đó, Đức Phật trong cơn thiền-định, quán-thấy các người trong bộ-tộc Thích-ca đang sửa-soạn khí-giới để đánh nhau với bộ-tộc Cô-ly-gia, Ngài mới dùng sức thần-thông bay đến giữa dòng sông, rồi ngồi lơ-lửng trên không. Bấy giờ, ở bờ sông bên nầy, các thân-nhơn của Đức Phật nhìn thấy Ngài đang ngồi nhập-định trên cao, liền buông hết khí-giới, chấp tay đảnh-lễ. Ở bờ bên kia, dân- chúng bộ-tộc Cô-ly-gia cũng vứt bỏ dao, gậy xuống và qùi lạy Đức Phật. Ngài bảo: "Nầy dân chúng bộ-tộc Thích-ca và Cô-ly-gia, các người đánh nhau đổ máu, để giành vài giọt nước sông, mà quên mất tánh-mạng mình còn quí-báu hơn nhiều. Nếu các người chẳng chịu hoà-giải với nhau, máu đôi bên sẽ chảy còn nhiều hơn nước sông kia!"

Rồi Đức Phật mới nới lên ba bài Kệ sau đây:

Hạnh-phước thay, ta sống không thù-hận
Giữa những người còn đang mãi hận-thù!
Hạnh-phước thay, ta chẳng hề oán-giận
Giữa những người hiềm-hận chẳng hề nguôi!
(Kệ số 197.)
Hạnh-phước thay, ta đang sống mạnh-khoẻ
Giữa những người còn ươn-yếu, ốm đau!
Hạnh-phước thay, sức khoẻ ta dồi-dào
Giữa nhưng người bịnh-tật làm kiệt-quệ!
(Kệ số 198.)
Hạnh-phước thay, ta sống chẳng khao-khát,
Giữa những người tham-dục còn rộn-ràng!
Hạnh-phước thay, ta chẳng màng tham-dục,
Giữa những người lòng dục đang gia-tăng!
(Kệ số 199.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thích-ca: tên bộ-tộc nầy, tiếng Pali là Sakya.

- Cô-ly-gia: tên bộ-tộc nầy, tiếng Pali là Koliya.

- Ca-tỳ-la-vệ: tên thành nơi Thái-tử Tất-đạt-ta ở khi chưa đi tu thành Phật, tiếng Pali là Kapilavatthu.

- Lỗ-hi-ni: tên con sông nầy, tiếng Pali là Rohini

- Bộ-tộc: Bộ =bộ-lạc, nhóm gia-đình cùng một họ sống chung nhau vào đời thật xa-xưa; Tộc = họ. Bộ- tộc = bộ-lạc.

- Hạn-hán: nắng nhiều, chẳng có mưa nên khô-khan, thiếu nước.

- Độc-quyền: Độc = riêng một mình. Độc-quyền là quyền chỉ riêng mình có, người khác chẳng chia-xẻ được, chẳng cho ai chia-xẻ.

- Thiền-định = ngồi thiền, nhập-định; giữ tâm yên-vắng.

- Thần-thông = pháp-lực cao-cường, khác thường, như bay trên không, đi trên nước. Có được thần- thông nhờ ở định-lực cao.

- Đảnh-lễ: qùi lạy, làm lễ chào ra mắt.

- Hoà-giải = vui-vẻ cùng nhau, bỏ qua điều tranh-chấp, quên đi sự thù-hận, làm lành với nhau.

- Hiềm-hận: Hiềm = nghi, chẳng vừa ý; Hận = giận ngầm và dai.

- Kiệt-quệ = tàn-tạ, khô-héo

- Tham-dục = tham-lam và ham-muốn

- An-lạc: An = yên-ổn; Lạc = vui-vẻ. An-lạc = hạnh-phước.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại cuộc hoà-giải của Đức Phật khiến cho hai bộ-tộc Thích-ca và Cô-ly-gia tránh được sự đổ máu vì tranh-chiến.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: hận-thù gây ra chiến-tranh khiến cả hai bên đều khổ-sở. Sớm biết hoà-giải cùng nhau sẽ mang lại hạnh-phước chung cho nhau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 197:

Bài Kệ số 197 nói lên hạnh-phước của người sống chẳng hận-thù. Tại sao lại có được hạnh-phước? Vì trong lòng thanh-thản, nhẹ-nhàng, chẳng mang niềm oán-ghét ai và cũng chẳng sợ ai oán-ghét mình. Người mang lòng thù-hận ai, trong lòng lúc nào cũng tìm cách hại kẻ thù, cho nên chẳng an-tâm, vì thế mà thiếu niềm an-lạc.

(3) Ý-nghĩa bài Kệ số 198:

Bài Kệ số 198 nói lên sự sung-sướng của người đầy-đủ sức khoẻ. Hạnh-phước của người khoẻ-mạnh nổi bật lên giữa những bị bịnh-tật, đau-yếu. Cho dầu có nhiều tiền-của, quyền-thế, mà thiếu sức-khoẻ, thì cũng chẳng hưởng được; nay đau mai ốm, tinh-thần vì thế mà suy-nhược, chán đời.

(4) Ý-nghĩa của bài Kệ số 199:

Bài Kệ số 199 nói lên hạnh-phước của người biết dứt-bỏ mọi ham muốn. Đây là hạnh-phước mà người thường ít thấy, ít hiểu để mà biết hưởng. Giản-dị mà nói, thí-dụ như muốn đi nghe một buổi trình-diễn ca-nhạc của ban nhạc danh-tiếng, phải xếp hàng cả buổi chờ mua được vé; người chẳng còn ham-thích theo thú-vui của ... lỗ tai, biết điều-phục nhĩ- căn, đâu phải bắt thân chịu khổ đứng chờ lâu.

Người nào đã hoàn-toàn ly-dục, dứt bỏ mọi tham-muốn, là bực đang chứng-đắc được đạo-quả A-la- hán.

HỌC TẬP:

- Học thuộc ba bài Kệ, ghi nhớ: hạnh-phước bắt nguồn từ trong tâm ta; hễ tâm biết lià bỏ khát-vọng là thân-tâm đang được an-lạc.

(158).- Tích chuyện Ma-vương khuấy Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ gần làng Ngũ-sảnh, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến việc Ma- vương đến khuấy phá Đức Phật.

Thuở ấy, vào một buổi sáng sớm, Đức Phật quán-thấy đã đủ cơ-duyên giúp cho một số đông phụ-nữ ở làng Ngã-sảnh chứng được đạo-quả Tu-đà-huờn, Ngài liền lên đường đi khất-thực nơi làng ấy. Đến đầu làng, Ngài gặp một đám đông phụ-nữ cùng nhau ra bờ sông tắm gội, xong họ vội-vã trang-sức diễm-lệ để đi dự hội, mà chẳng lo việc cúng-dường bố-thí cho chư Tăng, vì tâm của họ đang bị Ma- vương ám-ảnh, cám-dỗ mau mau đi đến chỗ vui-đùa.

Trên đường trở về tịnh-xá, Đức Phật gặp Ma-vương, y mỉa-mai hỏi Phật, khất-thực có đầy-đủ thức ăn chăng? Đức Phật quán-thấy, biết Ma-vương khuấy rối Ngài, đáp: "Nầy Ma-vương, chính bàn tay tội- lỗi của ông đã lôi kéo các vị phụ-nữ trong làng xao-lãng công-đức cúng-dường chư Tăng đó." Ma-

vương chẳng cải-chánh, lại muốn tìm cách khuấy thêm, liền bảo Phật: "Sao Ngài chẳng trở lại làng, xem lần nầy có được ai cúng-dường chăng?"

Vừa lúc ấy, các bà đi dự hội ra về, trông thấy Đức Phật, họ liền qùi xuống đảnh-lễ. Ma-vương cười bảo: "Hôm nay, Đức Phật chẳng được gì để ăn, nên đang đói bụng lắm đấy!" Đức Phật: "Nầy Ma- vương, mặc dầu chư Tăng chẳng được cúng-dường sáng nay, nhưng chúng ta sống chẳng phải chỉ nhờ vào thực-phẩm mà thôi. Cũng như chư Thiên trên cõi Trời Quang-âm, chúng ta sống nhờ vào phỉ và lạc trong Chánh-pháp."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà một số đông các vị phụ-nữ của làng Ngũ-sảnh chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Hạnh-phước thay, ta sống không chướng-ngại;
Những gì của ta, chẳng hề giữ lại.
Bằng niềm phỉ-lạc, ta dưỡng-nuôi ta,
Như chư Thiên Quang-Âm thường tự-tại.
(Kệ số 200.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ma-vương = Vua Ma, còn gọi là Ma Ba-tuần, tượng-trưng cho sự cám-dỗ, sự xúi-dục làm điều quấy.

- Ngũ-sảnh: dịch tiếnf Pali: Pancasàlà, Panca =Ngũ, năm; Sàla = đại-sảnh, phòng lớn. Tên làng là "Làng có năm đại-sảnh".

- Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt, còn gọi là Nhập-Lưu, tiếng Pali là Sotàpatti.- - Diễm-lệ = đẹp-đẽ.

- Cúng-dường: đọc trại chữ Hán-Việt cung-dưỡng, cung-cấp để nuôi-dưỡng. Tiếng nhà chùa nghĩa là dưng cúng thực-phẩm, tiền-bạc.

- Chư Thiên cõi Trời Quang-Âm = Trời Quang-âm là cõi cao nhứt trong đệ-nhị Thiền của Sắc-giới. Chư Thiên cõi nầy chẳng dùng lời nói mà dùng ánh-sáng (=quang) để thay-thế tiếng (=âm) khi giao- thiệp.

- Phỉ = niềm vui sướng trong-sáng; tiếng Pali là piti.

- Lạc = sự sung-sướng; tiếng Pali là sukha.

- Chướng-ngại: sự ngăn-trở. Ở đây, chữ chướng-ngại dịch chữ Kincanam, trỏ vào các phiền-não tham, sân, si làm chướng-ngại trên đường tu-tập của hành-giả.

- Tự-tại = tự-do. Ngoài đời, nói tự-do; trong đạo, nói tự-tại.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại Ma-vương khuấy phá việc khất-thực, bằng cách cám-dỗ các phụ-nữ ham vui, lãng quên công-đức cúng-dường. Tuy bị đói bụng, nhưng Đức Phật nói Ngài và chư Tăng sống nhờ phỉ-lạc, chớ chẳng phải chỉ nhờ vào thực-phậm không thôi. Ma-vương khuấy chẳng thành-công, vì sau khi dự hội trở về, dọc đường gặp Phật, các người đàn-bà liền đảnh-lễ, nghe Phật giảng-pháp và chứng được đạo-quả Tu-đà-huờn.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 200:

Bài Kệ nêu lên sự cao-quí của hạnh dứt-bỏ: bỏ tất cả chướng-ngại trong tâm là tham, sân, si; bên ngoài, bỏ tất cảngã-sở (=những gì của ta đang có), để sống trong niềm vui phỉ-lạc của Chánh-pháp.

HỌC TẬP:

- Học bài Kệ: ghi nhớ: An bần lạc đạo = thà nghèo mà an vui với Đạo.

(159).- Tích chuyện vua xứ Câu-tát-la thất trận.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến việc thất-trận của vua xứ Câu-tát-la.

Thuở ấy, vua xứ Câu-tát-la có người em gái gả cho vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà, phong làm Hoàng-hậu Vi-đề-hy. Bà Vi-đề-hy sanh ra người con là A-xà-thế, khi lớn lên lại chống-đối với cậu mình là vua xứ Câu-tát-la. Đã ba lần chiến-đấu với A-xà-thế, vua xứ Câu-tát-la đều thất-trận. Nhà Vua rất thất-vọng, đau buồn, than-thở rằng: "Thật là nhục-nhã biết bao cho ta, đánh chẳng lại một đứa con- nít, miệng còn hôi-sữa! Nhục quá! Ta còn sống làm gì nữa!" Quá chán-chường, Nhà Vua bỏ cả ăn- uống, cứ nằm dài mãi trên giường.

Tin vua xứ Câu-tát-la bị buồn-nản vì thất-trận đến tai Đức Phật. Ngài nói với các tỳ-kheo: "Nầy chư Tăng, kẻ chiến-thắng gây thêm thù-hận; còn người thất-trận phải chịu khổ-đau, áo-não!"

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chiến-thắng gây thù-hận,
Thất-bại chịu khổ-đau.
Vui thay, sống an-hoà,
Thắng bại bỏ lại sau.
(Kệ số 201.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xứ Câu-tát-la: tên xứ nầy, giáp với nước Xá-vệ và Ma-kiệt-đà, tiếng Pali là Kosala.

- Thất-trận: đánh giặc bị thua.

- Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà: tên vua nước nầy, tiếng Pali là Bimbisara, nước Magadha, giáp với nước Câu-tát-la.

- Vi-đề-hy: tên của Hoàng-hậu, tiếng Pali là Vedehì.

- A-xà-thế: phiên-âm tên vị nầy, tiếng Pali là Ajàtasattu.

- Chiến-đấu = chống-cự lại, tranh-đấu.

- Áo-não = phiền-não, khổ-sở, đau-đớn về tinh-thần.

- An-hoà: An = yên; Hoà = hợp, chẳng chống-đối. Sống an-hoà là sống hiền-lành, chẳng gây-gổ với ai, chẳng chống-đối ai.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại sự chán-chường vì thất-trận của vua xứ Câu-tát-la. Đức Phật bảo: "Thắng ai là gây thêm thù-hận; thua ai thì thêm đau-khổ; kẻ sống an-hoà, chẳng gây-gổ với ai, mới là sung-sướng."

Thông-thường, khi thất-bại, người đời thường khuyên nhau, hãy giữ vững tinh-thần, chuẩn-bị để tranh- đấu cho đến thành-công. Đây là lời khuyên đứng-đắn, nhưng chẳng đúng với tinh-thần bất-tác-hại của đạo Phật. Tại sao? Vì trả thù, sẽ gây thên thù-oán. Thành-công, sau khi thất-trận, là tìm thấy những khuyết-điểm của mình mà sửa đổi lại, chớ chẳng phải tìm nhược-điểm của đối-phương để tấn-công vào. Càng chống-đối nhau, càng gây thêm đau-khổ cho đôi bên.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 201:

Bài Kệ số 201 nêu ra ba thái-độ: thắng, thua và hiếu-hoà (= mến sự an-hoà).

Chiến-thắng gây thù-hận: tại sao? Vì người thua sẽ tìm cách trả thù, như thế, chiến-thắng còn chưa trọn-vẹn.

Thất-bại chịu khổ-đau: tại sao? Dĩ nhiên, vì thua kém, vì bị chèn-ép. Cả hai thái-độ: thắng và thua, đều do sự chống-đối nhau mà sanh ra sự bất-lợi, bất lợi ngay cho người thắng, chớ chẳng riêng cho người thua.

Thái-độ thứ ba: sống an-hoà, chẳng những thoát ra khỏi các bất-lợi của hai thái-độ trước, nó còn chứng-tỏ sự thông-minh của người hiếu-hoà, biết tránh trước những hậu-quả khó-khăn của sự tranh- đấu, nó còn đem lại hoà-bình, an-vui trong gia-đình, ngoài xã-hội.

HỌC TẬP:

- Học thuộc bài Kệ, ghi nhớ: sống an-hoà chẳng phải là chẳng tranh-đấu; người hiếu-hoà vẫn tranh- đấu chống lại hận-thù nơi tâm mình.

(160).- Tích chuyện đôi vợ chồng sắp cưới.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc đôi thanh-niên nam-nữ sắp làm lễ thành-hôn, chứng được quả-vị Tu-đà-huờn.

Thuở ấy, có một gia-đình kia sắp gả con gái, mới làm lễ cúng-dường thực-phẩm lên Đức Phật và tám mươi vị tỳ-kheo. Chàng rể tương-lai cũng được mời đến phụ-giúp việc chuẩn-bị. Trong khi bưng dọn thức ăn, chú rể có dịp đến gần bên cô dâu, nên trong lòng tỏ ra rộn-rã, thiếu sự chú-tâm để phục-vụ chu-đáo đến chư Tăng. Đức Phật nom thấy, biết chàng ta đang say-đắm nghĩ đến người yêu, chẳng để hết lòng thành vào việc dưng-cúng, nên Ngài mới nói cùng chàng: "Nầy thiện-nam, chẳng có ngọn lửa nào nóng bằng lửa tham-dục ở nội-tâm, chẳng có cơn gió nào thổi mạnh bằng gió sân-hận nổi lên trong lòng, chẳng có gánh nặng nào đè lên vai bằng thân-tâm năm uẩn nầy, và cũng chẳng có hạnh-phước nào to lớn và bền-vững bằng cảnh an-lạc hoàn-toàn của Niết-bàn tịch-diệt." Chàng rể lắng nghe, tỉnh- ngộ, dẹp qua một bên mối dục-tình vừa nhen-nhúm trong lòng và chú-tâm đến việc cúng-dường.

Sau buổi lễ trai-tăng, Đức Phật giảng-pháp, cả hai cô dâu và chú rể đều theo dõi lời Phật dạy. Rồi Đức Phật mới nói lên bài bài kệ sau đây, nhờ đó, đôi vợ chồng sắp cưới chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Lửa nào sánh lửa tham,
Ác nào bằng ác sân,
Khổ nào so khổ năm ấm,
An-lạc nào hơn tối-thượng Niết-bàn.
(Kệ số 202.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Quả-vị Tu-đà-huờn: Xin nhắc lại: đây là quả-vị thứ nhứt, còn gọi là Nhập-Lưu, hay Thất-Lai, tiếng Pali là Sotàpatti, được bước chơn vào dòng nước Thánh, đi đúng đường rồi, tu tiếp sẽ thành bực Thánh.

- Lễ thành-hôn = làm đám cưới, cưới vợ, gả chồng.

- Tỳ-kheo: tu-sĩ Phật-giáo, phiên-âm tiếng Pali: Bhikkhu, hay bí-sô, dịch là khất-sĩ (= tu-sĩ đi xin ăn). Phái nữ là tỳ-kheo-ni = Bhikkhuni.

- Phục-vụ = phụ-giúp, hầu-hạ ở bên cạnh.

- Thiện-nam: Thiện = lành; Nam = đàn-ông.Phật-học gọi các trai lành là thiện-nam, các gái hiền là tín- nữ, tất cả người tin vào đạo Phật

- Tham-dục = ham-muốn; ở đây chỉ vào mối dục-tình trong lòng chú rể khi thấy cô dâu.

- Nội-tâm: Nội = bên trong;Tâm = lòng. Nội-tâm: trong lòng mình.

- Sân-hận = giận-hờn, oán-giận.

- Thân-tâm năm uẩn = Thân và Tâm có năm phần, gọi là năm uẩn, hay năm ấm: (1) sắc-uẩn, thân vật- chất; (2) thọ-uẩn, các tình-cảm; (3) tưởng-uẩn, các tư-tưởng; (4) hành-uẩn, các hành-động; (5) thức- uẩn, các hiểu-biết. Vì tập-hợp lại mà có, nên thân-tâm chẳng bền, có ngày sẽ tan-rả đi, khiến cho đời sống phải chịu khổ nhiều, hưởng sướng ít.

- Niết-bàn: tiếng Phạn là Nirvana, ra khỏi rừng u-tối. Rừng nào?- Rừng phiền-não tham, sân, si. Niết- bàn là tâm-trạng người đã dứt bỏ hết phiền-não, hết bị tái-sanh trong Luân-hồi nữa, tự-tại trong an-lạc.

- Tối-thượng: Tối = hơn hết; Thượng = cao; Tối-thượng = cao nhứt.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một chàng trai đi làm rể, quá mê cô dâu nên chẳng để hết lòng thành vào việc cúng-dường Phật và chư Tăng. Được Phật nhắc-nhở, chàng tỉnh-ngộ, và

sau đó nghe lời Phật giảng dạy, chú rể, và cả cô dâu, đều chứng được quả-vi Tu-đà-huờn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 202:

Ba câu đầu nêu sự Khổ, câu chót chỉ cảnh An-lạc vô-biên:

1.- Lửa nào sánh lửa tham: Ví lòng tham như ngọn lửa, nung-nấu, thúc-dục người tham phải dành lấy cho được điều mình muốn.

2.- Ác nào bằng ác sân: Ví sự tức-giận với sự độc-ác, vì muốn diệt-bỏ cho tiêu mất điều mình ghét.

3.- Khổ nào so khổ năm ấm = khổ nào bằng mang lấy thân nầy.

4.- An-lạc nào hơn tối-thượng Niết-bàn = chẳng có gì an-lạc hơn, sung-sướng hơn là cõi Niết-bàn tối- thượng.

(161).- Tích chuyện người chăn mất con bò.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề cập đến một người chăn bò nghèo khổ ở làng Anh-huy.

Thuở ấy, ở làng Anh-huy, có một người chăn bò nghèo khổ. Một hôm, Đức Phật du-hành đến làng nầy, lại nhằm lúc anh chăn bò đang lạc mất một con bò. Suốt buổi sáng, anh chạy đi lùng khắp nơi từ lùm cây bụi cỏ của khu rừng thưa mà chẳng tìm thấy. Mãi đến gần trưa, anh mới thấy bò đang gậm cỏ bên bờ suối. Mừng quá, anh đuổi bò quay lại nhập đàn, rồi ghé vào nơi Đức Phật cùng chư Tăng đang thọ-trai, tại nhà một tín-chủ. Bấy giờ, sau buổi ngọ-trai, chư tỳ-kheo và dân-chúng đang ngồi im, chờ được nghe Đức Phật giảng pháp. Nhưng Ngài lại bảo gia-chủ dọn cơm cho người chăn bò ăn. Sau khi người chăn bò ăn xong, Đức Phật mới bắt đầu thuyết-pháp. Lần-lượt Ngài nói đến bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu dẫn đến con đường thánh của Bát-Chánh-Đạo. Người chăn bò lẳng-lặng, chăm chú nghe xong, chứng được đạo-quả Tu-đà-huờn.

Trên đường quay về tịnh-xá, có vị tỳ-kheo thắc-mắc, tại sao Đức Phật chẳng thuyết-giảng ngay sau buổi ngọ-trai, mà lại bảo dọn cơm cho kẻ chăn bò ăn xong, rồi mới giảng. Ngài bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, chẳng có bịnh nào bằng bịnh đói, chẳng có khổ nào bằng khổ năm uẩn. Nếu bụng đang đói cào mà nghe Chánh-pháp, thì làm sao mà thâu-thập được hết lẽ nhiệm-mầu?"

Rồi đó, Đức Phật liền nói lên bài Kệ sau đây:

Đói là bịnh tối-trọng,
Thân năm uẩn là khổ tối-đa.
Điều nầy như-thật hiểu qua,
Là chứng an-lạc Niết-bàn tối-thượng,
(Kệ số 203.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Anh-huy: tên làng nầy, tiếng Pali là Àlavi

- Du-hành = đi dạo đến, đi thăm-viếng.

- Thọ-trai = đang ăn cơm chay vào buổi trưa. Ngọ = 12 giờ trưa

- Tín-chủ: Tín = tin-tưởng; nói về người tin vào đạo Phật, thường dưng-cúng thực-phẩm, vật-dụng hay tiền-bạc cho chùa.

- Gia-chủ = chủ nhà. (Gia = nhà)

- Bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu = Tứ-Diệu-Đế, gồm có (1)Khổ-đế, về sự Khổ; (2)Tập-đế, nguyên-nhơn của Khổ; (3) Diệt-đế, dứt hết Khổ, tức là chứng cõi an-lạc Niết-bàn; (4) Đạo-đế, con đường Bát-chánh-đạo dẫn đến sự diệt hết khổ-đau.

- Bát-Chánh-Đạo = con đường thánh-đạo, đưa đến cõi Niết-bàn an-lạc, gồm 8 ngành: (1)Chánh-kiến; (2) Chánh tư-duy; (3)Chánh-ngữ; (4) Chánh-mạng; (5) Chánh-nghiệp; (6) Chánh tinh-tấn; (7) Chánh- niệm; (8) Chánh-định.

- Tối-trọng = quan-trọng nhứt.

- Tối-đa = nhiều nhứt.

- Như-thật: đúng như Sự-Thật; hiểu thật đúng theo Chơn-lý.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc người chăn bò bụng đói đến nghe giảng kinh, được Đức Phật bảo dọn cơm ăn no xong mới nghe Pháp. Nhờ no dạ, tỉnh-táo, nên người ấy hiểu được lời Phật giảng mà chứng quả.

Ý- nghĩa của Tích chuyện là khi nghe giảng hay đọc kinh, chẳng nên để đói quá, vì như thế, sẽ thiếu mất sự chú-tâm.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 203:

Những chữ khó đã được tìm hiểu ở phần Nghĩa Chữ.

Riêng hai câu chót, mới đọc qua thấy lủng-củng, xin viết lại cho suông: Nếu đã hiểu đúng như Sự-thật: "Đói là bịnh nặng; mang thân năm uẩn nầy là khổ nhiều", thì mới có cơ chứng được cảnh an-lạc của Niết-bàn.

Ý-nghĩa bài Kệ nầy cũng giống ý-nghĩa bài Kệ trước, số 202.

(162).- Tích chuyện vua Ba-tư-nặc bớt ăn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một giảng-pháp, có đề-cập đến vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la.

Một hôm, vua Ba-tư-nặc, sau khi ăn sáng thật no-nê, đến chùa Kỳ-viên yết-kiến Đức Phật. Vì còn đang nặng bụng, nên khi Đức Phật giảng-pháp, nhà vua cảm thấy buồn ngủ, gục lên gục xuống nhiều lần. Sau thời pháp, Đức Phật hỏi nhà Vua có phải vì quá

no nên buồn ngủ chăng. Vua Ba-tư-nặc đáp phải. Đức Phật khuyên nhà vua nên bớt ăn từ từ, mỗi bữa bớt đi chừng nửa chén, lần lần giảm xuống đến một phần ba số lượng thực-phẩm dùng hàng ngày. Nhà Vua tuân theo lời Phật dạy. Ba tháng sau, thân- thể nhà Vua thon lại, trở nên gọn-gàng, bụng chẳng còn phệ xuống, đi đứng khoan-thai, nhẹ-nhàng, tinh-thần cảm thấy sảng-khoái vì sức khoẻ dồi-dào. Nhà Vua bạch Phật sự tiến-bộ về thể-xác đó. Đức Phật bảo: "Nầy Đại-vương, sức-khoẻ là món quà tốt-đẹp nhứt; sự biết-đủ là tài-sản quí-báu nhứt; một người bạn thân trung-thành là họ-hàng gần-gũi nhứt và Niết-bàn là hạnh-phước an-lạc nhứt."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Sức-khoẻ là tặng-phẩm tối-hảo,
Biết đủ là tài-sản tối-bảo,
Bạn thành-tín là họ-hàng tối-thân,
An-lạc là Niết-bàn tối-thượng.
(Kệ số 204.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vua Ba-tư-nặc xứ Câu-tát-la: vị vua nầy rất tôn-sùng đạo Phật, tên tiếng Pali là Pasenadi, nước Kosala.

- Sảng-khoái: Sảng = trong-sáng; Khoái = vui-vẻ, lanh-lợi.

- Sự biết-đủ: dịch từ chữ Hán-Việt là Tri-túc, biết vừa đủ, chẳng quá độ, chẳng lạm dùng.

- Niết-bàn: xin nhắc lại: tiếng Phạn là Nirvana, ra khỏi rừng phiền-não u-tối. Đây là tâm-trạng của người đã dứt sạch phiền-não, hết bị tái-sanh, tự-tại trong cảnh an-lạc tịch-diệt.

- Tối-hảo: Tối = vào bực nhứt; Hảo = tốt. Tốt vào bực nhứt.

- Tối-bảo: Bảo = quí. Quí vào bực nhứt.

- Tối-thân = thân-thiết vào bực nhứt.

- Tối-thượng = cao vào bực nhứt.

- Thành-tín: Thành = thành-thật; Tín = tin.Thành-tín = đáng tin-cậy.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại vua Ba-tư-nặc vì ăn sáng quá nhiều, đến nghe Đức Phật giảng-pháp, chẳng thể chú- ý được vì buồn ngủ. Được Đức Phật khuyên, nên bớt ăn lại, để giữ-gìn sức khoẻ tốt, nhà Vua tuân theo lời, nhờ đó mà sức-khoẻ trở nên dồi-dào.

Ý-nghĩa của Tích chuyện khuyên ta chớ nên ăn nhiều quá; đồng thời nêu ra bốn thứ quí-báu: (1) sức khoẻ, (2) sự biết-đủ; (3) có bạn thân trung-thành với mình và (4) cõi Niết-bàn an-lạc.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 204:

Thử phân-tách từng câu:

1) Sức-khoẻ là tặng-phẩm tối-hảo: Tại sao gọi sức-khoẻ là một tặng-phẩm? Vì sức-khoẻ do sự ăn-uống điều-độ mang đến cho ta. Tại sao lại tối-hảo? Vì sức khoẻ mang đến hạnh-phước cho người.

2) Biết-đủ là tài-sản tối-bảo: Người biết-đủ là người cần-kiệm, chẳng phung-phí, chẳng lạm-dụng, nên giỏi việc giữ-gìn tài-sản; dó đó đức-tánh biết-đủ được xem như một tài-sản tinh-thần.

3) Bạn thành-tín là họ-hàng tối-thân: Một người bạn trung-thành giúp-đỡ, bảo-vệ mình còn hơn cả bà- con thân-tộc nữa.

4) An-lạc là Niết-bàn tối-thượng: giản-dị mà nói, được an-lạc (=yên-vui), đó là hạnh-phước ở trần- gian rồi; có lẽ cảnh Niết-bàn cũng an-vui như thế, có hơn chăng là ở chỗ bền-lâu và vững-chắc của cõi Niết-bàn mà thôi.

Ý-nghĩa của bài Kệ đề-cao sự chứng-đắc Niết-bàn, hơn cả ba điều trước: (1) sức-khoẻ, (2) biết-đủ và (3) bạn trung-thành.

(163).- Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa ngồi Thiền.

(Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện Trưởng-lão Ất-tha-đạt)

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại thành Tỳ-da-ly, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng- lão Thi-sa.

Thuở ấy, khi nghe Đức Phật tuyên-bố, trong bốn tháng nữa, Ngài sẽ nhập Niết-Bàn, các vị tỳ-kheo chưa chứng-đắc đạo-quả rất lo-ngại. Họ chẳng biết phải làm gì, cả ngày chỉ quanh-quẩn bên cạnh Đức Phật. Trái lại, Trưởng-lão Thi-sa quyết-tâm chứng đắc quả-vị A-la-hán, ngay lúc Phật còn tại-thế, nên Trưởng-lão liền rút vào nơi rừng sâu, xa vắng bóng người, để hành Thiền. Các vị tỳ-kheo khác chẳng

hiểu được ý-định của Trưởng-lão Thi-sa, cho rằng thái-độ của Trưởng-lão chẳng chút nào tỏ ra mến- tiếc Đức Phật cả, mới thưa trình cùng Đức Phật. Khi nghe Trưởng-lão Thi-sa trình-bày lý-do cố-gắng tu-tập để chứng quả A-la-hán trước ngày Đức Phật nhập Niết-bàn, Đức Phật bảo chư Tăng: "Nầy chư Tỳ-kheo, những ai kính-trọng và quí-mến Như-Lai, nên bắt chước mà làm theo như Thi-sa. Quí-vị đừng tưởng rằng đem hương hoa đến cho ta là tỏ lòng ngưỡng-mộ ta. Thực-hành đúng theo Chánh- pháp, đến nơi xa vắng nỗ lực Thiền-định theo lời dạy của ta, đó mới thật là biết cách trả ơn ta."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người nếm hương-vị đời ẩn-dật,
Hưởng an-lạc tịch-tĩnh Niết-bàn.

Nhiễm-ô và sợ-hãi đều thoát,
Vị pháp-hỷ, người ấy thấm-nhuần.
(Kệ số 205.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-da-ly: tên thành nầy, tiếng Pali là Vesàli.

- Nhập Niết-Bàn = theo nghĩa thông-thường, Nhập Niết-bàn là chết đi; nhưng theo nghĩa trong Phật- học, là lìa bỏ thân-xác nầy, đi vào cõi tịch-diệt, vắng-lặng, tự-tại mãi trong cảnh an-lạc.

- Thi-sa: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Tissa.

- Còn tại-thế: Thế = thế-gian. Theo nghĩa thường là còn sống ở đời.

- Quả-vị A-la-hán: Quả-vị = kết-quả khi tu thành; A-la-hán (Arahant) = quả-vị cao nhứt trong hàng đệ-tử sống gần Phật, dứt hết phiền-não, chẳng bị tái-sanh trong vòng Luân-hồi, sống trong an-lạc.

- Như-Lai: Như = như thế; Lai = đến. Chữ Như-Lai, tiếng Pali là Tathàgatha, có nghĩa là bực đã đến đây như thế đó. Thường Đức Phật tự xưng là Như-Lai, trong khi các đệ-tử gọi Ngài là Thế-tôn.

- Ẩn-dật = sống nơi xa vắng, ít người biết đến mình.

-Tịch-tĩnh: Tịch = vắng; Tĩnh = yên-lặng. Tịch-tĩnh là vắng-lặng.

- Nhiễm-ô: Nhiễm = dính dơ, Ô = dơ-dáy, đen-đúa. Chữ Nhiễm-ô ở đây dùng theo nghĩa bóng, chỉ sự vướng-bận vào các phiền-não.

- Vị pháp-hỷ: Vị = mùi vị; Pháp = Chánh-pháp, pháp-tu; Hỷ = niềm vui. Vị pháp-hỷ là niềm vui khi hiểu-biết về Chánh-pháp, do Chánh-pháp đem lại cho người tu-tập.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại sự hiểu-lầm về thái-độ của Trưởng-lão Thi-sa: thấy Trưởng-lão rút vào nơi xa vắng, cho rằng thiếu sự thương-mến Đức Phật khi Ngài sắp nhập Niết-bàn. Nào ngờ, đó mới là thái-độ đáng khen, vì Trưởng-lão đang nỗ-lực theo lời Phật dạy, vào nơi xa-vắng để tu thiền hầu chứng-quả cho kịp trước ngày Phật nhập-diệt.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: muốn trả ơn cho Thầy, phải làm cho đúng, cho vẹn, lời Thầy đã dạy.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 205:

Bài Kệ đề-cao cuộc đời ẩn-dật của bực tu-sĩ thấm-nhuần pháp-vị. Thử phân-tách từng câu:

1) Người nếm hương-vị đời ẩn-dật: Hương-vị nầy là sự vắng-lặng, thuận-tiện cho việc sống với nội- tâm;

2) Hưởng an-lạc tịch-tĩnh Niết-bàn: sống hạnh-phước trong cảnh yên-tịnh của cõi Niết-bàn tại thế- gian.

3) Nhiễm-ô và sợ-hãi đều thoát: dứt hết phiền-não, lậu-hoặc

4) Vị pháp-hỷ, người ấy thấm-nhuần: tự nuôi sống bằng niềm vui trong Chánh-pháp.

(164).- Tích chuyện vua Trời Đế-Thích săn-sóc Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại làng Tre, gần thành Tỳ-da-ly, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Vua Trời Đế-Thích.

Vào khoảng mười tháng trước ngày nhập Niết-bàn, vào muà hè tại làng Tre, gần thành Tỳ-da-ly, Đức Phật mắc bịnh kiết. Khi hay tin, vua Trời Đế-Thích liền hiện đến bên cạnh Ngài để săn-sóc. Đức Phật bảo vua Trời chớ quá lo, vì xung quanh còn nhiều tỳ-kheo, nhưng vị vua Trời vẫn tiếp-tục hầu-hạ Đức Phật cho đến khi Ngài lành hẳn bịnh.

Bấy giờ, nhiều tỳ-kheo ngạc-nhiên thấy vị vua Trời theo hầu luôn bên cạnh Phật như thế. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, chẳng có chi đáng ngạc-nhiên cả. Vào kiếp trước, khi thấy mình có tướng suy- thoái sắp chết, vua Đế-Thích đến nghe Ta giảng Chánh-pháp và theo đó mà tu-tập, nên mới chứng được quả Tu-đà-huờn. Sau khi chết đi, được tái sanh lên Trời lần nữa, như hiện nay. Nầy chư tỳ-kheo, được gần bên bực Thánh là một nguồn an-lạc; sống bên người ngu là sự khổ-sở."

Rồi đó Đức Phật nói lên ba bài Kệ sau đây:

Lành thay, mừng gặp Thánh-nhơn!
Sống được bên Ngài là chơn hạnh-phước.
Người ngu, khỏi gặp, mừng thay!
Khỏi gần bên họ, lâu dài hưởng vui.
(Kệ số 206.)
Quả thật,
Cùng đi với người ngu,
Sầu như sống với kẻ thù.
Được theo bên người trí,
Vui như sống với họ-hàng.
(Kệ số 207.)
Do đó,
Với những người thông-suốt, trí-huệ,
Giới-hạnh trang nghiêm, biết tự-chế;
Với các bực Thánh-nhơn như thế,
Ta nên cùng kết-hợp tình-thân,
Như trăng chiếu theo đường sao sáng.

(Kệ số 208.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vua Trời Đế-Thích: Vua cõi trời Đao-lợi (Pali: Tavatimsa), còn gọi là cõi Trời Tam-thập-tam thiên. Tên bằng tiếng Pali là Sakka.

- Làng Tre: tên làng nầy, tiếng Pali là Veluva.

- Thành Tỳ-da-ly: tên thành nầy, tiếng Pali là Vesàli; chính tại thành nầy, một trăm năm sau khi Phật mất, có cuộc kết-tập kinh-điển lần thứ hai.

- Tướng suy-thoái: các hình-tướng suy-yếu về thân-thể của bực Trời, khi gần hết phước sắp chết, như tóc rối, thân dơ, chảy mồ-hôi...

-Chơn hạnh-phước = hạnh-phước chơn-chánh, thật-sự sung-sướng

- Giới-hạnh trang-nghiêm: giũ đúng theo giới-luật.

- Tự-chế: tự giữ lấy kỷ-luật, đè-nén sự ham-muốn của mình

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại vua Trời Đế-Thích đến hầu-hạ săn-sóc Đức Phật, khi Ngài bị bịnh kiết ở làng Tre gần thành Tỳ-da-ly. Các tỳ-kheo tỏ vẻ ngạc-nhiên khi thấy Vua Trời Đế-Thích bên cạnh Phật. Đức Phật bảo, kiếp trước nhờ gặp Phật, nghe pháp tu-hành chứng quả mà vua Đế-Thích, khi hết phước lại được tái-sanh lên Trời.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật; nên thân-cận với bực Thánh, nên tránh xa chớ gần người ngu.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 206:

Bài Kệ số 206 cho rằng hạnh-phước to lớn là việc được gần bên bực Thánh và nguồn vui lâu dài là khỏi phải gặp người ngu.

(3) Ý-nghĩa bài Kệ số 207:

Bài Kệ số 207 so sánh: sống với nguười ngu như sống khổ bên cạnh kẻ thù; còn sống bên người Trí như sống yên vui với bà-con.

(4) Ý-nghĩa bài Kệ số 208:

Bài Kệ số 208 khuyên ta nên tìm cách thân-cận với bực trí-giả, có giới-đức cao, biết tự-kềm-chế, để học-hỏi về đường tu. Biết làm được như thế, cũng như được ánh trăng sáng soi khắp nẻo đường.

-ooOoo-

XVI.-Phẩm THÂN - ÁI.

(165).- Tích chuyện ba người khất-sĩ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến một gia-đình, chồng, vợ và con đi tu chung tại một chùa.

Thuở ấy, ở Xá-vệ có một người thanh-niên xuất-gia vào một tu-viện làm tỳ-kheo. Chẳng bao lâu sau, người cha cũng rời bỏ đời sống thế-tục, gia-nhập Tăng-đoàn ở tu-viện ấy. Sau cùng, người mẹ cũng theo chơn chồng và con đi tu luôn. Họ sống chung với nhau trong một ngôi chùa, cùng đi khất-thực, cùng ăn, cùng ngủ, chuyện-trò, bàn-cãi nhau như lúc còn ở nhà. Điều nầy khiến cho các vị tỳ-kheo khác cảm thấy khó-chịu, mới đến thưa-trình cùng Đức Phật. Đức Phật cho gọi cả ba người, cha, mẹ và con đến và bảo họ: "Đã xuất-gia, thọ giới theo Giáo-hội, các người chẳng nên tiếp-tục sống khắng-khít bên nhau như trong một gia-đình riêng-biệt nữa. Xa người mình thương, gần người mình chẳng thích, cả hai đều đau-khổ. Các người đừng quá thân-yêu, quyến-luyến với bất cứ ai, với bất cứ sự-vật nào."

Rồi Đức Phật mới nói lên ba bài Kệ sau đây:

Cố đuổi theo điều nên xa lánh,
Việc đáng theo mà tránh chuyên-cần;
Bỏ mục-tiêu, lại gần dục-lạc,
Để rồi ganh-tị bực chuyên-tu.
(Kệ số 209.)
Chớ gần-gũi quá người mình thương,
Đừng ở gần bên người mình ghét.
Thương chẳng gặp, ghét lại gặp thường,
Cả hai đường đều đau-khổ hết.
(Kệ số 210.)
Do vậy, chớ bao giờ quá thân-yêu,
Yêu phải xa nhau, yêu là đau-khổ.
Cả yêu lẫn ghét đều lìa bỏ
Mọi dây ràng-buộc bị diệt tiêu.
(Kệ số 211.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khất-sĩ: Khất = đi xin; Sĩ =người. Cả ba danh-từ: khất-sĩ, tỳ-kheo, bí-sô đều chỉ vào các tu-sĩ Phật- giáo, hằng ngày đi xin ăn, để dẹp lòng tự-ái và có dịp dạy đạo cho dân. Tiếng Pali: Bhikkhu.

- Xuất-gia: Xuất = ra; Gia = nhà. Xuất-gia chẳng những là rời nhà vào chùa mà còn có nghĩa sâu: rời bỏ căn nhà phiền-não, dứt tríu-mến

- Thế-tục: Thế = đời; Tục = thông-thường. Đời Thế-tục là đời sống của người thường chưa đi tu sống trong gia-đình, sanh-hoạt ở xã-hội.

-Thọ-giới: Thọ =nhận; giới = giới-luật; Thọ-giới là nhận tuân theo các điều răn-cấm, như chẳng sát- sanh, chẳng trộm-cắp,v.v

- Tăng-đoàn: Tăng = nam tu-sĩ Phật-giáo. Cứ bốn vị Tăng tu chung nhau, trở lên, làm thành một Tăng- đoàn.

- Mục-tiêu: Mục = con mắt; Tiêu = cái mốc để nhìn vào mà bắn. Ở đây, chữ mục-tiêu có nghĩa là điều mình đang đeo đuổi, muốn có.

- Dục-lạc: Dục = muốn; Lạc = vui. Ở đây, dục-lạc có nghĩa là các điều ham-muốn thấp-kém về vật- chất.

- Ganh-tị: ghen-ghét, cà-nanh, đố-kỵ.

- Chuyên-cần: siêng-năng. Chuyên-tu: siêng tu.

-Dây ràng-buộc: dùng theo nghĩa bóng, dịch chữ Hán-Việt: triền-phược. (Triền = vấn xung-quanh; phược = buộc dây). Đây là nói đến các tình-cảm trong tâm, có tánh-cách ràng-buộc, như thương, như ghét. Vì thương ai, nên tâm quyến-luyến nhớ người ấy; vì ghét ai, thì nhớ mãi tên, hay gương mặt của người ấy trong tâm mình.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc cả gia-đình ba người: chồng, vợ và con, đều xuất-gia tại cùng một tu-viện, nhưng họ vẫn còn quyến-luyến nhau, chẳng rời nhau ra được. Đức Phật dạy, hễ đã xuất-gia, phải dứt bỏ mọi tríu-mến, dầu đó là cha-mẹ hay con-cái; vì có dứt bỏ được, tâm mới chẳng còn bị ràng-buộc nữa mà trở nên thanh-tịnh.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: xuất-gia là bước chơn ra khỏi căn nhà phiền-não, chớ chẳng phải chỉ ra khỏi ngôi nhà che mưa trú nắng.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 209:

Bài Kệ chê-trách những người tu-hành thiếu sự tinh-tấn rồi sanh ra ghen-ghét với các bực chuyên-tu.

1) Hai câu đầu: Cố đuổi theo điều nên xa lánh, Việc đáng theo mà tránh chuyên-cần: đây là đang làm ngược lại với sự tinh-tấn: điều ác chưa sanh, phải tránh đừng cho xảy ra; điều lành còn chưa làm, phải gắng thực-hiện ngay;

2) Câu thứ ba: Bỏ mục-tiêu, lại gần dục-lạc: quên mất mục-tiêu giác-ngộ và giải-thoát của đường tu, vì đang chạy theo các thú-vui vật-chất;

3) Câu chót: Để rồi ganh-tị bực chuyên-tu: hậu-quả là thấy bạn đồng-tu tinh-tấn trên đường đạo thì lại sanh ra ghen-ghét, mà chẳng xét đến lỗi mình đã thiếu nỗ-lực trong việc tu-hành.

(3) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 210 và 211:

Hai bài Kệ nầy nhập chung lại thành một bài, khuyên ta phải dứt bỏ sự luyến-ái, sự bấu-viú, mà phải tập hạnh xả-ly.

Bài Kệ số 210 nêu lên hai nỗi khổ, trong tám cái khổ ở đời: (1) thương nhau mà phải xa nhau; (2) ghét nhau mà phải gần bên nhau. Tại sao khổ? Thương nhau mà xa nhau, thì nhớ mong, trông sớm được ngày gặp lại nhau. Thời gian chờ mong, thương nhớ làm cho tâm chẳng được yên. Ghét nhau mà phải gần bên nhau, thì sự bất đồng ý-kiến xảy ra hằng ngày, khiến cho cuộc sống chung trở nên nặng-nề, chẳng những giữa hai người trong cuộc, mà còn lây sang đến những người chung quanh.

Hai câu chót của bài Kệ số 210: Thương chẳng gặp, ghét lại gặp thường, Cả hai đường đều đau-khổ hết dẫn ta đến kết-luận được chỉ rõ trong bài Kệ số 211: Cả yêu lẫn ghét đều là bỏ, Mọi dây ràng buộc bị diệt-tiêu. Kết-luận nầy nêu cao mục-tiêu tu-tập: giác-ngộ và giải-thoát. Giác-ngộ được gì? Giác-ngộ rằng cả hai tình-cảm:thương và ghét, tuy đối chọi nhau nhưng cùng có hiệu-lực ràng-buộc ta. Giải- thoát khỏi những gì? Giải-thoát khỏi những sự trói-buộc do chính tâm mình tạo ra cho mình. Vì lẽ nầy mà trước khi xuất-gia, người tu-hành phải dứt-khoát bỏ qua hết mọi luyến-lưu vào gia-đình và sự- nghiệp.

(166).- Tích chuyện một gia-chủ giàu-có.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến một vị gia-chủ giàu-có quá đau buồn vì con trai chết.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một người gia-chủ rất giàu-có vì đứa con trai chết mà quá đau-buồn, mỗi ngày đều ra nghĩa trang khóc-lóc, than-thở. Sáng sớm hôm ấy, trong cơn thiền-định, Đức Phật quán- thấy đã đủ cơ-duyên cho người gia-chủ ấy chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Ngài liền cùng với các vị tỳ-kheo đi đến nhà vị gia-chủ đó, để khất-thực. Thấy vẻ mặt buồn-thảm của người gia-chủ, Đức Phật mới hỏi nguyên-do. Người ấy thuật lại việc đứa con trai của mình bị bịnh vừa qua đời, khiến cho lòng mình thương-cảm và âu-sầu. Đức Phật ân-cần khuyên: "Nầy gia-chủ, cái chết chẳng phải chỉ đến ở một nơi. Mọi chúng-sanh đã sanh ra, tất có ngày phải chết đi; cuộc sống luôn luôn chấm-dứt bằng cái chết. Gia-chủ đừng nghĩ rằng, chỉ có đứa con yêu-dấu của mình mới bị Thần Chết bắt mang đi. Gia- chủ đừng tỏ ra quá ưu-sầu, chán-nản, lo-lắng đến độ đó. Sự ưu-sầu, sự sợ-hãi chính do từ niềm thương- yêu luyến-ái quá mức mà sanh ra."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà người gia-chủ chứng-đắc được quả-vị Tu-đà- huờn:

Thân-ái sanh ra sầu-muộn,
Thân-yêu sanh ra lo-sợ.
Ai cắt đứt dây nhợ thân-ái,
Chẳng sầu, sao có sợ?
(Kệ số 212.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Gia-chủ: Gia = nhà; Chủ = chủ; Gia-chủ là chủ nhà.

- Nghĩa-trang = nghĩa-địa, nơi chôn-cất người chết.

- Quán-thấy: Xin nhắc lại: trong cơn thiền-định, nhìn thấy rõ trong tâm.

- Cơ-duyên: Xin nhắc lại: đã đủ duyên lành, được dịp may.

- Tu-đà-huờn: quả-vị đầu-tiên trong hàng Thanh-văn, đệ-tử sống gần bên Phật. Tiếng Pali là Sotàpatti, dịch là Nhập-Lưu, nghĩa là được gia-nhập vào dòng nước Thánh, hay là Thất-Lai, nghĩa là chỉ còn phải bị tái-sanh bảy lần nữa thì chứng được quả Thánh.

- Luyến-ái: Luyến = quyến-luyến, rời ra chẳng được. Ái = thương; Luyến-ái = lòng thương quá mức, đến độ rời nhau ra chẳng được.

- Thân-ái, thân-yêu: cùng là thương-yêu cả, nhưng hàm ý-nghĩa quá quyến-luyến, quá tríu-mến. Chính sự quá tríu-mến mới là chỗ Đức Phật dạy phải bỏ đi, vì nó ràng-buộc tâm ta, làm ta đau-khổ sau nầy.

- Dây-nhợ = nghĩa bóng là ràng-buộc, trói-buộc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại sự đau-buồn của một người cha bị mất đứa con trai, được Đức Phật khuyên-giải.

Lời Phật dạy: "Cái chết chẳng đến ở một nơi"; câu nầy nói lên lẽ Vô-thường trong Phật-học: mọi vật có hình-tướng đều bị biến-đổi và hủy-diệt. Hiểu rõ lẽ vô-thường, ta chẳng bám-víu vào bất cứ ai, bất cứ sự-vật gì, vì hễ còn bám-víu là còn bị khổ-đau khi bị mất-mát. Ứng-dụng vào đời sống: chấp-nhận lẽ vô-thường, xem sự chết dĩ-nhiên sẽ đến với mọi người, phải giữ tâm an-nhiên, chớ quá xúc-động.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 212:

1.- Thân-ái sanh ra sầu-muộn: mới đọc qua, thấy có vẻ mâu-thuẫn, vì khi thân-ái nhau thì sung-sướng, vui-thích hơn, chớ sao lại sầu-muộn? Nhưng, vì đã quá thân-ái nhau, nên khi lìa nhau, sầu-muộn sẽ sanh ra. Có ai ở mãi bên nhau mà chẳng có lúc lìa nhau?

2.- Thân-yêu sanh ra lo-sợ: Tại sao? Vì sợ mất ngươi hay vật mình thương.

3.- Ai cắt-đứt dây nhợ thân-ái: Ai vậy? Đó là người đã giác-ngộ, biết rõ sự ràng-buộc do tự tâm mình quá luyến-ái mà sanh ra.

4.- Chẳng sầu, sao có sợ? Khi nào sầu? Sầu khi gặp việc chẳng vừa lòng. Tại sao sợ? Sợ vì ngại việc chẳng vừa lòng sẽ xảy ra cho mình. Vậy muốn chẳng sầu, chẳng sợ, thì đừng quá vừa lòng việc gì cả, giữ tâm thật bình-đẳng, xem mọi việc đều ngang nhau.

(167).- Tích chuyện bà Vi-sa-kha khóc cháu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến bà Vi-sa-kha quá đau buồn vì mất đứa chúa gái.

Thuở ấy, bà tín-nữ Vi-sa-kha, vị nữ thí-chủ rất nổi tiếng vào thời đức Phật, người đã xây cất và cúng- dường nữ tu-viện Đông-viên cho Ni-đoàn ở nước Xá-vệ, có đứa cháu tên Sử-đạt-ta vừa qua đời. Bà rất thương-tiếc, khóc lóc đau buồn thảm-thiết. Bà đến yết-kiến Đức Phật và được Đức Phật dạy rằng: "Nầy nữ thí-chủ Vi-sa-kha, sao bà chẳng biết mỗi ngày tại nước Xá-vệ nầy, có nhiều người đã chết? Nếu bà xem mỗi người đã qua đời là người thân mà bà thương-tiếc như một đứa cháu của bà, thì có lẽ chẳng có lúc nào bà ngưng chảy nước mắt cả. Bà chẳng nên để cái chết của đứa cháu thân-yêu làm khủng-hoảng tinh-thần bà như thế. Ưu-sầu và sợ-hãi sanh ra do sự quá luyến-ái đó."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Luyến-ái sanh ra sầu-muộn,
Tríu-mến sanh ra lo-sợ.
Ai cắt đứt dây nhợ luyến-ái,
Chẳng sầu, sao có sợ?
(Kệ số 213.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vi-sa-kha: tên vị nữ thí-chủ đã dưng-cúng rất nhiều cho Ni-đoàn vào thời đức Phật, tiếng Pali là Visakha.

- Nữ tu-viện Đông-viên: tên ngôi chùa của bà Vi-sa-kha dưng-cúng, ở phiá Đông chùa Kỳ-viên, tiếng Pali là Pubbàràma

- Sử-đạt-ta: tên cháu gái bà Vi-sa-kha, tiếng Pali là Sudattà.

- Yết-kiến: đến gặp bực trưởng-thượng, để nghe chỉ-dạy.

- Làm khủng-hoảng tinh-thần: khiến cho mất tinh-thần, khiến cho lòng chẳng yên, trở nên đau buồn.

- Ưu-sầu: đau buồn trong lòng.

- Luyến-ái, Tríu-mến: cùng là tình thương cả, nhưng trong sự luyến-ái, trong sự tríu-mến, có sự bám- víu quá vào người mình thương, vào vật mình mến, cho nên đến khi phải lìa nhau thì sanh ra đau-khổ nhiều. Chính sự bấu-víu nầy là chỗ Đức Phật dạy phải rời bỏ, chớ chẳng phải là bỏ đi tình thương.

- Dây nhợ luyến-ái: Xin nhắc lại, đây là nghĩa bóng, chỉ vào sự ràng-buộc, chính từ nơi tâm mình sanh ra luyến-ái, rồi chính sự luyến-ái ấy lại trói buộc lấy tâm mình.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nầy cũng rất giản-dị như Tích chuyện trước: bà Vi-sa-kha mất đứa cháu gái thân-yêu, khóc lóc, đau buồn, được Đức Phật khuyên-giải.

Ý-nghĩa của Tích chuyện nằm trong lời Đức Phật dạy: "Nếu bà xem mỗi người đã qua đời là người thân mà bà thương-tiếc như nột đứa cháu của bà, thì có lẽ chẳng có lúc nào bà ngưng chảy nước mắt cả..." Cái chết đến khắp nơi, chẳng riêng một nhà, đó là lẽ vô-thường của cuộc sống. Người hiểu lẽ vô- thường, biết chấp-nhận cái chết đến cho người thân, mà chẳng quá đau-buồn, chẳng để tâm mình phải mất sự an-tịnh.

Về tình thương, Đức Phật dạy phải trải rộng tình thương đến mọi người, mọi loài, chẳng phân-biệt; đó là tâm Từ-bi, khác rất xa với sự luyến-ái, vì sự luyến-ái còn hạn-chế, thu-hẹp vào một người hay một vật. Vì lẽ mở rộng tình thương đến mọi người, mọi loài nên tâm Từ-bi được gọi là tâm vô-lượng.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 213:

Ý-nghĩa bài Kệ nầy cũng giống với ý-nghĩa bài Kệ trước, số 212: sự luyến-ái sanh ra sầu-muộn và lo- sợ. Vì thế, ta phải cắt đứt dây nhợ của sự luyến-ái, để có thể trải rộng tình thương đến mọi người, mọi loài, chẳng phân-biệt xa hay gần, thân hay thù.

HỌC TẬP:

- Học thuộc hai bài Kệ, ghi nhớ: cắt đứt luyến-ái, chính là để trải rộng tình thương đến mọi người, mọi loài, theo tâm Từ-Bi.

(168).- Tích chuyện các ông hoàng xứ Ly-xa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Chùa Nóc-Nhọn ở xứ Tỳ-da-ly trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị hoàng-tử xứ Ly-xa.

Thuở ấy, vào một ngày hội-hè vui-nhộn, Đức Phật đi vào thành Tỳ-da-ly, cùng với đông-đảo tỳ-kheo. Dọc đường, Đức Phật gặp một đoàn xe trang-hoàng thật đẹp-đẽ chở các ông hoàng xứ Ly-xa đi du- ngoạn. Họ lên đường đến một công-viên để dự hội. Nơi đây, họ tranh dành nhau một người dâm-nữ, rồi sanh ra ẩu-đả nhau, nhiều người bị thương-tích nặng, phải dùng xe để chở về. Bấy giờ, Đức Phật và các tỳ-kheo đi khất-thực xong, trở về tịnh-xá, trông thấy cảnh-tượng đó.

Một vị tỳ-kheo nói: "Chỉ vì tranh nhau một người dâm-nữ, mà các ông hoàng ăn-mặc sang trọng kia, phải bị thương-tích nặng-nề." Đức Phật dạy: "Nầy các tỳ-kheo, chạy theo các thú-vui vật-chất tạm-bợ như thế, chỉ đưa đến sầu-muộn. Ai biết dứt bỏ dục-lạc của các thú-vui thể-xác, đâu còn phải đau-khổ, sợ-hãi nữa."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hỉ-ái sanh ra sầu-muộn,
Thích vui vật-chất sanh ra lo-sợ.
Ai cắt đứt dây nhợ hỉ-ái,
Chẳng sầu, sao có sợ?
(Kệ số 214.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Chùa Nóc-Nhọn: dịch tiếng Pali là Kutàgàra, có nghĩa là một tu-viện có nóc nhọn nhô lên như ngọn tháp. Tu-viện nầy nằm trong xứ Tỳ-da-ly (tiếng Pali là Vesàlì.)

- Ly-xa: một bộ-tộc miền Bắc Ấn-độ xưa, tiếng Pali là Licchavì.

- Dâm-nữ: người đàn-bà dùng sắc-đẹp thể-xác mình mua vui cho bọn đàn-ông.

Ẩu-đả: đánh lộn nhau tơi-bời.

- Dục-lạc: Dục = ham-muốn; Lạc = vui. Ở đây, chữ dục-lạc được dùng với nghĩa rộng, chỉ các thú-vui vật-chất, nhứt các thú-vui về nhục-dục, về thể-xác.

- Hỉ-ái: Hỉ = vui; Ái = thương, thích. Ở đây chữ hỉ-ái được dùng theo nghĩa rộng, chỉ các thú-vui vật- chất tạm-bợ, chỉ làm thoả-mãn các giác-quan, bỏ qua niềm vui cao hơn về tinh-thần.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại các ông hoàng xứ Ly-xa vì tranh nhau một nàng dâm-nữ, ẩu-đả nhau mà mang thương-tích. Trông thấy cảnh-tượng đó, Đức Phật dạy các tỳ-kheo: "Chớ chạy theo thú-vui vật-chất tạm-bợ, phải cắt đứt dây nhợ hỉ-ái."

Ý-nghĩa của Tích chuyện là sự thiếu suy-xét của các ông hoàng xứ Ly-xa: vì tranh dành nhau một phút ngắn-ngủi được gần người dâm-nữ mà sanh ra ẩu-đả khiến phải bị thương-tích nặng-nề. Thú-vui vật- chất tạm-bợ trong chốc-lát chẳng bù được sự khổ-sở đau-đớn về xác-thịt tiếp theo đó.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 214:

Thử phân-tách bài Kệ ra từng câu:

1) Hỉ-ái sanh ra sầu-muộn: Chữ Hỉ-ái, thích vui, ở đây có nghĩa rộng là thích các sự vui về thể-xác tạm-bợ trong chốc-lát, như thú-vui nhục-dục giữa trai gái. Vì cơn vui quá ngắn muốn kéo dài mãi mà chẳng được, cho nên sanh ra sầu-muộn.

2) Thích vui vật-chất sanh ra lo-sợ: Thích vui vật-chất, ở đây, chỉ vào các thoả-mãn nhu-cầu của các giác-quan: mắt muốn nhìn sắc-đẹp cho "mãn-nhãn"; tai muốn nghe tiếng thật du-dương cho "khoái lỗ- nhĩ", lưỡi muốn nếm chất thật béo-ngọt cho "đã khẩu-vị", tay muốn sờ vuốt vào vật hết sức trơn-láng cho "đê-mê", nên sanh ra lo-sợ mỗi khi chẳng thoả-mãn được.

3) Ai cắt đứt dây-nhợ hỉ-ái; Chẳng sầu, sao có sợ?: Dây-nhợ hỉ-ái, ở đây, chỉ vào sự ràng-buộc do sự ham-thích các thú-vui vật-chất gây ra. Vì sự thèm-khát từ trong tâm mình sanh ra, tạo nên dây-nhợ hỉ-

ái, nay với ý-chí cương-quyết dẹp sự khát-ái qua một bên, ta dứt được sầu-muộn, lo-sợ, tâm trở nên yên-ổn.

(169).- Tích chuyện chàng thanh-niên Anh-thi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một chàng thanh-niên tên Anh-thi, quá đau-buồn trước cái chết của vị-hôn-thê.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ có chàng thamh niên tên là Anh-thi, sắp cưới một cô thiếu-nữ nhan-sắc đẹp lộng-lẫy ở thành Sa-ga-la, thuộc xứ Mạch-đạt. Đến ngày thành-hôn, cô thiếu-nữ lên đường từ Sa-ga-la về nhà chồng, dọc đường ngã bịnh nặng rồi từ-trần. Chàng Anh-thi nghe tin vị-hôn-thê chết, cõi lòng tan-nát, đau-buồn chẳng kể xiết.

Sáng sớm hôm ấy, trong cơn thiền-định, Đức Phật quán-thấy đã đủ cơ-duyên cho thanh-niên Anh-thi chứng-đắc sơ-quả, Ngài liền cùng chư tỳ-kheo lên đường đến nhà Anh-thi để khất-thực. Cha mẹ chàng trai dưng cúng thực-phẩm. Sau buổi ngọ-trai, Đức Phật cho mời chàng Anh-thi ra hỏi chuyện. Trông vẻ thiểu-não của chàng trai, Đức Phật mới hỏi duyên-cớ. Chàng kể lại cõi lòng tan-nát vì người yêu vừa qua đời. Đức Phật khuyên-giải: "Nầy Anh-thi, ái-dục sanh ra sầu-muộn. Chỉ vì ham-thích các thú- vui nhục-dục, mà con người phải chịu đau-khổ và lo-lắng."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà chàng thanh-niên Anh-thi chứng được quả-vị Tu-đà- huờn:

Dục-ái sanh ra sầu-muộn,
Thích vui nhục-dục sanh ra lo-sợ.
Ai cắt đứt dây nhợ dục-ái,
Chẳng sầu, sao có sợ?
(Kệ số 215.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

Các tên Pali được Việt-hoá cho dễ đọc:

-Anh-thi = Anitthigandha; Sa-ga-la = Sàgala; Mạch-đạt = Maddas

- Vị hôn-thê: vợ chưa cưới.

- Từ-trần = chết.

- Trong cơn thiền-định, quán-thấy: trong khi ngồi Thiền, tâm an-định, nhìn thấy rõ trong tâm...

- Đủ cơ-duyên: đã đến lúc thuận-tiện, được đủ cơ-hội may-mắn.

- Sơ-quả: quả-vị đầu-tiên của hàng Thanh-văn, tức là các vị đệ-tử của Đức Phật, sống gần bên Phật, nghe kinh mà tu-tập. Đây là quả-vị Tu-đà-huờn, còn gọi là Nhập-lưu, hay Thất-Lai; tiếng Pali là Sotàpatti. Nhập-Lưu có nghĩa là bước chơn vào dòng Thánh;

Thất-Lai có nghĩa là chỉ phải tái-sanh lại cõi người bảy lần nữa, rồi chứng được Thánh-quả A-la-hán, tự-tại mãi trong cõi Niết-bàn.

- Khất-thực: đi xin ăn. Theo giới-luật nhà Phật, tỳ-kheo chẳng được phép có nghề riêng để sanh-sống, mà phải đi xin ăn, để diệt lòng tự-ái và có dịp gặp dân-chúng để chỉ-dạy giáo-lý cho họ.

- Ngọ-trai: Ngọ = 12 giờ trưa; Trai = bữa ăn chay. Ngọ-trai là bữa cơm chay vào 12 giờ trưa; sau đó suốt ngày, chẳng ăn nữa.

- Ái-dục: Ái = thương, thích; Dục = muốn. Chữ Ái-dục ở đây được dùng theo nghĩa rộng, chỉ sự ham- muốn thoả-mãn về thể-xác, nhục-dục, giữa trai-gái.

- Nhục-dục: Nhục = thịt; Dục = ham-muốn; Thú-vui nhục-dục là thú-vui thể-xác khi có sự giao-hợp giữa trai-gái.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tídh chuyện thuật lại việc đau-buồn của một chàng trai vì vị hôn-thê chết trước khi cưới. Đức Phật khuyên-giải, sự ham-thích các thú-vui nhục-dục đưa đến sự lo-lắng, sầu-muộn vì muốn kéo dài sự thích-thú chẳng được và sợ mất đi nguồn vui tạm-bợ nầy. Vì thế, muốn khỏi phải sầu-muộn và lo-lắng, thì nên xa lìa sự ham-thích các thú-vui nhục-dục tạm-bợ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 215:

Cũng như các bài Kệ trước, bài Kệ số 215 khuyên ta cắt đứt dây nhợ của các sự: thân-ái, luyến-ái, hỉ- ái, dục-ái. Cùng là sự yêu-thích cả, do lòng thương = ái, sanh ra nơi tâm mình, nay muốn cắt-đứt dây nhợ đó, phải có ý-chí cương-quyết dẹp chúng qua một bên. Chỉ vì mình thích, mình thương, mà sanh ra ràng-buộc, nếu nay tự mình biết chẳng thích, chẳng thương nữa, mối ràng-buộc tự nó chấm-dứt vậy.

(170).- Tích chuyện người nông-phu Bà-la-môn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người nông-phu thuộc giai-cấp Bà-la-môn.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một người nông-phu thuộc giai-cấp Bà-la-môn, chẳng tin theo giáo-lý của Đức Phật. Đức Phật quán-thấy người ấy có đủ cơ-duyên để chứng-đắc được quả-vị Tu-đà-huờn, nên trên đường đi khất-thực, Ngài dừng lại bên thửa ruộng người nông-phu đang cầy cấy. Nghe Đức Phật thăm hỏi về công-việc làm ăn của mình, người nông-phu vui-vẻ bàn-luận về mùa-màng cùng Đức Phật. Người ấy nói: "Nầy Sa-môn Cồ-đàm, chẳng bao lâu nữa, đến mùa gặt hái, tôi sẽ tặng-hiến cho tu-sĩ một số lúa gạo, trước khi tôi đem ra dùng cho gia-đình tôi." Đức Phật ngỏ lời cám ơn, nhưng Ngài lại biết trước, trong tương-lai, người Bà-la-môn ấy gặp chuyện chẳng may, sẽ chẳng thực-hiện được lời hứa đó, nhưng Ngài im-lặng chẳng nói ra.

Cách đó ít lâu, vào một đêm trước khi gặt hái, một cơn mưa dầm thật to lớn đã khiến cho cả thửa ruộng bị nước lũ cuốn trôi hết. Sáng ra, người nông-phu nhìn cảnh tàn-phá trên thửa ruộng, lòng hết sức buồn-bã, nhớ đến lời hứa sẽ tặng thóc gạo cho Sa-môn Cồ-đàm mà sanh ra phiền-muộn. Khi Đức Phật đến nhà, người nông-phu thuật lại cảnh tai-biến đã xảy ra cho gia-đình mình, Đức Phật khuyên- giải: 'Nầy Bà-la-môn, ông chẳng biết được nguyên-nhơn sanh ra phiền-muộn trong lòng ông, chớ tôi, tôi biết rõ. Đó là vì lòng khát-ái mà sầu-muộn và sợ-hãi đã nổi lên trong lòng ông. Vì quá mong-cầu được gặt hái nhiều thóc gạo, mà nay lòng ông thất-vọng mới sanh ra quá buồn-rầu đó."

Rồi Đức Phật mới nới lên bài Kệ sau đây, nhờ đó người nông-phu Bà-la-môn chứng được quả-vị Tu- đà-huờn:

Khát-ái sanh ra sầu-muộn,
Thích tham-cầu sanh ra lo-sợ.
Ai cắt đứt dây nhợ khát-ái,
Chẳng sầu, sao có sợ?
(Kệ số 216.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bà-la-môn: tiếng Pali là Brahmanà, giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ xưa. Có 4 giai-cấp: (1) Bà-la-môn, tu-sĩ; (2) Sát-đế-lợi (Khattiyà), vua quan; (3) Phệ-xá (Vessà), buôn-bán; (4) Thủ-đà-la (Suddà), nông-công nhơn.

- Quán-thấy... đủ cơ-duyên... chứng quả Tu-đà-huờn: xin xem lại phần Tìm hiểu ở bài trước.

- Sa-môn: tiếng Phạn là Sramana, tu-sĩ Phật-giáo, gồm có ba nghĩa: (1) Cần-giả, người siêng làm điều thiện; (2) Tức-giả, người ngưng bỏ các điều ác; (3) Bần-giả, người cam chịu sự nghèo khó.

- Cồ-đàm: tiếng Pali là Gotama, họ của Đức Phật Thích-ca.

- Cảnh tai-biến: Tai = tai-nạn; Biến = biến-cố; Tai-biến = việc rủi-ro

- Khát-ái: dịch chữ Pali Tanha, lòng thèm-khát, ham-muốn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc thất-bại mùa màng của một nông-phu, khiến ông ta lo-buồn. Đức Phật khuyên-giải, vì quá mong-cầu muốn được mùa màng tốt-đẹp, nên khi gặp thiên-tai, phải chịu đau- buồn. Muốn khỏi lo buồn, đừng quá mong-cầu, dẹp được lòng khát-ái, thì tâm trở nên an-tịnh, chẳng bị xao-xuyến khi gặp nghịch-cảnh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 216:

Bài Kệ nầy, cùng với bốn bài Kệ trước, nói về sự sầu-muộn, lo-sợ sanh ra do bởi lòng thương khởi lên từ trong tâm. Lòng thương vốn là một tình-cảm tốt, đáng quí, nhưng tại sao giáo-lý nhà Phật lại bảo phải gát qua một bên. Đó là vì lòng thương sanh ra mối ràng-buộc. Ràng-buộc như thế nào? Khi mình thương một người, mà chẳng gần được người ấy, thì sanh ra nhớ-nhung. Khi mình thích một vật, mà vật đó bị mất đi, mình tiếc nhớ. Khi mình muốn thoả-mãn các nhu-cầu giác-quan cho thỏa-thích mà chẳng được, mình trở nên bực-dọc. Khi mình mong-muốn được sống cùng người yêu mà chẳng được, mình sanh ra đau-khổ. Khi mình mong-cầu việc gì mà chẳng được, mình thất-vọng. Vì các lẽ đó, mà lòng thương nên được gát qua một bên: xem mọi người, mọi vật đều ngang nhau, chẳng luyến vật nầy, ghét bỏ vật kia, đó là con đường giải-thoát khỏi các mối ràng-buộc.

(171).- Tích chuyện các thanh-niên kính-mộ Tôn-giả Đại-Ca-diếp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các chàng thanh-niên kính-mộ Tôn-giả Đại-Ca-diếp.

Thuở ấy, vào một ngày hội vui-vẻ, Đức Phật cùng đoàn tỳ-kheo lên đường đi khất-thực ở thành Vương-xá. Dọc đường, có một đoàn thanh-niên tay mang giỏ đựng các bánh chiên, đi hướng về công- viên để vui đùa, mà chẳng dưng-cúng Đức Phật cùng chư tăng. Đức Phật dừng lại, nói với chư tỳ- kheo: "Nầy chư tỳ-kheo, hôm nay chúng ta sẽ ăn các bánh chiên trong giỏ kia. Người chủ các bánh chiên đó đang đi gần tới đây. Chúng ta hãy ngồi lại trong chốc lát, đợi bánh đem đến, ăn rồi sẽ đi." Đức Phật và chư tăng vừa ngồi xuống dưới gốc cây bên lề đường, thì đàng xa, Tôn-giả Đại-Ca-diếp cũng vừa đi tới. Các thanh-niên liền qùi xuống đảnh-lễ Tôn-giả và dưng-hiến bánh chiên. Tôn-giả Đại-Ca-diếp bảo: "Nầy các bạn thanh-niên, Thầy ta là Đức Phật đang ngồi dưới gốc cây kia với các tỳ- kheo. Các bạn nên đến đảnh-lễ và dưng bánh lên cúng-dường." Các thanh-niên vâng lời dạy, đến qùi dâng bánh lên Đức Phật và chư tỳ-kheo. Đức Phật vui vẻ thọ-nhận, xong Ngài tiếp-tục lên đường.

Bấy giờ, có vị tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, các thanh-niên đã tỏ ra thiên-vị, tôn-trọng Tôn-giả Đại-Ca-diếp hơn cả Tăng-đoàn." Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, tỳ-kheo nào có đầy-đủ giới-đức như Đại-Ca-diếp thì được cả Trời, Người đều kính-trọng, dưng-hiến cho thật đầy-đủ tứ-sự cúng-dường."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người tuệ-giác, giới-hạnh đầy-đủ,
Trú Chánh-pháp, Chơn-lý chứng-ngộ;
Việc phải làm, nay đã làm xong,
Người ấy được công-chúng kính-mộ.
(Kệ số 217.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Kính-mộ: Kinh = kính-trọng; Mộ = ái-mộ. Kính-mộ = tôn-trọng và thương-mến.

- Đại-Ca-diếp: vị đại-đệ-tử của Phật Thích-ca, giỏi nhứt về hạnh đầu-đà, cầm đầu Giáo-hội, sau khi Phật nhập Niết-bàn.Tiếng Pali là: Mahà Kassapa.

- Đảnh-lễ = cúi đầu xuống, chào kính để ra mắt.

- Thiên-vị: Thiên = nghiêng một bên; Vị =vị-nể. Tỏ ra thiên-vị là thiếu sự công-bằng, trọng người nầy hơn người khác.

- Giới-đức: Giới = điều răn-cấm trong đạo; Đức = đức-hạnh, tánh-hạnh. Giới-hạnh đầy-đủ là giữ tròn các giới cấm, tánh-tình đáng quí.

-Tứ sự cúng-dường: Tứ = bốn;Sự = việc;Cúng-dường = cung-dưỡng, cung-cấp để nuôi-dưỡng. Đây là bốn việc mà người tín-đồ dưng-cúng cho các tỳ-kheo: thực-phẩm, quần-áo, giường nằm và thuốc men.

- Tuệ-giác: Tuệ = trí-huệ; Giác = biết rõ; Người tuệ-giác là người lúc nào cũng tỉnh-táo, biết rõ mình đang nói, làm, nghĩ những gì.

- Trú Chánh-pháp: Trú = ở yên nơi đó; Chánh-pháp = lời dạy của Đức Phật.Người trú trong Chánh- pháp là người luôn tuân Chánh-pháp.

- Chơn-lý chứng-ngộ: đã chứng-ngộ được Chơn-lý, tức là đã giác-ngộ, hiểu rõ lẽ sống-chết và con đường giải-thoát khỏi Luân-hồi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, các thanh-niên dưng cúng bánh chiên cho Tôn-giả Đại-ca-diếp, mà chẳng cúng Phật, vì họ chẳng biết Đức Phật là thầy của Tôn-giả. Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Phật: hễ giữ đúng giới-đức, chứng-ngộ Chơn-lý, tuân theo Chánh-pháp là được sự kính-mộ của Trời và Người.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 217:

Bài Kệ nêu rõ những đức-tánh của người đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát, nên được sự kính-mộ của Trời và Người: luôn luôn tỉnh-giác, giới-hạnh đầy-đủ, thông-thạo Chánh-pháp và chứng-ngộ

Chơn-lý. Việc phải làm đã làm xong, đó là việc giải-thoát được tất cả phiền-não, chứng quả A-la-hán và thoát khỏi sự tái-sanh trong cõi Luân-hồi.

(172).- Tích chuyện vị Trưởng-lão đắc quả A-na-hàm.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Trưởng lão kia đã chứng quả A-na-hàm rồi mà chẳng nói cho các đệ-tử mình biết.

Thuở ấy, có vị Trưởng-lão tu-tập rất chuyên-cần, chứng đắc được quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn là quả-vị A-na-hàm. Nhưng Trưởng-lão chẳng tiết-lộ mình đã chứng quả-vị, khi các đệ-tử của ông hỏi ông đã chứng được quả-vị nào chưa. Ông nghĩ, hãy cố-gắng hơn nữa để chứng quả A-la-hán, cao nhứt, bấy giờ sẽ cho các đệ-tử biết. Nhưng

chẳng bao lâu, Trưởng-lão qua đời mà chưa đắc được quả-vị A- la-hán. Các người đệ-tử có lòng thương-tưởng đến vị thầy của mình, mới đến thưa hỏi cùng Đức Phật, chẳng biết Trưởng-lão được tái-sanh vào cảnh-giới nào. Đức Phật bảo: "Nầy các tỳ-kheo, thầy của các vị đã chứng được quả-vị thứ ba là A-na-hàm rồi trước khi rời bỏ thân-xác, nay được tái-sanh lên cõi Trời Phạm-thiên. Vì đã diệt-bỏ mọi ham muốn về các thú-vui vật-chất, và nỗ lực tinh-cần, vị Trưởng- lão đó sẽ chứng-đắc quả-vị A-la-hán sau nầy."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó một số tỳ-kheo chứng được quả-vị A-la-hán:

Ước-vọng đắc Niết-bàn, pháp ly-ngôn,
Ba quả-vị bực Hiền, trí chứng xong.
Tâm giải-thoát hoàn-toàn khỏi dục-lạc,
Đấy, bực Thượng-Lưu vượt trên giòng.
(Kệ số 218.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba hàng Thanh-văn, còn gọi là Bất-Lai, nghĩa là chẳng phải tái-sanh vào cõi người nữa, nơi cõi Phạm-thiên tiếp-tục tu-hành để chứng quả thánh A-la-hán. Tiếng Pali: Anàgàmi.

- Hàng Thanh-văn: các đệ-tử sống gần bên Đức Phật nghe Phật giảng kinh (= thanh văn, Sravaka, Sàvaka) mà tu-tập đắc quả.

- Tiết-lộ = nói rõ cho người khác biết đến.

- Quả-vị: Quả = kết-quả của sự tu-tập; Vị = chỗ ngồi. Quả-vị là cấp-bực chứng-đắc khi tu-hành thành- công. Có bốn quả-vị trong hàng Thanh-văn: (1) Tu-đà-huờn, hay Nhập-Lưu, hay Thất-Lai, (Sotàpatti); (2) Tư-đà-hàm, hay Nhứt-lai, (Sakadàgàmi), (3) A-na-hàm, hay Bất-Lai, (Anàgàmi); ba quả-vị nầy, vì còn phải tái-sanh, nên được gọi là bực Hiền; (4) A-la-hán (Arahant), với ba nghĩa: (a)sát-tặc, giết hết các giặc phiền-não; (b)ứng-cúng, xứng-đáng được Trời, Người cúng-dường; (c),vô-sanh, chẳng còn bị tái-sanh nữa; đây là quả-vị Thánh, cao nhứt.

- Tái-sanh: Tái = trở lại lần sau; Sanh = sanh ra. Theo thuyết Luân-hồi, chúng-sanh sau khi chết đi, tùy theo nghiệp mà sanh lại dưới một hình-thức khác, trong một cảnh-giới khác.

- Cảnh-giới: cõi sống, nơi được tái-sanh, như sanh vào hàng người, Trời, hay thú-vật, v.v.

- Phạm-Thiên: cõi Trời Phạm, Brahma. Đây là từng trời thuộc Sắc-giới, ở vào cõi Thiền thứ nhứt.

- Niết-bàn: tiếng Phạn là Nirvana, tiếng Pali là Nibbana. Theo nghĩa tiếng Phạn, Nir là ra khỏi, Vana là rừng u-tối; Niết-bàn là cảnh-giới người tu-hành chứng-đắc khi đã diệt-trừ được hết các phiền-não, bỏ hết mọi dục-lạc, tự-tại trong cảnh an-vui, vắng-lặng.

Có hai cảnh Niết-bàn: (1) Hữu-dư Niết-bàn

(Sopàdisesa Nibbàna), chứng đắc khi còn giữ thân-tâm ngũ-uẩn; (2) Vô-dư Niết-bàn (Anupadisesa Nibbàna), khi đã lià bỏ thân-xác nầy.

- Pháp ly-ngôn: Ly =lià; Ngôn = lời nói. Vì cảnh-giới Niết-bàn thuộc về xuất-thế-gian, nên chẳng thể dùng lời nói của người thế-tục mà diễn-tả ra đầy-đủ được. Chỉ khi chứng được Niết-bàn, mới biết rõ.

- Ba quả-vị bực Hiền: ba quả-vị đầu: Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm, vẫn còn phải tái-sanh.

- Dục-lạc: Dục = ham-muốn; Lạc = vui. Dục-lạc là các thú-vui vật-chất, tạm-bợ.

- Thượng-Lưu: Thượng = trên; Lưu = giòng nước. Chữ Thượng-lưu theo nghĩa bóng, nói đến các bực đã vượt lên trên các thường-nhơn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại việc một vị trưởng-lão đã chứng-đắc được quả-vị A-na-hàm, mà chẳng nói cho các đệ-tử biết, vì còn chờ đến lúc chứng được quả thánh: A-la-hán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật: người đã diệt-bỏ mọi thú-vui dục-lạc, nỗ-lực tinh- cần, sẽ chứng được quả-vị Thánh, A-la-hán.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 218:

Bài Kệ nầy nói về vị Trưởng-lão đã chứng-đắc quả-vị A-na-hàm mà chẳng nói ra. Đó là một đức-tánh quí của người tu-hành chơn-chánh, chẳng khoe-khoang quả-vị.

Thử phân-tách từng câu của bài Kệ:

1) Ước-vọng đắc Niết-bàn, pháp ly-ngôn: Mong-ước được chứng cảnh-giới Niết-bàn, đó là mục-tiêu tu-hành chơn-chánh. Niết-bàn là cảnh-giới xuất-thế-gian, chẳng thể dùng lời nói (pháp ly-ngôn) để diễn-tả được. Chỉ khi đã chứng đắc Niết-bàn, mới biết rõ Niết-bàn như thế nào.

2) Ba quả-vị bực Hiền, trí chứng xong: Trí-huệ đã chứng-đắc được ba quả-vị đầu-tiên, gọi là bực Hiền, vì đã dẹp xong tất cả phiền-não trong tâm, nên Trí trở nên thanh-tịnh, thấy biết rõ ràng Chơn-lý.

3) Tâm giải-thoát hoàn-toàn khỏi dục-lạc: mọi ham-muốn về các thú-vui vật-chất, tạm-bợ đã dẹp bỏ xong, Tâm trở nên thanh-tịnh, cắt đứt mọi ràng-buộc.

4) Đấy, bực Thượng-Lưu vượt trên giòng: đó là bực thượng-lưu trí-thức đã vượt qua mọi ràng-buộc, hoàn-toàn giải-thoát, đứng trên tất cả mọi phàm-phu còn đang trôi lăn trong vòng sanh-tử, tử-sanh của Luân-hồi khổ-đau lận-đận.

(173).- Tích chuyện gia-chủ Nan-đi-gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại vườn Lộc-uyển, gần thành Ba-la-nại, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến gia-chủ Nan-đi-gia.

Nan-đi-gia là một gia-chủ rất giàu-có ở thành Ba-la-nại. Sau khi nghe Đức Phật giảng về công-đức lập chùa-chiền để cúng-dường cho chư Tăng, Nan-đi-gia liền xuất tiền ra mướn công-nhơn xây-dựng ngôi Đại-tu-viện tại vườn Lộc-uyển. Cơ-sở kiến-trúc thật đồ-sộ, lầu tháp nóc nhọn cao vút, đầy đủ bàn-ghế, phòng ốc trang-hoàng rực-rỡ. Sau khi Đại-tu-viện được dưng-cúng lên Đức Phật, thì một lâu-đài nguy- nga, tráng-lệ nổi lên trên cõi Trời Đao-lợi, dành riêng cho Nan-đi-gia.

Một hôm, Tôn-giả Đại-Mục-kiền-liên vận-dụng phép thần-thông lên cõi Trời Đao-lợi, nhìn thấy lâu- đài tráng-lệ dành sẵn cho Nan-đi-gia, khi trở về, mới đến bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, phải chăng những người đã có công-đức to-lớn cúng-dường, được dành sẵn lâu-đài tráng-lệ trên cõi Trời Đao-lợi?" Đức Phật bảo: "Nầy Mục-kiền-liên, sao ông còn lại hỏi? Ông chẳng thấy ngôi lâu-đài nguy-nga trên cõi Trời Đao-lợi dành sẵn cho Nan-đi-gia, người đã dưng-cúng Đại-tu-viện nầy ở vườn Lộc-uyển đó hay sao? Chư Thiên trên cõi Trời Đao-lợi đang chờ ngày đón tiếp Nan-đi-gia, như những thân-nhơn chờ ngày người bà-con đi xa trở về. Những người làm điều thiện, khi lìa bỏ cõi trần nầy, sẽ được chư Thiên trên cõi Trời Đao-lợi đón tiếp nồng-hậu."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây:

Người rời nhà từ lâu xa vắng,
Nay quay trở lại đặng an-toàn.
Bà con, bè-bạn hân-hoan
Đón mừng người ấy bình-an trở về.
(Kệ số 219.)
Cũng vậy, người chuyên bề hành thiện
Trải từ đời trước đến đời sau,
Quả lành chờ sẵn đón chào
Như mừng người bạn đi lâu mới về.
(Kệ số 220.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Gia-chủ: Gia = nhà; Chủ = người chủ. Gia-chủ là chủ nhà.

- Nan-đi-gia: tên người gia-chủ nầy, tiếng Pali là Nandiya.

- Vườn Lộc-uyển: Lộc = con nai; Uyển: vườn. Đây là khu vườn nơi Đức Phật thuyết-giảng Kinh Chuyển-Pháp-Luân, lần đầu-tiên cho năm anh em ông Kiều-trần-như nghe, sau khi Ngài thành Đạo. Còn gọi là Vườn Tiên, tiếng Pali là Isipatana, vì trước ở đây có nhiều vị tiên tu.

- Ba-la-nại: tên thành-phố lớn ở Ấn-độ, nay gọi là Vaàraànasì.

- Kiến-trúc = xây-cất.

- Đồ-sộ = to lớn.

- Tráng-lệ = thật đẹp-đẽ.

- Đao-lợi = cõi Trời thuộc Dục-giới, còn gọi là cõi Trời Tam-thập-tam-thiên, có 33 cảnh, ở giữa có cung-điện của Vua Trời Đế-Thích. Tiếng Pali gọi cõi Trời nầy là Tàvatimsa.

- Thần-thông: pháp-lực khác thường như có thể bay trên không, đi trên mặt nước, v.v. do nhờ định-lực cao trong khi tu Thiền.

- Lìa bỏ cõi trần: rời cuộc sống ở kiếp người, tức là chết đi.

- Hành-thiện:Hành = làm;Thiện = điều lành. Hành-thiện = làm lành

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc người gia-chủ Nan-đi-gia xây chùa ở vườn Lộc-uyển, được dành sẵn lâu-đài tráng-lệ trên cõi Trời Đao-lợi.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là, hễ làm lành thì quả lành chờ sẵn, cũng như bà-con chờ đón người thân đi xa trở về. Việc thiện, cũng như điều ác, một khi đã làm, thì kết-quả, tốt hay xấu, sẽ chờ sẵn, khi đủ dịp sẽ trỗ ra; đó là Luật Nhơn-quả.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 219 và 220:

Hai bài Kệ thật ra chỉ là một bài, nói về quả-báo lành đang chờ ngày trỗ quả đến cho người đã hành- thiện. Nên lưu-ý hai câu: "Người chuyên bề hành-thiện, Trải từ đời trước đến đời sau", và nhớ rằng, quả-báo lành tuy nay chưa xảy ra, nhưng sớm muộn chi cũng có ngày trỗ quả, vậy cứ chuyên-tâm làm lành, phước sẽ đến về sau, chẳng mất.

-ooOoo-

XVII.- Phẩm SÂN-HẬN.

(174).- Tích chuyện công-chúa Lỗ-hi-nhi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Chùa Cây Sung, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến công-chúa Lỗ-hi-nhi, em của Trưởng-lão A-nâu-lâu-đà.

Thuở ấy, Trưởng-lão A-nâu-lâu-đà viếng thành Ca-tỳ-la-vệ. Trong thời-gian nầy, các thân-nhơn đều đến thăm-viếng Trưởng-lão, chỉ trừ người em ruột là công-chúa Lỗ-hi-nhi chẳng thấy đến. Trưởng-lão cho người đi mời. Công-chúa bấy giờ đang mắc bịnh cùi (= hủi), lấy khăn quàng đầu, che các chỗ lở- lói, rồi mới đến chùa. Trưởng-lão liền hỏi công-chúa đã có làm được một việc thiện nào không? Công- chúa đáp, chưa. Trưởng-lão khuyên công-chúa nên đem các đồ nữ-trang và quần-áo đẹp của mình ra bán, lấy tiền xây cất một phòng ăn cho chư Tăng ở tu-viện. Công-chúa vâng lời làm theo lời dạy. Bấy giờ, Trưởng-lão lại khuyên công-chúa, mỗi ngày nên quét-tước chung

quanh tu-viện, gánh nước đổ đầy lu trong chùa, trong khi phòng ăn được xây cất. Công-chúa đều tuân theo lời anh mình dạy.

Đến khi phòng ăn được xây cất xong và bàn-ghế được trang-hoàng đẹp-đẽ, Trưởng-lão thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến tu-viện để khánh-thành. Sau buổi ngọ-trai, Đức Phật cho mời vị thí-chủ đã dưng-cúng phòng ăn. Công chúa được gọi đến trình-diện cùng Đức Phật. Đức Phật ngỏ lời tán-thán công-đức cúng-dường của công-chúa, và hỏi công-chúa có biết vì sao nay bị bịnh cùi không? Công-chúa thưa, chẳng biết. Đức Phật mới kể lại tích xưa như sau:

Vào một thời xa xưa, có bà hoàng-hậu xứ Ba-la-nại, nhan-sắc đẹp-đẽ nhưng tánh-tình hay ghen-tuông. Nhà vua lại có một nàng cung-nữ trẻ đẹp muá hát thật khéo, được vua cưng-chiều lắm. Hoàng-hậu ganh-tị, lén cho người rắc thuốc ngứa vào chăn-chiếu của cô cung-nữ. Rồi trong khi nàng múa hát, các tỳ-nữ theo lịnh của Hoàng-hậu, thoa phấn ngứa vào mình người vũ-nữ, khiến cho quá ngứa ngáy, phải chạy lui về phòng, quấn mình trong chăn, lại càng thêm ngứa-ngáy. Vì tội-ác đó, hoàng-hậu nay lại tái- sanh làm công-chúa Lỗ-hi-nhi với căn bịnh gớm-ghiếc. Nghe Đức Phật kể xong, công-chúa tỏ lòng ăn- năn, hết sức hối-tiếc tội-lỗi đã qua.

Bấy giờ Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó công-chúa Lỗ-hi-nhi chứng được sơ-quả Tu-đà- huờn, và bịnh cùi cũng từ từ khỏi:

Phải dẹp bỏ sân-hận,
Phải lìa xa ngã-mạn,
Kết-sử phải vượt qua hết.
Chẳng luyến-ái danh-sắc
Thoát khỏi mọi lậu-hoặc, Phiền-não sẽ chừa người nầy ra. (Kệ số 221.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Lỗ-hi-nhi: tên vị công-chúa nầy, tiếng Pali là Rohinì.

- Chùa Cây Sung: tên ngôi tu-viện nầy, tiếng Pali là Nigrodàràma. Chữ Nigrodà có nghĩa là cây Sung.

- A-nâu-lâu-đà: còn được gọi là A-na-luật, tiếng Pali Anuruddha

- Ca-tỳ-la-vệ: thủ-đô nước Xá-vệ, quê-hương của Đức Phật Thích-ca; tiếng Pali là Kapilavatthu.

- Khánh-thành: Khánh = mừng; Thành = xong; Lễ khánh-thành là lễ ăn mừng việc xây-cất đã xong.

- Ngọ-trai: Ngọ = 12 giờ trưa; Trai = bữa ăn chay. Sau bữa ngọ-trai, chẳng được ăn thêm nữa suốt ngày, theo giới-luật Nam-tông.

- Thí-chủ: Thí = bố-thí, ban cho; Chủ: người đứng làm chủ. Thí-chủ hay Thí-giả, là người cho (= bố- thí), còn người nhận gọi là Thọ-giả.

- Tán-thán: khen ngợi.

- Tái-sanh: sanh trở lại, sau khi đã chết.

- Sơ-quả: Sơ = ban sơ, đầu-tiên. Sơ-quả là quả-vị đầu-tiên, tức là quả-vị Tu-đà-huờn.

- Ngã-mạn: kiêu-căng, tự xem mình là hơn kẻ khác, khoe giỏi.

- Kết-sử: Kết = ràng-buộc; Sử = sai-khiến. Kết-sử là những tình-cảm, tư-tưởng có tánh-cách ràng- buộc, thúc-dục, sai-khiến ta phải làm theo đường quấy. Tiếng Pali là Sanyojana, dịch là thúc-thằng; thúc = ràng-buộc; thằng = sợi dây; thúc-thằng là sợi dây trói buộc, dùng theo nghĩa bóng.

Theo giáo-lý Bắc-tông, có tất cả 10 kết-sử, chia ra:

a) ngũ-độn-sử: (1) thân-kiến, chấp lấy thân nầy làm cái Ta; (2) nghi, chẳng tin ở Chánh-pháp; (3) giới- cấm-thủ, mê-tín tin vào các nghi-thức cúng-tế tà-đạo; (4) tham, (5) sân, giận-hờn.

b) ngũ lợi-sử: (6) sắc-ái-kết, tham-luyến cảnh Sắc-giới; (7) vô-sắc-ái, tham-luyến cảnh Vô-sắc-giới; (8) mạn, kiêu-căng; (9) trạo, giao-động, bối-rối; (10) vô-minh, sự si-mê.

Khó mà nhớ đủ mười món kết-sử, cần nhớ năm món chánh nầy, để dẹp bỏ, là: tham, sân, si, mạn và nghi. Dẹp xong năm độn-sử chứng được quả-vị A-na-hàm; dẹp cả mười, chứng quả A-la-hán.

- Danh-sắc: Danh = tên gọi; Sắc = vật-chất. Chữ Danh-sắc có nghĩa là thân và tâm; thân trỏ vào sắc; còn tâm trỏ vào danh.

- Lậu-hoặc; Lậu = rỉ chảy; Hoặc = điều sai lầm. Chữ lậu-hoặc trỏ vào các điều sai-lầm trong tình- cảm, tư-tưởng, chảy lộ ra, bộc-lộ ra, bằng các hành-động xấu-ác. Cùng nghĩa với chữ phiền-não.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc công-chúa Lỗ-hi-nhi bị bịnh cùi, bởi trong tiền-kiếp có tội-ác làm ngứa- ngáy một cung-nữ, vì bụng-dạ sân-hận thúc-đẩy. Nay nhờ biết dưng-cúng phòng ăn cho chư Tăng, và làm công-quả ở chùa, mà được Đức Phật chỉ rõ lỗi-lầm đã qua, và nhờ biết ăn-năn, mà từ-từ khỏi được bịnh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 221:

Bài Kệ kể ra những việc phải làm để phiền-não chừa mình ra: dẹp bỏ sân-hận, xa-lìa ngã-mạn, vượt qua các kết-sử, bỏ luyến-ái thân-tâm, thoát mọi lậu-hoặc. Đây là cả một chương-trình tu dài hạn cả một đời, hay cả nhiều đời: chứng-quả A-la-hán, bằng cách diệt-tiêu tất cả mọi phiền-não. Nên bắt đầu bằng cách dẹp ngay Sân-hận.

(175).- Tích chuyện vị Thọ-thần.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tháp Ất-gia-la, gần thành A-la-vi, trong một kỳ giảng pháp, có đề- cập đến một vị thọ-thần, sống dựa vào cây cổ-thụ trong rừng.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo muốn cất cho mình một cái am để tiện tu-tập. Vị ấy vào rừng, đốn một cây cổ-thọ, bên trên có gia-đình một vị thần-linh đang trú-ngụ. Vị thọ-thần bước ra năn-nỉ, xin đừng đốn cây, làm mất nơi nương-tựa cho gia-đình mình. Vị tỳ-kheo chẳng nghe theo, cầm cưa, cưa một nhánh lớn. Vị thọ-thần liền nghĩ, có lẽ để đứa con nhỏ trên nhánh cây, vị tỳ-kheo sợ nó té xuống mà ngưng đốn chăng. Chẳng ngờ lưỡi cưa đi quá nhanh, khiến đứa bé té gãy tay. Vị thọ-thần liền nổi giận, muốn giết chết vị tỳ-kheo. Vừa đưa tay lên định đấm vào vị tỳ-kheo, thì vị thọ-thần liền nghĩ lại: "Nếu ta giết chết một người đang tuân theo giới-luật, thì ta phải chịu quả-báo, sa vào địa-ngục. Các thọ-thần khác trong rừng, rồi cũng bắt chước theo lỗi của ta, và sẽ có nhiều vị tỳ-kheo khác bị hại sau nầy. Nhưng, tỳ-kheo tu-tập, tất có thầy dạy, chi bằng ta đến thưa cùng Đức Phật, xem Ngài phân-xử ra sao." Nghĩ xong, vị thọ-thần bồng con đến nơi Đức Phật đang ngụ và thuật lại cớ-sự. Đức Phật bảo: "Nầy nữ-thọ- thần, bà rất đáng khen, biết tự kềm-chế cơn giận. Nay bà cứ dọn về ở trong vườn, gần nơi hương-phòng của ta, chẳng ai đến khuấy rối nữa." Và ngay hôm đó, Đức Phật ra giáo-chỉ, cấm tất cả tỳ-kheo đốn cây.

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Chận cơn giận-dữ nổi lên,
Như xe ngon trớn, thắng liền ngừng ngay.
Đấy là người đánh xe tài,
Các người khác chỉ là nài cầm cương.
(Kệ số 222.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thọ-thần: Thọ = cây cổ-thọ, cây to sống lâu năm; Thần = thần-linh. Thọ-thần là thần-linh sống trên cây-cối; tiếng Pali: rukkha devatà

- Tháp Ất-gia-la, thành A-la-vi: tên các địa-danh nầy, tiếng Pali là tháp Aggàlava và thành Àlavi.

- Am = một căn nhà nhỏ, sơ-sài, dùng làm nơi trú-ngụ cho người ẩn-tu. Còn gọi là cốc, hay thất, hoặc tịnh-xá.

- Giới-luật: các điều răn-cấm trong đạo Phật mà vị tỳ-kheo phải tuân theo. Giữ đúng giới-luật là người có giới-đức thanh-tịnh.

- Quả-báo: kết-quả của việc ác sẽ xảy ra sau nầy cho kẻ làm ác.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = nhà giam tù. Theo thuyết Luân-hồi, kẻ làm ác, khi chết đi, phải sa vào nơi u-tối, chịu hình-phạt nặng-nề để đền lại tội-ác đã gây lúc còn sống.

- Kềm-chế: giữ-gìn chẳng cho xảy ra; thí-dụ muốn ăn đồ ngọt, nghĩ rằng chất ngọt dễ hư răng, ngưng lại chẳng ăn, đó là kềm-chế.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là gandhakuti.

- Giáo-chỉ: Giáo =tôn-giáo; Chỉ = điều lịnh cấm-đoán. Giáo-chỉ là lịnh của Tăng-đoàn đưa ra, buộc mọi tỳ-kheo phải tuân theo.

- Thắng = cái thắng, bộ-phận làm ngừng xe đang chạy.

- Nài = người giữ ngựa, chỉ cầm cương, nhưng chẳng biết cách điều-khiển và làm chủ được con ngựa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại một vị thọ-thần bị xâm-phạm nơi cư-trú, con bị gãy tay, nổi giận muốn giết người, nhưng kịp nghĩ lại, chận được niềm sân-hận. Đức Phật khen-ngợi sự biết kềm-chế sân-hận nầy.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: đề-cao sự tự-kềm-chế để chống lại sự giận-dữ. Biết tự-kềm-chế là tự-thắng được mình, còn vẻ-vang hơn là thắng kẻ khác.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 222:

Bài Kệ ví sự tự-kềm-chế trước cơn giận-dữ, như người đánh xe có tài: thắng được xe đang ngon trớn; khác với người thường hay để cho cơn giận lôi-kéo mình vào đường tội-lỗi, ví như tên nài chỉ biết cầm cương ngựa mà chẳng điều-khiển nổi con ngựa.

Học thuộc bài Kệ, để khi cần, biết tự mình... vuốt giận lấy mình.

(176).- Tích chuyện cô tín-nữ Úc-ta-ra.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một cô tín-nữ tên là Úc-ta-ra.

Thuở ấy, có một người tín-nữ tên là Úc-ta-ra, con gái của gia-chủ Phú-na. Một hôm, gia-đình ông Phú- na dưng-cúng thực-phẩm cho Tôn-giả Xá-lợi-phất, sau khi Tôn-giả vừa xuất cơn diệt-tận-định; nhờ công-đức cúng-dường to-lớn nầy mà gia-đình ông Phú-na trở nên giàu-có. Trong khi cày ruộng, ông Phú-na bắt gặp được một khối vàng lớn, và sau đó, được Đức Vua phong chức Trưởng Ty Ngân-khố của hoàng-gia. Cô Úc-ta-ra về sau được gả chồng về một gia-đình ngoại-đạo, rất giàu-có trong vùng.

Từ khi về nhà chồng, cô Úc thường than-thở: "Tại sao cha ta lại gả ta về một nơi như tù-ngục thế nầy, cả tháng chẳng được trông thấy một vị tỳ-kheo đi khất-thực, cả năm chẳng được cúng-dường Đức Phật và Tăng-đoàn." Lời than-thở của cô Úc được cha cô nghe đến, mới gởi tới cho một số tiền to là mười lăm ngàn tiền vàng. Cô Úc liền thưa cùng chồng, muốn đem tiền ra thuê một người dâm-nữ, thay-thế cô trong mười lăm ngày để phụng-sự cho chồng. Còn cô, cô xin được phép tổ-chức lễ trai-tăng dâng- cúng thực-phẩm lên Tăng-đoàn trong thời-gian đó. Người chồng ưng-thuận và một cô dâm-nữ, tên là Sĩ-mã, nhan-sắc đẹp-đẽ được chọn về nhà thay-thế cho cô Úc.

Sáng sớm hôm ấy, cô Úc đang bận rộn nấu-nướng thực-phẩm trong nhà bếp, chồng cô đứng nhìn qua cửa sổ, miệng mỉm cười, nói lẩm-bẩm: "Sao mà nó ngu-dại đến thế! Chẳng biết ta đang hưởng thú-vui cùng người đẹp, mà cả buổi lại đi lo nấu-nướng cực nhọc thế kia!"Cô dâm-nữ Sĩ-mã nghe thấy thế, tỏ lòng ghen-tức với người vợ chánh-thức là cô Úc, quên mất phận mình là người vợ hờ trong nhà. Cô ta bỗng nổi lên ý-định xấu-ác, muốn đem cả cái chảo bơ chiên nóng đổ lên đầu cô Úc cho bỏ ghét. Trong khi đó, lòng cô Úc lại rất nhẹ-nhàng, thanh-thản, nghĩ rằng, nhờ có Sĩ-mã mà mình mới được tự-do, có đủ thời-giờ chuẩn-bị lễ cúng-dường, và sẽ được nghe giảng Chánh-pháp nhiệm-mầu của Đức Phật. Bỗng đùng một cái, cô Sĩ-mã bước đến gần cô Úc, trút cả chảo bơ chiên nóng lên đầu cô Úc. Trong cơn bàng-hoàng, cô Úc nghĩ: 'Nếu ta có ý oán-hờn Sĩ-mã, thì cho chảo bơ nầy làm phỏng hết đầu ta; nếu lòng ta chẳng có ý-định thù-oán Sĩ-mã, xin nguyện cho chảo bơ chẳng hại chi đến ta cả." Lạ thay, bơ vừa chảy đến tóc, liền nguội lại và cô Úc chẳng bị phỏng. Đầy-tớ xúm lại, chực đánh cô Sĩ-mã, thì cô Úc liền can, nói nhờ có cô Sĩ-mã mà mình mới được tự-do chuẩn-bị lễ trai-tăng. Cô Sĩ-mã, lòng đầy hối-hận, qùi xuống xin cô Úc tha tội cho. Cô Úc nói: "Hãy đợi Đức Từ-phụ đến đây, ta trình cớ-sự, mới biết phải tha-tội hay không." Cả nhà đều tưởng cô Úc sẽ mời ông Phú-na là cha ruột của cô đến để thưa hỏi, nhưng cô Úc lại bảo tiếp: "Ta nói Đức Từ-phụ, chẳng phải là cha ruột của ta là người đã đưa ta vào vòng sanh-tử của Luân-hồi nầy, mà chính là Đức Phật, vị Từ-phụ, người cha tinh-thần, đã chỉ cho ta biết con đường lành thoát khổ khỏi cõi Ta-bà nầy."

Đến trưa, khi Đức Phật và chúng tăng đến nhà thọ-thực xong, sau khi nghe người nhà thuật lại việc xảy ra buổi sáng, Đức Phật liền hỏi: "Nầy tín nữ Úc-ta-ra, khi bị cô Sĩ-mã đổ bơ nóng lên trên đầu, trong lòng tín-nữ đã nghĩ như thế nào?" Cô Úc thưa: "Bạch Thế-tôn, con lúc đó nghĩ rằng, nhờ có chị Sĩ-mã thay-thế cho con phục-vụ chồng con, mà con có được tự-do chuẩn-bị thực-phẩm cúng dường Tăng-đoàn, đó là một ơn lớn đối với con, nên lòng con chẳng hề oán-giận chị Sĩ-mã chút nào cả, trái lại tâm con lúc nào cũng rải lòng Từ đến chị Sĩ-mã." Đức Phật khen ngợi: "Lành thay! Lành thay! Tín- nữ Úc-ta-ra, với tấm lòng bao-dung, cô đã chinh-phục được người vì ganh-ghét đã làm hại cô; với tấm lòng vô-não-hại, cô đã chinh-phục được kẻ vì sân-hận đã hành-hung mình; với tấm lòng khoan-hậu, cô sẽ chinh-phục được những kẻ bủn-xỉn; với tấm lòng tôn-trọng Sự-Thật, cô sẽ chinh-phục được những kẻ nói dối."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Vô-sân chế-phục giận-hờn,
Điều thiện phải thắng, phải hơn điều tà.
Trị xan-tham, chính là bố-thí,
Chống hư-ngụy, Chơn-lý đề-cao.
(Kệ số 223.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

-Tín-nữ: Tín = tin-tưởng; Nữ = phụ-nữ, đàn-bà.Tín-nữ là người phụ-nữ có lòng tin-tưởng nơi Phật, Pháp và Tăng.Phái nam gọi thiện-nam.

- Úc-ra-ra, Phú-na, Sĩ-mã: tên các người nầy tiếng Pali là Uttara, Punna, Sirimà.

-Trúc-lâm, Vương-xá: tên tịnh-xá và thành nầy, tiếng Pali là vườn Veluvana, thành Rajàgaha. Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) xây cất tịnh-xá Trúc-lâm, trong vườn Trúc, dưng-cúng Đức Phật và Tăng- đoàn.

- Diệt-tận-định: Diệt = trừ dứt; Tận = hết cả; Định = tâm-trạng người tu Thiền đã lắng-đọng, an-ổn. Diệt-tận-định là tình-trạng tâm vắng-lặng, dứt được mọi cảm-giác và tri-giác, trong cơn đại-định, vượt qua khỏi cảnh-giới đệ-tứ-thiền.Tiếng Pali là Nirodha Samàpatti.

- Tôn-giả Xá-lợi-phất: tên vị đại-đệ-tử của Phật Thích-ca, tiếng Pali là Sariputta; người nổi tiếng là thông-minh vào bực nhứt.

- Ngoại-đạo = Ngoại = ở ngoài; Đạo: ở đây chỉ về đạo Phật. Ngoại-đạo là những giáo-phái tu-hành chẳng theo đạoPhật. Có tất cả sáu phái vào thời Đức Phật, gọi là lục-sư ngoại-đạo.

- Trưởng Ty Ngân-khố của hoàng-gia: Ngân-khố của hoàng-gia là kho bạc của Nhà Vua.Trưởng-ty Ngân-khố là vị giữ chức chủ kho bạc.

- Dâm-nữ = người đàn-bà bán sắc-đẹp để mua vui cho đàn-ông.

- Phụng-sự, phục-vụ = theo hầu-hạ, giúp-đỡ.

- Vợ hờ: người tạm-thời làm vợ, chẳng phải là vợ chánh-thức.

- Phỏng = da phồng, sưng lên; tiếng miền Bắc là bỏng.

- Bàng-hoàng = còn đang phân-vân, lo-ngại, chưa tỉnh-táo.

- Trai-tăng: Trai = bữa ăn chay; Tăng = tu-sĩ Phật-giáo. Lễ Trai-tăng là lễ dưng-cúng thực-phẩm lên cho các vị tỳ-kheo.

- Từ-phụ: Từ = từ-bi, hiền-lành, đem lòng thương muốn cứu-khổ cho kẻ khác; Phụ = cha. Đấng Từ- phụ tức là Cha lành, chỉ Đức Phật.

- Vòng sanh-tử của Luân-hồi: theo thuyết Luân-hồi, chúng-sanh chết đi, tùy theo nghiệp lành hay dữ mà tái-sanh lại ở cõi đời nầy.

- Cõi Ta-bà: cõi chúng ta đang sanh-sống đây. Đây là cõi Nhẫn-độ (Phạn = Saha) chúng-sanh phải kham-chịu sướng ít mà khổ nhiều.

- Thọ-thực:Thọ = nhận; Thực = ăn. Tiếng nhà chùa, có nghĩa là ăn.

- Rải lòng Từ = trong tâm nghĩ điều lành hướng về người kia.

- Bao-dung: Bao = che-chở; dung = dung-thứ, tha cho. Lòng Bao-dung là lòng nhơn-từ, hay tha thứ cho kẻ khác.

- Chinh-phục: Chinh = đánh lấy; Phục = hàng-phục, bắt phải theo lịnh mình. Chinh-phục được ai là khiến kẻ ấy phục và nghe theo mình. Cùng nghĩa với chữ Chế-phục.

- Vô-não-hại: Vô = chẳng; Não = phiền-não; Hại = hiếp-đáp. Lòng vô-não-hại là lòng từ-bi, chẳng hề làm hại ai, chẳng gây phiền-não cho ai. Tiếng Pali là ahimsa.

- Hành-hung: Hành = làm; Hung = hung-dữ, ác. Hành-hung ai là làm cho kẻ ấy phải chịu đau-đớn, khổ-sở.

- Khoan-hậu: Khoan = rộng-rãi, Hậu = dày, nhiều. Lòng khoan-hậu là lòng rộng-rãi, hay hiến-tặng nhiều cho kẻ khác.

- Xan-tham, Bủn-xỉn = Xan = bỏn-sẻn, rít-róng, quá hà-tiện. Tánh-tình xan-tham, bủn-xỉn chỉ biết ham cho mình có thật nhiều và chẳng hề chịu bố-thí chút gì cho ai cả.

- Vô-sân: Vô = chẳng;Sân = giận. Lòng vô-sân trái với sự giận-hờn.

- Hư-nguỵ: Hư = hư-dối, chẳng thiệt; Ngụy = giả-dối, chẳng đúng với Sự-thật. Hư-ngụy là giả-dối, giả-tạo, bầy đặt láo.

- Chơn-lý = Sự-Thật.

- Đề-cao: được nêu cao lên để mọi người bắt chước theo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện tuy dài, có thể tóm gọn lại như sau: Cô Úc-ta-ra, mặc dầu bị đổ bơ nóng lên đầu, vẫn chẳng giận người làm quấy, mà còn rải lòng Từ-bi đến cho người đó. Đức Phật khen-ngợi thái-độ đáng quí đó và dạy ta những đức-tánh: vô-sân để kềm-chế sự giận-dữ; vô-não-hại để chinh-phục kẻ hành- hung; khoan-hậu để diệt bụng rít-róng; biết trọng Sự-thât để khuất-phục người nói dối.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 223:

Bài Kệ nầy khó nhớ vì có nhiều danh-từ chuyên-môn; xin chịu khó xem lại phần Tìm hiểu. Các đức- tánh kể trong bài Kệ giúp ta thắng được chính ta: thắng tánh hay giận của mình, thắng lòng bỏn-xẻn chẳng chịu bố-thí, thắng được sự hay binh-vực mình để nói sai Sự-thật. Tự thắng mình là chiến-thắng vẻ-vang nhứt, như Phật đã dạy.

(177).- Tích chuyện Tôn-giả Mục Kiền-liên hỏi Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến các câu hỏi của Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên.

Thuở ấy, Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên, một hôm dùng thần-thông lên viếng trên cõi Trời. Tôn-giả thấy các thiên-nam, thiên-nữ đang vui sống thảnh-thơi trong các lầu-đài nguy-nga tráng-lệ. Tôn-giả mới hỏi các vị ấy: "Do đâu mà được sanh lên cõi Trời?" Một vị đáp: "Chẳng phải tôi đã bố-thí thật nhiều của- cải, hay chăm nghe Chánh-pháp mới được sanh lên cõi Trời. Tôi chỉ biết luôn luôn nói đúng theo Sự- thật, có làm sao thì tôi

nói làm vậy, thôi." Môt vị thiên-nữ lại đáp: "Trong đời trước, tôi làm nô-lệ cho một ông chủ rất khó tánh; bị rầy, bị đánh, tôi chẳng hề giận hay oán chủ chút nào, nhờ đó mà được sanh lên đây." Một vị thiên-nam khác lại nói: "Còn tôi, tôi nhớ chỉ có mấy lần tặng cho kẻ khác một khúc mía, một trái cam, hay một bó rau; nhờ phước đó mà tôi được làm thiên-nam sống ở cõi trời nầy."

Khi trở về dương-thế, Tôn-giả đến bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, có phải chăng chỉ cần biết giữ lời nói đúng Sự-Thật, chỉ cần biết kềm-chế mình chẳng giận-hờn, chỉ cần hiến-tặng những vật nhỏ-mọn như khúc mía, bó rau, mà tất cả đều được sanh lên cõi Trời chăng?" Đức Phật đáp: 'Nầy Mục-kiền-liên, sao ông còn lại hỏi; bộ ông chẳng chính mắt thấy, chính tai nghe các thiên-nam, thiên-nữ đã nói với ông những gì trước đó hay sao? Ông chớ có nghi-ngờ, một công-đức dù nhỏ bé, được làm với tấm lòng thành, cũng đưa ta tái-sanh lên cõi Trời, hưởng phước dài lâu."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Nói lên lời chánh-chơn,
Chẳng nổi cơn giận-hờn,
Ít, cũng cho, khi được hỏi:
Đấy là ba đường lên tới cõi Trời.
(Kệ số 224.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tôn-giả Đại Mục-kiền-liên: Tôn = đáng kính; Giả = người. Đại Mục-kiền-liên = tên của tôn-giả tiếng Pali là Mahà Moggallàna. Tôn-giả là vị đại-đệ-tử của Phật Thích-ca, giỏi nhứt về thần-thông.

- Thần-thông: các khả-năng đặc-biệt nhờ nơi định-lực cao, như bay trên không, đi trên mặt nước, v.v.

- Thiên-nam, Thiên-nữ: Thiên = trời; các chúng-sanh ở cõi Trời.

- Nô-lệ = đầy-tớ ở suốt đời với chủ, chẳng có tự-do cá-nhơn.

- Dương-thế: tức là cõi trần, nơi ta đang sống đây.

- Bạch = thưa hỏi với bực trưởng-thượng.

- Tái-sanh: Tái = một lần nữa; Tái-sanh là được sanh lại lần nữa.

- Công-đức: việc thiện tạo nên phước về sau.

- Chánh-chơn: chơn-chánh, đứng-đắn, đúng với Sự-Thật.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc Tôn-giả Mục-kiền-liên lên thăm-viếng cõi Trời, và nghe các thiên-nam, thiên- nữ cho biết do đâu mà được sanh lên trên đó: biết nói đúng theo Sự-thật, chẳng giận-hờn, tặng cho kẻ khác vài vật nhỏ mọn như khúc mía, bó rau, v.v. Đức Phật xác nhận, đường lên cõi Trời chỉ cần làm một công-đức nhỏ với tấm lòng thành mà thôi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 224:

Bài Kệ vạch rõ con đường lên cõi Trời: (1) nói lời chơn-chánh; (2) chẳng nổi giận; (3) dầu có ít, nhưng được ai hỏi xin, cũng đem cho. Nếu biết làm đúng, với tấm lòng thành, Đức Phật nói sẽ được tái-sanh lên cõi Trời hưởng phước dài lâu.

Theo trong Kinh Thập Thiện Nghiệp-đạo, người nào giữ đúng mười điều lành nầy, sẽ sanh lên cõi Trời: (1) về thân, có ba việc là chẳng sát-sanh, chẳng trộm-cắp, chẳng tà-dâm; (2) về miệng, có bốn việc là chẳng nói dối, chẳng nói đâm-thọc, chẳng nói lời thô-ác, chẳng lời vô-nghĩa (= ngồi lê đôi mách), (3) về ý, có ba việc, chẳng tham, chẳng sân (giận), chẳng có tà-kiến (ý-kiến sai-lầm).

(178).- Tích chuyện một người Bà-la-môn tự-nhận mình là cha của Đức Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật trú tại rừng An-già, gần thành Sa-kê, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người Bà-la-môn tự nhận mình là cha của Đức Phật.

Một hôm, Đức Phật và chư tỳ-kheo đi vào thành Sa-kê để khất-thực. Dọc đường, Ngài gặp một người Bà-la-môn già-cả đến gần và nói: "A! nầy con, sao lâu quá chẳng thấy con về nhà. Con hãy theo cha về, kẻo mẹ con trông con lắm đó." Rồi người ấy liền thỉnh Đức Phật và chư Tăng về nhà dưng-cúng thực-phẩm. Khi Đức Phật và các tỳ-kheo bước vào phòng khách, bà Bà-la-môn đã ân-cần nói: "Đã hèn lâu, con mới về nhà. Nào sắp nhỏ đâu, hãy mau ra chào đón người anh-cả của các con đây!"

Kể từ hôm đó, vợ chồng người Bà-la-môn già đó tiếp-tục hàng ngày cúng-dường Đức Phật và chư Tăng. Họ được nghe Đức Phật giảng-dạy Chánh-pháp, và chẳng bao lâu cả hai vợ chồng đều chứng-

đắc được quả vị A-na-hàm. Đức Phật và chúng Tăng mới lưu lại rừng An-già trong ba tháng, nhờ đó, vợ chồng người Bà-la-môn chứng được quả-vị A-la-hán, rồi nhập Niết-bàn.

Chư Tăng rất ngạc-nhiên thấy tại sao vị Bà-la-môn và vợ lại tự nhận họ là cha mẹ của Đức Phật, và nay họ được tái-sanh về cõi nào. Đức Phật bảo: "Trong tiền-kiếp, cách đây một ngàn năm trăm đời, ông bà ấy đã có thời làm cha mẹ ta, đã có thời làm chú bác ta. Họ nay chứng được quả-vị A-la-hán rồi, chẳng còn phải tái-sanh nữa, hằng tự-tại trong cõi Niết-bàn an-lạc."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người hiền chẳng hại nhân.
Thường tự-chế tâm-thân,
Hướng đến cõi Niết-bàn bất-diệt,

Đến đấy, phiền-muộn đều dứt hết.

(Kệ số 225.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bà-la-môn: giai-cấp thứ nhứt của Ấn-độ xưa, hạng người tu-sĩ. Có bốn giai-cấp: (1) Bà-la- môn(Brahmana), tu-sĩ; (2) Sát-đế-lợi,(Khat-tiya) vua, quan; (3) Phệ-xá (Vessa), buôn-bán; (4) Thủ-đà- la (Suddà), công nhơn, nông-phu.

- Rừng An-già, thành Sa-kê: tên hai địa-danh nầy, tiếng Pali là rừng Anjana, thành Sàketa.

- Anh-cả: người con trai lớn nhứt trong gia-đình.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn (= các đệ-tử Phật, sống gần Phật, nghe kinh mà tu- tập.) Chứng được quả-vị nầy, hành-giả đã dứt trừ được năm món phiền-não: (1) thân-kiến (=chấp thân nầy làm Ta), (2) nghi-ngờ về Chánh-pháp, (3) giới-cấm-thủ (= tin theo các nghi-thức cúng-tế của ngoại-đạo), (4) tham, (5)sân (= giận). Tiếng Pali:Anàgàmi, dịch là Bất-Lai, chẳng còn tái-sanh vào cõi người

- A-la-hán: quả-vị Thánh, cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Đến quả-vị nầy, hành-giả dẹp xong tất cả phiền-não, lìa xa mọi ham-muốn sống tự-tại trong cảnh-giới Niết-bàn. Pali là Arahant, theo nghĩa chuyên-môn là (1) vô-sanh, hết bị tái-sanh; (2)sát tặc, giết hết giặc phiền-não; (3) ứng-cúng, xứng- đáng được Trời và Người cúng-dường.

- Niết-bàn: tiếng Phạn là Nirvana; Pali là Nibbana, có nghĩa là ra khỏi rừng phiền-não u-tối, sống trong cảnh an-nhiên và tự-tại. Đây là cảnh-giới xuất-thế-gian, chẳng thể dùng lời nói thường mà giải- nghĩa được; ai chứng Niết-bàn, bấy giờ mới tự mình biết cảnh nầy ra sao.

- Tiền-kiếp: kiếp trước. Theo kinh-sách, kiếp, hay kiếp-ba (Phạn: Kalpa) là khoảng thời-gian rất dài; một tiểu-kiếp dài hơn16 triệu năm, gồm có kiếp tăng, kiếp giảm, thành một trung-kiếp; bốn trung-kiếp: thành, trụ, hoại, diệt, thành một đại-kiếp, kéo dài khoảng 1tỷ 300 triệu năm; trong khi đó đời sống con người chẳng lâu hơn 100 năm.

- Tự-tại = tự-do; ngoài đời nói tự-do, trong Đạo gọi tự-tại.

- Hại-nhân: Nhân = người; Chẳng hại-nhân = chẳng làm hại người.

- Tâm-thân = thân-tâm, thân-thể và tâm-linh.

- Tự-chế: tự mình kềm-chế mình, giữ sao chẳng làm điều quấy-ác

- Bất-diệt: Bất = chẳng; Diệt = tiêu-diệt, mất. Bất-diệt là còn hoài.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: một người Bà-la-môn tự nhận đã làm cha của Đức Phật trong một tiền-kiếp. Điều nầy được Đức Phật xác-nhận là đúng. Tuy giản-dị, nhưng Tích

chuyện mang hai ý-nghĩa rất quan-trọng về giáo-lý:

1) Đời sống con người chẳng phải chỉ thu-hẹp vào khoảng thời-gian trăm năm rồi hết luôn, mà đã bắt đầu từ nhiều đời trước, và sẽ kéo dài vào nhiều đời sau nữa. Đó là lý-thuyết vô-thuỷ (= chẳng biết chắc được lúc khởi-thuỷ) và vô-chung (= chẳng biết được đến lúc nào chung-cuộc, sẽ chấm-dứt), của đời sống, của thế-giới, của vũ-trụ.

2) Chúng-sanh trôi-lăn trong vòng sanh-tử, tử-sanh của Luân-hồi, trong kiếp sống có thể làm cha, làm mẹ lẫn cho nhau. Vì lẽ nầy, trong Đạo Phật, dạy ta phải thương-yêu mọi chúng-sanh, có thể đó là thân- nhơn của ta trong kiếp trước hay vào kiếp sau. Đấy là căn-bản của lòng từ-bi, thương-yêu hết mọi chúng-sanh, chẳng còn phân-biệt.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 225:

Thử phân-tách từng câu của bài Kệ:

1) Người hiền chẳng hại-nhân: Chữ Hiền ở đây có hai nghĩa: (a) theo nghĩa thường là hiền-lành; (b) theo nghĩa chuyên-môn, bực Hiền là những người đã chứng-đắc được một trong ba quả-vị đầu-tiên là Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm. Tính theo số lần phải tái-sanh, thì Tu-đà-huờn còn sanh lại bảy lần, gọi là Thất-Lai; Tư-đà-hàm còn sanh lại một lần, gọi là Nhất-Lai, còn A-na-hàm, chẳng phải tái- sanh vào cõi người nữa, nên gọi là Bất-Lai. Đến bực Hiền, tâm đã thanh-tịnh, dứt trừ được sân-hận, nên chẳng hề làm hại đến chúng-sanh nữa.

2) Thường tự-chế tâm-thân: vì lúc nào cũng tỉnh-giác, bực Hiền biết giữ-gìn ba nghiệp: thân, miệng và ý cho trong-sạch.

3) Hướng đến cõi Niết-bàn bất-diệt: lấy Niết-bàn làm mục-tiêu tu-tập, nghĩa là dứt trừ mọi phiền-não để được tự-tại mãi (= bất-diệt)

4) Đến đấy, phiền-muộn đều dứt hết: "Đến đấy" là đến đâu? Đến được cảnh Niết-bàn; đó chẳng phải là một nơi chốn nào riêng-biệt trong trời đất, mà chính là ngay trong tâm, tâm đã thanh-tịnh.

(179).- Tích chuyện nô-tỳ Phú-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại núi Linh-thứu, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người nô-lệ gái tên là Phú-na.

Thuở ấy ở gần thành Vương-xá, có một người nô-lệ gái tên là Phú-na, mỗi đêm phải thức khuya để giã gạo. Trong phút chốc ngồi nghỉ mệt, Phú-na nhìn lên lưng-chừng núi thấy Trưởng-lão Đắc-ba đang hướng-dẫn các tỳ-kheo quay trở về tịnh-xá, sau khi nghe giảng-pháp. Phú-na suy-nghĩ: "Thân-phận tôi-đòi của ta phải thức khuya giã gạo nhọc-nhằn, thì đành rồi; còn các vị tu-sĩ hiền-lành kia, cớ sao lại chẳng đi nghỉ sớm, giờ nầy còn đang bận-rộn, có lẽ có tu-sĩ nào đang bị bịnh, hay có một con rắn nào đến khuấy rối chăng?"

Sáng sớm hôm sau, Phú-na thức dậy sớm, đem chỗ tấm-cám vụn giã thành bột, nhồi thành bánh và đem nướng. Cô định mang bánh ấy ra bờ ao ngồi ăn. Vừa lúc ấy, Đức Phật và chư Tăng đi khất-thực ngang qua đó. Cô muốn đem bánh dưng-cúng Phật,

nhưng trong lòng còn ngại, chẳng biết Đức Phật có

khứng nhận cho hay không. Nhìn cô, Đức Phật đọc được tư-tưởng bên trong, nên Ngài bảo Tôn-giả A- nan trải toạ-cụ bên bờ ao, để Ngài ngồi. Cô Phú-na ngập-ngừng đến dưng bánh. Đức Phật vui-vẻ nhận, ăn xong, bảo cô Phú-na ngồi bên cạnh nghe Ngài giải-đáp chỗ cô còn thắc-mắc đêm qua. Đức Phật bảo: "Nầy Phú-na, con chẳng được đi ngủ sớm, vì con còn công-việc giã gạo phải làm. Còn các vị tỳ- kheo đây, cũng chẳng đi ngủ sớm, vì họ phải luôn luôn tỉnh-giác và chuyên-cần tu-tập về đêm."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà cô Phú-na chứng được sơ-quả Tu-đà-hườn:

Những người tỉnh-giác luôn luôn
Ngày đêm siêng tu Tam-Học,
Chuyên-tâm hướng về Niết-bàn,
Mọi lậu-hoặc được tiêu-tan.
(Kệ số 226.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Nô-tỳ, Nô-lệ: đầy-tớ ở suốt đời với chủ, chẳng có tự-do cá-nhơn

- Núi Linh-thứu: núi nầy gần thành Vương-xá, xứ Ma-kiệt-đà, tiếng Pali là Gijjhakùta. Hình ngọn núi giống chim kên-kên(chim thứu)

- Phú-na: tên cô nô-lệ nầy, tiếng Pali là Punna.

- Đắc-ba: tên vị trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Dabba.

- Toạ-cụ: Toạ = ngồi; Cụ = khí-cụ, vật-dụng. Toạ-cụ là tấm nệm nhỏ, còn gọi là bồ-đoàn, kê bên dưới để ngồi Thiền.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = tỉnh-thức, chẳng mê; Giác = biết rõ. Người tỉnh-giác lúc đang làm, nói, nghĩ điều gì, thì trong tâm biết rõ và theo dõi mình đang làm, nói và nghĩ điều ấy, và chỉ điều ấy mà thôi.

- Tam-Học: Tam = ba; Học = môn học. Tam-Học là Giới, Định, Huệ, còn gọi là Tam vô-lậu-học, ba môn học khiến cho mọi phiền-não, lậu-hoặc chấm-dứt. Nhờ giữ Giới, tự đặt mình trong kỷ-luật tu- hành mà tâm được an-định, chẳng chạy buông-lung nữa; khi tâm đã Định, thì trí-Huệ phát sáng lên, nhờ đó thấy rõ con đường giác-ngộ và giải-thoát. Theo học Tam-Học, là chọn con đường Bát-Chánh- Đạo.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy; Hoặc = điều sái-quấy. Lậu-hoặc là các phiền-não như tham, sân, si, mạn, nghi, tà-kiến, từ trong tâm phát lộ ra hành-động bên ngoài. Người nào đã dứt hết lậu-hoặc, thì chứng quả A-la-hán, tự-tại trong cảnh Niết-bàn an-lạc.

- Sơ-quả Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn, hay Thất Lai

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện so sánh sự cực-khổ của người nô-tỳ thức khuya giã gạo với sự kiên-trì, giữ sự tỉnh-thức trong tâm của các vị tu-hành chơn-chánh. Tỉnh-thức để theo môn Tam-học là con đường tiêu-diệt phiền-não và chứng-đắc Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 226:

Bài Kệ khuyên ta hai điều quan-trọng: (1) luôn luôn chú-ý, hướng về bên trong, tâm hằng tỉnh-giác; (2) siêng tu Tam-học: giữ -gìn giới-luật thật cẩn-thận; giữ tâm hằng an-định thì trí-huệ sẽ phát-sáng. Theo được đầy đủ hai điều nầy là tiến gần đến cảnh an-lạc của Niết-bàn.

(180).- Tích chuyện chàng thanh-niên A-tu-la.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến thanh-niên A-tu-la và các bạn-hữu.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có chàng thanh-niên tên là A-tu-la cùng với đông-đảo bạn-bè, muốn được nghe giảng Chánh-pháp, mới đến gặp Trưởng-lão Lê-va-ta. Trưởng-lão nhìn họ, trầm-ngâm, chẳng nói lên lời nào, tựa như con sư-tử đang nằm yên trong động đá. Cả bọn rất thất-vọng bỏ đi, đến gặp Tôn- giả Xá-lợi-phất. Tôn-giả ân-cần thuyết-giảng cho họ nghe về Vi-diệu-pháp, lời giảng thật thâm-trầm, ý-nghĩa thật sâu-xa với các chi-tiết thật cặn-kẽ. Họ chẳng hiểu nổi lẽ huyền-diệu của thời pháp, nên cũng thất-vọng, cùng nhau tìm đến Tôn-giả A-nan. Chuyến nầy, họ được Tôn-giả A-nan chỉ-dạy thật vắn-tắt thế nào là các điều căn-bản trong Giáo-pháp. Họ vẫn chưa thấu hiểu được nghĩa-lý, cho rằng bài giảng của Tôn-giả A-nan quá ngắn-ngủi, quá cô-đọng.

Sau cùng, họ dẫn nhau đến yết-kiến Đức Phật. A-tu-la bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, lòng chúng con muốn tìm hiểu cho rõ-ràng về Chánh-pháp. Chúng con lần-lượt đến gặp các vị Trưởng-lão thông-thái như Lê-va-ta thì chẳng chịu nói gì, như Xá-lợi-phất thì giảng tràng-giang đại-hải, còn A-nan thì lại quá tóm lược. Chúng con vẫn còn mù-tịt, chẳng biết đường nào mà tìm hiểu cho thật rõ-ràng Chánh-pháp của Thế-tôn."

Đức Phật bảo: "Nầy chư thiện-nam, chê-trách kẻ khác chẳng phải là điều gì mới lạ cả. Từ ngàn xưa, chẳng có ai là chẳng bị chê-trách. Thiên-hạ chê cả đức Vua, trách cả đức Phật. Nhưng bị người khờ-dại chê-trách cũng chẳng đưa đến đâu. Chỉ có lời phê-bình, khen hoặc chê, của bực hiền-trí mới thật là lời phán-đoán đúng-đắn, khiến ta nên mừng khi nghe khen, hay nên sửa đổi lại, khi bị chê."

Rồi Đức Phật mới nói lên các bài Kệ sau đây, nhờ đó mà A-tu-la cùng một số bạn-hữu chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Nầy A-tu-la, nên biết rõ,
Chẳng phải chỉ ngày nay mới có,
Tự ngàn xưa, việc đó cũng thường:
Họ chê người nín thinh,
Họ khinh kẻ lắm lời,

Nói vừa vừa cũng trách.
Thế-gian, chẳng có cách nào tìm được
Người chưa hề phải rước lấy lời chê.
(Kệ số 227.)
Từ xưa cho đến nay,
Mãi đến tận sau nầy,
Chưa hề có những ai
Hoặc hoàn-toàn bị chê-bai,
Hoặc trọn-vẹn được khen-ngợi.
(Kệ số 228.)
Ngày qua ngày, nhận xét rõ,
Người trí mới khen vị đó.
Đời sống chẳng tí vết nhơ,
Cả giới, định, huệ đều có.
(Kệ số 229.)
Ai dám khinh-chê vị ấy
Hạnh sáng tỏ tợ vàng ròng.
Các bực Trời khen hết lòng,
Cả đức Phạm-Thiên cũng vậy.
(Kệ số 230.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- A-tu-la: tên chàng thanh-niên nầy, tiếng Pali là Atula. Xin đừng lầm với chữ A-tu-la, phiên-âm tiếng Pali là Asura, dịch nghĩa là thần-linh, tức là hạng chúng-sanh có phép thần-thông, tánh thường nóng- giận, lại hay tranh-chiến với các bực Trời.

- Chánh-pháp: lời giảng-dạy của Đức Phật về con đường tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát.

- Lê-va-ta, Xá-lợi-phất, A-nan: tên các vị Tôn-giả nầy, tiếng Pali là Revata, Sariputta, Ànanda.

- Trầm-ngâm = giữ sự im-lặng, đang nghĩ-ngợi.

- Vi-diệu-pháp: Vi-diệu = nhiệm-mầu, cao-thâm; Pháp = pháp-tu. Vi-diệu-pháp (Abhidhamma), là phần Luận giảng về tâm-pháp, nhơn-sinh-quan (=đời sống con người),vũ-trụ-quan (=sự cấu-tạo của vũ-trụ.)

- Huyền-diệu: sâu-kín và khéo-léo.

- Thời-pháp: thời-gian giảng pháp, bài giảng pháp.

- Cô-đọng: rút lại thật ngắn-gọn, chỉ có điều chánh-yếu mà thôi.

- Yết-kiến: đến gặp bực trưởng-thượng để thưa hỏi.

- Thông-thái = bực hiểu-biết thật rộng-rãi và rõ-ràng.

- Tràng-giang đại-hải: Tràng =dài; Giang = sông; Đại = lớn; Hải = biển. Nói tràng-giang đại-hải là nói huyên-thiên, nhiều lời, khiến người nghe bị tràn-ngập chẳng hiểu được chỗ cốt-yếu.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành, Trí =trí-huệ. Chữ Hiền-trí ở đây chỉ vào các bực tu-hành đã chứng quả, có sự hiểu-biết đúng-đắn và rộng-rãi, thường chỉ dạy điều lành cho kẻ khác. Còn gọi là Thiện-tri-thức nữa.

- Quả-vị Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt trong hàng các đệ-tử sống gần bên Phật. Người chứng quả Tu- đà-huờn chẳng còn chấp thân-tâm làm Ta nữa, chấm-dứt sự nghi-ngờ về Chánh-pháp và bỏ các nghi- thức cúng-tế theo tà-đạo. Tiếng Pali là Sotapatti, dịch là Nhập-Lưu.

- Giới, Định, Huệ = còn gọi là Tam Học, hay Tam vô-lậu-học, ba môn học giúp ta diệt-trừ hết mọi phiền-não, chứng quả A-la-hán.

- Hạnh sáng = giới-hạnh, đức-hạnh thật trong-sạch, sáng-tỏ.

- Phạm-Thiên: Đức Vua cõi Trời Phạm, tiếng Pali là Brahma.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại A-tu-la và các bạn của anh, đến thưa hỏi các vị trưởng-lão, để được nghe giảng về Chánh-pháp. Họ chẳng hiểu nổi, nên chê trách Ngài Lê-va-ta giữ im-lặng, Ngài Xá-lợi-phất, nói nhiều quá, Ngài A-nan nói quá vắn-tắt. Họ đến gặp Phật và Phật dạy họ rằng, ở đời chẳng ai là khỏi bị chê: nín cũng bị chê, nói cũng bị chê, nói nhiều cũng trách, nói ít cũng trách. Đừng chú-trọng đến lời phê-bình của người khờ-dại, chỉ nên nghe lời phán-đoán của bực hiền-trí.

(2) Ý-nghĩa các bài Kệ số 227, 228, 229 và 230:

Bốn bài Kệ sắp chung lại thành ra hai bài: (1) Kệ số 227 và 228 nói về sự khen chê thường-tình của người đời; (2) Kệ số 229 và 230 nói về bực hiền đủ giới, định, huệ, được cả Trời, Người đều khen- ngợi.

Các bài Kệ khuyên ta giữ giới để lòng được an-định, nhờ đó mà trí-huệ phát-sanh, thấy rõ được con đường giác-ngộ và giải-thoát.

(181).- Tích chuyện sáu vị tỳ-kheo mang guốc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến sáu vị tỳ-kheo mang guốc gỗ, gây ra nhiều tiếng động.

Thuở ấy, có sáu vị tỳ-kheo thường mang guốc đi đi, lại lại trên sân đá, tiếng guốc khua vang, làm kinh- động đến các vị tỳ-kheo khác đang ngồi Thiền. Tiếng guốc vang đến tịnh-xá, khiến Đức Phật phải gọi vị thị-giả là Tôn-giả A-nan vào hỏi tiếng động gì vang lên mãi thế. Khi biết sáu vị tỳ-kheo kia, mang guốc đi lại trong sân, Đức Phật ra

giáo-chỉ, cấm tỳ-kheo chẳng được mang guốc gỗ nữa. Đức Phật lại dạy thêm, tỳ-kheo phải biết giữ-gìn ba nghiệp cho thật trong sạch: giữ thân chẳng hành-động sái-quấy, giữ miệng chẳng nói lời cộc-cằn, giữ tâm-ý chẳng nghĩ điều đen-tối.

Rồi Đức Phật mới nói lên các bài Kệ sau đây:

Đừng hờn-giận, giữ thân mình,
Chớ vì cau-có, thân sanh làm sằng.
Hành-vi xấu, thân hằng dứt bỏ;
Cử-chỉ lành, thân cố giữ-gìn.
(Kệ số 231.)
Đừng hờn-giận, giữ miệng mình,
Chớ vì cau-có, miệng sanh cộc-cằn.
Lời thô-ác, miệng hằng dứt bỏ;
Tiếng dịu-hiền, miệng cố giữ-gìn.
(Kệ số 232.)
Đừng hờn-giận, giữ ý mình,
Chớ vì cau-có, ý sanh dữ-dằn.
Tà-kiến ác, ý hằng dứt bỏ
Chánh-tư-duy, ý cố giữ-gìn.
(Kệ số 233.)
Bực hiền-trí chế-phục thân,
Giữ-gìn cửa miệng, giữ an tâm mình.
Giữ sao ba nghiệp: thân, miệng, ý
Thanh-tịnh hoàn-toàn, điều-phục xong.
(Kệ số 234.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Guốc: dép làm bằng gỗ, có quai. Ở Việt-nam, guốc làm bằng gỗ cây vông, nhẹ và ít tiếng kêu.

- Kinh-động = gây tiếng động làm giựt mình kẻ khác.

- Giáo-chỉ:Giáo = đạo;Chỉ = lịnh, sắc-chỉ.Giáo-chỉ là lịnh trong Đạo

- Nghiệp = hành-động thường làm, có ảnh-hưởng đến đời nầy và cả đời sau nữa. Có ba nghiệp: về thân, về miệng và về tâm-ý.

- Làm sằng = làm điều sằng-bậy, làm điều sái-quấy.

- Cộc-cằn, thô-ác: lời nói xấu ác, dữ-dằn, mắng nhiếc, chửi rủa.

- Tà-kiến: ý-kiến sai-lầm, xấu-ác.

- Chánh-tư-duy = suy-nghĩ chơn-chánh, đúng-đắn.

- Chế-phục, Điều-phục = kềm-chế, giữ-gìn để tránh tội-lỗi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc sáu vị tỳ-kheo thiếu ý-thức mang guốc đi lốp-cốp, khuấy-động các bạn đồng-tu trong việc ngồi Thiền. Đức Phật liền ra lịnh cấm mang guốc, và dạy ta phải biết giữ gìn ba nghiệp: thân, miệng, ý cho thật trong-sạch.

(2) Ý-nghĩa các bài Kệ aố 231, 232, 233 và 234:

Ba bài Kệ đầu dạy giữ-gìn thân-nghiệp, khẩu-nghiệp và ý-nghiệp cho thật trong-sạch. Bài Kệ sau tóm- tắt ý-nghĩa ba bài trước và chỉ cho ta thấy bực hiền-trí biết điều-phục thân-tâm để giữ cho ba nghiệp thanh-tịnh, nhờ đó mà được giải-thoát khỏi mọi khổ-đau nơi cuộc đời.

-ooOoo-

XVIII .- Phẩm Ô-UẾ

(182).- Tích chuyện con của người đồ-tể.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ,

trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến con của một người đồ-tể.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có người đồ-tể chuyên nghề giết thú-vật để bán thịt trong năm mươi lăm năm. Mỗi ngày, anh ta chừa một miếng thịt lớn để nấu cà-ry ăn. Hôm ấy, anh cắt một đùi thịt để dành trong bếp, định trưa sẽ đem nấu; nhưng vợ anh chẳng biết, lại đem bán cho người mua. Đến trưa, chẳng thấy đùi thịt, anh đồ-tể liền đi ra chuồng bò, lắt cái lưỡi của con bò, đem vào nấu-nướng. Rủi thay khi ăn, anh nhai mạnh quá cắn trúng lưỡi của mình, máu chảy tuôn ra chẳng dứt. Vài hôm sau, con bò và cả anh đồ-tể đều bị chết. Vì tội-ác đã sát-sanh trong suốt cuộc đời, nên anh đồ-tể phải sa vào địa-ngục.

Vợ người đồ-tể, sau khi an-táng anh ta xong, sợ căn nhà có ma-quỉ, mới bán nhà, dọn đi nơi khác. Còn người con trai được gởi đi học nghề khác ở thành Ta-xi-la. Người ấy học được nghề thợ rèn, cưới vợ và sanh được mấy người con. Sắp nhỏ sau nầy rất tôn-sùng đạo Phật, thường đến chùa nghe giảng-

pháp. Chúng thấy cha mình đã già rồi mà chưa hiểu gì về Chánh-pháp, mới thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng đến nhà cúng-dường. Sau bữa ngọ-trai, các người con qùi thưa cùng Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, chúng con soạn lễ trai-tăng nầy, để cầu phước cho cha của chúng con. Kính mong Thế-tôn giảng một bài pháp đặc-biệt cho cha chúng con nghe." Đức Phật bảo: "Nầy thiện-nam-tử, ông nay đã già rồi mà còn chưa chuẩn-bị đầy-đủ hành-trang cho chuyến đi xa, sang cuộc đời mới. Nay ông phải tự mình làm nơi nương-tựa cho chính mình, hãy thanh-lọc thân-tâm, diệt bỏ tất cả phiền-não, để sau nầy được tái- sanh vào nhàn-cảnh."

Rồi Đức Phật nói lên các bài Kệ sau đây:

Thân người nay như lá tàn phai,
Sứ-giả Tử-thần đến bên ngoài.
Người sắp bước vào con đường chết,
Còn thiếu tư-lương dặm đường dài.
(Kệ số 235.)
Hãy đắp cho mình một hòn đảo,
Mau làm người trí-huệ tinh-chuyên,
Lọc-sạch bợn nhơ, bỏ phiền-não,
Người sẽ vào Thánh-cảnh chư Thiên.
(Kệ số 236.)
Mạng người nay sắp đến mức cùng,
Trên đường đến gặp mặt Diêm-vương,
Dọc đường chẳng có nơi ngừng-nghỉ,
Còn thiếu tư-lương dặm đường trường.
(Kệ số 237.)
Hãy đắp cho mình một hòn đảo,
Mau làm người trí-huệ tinh-chuyên,
Lọc sạch bợn nhơ, bỏ phiền-não,
Người đâu trở lại cảnh Sanh-Lão.
(Kệ số 238.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đồ-tể: Đồ; Tể = giết thịt thú-vật để bán; kẻ hàng thịt.

- Sát-sanh: Sát = giết; sanh = sanh-mạng; Tội sát-sanh là tội giết chết các sanh-vật. Đây là giới-cấm thứ nhứt của người tu tại-gia.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = nhà tù. Theo sự tin-tưởng của người Phật-tử, kẻ làm ác, sau khi chết, phải chịu hình-phạt trong cõi u-tối.

- An-táng = làm đám ma, chôn-cất người chết.

- Ta-xi-la: tên thành nầy, tiếng Pali là Taxila.

- Cúng-dường =đọc trại chữ cung-dưỡng =cung-cấp để nuôi dưỡng.

- Ngọ-trai: Ngọ =12 giờ trưa;Trai = bữa ăn chay.Theo giáo-lý Nam-tông, sau bữa ngọ-trai, chư Tăng chẳng được phép ăn thêm suốt ngày.

- Trai-tăng: lễ dưng-cúng thực-phẩm, quần-áo cho các tỳ-kheo.

- Thiện-nam-tử: Thiện = lành; Nam-tử = đàn-ông.

- Hành-trang: Hành = đi; Trang = trang-bị, vật-dụng mang theo.

- Nhàn-cảnh = cảnh nhàn, tức là các cõi Thánh, sống an-lạc.

- Sứ-giả Tử-thần: Sứ = người mang tin-tức đến; Giả = người; Tử-thần = thần Chết. Thấy có sứ-giả Tử-thần là đang có dấu-hiệu sắp chết

- Tư-lương: vật-dụng mang theo khi đi xa; có nghĩa là hành-trang

- Thánh-cảnh: cảnh Thánh, ở đây, tức là các cõi an-nhàn trên trời.

- Diêm-vương: vua cõi âm; theo sự tin-tưởng của người Phật-tử, mọi người khi chết sẽ chịu sự phán- xét tội, phước của Diêm-vương.

- Cảnh Sanh-Lão: cảnh sanh ra rồi già đi; tức là cuộc sống ở trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi, sanh ra để lại chết đi, rồi tái-sanh nữa.

- Ô-uế: dơ-dáy, đen-đúa, bẩn-thỉu. Ở đây, Ô-uế ám chỉ các phiền-não làm cho tâm bị bợn-nhơ, phải thanh-lọc cho sạch.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có hai phần, phần đầu nói về ông đồ-tể, vì tội-ác sát-sanh, giết thú-vật lấy thịt bán, phải sa địa-ngục; và phần thứ nhì nói về người con trai của ông, về già được nghe Đức Phật giảng Chánh- pháp, mà được tái-sanh vào nhàn-cảnh.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: phải chuẩn-bị hành-trang cho chuyến đi xa, vào đời sống mới; chuẩn-bị bằng cách thanh-lọc thân-tâm khỏi các bợn-nhơ của phiền-não. Khi tâm đã thanh-tịnh, gột rửa hẳn các ô-uế của phiền-não gây ra, sẽ được tái-sanh lên cõi Trời, và nếu tiếp-tục tu-hành, sẽ thoát khỏi vòng lẩn-quẩn Sanh, Già, Bịnh, Chết trong cảnh khổ của cõi Luân-hồi lận-đận.

(2) Ý-nghĩa các bài Kệ số 235, 236, 237 và 238:

Bài Kệ số 235 nhắc-nhở ta, Thần Chết đang chờ mọi người, vậy phải chuẩn-bị hành-trang cho chuyến đi xa.

Bài Kệ số 236 khuyên ta phải tự mình lo-liệu lấy, nương-tựa vào chính mình bằng cách lọc-sach các bợn nhơ phiền-não ra khỏi tâm, để được tái-sanh vào cõi chư Thiên.

Bài Kệ số 237 lại nhắc nhở ta ngày trình-diện Diêm-vương sắp tới, phải mau mau chuẩn-bị hành-trang, cho chuyến đi xa, chẳng có nơi dừng chơn tạm nghỉ được (= chẳng có ai là khỏi chết cả).

Bài Kệ số 238 cũng lại khuyên ta sớm tự mình làm nơi nương-tựa cho chính mình, cũng bằng cách lọc sạch các bợn nhơ phiền-não ra khỏi tâm, để khỏi phải trở lại cảnh Sanh, Già, Bịnh, Chết của cõi Luân- hồi khổ-đau lận-đận.

(183).- Tích chuyện người Bà-la-môn làm việc thiện.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến cách làm điều thiện của một người Ba-la-môn.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có một người Bà-la-môn thường đứng nhìn các vị tỳ-kheo xốc áo cà-sa lại cho ngay thẳng trước khi đi vào thành khất-thực. Người ấy nhận thấy vài vị tỳ-kheo có vạt áo hơi dài, chấm đất, ướt đi vì hơi sương còn đọng trên bãi cỏ. Sau khi chư Tăng đi vào thành, người Bà-la-môn liền lấy dao ra dẩy sạch các bụi cỏ. Ngày hôm sau, chư Tăng dừng lại sửa áo cà-sa cho chỉnh-tề, thì một vài vị lại để tà áo chấm vào đất ướt vừa làm cỏ xong. Người Bà-la-môn đợi cho đoàn khất-thực vào thành, mới lấy cát khô rải lên các vũng nước đọng. Hôm sau, trời bắt đầu nắng sớm, chư Tăng có nhiều vị đổ mồ-hôi, khiến cổ áo bị đẫm ướt. Người Bà-la-môn nghĩ, nên cất một trạm nghỉ chơn bên lề đường, để chư Tăng có nơi đứng sửa-soạn y-phục lại cho chỉnh-tề. Ông ta liền thuê người cất một trạm nghỉ mát bên đường, nơi các vị tỳ-kheo thường dừng chơn, để tránh cả khi nắng nóng và lúc mưa dầm. Khi xây cất xong, người Bà-la-môn thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng đến làm lễ khánh-thành. Được hỏi lý-do vì sao cất trạm nghỉ chơn nầy, người Bà-la-môn mới bạch với Phật, từ bước một, ông đã làm cỏ, rải cát, rồi sau đó mới cất trạm nầy, để cúng-dường chư Tăng. Đức Phật khen-ngợi: "Nầy Bà-la-môn, công-đức hành thiện của thí-chủ đã được thực-hiện từng bước một, cũng như bực hiền-trí, ngày nầy qua ngày khác, chuyên-tâm lọc-sạch các bợn-nhơ lậu-hoặc từ từ cho đến khi được hoàn-toàn giải- thoát."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà vị Bà-la-môn chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Theo thứ-tự, từ chút, từ chút,
Người hiền-trí từng lúc, từng lúc,
Gột sạch bợn nhơ ra khỏi lòng mình,
Như thợ kim-hoàn lọc vàng hết cặn.
(Kệ số 239.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ xưa, tiếng Pali là Brahmana

- Cà-sa: phiên-âm chữ Phạn Kasaya, áo màu vàng choàng bên ngoài của các vị tỳ-kheo.

- Khánh-thành: lễ ăn mừng vì được xây-dựng xong.

- Hành-thiện:Hành = làm;Thiện = lành.Hành-thiện là làm việc lành.

- Thí-chủ: Thí =bố-thí, đem cho; Thí-chủ là kẻ hiến-tặng; thọ-giả là người nhận của kẻ khác cho. Thí- chủ còn được gọi là đàn-việt.

- Bợn-nhơ lậu-hoặc: Lậu-hoặc là các phiền-não như tham, sân, si, mạn, nghi, từ trong tâm bộc-lộ ra (lậu = rỉ chảy ra) bằng hành-động xấu-ác, vì thế nên gọi là bợn-nhơ, chỗ dơ-dáy, bẩn-thỉu, cần gột rửa.

- Tu-đà-huờn: Xin nhắc lại, đó là quả-vị đầu-tiên, còn gọi là Nhập-Lưu hay Thất-Lai; tiếng Pali là Sotapatti.

- Hiền-trí: người tu-hành chơn-chánh, có trí-huệ rộng.

- Kim-hoàn: Kim = vàng; Hoàn = vòng. Thợ Kim-hoàn là thợ bạc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc vị Bà-la-môn xây cất trạm nghỉ chơn để cúng dường chư Tăng. Công-đức hành-thiện nầy được thực-hiện từ từ, từng bước một, được Đức Phật khen ngợi.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là việc thanh-lọc các phiền-não ra khỏi Tâm, phải được thực-hiện: (1) từ-từ, từng bước một; (2) bền-chí, ngày nầy qua ngày khác, chẳng ngừng-nghỉ, cho đến khi được giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 239:

Bài Kệ so-sánh việc thanh-lọc các lậu-hoặc (= điều sai lầm như tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến) ra khỏi thân-tâm của người tu-hành, cũng như người thợ bạc lọc hết chất cặn-bã trong khối vàng ròng.

Hai câu đầu nêu rõ việc thanh-lọc được tiến-hành từ bước một, ngày nầy qua ngày khác, chẳng ngừng. Nên học thuộc bài Kệ để tự nhắc-nhở mình: từ chút, từ chút và từng lúc, từng lúc, chẳng phút nào lơ-là cả, cho đến khi tâm được hoàn-toàn thanh-tịnh.

(184).- Tích chuyện ham áo cà-sa của Trưởng-lão Thi-sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến lòng tham-muốn chiếc áo cà-sa của Trưởng-lão Thi-sa.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có vị Trưởng-lão tên là Thi-sa vừa nhận được một bộ áo cà-sa rất đẹp của một người thí-chủ dưng-cúng. Cả ngày, Trưởng-lão cứ rờ-rẫm chiếc áo, vuốt đi vuốt lại, trong lòng rất ham-thích. Nhưng tối hôm ấy, Trưởng-lão qua đời. Vì chẳng có ai là kẻ thừa-hưởng chánh-thức các của-cải của Trưởng-lão, nên các vị tỳ-kheo đồng-tu định đem chiếc áo ra cắt thành từng miếng nhỏ để phân chia nhau. Bấy giờ, từ trong chiếc áo, có một con rận nhỏ, chạy tới chạy lui lăng-xăng, trông bộ dáng như hoảng-hốt lắm vậy. Từ nơi hương-phòng, Đức Phật quán-thấy việc đó, Ngài ra lịnh cho các vị tỳ-kheo hãy khoan cắt tấm vải, chờ một tuần sau rồi sẽ phân-chia. Đến ngày thứ tám, các vị tỳ-kheo lấy chiếc áo cà-sa mới ra, thấy có một con rận nằm chết khô trong lằn xếp. Họ đến trình Đức Phật và thưa hỏi lý-do vì sao phải chờ đến một tuần mới cắt nhỏ chiếc áo ra. Đức Phật đáp: "Nầy chư tỳ-kheo, trước khi nhắm mắt lìa đời, tâm-niệm của tỳ-kheo Thi-sa là ham-thích chiếc áo cà-sa, cho nên tà-niệm nầy dẫn-dắt Thi-sa tái-sanh làm con rận để giữ lấy chiếc áo đó. Nhưng nhờ có công-đức tu-hành, nên bảy ngày sau mãn kiếp rận, Thi-sa được tái-sanh lên cõi Trời Đâu-suất. Vì lẽ đó, nên Như-Lai mới bảo chúng tăng hãy chờ trong một tuần-lễ rồi sẽ chia nhau chiếc áo. Nầy chư tỳ-kheo, lòng tham-ái rất là độc-hiểm, nó cũng như chất sét (=rỉ) ăn mòn lần thanh sắt, rồi đưa ta tái-sanh vào cõi ác. Vì lẽ nầy, tỳ- kheo chớ nên tham lợi-dưỡng, mê-thích về tứ-sự cúng-dường của các thí-chủ."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Như sét từ thanh sắt sanh ra,
Rồi sét lại ăn mòn thanh sắt;
Kẻ ham lợi-dưỡng tạo điều ác,
Ác nầy trở lại hại anh ta.
(Kệ số 240.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thi-sa: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Tissa.

- Thí-chủ: Thí = bố-thí. Thí-chủ là người đem của-cải ra hiến-tặng.

- Qua đời = chết đi.

- Thừa-hưởng chánh-thức: người nhận-lãnh gia-tài.

- Con rận: loại côn-trùng, sống trong quần-áo, cắn hút máu người

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm dành cho Đức Phật.

- Quán-thấy: ngồi Thiền, tâm an-định, nhìn thấy rõ trong tâm.

- Tâm-niệm: ý-nghĩ trong tâm. Tà-niệm = ý-nghĩ xấu-ác.

- Mãn kiếp: hết kiếp; đời sống chấm dứt.

- Trời Đâu-suất: cõi Trời cao nhứt của Dục-giới, hiện có Đức Đại-Bồ-tát Di-Lặc đang giảng-pháp tại đó. Tiếng Pali là Tusita.

- Tham-ái = Tham =ham quá chừng; Ái =thương, thích. Chính lòng tham-ái là nguồn-gốc của khổ đau. Tiếng Pali là Tanhà.

- Lợi-dưỡng: tiện-nghi vật-chất để cho đời sống được quá sung-sướng về thể-xác.

- Tứ-sự cúng-dường: Tứ = bốn; Sự = việc; Cúng-dường: cung-cấp để nuôi-dưỡng. Tứ-sự cúng-dường là bốn thứ vật-dụng mà người tín-chủ dưng-cúng cho tỳ-kheo: (1) thực-phẩm; (2) quần-áo, (3) giường chiếu; (4) thuốc men.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa:

1) Tầm quan-trọng của tâm-niệm vào phút lâm-chung: khi gần chết, trong tâm khởi tà-niệm, sẽ bị tái- sanh vào cõi dữ.

2) Lời Phật dạy: dẹp tham-ái, chớ mê lợi-dưỡng, là lời dạy cắt-đứt nguồn-gốc của khổ-đau (Khổ-đế) dứt được vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi. Tham-ái (Tanhà) chính là Chơn-lý thứ hai trong Tứ-diệu-đế.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 240:

Bài Kệ so-sánh cái hại của sự tham-ái cũng như chất sét từ trong thanh sắt sanh ra, rồi lại ăn mòn thanh-sắt. Tham-ái cũng vậy, khởi từ trong tâm mà ra, vì quá ham-thích, rồi bị sự ràng-buộc nầy mà phải chịu nhiều khổ-đau sau nầy, trong cuộc sống Luân-hồi lẩn-quẩn.

(185).- Tích chuyện tỳ-kheo Lã-lưu-đà-di.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến tỳ-kheo Lã-lưu-đà-di rất lười đọc-tụng kinh kệ.

Thuở ấy, dân chúng nước Xá-vệ rất ái-mộ hai vị đại-đệ-tử của Phật Thích-ca là Tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục kiền-liên. Tỳ-kheo Lã-lưu-đà-di, lòng hay ganh-tị, bảo với dân-chúng rằng, mình cũng thuyết- pháp chẳng thua gì hai vị Tôn-giả kia. Họ mời tỳ-kheo Lã lên nói pháp, nhưng ông ta chẳng thốt nên lời. Ông ta liền bảo, hãy mời hai vị khác lên nói trước, rồi sẽ tới phiên mình. Sau khi hai vị tỳ-kheo đăng-đàn thuyết-pháp xong, thầy Lã bước lên, nhưng miệng lại ngậm câm như hến. Dân-chúng mất cả kiên-nhẫn, quát-tháo lên. Lã hoảng-hốt, bỏ chạy; bị rượt đuổi quá, Lã lọt xuống hầm tiêu.

Khi Đức Phật được biết sự-việc đó, Ngài dạy: ‘’Nầy chư Tăng, Lã-lưu-đà-di chẳng có học-tập nhiều về Chánh-pháp. Kinh-kệ có nghe qua, y đâu chịu thường đọc-tụng, nên chẳng nhớ được gì. Chút ít gì y đã nghe, vì chẳng thường nhắc lại, nên đã rỉ-sét trong tâm của y."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng tụng-niệm là vết nhơ Kinh-kệ,
Chẳng siêng dọn là dơ-bẩn cửa nhà,
Nhác lờ-đờ là sắc-đẹp phôi-pha,
Thường bất-cẩn là sơ-hở phòng-vệ.
(Kệ số 241.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-kheo: tu-sĩ Phật-giáo, phiên-âm chữ Phạn Bhikkhu, còn đọc là Bí-sô, cũng gọi là Khất-sĩ.

- Lã-lưu-đà-di: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Làludàyi.

- Kinh-Kệ: Kinh = lời dạy đầy-đủ của Đức Phật; Kệ = bài thơ ngắn, tóm-tắt lại bài Kinh cho dễ nhớ. Thí-dụ: Kinh A-di-đà; Kệ số 241,v.v.

- Ái-mộ: Ái = thương-mến; Mộ = kính-mộ.

- Đăng-đàn: Đăng = bước lên cao; Đàn = cái đài cao, để nói pháp, hay làm lễ. Đăng-đàn là bước lên đàn, nói chuyện với công-chúng.

- Câm như hến: Hến = loài sò, hai vỏ ngậm lại kín mít.

- Rỉ-sét = chữ nầy được dùng theo nghĩa bóng là trở nên mờ-tối.

- Vết-nhơ: chỗ dơ-bẩn; dịch các chữ Hán-Việt là: ô-trược, ô-uế.

- Nhác lờ-đờ = lười-biếng, lừ-đừ, chẳng thiết làm việc chi cả.

- Sắc-đẹp phôi-pha = vẻ đẹp bị giảm đi từ từ.

- Bất-cẩn: Bất = chẳng; Cẩn = cẩn-thận. Bất-cẩn là vô-ý vô-tứ.

- Phòng-vệ = giữ-gìn. Ở đây, chữ Phòng-vệ có nghĩa là ngăn-giữ các tội-ác, chẳng cho xảy ra.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc buồn-cười của một vị tỳ-kheo, vì lười-nhác chẳng đọc-tụng Kinh-Kệ, nên khi lên pháp-đàn chẳng nói được lời nào, bị dân-chúng phản-đối, bỏ chạy, lọt xuống ... hầm phẩn!

Đức Phật dạy, phải siêng đọc-tụng Kinh-kệ, nếu lười-biếng thì bao nhiêu những điều nghe dạy, lần lần rỉ-sét trong tâm, rồi quên mất

Siêng đọc-tụng Kinh-Kệ như thế nào? Nếu mỗi ngày, có thời-khoá tụng-niệm, thì rất tốt. Bằng chẳng đủ thì-giờ, thì mỗi tuần nên đi chùa, cùng tụng-niệm theo các bạn đồng-tu, trong khoá lễ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 241:

Trong bài Kệ nầy, Đức Phật kể ra bốn điều ô-uế (= nhơ-bẩn):

1) Chẳng tụng-niệm là vết nhơ Kinh-Kệ: Kinh-Kệ chẳng nhơ, chỉ người tu-hành chẳng chịu đọc-tụng, đó là làm dơ-bẩn Kinh-Kệ. Có người thỉnh Kinh về, để cao trên bàn thờ Phật, mà chẳng lấy ra đọc và tìm hiểu để ứng-dụng tu-hành, đó là để Kinh đóng bụi-bặm cho...dơ!

2) Chẳng siêng dọn là dơ-bẩn cửa nhà: vì rác-rến đầy nhà.

3) Nhác lờ-đờ là sắc-đẹp phôi-pha: chẳng siêng giữ-gìn sắc-đẹp, chẳng năng trang-điểm, thì dù có đẹp cũng thiếu phần sắc-sảo.

4) Thường bất-cẩn là sơ-hở phòng-vệ: Câu nầy có hai nghĩa: (a) ai vô-ý, vô-tứ thì chẳng biết giữ-gìn cho khỏi bị tai-nạn; (b), ai lơ-là trong việc giữ giới-luật, thì tội-lỗi mới có dịp sanh ra; người siêng giữ giới, tâm sẽ sớm an-định, nhờ đó trí-huệ phát-sáng mà biết vững bước trên con đường tu-hành để sớm được giác-ngộ và giải-thoát.

(186).- Tích chuyện ngươi bị vợ ngoại-tình.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người bị vợ ngoại-tình.

Thuở ấy ở thành Vương-xá, có một người đàn-ông bị vợ ngoại-tình. Anh ta rất xấu-hổ với mọi người, nên chẳng dám đến gần đám đông. Bẵng đi một thời-gian rất lâu, anh chẳng đi chùa. Một hôm vào tối ngày rằm, anh đến tịnh-xá Trúc-lâm. Đức Phật hỏi, sao

lâu quá chẳng thấy anh đến nghe pháp. Anh thuật gia-cảnh của mình cho Đức Phật nghe. Đức Phật an-ủi: "Nầy thiện-nam-tử, những người đàn-bà trắc-nết cũng như dòng sông nước chảy, cũng như con đường đất để người đi qua, cũng như cửa tiệm bán rượu, cũng như một quán-trọ trong đêm tối, cũng như lu nước để ngoài sân cho khách bộ-hành đỡ khát, họ giao-du với tất cả mọi hạng người chẳng kể tốt xấu. Tà-hạnh quả thật là một nguyên-nhơn sa- đoạ của phụ-nữ."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Tà-hạnh là vết nhơ phụ-nữ,
Xan-tham là uế-trược người cho,
Điều tệ-ác quả là cấu-uế
Trong đời nầy và các đời kế.
(Kệ số 242.)
Trong các mối bẩn-nhơ vừa điểm
Vô-minh là ô-uế cực-hiểm.
Nầy nầy, hỡi các vị tỳ-kheo,
Mau rửa sạch, theo hàng Vô-nhiễm.
(Kệ số 243.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ngoại-tình: Ngoại = ngoài; Tình = ái-tình; Ngoại-tình là đã có chồng hay vợ chánh-thức mà còn dan- díu tình-ái với kẻ khác.

- Trúc-lâm: tên tịnh-xá nầy tiếng Pali là Veluvana, vườn trúc.

- Vương-xá: tên thủ-đô xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), Pali: Ràjagaha

- Gia-cảnh: Gia = nhà;cảnh = tình-cảnh. Gia-cảnh = tình-cảnh ở nhà

- Thiện-nam-tử: Thiện =lành; Nam-tử = đàn-ông. Thiện-nam-tử là người tín-đồ đàn ông. Phái nữ gọi là Thiện-nữ-nhơn.

- Trắc nết: tánh-hạnh chẳng ra gì, chẳng trung-thành với chồng.

- Giao-du: giao-thiệp, chơi-bời với nhau.

- Tà-hạnh: Tà = tà-vạy, xiêng-xéo; Hạnh = hạnh-kiểm, tánh-tình. Tà-hạnh, Tà-dâm là chẳng trung- thành với chồng hay vợ, dan-díu tình-ái với kẻ khác; có tánh lang-chạ.

- Sa-đoạ: rơi xuống thấp, lọt vào hạng hèn-hạ.

- Xan-tham: bỏn-sẻn, rít-róng, quá hà-tiện.

- Uế-trược, ô-uế, cấu-uế = chỗ dơ-bẩn, xấu-xa.

- Vô-minh: Vô = chẳng; Minh = sáng. Vô-minh là si-mê, ngu-tối.

- Cực-hiểm: cực-kỳ độc-hiểm; hết sức nguy-hiểm.

- Vô-nhiễm: Vô = chẳng; Nhiễm = dính nhơ. Bực vô-nhiễm là bực Thánh, chẳng còn bị phiền-não làm nhiễm-ô nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tich chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một người đàn-ông bị vợ ngoại-tình, xấu-hổ với kẻ khác, nên chẳng đi chùa nữa. Đức Phật an-ủi người ấy và bảo rằng, kẻ trắc-nết chẳng trung-thành trong tình-nghĩa vợ-chồng, sẽ sa-đoạ vào cõi dữ.

Tuy Tích chuyện chỉ nói đến sự trắc-nết của đàn-bà, nhưng ta phải hiểu ý-nghĩa của lời Phật dạy, chẳng phải chỉ ứng vào người đàn-bà, mà luôn cho cả đàn-ông. Lòng trung-thành trong tình-nghĩa vợ- chồng là nền-tảng của hạnh-phước gia-đình.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 242 và 243:

Nhơn Tích chuyện nói về sự chẳng trung-thành của người đàn-bà đối với chồng là một vết nhơ về đức- hạnh của phụ-nữ, Đức Phật kể ra các điều nhơ-bẩn khác, giúp ta biết để tránh khỏi. Đó là: (1) tà-dâm, lén-lút giao-thiệp bất-chánh với người khác phái; (2)xan-tham, rít-róng chẳng chịu bố-thí; (3) hành- động tệ-ác gây thiệt-hại cho kẻ khác; và nhứt là (4) sự ngu-tối tức là vô-minh, rất nguy-hiểm, vì tâm-trí còn ngu-tối chẳng rõ được đâu là đường lành mà theo, nẻo ác để tránh.

Hai câu chót của bài Kệ 243 là lời kêu gọi khẩn-thiết của Đức Phật, dạy các tỳ-kheo nên mau mau rửa sạch tâm mình cho thật thanh-tịnh, để dấn bước theo các bực Thánh, là hàng Vô-nhiễm, chẳng hề bị các vết-nhơ tội-lỗi làm ô-uế.

(187).- Tích chuyện tỳ-kheo Chu-la-sĩ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo Chu-la-sĩ, vi-phạm giới-luật cấm trị bịnh người để lấy công.

Thuở ấy, có vị tỳ-kheo tên là Chu-la-sĩ biết nghề làm thuốc, thường đi trị bịnh cho kẻ khác và nhận được nhiều tặng-phẩm. Một hôm, Chu đi thăm bịnh-nhơn và được biếu-tặng hậu-hĩ. Trên đường về, gặp Tôn-giả Xá-lợi-phất đang đi khất-thực, Chu liền đem các tặng-phẩm vừa nhận được ra chia-xẻ với

Tôn-giả. Nhưng Tôn-giả Xá-lợi-phất lẵng-lặng đi tới, chẳng nói gì cả. Khi về đến tịnh-xá, các tỳ-kheo khác thưa-trình cùng Đức Phật về việc Tôn-giả Xá-lợi-phất đã từ-chối quà-tặng của tỳ-kheo Chu-la-sĩ. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, Xá-lợi-phất chẳng nhận số tặng-phẩm của tỳ-kheo Chu-la-sĩ chia-xẻ, là vì Chu đã vi-phạm giới-luật, đi hành-nghề y-sĩ để được trả công. Tỳ-kheo nên biết, vi-phạm giới- luật thì rất dễ-dàng, sống buông-lung, chạy theo các lợi-dưỡng và tiện-nghi vật-chất, nào khác gì con quạ trơ-trẽn cắn lén sau lưng người, chẳng biết hổ-thẹn; tư-tưởng, lời nói cùng hành-động đều chẳng được chơn-thiện. Trái-lại, giữ giới-đức cho thanh-tịnh, khép mình trong kỷ-luật khắt-khe, biết hổ-thẹn khi lầm-lỗi, là lối sống tuy khó-khăn nhưng sớm đến nơi giác-ngộ và giải-thoát."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó một số tỳ-kheo chứng-đắc được quả-vị Tu-đà- huờn:

Dễ quá mà, sống đời không biết thẹn,
Trơ-trẽn như quạ cắn lén sau lưng,
Ham công-kích người, ngã-mạn, ngông-cuồng,
Liều-lĩnh, nhiễm-ô, tánh thường hư-đốn.
(Kệ số 244.)
Thật là khó, sống cuộc đời khiêm-tốn,
Có lòng tự-thẹn, có hạnh viễn-ly,
Biết lánh xa tất cả mọi ràng-buộc,
Tìm cầu thanh-tịnh, tâm hằng sáng-suốt.
(Kệ số 245.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Chu-la-sĩ: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Cùlasàrì.

- Hành-nghề y-sĩ: làm nghề thầy thuốc chữa bịnh cho người.

- Lợi-dưỡng: các nguồn lợi về vật-chất để nuôi sống.

- Trơ-trẽn: chẳng biết hổ-thẹn, chai-lỳ chẳng biết mắc-cỡ.

- Chơn-thiện: Chơn = chơn-chánh, đứng-đắn; Thiện = lành.

- Ngã-mạn = kiêu-căng, phách-lối, tự cho mình hơn kẻ khác.

- Ngông-cuồng: Ngông = ngông-nghênh, chẳng biết sợ ai cả; Cuồng = điên-khùng. Người ngông- cuồng là kẻ ngang-tàng, dữ-ác.

- Hư-đốn: hư-hỏng và đốn-mạt; rất tệ-hại; chẳng ra gì.

- Khiêm-tốn: biết nhũn-nhặn, chẳng hề khoe-khoang.

- Tự-thẹn: biết mắc-cỡ lấy mình.

- Hạnh viễn-ly: Hạnh = đức-hạnh; Viễn = xa; Ly = lìa. Người có hạnh viễn-ly biết xa-lìa các lợi- dưỡng, chẳng ham thú-vui vật-chất, tránh xa mọi ràng-buộc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một tỳ-kheo vi-phạm giới-luật, hành-nghề ý-sĩ để kiếm lợi. Ta phải hiểu rõ ý-nghĩa của sự cấm-đoán nầy: Đức Phật cấm tất cả tỳ-kheo có nghề riêng để sanh-sống, đó là vì muốn các tu-sĩ diệt được lòng tham; chớ Đức Phật chẳng cấm-đoán việc trị bịnh giúp đời. Cứu người bịnh qua khỏi cơn đau là điều thiện, đáng khuyến-khích; nhưng cứu người với lòng tham muốn để được đền công, điều nầy trái với giới-luật. Tu-sĩ Phật-giáo còn được gọi là khất-sĩ, nghĩa là phải đi ăn xin, để dẹp lòng

tự-ái của mình, hạ mình xuống sống nhờ sự bố-thí của kẻ khác; vả lại khi đi khất-thực, có dịp gặp dân-chúng, để chỉ-dạy Giáo-pháp cho họ. Hiểu được ý-nghĩa nầy, mới biết tại sao Tôn-giả Xá-lợi- phất chẳng chịu nhận các tặng-phẩm của tỳ-kheo Chu-la-sĩ, vì các tặng-phẩm đó do công trị-bịnh mà ra, trái với giới-luật.

Tích chuyện còn ghi lại các lời dạy của Đức Phật: (1) sống buông-lung, khinh thường giới-luật, thì quá dễ và được nhiều lợi-dưỡng, đời sống sung-túc trong tiện-nghi vật-chất. Nhưng đó chẳng phải là con đường chơn-chánh mà người tu-sĩ nên noi theo; (2) sống theo giới-luật, biết hổ-thẹn khi lầm-lỗi, tuy khó khăn hơn, nhưng đó là con đường đưa ta sớm đến nơi giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 244 và 245:

Hai bài Kệ đối-ngược nhau, một bài nói về lối sống buông-lung, quá dễ-dãi, một bài nói về lối sống khắt-khe, tuân theo giới-luật.

Thử phân-tách từng câu bài Kệ số 244:

1) Dễ quá mà, sống đời không biết thẹn: Chẳng biết thẹn là xem thường mọi tội-ác, chẳng thấy xốn- xang, thẹn-thùng trong lòng, khi làm lỗi. Danh-từ chuyên-môn chỉ sự biết hổ-thẹn là tàm, hay quí; có lòng biết thẹn là có tâm tàm, tâm quí. Trái lại, người chẳng biết thẹn với lòng mình là người có tâm vô- tàm, có tâm vô-quí.

2) Trơ-trẽn như quạ cắn lén sau lưng: so-sánh người có tâm vô-tàm thì trơ-trẽn, chai-lỳ như một con quạ đen-đúa, lén mổ kẻ khác.

3) Ham công-kích người, ngã-mạn, ngông-cuồng: đây là ba vết nhơ cùng bắt nguồn từ tánh chấp-ngã (tự xem mình là hơn). Ham công-kích người, ham làm hại người, vì chẳng muốn người hơn mình; ngã- mạn là phách-lối, kiêu-căng, chẳng muốn ai bằng hay hơn mình; ngông-cuồng là chẳng sợ tội-ác gây ra quả-báo dữ-xấu, cứ hành-động ngang-tàng để tranh phần hơn với kẻ khác

4) Liều-lĩnh, nhiễm-ô, tánh thường hư-đốn: vì ỷ mình giỏi nên sanh ra liều-lĩnh; vì chẳng biết giữ-gìn, nên bị tội-ác làm nhiễm-ô; do đấy mà tánh-tình trở nên hư-đốn, mãi trôi-lăn trong cõi Luân-hồi.

Phân-tách bài Kệ số 245, ta thấy có hai đức-tánh quí-báu:

(1) sự khiêm-tốn, do lòng biết tự-thẹn sanh ra, biết nhũn-nhặn;

(2) hạnh viễn-ly, biết lánh xa mọi ràng-buộc. (Cái chi ràng-buộc? Các tội-lỗi ràng-buộc ta theo nghiệp xấu, nên phải trôi lăn mãi trong cõi Luân-hồi khổ-đau lận-đận).

Đường nầy khó, nhưng nhờ đó sớm được giác-ngộ và giải-thoát.

(188).- Tích chuyện năm người cãi nhau về ngũ-giới.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc năm người Phật-tử cãi nhau về ngũ-giới.

Thuở ấy vào dịp lễ thọ Bát-quan-trai-giới, có năm vị Phật-tử cãi nhau về cách giữ đúng ngũ-giới cho người tu-hành tại-gia. Một vị nói: "Tôi cố giữ giới chẳng sát-sanh, nhưng thấy giới nầy là khó nhứt trong ngũ-giới". 'Một vị khác cãi, giới tà-dâm là khó giữ nhứt. Còn một vị khác lại bảo, giới cấm uống

rượu mới là khó giữ, trong năm giới. Vì sự bất-đồng-ý nầy, họ đến yết-kiến Đức Phật. Đức Phật: "Nầy chư thiện-nam-tử, chẳng nên xem bất cứ một giới-luật nào là quan-trọng nhứt hay ít quan-trọng hơn các giới kia. Giới nào cũng khó giữ cả, nhưng phải cố giữ sao cho trọn-vẹn cả năm giới mới được."

Rồi Đức Phật mới nói lên các bài Kệ sau đây, nhờ đó mà cả năm vị Phật-tử chứng được quả-vị Tu-đà- huờn:

Kẻ nào sát-hại mạng chúng-sanh,
Của không cho mà cứ lấy giành,
Tiết trinh kẻ khác lại xâm-phạm,
Nói lời dối-trá, chẳng chánh-chơn,
Chất say, rượu mạnh dùng luôn,
Đó là đào lỗ tự chôn đời nầy.
(Kệ số 246, 247.)
Nên biết điều nầy, hỡi các người hiền!
Tự-chế chẳng làm ác, đâu phải dễ,
Tham-lam và tội-lỗi, chẳng nên để
Chúng lôi kéo vào cảnh khổ triền-miên.
(Kệ số 248.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phật-tử: Phật = giác, hiểu biết rõ; Tử = con. Phật-tử là người theo đạo Phật, tự xem mình là đứa con tinh-thần của Đức Phật.

- Ngũ-giới: Ngũ = năm; Giới = điều răn-cấm trong đạo. Với người tu tại-gia, ngũ-giới gồm có: (1) cấm sát-sanh; (2) cấm trộm-cướp; (3) cấm tà-dâm; (4) cấm nói dối; (5) cấm uống rượu. Tiếng Pali về ngũ-giới là pancasila.

- Lễ thọ Bát-quan-trai-giới: Theo lễ nầy, người Phật-tử vào chùa tu-hành trong 24 tiếng đồng-hồ, tuân giữ tám điều răn-cấm gồm có năm giới của người tu tại-gia cộng thêm ba giới nữa là: chẳng nằm giường cao; chẳng trang-điểm vòng-vàng, thoa dầu thơm; chẳng ăn phi-thời (= chẳng ăn sái-giờ, ngoài bữa ăn trưa ra). Đức Phật hứa, ai thọ Bát-quan-trai-giới đàng-hoàng, thì chẳng hề bị sa vào địa-ngục.

- Tu tại-gia: tu-hành tại nhà. Đức Phật Thích-ca có bốn hạng đệ-tử, gọi là tứ-chúng. Tỳ-kheo và tỳ- kheo-ni là hai hạng xuất-gia, rời bỏ cuộc sống thế-tục, vào chùa tu-hành; ưu-bà-tắc với ưu-bà-di là hai hạng tại-gia, đàn-ông và đàn-bà, vẫn giữ đời sống có gia-đình.

- Sát-sanh: Sát = giết; Sanh = sanh-mạng chúng-sanh.

- Tà-dâm = đã có vợ, chồng chánh-thức rồi mà còn dan-díu tình-ái với kẻ khác.

- Tiết trinh: sự trong-sạch, trung-thành của phụ-nữ đối với chồng.

- Tự-chế: tự mình răn-cấm, tự mình giữ-gìn lấy mình chẳng gây tội-lỗi.

- Triền-miên = lâu-dài chẳng dứt.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại sự bất-đồng-ý của năm người về ngũ-giới. Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật: giới nào cũng quan-trọng như nhau, phải giữ cho thật đầy-đủ thì mới được giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của các bài Kệ số 246, 247 và 248:

Hai bài Kệ 246 và 247 kể lại năm giới của người tu tại-gia, rất dễ hiểu, mỗi câu là một giới. Nên học thuộc để nhớ đủ năm giới. Lời răn-dạy rất khẩn-thiết là câu chót: hễ ai phạm các giới đó là đào lỗ tự chôn đời mình.

Bài Kệ số 248 khuyên ta nên biết tự-chế, chống lại sự tham-lam và tội-lỗi; đừng để chúng lôi-kéo ta vào cảnh khổ triền-miên của Luân-hồi.

(189).- Tích chuyện vị tỳ-kheo ganh-tị.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến thái-độ ganh-tị của một vị tỳ-kheo trẻ tuổi tên là Thi-sa.

Thuở ấy có một tỳ-kheo trẻ tuổi tên là Thi-sa, tánh hay ganh-tị, thường chê-bai sự bố-thí cúng-dường của người khác. Thậm-chí, Thi-sa cũng chẳng hề khen ngợi công-đức của hai vị đại-thí-chủ nổi tiếng đương-thời là cư-sĩ Cấp-cô-độc và nữ-cư-sĩ Vi-sa-kha. Hơn nữa, Thi-sa lại thường khoe-khoang, tự- hào rằng gia-đình mình rất giàu-có, tiền-bạc nhiều như nước trong giếng, ai muốn đến xin, cứ việc múc lấy mà dùng.

Nghe lời khoác-lác nầy, các vị tỳ-kheo khác rất nghi-ngờ mới tìm về làng của Thi-sa; họ khám-phá ra rằng, nhà-cửa của Thi-sa rất là bần-cùng, các thân-nhơn họ hàng của Thi-sa bữa đói, bữa no. Các vị tỳ- kheo mới trình lên Đức Phật sự-việc đó. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, tu-sĩ nào chẳng hoan-hỉ khi thấy các vị tỳ-kheo khác nhận được sự cúng-dường, và tỏ lòng ganh-tị, thì chẳng bao giờ chứng-đắc được Đạo và Quả cả."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Do niềm tin và tâm hoan-hỉ,
Con người mới sanh lòng bố-thí.
Thấy người khác nhận được cúng-dường
Đồ ăn, thức uống, mà đố-kỵ,
Cả ngày lẫn đêm, kẻ ganh-tị

Chẳng thể nào đắc được định-tâm.
(Kệ số 249.)
Ai cắt được ganh-tị trong lòng,
Bứng tận rễ và dẹp bỏ xong,
Định-tâm người ấy thường chứng được
Đêm cũng như ngày, nếu ra công.
(Kệ số 250.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ganh-tị: đố-ky, ghen-ghét, cà-nanh, đòi cho hơn kẻ khác.

- Đại-thí-chủ: Đại = lớn; Thí-chủ = người bố-thí, còn gọi là thí-giả

- Cư-sĩ: Cư = ở; ở tại nhà; Sĩ = người. Cư-sĩ là người tu tại-gia.

- Cấp-cô-độc: tên của vị cư-sĩ xây cất chùa Kỳ-viên, tiếng Pali là Anàthapindika.

- Vi-sa-kha: tên của vị nữ-cư-sĩ xây cất nữ-tu-viện Đông-viên (Pubbàràma), ở phía Đông chùa Kỳ- viên, tiếng Pali là Visakha.

- Khoác-lác = láo-toét, khoe láo.

- Bần-cùng:Bần = nghèo;Cùng = cùng-khổ.Bần-cùng là nghèo-khổ.

-Hoan-hỉ = vui-mừng, hân-hoan.

- Đạo, Quả: Đạo = con đường, đường-lối tu-hành (Pali: Magga); Quả = kết-quả, sự tu-hành đã thành- công tốt-đẹp (Pali: Phala). Danh-từ chuyên-môn trong Bắc-tông, gọi là hướng và quả, như Tu-đà-huờn hướng và Tu-đà-huờn quả.

- Định-tâm: Định = đứng yên lại, chẳng xao-động; Tâm = lòng. Đắc được định-tâm là ngồi Thiền, tâm vắng-lặng, chuyên-chú vào một đề-mục duy-nhứt, chẳng hề xao-lãng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, kể lại tánh xấu hay ganh-tị của một vị tỳ-kheo. Đức Phật dạy, kẻ nào biết diệt lòng ganh-tị, hoan-hỉ khi thấy người khác được cúng-dường, thì khi ngồi Thiền sẽ sớm đắc định-tâm.

(2) Ý-nghĩa hai bài Kệ số 249 và 250:

1) Hai câu đầu của bài Kệ số 249: Do đâu mà sanh lòng bố-thí? Do niềm tin vào phước-báo, và lòng hoan-hỉ, vui-mừng thấy người nhận của bố-thí được vui. Thấy người vui mà vui theo gọi là Tuỳ-hỉ.

2) Bốn câu sau của bài Kệ số 249: vì trong tâm sanh ra ganh-tị, cú lo ganh-ghét mãi, nên ngồi Thiền chẳng đắc được định-tâm.

3) Hai câu đầu của bài Kệ số 250: phải bứng tận gốc-rễ lòng ganh-tị. Gốc-rễ đó ở đâu? Chính ngay trong tâm mình, nên dẹp bỏ đi

4) Hai câu chót của bài Kệ số 250: tại sao đắc được định-tâm? Vì nếu ra công dọn dẹp cõi lòng cho trong-sạch, thì tâm định ngay.

(190).- Tích chuyện năm người ngồi nghe pháp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến thái-độ ngồi nghe kinh của năm người tín-đồ.

Thuở ấy, có năm người tín-đồ tu tại-gia đến chùa Kỳ-viên, nghe Đức Phật giảng-pháp. Trong khi Đức Phật nói pháp, một người ngồi ngủ gục; một người lấy ngón tay vẽ-vạch xuống đất. Người thứ ba, ngồi phía sau, gần gốc cây, lắc nhẹ vào cành lá. Người thứ tư ngẩng đầu nhìn lên trời xanh. Còn người thứ năm, ngồi gần bên Đức Phật, chăm-chỉ nghe lời giảng, chẳng bỏ sót câu nào. Tôn-giả A-nan, đứng hầu bên cạnh Phật, nhìn thấy rõ năm người đó, đến khi Đức Phật giảng xong, mới thưa trình riêng cùng Đức Phật thái-độ ngồi nghe kinh của họ. Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, năm người cư-sĩ nầy còn chưa dẹp bỏ xong các thói-quen của họ trong tiền-kiếp. Người ngồi ngủ gục, kiếp trước, vốn là con rắn, thường khoanh mình trong xó, ngủ liên-miên. Kiếp trước của người thứ hai là con trùn thường chui qua chui lại trong đất. Người thứ ba vốn là con khỉ trong đời trước, cứ mãi chuyền từ cành nầy sang nhánh nọ trên cây. Còn người thứ tư, đời trước là một chiêm-tinh-gia, cứ ngẩng đầu lên xem các ngôi sao trên trời. Riêng người thứ năm, biết chăm-chỉ nghe pháp, kiếp trước là nhà thiên-văn-học. Nầy A-

nan, cần phải chú-tâm, chăm-chỉ, mới biết nghe Chánh-pháp. Vẫn còn có rất nhiều người chẳng biết chú-ý lắng nghe."

Tôn-giả A-nan bạch Phật: "Bạch thế-tôn, có sự ngăn-cản nào khiến cho người ta chẳng nghe hiểu được Chánh-pháp đang giảng?" Đức Phật đáp: "Có ba mối lậu-hoặc lớn ngăn cản người nghe chẳng thấu- hiểu rõ Chánh-pháp: tham, sân và si; nhứt là lửa tham nó đốt cháy tất cả cõi lòng mà chẳng hề ngưng- nghỉ."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Lửa nào bằng với lửa tham,
Chấp nào hơn được chấp tâm giận-thù.
Lưới nào như lưới khờ-ngu,
Sông nào sánh được sông sâu ái-hà.
(Kệ số 251.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tín đồ: Tín = tin-tưởng; Đồ = đồ-đệ, học-trò.Tín-đồ là người theo Đạo; trong Phật-giáo, còn gọi là thiện-nam, tín-nữ.

- Tu tại-gia: tu-hành tại nhà. Đối nghĩa với xuất-gia, rời nhà đi tu.

- Cư-sĩ: Cư = ở; Sĩ = người. Cư-sĩ là người theo đạo Phật, tu tại-gia

- Tiền-kiếp: Tiền = trước; Kiếp = đời sống. Theo sự tin-tưởng trong Phật-giáo, chúng-sanh có nhiều đời, đời trước đời hiện nay là tiền-kiếp

- Chiêm-tinh-gia = Chiêm =xem xét; Tinh = ngôi sao; Gia = nhà, người. Chiêm-tinh-gia xem sao trên trời mà đoán số-mạng con người.

- Thiên-văn-học: khoa-học về vũ-trụ, không-gian, các hành-tinh, các ngôi sao, v.v.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ-chảy; Hoặc = điều sai-lầm. Lậu-hoặc là các lỗi-lầm từ bên trong tâm rỉ-chảy, biểu-lộ ra bằng hành-động, lời nói xấu-ác. Có ba lậu-hoặc chánh: tham, sân, si; còn gọi là phiền-não.

- Lửa tham: ví sự tham-lam như lửa, nó nung-nấu, thúc-dục lòng mình phải dành cho được, được rồi lại muốn thêm nữa, chẳng nguôi.

- Chấp tâm giận-thù: Chấp là sự bám-chặt trong lòng, chẳng lúc nào chịu rời ra; như giận ai thì giận mãi tới già, chết xuống tuyền-đài cơn giận vẫn chưa tan.

- Lưới khờ-ngu: nghĩa bóng của sự si-mê, nó bao trùm tâm-trí kín-mít chẳng thấy được lẽ phải và điều lành.

- Sông sâu ái-hà: Ái = thương; Hà = sông. Sông ái tức là lòng tham-ái, đắm-say, vừa sâu vừa nguy- hiểm, kéo ta trôi lăn mãi trong vòng sanh-tử khổ-đau của Luân-hồi lẩn-quẩn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Nhơn thái-độ ngồi nghe pháp, chẳng đúng-đắn của bốn người tín-đồ, Đức Phật dạy, chỉ vì lòng còn tham, sân, si nên người nghe pháp, chẳng hiểu-thấu cho rõ-ràng được Chánh-pháp.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 251:

Bài kệ nầy kể rõ các sự ngăn-trở khiến ta chẳng thông-hiểu được Chánh-pháp: (1) lửa tham; (2) tâm cố-chấp sân-hận; (3) lưới si-mê; (4) sông ái-hà. Bốn điều ô-uế đó, ta phải cố rửa cho sạch khỏi lòng ta.

(191).- Tích chuyện vị hào-phú Mẫn-đà-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật du-hành đến xứ An-già, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị hào- phú tên là Mẫn-đà-kha.

Thuở ấy, ở thành Bá-đi-gia, xứ An-già, có một vị hào-phú tên là Mẫn-đà-kha, của-cải rất nhiều mà cũng có lòng bố-thí thật rộng-rãi. Thiên-hạ đồn rằng, ông Mẫn đã đào lên phía sau vườn nhà mình được nhiều pho-tượng chạm hình con dê, bằng vàng ròng. Lại cũng có lời đồn rằng, trong nhiều kiếp trước, vào thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, ông Mẫn đã xây cất một tu-viện trang-nghiêm, với đầy-đủ phòng- ốc, điện-sảnh; rồi dưng-cúng thực-phẩm lên chư Tăng trong hơn bốn tháng. Trong một kiếp sau nữa, ông Mẫn tái-sanh vào thành Ba-la-nại, gặp nạn đói-kém, liền xuất tiền ra sắm-sửa thức ăn bố-thí

cho dân-chúng. Trong số những người đến khất-thực, có một vị Bích-chi-Phật, ông Mẫn đều cúng-dường đầy-đủ. Nhờ phước-báo đó mà ngày nay, ông Mẫn trở nên rất giàu-có.

Hay tin Đức Phật du-hành đến thành Bá-đi-gia, ông Mẫn cùng với cả gia-đình gồm có sáu người, đồng đi đến nơi, nghe Đức Phật thuyết-giảng. Sau khi cúng-dường Đức Phật và chư Tăng xong, ông Mẫn bạch với Phật: "Bạch Thế-tôn, trên đường con đi đến đây, con có gặp vài người ẩn-tu khổ-hạnh đã nói xấu Thế-tôn, và bảo con đừng đến đây nghe pháp." Đức Phật đáp: "Nầy đại-thí-chủ, thật chẳng khó- khăn gì đi vạch lỗi của kẻ khác mà lại cố dấu-diếm tật xấu của chính mình."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà mọi người trong gia-đình ông Mẫn đều chứng- đắc được quả-vị Tu-đà-huờn:

Dễ thay, thấy lỗi người ta,
Lỗi mình thấy được, thật là khó thay!
Phanh-phui vạch lỗi của ai
Như đang quạt gạo, trấu bay ra ngoài.
Lỗi mình che kín chẳng khai,
Như cờ-bạc lận, quân bài dấu trong.
(Kệ số 252.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Hào-phú: Hào = có quyền-thế; Phú = giàu. Hào-phú là giàu và có nhiều quyền-thế.

- Mẫn-đà-kha: tên vị hào-phú nầy, tiếng Pali là Mendaka.

- Xứ An-già, thành Bá-đi-gia, thành Ba-la-nại: tên các địa-danh nầy, tiếng Pali là: Anga, Baddiya, Bénarès hay Vàrànasì.

- Tỳ-bà-thi: tên một vị Phật giáng-sanh năm kiếp trước Đức Phật Thích-ca; tiếng Pali là Vipassì.

- Điện-sảnh: Điện = căn phòng lớn trang-nghiêm; Sảnh = phòng.

- Bích-chi-Phật: một vị Phật tự-mình giác-ngộ và giải-thoát, vào thời chẳng có giáo-pháp của một đức Phật nào; tiếng Pali là Paccekabuddha. Bích chi-Phật còn gọi là Độc-giác, tự mình giác-ngộ lấy, nhưng chẳng đi giáo-hoá kẻ khác để họ được giác-ngộ theo.

- Ẩn-tu khổ-hạnh: Ẩn-tu = tu một mình nơi xa-vắng; Khổ-hạnh = tu ép xác với hi-vọng mau được giác-ngộ và giải-thoát.

- Đại-thí-chủ: Đại = lớn, Thí-chủ = người bố-thí; còn gọi là thí-giả.

- Tu-đà-huờn: quả-vị đầu-tiên trong hàng Thanh-văn (=đệ-tử sống gần Phật, nghe kinh mà tu-tập); tiếng Pali là Sotapatti, dịch là Nhập-Lưu (=vào dòng Thánh) hay Thất-Lai (= chỉ còn tái-sanh bảy lần)

- Cờ-bạc lận: cờ gian bạc lận; đánh bài ăn gian.

- Quân bài = lá bài, con-bài.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện có hai phần: phần đầu thuật lại công-đức bố-thí của ông Mẫn trải qua nhiều đời; phần sau, nhận-xét của Đức Phật về tánh hay vạch lỗi của kẻ khác và che dấu lỗi của mình. Ý-nghĩa của nhận-xét nầy là chẳng nên vạch lỗi kẻ khác, trái lại phải biết tự-xét lấy lỗi mình mà tránh đi, để thân-tâm trở nên trong-sạch, khỏi các cấu-uế.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 252:

Bài Kệ đưa ra hai hình-ảnh rất sống động: (1)vạch lỗi của người như đang quạt gạo, trấu bay ra, dễ thấy; (2) che-dấu lỗi mình kỹ-lưỡng cũng như đứa cờ-bạc gian-lận dấu con-bài bên trong, chẳng cho ai thấy cả. Ý-nghĩa của bài Kệ dĩ-nhiên khuyên ta chớ vạch lỗi kẻ khác.

(192).- Tích chuyện tỳ-kheo Úc-gia.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo tên Úc-gia.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo tên Úc-gia, tánh hay kẽ-vạch lỗi-lầm của người khác, và thường hay nói xấu các bạn đồng-tu. Các vị tỳ-kheo khác mới thưa-trình cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ- kheo, nếu có ai nói rõ lỗi-lầm của người khác và chỉ-dạy cho họ cách sửa-chữa lại, thì đó là chẳng phải là một hành-động xấu-ác, đáng chê-trách đâu. Trái lại, nếu có kẻ nào luôn luôn chỉ-trích chỗ sai-lầm của người khác với ý-định hiểm-độc để nói xấu, thì người nầy chẳng thể nào chứng-đắc được định-tâm. Y lại chẳng bao giờ thông-hiểu được Chánh-pháp, và các mối lậu-hoặc nơi người ấy ngày càng gia-tăng."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Kẻ nào cứ thấy lỗi của ai,
Thường sanh lòng chỉ-trích chê-bai,
Lậu-hoặc người đó tăng hoài,
Tiêu-trừ cho sạch, biết ngày nào xong.
(Kệ số 253.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Úc-gia: tên của vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Ujjhànasanni.

- Kẽ-vạch = moi-móc, cố tìm chỗ sơ-hở của kẻ khác để nói ra.

- Chỉ-trích: phê-bình, khen hay chê, thường là có ý chê hơn khen

- Hiểm-độc: Hiểm = nguy-hiểm; Độc = độc-ác. Hiểm-độc là làm việc ác ngầm, dấu ác-ý chẳng cho lộ rõ ra, nên nguy-hiểm lắm.

- Định-tâm: Định = dừng lại, đứng yên; Tâm = lòng. Khi ngồi Thiền, tâm chẳng xao-động, chỉ chú-ý vào đề-mục duy-nhứt là đang có định-tâm.

- Chánh-pháp = Chánh = chơn-chánh, đúng-đắn; Pháp = pháp-tu. Chữ Chánh-pháp (= Dhamma) được hiểu là giáo-pháp của Đức Phật.

- Lậu-hoặc = các phiền-não trong tâm lộ ra bằng hành-động hoặc bằng lời nói. Có ba mối lậu-hoặc chánh: tham, sân, si và các món phụ- thuộc như nghi-ngờ, ngã-mạn, tà-kiến. (Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = điều sai-lầm, lỗi-lầm, phiền-não.)

- Gia-tăng: càng ngày càng nhiều.

- Tiêu-trừ: dẹp bỏ cho tan mất hết.

B.- Nghĩa Ý:

(1)Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một tỳ-kheo có thói xấu hay kẽ-vạch lỗi-lầm của người khác để chê-bai. Việc đó đến tai Đức Phật, Ngài dạy rằng: "Chỉ-dạy lỗi-lầm của kẻ khác và cách sửa-chữa lại cho tốt, là điều đáng làm; nhưng nếu vạch lỗi của kẻ khác để chê-bai, chỉ-trích với ý-định nói xấu, đó là điều nên tránh." Đức Phật lại bảo: "Người hay moi-móc lỗi của kẻ khác để nói xấu, khi tu thiền, chẳng những chẳng thể đắc được định-tâm, mà nơi tâm người ấy, lậu-hoặc sẽ gia-tăng hoài, chẳng gột rửa hết được."

Ý-nghĩa của Tích chuyện là phải thường thường xét đến chính lòng mình, thấy những lỗi-lầm, thiếu- sót của chính mình, hơn là quay sang người đồng-tu, tìm lỗi của họ, để che dấu lỗi của mình. Có như thế mới khiến cho tâm mình dễ an-định, các lậu-hoặc như sân, si, ngã-mạn, ganh-tị lần lần được dũa mòn mà tiêu-tan đi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 253:

Bài Kệ rất rõ nghĩa, chỉ dạy ta phải dẹp bỏ thói xấu chỉ-trích lỗi kẻ khác để che dấu lỗi của mình.

Thử phân-tách ý-nghĩa bài Kệ để tìm các sự ô-uế, các lậu-hoặc xảy ra trong tâm người hay kẽ-vạch:

1) Thấy lỗi kẻ khác, chỉ-trích chê-bai: đây là ác-ý muốn hạ kẻ khác, để ngầm tôn mình lên, đó là một hình-thức của sự ngã-mạn.

2) Lậu-hoặc người đó tăng hoài: Lậu-hoặc nào? Đó là sự ganh-tị, ghen-ghét kẻ khác, thấy ai hơn mình thì chẳng ưa. Người hay ganh-tị lo binh-vực cái Ta của mình, khiến cho cái Ta ấy càng ngày càng to- lớn thêm, chẳng thấy được các lỗi-lầm đầy-dẫy nơi tâm mình. Vì lẽ nầy, bài Kệ mới nói: Tiêu-trừ cho sạch, biết ngày nào xong.

(193).- Tích chuyện ông Tu-bạt-đà-la, vị đệ-tử chót của Đức Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật đến rừng Ta-la, xứ Câu-thi-na, trước khi nhập Niết-bàn, có đề-cập đến vị đệ-tử cuối-cùng của Đức Phật là ông Tu-bạt-đà-la.

Thuở ấy, ở xứ Câu-thi-na có một người Bà-la-môn, sống trên trăm tuổi, thường theo học các vị sư ngoại-đạo, nhưng còn chưa vừa lòng. Khi nghe tin Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, trong rừng Sa-la ở Câu-thi-na, ông Tu-bạt-đà-la mới đến xin yết-kiến Đức Phật, để thưa hỏi về ba câu hỏi mà lòng ông còn thắc-mắc, chưa được ai giải-đáp thoả-đáng cả. Tôn-giả A-nan bấy giờ hầu-cận bên Đức Phật, thấy Phật đang mệt, mới từ-chối chẳng để ông Tu-bạt-đà-la vào gặp Phật. Đức Phật nằm trên giường, giữa hai cây Ta-la, nghe tiếng năn-nỉ của ông Tu-bạt-đà-la, mới gọi Tôn-giả A-nan, bảo hãy đưa ông ấy vào.

Ông Tu-bạt-đà-la, sau khi thăm hỏi Đức Phật, liền nêu lên ba câu hỏi mà từ lâu ông thắc-mắc tìm chưa được lời giải-đáp:

1) Giữa hư-không, có dấu-tích gì chăng?

2) Có vị sa-môn nào đứng bên ngoài Chánh-pháp của Như-lai chăng?

3) Có sự-vật hữu-vi nào mà thường-hằng mãi chăng?

Cả ba câu hỏi, Đức Phật đều đáp là không, và Ngài nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó mà ông Tu-bạt- đà-la, vị đệ-tử cuối cùng của Đức Phật, chứng đắc được quả-vị A-la-hán:

Chẳng vết-tích gì giữa hư-không,
Bên ngoài Chánh-pháp, không Sa-môn.
Phàm-phu thoả-thích trong chướng-ngại,
Chướng-ngại, Như Lai trải qua xong.
(Kệ số 254.)
Chẳng vết-tích gì giữa hư-lhông,
Bên ngoài Chánh-pháp, không Sa-môn.
Các hành hữu-vi chẳng thường-trụ,
Chư Phật Như-lai ổn-cố xong.
(Kệ số 255.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tu-bạt-đà-la: tên vị đệ-tử chót của Phật, tiếng Pali là Subhadda

- Rừng Ta-la, xứ Câu-thi-na: rừng cây Ta-la, thân cây cao lớn, cành lá xanh-tươi, trong xứ Câu-thi-na, nơi Đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn (= mất). Tiếng Pali là cây Sala, xứ Kusinàrà.

- Các sư ngoại-đạo: các giáo-chủ các môn-phái tu khác chống đối với đạo Phật, như nhóm ông Phú- lan-na Ca-diếp (Purana Kassapa, chẳng tin lý-thuyết nghiệp-báo), như nhóm loã-thể Ni-liền-tử (= nhóm Nigandha, tu khổ-hạnh, chẳng mặc quần-áo), v.v.

- Nhập Niết-bàn: vào cảnh-giới Tịch-diệt. Trong Phật-học, chữ Nhập Niết-bàn dùng để chỉ khi các bực Thánh lìa thân-xác nầy (tức là chết đi), được tin là vào cõi vắng-lặng, an-nhiên, tự-tại của Niết-bàn.

- Hư-không: khoảng trống-không bao-trùm tất cả vạn-vật, vũ-trụ. Vì chẳng có bờ-bến, vì chẳng có hình-sắc, nên gọi là hư, tức là chẳng phải có thật để dùng giác-quan mà biết được, nhưng thật có, vì hư-không thì thường-hằng, tồn-tại mãi.

- Dấu-tích, vết-tích: chỗ còn sót lại.

- Sa-môn = tu-sĩ Phật-giáo. Xin nhắc lại: Sa-môn (Pali: Samana) có ba nghĩa: (1) cần-giả (= siêng làm điều thiện), (2) tức-giả (= ngưng dứt làm việc ác), (3) bần-giả (= cam chịu sự nghèo khó để tu- hành); ở đây chữ Sa-môn có thêm một nghĩa nữa là bực Thánh, đã diệt hết các phiền-não, chẳng còn tái-sanh nữa.

- Chánh-pháp của Như-Lai = giáo-pháp do các Đức Phật đã chỉ-dạy. Như-lai (Tathàgata) chỉ pháp- thân của Phật.

- Chướng-ngại: điều ngăn-trở. Ở đây chữ chướng-ngại trỏ vào các lậu-hoặc, phiền-não, như tham-ái, sân-si, ngã-mạn, v.v.

- Hữu-vi: Hữu = có; Vi = làm, tạo-tác ra. Sự-vật hữu-vi là những sự-vật do sự tạo-tác ra mà có, vì thế bị điều-kiện-hoá, nghĩa là do một nguyên-nhơn nào đó mà sanh ra, rồi cũng bị một nguyên-nhơn nào đó làm cho tiêu-diệt đi. Sự-vật hữu-vi, còn gọi là các hành hữu-vi (hành, tiếng Pali là sankhàra) ngày nay ta gọi là các sự-vật bị điều-kiện-hoá, nghĩa là chẳng phải tự-nhiên mà có, mà do nhơn-duyên mà thành, rồi cũng do nhơn-duyên mà diệt đi mất.

- Thường-hằng: thường còn mãi-mãi; trái với chơn-lý vô-thường, theo đó, muôn vật có hình-tướng đều thay đổi, biến-dạng, tiêu-mòn rồi diệt đi, chớ chẳng còn mãi được. Vô-thường, Pali gọi là Anicca.

- Thường-trụ: Thường = luôn luôn, trụ = ở yên mãi một chỗ, chẳng mất. Cùng nghĩa với: thường- hằng, thường-trú, thường-còn.

- Ổn-cố: Ổn = yên-ổn; Cố = cố- =định; Ổn-cố là làm cho yên-ổn, cố-định, chẳng phải thay-đổi, biến- hoại nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện lâm-ly thuật lại việc Đức Phật vào giờ phút chót trước khi lìa đời còn thâu-nhận đệ-tử và chỉ-dạy giáo-lý.

Ông Tu-bạt-đà-la, tin theo ngoại-đạo, đến thưa hỏi Đức Phật ba câu hỏi về Giáo-pháp: (1) Giữa hư- không, có vết-tích gì không? Có lẽ ông muốn biết, ngoài hư-không còn có một cảnh-giới nào khác hơn là các cõi Người và các bực Thánh nữa không?; (2)Bên ngoài Chánh-pháp có Sa-môn không? Có lẽ ông muốn biết, ngoài các vị được chứng-đắc theo Giáo-pháp của các Đức Phật, còn có kẻ nào tu theo ngoại-đạo được thành bực Thánh không?; (3) Các sự-vật hữu-vi có thường-hằng mãi không? Có lẽ ông muốn biết tấm thân năm-uẩn hữu-vi và hữu-lậu nầy, có được thường-còn mãi không?

Trong Kinh Pháp-Cú nầy, Đức Phật trả lời rất vắn-tắt là "Không"; nhưng khi thuật lại việc thưa-hỏi của ông Tu-bạt-đà-la, trong Kinh Đại-Niết-bàn (Đại-bản), phẩm 40, Đức Phật giải-đáp rất cặn-kẽ, nhứt là về cái "Không" và trong Kinh Đại-Niết-Bàn (Tiểu-bản), phẩm 15, kể ra đầy-đủ các bực Thánh, hiền tu theo Bát-chánh-đạo, trong Tứ-diệu-đế.

[Vì vấn-đề nầy rất thâm-sâu, Thiện-Nhựt xin thưa thêm ba điều:

(1) Muốn quán-sát về Không, về Hư-không, phải biết nhìn vào thực-tướng (= tướng thật-sự) của muôn pháp. Thực-tướng nầy là tướng diệt của muôn pháp hữu-vi; thí-dụ, ngọn đèn dầu đang cháy, hết dầu, lửa tắt, thì lửa đi về đâu? Nhìn lửa, trước thì cháy, nay tắt mất đi, đó là tướng diệt, đó là thực-tướng. Hư-không cũng thế, ở cùng khắp nơi, mà ta chưa biết rõ chỗ nào xác-định. Cái Không chính là đó. Vì Hư-không chưa xác-định, làm sao biết có vết-tích gì ở đó cho được.

(2) Trong Tứ-diệu-Đế, chơn-lý thứ tư là Đạo-đế, chỉ rõ con đường thánh-đạo, gồm có tám ngành: Chánh-kiến, Chánh-tư-duy, Chánh-ngữ, Chánh-mạng, Chánh-nghiệp, Chánh tinh-tấn, Chánh-niệm và Chánh-định. Ai theo con đường nầy mà tu-tập, lần-lượt chứng đắc các quả-vị: (a) Tu-đà-huờn, (b) Tư- đà-hàm, (c) A-na-hàm, là ba quả-vị hiền, còn phải tái-sanh, và (d) A-la-hán là quả-vị Thánh, thoát khỏi Luân-hồi. Các vị tu-hành chứng-đắc đó, theo Tích chuyện nầy gọi là Sa-môn. Xét qua sáu phái ngoại-đạo vào thời ông Tu-bạt-đà-la, chẳng có giáo-lý của phái nào có được con đường Thánh-đạo như trong Phật-giáo, vì thế Đức Phật mới bảo: "Ngoài Chánh-pháp của các Đức Phật, chẳng có Sa- môn."

(3)) Chữ Pali Sankhàrà, nghĩa vừa rộng, vừa chẳng được xác-định rõ, thường được dịch tiếng Hán- Việt là Hành.

Nghĩa rộng của chữ Sankhàrà, Hành, là sự kết-hợp và biến-chuyển của một sự-vật gồm có hai phần, phần có hình-sắc và phần vô-hình. Vì là sự kết-hợp và đang biến-chuyển, nên sự-vật ấy được gọi là sự- vật hữu-vi, do các nhơn-duyên trong quá-khứ và hiện-tại mà thành, rồi lại biến-chuyển theo các điều- kiện của các nhơn-duyên hiện-tại và tương-lai mà thay-đổi, hao-mòn rồi biến-diệt mất. Như thế, nghĩa rộng của chữ Sankhàrà, Hành, là tất cả sự-vật trong thế-giới hiện-tượng, thấy được tạo-tác ra, có sự biến-chuyển từ bên trong rồi thay-đổi và diệt mất theo các điều-kiện gọi là các nhơn-duyên. Hữu-vi chính là tánh-cách kết-hợp tạm-thời đó, vì thế nên chẳng thể nào thường-hằng được.

Trong số các nghĩa chẳng xác-định rõ, chữ Sankhàrà, Hành, lại riêng chỉ đến các hiện-tượng tâm-linh, vô-hình nhưng có tướng, nhận thấy rõ trong tâm. Các hiện-tượng tâm-linh đó kết-hợp lại tạm-thời, được gọi là hành-uẩn, thường được giải-thích, một cách vắn-tắt, là các hành-động, lộ ra bên ngoài bằng lời nói hay việc làm. Nhưng các hiện-tượng trong hành-uẩn thường là những ý-tưởng đang biến- chuyển, di-động, nên các dịch-giả Tây-phương thường gọi hành-uẩn là mental formations (= những sự kết-thành của phần tâm-linh đang biến-chuyển). Vì hành-uẩn là uẩn thứ tư trong ngũ-uẩn, nên một nghĩa nữa của chữ Sankhàrà, Hành, lại chỉ đến thân-tâm ngũ-uẩn đang tạm-thời hiện có đây, nhưng rồi sẽ tan-rả mà trở về Không. (Đấy là điều căn-bản

trong Tâm-kinh mà Bồ-tát Quán-tự-tại nói rõ, khi Ngài chuyển pháp Bát-nhã Ba-la-mật, soi thấy thực-tướng của thân-tâm ngũ-uẩn là Không, nên mới vượt qua mọi khổ-nạn được.)

Để tóm-tắt, Thiện-Nhựt xin nhắc lại về ba câu hỏi của ông Tu-bạt-đà-la: (1) về Hư-không, đó tướng diệt của muôn sự-vật, chẳng còn vết-tích gì, nên mới gọi là Không; (2) chẳng hề có bực Sa-môn, hay Thánh-hiền nào cả, trong giới ngoại-đạo, vì họ chẳng biết theo con đường thánh là Bát-Chánh-đạo; (3) trong các hành hữu-vi, tức là các hiện-tượng bị điều-kiện-hoá, thân-tâm ngũ-uẩn nầy là vô-thường.

Kính xin người đọc vui lòng chỉ dạy thêm cho Thiện-Nhựt.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 254 và 255:

Đây là hai bài Kệ rất khó, hai câu khởi đầu giống nhau, hai câu chót của mỗi bài đưa đến hai kết-luận khác nhau:

1) Chẳng vết-tích gì giữa hư-không: những sự-vật có hình-tướng, khi tiêu-diệt, trở về với thực-tướng (=tướng chơn-thật) thì nằm trong Hư-không, chẳng để lại dấu-vết chi. Nhưng nên hiểu ngầm thêm, là bên trong cái Không đã có sẵn cái Có, chỉ chờ hội đủ mọi nhơn-duyên để lại hiện lên.

2) Bên ngoài Chánh-pháp, chẳng Sa-môn: chẳng ai chứng được bực Thánh, gọi là Sa-môn, mà chẳng tu theo Bát-chánh-đạo trong Chánh-pháp của các Đức Phật cả. Nên hiểu ngầm thêm, giáo-lý của bất cứ phái-tu nào thiếu Bát-Chánh-đạo, thì đó là tà-đạo, chớ tin theo.

3) Phàm-phu thoả-thích trong chướng-ngại; Chướng-ngại Như-lai trải qua xong: Chướng-ngại đây là các phiền-não, lậu-hoặc như tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến, phàm-phu chẳng biết sự độc-hại, nên thoả-thích trong đó; còn các Đức Như-lai đã dứt trừ chúng xong.

4) Các hành hữu-vi chẳng thường-trụ, Chư Phật Như-Lai ổn-cố xong: Các hành hữu-vi, ở đây, trỏ vào năm uẩn của thân-tâm. Phàm-phu chẳng biết, cho đó là thường còn; còn chư Phật Như-lai, dùng Trí- huệ Bát-nhã quán-chiếu thấy thân-tâm năm uẩn thấy vừa rỗng-rang, lại vừa giả-tạm, nên đạt đến giác- ngộ và giải-thoát, được tự-tại trong cảnh an-nhiên, tịch-diệt, đó tức là các bực Đại-giác đã ổn-cố xong.

-ooOoo-

XIX.- Phẩm PHÁP-TRỤ.

(194).- Tích chuyện các vị thẩm-phán.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị thẩm-phán xét-xử chẳng đúng theo luật-pháp.

Một hôm, có các vị tỳ-kheo đi khất-thực xong, trở về tịnh-xá, gặp cơn mưa to, mới đến tạm trú ngoài hàng hiên của một toà-án. Trong khi đó, bên trong phòng án, các vị thẩm-phán đang phân-xử các vụ kiện. Các vị tỳ-kheo nhận thấy rằng, khi phán-quyết,

có vị thẩm-phán lại định-đoạt một cách chuyên- chế, xử chẳng công-bằng, vì đã trót nhận tiền hối-lộ của những người kiện-tụng. Khi ra về đến tịnh-xá, các vị tỳ-kheo thưa trình cùng Đức Phật những điều đã nghe thấy tại toà-án. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, khi phân-xử các mối tranh-chấp, nếu để cho tình-cảm hay tiền-bạc lôi-cuốn, thì đó chẳng phải là những vị thẩm-phán công-minh chánh-trực, chẳng phải là người tuân-phục vào luật-lệ. Chỉ khi nào xét-xử vô-tư, dùng trí thông-minh quyết-đoán đúng theo luật-lệ, bấy giờ mới xứng danh là một vị thẩm-phán công-bằng, an-trú nơi luật-pháp."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Chẳng phải là người an-trụ pháp,
Kẻ nào chuyên-chế phán-xét ai.
Chánh-tà, đen-trắng, cả hai,
Xử-phân rành-rẽ, người tài-trí cao.
(Kệ số 256.)
Chẳng chuyên-chế, thật công-bằng
Đúng theo luật-pháp dẫn đường dân đen.
Hộ-trì sáng-suốt nền luật-pháp,
Đấy mới xứng-danh bực Pháp-trụ.
(Kệ số 257.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Pháp-Trụ: Pháp = có hai nghĩa: luật-pháp và giáo-pháp; Trụ = ở yên nơi đó. Người trụ-pháp luôn tuân-phục luật-pháp và giáo-pháp.

- Thẩm-phán: quan Toà, người phân-xử các sự tranh-chấp.

- Toà-án: nơi xét-xử các cuộc tranh-chấp, ấn-định hình-phạt.

- Phán-quyết = quyết-định về phải, quấy, của quan Toà.

- Chuyên-chế: Chuyên = nghiêng riêng về một phía; Chế = bó-buộc. Người chuyên-chế bắt kẻ khác phải theo ý riêng của mình.

- Kiện-tụng = tranh-cãi nhau phải nhờ Toà-án phân-xử.

- Công-minh chánh-trực: Công = ngay-thẳng; Minh = sáng-suốt; Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Trực = thẳng. Quan Toà công-minh chánh-trực thì xử-đoán công-bằng, phải quấy, chánh tà thật rõ- ràng.

- Vô-tư: Vô = chẳng; Tư = riêng, thiên-vị. Người vô-tư là người công-bình, chẳng riêng vị bụng người nào mà bẻ vẹo công-lý.

- An-trụ pháp: có hai nghĩa: (1) lúc nào cũng giữ đúng theo luật-pháp trong xã-hội; (2) luôn tuân theo đầy-đủ các giới-luật trong Đạo.

- Hộ-trì: Hộ = bảo-vệ; Trì = giữ-gìn. Hộ-trì luật-pháp là giữ cho nền luật-pháp được sáng-tỏ và được mọi người biết tuân-theo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ: một nhóm tỳ-kheo nhận-xét cách xét-xử thiếu công-bằng của thẩm-phán nơi toà-án, mới thưa trình cùng Đức Phật. Đức Phật nhơn đó mới chỉ dạy thế nào là người trụ-pháp. Đức Phật bảo: "Người có nhiệm-vụ phân-xử phải thật công-bằng, chớ nên vì tình-cảm hay vì tiền bạc mà xét đoán thiếu vô-tư. Bực pháp-trụ là người xét-xử đúng theo luật-pháp, chẳng chút nào thiên-vị."

Ý-nghĩa của Tích chuyện là ngoài việc tuân-hành các luật-lệ trong xã-hội, còn có việc tuân-phục các giới-luật trong Đạo, các lời chỉ-dạy trong Chánh-pháp nữa. Kẻ tuân theo đầy-đủ, giới-đức thanh-tịnh, mới được gọi là bực pháp-trụ.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 256 và 257:

Cả hai bài Kệ, ý-nghĩa rất sáng-tỏ rõ-ràng, nói đến những bực tuân-trì luật-pháp trong xã-hội, để phân- xử các mối tranh-chấp của người dân. Đấy là những người xét-xử vô-tư, chẳng thiên-vị, xứng-đáng với danh-nghĩa là bực Pháp-trụ.

(195).- Tích chuyện sáu vị tỳ-kheo ba-hoa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến thái-độ ăn nói ba-hoa của sáu vị tỳ-kheo.

Thuở ấy, có sáu vị tỳ-kheo thường hay gây nên sự xáo-trộn nơi phòng ăn trong tu-viện hay ở làng-mạc. Một hôm, trong khi các vị Sa-di đang thọ-thực, nhóm sáu vị tỳ-kheo đó bước vào trai-đường, nói vang lên: "Nầy các chú Sa-di, các chú phải biết chúng ta đây là bực hiền-trí." Rồi họ lại đẩy bàn, kéo ghế, tranh nhau chỗ ngồi cao, làm mất cả trật-tự và sự yên-lặng nơi phòng ăn. Khi Đức Phật biết được sự- việc ấy, Ngài bảo rằng: ‘Nầy chư tỳ-kheo, Như-Lai chẳng gọi là bực hiền-trí, những kẻ hay ăn nói ba- hoa, chẳng nể-nang kẻ khác, làm mất lòng người chung-quanh. Chỉ những người chẳng đem lòng thù- hận kẻ khác, chẳng hại người, mới xứng-danh là bực hiền-trí."

Rồi Đức Phật mơí nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng phải trở thành người hiền-trí,
Kẻ đã lắm lời nói ba-hoa.
Chẳng thù, chẳng sợ, an-hoà,
Bực hiền-trí đó mới là xứng-danh.
(Kệ số 258.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ba-hoa: ăn nói xấc-xược, lia lia cái miệng chẳng ngừng.

- Sa-di: người mới vào tập-sự tu-hành trong chùa, chưa thọ-giới tỳ-kheo; tiếng Pali là Sàmanera.

- Thọ-thực: Thọ = nhận; Thực = ăn. Tiếng nhà chùa nghĩa là ăn cơm

- Trai-đường: Trai = bữa ăn chay: Đường: nhà. Trai-đường là phòng ăn trong chùa.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành; Trí = trí-huệ. Hiền-trí là người hiền-lành, có trí thông-minh; theo nghĩa trong Phật-học, đó là người có giới-đức thanh-tịnh, thông-hiểu Chánh-pháp, còn gọi là thiện-tri-thức.

- Như-Lai: tiếng Đức Phật tự-xưng khi nói với đệ-tử. Pali là Tathàgata. (Như = như thế, Lai = đến; bực đã đến đây như thế)

- An-hoà: An = an-ổn; Hoà = hoà-thuận. Người an-hoà sống yên-ổn, hiền-lành, chẳng gây sự chống- đối với kẻ khác.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại thái-độ ba-hoa của sáu vị tỳ-kheo gây xáo-trộn trong phòng ăn. Đức Phật dạy, muốn xứng-danh là bực hiền-trí, phải là người chẳng thù-hận, an-hoà, chẳng làm hại đến kẻ khác.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 258:

Bài Kệ chê thái-độ ba-hoa của kẻ lắm lời và nêu ra ba đức-tánh tốt của bực hiền-trí: chẳng hận-thù, chẳng sợ-hãi và sống an-hoà với mọi người.

(196).- Tích chuyện Trưởng-lão Nhứt-Kệ-tụng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Trưởng-lão chỉ thuộc lòng có mỗi một bài Kệ, nên được biệt-hiệu là tỳ-kheo Nhứt-Kệ-tụng.

Thuở ấy, có một vị Tỳ-kheo sống ẩn-cư trong một khu rừng ở xứ Xá-vệ. Vào ngày rằm, vị ấy thường đọc-tụng bài Kệ duy-nhứt mà vị ấy thuộc, cho dân-chúng nghe. Hôm ấy, có hai vị Trưởng-lão rất thông-thạo Chánh-pháp, dẫn một nhóm đông tỳ-kheo vào rừng, để thực-tập Thiền-định. Tỳ-kheo Nhứt- Kệ-tụng mới thỉnh hai vị ấy đăng-đàn thuyết-pháp. Hai vị hỏi, có nhiều người đến nghe chăng; vị tỳ- kheo ẩn-cư đáp, dân-chúng đến nghe cũng khá đông, mà các vị thọ-thần trong khu rừng cũng nhiệt-liệt tán-thưởng nữa. Hai vị liền nhận lời nói pháp. Sau thời pháp, dân-chúng ngồi nghe, giữ im-lặng, còn các thọ-thần trong rừng cũng chẳng thấy tán-thán như thường-lệ. Hai vị Trưởng-lão rất ngạc-nhiên, và mời tỳ-kheo Nhứt-Kệ-tụng thử lên nói pháp xem sao. Vị tỳ-kheo vâng lời, lấy cây quạt che mặt lại và tụng-đọc bài Kệ quen thuộc rồi giảng nghĩa rành-rẽ. Dân-chúng tỏ vẽ rất hài lòng, các thọ-thần cũng tán-thưởng nhiệt-liệt.

Khi trở về tịnh-xá, các vị tỳ-kheo mới thưa trình sự-việc cùng Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, dân-chúng và các thọ-thần trong rừng đã tỏ ra thiên-vị trong việc tán-thán Tỳ-kheo Nhứt-kệ-tụng, mà họ chẳng biết khen-tặng hai vị Trưởng-lão của chúng con là những

người rất thông-thạo Chánh-pháp." Đức Phật đáp: 'Nầy chư tỳ-kheo, Như-Lai chẳng gọi là thông-thạo Chánh-pháp, kẻ nào đã học nhiều và nói lắm về Chánh-pháp. Người thông-thạo Chánh-pháp, mặc dầu chỉ thuộc một bài Kệ duy-nhứt, nhưng thấu- hiểu tường-tận về Tứ-Diệu-đế, luôn luôn tỉnh-thức, đó mới là người trì-pháp thật cao."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng phải trở thành người trì-pháp,
Kẻ đã lắm lời nói ba-hoa.
Tuy nghe ít nhưng mà trực-chứng,
Chẳng lảng-xao Giáo-pháp chút nào,
Đấy là người trì-pháp thật cao.
(Kệ số 259.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Nhứt-Kệ-tụng: biệt-hiệu nầy, tiếng Pali là Ekudàna (Eka = một; Udàna = bài Kệ nói lên cảm-hứng của Đức Phật, trong Tiểu-Bộ-Kinh)

- Ẩn-cư = ở ẩn, sống riêng một mình nơi vắng-vẻ.

- Duy-nhứt: chỉ riêng có một mà thôi.(Nhứt = một.)

- Thực-tập Thiền-định = tập-luyện việc ngồi Thiền, nhập định.

- Đăng-đàn: Đăng = leo lên; Đàn = cái đài cao để làm lễ, hay để nói chuyện với công-chúng. Đăng- đàn là bước lên đài để nói pháp.

- Thọ-thần: Thọ = cây to sống lâu năm; Thần = thần-linh. Thọ-thần là thần-linh sống dựa trên cây cổ- thọ.

- Tán-thán, tán-thưởng = khen-ngợi.

- Hài-lòng = vui lòng, mừng-rỡ.

- Thiên-vị = Thiên = nghiêng qua một bên; Vị = vì-nể. Thiên-vị là thiếu sự công-bằng, trọng người nầy hơn người kia.

- Tứ-Diệu-Đế: Tứ =bốn; Diệu = nhiệm-mầu; Đế = Chơn-lý. Bốn Chơn-lý nhiệm-mầu: (1)Khổ-đế, đời là khổ; (2) Tập-đế, nguyên-nhơn của Khổ là tham-ái; (3) Diệt-đế, sự chấm-dứt Khổ, tức là Niết-bàn; ...

(4) Đạo-đế, con đường Thánh-đạo đưa ta ra khỏi cảnh khổ của cuộc tái-sanh trong Luân-hồi. Con đường đó là Bát-Chánh-đạo.

- Tỉnh-thức: Tỉnh = tỉnh-táo, chẳng mê; Thức = biết rõ. Người tỉnh-thức là người luôn luôn chú-tâm, đang làm, nói, nghĩ gì, thì trong tâm biết rõ mình đang làm, nói, nghĩ về điều đó, và chỉ điều đó mà thôi.

- Trì-pháp: Trì = giữ-gìn, hộ-trì; Pháp = Chánh-pháp. Trì-pháp ở đây cùng một nghĩa với chữ Pháp- trụ, an-trụ nơi Chánh-pháp.

- Trực-chứng: Trực = thẳng, chẳng qua trung-gian của ai hay vật gì; Chứng = chính mình thấy, nghe và biết rõ, chớ chẳng phải chỉ nghe kẻ khác nói rồi tin theo.

- Giáo-pháp = giáo-lý, Chánh-pháp, lời giảng-dạy trong Đạo.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị tỳ-kheo chỉ học thuộc có một bài Kệ duy-nhứt, nhưng rất thông-thạo Chánh-pháp, nên được Đức Phật khen là người biết trì-pháp.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: về Chánh-pháp, chỉ cần hiểu thật thấu đáo nghĩa Tứ-diệu-đế, lòng luôn luôn tỉnh-thức, đó mới thật là người đang trụ-pháp.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 259:

Thử phân-tách từng câu bài Kệ:

1) Chẳng phải trở thành người trì-pháp, Kẻ đã lắm lời nói ba-hoa: Mặc dầu thông-hiểu Chánh-pháp, nếu nói quá nhiều, để tỏ ra mình hiểu rõ giáo-lý; đó chẳng phải là người trì-pháp mà là người khoe- khoang sự hiểu-biết.

2) Tuy nghe ít nhưng mà trực-chứng: nghe ít mà hiểu thấu-đáo, chính mình nhận thấy được sự tu-hành có hiệu-quả tốt đến bổn-thân mình, đó gọi là trực-chứng, tu mà biết mình đang tu thật-sự.

3) Chẳng lảng-xao Giáo-pháp chút nào: tâm luôn luôn nhớ đến Chánh-pháp, biết giữ thân, miệng, ý theo đúng giới-luật, đó mới thật là trì-pháp, giữ-gìn pháp mãi trong tâm.

4) Đấy là người trì-pháp thật cao: Cao, vì chẳng có lúc nào sơ-hở hay quên Chánh-pháp cả.

(197).- Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia

Tích Chuyện nầy hơi giống Tích chuyện số (65).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Trưởng-lão Phát-di-gia.

Thuở ấy, có Trưởng-lão Phát-di-gia tu-hành rất tinh-tấn, chứng-đắc được quả-vị A-la-hán. Vì Trưởng- lão người thấp-lùn, nên thường bị các tỳ-kheo trẻ tuổi gán cho biệt-hiệu là Lakundaka, có nghĩa là người lùn-tịt. Một hôm có ba mươi vị tỳ-kheo ở phương xa đến yết-kiến Đức Phật. Đức Phật quán-thấy đã đủ cơ-duyên cho các vị ấy chứng-đắc được đạo-quả, nên khi họ vừa ngồi xuống bên cạnh, Đức Phật liền hỏi: "Nầy chư tỳ-kheo, khi quí-vị bước vào đại-sảnh, quí-vị có thấy một vị Trưởng-lão nào chăng?" Các vị tỳ-kheo thưa: "Bạch Thế-tôn, khi bước vào đại-sảnh, chúng con chẳng thấy có vị Trưởng-lão nào cả, chỉ thấy một chú Sa-di thấp-lùn mà thôi." Đức Phật bảo: "Nầy chư Tỳ-kheo, vị đó chẳng phải là Sa-di, tuy người thấp-lùn và rất khiêm-tốn,

nhưng tu-hành thật tinh-tấn, chứng-đắc quả- vị A-la-hán rồi. Như-Lai chẳng gọi là Trưởng-lão, những ai vì đầu bạc, đạo-mạo trông như một Trưởng-lão; chỉ bực nào thông-suốt Tứ-Diệu-Đế, chẳng hề sanh tâm làm não-hại đến chúng-sanh, Như-Lai mới gọi đó là bực Trưởng-lão".

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó mà các vị tỳ-kheo du-phương chứng được quả-vị A- la-hán:

Đâu thành vị tăng Trưởng-Lão,
Chỉ nhờ nay đã bạc đầu.
Dầu cho tuổi hạc đã cao,
Chỉ đáng sắp vào hàng Lão-ngu-tăng.
(Kệ số 260.)
Ai thông Chơn-lý Tứ-Diệu-Đế,
Sống theo chánh-hạnh, chẳng hại người
Các căn điều-phục, biết tự-chế,
Lậu-hoặc dứt, trí-huệ sáng ngời,
Mới xứng-danh là bực Trưởng-lão. (Kệ số 261.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phát-di-gia: tên của vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Bhaddiya.

- Tính-tấn: Tinh = tinh-tuý, đẹp-đẽ, trong-sạch; Tấn = tấn-bộ, đi tới. Tu-hành tinh-tấn là tu-hành có tấn-bộ, ngày càng tốt-đẹp hơn.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, vào hàng Thánh, dứt hết các phiền-não, lìa mọi tham-muốn, khỏi phải tái-sanh trong vòng Luân-hồi nữa. Tiếng Pali là Arahant là con người tự-tại.

- Biệt-hiệu: Biệt = riêng; Hiệu = tên đặt thêm, gán cho ai, hay tự-gán cho mình.

- Lakundaka = lùn-tịt, lùn-xịt; đọc theo giọng Việt: La-cun-đa-ca.

- Quán-thấy: nhìn thấy rõ trong tâm, bằng con mắt-tâm.

- Cơ-duyên: Cơ =cơ-hội; Duyên = duyên may. Có đủ dịp may.

- Đạo-quả: Trong việc tu-hành, biết rõ con đường tu-hành, công-việc phải làm như thế nào, đó là chứng Đạo; khi tu-tập thuần-thục, có kết-quả tốt đến bổn-thân, tánh-tình, tâm-trí mình, đó là chứng Quả. Tiếng Pali: Đạo = Magga; - Quả = Phala.

- Đại-sảnh: Đại = lớn; Sảnh = phòng. Đại-sảnh là phòng khách.

- Trưởng-lão: Trưởng = lớn tuổi; Lão = già. Ở đây chữ Trưởng-lão được dùng để tạm-dịch chữ Pali Thera, bực tu lâu năm, đã chứng-đắc đạo-quả; thường là bực A-la-hán. Phái-nữ là Theri, Nữ-trưởng- lão.

- Sa-di: người mới vào chùa, tập-sự tu, chưa thọ giới tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera. Phía phụ-nữ là Sa-di-ni.

- Khiêm-tốn: khiêm-nhường, nhũn-nhặn, chẳng hề phách-lối.

- Đạo-mạo: Đạo = đạo-đức; Mạo = dung-mạo, hình-dáng. Người đạo-mạo là người có hình-dung bên ngoài trang-nghiêm, đạo-đức.

- Tứ-Diệu-Đế = bốn Chơn-lý nhiệm mầu, trong Đạo Phật. Đó là: Khổ-đế, Tập-đế, Diệt-đế và Đạo-đế. Xin xem lại bài trước, trang 581.

- Não-hại: Não = gây ra phiền-não; Hại = gây ra tai-hại.

- Chúng-sanh: Chúng = số đông; Sanh = có mạng sống. Chữ chúng-sanh chỉ tất cả sanh-vật, có mạng sống, như Trời, thần-linh, người, thú-vật, những kẻ còn trôi lăn trong vòng sanh-tử Luân-hồi. Trong Phật-học, chúng-sanh đối nghĩa với Thánh-hiền, bực giải-thoát.

- Du-phương: Du = đi đó đây; Phương = phương-hướng. Các vị tỳ-kheo du-phương đi đó đi đây, để tìm học thêm ở các vị tu-hành khác.

- Tăng: nam-tu-sĩ Phật-giáo, chữ Phạn Sangha, đọc là Tăng-già.

- Tuổi hạc = tuổi sống lâu như con chim hạc già.

- Lão-ngu-tăng: tiếng khinh-khi những kẻ già đời tu-hành mà chẳng biết đạo-pháp, chẳng chút trí-huệ, dốt-nát về kinh-kệ.

- Chánh-hạnh: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Hạnh = tánh-hạnh.

- Các căn điều-phục: Có sáu căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Điều-phục là kềm-chế, giữ cho đàng- hoàng. Điều-phục các căn là giữ-gìn các giác-quan, chẳng ham chạy theo các thú-vui của cảnh vật bên ngoài, chẳng để cho ý bên trong dắt tâm đi lang-thang, mất cả sự chú-tâm. Đó còn gọi là tự-chế, tự mình kềm-chế lấy mình.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = điều sái-quấy. Chữ Lâu-hoặc trong Phật-học, chỉ các phiền-não tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến, chợt nổi lên trong tâm, rỉ chảy ra, bộc-lộ ra bằng lời nói thô-cọc hay bằng hành-động xấu-ác, để mình bị ràng-buộc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc các vị tỳ-kheo du-phương lầm nhận Trưởng-lão Phát-di-gia là một chú Sa- di, vì dáng-vóc thấp-lùn của Trưởng-lão. Đức Phật cho biết Trưởng-lão đã chứng được quả-vị cao nhứt là A-la-hán, dứt sạch các phiền-não, sống khiêm-tốn, chẳng hề làm tổn-não ai. Nhơn đây, Đức Phật nêu rõ vài đức-tánh của môt bực Trưởng-lão: thông-suốt Tứ-Diệu-Đế, từ-bi đối với mọi chúng-sanh.

(2) Ý-nghĩa hai bài Kệ số 260 và 261:

Bài Kệ số 260 nói đến các vị tu-hành lâu năm, tuổi đã cao mà trí-huệ vẫn chưa phát-triển, được Đức Phật xếp vào hàng Lão-ngu-tăng.

Bài Kệ số 261 nêu rõ các đức-tánh của một vị Trưởng-lão:

- (1) thông-suốt bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu, biết đời là khổ, biết khổ do tham-ái mà ra; biết sự diệt khổ trong cảnh-giới Niết-bàn và biết con đường thánh-đạo (Bát-Chánh-đạo) đưa đến sự diệt-khổ;

- (2) sống theo giới-hạnh;

- (3) chẳng não-hại chúng-sanh;

- (4) tự-chế để điều-phục các căn;

- (5) dứt-trừ hết mọi lậu-hoặc;

- và (6) nhứt là trí-huệ sáng ngời trong sự giác-ngộ và giải-thoát.

(198).- Tích chuyện các tỳ-kheo ganh-tị.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ-kheo hay ganh-tị.

Thuở ấy ở chùa Kỳ-viên, có thông-lệ là các vị Sa-di trẻ tuổi thường phục-vụ, hầu-hạ các vị Trưởng-lão là thầy dạy Đạo cho họ. Họ làm những việc lặt-vặt để giúp cho thầy, như rửa bát, giặt quần-áo, sắp-xếp giường chiếu, v.v. Có một nhóm tỳ kheo trung-niên thấy thế, sanh lòng ganh-tị, cũng muốn được hầu- hạ, bàn tính cùng nhau, đến trình với Đức Phật, xin hãy bảo các Sa-di đến học-hỏi kinh-nghiệm tu-tập và Giáo-lý nơi họ, vì họ cũng có tài hùng-biện, thông-suốt về giáo-pháp, diễn-giảng rất giỏi. Đức Phật

quán-thấy tâm-địa ích-kỷ của họ, muốn được phục-vụ như các vị Trưởng-lão, nên bác-bỏ đề-nghị ấy. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, Như-lai chẳng gọi là bực hiền-thiện, kẻ nào tự cho mình có tài hùng- biện, thuyết-pháp giỏi. Chỉ những ai đã diệt sạch được lòng ganh-tị, bụng ích-kỷ, chứng được đạo-quả A-la-hán, Như-Lai mới gọi đó là các bực hiền-thiện."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Nào phải do tài hùng-biện,
Chẳng vì đẹp-đẽ sắc-diện,
Mà thành được người hiền-thiện,
Nếu tâm còn ganh, ích-kỷ, kiêu-căng.
(Kệ số 262.)
Ai là người cắt được tâm ấy,
Góc rễ đào lên đem diệt hết,
Trí-huệ sáng ngời trừ sân-hận,
Mới xứng là người hiền-thiện vậy.
(Kệ số 263.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ganh-tị: ghen-ghét, đòi hơn kẻ khác, cà-nanh.

- Thông-lệ: Thông = thông-thường, thường thấy; Lệ: tục-lệ.

- Phục-vụ: Phục = làm tròn; Vụ = công-việc. Phục-vụ là hầu-hạ.

- Thầy dạy Đạo = tiếng trong chùa gọi là thầy bổn-sư, vị thầy dạy đạo-lý tu-hành cho mình. (Bổn = gốc, Sư = thầy; vị thầy gốc của mình.)

- Trung-niên: Trung = giữa, Niên = năm, tuổi. Trung-niên là tuổi vào khoảng bốn, năm mươi.

- Sa-di: Xin nhắc lại: người mới tập-sự tu, chưa thọ-giới tỳ-kheo, trong chùa thường gọi là chú tiểu. Tiếng Pali là Sàmanera.

- Hùng-biện: Hùng = hùng-hồn; Biện = biện-luận. Tài hùng-biện là tài ăn nói khéo, hay, khiến người nghe dễ tin theo.

- Tâm-địa: Tâm = lòng; Địa = đất. Nghĩa bóng, tâm-địa là tâm-trạng, bụng-dạ thật-sự ra sao; tiếng bình-dân gọi là... đúng tim-đen.

- Ích-kỷ:Ích = có lợi;Kỷ =chính mình. Kẻ ích-kỷ chỉ biết lợi cho mình

- Hiền-thiện: Hiền = hiền-lành, Thiện = lành. Ở đây, chữ Hiền-thiện được dùng để chỉ những người tu- hành cao, tánh hiền-hoà, có trí

- Sắc-diện: Sắc = hình-sắc; Diện = khuôn mặt. Sắc-diện = vẻ mặt.

- Sân-hận: Sân = giận; Hận = hờn, thù. Sân thì giận-dữ, quát-tháo một lúc rồi thôi; còn Hận, hờn, thì căm-tức, để ngầm lâu trong bụng, dai hơn, khó trị tận gốc hơn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại các tỳ-kheo ganh-tị với các vị Trưởng-lão; họ bàn nhau trình Đức Phật, bảo các Sa-di đến học ở họ, để họ được hầu-hạ như các vị Trưởng-lão. Đức Phật biết rõ tâm-địa ích-kỷ, ganh-tị của họ nên bác-bỏ. Ngài dạy thêm rằng, bực thầy hiền-thiện là người đã dứt-bỏ hẳn sự ganh-ghét và lòng ích-kỷ.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 262 và 263:

Bài Kệ số 262 nêu rõ: tài hùng-biện, vẻ mặt đẹp-đẽ, là bề ngoài; chỉ khi tâm hết ganh-ghét, ích-kỷ, mới làm nên bực hiền-thiện.

Bài Kệ số 263 tiếp theo ý bài Kệ trước, quan-trọng là câu: Gốc-rễ đào lên đem diệt hết. Gốc-rễ của ganh-tị, ích-kỷ là gì? Đó là cái Ta, cái Tự-kỷ, cái Ngã, ở trong tâm, lúc nào cũng muốn Mình hơn kẻ khác. Bỏ dứt hẳn được cái Ta đó, gọi là Vô-ngã, mới là người hiền-thiện. Việc tu-tâm quan-trọng chính là ở đó: dẹp bỏ tận rễ cái Ngã.

(199).- Tích chuyện tỳ-kheo Hạt-tha-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo tên là Hạt-tha-ca.

Thuở ấy, có vị tỳ-kheo Hạt-tha-ca thường hay tranh-luận với các du-sĩ ngoại-đạo, nhưng vì đuối lý nên chẳng thắng được họ. Tỳ-kheo Hạt liền hẹn với họ, sẽ gặp nhau lại ở một nơi khác. Đến gần giờ hẹn, ông Hạt liền đến sớm, chưa thấy các du-sĩ tới nơi, mới vênh-váo bảo mọi người là bọn ngoại-đạo đã chịu thua tài biện-luận của mình, nên chẳng đến nơi hẹn. Mánh-lới nầy đến tai Đức Phật. Ngài liền cho gọi tỳ-kheo Hạt-tha-ca đến và bảo: "Nầy tỳ-kheo Hạt-tha-ca, tại sao ông lại có thái-độ giả-dối như thế? Chẳng phải cạo trọc đầu mà có được danh-nghĩa Sa-môn. Kẻ đã dứt trừ xong mọi ác-ý mới là Sa- môn."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Cạo đầu chưa hẳn là Sa-môn,
Nếu hay nói dối, thiếu giới-hạnh,
Tham-dục, luyến-ái vẫn còn mạnh,
Sao được xứng-danh là Sa-môn.
(Kệ số 264.)
Ai khắc-phục, hoàn-toàn lìa bỏ,
Hành-động ác, cả lớn lẫn nhỏ,
Đã vượt qua hết các điều tà,
Mới xứng-danh là bực Sa-môn.
(Kệ số 265.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Hạt-tha-ca: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Hatthaka.

- Tranh-luận: cãi nhau về nghĩa-lý. Còn gọi là biện-luận.

- Du-sĩ ngoại-đạo: tu-sĩ đi lang-thang, chẳng theo đạo Phật.

- Đuối lý = thiếu lý-lẽ để tranh hơn với kẻ khác khi cãi nhau.

- Vênh-váo: vẻ phách-lối, tự cho mình là tài-giỏi, nói oang-oang.

- Mánh-lới: mưu-kế gian-xảo.

- Sa-môn: tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là Samana. Sa-môn có ba nghĩa:(1) dứt sự ác; (2) siêng việc thiện; (3) cam-chịu nghèo-khó để tu

- Cạo đầu: theo giới-luật nhà Phật, khi bước vào đường tu, phải cạo đầu, cắt hết râu tóc; tiếng Hán là thế-phát (thế =cắt; phát = tóc.)

- Giới-hạnh: Giới = các điều răn-cấm trong Đạo; Hạnh = đức-hạnh.

- Tham-dục: Tham = ham quá chừng; Dục = muốn.

- Luyến-ái: Luyến = mê-luyến, tríu-mến; ái = thương, thích.

- Khắc-phục = thắng được, dẹp bỏ được.

- Điều tà = điều sái-quấy; Tà là xiêng-xéo, chẳng chơn-chánh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc tỳ-kheo Hạt-tha-ca thường đuối lý khi tranh-luận với các du-sĩ ngoại-đạo. Hạt-tha-ca dùng mánh-lới gian-xảo, hẹn gặp lại họ để cãi tiếp, nhưng lại đến trước giờ hẹn, rồi tuyên- bố láo là họ chịu thua chẳng dám đến. Đức Phật quở thái-độ gian-dối đó của tỳ-kheo Hạt-tha-ca, và dạy rằng: "Cạo đầu chưa phải hẳn là Sa-môn; đó chỉ là bề ngoài; còn bên trong tâm, phải dứt hết mọi ác-ý, gian-xảo, mới xứng-danh là Sa-môn."

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 264 và 265:

Bài Kệ số 264 kể ra những thiếu-sót và lỗi-lầm của một tu-sĩ còn chưa xứng-đáng là một Sa-môn: (1) nói dối, đây là giới cấm thứ tư trong ngũ-giới (= năm giới của người tu tại-gia); (2) thiếu giới-hạnh, chẳng tuân theo giới-luật; (3) tham-dục, ham muốn điều sái-quấy; (4) luyến-ái, bấu-víu, bám chặt vào các thú-vui.

Xét cho kỹ, các điều thiếu-sót nầy bắt nguồn từ ý-nghĩ quá tôn-trọng cái Ta, muốn mình hơn kẻ khác, tham muốn và bấu-víu vào các thú-vui vật-chất. Một vị Sa-môn xứng với danh-nghĩa, bên trong phải gột rửa dứt sạch cái Ta, cũng như bên ngoài đã cạo hết râu tóc vậy.

Bài Kệ số 265, tiếp-tục ý-nghĩa thanh-tịnh-hoá thân-tâm của bài Kệ trước, khuyên ta nên vượt qua hết mọi điều tà, mới xứng-danh là Sa-môn. Như ba nghĩa căn-bản của chữ Sa-môn đã dạy rõ: (1) cần-giả là siêng làm điều thiện; (2) tức-giả là dứt bỏ hết các điều ác; (3) bần-giả là cam chịu sự nghèo-khó để tu-hành, câu "Hoàn-toàn lìa bỏ các hành-động ác, cả lớn lẫn nhỏ", đó chính là ý-nghĩa thứ hai của chữ Sa-môn.

(200).- Tích chuyện người Ba-la-môn tự nhận là tỳ-kheo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người Bà-la-môn đi khất-thực, tự-nhận mình là Tỳ-kheo.

Thuở ấy, có một người thuộc giai-cấp Bà-la-môn thường đi khất-thực. Ông ta nghĩ rằng, mình đi khất- thực cũng như những tu-sĩ Phật-giáo, vậy mình cũng là một tỳ-kheo. Ông đến gặp Đức Phật và nói lên ý ấy. Đức Phật bảo: "Nầy Bà-la-môn, ta chẳng gọi ông là Tỳ-kheo chỉ vì ông đi khất-thực. Kẻ nào còn

mang tà-kiến ngoại-đạo trong tâm, chẳng phải là một tỳ-kheo. Tỳ-kheo còn phải luôn luôn quán-chiếu thâm-sâu về Chơn-lý: muôn pháp đều vô-thường, khổ, vô-ngã."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo đâu chỉ mang bình-bát
Đi lang-thang khất-thực từng nhà.
Tuân-hành Chánh-pháp cần thông-đạt,
Mới xứng-danh Khất-sĩ Tăng-già.
Chỉ ăn xin, đó là hành-khất.
(Kệ số 266.)
Người vượt lên trên ác cùng thiện,
Phạm-hạnh hoàn-toàn đang thực-hiện,
Bước đường đời, thẩm-sát và suy-tư,
Mới thật xứng danh là bực Tỳ-kheo.
(Kệ số 267.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ trong xã-hội xưa ở Ấn-độ; tiếng Pali là Brahmana.

- Khất-thực: Khất = xin; Thực = ăn. Theo giới luật nhà Phật, tỳ-kheo chẳng được phép có nghề riêng để sanh-sống, phải hạ mình xuống đi xin ăn (để dẹp lòng tự-ái của cái Ta) và cũng có dịp gặp dân- chúng để giảng-dạy đạo-lý cho họ. Tỳ-kheo còn gọi là Khất-sĩ.

- Tà-kiến: Tà = xiêng-xéo, chẳng chơn-chánh; Kiến = ý-kiến. Tà-kiến có rất nhiều, thường kể ra hai tà-kiến nầy: (1)thường-kiến: tin rằng con người có linh-hồn bất-diệt, dầu có làm tội-ác gì, linh-hồn cũng tái-sanh làm người mãi; (2) đoạn-kiến: tin rằng, chết đi là hết, chẳng còn có gì; chẳng tin theo luật Nhơn-quả, lý Luân-hồi. Các phái ngoại-đạo vào thời Đức Phật thường mắc vào hai tà-kiến đó.

- Quán-chiếu = giữ tâm cho an-ổn rồi suy-nghĩ thật sâu-xa về một đề-tài có liên-quan đến Chơn-lý.

- Chơn-lý = Sự-Thật.

- Vô-thường: Vô = chẳng; Thường = còn mãi. Lẽ vô-thường cho rằng tất cả mọi sự-vật có hình-tướng đều phải biến-đổi rồi tiêu-diệt, chẳng thể nào thuường còn mãi mãi được.

- Vô-ngã: Vô = chẳng; Ngã = ta. Thuyết Vô-ngã cho rằng muôn sự-vật đều là sự kết-hợp tạm-thời của nhiều yếu-tố khác nhau, chẳng có một linh-hồn, chẳng có một cái Ngã, chẳng có cái chi làm chủ nơi sự-vật ấy cả; hễ nhơn-duyên thôi kết-hợp, sự-vật ấy sẽ tiêu-diệt mất.

- Tăng-già: Giáo-hội Phật-giáo, tiếng Pali là Sangha.

- Hành-khất: Hành = đi; Khất = xin ăn. Xin phân-biệt rõ sự khác nhau và hơn kém nhau giữa hai danh-từ: Khất-sĩ và hành-khất. Khất-sĩ là tu-sĩ Phật-giáo, lấy hạnh khất-thực làm giới-luật; còn hành- khất là kẻ ăn-mày, vì thiếu-thốn mà đi xin ăn, chẳng có tu-hành chi cả.

- Phạm-hạnh: Phạm = Phạn, tiếng Pali là Brahma, phiên-âm là Bà-la-môn; Hạnh = đức-hạnh, hạnh- kiểm. Phạm-hạnh là đức-hạnh tu-hành của giai-cấp Bà-la-môn; theo nghĩa rộng, là đức-hạnh đáng quí.

- Thẩm-sát: Thẩm = kỹ, rõ; Sát = xét. Thẩm-sát là suy-xét thật rõ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một người Bà-la-môn đi khất-thực, tự-nhận mình là tỳ-kheo. Đức Phật bảo, cầm bình-bát đi khất-thực từng nhà, chưa đủ để thành một tỳ-kheo, khi trong tâm còn chứa tà-kiến. Một tỳ-kheo đúng theo danh-nghĩa khất-sĩ, còn phải thông-hiểu Chánh-pháp, quán-chiếu thâm-sâu về Vô-thường, Khổ và Vô-ngã.

Nếu chỉ đi khất-thực suông, đó chỉ là hành-khất, chớ chẳng phải là Khất-sĩ.

(2) Ý-nbghiã của hai bài Kệ số 266 và 267:

Thử phân-tách từng câu mỗi bài Kệ:

Về bài Kệ số 266:

1) Tỳ-kheo đâu chỉ mang bình-bát, đi lang-thang khất-thực từng nhà: Tỳ-kheo đâu chỉ đi khất-thực suông, còn có dịp gặp dân-chúng để chỉ-dạy họ thêm về giáo-lý.

2) Tuân-hành Chánh-pháp cần thông-đạt, mới xứng-danh Khất-sĩ Tăng-già: tuân theo Chánh-pháp, hiểu rõ Giáo-lý, giữ gìn Giới-luật, đó là phần tu-tập trên thân-tâm, mới xứng-danh là Tỳ-kheo, là Khất- sĩ của Giáo-hội (=Tăng-già).

3) Chỉ ăn xin, đó là hành-khất: tay mang bình-bát đi khất-thực, đó chỉ là hình-thức bề ngoài; nếu bên trong chẳng có sự thông-hiểu Giáo-pháp, thì đó chẳng qua là một người hành-khất, chỉ biết đi xin cơm, để ăn cho qua ngày, không hơn không kém.

Về bài Kệ số 267:

1) Người vượt trên ác cùng thiện: Vượt trên điều ác là bỏ dứt được các điều bất-thiện; Vượt lên trên điều thiện là siêng-năng làm các điều lành, làm điều lành đã quen, đã siêng, nên chẳng chút cố-gắng, chẳng thấy khó nhọc chi, nên gọi đó là vượt lên trên điều thiện.

2) Phạm-hạnh hoàn-toàn đang thực-hiện: bằng lối sống trong kỷ-luật của giới-đức thanh-tịnh, thực- hiện được đầy-đủ các đức-hạnh của bực chơn-tu.

3) Bước đường đời, thẩm-sát và suy-tư: luôn luôn thực-hành việc quán-chiếu trong Thiền-định, sống trọn-vẹn với nội-tâm bằng cách suy-tư thâm-sâu và thẩm-sát cặn-kẽ về cuộc đời sướng ít khổ nhiều trong vòng Luân-hồi, để tìm theo con đường giải-thoát.

4) Mới thật xứng-danh là bực Tỳ-kheo: thực-hiện đầy-đủ các đức-tánh kể trên, áp-dụng trong cuộc sống hằng ngày, nặng nghiêng về nội-tâm thanh-tịnh bên trong, đấy mới thật xứng danh là bực Tỳ- kheo; chớ nào phải chỉ có mỗi một việc ôm bình-bát đi khất-thực.

(201).- Tích chuyện các người ngoại-đạo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các người ngoại-đạo.

Thuở ấy, các du-sĩ ngoại-đạo khi đi khất-thực, thường có lời tán-thán công-đức các thí-chủ. Sau khi nhận thực-phẩm, họ thường nói: "Nguyện cho thí-chủ được may-mắn, giàu-sang và sống lâu!" Trong khi đó, các vị tỳ-kheo tuân theo lời Phật dạy, lặng-lẽ nhận tặng-phẩm mà chẳng nói lên lời chúc-tụng nào. Dân-chúng thích được nghe lời khen-ngợi việc bố-thí, nên bắt đầu bàn-tán, so-sánh hai thái-độ đi khất-thực và có phần thiên về phiá ngoại đạo.

Khi Đức Phật được biết sự-việc đó, Ngài cho phép các tỳ-kheo, sau khi thọ-thực nơi nhà các tín-chủ, thì hồi-hướng công-đức họ đã bố-thí đến cho gia-đình của họ. Bấy giờ các du-sĩ ngoại-đạo lại chỉ-trích, cho rằng các tỳ-kheo đã lắm lời, nói dông-dài, chẳng bằng họ là người biết giữ đúng hạnh tĩnh-mặc của các bực Mâu-ni. Đức Phật mới bảo các vị tỳ-kheo: "Nầy chư tỳ-kheo, có nhiều kẻ giữ im-lặng, chỉ vì họ nhút-nhát và ngu-dốt, cũng có kẻ chẳng chịu nói ra để chia-xẻ sự hiểu-biết thâm-sâu của họ với kẻ khác. Như thế, chẳng phải vì im-lặng mà trở thành một bực Mâu-ni. Chỉ xứng danh là bực Mâu-ni, người nào biết im-lặng khi đã hoàn-toàn khắc-phục được mọi điều ác."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây:

Biết nín thinh nhưng vẫn ngu-si
Đâu gọi là Mâu-ni tĩnh-mặc.
Như vị cầm cân, cân-nhắc
Chọn lành lánh dữ, bậc Mâu-ni.
(Kệ số 268.)
Vì lẽ ấy: chọn lành, lánh dữ,
Người được xưng là bực Thánh-hiền.
Nội, ngoại-giới ai thông-suốt đủ,
Danh-vị Mâu-ni xứng đáng liền.
(Kệ số 269.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ngoại-đạo:Ngoại = ngoài. Chữ ngoại-đạo trong Phật-học dùng để chỉ các tôn-giáo khác với đạo Phật, ở ngoài đạo Phật.

- Du-sĩ: Du = đi đó đây; Sĩ = người. Du-sĩ, ở đây, chỉ các vị tu-hành ẩn-cư, chẳng có nơi ở nhứt-định, đi đó đây để khất-thực.

- Tán-thán = khen-ngợi.

- Thí-chủ: người bố-thí; còn gọi là thí-giả.

- Thiên = thiên-vị, nghiêng về một bên.

- Hồi-hướng: Hồi = quay trở lại; Hướng = nhắm vào. Hồi-hướng công-đức là nguyện đem công-đức tu-hành của mình mang phước-báo hướng đến cho ai.

- Tĩnh-mặc: Tĩnh = yên-lặng; Mặc = nín thinh. Chữ tĩnh-mặc dùng để dịch chữ Phạn Muni, bực tĩnh- lặng, đã diệt-trừ mọi điều ác.

- Cầm cân cân nhắc: nghĩa bóng, chỉ sự phán-đoán thiện-ác rành-rẽ

- Nội, ngoại-giới: Nội = bên trong; Ngoại = ngoài; Giới = cảnh-giới. Ở đây chữ nội-giới chỉ vào thân- tâm năm uẩn của chính mình, còn ngoại-giới là thân-tâm năm uẩn của kẻ khác, ở bên ngoài.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc các du-sĩ ngoại-đạo chỉ-trích khất-sĩ Phật-giáo nói dài-dòng khi hồi-hướng công-đức đến các thí-chủ, cho rằng các khất-sĩ chẳng biết giữ hạnh tĩnh-mặc của bực Mâu-ni. Đức

Phật dạy, muốn xứng-danh là bực Mâu-ni (=tĩnh-mặc), chẳng phải chỉ im-lặng suông, mà trong tâm phải diệt hết mọi điều ác.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là phải biết lúc nào nên im-lặng, lúc nào nên nói, trong tâm thanh-tịnh phân- biệt rõ ràng điều lành và việc ác.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 268 và 269:

Hai bài Kệ phân-biệt sự tĩnh-mặc (giữ im-lặng đúng lúc) của bực Mâu-ni, với sự nín thinh vì dốt-nát hay vì làm hiểm chẳng muốn chia-xẻ sự hiểu-biết của mình với kẻ khác. Ngoài ra, riêng bài Kệ sau còn dạy những đức-tánh của bực Mâu-ni: (1) chọn lành lánh dữ; (2) thông-suốt cả nội và ngoại-giới (= hiểu rõ thân-tâm năm uẩn của mình và của kẻ khác.)

(202).- Tích chuyện người đánh cá tên là Thánh-Hiền.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người đánh cá, mang tên là Thánh-Hiền.

Thuở ấy có một chàng thanh-niên làm nghề đánh cá, có tên là Thánh-Hiền. Hôm ấy, Đức Phật quán- thấy đã đủ cơ-duyên cho người đánh cá ấy chứng-đắc được sơ-quả, mới cùng các tỳ-kheo đi đến bờ sông. Chàng thanh-niên nom thấy Đức Phật và chư Tăng dừng lại bên bờ, mới buông cần câu, đến gần bên Phật. Đức Phật liền tuần-tự hỏi tên mỗi vị tỳ-kheo. Tới phiên chàng đánh cá, anh ta liền thưa, tên là Thánh-Hiền. Đức Phật bảo: "Bực Thánh-hiền đâu có sát-hại sanh-mạng chúng-sanh; anh làm nghề đánh cá, giết hại mạng sống của loài cá, sao xứng được cái tên Thánh-hiền nầy!"

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà chàng thanh-niên đánh cá chứng được quả-vị Tu- đà-huờn:

Còn gây thương-tổn cho chúng-sanh,

Sao được gọi bực lành Hiền-Thánh?
Chẳng sát-hại mọi loại hữu-tình,
Mới xứng danh là bực HIền-Thánh.
(Kệ số 270.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thánh-Hiền: tên của người đánh-cá nầy,dịch chữ Pali là Ariya. Theo nghĩa chuyên-môn trong Phật- học, bực Hiền gồm ba quả-vị đầu-tiên: Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm, còn phải tái-sanh; bực Thánh là A-la-hán, đã giải-thoát ra khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi.

- Quán-thấy đã đủ cơ-duyên: nhìn thấy rõ trong tâm là đã đủ cơ-hội tốt cho chàng thanh-niên chứng được quả-vị.

- Sơ-quả = quả-vị đầu-tiên, tức là quả-vị Tu-đà-huờn.

- Loài hữu-tình: các sanh-vật có mạng-sống, có tình-cảm, như loài người, loài thú. Trái với hữu-tình là vật vô-tình, như đất, đá, cát.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: nhơn thấy một chàng thanh-niên sống về nghề đánh-cá mà lại có tên là "Thánh-Hiền", Đức Phật bảo, bực Thánh-hiền đâu có sát-hại sanh-mạng chúng-sanh. Vì thế, cái tên "Thánh-Hiền" kia, chàng thanh-niên chẳng xứng mang lấy, vì lẽ nghề đánh-cá chẳng đúng với Chánh- mạng.

Ngoài ý-nghĩa về chữ Thánh-hiền là các bực đã chứng quả-vị ra, Tích chuyện còn mang thêm ý-nghĩa về Chánh-mạng. Chánh-mạng là một ngành trong Bát-Chánh-Đạo, con đường đưa người tu-hành đến quả-vị Thánh. Theo đúng Chánh-mạng, ta chẳng nên chọn các nghề gây thương-tổn đến chúng-sanh, như nghề đánh-cá, nghề săn-bắn, nghề chế-tạo võ-khí giết người, nghề mãi-dâm, nghề nấu và bán rượu, cùng các chất độc, chất ma-tuý.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 270:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng: bực Thánh-hiền, vì lòng Từ-bi, chẳng hề gây thương-tổn đến chúng-sanh.

(203).- Tích chuyện các tỳ-kheo tự-mãn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ-kheo tự-mãn.

Thuở ấy, ở chùa Kỳ-viên có một số các vị tỳ-kheo tu-tập đạt được các kết-quả khả-quan. Có vị giữ đúng giới-luật thật thanh-tịnh; có vị theo hạnh đầu-đà rất khắc-khổ; có vị chứng được thiền-định; có vị đã đắc được quả-vị A-na-hàm. Họ thường nghĩ rằng, đã

thành-công trong việc tu-tập như thế, họ dễ thừa sức để đạt được quả-vị A-la-hán, trong một tương-lai rất gần đây. Họ cùng nhau đến yết-kiến Đức Phật và nói lên ý-nghĩ đó.

Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, chẳng phải vì đã giữ giới-đức thanh-tịnh, chẳng phải vì đã đắc được định-tâm, chẳng phải vì theo đúng hạnh đầu-đà, chẳng phải vì chứng-đắc quả-vị A-na-hàm, mà người tu-hành có thể xem đó là đã đầy-đủ rồi sanh ra tự-mãn, để nghĩ lầm rằng, chẳng còn khó-nhọc chi để chứng được đạo-quả A-la-hán. Nếu còn chưa diệt hết các lậu-hoặc, tự-mãn còn đó, thì chưa thể nào chứng được quả-vị Thánh A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó mà các tỳ-kheo bỏ được lòng tự-mãn, tinh-tấn tu-tập hơn nữa và chứng quả A-la-hán:

Chẳng phải vì trì giới nghiêm-túc,
Chẳng phải do kiến-thức thật cao,
Chẳng phải vì thiền-định thâm sâu,
Chẳng phải do sống xa trần-tục,
Mà có thể tự-mãn:
"Ta nay hưởng phước hạnh viễn-ly
Mà các phàm-phu làm gì hưởng được!"
Tỳ-kheo! Chớ xao-lãng
Kiên-trì diệt lậu-hoặc cho xong.
(Kệ số 271 và 272.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tự-mãn: Tự = chính mình; Mãn = đầy-đủ. Lòng tự-mãn thường tự cho là mình đã được đầy-đủ đức- tánh tốt, thiếu sự hăng-hái buổi đầu.

- Hạnh đầu-đà: Đầu-đà = phiên-âm chữ Pali là Dhùtanga, lối tu theo một kỷ-luật thật khắt-khe, như chỉ mặc áo may bằng vải vụn lượm được, chỉ ăn đồ ăn xin được, mỗi ngày một bữa trưa mà thôi, từ

sáng đến tối, chỉ đứng, ngồi chớ chẳng nằm, sống nơi gò mả, dưới cội cây. Vị đại-đệ-tử giỏi nhứt về hạnh đầu-đà là Tôn-giả Đại-Ca-diếp (Maha Kassapa), người sau nầy kế-vị Đức Phật điều-khiển Giáo- hội.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba, tiếng Pali là Anàgàmi, có nghĩa là chẳng tái-sanh lại nơi cõi người nữa, dịch là Bất-Lai.

- Thiền-định, Định-tâm: trong khi ngồi Thiền, tâm lắng-đọng, chẳng đi lang-thang, chú-tâm vào đề-tài thiền-quán, chẳng lo ra.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, đã diệt được hết tất cả lậu-hoặc, phiền-não, chứng được vô-sanh (= chẳng còn tái-sanh trong vòng Luân-hồi nữa), tự-tại trong cảnh-giới Niết-Bàn an-lạc, vắng-vẻ.

- Nghiêm-túc: Nghiêm = nghiêm-trang; Túc = đầy-đủ. Nghiêm-túc là đầy-đủ đàng-hoàng.

- Kiến-thức: Kiến = thấy; Thức = hiểu-biết rõ. Kiến-thức là sự thông-hiểu; ở đây, nói đến sự thông- thạo rõ-ràng về Chánh-pháp.

- Sống xa trần-tục = sống nơi vắng-vẻ, xa người đời; bốn chữ nầy trỏ vào hạnh đầu-đà nói trong Tích chuyện.

- Hạnh viễn-ly: Hạnh = đức-hạnh; Viễn = xa; Ly = lià. Hạnh viễn-ly là đức-tánh xa-lià mọi tham- muốn, dứt bỏ mọi thú-vui vật-chất, dẹp xong mọi ràng-buộc, tâm được tự-tại. Ở đây, hạnh viễn-ly nói đến bực A-la-hán, dứt được mọi phiền-não, sống an-vui, tự-tại.

- Phàm-phu: Phàm = thường, người thường; Phu = người. Phàm-phu là người thường, chưa tu; đối- nghĩa với Thánh-hiền, bực tu-hành đã chứng-đắc quả-vị.

- Kiên-trì: Kiên = cứng-cỏi; Trì = giữ vững. Kiên-trì là bền-chí, giữ vững, chẳng hề thoái-lui.

- Lậu-hoặc: Xin nhắc lại: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = điều sai-lầm, sái-quầy, xấu-ác, như tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến. Các lậu-hoặc (tiếng Pali là àsava) khởi lên trong tâm, rỉ chảy ra ngoài, bộc-lộ thành hành-động sai-lầm hay bằng lời nói thô-ác.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một nhóm tỳ-kheo tu-hành được kết-quả khả-quan, nên sanh lòng tự-mãn. Đức Phật dạy, dầu cho giữ giới, trì-pháp, thiền-định, theo hạnh đầu-đà, chứng quả A-na-hàm, đã dược kết- quả tốt, cũng chớ nên sanh lòng tự-mãn, vì mục-tiêu chứng quả-vị Thánh, A-la-hán, đòi hỏi người tu- hành phải dứt hết mọi lậu-hoặc, mà lòng tự-mãn chính là một lậu-hoặc còn sót lại đó.

Ý-nghĩa của Tích chuyện khuyên ta đừng bao giờ nên sanh lòng tự-mãn, thấy có kết-quả tốt, đã cho là đủ rồi, mà chẳng cố gắng thêm hơn lên để sớm đạt được mục-tiêu. Lòng tự-mãn, bắt nguồn từ sự tự- kiêu, xem mình nay đã khá lắm rồi, nên chẳng còn giữ được sự nỗ-lực lúc ban đầu nữa; vì có sự lơ-là, xao-lãng khiến ta chẳng tiến-bộ thêm.

Nên để-ý, chớ lẫn-lộn lòng tự-mãn là một nết xấu, với sự tri-túc là một đức-tánh tốt, đáng quí. Tri-túc là biết đủ (tri = biết; túc = đủ). Kẻ tự-mãn cho rằng đức-tánh tốt của mình đã quá đủ, chẳng cần cố- gắng hơn lên thêm nữa làm gì. Còn người tri-túc thì chẳng đòi hỏi thêm gì nữa cho mình, vì mình nhận thấy nhu-cầu nơi mình đã thoả-mãn vừa đủ. So-sánh hai người, một bên tự-mãn thì tự đánh-giá mình qua cao, vì thế sanh ra kiêu-căng; còn một bên tri-túc, biết tự-chế sự ham-muốn của mình chẳng cho đi quá mức.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 271 và 272:

Hai bài Kệ nhập chung lại thành một bài, khuyên ta chớ nên sanh lòng tự-mãn, phải luôn-luôn nỗ-lực, kiên-trì dẹp cho xong mọi lậu-hoặc để chứng quả-vị A-la-hán.

Thử phân-tách từng câu bài Kệ nầy:

1) Chẳng phải vì trì-giới nghiêm-túc: đây chẳng phải bài Kệ chê việc trì-giới, mà bài Kệ muốn nói rằng trì-giới còn chưa đủ, chớ nên tự-mãn. Trì-giới để được định-tâm, rồi nhớ tâm an-định mà trí-huệ mới phát-triển, sớm đến nơi giac-ngộ và giải-thoát.

2) Chẳng phải do kiến-thức thật cao: đây chẳng phải bài Kệ chê kiến-thức về đạo-pháp; trái lại, biết suông chưa đủ, chớ tự-mãn, phải đem sự hiểu-biết ra ứng-dụng tu hành trên bản-thân mình nữa.

3) Chẳng phải vì thiền-định thâm-sâu: đây chẳng phải bài Kệ chê việc thiền-định; trái lại, thiền-định giúp cho trí-huệ phát-triển, thấy rõ con đường giác-ngộ và giải-thoát, chớ chẳng nên tự-mãn, thấy thân-tâm được an-lạc rồi cho là đủ, bám vào cảnh ấy mà trì-trệ.

4) Chẳng phải do sống xa trần-tục: đây chẳng phải bài Kệ chê hạnh đầu-đà; trái lại, biết xa-lìa các thú-vui vật-chất còn chưa đủ, phải tận-diệt bên trong các mầm-mống lậu-hoặc còn sót lại, chớ tự-mãn mà lơ-là, quên mất mục-tiêu giải-thoát.

5) Mà có thể tự-mãn: "Ta nay hưởng phước hạnh viễn-ly, mà các phàm-phu làm gì hưởng được": đây là lời cảnh-cáo, hạnh viễn-ly đem lại phước-báo, sống tự-tại, nhưng chớ tự mãn, cho rằng mình đã hơn kẻ phàm-phu, đó là ngã-mạn, còn xem mình là hơn kẻ khác.

6) Tỳ kheo! Chớ xao-lãng, Kiên-trì diệt lậu-hoặc cho xong": đây là lời kêu gọi khẩn-thiết, phải bền- chí, dõng-mãnh diệt các lậu-hoặc còn sót lại trong tâm, nhứt là lòng tự-mãn.

-ooOoo-

XX.- Phẩm ĐAO.

(204).- Tích chuyện các tỳ-kheo bàn về đường đi.

Tích chuyện giống với Tích chuyện số (33).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ-kheo bàn-luận cùng nhau về các con đường đã trải qua.

Thuở ấy, sau chuyến du-hành theo Đức Phật đi hoằng-pháp ở các làng-mạc trở về, vào buổi chiều, các tỳ-kheo tụ-tập nhau, bàn luận về các đoạn-đường đã trải qua, khi xuyên qua các làng-mạc. Người nói đoạn đường nầy gồ-ghề, kẻ bảo đoạn đường kia bằng-phẳng. Có vị khen khúc lộ nầy trống-trải dễ đi, có vị chê khúc lộ kia trơn-trợt dễ té. Bấy giờ Đức Phật vừa đi ngang qua đó, nghe lời bàn-luận của các tỳ-kheo, Ngài mới dạy rằng: "Nầy chư tỳ-kheo, các đoạn-đường mà các vị đang bàn nhau đó là những đoạn-đường ở bên ngoài thân-tâm. Sao chư tỳ-kheo lại chẳng lưu-tâm đến con đường thánh-đạo cùng những việc cần làm để sớm đắc được Đạo và Quả Niết-bàn an-lạc?"

Rồi Đức Phật mới nói lên bốn bài Kệ sau đây:

Bát-Chành-Đạo quí nhứt mọi đường,
Lý tột-cao là Tứ-Diệu-Đế.
Ly tham-ái, có pháp nào bằng,
Loài hai chơn, ai hơn Phật-nhãn.
(Kệ số 273.)
Chỉ đường nầy, chẳng đường nào khác,
Đưa đến thanh-tịnh-hoá kiến-tri,
Mau theo đường ấy ngay đi
Ma-quân muốn phá cũng thì chào thua.
(Kệ số 274.)
Dấn chơn vào bước đường nầy,
Con người chấm dứt được ngay khổ-sầu.
Ta đã qua cầu, nay chỉ lại
Lối đi diệt chướng-ngại, chông-gai.
(Kệ số 275.)
Các người hãy tự mình nỗ-lực,
Như-Lai chỉ là bực dẫn đường.
Thực-hành thiền-định cho thường,
Thoát vòng kiềm-toả Ma-vương buộc-ràng.
(Kệ số 276.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đạo = tiếng Hán-Việt, có hai nghĩa chánh: (1) con đường; (2) đường-lối tu-hành, tôn-giáo. Trong bài nầy, nhơn nói về các con đường bên ngoài mà bước chơn ta trải qua, Đức Phật nói đến con đường đưa ta ra khỏi vòng sanh-tử khổ-sở của Luân-hồi.

- Thánh-đạo: đường-lối tu-hành đưa đến quả-vị Thánh, thoát khỏi khổ-đau của Luân-hồi sanh-tử. Đó là Bát-Chánh-đạo.

- Đạo và Quả: Đạo = đường-lối tu-hành, việc cần làm, điều cần tránh, để chứng được quả-vị. Tiếng Pali là Magga. Quả là kết-quả tốt của việc tu-tập thành-công, tức là quả-vị. Tiếng Pali là Phala.

- Bát-Chánh-Đạo: Bát = tám; Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Đạo = đường-lối tu-tập. Bát-Chánh- Đạo gồm có: (1)Chánh-kiến (= thấy biết đúng-đắn), (2) Chánh-tư-duy (=suy-nghĩ đứng- đắn),(3)Chánh-ngữ (=lời nói đứng-đắn),(4) Chánh-mạng (= lối sanh-sống đứng-đắn), (5) Chánh- nghiệp (= sự-nghiệp đứng-đắn), (6) Chánh tinh-tấn (nỗ-lực đứng-đắn), (7) Chánh-niệm (=ý-tưởng đứng-đắn), (8) Chánh-định (= tâm an-định đứng-đắn).

- Tứ-Diệu-Đế: Tứ =bốn, Diệu = nhiệm-mầu; Đế = Chơn-lý. Tứ-Diệu-Đế hay bốn Chơn-lý nhiệm-mầu gồm có: (1) Khổ-đế, đời là Khổ; (2) Tập-đế, nguyên-nhơn gây ra Khổ là sự

tham-ái; (3) Diệt-đế, sự chấm-dứt hết mọi Khổ, tức là Niết-bàn; (4) Đạo-đế, con đường Thánh đưa đến sự chấm dứt Khổ, tức là Bát-Chánh-Đạo.

- Ly tham-ái: Ly = lìa; Tham = ham muốn quá chừng; Ái = thương, thích. Ly tham-ái là cắt bỏ lòng tham-muốn, nhứt là sự bấu-víu vào các thú-vui của đời sống trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi.

- Phật-nhãn: Phật = giác, hiểu rõ cùng-tột; Nhãn = con mắt. Tiếng Phật-nhãn ở đây chỉ người có sự hiểu-biết, nhìn thấy được mọi vật một cách cùng-tột.

- Thanh-tịnh-hoá Kiến-tri: Thanh-tịnh-hoá = làm cho trong-sạch lên; Kiến-tri: Kiến = thấy; Tri = biết; Kiến-tri là sự hiểu-biết, thấu rõ.

- Ma-quân, Ma-vương: nghĩa bóng là sự cám-dỗ, thúc-dục ta phải làm điều ác

- Đã qua cầu: đã vượt qua xong, đã có kinh-nghiệm về việc đó.

- Chướng-ngại = điều ngăn-trở, gây khó-khăn.

- Kiềm-toả: Kiềm = cây kềm; Toả = ống khoá. Kiềm-toả dùng theo nghĩa bóng, chỉ sự ràng-buộc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: nhơn các tỳ-kheo bàn-luận về các con đường đất đã đi qua, Đức Phật dạy các tỳ-kheo nên nghĩ đến con đường tu-hành để chứng quả-vị Thánh. Đó là con đường Bát-Chánh-đạo, nói trong Tứ-Diệu-Đế.

(2) Ý-nghĩa của bốn bài Kệ số 273, 274, 275 và 276:

Cả bốn bài Kệ đều nói về con đường Thánh-đạo, Bát-Chánh-Đạo, đưa người tu-hành đến quả-vị Thánh, thoát vòng Luân-hồi.

1) Kệ số 273 nêu ra bốn điều cao-tột: Bát-Chánh-Đạo, Tứ-Diệu-Đế, Ly tham-ái và Phật-nhãn. Nhờ biết đi theo con đường Thánh, lìa xa tham-ái, chứng được Phật-nhãn, nhìn biết tất cả muôn sự-vật, muôn loài, nên giác-ngộ được Chơn-lý và giải-thoát khỏi Luân-hồi.

2) Kệ số 274 nói rõ Bát-Chánh-đạo là con đường duy-nhứt làm cho thân-tâm trở nên thanh-tịnh, chẳng có Ma-quân nào cám dỗ được cả.

3) Kệ số 275 cho biết, con đường đó Đức Phật đã trải qua; Ngài vượt qua hết mọi chông-gai cản trở, nay chỉ lại cho ta, để chấm-dứt hết mọi khổ-đau, khỏi phải tái-sanh trong vòng Luân-hồi lận-đận.

4) Kệ số 276 nhắc nhở mọi người phải tự mình nỗ-lực lấy, siêng thực-hành việc thiền-định, để thoát khỏi mọi sự cám-dỗ của Ma-vương. Phải tự mình nỗ-lực lấy, mau dấn bước theo con đường Bát- Chánh-đạo, chẳng nên chờ mong sự cứu-độ của ai cả, vì Đức Như-Lai chỉ là kẻ dẫn-đường đưa lối mà thôi.

(205).- Tích chuyện các tỳ-kheo quán-chiếu về Vô-thường, Khổ và Vô-ngã.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến ba nhóm tỳ-kheo quán-chiếu về các chơn-lý Vô-thường, Khổ và Vô-ngã.

Thuở ấy, có ba nhóm tỳ-kheo đến yết-kiến Phật, để xin đề-tài quán-chiếu mà thực-tập thiền-định. Nhóm thứ nhứt được dạy về Vô-thường, nhóm thứ hai về Khổ và nhóm thứ ba về Vô-ngã. Họ đi vào rừng vắng, tu-tập một thời-gian. Sau đó, nhiều người chẳng thấy có tiến-bộ, trở về trình Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, các hành đều Vô-thường, cứ biến-đổi rồi huỷ-diệt. Tại sao lại hay biến-đổi, chẳng thường-trụ? Vì bản-thể rỗng-rang, do nhơn-duyên mà hợp, rồi lại vì nhơn-duyên mà huỷ-diệt đi, đó là tính-chất Vô-ngã. Vì các hành đã Vô-thường lại Vô-Ngã, chẳng hoàn-mãn, nên sanh ra Khổ. Tỳ- kheo dùng tuệ-giác quán-thấy rõ ba tánh-chất đó, trở nên nhàm-chán sự Khổ-đau, sớm theo đường thanh-tịnh-đạo để mau được giải-thoát."

Rồi Đức Phật mới nói lên ba bài Kệ sau đây, nhờ đó một số tỳ-kheo chứng-đắc được quả-vị A-la-hán:

Vô-thường là tất cả các hành.
Nhờ tuệ-giác, quán-chiếu thấy rành,
Mới sanh nhàm-chán niềm khổ-não,
Thanh-tịnh-đạo liền rảo bước nhanh.
(Kệ số 277.)
Đau-khổ là tất cả các hành.
Nhờ tuệ-giác, quán-chiếu thấy rành,
Mới sanh nhàm-chán niềm khổ-não,
Thanh-tịnh-đạo liền rảo bước nhanh.
(Kệ số 278.)
Vô-ngã là tất cả các hành,
Nhờ tuệ-giác, quán-chiếu thấy rành,
Mới sanh nhàm-chán niềm khổ-não,
Thanh-tịnh-đạo liền rảo bước nhanh.
(Kệ số 279.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Quán-chiếu: tâm an-định và suy-nghĩ sâu-xa về một đề-tài.

- Vô-thường: Vô = chẳng; Thường = hằng còn. Vô-thường là hay biến-đổi, chẳng còn mãi được.Tiếng Pali là Anicca.

- Khổ: sự khổ-đau, sự bất-toại-nguyện; tiếng Pali là Dukkha.

- Vô-ngã: Vô =chẳng; Ngã = Ta, bản-thể. Vô-ngã là bản-thể rỗng-rang, chẳng có chi bên trong làm chủ-thể, do nhơn-duyên mà tạm-có; rồi cũng do nhơn-duyên mà hủy-diệt đi;

tiếng Pali là Anatta.

- Hành: dịch chữ Sankhàra của Pali; có nhiều nghĩa: Xin xem lại trang 575, 576. Chữ Hành có nghĩa là sự tập-hợp, do nhơn-duyên mà tạm-có, để rồi theo nhơn-duyên mà huỷ-diệt. Lại cùng nghĩa với chữ uẩn (Pali là khandha), trong chữ Hành-uẩn. Ở đây, xin hiểu chữ Hành là các sự-vật hữu-vi, do sự tạo- tác mà nên, bị điều-kiện-hoá, biến-chuyển để đi đến huỷ-diêt. Thí-dụ về hành là thân-tâm năm uẩn, chẳng thường còn, bị điều-kiện-hoá, rồi sẽ tan-hoại sau nầy.

- Hoàn-mãn: Hoàn = tròn, trọn-vẹn; Mãn = đầy-đủ, hợp ý. Chẳng hoàn-mãn, hay là bất-toại-nguyện, nghĩa là chẳng làm ta vừa ý. Tại sao? Vì chẳng có bản-thể bền-vững, vì có đó rồi lại mất đó.

- Tuệ-giác: Tuệ = trí-huệ; Giác = biết; Tuệ-giác là khà-năng hiểu-biết của tâm-trí; Pali: Vipassana Panna, dịch là trí Bát-nhã Minh-sát.

- Thanh-tịnh-đạo: con đường thanh-lọc thân-tâm; tiếng Pali là Visuddhi Magga.

- Rảo bước = đi mau.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện chẳng có gì đặc-biệt: các tỳ-kheo thực-tập quán-chiếu về Vô-thường, Khổ, Vô-ngã, được Đức Phật chỉ-dạy thêm.

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ số 277, 278 và 279:

Ba bài Kệ nầy rất quan-trọng về mặt Giáo-lý; cả ba bài khác nhau chỉ có mỗi hai chữ ở câu đầu: Vô- thường, Đau-khổ và Vô-ngã.

Ý-nghĩa của ba bài Kệ: vì muôn sự-vật đều vô-thường và vô-ngã, chẳng đem lại sự toại-nguyện và ổn- cố cho ta, nên chúng gây ra Khổ. Vậy muốn thoát Khổ, phải theo con đường thanh-tịnh-hoá thân-tâm.

(206).- Tích chuyện tỳ-kheo Thi-sa lười-nhác.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo lười-nhác là Thi-sa

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có hàng trăm thanh-niên trẻ tuổi được thâu-nhận vào Giáo-hội. Tỳ-kheo Thi- sa cùng với các bạn vừa mới nhập-đạo, đến yết-kiến Đức Phật và được chỉ-dạy một đề-tài thiền-quán. Họ liền đi vào rừng, tìm chỗ yên-tịnh, nỗ-lực thực-tập, tinh-tấn tu-hành. Riêng tỳ-kheo Thi-sa, tánh- tình lười-nhác, bê-trễ trong việc hành Thiền. Mấy tháng sau, cả đoàn quay về Tịnh-xá, tường-trình thành-quả việc tu-học. Đức Phật khen ngợi cố-gắng tu-tập của mọi người. Riêng Tỳ-kheo Thi-sa đang đứng phía sau, cảm thấy hổ-thẹn vì đã lãng-phí thời-giờ, chẳng đạt được kết-quả nào.

Tối hôm ấy, nghĩ đến các bạn đồng-tu nay đã chứng được quả-vị mà mình vẫn còn dốt-nát, Tỳ-kheo Thi-sa mới quyết-định thức cả đêm nay để tập Thiền. Trong bóng tối

chập-chờn ngoài sân chùa, Thi-sa bước đi thiền-hành, chẳng may vấp ngã, gãy xương mông. Nghe tiếng kêu cứu, các vị tỳ-kheo khác chạy đến đỡ Thi-sa vào trong. Khi nghe kể lại sự-việc, Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, chẳng nỗ-lực khi đang cần nỗ-lực, lại bê-trễ lãng-phí thi-giờ, nay dầu có gắng sức nhiều trong một lúc, cũng chẳng thể nào chứng được định-tâm."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng nỗ-lực khi cần gắng sức;
Sức-khoẻ nhiều và vẫn trẻ-trung;
Tánh lười, trí lại lông-bông,
Chánh-đạo, đừng hòng kẻ ấy tìm ra.
(Kệ số 280.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thi-sa: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Tissa.

- Lười-nhác = làm biếng, biếng-nhác.

- Nhập-đạo: Nhập = vào; Nhập-đạo là bước vào Đạo để tu-hành

- Đề-tài thiền-quán: một đầu-đề để suy-nghĩ sâu-xa khi ngồi Thiền

- Đi thiền-hành: bước chầm-chậm, tâm-trí chú vào đề-tài Thiền.

- Tường-trình thành-quả: thuật lại rõ các kết-quả tốt-đẹp.

- Định-tâm: Định = an-định; Tâm = lòng. Khi hành Thiền, tâm dừng lại, chẳng lo ra, trí suy-nghĩ sâu- xa về đề-tài thiền-quán.

- Lông-bông: đi lang-thang, vơ-vẩn.

- Chánh-đạo: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Đạo = đường-lối tu

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại một vị tỳ-kheo, trong thời-gian khoá thiền trong rừng, thì tỏ ra lười-biếng, bê-trễ việc tu-tập. Khi trở về Tịnh-xá, thấy Đức Phật khen ngợi thành-quả của bạn đồng-tu, vị ấy mới sanh ra hổ-thẹn, quyết cố-gắng tu-tập suốt đêm, chẳng may bị trợt té gãy xương, trong khi đi thiền-hành. Đức Phật dạy, phải cố gắng siêng-năng, khi cần phải nỗ-lực trong các khoá tu; dầu nỗ-lực thật nhiều trong một thời-gian ngắn, cũng chẳng chứng được định-tâm.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: khi có đủ điều-kiện để tu-hành, cần nên gắng sức trong thời gian đó, thì có kết-quả tốt; đừng đợi đến giờ phút chót mới nỗ-lực, thì chẳng đạt được kết-quả tốt.

Học-sinh nên ứng-dụng: suốt năm phải chăm-chỉ học-hành, đừng đợi sắp đến ngày thi, mới thức khuya, học rút, sao cho kịp được.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 280:

Bài Kệ nêu rõ ý-nghĩa của Tích chuyện kể trên: khi có đủ điều-kiện để tu-tập, phải nỗ-lực cho tinh-tấn, đừng để khi tuổi-trẻ và sức khoẻ đã đi qua rồi, mới bắt đầu dụng công gấp-gấp, thì chẳng được kết-quả mong-muốn.

Thử phân-tách từng câu bài Kệ:

1) Chẳng nỗ-lực khi cần gắng sức: khi đủ điều-kiện để tu-tập, phải gắng sức vào lúc đó, chớ bỏ qua cơ-hội tốt;

2) Sức khoẻ nhiều và vẫn trẻ-trung: đây là hai điều-kiện rất thuận-tiện để tu-hành; chớ chờ lúc già, sức yếu mới tu, chậm mất;

3) Tánh lười, trí lại lông-bông: hai điều-kiện bất lợi cho việc tu

4) Chánh-đạo, đừng hòng kẻ ấy tìm ra: chẳng thể nào, trong điều-kiện lười và lông-bông mà tìm thấy được con đường Thánh-đạo.

(207).- Tích chuyện ngạ-quỉ đầu heo mình người.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, nước Ma-kiệt-đà, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một ngạ-quỉ đầu heo mình người.

Thuở ấy, Tôn-giả Mục-kiền-liên đang cùng một vị Trưởng-lão, từ trên đỉnh núi Linh-thứu đi xuống, bỗng Tôn-giả nhìn lên, mỉm cười mà chẳng thốt lên lời nào. Đến khi về đến tịnh-xá, Tôn-giả trình cùng Đức Phật, dọc đường có nhìn thấy một ngạ-quỉ đầu heo mình người, miệng bị nhiều dòi, bọ cắn- xé, đang rên-xiết đau-đớn. Đức Phật bảo, khi Ngài chứng được Đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh- giác, Ngài cũng nhìn thấy ngạ-quỉ đó. Rồi Đức Phật mới kể lại tiền-kiếp của ngạ-quỉ đầu heo, mình người đó, như sau:

Vào thời Đức Phật Ca-diếp, có một vị tỳ-kheo rất thông-thuộc Chánh-pháp, giảng-dạy giáo-lý rất hay. Trong một chuyến đi du-hành, vị ấy đến ngụ tại một tu-viện, do hai vị tỳ-kheo khác trụ-trì. Kể từ ấy, dân-chúng trong làng rất hoan-nghinh vị tỳ-kheo mới, mỗi khi nghe vị nầy nói pháp. Và cũng vì thế mà vị tỳ-kheo ấy mới nổi lên trong lòng một ý-định xấu, muốn một mình làm chủ ngôi tu-viện, và tìm cách đẩy hai vị kia ra khỏi chùa. Mưu-kế rất thâm-hiểm, ông ta đặt điều xúi-dục vị tỳ-kheo nầy nói xấu vị kia, khiến cho cả hai cãi nhau, nặng lời cùng nhau, rồi cả hai bỏ đi khỏi chùa. Vì tội-ác nói đâm-thọc khiến kẻ khác sanh ra thù-oán nhau, nên vị tỳ-kheo ấy bị sa vào địa-ngục Vô-gián. Sau khi mãn hạn trong ngục tối, lại tái-sanh thành ngạ-quỉ, đầu heo, miệng thối, bị dòi bọ cắn-xé, để đền nốt tội-ác . Đức Phật kết-luận: "Tỳ-kheo phải giữ tâm thanh-tịnh, thận-trọng biết tự-chế để ba nghiệp thân, miệng, ý thuận theo đường thiện-đạo."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Hãy thận-trọng giữ-gìn lời nói,
Thu-thúc thân-tâm khỏi điều tà.
Nghiệp thanh-tịnh đủ cả ba,
Thánh-đạo Phật-đà đã dạy, chứng xong.
(Kệ số 281.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ngạ-quỉ: quỉ đói. Đây là hạng chúng-sanh ở một trong ba đường dữ, bụng to mà cổ rất nhỏ, luôn luôn đói khát. Còn được gọi là ngã-quỉ; tiếng Pali là Peta.

- Tịnh-xá Trúc-lâm, thành Vương-xá, nước Ma-kiệt-đà: Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara), nước Ma-kiệt- đà (Magadha), đóng đô tại thành Vương-xá (Rajàgaha), xây cất tịnh-xá trong vườn trúc, dưng-cúng Phật. Tĩnh-xá mang tên Trúc-lâm, rừng trúc, tiếng Pali là Veluvana.

- Núi Linh-thứu: núi nầy gần thành Vương-xá, đỉnh núi trông giống hình chim thứu (=kên-kên), hai cánh xoè ra. Đức Phật giảng kinh Pháp-Hoa tại núi nầy. Tên núi tiếng Pali là Gijjhakùta.

- Đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác: chứng được Đạo nầy tức là thành Phật, bực đại-giác đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát.

- Tiền-kiếp: Tiền = trước; Kiếp = đời. Tiền-kiếp là đời trước.

- Du-hành: Du = đi dạo; Hành = đi; các vị tăng đi du-hành, chẳng có nơi ở nhứt-định, đi tìm thầy học đạo thêm. Còn gọi là du-tăng.

- Phật Ca-diếp: Đức Phật Ca-diếp giáng-sanh trước Đức Phật Thích-ca. Tên tiếng Pali là Kassapa.

- Trụ-trì: Trụ = ở yên đó; Trì = giữ-gìn. Trong Phật-học, chữ Trụ-trì dành cho vị sư-trưởng cai quản một ngôi chùa.

- Thâm-hiểm: Thâm = thâm-độc, ác ngầm; Hiểm = nguy-hiểm, hiểm-ác. Thâm-hiểm là ác-độc ngầm, ác-độc mà dấu-kín.

- Nói đâm-thọc = đặt điều ra xúi người nầy nói xấu người kia, khiến cho hai người thù nhau.

- Địa-ngục Vô-gián: nơi chịu hình-phạt chẳng hề ngưng-nghỉ (Vô = chẳng; Gián = gián-đoạn, ngưng- nghỉ). Tiếng Pali là Avici niraya.

- Tái-sanh: sanh trở lại, theo luật Luân-hồi.

- Tự-chế = tự mình giữ mình chẳng cho làm điều quấy, nói lời ác.

- Thiện-đạo: Thiện = lành; Đạo = con đường, lối sống.

- Thu-thúc: chế-phục, tự-chế, giữ gìn đúng theo kỷ-luật; chẳng hề buông-lung theo tôi-ác.

- Thánh-đạo: con đường Thánh, tức là Bát-Chánh-Đạo.

- Phật-đà: phiên-âm chữ Buddha, có nghĩa giác, là hiểu-rõ tất cả mọi sự-vật; tức là bực đại-giác-ngộ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại tiền-kiếp của ngạ-quỉ đầu heo mình người; vì nói lời đâm-thọc, phá sự hoà-hợp của hai vị tăng, để dành chức trụ-trì, mà một vị tỳ-kheo phải sa vào địa-ngục và sau đó tái-sanh làm ngạ-quỉ, miệng hôi-thối bị dòi bọ cắn xé. Đức Phật khi kể lại sự-tích, khuyên ta phải biết giữ-gìn lời nói, thu-thúc thân-tâm cho ba nghiệp, thân, miệng, ý, được thanh-tịnh.

Tích chuyện mang các ý-nghĩa sau đây:

1) Nói lời đâm-thọc, phá sự hoà-hợp Tăng, bị sa vào địa-ngục Vô-gián. Trong Kinh, có nói tội ngũ- nghịch phải sa vào địa-ngục Vô-gián là: (1) giết cha, (2) giết mẹ, (3)giết A-la-hán, (4)phá hoà-hợp Tăng, (5)làm chảy máu Phật. (Ngũ-nghịch = năm điều trái-nghịch)

2) Vì miệng nói lời đâm-thọc, nên kiếp nầy miệng ngạ-quỉ hôi-thối, bị dòi bọ cắn-xé. Trong Kinh, kể ra bốn tội-ác do lời nói chẳng ngay-thẳng, chẳng đoan-chánh gây ra: (1) nói dối, sai sự thật; (2) nói khéo, dùng lời ngon-ngọt để xúi-dục, dụ-dỗ; (3) nói lưỡi đôi chiều, nói đâm-thọc để gây chia-rẻ, thù-oán; (4) nói lời vô-nghĩa, ngồi lê đôi mách, kháo nhau chuyện hàng xóm.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 281:

Bài Kệ mang hai ý-nghĩa: (1) lời nói phải đứng-đắn; (2) phải giữ ba nghiệp thân, miệng, ý cho thanh- tịnh.

1) Hãy thận-trọng giữ-gìn lời nói: đây là lời khuyên dạy ta phải suy-nghĩ cho chín-chắn trước khi mở lời.

2) Thu-thúc thân-tâm khỏi điều tà: lời dạy nầy gồm có hai việc:(1) thu-thúc thân, tức là đừng có hành- động sái-quấy; (2) thu-thúc tâm, tức là chẳng có ý-nghĩ xấu-ác.

3) Nghiệp thanh-tịnh đủ cả ba: Ba nghiệp nào? Đó là hành-động của thân, lời nói của miệng và ý- tưởng của tâm.

4) Thánh-đạo Phật-đà đã dạy, chứng xong: Câu nầy có vẻ khúc-mắc, xin đọc lại cho suông: (...Nếu giữ ba nghiệp thanh-tịnh) thì đã chứng xong được Con đường Thánh-đạo (tức là Bát-Chánh-Đạo) của Đức Phật đã dạy.

(208).- Tích chuyện Trưởng-lão Phổ-thi-la.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Phổ-thi-la.

Trưởng-lão Phổ-thi-la là một vị tỳ-kheo lớn tuổi, rất thông-thạo Tam-Tạng Kinh-điển, làm giáo-thọ dạy Chánh-pháp cho chư Tăng. Vì thông-hiểu giáo-pháp nhiều, nên Trưởng-lão mới sanh lòng tự-phụ. Quán-thấy tâm-địa đó của Trưởng-lão Phổ-thi-la, Đức Phật biết ông nầy chẳng siêng-năng thực-tập và chưa đắc được đạo-quả, cũng chưa chứng được bực Thiền nào cả. Ngài dùng phương-tiện, mỗi khi ông Phổ đến đảnh-lễ, Ngài gọi ông Phổ là "vị tỳ-kheo vô-dụng" . Nghe Đức Phật gọi mình như thế, ông Phổ rất hổ-thẹn, nhìn lại bên trong tâm mình, thấy quả thật mình còn chưa tu-tập đúng mức để áp-dụng trên bổn-thân, và sự hiểu-biết giáo-lý của mình quả là vô-dụng.

Lặng-lẽ, ông Phổ bỏ ra đi, đến một tu-viện nhỏ, cách chùa Kỳ-viên hơn hai mươi do-tuần, có ba mươi vị tăng tu-tập, để xin vào học Đạo. Trước hết, ông Phổ xin vị sư-trưởng chỉ dạy Thiền cho mình. Vị nầy từ-chối, bảo hãy đến nhờ vị sư-phó. Vị sư-phó cũng chẳng nhận, bảo hãy đến vị thứ ba. Bị đẩy lần- lượt như thế, sau cùng Trưởng-lão phải đến gặp một chú Sa-di bảy tuổi. Vị Sa-di bằng lòng chỉ dạy

cách thực-tập Thiền-định cho, nhưng với điều-kiện là ông Phổ phải tuân-theo thật kỹ-lưỡng mọi chỉ- thị. Ông Phổ vâng lời, nỗ-lực quán-chiếu ngày đêm về bản-thể chơn-thật của thân-tâm năm uẩn, ngồi Thiền, đi Kinh-hành rất nhiệt-thành và tinh-tấn. Chẳng bao lâu, Trưởng-lão đắc được định-tâm, lần lượt chứng được bốn bực Thiền. Bấy giờ Đức Phật và chư Tăng đi du-hành đến đó, thấy nỗ-lực tu-tập của Trưởng-lão, Ngài khen-ngợi ông Phổ, khuyên nên cố-gắng mãi lên như thế.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà Trưởng lão Phổ-thi-la chứng được đạo và quả A- la-hán:

Thật vậy, thiền-định sanh trí-huệ,
Chẳng hành thiền, trí-huệ mờ phai.
Biết đường hai ngõ, tăng cùng tệ,
Hãy cố sao trí-huệ tăng hoài.
(Kệ số 282.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phổ-thi-la: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Potthila.

- Tam-Tạng Kinh-điển: tất cả giáo-pháp của Đức Phật chỉ dạy, đựng chung thành ba giỏ (Tam-tạng: Tipitaka; Tam = ba; Tạng = cái giỏ đựng kinh-sách), gồm: (1) Luật-tạng (Vinaya Pitaka), nói về giới- luật, (2) Kinh-tạng (Suttanta Pitaka), nói về giáo-lý ghi trong Kinh-Kệ, và (3)Luận-tạng (Abhidhamma Pitaka), nói về các bài luận-giải về giáo-lý.

- Giáo-thọ = vị thầy dạy giáo-lý cho các tỳ-kheo.

- Tự-phụ: Tự = chính mình; Phụ = cậy giỏi; Người tự-phụ là kẻ cậy mình giỏi, hay khinh kẻ khác chẳng bằng mình.

- Tâm-địa: Tâm = lòng; Địa = đất. Tâm-địa là tâm-trạng, bên trong tấm lòng tốt, xấu như thế nào.

- Đạo, Quả: Đạo = đường lối tu-hành; Quả = kết-quả tu-tập thành-công. Thí-dụ: đạo Tu-đà-huờn là những đường-lối tu-tập để diệt thân-kiến, nghi-ngờ và mê-tín dị-đoan; quả tu-đà-huờn là kết-quả chứng được khi bỏ sự chấp thân nầy làm Ta, hết nghi-ngờ về Phật-pháp, bỏ dứt các sự cúng-tế theo tà- giáo. Tiếng Pali: Magga là Đạo; Phala là Quả. Có bốn đạo và bốn quả trong hàng Thanh-văn: Tu-đà- huờn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

- Bực Thiền: tu thiền lần lượt chứng được bốn cấp: sơ-thiền, nhị-thiền, tam-thiền và tứ-thiền.

- Phương-tiện: cách-thức khéo, dùng để đạt mục-đích. Ở đây, Đức Phật dùng phương-tiện nói khích, chê ông Phổ là người vô-dụng, để ông ấy biết hổ-thẹn mà siêng tu-rập, chớ đừng ỷ mình biết nhiều lý- thuyết về giáo-pháp, mà tâm vẫn còn nhiều lậu-hoặc.

- Vô-dụng: Vô = chẳng; Dụng = dùng; Vô-dụng = vô-ích, chẳng biết dùng vào việc gì.

- Đảnh-lể = đến yết-kiến, lễ-lạy ra mắt.

- Do-tuần = đơn-vị đo chiều dài đường-xá, vào khoảng hơn một cây-số, tiếng Pali là yojana.

- Sư-trưởng, Sư-phó: Sư = thầy; Trưởng = lớn; Phó = phụ-giúp. Sư-trưởng là vị sư lớn nhứt; Sư-phó là vị sư thứ nhì, phụ-giúp Sư-trưởng.

- Sa-di: tiếng Pali là Sàmanera, vị tu hành chưa thọ giới tỳ-kheo.

- Chỉ-thị: những điều ra lịnh, chỉ-dạy phải tuân theo.

- Định-tâm: Định = ổn-định, yên; Tâm = lòng. Đắc được định-tâm là tâm trở nên an-tịnh, chẳng chạy lang-thang, dừng yên lại một chỗ.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, dẹp hết phiền-não, chứng được vô-sanh (= chẳng còn bị tái-sanh trong vòng lẩn-quẩn Luân-hồi)

- Tăng cùng tệ: Tăng = gia-tăng, thêm lên; Tệ = dở hơn, xấu hơn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một vị Trưởng-lão thông Kinh-kệ, làm thầy dạy Giáo-lý cho chư Tăng, nhưng chính mình chưa tu-tập Thiền-định. Thấy vị ấy hay tự-phụ, Đức Phật nói khích, gọi ông ta là tỳ-kheo vô-dụng. Ông Phổ bị chạm tự-ái, hổ-thẹn, biết mình còn kém, đến học Thiền với một chú Sa-di bảy tuổi. Nhờ nỗ-lực hành Thiền, trí-huệ phát-triển nên khi nghe Phật nói bài Kệ số 282, ông Phổ chứng được đạo-quả A-la-hán.

Tích chuyện mang hai ý-nghĩa sau đây:

1) Biết nhiều về Giáo-lý mà chẳng tập Thiền là còn chưa tu, vì cái biết về lý-thuyết thật là vô-dụng. Phải tu-tập trên bản-thân, mới biết được con đường giác-ngộ và giải-thoát.

2) Lời nói khích của Đức Phật, chê ông Phổ là tỳ-kheo vô-dụng, rất có hiệu-quả, khiến ông biết hổ- thẹn, xét lại lòng mình mà gắng công tu-tập. Đó là lối dạy theo phương-tiện, rất khéo, của Phật.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 282:

Ý-nghĩa bài Kệ thật rõ-ràng, học lý-thuyết suông chưa đủ, phải thực-hành bằng cách tập Thiền.

Thử phân-tách từng câu bài Kệ:

1) Thật vậy, thiền-định sanh trí-huệ: đúng theo Tam-học: Giới, Định, Huệ; thiền-định giúp tâm dừng yên, vẹt được các chỗ che-mờ, nhờ đó trí-huệ phát-triển được.

2)Chẳng hành thiền, trí-huệ mờ phai: tại sao mờ phai? Vì bị sự ngu-tối che mờ tâm đi, trí-huệ chẳng có dịp nẩy-nở được.

3) Biết đường hai ngõ, tăng cùng tệ: biết rõ hai ngả đường, tốt và xấu, Thiền-định là đường làm cho Trí-huệ phát-sanh lên;

4) Phải cố sao (cho) trí-huệ tăng hoài: Trí-huệ càng tăng, càng chóng đến ngày giác-ngộ và giải-thoát.

- 612 - Kinh Pháp-Cú: Phẩm Đạo.

(209).- Tích chuyện năm vị tỳ-kheo già.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến năm vị tỳ-kheo già.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có năm người bạn thân nhau, đã lớn tuổi rồi mới đi tu. Hằng ngày, họ thường mang bình-bát, trở về nhà cũ để khất-thực. Trong các người vợ của năm vị nầy, có một bà tên là Mã- thu, nấu-nướng rất khéo-léo, nên thực-phẩm cúng-dường cho các vị tỳ-kheo lớn tuổi rất là ngon-lành;

vì thế, các vị ấy thường đến nhà bà để khất-thực. Chẳng may, một hôm bà Mã-thu ngoạ-bịnh rồi từ- trần một cách đột-ngột. Năm vị tỳ-kheo thương nhớ, lòng rất sầu-thảm, thường hay than-vãn.

Đức Phật được biết việc đau buồn đó, mới cho gọi các vị tỳ-kheo ấy đến và dạy rằng: "Nầy chư tỳ- kheo, các ông đau buồn, thương nhớ người đàn-bà bất-hạnh đó, chẳng qua là trong lòng các ông còn tham-luyến thức ăn ngon-ngọt, lại thêm sự si-mê chẳng biết được lẽ vô-thường, rồi sanh ra buồn-khổ. Đấy cũng như đang sống trong một khu rừng u-tối; phải nên đốn sạch khu rừng ấy đi, để được giải- thoát khỏi sự tham-luyến, sự sân-hận, sự si-mê."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó năm vị tỳ-kheo lớn tuổi chứng được quả-vị Tu-đà- huờn:

Đốn rừng "dục-vọng", chớ đốn cây,
Vì cảnh rừng nầy gây sợ-hãi.
Lại đốn cả lùm non "khát-ái",
Tỳ-kheo, rừng "ái" thoát ra ngày.
(Kệ số 283.)
Chừng nào chưa đốn tiệt xong
Lùm cây ‘luyến-ái" trong lòng nữ-nam,
Chừng ấy, vẫn còn tâm ràng-buộc,
Như bê theo bú vú mẹ bò.
(Kệ số 284.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bình-bát: cái chén lớn, như cái nồi nhỏ, đựng thức ăn xin được.

- Khất-thực: đi xin ăn. Tỳ-kheo còn gọi là khất-sĩ (= Bhikkhu).

- Mã-thu: tên bà nầy, tiếng Pali là Madhurapàcikà.

- Ngoạ-bịnh: Ngoạ = nằm; Ngoạ-bịnh là ngã bịnh, bị đau nặng.

- Từ-trần: Từ = từ-giả; Trần = trần-thế, cõi đời. Từ-trần là chết đi.

- Đột-ngột = bất ngờ, thình-lình chẳng biết trước được.

- Bất-hạnh: Bất = chẳng; Hạnh = may mắn; Bất-hạnh là chẳng may

- Tham-luyến: Tham = ham quá chừng; Luyến = luyến-ái, mê-đắm. Tham-luyến là ham-muốn quá nên chẳng rời ra được, mà bị ràng buộc

- Vô-thường: Vô = chẳng; Thường = còn hoài; Lẽ vô-thường có nghĩa là muôn sự-vật đều bị biến-đổi rồi tiêu-diêt đi. Ở đây, chữ vô-thường có nghĩa là sự chết.

-Sân-hận: Sân = giận; Hận = hờn, thù.

- Dục-vọng: Dục = ham-nuốn; Vọng = mong-cầu.

- Lùm non: bụi cây nhỏ.

- Khát-ái: Khát = thèm-khát; Ái = thương, thích. Đây là tình-cảm ràng-buộc khiến ta bấu-víu mãi vào sự-vật ta thích. Khát-ái chính là nguyên-nhơn của Khổ: trong Tứ-Diệu-Đế đó là Tập-đế.

- Lòng nữ-nam: Nữ = đàn-bà; Nam = đàn-ông; Đây nói về sự thương nhau giữa hai phái nam và nữ.

- Bê = con bò-con.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện là đừng vì luyến-ái mà bị ràng-buộc. Đức Phật ví sự khát-ái như khu rừng u- tối, phải dẹp cho sạch hết, mới hết bị ràng-buộc mà được giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 283 và 284:

Hai bài Kệ cùng có ý-nghĩa là phải dứt bỏ dục-vọng và khát-ái . Đức Phật dạy phải đốn rừng, là dẹp bỏ sự luyến-ái như khu rừng u-tối, nhưng ngại các tỳ-kheo hiểu-lầm, nên Ngài nói rõ thêm: chớ đốn cây. Tình thương là điều tốt, nhưng nếu thương quá, sanh ra tríu-mến, bị ràng-buộc, nên Ngài dạy phải đốn cho tiệt sự luyến-ái giữa trai gái.

(210).- Tích chuyện con của người thợ bạc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Trưởng-lão, vốn là con của một người thợ bạc.

Thuở ấy, có một chàng thanh-niên khá đẹp trai, con của một người thợ bạc, được Tôn-giả Xá-lợi-phất nhận làm đệ-tử. Tôn-giả đem đề-tài thiền-quán về thân-tâm năm uẩn nầy đáng gớm-ghiếc ra chỉ dạy cho chàng trai. Chàng thanh-niên liền theo lời thầy dạy, đi vào rừng vắng, ngồi thiền và quán-chiếu; sau một tuần-lễ chẳng thấy có kết-quả, chàng trở về thưa lại với thầy. Tôn-giả Xá-;lợi-phất mới dẫn chàng ta đến yết-kiến Đức Phật.

Đức Phật nghe nói chàng ta là con của một người thợ bạc, liền đổi đề-tài thiền-quán, thay vì quán- chiếu về tấm thân gớm-ghiếc, Ngài đưa ra một cành sen có bông-hoa to lớn, sắc rất đẹp mà hương cũng rất thơm. Ngài bảo đem cắm vào nơi vắng-vẻ và vừa nhìn hoa vừa quán-chiếu. Chàng thanh-niên vâng lời, đem cành sen ra sau vườn, cắm xuống đất cát, rồi ngồi tĩnh-toạ, ngắm vẻ đẹp của hoa sen. Từ trong tâm chàng khởi lên một niềm phỉ-lạc sâu-xa, tồi tuần-tự từng bước một, tâm-trí chàng tiến lên các bực thiền-định.

Từ nơi hương-phòng, Đức Phật quán-thấy sự tiến-bộ của chàng trai, Ngài liền dùng sức thần-thông, biến cành hoa sen đang tươi nõn, bỗng từ tư héo dần, hương phấn bay lả-tả. Tâm-trí chàng trai vụt ngộ được lẽ vô-thường, muôn sự-vật rồi cũng chóng tàn-phai và huỷ-diệt. Sau đó, chàng trai trở vào yết- kiến Đức Phật và được Phật nói cho nghe bài Kệ sau đây, nhờ đó, chàng chứng được quả-vị A-la-hán:

Hãy tự mình cắt dây tham-ái,
Như tay người bẻ hái sen thu.
Đường Niết-Bàn tịch-tĩnh siêng tu,
Như bực Thiện-thệ từng chỉ dạy.
(Kệ số 285.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tôn-giả Xa-lợi-phất: vị đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca, nổi tiếng là thông-minh bực nhứt; tên tiếng Pali là Sàriputta.

- Đệ-tử: Đệ = em; Tử = con; Đệ-tử có nghĩa là học-trò học Đạo.

- Đề-tài Thiền-quán: Xin nhắc lại: đó là một đề-mục dùng để suy-nghĩ sâu-xa khi ngồi Thiền, để tâm được an-định.

- Thân-tâm năm uẩn đáng gớm-ghiếc: vì tấm thân nầy bên trong chứa nhiều chất dơ, sẽ sình-thối lên khi tan-rả, nên đáng gớm-ghiếc.

- Yết-kiến = ra mắt bực trưởng-thượng, để được chỉ-dạy.

- Tĩnh-toạ: Tĩnh =yên-tịnh; Toạ = ngồi. Tĩnh-toạ là ngồi yên.

- Phỉ-lạc = Phỉ =Lạc = vui. Phỉ-lạc là niềm vui về tinh-thần, tâm nhẹ lâng-lâng; đối nghĩa với chữ dục-lạc, sự sung-sướng về vật-chất.

- Các bực Thiền-định: khi ngồi Thiền chứng được định-tâm, lần lượt vượt qua các bực Thiền thứ nhứt, thứ hai, thứ ba và thứ tư

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là Gandhakuti.

- Ngộ = hiểu rõ một cách sâu-xa, hiểu thẳng chẳng do lý-luận.

- Vô-thường = sự biến-đổi, chẳng thường-hằng; Pali = Anicca.

- Cắt dây Tham-ái: dứt bỏ sự tham-luyến, khát-ái.

- Niết-Bàn = cảnh-giới tịch-tĩnh, yên-vui và tự-tại; Pali = Nibbana

- Thiện-thệ: tức là Đức Phật. Thiện-thệ là một trong mười danh-hiệu của Đức Phật; thiện là khéo; thệ là đi qua cầu; Pali là Sugata.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện cho thấy sự hơn-kém giữa Tôn-giả Xá-lợi-phất và Đức Phật về việc dạy đệ-tử. Đề-tài bông sen của Đức Phật hợp với căn-cơ của chàng thanh-niên trẻ đẹp hơn là đề-tài thân bất-tịnh. Tại sao? Vì chàng vốn con nhà thợ bạc, thường hay xem các vật đẹp-đẽ. Nhờ hợp với căn-cơ, chàng trai thực-hành Thiền-quán và ngộ được lý Vô-thường của muôn pháp (=muôn sự-vật) trong thời-gian ngắn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 285:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng: hãy cắt đứt dây tham-ái và siêng tu con đường tịch-tĩnh của Niết-Bàn.

(211).- Tích chuyện vị thương-gia Đại-Nghiệp.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến thương-gia tên Đại-Nghiệp.

Thuở ấy, có một thương-gia tên là Đại-Nghiệp rất giàu-có, đem cả trăm xe bò chở hàng-hoá từ thành Ba-la-nại đến nước Xá-vệ để bán và đồng thời để dự một cuộc hội-hè vui chơi lớn. Đến bờ sông gần

thành Xá-vệ, bị nước lũ tràn cả hai bên đường, cả đoàn xe phải dừng lại, chờ ngày nước rút. Sau cả tuần-lễ, mưa dầm, nước lại dâng to lên, trễ kỳ đại-hội, nên ông Đại-Nghiệp định lưu lại đó, chờ bán hết hàng-hoá sẽ trở về xứ. Ông nói, ta cứ ở đây hết mùa hè, sang mùa thu, qua mùa đông rồi khi trời ấm- áp, đến mùa xuân ta sẽ trở về xứ. Bấy giờ, Đức Phật cùng chư Tăng đi khất-thực ngang qua đó, nghe ông Đại-Nghiệp nói, Ngài mỉm cười. Tôn-giả A-nan chẳng hiểu lý-do vì sao Ngài lại mỉm cười mới thưa cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, ông có nghe thấy vị thương-gia đó không? Ông ấy bảo, cứ ở đây hết mùa hè, mùa thu, mùa đông, mà chẳng biết mình sắp chết trong bảy ngày nữa. Những gì cần làm ngay bây giờ, thì phải làm ngay đi; Thần Chết đến, đâu có hẹn ngày giờ trước. Người biết tỉnh-giác, dẹp bỏ mọi lậu-hoặc, tinh-tấn tu-hành dõng-mãnh, thì dầu chỉ sống thêm một ngày hay một đêm, cũng còn hơn kẻ phóng-dật."

Tôn-giả A-nan thương-tình, đến báo cho thương-gia Đại-nghiệp biết ông ta sắp chết. Đại-Nghiệp nghe qua hoảng-hốt, nghĩ mình chưa làm được điều gì có công-đức, mới thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến cúng-dường, trai-tăng trong bảy ngày. Đến hôm chót, sau khi nghe Đức Phật giảng-pháp và hồi-hướng công-đức, ông Đại-Nghiệp tiễn chơn Đức Phật và chư Tăng một đỗi đường. Khi quay trở về, ông bị nhức đầu như búa bổ, vài giờ sau thì chết.

Trên đường về chùa, Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

‘’Mùa mưa, ta sống ở đây,
Mùa đông, mùa hạ, cũng ngay nơi nầy".
Người ngu cứ tưởng là như vậy,
Đâu ngờ nguy-hiểm "chết" chờ đây.
(Kệ số 286.)
TÌM HIỂU:

- A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-Nghiệp = sự-nghiệp lớn, có tiền-bạc, tài-sản nhiều; dịch chữ Pali là Mahadhana.

- Thương-gia = người buôn-bán.

- Ba-la-nại: tên thành-phố lớn của Ấn-độ (Bénarès, nay là Vàrànasi)

- Nước lũ: nước lụt, ngập cả khắp nơi.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = chẳng mê; Giác = biết. Người tỉnh-giác tâm luôn chú-ý, khi nói, làm hay nghĩ điều gì, thì biết rõ mình đang nói, làm, nghĩ về điều đó và chỉ điều đó mà thôi, chẳng lo ra.

- Lậu-hoặc: xin nhắc lại, đó là các phiền-não như tham, giận, si-mê, nổi lên trong tâm rồi lộ ra bằng lời nói thô-ác hay hành-động xấu.

- Tu-hành tinh-tấn: tu-hành siêng-năng, có sự tấn-bộ.

- Dõng-mãnh: Dõng =Mãnh = mạnh-mẽ.

- Phóng-dật = buông-lung, chẳng biết tự-kềm-chế, lười-nhác.

- Trai-tăng: Trai = bữa ăn chay; Tăng = tu-sĩ Phật-giáo. Trai-tăng là tiếng nhà chùa, nói đến việc dưng-cúng thức-ăn, quần-áo cho tỳ-kheo.

- Hồi-hướng: Hồi = quay về; Hướng = nhìn thẳng về phiá đó; Hồi-hướng = nguyện công-đức tu-hành của mình sẽ đem lại phước-báo cho người mình đang hướng về, đang nghĩ đến.

- Công-đức = việc lành, đem lại phước-báo tốt về sau.

- Nguy-hiểm "Chết" = mối hiểm-nguy đang rình tất cả mọi người, chẳng sót một ai, đó là sự Chết.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một thương-gia muốn lưu lại một nơi thật lâu, chẳng biết mình sắp chết, được Đức Phật cho biết, mới tạo công-đức cúng-dường chư Tăng. Ý-nghĩa của Tích chuyện là: Vì Vô- thường là sự Chết đang rình chờ mọi người, chẳng biết lúc nào sẽ đến, nên ngay bây giờ, ta phải lo tu- tập để sớm được giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 286:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng: mọi người, bất luận là ai, cũng đều sắp chết cả, vậy phải lo tu-hành, tạo phước ngay bây giờ đi; đừng chần-chờ rồi sẽ hối-tiếc chẳng kịp nữa.

(212).- Tích chuyện bà Kỷ-sa-cơ.

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (93), trang 299.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bà Kỷ-sa-cơ có con bị chết.

Thuở ấy, bà Kỷ-sa-cơ rất đau-buồn vì đứa con trai vừa bị chết, đến xin Đức Phật cho thuốc cứu sống. Đức Phật bảo, hãy tìm một mớ hột cải ở gia-đình nào chẳng hề có người chết, đem về Đức Phật sẽ cho thuốc. Hột cải thì có, mà gia-đình chẳng người chết thì không. Khi trở lại gặp Đức Phật, bà Kỷ-sa-cơ được Phật dạy rằng: "Nầy Kỷ-sa-cơ, bà cứ tưởng chỉ có bà mới mất một đứa con thôi hay sao. Thần Chết đến mọi nhà, chẳng chừa ai, lôi họ đi ngay, trước khi đạt được một sở-nguyện nào."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Kẻ nào tâm-ý đắm-say
Cả đàn gia-súc, cả bầy cháu con.
Thần Chết bắt người còn mê đó,

Như làng đang ngủ, có lụt to.
(Kệ số 287.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Kỷ-sa-cơ: tên ngươi nầy, tiếng Pali là Kisàgotamì.

- Sở-nguyện: Sở = chỗ; Nguyện = điều mong-muốn. Sở-nguyện là điều ao-ước muốn có được.

- Gia-súc: Gia = nhà, Súc = thú-vật. Gia-súc là thú-vật nuôi trong nhà, như heo gà, vịt, trâu, bò.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Xin xem lại Tích chuyện đầy-đủ cùng Ý-nghĩa ở bài số (93), nơi các trang từ 299 đến 301 của Tập 2.

(2) Ý-nghĩa của bài kệ số 287:

Bài Kệ mang ý-nghĩa nầy: người còn đang say-đắm, mê-luyến về tài-sản, về con cháu, sẽ bị Thần Chết đến dẫn đi một cách bất-ngờ, cũng như dân-chúng trong làng đang ngủ say, bị cơn lụt to nửa đêm thình-lình cuốn trôi ra biển. Kết-luận: nên sớm chấm-dứt tham-luyến.

(213).- Tích chuyện bà Phả-tha-ca.

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (92).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bà Phả-tha-ca.

Chỉ trong một buổi sáng, bà Phả-tha-ca bị mất cả chồng, lẫn hai con. Rồi lại hay tin cha, mẹ, anh chị em cũng đều chết hết, bà hoá ra mất trí. Đến khi gặp Đức Phật, bà tỉnh lại và được nghe Ngài dạy rằng: "Nầy Phả-tha-ca, trước cái chết, con-cái, cha mẹ, họ-hàng, thân-hữu cũng chẳng thể làm gì để giúp đỡ được. Người hiền-trí, ngay khi còn khoẻ-mạnh, biết giữ-gìn giới-luật, và dọn-dẹp cho thật sạch-sẽ các chướng-ngại trên con đường đưa tới Niết-Bàn."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Một khi Thần Chết bắt mang đi,
Con cái, mẹ cha giúp được gì?
Cả trong vòng bà con, thân-hữu,
Ai là người bảo-bọc, hộ-trì?
(Kệ số 288.)
Người hiền-trí biết rành như thế,
Giới-luật giữ-gìn thật nghiêm-minh,

Mau khai quang chướng-ngại sạch-sẽ,
Dẫn đường tới Niết-Bàn vô-sanh.
(Kệ số 289.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phả-tha-ca: tên người nầy, tiếng Pali là Patàcàrà.

- Thân-hữu = bạn-bè.

- Hiền-trí: Hiền = hiền-lành; Trí = trí-huệ. Danh-từ Hiền-trí trong Phật-học chỉ vào người thông-hiểu Chánh-pháp, dạy lại cho kẻ khác; còn được gọi là bực Thiện-tri-thức.

- Giới-luật: các điều răn-cấm trong Đạo.

- Chướng-ngại = cản-trở. Các chướng-ngại làm cản-trở con đường đưa đến Niết-Bàn? Đó là mối độc to lớn: tham, sân, si. Cũng có thể nói đó là tam chướng, gồm có: (1) phiền-não-chướng (=phiền-não như tham, sân, si, mạn, nghi, v.v.); (2) sở-tri-chướng (= các sự hiểu-biết sai-lầm); (3) báo-chướng (chướng-ngại do tấm thân năm uẩn còn chịu nghiệp-báo).

- Hộ-trì: Hộ = bảo-hộ, bao-bọc; Trì = giữ-gìn. Hộ-trì là giúp-đỡ.

- Khai-quang = dọn dẹp cho trống-trải.

- Niết-bàn: cảnh-giới an-vui, tịch-tĩnh, tự-tại của người đã dứt trừ phiền-não và chứng được Vô-sanh. Theo giáo-lý Nam-tông, có hai thứ Niết-Bàn: (1) Hữu-dư Niết-Bàn, người chứng được còn chịu nốt nghiệp-báo của tấm thân năm uẩn (Tiếng Pali là Sopàdisesa Nibbàna Dhàtu); (2)Vô-dư Niết-Bàn, người chứng được vô-sanh, đã trút bỏ tấm thân năm uẩn, tự-tại trong tịch-diệt. (Tiếng Pali là Anupadisesa Nibbàna Dhàtu).

- Vô-sanh: Vô = chẳng; Sanh = sanh trở lại cõi Luân-hồi. Chứng được Vô-sanh là thoát khỏi vòng tái- sanh lẩn-quẩn của Luân-hồi lận-đận, được tự-tại trong cảnh an-lạc và vắng-vẻ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Xin xem lại Tích chuyện đầy-đủ cùng Ý-nghĩa ở bài số (92), nơi các trang 294 đến 298), Tập 2.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 288 và 289:

Ý-nghĩa của bài Kệ số 288: đến khi gần chết, chẳng có ai giúp-đỡ mình khỏi chết cả, dầu đó là con cái, cha mẹ, anh chị em, họ-hàng hay bạn-bè. Tại sao? Vì chẳng ai đã sanh ra mà lại khỏi chết cả; có sanh tất phải có chết.

Bài Kệ số 289 khuyên ta hai điều: (1) giữ giới-luật cho thật nghiêm-minh, để thanh-lọc thân-tâm, sống trong giới-đức vẹn-toàn; (2) dọn-dẹp thật sạch-sẽ các chướng-ngại, trên con đường đưa tới cảnh Niết- Bàn. Ba món độc lớn tham, sân, si là các chướng-ngại lớn

nhứt.

Người chứng vô-sanh, hết bị tái-sanh, làm sao mà chết nữa được?

-ooOoo-

[04]

XXI.- Phẩm Tạp-lục

214) Tích chuyện công-đức xưa của Đức Phật. - Kệ số 290. 215) Tích chuyện một bà hay ăn hột gà. - Kệ số 291. 216) Tích chuyện các tỳ-kheo đan dép cỏ. - Kệ số 292 và 293. 217) Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia, người thấp-lùn - Kệ số 294 và 295. 218) Tích chuyện con của người đốn củi. - Sáu bài Kệ, từ số 296 đến số 301. 219) Tích chuyện vị tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly. - Kệ số 302. 220) Tích chuyện về vị gia-chủ Chi-ta. - Kệ số 303. 221) Tích chuyện cô Chu-la-sử. - Kệ số 304. 222) Tích chuyện Trưởng-lão độc-cư Y-kha. - Kệ số 305.

XXII.- Phẩm Địa-ngục

223) Tích chuyện bà Sơn-đà-ly. - Kệ số 306. 224) Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên thấy ngạ-quỉ. - Kệ số 307. 225) Tích chuyện các tỳ-kheo tăng-thượng-mạn. - Kệ số 308. 226) Tích chuyện thanh-niên Khê-ma-ca. - Kệ số 309 và 310. 227) Tích chuyện vị tỳ-kheo xem nhẹ giới-cấm nhỏ. - Kệ số 311, 312, 313. 228) Tích chuyện người vợ ghen-tuông. - Kệ số 314. 229) Tích chuyện các tỳ-kheo qua muà an-cư nơi biên-ải - Kệ số 315. 230) Tích chuyện nhóm loã-thể Ni-kiền-tử. - Kệ số 316 và 317. 231) Tích chuyện nhóm người dị-giáo. - Kệ số 318 và 319.

XXIII.- Phẩm Voi

232) Tích chuyện bà Mã-can-di-hoa. - Kệ số 320, 321 và 322. 233) Tích chuyện người quản-tượng. - Kệ số 323. 234) Tích chuyện người cha già bị các con ruồng-bỏ. - Kệ số 324. 235) Tích chuyện vua Ba-tư-nặc ăn quá no. - Kệ số 325. 236) Tích chuyện Sa-di Sà-nhu. - Kệ số 326. 237) Tích chuyện con voi già. - Kệ số 327. 238) Tích chuyện con voi hầu-hạ Phật. - Kệ số 328, 329 và 330. 239) Tích chuyện Ma-vương cám-dỗ Phật. - Kệ số 331, 332 và 333.

XXIV.- Phẩm Tham-ái

240) Tích chuyện con cá vàng. - Kệ số 334, 335, 336 và 337. 241) Tích chuyện con heo nái - Sáu bài Kệ từ số 339 đến số 343 242) Tích chuyện tên trộm bị xử tử. - Kệ số 344 243) Tích chuyện các người tù bị xiềng-xích - Kệ số 345 và 346 244) Tích chuyện Hoàng-hậu Khê-ma - Kệ số 347 245) Tích chuyện người diễn trò nhào lộn - Kệ số 348 246) Tích chuyện người thiện-xạ - Kệ số 349 và 350 247) Tích chuyện Tôn-giả La-hầu-la bị Ma khuấy - Kệ số 351 và 352 248) Tích chuyện ẩn-sĩ Ưu-ba-ca - Kệ số 353 249) Tích chuyện Trời Đế-Thích thưa hỏi Phật - Kệ số 354 250) Tích chuyện một người tuyệt-tự - Kệ số 355 251) Tích chuyện vị Thiên-nam An-khư-ra - Kệ số 356, 357, 358, và 359

XXV.- Phẩm Tỳ-kheo.

252) Tích chuyện năm vị Tỳ-kheo cãi nhau về năm căn - Kệ số 360 và 361 253) Tích chuyện vị Tỳ-kheo giết con thiên-nga - Kệ số 363 254) Tích chuyện Tỳ-kheo Cơ-khả-ly - Kệ số 363 253) Tích chuyện Trưởng-lão Pháp-hỉ - Kệ số 364. 256) Tích chuyện vị Tỳ-kheo muốn ngả theo Đề-bà - Kệ số 365 và 366 257) Tích chuyện người bố-thí hoa quả đầu mùa - Kệ số 367 258) Tích chuyện mẹ của Trưởng-lão Sơn-na - Chín bài Kệ từ số 368 đến 376 259) Tích chuyện Tỳ-kheo nhìn hoa lài rơi khi ngồi Thiền - Kệ số 377 260) Tích chuyện Trưởng-lão San-ta-kha - Kệ số 378 261) Tích chuyện Trưởng-lãi Nan-ga-la - Kệ số 379 và 380 262) Tích chuyện Tỳ-kheo Hoa-kha-ly - Kệ số 381 263) Tích chuyện Sa-di Sữ-mã - Kệ số 382

XXVI.- Phẩm Bà-la-môn

264) Tích chuyện vị Bà-la-môm gọi tâng cac vị Tỳ-kheo - Kệ số 383 265) Tích chuyện về hai pháp: Chỉ và Quán - Kệ số 384 266) Tích chuyện Ma-vương thưa hỏi Phật - Kệ số 385 267) Tích chuyện một vị Bà-la-môn hỏi Phật - Kệ số 386 268) Tích chuyện Tôn-giả A-nan nhìn hào-quang Phật - Kệ số 387 269) Tích chuyện một vị Bà-la-môn ẩn-sĩ - Kệ số 388 270) Tích chuyện nhẫn-nhục của Tôn-giả Xá-lợi-phất - Kệ số 389 và 390 271) Tích chuyện Ni-bà Ba-xà-ba-đề - Kệ số 391 272) Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất lạy mỗi đêm - Kệ số 392 273) Tích chuyện vị Bà-la-môn Gia-thi-la - Kệ số 393 274) Tích chuyện vị Bà-la-môn lừa gạt - Kệ số 394 275) Tích chuyện Ni-bà Kỷ-sa-cơ tu khổ-hạnh - Kệ số 395

276) Tích chuyện vị Bà-la-môn ở Xá-vệ đến hỏi Phật - Kệ số 396 277) Tích chuyện Tỳ-kheo Úc-ga - Kệ số 397 278) Tích chuyện đấu trâu - Kệ số 398 279) Tích chuyện bốn anh em lỗ-mãng - Kệ số 399 280) Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất bị mẹ nhiếc-móc - Kệ số 400 281) Tích chuyện Ni-bà Bích-Liên - Kệ số 401 282) Tích chuyện người nô-lệ đắc quả A-la-hán - Kệ số 402 283) Tích chuyện Ni-bà Khê-ma - Kệ số 403 284) Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa và vị thần-linh - Kệ số 404 285) Tích chuyện vị Tỳ-kheo bị đánh-đập - Kệ số 405 286) Tích chuyện bốn vị Sa-di - Kệ số 406 287) Tích chuyện Trưởng-lão Đại-Phan - Kệ số 407 288) Tích chuyện Trưởng-lão Phí-linh-đa - Kệ số 408 289) Tích chuyện vị Tỳ-kheo lượm vải - Kệ số 409 290) Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất và việc dâng y - Kệ số 410 291) Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên bị hiểu lầm - Kệ số 411 292) Tích chuyện Sa-di Lê-va-ta - Kệ số 412 293) Tích chuyện Trưởng-lão Can-đà - Kệ số 413 294) Tích chuyện Trưởng-lão Sĩ-hoa-ly - Kệ số 414 295) Tích chưyện Trưởng-lão Sơn-đà - Kệ số 415 296) Tích chuyện Trưởng-lão Gia-tị-la - Kệ số 416 297) Tích chuyện Giô-thi-ca 298) Tích chuyện Trưởng-lão Na-ta-bút (1) - Kệ số 417 299) Tích chuyện Trưởng-lão Na-ta-bút (2) - Kệ số 418 300) Tích chuyện Trưởng-lão Van-di-sa - Kệ số 419 và 420 301) Tích chuyện Ni-bà Đàm-ma - Kệ số 421 302) Tích chuyện Trưởng-lão Chi-man - Kệ số 422 303) Tích chuyện ông Đề-va-hy - Kệ số 423

Xin thưa nốt vài điều.

-ooOoo-

XXI.- Phẩm TẠP-LỤC.

(214).- Tích chuyện cômg-đức xưa của Đức Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các công-đức về tiền-kiếp của Đức Phật Thích-ca.

Thuở ấy ở xứ Tỳ-da-ly, trời hạn-hán, cỏ cây khô-héo, muà-màng ruộng vườn đều hư-hỏng, gây nên nạn đói-kém nặng-nề; nhiều người chết đói. Thây người nằm ngổn-ngang chẳng được chôn-cất, khiến bịnh dịch lan-tràn. Theo mùi tử-khí, các bầy ác-quỉ đến gây thêm tác-hại. Dân chúng chẳng biết tìm đường nào để sống-sót. Họ nghe nói có Đức Phật ở nước Xá-vệ, lòng từ-bi thường hay cứu khổ, cứu nạn cho chúng-sanh, nên mới cử người đến thưa cùng các vị hoàng-tử xứ Ly-xa, đến thỉnh Đức Phật. Vương-tử Đại-ly mới cùng một phái-đoàn các người Ba-la-môn trong vùng, đến yết-kiến vua Tần-bà- sa-la nhờ nhà vua đến thỉnh Đức Phật, vì hiện Ngài đang ngụ gần thành Vương-xá, thủ-đô xứ Ma-kiệt- đà của vua Tần-bà-sa-la.

Khi vua Tần-bà-sa-la đến gặp Đức Phật, trình-bày sự thống-khổ của dân-chúng trong xứ Tỳ-da-ly, Đức Phật liền nhận lời đến viếng xứ ấy, trước là giúp đỡ các nạn-nhơn đói-khổ, sau là để tạo cơ-duyên tốt cho dân-chúng trong vùng biết đến Chánh-pháp và chứng-đắc quả-vị. Vua Tần-bà-sa-la rất vui lòng, ra lịnh sửa-sang đường-xá từ thành Vương-xá đến tận bờ sông Hằng, cứ độ vài do-tuần, cho dựng một nhà nghỉ mát, có đầy đủ tiện-nghi về thực-phẩm. Bên kia bờ sông Hằng, vương-tử Đại-ly cũng chuẩn- bị y như thế, từ bờ sông đến thành Tỳ-da-ly. Đến ngày lên đường, Đức Phật cùng với đông-đảo tỳ-

kheo rời thành Vương-xá, ngày đi đêm nghỉ; vua Tần-bà-sa-la theo tiễn chơn đến bờ sông Hằng, rồi mới quay về.

Hôm Đức Phật và chư tăng vừa vượt qua khỏi sông Hằng, trời đổ mưa dầm liên-tiếp trong nhiều ngày, nước chảy tràn khắp, cuốn các tử-thi ở Tỳ-da-ly trôi theo sông ra biển cả. Nhờ đó, quang-cảnh ở Tỳ- da-ly được đổi mới, sạch-sẽ; bầu không-khí trở nên dễ chịu, uế-khí tan-rả, các loài chim kên-kên ăn xác người chết bỏ bay đi cả; bịnh dịch ngưng lan-tràn. Đức Phật lại khiến Tôn-giả A-nan cùng một số tỳ-kheo đi diễn-hành qua đường-phố trong thành, vừa đi vừa đọc tụng Kinh Tam-Bảo. Nghe tiếng tụng Kinh, các ác-quỉ hoảng-sợ, bỏ chạy cả, và các bịnh-nhơn lần lần hồi-phục, cùng rủ nhau theo sau Tôn- giả đến hầu Đức Phật . Trong bảy ngày liền, Đức Phật giảng Kinh Tam-Bảo, và Tôn-giả A-nan hằng ngày hướng-dẫn các tỳ-kheo đi vòng quanh thành tụng-đọc Kinh ấy. Thành Tỳ-da-ly trở lại bình- thường sau một tuần-lễ. Các vị hoàng-tử xứ Ly-xa rất vui mừng, mở đại-hội bố-thí và cúng-dường Đức Phật cùng chư Tăng rất là trọng-thể. Sau đó, các vị hoàng-tử và dân-chúng cùng đi tiễn Đức Phật và chư Tăng trở về, đến tận bờ sông Hằng.

Bên kia bờ sông Hằng, vua Tần-bà-sa-la cùng với quan-dân đang chờ đón Đức Phật và chư Tăng, trong khung-cảnh thật tưng-bừng và trang-nghiêm. Trên không-trung, chư Thiên nghinh đón trong tiếng nhạc trời. Long-vương, vua loài rồng, cùng quyến-thuộc cũng có mặt. Sau khi mọi người đảnh-lễ và dưng-cúng lễ-vật lên tăng-đoàn xong, Long vương thỉnh Đức Phật cùng chư tỳ-kheo ngồi lên thuyền rồng, trang-hoàng bằng các loại hoa sen màu sắc thật rực-rỡ, đi viếng Long-cung. Đức Phật muốn tỏ lòng quí-trọng

Long-vương, nên nhận lời. Ngài thi-triển thần-thông, ánh-sáng năm màu chiếu rực-rỡ lên; quang-cảnh ấy giống như khi trước, lúc Đức Phật vừa từ cung Trời Đao-lợi trở lại thế-gian.

Khi cả đoàn trở về thành Vương-xá, các tỳ-kheo rất hoan-hỉ được chứng-kiến cảnh tráng-lệ vừa qua, vô cùng khen ngợi công-đức của Đức Phật trong việc cứu-độ dân-chúng ở Tỳ-da-ly. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, chẳng phải vì việc cứu-độ vừa qua, hay đã thi-triển thần-thông trên sông Hằng, mà nay Như-Lai được sự cúng-dường trọng-thể. Đó thật ra là nhờ trong đời quá-khứ, Như-Lai đã có nhiều công-đức tuy nhỏ nhưng đã đem đến các phước-báu ngày nay." Rồi Đức Phật mới kể lại tiền-kiếp, như sau:

Vào thuở xa-xưa, ở thành Ta-xi-la, có một người Bà-la-môn tên là San-kha, có được một người con trai tên Sử-sĩ-mã rất thông-minh.Ông San-kha gởi con đến học với một vị Bà-la-môn khác về khoa thiên-văn. Sử học rất tấn-bộ, chẳng bao lâu, kiến-thức đã ngang với thầy, nên được thầy giới-thiệu đến thọ-giáo với một vị Bích-chi-Phật. Vị nầy bảo Sử, phải thọ-giới làm tỳ-kheo, mới được chỉ-dạy. Sử vâng lời và từ đó giữ-gìn giới-luật rất đầy-đủ, tu-tập thiền-định rất tinh-tấn, trong một thời-gian đã tự mình chứng-ngộ được Bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu và đắc quả-vị Bích-chi-Phật. Nghiệp-báo đời trước đã sớm dứt, nên Sử-sĩ-mã chẳng sống lâu thêm, liền nhập Niết-bàn. Ông San-kha tìm đến Ta-xi-la thăm con, hay tin con đã nhập-diệt, lòng rất đau-buồn, mới thiêu-xác con, lấy xá-lợi đem thờ trong ngôi tháp. Hằng ngày, ông quét dọn sạch-sẽ chung quanh tháp, trang-trí với nhiều bông hoa rừng đẹp-đẽ. Đức Phật kết-thúc câu chuiyện: "Chính nhờ công-đức dựng tháp để kính-lễ một vị Bích-chi-Phật đó mà ngày nay Như-lai hưởng được phước-báu cúng dường vừa qua của Trời và người."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chính nhờ từ bỏ dục-lạc nhỏ,
Mà ta tìm thấy phước-lạc to.
Thú vui nhỏ-nhặt, người hiền bỏ,
Phước lớn Niết-Bàn, cố tìm lo.
(Kệ số 290.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tạp-lục: Tạp = có nhiều thứ khác nhau, lẫn-lộn; Lục = ghi chép. Phẩm Tạp-lục ghi chung lại các bài Kệ có nhiều đề-mục khác nhau.

- Tiền-kiếp Tiền = trước; Kiếp = nhiều đời; Tiền-kiếp là các cuộc đời trước, trước đời hiện-tại nầy.

- Thành Ty-da-ly, xứ Ly-xa: tên các địa-danh nầy, tiếng Pali là thành Vesàli, xứ Licchavi, ở miền Bắc Ấn-độ xưa.

-Hạn-hán = trời nắng lâu ngày chẳng mưa, thiếu nước nên cây cỏ khô-héo.

- Bịnh dịch = bịnh truyền-nhiễm lây nhanh sang kẻ khác, dễ chết.

- Tác-hại: Tác = làm; Hại = tổn-hại; Tác-hại là tàn-ác gây tổn-hại.

- Từ-bi: Từ = thương người mà mang lại niềm vui; Bi = xót, tội-nghiệp cho kẻ khác mà cứu khổ họ.

- Vua Tần-bà-sa-la, thành Vương-xá, nước Ma-kiệt-đà: tiếng Pali: vua Bimbisara, thành Ràjagaha, nước Magadha, xưa ở miền Bắc Ấn.

- Chánh-pháp: giáo-lý của Đức Phật, tiếng Pali là Dhamma.

- Sông Hằng: một con sông lớn ở Ấn-độ, tiếng Pali là Gangà.

- Do-tuần: đơn-vị đo chiều dài đường-xá, hơn một cây-số; tiếng Pali là Yojana.

- Tử-thi: Tử = chết; Thi = thây ma; Tử-thi là thây chết chưa chôn cất

- Uế-khí: Uế = dơ bẩn; Khí = hơi; Uế-khí ở đây là mùi hôi-thối.

- Đi diễn-hành: Diễn = trải qua; Hành = đi; Đi diễn-hành là nhiều người đi trong trật-tự, từ-từ bước qua các đường phố lớn trong thành.

- Kinh Tam-Bảo: Tam = ba; Bảo = kho-tàng quí-báu. Trong Phật-học, chữ Tam-Bảo nói về sự quí-báu của (1) Đức Phật, (2)Chánh-pháp của Phật và (3) Tăng-già, đoàn-thể các đệ-tử tu theo giáo-lý của Phật. Tiếng Pali là Ratana Sutta (Ratana = kho báu; Sutta = Kinh). Chữ Tam Bảo thường được nói gọn là: Tam-Bảo = Phật, Pháp, Tăng.

- Đại-hội bố-thí: cuộc bố-thí, phát chẩn, tặng cơm gạo, quần-áo cho những người nghèo-khổ.

- Cúng-dường: đọc trại từ chữ Hán-Việt: cung-dưỡng; cung = cung-cấp; dưỡng = nuôi-dưỡng.

- Trọng-thể: Trọng = lớn, nặng; Thể = hình-thể; Trọng-thể là rất lớn, rất trang-trọng.

- Chư Thiên = Chư = số nhiều, số đông; Thiên = Trời.

- Long-vương: Long = rồng; Vương = vua.

- Quyến-thuộc: Quyến = gia-quyến, bà-con; Thuộc = thân-thuộc, họ-hàng.

- Long-cung: Long =rồng; Cung = cung-điện.

- Thi-triển thần-thông = biến-hoá ra các phép-tắc lạ-thường; ở đây, Đức Phật phóng hào-quang (= phát ra ánh-sáng) năm màu rực-rỡ.

- Đức Phật từ cung Trời Đao-lợi trở lại thế-gian: sau khi giảng pháp ở trên cõi Trời Đao-lợi cho mẹ nghe, Đức Phật trở lại chùa Kỳ-viên, ở thế-gian nầy. Xin xem lại Tich chuyện số 149, trang 464, Tập 3

- Tráng-lệ = thật hết là đẹp-đẽ.

- Thành Ta-xi-la: tên thành nầy ở nước Xá-vệ, tiếng Pali là Taxila

- San-kha, Sử-sĩ-mã: các tên nầy, tiếng Pali là Sankha, Susìma.

- Bà-la-môn: phiên-âm chữ Brahmana, giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ.

- Thiên-văn: khoa-học khảo-sát các vị tinh-tú trong không-gian.

- Kiến-thức: Kiến = thấy; Thức = biết; Kiến-thức là sự hiểu-biết.

- Thọ-giáo: Thọ = nhận lãnh; Giáo = chỉ dạy. Thọ-giáo = theo học.

- Bích-chi-Phật: vị tu-hành tự mình giác-ngộ và giải-thoát vào thời chẳng có Chánh-pháp của một đức Phật nào. Tiếng Pali là Pacceka-Buddha, còn được dịch là Duyên-giác. Vị Bích-chi-Phật chỉ có sự tự- giác, chẳng có sự giác-tha (giúp cho kẻ khác giác-ngộ theo).

- Bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu: chữ Hán-Việt là Tứ-Diệu-Đế, gồm có: (1)Khổ-đế, đời là Khổ; (2) Tập-đế, nguyên-nhơn của Khổ là Tham-ái; (3) Diệt-đế, sự tận-diệt hết Khổ, tức là Niết-bàn; (4) Đạo-đế, con đường đưa đến cảnh hết Khổ(Niết-bàn), tức là Bát-Chánh-Đạo.

- Niết-Bàn: chữ Phạn là Nirvana, chữ Pali là Nibbana, cảnh-giới đã dứt hết mọi khổ. Người chứng Niết-Bàn đã diệt hết mọi phiền-não, lià mọi tham-dục, hằng sống tự-tại trong cảnh tịch-diệt, hết tái- sanh.

- Nhập-diệt: Nhập = vào; diệt = tiêu mất. Nhập-diệt tức là chết đi.

- Dục-lạc: Dục = ham-muốn; Lạc = vui; Dục-lạc là ham các thú vui về vật-chất, về thân-xác; vì dục- lạc chỉ là tạm-bợ.

- Phước-lạc: niềm vui chơn-thật và bền-vững về tinh-thần; Phước-lạc ở đây là hạnh-phước thoát được mọi khổ, tự-tại trong Niết-Bàn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất dài, có thể chia ra làm ba phần: (1) nạn chết-đói vì hạn-hán ở Tỳ-da-ly; (2) Đức Phật cứu-độ dân-chúng ở Tỳ-da-ly; (3) trong một tiền-kiếp làm người Bà-la-môn, Đức Phật có công xây tháp và kính-lễ một vị Bích-chi-Phật.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là sự tiếp-đón long-trọng của Trời, Người trong dịp Đức Phật đến thành Tỳ- da-ly để cứu nạn cho dân-chúng, chẳng phải vì công-đức cứu-độ đó mà được hưởng phước-báu, mà chính là do trong một tiền-kiếp làm người Bà-la-môn, Ngài đã xây tháp thờ-cúng một vị Bích-chi-Phật, nên nay Ngài mới được sự cung-kính của Nhơn,Thiên. Ý Đức Phật muốn khuyên ta đừng bỏ qua các việc thiện nhỏ, phải dứt-bỏ các thú-vui nhỏ mà tìm phước-báu lớn là được chứng-nhập cảnh Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 290:

Tuy bài Kệ chỉ có bốn câu ngắn, gọn, dễ hiểu, nhưng tầm quan-trọng đối với người tu tại-gia rất là to lớn. Tại sao? Vì bài Kệ vạch rõ hai con đường: một đường chạy theo các thú-vui vật-chất, thoả-mãn

các nhu-cầu thể-xác, tạm thời; còn một đường nêu rõ phước-báu to lớn, được thoát khỏi vĩnh-viễn cảnh khổ-đau của cuộc đời, ra khỏi vòng sanh-tử, tử-sanh lẩn-quẩn của cõi Luân-hồi lận-đận và chứng được cảnh-giới an-vui, tự-tại của Niết-Bàn. Bài Kệ dạy rõ: từ bỏ các thú-vui nhỏ, để cố tìm lo chứng được Niết-Bàn là phước-báu to lớn, bền chặt nhứt. Bằng cách nào? Học-tập và ứng-dụng Chánh-pháp trong cuộc sống hằng ngày.

Nói cách khác, bài Kệ chỉ ra hai con đường: sống buông-trôi theo thú-vui vật-chất tạm-bợ, để phải chịu khổ triền-miên trong cảnh tái-sanh, và lối sống tu-hành, biết khước-từ các dục-lạc (ham-muốn về thể- xác), tìm theo các lạc-thú tinh-thần, dẹp hết phiền-não, dứt mọi lậu-hoặc, để sớm chứng-đắc cảnh an- nhiên, tự-tại của Niết-Bàn. Con đường nào đưa tới Niết-Bàn? Đó là con đường thánh-đạo, tức là Bát- Chánh-Đạo.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để ghi nhớ sự so-sánh giữa hai việc: dục-lạc nhỏ và phước-báu lớn.

2.- Tập dứt bỏ các thói-quen nhỏ mà xấu, như: mỗi sáng, khi tỉnh-giấc, hay "nằm nướng" trên giường; nay hăng-hái ngồi dậy rửa mặt, lo đi ngồi thiền hay niệm Phật ngay.

3) Tập khước-từ vài thú-vui nhỏ như ngồi nán xem thêm phim Chưởng, nên tắt sớm Tivi, lên giường xem qua vài đoạn Kinh rồi dỗ giấc ngủ.

4) Chứng được Niết-Bàn là điều cao-xa đối với người tu tại-gia, nhưng nhường-nhịn nhau một câu khiến cho gia-đình khỏi rầy lộn, từ-chối lời mời của bạn ghé quán rượu "nhậu sơ ba sợi", để về nhà sớm phụ vợ dọn cơm cho vui, thì sẽ khỏi bị ... cằn-nhằn, lỗ tai khỏi phải "nhức-nhối", tâm khỏi hờn mát, tránh được những cái khổ... nho-nhỏ đó, đấy là đang bước đến ngưỡng cửa của Niết-Bàn ở thế- gian!

(215).- Tích chuyện một bà hay ăn hột gà.

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện Nữ-quái Kha-ly, số (4),trang 17, Tăp 1.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người đàn-bà hay ăn hột gà.

Thuở ấy, ở một làng gần thành Xá-vệ, có một người đàn-bà nuôi một con gà mái đẻ trứng; mỗi ngày, gà vừa đẻ xong, bà lượm trứng đem vào bếp, luộc ăn. Con gà mái lòng đau-khổ vì mất trứng chẳng nở gà con, nên phát lời nguyền sẽ trả mối thù đó. Trong kiếp tới, gà mái đầu-thai làm mèo, còn người đàn- bà lại thành gà mái, bao nhiêu gà con sanh ra lần-lượt bị mèo cắn chết hết. Đến kiếp tới, một đàng sanh làm beo gấm ăn thịt nai con của nai-mẹ. Cứ thế mà mối thù truyền kiếp kéo dài hết đời nầy sang đời khác. Cho đến khi Đức Phật thị-hiện ở nước Xá-vệ, thì một đàng sanh ra làm đàn-bà, còn một đàng làm ngạ-quỉ.

Một hôm, người đàn-bà cùng chồng, bồng con về thăm quê mẹ. Dọc đường, trời nóng, người chồng xuống ao tắm; người đàn-bà bỗng trông thấy ngạ-quỉ đi tới, chực bắt con mình, mới lật-đật bồng con, chạy vào chùa Kỳ-viên, đặt con dưới chơn Đức Phật nhờ

che-chở. Ngạ-quỉ rượt theo đến cổng chùa, bị ngăn lại. Đức Phật nhìn thấy, bảo cứ cho vào, để Ngài phán dạy. Sau khi nghe hai bên trình-bày mối thù truyền-kiếp, Đức Phật bảo: 'Nầy hai tín-nữ, nếu hai bà chẳng đến đây gặp Như-Lai, thì mối thù truyền-kiếp giữa hai bà chẳng bao giờ chấm-dứt. Hận-thù đâu dập-tắt được hận-thù. Chỉ có lòng từ-bi mới khiến hận-thù được giải-kết."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà người đàn-bà chứng được sơ-quả Tu-đà-huờn và ngạ-quỉ xin quy-y Tam-Bảo:

Ai gieo đau-khổ cho người,
Để tìm hạnh-phước vui-tươi cho mình;
Kẻ ấy bị hận-tình ràng-buộc
Biết bao giờ thoát được oán-thù.
(Kệ số 291.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đầu-thai: Theo giáo-lý nhà Phật, mỗi chúng-sanh mãn đời nầy được tái-sanh vào đời sau; khi nhập vào thai mẹ, gọi là đầu-thai.

- Truyền-kiếp = kéo dài từ đời nầy sang nhiều đời khác.

- Thị-hiện: Thị = bày tỏ ra; Hiện = nổi lên, cho thấy rõ; chữ Thị-hiện ở đây muốn nói Đức Phật giáng- sanh ở cõi đời nầy, hiện lên cho thấy.

- Ngạ-quỉ: quỉ đói; một hạng chúng-sanh thuộc đường dữ, bụng to, cổ nhỏ, thường bị đói-khát. Tiếng Pali là Peta.

- Giải-kết: Giải = mở ra; Kết = buộc lại. Giải-kết là mở chỗ buộc ra

- Sơ-quả Tu-đà-huờn: Sơ = đầu-tiên; Quả = quả-vị, kết-quả tu-hành thành-công. Tu-đà-huờn là quả-vị thứ nhứt, còn gọi là Nhập-lưu, được vào dòng Thánh, hoặc Thất-Lai, chỉ còn tái-sanh cõi người bảy lần nữa; tiếng Pali là Sotàpatti.

- Quy-y Tam-Bảo: Quy = trở về; Y = nương-tựa; Tam = ba; Bảo = ngôi báu; Quy-y Tam-Bảo là nương-tựa tinh thần vào ba ngôi báu; tức là tin-tưởng vào Phật, Pháp và Tăng.

- Hận-tình = tình-cảm thù-oán; như chữ Hận-thù.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện Nữ-quái Kha-ly, có ý-nghĩa dạy ta, thù-oán chỉ nên cởi mở ra, chớ đừng đem thù trả oán; thù-oán vì thế cứ kéo dài mãi chẳng thôi, ràng-buộc cả hai bên, chẳng bao giờ được giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 291:

Ý-nghĩa của bài Kệ rất rõ-ràng, khuyên ta chớ nên vì hạnh-phước của mình, gây thù-oán với kẻ khác. Vì thù-oán gây ra ràng-buộc, khiến ta phải mắc vòng Luân-hồi mãi, chẳng giải-thoát được.

HỌC TẬP:

1.- Học thuộc lòng bài Kệ, để dạy trẻ, anh chị em trong nhà chớ giận nhau, chẳng chịu nhìn mặt, hay nói chuyện cùng nhau.

2.- Ăn hột gà, có tội sát-sanh không? Hột gà có "trống", có mầm-mống của gà-con sẽ nở ra. Nếu không, chẳng có tội sát-sanh.

(216).- Tích chuyện các tỳ-kheo đan dép cỏ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại thành Bá-đi-gia, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các vị tỳ- kheo lo đan dép cỏ để mang.

Thuở ấy, tại một tu-viện ở thành Bá-đi-gia, có một số tỳ-kheo để công ra tìm cỏ lau, đan thành dép và dùng hoa khô trang-trí lên quai dép. Đức Phật biết được sự-việc đó, mới quở rằng: "Nầy các tỳ-kheo, các ông đã từ-bỏ đời sống thế-tục, gia-nhập Tăng-đoàn là để lo tu-hành cho sớm được giác-ngộ và giải-thoát. Cớ sao lại lãng-phí thì-giờ, lo đan dép cỏ, kết hoa khô vào quai, mang đi để khoe đẹp?"

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây, nhờ đó mà một số tỳ-kheo biết nỗ-lực hành-thiền, sớm chứng được quả-vị A-la-hán:

Chẳng làm điều đáng làm,
Chẳng nên làm, lại làm.
Thiếu tỉnh-giác, kiêu-căng,
Lậu-hoặc ắt gia-tăng.
(Kệ số 292.)
Năng quán thân bất-tịnh,
Siêng làm điều đáng làm,
Tránh điều chẳng nên làm,
Thông-suốt và giác-tỉnh,
Lậu-hoặc ắt tiêu-trừ.
(Kệ số 293.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bá-đi-gia: tên thành-phố nầy tiếng Pali là Baddiya.

- Thế-tục: Thế = đời; Tục = thường; Đời sống thế-tục là đời sống thường, có gia-đình, trong xã-hội.

- Tăng-đoàn: Tăng = tu-sĩ Phật-giáo. Cứ bốn vị tăng trở lên tu chung với nhau, thành một Tăng-đoàn. Tiếng Pali là Sangha, Tăng-già

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, dứt hết phiền-não, lìa bỏ mọi ham-muốn, thoát khỏi cảnh khổ Luân-hồi, chứng được Niết-Bàn an-vui, tự-tại. Tiếng Pali là Arahant.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = chẳng mê; Giác = biết. Người tỉnh-giác khi làm, nói, nghĩ điều gì thì trong tâm biết rõ mình đang làm, nói hay nghĩ về điều ấy, và chỉ điều ấy mà thôi, chẳng hề lo ra, luôn luôn chú-ý.

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = điều sái-quấy. Chữ Lậu-hoặc chỉ các điều sái-quấy khởi lên trong lòng, bộc-lộ ra (=rỉ-chảy) bằng hành-động xấu, hay lời nói thô-ác. Cùng nghĩa với chữ phiền- não.

- Kiêu-căng = làm phách, tự-cao và khoe-khoang.

- Quán = ngồi Thiền, tâm yên-tịnh và suy-nghĩ sâu-xa về một đề-tài; thường nói là quán-tưởng hay quán-chiếu.

- Quán Thân bất-tịnh: Bất = chẳng; Tịnh = sạch. Quán Thân bất-tịnh là suy-nghi sâu-xa về tấm thân vật-chất nầy, bề ngoài xem là đẹp mà bên trong chứa nhiều chất dơ-dáy, như máu, mủ, ghèn, nước tiểu, phẩn, v.v. Do quán thấy chỗ dơ trong thân mà sanh ra nhàm-chán thân, chẳng chạy theo sắc đẹp nữa; nhờ đó mà biết thân nầy sẽ tan-rả theo lẽ Vô-thường. - Phép qán Thân bất-tịnh là một trong bốn phép quán của Tứ-niệm-xứ: (1) quán Thân bất-tịnh; (2) quán Thọ (= cảm-giác) là khổ; (3) Tâm là vô-

thường; (4) Pháp (= muôn sự-vật) là vô-ngã Tu theo phép quán Tứ-niệm-xứ được thuần-thục, thông- suốt được ba lẽ: Khổ, Vô-thường, Vô-ngã thì sẽ chứng được quả-vị A-la-hán.

- Gia-tăng, Tiêu-trừ: Gia = thêm lên; Tăng = hơn lên; Tiêu = mất; Trừ = bớt. Hai chữ Gia-tăng và Tiêu-trừ nầy đối-nghịch nhau, một đàng thì thêm lên, còn một đằng mất đi hết.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, Đức Phật quở các tỳ-kheo đan dép, chẳng lo hành Thiền, cho chóng được giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 292 và 293:

Bài Kệ trước nói khi nào lậu-hoặc gia-tăng; bài Kệ sau chỉ cách tiêu-trừ lậu-hoặc. Cách nào? Phải luôn luôn tỉnh-giác, nỗ-lực tu-tập quán-chiếu về thân bất-tịnh.

(217).- Tích chuyện Trưởng-lão Phát-di-gia, người thấp-lùn.

Tích chuyện nầy hơi giống các Tích chuyện: số (65) và số (197).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Trưởng-lão Phát-di-gia, người thấp-lùn.

Thuở ấy, có một nhóm tỳ-kheo từ phương xa đến yết-kiến Đức Phật. Lúc bấy giờ, có Trưởng-lão Phát- di-gia dáng người thấp-lùn, đang đứng ở cuối phòng. Đức Phật hướng

về phía Trưởng-lão, bảo các vị tỳ-kheo rằng: 'Nầy chư tỳ-kheo, các ông có trông thấy vị Tăng đang đứng phía kia không? Đó là người đã giết xong cha cùng mẹ, nay ra đi nhẹ-nhàng, chẳng còn chút khổ-đau nào cả." Vừa nghe xong lời nói của Đức Phật, chúng tỳ-kheo rất ngạc-nhiên, chẳng hiểu được thâm-ý của Đức Phật, mới xin Đức Phật giải-thích thêm.

Đức Phật liền đọc hai bài Kệ sau đây để giải-thích lời ẩn-dụ:

Giết cha NGÃ-MẠN, mẹ ÁI-DỤC,
Diệt ĐOẠN-KIẾN,THƯỜNG-KIẾN hai vua,
Tổng-Tài ÁI-LUYẾN vừa thu-phục,
Vương-quốc MƯỜI HAI XỨ đánh thua,
Phạm-Chí ra đi chẳng sầu-muộn.
(Kệ số 294.)
Giết cha, giết mẹ vừa xong,
Bà-la-môn dòng hai chúa, giết luôn.
Ngũ hổ-tướng NGHI-NAN diệt hẳn,
Phạm-Chí ra đi chẳng ưu-phiền.
(Kệ số 295.)
Xin lưu-ý: Tích chuyện và Bài Kệ mới đọc qua, thấy khó hiểu, vì ý của Đức Phật được nói ra thành lời ẩn-dụ, nghĩa là nói thí-dụ một cách thầm-kín; vì thế mà khó hiểu được ngay. Xin chịu khó đọc qua PHẦN TÌM HIỂU, rồi trở lại đọc Tích chuyện và hai bài Kệ, sẽ rõ hơn.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phát-di-gia: tên vị Trưởng-lão thấp-lùn nầy, tiếng Pali là Bhaddiya

- Thâm-ý: Thâm = sâu-kín; Ý = ý-tưởng; Thâm-ý là ý sâu bên trong, tuy khó hiểu liền, nhưng đó mới thật là ý của người muốn nói.

- Lời ẩn-dụ: Ẩn = dấu kín; Dụ = thí-dụ. Lời ẩn-dụ là lời nói thí-dụ một cách bóng-bẩy, ý sâu dấu-kín trong sự so-sánh của thí-dụ. Như muốn nói, tôi đói bụng, mà lại nói, trong bụng tôi có kiến cắn, vì bụng đói cồn-cào, tựa như bị con kiến cắn vậy. Ở đây, Đức Phật nói giết cha, giết mẹ, là ý Ngài muốn nói, đã diệt xong các nguyên-nhơn khiến ta phải tái-sanh ra lại; vì các nguyên-nhơn đó làm cho ta tái- sanh, thì chúng cũng như là cha, là mẹ đã sanh ra ta vậy. Hễ diệt được các nguyên-nhơn gây tái-sanh nầy xong, thì thoát khỏi vòng Luân-hồi, tức là đâu còn phải sanh lại để chịu đau-khổ nữa. Nguyên- nhơn nào gây ra sự tái-sanh? Đó là ngã-mạn và ái-dục.

- Ngã-mạn: Ngã = ta; Mạn = kiêu-mạn, tự-cao. Ngã-mạn, tiếng thường là làm phách, coi Ta là hơn cả, chẳng muốn Ta bị thua thiệt, bị hao-mòn, bị chết mất. Vì còn quá trọng cái Ta như thế, nên khi lìa đời, chẳng muốn cái Ta mất đi, cho nên phải tái-sanh để cái Ta tiếp-tục sống nữa, đó là nguyên-nhơn gây ra tái-sanh vậy. Vì thế, Đức Phật gọi ngã-mạn

là "cha". Tiếng Pali gọi ngã-mạn là Mana.

- Ái-dục: Ái = thương, thích; Dục = ham-muốn. Ái-dục là một tình-cảm sâu-đậm nhứt của con người, thúc-dục ta phải khao-khát, đòi hỏi chiếm cho được điều mình thương, việc mình thích; như thèm-khát các thú-vui vật-chất, thoả-mãn các giác-quan, hưởng-thọ khoái-lạc giữa nam-nữ, tất cả những dục-lạc do cuộc sống mang lại. Vì sự khao-khát đó, nên sanh ra sự cố bám chặt vào đời sống sướng thì ít mà khổ lại nhiều nầy; do đó, ái-dục được Đức Phật xem là nguyên-nhơn gây ra Khổ, trong Chơn-lý thứ hai của Tứ Diệu-đế, tức là Tập-đế. Vì ái-dục là nguyên-nhơn gây ra cảnh Khổ trong cuộc tái-sanh trong vòng Luân-hồi, cho nên Đức Phật mới ví như bà mẹ sanh con vậy. Tiếng Pali gọi ái-dục là Tanhà.

- Đoạn-kiến: Đoạn = cắt rời, làm đứt đoạn; Kiến = ý-kiến. Đoạn-kiến là một tà-kiến, một tư-tưởng sai- lầm, cho rằng con người khi chết đi là hết, chẳng còn gì nữa, chẳng có đời sau, cũng như chẳng có đời trước; đó là "cắt đứt" cuộc sống vốn vô-thủy, vô-chung (= chẳng biết lúc bắt đầu, cũng chẳng biết khi nào chấm dứt), chẳng có quả-báo chi cả. Người chấp vào đoạn-kiến chỉ biết làm sao để hưởng-thụ thật nhiều ngay trong hiện-tại, chẳng kể chi thiện-ác, vì họ đâu có tin vào Luật Nhơn-quả, chết đi là hết cả kia mà. Vì đoạn-kiến khiến họ có lối sống như thế, nên đoạn-kiến được xem như một ông vua đã sai- khiến dân chúng trong nước phải mang tà-kiến sai-lầm nặng-nề đó, bị ràng-buộc mãi trong kiếp sống trầm-luân, khổ-ách của Luân-hồi, chẳng thấy biết được ánh-sáng của sự tự-do giải-thoát . Tiếng Pali gọi đoạn-kiến là Ucchedaditthi.

- Thường-kiến: Thường = thường còn, chẳng hề mất đi; Kiến = ý-kiến. Thường-kiến cũng là một tà- kiến, một tư-tưởng sai-lầm, cho rằng con người có sẵn một linh-hồn bất-diệt, nay sống đây, dầu có phạm vào điều gì sái-quấy, hay thực-hiện được việc gì đạo-đức đi nữa, cũng chẳng có ảnh-hưởng chi đến linh-hồn bất-diệt kia cả, một mai thân nầy chết đi, linh-hồn đó vẫn tiếp-tục mãi trong một thế-giới thường-hằng, chẳng biến-diệt. Người vướng vào thường-kiến cũng phủ-nhận luật Nhơn-quả, lý Luân- hồi, chỉ tin vào cuộc sống ở cõi đời hiện-tại nầy, chẳng hề lo nghĩ đến các cõi ác khác, mà cái "linh- hồn" kia sẽ phải sa-đoạ. Vì thường-kiến thúc-dục con người cứ đinh-ninh sẽ giữ mãi được hiện-trạng, nên được ví như một ông vua đã khiến dân chúng cứ vui sống mãi trong thân-phận khổ nhiều sướng ít nầy, cứ bị trôi lăn trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi mà chẳng hề nghĩ đến việc giải-thoát khỏi, để được tự-do, tự-tại. Tiếng Pali gọi Thường-kiến là Sassataditthi.

- Tổng-Tài: đây là dịch rất gượng chữ Pali sànucaram, vị quan trông coi kho bạc của nhà vua; Tổng- Tài ở đây muốn nói đến vị tổng-trưởng tài-chánh, người chịu trách nhiệm về tiền-bạc trong nước.

- Ái-luyến: Ái = thương, thích; Luyến = mê-luyến, say-đắm, đeo chặt. Ái-luyến là thái-độ bám-viú vào, ôm chặt lấy vào điều mình thương, vào việc mình thích, chẳng thể rời ra được, vì thế mà bị ràng-buộc nặng-nề. Sự ái-luyến sanh ra từ lòng ái-dục, vì thèm-khát mà trở nên bám chặt vào sự ước-muốn được có mãi, chẳng cho mất đi. Đây là sự thương-mến đi quá mức, trở nên một nết xấu, ràng-buộc nhiều.

Tiếng Pali gọi sự Ái-luyến là Nandiràga.

- Thu-phục: Thu = thâu giữ; Phục = làm cho phải tuân theo lịnh mình; Thu-phục là đã thắng và buộc kẻ kia phải phục-tùng mình.

- Vương-quốc: Vương = vua; Quốc = đất nước; Vương-quốc là cõi đất nước của một vị vua cai-trị; ở đây chữ Vương-quốc dùng theo nghĩa bóng, chỉ đến thân-tâm con người cùng hoàn-cảnh chung quanh

- Mười hai xứ: chữ Xứ ở đây dùng theo nghĩa bóng, chỉ vào sáu căn (= mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) và sáu trần (= sáu hình-thể của cảnh-vật: màu-sắc, âm-thanh, mùi, vị, cảm-xúc và tư-tưởng); đó là chỉ sáu nội-nhập (= các cơ-quan thâu nhận cảnh-vật bên ngoài đem vào tâm; nội = trong; nhập = đưa vào) và sáu ngoại-nhập (= các hình-thái từ bên ngoài xuyên qua các giác-quan đi vào tâm; ngoại = bên ngoài). Ở đây, nói đánh thua Mười hai xứ Vương-quốc, có nghĩa là đã làm chủ được các giác- quan, biết tự-kềm-chề, khiến cho thân-tâm chẳng bị cảnh-vật bên ngoài lôi cuốn nữa. Tiếng Pali gọi các Căn là Indriya và các Trần là Dhàtu, sáu nội-nhập là Ajjhatta àyatana, sáu ngoại-nhập là Bahiddha àyatana.

- Phạm-Chí: cùng nghĩa với chữ Bà-la-môn (Brahmana), là bực tu-sĩ, đạo-đức cao. Ở đây, chữ Phạm- chí chỉ bực tu-sĩ đã đắc được quả-vị A-la-hán, diệt hết phiền-não, lìa mọi dục-vọng, chứng được vô- sanh (= chẳng còn bị tái-sanh trong Luân-hồi), an-vui và tự-tại.

- Bà-la-môn dòng hai chúa: câu văn nầy khúc-mắc, nếu nói cho xuôi lại thì: hai chúa dòng Bà-la-môn. Hai chuá dòng Bà-la-môn ở đây nhắc lại hai Vua là Đoạn-kiến và Thường-kiến, được nói đến ở bài Kệ trước, số 194. Câu "Bà-la-môn dòng hai chúa, giết luôn" có nghĩa là đã diệt bỏ hẳn hai tà-kiến về đoạn-kiến và thường-kiến xong rồi.

- Ngũ-hổ-tướng NGHI-NAN: Ngũ-hổ-tướng là năm vị tướng mạnh-mẽ như cọp; Nghi-nan = nghi-ngờ, ở đây là nghi-ngờ, chẳng chịu tin theo Chánh-pháp của Đức Phật. Sao lại gọi là ngũ-hổ-tướng? Ba chữ nầy dùng theo nghĩa bóng, để chỉ năm điều ngăn-che, danh-từ Hán-Việt gọi là ngũ-cái, năm cái nấp- vung che đậy, dấu kín bên trong, chẳng thấy được Sự-Thật; đó là: (1) tham, (2) sân, (3) thùy-miên (= mê ngủ nhiều), (4) trạo-hối (= quá xao-động) và nghi-nan. Vì nghi-nan là vị "tướng" thứ năm trong ngũ-cái, nên mới gọi là ngũ-hổ-tướng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một nhóm tỳ-kheo từ phương xa đến yết-kiến Đức Phật. Họ được Đức Phật chỉ cho thấy Trưởng-lão Phát-di-gia, và nói cho họ biết, đó là người đã giết cha, giết mẹ, nay ra đi một cách tự-tại. Các vị tỳ-kheo rất ngạc-nhiên khi nghe nói như thế. Họ được Đức Phật đọc hai bài Kệ giải-thích, mới hiểu thâm-ý Đức Phật là muốn nói đến một vị tỳ-kheo đã chứng được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: muốn chứng được quả-vị A-la-hán, cần phải diệt xong các phiền-não, dứt các tà-kiến, kềm-chế các giác-quan, giữ tâm an-tịnh trước hoàn-cảnh chung quanh; các điều nầy được Đức Phật kể tiếp ra trong hai bài Kệ.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 294 và 295:

Ý-nghĩa của hai bài Kệ là: con đường tu-tập để đi đến quả-vị A-la-hán gồm có những bước nào? Xin phân-tách từng câu và giải nghĩa thêm về các lời ẩn-dụ của Phật đã nói trong hai bài Kệ:

1) Giết cha NGÃ-MAN, mẹ ÁI-DUC: chẳng phải là giết cha-mẹ thật của mình, mà giết hay là diệt bỏ các nguyên-nhơn gây nên sự tái-sanh trong cõi đời nầy. Cha Ngã-mạn, Mẹ Ái-dục mới thật-sự khiến ta phải tái-sanh để mang lấy thân-tâm nầy sống trong cuộc Luân-hồi.

2) Diệt ĐOAN-KIẾN, THƯỜNG-KIẾN hai vua: hai tà-kiến Đoạn và Thường nầy thúc-đẩy ta sống cuộc đời chẳng đúng theo đạo-đức, cũng tựa như hai Vua buộc ta phải sống theo luật-lệ trong nước của các vị ấy. Diệt hai vua đó là lìa bỏ hai tà-kiến ấy.

3) Tổng-tài ÁI-LUYẾN vừa thu-phục: Tổng-tài là Tổng-trưởng Tài-chánh, vị cầm giữ kho bạc trong nước; ý so-sánh ở đây là gọi sự say-đắm của Ái-luyến như sẵn có tiền, có bạc, dễ xài-phí để chạy theo các sự ham-muốn. Thu-phục được vị nầy, sự ái-luyến nầy, tức là nắm lại được quyền tự làm chủ lấy mình, tự biết kềm-chế lấy mình.

4) Vương-quốc MƯỜI HAI XỨ đánh thua: thắng được nước kia gồm có mười hai xứ. Xứ nào? Đó là sáu căn cộng với sáu trần. Tâm bên trong yên-tĩnh được là nhờ khéo biết lúc nào nên đóng, lúc nào nên mở, sáu cánh cửa nhìn ra ngoài, chận được sáu hình-thể của cảnh-vật bên ngoài chẳng len vào được khuấy rối tâm. Đánh thua ở đây là biết điều-phục các căn vậy.

5) Phạm-Chí ra đi chẳng sầu-muộn: Phạm-Chí tức là Bà-la-môn, ở đây chỉ vị tu-sĩ Phật-giáo, đó là vị Trưởng-lão Phát-di-gia đã chứng được quả-vị A-la-hán. Vị Phạm-Chí đắc quả đó từ nay sống cuộc đời tự-tại, an-vui trong cảnh Niết-bàn, nên khi ra đi chẳng còn sầu-muộn.

Về bài Kệ thứ nhì, số 295:

1) Giết cha, giết mẹ vừa xong: diệt xong Ngã-mạn là cha, Ái-dục là mẹ, hai đấng sanh-thành đã đưa ta tái-sanh vào cõi đời nầy.

2) Bà-la-môn dòng hai chúa, giết luôn: nói lại cho xuôi câu: giết luôn cả hai vua dòng Bà-la-môn. Hai vua đó là hai tà-kiến: đoạn-kiến và thường-kiến, đã nói qua trong bài Kệ trước.

3) Ngũ-hổ-tướng NGHI-NAN diệt hẳn: ông tướng-lãnh thứ năm, mạnh như cọp nầy chỉ vào sự Nghi- ngờ, thiếu tin-tưởng vào Chánh-pháp của Đức Phật. Sao lại gọi là ông tướng thứ năm? Vì ông ấy đứng hàng thứ năm trong năm "ông" trong ngũ-cái, là năm điều ngăn-che, chẳng cho ta thấy được Chơn-lý. (Năm ông nào vậy? Xin xem lại Phần Nghĩa Chữ ở trên.)Hễ diệt được sự Nghi-nan, bắt đầu tin-hiểu Chánh-pháp, thì vững

bước trên con đường tiến đến đạo-quả.

4)Phạm-Chí ra đi chẳng ưu-phiền: Vị Phạm-Chí nầy, đắc quả A-la-hán, chính là Trưởng-lão Phát-di- gia, mà Đức Phật muốn giới-thiệu với các tỳ-kheo khi họ đến đảnh-lễ Đức Phật, nói trong Tích chuyện.

HỌC TẬP:

1.- Nếu bỏ công ra học thuộc lòng hai Bài Kệ, mà chẳng tìm hiểu hết ý-nghĩa ẩn-kín, thì chẳng có ích- lợi chi nhiều cho việc tu-tập. Vì hai bài Kệ chứa nhiều danh-từ chuyên-môn trong Phật-học, nên Phần Tìm Hiểu cũng giúp ích được đôi chút, nhưng phần quan-trọng chính là ở chỗ người tu-hành, phải tự- mình thực-hành, bằng không đó chỉ là sự hiểu-biết về danh-từ suông mà thôi.

2) Hai tà-kiến: đoạn-kiến và thường-kiến, sở dĩ ta vướng phải, là vì: hoặc vì chưa hiểu thấu các hình- thức và sự nguy-hiểm của hai tà-kiến đó; hoặc đã biết nhưng vì tự-cao, chẳng chịu tin theo Chánh- pháp, cứ ngoan-cố giữ mãi tà-kiến. Bỏ được không, chỉ do quyết-tâm.

3) Xin để dịp khác sẽ bàn thêm về cách dứt được Ái-Dục.

(218).- Tích chuyện con của người đốn củi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người con của kẻ đốn củi.

Thuở ấy, ở thành Vương-xá có một người tiều-phu hằng ngày thường cùng với đứa con trai vào rừng đốn củi. Hôm ấy, trời xế chiều, họ đốn được một xe củi, mới quay về. Dọc đường, hai cha con dừng lại bên nghĩa-địa, lấy cơm ra ăn. Họ cởi cái ách khỏi cổ của đôi bò, thả cho chúng đi ăn cỏ. Hai con bò đi từ bụi cỏ nầy sang bãi cỏ khác, chẳng mấy chốc đã đi xa; đến khi người tiều-phu sực nhớ, nhìn lại chẳng thấy đôi bò đâu cả. Ông liền dặn con cứ ngồi lại bên xe, chờ ông chạy đi kiếm. Theo dấu chơn bò, người cha đi mãi vào thành. Đến khi tìm được hai con thú, thì trời đã tối mò, cửa thành đã đóng lại, ông chẳng trở ra được để tìm con. Đứa con chờ cha mãi chẳng thấy trở lại, đành nằm xuống dưới gầm xe, đánh một giấc ngủ ngon.

Trời càng về khuya, theo cơn gió lộng, có hai hồn ma đi lang-thang, nhìn thấy đứa bé nằm ngủ dưới gầm xe, mới dừng lại khuấy rối. Nào kéo chơn, kéo tay, nào hù doạ; nhưng đứa trẻ vốn là một Phật-tử thuần-thành, chẳng sợ-hãi, chấp tay, miệng niệm "Mô Phật" vang lên, lòng tưởng đến công-đức của Phật-đà. Nghe tiếng niệm Phật, hai hồn ma hoảng sợ, định bỏ chạy, nhưng nhìn thấy đứa trẻ thơ-ngây đang nằm một mình, e nó bị hại, mới sanh lòng thương. Rồi một hồn ma ở lại bên xe, canh chừng, còn hồn ma kia đi tìm thức ăn cho nó. Vào đền vua, hồn ma ấy thấy trong nhà bếp có dọn sẵn một mâm cơm, liền bưng đi, để lại một miếng giấy làm tin.

Sáng hôm sau, người nhà bếp thấy mất mâm cơm, có tờ giấy trên bàn, mới đem trình Vua Tần-bà-sa- la. Vua đọc mảnh giấy xong, biết nơi tìm, mới sai người ra nghĩa-địa. Được hạch hỏi, đứa bé chỉ trả lời là đêm qua bị ma nhát, nó liền niệm Phật được

bình-yên, rồi sau đó, cha mẹ nó dọn cơm cho nó ăn, ăn xong nó nằm xuống ngủ, nó chỉ biết có thế mà thôi. Vua ra lịnh dẫn cha con người tiều-phu đến chùa, trình lên Đức Phật sự-việc đêm qua. Nhà vua hỏi: "Bạch Thế-tôn, lòng tưởng-niệm đến công-đức của Phật-đà, chí thành niệm "Mô Phật" như thế, có đủ năng-lực tránh được các tai-hoạ chăng?" Đức Phật bảo: "Nầy Đại-vương, tâm hằng tỉnh-giác tưởng-niệm đến sáu việc nầy, sẽ giúp ta tránh khỏi tội-ác và tai-hoạ."

Rồi Đức Phật đọc lên sáu bài Kệ sau đây, kể rõ sáu việc đó:

Hằng tỉnh-giác, chuyên-cần thúc-liễm,
Các đệ-tử Phật Gotama,
Chẳng kể ngày ngày, đêm đêm qua,
Công-đức Phật-đà luôn tưởng-niệm.
(Kệ số 296.)
Hằng tỉnh-giác, chuyên-cần thúc-liễm,
Các đệ-tử Phật Gotama,
Chẳng kể ngày ngày, đêm đêm qua,
Công đức Chánh-pháp luôn tưởng-niệm.
(Kệ số 297.)
Hằng tỉnh-giác, chuyên-cần thúc-liễm,
Các đệ-tử Phật Gotama,
Chẳng kể ngày ngày, đêm đêm qua,
Công-đức Tăng-già luôn tưởng-niệm.
(Kệ số 298.)
Hằng tỉnh-giác, chuyên-cần tinh-tấn,
Các đệ-tử Phật Gotama,
Chẳng kể ngày ngày, đêm đêm qua,
Sắc-thân bất-tịnh luôn tưởng-quán.
(Kệ số 299.)
Chuyên-cần tinh-tấn, hằng tỉnh-giác, Các đệ-tử Phật Gotama, Chẳng kể ngày ngày, đêm đêm qua,

Luôn vui với đức vô-hại-tác. (Kệ số 300.)

Chuyên-cần tinh-tấn, hằng giác-tỉnh,
Các đệ-tử Phật Gotama,
Chẳng kể ngày ngày, đêm đêm qua,
Luôn vui thoả-thích tu thiền-định.
(Kệ số 301)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tiều-phu = người đốn củi trong rừng để đem bán.

- Vương-xá: tên thủ-đô xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), tiếng Pali là Ràjagaha. Gần thành Vương-xá, vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) có xây tịnh-xá Trúc-lâm (Veluvana), trong vườn trúc, để dưng-cúng Đức Phật.

- Ách: thanh gỗ cứng, đè lên cổ trâu, bò, để buộc chúng vào xe.

- Gầm xe = bên dưới chiếc xe, khoảng giữa hai bánh xe.

- Gió lộng = gió thổi lồng-lộng, gió thổi mạnh.

- Hồn ma = theo sự tin-tưởng trong Phật-học, đây là một hạng chúng-sanh vô-hình, đi lang thang, vất- vưởng, thuộc vào đường dữ, thường gọi là ngạ-quỉ hay là quỉ đói.

- Hù-doạ = doạ nạt, khiến cho sợ-hãi.

- Phật-tử thuần-thành: người tin theo đạo Phật, tuân theo Chánh-pháp, siêng-năng đi chùa nghe giảng pháp, sống có đạo-đức. (Thuần = chuyên-cần, đứng-đắn, tốt; Thành = nhiệt-thành, thành-thật.)

- Mô Phật: nói tắt bốn chữ Nam-mô Phật-đà, tiếng Pali là Namo Buddhassa, có nghĩa là Chí-tâm đảnh-lễ Đức Phật, kính lạy Đức Phật.

- Nghĩa-địa = bãi tha-ma, nơi chôn cất người chết.

- Hạch hỏi = tra hỏi, hỏi cho kỹ để biết Sự-thật; điều-tra.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = tỉnh-táo, chẳng mê; Giác = biết. Người tỉnh-giác là người luôn luôn chú-ý, đang làm, nói hay nghĩ điều gì, trong tâm biết rõ mình đang làm, nói hay nghĩ về điều đó và chỉ điều đó thôi.

- Thúc-liễm: Thúc = bó-buộc; Liễm = gom-góp lại; Thúc-liễm là giữ mình cẩn-thận, chẳng lơ-là, chẳng phóng-túng, tự canh-chừng lấy mình, ráng giữ để tránh các lỗi-lầm, tội-ác.

- Phật Gotama = Đức Phật Thích-ca; Gotama là họ, đọc là Gô-ta-ma, phiên-âm Hán-Việt là Cồ-đàm.

- Tưởng-niệm: luôn luôn ghi nhớ trong lòng, chẳng hề quên.

- Tăng-già: phiên-âm chữ Pali Sangha, đoàn-thể tu-sĩ Phật-giáo có từ bốn vị tu chung với nhau trở lên; dịch là Giáo-hội Phật-giáo.

- Tưởng-quán Sắc-thân bất-tịnh: Tưởng-quán = tâm an-định suy-nghĩ sâu-xa về một đề-tài thiền-quán. Sắc-thân: tấm thân vật-chất; Bất-tịnh: Bất = chẳng; Tịnh = trong-sạch. Quán-tưởng sắc-thân bất-tịnh

là một phép quán, trong Kinh Tứ-niệm-xứ, riêng quán về tấm thân con người, bề ngoài xem đẹp-đẽ, mà bên trong chứa ba-mươi-hai chỗ dơ-dáy, đáng gớm-ghiếc; hễ siêng tu-tập về đề-tài thiền-quán nầy sẽ dứt bỏ được sự say-mê theo các thú-vui xác-thịt, từ từ diệt bỏ được cái Ngã, thấy rõ tấm thân nầy hay biến-đổi rồi sẽ hoại-diệt, gây ra đau-khổ, nhờ đó mà thấu-hiểu được các lẽ Vô-thường, Khổ và Vô-ngã.

- Vô-hại-tác: dịch gượng chữ Pali Ahimsa, đức-tánh chẳng hề làm tổn-hại ai, ngay cả đối với kẻ thù, đối với loài côn-trùng nhỏ-nhít đi nữa. (Vô = chẳng; Hại = gây sự tổn-hại; Tác = làm.)Danh-từ vô-tác- hại còn được dịch là Vô-não (Não = não-hại, gây sự phiền-não, tổn-hại.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện tuy dài, có thể tóm-tắt lại như sau: một đứa bé bị ma nhát, liền niệm Phật thật to, nhờ đó mà chẳng bị hại.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là nhờ tâm hằng tỉnh-giác, luôn luôn tưởng-niệm đến lời Phật dạy, nên tránh được tai-hoạ và tội-ác.

(2) Ý-nghĩa của sáu bài Kệ từ số 296 đến số 301:

Đọc kỹ sáu bài Kệ, ta thấy chúng giống nhau gần hết, chỉ trừ ở mỗi bài, nơi câu chót, có bốn chữ khác nhau:

1) Phần giống nhau giữa sáu bài Kệ: Các đệ-tử Phật luôn luôn tỉnh-giác, tâm hằng tưởng-niệm hoặc đến công-đức Phật, Pháp, Tăng, hoặc quán-tưởng sắc-thân bất-tịnh, hoặc vui trong tánh vô-hại-tác, hoặc thoả-thích trong Thiền-định.

2) Phần khác nhau về đề-mục tưởng-niệm hay quán-tưởng:

a)Bài Kệ số 296 nói về sự Tưởng-niệm công-đức Phật: đó là tưởng-niệm về sự tự-giác, giác-tha và giác-hành viên-mãn của Đức Phật. Nói cách khác, Đức Phật là bực tự mình giác-ngộ lấy, đi dạy kẻ khác giác ngộ theo, và công-cuộc dạy-dỗ kẻ khác của Ngài đã được hoàn-thành tốt-đẹp.

b) Bài Kệ số 297 nói về Tưởng-niệm công-đức Chánh-pháp: đó là tưởng-niệm về Giáo-pháp của Đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy được con đường giác-ngộ và giải-thoát khỏi mọi khổ-đau.

c) Bài Kệ số 298 nói về Tưởng-niệm công-đức Tăng-già: đó là dạy ta biết noi theo tấm gương tốt tu- hành của các vị đệ-tử của Đức Phật, lìa bỏ mọi ham muốn ràng-buộc, giữ giới-luật nghiêm-minh.

d) Bài Kệ số 299 nói về Quán-tưởng về sắc-thân bất-tịnh: nhờ đó mà lìa bỏ được các thú-vui thể-xác, thấu-hiểu rõ được các lý-lẽ vô-thường, khổ và vô-ngã, để tiến lần đến sự giác-ngộ.

e) Bài Kệ số 300 nói về Quán-tưởng về đức vô-hại-tác: nhờ chẳng làm hại ai, biết đem ơn ra báo oán, diệt được sân-hận, rải Tâm Từ-bi rộng đến muôn loài, khiến cho cuộc sống chung trở nên hài-hoà

f) Bài Kệ số 301 nói về sự Thoả-thích tu Thiền-định: nhờ đó sớm đắc định-tâm, khiến cho Trí-huệ Bát- nhã được phát-sáng, sớm đến nơi giác-ngộ và giải-thoát.

Tóm lại sáu bài Kệ là sáu đề-tài Thiền-quán, dùng để suy-nghĩ sâu-xa khi ngồi Thiền, và để áp-dụng trong đời sống đạo-đức.

HỌC TẬP:

1.- Sáu bài Kệ tuy dài, nhưng cũng dễ nhớ; nếu muốn học thuộc lòng, chỉ cần học thuộc bài thứ nhứt; đến các bài kế, nhớ đổi bốn chữ đầu-tiên của câu chót.

2.- Học-tập về sáu bài Kệ, chẳng phải cố học sao thuộc nằm lòng, ngâm-nga lên cho thú-vị, mà phải đem các lời Phật dạy ra thi-hành trong đời sống hằng ngày, như:

- Tưởng-niệm công-đức Tam-Bảo, Phật, Pháp, Tăng: trong các khoá lễ, miệng đọc Quy-y Phật, thân cúi xuống lạy, thì trong tâm phải nhớ đến các công-đức của Phật; Quy-y Pháp và Tăng cũng vậy;

- Khi Quán thân bất-tịnh, nên soát lại ngày hôm nay, có bớt các đòi hỏi về ăn mặc được phần nào chưa, bụng còn muốn các món trang-sức đắt tiền không, soát lại để bỏ bớt từ từ, đó là làm thanh-tịnh cho phần tinh-thần của thân-tâm.

- Học đức vô-hại-tác bằng các hành-vi nhỏ-nhặt trước, vứt bỏ mấy chai thuốc giết sâu-bọ ngoài vườn; rồi đến thái-độ hoà nhã, bị đạp chơn nơi đông người, biết vui nhường bước chẳng hề cãi-vã.

- Tập thoả-thích tu Thiền-định, bằng cách tự-kiểm lại tâm mình, trước khóa Thiền, bụng có viện cớ nầy, cớ nọ để bỏ qua không, trong khi ngồi, có bực mình khi nghe tiếng động không, sau khi ngồi, lòng mình có thanh-thản nhẹ-nhàng hơn trước khi ngồi thiền không?

(219).- Tích chuyện vị tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly chẳng thấy thoả-thích trong nếp sống xuất-gia.

Thuở ấy, vào một đêm rằm, trời trong sáng, dân-chúng trong thành Tỳ-da-ly mở hội hoa-đăng, vui đùa, ca múa thật tưng-bừng rộn-rịp, để mừng trăng-sao. Tại nơi tu-viện, một vị tỳ-kheo đứng dưới gốc cây cổ-thọ, lặng-lẽ nhìn ánh-sáng rực-rỡ nơi kinh-thành, lòng chán-nản, chép miệng than: "Trên cõi đời nầy, chẳng ai có thân-phận buồn-khổ hơn thân-phận tỳ-kheo của ta nữa!" Vào lúc ấy, vị thọ-thần trên cây cổ-thọ nghe thấy, mới hiện lên đứng bên cạnh và nói: "Nầy thầy tỳ-kheo, các kẻ bị đoạ trong địa- ngục rất thèm-khát cuộc sống trên các cõi Trời. Các người lao-động trong thành cũng ước mong được tự-tại trong cảnh rừng vắng-vẻ nơi tu-viện nầy." Nghe nói thế, vị tỳ-kheo liền tỉnh-ngộ, hiểu được lời khuyên kín-đáo và tỏ ra hối-tiếc đã có ý-nghĩ chẳng tốt đối với đời sống xuất-gia.

Sáng hôm sau, vị tỳ-kheo ấy đến yết-kiến Đức Phật, trình lại lời nói của vị thọ-thần. Đức Phật dạy thêm: "Nầy tỳ-kheo, cuộc sống của chúng-sanh trong cõi Luân-hồi, đều mang sẵn nỗi-niềm đau-khổ cả."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó vị tỳ-kheo giác-ngộ, nỗ lực tu-tập, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán:

Rời khỏi nhà, đi tu là khó,
Vui hạnh tỳ-kheo, khó lắm thay!
Chủ gia-đình hằng ngày chịu khổ;
Gần người chẳng hợp, khổ nào tày?
Luân-hồi trôi lặn đắng cay,
Chớ theo khổ, phải dứt ngay Luân-hồi.
(Kệ số 302.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-da-ly: tên thành nầy, tiếng Pali là Vesàli.

- Tịnh-xá Trúc-lâm = tu-viện cất trong vườn Trúc, tiếng Pali là Veluvana, do vua Tần-bà-sa-la dưng- cúng Phật, gần thành Vương-xá.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Trong Phật-học, chữ xuất-gia có nghĩa là rời khỏi nhà, lìa cuộc sống trong gia-đình, đi tu. Đối-nghĩa với xuất-gia là tại-gia, người tu-hành còn sống trong gia-đình.

- Hoa-đăng: Hoa = bông-hoa; Đăng = đèn; Hội hoa-đăng là buổi lễ vui treo đèn, kết hoa.

- Cổ-thọ: Cổ = xưa; Thọ = cây to lớn; Cổ-thọ là cây lâu năm, to lớn

-Thân-phận: cảnh-ngộ; vận-mạng, hoàn-cảnh đời sống của mình.

- Thọ-thần: Thọ = cây cổ-thọ; Thần = thần-linh. Thọ-thần là một vị thần-linh, thuộc hạng A-tu-la, sống trên cây cối.

- Tự-tại = tự-do, chẳng bị ràng-buộc.

- Tỉnh-ngộ: Tỉnh = hết mê, thức-tỉnh; Ngộ = hiểu; Tỉnh-ngộ là biết rõ trước mình đã lầm, nay theo điều đúng.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Phật-học tin rằng, chúng-sanh sau cuộc sống nầy sẽ sanh trở lại, vào một cuộc sống mới, để phải chết đi rồi tái-sanh mãi, như bánh xe cứ quay tròn. Tiếng Pali là Samsàra.

- Giác-ngộ: Giác = biết rõ; Ngộ = hiểu thấu. Người giác-ngộ là người đã hiểu rõ Chơn-lý, biết đúng lẽ sống chết của chúng-sanh. Đức Phật là bực đại-giác.

- Quả-vị: kết-quả của việc tu-hành đã thành-công. Có bốn quả-vị trong hàng Thanh-văn là các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh mà tu-tập (Thanh = tiếng nói; Văn = nghe; tiếng Pali là Sàvaka); đó là (1) Tu-đà-huờn (Sotàpatti) hay Nhập-lưu, hay Thất-Lai, còn bảy lần tái-sanh; (2) Tư-đà-hàm (Sakadàgamì) hay Nhứt-Lai, còn một lần tái-sanh; (3) A-na-hàm (Anàgami) hay Bất-Lai, chẳng sanh lại cõi người; (4) A-la-hán (Arahant), chứng được vô-sanh, hết phải tái-sanh.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt trong hàng Thanh-văn. Bực A-la-hán đã diệt xong các phiền-não, lìa bỏ mọi ham-muốn, chẳng phải tái-sanh nữa (gọi là chứng vô-sanh), sống an-vui, tự-tại trong cảnh Hữu-dư Niết-bàn, đến khi tịch-diệt (= chết), thì vào Vô-dư Niết-bàn.

- Hạnh Tỳ-kheo: Hạnh = hạnh-kiểm, đức-hạnh; Tỳ-kheo phiên-âm tiếng Pali là Bhikkhu, hay Bí-sô hoặc Tỳ-khưu, còn dịch là Khất-sĩ, tức là tu-sĩ Phật-giáo phải đi xin ăn, tuân theo 250 điều giới-luật, sống xa gia-đình thế-tục. Phái nữ là tỳ-kheo-ni (Bhikkhuni) thọ 348 giới-luật.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một vị tỳ-kheo đứng nơi tu-viện vắng-vẻ, hướng nhìn về cảnh vui nhộn của hội hoa-đăng trong thành Tỳ-da-ly, cảm thấy buồn-tẻ, mới than-thở về thân-phận tỳ-kheo của mình. Một vị thọ-thần nghe thấy hiện lên bảo cho biết, ở dưới địa-ngục có kẻ còn đang đau-khổ, ở trong thành còn có người lao-động thiếu tự-do. Vị tỳ-kheo sực-tỉnh, hối-tiếc đã nghĩ chẳng tốt về nếp sống xuất-gia. Hôm sau, vị ấy được Đức Phật dạy thêm, chúng-sanh phải chịu khổ đau nhiều trong ba đường dữ, vậy nên phải cố-gắng tu-tập để ra khỏi cảnh tái-sanh của vòng Luân-hồi lẩn-quẩn.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: xuất-gia đi tu được là đang có phước lớn, vì đã chọn đúng con đường giải-thoát dứt khoát mọi khổ-đau.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 302:

Bài Kệ chẳng có chữ chi khó hiểu cả, nhưng ý-nghĩa rất thâm-sâu, xin phân-tách từng câu:

1) Rời khỏi nhà, đi tu là khó: Tại sao khó? Vì trong lòng còn bận-bịu, quyến-luyến đời sống ở nhà. "Rời khỏi nhà" nghĩa sâu ở đây là lìa bỏ "nhà phiền-não", tức là thân-tâm còn đeo nặng tham, sân, si.

2) Vui hạnh tỳ-kheo, khó lắm thay: Tại sao khó? Vì phải tuân giới-luật đã nhiều, lại nghiêm-khắc; nhưng tự khép mình trong kỷ-luật, đó lại chính là đang tự giải-thoát mình ra khỏi phiền-não và tội-ác, nên đấy mới là niềm vui của hạnh tỳ-kheo mà ít người biết đến.

3) Chủ gia-đình hằng ngày chịu khổ: Tại sao khổ? Vì phải vật lộn với đời để mưu-sanh, tranh sống cho mình và cho gia-đình mình.

4) Gần người chẳng hợp, khổ nào tày: Tại sao gần người chẳng hợp lại chẳng khổ nào bằng? Vì trái ý nhau, chống-đối nhau luôn, sanh ra khó chịu, khổ-sở. Nhưng câu nầy còn nhắc đến bảy nỗi khổ khác nữa: sanh, già, bịnh, chết, thương mà xa nhau, cầu mà chẳng được, thân-tâm chẳng thăng-bằng.

5. Luân-hồi trôi lặn đắng cay: Tại sao đắng cay? Vì sẽ phải đoạ vào các đường dữ: địa-ngục, quỉ đói và thú-vật.

6) Chớ theo khổ, phải dứt ngay Luân-hồi: Dứt bằng cách nào? Chỉ có cách duy-nhứt là tu-hành theo Chánh-pháp, và con đường nhanh và chắc nhứt là "vui theo hạnh tỳ-kheo" đó.

(220).- Tích chuyện về vị gia-chủ Chi-ta.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị gia-chủ tên là Chi-ta.

Thuở ấy ở thành Mã-chi-kha, có một người gia-chủ tên Chi-ta, rất giàu-có, được nghe Tôn-giả Xá-lợi- phất giảng pháp, nên chứng được đạo-quả A-na-hàm. Chi-ta dùng năm trăm xe bò chở đầy thực-phẩm và lễ vật, cùng với cả ngàn bạn đạo, lên đường đến chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, để đảnh-lễ Đức Phật. Sau hơn một tháng, cả đoàn đến nơi. Trong khi Chi-ta và các bạn đạo đang yết-kiến Đức Phật thì trên không-trung chư Thiên rải hoa trời xuống như mưa. Chi-ta và cả ngàn bạn đạo lưu lại chùa Kỳ-viên trọn tháng, hằng ngày dâng cúng thực-phẩm lên Đức Phật và chư Tăng và nghe giảng Chánh-pháp.

Đến gần ngày từ-giả, Chi-ta đem tất cả những bảo-vật còn lại trong các xe, chất hết vào kho chùa; nhưng lạ thay, đến lúc quay về, các xe bò đều đầy vật quí như cũ. Tôn-giả A-nan biết chư Thiên đã ban-cấp cho Chi-ta, mới vào trình Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, vì Chi-ta đã dưng-cúng lên Đức Phật và chúng tăng nên được chư Thiên hiến- tặng lại các quí-vật; chẳng biết khi Chi-ta đi bố-thí ở những nơi khác, có được khen-ngợi và ban-tặng của-cải như thế không?" Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, một người tin-tưởng vào Phật-pháp như Chi-ta, đức-hạnh đầy-đủ, rộng lòng bố-thí như thế, đi đâu lại chẳng được cung-kính và dâng-hiến của cải."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Niềm tin đủ, vẹn-toàn giới-hạnh,
Danh-tiếng cao, tài-sản dồi-dào,
Dù cho đi đến nơi nào,
Vị nầy cũng được kính chào, tôn-vinh.
(Kệ số 303.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Chi-ta: tên người chủ gia-đình nầy, tiếng Pali là Citta (= tâm.)

- Mã-chi-kha: tên thành-phố nầy, tiếng Pali là Macchikàsanda.

- Tôn-giả Xá-lợi-phất: Tôn-giả = người đáng tôn-trọng; Xá-lợi-phất = tên tiếng Pali Sariputta, vị đại- đệ-tử của Phật Thích-ca, được nổi tiếng là thông-minh bực nhứt.

- Đạo-quả A-na-hàm: Đạo = đường-lối, cách thức tu-hành, tiếng Pali là Magga; Quả = kết-quả tu- hành thành-công, tiếng Pali là Phala; A-na-hàm tiếng Pali là Anàgàmi, là quả-vị thứ ba, dịch là Bất- Lai, chẳng trở lại cõi người nữa, sanh lên Trời, tu tiếp sẽ chứng A-la-hán.

- Đảnh-lễ = cúi đầu lạy để làm lễ ra mắt bực trưởng-thượng.

- Chư Thiên = các vị Trời.

- Chánh-Pháp: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Pháp = phép tu. Chánh-pháp là lời Phật dạy cách tu- hành để giác-ngộ và giải-thoát.

- Bảo-vật: Bảo = quí-báu. Các bảo-vật như là vàng bạc, ngọc-ngà.

- Thế-tôn: Thế = thế-gian; Tôn = tôn-kính; Thế-tôn là bực được cả thế-gian tôn-kính. Các đệ-tử thưa với Phật bằng Thế-tôn; Phật tự xưng là Như-lai.

- Bố-thí: Bố = rộng khắp; Thí = tặng,. Bố-thí là hiến-tặng tiền-của, phẩm-vật, hoặc công-sức, hay lời khuyên, an-ủi, cho người cần đến.

- Tôn-vinh = kính trọng và khen ngợi với mọi người.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc một gia-chủ giàu-có tên là Chi-ta, cùng với đông-đảo các bạn-đạo, đi cả tháng, chở thực-phẩm và bảo-vật đến cúng-dường Đức Phật và chư Tăng ở chùa Kỳ-viên. Khi họ đảnh-lễ Đức Phật, chư Thiên trên Trời rải hoa xuống khen ngợi. Họ ở lại trọn tháng để cúng-dường thực-phẩm và nghe Phật giảng Chánh-pháp. Trước khi ra về, Chi-ta đem tặng hết các quí-vật trong xe, cất vào kho trong chùa; nhưng chư Thiên đã khiến cho các xe đầy trân-bảo như cũ.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là công-đức bố-thí chẳng hề mất, người bố-thí được mọi người kính-trọng và giúp-đỡ của-cải thêm để bố-thí.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 303:

Bài Kệ kể ra bốn điều-kiện để được mọi người kính-trọng: (1) đầy đủ niềm tin vào Phật-pháp, (2) giữ vẹn giới-luật, (3) có tiếng tốt, (4) của-cải nhiều, sẵn lòng bố-thí.

(221).- Tích chuyện cô Chu-la-sử.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến cô Chu-la-sử, con gái của đại-cư-sĩ Cấp-cô-độc.

Ông Cấp-cô-độc vốn là một Phật-tử rất thuần-thành, mua khu vườn của Thái-tử Kỳ-đà để xây cất chùa Kỳ-viên dưng cúng Đức Phật và Tăng-đoàn. Thuở nhỏ, ông cùng học một trường với ông Úc-gia, một người theo phái ngoại-đạo. Hai người thân nhau, nên ông Cấp-cô-độc gả con gái là Chu-la-sử cho con

trai ông Úc, ở xa cách đó hơn một trăm hai mươi do-tuần. Từ khi về làm dâu nhà ông Úc, cô Chu thường khen ngợi công-đức của Đức Phật. Bà mẹ chồng mong-mỏi có dịp được yết-kiến Đức Phật.

Một hôm, bà mẹ chồng bảo con dâu, bà muốn cung-thỉnh Đức Phật và chư Tăng về nhà để cúng- dường. Cô Chu rất mừng, đem hương-hoa lên trên từng gác thượng, hướng về

chùa Kỳ-viên, cầu nguyện rằng: "Bạch Thế-tôn, con là Chu-la-sử thành-tâm phụng-thỉnh Thế-tôn và chư Tăng ngày mai đến nhà con, để mẹ con kính dâng lễ-vật cúng-dường trai-tăng." Nguyện xong, cô Chu tung các cành hoa lên không-trung, lạ thay, hoa bay theo gió thổi đến chùa Kỳ-viên, kết thành tràng, lơ-lửng giữa chánh-điện, nơi Đức Phật đang thuyết-pháp. Sau thời pháp, cư-sĩ Cấp-cô-độc đứng lên thỉnh Phật ngày mai đến thọ-thực tại nhà mình. Đức Phật từ-chối, bảo rằng Ngài vừa nhận lời đến thọ-trai ở nhà cô Chu-la-sử. Ông Cấp-cô-độc rất ngạc-nhiên, bạch với Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, nhà của Chu ở cách thành Xá-vệ nầy hơn trăm do-tuần." Nhưng Đức Phật bảo: "Nầy thiện-nam-tử, đúng vậy, nhưng một việc thiện dầu cách xa hàng trăm do-tuần, cũng vẫn sáng rõ lồ-lộ." Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người lành dầu ở thật xa,
Sáng lồ-lộ giống như toà Tuyết-sơn.
Chẳng ai nhìn kẻ ác, gần hơn,
Như mũi tên bay trong đêm tối.
(Kệ số 304.)

Sáng hôm sau, Đức Phật cùng chư Tăng ngồi trên nhiều chiếc thiên-xa, trang hoàng rực-rỡ, giữa tiếng nhạc trời, bay đi trong giây phút đã đến nhà ông Úc-gia. Toàn thể gia-đình ra nghinh-tiếp, ông Úc rất đổi tán-thán vẻ trang-nghiêm của Tăng-đoàn, nên thành-tâm dưng-cúng lễ-vật lên Đức Phật. Sau đó, cả nhà được ngồi nghe Đức Phật giảng Chánh-pháp. Đức Phật lưu lại đây trong bảy ngày dạy đạo, khiến cho cả nhà ông Úc đều quy-y Tam-Bảo.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Chu-la-sử: tên người con gái của ông Cấp-cô-độc, tiếng Pali là Cùlasubhaddà.

- Cấp-cô-độc: danh-hiệu người đời tặng ông Anàthapindika, vì ông xuất nhiều tiền-bạc ra bố-thí, cứu- giúp người đơn-côi, nghèo-khổ

- Úc-gia: tên người ngoại-đạo nầy, tiếng Pali là Ugga.

- Do-tuần: đơn-vị đo chiếu dài đường-xá ở Ấn-độ xưa, vào khoảng hơn một cây-số. Tiếng Pali là yojana.

- Ngoại-đạo: Ngoại = ngoài. Ngoại-đạo là các môn-phái tu-hành chẳng theo đạo Phật. Vào thời Đức Phật, ở Ấn có sáu phái ngoại-đạo.

- Từng gác thượng = sân thượng, từng cao nhứt trong nhà.

- Phụng-thỉnh: thành-tâm kính mời.

- Trai-tăng: Trai = bữa ăn chay; Tăng = tu-sĩ Phật-giáo. Trai-tăng là dâng cúng thực-phẩm lên các tu- sĩ Phật-giáo.

- Tràng = các bông-hoa được xâu lại thành vòng hoa lớn.

- Chánh-điện: căn phòng lớn thờ Phật tại chùa.

- Cư-sĩ: Cư = ở, ở nhà; Sĩ = người. Cư-sĩ là người tu tại-gia theo đạo Phật, có đạo-đức cao và danh- tiếng lớn.

- Thọ-thực, Thọ-trai: ăn cơm chay.

- Thiện-nam-tử: Thiện = lành; Nam = đàn-ông; Tử = con trai. Thiện-nam-tử là người đàn-ông có lòng làm lành. Phái nữ gọi thiện-nữ-nhơn.

- Tuyết-sơn: dãy núi Hi-mã-lạp-sơn, Himalaya, cao nhứt thế-giới.

- Thiên-xa = chiếc xe trên trời. (Thiên = trời; Xa = xe.)

- Tán-thán: khen-ngợi.

- Tam-Bảo: Tam = ba; Bảo = quí-báu. Tam-Bảo là ba ngôi quí-báu: Phật, Pháp và Tăng (= Đức Phật, Giáo-pháp và các đệ-tử của Phật.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc cô Chu-la-sử đem hương-hoa lên sân thượng, hướng về chùa Kỳ-viên cầu- nguyện, cung thỉnh Đức Phật đến nhà để cúng-dường trai-tăng. Truyện kể hai việc nhiệm-mầu: thứ nhứt là lời cầu-nguyện của cô Chu cảm-ứng đến Đức Phật ở xa, cách đó hơn trăm dặm; thứ hai là hôm sau, Đức Phật cùng chúng Tăng ngồi trên thiên-xa bay từ chùa Kỳ-viên đến nhà cô Chu. Hai việc lạ thường nầy có thể gây thắc-mắc, khiến nhiều người chẳng tin. Nhưng sự cầu-nguyện được cảm-ứng chính do tâm thành-khẩn của người cầu đã phát ra những luồng sóng tư-tưởng chuyển-động đến tâm thanh-tịnh của Đức Phật. Và sự di-chuyển trên không-trung là do sức thần-thông của Đức Phật. Ngày nay, hai việc đó dễ-dàng xảy ra nhờ ở vô-tuyến-điện truyền-tin và phi-cơ hàng-không, cũng chẳng có chi là mê-tín.

Tuy nhiên ý-nghĩa của Tích chuyện chẳng phải ở hai việc nhiệm-mầu đó, mà chính là lời đáp của Đức Phật với ông Cấp-cô-độc: "Việc thiện dầu ở xa cũng vẫn sáng rõ lồ-lộ."Tại sao? Vì việc lành cũng như hương bay theo chiều gió, toả rộng khắp nơi, mọi người đều nhìn thấy; đấy là lời khuyên ta nên theo con đường lành.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 304:

Khác với Tích chuyện, bài Kệ chẳng chứa một sự nhiệm-mầu nào cả, mà lại nói lên một sự-thật mọi người đều biết: người lành dầu ở thật xa cũng vẫn sáng rõ được mọi người đều trông vào; còn kẻ dữ dầu có ở gần đi nữa, ai cũng lánh xa như tránh mũi tên độc.

HỌC TẬP:

1) Có mấy thái-độ cầu-nguyện sai-lầm cần nên tránh:

- đem hương-hoa, lễ-vật vào chùa, cầu cho con thi đậu, mình được buôn may bán đắt, đó chẳng khác gì đi lo-lót đấng thiêng-liêng.

- trong lời khấn, thường hứa sẽ ăn chay mấy tháng, hoặc phóng-sanh chim, cá, để tạ ơn, đó nào khác gì trả tiền công cho sự linh-ứng.

2) Cầu-nguyện đứng-đắn là tâm thành-khẩn hướng về người thân, rải lòng Từ đến người ấy, có nhiệt- thành mới có hiệu-quả: kẻ đang cầu thì an-tâm; thân-nhơn hưởng điển lành do tâm từ mang đến.

(222).- Tích chuyện Trưởng-lão độc-cư Y-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Tỳ-kheo thường sống một mình là Trưởng-lão Y-kha.

Trưởng-lão Y-kha rất ít khi gia-nhập vào các nhóm tỳ-kheo thảo-luận hay trò chuyện. Trưởng-lão thường im-lặng, đứng riêng một mình nơi vắng-vẻ. Trưởng-lão sống một mình, đi một mình, đứng một mình, mà ngồi, nằm cũng một mình. Nhiều vị tỳ-kheo khác chẳng thích thái-độ độc-cư đó, cho rằng Trưởng-lão chẳng có tinh-thần hoà-hợp, mới đến trình với Đức Phật. Đức Phật chẳng những chẳng hề quở-trách Trưởng-lão Y-kha, trái lại Ngài còn khen thái-độ sống một mình đó và bảo: "Nầy chư tỳ- kheo, biết sống một mình mà không buồn chán như tỳ-kheo Y-kha là điều đáng nên bắt chước!"

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Ngồi một mình, nằm cũng một mình,
Đi một mình, lòng không buồn chán.
Tự mình điều-phục chính mình,
Sống vui thoải-mái cảnh rừng xanh.
(Kệ số 305.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Trưởng-lão: Trưởng = lớn; Lão = già. Chữ Trưởng-lão dành cho vị tu-hành đã lâu năm, chứng-đắc quả-vị. Tiếng Pali là Thera.

- Độc-cư: Độc = cô-độc, riêng một mình; Cư = ở. Độc-cư là lối sống riêng một mình nơi vắng-vẻ.

- Y-kha: đây là danh-hiệu mà các vị tỳ-kheo khác đặt cho Trưởng-lão độc-cư; tiếng Pali là Ekavìhàri (Eka = một; vihàri = đang cư-trú.)

- Hoà-hợp = có tinh-thần hoà-hợp thì thường tham-gia vào đời sống chung, sanh-hoạt chung, chẳng có sự tranh-cãi.

- Điều-phục = sửa đổi lại cho đúng, giữ đúng trong vòng kỷ-luật. Tự điều-phục là tự mình kềm chế lấy mình trong kỷ-luật tu-hành.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại việc một vị Trưởng-lão sống độc-cư ngay trong chùa, giữa những bạn đồng-tu. Trưởng-lão đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm cũng một mình, tâm luôn tỉnh- giác, lòng chẳng buồn chán. Các vị tỳ-kheo khác

hiểu lầm cho đó là thái-độ thiếu hoà-hợp trong Tăng- đoàn, nhưng Đức Phật lại khen lối vui sống trong cảnh độc-cư đó và khuyên các tỳ-kheo nên bắt chước.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là nhờ biết luôn luôn quay vào bên trong, lòng hằng tỉnh-giác, người tu-hành theo dõi mọi biến-chuyển của tâm, khiến các vọng-tưởng thưa dần, sớm chứng được định-tâm.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 305:

Bài Kệ cũng rất giản-dị nhưng ý-nghĩa lại rất thâm-trầm, xin phân-tách từng câu:

1) Ngồi một mình, nằm cũng một mình: thông thường, ngồi một mình hay nhớ chuyện cũ, tưởng việc sắp đến; nằm một mình thì thả hồn mơ-mộng; đó chưa hẳn là đang sống một mình, còn đang "làm bạn" với các ý-nghĩ vẩn-vơ đó. Người biết sống một mình, khi ngồi, khi nằm, tâm giữ chánh-niệm, theo dõi nhịp thở ra vào đều-đặn, cùng với sức sống bên trong nhập lại "làm một", đấy mới thật-sự là đang sống một mình.

2) Đi một mình, lòng không buồn chán: thông thường khi đi một mình, hay trông cho mau đến, dọc đường bị cảnh-vật bên ngoài lôi-cuốn, đó chưa hẳn là đi một mình, vì còn có nơi sắp đến, có cảnh-vật dọc đường, đi theo làm bạn đồng-hành. Chỉ khi bước chơn lên, đặt chơn xuống, tâm biết rõ mình đang đi, bao giờ đến, cảnh gì vui, chẳng màng đến, chỉ nương theo nhịp thở ra vào của chính mình mà di- chuyển, mới sớm đắc được định-tâm trong việc thiền-hành.

3) Tự mình điều-phục chính mình: tâm theo dõi mỗi cử-động trên thân, mỗi biến chuyển trong tâm, đó là tự-điều-phục, làm sao vọng-tưởng có dịp khởi lên được để đánh mất định-tâm.

4) Sống vui thoải-mái cảnh rừng xanh: tâm an-định trong cảnh sống một mình, đó là niềm vui nhẹ- nhàng, thoải-mái, kéo dài mãi, bất cứ ở nơi đâu, thì "cảnh rừng xanh, cảnh-giới Niết-bàn" chắc cũng chẳng hơn nhiều cảnh độc-cư thật-sự đó bao nhiêu đâu.

-ooOoo-

XXII.- Phẩm ĐỊA-NGỤC.

(223).- Tích chuyện bà Sơn-đà-ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bà Sơn-đà-ly, người ngoại-đạo, muốn làm giảm thanh-danh của Đức Phật.

Thuở ấy, các nhóm ngoại-đạo nhận thấy các tín-đồ của họ lần lần ngả theo Phật-giáo, số phẩm-vật lợi- dưỡng của họ bị giảm bớt, nên mới tìm cách phá-hoại thanh-danh của Phật. Họ bàn mưu tính kế với một thiếu-phụ trẻ đẹp tên Sơn-đà-ly, để vu tội dâm cho Đức Phật.

Mỗi buổi chiều trời chạng-vạng, bà Sơn ăn mặc diêm-dúa, đi về hướng chùa Kỳ-viên, gặp ai hỏi thì đáp, vào chùa ngủ chung với Phật ở hương-phòng. Gần đến cổng, bà ta lại rẽ sang khu-vực nhóm ngoại-đạo. Đến sáng sớm ra về, dọc đường khoe với kẻ khác,

đêm qua bà ở trong hương-phòng. Cứ như thế, được ba hôm, nhóm ngoại-đạo mướn bọn côn-đồ say rượu rình giết chết bà Sơn, đem thây chôn dưới đống rác phía sau chùa. Chúng sai người đến tố-cáo nơi đền Vua rằng, các tỳ-kheo đã giết bà Sơn-đà-ly để che-dấu tội dâm của Đức Phật.

Chưa kịp điều-tra sự thật cho rõ-ràng, các quan đã cho phép bọn ngoại-đạo đi khắp đường phố trong thành, rêu-rao tội các tỳ-kheo đã giết người dấu xác để che đậy sự dâm-loạn của tu-sĩ Cồ-đàm. Thấy dân-chúng xôn-xao, nhà Vua ra lịnh truy-tầm hung-thủ, bắt được bọn côn-đồ say rượu, họ thú-nhận đã lấy tiền của nhóm ngoại-đạo mà thi-hành tội-ác. Nhà vua liền bắt các kẻ chủ-mưu dẫn đi khắp thành, hô to lên: "Chính chúng tôi mới là kẻ giết người để vu-oan tội dâm cho tu-sĩ Cồ-đàm." Thanh-danh của Đức Phật chẳng hề bị thương-tổn.

Nơi chùa Kỳ-viên, khi nghe các tỳ-kheo tường trình lại biến-cố vừa qua, Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người nói dối phải sa địa-ngục,
Kẻ làm ác, chối: "chẳng có làm",
Cả hai bị địa-ngục giam,
Ác-nghiệp đã làm, đồng khổ kiếp sau.
(Kệ số 306.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sơn-đà-ly: tên người đàn-bà nầy, tiếng Pali là Sundarì.

- Lợi-dưỡng: Lợi = có ích-lợi; Dưỡng: nuôi-dưỡng. Lợi-dưỡng là các phẩm-vật, tiện-nghi cung-cấp cho người tu-hành để nuôi thân.

- Vu tội = đặt điều nói xấu khiến cho người khác mắc tội oan.

- Chạng-vạng: trời sắp tối.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm dành cho Đức Phật, tiếng Pali là Gandhakutì.

- Cồ-đàm: họ của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Gotama.

- Truy-tầm hung-thủ = lùng kiếm kẻ đã gây tội-ác (giết người).

- Thanh-danh: danh-tiếng tốt; danh-dự.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = nhà giam tù. Theo giáo-lý nhà Phật, kẻ làm tội-ác nặng, khi chết đi, phải chịu hình-phạt nơi cõi u-tối, gọi là Địa-ngục (tiếng Pali là Niraya). Địa-ngục là một trong ba đường dữ, hai đường kia là quỉ đói và súc-sanh (=thú-vật.)

- Ác-nghiệp = những việc ác đã làm tạo nên ác-nghiệp. (Nghiệp = những hành-động đã làm, gồm có việc làm, lời nói và ý-tưởng.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc các nhóm ngoại-đạo bị mất tín-đồ vì họ đi theo Phật-giáo, muốn vu tội dâm cho Đức Phật, nên họ nhờ bà Sơn-đà-ly giả làm người đi lại với Phật, rồi sai kẻ côn-đồ giết chết, dấu xác bà sau chùa. Về sau, nhà vua cho điều-tra ra sự-thật, bắt được kẻ chủ-mưu, truyền dẫn đi khắp thành, nói lên tội-ác của họ.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời Phật nói trong bài Kệ: kẻ nói dối sẽ bị sa địa-ngục.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 306:

Bài Kệ nêu rõ tội nói dối, vu oan kẻ khác và chối tội, sẽ phải chịu hình-phạt sa vào địa-ngục khi chết đi. Nhưng ngay trong hiện đời, kẻ quen nói dối chẳng bao giờ được sự tín-nhiệm của ai cả. Sự nói dối tạo nên ác-nghiệp, đeo theo người nối dối, phải chịu khổ trong kiếp tới nữa. Vì lẽ đó, giới-luật thứ tư của người tu tại-gia là cấm nói sai sự-thật, chỉ trừ một trường-hợp duy-nhứt là nói dối để cứu mạng người.

(224).- Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên thấy ngạ-quỉ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các ngạ-quỉ do Tôn-giả Mục-kiền-liên nhìn thấy.

Thuở ấy, Tôn-giả Mục-kiền-liên cùng với một vị Trưởng-lão, một hôm đi từ trên đỉnh núi Linh-thứu xuống, đến triền núi, bỗng thấy một con quỉ-đói, thân hình ốm-o như một bộ xương khô. Tôn-giả nhìn kỹ, lại thấy thêm bốn vị tỳ-kheo mặc áo vàng, đang oằn-oại trong ngọn lửa bốc cháy. Khi về đến tịnh-

xá, Tôn-giả mới trình với Đức Phật những điều trông-thấy. Đức Phật bảo: "Vào thời Đức Phật Ca-diếp, có bốn tỳ-kheo đã phạm nhiều tội-ác, họ vừa mãn hạn trong địa-ngục xong, nay phải chịu nốt hình- phạt trong kiếp ngạ-quỉ bị lửa đốt cháy."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Nhiều người khoác áo cà-sa,
Tâm chưa nhiếp-phục, ác-tà nhiễm-ô.
Vì nghiệp dữ đẩy xô vào địa-ngục,
Cảnh khổ nầy do ác-hạnh sanh ra.
(Kệ số 307.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Mục-kiền-liên: tên vị đại-đệ-tử của Phật, giỏi nhứt về thần-thông, tiếng Pali là Moggallàna.

- Tịnh-xá Trúc-lâm, thành Vương-xá: tu-viện nầy do vua Tần-bà-sa-la (Bimbisàra), nước Ma-kiệt-đà (Magadha), xây cất gần thủ đô Vương-xá (Ràjagaha), trong vườn trúc, để dâng-cúng Đức Phật. Tịnh- xá Trúc-lâm, tiếng Pali là Veluvana.

- Linh-thứu: chim kên-kên; ngọn núi giống hình chim kên-kên xoè hai cánh ra; nơi đây Đức Phật giảng Kinh Pháp-Hoa. Tên ngọn núi nầy, tiếng Pali là Gijjhakùta.

- Ngạ-quỉ = quỉ đói; một hạng chúng-sanh ở cõi dữ, thân ốm, bụng to, cổ nhỏ, luôn đói khát. Tiếng Pali là Peta.

- Phật Ca-diếp: Đức Phật Kassapa ra đời trước Đức Phật Thích-ca.

- Địa-ngục = cõi u-tối, nơi các tội-nhơn chịu hình-phạt khi chết.

- Cà-sa: tiếng Pali là Kasaya, áo choàng bên ngoài, màu vàng, của tu-sĩ Phật-giáo.

- Nhiếp-phục: điều-phục, tuân theo kỷ-luật. Tâm nhiếp-phục chẳng còn chạy lang-thang nữa, biết tập- trung tư-tưởng và chú-tâm.

- Ác-tà: Ác = dữ; Tà = xiêng-xéo, chẳng đúng-đắn.

- Nhiễm-ô = Nhiễm = lây, dính dơ; Ô = ô-trọc; dơ-dáy.

- Ác-hạnh: Ác = xấu, dữ; Hạnh = hạnh-kiểm; Ác-hạnh là tánh-tình xấu- ác, thường gây ra tội-lỗi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (207), trang 607, Tập 3 nói về vì sao phải tái-sanh làm ngạ- quỉ, tức là quỉ đói. Ở Tích chuyện nầy, bốn vị tỳ-kheo vào thời Đức Phật Ca-diếp, vì chẳng giữ đúng giới-luật, tâm buông-lung, phạm nhiều tội-ác, nên sau khi mãn hạn ở địa-ngục ra, phải sanh làm quỉ đói bị lửa đốt cháy. Theo kinh-sách, khi còn sống mà quá bỏn-xẻn, rít-róng, keo-kiệt, thì kiếp sau sẽ vướng vào đường dữ của quỉ đói, đó là ý-nghĩa của Tích chuyện.

Nhơn đây, xin nói thêm về sáu cõi trong Luân-hồi: chúng-sanh tùy theo nghiệp mà được sanh vào một trong sáu cõi, chia ra ba đường lành và ba đường dữ:

- Ba đường lành: (1) cõi Trời; (2) cõi Người; (3) cõi A-tu-la, tức là cõi thần-linh;

- Ba đường dữ: (4) địa-ngục; (5) ngạ-quỉ; (6) súc-sanh.

Tùy theo nghiệp lành hay dữ, chúng-sanh cứ trôi lăn mãi trong sáu cõi của Luân-hồi. Tu chứng được quả-vị A-la-hán, mới dứt.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 307:

Bài Kệ nói về các vị tỳ-kheo tu-hành chẳng đứng-đắn, phạm giới-luật, gây tội-ác, nên phải sa vào địa- ngục. Sau một đời ở địa-ngục rất lâu, lại phải tái-sanh làm ngạ-quỉ, chịu đói-khát trong một đời nữa. Đó là ý-nghĩa răn-dạy của hai câu: "Vì nghiệp dữ đẩy xô vào địa-ngục; Cảnh khổ nầy do ác-hạnh sanh ra." (Chữ "cảnh khổ nầy" ám-chỉ cảnh khổ của loài ngạ-quỉ.)

(225).- Tích chuyện các tỳ-kheo tăng-thượng-mạn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ nơi rừng Đại-lâm, xứ Tỳ-da-ly, trong kỳ một giảng-pháp, có đề-cập đến một nhóm tỳ-kheo tăng-thượng-mạn.

Thuở ấy, xứ Hoa-di đang bị đói-kém, thực-phẩm khan-hiếm, dân chúng phải chịu đói khổ. Có một nhóm tỳ-kheo đến bên bờ sông Lạc-thuỷ, sống qua mùa an-cư kiết-hạ ở xứ đó. Họ bàn-luận cùng nhau làm cách nào để được dân-chúng cúng-dường thực-phẩm đầy-đủ . Họ kháo lên rằng trong nhóm có người nầy đã chứng được Đạo, người kia đã đắc được Quả, vị nọ thường vào Thiền-định. Mỗi khi có dân-chúng đến viếng, họ thưa gọi nhau bằng các quả-vị, xưng-tụng đạo-hạnh lẫn nhau, khiến cho dân- chúng lầm tin là họ đã thật-sự chứng-đắc, nên bớt phần thực-phẩm trong nhà, đem dâng-cúng dồi-dào cho họ.

Mãn mùa an-cư, chư Tăng quay về tịnh-xá để đảnh-lễ Đức Phật. Ngài thăm hỏi chư tỳ-kheo, đã trải qua mùa hè ra sao, tu-tập như thế nào. Hầu hết các vị tu-sĩ đều xanh-xao vì thiếu ăn trong ba tháng; chỉ riêng có nhóm tỳ-kheo sống bên bờ sông Lạc-thủy xem ra hồng-hào, lại có phần mập-mạp ra. Đức Phật hỏi họ: "Xứ Hoa-di đang đói kém, chư Tăng ở bên sông Lạc-thủy có gặp khó-khăn trong việc ăn- uống không?" Họ thưa, không. Đức Phật gạn hỏi lý-do, họ liền thưa lại việc họ gọi nhau bằng các quả-vị, nên được dân-chúng tin-tưởng cúng-dường đầy-đủ. Đức Phật hỏi lại: "Trong số các ông đây, ai đã thật-sự chứng được Đạo, Quả?" Chẳng ai đáp có. Đức Phật liền quở trách họ: "Chưa chứng-đắc mà bảo là đã chứng-đắc, đó là tăng-thượng-mạn, tỳ-kheo phải dẹp bỏ lòng ngã-mạn mới chứng được Đạo, Quả."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Thà nuốt hòn-sắt đỏ lửa hồng,
Hơn ăn vật-thực được cúng-dường,
Nếu chưa giữ được tròn giới-hạnh:
Nghĩ, nói, làm, xấu cả ba đường.
(Kệ số 308.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tăng-thượng-mạn: Tăng = gia-tăng, thêm; Thượng = trên; Mạn = kiêu-căng, quá tự-cao. Tăng- thượng-mạn là nết xấu hay khoe-khoang, của kẻ tu-hành, chưa chứng-đắc quả-vị mà tự nhận đã chứng- đắc.

-Rừng Đại-lâm, xứ Tỳ-da-ly: khu rừng lớn, tiếng Pali là Mahàvana trong xứ Vesàli, miền Bắc của Ấn- độ xưa.

- Xứ Hoa-di, sông Lạc-thuỷ: phiên-âm và dịch gượng hai địa-danh nầy; tiếng Pali là xứ Vaggis, sông Vaggumudà (=khả-ái và an-vui.)

- An-cư kiết-hạ: An-cư = ở yên; kiết-hạ = qua mùa hè.An-cư kiết-hạ: ở Ấn-độ mùa hè, mưa dầm, côn trùng sinh-sản nhiều, tỳ-kheo chẳng đi ra ngoài để khất-thực, ngại đạp chết côn-trùng, lưu lại tịnh-xá lo tu-tập, sống nhờ sự cúng-dường của các tín-đồ. Cứ mỗi

mùa an-cư như thế, người tu tăng thêm một tuổi-đạo, được gọi là lạp-tuế.

- Đạo, Quả: Đạo = đường, đường-lối, cách-thức tu-hành; Quả = kết-quả việc tu-hành đã thành-công. Có bốn Đạo: Tu-đà-huờn-hướng, Tư-đà-hàm-hướng, A-na-hàm-hướng, A-la-hán-hướng và bốn Quả là Tu-đà-huờn-quả, Tư-đà-hàm-quả, A-na-hàm-quả và A-la-hán-quả.

- Thiền-định: tu Thiền và đắc định; khi ngồi Thiền, tâm an-định

- Ngã-mạn: tự-cao, phách-lối, coi cái Ngã (=Ta) của mình là hơn hết

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại mưu-mô của các tỳ-kheo tăng-thượng-mạn, gọi nhau bằng các quả-vị còn chưa xứng vì họ chưa chứng được, với mục-đích là để dân-chúng lầm họ đã đắc đạo mà cúng-dường nhiều. Họ bị Đức Phật quở về tội tăng-thượng-mạn đó.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 308:

Bài Kệ khuyên các vị tu-hành phải tự-xét đức-hạnh của mình có đầy-đủ mới dám nhận lễ-vật cúng- dường của các tín-đồ hiến-tặng.

1) Hai câu đầu: thà chịu đói-khát chớ chẳng lạm-nhận của cúng-dường. Tại sao? Vì người đi tu mà lạm-nhận, sẽ bị sa vào địa-ngục., để phải nuốt hòn sắt nóng đỏ.

2) Hai câu chót nhắc nhở đến ba nghiệp: thân, miệng, ý có trong-sạch, thì giới-đức mới được tròn vẹn.

(226).- Tích chuyện thanh-niên Khê-ma-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chàng thanh-niên đẹp trai, tánh hay trăng-gió, tên là Khê-ma-ca.

Khê-ma-ca là con nhà giàu-có, gọi cư-sĩ Cấp-cô-độc bằng bác. Dáng-vóc đẹp trai, ăn nói duyên-dáng, nên Khê được nhiều phụ-nữ trong vùng mê-say, do đó Khê đã phạm nhiều lần tội thông-dâm với kẻ đã có chồng. Đã bị bắt quả-tang cả ba lần, nhưng nhà chức-trách nể-nang cư-sĩ Cấp-cô-độc, nên chẳng truy-tố Khê về tội gian-dâm. Nhưng lần phạm tội sau cùng, cư-sĩ Cấp-cô-độc bắt dẫn Khê-ma-ca đến trình Đức Phật. Đức Phật giảng cho Khê-ma-ca biết sự đồi-bại của tội tà-dâm và các hậu-quả nặng-nề mà gian-phu, dâm-phụ phải chịu.

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây:

Bốn điều bất-hạnh đang chờ-chực
Kẻ dể-duôi dâm-dật vợ người:
Mang tai-hoạ, ngủ đâu yên giấc,
Ba: bị trách; bốn: sa địa-ngục.
(Kệ số 309.)
Mang tai-hoạ, phải đọa vào đường dữ,

Vui phút giây, đôi dâm-đãng phập-phồng;
Vua lại ban-hành cực-hình xét-xử.
Vậy, đừng phạm tiết những ai có chồng.
(Kệ số 310.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khê-ma-ca: tên chàng thanh-niên nầy, tiếng Pali là Khemaka.

- Tánh hay trăng-gió: nghĩa bóng là ham thích thú-vui với phụ-nữ

- Cư-sĩ Cấp-cô-độc: vị cư-sĩ nổi tiếng nầy, thường giúp đỡ kẻ cô-đơn, cất chùa Kỳ-viên; tên tiếng Pali là Anàthapindika.

- Thông-dâm, gian-dâm, tà-dâm: Dâm = sự giao-hợp giữa trai gái Gian-dâm, tà-dâm là tội-phạm lấy vợ hay lấy chồng của kẻ khác. Giới thứ ba của người tu tại-gia là cấm tà-dâm, phải có lòng trung-thành với nhau trong tình-nghĩa chồng-vợ. Đối với kẻ xuất-gia, giới-luật cấm hẳn việc dâm-dục, phải sống độc-thân.

- Bắt quả-tang = bị bắt tại trận, bị bắt đủ bằng-cớ đang phạm tội.

- Nể-nang = vị bụng, vì kính-nể mà bỏ qua chẳng nói đến.

- Truy-tố = đưa ra xét xử để trị tội.

- Đồi-bại = xấu-xa, hư-hỏng đáng phỉ-nhổ.

- Gian-phu, dâm-phụ: Gian-phu = đàn-ông gian; Dâm-phụ =đàn-bà dâm-đãng.

- Bất-hạnh: Bất = chẳng; Hạnh = may-mắn. Bất-hạnh = chẳng may

- Dể-duôi = thiếu sự tự kềm-chế, dễ theo điều quấy.

- Dâm-đãng, Dâm-dật = chạy theo thú-vui thể-xác giữa trai gái.

- Cực-hình = hình-phạt nghiêm-khắc, nặng-nề.

- Phạm tiết: vi-phạm trinh-tiết; vì gian-dâm khiến mất sự trung-thành giữa vợ-chồng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc chàng Khê-ma-ca đẹp trai, con nhà giàu, ăn nói có duyên, ham-thích việc gió-trăng, phạm tội thông-dâm cùng phụ-nữ có chồng. Chàng được người bác là cư-sĩ Cấp-cô-độc dẫn đến nghe Đức Phật chỉ-dạy về tội-ác tà-dâm cần tránh, để khỏi bị các hậu-quả tai-hại, trong đó có việc sa vào địa-ngục là nặng-nề nhứt.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 309 và 310:

Hai bài Kệ kể ra những hậu-quả tại-hại của tội tà-dâm:

1) Hai câu đầu của bài Kệ số 309 báo bốn điều bất-hạnh:

2) Câu thứ ba nêu ra hai hậu-quả: (1) mang tai-hoạ, vì người chồng trả thù; (2) ngủ chẳng yên-giấc, vì cứ lo-sợ lộ tội; (3) bị trách phạt; (4) sa vào địa-ngục.

3) Câu đầu của bài Kệ số 310: "Mang tai-hoạ, phải đoạ vào đường dữ, đó là sa vào địa-ngục, chịu hình-phạt nặng và lâu ở cõi âm.

4) Câu "Vui phút giây, đôi dâm-đãng phập-phồng" cho thấy rõ thú-vui thể-xác rất ngắn-ngủi, đâu bù lại sự lo-lắng kéo dài, sợ lộ tội.

5) Câu ‘’Vua lại ban-hành cực-hình xét-xử" nói rõ hình-phạt ngay trong hiện-đời nầy, bị tù-tội theo luật-lệ trong xã-hội.

6) Câu chót là lời kết-luận: đừng phạm tội tà-dâm.

(227).- Tích chuyện vị tỳ-kheo xem nhẹ giới-cấm nhỏ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo hay khinh thường các giới-cấm nhỏ.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo vô-ý cắt đứt một nắm cỏ, phạm vào giới-luật cấm đốn cây, nhổ cỏ, trong Tăng-đoàn. Mặc dầu vị ấy đã theo đúng thủ-tục thú-tội mình với bạn đồng-tu rồi, nhưng trong tâm vẫn còn thắc-mắc, lo-ngại mình đã trót vi-phạm giới-luật. Một vị tỳ-kheo khác nghe than-thở, mới bảo: "Một vi-phạm nhỏ vào giới-luật, theo đúng thủ-tục thú-tội xong, thì kể như giới-đức đã được thanh- tịnh rồi, có chi mà phải thắc-mắc. Vả lại, nhổ cỏ là việc nhỏ, chẳng quan-trọng gì, nè, tôi thử nhổ cho bạn xem." Nói xong, vị ấy cúi xuống vừa bứt một nắm cỏ, miệng vừa cười.

Sự-việc đó đến tai Đức Phật. Ngài cho gọi vị tỳ-kheo cố-tình nhổ cỏ ấy đến quở trách và nói lên ba bài Kệ sau đây:

Ai vụng nắm cỏ kusa,
Bàn tay bị cỏ cắt đứt.
Cùng thế ấy, đã xuất-gia
Hạnh Sa-môn mà lơ-là
Ắt phải sa địa-ngục.
(Kệ số 311.)
Một hành-động làm cho có lệ,
Giữ giới-đức bị ô-nhiễm tệ,
Sống Phạm-hạnh một cách khả-nghi,
Chứng được quả cao, đâu có lẽ!
(Kệ số 312.)
Có điều cần phải làm, làm ngay,
Làm hăng say, làm hết năng-lực.
Sống cuộc đời tu-sĩ phóng-dật,
Chỉ làm tăng cát bụi tung bay.
(Kệ số 313.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khinh thường = xem nhẹ, chẳng coi là quan-trọng chi cho lắm.

- Cấm đốn cây, nhổ cỏ: đây là một giới-cấm Phật đặt ra, để tránh sự sát-hại các loại côn-trùng sống dưới mặt đất.

- Thủ-tục thú-tội: theo Luật-tạng, các giới-luật được phân ra thành trọng-cấm và khinh-cấm. Các tội năng như tội dâm, tội sát-sanh nếu phạm phải sẽ bị trục-xuất khỏi Tăng-đoàn. Các tội nhẹ, như nhổ cỏ, chỉ cần thưa thiệt với vị tỳ-kheo đồng-tu, tỏ lòng sám-hối là đủ.

- Giới-đức thanh-tịnh: giữ cho hạnh-kiểm, thái-độ của mình được đứng-đắn, chẳng bị tội-lỗi làm dơ- bẩn.

- Cỏ kusa: một loại cỏ có mùi thơm, lá bén như lá xả.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà, gia-đình. Bực xuất-gia là người đã rời bỏ cuộc sống trong nhà, đi tu.

- Hạnh Sa-môn: Hạnh = giới-hạnh, hạnh-kiểm; Sa-môn = tu-sĩ Phật-giáo. Chữ Sa-môn có ba ý-nghĩa: (1) cần-giả, siêng làm việc lành; (2) tức-giả, thôi chẳng làm việc ác; (3) bần-giả, nguyện chịu nghèo- khổ để tu-hành.

- Làm cho có lệ = làm qua loa, chẳng chú tâm vào; như tụng kinh, miệng đọc thuộc lòng mà bụng lo ra, nghĩ đến việc ... đi chợ.

- Ô-nhiễm tệ: Ô = đen, dơ; Nhiễm = dính, lây; Tệ = xấu, dở.

- Phạm-hạnh: hạnh tu thanh-tịnh, nguyện dứt bỏ hẳn sự dâm-dục

- Khả-nghi: đáng ngờ-vực, khó tin được.

- Phóng-dật: buông-lung, chẳng siêng-năng, cố-gắng chi cả.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện là chớ xem thường mọi điều giới-cấm, dầu nặng, dầu nhẹ, lúc nào cũng phải tuân-phục. Vì nếu tỏ ra lơ-là, giới-đức sẽ bị nhiễm-ô, mất sự thanh-tịnh.

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ số 311, 312 và 313:

Bài Kệ số 311 khuyên ta chớ lơ-là trong việc giữ gìn giới-luật, vì nếu đã nguyện giữ mà lại phá giới, sẽ bị tội sa vào địa-ngục. Hai câu: "Ai vụng nắm cỏ kusa, Bàn tay bị cỏ cắt đứt" so-sánh sự sắc-bén của giới-luật với lá cỏ bén kusa; nếu chẳng khéo cầm-giữ sẽ bị đứt tay.

Bài Kệ số 312 chê-trách kẻ tu-hành giữ giới-luật một cách lấy lệ, làm cho có chừng vậy thôi. Thái-độ lơ-là nầy dễ khiến giới-đức bị nhiễm-ô, mất cả sự thanh-tịnh. Hậu-quả là chẳng thể nào chứng được đạo-quả.

Bài Kệ số 313 khuyên nên tu-hành cho thật tinh-tấn:

- "Có điều cần phải làm, làm ngay": điều chi? Đó là việc giữ gìn giới-đức thanh-tịnh để chóng đến ngày giác-ngộ và giải-thoát.

- "Làm hăng-say, làm hết năng-lực": đấy là thái-độ tinh-tấn của người tu-hành đang gắng sức, chẳng có lúc nào lơ-là cả.

- "Sống cuộc đời tu-sĩ phóng-dật, Chỉ làm tăng cát-bụi tung bay" Cuộc đời phóng-dật, ở đây, là chẳng biết, chẳng chịu, khép mình vào kỷ-luật của giới-đức. Như thế chỉ làm tăng thêm tội-lỗi, ví như cát-bụi dơ-bẩn tung bay lên, nêu gương xấu cho dân-chúng.

HỌC TẬP:

Tuy Tích chuyện cùng ba bài Kệ nói đến các vị xuất-gia tu-hành, nhưng chúng ta cũng rút ra được những bài học nhỏ về việc giữ gìn giới-luật cho người tu tại-gia.

1) Người Phật-tử tu tại nhà phải giữ trọn ngũ-giới gồm có: (1) chẳng sát-sanh; (2) chẳng trộm-cắp; (3) chẳng tà-dâm; (4) chẳng nói dối; (5) chẳng uống rượu. Đây là năm điều căn-bản của việc tu-hành tại- gia, có là bao, khi so-sánh với 250 điều của tỳ-kheo và 350 điều của tỳ-kheo-ni của các bực xuất-gia.

2) Xin kể vài điểm lơ-là thường thấy trong việc giữ ngũ-giới:

- ăn chay là để tránh sát-sanh; tối đói bụng, nói "Tối rồi, Phật đi ngủ, mình cứ ăn tô phở nhỏ cho hết xót ruột!"

- cấm trộm-cắp là để diệt lòng tham; trong sở sẵn giấy trắng, cứ lấy vài tờ ra viết thơ cho bạn, có hề chi!

- cấm tà-dâm là để giữ lòng trong-sạch, lại thích làm bộ lỡ đụng nhè-nhẹ vào người đẹp khác phái!

- cấm nói dối là để tôn-trọng sự-thật; đi xa về kể chuyện thường thêm-thắt vài chi-tiết vẽ-vời ra, cho câu chuyện thêm ... dòn!

- cấm uống rượu là để trí-óc được sáng-suốt; trong buổi tiếp-tân, pha rượu loảng nhâm-nhi chơi, chút đỉnh mà, nào có hại chi đâu!

(228).- Tích chuyện người vợ ghen-tuông.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc một người đàn-bà tánh hay ghen-tuông, hành-hạ một đứa tớ gái.

Thuở ấy ở nước Xá-vệ có một người đàn-bà tánh hay ghen-tuông, nghi chồng mình tằng-tịu với đứa tớ gái. Bà ta bắt đứa tớ, đem trói lại, tra khảo, rồi trong cơn ghen-giận, bà xẻo tai, cắt mũi nó, đem giam nó vào phòng tối. Sau đó, bà theo chồng đến chùa để lạy Phật.

Một lát sau, thân-nhơn của đứa tớ gái, đến nhà chủ để thăm nó, nghe tiếng nó rên la trong phòng tối, mới vào cổi trói cho nó và dẫn nó đến chùa, thưa trình cùng Phật. Bấy giờ Đức Phật đang giảng pháp cho đông-đảo tín-đồ ngồi nghe. Sau thời pháp,

thân-nhơn đứa tớ gái trình Phật sự-thể vì sao nó bị hành-hạ tàn-nhẫn như thế. Rồi họ chỉ vào thân-thể tiều-tuỵ, bị đánh-đập nhiều vết thương-tích trên mặt của đứa tớ gái cho mọi người trông thấy. Đức Phật bảo: "Nầy chư thiện-nam, tín-nữ, chớ nên làm điều ác, vì điều ác dầu dấu kín mấy đi nữa, cũng lộ ra sau nầy và đem lại đau-khổ ray-rứt cho người đã làm ác. Còn việc thiện dầu âm-thầm làm, cũng mang lại hạnh-phúc và yên-vui."

Rồi đó Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Việc ác, tốt hơn, nên bỏ dứt,
Trót làm sanh ray-rứt trong lòng.
Việc thiện, tốt hơn, làm lập-tức,
Chẳng hề hối-tiếc khi làm xong.
(Kệ số 314.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ghen-tuông: nết xấu sợ chồng hay vợ mình thương-yêu kẻ khác

- Tằng-tịu = dan-díu tình-ái với kẻ khác một cách bất-chánh.

- Tra-khảo = đánh-đập để vặn hỏi.

- Thân-nhơn: người thân trong gia-đình.

- Tín-đồ: Tín = tin-tưởng; Đồ = đồ-đệ; học trò. Tín-đồ = kẻ theo đạo.

- Thiện-nam, tín-nữ: Thiện = lành; Tín = tin-tưởng; Thiện-nam = đàn-ông làm lành; Tín-nữ = đàn-bà tin đạo. Ở đây, chỉ các tín-đồ.

- Ray-rứt: gây sự đau-khổ kéo dài, ngấm-ngầm bên trong tâm.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc người vợ ghen-tuông đánh-đập, hành-hạ một đứa tớ gái vì nghi nó dan-díu tình-ái với chồng mình, rồi giam nó trong phòng kín. Nhưng nó được thân-nhơn giải-cứu, dẫn đến trình cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Việc ác dầu dấu kín, sớm muộn chi cũng lộ, rồi gây đau khổ ray- rứt trong lòng người làm ác..."

Ý-nghĩa của Tích chuyện là đừng vì ghen-tuông mà có những hành-động ác, hãy dẹp bỏ ngay sự sân- hận.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 314:

Bài Kệ số 314, chẳng nói đến việc đánh ghen trong Tích chuyện, chỉ phân-biệt rõ hai hành-động thiện và ác:

1) Việc ác sanh ray-rứt trong lòng: Tại sao? Vì người làm ác hối-tiếc đã gây đau-khổ cho người khác, trong lòng ray-rứt chẳng nguôi. Do đó, phải dứt bỏ ngay việc ác, mỗi khi

ác-ý vừa khởi lên trong tâm.

2. Việc thiện nên làm ngay lập-tức: Tại sao? Nên làm, vì việc thiện đem an-vui đến cho kẻ khác và cho mình. Phải làm ngay lập-tức, vì nếu chần-chờ làm việc thiện, cơ-hội đi qua, sẽ mất dịp tạo thêm nghiệp lành cho bản thân.

(229). Tích chuện càv Tỳ-kheo qua mùa an-cư nơi biên-ải.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một nhóm Tỳ-kheo qua mùa an-cư tại một nơi xa-xôi gần biên-giới.

Thuở ấy, vào mùa an-cư kết-hạ, có một nhóm Tỳ-kheo đến cư-trú tại một vùng gần biên-giới. Trong tháng đàu của mùa mưa, họ được dân-chúng trong vùng cung-cấp đày-đủ thực-phậm và các tiện-nghi khác.

Vào tháng thứ hai, vùng biên-giới bị giặc-giã đến cướp-phá, nhiều người dân bị giặc bắt đi. Dân chúng vì phải lo phòng-vệ cửa ải, cứu-trợ người bị thương, xây-dựng lại các nơi bị tàn-phá, nên chẳng thể cung-ứng đầy-đủ cho chư Tăng. Vì thế, các tỳ-kheo đã trải qua mùa an-cư trong thiếu-thốn, nhưng chẳng vì thế mà việc tu-tập bớt phần tinh-tấn.

Mãn mùa an-cư, chư Tăng quay về chùa, tường-trình lên Đức Phật kết-quả tu-tập trong ba tháng hè vừa qua. Được biết chư Tăng gặp khó-khăn nơi biên-ải, Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, rất khó mà có được đời sống vật-chất đầy-đủ đủ tiện-nghi mà chẳng cần phải cố-gắng. Cũng như dân-chúng vùng biên-thuỳ đã phòng-vệ thị-trấn của họ, gìn-giữ cả bên trong thành cũng như bên ngoài ải, tỳ-kheo phải biết phòng-hộ thân-tâm mình, cả bên trong lẫn bên ngoài."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó một số tỳ-kheo nỗ-lực tu-tập mà chứng được quả-vị A-la-hán:

Canh-phòng cửa ải ngoài biên-giới,
Phải canh cả trong thành ngoài ải.
Tự phòng-vệ mình, nào có khác.
Gặp dịp tốt học Pháp, chớ bỏ qua,
Lỡ dịp, đau buồn khi sa cõi ác.
(Kệ số 315.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

-Biên-ải, Biên-giới, Biên-thuỳ: Biên =ngoài bìa, gần lằn ranh; Ải = đồn-binh giữ giặc; Giới, Thuỳ = ranh-giới. Biên-ải là đồn lính đóng ngoài biên-giới, để giữ vững biên-thùy cho đất nước.

- An-cư kiết-hạ: An-cư = ở yên; Kiết hạ = trải qua mùa hè. An-cư kiết-hạ là trong thời-gian ba tháng hè, mưa dầm, các tỳ-kheo chẳng ra ngoài đi khất-thực, vì ngại đạp chết côn-trùng đang sanh-sản nhiều, lưu lại nơi tịnh-xá để tu-tập, sống nhờ sự cúng-dường của tín-đồ.

- Phòng-vệ, phòng-hộ: Phòng = đề-phòng; Hộ =Vệ = giữ gìn.

- Cung-ứng = châu-cấp cho đầy-đủ; tiếp-tế.

- Thị-trấn: Thị = chợ, thành-thị; Trấn = trấn-giữ; nơi được canh chừng. Thị-trấn là thành-phố được tăng-cường việc phòng-thủ.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt của bực tu-hành đã diệt hết các phiền-não, vượt các chướng-ngại, lìa bỏ mọi ham muốn, chứng được vô-sanh (= chẳng phải tái-sanh trong Luân-hồi nữa), sống tự-tại trong cảnh-giới Niết-Bàn. Tiếng Pali là Arahant.

- Pháp = Chánh-pháp, lời dạy của Phật ghi trong Kinh-kệ, chỉ rõ đường-lối tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát.

- Cõi ác: ba đường dữ trong Luân-hồi: địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại mùa an-cư kiết-hạ của một nhóm tỳ-kheo đến sống gần biên-giới. Họ gặp phải khó-khăn trong vấn-đề ăn-uống, vì dân-chúng phải lo phòng-vệ cửa ải, nên chẳng cung-ứng đủ thực- phẩm. Đức Phật nhơn chuyện đó, dạy các tỳ-kheo phải biết phòng-hộ thân-tâm mình, cũng như dân- chúng phòng vệ cửa ải, bên trong cũng như bên ngoài.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là việc phòng-hộ thân-tâm phải luôn luôn gìn-giữ và điều-phục tâm bên trong cũng như các căn bên ngoài.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 315:

Bài Kệ số 315 khuyên ta nên phòng-hộ thân-tâm ta cũng như dân-chúng vùng biên-giới phòng-vệ cửa ải, cả trong thành lẫn ngoài ải. Như thế, người tu-hành phải, bên ngoài điều-phục các căn, bên trong tỉnh-giác, giữ chánh-niệm trong tâm. Nhưng cách phòng-vệ hữu-hiệu và bền-lâu nhứt, chính là việc học-tập Chánh-pháp; nếu có dịp được nghe Pháp mà bỏ qua, về sau hối-tiếc đã quá muộn, khi đau-khổ phải sa vào ba đường ác của cõi Luân-hồi.

HỌC TẬP:

1) Điều-phục các căn như thế nào? Mắt đừng chạy theo cảnh; tai đừng mê âm-thanh; mũi chớ quá thích mùi thơm; lưỡi chớ thèm vật ngon-ngọt quá; tay chớ ham sờ vật êm-láng; để giữ cho tâm yên.

2) Điều-phục tâm như thế nào? Luôn giữ chánh-niệm theo hơi thở ra vào nhẹ-nhàng, khiến cho tâm an-tịnh, chẳng vọng-động.

(230).- Tích chuyện nhóm loã-thể Ni-kiền-tử.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tai chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến nhóm tu-sĩ loã-thể Ni-kiền-tử.

Thuở ấy có nhóm tu-sĩ loã-thể Ni-kiền-tử đi khất-thực, tay cầm bình bát có miếng vải nhỏ che bên trên, mình chỉ quấn khố che hạ-bộ. Các vị tỳ-kheo trông thấy, bảo: 'Các vị tu-sĩ Ni-kiền-tử có khố che phiá dưới, trông ra có phần trang-nhã hơn các ẩn-sĩ loã-lồ." Các tu-sĩ Ni-kiền-tử đáp: "Chúng ta che phiá dưới thân-thể, chẳng phải là vì sợ xấu-hổ đâu. Chúng ta lấy vải đậy bình bát lại là để tránh bụi- bặm, vì trong bụi-bặm vẫn có sự-sống."

Khi trở về chùa, các vị tỳ-kheo trình lại Phật những điều các tu-sĩ Ni-kiền-tử đã nói. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, bọn Ni-kiền-tử chỉ che hạ-bộ mà chẳng biết thẹn ở chỗ đáng thẹn, họ lại che bình bát, thẹn ở nơi chẳng đáng thẹn. Vướng-mắc tà-kiến như thế, họ sẽ sa vào đường dữ của Luân-hồi."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây, vài người trong nhóm Ni-kiền-tử nghe hiểu được, mới xin quy-y Tam-Bảo:

Chẳng đáng hổ-ngươi mà lại thẹn,
Việc đáng thẹn mà lại trơ-trẻn.
Tà-kiến đó, chúng-sanh nào ôm-ấp
Sẽ đoạ vào cõi thấp, khi tái-sanh.
(Kệ số 316.)
Chẳng đáng sợ mà lại hãi-hùng,
Việc đáng ghê mà lại dửng-dưng.
Tà-kiến đó, chúng-sanh nào ôm-ấp,
Sẽ đoạ vào cõi thấp, khi tái-sanh.
(Kệ số 317.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Loã-thể Ni-kiền-tử: Loã = loã-lồ, chẳng che-đậy; Thể = thân-thể; Ni-kiền-tử = phiên-âm tên nhóm tu-sĩ loã-thể, tiếng Pali là Nigantha.

- Khất-thực: Khất = đi xin, Thực = ăn. Theo giáo-lý nhà Phật, các tỳ-kheo theo hạnh khất-sĩ, hạ mình xuống đi xin ăn, để diệt lòng tự-ái và có dịp gặp dân-chúng để chỉ-dạy Chánh-pháp cho họ.

- Bình bát: tô chén lớn như cái nồi, bằng sành, bằng gỗ hay bằng đồng, dùng đựng thức-ăn khi xin được.

- Khố = mảnh vải nhỏ và dài, che phiá dưới, chẳng mặc quần.

- Hạ-bộ: Hạ = dưới, Bộ = bộ-phận. Hạ-bộ tức là bộ-phận sanh-dục

-Tà-kiến: Tà = xiêng-xéo; Kiến = ý-tưởng; Tà-kiến là ý-tưởng sai-lầm

- Đường dữ: Luân-hồi có ba đường dữ, địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh

- Quy-y Tam-Bảo: Quy-y = Quy = trở về; Y = nương-tựa; Tam =ba; Bảo = ngôi báu. Đó là quay về nương-tựa nơi Phật, Pháp và Tăng.

- Hổ-ngươi = thẹn, mắc-cở.

- Trơ-trẻn: chẳng biết thẹn, chẳng biết mắc-cở, chai-lỳ lắm!

- Hãi-hùng: sợ-hãi lắm, ghê-sợ nhiều.

- Dửng-dưng = chẳng hề cảm-động, chẳng động tâm, trơ-trơ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện mô-tả thái-độ chẳng đứng-đắn của nhóm loã-thể Ni-kiền-tử, chẳng thẹn chỗ đáng thẹn, lại thẹn chỗ chẳng đáng thẹn. Đức Phật dạy, thẹn và chẳng biết thẹn như thế, cùng với sự sợ và chẳng sợ đúng chỗ là đang vướng phải hai tà-kiến, sẽ đưa ta vào cõi thấp trong Luân-hồi, khi tái-sanh.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là phải gạt bỏ các tà-kiến, biết thẹn và sợ-hãi, khi lỡ làm việc ác.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 316 và 317:

Hai bài Kệ giống nhau ở hai câu chót: đưa ta tái-sanh vào đường thấp, và khác nhau ở chỗ thẹn và sợ chẳng đúng chỗ. Vướng vào hai tà-kiến thẹn và sợ chẳng đúng chỗ nầy, là vì chẳng thông-hiểu Chánh- pháp, chưa phân-biệt rõ điều chánh với điều tà.

HỌC TẬP:

Ứng-dụng: (1) biết thẹn khi lầm-lỗi; chẳng hề thẹn vì: màu da, nòi-giống, tật-nguyền, nghề lao-động, cảnh nghèo-khó. (2) biết sợ các điều ác mà tránh; chẳng hề sợ vì: ma nhát, bạo-quyền, sự giàu-sang của kẻ khác cùng sự kỳ-thị.

(231).- Tích chuyện nhóm người dị-giáo.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Cây Sung, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến nhóm người theo Dị-giáo.

Thuở ấy, những người theo Dị-giáo thường dạy con cháu họ, chớ nên chơi đùa với những đứa trẻ theo Phật-giáo, chẳng được vào chùa Kỳ-viên, chẳng nên chào-kính các vị tỳ-kheo. Một hôm, lũ trẻ nô-đùa ngoài sân chùa, có một số khát nước, muốn nhờ các trẻ theo đạo Phật, vào chùa lấy nước đem ra cho chúng giải-khát. Một đứa đi vào chùa, gặp Đức Phật, Ngài bảo nó cứ trở ra mời bọn trẻ vào chùa mà uống nước. Cả bọn đồng vào trong. Sau khi chúng đã uống xong, Đức Phật hỏi han từng đứa và nhơn

đó tùy theo sự hiểu-biết mỗi đứa mà giảng pháp cho chúng nghe. Bọn trẻ nghe hiểu, tỏ lòng quy- ngưỡng ba ngôi báu: Phật, Pháp và Tăng.

Về nhà, mấy đứa trẻ rất thích-thú, kể lại cho cha mẹ chúng nghe. Cha mẹ chúng phần đông ít học, hoảng-sợ lên: "Thôi rồi, trẻ con nhà mình bị Phật quyến-rũ, từ nay mình sẽ mang tiếng là phản-đạo mất rồi." Họ khóc lên, kể lể; người hàng xóm nghe được, khuyên họ dẫn con lên chùa gặp Đức Phật. Họ nghe lời, đến chùa Kỳ-viên, lại được Đức Phật giảng cho nghe giáo-lý rồi Ngài nói lên hai bài Kệ sau đây, khiến cho cả cha con

người theo Dị-giáo đều xin quy-y Tam-Bảo:

Chẳng sái-quấy lại bảo là sai,
Việc lỗi-lầm, lại bảo đúng ngay.
Tà-kiến đó, chúng-sanh nào ôm giữ
Sẽ sa vào cõi dữ, khi tái-sanh.
(Kệ số 318.)
Sai, bảo là sai.
Phải, bảo là phải.
Ai biết giữ chánh-kiến nầy
Vào cõi lành, khi sanh lại.
(Kệ số 319.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Dị-giáo: Dị = khác; Giáo = tôn-giáo. Dị-giáo là tôn-giáo khác với Đạo Phật; tạm dịch từ tiếng Pali là Titthi.

- Chùa Cây Sung: tạm dịch từ tiếng Pali là Nigrodàràma, (Nigrodha là loại cây lớn như cây da, có trái giống trái sung.)

- Quy-ngưỡng: Quy = quay về; Ngưỡng = ngưỡng-mộ, kính-trọng.

- Tam-Bảo = Ba ngôi báu: Tam = ba; Bảo = quí-báu. Tam-Bảo là ba ngôi quí-báu: (1)Đức Phật, bực đại-giác, (2)Chánh-pháp, lời Phật dạy đường-lối giác-ngộ và giải-thoát;(3) Tăng-già, các đệ-tử tu-hành theo đúng đường-lối của Phật.

- Quy-y: Quy = quay về; Y = nương-tựa. Quy-y là tìm về nương-tựa tinh-thần vào ngôi Tam-bảo.

- Cõi dữ: có ba cõi dữ trong Luân-hồi: (1) địa-ngục, ngạ-quỉ (=quỉ đói), súc-sanh (=thú-vật). Cõi dữ, đường dữ, tiếng Pali: Duggati

- Cõi lành: ba cõi lành: (1) cõi Người; (2) cõi A-tu-la, thần-linh (Asura); (3) cõi Trời. Cõi lành, đường lành, tiếng Pali là Suggati.

- Chánh-kiến: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Kiến = kiến-thức. Có chánh-kiến là có kiến-thức (= nghe thấy, hiểu-biết) thật đúng-đắn. Chánh-kiến đứng đầu trong Bát-chánh-đạo, con đường Thánh đưa ta đến cảnh-giới Niết-bàn. (Pali: Sammaditthi = Chánh-kiến.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại cơ-duyên rất may-mắn của nhóm người ngoại-đạo theo Dị-giáo, được Đức Phật dạy cho Chánh-pháp, biết rõ con đường giác-ngộ và giải-thoát. Họ bỏ được tà-kiến mê-tín, noi theo Chánh-kiến mà quy-y Tam-Bảo.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: rời bỏ tà-kiến của Dị-giáo để theo Chánh-kiến của đạo Phật giải-thoát, đó chẳng phải là "phản-đạo", mà là sự sáng-suốt và can-đảm biết thoát khỏi sự ràng-buộc của mê-tín.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 318 và 319:

Hai bài Kệ nêu rõ sự khác nhau giữa tà-kiến và chánh-kiến: sai, bảo là sai; đúng, bảo là đúng. Tà-kiến đưa ta vào cõi dữ, chánh-kiến dắt ta theo đường lành. (Tưởng ta nên học thuộc lòng hai bài Kệ nầy).

-ooOoo-

XXIII.- Phẩm VOI.

(232).- Tích chuyện bà Mã-can-di-hoa.

Tích chuyện nầy hơi giống với Tích chuyện số (15): Hoàng-hậu Sa-mã-hoa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu-viện Cô-si-ta, nước Cô-sâm-bi, trong một kỳ giảng-pháp, có đề- cập đến bà Mã-can-di-hoa.

Thuở ấy ở nước Cô-sâm-bi có một thiếu-nữ tên là Mã-can-di-hoa nhan-sắc rất lộng-lẫy, được nhiều vương-tôn, công-tử gấm-ghé. Cha cô còn chưa ưng gả cho ai, đến khi ông trông thấy dáng-mạo trang nghiêm của Đức Phật, trên đường khất-thực, ông liền ngỏ lời cầu-thân cùng Đức Phật. Đức Phật từ chối và bảo: "Đối với tấm thân bên trong đầy chất dơ-bẩn, nước tiểu và phẩn, ta chẳng muốn để chơn ta đụng phải." Trước lời nói thẳng-thắn của Đức Phật, cha mẹ cô Mã-can-di-hoa sực tỉnh-ngộ, hiểu được lẽ vô-thường của sắc-thân, chứng được quả-vị A-na-hàm; nhưng cô Mã bị chạm tự-ái, rất căm- hận Đức Phật, nguyện sẽ trả thù.

Về sau, cô Mã được chọn vào hoàng-cung, vua Ưu-đề-na phong làm vương-phi. Khi hay tin Đức Phật và chư Tăng đến xứ Cô-sâm-bi, cô Mã liền cho thuê nhiều tay du-đãng cứ đi theo sau lưng Đức Phật, dùng lời thô-tục mà nhục-mạ Ngài. Tôn-giả A-nan chịu chẳng nổi các lời bỉ-ổi, hỗn-láo với Đức Phật như thế, mới xin Phật hãy rời thành Cô-sâm-bi đi sang xứ khác. Đức Phật từ-tốn nói: 'Nầy A-nan, đi sang nơi khác, rồi cũng bị nhục-mạ nữa, thì phải làm sao? Chi bằng, cứ giải-quyết vấn-đề khó-khăn ngay tại đây. Cũng như con voi xông-pha tên đạn tứ phía ngoài mặt trận, ta vẫn thản-nhiên kiên-nhẫn hứng chịu các lời nói nhục-mạ kia, từ cửa miệng của bọn người còn thiếu đạo-đức!"

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây, khiến cho bọn du-đãng biết hối lỗi mà tự giải-tán:

Như voi chiến xông ngoài trận-mạc,
Hứng lằn tên, mũi đạn tơi-bời,
Như-Lai chịu phỉ-báng mọi lời
Của những người vẫn còn đức bạc.
(Kệ số 320.)
Voi, ngựa thuần mới đem dự hội.

Con nào nhuần-nhã được Vua cởi.
Quí nhứt, người đã luyện tinh-thông
Nhẫn-nhịn chịu mọi lời chửi-bới.
(Kệ số 321.)
Ngựa rặc giống, la con thuần nết, Đại-tượng ngà dài, đều quí hết.

Nhưng tối-thượng lại chính là người Trang-nghiêm giới-đức, tự điều-tiết. (Kệ số 322.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Mã-can-di-hoa: tên người đẹp nầy, tiếng Pali là Màgandiyà.

- Tu-viện Cô-si-ta, nước Cô-sâm-bi: tên ngôi chùa nầy, tiếng Pali là Ghositàràma, ở nước Kosambi, thuộc miền Bắc Ấn-độ xưa.

- Vương-tôn = cháu vua; Công-tử = con quan.

- Gấm-ghé: muốn xin cưới làm vợ.

-Cầu-thân: nghĩa rộng ở đây là muốn gả con để làm thân với nhau

- Tỉnh-ngộ: Tỉnh = hết mê; Ngộ = hiểu được Sự-thật. Người tỉnh-ngộ là người nhận ra trước mình lầm, nay biết được Sư-thật.

- Sắc-thân = tấm thân vật-chất.

- Vô-thường: chẳng bền-chặt, hay biến-đổi để đi đến hoại-diệt

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba, còn được dịch là Bất-lai, chẳng phải bị tái-sanh vào cõi người nữa, sanh lên trời, tu tiếp để chứng A-la-hán. A-na-hàm, tiếng Pali là Anàgàmi.

- Vua Ưu-đề-na: tên vua xứ Cô-sâm-bi, tiếng Pali là Udena.

- Vương-phi = vợ vua.

- Du-đãng = côn-đồ, bọn du-côn hay phá làng, phá xóm.

- Từ-tốn: nói-năng chẫm-rãi, điềm-đạm, chẳng hề tức-giận.

- Thản-nhiên: tâm yên-tịnh, lời nói hiền-hoà, lòng chẳng hờn-giận, dửng-dưng.

- Kiên-nhẫn = bền-chí.

- Nhục-mạ = nói lời xấu-ác nặng-nề để người nghe buồn-lòng.

- Giải-tán = bỏ đi chỗ khác.

- Trận-mạc = bãi chiến-trường, nơi đánh giết nhau.

- Như-Lai: tiếng Đức Phật tự xưng khi nói với kẻ khác; tiếng Pali là Tathàgata.(Như = như thế; Lai = đến; Người đã đến đây như thế vậy.)

- Đức bạc = thiếu đức-hạnh, đạo-đức còn mỏng-mảnh.

- Thuần = Nhuần-nhã = được luyện tập kỹ-lưỡng rồi, dễ sai-khiến.

- Rặc giống = (loài thú) chẳng lai giống, thuần một nòi, rất quí.

- La = giống lai giữa ngựa và lừa.

- Đại-tượng = con voi lớn.

- Ngà = một cặp răng nanh dài của voi, màu trắng đục, rất đẹp.

- Tối-thượng: Tối = hết sức, bực nhứt; Thượng = cao, trên. Tối-thượng là cao-quí nhứt, chẳng chi hơn được.

- Tự điều-tiết: Tự = chính mình; Điều = điều-phục, điều-khiển; Tiết = tiết-chế, chế-phục. Tự điều-tiết là tự mình biết giữ lấy kỷ-luật nghiêm-khắc, chẳng để sơ-hở mà phạm lỗi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc bà Mã-can-di-hoa căm-hận Đức Phật đã chẳng khen bà đẹp, lại thẳng-thắn nói lên Sự-thật về tấm thân bất-tịnh của bà, bên trong chứa nhiều chất dơ-bản, nên bà mướn du-đãng theo chủi-rủa Đức Phật. Ngài thản-nhiên, kiên-nhẫn chịu đựng các lời nhục-mạ thô-tục của bọn côn-đồ mất dạy.

Ý-nghĩa của Tích chuyện dạy ta phải biết nhẫn-nhục khi nghe lời mắng-nhiếc, chẳng hờn-giận, chẳng để dạ thù-oán.

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ số 320, 321 và 322:

Cả ba bài Kệ đều dạy ta nên nhẫn-nhục, nghe lời nhục-mạ mà chẳng khởi tâm lên tức-giận, chẳng hề để dạ căm-thù. Thái-độ nhẫn-nhục nầy được Đức Phật so-sánh với sự dõng-mãnh của con voi trận, sẵn-sàng hứng chịu lằn tên, mũi đạn chẳng chút nao-núng.

Ý-nghĩa của các bài Kệ khuyên ta nên cố-gắng tập-luyện cho tinh-thông sự nhẫn-nhục; đây là một đức-tánh rất quí-báu cho người tu-hành: tự chiến-thắng được lòng sân-hận bên trong tâm mình, hơn là cố tranh thắng với người đang làm nhục mình. Tự chiến-thắng đó mới là chiến-thắng "tối-thượng", vẻ- vang nhứt.

(233).- Tích chuyện người quản-tượng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo trước kia làm nghề quản-tượng.

Thuở ấy, có hai vị tỳ-kheo đang đi dọc bờ sông A-xi-ra, trông thấy một người quản-tượng dẫn voi xuống sông tắm. Con voi lún bùn, rút chơn lên chẳng được, người quản-tượng lúng-túng chẳng biết làm thế nào để kéo voi ra giữa dòng. Một vị tỳ-kheo, nguyên trước làm nghề quản-tượng, cười bảo vị đồng-tu, mách cách thúc voi sao cho nó biết rút chơn khỏi bùn. Người quản-tượng nghe thấy, liền làm theo lời chỉ-dạy, con voi mới ngoan-ngoãn ngâm mình xuống nước.

Khi về đến tịnh-xá, vị tỳ-kheo thuật lại tài khéo điều-phục voi của bạn mình lên Đức Phật nghe. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, chẳng phải khoe tài khéo huấn-luyện voi mà kẻ tu-hành sớm đến được cảnh- giới Niết-bàn. Chỉ những ai khéo tự huấn-luyện mình mới sớm chứng được cảnh vô-sanh, an-lạc ấy."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng phải cởi voi, ngựa ấy lên đàng, Mà ta đến được Niết-bàn vô-sanh. Chỉ có người tự-ngã khắc-phục

Đến được mục-tiêu, nhờ thuần-thục. (Kệ số 323.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Quản-tượng: Quản = cai-quản, điều-khiển; Tượng = voi lớn. Người quản-tượng là kẻ chăn voi, huấn-luyện voi.

- Sông A-xi-ra: tên con sông nầy, tiếng Pali là Aciravatì.

- Mách: chỉ bảo cho.

- Điều-phục: Điều = điều-khiển; Phục = thâu-phục. Điều-phục voi là huấn-luyện voi, bắt nó theo lịnh của mình.

- Cảnh-giới Niết-bàn: Cảnh-giới = nơi, vùng, trong giới-hạn; Niết-Bàn: tiếng Phạn là Nirvana, tiếng Pali là Nibbana; đây là tâm-trạng (chớ chẳng phải một cõi nào trong không-gian) của bực tu-hành đã diệt xong các phiền-não, chướng-ngại, lìa mọi ham-muốn, chứng được vô-sanh (=chẳng còn tái-sanh trong Luân-hồi), nay sống an-vui.

- Mục-tiêu: Mục = con mắt; Tiêu = cái mốc. Có nghĩa là mục-đích.

- Tự-ngã khắc-phục: Khắc-phục = thắng được và bắt theo lịnh của mình; Tự-ngã = cái "Ngã", cái "Ta" của mình. Người đã khắc-phục tự-ngã của mình là người đã quên mình, xem thân-tâm nầy tạm-bợ, dẹp hết các phiền-não và tuân theo giới-luật đầy-đủ.

- Thuần-thục = nhuần-nhã, rành-rẽ lắm rồi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị tỳ-kheo, trước làm nghề quản-tượng, nhơn đi dọc bờ sông, thấy một người chăn voi lúng-túng chẳng biết làm sao thúc-đẩy voi ra khỏi vũng bùn, để ra sông tắm. Vị ấy cười nói với bạn đồng-tu cách-thức phải điều-phục voi làm sao cho nó ngoan-ngoãn theo lịnh mình. Người chăn voi nghe được, làm theo, dắt voi khỏi chỗ sa lầy. Khi Đức Phật nghe được sự-việc đó, Ngài quở vị tỳ-kheo cựu-quản-tượng và dạy rằng: "Chẳng phải nhờ điều-phục voi mà ta đến Niết-Bàn được, chỉ những ai biết điều-phục tự-ngã của chính mình mới chứng được Niết-bàn an-vui và tự-tại."

Ý-nghĩa của Tích chuyện: chớ xao-lãng việc khắc-phục tự-ngã của mình, có tuân-hành giới-luật, nỗ- lực tu-tập mới chứng được Niết-Bàn.

(2).- Ý-nghĩa của bài Kệ số 323:

1) "Chẳng phải cởi voi, ngựa ấy lên đàng, Mà ta đến được Niết-Bàn vô-sanh": vì Niết-bàn chẳng phải là nơi chốn, mà là một tâm-trạng của mình đã dứt hết phiền-não, cho nên chẳng có voi, có ngựa, hay phương-tiện chuyên-chở nào, đưa ta đến cảnh-giới ấy được.

2) "Chỉ có người tự-ngã khắc-phục": người khắc-phục được tự-ngã là người làm chủ được thân-tâm mình, chẳng xem cái"Ta", và những sự-vật "của Ta" là quí nữa.

3) "Đến được mục-tiêu, nhờ thuần-thục": mục-tiêu nào? Đó là cảnh-giới an-vui tự-tại của Niết-bàn, khi tâm thanh-tịnh đã dứt xong các phiền-não, vượt mọi chướng-ngại và lìa mọi ham-muốn.

(234).- Tích chuyện người cha già bị các con ruồng-bỏ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một cụ-già bị bốn người con trai ruồng-bỏ.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ có một vị Bà-la-môn nhà giàu-có, sanh được bốn người con trai; gia-tài lên đến tám mươi vạn đồng. Khi mỗi người con trai lập gia-đình riêng, cụ tặng cho mười vạn đồng. Đến khi bà vợ chết, cụ còn được bốn mươi vạn. Các con mới thưa, cha nay già-cả quá rồi, cứ đem số tiền chia cho chúng con, chúng con sẽ thay phiên nhau phụng-dưỡng cha. Cụ nghe lời, đem của cải ra phân-chia hết cho các con. Rồi cụ về ở chung với người con cả. Chưa đầy một tháng, người con dâu lớn đã bảo: "Cha có cho con trai trưởng của cha thêm vài ngàn đồng nào đâu, mà sao cha cứ ở lì tại đây mãi vậy? Bộ cha chẳng biết đường đi đến ở nhà mấy chú khác hay sao?" Nghe lời nói đó, tội-nghiệp! cụ già tủi thân đi sang nhà người con thứ. Cũng vậy, chưa được ba tuần-lễ, người con dâu thứ lại cũng nói với cụ những lời tương-tợ như lời của chị dâu lớn. Cụ lại dọn sang nhà đứa con thứ ba, rồi đến đứa con út, mà cũng chẳng được đối-xử khá hơn chút nào. Buồn lòng, cụ mang một cái bát, chống một cây gậy, đi xin ăn, lần bước đến chùa, vào thưa với Đức Phật.

Sau khi nghe cụ kể-lể nỗi lòng, bị các con lấy hết tiền, rồi hất-hủi, Đức Phật nói: "Nầy Bà-la-môn, nay ta dạy cho ông một bài thơ, cứ vừa đi xin, vừa đọc lên, nhứt là vào chỗ đông người:

Tôi nay có bốn người con,
Miệng thưa "Cha!" ngọt, mà lòng chẳng thương.
Nghe lời vợ, đuổi ra đường.
Tay cầm chiếc bát, thân nương gậy nầy.
Ai thương cảnh khổ già đây,
Nhớ cho bát, gậy hơn bầy con hư!"

Cụ chống gậy, ôm bát, nghêu ngao hát cả ngày. Dân-chúng nghe thấy, động lòng thương cụ và trách bốn người con trai quá bất-hiếu, hất-hủi cha già. Các người con hổ-thẹn, rước cha về nhà, mỗi ngày mỗi người dâng một mâm cơm đầy-đủ thức ăn ngon. Cụ chẳng dùng hết mỗi ngày đến bốn mâm, mới bảo con mang hai mâm đem vào chùa cúng-dường Đức Phật và chư Tăng. Nhơn đó, Đức Phật giảng Chánh-pháp cho họ nghe, Ngài lại nói đến lòng hiếu-thảo của con voi rừng tên là Tài-Hộ, bị bắt, bỏ cả ăn-uống, lòng thường nghĩ đến voi cha, voi mẹ trong rừng xanh.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Voi tên Tài-Hộ rất hung-hăng,
Khi phát-dục tiết mùi hôi-thối,
Bị bắt nhốt, chẳng chịu uống ăn,
Tưởng nhớ rừng voi, hằng mong-mỏi.
(Kệ số 324.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ruồng-bỏ = đuổi đi, chẳng săn-sóc, chẳng giúp đỡ chi cả.

- Bà-la-môn: tiếng Pali là Brahmana, giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ xưa.

- Phụng-dưỡng = chăm nuôi người bề trên.

- Con trai trưởng = người con trai lớn nhứt trong nhà.

- Con thứ = người con kế, sau người con trưởng.

- Hất-hủi = tỏ ra lạnh-nhạt, chẳng đối-xử tốt nữa.

- Bất-hiếu: Bất = chẳng; Hiếu = lòng thương cha-mẹ, biết lo săn-sóc, phụng-dưỡng cha mẹ.

- Cúng-dường = đọc trại hai chữ Hán-Việt cung-dưỡng; cung = cung-cấp;dưỡng =nuôi-dưỡng. Tiếng nhà chùa chỉ sự dưng-cúng lễ vật

- Tài-Hộ: tên con voi nầy, dịch nghĩa chữ Pali là Dhanapàla. (Dhana = tài sản; pàla = bảo-hộ, giữ- gìn)

- Phát-dục: Phát = khởi lên; Dục = dục-tình, ý-muốn giao-hợp với kẻ khác phái. Đây nói về con voi đang khởi dục-tình, muốn giao-hợp, phát ra mùi hôi-thối.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một cụ-già, vì chia hết tài-sản cho các con đến sống ở nhà các con. Vì nghe lời vợ cứ nói ra nói vào, các con cụ hất-hủi cha, nên cụ buồn lòng cầm bát, chống gậy đi xin ăn. Cụ gặp Đức Phật, được dạy cho một bài thơ về con bất-hiếu, để đến chỗ đông người hát lên. Bị dân-chúng chê-bai, các người con hổ-thẹn mới rước cha về

nuôi-dưỡng. Khi gặp các người con, Đức Phật kể lại chuyện con voi Tài-Hộ, mặc dầu hung-hăng, nhưng khi bị bắt, nó bỏ cả ăn-uống, lòng chỉ nhớ nghĩ đến voi cha, voi mẹ trong rừng.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là làm con phải hiếu-thảo với cha mẹ, kẻo lại thua con voi Tài-Hộ, dầu là thú-vật, còn biết thương cha mẹ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 324:

Ý-nghĩa của bài Kệ là nêu lên lòng hiếu-thảo của một con voi, để làm gương cho những kẻ hất-hủi mẹ cha lúc tuổi già.

(235).- Tích chuyện vua Ba-tư-nặc ăn quá no.

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (162).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc vua Ba-tư-nặc ăn quá no.

Thuở ấy, vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la, sau một bữa ăn rất thịnh-soạn, đến chùa Kỳ-viên đảnh-lễ Đức Phật. Nhà vua ăn mỗi bữa cả mấy tô cơm, nhai cả đùi dê nấu cà-ri. Khi ngồi nghe Phật giảng, nhà Vua buồn ngủ, đầu cứ gật lên gật xuống, hai mắt muốn sụp lại. Sau thời pháp, Vua thưa: "Bạch Thế-tôn, hôm nay vì ăn no quá, buồn ngủ, con cảm thấy nhọc-mệt, chẳng chú tâm nghe pháp được." Đức Phật bảo: "Nầy Đại-vương, những người tham ăn quá cũng đều cảm thấy nặng bụng và buồn ngủ như thế cả."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó vua Ba-tư-nặc biết bớt ăn, bụng thon lại, hăng-hái hoạt- động và vui-vẻ hơn xưa:

Người khờ lười-biếng, tham ăn
Vật-vờ, vất-vưởng, nằm lăn cả ngày.
Giống như con lợn mập thây,
Luân-hồi phải chịu, biết ngày nào ra.
(Kệ số 325.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Vua Ba-tư-nặc xứ Câu-tát-la: tên vị vua cai-trị xứ nầy, tiếng Pali là vua Pasenadi, nước Kosala, ở miền Bắc Ấn-độ xưa.

- Thịnh-soạn = nói về bữa ăn có nhiều thức ăn ngon.

- Đảnh-lễ: cúi đầu làm lễ ra mắt bực trưởng-thượng.

- Thế-tôn: Thế = thế-gian; Tôn = tôn-trọng. Đức Phật được gọi là Thế-tôn, bực được cả thế-gian tôn- trọng.

- Vật-vờ, vất-vưởng = lừ-đừ, chẳng muốn làm gì cả, lười-biếng.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = quay trở lại. Theo giáo-lý nhà Phật, chúng-sanh khi chết đi, lại sanh trở lại, để rồi lại chết nữa; cuộc sống lẩn-quẩn chịu khổ nhiều, sướng ít đó gọi là Luân-hồi, như bánh xe cứ quay một vòng rồi lăn trở lại mãi. Vì thế, người tu-hành phải lo diệt hết các phiền-não, dẹp mọi tham-muốn, để chứng được vô-sanh, dứt khoát ra khỏi cảnh tái-sanh lẩn-quẩn của Luân-hồi, đó là giải-thoát mọi khổ đau, được tự-tại mãi trong cảnh an-vui của Niết-Bàn.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại vì ăn quá no, nên vua Ba-tư-nặc mệt-mỏi và buồn ngủ, chẳng nghe được bài pháp của Đức Phật.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật, nên ăn-uống vừa phải, chớ tham ăn và chớ lười- biếng.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 325:

Bài Kệ so-sánh kẻ tham ăn, lười-biếng như con heo ăn mập thây. Kẻ chỉ biết ăn cho sướng miệng, mập thây, sẽ mắc vòng Luân-hồi, vì chẳng chọn con đường tu-hành giải-thoát: đó là ý-nghĩa của bài Kệ.

HỌC TẬP:

1) Ăn-uống là để bồi-bổ cơ-thể; ăn quá mức, số dư tích-trữ lại sẽ gây ra phì-béo, chậm-chạp và lười biếng. Tập cho trẻ con ăn-uống đúng giờ, bỏ thói ăn quà vặt.

2) Ngoài thức ăn vật-chất ra, con người còn cần thức-ăn về tinh-thần: mỗi tuần siêng đi chùa, lạy Phật, nghe giảng kinh, đó là nuôi-dưỡng, bồi-bổ tinh-thần. Nên dắt con cháu nhỏ theo khi đi chùa.

(236).- Tích chuyện Sa-di Sà-nhu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Sa-di tên là Sà-nhu.

Thuở ấy, Sa-di Sà-nhu tuy còn nhỏ tuổi nhưng cũng thông-thuộc nhiều kinh-kệ. Một hôm, các vị tỳ- kheo trộng tuổi bảo Sa-di Sà-nhu bước lên đài cao, ngồi tụng-đọc kinh-kệ cho đại-chúng nghe. Sa-di Sà-nhu vâng lời, sau khi tụng xong, chấp tay nói: "Nguyện đem công-đức nầy hướng về tất cả các cha mẹ đời nầy, đời trước của đệ-tử được hưởng nhiều phước-lạc." Vào lúc đó, có một vị nữ-phi-thiên, vốn là mẹ của Sa-nhu trong tiền-kiếp, nghe được lời hồi-hướng, mới thốt lên rằng: 'Lành thay! Lành thay!

Nay được chia-xẻ phước-báu với con ta là Sà-nhu." Nhờ công-đức hồi-hướng đó mà vị ấy được các hàng phi-thiên kính-trọng.

Mấy năm sau, Sà-nhu thọ giới tỳ-kheo một thời-gian, lại bỗng nẩy ra ý-định hoàn-tục. Sà-nhu trở về nhà cũ, xin mẹ trao lại cho mình y-phục của thường-nhơn. Người sanh-mẫu buồn lòng, thấy con có ý thoái-chuyển, mới khóc mà nói rằng: "Nay con đã xuất-gia, gia-nhập Tăng-đoàn, cầu đường giải-thoát, sao con lại thối-chí quay về cuộc

sống khổ-lụy của thế-tục?" Cùng lúc ấy, vị phi-thiên, mẹ trong tiền- kiếp của Sa-nhu cũng nghe thấy, mới nghĩ, nếu con mình hoàn-tục, mình sẽ bị các phi-thiên khác chê-cười; bà mới nhập vào Sà-nhu, khiến Sà-nhu té ngửa xuống, sùi bọt mép. Cả nhà hoảng-hốt, cấp-cứu, đến khi tỉnh-dậy, Sà-nhu còn nghe tiếng mẹ cũ đang nói văng-vẳng: "Con đừng hoàn-tục, hãy mau trở lại chùa tu-hành để tìm đường giải-thoát, ra khỏi cảnh Luân-hồi lận-đận."

Sau đó, khi Sà-nhu trở về tịnh-xá, các vị tỳ-kheo khác trình sự-việc lên Đức Phật. Sà-nhu được gọi đến, nghe Đức Phật dạy rằng: "Nầy tỳ-kheo, chẳng nên trở lại cuộc sống buông-lung của người thế- tục. Con muốn được an-vui, thì phải biết điều-phục tâm-ý, theo con đường Chánh-đạo, như anh quản- tượng dùng móc sắt răn-dạy và kiểm-soát con voi hung-hăng."

Rồi Đức Phật mời nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó Sà-nhu sực-tỉnh, biết nỗ-lực tu-hành, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán:

Ngày trướcc, tâm lang-thang, lêu-lổng,
Đuổi theo thú-vui cùng dục-vọng.
Ngày nay, bằng chánh-niệm, kềm tâm
Như quản-tượng tay cầm móc dạy voi.
(Kệ số 326.)
TÌM HIỂU:

chùa chỉ số đông người đang ngồi nghe giảng-pháp.

- Phi-thiên: Phi = chẳng phải; Thiên = Trời. Phi-thiên là hạng thần-linh.

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di: tiếng Pali là Sàmanera, người mới vào chùa tập-sự tu-hành, chưa thọ giới tỳ-kheo. Trong chùa thường gọi là chú tiểu.

- Sà-nhu: tên vị sa-di nầy, tiếng Pali là Sànu.

- Đại-chúng: Đại = lớn; Chúng = số đông. Đại-chúng là tiếng nhà chưa phải là Trời, còn gọi là A-tu-la (Asura), có thần-thông, tánh hay nóng-giận, thường gây tranh-chiến với chư Thiên.

- Tiền-kiếp: Tiền = trước; Kiếp = đời sống trước. Tiền-kiếp là những đời sống trước, trước đời hiện nay.

- Hồi-hướng: Hồi = trở về; Hướng = hướng về, quay về phiá. Hồi-hướng là xin hướng công-đức đến người mình đang cầu-nguyện cho.

- Lành thay: lời khen đã làm việc thiện; dịch tiếng Pali là Sàdhu.

- Hoàn-tục = Hoàn =trở lại; Tục = đời sống thế-tục. Hoàn-tục là thôi chẳng đi tu nữa, quay về sống lại trong gia-đình như trước.

- Sanh-mẫu: Sanh = đẻ ra; Mẫu = mẹ; Sanh-mẫu là người nẹ sanh mình ra trong cõi đời hiện nay.

- Thoái-chuyển: Thoái = lùi lại; Chuyển = động chuyển; Thoái-chuyển là đi thụt lùi; trở lại chỗ thấp- kém. Đối-nghĩa với chữ Tinh-tấn.

- Tăng-đoàn: Tăng = tu-sĩ Phật-giáo; Đoàn = đoàn-thể. Một tăng-đoàn gồm có ít nhứt bốn vị tăng-sĩ tu chung. Tiếng Pali là Sangha.

- Khổ-lụy = Khổ = đau-khổ; Lụy = phiền-lụy. Khổ-luỵ = phiền-khổ.

- Thế-tục = Thế = đời; Tục = thường; Thế-tục là đời sống thường, có gia-đình, chẳng tu-hành.

- Cấp-cứu: Cấp = gấp, mau; Cứu = cứu-giúp. Cấp-cứu là cứu ngay.

- Lận-đận = đau buồn, gặp nhiều khó khăn, khổ-sở.

- Buông-lung: thiếu kềm-chế, lười-biếng; đồng-nghĩa = phóng-dật

- Tịnh-xá = Tĩnh = yên-tịnh; Xá = nhà. Tịnh-xá là ngôi chùa nhỏ.

- Điều-phục tâm-ý: giữ-gìn tâm chẳng cho khởi bụng quấy.

- Chánh-đạo = Chánh = chơn-chánh; Đạo = đường; tức là Bát-chánh-đạo, con đường Thánh tám ngành đưa ta ra khỏi cảnh Luân-hồi.

- Quản-tượng: Quản = cai-quản; Tượng = voi lớn; Quản-tượng là người chăn voi, huấn-luyện voi, điều-khiển voi.

- A-la-hán: quả-vị Thánh, chẳng còn tái-sanh nữa; tiếng Pali là Arahant. A-la-hán có ba nghĩa: (1) ứng-cúng = xứng đáng được Trời, Người cúng-dường; (2) sát-tặc = giết giặc, giặc phiền-não; (3) vô- sanh = chẳng còn tái-sanh nữa, ra khỏi Luân-hồi, vào cảnh Niết-bàn.

- Dục-vọng = Dục = muốn; Vọng = mong; Dục-vọng là các ham-muốn thấp-hèn về vật-chất.

- Chánh-niệm: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Niệm = ý-nghĩ. Người có chánh-niệm đang làm, nói hay nghĩ việc gì, thì biết rõ và chú-tâm vào việc đang làm, nói, nghĩ đó và chỉ việc đó mà thôi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc vị Sa-di Sà-nu thông-thuộc nhiều kinh-kệ, sau khi thọ-giới tỳ-kheo một thời- gian, lại muốn hoàn-tục. Được cả hai bà mẹ, mẹ đương-thời và mẹ kiếp trước, cản-ngăn, Sà-nu trở lại chùa. Nghe Đức Phật dạy, phải kềm-chế tâm-ý mình như người quản-tượng điều-khiển voi, Sà-nu nỗ- lực tu-hành, chứng được quả-vị Thánh.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là đang tu mà có ý-định hoàn-tục, thì đó cũng như đang từ chỗ sáng mà quay về trong bóng tối, bỏ mất con đường giác-ngộ và giải-thoát để ra khỏi cảnh khổ của Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 326:

Ý-nghĩa của bài Kệ so-sánh việc kềm-chế tâm-ý cũng như việc điều-khiển voi bằng móc sắt; lòng phải cương-quyết chẳng thối-chí. Kềm-tâm bằng cách nào? Luôn luôn giữ chánh-niệm trong tâm.

1) Hai câu đầu: Ngày trước, tâm còn vọng-động, chạy theo các thú-vui cùng dục-vọng(=ham-muốn), để tâm thả lỏng;

2) Hai câu chót: Ngày nay, biết dùng chánh-niệm kềm tâm lại, như người quản-tượng dùng móc sắt điều khiển con voi hung-hăng.

(237).- Tích chuyện con voi già.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề cập đến con già tên là Ba-vi-gia.

Voi Ba-vi-gia khi còn trẻ là một con voi chiến rất mạnh-mẽ, nay đã già-yếu. Một hôm, voi Ba-vi-gia ra bờ ao định xuống uống nước, rủi thay, chân bị sa lầy, chẳng rút ra khỏi bùn được. Vua Ba-tư-nặc xứ Câu-tát-la hay tin, liền sai một người quản-tượng đến giúp. Người quản-tượng đến nơi, nhận ra voi chiến Ba-vi-gia, mới cho gọi đoàn quân-nhạc tới. Rồi tiếng trống, tiếng kèn, tiếng chiêng khua vang lên thành một nhạc bản quân-hành hùng-dũng. Voi Ba-vi-gia cảm thấy như đang lâm trận, tinh-thần hăng lên, nhẹ-nhàng rút chơn ra khỏi vũng bùn, giữa tiếng hoan-hô vang-dậy.

Khi các tỳ-kheo thuật lại sự-việc trên, Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, cũng như con voi rút chơn ra khỏi vũng bùn, các ông nên sớm thoát ra khỏi vũng sình kết-sử."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó nhiều vị tỳ-kheo nỗ-lực tu-tập, chứng được quả-vị A- la-hán:

Trong chánh-niệm, hãy tìm thích-thú,
Tâm-ý nên hết lòng phòng-thủ.
Như voi sa lầy cố rút chơn ra,
Hãy tự kéo khỏi vũng sình kết-sử.
(Kệ số 327.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Voi chiến Ba-vi-gia: tên con voi đánh giặc nầy, tiếng Pali là Pàveyyaka.

- Sa lầy: bị lún bùn, kẹt chơn dưới bùn chẳng rút ra được.

- Vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la: tên vị vua nầy, tiếng Pali là Pasenadi, cai-trị xứ Kosala, ở miền Bắc Ấn-độ xưa.

- Quản-tượng: Quản = cai-quản, điều-khiển; Tượng = voi lớn. Quản-tượng là người chăn voi, huấn- luyện và điều-khiển voi.

- Quân-nhạc = ban nhạc nhà-binh.

- Chiêng = một loại nhạc-khí bằng đồng, hình giống cái mâm lớn

- Bản quân-hành: bản nhạc hành-quân, tấu lên trong khi quân lính đi ra trận, để làm tinh-thần chiến-sĩ phấn-khởi lên.

- Lâm trận = sắp giao-chiến, sắp đánh giặc.

- Chánh-niệm: ý-nghĩ chơn-chánh. Người giữ chánh-niệm là người đang làm, nói, nghĩ gì, thì trong tâm chú-ý, biết đến việc đang làm, nói, nghĩ đó và chỉ việc ấy mà thôi, chẳng lo ra đến chuyện khác.

- Kết-sử: Kết = ràng-buộc lại; Sử = sai-sử, sai khiến. Kết-sử còn được gọi là thúc-thằng (thúc = trói- buộc; thằng = sợi dây), tiếng Pali là Sanyojana, là những tình-cảm, tư-tưởng có tánh-cách ràng-buộc, gây ra phiền-não, và thúc-dục ta làm điều quấy.

Theo giáo-lý Bắc-tông, có mười kết-sử, phân ra:

a) Ngũ độn-sử, năm mối kết-sử thấp: (1) thân-kiến (= chấp thân nầy làm Ta, Pali: Sakkàyaditthi); (2) nghi (= nghi ngờ Chánh-pháp, Pali: Vicikiccha); (3) giới-cấm-thủ (= tin vào các nghi-thức cúng-tế tà- đạo, Pali: Silabhataparàmàsa); (4) tham (Kàmaràga); (5) sân (= giận-hờn, Pali: Patigha). Diệt xong ngũ độn-sử, chứng quả A-na-hàm

b) Ngũ lợi-sử, năm mối kết-sử cao: (6) sắc-ái (= mê-luyến cõi sắc-giới; Pali: Rùparàga); (7) vô-sắc-ái (= mê-luyến cõi vô-sắc-giới; Pali: Arùparàga); (8) mạn (=kiêu-căng, Phạn: mano); (9) trạo (= giao- động, bối-rối; Pali: Uddaccha); (10) vô-minh (= si-mê; Pali: Avijja). Diệt xong nốt ngũ lợi-sử, chứng quả A-la-hán.

Giáo-lý Nam-tông chia 10 thúc-thằng (=kết-sử,Pali: Sanyojana) ra:

- ba thúc-thằng đầu-tiên, diệt xong, chứng quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn (Pali: Sotàpatti);

- hai thúc-thằng kế-tiếp, diệt xong, chứng quả-vị thứ hai là Tư-đà-hàm (Pali: Sakàdagàmi);

- cả năm thúc-thằng đầu-tiên (= ngũ độn-sử), diệt xong, chứng quả-vị thứ ba là A-na-hàm (Pali: Anàgàmi);

- cả năm thúc-thằng chót (= năm lợi-sử), diệt nốt, chứng quả thứ tư, cao nhứt là A-la-hán (Pali: Arahant).

Nhớ đủ cả mười kết-sử thì khó, chỉ cần nhớ ba mối chánh, gọi là tam độc (= ba món thuốc độc): tham, sân, si.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại việc con voi Ba-vi-gia bị sa lầy, nhờ nghe tiếng quân-nhạc, hăng-hái tinh-thần lên mà rút chơn ra khỏi vũng bùn. Nhơn chuyện nầy, Đức Phật dạy các tỳ-kheo cũng nên rút chơn mình ra khỏi vũng sình kết-sử.

"Rút chơn ra khỏi vũng sình kết-sử", có nghĩa là, đã diệt xong năm độn-sử và năm lợi-sử, tức là tất cả mọi phiền-não đã tận-diệt, như thế là đang chứng-đắc được quả-vị A-la-hán, thoát khỏi vòng tái-sanh lẩn-quẩn của Luân-hồi, hoàn-toàn được giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 327:

Ý-nghĩa bài Kệ nhắc nhở đến công-việc tu-tập của vị tỳ-kheo, diệt hết mười kết-sử để chứng quả-vị A- la-hán, thoát được vòng sanh-tử lận-đận của Luân-hồi.

Xin phân-tách từng câu bài Kệ:

1) Trong chánh-niệm, hãy tìm thích-thú: lời khuyên nầy khó thực-hiện được, nếu chẳng nỗ-lực bền-bỉ. Tại sao? Vì giữ chánh-niệm thì phải luôn luôn chú-ý đến bên trong tâm, mau mệt trí, dễ chán. Nhưng người hay xao-lãng, lơ-là, sống cũng như cái máy; chánh-niệm khiến ta sống trọn-vẹn với ta.

2) Tâm-ý nên hết lòng phòng-thủ: Phòng-thủ chống lại việc gì? Chống lại ác-ý, vì ác-ý xúi ta phải sa vào tội-lỗi, tạo nghiệp dữ. Chống lại vọng-tưởng, các ý vẩn-vơ, dắt tâm đi lang-thang, chạy theo ngoại- cảnh, đuổi theo các thú-vui thấp kém. Vậy phòng-thủ tâm-ý ở đây có nghĩa là thanh-lọc tâm-ý để sớm đạt được tâm thanh-tịnh.

3) Như voi sa lầy cố rút chơn ra: Voi phải tự mình nỗ-lực rút lấy chơn ra; đây là ý Phật dạy ta phải tự mình nỗ-lực, chớ chẳng phải chờ người khác đến ... cứu-độ mình, cỏng giùm mình sang bờ giác.

4) Hãy tự kéo khỏi vũng sình kết-sử: Trong số mười món kết-sử, quan-trọng là ba món độc tham, sân, si vì chúng chi-phối các món kia. Có hai món dễ trừ là: (1)nghi, hễ tin vào Chánh-pháp thì hết nghi; (2)giới-cấm-thủ, bỏ được mê-tín dị-đoan, đừng xin xâm, chẳng cúng ông Địa nữa, đâu có khó!

(238).- Tích chuyện con voi hầu-hạ Phật.

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (5).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại rừng Bà-li-lai, trong xứ Cô-sâm-bi, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến con voi Bà-li-gia.

Thuở ấy, chư Tăng ở Cô-sâm-bi chia rẻ thành hai nhóm, tranh-cãi nhau: một nhóm cho rằng Giới-luật là hơn, còn một nhóm bảo Kinh-tạng mới quí. Họ cãi nhau sôi-nổi, náo động cả nơi tu-hành. Đức Phật đã nhiều lần ngăn-cản chẳng được, Ngài bỏ đi, sống qua mùa hè một mình trong rừng, có con voi tên là Bà-li-gia phục-vụ.

Mãn mùa an-cư, Tôn-giả A-nan cùng chư tỳ-kheo đi vào rừng, thỉnh Phật trở về tịnh-xá. Tôn-giả A- nan thưa: "Bạch Thế-tôn, ba tháng mùa mưa, Thế-tôn ở một mình trong rừng, chắc thiếu-thốn nhiều." Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, đừng nói thế! Trong ba tháng qua, voi Bà-li-gia đã tận-tụy phục-vụ Như- Lai, như một người bạn tốt. Được một người

bạn tốt như thế, ta nên chung sống với nhau; còn nếu gặp bạn chẳng hiền, thà cứ sống lẻ-loi một mình nơi rừng vắng còn hơn."

Rồi Đức Phật nói lên ba bài Kệ sau đây:

Nếu gặp người hiền-trí hạnh lành,
Thích-hợp nhau làm bạn đồng-hành,
Hãy sống chung vui và giác-tỉnh,
Mọi hiểm-nguy sẽ vượt an-lành.
(Kệ số 328.)
Nếu chẳng gặp người đạo-đức cao,
Trí-huệ nhiều đáng kết thâm-giao,
Thà như Vua bỏ nước vừa chinh-phục,
Như voi giữa rừng, hãy sống lẻ-loi.
(Kệ số 329.)
Chẳng thà phải sống cô-đơn
Còn hơn kết bạn với phường người ngu.
Chẳng lo-âu, khước-từ ác-hạnh,
Sống thong-dong như cảnh voi rừng.
(Kệ số 330.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Rừng Bà-li-lai, xứ Cô-sâm-bi: tên khu rừng nầy, tiếng Pali là Pàlileyya, ở xứ Kosambi, miền Bắc Ấn- độ xưa.

- Voi Bà-li-gia: tên con voi nầy, tiếng Pali là Pàlileyyaka.

- Giới-luật, Kinh-tạng: Tất cả kinh-điển Phật-giáo gọi là Tam tạng, gồm có: (1)Luật-tạng (=các giới- luật,Vinaya); (2)Kinh-tạng(=các Kinh Kệ,Suttanta); (3)Luận-tạng (= luận về Chánh-pháp, Abhidhamma.) (Tam = ba; Tạng = cái giỏ đựng sách; tiếng Pali Tam-Tạng = Tipitaka.)

- Muà an-cư: Trong ba tháng mùa mưa, chư Tăng chẳng đi ra ngoài, sợ đạp chết con trùng sinh-sản nhiều, ở yên tu trong tịnh-xá.

- Thế-tôn, Như-Lai: Các đệ-tử Phật gọi Đức Phật là Thế-tôn (= bực được cả thế-gian tôn-trọng), và Đức Phật tự xưng là Như-Lai (= người đến đây như thế đó) khi nói chuyện với đệ-tử.

- Hạnh lành = đức-hạnh hiền-lành.

- Đồng-hành = cùng đi với nhau, bạn đường.

- Giác-tỉnh, Tỉnh-giác = trong tâm luôn giữ chánh-niệm, chẳng phút nào lơ-là, hằng chú-tâm.

- Kết thâm-giao: Thâm = sâu-đậm; Kết thâm-giao là kết tình bạn thân-mật, thấm-thiết.

- Chinh-phục = đánh thắng, thâu-phục được.

- Khước-từ ác-hạnh: Khước-từ = rời bỏ; Ác-hạnh = tánh dữ.

- Thong-dong = được tự-do, chẳng bị ràng-buộc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Đức Phật rời tịnh-xá vào rừng sống một mình, vì chư Tăng chẳng biết nghe lời Ngài để chấm dứt sự cãi-vã quá ồn-ào về Luật-tạng và Kinh-tạng. Mãn mùa an-cư, Tôn-giả A-nan khi thỉnh Phật trở về, có hỏi Đức Phật ba tháng qua có bị thiếu thốn nhiều chăng. Đức Phật đáp, không, vì Ngài được Voi Bà-li-gia hết lòng hầu-hạ. Nhơn đó Đức Phật bảo, gặp bạn hiền nên vui chung sống; còn gặp kẻ dữ, thà sống lẻ loi một mình chốn rừng hoang.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: gặp bạn-đạo tốt, nên chung sống; chớ kết thâm-giao với kẻ kém đức-hạnh.

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ số 328, 329 và 330:

Cả ba bài Kệ đều nói về sự lựa chọn bạn hiền để sống chung với nhau và tránh xa những người thiếu trí-huệ và đức-hạnh.

Xin phân-tách từng câu trong mỗi bài Kệ.

Bài Kệ số 328:

1) Nếu gặp người hiền-trí hạnh lành: Người hiền-trí hạnh lành, ở đây, chính là bực thiện-tri-thức, đã thông-hiểu Chánh-pháp, đức-hạnh cao-dày; nếu gặp được, đó là cơ-duyên may-mắn lớn, nên theo học;

2) Thích-hợp nhau làm bạn đồng-hành: Đồng-hành, hiểu theo nghĩa rộng là chẳng những cùng đi chung một đường mà còn theo chung một lối tu-hành, vì thế thích-hợp với nhau, nên kết bạn ngay;

3) Hãy sống chung vui và giác-tỉnh: Nhờ hợp nhau nên cuộc sống chung vui-vẻ; nhưng mỗi người phải tỉnh-giác, luôn luôn chú-ý, quán-sát bên trong tâm mình, để giúp nhau tự kềm-chế;

4) Mọi hiểm-nguy sẽ vượt an-lành: Nhờ chung-sức nhau nên khi gặp trở-ngại, sẽ vượt qua an-toàn. Trong việc tu-hành, hiểm-nguy to lớn nhứt là sự thoái-tâm, chán-nản; có bạn lành an-ủi, sẽ nung-chí lên.

Bài Kệ số 329:

1) Nếu chẳng gặp người đạo-đức cao, Trí-huệ nhiều, đáng kết thâm-giao: đây là thiếu thuận-duyên, chẳng có người xứng-đáng, đầy-đủ đức-hạnh, để kết thân-tình

2) Thà như Vua bỏ nước vừa chinh-phục: đây là thái-độ chẳng luyến-tiếc những gì mình vừa có được thêm, dứt khoát bỏ ra đi.

3) Như voi giữa rừng, sống lẻ-loi: Tuy lẻ-loi, nhưng được tự-do, chẳng bị phiền-lụy ràng-buộc, đó là "người biết sống một mình".

Bài Kệ số 330:

1) Chẳng thà phải sống cô-đơn, Còn hơn kết bạn với phường người ngu: Tuy sống đơn-độc một mình, nhưng khỏi phải bị bọn người ngu theo phiền-nhiễu, thì còn chi tốt hơn nữa.

2) Chẳng lo-âu, khước-từ ác-hạnh: đây là hai đức-tánh quí trên đường tu: một là chẳng lo-âu, vì tâm đã an-định; hai là khước-từ điều ác, khiến thân-tâm thanh-tịnh, sớm dứt được nghiệp dữ.

3) Sống thong-dong như cảnh voi rừng: Cảnh thong-dong của voi rừng, đây chính là cảnh an-nhiên, tự-tại của bực đã chứng Niết-Bàn.

(239).- Tích chuyện Ma-vương cám-dỗ Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại một tịnh-xá gần núi Tuyết-sơn, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc Ma-vương tới cám-dỗ Đức Phật.

Thuở ấy, Đức Phật cư-trú gần dãy núi Hi-mã-lạp-sơn. Ngài nhận thấy dân-chúng trong vùng bị ngược- đãi, các vị lãnh-chúa thì tàn-ác, bất-công. Đức Phật nghĩ cách giúp-đỡ dân-chúng thoát khỏi cảnh bị đàn-áp và khiến cho các vị lãnh-chúa phải cai-trị trong công-bằng luật-pháp. Bấy giờ, Ma-vương đoán biết ý-định của Đức Phật, mới hiện lên thưa với Phật: "Bạch Thế-tôn, sao Ngài lại chẳng lên làm Vua, cai-trị toàn-dân trong thanh-bình, an-lạc!" Đức Phật nhìn biết Ma-vương đến cám-dỗ, mới đáp: "Nầy Ma-vương hiểm-độc, chớ có cám-dỗ Như-Lai. Giáo-pháp của Như-Lai chẳng giống với lời dạy của ông chút nào cả. Đây hãy lắng nghe Chánh-pháp của Ta."

Rồi đó, Đức Phật mới nói lên ba bài Kệ sau đây, Ma-vương nghe xong, bẽn-lẽn bỏ đi, biết chẳng khuấy-rối nổi Đức Phật:

Vui thay, gặp bạn khi cần!
Vui thay, biết đủ với ngần nầy đây!
Vui thay, thiện-nghiệp dầy khi chết!
Vui thay đau khổ diệt-trừ xong!
(Kệ số 331.)
Vui thay, phụng-dưỡng mẹ già!
Vui thay, hiếu-kính với cha trên đời!
Vui thay, phục-vụ Sa-môn!
Vui thay, thừa sự Thánh-nhơn ra đời!
(Kệ số 332.)

Vui thay, giữ giới tới già!

Vui thay, tín-niệm rất là bền lâu!
Vui thay thành-đạt trí mầu!
Vui thay ác-hạnh từ lâu khước-từ!
(Kệ số 333.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ma-vương = Vua Ma; theo kinh-sách, đây là vị Thiên-vương ở cõi Trời Tha-hoá tự-tại, thường thích đi cám-dỗ kẻ khác làm điều quấy. Tiếng Pali là Màra.

- Hi-mã-lạp-sơn = Tuyết-sơn = dãy núi cao nhứt thế-giới (hơn tám ngàn mét), tuyết đóng quanh-năm, dọc theo biên-giới Ấn-độ và Trung-hoa. Tiếng Pali là Himalaya.

- Ngược-đãi: Ngược = bạo-ngược, ác; Đãi = đối xử.

- Lãnh-chúa: vị vua chúa cai-trị một vùng đất.

- Hiểm-độc: Hiểm = ác ngầm; Độc = dữ ác. Kẻ hiểm-độc hại ngầm người khác, mà làm bộ như thương-yêu, giúp-đỡ bề ngoài.

- Giáo-pháp: Giáo = dạy; Pháp = phép. Giáo-pháp, giáo-lý, là lời dạy trong Đạo khuyên người tu- hành.

- Chánh-pháp: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Pháp = phép tu. Trong Phật-học, chữ Chánh-pháp chỉ lời dạy của Đức Phật.

- Biết đủ với ngần nầy đây: biết đủ với những gì mình có, chỉ cần đến ngần ấy, chẳng tham đòi thêm. Biết đủ, tiếng Hán-Việt là tri-túc.

- Thiện-nghiệp: Thiện = lành; Nghiệp = tất cả hành-động, lời nói và ý-nghĩ của một người, có ảnh- hưởng đến vận-mạng người ấy.

- Phụng-dưỡng = nuôi-nấng, săn-sóc.

- Hiếu-kính: tỏ lòng kính-trọng và thương-yêu, giúp đỡ.

- Sa-môn: phiên-âm chữ Pali là Samana, nghĩa là tu-sĩ Phật-giáo. Có ba nghĩa: (1) cần-giả, siêng làm lành; (2)tức-giả, ngưng làm ác; (3) bần-giả, nguyện chịu nghèo-khó để tu-hành.

- Thánh-nhơn: bực Thánh, từ quả-vị A-la-hán trở lên (thoát khỏi tái-sanh của Luân-hồi.) Tiếng Pali là Ariya. Đối-nghĩa với phàm-phu.

- Giới: điều răn-cấm trong Đạo. Tiếng Pali là Sila.

- Tín-niệm: Tín = tin-tưởng; Niệm = ý-tưởng. Tín-niệm là niềm tin; ở đây là niềm tin vững chắc vào Tam-Bảo: Phật, Pháp và Tăng.

- Trí mầu = Trí-huệ nhiệm-mầu. Đây là Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật, Prajna pàramità, thường dịch là Trí-Độ, cái Trí đưa ta đến bờ giác-ngộ.

- Ác-hạnh = hạnh-kiểm xấu-ác; cùng nghĩa với ác-nghiệp.

- Khước-từ: từ bỏ hẳn.

- Phục-vụ = hầu-hạ; giúp-đỡ.

- Thừa-sự = nhận làm việc giúp cho ai.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Ma-vương đến cám-dỗ Đức Phật, thỉnh Ngài ra làm Vua. Đức Phật từ-chối mối danh-lợi nầy và giảng Chánh-pháp cho Ma-vương nghe.

(2) Ý-nghĩa của ba bài Kệ số 331, 332 và 333:

Cả ba bài Kệ đều nói đến niềm vui của bực tu-hành theo con đường giác-ngộ và giải-thoát. Xin vạch các niềm vui đó ở mỗi bài Kệ:

Bài Kệ số 331: niềm vui sống yên, chết lành.

1) Vui thay, gặp bạn khi cần!: đây là niềm vui có được bạn hiền giúp-đỡ mỗi khi cần đến;

2) Vui thay, biết đủ với ngần nầy đây!: niềm vui tri-túc, lòng thoả-mãn với những gì mình đang có, chẳng tham-cầu đòi hỏi thêm.

3) Vui thay, thiện-nghiệp dầy khi chết!: lìa đời mà vui vì biết thiện-nghiệp sâu dầy của mình sẽ đưa mình đến cõi an-lành.

4) Vui thay đau khổ diệt-trừ đã xong!: đây là niềm vui thoát khổ Luân-hồi, vì đã diệt-trừ mọi phiền- não, chứng được vô-sanh.

Bài Kệ số 332: niềm vui báo bốn trọng-ân.

1. Vui thay, phụng-dưỡng mẹ già; Vui thay hiếu-kính với cha trên đời!: đây là niềm vui báo trọng-ân của cha-mẹ ngay khi còn sống.

2) Vui thay phục-vụ Sa-môn; Vui thay, thừa-sự Thánh-nhơn ra đời!: đây là niềm vui báo trọng-ân của Thầy, Tổ, được cúng-dường các bực Hiền-Thánh.

Bài Kệ số 333: niềm vui chuyên tu đến ngày viên-mãn.

1) Vui thay, giữ giới tới già!: đây là niềm vui trọn được giới-đức thanh-tịnh suốt đời.

2) Vui thay, tín-niệm rất là bền lâu!: niềm vui có đức tin kiên-cố

3) Vui thay thành đạt trí mầu!: niềm vui chứng Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật đưa đến bờ giác-ngộ và giải-thoát.

4) Vui thay, ác-hạnh từ lâu khước-từ!: niềm vui đã từ lâu hoàn-toàn xa lánh con đường ác.

-ooOoo-

XXIV.- Phẩm THAM-ÁI.

(240).- Tích chuyện con cá vàng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một con cá vàng rất đẹp nhưng miệng phát ra mùi hôi.

Thuở ấy, có người đánh cá bắt được một con cá vàng rất xinh đẹp, mới đem dâng cho Vua để lãnh thưởng. Đức Vua trầm-trồ khen ngợi cá đẹp đang bơi lội tung-tăng, bỗng cá trồi lên mặt nước đớp mồi, miệng mở ra, toả một mùi hôi nồng-nặc. Vua lấy làm lạ, mới đem chậu cá đến chùa Kỳ-viên, thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo, cá vàng nầy, thân hình dẹp-đẽ nhưng miệng phát ra mùi hôi-thúi, vì đang chịu quả-báo của tội-ác đã làm trong tiền-kiếp. Rồi Đức Phật mới kể lại chuyện xưa như sau:

Vào thời Đức Phật Ca-diếp, có một vị tỳ-kheo tên là Ca-bi-la rất thông-suốt Tam-tạng Kinh-điển. Ỷ mình có sức học cao, tỳ-kheo Ca-bi-la thường tỏ ra khinh-mạn các bạn đồng-tu. Mỗi khi có sự tranh- luận nào về giáo-lý, Ca-bi-la khinh-khỉnh nói với người đối-thoại: "Đạo-hữu đã hiểu-biết giáo-lý đến mức nào?", ngầm khoe kiến-thức sâu-rộng của mình. Vào một dịp lễ Bố-tát tụng giới, trong khi các tỳ- kheo cùng đọc giới Ba-la-đề-mộc-xoa, Ca-bi-la chẳng tụng theo, lại bảo: "Ta còn lạ gì với Luật-tạng, Kinh-tạng và Luận-tạng; các ông chỉ biết đọc vanh-vách, có hiểu được như Ta không?" Nói xong, Ca- bi-la bỏ ra ngoài. Tuy có công chỉ-dạy giáo-lý cho các tỳ-kheo khác, nhưng thái-độ khinh-mạn của Ca- bi-la đã gây khó-khăn nhiều trong việc truyền-bá Chánh-pháp. Vì tội-ác nầy, Ca-bi-la phải sa vào địa- ngục, chịu hình-phạt trong suốt thời Đức Phật Ca-diếp. Nhưng nhờ có công giảng-dạy giáo-lý, nên khi mãn hạn ở địa-ngục, được tái-sanh vào hàng súc-sanh, thành con cá vàng, có thân-hình đẹp-đẽ, nhưng miệng lại thở ra mùi hôi-thối.

Kể đến đây, Đức Phật hướng về các tỳ-kheo, bảo: "Nầy chư Tăng, đối với Chánh-pháp, chẳng những phải thông-hiểu thấu-đáo, mà còn phải thực-hành cho tinh-chuyên nữa."

Rồi Đức Phật mới nói lên bốn bài Kệ sau đây:

Nơi người sống cuộc đời phóng-dật,
Như dây leo, ái-dục tăng nhanh.
Nhảy từ đời nầy sang đến đời khác,
Như khỉ rừng ham trái cứ chuyền cành.
(Kệ số 334.)
Trên đời, người bị ngập tràn,
Lòng tham khát-ái buộc ràng khít-khao.
Ái-dục tăng mau như đám cỏ,
Gặp được mưa rào mọc tràn lan.
(Kệ số 335.)
Trên đời, người khắc-phục xong
Bụng tham khát-ái khó hòng diệt tiêu.
Ưu-sầu, phiền-muộn đều xa lánh
Như nước rơi trên cánh lá sen.

(Kệ số 336.)
Đây, điều lành Như-Lai chỉ-dạy
Cho mọi người họp tại nơi đây.
Hãy đào ái-dục ngay tận rễ
Như người bứng xới rễ cỏ thơm.
Chớ để Ma-vương sớm hôm theo phá
Như giòng nước lũ ngập cả bụi lau.
(Kệ số 337.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Quả-báo: Quả = hậu-quả; Báo = báo ứng. Theo thuyết Nhơn-Quả của nhà Phật, một hành-động cố-ý làm, chẳng những mang kết-quả trong hiện-tại, mà còn gây hậu-quả về sau. Vì đã làm ác trong quá- khứ, nên nay phải chịu điều khổ-sở, đó gọi là quả-báo xấu.

- Tiền-kiếp: Tiền = trước; Kiếp = các đời sống; Tiền-kiếp là các đời sống đã qua trước, trước đời hiện- tại nầy.

- Đức Phật Ca-diếp: vị Phật hiện ra thế-gian trước Đức Phật Thích-ca; tên tiếng Pali là Kassapa Buddha.

- Ca-bi-la: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Kapila.

- Tam-Tạng Kinh-điển: Tam = ba; Tạng = cái giỏ đựng kinh-sách; Tam-Tạng Kinh-điển là tất cả kinh- sách về giáo-lý, được Đức Phật giảng, ghi chép lại; gồm có (1) Luật-tạng: các giới-luật răn cấm trong Đạo (Vinaya); (2) Kinh-tạng: các bài kinh, kệ ghi lời Phật giảng-dạy (Suttanta); (3) Luận-tạng: các bài luận-giảng về Chánh-pháp (Abhidhamma). Tam-tạng, tiếng Pali là Tipitaka.

- Khinh-mạn = Khinh = chê, xem nhẹ; Mạn = tiếng Phạn là Mano, ngạo-mạn, kiêu-căng, quá tự-cao. Kẻ khinh-mạn xem thường người khác, quá tự-cao, sanh ra phách-lối trong lời nói và hành-động.

- Đối-thoại: Đối = đang ở trước mặt; Thoại = nói chuyện; Kẻ đối-thoại là người đang nói chuyện với mình.

- Kiến-thức; Kiến = thấy; Thức = biết; Kiến-thức là sự hiểu-biết.

- Lễ Bố-tát tụng giới: Lễ Bố-tát, tiếng Pali là Uposatha, cứ vào đầu tháng và giữa tháng các tỳ-kheo họp lại để đọc-tụng giới-luật, nhắc-nhở kỷ-luật tu-hành cho nhau, gọi là tụng giới.

- Giới Ba-la-đề-mộc-xoa: tiếng Pali là Pàtimokkha, dịch tiếng Hán-Việt là Biệt-giải-thoát, thường được gọi trong chùa là Giới-bổn, tức là căn-bản các giới-luật của tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni.

- Chánh-pháp: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Pháp = pháp-tu; Phật-học gọi Chánh-pháp là giáo-lý của chính Đức Phật giảng-dạy; tiếng Pali là Dhamma.

- Địa-ngục: Địa = đất; Ngục = nhà giam tù. Theo kinh-sách, người phạm tội nặng khi sống, đến chết sẽ chịu hình-phạt khổ-sở lâu dài nơi địa-ngục u-tối ở cõi âm.

- Súc-sanh: thú-vật.

- Thực-hành cho tinh-chuyên = đem lời Phật dạy ra áp-dụng trong cuộc sống tu-hành hằng ngày, cho nhuần-nhã.

- Phóng-dật = buông-lung, chẳng biết tự kềm-chế; lười-biếng.

- Dây leo: đây là loại cây cỏ quấn leo quanh cây lớn mà sống.

- Ái-dục: Ái = thích; Dục = muốn; Ái-dục là tình cảm chẳng tốt, cứ ham muốn chạy theo các thú-vui vật-chất tạm-bợ và thấp-hèn.

- Khát-ái: Khát = khao-khát; Ái = mê-thích; đây dịch chữ Tanhà của tiếng Pali, còn được dịch là Tham-ái, tên Phẩm XXIV của Kinh nầy.

- Khắc-phục = thắng được.

- Ưu-sầu: Ưu = lo-lắng; Sầu = buồn-bã.

- Như-Lai: Như = như thế; Lai = đến. Đức Phật tự-xưng là Như-Lai khi nói với kẻ khác; có nghĩa là: người đã đến như thế đó) Theo Kinh Kim-cang, chữ Như-Lai được giải-nghĩa như vầy: "Chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, đó là Như-Lai". Ý-nghĩa:"Chẳng từ đâu đến" là chẳng biết nguồn-gốc, chẳng do sanh ra mới có;"Chẳng đi về đâu" là chẳng biết tương-lai sẽ như thế nào, chẳng biết khi mất sẽ về đâu. Ý-nghĩa sâu-xa: Người như thế (Như-Lai) tức là bực vô-sanh, chẳng bị tái-sanh, nên chẳng sanh ra mà cũng chẳng chết đi, cứ như thế mãi!

- Ma-vương: Vua Ma, sự cám-dỗ, xúi-dục làm điều quấy.

- Nước lũ = nước lụt, nước dâng tràn lên khắp nơi.

- Bụi lau = bụi cây lau, mọc ở ven sông như cây sậy.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại tiền-kiếp của con cá vàng, thân đẹp mà miệng thúi. Nguyên tỳ-kheo Ca-bi-la vào thời Đức Phật Ca-diếp, phách-lối vì thông-hiểu kinh-kệ, phạm lỗi ngã-mạn, khinh chê lễ Bố-tát, bị sa địa-ngục, sau đó tái-sanh làm con cá vàng.

Khi kể lại tiền-kiếp của Ca-bi-la, Đức Phật dạy: Chánh-pháp chẳng những phải thông-suốt, mà còn phải đem áp-dụng tu-hành cho nhuần-nhã nữa: đó là ý-nghĩa của Tích chuyện, có phần nặng về luật Nhơn-Quả; hễ lấy việc tu-tập làm nhơn lành trong kiếp nầy, thì kiếp sau sẽ được hưởng quả tốt.

(2) Ý-nghĩa bốn bài Kệ số 334, 335, 336 và 337:

Ý-nghĩa chung của bốn bài Kệ nầy có liên-quan đến Luật Nhơn-Quả, do nguyên-nhơn nào mà ta phải bị tái-sanh chịu khổ trong cõi Luân-hồi: đó là do lòng Tham-ái cứ theo

bám chặt, bấu-víu mãi vào các thú-vui tạm-bợ của cuộc sống.

Xin phân-tách ý-nghĩa riêng từng bài Kệ:

Bài Kệ số 334: sống phóng-dật sẽ khiến ta trôi lăn mãi

trong vòng Luân-hồi lận-đận.

1) Nơi người sống cuộc đời phóng-dật: sống buông-trôi, chẳng tu-hành, đó là nguyên-nhơn sẽ khiến ta mắc vòng Luân-hồi mãi.

2) Như dây leo, ái-dục tăng nhanh: lòng ham-muốn cứ tăng mãi tựa như ngọn cây dây leo quấn quanh thân cây to, càng ngày lá càng thêm rậm-rạp. Tại sao ái-dục tăng? Vì lười-biếng, sống buông-lung.

3) Nhảy từ đời nầy sang đến đời khác: đây là tả cảnh tái-sanh, cứ sanh sanh, tử tử mãi chẳng ngừng, trong nhiều đời kiếp: đó là quả tái-sanh của nhơn ái-dục và phóng-dật, nói ở hai câu trước.

4) Như khỉ rừng ham trái cứ chuyền cành: hình-ảnh sống-động so-sánh sự tái-sanh chẳng dứt như con khỉ rừng ham trái, cứ chuyền mãi từ cành nầy sang cành khác, chẳng thôi.

Bài Kệ số 335: Khát-ái ràng-buộc con người vào Luân-hồi.

1) Trên đời, người bị ngập tràn, Lòng tham khát-ái buộc ràng khít-khao: Ta cứ tưởng đời ta sống trong tự-do, chẳng ngờ bị ràng-buộc chặt-chẽ bởi lòng tham, bám vào các thú-vui vật-chất tạm-bợ.

2) Ái-dục tăng mau như đám cỏ, Gặp được mưa rào mọc tràn lan: hình-ảnh sống-động so-sánh sự ái- dục, ham theo dục-vọng, càng được càng muốn thêm, với đám cỏ non gặp mưa rào mọc tràn lan.

Bài Kệ số 336: dứt được Khát-ái là diệt tiêu hết phiền-não.

1) Trên đời, người khắc-phục xong, Bụng tham khát-ái khó hòng diệt tiêu: sự Khát-ái rất khó mà diệt cho tiêu, nhưng người nào khắc-phục được nó sẽ chấm-dứt được mọi phiền-não do nó gây cho mình.

2) Ưu-sầu, phiền-muộn đều xa-lánh, Như nước rơi trên cánh lá sen: hình-ảnh thơ-mộng so-sánh các ưu-phiền chẳng còn vướng bận tâm người đã khắc-phục được tham-ái, cũng như nước đổ lên lá sen!

Bài Kệ số 337: Đức Phật dạy, đào bỏ Ái-dục hết gốc rễ.

1) Đây, điều lành Như-Lai chỉ-dạy, Cho mọi người họp tại nơi đây: đây là lời dạy quan-trọng bực nhứt của Phật, chớ xem thường.

2) Hãy đào ái-dục ngay tận rễ, Như người bứng-xới rễ cỏ thơm: phải đào-xới hết gốc rễ của Ái-dục cho tiệt hẳn, cũng như nhổ cỏ, phải nhổ sạch hết cả rễ cái, rễ con chằng-chịt.

3) Chớ để Ma-vương sớm hôm theo phá, Như giòng nước lũ ngập cả bụi lau: nhổ chưa hết gốc rễ Ái- dục, dễ bị sự cám-dỗ (của Ma-vương) lôi kéo, rồi cứ trôi lăn mãi trong vòng lẩn-quẩn khổ-đau của Luân-hồi, như nước lụt ngập tràn cả bụi lau.

(241).- Tích chuyện con heo nái.

Vào một thời kia, Đức Phật trú tại Tĩnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến một con heo nái.

Thuở ấy, Đức Phật cùng chư Tăng đi khất-thực trong thành Vương-xá, bỗng Ngài mỉm cười, khi nhìn thấy một con heo nái đang ủi đất bên gốc cây. Về đến tịnh-xá, Tôn-giả A-nan thưa hỏi lý-do. Đức Phật bảo: "Nầy A-nan, ông có thấy con heo đang ủi đất dưới gốc cây bên vệ đường, lúc nảy không? Vào thời Đức Phật Câu-lưu-tôn, nó là một con gà mái, thường đứng bên hông chùa, nghe giảng Kinh, nên được tái-sanh làm một nàng công-chúa. Một hôm công-chúa đi cầu, nhìn thấy các dòi bọ nhung-nhúc bên dưới, quán-tưởng đến tấm-thân vô-thường rồi cũng bị dòi, bọ đục-khoét, mới phát tâm tu-hành. Mãn đời đó, được sanh lên cõi Trời Phạm-thiên làm thiên-nữ. Hưởng hết phước, lại vì nghiệp-báo ở tiền-kiếp, phải tái-sanh dưới thân-hình con heo nái nầy. A-nan, ông có thấy chăng, nghiệp lành và nghiệp dữ đã lôi kéo ta phải trôi lăn, lên xuống, mãi trong cõi Luân-hồi lận-đận."

Rồi Đức Phật mới nói lên sáu bài Kệ sau đây:

Như cây đốn còn gốc bền, rễ cứng
Sẽ đâm chồi mọc lại vững như xưa,
Gốc ái-dục tuỳ-miên chưa nhổ bứng,
Khổ "sanh-già-chết" cứ mãi dây-dưa.
(Kệ số 338.)
Băm-sáu dòng "ái-dục" cuồn-cuộn chảy,
Đẩy mạnh người mê vào lạc-thú.
Tư-tưởng ái-tham vùng nổi dậy,
Lôi cuốn người tà-kiến như cơn lũ.
(Kệ số 339.)
Dòng "ái-dục" chảy tràn khắp chốn Khiến dây leo bám chặt, đâm chồi. Thấy rõ dây leo bò lổn-ngổn,

Với "dao" trí, đoạn hết gốc ngọn. (Kệ số 340.)

Trong chúng-sanh, niềm vui cuộn chảy
Từ lục-trần, bị ái-dục nhuốm dơ.
Cầu hạnh-phước, nhưng dục-lạc mê-mờ,
Cảnh sanh-già nên mới chịu lấy.
(Kệ số 341.)
Ái-dục bao-vây, người vùng-vẫy
Như thỏ mắc lưới nhảy loanh-quanh.

Hễ còn bị ái-dục hành,
Là còn đau-khổ tử-sanh lâu dài.
(Kệ số 342.)
Ái-dục bao vây, người vùng-vẫy
Như thỏ mắc lưới, nhảy loanh-quanh.
Ly-dục, tỳ-kheo muốn đạt thành
Ái-dục, phải mau nhiếp-phục vậy.
(Kệ số 343.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tịnh-xá Trúc-lâm, thành Vương-xá: ngôi tu-viện nầy cất trong vuờn Trúc, gần thủ-đô nước Ma-kiệt- đà (Magadha) do vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) dâng-cúng lên Phật và Tăng-đoàn. Tên tiếng Pali là tu- viện Veluvana, ở thành Ràjagaha. (Tịnh = yên-vắng; xá = nhà)

- Khất-thực: Khất = đi xin; Thực = ăn. Theo giới-luật, tỳ-kheo (còn gọi là Khất-sĩ), chẳng được phép có nghề riêng để sanh-sống, phải đi xin ăn, trước để dẹp lòng tự-ái, hạ mình xuống đi xin kẻ khác, sau là để có dịp gặp dân-chúng để chỉ-dạy cách tu-hành cho họ.

- Tôn-giả A-nan: tên người thị-giả(= hầu-cận) của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Ananda. Tôn-giả vốn là em chú-bác với Đức Phật.

- Phật Câu-lưu-tôn: vị Phật nầy là vị Phật thứ nhứt ở Hiền-kiếp; tên bằng tiếng Pali là Kakusandha Buddha.

- Tái-sanh: Tái = trở lại một lần nữa; Sanh = sanh ra. Theo thuyết Luân-hồi trong đạo Phật, chúng- sanh có nhiều đời sống, cứ sanh rồi chết đi, lại sanh nữa, mãi mãi chịu khổ-đau trong vòng Luân-hồi.

- Quán-tưởng: suy-nghĩ sâu-xa.

- Vô-thường: Vô = chẳng; Thường = hằng còn. Lẽ vô-thường là Chơn-lý, theo đó muôn vật có hình- tướng phải chịu sự biến-đổi mãi, để đi đến hoại-diệt, chẳng thường-còn luôn luôn được.

- Phát-tâm tu-hành: mới khởi lòng muốn tu gọi là phát-tâm.

- Trời Phạm-Thiên: cõi Trời thuộc cảnh Sơ-thiền, trong Sắc-giới.

- Thiên-nữ: Thiên = Trời; Nữ = cô gái.

- Nghiệp-báo: Nghiệp = những hành-động đã qua; Báo = báo-ứng. Theo thuyết nghiệp-báo của nhà Phật, chúng-sanh sẽ tuỳ theo hành-động đã qua và ngày nay mà chịu lấy vận-mạng mình, gọi là chịu

nghiệp-báo. Hễ làm lành, được nghiệp lành, sanh vào nơi sung-sướng; còn làm ác, có nghiệp dữ, sẽ đầu-thai vào nơi khổ-sở.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Theo thuyết nhà Phật, chúng-sanh cứ sanh ra, rồi chết đi, rồi theo nghiệp-báo tái sanh lại, để rồi lại chết nữa, cứ như thế mãi, cũng như bánh xe cứ lăn tròn vòng.

- Kệ: bài thơ ngắn, tóm-tắt lời giảng của Đức Phật.

- Ái-dục: Ái = thích, thương; Dục = ham-muốn. Ái-dục là tình-cảm thèm-khát, ham muốn theo các thú-vui vật-chất tạm-bợ ở đời. Tiếng Pali là Tanhà, còn được dịch là Tham-ái.

- Tuỳ-miên: đang ngủ, nằm sẵn đấy chờ cơ-hội sẽ nổi lên.

- Băm sáu dòng ái-dục: ba mươi sáu dòng ái-dục, 36 thứ ham-muốn, bám-víu. Tại sao có đến 36 dòng ái-dục? Vì ái-dục:

- sanh ra từ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý: ... ... 6 dòng

- bám-víu vào sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp: ... 6 dòng

- khởi lên trong ba thời: quá-khứ, hiện-tại vị-lai: ... ... x 3 thời

Tổng cộng lại: (6 + 6) x 3 = 36 dòng ái-dục.

- Lạc-thú: Lạc = vui. Lạc-thú là thú vui.

- Tà-kiến: Tà = xiêng-xéo, chẳng đúng; Kiến = ý-kiến. Có hai tà-kiến quan-trọng: (1) thường-kiến: cho rằng chúng-sanh có linh-hồn bất-biến, thường-còn, hễ đã sanh làm người rồi thì chẳng tái-sanh làm thú -vật được; (2) đoạn-kiến: cho rằng chết là hết, chỉ có đời nầy thôi

- Cơn lũ = cơn lụt-lội, nước dâng cao ngập tràn khắp nơi.

- Dây leo: loài cây thân như dây leo quấn vào thân cây khác.

- Dao trí: ví Trí-huệ như con dao bén, cắt đứt được hết phiền-não

- Lục-trần: sáu trần, tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

- Bị ái-dục hành: bị ái-dục hành-hạ, bị sự thèm-khát thúc-đẩy.

- Ly-dục: Ly = lìa xa; Dục = ham muốn.

- Nhiếp-phục:: khuất-phục, kềm-chế, lấy lại quyền làm chủ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại tiền-kiếp của một con heo nái, trôi lăn trong vòng lẩn-quẩn của Luân-hồi. Trong một kiếp trước, vốn là một con gà mái, biết nghe kinh; sau sanh làm công-chúa, phát-tâm tu-hành, nên được sanh lên cõi Trời; rồi vì hết phước và phải chịu nghiệp-báo mới tái-sanh vào hàng súc-sanh, mang thân heo. Khi kể lại tiền-kiếp đó, Đức Phật dạy, phải tu để dứt nghiệp mới thoát khỏi vòng Luân- hồi.

(2) Ý-nghĩa của sáu bài Kệ, từ số 338 đến số 343:

Cả sáu bài Kệ đều nói về nguyên-nhơn gây đau-khổ cho chúng-sanh trôi lăn trong Luân-hồi chính là ái-dục và khuyên ta nên đào-bứng hết gốc-rễ của lòng ham-muốn chạy theo thú-vui tạm-bợ ở đời.

Xin phân-tách để tìm ý-nghĩa riêng từng bài:

Kệ số 338: gốc ái-dục nhổ chưa hết rễ, còn chịu khổ dây-dưa.

1) "Như cây đốn còn gốc bền, rễ cứng, Sẽ đâm chồi mọc lại vững như xưa": gốc còn rễ là còn mầm sống, đâm chồi trở lại, cũng như còn luyến-tiếc là chưa dứt bỏ được ái-dục (tham muốn);

2) "Gốc ái-dục tùy-miên chưa nhổ bứng, Khổ 'sanh-già-chết' cứ mãi dây-dưa": 'Tuỳ-miên' là còn đang ngủ đó, chưa chết đâu; hễ còn ái-dục là còn phải tái-sanh, do đó còn phải chịu mãi cảnh khổ sanh, già, bịnh, chết trong cõi Luân-hồi.

Kệ số 339: sức lôi-cuốn của ái-dục mạnh-mẽ như cơn lũ-lụt.

1) "Băm-sáu dòng ái-dục cuồn-cuộn chảy, Đẩy mạnh người mê vào lạc thú": sáu căn bấu-víu vào sáu trần qua ba thời quá-khứ, hiện-tại và vị-lai, tạo nên sức mạnh xô-đẩy người mê đi tìm thú-vui tạm-bợ

2) "Tư-tưởng ái-tham vùng nổi dậy, Lôi cuốn người tà-kiến như cơn lũ": vì sáu căn kẹt vào sáu trần khiến tà-kiến bên trong tâm nổi dậy, lôi-cuốn người mê chẳng khác nào cơn lụt to tràn ngập khắp nơi.

Kệ số 340: dùng 'dao' Trí-huệ cắt đứt hết gốc ngọn của ái-dục

1) "Dòng ái-dục chảy tràn khắp chốn, Khiến dây leo bám chặt, đâm chồi.": sức mạnh của ái-dục khiến cho sự bấu-víu của căn-trần càng chặt-chẽ, như dây leo đâm chồi, mọc lá, bám quanh thân cây;

2) "Thấy rõ dây leo bò lổn-ngổn, Với 'dao' Trí đoạn hết gốc ngọn": NhờTrí-huệ soi sáng thấy ái-dục bám-víu như các dây leo bò lổn-ngổn, liền chặt đứt, liền đoạn hết cả gốc rễ của sự tham-luyến. Nói cách khác, nhờ tỉnh-giác, thắp sáng lên đuốc Tuệ, vung gươm Trí lên mà cắt đứt được ái-dục.

Kệ số 341: lạc-thú ở đời bị ái-dục nhuốm dơ, nên phải chịu khổ

1) "Trong chúng-sanh, niềm vui cuộn chảy, Từ lục-trần, bị ái-dục nhuốm dơ": Cuộc sống trong Luân- hồi khổ nhiều sướng ít, nhưng vẫn có niềm vui; tiếc thay, nguồn vui sống đó vì các căn bám-víu vào các trần, nên bị ái-dục làm nhiễm dơ;

2) "Cầu hạnh-phước, nhưng dục-lạc mê-mờ": việc tìm cầu hạnh-phước trong cuộc sống là điều chánh- đáng, nhưng tiếc thay, con người lại bị mê-mờ vì quá tham muốn các dục-lạc, các thú-vui vật-chất thấp-hèn và tạm bợ, nên phải khổ;

3) "Cảnh sanh-già nên mới chịu lấy": vì cố bám chặt vào các dục-lạc vật-chất còn chưa được thỏa- mãn hết, nên cứ mãi chịu cảnh khổ của sanh-già-bịnh-chết.

Kệ số 342: còn chưa thoát lưới ái-dục là còn chịu khổ tử-sanh.

1) "Ái-dục bao vây, người vùng-vẫy, Như thỏ mắc lưới, nhảy loanh-quanh": con người bị ái-dục bao vây nào khác chi con thỏ bị mắc lưới, cố vùng-vẫy mà chẳng thoát ra được. Tại sao? Vì còn tiếc.

2) "Hễ còn bị ái-dục hành, là còn đau khổ tử-sanh lâu dài": Ái-dục hành-hạ con người bằng cách thúc- đẩy chạy theo các thú-vui vật-chất quá tầm tay, chẳng được thoả-mãn nên chẳng những khổ trong hiện-đời, mà còn phải trôi-lăn mãi trong cảnh sống-chết của Luân-hồi.

Kệ số 343: muốn ly-dục hoàn-toàn, tỳ-kheo phải diệt ái-dục.

1) Hai câu đầu nhắc lại thí-dụ thỏ mắc lưới ở bài Kệ 342 trước.

2) "Ly-dục, tỳ-kheo muốn đạt thành, Ái-dục, phải mau nhiếp-phục vậy": đạt thành bực ly-dục là chứng quả A-la-hán vô-sanh, căn bản tu-tập là phải mau diệt ái-dục, dẹp bỏ hẳn sự tríu-mến, luyến-tiếc.

(242).- Tích chuyện tên trộm bị xử tử.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tĩnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một tên trộm bị xử tử-hình.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo làm đệ-tử cho Tôn-giả Đại Ca-diếp, tu-tập đắc được bốn cảnh Thiền. Một hôm trong khi đi khất-thực tại nhà người chú, thấy một người đàn-bà, người ấy sanh lòng thương-yêu muốn cưới, mới xin hoàn-tục. Sau khi rời Tăng-đoàn, vị ấy trở về nếp sống của thường-nhơn, nhưng chẳng biết làm nghề chi để sanh-nhai. Bị đuổi ra khỏi nhà, người ấy đi lang-thang một dạo, rồi kết bè với bọn trộm. Chẳng may, cả bọn bị bắt và bị lên án tử-hình.

Trên đường bị dẫn ra nghĩa-địa để chém đầu, vị cựu-tỳ-kheo gặp được Tôn-giả Đại Ca-diếp. Tôn-giả trông thấy người đệ-tử cũ sắp bị hành-hình, mới dạy rằng: "Nầy đệ-tử, con phải nên tập-trung tư-tưởng ngay để quán-chiếu về lẽ thân-tâm vô-thường." Vị cựu-tỳ-kheo vâng lời, liền khẩn-thiết quán-tưởng. Trong khi các người đao-phủ lo dọn-dẹp pháp-trường để hành-quyết thì vị cựu-tỳ-kheo đã nhập định, gương mặt tươi-tỉnh, chẳng có chút gì lo-sợ như các tội-nhơn khác đang kêu khóc. Dân-chúng rất ngạc-nhiên và các đao-phủ dừng đao lại, chẳng dám chém vị cựu-tỳ-kheo. Họ trở về trình lại, đức Vua liền ra lịnh tha tội và sai dẫn vị ấy đến gặp Đức Phật. Đức Phật liền đọc bài Kệ sau đây:

Lìa rừng 'ái', hướng đến rừng 'tu'
Bỏ rừng 'tu', trở lại nhà nầy.
Xuất-gia hoàn-tục xem đây,
Như người cổi trói lấy dây buộc mình.
(Kệ số 344.)
Sau khi lắng nghe bài Kệ, tâm vị cựu-tỳ-kheo quán-chiếu tánh-cách vô-thường, bất-toại-nguyện và vô- ngã của thân-tâm năm uẩn nầy, nên chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Khi được tự-do khỏi tội, vị ấy liền xin phép thọ-giới tỳ-kheo trở lại, và

tinh-tấn tu-tập, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán.

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tịnh-xá Trúc-lâm, thành Vương-xá: ngôi chùa nầy cất trong vườn trúc, được vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) dâng cúng Đức Phật, gần thủ-đô Ràjagaha nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Tiếng Pali: Veluvana.

- Tử-hình: Tử = chết, Hình = hình-phạt; Tử-hình là xử tội chết.

- Tôn-giả Đại Ca-diếp = vị đại-đệ-tử của Phật Thích-ca, giỏi bực nhứt về hạnh đầu-đà; tên tiếng Pali là Mahà Kassapa.

- Bốn cảnh Thiền: tu Thiền lần-lượt chứng được sơ-thiền, nhị-thiền, tam-thiền và tứ-thiền.

- Hoàn-tục: Hoàn = trở lại; Tục = thế-tục, đời sống thường; Hoàn-tục là nói đến các vị ty-kheo rời chùa trở lại đời sống cũ với gia-đình.

- Hành-hình = đem ra xử tội; ở đây là đem chém đầu.

-Tập-trung tư-tưởng: gom ý lại, chú tâm vào một điểm duy-nhứt.

- Thân-tâm vô-thường: thân-tâm nầy chẳng thường còn mãi, sẽ bị hư-hoại, chết đi. Ở đây, biết đệ-tử mình sắp bị xử chém, Tôn-giả dạy như thế là để cho đệ-tử khỏi lo-sợ trước khi chết.

- Khẩn-thiết: Khẩn = gấp;Thiết = tha-thiết. Ở đây là cố làm hết sức.

- Đao-phủ: người cầm đao chém đầu tội-nhơn.

- Nhập Định: Nhập = vào; Định = an-ổn, ở yên. Khi tu Thiền, tâm dừng lại, chú vào đề-tài quán- tưởng, chẳng lo ra, chẳng bị cảnh bên ngoài lôi-cuốn nữa, đó là đang nhập định.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà; Xuất-gia là rời nhà đi tu.

- Vô-thường: chẳng thường-còn, bị biến-đổi để rồi hư-hoại mất.

- Bất-toại-nguyện: Bất = chẳng; Toại = vừa-ý; Nguyện = mong cầu. Tánh-cách bất-toại-nguyện là chẳng đem lại sự vừa-ý mong-muốn.

- Vô-ngã: Vô = chẳng; Ngã = Ta. Tánh-cách vô-ngã là chẳng có Ta, chẳng có chủ-thể, chẳng có linh- hồn bất-diệt ở nơi thân nầy cả.

- Thân-tâm năm uẩn = Năm uẩn là: (1)sắc-uẩn, thân thể-xác; (2)thọ-uẩn, các cảm-thọ; (3)tưởng-uẩn, các tư-tưởng; (4)hành-uẩn, các hành-động; (5) thức-uẩn, các hiểu-biết. Sắc-uẩn là thân; bốn uẩn còn lại là tâm.

- Tu-đà-huờn: quả-vị đầu-tiên, còn gọi là Nhập-lưu (gia nhập vào dòng Thánh), hay Thất-lai (chỉ còn tái-sanh bảy lần nữa thì nhập Niết-bàn). Tiếng Pali là Sotàpatti.

- Thọ-giới tỳ-kheo: làm lễ nhận tuân theo 250 giới của tỳ-kheo.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, chẳng còn tái-sanh nữa, dứt được Luân-hồi, chứng-đắc Niết-bàn. Tiếng Pali là Arahant.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị tỳ-kheo hoàn-tục, theo bọn bất-lương đi ăn trộm, bị bắt và kết tội tử- hình. Trên đường ra pháp-trường, người ấy gặp Tôn-giả Đại-Ca-diếp là thầy cũ dạy đạo. Tôn-giả khuyên người đệ-tử phải chí-tâm quán-tưởng thân-tâm vô-thường. Nhờ biết nghe lời thầy, khẩn-thiết hành Thiền ngay lúc ấy, nên vị cựu-tỳ-kheo trở nên bình-thản, gương mặt tươi-tỉnh, chẳng chút lo-sợ. Bọn đao-phủ ngạc-nhiên, chẳng dám chém, trình lại Vua. Vua ra lịnh dẫn đến gặp Phật. Nghe lời Phật dạy, vị ấy trở lại thọ-giới tỳ-kheo, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa Tích chuyện là đã đi tu là chọn con đường giải-thoát, mà lại hoàn-tục, đó cũng như người được cổi trói rồi, nay lại lấy dây tự buộc mình lần nữa.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 344:

Ý-nghĩa của bài Kệ: đi tu là đang được giải-thoát; còn hoàn-tục là đang được cởi trói, mà lấy dây ra buộc mình lại.

Xin phân-tách từng câu của bài Kệ:

1) "Lìa rừng ‘ái’, hướng đến rừng tu": Lìa rừng tham-ái là lìa đời sống thế-tục đầy tham-ái, dục-vọng và ràng-buộc, tức là xuất-gia; hướng đến rừng tu là bước vào con đường tu-tập, để được giác-ngộ và giải-thoát.

2) "Bỏ rừng tu, trở lại nhà nầy": Rời bỏ nơi đang tu-hành yên-tịnh mà trở lại căn nhà phiền-não ồn-ào trước kia, tức là hoàn-tục.

3) "Xuất-gia, hoàn-tục, xem đây, Như người cổi trói lấy dây buộc mình": Người xuất-gia là người được cổi trói. Ai đã trói? Vợ, con, gia-đình ràng-buộc. Cái gì đã trói? Các thú-vui vật-chất trong đời sống thế-tục, cảnh tranh-đấu vì tiền-tài, sự-nghiệp, danh-vọng đang trói. Đã được cổi các sợi dây ràng- buộc rồi, nay quay về chốn cũ để tự trói mình lần nữa, đó là hành-động thiếu suy-xét, rất đáng tiếc.

(243).- Tích chuyện các người tù bị xiềng-xích.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến các người tù bị xiềng-xích.

Thuở ấy, có ba mươi vị tỳ-kheo đi khất-thực trong thành Xá-vệ, trông thấy một đoàn người tù-tội tay bị còng, chơn bị xích được dẫn đi ngang qua hàng phố. Lúc về chùa, khi trình lên Đức Phật các điều đã trông thấy buổi sáng, có một vị tỳ-kheo thưa với Phật: "Bạch Thế-tôn, chẳng biết còn có vật nào trói buộc bền-chặt hơn còng, xiềng hay xích nữa chăng?" Đức Phật đáp: ‘Nầy chư tỳ-kheo, xiềng xích bằng sắt đó trói buộc còn chưa chặt chẽ bằng khát-vọng về thực-phẩm, về y-phục, về tài-sản, về gia- đình.

Tham-ái kềm-kẹp con người nặng-nề gấp trăm, gấp ngàn lần xiềng, xích sắt. Cho nên, người hiền-trí mới cắt đứt tham-ái, rời xa căn nhà phiền-não mà gia-nhập Tăng-đoàn.

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây:

Xiềng bằng sắt, bằng gỗ, bằng gai,
Người trí bảo, chưa dai, chưa bền.
Luyến-lưu con thảo, vợ hiền,
Ngọc-ngà, trang-sức là xiềng chặt hơn.
(Kệ số 345.)
Ràng-buộc đó thật bền, người trí bảo,
Tuy mềm, nhưng trì nặng, thật khó tháo.
Bực hiền-trí dứt xong bao kiềm-toả,
Dục-lạc khước-từ, thoát khổ thế-gian.
(Kệ số 346.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xiềng, xích: sợi dây, thường bằng sắt, để cột trói.

- Còng = cái khoá kẹp hai bàn tay chập lại nhau.

- Khát-vọng = ham-muốn nhiều; đòi cho được.

- Tham-ái = ham-muốn, thương-thích, tríu-mến đến quá mức.

- Tăng-đoàn: nhóm tu-sĩ Phật-giáo từ bốn người trở lên.

- Xiềng bằng gai = xiềng làm bằng dây gai (cây gai giống như cây bố, vỏ cây dùng dệt bao tải đựng lúa gạo.)

- Hiền-trí = người tánh hiền-lành và có trí-huệ thông-minh.

- Kiềm-tỏa: Kiềm = cây kềm;Toả = ống khoá. Nghĩa bóng: trói buộc.

- Dục-lạc: Dục = ham-muốn; Lạc = vui; Dục-lạc là ham sự vui-thú.

- Khước-từ = từ-chối, từ bỏ, lìa xa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, thấy các người tù bị còng tay, xích chơn đi ngang qua, vị tỳ-kheo hỏi Phật, có vật trói buộc nào còn chặt-chẽ hơn xiềng, xích chăng. Đức Phật đáp, sự tham-ái, mê-luyến tài-sản và gia-đình ràng-buộc con người còn nặng-nề hơn gấp trăm ngàn lần.

Ý-nghĩa của Tích chuyện khuyên ta nên sớm cắt đứt sự tham-ái, khước-từ mọi ham-muốn để chọn con đường tu-hành giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 345 và 346:

Hai bài Kệ nhập chung lại thành một bài dạy ta phải sớm cắt-đứt sự tham-ái, tríu-mến bên trong tâm ta, ràng-buộc chặt hơn xiềng-xích.

1) "Xiềng bằng sắt, bằng gỗ, bằng gai, Người trí bảo, chưa dai, chưa bền": các loại xiềng-xích bằng sắt, bằng gỗ, hay bằng dây gai còn chưa bền, chưa dai, vì còn có thể tháo ra được.

2) "Luyến-lưu con thảo, vợ hiền, Ngọc-ngà, trang-sức là xiềng chặt hơn": Thương con thảo, mến vợ hiền, quí tài-sản, đó là điều chánh-đáng; nhưng thương-mến đến mức quá tưng-tiu, chiều-chuộng, giữ bo-bo, đó là điều sai-lầm khiến ta trở thành nô-lệ mà chẳng hay biết; vì chẳng hay-biết mình đang bị ràng-buộc, nên sự ràng-buộc mới bền, mới dai, chẳng hề nghĩ đến lúc nào nên tháo-gỡ ra.

3)"Ràng-buộc đó thật bền, tuy mềm, nhưng trì nặng, khó tháo": sự luyến-ái vì quá êm-dịu nên chính mình chẳng chịu tháo-gỡ ra, cho nên sức ràng-buộc của nó tuy mềm nhưng trì nặng, đeo-đẳng mãi.

4) "Bực hiền-trí dứt xong bao phiền-não, Dục-lạc khước-từ, thoát khổ thế-gian": đây là bực chứng quả A-la-hán ly-dục (dứt mọi phiền-não, dục-vọng), thoát được khổ bị tái-sanh ở cõi Luân-hồi, hoàn-toàn giải-thoát, sống an-vui trong cảnh Niết-bàn vắng-lặng.

(244).- Tích chuyện Hoàng-hậu Khê-ma.

Tích chuyện nầy giống với Tích chuyện số (122) về công-chúa Gia-nhã-ba.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến hoàng-hậu Khê-ma.

Bà Khê-ma là hoàng-hậu của vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà, rất hãnh-diện về nhan-sắc tuyệt đẹp của bà. Đức Vua muốn mời hoàng-hậu đến viếng Tịnh-xá Trúc-lâm và đảnh-lễ Đức Phật. Nhưng hoàng-hậu nghe nói Đức Phật thường chẳng khen-ngợi về sắc-đẹp, nên bà tránh né chẳng muốn gặp Phật. Vua sai các nhạc-sĩ tấu-nhạc lên ca-tụng cảnh-trí thanh-vắng và thơ-mộng của Tịnh-xá Trúc-lâm, khiến cho hoàng-hậu mê-thích, mới cùng đức Vua lên đường đến lễ Phật. Bấy giờ, Đức Phật đang giảng pháp. Ngài nhìn thấy bà Khê-ma, biết rõ tâm-trạng hãnh-dện sắc-đẹp của bà, nên mới dùng thần- thông biến ra một cô thiếu-nữ trẻ, xinh-tươi lộng-lẫy, ngồi quạt hầu sau lưng Đức Phật. Chỉ riêng có hoàng-hậu mới nom ra cô thiếu-nữ, hoàng-hậu càng ngắm, càng nhận ra nhan-sắc của mình thua xa cô ấy. Bỗng, cô gái biến thành một người thiếu-phụ trung-niên với mấy sợi tóc bạc phất-phơ trên trán.

Chẳng mấy chốc, người thiếu-phụ lại khòm lưng, tay cầm quạt chẳng muốn nổi, nét nhăn trên da mặt trông như một cụ-già. Ô kìa, cụ già đó lại ngã lăn ra chết, rồi thân-thể sình chướng lên, dòi bọ đục- khoét để lộ xương trắng-hếu. Vừa lúc đó, bài pháp của Đức Phật cũng chấm-dứt. Tâm-trạng của hoàng-hậu biến-đổi nhanh-chóng, từ sự mê-luyến tấm thân đẹp-đẽ, chuyển sang sự ngao-ngán thấy nhan-sắc tàn-phai quá mau lẹ, lẽ

vô-thường sớm đưa đến sự hoại-diệt của thân-tâm. Đức Phật soi thấy rõ tâm-trạng đó của hoàng-hậu, mới nói tiếp: "Nầy Hoàng-hậu, Hoàng-hậu có nhìn thấy nhan-sắc lộng-lẫy kia chẳng mấy chốc đã biến thành một đống xương trắng, để nhận ra lẽ vô-thường của thân-tâm không? Mê-luyến nhan-sắc chẳng bền-vững kia chỉ khéo kéo ta vào khổ-đau của Luân-hồi."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó hoàng-hậu Khê-ma chứng được quả Tu-đà-huờn, về sau thọ-giới tỳ-kheo-ni và được Phật mời cầm đầu Ni-đoàn:

Người mê dục-lạc rơi trở vào dòng,
Như nhện chăng tơ lọt vào lưới nó.
Bực hiền-trí, ái-tham đều cắt bỏ,
Thoát mọi ưu-phiền, cất bước thong-dong.
(Kệ số 347,)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Khê-ma: tên tiếng Pali là Khemà; Tần-bà-sa-la = Bimbisara.

-Trúc-lâm = Veluvana; Vương-xá = Ràjagaha; Ma-kiệt-đà = Magadha.

- Tâm-trạng = những gì đang xảy ra bên trong tâm của một người

- Thần-thông = khả-năng mầu-nhiệm, do định-lực tu-hành cao.

- Trung-niên: tuổi trung-bình khoảng bốn, năm mươi; sồn-sồn.

- Vô-thường: chẳng bền, hay biến-đổi, để đi đến tiêu-diệt.

-Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt, còn gọi là Nhập-lưu hay Thất-lai, tiếng Pali là Sotàpatti

-Ni-đoàn: đoàn-thể nữ-tu-sĩ Phật-giáo. Ni = tỳ-kheo-ni = Bhikkhuni

- Dục-lạc: Dục = ham-muốn; Lạc = vui. Dục-lạc chỉ thú-vui thấp.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Nhờ trông thấy sắc đẹp một cô thiếu-nữ chóng tàn-phai, trở thành một cụ-già lụm-cụm rồi lăn ra chết, Hoàng-hậu Khê-ma sớm thức-tỉnh. Bà nghe lời khuyên của Đức Phật, lìa bỏ sự tham-luyến vào thân- tâm vô-thường, gia-nhập Ni-đoàn, thoát khỏi cảnh khổ Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 347:

Bài Kệ khuyên ta sớm cắt bỏ sự ái-dục để chọn đường giải-thoát.

1) "Người mê dục-lạc rơi trở vào dòng": Vì ham thú-vui vật-chất, tạm-bợ, ta lọt trở lại vào dòng khát- ái từ trong tâm ta chảy ra.

2) "Như nhện chăng tơ lọt vào lưới nó": ta bị chính tham-ái của ta kéo vào cảnh khổ, nào khác chi nhện kia lọt vào lưới của nó.

3)"Bực hiền-trí, ái-tham đều cắt bỏ, Thoát mọi ưu-phiền, cất bước thong-dong": đây là bực tu-hành đã chứng được quả-vị A-la-hán: mọi ái-tham cắt-đứt, mọi phiền-não dứt sạch, mọi chướng-ngại vượt qua, thoát khỏi cảnh tái-sanh trôi-lăn trong vòng Luân-hồi, nay được thong-dong, tự-tại trong cảnh-giới Niết-bàn an-vui, vắng-lặng.

(245).- Tích chuyện người diễn trò nhào-lộn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến chàng Úc-ga diễn trò nhào-lộn.

Thuở ấy, có một đoàn hát xiệc đến trình-diễn ở thành Vương-xá trong bảy ngày. Đủ bảy ngày, chàng Úc-ga, con nhà giàu-có, đều theo coi, lòng mê-tít nhan-sắc của cô gái trẻ-đẹp có tài nhào-lộn trên đầu ngọn tre cao gần mười thước. Chàng xin cưới nàng, và bỏ nhà theo gánh xiệc. Vì chẳng có nghề gì để sanh-sống, Úc-gia xin làm phu khuân-vác đồ-đạc, đẩy xe cho đoàn hát. Năm sau, sanh được một đứa con trai, vợ chàng thường hát ru con ngủ:

Con ơi, con ngủ cho say,
Cha con ngu-dốt cả ngày đẩy xe.
Chẳng tài, chẳng học, chẳng nghề.
Lớn lên, con chớ theo bề cha con.
Mỗi khi nghe giọng ru con của vợ, Úc-gia rất hổ-thẹn, mới xin người cha vợ dạy cho nghề nhào-lộn. Chẳng bao lâu, học-hành có tấn-bộ, Úc-gia trình-diễn cũng được nhiều người hoan-hô.

Một hôm, Úc-gia đang nhún-nhẩy trên ngọn sào tre, dân-chúng vỗ tay tán-thưởng, thì đoàn khất-sĩ của Đức Phật đi đến. Mọi người tranh nhau đảnh-lễ Phật, chẳng ai màng nhìn tiếp trò nhào-lộn. Đứng trên ngọn sào, lòng Úc-gia chán-nãn, nhưng tai lại nghe lời Đức Phật đang nói văng-vẳng bên dưới: "Nầy chư thiện-nam, tín-nữ, chớ tham-luyến vào thân-tâm năm uẩn, hãy mau mau tìm lối thoát khỏi vòng tử-sanh lận-đận của Luân-hồi."

Rồi Đức Phật lại nói lên bài Kệ sau đây, khiến cho Úc-gia thức-tỉnh, sau đó rời đoàn hát, xin thọ-giới tỳ-kheo, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán:

Dĩ-vãng bỏ qua,
Tương-lai chẳng ngại,
Hiện-tại chẳng màng.
Bờ bên kia dòng sanh-tử, vượt sang,
Trí thanh-tịnh, cùng với tâm tự-tại,
Cảnh Luân-hồi sanh-lão, chẳng trở lại.
(Kệ số 348.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Úc-ga = tên chàng trai nầy, tiếng Pali là Uggasena.

- Xiệc = phiên-âm chữ Pháp là cirque, gánh hát diễn trò nhào-lộn

- Trình-diễn: diễn trò cho dân-chúng xem.

- Tán-thưởng = khen-ngợi.

- Thiện-nam, tín-nữ: Thiện = lành, Nam = đàn-ông; Tín = tin-tưởng; Nữ = đàn-bà. Thiện-nam, tín-nữ chỉ về dân-chúng tin nghe theo đạo.

- Khất-sĩ: Khất = đi ăn xin; sĩ = người; Khất-sĩ, Tỳ-kheo, Bhikkhu, là tu-sĩ Phật-giáo, đi xin để nuôi thân, chẳng được phép có nghề riêng.

- Thân-tâm năm uẩn: thân người gồm có năm uẩn: (1) sắc-uẩn, thân xác-thịt; (2) thọ-uẩn, các cảm-thọ; (3) tưởng-uẩn, các tư-tưởng; (4) hành-uẩn, các hành-động; (5) thức-uẩn, các sự hiểu-biết. Sắc-uẩn là thân, bốn uẩn còn lại là tâm. Thân-tâm nầy do năm uẩn do nhơn-duyên tạm-thời họp nhau mà thành, hết duyên sẽ tan-rả, chẳng bền-vững, vô-thường; do đó, ta chớ nên tham-luyến quá.

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Theo thuyết nhà Phật, chúng-sanh có nhiều đời sống, mãn kiếp nầy sẽ tuỳ nghiệp mà sanh lại, để rồi lại chết đi, rồi lại tái-sanh, cứ như thế mãi, cũng như bánh xe quay một vòng rồi lăn tiếp; đó là vòng sanh-tử lận-đận của Luân-hồi.

- Thức-tỉnh = tỉnh-ngộ, biết mình trước lầm, nay nghe nói mới hiểu ra được sự-thật.

- Thọ-giới tỳ-kheo = làm lễ nhận tuân theo giới-luật của tỳ-kheo mà tu-hành. Tỳ-kheo-giới còn gọi là cụ-túc-giới, gồm có 250 điều răn-cấm; trong khi đó người tu tại-gia chỉ có 5 điều cấm mà thôi.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, bực Thánh. Tu đã dứt được hết các phiền-não, vượt qua hết các chướng- ngại, lià bỏ mọi tham-muốn (= ly-dục), chứng được vô-sanh (= chẳng còn bị tái-sanh trong Luân-hồi) mới đắc quả A-la-hán. Theo nghĩa chuyên-môn, A-la-hán có ba nghĩa: (1) ứng-cúng, xứng-đáng cho Trời, người cúng-dường; (2) sát-tặc, giết hết giặc, giặc phiền-não (như tham, sân, si...); (3) vô-sanh (= chẳng còn tái-sanh, vào Niết-bàn tịch-diệt), Tiếng Pali là Arahant.

- Tự-tại: tự-do, chẳng bị ràng-buộc. Ngoài đời nói tự-do, trong Đạo gọi tự-tại.

- Sanh-lão = sanh già. Nói đủ bốn điều Khổ là: sanh, lão, bịnh, tử.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc thanh-niên Úc-ga vì mê cô đào trong gánh xiệc, cưới cô và theo sống trong gánh hát, phụ-giúp việc khuân-vác. Sau chàng học được nghề nhào-lộn; một hôm đang trình-diễn, bỗng nghe Đức Phật nói pháp, liền tỉnh-ngộ, rời gánh hát đi tu, chứng được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời dạy của Đức Phật: chớ mê-luyến thân-tâm năm uẩn, phải chuyên-tu để thoát khỏi Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 348:

Đây là một trong các bài Kệ quan-trọng nhứt của Kinh Pháp-Cú, tưởng nên học thuộc lòng để ghi nhớ lời Phật dạy mãi.

Xin phân-tách từng câu:

1. Ba câu đầu: "Dĩ-vảng bỏ qua, Tương-lai chẳng ngại, Hiện-tại chẳng màng": Sao lại bỏ qua dĩ- vãng? Vì dĩ-vãng đã qua rồi, có nhớ lại cũng chẳng sửa đổi được. Sao lại chẳng ngại tương-lai? Vì tương-lai còn chưa đến, dầu có ngại cho lắm cũng chẳng ích-lợi chi, chỉ cần biết sẵn-sàng đối-phó là đủ. Còn hiện-tại mà chẳng màng nữa, thì màng cái chi? Trong hiện-tại biết mình đang tu-tập đúng đường-lối giải-thoát, đó là điều đáng màng. Đang tu-tập là đang gát qua bên cảnh-vật hiện-tại ở chung- quanh, chỉ biết ngay trong giờ phút nầy đây, tâm ta đang hướng về bên trong, gột bỏ mọi phiền-não,

chận đứng mọi vọng-tưởng, đó là điều đáng màng. Nói cách khác, hiện-tại chỉ đáng màng, khi giữ được chánh-niệm trong tâm.

2) "Bờ bên kia dòng sanh-tử, vượt sang": Bờ bên kia là bờ giác-ngộ. Vượt được dòng sanh-tử là thoát khỏi cảnh tái-sanh của Luân-hồi. Trọn câu nầy nói đến sự tu của bực thánh, chứng quả-vị A-la-hán.

3) "Trí thanh-tịnh, cùng với tâm tự-tại": đây là Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật, và chơn-tâm vừa thanh- tịnh, vừa chẳng bị ràng-buộc. Nói cách khác, tâm, trí ấy chính là tâm-trí của bực đắc quả Thánh.

4) "Cảnh Luân-hồi sanh-lão, chẳng trở lại": đây là chứng-đắc Niết-Bàn, chẳng còn phải tái-sanh mãi trong vòng Luân-hồi để chịu khổ nữa.

(246).- Tích chuyện người thiện-xạ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo mà kiếp trước là một chàng thiện-xạ.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo sau khi đi khất-thực, ngồi ăn trong một cái am vắng. Sau đó, khát nước, vị ấy mới lần vào một xóm nhà, xin nước uống. Một người đàn-bà đem nước ra dâng, trông thấy dáng- mạo đoan-trang của vị tỳ-kheo, bỗng nổi lên lòng thương-yêu, muốn dùng cách để mê-hoặc. Khi sắp ra đi, vị tỳ-kheo được người đàn-bà thỉnh ngày mai trở lại để nhận lễ cúng-dường. Sáng hôm sau, đợi khi vị tỳ-kheo thọ-thực xong, người đàn-bà lên tiếng than-thở: "Bạch đại-đức, nhà con vắng-vẻ quá, chẳng có người đàn-ông trông trước trông sau!" Vị tỳ-kheo nghe hiểu được ý-ngầm của người đàn-bà, tuy ra về chùa, mà lòng còn vấn-vương mơ-tưởng.

Ngày qua ngày, vị tỳ-kheo ấy lòng buồn-bã, biếng việc tu-hành, thân-hình càng ngày càng tiều-tụy. Các bạn đồng-tu mới thưa-trình sự-việc lên Đức Phật. Đức Phật bảo: ‘Nầy tỳ-kheo, người đàn-bà làm cho con tơ-tưởng mãi trong tâm, vốn là vợ con trong tiền-kiếp. Đời trước, con vốn là một nhà thiện-xạ, bắn cung thật giỏi. Một hôm, hai vợ

chồng đang đi trong rừng vắng, bỗng bị bọn cướp chận đường. Trong khi con nỗ-lực chiến-đấu với tên đầu-đảng, thì vợ con nhìn thấy thân-hình vạm-vỡ của tướng cướp mà sanh lòng yêu. Con hô lên, bảo vợ đưa thanh gươm trong bịt để chém tên cướp; nhưng vợ con lại trao thanh kiếm cho kẻ thù. Kết-quả là con bị giết chết và vợ con đi theo sống với tên đầu-đảng. Người đàn-bà ấy đã hại một đời con như thế, nay lại tìm cách quyến-rũ con hoàn-tục, phá luôn thêm cuộc đời tu-hành giải-thoát của con."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Người bị ý chẳng lành kích-thích,
Ái-tham nhiều, thấy sắc mê-tít;
Ái-dục nơi người càng gia-tăng,
Ma-vương trói buộc thêm chằng-chịt.
(Kệ số 349.)
Người dẹp ý chẳng lành an-định,
Tỉnh-giác, thường quán thân bất-tịnh,
Ái-dục nơi người bỏ dứt xong,
Ma-vương muốn trói, đừng có hòng.
(Kệ số 350.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thiện-xạ: Thiện = giỏi; Xạ = bắn. Thiện-xạ là người bắn giỏi.

- Am = cốc, ngôi nhà nhỏ làm nơi thờ-phượng.

- Đoan-trang = đẹp và trang-nghiêm.

- Mê-hoặc = dụ-dỗ vào đường quấy.

- Thọ-thực: Thọ = nhận; Thực = ăn. Tiếng nhà chùa, nghĩa là ăn.

- Đại-đức = tiếng tôn-xưng gọi bực tu-hành.

- Ý-ngầm = ý dấu kín bên trong, chỉ nói mí, chẳng nói toạc ra.

- Tơ-tưởng = mơ-tưởng đến hoài và có ý-định về tình-ái.

- Tiền-kiếp = kiếp trước.

- Hoàn-tục = trở lại đời sống có gia-đình, bỏ việc tu ở chùa.

- Kích-thích = gây cảm-xúc mạnh khiến cho phải hành-động; xúi-dục, thúc-đẩy.

- Ái-tham: Ái = thương, thích; Tham = ham muốn quá chừng. Chữ ái-tham dùng dịch chữ Tanhà của tiếng Pali. Đây là nguyên-nhơn gây ra đau-khổ, tức là Tập-đế trong Tứ-diệu-đế. Hễ diệt được ái-dục, bứng hết gốc rễ của nó, thì thoát được khổ-đau trong cõi Luân-hồi, chẳng còn phải tái-sanh nữa.

- Ái-dục: Ái = thương, thích; Dục = ham-muốn. Chữ ái-dục được dùng để chỉ sự ham-muốn chạy theo các thú-vui vật-chất thấp và tạm-bợ.

- Gia-tăng = thêm lên.

- Tỉnh-giác = tâm chú-ý luôn giữ chánh-niệm, chẳng buông-lung

- Quán thân bất-tịnh: suy-nghĩ sâu xa về tấm thân vật-chất bên trong chứa nhiều chất dơ, như mủ, nước tiểu, để hết đắm-say sắc-đẹp

- Ma-vương = vua Ma; nghĩa rộng là sự cám-dỗ, xúi làm bậy.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị tỳ-kheo bị một người đàn-bà quyến-rũ, lòng mơ tưởng đến sắc-đẹp, muốn hoàn-tục, nên tu-hành biếng-nhác, thân-thể tiều-tụy. Vị tỳ-kheo được dẫn đến gặp Đức Phật, nghe kể lại, trong tiền-kiếp, người đàn-bà ấy đã từng là vợ phản-bội mình, trao gươm cho tướng cướp để giết chồng. Nay trong kiếp nầy, người ấy lại muốn phá-hoại thêm cuộc đời tu-hành của mình nữa, vị tỳ-kheo tỉnh-ngộ, dẹp bỏ ý hoàn-tục, mà tinh-tấn tu-hành trở lại.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là khi ý bất-thiện nổi lên trong tâm, phải dùng chánh-niệm mà chận bỏ đi ngay.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 349 và 350:

Bài Kệ số 349 nêu lên sự nguy-hiểm của ý chẳng lành (= ý bất-thiện), khiến ta bị Ma-vương (= sự cám-dỗ) lôi kéo theo con đường dữ. Ái-tham, ái-dục là những ý bất-thiện đó.

1) "Người bị ý chẳng lành kích-thích, Ái-tham nhiều, thấy sắc mê-tít": Vì chẳng biết điều-phục các căn, để mắt chạy theo sắc-đẹp bên ngoài, nên ái-tham bên trong tâm xúi-dục theo con đường quấy.

2) "Ái-dục nơi người càng gia-tăng, Ma-vương trói buộc thêm chằng-chịt": Ái-dục, sự ham-muốn theo các thú-vui vật-chất càng ngày càng thêm chồng-chất, đó là đang bị Ma-vương (=sự cám-dỗ) trói buộc chặt-chẽ, khó thoát được.

Bài Kệ số 350 dạy ta cách cổi trói của Ma-vương, tức là làm cách nào để khỏi bị cám-dỗ theo các thú- vui vật-chất thấp-hèn và tạm-bợ.

1) "Người dẹp ý chẳng lành an-định": mỗi khi ý bất-thiện nổi lên trong tâm, chánh-niệm nhận ra được ngay, liền chận lại, đuổi đi, khiến cho tâm trở nên an-định.

2) "Tỉnh-giác, thường quán thân bất-tịnh": đây là hai cách hữu-hiệu, giữ tâm an-định và chận ý bất- thiện: (1) Tỉnh-giác: tâm luôn luôn chú-ý vào mọi ý-nghĩ khởi lên trong tâm; (2) Quán thân bất-tịnh: thường suy-nghĩ sâu-xa về tấm thân bề ngoài xem đẹp mà bên trong chứa chất dơ, nên sanh ra nhàm- chán, chẳng mê sắc-dẹp nữa.

3)"Ái-dục nơi người bỏ dứt xong, Ma-vương muốn trói, đừng có hòng": Vì lòng ham-muốn(= ái-dục) đã dứt, đâu còn bị cám-dỗ nữa.

(247).- Tích chuyện Tôn-giả La-hầu-la bị Ma khuấy.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến việc Ma-vương khuấy-phá Tôn-giả La-hầu-la.

Thuở ấy, có một nhóm đông-đảo các tỳ-kheo từ các phương xa, về chùa Kỳ-viên, đảnh-lễ Đức Phật. Để đủ chỗ an-nghỉ về đêm, Tôn-giả La-hầu-la, con trai của Thái-tử Tất-đạt-ta khi chưa đi tu, mới nhường chỗ của mình, ra ngủ ở ngoài cửa hương-phòng của Đức Phật. Đến khuya, Ma-vương hiện lên làm một con voi to lớn, lấy vòi quấn chặt đầu Tôn-giả rồi lại rống lên nhiều tiếng quái-dị, để doạ-nhát. Nhưng Tôn-giả vẫn dửng-dưng chẳng chút lo-sợ, nao-núng chi cả. Từ trong hương-phòng, Đức Phật biết được cảnh ấy, mới nói với Ma-vương: "Nầy Ma-vương hiểm-độc, dầu cả hàng ngàn Ma-vương như ngươi đến phá, có làm sợ-hãi được con ta đâu. La-hầu-la chẳng hề sợ-hãi, thoát khỏi tham-ái, luôn luôn tỉnh-giác và sáng-suốt."

Rồi Đức Phật nói lên hai bài Kệ sau đây, khiến cho Ma-vương biết Đức Phật đã rõ được sự khuấy-rối của mình, nên biến đi mất:

Mục-tiêu cứu-cánh, người đã chiếm,
Hết sợ, ly-tham, chẳng ô-nhiễm,
Nhổ mũi tên sanh-tử độc-hiểm,
Thân nầy là thân chót Luân-hồi.
(Kệ số 351.)
Lìa ái-dục, chẳng hề chấp-thủ,
Biện-tài vô-ngại đủ bốn thứ:
Nghĩa, pháp, từ, thuyết có thứ-tự;
Thân nầy là thân chót Luân-hồi,
Vị ấy là Đại-trí vĩ-nhơn.
(Kệ số 352.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- La-hầu-la: tên tiếng Pali là Ràhula, con của Thái-tử Tất-đạt-ta (Sidharta) khi Ngài chưa đi tu thành Phật.

- Đảnh-lễ: cúi đầu lạy, làm lễ ra mắt bực trưởng-thượng.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm dành riêng cho Đức Phật; tiếng Pali là Gandhakuti.

- Ma-vương: Vua Ma, trên cõi Trời Tha-hoá tự-tại, hay đi cám-dỗ, xúi dục người làm việc quấy; nghĩa bóng là sự cám-dỗ. (Pali là Màra.)

- Hiểm-độc = nguy-hiểm và độc-ác; tánh ác ngầm.

- Tỉnh-giác = Tỉnh = hết mê; giác = biết. Người tỉnh-giác luôn luôn bình-tỉnh, chú-ý đến mọi hành- động, lời nói và ý-nghĩ của mình; tâm giữ chánh-niệm, chẳng hề buông-lơi.

- Mục-tiêu cứu-cánh: Mục = con mắt; Tiêu = cái mốc nhìn để bắn vào; Mục-tiêu là chỗ mình nhắm vào khi làm việc gì; gần nghĩa với chữ Mục-đích. Cứu-cánh: cứu = cánh = cuối cùng, kết-quả chót. Mục-tiêu cứu-cánh, ở đây, là chứng-đắc được quả-vị A-la-hán, bực Thánh.

- Nhổ mũi tên sanh-tử: thoát khỏi cảnh sanh-tử của Luân-hồi.

- Chấp-thủ: nắm chặt, ôm cứng, bấu-víu chẳng chịu buông-bỏ đi.

- Biện-tài vô-ngại: Biện = hùng-biện, tranh-luận; Tài = tài giỏi; Vô = chẳng; Ngại = ngại-ngùng, lo- sợ. Biện-tài vô-ngại là có tài tranh-luận với kẻ khác mà chẳng hề sợ-hãi; cũng như tài hùng-biện.

- Nghĩa = ý-nghĩa thâm-sâu; Pháp = pháp-tu; Từ = chữ, lời nói; Thuyết = nói. Bốn chữ Nghĩa, Pháp, Từ, Thuyết là bốn điều mà người nói pháp nắm vững, khi tranh-luận với kẻ khác chẳng lo-ngại bị thua.

- Thân chót Luân-hồi: đây là tấm thân cuối-cùng, chẳng còn phải tái-sanh để mang thêm thân nào khác nữa, vì chứng được pháp-thân, thân vô-hình, bất-hoại và tự-tại trong cảnh Niết-bàn.

- Vĩ-nhơn: Vĩ = to-lớn, cao-cả; Nhơn = người. Bực vĩ-nhơn có tài-năng lớn, có chí-khí cao. Gần nghĩa với chữ Anh-hùng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của T1ch chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, Tôn-giả La-hầu-la bị ma nhát mà chẳng hề sợ-hãi. Ý-nghĩa của Tích chuyện dạy ta phải bình-tỉnh, tỉnh-giác mỗi khi bị cám-dỗ, để theo đúng con đường thiện-lành.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 351 và 352:

Hai bài Kệ cùng nói đến bực Thánh, đã đạt được mục-tiêu tu-tập là chứng được quả-vị A-la-hán, thoát khỏi vòng sanh-tử của Luân-hồi.

Xin lần-lượt kể ra những đức-tánh của bực đã chứng A-la-hán:

Kệ số 351:

1) "Mục-tiêu cứu-cánh, người đã chiếm": mục-tiêu đó là chứng được quả-vị A-la-hán, bực Thánh.

2) "Hết sợ, ly-tham, chẳng ô-nhiễm": ba đức-tánh (1) chẳng lo-ngại; (2) dứt tham-ái; (3) chẳng hề dính-nhiễm điều dữ-ác.

3) "Nhổ mũi tên sanh-tử độc-hiểm,Thân nầy là thân chót Luân-hồi": chẳng còn bị tái-sanh nữa trong cõi Luân-hồi đau-khổ nầy.

Kệ số 352:

1) "Lìa ái-dục, chẳng hề chấp-thủ": hai đức-tánh: (1) bỏ hết mọi ham-muốn các thú-vui vật-chất thấp- hèn; (2) dẹp bỏ mọi thành-kiến, mọi tà-kiến, chẳng bấu-víu vào điều gì cả.

2) "Biện-tài vô-ngại đủ bốn thứ: Nghĩa, pháp, từ, thuyết có thứ-tự": vì đã thấm-nhuần Chánh-pháp, lại được tài hùng-biện, nên khi tranh-luận, lúc giảng-pháp, đều thành công mỹ-mãn.

3) "Thân nầy là thân chót Luân-hồi, Vị ấy là Đại-trí vĩ-nhơn": đó là vị Thánh dùng Trí-huệ lớn (= Trí Bát-nhã Ba-la-mật) mà vượt qua được vòng sanh-tử của Luân, bỏ nhục-thân, chứng pháp-thân bất- hoại

(248).- Tích chuyện ẩn-sĩ Ưu-ba-ca.

Thuở ấy, khi Đức Phật vừa thành Đạo dưới cội cây Bồ-đề, Ngài nghĩ đến năm người bạn-đạo cũ, muốn chỉ-dạy cho họ đường-lối tu-hành mà Ngài đã thành-công, mới đi đến vườn Lộc-uyển, gần thành Ba- la-nại để gặp họ.

Khi xưa, lúc còn theo lối khổ-hạnh mỗi ngày chỉ ăn một nắm mè để sống, tu-sĩ Cồ-đàm có năm người bạn, đứng đầu là ông Kiều-trần-như đi theo học đạo. Đến khi nhận thấy lối ép-xác chẳng đưa đến kết- quả mong-muốn, tu-sĩ Cồ-đàm trở lại ăn uống bình-thường, mỗi ngày một bữa, các người bạn-đạo tưởng Ngài đã thối-chí nên bỏ đi. Nay thành Đạo, Đức Phật muốn độ cho các bạn cũ thấy được con đường Trung-đạo. Trên đường tìm đến vườn Lộc-uyển, Đức Phật gặp một tu-sĩ khổ-hạnh tên là Ưu-ba- ca. Nhìn tướng-mạo trang-nghiêm, dáng đi thanh-thoát của Đức Phật, Ưu-ba-ca rất cảm-phục, mới cất tiếng hỏi: "Chẳng hay Ngài đã theo học vị thầy dạy đạo nào?" Đức Phật liền đáp, Ngài tự tìm lấy con đường giải-thoát, chẳng có thầy nào dạy cả.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Ta chinh-phục, làu-thông tất cả,
Dứt trói buộc, ta đã thoát-ly,
Lậu-hoặc, ái-dục, ta còn gì?
Tự ta, ta được thắng-trí cao,
Ta còn gọi ai là Thầy ta sao?
(Kệ số 353.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ẩn-sĩ Ưu-ba-ca: tên vị tu-hành ở ẩn nầy, tiếng Pali là Upaka.

- Vườn Lộc-uyển, thành Ba-la-nại: vườn nai (Pali: Migaedàya), còn gọi là Vườn Tiên (Isipatana), gần thành Bénarès, nay là Vàranàsi.

- Khổ-hạnh: đường-lối tu-hành ép-xác, ăn-uống rất ít, thân gầy.

- Cồ-đàm: họ của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Gotama.

- Kiều-trần-như: đệ-tử đầu-tiên của Phật, tiếng Pali: Kondana.

- Trung-Đạo: con đường ở giữa, tránh xa hai cực-đoan; khổ-hạnh (ép-xác) và lợi-dưỡng (hưởng đủ mọi sung-sướng vật-chất).

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy; Hoặc = điều sái-quấy. Lậu-hoặc là các phiền-não như tham, sân, si... từ trong tâm bộc lộ ra bằng việc quấy.

- Thắng-trí: trí vượt thắng tất cả; tức là Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, Đức Phật trả lời câu hỏi của ẩn-sĩ Ưu-ba-ca: Ngài tự tìm lấy con đường giác- ngộ và giải-thoát, chẳng có thầy.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 353:

Bài Kệ nầy, nếu thốt ra từ một người nào khác, sẽ mang ý-nghĩa rất kiêu-căng; nhưng đây là lời nói của Đức Phật, nói lên Sự-thật tự mình tìm ra con đường giải-thoát, lời nói chơn-thành của một bực Đại-giác, chứng được Nhứt-thiết chủng-trí, thấu-hiểu rõ tất cả mọi loài.

(249).- Tích chuyện Trời Đế-Thích thưa hỏi Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc vua Trời Đế-Thích thưa hỏi Đức Phật bốn câu về Chánh-pháp.

Thuở ấy, trên cung Trời Đao-lợi, chư Thiên đang học-tập về Chánh-pháp, còn chưa tìm lời giải-đáp thoả đáng về bốn câu hỏi quan-trọng. Vua Trời Đế-Thích chẳng tìm ra giải-pháp, mới cùng với chư Thiên đến chùa Kỳ-viên, yết-kiến Đức Phật. Vua Trời trình Phật bốn câu hỏi như sau:

1) Trong các vật hiến-tặng, vật nào quí nhứt?

2) Trong các hương-vị, mùi-vị nào ngon nhứt?

3) Trong các sự vui-mừng, điều nào đáng hoan-hỉ nhứt?

4) Tại sao sự diệt-tận mọi tham-ái là công-đức tối-thượng?

Đức Phật đáp: "Nầy chư Thiên, Chánh-pháp là tặng-phẩm quí-báu nhứt, Pháp-vị là hương-vị đậm-đà nhứt, Pháp-hỉ là niềm hoan-hỉ cao-cả nhứt, Ái-tận là công-đức thù-thắng nhứt, vì đưa đến quả-vị Thánh A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Pháp-thí quí hơn mọi bố-thí,
Pháp-vị thắng hơn mọi hương-vị,
Pháp-hỉ vui hơn mọi hoan-hỉ,
Ái-tận vượt khỏi mọi đau-khổ.
(Kệ số 354.)

Chư Thiên vui mừng, tán-thán. Vua Trời Đế-thích liền bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, bố-thí Chánh-pháp là quí-báu nhứt, sao chúng-sanh còn chưa được thọ-hưởng hết? Con kính xin Thế-tôn hứa-khả cho mọi loài chúng-sanh đồng hưởng lợi-lạc cao-quí nầy." Đức Phật liền cho tập-hợp tất cả tỳ-kheo lại, cùng hồi-hướng công-đức đến tất cả pháp-giới chúng-sanh.

Và kể từ đó, nghi-thức Hồi-hướng được thực-hành sau mỗi khoá lễ chánh-thức trong chùa.

TÌM HIỂU:

- A.- Nghĩa Chữ:

- Vua Trời Đế-thích: vị vua trên cõi Trời Đao-lợi, tiếng Pali: vua Sakka, ở cõi trời Tàvatimsa

- Chánh-pháp: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Pháp = pháp-tu. Chánh-pháp là lời dạy của Đức Phật, để tu-hành được giác-ngộ và giải-thoát. Tiếng Pali là Dhamma.

- Giải-đáp thoả-đáng: trả lời rõ-ràng cho vừa ý mọi người.

- Chư Thiên: Chư = số đông; Thiên = Trời; tiếng Pali là Deva.

- Hoan-hỉ = vui mừng.

- Diệt-tận tham-ái: Diệt = làm cho tiêu mất; Tận = tận cùng, mất hết cả;Tham = ham muốn quá chừng; ái = thương, thích. Lòng tham-ái quá ham muốn tìm các thú-vui nhưng chẳng thoả-mãn, khiến ta phải chịu khổ mãi trong cuộc sanh-tử lận-đận của Luân-hồi; muốn chấm dứt khổ-đau, cần phải diệt- tận tham-ái.

- Công-đức tối thượng: Công-đức = việc làm tốt giúp vào việc tu-hành đưa đến giác-ngộ và giải-thoát; Tối-thượng = rất cao-cả.

- Tặng-phẩm = phẩm-vật đem ra hiến-tặng.

- Pháp-vị: Pháp = Chánh-pháp; pháp-tu; Vị = hương-vị; nghĩa bóng là ý-nghĩa sâu-xa, thâm-trầm. Pháp-vị là ý-nghĩa sâu-xa của pháp-tu khiến ta biết con đường giải-thoát mà vui lòng tu theo.

- Pháp-hỉ: Pháp = Chánh-pháp; pháp-tu; Hỉ = vui mừng và sung-sướng. Pháp-hỉ là lòng vui nhẹ- nhàng, cảm thấy thật sung-sướng khi nghe và hiểu-biết được ý-nghĩa sâu-xa của lời dạy về pháp-tu.

- Ái-tận: Ái = tham-ái, sự ham-muốn quá mức về các thú-vui; dịch nghĩa chữ Tanhà trong tiếng Pali là khát-ái, ví sự ham-muốn, tham-ái, như sự khát-khao được uống nước của người đã uống phải nước mặn, cứ khát hoài. Tận = dứt tiệt. Lòng ái-tận là tâm-trạng của bực tu-hành đã diệt xong mọi sự ham- muốn, đạt đến sự ly-dục (ly = lìa xa; dục = ham-muốn) của bực Thánh A-la-hán.

- Tán-thán = khen-ngợi.

- Hứa-khả = nhận cho, cho phép.

- Hồi-hướng: Hồi = trở về; Hướng = hướng về, nhắm vào. Hồi-hướng công-đức là nguyện đem công- đức nầy chia-xẻ với người mình đang hướng về.

- Thù-thắng = hơn tất cả, thắng được tất cả; tốt và mạnh nhứt.

- Nghi-thức: Nghi = lễ-nghi; Thức = cách-thức. Nghi-thức là những điều cần làm theo thứ-tự và trang- nghiêm trong các buổi lễ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc vua Trời Đế-thích cùng chư Thiên đến thưa hỏi Phật về bốn câu có liên- quan đến Chánh-pháp. Đức Phật giải-đáp và đọc lên bài Kệ, chỉ rõ Chánh-pháp là điều quí-báu nhứt, vì nhờ đó mà ta biết đường-lối tu-hành để được giác-ngộ và giải-thoát.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là nghe Pháp, hiểu được ý-nghĩa thâm-sâu, sanh lòng vui-mừng, ráng tu-tập để diệt mọi tham-ái, dứt mọi khổ-đau. Đem chia-xẻ sự hiểu Pháp với mọi người là bố-thí Pháp, một công-đức thật là quí-báu.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 354:

1) "Pháp-thí quí hơn mọi bố-thí": Pháp-thí là đem Chánh-pháp đến với mọi người: (1) giảng Kinh-kệ, (2) ấn-tống kinh-sách, (3) mời người cùng tu. Bố-thí có: (1) tài-thí (tặng tiền-của), (2) pháp-thí; (3) vô- uý-thí (an-ủi người cho bớt sợ-hãi, lo-lắng). Tại sao Pháp-thí lại quí nhứt? Vì nhờ biết Chánh-pháp tu- hành được giải-thoát vĩnh-viễn mọi khổ-đau, trong khi các bố-thí khác chỉ tạm thời xoa-dịu nổi khổ.

2) "Pháp-vị thắng hơn mọi hương-vị": Pháp-vị là ý-vị, là ý-nghĩa sâu-xa của Chánh-pháp. Tại sao pháp-vị hơn mọi hương-vị? Vì hương-vị pháp-tu, giữ mãi được trong tâm, khiến ta nỗ-lực tu-hành để được giải-thoát, trong khi các hương-vị khác, qua khỏi cổ thì mất.

3) "Pháp-hỉ vui hơn mọi hoan-hỉ": Pháp-hỉ là niềm vui nhẹ-nhàng trong tâm sau khi thấm-nhuần Chánh-pháp. Niềm vui nầy kéo dài cả cuộc sống, vì nhờ tu theo Chánh-pháp, được thoát khổ Luân-hồi, trong khi các sự vui khác hễ chấm-dứt thì lại sanh khổ-đau tiếp.

4) "Ái-tận vượt khỏi mọi khổ-đau": Ái-tận là diệt cho sạch bụng ham-muốn. Tham-ái là nguồn-gốc sanh ra đau-khổ trong cảnh sanh-tử của Luân-hồi. Tận-diệt tham-ái là cốt-tuỷ của Chánh-pháp, là pháp-vị; đó là con đường tu-tâm, tự giải-thoát ngay trong đời nầy mọi khổ đau của cuộc sống, và chấm-dứt vĩnh-viễn được nguyên-nhơn đã gây ra sự tái-sanh, khỏi phải trôi lăn mãi trong các nẻo Luân-hồi lận-đận.

(250).- Tích chuyện một người tuyệt-tự.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một người nhà giàu mà tuyệt-tự.

Thuở ấy, một hôm vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la, đến đảnh-lễ Đức Phật và thưa: " Bạch Thế-tôn, hôm nay con đến trễ để nghe pháp, vì bận phải đi trông coi việc tịch thu vào công-khố tài-sản của một người rất giàu-có, chết đi chẳng có con cháu, hay bà con để thừa hưởng gia-tài. Người ấy rất rít-róng, tuy giàu chẳng dám tiêu-pha, mặc áo quần lam-lũ, ăn-uống khắc-khổ lắm." Đức Phật đáp: 'Nầy Đại- vương, người tuyệt-tự đó, trong tiền-kiếp nhờ có làm một việc thiện nên đời nầy được giàu-có lớn, nhưng cũng vì hành-vi bất-thiện khác mà phải chịu cảnh tuyệt-tự." Nhà Vua muốn nghe chuyện xưa, Đức Phật kể tiếp:

Vào một kiếp xa xưa, có một người nhà giàu, tánh rất bỏn-xẻn, chẳng hề bố-thí cho ai. Một hôm sắp đi ra phố, có một vị Bích-chi-Phật đến khất-thực tại nhà. Người ấy bảo vợ đem thực-phẩm ra dưng, rồi ra đi. Người vợ thấy chồng, ngày thường rất hà-tiện, nay lại phát-tâm cúng-dường như thế, mới đem các món ăn quí trong nhà ra dưng-cúng. Sau khi đi chợ về, người nhà giàu gặp lại vị Bích-chi-Phật, lén nhìn vào bình bát, thấy thực-phẩm quí-giá, mới tiếc-rẻ, trong bụng nghĩ, vợ mình dại quá, chẳng để món ấy cho bọn gia-nhơn ăn, chúng sẽ thích mà làm việc giỏi hơn cho mình, sao lại đem cho vị tỳ-kheo nầy, ông ấy ăn no sẽ buồn ngủ mất." Vì bố-thí mà còn bỏn-xẻn tiếc của, cho nên đời nầy, người ấy có tiền mà chẳng dám ăn xài, cam chịu đói khát. Lại nữa, người ấy lén thuê du-côn giết chết con trai của em mình, để giành hưởng gia-tài của em để lại. Vì tội-ác nầy, nên đời nầy người ấy bị tuyệt-tự, gia-tài bị tịch thu vào công-khố theo luật.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tiền-tài làm hỏng người ngu,
Hại chi được đến người tu Niết-bàn,
Kẻ cuồng-dại hám giàu-sang,
Hại mình mà cũng hại lan đến người.
(Kệ số 355.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tuyệt-tự = chẳng có con-cái hay thân-nhơn để nối dòng.

- Vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la: tiếng Pali: Pasenadi, Kosala.

- Tịch-thu vào công-khố = lấy hết bỏ vào kho nhà-nước.

- Bích-chi-Phật: bực tu-hành giác-ngộ và giải-thoát vào thời chẳng có Chánh-pháp của Đức Phật. Tiếng Pali Paccekabuddha.

- Bỏn-xẻn = rít-róng, keo-kiệt, kẹo, hà-tiện quá mức.

- Niết-bàn: tâm-trạng người đã dứt hết phiền-não, chứng được vô-sanh (=hết bị tái-sanh), sống tự-tại. Phạn: Nirvana; Pali: Nibbàna.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một người giàu-có mà tít-róng, chẳng dám ăn-mặc, chết đi chẳng có con cái, nên gia-tài bị tịch-thâu vào công-khố, theo luật đình. Đức Phật kể thêm, tiền-kiếp của người ấy, làm được việc thiện là cúng-dường vị Bích-chi-Phật, nhưng lại tiếc của; và một tội-ác, giết cháu, để giành gia-tài của em.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là tiền-bạc chẳng đem lại hạnh-phước cho người ngu, và dạy ta phải bỏ bụng rít-róng mà bố-thí rộng-rãi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 355:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng, dạy ta phải biết làm chủ đồng tiền, chớtrở thành nô-lệ cho tiền-bạc.

1. Tiền-tài làm hỏng người ngu: Tại sao lại bảo là ngu? Vì kẻ có tiền đó bị làm nô-lệ cho đồng tiền. Làm hỏng bằng cách nào? Vì muốn có thêm nhiều tiền, nên chẳng dám tiêu-xài, quá rít-róng mà khổ thân. Lại nếu có nhiều tiền mà tiêu-xài phung-phí, chẳng mấy chốc sẽ trở lại nghèo túng.

2. Hại chi được đến người tu Niết-bàn: người tu Niết-bàn biết lìa xa mọi ham-muốn (=ly-dục), chẳng còn ham làm giàu, nên chẳng quá trọng tiền-bạc nữa, biếy vừa đủ (=tri túc).

3. Kẻ cuồng-dại ham hiàu-sanh, Hại mình mà cũng hại lan đến người: Hại mình phải chịu khổ-sở làm nô-lệ cho đồng tiền. Hại lan đến người, chẳng nói chi xa, ngay trong hàng con cái ở gần, ỷ tiền-của, ỷ quyền-thế, mà sanh ra nhiều tội-lỗi như hoang-phí, kiêu-căng.

(251).- Tích chuyện vị Thiên-nam An-khư-ra.

Vào một thời kia, Đức Phật lên cung Trời Đao-lợi thuyết-pháp, có đề-cập đến vị Thiên-nam tên là An- khư-ra.

Thuở ấy, Đức Phật lên cung Trời Đao-lợi thuyết-giảng Vi-diệu-pháp (A-tỳ-đạt-ma) cho mẹ là Hoàng- hậu Ma-gia, nay là thiên-nữ San-tư-sĩ nghe. Chư Thiên đến tham-dự, nghe Phật giảng, trong số có vị Thiên-nam tên là Yên-đà-kha, người đã cúng-dường cho Trưởng-lão A-na-luật. Nhờ công-đức nầy được thực-hiện vào thời Chánh-pháp của Đức Phật, nên vị thiên-nam nầy được sanh lên cõi Trời Đao- lợi, hưởng được mọi sự sung-sướng quí-báu. Đồng thời, có vị Thiên-nam, tên An-khư-ra cũng giàu lòng bố-thí, được sanh lên cõi Trời, nhưng hưởng sự khoái-lạc chẳng sang-trọng bằng vị thiên-nam Yên-đà-kha. Thiên-nam An-khư-ra thắc-mắc chỗ khác-biệt đó, mới đến thưa cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy thiên-nam, khi bố-thí, ông phải nên chọn đúng người thọ-thí, vì tặng-vật cũng tựa như các hạt giống, hễ gieo vào đất tốt mầu-mỡ thì trỗ sanh hoa-quả tươi ngọt, còn nếu gieo vào nơi cằn-cỗi, sẽ thâu-hoạch được ít oi."

Rồi Đức Phật mới nói lên bốn bài Kệ sau đây:

Cỏ hoang làm hại ruộng nương,
Tham-lam làm hại mọi đường chúng-sanh.
Người vô-tham, ta thành-tâm bố-thí,

Phước lành, do đó, quí-báu hơn.
(Kệ số 356.)
Cỏ hoang làm hại ruộng nương,
Hận sân làm hại mọi đường chúng-sanh.
Người vô-sân, ta thành-tâm bố-thí,
Phước lành, do đó, quí-báu hơn.
(Kệ số 357.)
Cỏ hoang làm hại ruộng nương,
Si-mê làm hại mọi đường chúng-sanh.
Người vô-si, ta thành-tâm bố-thí,
Phước lành, do đó, quí-báu hơn.
(Kệ số 358.)
Cỏ hoang làm hại ruộng nương,
Dục-tham làm hại mọi đường chúng-sanh.
Người ly-dục, ta thành-tâm bố-thí,
Phước lành, do đó, quí-báu hơn.
(Kệ số 359.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thiên-nam, Thiên-nữ: Thiên = trời; Nam = đàn-ông; Nữ = đàn-bà.

- An-khư-ra: tên vị thiên-nam nầy tiếng Pali là Ankura.

- Yên-đà-kha: tên vị thiên-nam nầy, tiếng Pali là Indaka.

- Trời Đao-lợi = cõi Trời trong Dục-giới, tiếng Pali là Tàvatimsa.

- Hoàng-hậu Ma-gia, thiên-nữ San-tư-sĩ: Mẹ của thái-tử Tất-đạt-ta, sau khi sanh Thái-tử được bảy ngày thì mất, tái-sanh lên cõi Trời Đâu-suất (Tusita). Pali: Hoàng-hậu Mahà Màyà, thiên-nữ Santusita.

- A-na-luật = đại-đệ-tử của Phật, tên tiếng Pali là Anuruddha.

- Thọ-thí: còn gọi là thọ-giả, người nhận của bố-thí.

- Vô-tham: Vô = chẳng; Tham = ham-muốn quá. Người vô-tham đã diệt hẳn bụng tham.
- Vô-sân: người vô-sân chẳng hề giận-hờn; còn người vô-si là bực có trí-huệ thông-minh, hết si-mê, ngu-tối.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một vị thiên-nam cõi trời Đao-lợi hỏi Phật tại sao cùng có công-đức bố-thí mà nay người được hưởng phước-báu nhiều, người ít hơn. Đức Phật đáp, bố-thí cũng như gieo hạt giống, nếu gặp đất mầu-mỡ sẽ trỗ trái ngọt; nếu gặp

người thọ-thí có đức-hạnh mà bố-thí, sẽ được phước-báu nhiều.

Tích chuyện tuy giản-dị nhưng ý-nghĩa lại tế-nhị: trong việc bố-thí, phải biết chọn người để trao-tặng hiến-vật, gặp được bực giới- đức vẹn-toàn, mà thành-tâm cúng-dường thì phước báu sẽ to lớn, còn nhẹ dạ nghe theo lời bọn buôn thần bán thánh mà đem tiền của ra để bố-thí cầu-danh thì chẳng những phước-báu sẽ ít-ỏi mà lại còn nuôi-dưỡng các tổ-chức mạo danh nghĩa cứu-trợ lén-lút làm ăn bất- chánh.

Ý-nghĩa sâu-xa của công-đức bố-thí là, về phiá người thí-giả, bỏ được bụng xẻn-tham của mình, chia- xẻ những gì mình có cùng với kẻ khác; về phía người thọ-giả, được cứu-giúp trong cơn thiếu-thốn mà khởi lên lòng tự-cứu lấy mình. Bố-thí chơn-thành đúng theo ý-nghĩa trên đây, chẳng mong-cầu báo- đáp, chẳng chút vướng-bận háo-danh.

Muốn đạt đến phước-báu to-lớn nhứt trong công-đức bố-thí, phải đạt đến mức Bố-thí Ba-la-mật, nghĩa là bố-thí cách nào mà thí--giả vượt đến bờ bên kia (Ba-la-mật, Parami, có nghĩa là xong-xuôi, hoàn- mãn rồi; tức là đến được bờ giác-ngộ và giải-thoát.) Giáo-lý Bắc-tông dạy rằng, người thi-hành bố-thí Ba-la-mật, trong tâm chẳng hề khởi lên ba việc, Tam-Không: (1) không thấy mình là người bố-thí, ban ơn cho kẻ khác; (=Ngã-không); (2) không thấy người kia là kẻ chịu ơn, phải lo báo-đáp lại, (= Nhơn-không); (3) không thấy vật đem ra hiến-tặng, để tiếc-rẻ, không thấy việc làm của mình là việc thiện đáng khen-ngợi chi,(= Pháp-không). Tam-Không nầy là Tam giải-thoát-môn, ba cánh cửa mở rộng cho ta đến nơi giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của bốn bài Kệ 356, 357, 358, 359:

Bốn bài Kệ cùng một lối hành văn, giống nhau ở ý-nghĩa khen tặng sự bố-thí, mà chỉ khác nhau ở mỗi bài một đức-tánh quí, hễ tập được sẽ đưa ta đến bờ giác-ngộ và giải-thoát. Xin kể bốn đức-tánh quí

1) Vô-tham để đối-trị bụng Tham-lam: Tham đứng đầu trong tam độc, khiến ta trôi-lăn mãi trong cảnh sanh-tử khổ-đau của Luân-hồi. Bài Kệ ví tham như cỏ hoang làm hại ruộng nương, đây là làm hại đất tâm của người tu-hành. Trị tham chẳng gì hơn là việc bố-thí. Dứt được tham là được giải-thoát, đó là phước lành quí-báu nhứt.

2) Vô-sân để đối-trị lòng hờn-giận, oán-thù, gây oan-trái kéo dài nghiệp-báo phải chịu mãi cảnh Luân- hồi. Cũng như tham, sân-hận là cỏ hoang làm hại đất tâm của ta.

3) Vô-si để đối-trị sự si-mê, che-mờ tâm-trí ta, chẳng biết rõ đường tu-hành để giác-ngộ và giải-thoát. Si-mê cũng là cỏ hoang.

4) Ly-dục để đối-trị bụng ham-muốn, tức là tham-dục, chạy theo thú-vui vật-chất thấp-hèn và tạm-bợ. Ta hãy nhổ cỏ tham-dục đi.

Khi bố-thí, ta khó có dịp để lựa kẻ thọ-giả đủ các đức-tánh đó, nhưng bài Kệ cũng ngầm khuyên ta, hãy cố tập cho mình các tánh ấy.

-ooOoo-

XXV.- Phẩm TỲ-KHEO.

(252).- Tích chuyện năm vị tỳ-kheo cãi về năm căn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc cãi nhau của năm vị tỳ-kheo về sự điều-phục năm căn.

Thuở ấy, có năm vị tỳ-kheo ở nước Xá-vệ, mỗi người tu-tập cách chế-phục một trong năm căn; người lo điều-phục mắt, người tiết-chế tai, kẻ tự-chế về mũi, kẻ lo kềm-giữ lưỡi, người khắc-phục thân. Người nào cũng nói việc chế-phục một giác-quan riêng-biệt của mình là khó nhứt, chẳng ai đồng-ý với ai. Họ liền đến thỉnh-ý của Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-kheo, điều-phục căn nào cũng khó như nhau; nhưng người tu-hành phải đồng thời kềm-giữ cả năm căn, có khắc-phục được cả năm thì mới thoát khỏi vòng tử-sanh Luân-hồi lận-đận."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Mắt đây, chế-phục, lành thay!
Lành thay biết chế-ngự hai tai nầy!
Khéo điều-phục mũi, lành thay!
Lành thay, nhiếp-phục lưỡi nầy cho yên!
(Kệ số 360.)
Lành thay, chế-phục thân-hành!
Tiết-chế khẩu-nghiệp đã rành, lành thay!
Lành thay, ý-nghiệp tịnh ngay!
Chế-phục tất cả đủ-đầy, lành thay!
Mọi điều tự-chế khéo, hay,
Tỳ-kheo giải-thoát được ngay khổ-sầu.
(Kệ số 361.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Tỳ-kheo: tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali là Bhikkhu, thường đọc là tỳ-khưu, hoặc bí-sô, dịch nghĩa là Khất- sĩ (Khất = đi ăn xin; sĩ = người). Theo giới-luật, Tỳ-kheo chẳng được có nghề riêng sanh-sống, phải đi xin ăn, để dẹp lòng tự-ái xuống, lại có dịp gần dân, dạy đạo cho họ.

- Năm căn = năm giác-quan: mắt, tai, mũi, lưỡi và da trên thân.

- Điều-phục, Khắc-phục, chế-phục, nhiếp-phục, tiết-chế, chế-ngự, tự-chế = những chữ nầy có nghĩa là kềm-giữ, giữ-gìn chẳng cho chạy buông-lung theo cảnh-vật bên ngoài, nhờ đó tâm bên trong mới an- định.

- Thỉnh-ý: Thỉnh = mời; Thỉnh-ý là nhờ người trên cho ý-kiến.

- Thân-hành: Thân = thân-thể; Hành = hành-động.

- Khẩu-nghiệp, Ý-nghiệp = Khẩu = miệng; Ý = ý-tưởng; Nghiệp = hành-động. Nghiệp có ba thứ: thân- nghiệp, khẩu-nghiệp và ý-nghiệp. Nghiệp là hành-động, lời nói, tư-tưởng

hoặc đã qua, hoặc đang làm, gây ra hậu-quả khiến ta phải mang lấy vận-mạng tốt xấu ở cõi đời. Chính nghiệp dẫn-dắt ta phải tái- sanh và trôi lăn mãi trong Luân-hồi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, năm vị tỳ-kheo cãi nhau về cách điều-phục các giác-quan. Đức Phật dạy, khi điều-phục các căn, căn nào cũng khó giữ, nhưng phải đồng thời điều-phục đủ cả năm mới thoát khỏi được khổ trong vòng sanh-tử lẩn-quẩn của cõi Luân-hồi lận-đận.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 360 và 361:

Nhờ các giác-quan mà ta giao-tiếp được với cảnh-vật bên ngoài. Nhưng nếu để cảnh-vật lôi-cuốn, tâm chẳng an-định; muốn định tâm, trước phải biết kềm-giữ các căn, cũng như nhà (=thân-tâm) có sáu cửa, phải canh đủ sáu cửa, mới giữ được trộm giặc len vào. Đó là ý-nghĩa sâu-xa của bài Kệ số 360.

Bài Kệ số 361 có sáu câu, chia ra hai phần: ba câu đầu nói về ba nghiệp: thân, miệng, ý; ba câu sau khen vị tỳ-kheo đã khéo tự-chế đầy-đủ ba nghiệp, được giải-thoát cái khổ của Luân-hồi (hết tái-sanh).

HỌC TẬP:

1.- Chế-phục mắt: đừng tưởng lầm là phải nhắm mắt lại, trái lại phải biết chỉ nhìn vào chỗ đáng nhìn, và khi thấy vật, chỉ biết đang có vật mà chẳng sanh lòng quá thích đeo theo, hay quá ghét muốn bỏ.

2.- Điều-phục các căn là để giữ tâm an-định khi tiếp-xúc bên ngoài, khác hẳn với thái-độ tự-đóng-kín như kẻ vừa mù, câm và điếc.

(253).- Tích chuyện vị tỳ-kheo giết con thiên-nga.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo khoe tài quăng đá, đã giết chết một con thiên-nga.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo có tài ném đá, trăm phát trúng cả trăm. Một hôm, cùng với bạn đồng-tu đang tắm gội bên bờ sông A-xi-ra, bỗng trông thấy hai con ngỗng trời nhởn-nhơ bơi lội bên dòng nước. Vị tỳ-kheo ấy khoe tài với bạn, bảo có thể ném trúng một con. Hai con ngỗng nghe tiếng người nói, quay lại nhìn và cất cánh bay lên. Vị tỳ-kheo lấy hòn đá cuội, ném mạnh, trúng vào con mắt bên trái, viên đá xuyên qua đầu con ngỗng và lọt ra khỏi mắt bên mặt. Con vật kêu đau thương, rơi xuống chết.

Các vị tỳ-kheo khác về thưa trình cùng Đức Phật. Đức Phật cho gọi vị tỳ-kheo ném đá đến quở-trách và chỉ dạy rằng: "Nầy tỳ-kheo, tại sao lại giết chết con vật vô-tội? Một người đã gia-nhập Tăng-đoàn phải luôn luôn tỏ lòng Từ-bi đến muôn loài chúng-sanh, phải biết làm chủ chơn tay mình, và cả cái lưỡi hay khoe-khoang kia!"

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người chế-phục tay chơn, lời nói,
Tận đỉnh đầu trên cao vòi-vọi,
Lòng thoả-thích trong cơn thiền-định,
Biết đủ, sống độc-cư, trầm-tĩnh,
Người ấy xứng danh là tỳ-kheo.
(Kệ số 362.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thiên-nga = ngỗng trời, lông trắng như tuyết.

- A-xi-ra: tên sông nầy, tiếng Pali là Aciravatì.

- Tăng-đoàn: Tăng = chữ Pali là Sangha; cứ bốn người trở lên tu chung với nhau thành một Tăng- đoàn.

- Từ-Bi: Từ = ban vui; Bi = cứu khổ. Lòng Từ-bi thương cả mọi loài.

- Chế-phục: kềm-giữ và làm chủ được.

- Thiền-định: tu thiền, giữ tâm an-tịnh, chẳng xao-lãng.

- Biết đủ: chữ Hán-Việt là tri-túc, biết vừa đủ, chẳng ham đòi quá

- Sống độc-cư: Độc = ở một mình; Cư = ở. Người sống độc-cư tránh nơi ồn-ào, biết sống một mình, tĩnh-tu nên tâm sớm an-định.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một vị tỳ-kheo muốn khoe tài ném đá, trong khi đang tắm với bạn, thấy hai con ngỗng, ném chết một con. Đức Phật nghe được việc ấy, quở-trách và dạy, tỳ-kheo phải làm chủ chơn tay mình, chớ khoe-khoang.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: vì khoe tài mà phạm tội sát-sanh, chẳng xứng-đáng là người tu-hành có lòng từ-bi.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 362:

Bài Kệ số 362 dạy người tu-hành phải luôn luôn giữ gìn thân-tâm cho đứng-đắn trong bốn tư-thế, gọi là tứ oai-nghi: nằm, ngồi, đi đứng. Nằm ngay-ngắn chẳng ưỡn-ẹo, ngồi thẳng-thớm chẳng kề dựa, đi chửng-chạc chẳng hấp-tấp, đứng nghiêm-chỉnh chẳng ngả-ngớn. Muốn xứng danh là một vị tỳ-kheo, còn cần phải có đủ các đức -tánh: biết vừa đủ, sống độc-cư và tâm trầm-tĩnh luôn tỉnh-giác.

Xin phân-tách từng câu bài Kệ:

1) "Người chế-phục tay chơn, lời nói, Tận đỉnh đầu trên cao vòi-vọi": sự kềm-thúc ba nghiệp: thân, miệng, ý được thi-hành thật kỹ-lưỡng: tay chơn chẳng buông lung, lời nói phải hoà-nhã, ý-tưởng trong đầu phải thanh-tịnh, cao-cả.

2) "Lòng thoả-thích trong cơn thiền-định": nơi mọi tư-thế của thân-thể, bên trong hằng tỉnh-giác, theo dõi mọi cử-động, mọi lời nói, mọi ý-nghĩ, nên tâm mới thoả-thích an-trú trong chánh-niệm.

3) "Biết đủ, sống độc-cư, trầm-tĩnh": ba đức-tánh quan-trọng của người tu-hành: biết vừa đủ là dẹp được lòng ham muốn, sống độc-cư tránh chỗ ồn-ào, hằng "làm bạn" với tâm của mình, là giữ tâm thanh-tịnh; trầm-tĩnh, chẳng vọng-động, là luôn được an-nhiên, tự-tại. Ba đức-tánh đó đưa ta sớm đến ngưỡng cửa của Niết-Bàn, yên-vui và giải-thoát.

(254).- Tích chuyện tỳ-kheo Cơ-khả-ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo Cơ-khả-ly.

Thuở ấy, có vị tỳ-kheo tên Cơ-khả-ly, vì bất-mãn nói nhiều lời hỗn-láo với hai Tôn-giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì hành-vi bất-thiện nầy, tỳ-kheo Cơ-khả-ly bị đất nứt hút sa xuống địa-ngục. Khi nghe

kể lại thân-phận của Cơ-khả-ly, các vị tỳ-kheo nhận xét rằng, vì chẳng biết kềm-giữ lưỡi của mình mà Cơ-khả-ly phải sa địa-ngục. Đức Phật dạy: "Nầy chư tỳ-kheo, tỳ-kheo phải kềm-chế cái lưỡi của mình, hạnh-kiểm phải đoan-nghiêm, tâm-tư phải bình-thản, an-định, chẳng để tâm buông-lung, chạy lang- thang đây đó."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo đã chế-phục miệng lưỡi,
Khiêm-nhường, khéo nói, chẳng thừa lời,
Giải-thích rõ nghĩa Pháp sáng ngời,
Ngọt-ngào thay, lời nói Tỳ-kheo!
(Kệ số 363.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Cơ-khả-ly: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Kolàlika.

- Bất-mãn: chẳng vừa lòng, tức-giận.

- Tôn-giả: Tôn = tôn-kính; Giả = người. Tôn-giả là bực đáng kính

- Xá-lợi-phất: tên của Tôn-giả, tiếng Pali là Sariputta.

- Mục-kiền-liên: tên của Tôn-giả, tiếng Pali là Moggallàna.

- Địa-ngục: Địa =đất, Ngục = nhà giam tù. Theo sự tin-tưởng trong Phật-học, kẻ làm ác khi sống, chết đi phải chịu hình-phạt khổ-sở và lâu-dài nơi cõi âm u-tối.

- Đoan-nghiêm = đoan-trang và nghiêm-nghị, đàng-hoàng.

- Chế-phục: kềm-giữ, lấy quyền làm chủ lại, sửa cho đúng.

- Khiêm-nhường: biết nhún-nhường, khiêm-tốn, chẳng phách-lối.

- Chẳng thừa lời: lời nói vừa đủ, chẳng dư thừa, chẳng dài-dòng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị, thuật lại việc vì bất-mãn, một vị tỳ-kheo có lời hỗn-láo với hai vị đại-đệ-tử của Đức Phật, mà bị sa địa-ngục. Nhơn đó, Đức Phật dạy các tỳ-kheo phải giữ-gìn lời nói, tâm phải hằng tỉnh-giác.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: nói lời thô-ác là vi-phạm vào giới-luật thứ tư của người tu tại-gia.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 363:

Bài Kệ dạy ta phải giữ-gìn miệng-lưỡi, chớ nói lời thô-ác. Muốn giữ gìn lời nói, trước phải giữ tâm cho thanh-tịnh, chẳng để tâm buông-lung, chạy đi lang-thang, thiếu kềm-chế mới lỡ lời nói quấy.

1) "Tỳ-kheo đã chế-phục miệng-lưỡi, Khiêm-nhường, khéo nói, chẳng thừa lời": khi biết giữ gìn miệng-lưỡi, trước khi nói suy-nghĩ chín-chắn thì lời nói sẽ dịu-dàng, khéo-léo; chẳng nói dông-dài chán tai người nghe, lại biết nhún-nhường chẳng tự khoe mình.

2) "Giải-thích rõ nghĩa Pháp sáng ngời": lời nói chín-chắn dùng giải nghĩa Chánh-pháp, sẽ rõ-ràng, thông-suốt, giúp cho người nghe dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thì-hành theo.

3) "Ngọt-ngào thay, lời nói Tỳ-kheo!": lời nói được ngọt-ngào nhờ đượm đầy pháp-vị (= đầy ý-nghĩa tu-hành) nhẹ-nhàng chỉ dạy rõ-ràng đường-lối tu-hành giải-thoát cho người nghe.

HỌC TẬP:

1.- Trong Kinh Thập-Thiện, dạy mười điều lành, có bốn điều răn về lời nói: (1) chẳng nói dối, nói đúng theo Sự-thật, có sao nói vậy; (2) chẳng nói thêu-dệt, chẳng thêm-thắt, chẳng đặt điều "thêm mắm thêm muối"; (3) chẳng nói đâm-thọc, gặp người nầy nói vầy, gặp người kia nói khác, để gây bất-hoà; (4) chẳng nói lời thô-ác, lời vô-nghĩa: lời thô-ác khiến người tức-giận; nói lời vô-nghĩa là khi ngồi lê đôi mách, kháo nhau chuyện hàng xóm cho vui.

2.- "Nói là bạc, nín là vàng": lời khuyên quí: biết kềm cái lưỡi lại, giữ im-lặng để lắng nghe."Quay lưỡi bảy lần trước khi nói" vẫn còn thua "thủ khẩu như bình" (= miệng giữ im như miệng ... cái bình!)

(255).- Tích chuyện Trưởng lão Pháp-hỉ.

Tích chuyện nầy giống với các Tích chuyện trong Tập 3, số (136) trang 431,

về Trưởng-lão Ất-tha-đạt và số (163), trang 503, về Trưởng-lão Thi-sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Pháp-Hỉ.

Thuở ấy, khi nghe Đức Phật Thích-ca tuyên-bố, bốn tháng nữa Ngài sẽ nhập Đại-Bát-Niết-Bàn, các vị tỳ-kheo còn chưa chứng-đắc được Đạo và Quả, rất lo-lắng, hằng ngày cứ quanh-quẩn gần bên Đức Phật. Riêng Trưởng-lão Pháp-Hỉ, lui về am vắng, nỗ-lực hành Thiền. Các vị tỳ-kheo khác cho rằng Trưởng-lão Pháp-Hỉ chẳng có lòng thương-mến Phật, mời trình lên Đức Phật. Khi nghe Trưởng-lão thưa-bày sự cố-gắng của mình để chứng được quả-vị A-la-hán, trước khi Đức Phật nhập-diệt, Đức Phật khen-ngợi thái-độ đó và khuyên các tỳ-kheo khác noi gương Trưởng-lão Pháp-Hỉ, hơn là lẩn- quẩn bên Phật.

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó Trưởng-lão chứng-đắc được ngay quả-vị A-la-hán:

Tỳ-kheo nào trú trong Chánh-pháp.
Thoả-thích suy-tư theo Chánh-pháp,
Tâm-niệm hằng tưởng nhớ Chánh-pháp,
Ắt chẳng sa-đọa lìa Chánh-pháp.
(Kệ số 364.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Trưởng-lão Pháp-Hỉ: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là Dhammaràma.

- Nhập Đại-Bát-Niết-Bàn: vào cảnh-giới tịch-diệt. Đại-Bát-Niết-Bàn, tiếng Pali là Parinibbàna. Chữ Nhập-diệt có nghĩa là chết.

- Đạo, Quả: Đạo = đường-lối tu-hành, Pali là Magga; Quả = kết-quả việc tu-hành thành-công, Pali là Phala.

- Am = cốc, căn nhà nhỏ, vắng-vẻ, để tu-hành hay thờ-phượng.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, tiếng Pali là Arahant. Bực A-la-hán diệt xong các phiền-não, chứng được vô-sanh (=chẳng còn bị tái-sanh trong cõi Luân-hồi nữa), vào cảnh-giới Niết-bàn.

- Trú trong Chánh-pháp: tâm an-trú trong Chánh-pháp, chẳng lúc nào quên Chánh-pháp.

- Sa-đoạ: bị rớt xuống chỗ thấp-kém.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa Tích chuyện: cách tốt nhứt để tỏ lòng thương-mến người sắp mất là thực-hiện được lời người ấy dạy, trước khi người ấy lìa đời.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 364:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng: tỳ-kheo nào thoả-thích an-trú trong Chánh-pháp, chắc-chắn khỏi bị sa-đoạ.

(256).- Tích chuyện vị tỳ-kheo muốn ngả theo nhóm Đề-bà-đạt-đa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo muốn ngả theo nhóm Đề-bà-đạt-đa.

Thuở ấy, Đề-bà-đạt-đà vốn là em họ của Đức Phật, tu-hành đắc được thần-thông, lòng sanh kiêu-mạn, viện cớ Đức Phật đã già-cả, yêu-cầu Đức Phật nhường cho y cầm đầu Tăng-đoàn. Bị từ-chối, Đề-bà- đạt-đa thành-lập một Giáo-hội mới và cũng được một số tỳ-kheo theo y. Bấy giờ, có một vị tỳ-kheo tu- tập ở chùa Kỳ-viên, đi theo một người bạn đến chơi ở tu-viện của Đề-bà-đạt-đa và lưu lại đấy ba bốn ngày, lòng rất thích-thú vì được ăn ngon, ngủ kỹ, hưởng đầy-đủ mọi tiện-nghi vật-chất. Các bạn đồng- tu thưa trình sự-việc lên Đức Phật. Đức Phật cho gọi vị tỳ-kheo ấy đến, quở-trách và dạy: "Nầy tỳ- kheo, mặc dầu chưa theo hẳn với Đề-bà-đạt-đa, nhưng thái-độ của ông xem ra như là đồ-đệ của y. Một tỳ-kheo đứng-đắn chẳng hề ham lợi-dưỡng, phải biết đủ với những gì mình đi khất-thực được và chẳng hề ganh-tị với những người được cúng-dường nhiều. Tham-lam và ganh-tị trong lòng khiến ta chẳng đắc được định-tâm khi hành Thiền, thì biết đến bao giờ chứng được đạo-quả Niết-Bàn."

Rồi Đức Phật mới nói lên hai bài Kệ sau đây:

Chẳng khinh-rẻ những gì mình lãnh-thọ,
Chẳng hờn-ganh kẻ khác được người cho.
Tỳ-kheo còn ganh hiền ghét ngỏ,
Hành thiền, chẳng đắc định bao giờ.
(Kệ số 365.)
Tuy nhận ít mà chẳng hề chê,
Sống thanh-tịnh đúng bề Chánh-mạng,
Chẳng lười-nhác nên được lời xưng-tán
Của Chư Thiên gởi đến vị Tỳ-kheo.
(Kệ số 366.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đề-bà-đạt-đa: anh của Tôn-giả A-nan, em họ của Phật Thich-ca, tên tiếng Pali là Devadatta. Tánh hay kiêu-mạn, Đề-bà-đạt-đa chống-đối với Đức Phật Thích-ca, lập một Giáo-hội khác, phá sự hoà-hợp giữa chư Tăng.

- Thần-thông = khả-năng đặc-biệt có được nhờ tu định-lực cao, như bay bỗng trên không, đi được trên mặt nước, v.v.

- Kiêu-mạn = kiêu-căng, ngã-mạn, tự coi mình hơn mọi người.

- Lợi-dưỡng = các mối lợi để nuôi-dưỡng; ý nói các phẩm-vật được hiến-tặng để nuôi mạng sống.

- Đạo-quả Niết-Bàn = đường-lối tu-hành đưa đến cảnh-giới tịch-diệt hằng an-vui.

- Lãnh-thọ = nhận lãnh của hiến-tặng.

- Hờn-ganh = ganh-tị, cà-nanh, đòi bằng hay hơn kẻ khác.

- Ganh hiền ghét ngỏ = ganh-ghét những người hơn mình.

- Hành-thiền = tu Thiền.

- Đắc định = khi tu Thiền, tâm trở nên vắng-lặng, an-tịnh.

- Chánh-mạng: Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Mạng = mạng sống. Chánh-mạng là lối mưu-sanh đứng-đắn bằng nghề-nghiệp chơn-chánh. Chánh-mạng là một ngành trong Bát-Chánh-đạo.

- Xưng-tán = khen ngợi.

- Chư Thiên = các bực trên cõi Trời.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một tỳ-kheo ở chùa Kỳ-viên đến tu-viện riêng của Đề-bà-đạt-đa, thấy thoả- thích trong việc thọ-hưởng các tiện-nghi vật-chất và các phẩm-vật được cúng-dường ở đấy. Vì Đề-bà- đạt-đa chống-đối Đức Phật, gây chia-rẽ trong Tăng-đoàn, nên các vị đồng-tu mới trình sự-việc lên Đức Phật. Đức Phật quở trách vị tỳ-kheo kia và dạy, chẳng nên ganh- tị với người được cúng-dường, chớ tham lợi-dưỡng, thì hành Thiền mới đắc được định-tâm, mau chứng được đạo-quả Niết-Bàn.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: đừng theo con đường ham-mê lợi-dưỡng mà sanh tâm ganh-tị với các bực được cúng-dường.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 365 và 366:

Cả hai bài Kệ nói về thái-độ của tỳ-kheo đối với vấn-đề lợi-dưỡng: chẳng khinh-chê những gì mình được hiến-tặng, chẳng ganh-tị với bạn đồng-tu được cúng-dường.

Phân-tách bài Kệ số 365:

1) "Chẳng khinh-rẻ những gì mình lãnh-thọ": chẳng nên chê-bai các món đi khất-thực được, vì thức-ăn chỉ là một "món thuốc" để trị bịnh đói của mình, chớ chẳng phải để cho khoái-khẩu (ngon miệng)

2) "Chẳng hờn-ganh kẻ khác được người cho": chẳng phân-bì, so-đo với người được tặng nhiều, còn mình thì được cho ít.

3) "Tỳ-kheo còn ganh hiền ghét ngỏ, Hành thiền, chẳng đắc định bao giờ": Tạo sao chẳng đắc định được? Vì trong tâm còn vấn-vương sự so-đo, sự ganh-ghét, chẳng an-tịnh được mà đắc định.

Phân-tách bài Kệ số 366:

1) "Tuy nhận ít mà chẳng hề chê": đây là vị tỳ-kheo tri-túc, biết vừa đủ, chẳng ham-muốn để đòi hỏi thêm.

2) "Sống thanh-tịnh đúng bề Chánh-mạng": Chánh-mạng của tỳ-kheo là theo hạnh khất-sĩ, xin được bao nhiêu, sống với bấy nhiêu.

3) "Chẳng lười nhác nên được lời xưng-tán, Của chư Thiên gởi đến vị tỳ-kheo": siêng-năng hành Thiền chẳng hề lười nhác, nên vị tỳ-kheo được chư Thiên khen ngợi.

(257).- Tích chuyện người bố-thí hoa-quả đầu mùa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người nông-phu Bà-la-môn thường đem ra bố-thí hết hoa-quả đầu mùa vừa gặt hái được.

Thuở ấy, có một người Bà-la-môn theo nghề làm ruộng, thường đem hết những gì gặt-hái được vào đầu mùa ra bố-thí. "Đầu muà" đối với ông ấy có bốn nghĩa, là: số lúa vừa gặt-hái được, số gạo vừa giã và sàng xong, số cơm vừa nấu chín, và phần ăn trên dĩa sắp đem ra dùng. Một hôm, vợ chồng ông đang ăn sáng, bỗng có Đức Phật và chư Tăng đến khất-thực. Chồng ngồi quay mặt vào trong, còn vợ ngồi ngó ra, trông thấy các tỳ-kheo, mới đứng án mặt chồng, che khuất Đức Phật. Bà ta nghĩ, nếu chồng mình trông thấy Đức Phật, sẽ bưng hết phần ăn ra dưng-cúng, bà ta lại phải vào bếp nấu-nướng nữa cho chồng ăn. Bà bước ra cửa, đến gần bên Đức Phật, nói nho-nhỏ: "Bạch Ngài, hôm nay con chẳng có chi để cúng-dường, xin Ngài đi đến nơi khác." Đức Phật lẫng-lặng, chẳng nói gì, chỉ lắc đầu. Thấy cử-chỉ đó, người đàn-bà bỗng bật lên tiếng cười. Người chồng quay lại, nhìn thấy Đức Phật, vội chạy ra, tạ lỗi rối rít: "Bạch Thế-tôn, xin Thế-tôn tha lỗi cho vợ con và nhận dĩa thực-phẩm nầy, con vừa mới dùng có mấy muỗng." Đức Phật ôn-tồn đáp: "Nầy Bà-la-môn, ta vui lòng nhận mọi thức ăn, dầu đã được ăn dở, hay đã ăn hết phân-nửa, hoặc cả khi chỉ còn lại một muỗng thôi." Nghe Phật nói, người Bà-la-môn rất ngạc-nhiên mà cũng rất sung-sướng được cúng-dường Đức Phật. Ông mới thưa hỏi: "Bạch Thế-tôn, thế nào mới xứng-danh là một vị tỳ-kheo?" Đức Phật dạy: "Nầy Bà-la-môn, thân nầy gọi là sắc, tâm nầy gọi là danh; vị tỳ-kheo xứng-danh chẳng hề mê-luyến danh-sắc."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà vợ-chồng người nông-phu chứng được quả-vị thứ ba là A-na-hàm:

Đối với thân-tâm là danh-sắc,
‘Ta’ và ‘của Ta’ chẳng thắc-mắc,
Chẳng lo-âu những gì chưa đắc,
Đó mới xứng danh là Tỳ-kheo.
(Kệ số 367.)
TÌM HIỂU:

A.- Giải-nghĩa:

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ trong xã-hội xưa ở Ấn; tiếng Pali là Brahmana. Có bốn giai-cấp xưa ở Ấn- độ: (1) Bà-la-môn; (2) Sát-đế-lợi (Khattiya), vua, quan; (3) Phệ-xá (Vessa), buôn-bán; 4) Thủ-đà-la (Sudda), nông-phu, công-nhơn.

- Khất-thực: Khất = đi xin; Thực = ăn. Khất-thực là giới-luật nhà Phật, buộc tỳ-kheo chẳng được có nghề riêng để sanh-sống, phải đi xin ăn để dẹp lòng tự-ái, và có dịp gặp dân-chúng để dạy giáo-lý .

- Thế-tôn: Thế = thế-gian; Tôn = tôn-kính. Thế-tôn chỉ Đức Phật là bực được cả thế-gian tôn-kính.

- Cúng-dường: đọc trại chữ cung-dưỡng, cung-cấp để nuôi-dưỡng.

- A-na-hàm: quả-vị thứ ba, tiếng Pali là Anàgàmi, dịch là Bất-Lai, chẳng còn phải sanh lại ở cõi người nữa.

- Danh-sắc = thân-tâm; danh là tên, tâm; sắc là vật-chất, thân-thể

- Tỳ-kheo: tiếng Pali là Bhikkhu, âm là bí-sô, dịch là khất-sĩ, tu-sĩ theo đạo Phật, phải tuân hành 250 điều giới-luật.

- Của Ta: chữ Hán-Việt là Ngã-sở (Ngã = ta; Sở = chỗ), tức là những gì thuộc về của Ta, như thân của ta, nhà của ta, con cái của ta.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại vợ-chồng người Bà-la-môn đang ăn sáng, Đức Phật đến khất-thực. Người vợ đứng án che chẳng cho chồng thấy Phật. Nhưng người chồng biết được, đem dưng cả diã thực-phẩm. Đức Phật nhơn đó dạy họ, chớ nên mê-luyến thân-tâm quá đáng, đừng bám-víu quá chặt vào "Ta" và "của Ta".

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 367:

Bài Kệ nầy định-nghĩa, thế nào mới xứng-đáng là một vị tỳ-kheo: chẳng mê-luyến danh-sắc (= thân- tâm); chẳng bám-víu vào "Ta" và "của Ta". Đây là nguyên-tắc Vô-ngã, cửa cuối-cùng trong ba cửa giải-thoát (tam giải-thoát-môn) là: vô-thường, khổ và Vô-ngã.

Sao gọi Thân-tâm là Danh- Sắc? Thân nầy tạm thời có hình-dạng là do các yếu-tố vật-chất (Sắc) hoà- hợp lại tạo nên, ngày kia sẽ tan rả. Tâm nầy biến chuyển luôn, chỉ có tên (Danh) mà chẳng có

(258).- Tích chuyện mẹ của Trưởng-lão Sơn-na.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến người mẹ của Trưởng-lão Sơn-na.

Thuở ấy, ở thành Cưu-ra-ga, có một vị phu-nhơn rất giàu-sang sanh được một người con trai, tên là Sơn-na, đi tu từ lúc còn nhỏ. Một hôm, tỳ-kheo Sơn-na đi ngang qua làng cũ. Bà mẹ hay tin, mướn người dựng một đài cao và rộng, tổ-chức một buổi lễ bố-thí

thật lớn để mừng con và mời dân-chúng tối đến để nghe Trưởng-lão Sơn-na giảng pháp. Tối hôm ấy, vị phu-nhơn cùng với tất cả thân-nhơn trong nhà đến dự, chỉ lưu lại một đứa tớ gái nhỏ trông nom cửa nhà.

Bấy giờ, có một bọn cướp đông người gần trăm tên, thừa cơ nhà vắng, mới đến cướp-bóc. Tên đầu- đảng lại đến đài giảng-pháp, ngồi gần vị phu-nhơn để canh-chừng, với ý-định gây cản-trở, nếu phu- nhơn bất-thần trở về. Đến nửa đêm, đứa tớ gái chạy đến đài, thưa với phu-nhơn, rằng nhà bị trộm-cướp vào. Phu-nhơn đang chăm-chú nghe pháp, quay lại bảo nó: "Cứ mặc kệ chúng, con trở về đi, đừng làm rộn, để bà nghe pháp." Con bé vâng lời ra về; lát sau, nó trở lại thưa: "Bà ơi, bọn trộm đang lấy hết các choé bạc ở nhà ngang rồi!" Vị phu-nhơn quở nó: "Sao con cứ làm rộn bà, ai muốn lấy gì cứ lấy, con để yên cho bà nghe pháp, về đi." Đứa tớ chẳng dám cãi lời, bước đi; độ nửa giờ sau, nó hộc-tốc chạy trở lại: "Bà ơi, bọn cướp phá cửa phòng riêng của bà, khuân hết vòng vàng, ngọc-ngà, châu-báu rồi!" Vị

phu-nhơn quắc mắt bảo nó: "Mầy thật chẳng biết nghe lời bà, cứ theo làm bà chẳng chú-ý đến hết bài pháp. Về ngay đi, còn mất gì bà cũng chẳng cần!" Tự đầu hôm, tên chúa đảng đã nghe rõ từng lời của vị phu-nhơn, anh ta rất ngạc-nhiên, bỗng tỉnh-ngộ, ta cướp giựt bất-lương như thế, rồi sẽ bị quả-báo không sai. Biết đâu lại bị sét đánh bể đầu, hay bị đất nứt sa vào địa-ngục. Anh ta liền chạy đi, hét đồng-bọn đem trả lại hết tài-vật, rồi cả lũ đến đài giảng-pháp, qùi xuống lạy xin lỗi vị phu-nhơn. Bài pháp vừa dứt, Trưởng-lão Sơn-na vừa bước xuống đài, cả bọn cướp đến xin cải tà qui chánh.

Hôm sau, Trưởng-lão dẫn cả trăm tên đầu trộm đuôi cướp đang ăn-năn bước theo sau, đến chùa Kỳ- viên, xin xuất-gia tu-hành. Đức Phật tuỳ căn-cơ mỗi người mà nói lên chín bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo, tâm từ-bi an trú,
Tín-thành hành giáo-pháp Phật-đà;
Cảnh tịch-tĩnh Niết-bàn thành-tựu,
Các hành hữu-lậu được an-hoà.
(Kệ số 368.)
Thuyền rỗng-không nầy ví tấm thân,
Tỳ-kheo mau tát cho khô nước,
Hãy dập tắt ngay lửa tham-sân,
Thuyền nhẹ đi nhanh đến Niết-bàn.
(Kệ số 369.)
Cắt đứt NĂM là ngũ độn-sử,
Dứt bỏ NĂM là ngũ lợi-sử,
Trau-dồi NĂM là ngũ-lực,
Vượt khỏi NĂM là ngũ phược,
Đó gọi là bực "Vượt Bộc-lưu" .
(Kệ số 370.)

Tỳ-kheo, hãy hành thiền tinh-tấn,
Chớ thả tâm quanh-quẩn thú vui.
Phóng-dật, nuốt hòn sắt nóng đỏ,
Lửa địa-ngục thiêu, chớ than khổ!
(Kệ số 371.)
Chẳng có định-tâm nơi người thiếu trí,
Chẳng có trí nơi kẻ thiếu định-tâm.
Vị nào được cả hai: định, huệ,
Vị ấy kề bên bệ Niết-bàn.
(Kệ số 372.)
Tỳ-kheo đến ẩn nơi vắng-vẻ,
Tâm-tư thường lặng-lẽ an-nhiên.
Chứng thông Giáo-pháp hành thiền,
Hưởng nguồn phỉ-lạc siêu-nhiên thoát trần.
(Kệ số 373.)
Mỗi khi quán-tưởng và thấu rõ
Các uẩn khởi-sanh rồi hoại-diệt,
Phỉ và lạc, tỳ-kheo hưởng-thọ,
Chỉ bực Bất-tử mới được biết.
(Kệ số 374.)
Đây là chỗ bắt đầu nỗ-lực, Tỳ-kheo có trí, biết tri-túc,

Các giác-quan đều được thu-thúc, Giới-luật căn-bản luôn nghiêm-trì. (Kệ số 375.)

Bạn hiền gần-gũi khéo kết thân,
Đúng chánh-mạng, cử chỉ đoan-trang,
Do đó, thấm-nhuần trong phỉ-lạc,
Phiền-não sớm dứt, hướng Niết-bàn.
(Kệ số 376.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sơn-na: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Sona.

- Cưu-ra-ga: tên thành nầy, tiếng Pali là Kuraraghara.

- Tỉnh-ngộ = nhờ suy-nghĩ biết trước mình đã lầm, nay sửa lại.

- Bất-lương: Bất = chẳng; Lương = tốt. Bất-lương là chẳng ngay.

- Quả-báo: Quả = kết-quả, hậu-quả; Báo = báo ứng. Hễ làm điều lành, hưởng được lành, gọi là được quả-báo tốt. Ác-báo thì ngược lại.

- Cải tà qui chánh: Cải = sửa lại; Tà = quấy; Qui = theo về; Chánh = đúng, phải. Cải tà qui chánh là bỏ điều quấy để theo điều lành.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Xuất-gia là bỏ đời sống có gia-đình trong xã-hội, vào chùa đi tu.

- Căn-cơ: tâm-tánh hay trí-huệ riêng-biệt của mỗi người.

- Từ-bi: Từ = ban vui; Bi = cứu-khổ. Tâm từ-bi rộng thương mọi loài

- Tín-thành: Tín = tin-tưởng; Thành = thật-tình. Tín-thành là lòng tin

- Phật-đà: tiếng Pali là Buddha; Phật là giác, là hiểu biết rõ.

- Tịch-tĩnh: Tịch = vắng; Tĩnh = yên-lặng.

- Các hành hữu-lậu: chữ Hành dịch nghĩa chữ Pali sankhàra, nghĩa rất rộng, ở đây, chỉ xin lấy một nghĩa hẹp là các hiện-tượng tâm-linh bên trong tâm; chữ hữu-lậu, hữu là có; lậu là (chất dơ) rỉ chảy ra. Các hành hữu-lậu nếu được hiểu gọn là phần tâm-linh bên trong bị nhiễm-ô thành các phiền-não như tham-sân, si, v.v., bộc lộ ra bằng các hành-động, lời nói, hay ý-tưởng chẳng lành. "Các hành hữu-lậu được an-hoà", là giữ cho thân-tâm được quân-bình, tỉnh-lặng.

- Ngũ độn-sử = năm món kết-sử thấp (kết =buộc; sử = sai khiến): (1) thân-kiến, chấp Thân làm Ta; (2) nghi, chẳng tin Chánh-pháp; (3) giới-cấm-thủ, tin theo các nghi-thức cúng-tế tà-đạo; (4) tham; (5)sân,

- Ngũ lợi-sử = năm món kết-sử cấp cao: (1) sắc-ái-kết, mê-luyến cảnh sắc-giới; (2) vô-sắc ái, mê- luyến cảnh vô-sắc-giới; (3) mạn, kiêu-căng; (4)trạo, giao-động, bối-rối; (5) vô-minh, si-mê, ngu-tối.

- Ngũ lực = năm sức mạnh tinh-thần: (1) tín-lực, niềm tin vững; (2) tinh-tấn-lực, nỗ-lực, cố-gắng; (3) niệm-lực, suy-nghĩ để phá các ác-kiến; (4) định-lực, tâm an-định phá các vọng-tưởng; (5) huệ-lực, trí sáng phá sự ngu-tối.

- Ngũ phược: (Phược = lấy dây mà trói buộc) = năm sự trói-buộc; đó là: tham, sân, si, mạn và tà-kiến.

- Vượt Bộc-lưu: Bộc-lưu là thác nước, từ trên cao cứ đổ xuống mãi. Bực Vượt Bộc-lưu là hàng Thánh đã phá mười kết-sử, dẹp năm sự trói-buộc, được năm sức-mạnh, tóm lại, đã giác-ngộ và giải-thoát.

- Phóng-dật = lười-biếng, buông-lung, chẳng cố-gắng.

- Kề bên bệ Niết-bàn: đến nơi ngưỡng cửa(= bệ) của Niết-bàn.

- Phỉ-Lạc: = niềm vui sướng. Phỉ, dịch chữ Pali Piti, niềm vui khi ngồi thiền đắc định. Lạc là các thú- vui, ở đây, chỉ thú vui tinh-thần.

- Siêu-nhiên: Siêu = vượt lên trên; Nhiên = tự-nhiên; Siêu-nhiên là khác với thế-tục, trần-thế; Thoát trần là vượt cảnh thường-tình.

- Quán-tưởng: khi ngồi định tâm, suy-nghĩ sâu-xa về một đề-tài.

- Uẩn: còn gọi là ấm, nghĩa là tập-hợp chung lại và che mờ. Thân-tâm con người có năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

- Bất-tử: Bất = chẳng; Tử = chết. Bực Bất-tử là bực đã chứng được vô-sanh, chẳng còn sanh lại nữa nên chẳng hề chết đi.(Bực A-la-hán)

- Tri-túc: Tri = biết;Túc = đủ. Tri-túc là biết vừa đủ, chẳng đòi thêm

- Thu-thúc: kềm-giữ, nhiếp-phục, điều-phục.

- Nghiêm-trì: Trì = giữ-gìn; Nghiêm-trì là tuân theo cẩn-thận.

- Chánh-mạng: Chánh = chơn-chánh; đứng-đắn; Mạng = mạng sống.Chánh-mạng là cách mưu-sanh đứng-đắn bằng nghề chơn-chánh

- Đoan-trang = nghiêm-trang và đứng-đắn.

- Niết-Bàn: tiếng Phạn Nirvana; Pali Nibbàna, tâm-trạng người dứt phiền-não, lìa mọi ham-muốn, chứng được vô-sanh, sống tự-tại.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một vị phu-nhơn chăm-chú nghe Pháp, chẳng thèm lưu-tâm đến việc nhà đang bị trộm-cướp. Ý-nghĩa rất hứng-thú của Tích chuyện là thái-độ của vị phu-nhơn chẳng màng việc mất cả tài-sản, chỉ lo theo dõi bài giảng-pháp, đã làm thức-tỉnh được tên chúa-đảng khiến y và đồng-bọn biết cải-tà qui-chánh.

(2) Ý-nghĩa các bài Kệ từ số 368 đến số 376:

Mặc dầu các bài Kệ được Đức Phật đọc để dạy các tỳ-kheo, nhưng người tu tại-gia cũng có thể học-tập theo. Để tiện phân-tách chín bài Kệ, xin sắp xếp lại thành ra ba nhóm:

- Nhóm 1)Bốn bài dành cho người mới bắt đầu tu: số 375, 376, 368 và 369;

- Nhóm 2) Bốn bài khuyên tu Thiền: số 371, 372, 373 và 374.

- Nhóm 3) Một bài dành cho bực thượng-căn: số 370.

Nhóm 1:

Bài Kệ số 375: đây là bài Kệ quan-trọng, chỉ rõ khi mới vào tu phải làm những gì trước:

(a) có trí, tức là phải siêng-năng học-hỏi giáo-lý;

(b) biết tri-túc, tức là dẹp bỏ mọi đòi hỏi, biết vừa đủ;

(c)các giác-quan đều được thu-thúc, tức là kềm-giữ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chẳng đua đòi chạy theo cảnh-vật bên ngoài;

(d) giới-luật căn-bản luôn nghiêm-trì, tức là theo đúng thật kỹ-lưỡng mọi điều ngăn-cấm, tự đặt mình trong vòng kỷ-luật khắt-khe, để buộc thân-tâm vững tiến trên đường tu-tập.

Bài Kệ số 376: dạy phải noi gương theo những gì để tu-tập:

(a) gần-gũi, kết thân với bạn hiền: được khuyên-nhũ làm điều lành, được an-ủi khi lo-lắng, được vui khi cùng tu với nhau;

(b) đúng Chánh-mạng: nếu xuất-gia, theo đúng hạnh khất-sĩ, dẹp được lòng tự-ái, ngã-mạn khi đi xin; nếu tại-gia, làm tròn nhiệm-vụ trong khi hành-nghề chơn-chánh;

(c)cử-chỉ đoan-trang: trong các oai-nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, nói và nín, đều nghiêm-trang, tập theo cách của người bạn hiền đi trước;

(d) phiền-não dứt, được phỉ-lạc, hướng đến Niết-bàn: nhờ có bạn hiền cùng tu, nên phiền-não sớm dứt, được niềm vui thanh-cao, hướng đ(c) sớm chứng được cảnh tịch-tĩnh Niết-bàn, nhờ các hành hữu-lậu (= các phiền-não nơi thân-tâm) trở nên an-hoà: đây là kết-quả từ-từ trên bước đường tu-tập, vui mà nhận thấy mình có tiến-bộ.

Bài Kệ số 369: đây là bài Kệ nên học thuộc lòng, vì hình-ảnh "chiếc thuyền rỗng-không" đáng ghi-nhớ mãi trong tâm-khảm:

(a) Thuyền rỗng-không nầy ví tấm thân: thân-tâm nầy do năm uẩn tạm hợp, sẽ tan-rả, nên xét kỹ mà thấy nó thật là rỗng-không;

(b) Tát cho khô nước tức là dập tắt ngay lửa tham, sân: thuyền khô nước trở nên nhẹ-nhàng, thân-tâm dẹp sạch tham-sân trở nên thanh-tịnh, đó là điều-kiện tốt để sớm chứng được cảnh Niết-bàn;

(c) Thuyền nhẹ đi nhanh đến Niết-bàn: hình-ảnh ngồi thuyền đi nhanh đến Niết-bàn rất ư là ... thơ- mộng.

Tóm lại, các bài Kệ thuộc nhóm 1 đặt căn-bản cho việc bắt đầu tu-tập: niềm tin vững-chắc, giới-luật nghiêm-trì, kết thân bạn hiền, phát tâm Từ-Bi, dẹp lòng tham-sân.

Nhóm 2: ghi rõ các bước để tu Thiền:

Bài Kệ số 371: bước đầu tu Thiền là tập gom Tâm lại, tức là hết sức ến sự giác-ngộ và giải-thoát của Niết-bàn.

Bài Kệ số 368: dạy hai đức-tánh căn-bản của người tu-hành: tâm Từ-Bi và niềm tin vững-chắc:

(a) Tâm an-trú trong Từ-Bi: luôn luôn đem nguồn vui đến cho mọi người, cứu khổ cho mọi loài;

(b) Tín-thành theo giáo-pháp Phật-đà: Tâm Bồ-đề thật kiên-cố, dẹp mọi nghi-ngờ, tránh được sự thối- chí;

chú-ý và tập-trung tư-tưởng.

(a) ...hành Thiền tinh-tấn, chớ thả Tâm quanh-quẩn thú-vui: theo dõi hơi thở, giữ chánh-niệm và tỉnh- giác thì Tâm phải ngừng lại, chẳng thể nào chạy lang-thang theo thú-vui bên ngoài được;

(b) Phóng-dật, nuốt hòn sắt nóng đỏ, Lửa địa-ngục thiêu, chớ than khổ!: Tỳ-kheo nhận của bố-thí mà chẳng lo tu-hành, phóng-dật, lười-biếng thì sẽ sa địa-ngục, nuốt sắt nóng đỏ, uống nước đồng sôi. Người tại-gia tu thiền mà giãi-đãi, lúc tu lúc không, sẽ bị ngoại-cảnh lôi-cuốn theo các thú-vui vật-chất thấp-kém, khiến sa vào cõi ác khi tái-sanh. Đây là lời Phật cảnh-cáo cho cả xuất-gia và tại-gia.

Bài Kệ số 372: tu Thiền đắc được Định và Huệ, tiến đến cảnh giác-ngộ và giải-thoát của Niết-bàn.

(a) Chẳng có định-tâm nơi người thiếu trí: người thiếu trí khi tu Thiền chẳng biết cách gom tâm lại để kéo dài sự chú-ý, thì làm sao mà tâm an-định được;

(b) Chẳng có trí nơi người thiếu định-tâm: điều nầy dễ thấy, vì người để tâm chạy lang-thang, chẳng chú-ý, làm sao nhìn rõ, thấy rõ, biết rõ cho được, đó chẳng phải thiếu trí hay sao;

(c)... được cả hai Định, Huệ, ... kề bên bệ Niết-bàn: Tâm an-định, Trí-huệ phát-sáng, thấy đúng đường- lối tu-hành, thì ngày chứng được Niết-bàn đã gần kề.

Bài Kệ số 373: phương-cách tập Thiền, chọn nơi vắng-vẻ.

(a) Tỳ-kheo đến ẩn nơi vắng-vẻ: Đức Phật thường khuyên tỳ-kheo nên vào rừng vắng để dễ tu Thiền; ngày nay ta có thể chọn căn phòng vắng, vào giờ thuận-tiện sáng sớm, hay khuya trước khi đi ngủ, tâm dễ lắng yên, chẳng bị ngoại-cảnh chi-phối;

(b) Tâm-tư thường lặng-lẽ an-nhiên: đến nơi vắng chưa đủ, tâm còn phải vắng nữa, phải lặng-lẽ nữa, mới đủ điều-kiện để tập Thiền. Tâm lặng-lẽ cách nào? Dẹp bỏ hết mọi ý-nghĩ vẩn-vơ, đuổi hết các ý- nghĩ giận người nầy, thương người kia, ganh-tị với bạn-bè, v.v.

(c) Chứng thông giáo-pháp hành-thiền: tu Thiền, nên có Thầy hướng-dẫn, chẳng những tránh được các đường tẻ, khỏi lọt vào tà-kiến, tà-định, mà còn biết những điểm còn thiếu-sót để sửa-chữa.

(d) Hưởng nguồn phỉ-lạc siêu-nhiên thoát trần: trong khi ngồi Thiền, quên được các mối lo-âu nơi cuộc sống thế-tục, chính giờ phút đó là đang hưởng nguồn phỉ-lạc, vui-sướng vì tâm-trí được nhẹ- nhàng.

Bài Kệ số 374: cách quán-tưởng khi ngồi Thiền.

(a) Mỗi khi quán-tưởng thấu rõ, Các uẩn khởi-sanh rồi hoại-diệt: đây là chọn đề-tài quán-tưởng về thân-tâm ngũ-uẩn. Ngồi Thiền, khi tâm bắt đầu an-định, nhờ sức quán-tưởng mạnh (= chú-tâm), chiếu soi được các khía-cạnh của đề-tài, lần-lượt nhận ra được chơn-lý. Trong đề-tài quán thân-tâm ngũ uẩn, nhìn biết rõ sự khởi-sanh của các ý-tưởng bên trong, sự kéo dài trong khoảnh-khắc và sự biến mất của chúng, đó là theo dõi được sự khởi-sanh và hoại-diệt của một ý-tưởng trong tưởng-uẩn. Với kinh-nghiệm, sẽ chứng tánh-cách vô-thường, vô-ngã của mỗi uẩn, mà nhận ra thân-tâm năm uẩn vốn rỗng- không.

(b) Phỉ và lạc, tỳ-kheo hưởng-thọ, Chỉ bực Bất-tử mới được biết: Chứng được định-tâm, hành-giả cảm thấy thân-tâm nhẹ-nhàng, thấm nhuần một niềm vui thanh-khiết, đó là phỉ. Vì biết rõ trong thời gian tịnh-tu, tâm rỗng-rang, chẳng vướng-bận lo-lắng, ưu-phiền, đó là sự vắng-mặt của Khổ, tức là đang hưởng Lạc, vui vì hết khổ trong lúc ấy. Kéo dài được tâm-trạng thanh-thản, an-nhiên nầy, là các bực đã chứng được các quả vị Thánh, gọi là bực Bất-tử (= hết bị tái-sanh.)

Tóm lại, đường lối tu Thiền: chọn nơi vắng-vẻ, dọn sạch Tâm, chú-ý mạnh, quán-tưởng sâu, đắc định, và huệ sẽ chói-sáng.

Nhóm 3:

Bài Kệ số 370: dành cho bực căn-cơ cao, dạy phải dẹp mười kết-sử, vượt qua năm dây ràng-buộc, trau-dồi năm sức mạnh tinh-thần

(a) Cắt đứt năm độn-sử: trong số nầy, có ba kết-sử chẳng quá khó vượt qua, để chứng được quả thứ nhứt là Tu-đà-huờn: đừng chấp chặt vào thân; dứt nghi về Chánh-pháp; bỏ mọi mê-tín tà-đạo.

(b) Dứt bỏ năm lợi-sử: năm lợi-sử khó dẹp là vì thiếu sự quân-bình giữa định và huệ; giữ định, huệ bằng nhau, nhờ giới phụ giúp vào, sẽ chiến-thắng nốt năm lợi-sử.

(c) Bực"Vượt Bộc-lưu" là bực Thánh đã vượt qua được thác gành, nhờ trau-dồi năm sức-mạnh, để dẹp năm dây trói-buộc. Kể ra thì nhiều, 5x4 món tất cả, người tu tại-gia chỉ cần nhớ ba món độc: tham, sân, si, dồn nỗ-lực để tiêu-diệt chúng là được kề bên Niết-bàn.

(259).- Tích chuyện các vị tỳ-kheo nhìn hoa lài rơi trong khi ngồi Thiền.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến các vị tỳ-kheo nhìn hoa lài rơi rụng trong giờ tập Thiền.

Thuở ấy có năm trăm vị tỳ-kheo được Đức Phật chỉ-dạy cho mỗi người một đề-tài thiền-quán, liền đi vào rừng vắng, nỗ-lực tu-tập Thiền-định. Nơi đây, họ nhìn thấy các bông hoa lài nở tươi-đẹp vào buổi sáng, rồi đến chiều thì tàn-tạ, lả-tả rơi khỏi cành. Trông thấy cảnh ấy, các vị tỳ-kheo mới cố-gắng dẹp bỏ mọi lậu-hoặc trong tâm, cũng như cành lài rủ bõ các bông-hoa tàn-héo. Bấy giờ, Đức Phật, từ nơi hương-phòng, quán thấy tâm-trạng của các vị tỳ-kheo, Ngài phóng đạo hào-quang đến khu rừng, khiến các vị tỳ-kheo nhìn thấy Đức Phật trong tâm họ, và nghe lời dạy rằng: "Nầy chư tỳ-kheo, cũng như cây lài giũ bỏ các cánh hoa tàn-héo, tỳ-kheo nỗ-lực dẹp bỏ mọi lậu-hoặc trong tâm, để sớm ra khỏi vòng tái-sanh lận-đận của Luân-hồi."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó nhiều vị tỳ-kheo đã chứng được quả-vị A-la-hán:

Như cây lài rủ bỏ hoa tàn-héo, Tỳ-kheo, nên khéo trút sạch tham-sân. (Kệ số 377.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đề-tài thiền-quán: một đầu-đề để suy-nghĩ sâu-xa khi ngồi Thiền

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = điều sai-lầm. Lậu-hoặc là các phiền-não tham, sân, si,v.v. khởi nơi tâm, lộ ra bằng hành-động xấu.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật, tiếng Pali là Gandhakuti.

- Hào-quang: ánh-sáng rực-rỡ toả chiếu từ vị tu-hành định-lực cao.

- Luân-Hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại. Theo giáo-lý nhà Phật, chúng-sanh khi chết đi phải tùy nghiệp mà tái-sanh trở lại, để rồi chết nữa, lẩn-quẩn mãi, tựa như bánh xe cứ lăn tròn vòng (Pali: Samsàra.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ: các vị tỳ-kheo khi tập Thiền, nhơn nhìn thấy hoa lài rơi tàn-tạ khỏi cành cây, quyết nỗ-lực dẹp bỏ lậu-hoặc tham, sân, si... ra khỏi tâm, như cành cây giũ bỏ hoa héo.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 377:

Bài Kệ cũng rất rõ nghĩa: khi tu Thiền, phải dẹp ra khỏi tâm các lậu-hoặc tham, sân, mới mong sớm đắc dược định-tâm.

(260).- Tích chuyện Trưởng-lão San-ta-kha.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến Trưởng-lão San-ta-kha.

Thuở ấy, ở chùa Kỳ-viên, có một vị tỳ-kheo tên là San-ta-kha, tánh-tình rất trầm-tĩnh, đi đứng nghiêm- trang, thường ngồi, nằm nơi vắng-vẻ, ít nói, ít tiếp-chuyện với bạn đồng-tu. Các vị tỳ-kheo cho thái-độ lặng-lẽ đó có vẻ khác thường, mới đến thưa-trình cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, tỳ- kheo San-ta-kha kiếp trước là một con sư-tử chúa, dáng-điệu rất oai-vệ, săn được mồi, ăn xong liền nằm im, lặng-lẽ. Thái-độ trầm-tĩnh ngày nay của tỳ-kheo San-ta-kha rất đáng khen ngợi, các tỳ-kheo nên noi theo gương đó."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Thân an-tịnh, lời cùng an-tịnh,
Ý an-tịnh, tâm thường giác-tỉnh.
Mọi thế-sự, tỳ-kheo dẹp qua,
Mới xứng danh là "Bực tịch-tịnh"
(Kệ số 378.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- San-ta-kha: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Santakàya, có nghĩa là thân an-tịnh.

- Trầm-tĩnh: Trầm = chìm; Tĩnh = yên-lặng; Trầm-tĩnh là an-tịnh.

- Giác-tỉnh: Tỉnh-giác: Tỉnh = thức-tỉnh, chẳng mê; Giác = biết rõ. Tâm giác-tỉnh là luôn luôn giữ chánh-niệm, làm gì, nói gì, nghĩ gì, tâm đều đang biết rõ điều ấy và chỉ điều ấy mà thôi, chẳng lo ra việc khác.

- Thế-sự: Thế = đời; Sự = việc. Thế-sự là việc đời, việc thiên-hạ.

- Bực tịch-tịnh: dịch chữ Pali Muni, chữ Hán-Việt là Mâu-ni, có nghĩa là trầm-tĩnh, an-nhiên. Mâu-ni là danh-hiệu PhậtThích-ca Mâu-ni

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc các tỳ-kheo hiểu lầm thái-độ trầm-tĩnh, ít nói của Trưởng-lão San-ta-kha, cho đó là khác thường. Nhưng Đức Phật nhắc đến tiền-kiếp làm sư-tử chúa của Trưởng-lão, đi đứng oai-vệ, nằm ngồi lặng-lẽ và khuyên các tỳ-kheo nên noi gương trầm-tĩnh đó của Trưởng-lão.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: phải giữ thân-tâm an-tịnh, bằng cách giữ thân trầm-tĩnh, lời nói trầm-tĩnh và ý-nghĩ trầm-tĩnh, cả ba nghiệp đều thanh-tịnh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 378:

Bài kệ dạy ta một điều rất quan-trọng trong việc tu-hành: giữ thân-tâm cho an-tịnh, đó là đường-lối tu tâm.

Xin phân-tách từng câu:

1) Thân an-tịnh, lời cùng an-tịnh: đây là nói về nghiệp thân và nghiệp khẩu (= miệng). Thân an-tịnh có cử-chỉ từ-tốn, chẳng vụt-chạc, nghiêm-trang. Lời nói an-tịnh thì dễ nghe, dịu-dàng, ôn-tồn, khiến người nghe được vui lòng. Hai nghiệp nầy mà tịnh được thì tránh được biết bao tội-ác, gây thêm được biết bao căn lành.

2) Ý an-tịnh, tâm thường giác-tỉnh: đây là nói về ý-nghiệp, quan-trọng nhứt trong ba nghiệp, vì ý- nghiệp dẫn ta đi thác-sanh. Tâm tỉnh-giác được là nhờ luôn luôn giữ chánh-niệm, làm gì, nói gì, nghĩ gì, đều biết rõ cả, chẳng buông-lung chạy theo ngoại-cảnh.

3) Mọi thế-sự, tỳ-kheo dẹp qua, Mới xứng danh là "Bực tịch-tỉnh": dẹp chuyện Đời qua một bên, để lo chuyện Đạo, tức là lo tu sửa tâm-tánh mình. Người biết sống một mình, hằng theo dõi mọi biến-chuyển trong tâm mình, mới xứng danh là người theo gót Đức Mâu-ni.

(261).- Tích chuyện Trưởng-lão Nan-ga-la.

Tích chuyện nầy hơi giống với Tích chuyện số (116), về Trưởng-lão Phí-lộ-thi.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Nan-ga-la.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một người nông-phu nghèo khó phải đi cày ruộng mướn cho chủ, rất cực- khổ. Một hôm, một vị tỳ-kheo đi ngang qua, thấy anh ngồi nghỉ bên bờ ruộng, mới hỏi thăm. Biết cảnh khó-nhọc của kẻ làm mướn chẳng đủ ăn, vị tỳ-kheo hỏi anh có muốn đi tu không. Anh đồng-ý, theo vào chùa, làm lễ xuất-gia. Theo lời thầy dạy, vị tỳ-kheo mới đem cái cày và quần-áo cũ rách-rưới của mình, ra bỏ nơi gốc cây gần chùa. Thời-gian sau, ăn uống no đủ, anh mập-mạp ra, nhưng trong lòng lại nhớ đến cảnh sống ngày xưa và bắt đầu chán-ngán cuộc đời tu-hành. Anh liền đi đến bên gốc cây, nhìn lại chiếc cày và đống quần-áo cũ, thầm trách mình: "Sao mình chẳng biết hổ-thẹn, đã đi tu để được giải-thoát, lại còn muốn quay về với cuộc đời bần-cùng với chiếc cày nặng, với đống giẻ rách nầy?" Tự-trách mình như thế, ý-tưởng quay về đời sống thế-tục liền tan biến, anh trở lại chùa. Rồi độ bốn năm ngày sau, ý ấy lại khởi lên trong tâm anh, anh cũng trở lại gốc cây, cũng tự-trách như trước nữa. Các vị tỳ-kheo khác thấy anh mỗi tuần hai lần đi thăm chiếc cày như thế, mới đặt tên anh là tỳ-kheo Nan-ga-la, có nghĩa là chiếc cày.

Bẵng đi một dạo, chẳng thấy Nan-ga-la đi thăm gốc cây nữa, các vị tỳ-kheo lấy làm lạ, mới hỏi lý-do. Nan-ga-la đáp: "Trước kia tôi thường đến đấy, để thăm "thầy tôi" và học-hỏi thêm, nay tôi thấy chẳng còn cần-thiết nữa, nên thôi." Cho rằng Nan-ga-la có ý bảo ngầm rằng, mình nay đã thành bực vô-học, các vị tỳ-kheo ấy mới đến thưa cùng Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, tỳ-kheo Nan-ga-la tự-phụ bảo mình là

bực vô-học chứng quả A-la-hán." Đức Phật bảo: ‘Nầy chư Tỳ-kheo, Nan-ga-la là người biết tự quán- sát mình, tự-trách mình và tự tu sửa mình, quả thật, đã chứng được quả-vị A-la-hán."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo, hãy tự kiểm-thảo mình,
Tự mình phòng-hộ và dò soát.
Tâm-tư hằng tỉnh-giác,
Cuộc sống được an-lành.
(Kệ số 379.)
Mình là nơi mình đang nương-tựa,
Ta đi tìm ẩn-trú nơi ta.
Thế nên tự-chế, chớ lơ-là,
Như khách thương luyện thuần bầy ngựa.
(Kệ số 380.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Nan-ga-la: biệt-hiệu của vị Trưởng-lão nầy, Pali là: Nangalakula

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà; Xuất-gia là bỏ đời sống thế-tục, rời gia-đình, vào chùa tu.

- Thế-tục: Thế = đời; Tục = thường; Đời Thế-tục là đời sống của thường-nhơn có gia-đình trong xã- hội.

- Vô-học: dịch chữ Pali Asekha, bực đã học-hỏi xong cách diệt-trừ các phiền-não và tu-tập thành-công. Trái với bực vô-học, là bực hữu-học (Sekha), thấp hơn, còn phiền-não, cần học-tập cách tận-diệt các lậu-hoặc. Chứng được quả Thánh A-la-hán mới lên hàng Vô-học.

- Tự-phụ = khoe-khoang, tự-cao, xem mình là hơn.

- Tự-kiểm-thảo: tự mình xét lấy lỗi mình để tu sửa lại

- Phòng-hộ = bảo-vệ, giữ-gìn cẩn-thận.

- Tự-chế = tự mình kềm-chế lấy mình, chẳng buông lơ.

- Khách thương = người buôn-bán, làm nghề thương-mãi.

- Luyện thuần = huấn-luyện cho thuần-thục, nhuần-nhã, dễ khiến

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một người nông-phu đi tu, mỗi khi trong tâm khởi lên ý-tưởng muốn quay về đời sống thế-tục, mới đến bên gốc cây, nhìn chiếc cày và đống quần-áo cũ, mà tự-trách mình sao chẳng chuyên-tu. Nhờ biết tự kiểm-thảo như thế, chẳng bao lâu người ấy trở thành bực vô-học, chứng quả Thánh.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 379 và 380:

Hai bài Kệ khuyên ta phải biết thường thường xét lỗi của chính mình, để tu sửa lại, chẳng nên lơ-là.

Bài Kệ số 379: khuyên hai điều: (1) tự kiểm-soát; (2) tỉnh-giác

1) Tỳ kheo, hãy tư kiểm-thảo mình, Tự mình phòng-hộ và dò-soát: Tự mình kiểm-thảo, phòng-hộ, dò- soát là biết nhìn vào trong tâm mình, xét thấy các lỗi-lầm của mình và tự mình sửa lại.

2) Tâm-tư hằng tỉnh-giác, Cuộc sống được an-lành: Muốn tự mình kiểm-thảo lấy mình cho đúng-đắn, tâm phải luôn luôn tỉnh-giác, nghĩa là mọi biến-chuyển trong lòng, đều được chánh-niệm theo dõi.

Chánh-niệm là gì? Chánh-niệm là niệm-giác, ý-nghĩ đứng-đắn khởi lên trong tâm để nhận-biết các ý- niệm khác vừa xảy ra trong tâm, ngay lúc chúng đang khởi lên, trong lúc chúng đang kéo dài, và lúc chúng đã tan biến đi. Niệm-giác chính là tâm đang nhìn chính tâm, biết rõ những gì đang diễn-biến nơi tâm. Đó cũng như vị cảnh-sát từ bên trong tâm, đang đứng ra canh-chừng tâm, tuy chẳng chuyên-chở thêm một ý-tưởng

nào, một ý-niệm nào, nhưng lại biết rõ tất cả các niệm khác vừa hiện-diện nơi tâm.

Thông-thường, ta cứ để tâm muốn chạy đi đâu cũng chẳng để-ý, đó là cảnh thất-niệm tức là đang đánh mất chánh-niệm. Thắp sáng lên Chánh-niệm là ngay trong lúc lơ-là, liền bừng-tỉnh lại, chú-tâm nhìn vào tâm, ấy là gọi chánh-niệm chổi dậy nơi mình để theo dõi tâm.

Tu tâm là phải bắt đầu thắp sáng lên Chánh-niệm nơi tâm, giữ-gìn mãi chánh-niệm ấy, chẳng phút lơ- là, chẳng phút thất-niệm.

Bài Kệ số 380: khuyên ta phải biết tự-chế, chớ lơ-là, chớ buông-lung cho tâm chạy lang-thang.

1) Mình là nơi mình đang nương-tựa: chẳng có nơi nương-tựa nào an-toàn bằng chính tâm thanh-tịnh của mình. Muốn tâm mình an-tịnh, phải biết tự-chế, nghĩa là thắp sáng Chánh-niệm để luôn luôn tự kiểm-soát lấy mình, chận-đuổi mọi vọng-tưởng khởi lên trong tâm.

2)...Nên tự-chế,...như khách thương luyện thuần bầy ngựa: dùng Chánh-niệm dẹp yên "bầy ngựa ý" trong tâm, cũng giống như vị khách thương tập-luyện bầy ngựa, nghĩa là phải bền-chí, kiên-nhẫn.

(262).- Tích chuyện tỳ-kheo Hoa-kha-ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại Tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị tỳ-kheo Hoa-kha-ly.

Thuở ấy ở nước Ma-kiệt-đà, có người tên là Hoa-kha-ly, một hôm trông thấy Đức Phật đi khất-thực, nhìn dáng-mạo trang-nghiêm của Ngài, nên sanh lòng ngưỡng-mộ, muốn đi tu. Từ khi được gia-nhập Tăng-đoàn, Hoa-kha-ly cứ lẩn-bẩn gần bên Đức Phật, mà xao-lãng các bổn-phận của một vị tỳ-kheo, lơ-là việc hành Thiền. Đức Phật thấy thế mới bảo: "Nầy Hoa-kha-ly, ông cứ đứng mãi bên ta, có được ích lợi gì? Gần Phật, thấy được Như-lai, là phải biết gần Chánh-pháp, học-tập Chánh-pháp kia. Thôi, ông hãy lui ra, đừng đến trước mặt ta nữa."

Nghe Phật dạy thế, lòng Hoa-kha-ly buồn vô-cùng, chán-nản lui ra và nẩy ý-định leo lên núi Linh-thứu nhảy xuống tự-tử. Đoán biết tâm-trạng của Hoa-kha-ly, Đức Phật lên đỉnh Linh-sơn trước. Khi Hoa- kha-ly sắp thực-hiện ý-định đen tối, Ngài phóng hào-quang chiếu lên rực-rỡ. Hoa-kha-ly nhìn thấy, lòng hân-hoan dào-dạt, hết muốn tìm cái chết nữa, liền qùi xuống đảnh-lễ. Bấy giờ Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó Hoa-kha-ly tỉnh-ngộ, nỗ-lực tu-tập, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la- hán:

Tỳ-kheo thường hân-hoan dào-dạt, Vững niềm tin giáo-pháp Phật-đà. Cảnh-giới tịch-tịnh sớm chứng qua,

Các hành hữu-lậu được tịnh-lạc. (Kệ số 381.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Hoa-kha-ly: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Vakkali.

- Trúc-lâm, Vương-xá, Ma-kiệt-đà: Tịnh-xá Trúc-lâm (Veluvana), do vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) cất trong vườn trúc, gần thành Vương-xá (Ràjagaha), thủ-đô xứ Ma-kiệt-đà (Magadha), miền Bắc Ấn-độ xưa.

- Như-Lai: tiếng tự-xưng của Đức Phật, chỉ pháp-thân Phật; tiếng Pali là Tathàgata (= bực đã đến đây như thế) (Như = như thế; Lai =đến)

- Linh-thứu: tên đỉnh núi giống hình chim kên-kên (Gijjhakuta).

- Hân-hoan dào-dạt = vui mừng hết sức.

-Phật-đà: phiên âm chữ Buddha. Phật có nghĩa là giác, hiểu biết thấu-đáo về tất cả muôn loài. Đức Phật là bực đại-giác.

- Cảnh-giới tịch-tịnh: Cảnh-giới là cõi; Tịch-tịnh là vắng-vẻ và lặng-lẽ;Cảnh-giới tịch-tịnh, ở đây, là cảnh-giới Niết-bàn yên-vui, tự-tại

- Các hành hữu-lậu: Các hành chỉ thân-tâm; hữu-lậu là chứa các phiền-não, dơ-xấu, rỉ chảy ra., thành hành-động bất-thiện.

- Tịnh-lạc = Tịnh = thanh-tịnh, trong-sạch; Lạc = vui. Các hành hữu-lậu được tịnh-lạc = thân-tâm còn phiền-não nầy được thanh-tịnh-hoá.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một vị tỳ-kheo chỉ vì quá ngưỡng-mộ thân-tướng trang nghiêm đẹp-đẽ của Đức Phật mà xin đi tu để được gần luôn bên Phật. Đức Phật bảo, thấy Như-Lai, gần Như-Lai, là biết đến Chánh-pháp, học-tập để thấy được pháp-thân của Phật, chớ lẩn-bẩn bên Phật mà chẳng lo tu-tập, thì chẳng được ích-lợi gì. Vị tỳ-kheo hiểu được lời Phật, nỗ-lực tu-tập, sớm chứng được quả-vị Thánh.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: ngưỡng-mộ Phật là biết đem Chánh-pháp Phật dạy ra tu-tập để được giác- ngộ và giải-thoát.

Về một phương-diện khác, nghe nói Kinh nầy linh-thiêng lắm, thỉnh về, đóng bìa da, mạ chữ vàng, kính-cẩn đặt trên bàn thờ Phật, mà chẳng hề mở ra đọc-tụng, thì sự linh-thiêng kia chẳng cảm-ứng được đạo-tâm của mình, làm sao mà hưởng được sự lợi-lạc!

(2) Ý-nghĩa cửa bài Kệ số 381:

Bài Kệ khuyên ta nên vững tin nơi Giáo-pháp, hân-hoan học-tập, để thanh-tịnh-hoá thân-tâm, sớm chứng được cảnh an-vui Niết-bàn.

1) Tỳ-kheo thường hân-hoan dào-dạt, Vững niềm tin giáo-pháp Phật-đà: đây là hai đức-tánh quan- trọng của một vị tỳ-kheo: (1) niềm tin ở Tam-Bảo thật vững chắc, (2) vui-thích trong nỗ-lực tu-hành.

2) Cảnh-giới tịch-tịnh sớm chứng qua: nhờ nỗ-lực tu-tập, mà sớm chứng được cảnh-giới tịch-tịnh, an- vui và vắng-vẻ của Niết-Bàn, tức là sớm có được tâm-trạng an-nhiên và tự-tại, trong đời sống tu-hành.

3) Các hành hữu-lậu được tịnh-lạc: thân-tâm năm uẩn đầy phiền-não nầy sẽ sớm được thanh-tịnh-hoá, mà dẹp sạch được các lậu-hoặc.

(263).- Tích chuyện Sa-di Sử-mã.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu-viện Đông-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị sa-di trẻ tuổi tên là Sử-mã.

Sa-di Sử-mã, đệ-tử của Trưởng-lão A-na-luật, tuy mới lên bảy tuổi mà tu-tập rất giỏi, chứng được quả Thánh A-la-hán, đắc được thần-thông. Khi Trưởng-lão A-na-luật trú gần dãy Hi-mã-lạp-sơn, một hôm bị bịnh, sa-di Sử-ma đã bay đến hồ An-nô-ta cách đó hơn trăm dặm, lấy nước về cho thầy dùng. Đến khi Trưởng-lão trở về Xá-vệ, tới đảnh-lễ Đức Phật, có dẫn sa-di Sử-mã đi theo.

Tại tu-viện Đông-viên, các chú tiểu thấy sa-di còn trẻ, cứ theo chọc-ghẹo, kẻ véo tai, người cú đầu, mà Sử-mã cũng chẳng chút nào hờn-giận. Bấy giờ, Đức Phật trông thấy, Ngài mới nghĩ cách khiến cho mọi người phải thán-phục sa-di Sử-mã, liền cho gọi Tôn-giả A-nan vào bảo, Ngài cần dùng một lu lớn chứa nước từ hồ An-nô-ta đem về. Chẳng vị tỳ-kheo, hay sa-di nào đi lấy nước được, vì hồ An-nô-ta cách đây hơn mấy trăm dặm, mà cái lu lại vừa to vừa nặng. Sau cùng, sa-di Sử-mã tình-nguyện đi lấy nước. Trong khoảnh-khắc, với sức thần-thông, sa-di Sử-mã vác lu bay đến hồ múc nước rồi trở về chờ lịnh. Mọi người tập-họp ở giảng-đường, hết lời khen-tặng kỳ-công của Sử-mã. Đức Phật nói: "Nầy chư Tăng, người tu-tập theo Chánh-pháp ngày đêm chuyên-cần, chứng được quả-vị quả-vị Thánh và đắc thần-thông, mặc dầu còn trẻ tuổi, như sa-di Sử-mã đây."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Tỳ-kheo dẫu tuổi đời còn trẻ,
Siêng tu theo pháp Phật hằng ngày,
Sáng soi rực-rỡ thế-gian nầy,
Như vầng trăng vừa thoát khỏi mây.
(Kệ số 382.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di: người mới vào chùa tập-sư tu-hành, chưa thọ-giới tỳ-kheo; trong chùa thường gọi là chú tiểu. Tiếng Pali là Sàmanera.

- Sử-mã: tên vị Sa-di nầy, tiếng Pali là Sumana.

- Tu-viện Đông-viên: do bà Vi-sa-kha cất, ở phiá Đông chùa Kỳ-viên; tên tiếng Pali là Pubbàràma.

- A-na-luật: còn gọi là A-nâu-lâu-đà, đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca; tên tiếng Pali là Anuruddha.

- A-nan: tên vị thị-giả hầu bên Phật, tiếng Pali là Ànanda.

- Hi-mã-lạp-sơn: tên dãy núi cao nhứt thế-giới ở biên-giới Ấn-độ và Trung-hoa; tiếng Pali là Himalaya, có nghĩa: quanh-năm có tuyết.

- An-nô-ta: tên hồ nước nầy, tiếng Pali là Anotatta.

- Thần-thông: khả-năng đặc-biệt như bay bổng trên không, đi trên mặt nước v.v. nhờ định-lực tu-tập cao.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt; tiếng Pali là Arahant. Chữ A-la-hán có ba nghĩa: (1) ứng-cúng, xứng-đáng được Trời, Người cúng-dường; (2) sát-tặc, giết hết giặc, giặc phiền-não; (3)vô-sanh, chẳng còn bị tái-sanh ở cõi Luân-hồi nữa.

- Tuổi đời: tuổi đời khác với tuổi đạo; cứ tham-dự mỗi muà an-cư kiết-hạ là tăng thêm một tuổi đạo; tuổi đạo còn gọi là lạp-tuế.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc một vị sa-di bảy tuổi đời, học đạo rất giỏi đắc được thần-thông, chứng quả A-la-hán. Vị ấy mang lu nặng từ chùa Đông-viên bay đến hồ An-nô-ta lấy nước, cách đó hơn mấy trăm dặm, đem về cho Phật, được mọi người thán-phục.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: mặc dầu nhỏ tuổi, nếu tu-tập chuyên-cần, cũng chứng được quả-vị cao.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 382:

Bài Kệ ý-nghĩa rất rõ-ràng: tu-hành tinh-tấn, mặc dầu còn trẻ tuổi, cũng chứng được quả-vị cao, đức- hạnh sáng ngời như vừng trăng thoát khỏi mây mờ.

HỌC TẬP:

Chẳng phải vì mong đắc được thần-thông mà cố sức tu-tập đêm ngày; chính sự phá tan các phiền-não, giải-thoát được thân-tâm, khỏi cảnh khổ tái-sanh lận-đận, mới là mục-đích chơn-chánh.

-ooOoo-

XXVI.- Phẩm BÀ-LA-MÔN.

(264).- Tích chuyện vị Bà-la-môn tâng bốc các vị tỳ-kheo là A-la-hán.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Bà-la-môn vì quá trọng-vọng tỳ-kheo, nên gọi tâng họ là bực A-la-hán.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một người Bà-la-môn, được nghe Đức Phật thuyết-pháp, rất ngưỡng-mộ giáo-lý của Đức Phật, nên thường thỉnh các vị tỳ-kheo đến nhà để cúng-dường. Khi các vị tỳ-kheo đến khất-thực, vị Bà-la-môn ấy cung-kính gọi họ là các bực A-la-hán. Vì chưa chứng-đắc được Thánh-quả, nên các vị tỳ-kheo cảm thấy bối-rối, và sau cùng quyết-định chẳng đến nhà vị Bà-la-môn ấy nữa. Vị Bà-la-môn rất thất-vọng, chẳng hiểu vì lẽ gì mà chư Tăng chẳng đến nhà mình nữa, mới đến thưa trình cùng Đức Phật.

Đức Phật cho gọi các vị tỳ-kheo đã đến nhà người Bà-la-môn ra hỏi. Nghe họ trình-bày sự thật, Đức Phật hỏi: "Nầy các vị Tỳ-kheo, trong số các vị có ai đã chứng được Thánh-quả?" Chẳng ai trả lời có, Đức Phật hỏi tiếp: "Khi nghe gọi mình là bực A-la-hán, trong tâm quí-vị có khởi lên sự tự-cao không?" Các vị tỳ-kheo thưa, chẳng có. Đức Phật liền dạy: "Chẳng sanh tự-cao khi được gọi tâng như thế là chẳng hề vi-phạm giới-luật. Sự-thật là vì quá trọng-vọng người tu-hành, nên vị Bà-la-môn nầy mới gọi quí-vị là bực A-la-hán. Các vị nên nỗ-lực dẹp bỏ cho sạch lòng ham-muốn được đề-cao đi, và cố-gắng tu-tập, rồi sẽ chứng được quả-vị A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Nầy Bà-la-môn,
Hãy tinh-tấn đoạn dòng ái-dục,
Thú vui vật-chất nên lìa bỏ,
Các hành hoại-diệt đà thấu rõ,
Hãy làm người chứng-đắc vô-vi.
(Kệ số 383.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ ở Ấn-độ xưa. Xin lưu-ý, nơi Phẩm Bà-LA-MÔN nầy, chữ Bà-la-môn trong các bài Kệ lại có nghĩa là A-la-hán

- Tâng = nói nâng cao lên. Vị Bà-la-môn gọi các tỳ-kheo chưa chứng-đắc là các bực A-la-hán, gọi tâng họ lên hàng Thánh.

- Trọng-vọng = tỏ lòng quá kính-mến.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, vào hàng Thánh. Bực A-la-hán (Arahant) dẹp xong phiền-não, lìa mọi tham-muốn, chứng được vô-sanh, nghĩa là chẳng còn bị tái-sanh trong vòng Luân-hồi nữa.

- Tự-cao: tự xem mình là hơn, còn gọi là ngã-mạn. Tỳ-kheo chưa chứng-đắc, tự nhận mình đã chứng- đắc, phạm tội tăng-thượng-mạn.

- Đoạn dòng ái-dục: Đoạn là cắt bỏ đi, cắt đứt đoạn; Dòng ái-dục là những sự say-đắm, mê-luyến, khởi từ các giác-quan, như mắt muốn nhìn sắc-đẹp, lưỡi muốn nếm vị ngon-ngọt, tay muốn sờ vật láng,v.v.

- Các hành: hiểu cho gọn, các hành ở đây trỏ thân-tâm năm uẩn.

- Vô-vi: Vô = chẳng; Vi = làm. Sự-vật ở thế-gian chia ra hai loại: (1) hữu-vi, do tạo-tác mà có, bị thay- đổi, rồi hoại-diệt, như thân-tâm, như ngôi nhà, tức là những gì bị điều-kiện-hoá; (2) vô-vi, chẳng do tạo nên mới có, chẳng biến-đổi, như hư-không, chơn-lý, tức là chẳng bị điều-kiện-hoá. Ở đây, chữ vô- vi trỏ vào cảnh Niết-Bàn vắng-lặng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc các vị tỳ-kheo được tâng-bốc, tỏ ra bối-rối. Đức Phật dạy, khi được đề-cao mà chẳng sanh lòng ngã-mạn thì chẳng vi-phạm giới-luật.

Ý-nghĩa Tích chuyện khuyên ta chớ nên sanh kiêu-căng khi được ai nói ... nịnh!

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 383:

1) Hai câu đầu: đoạn dòng ái-dục tức là lìa bỏ mọi thú-vui vật-chất.

2) "Các hành hoại-diệt đà thấu rõ" = đã hiểu thấu thân-tâm năm uẩn nầy, hiện có đây, rồi sẽ bị tan-rả, đừng quá chấp chặt vào thân.

3) Câu chót: khuyên nên cố-gắng tu-hành để chứng được cảnh vô-vi, tức là chứng được cảnh an-vui, vắng-lặng của Niết-Bàn.

(265).- Tích chuyện về hai pháp: Chỉ và Quán.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc ba mươi tỳ-kheo nhờ nghe hai pháp mà chứng được quả Thánh.

Thuở ấy, có một nhóm ba mươi vị tỳ-kheo từ xa đến đảnh-lễ Đức Phật. Duyên may, Tôn-giả Xá-lợi- phất cũng có mặt tại đó, quán thấy đã đến lúc cho ba mươi vị tỳ-kheo chứng-đắc được quả-vị Thánh, A-la-hán. Tôn-giả liền bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, thế nào là hai pháp?" Đức Phật đáp: ‘Nầy Xá-lợi- phất, hai pháp đó là Chỉ và Quán."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà các vị tỳ-kheo chứng được quả-vị A-la-hán:

Khi an-trú hai pháp: Chỉ, Quán,
Bà-la-môn đạt tới bỉ-ngạn.
Đối với "người thông-suốt" nầy,
Mọi kết-sử đều đoạn-tận.
(Kệ số 384.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Quả Thánh: Quả = kết-quả việc tu-tập thành-công; Thánh = bực đã dứt được sanh-tử trong Luân- hồi. Có bốn quả-vị: (1) Tu-đà-huờn, còn sanh lại bảy lần;(2)Tư-đà-hàm, còn

sanh lại một lần; (3) A- na-hàm, chỉ sanh lên cõi Trời, chẳng trở lại cõi trần; ba quả-vị nầy thuộc bực Hiền, còn bị tái-sanh; (4) A-la-hán, chứng vô-sanh, dứt cảnh tái-sanh, được gọi là bực Thánh. Trái với Thánh-hiền là phàm-phu, chưa tu

- Tôn-giả Xá-lợi-phất: tên tiếng Pali là Sàriputta, vị đại-đệ-tử của Đức Phật Thích-ca, nổi tiếng là thông-minh đệ nhứt.

- Chỉ, Quán: Chỉ = ngưng lại; Quán = xem xét kỹ-lưỡng, suy-nghĩ sâu-xa. Đây là hai Pháp-tu về Thiền-định. Theo giáo-lý Bắc-tông, Thiền-quán phân ra làm sáu phép-tu, gọi là Lục diệu-pháp-môn: (1) Sổ-tức, đếm hơi thở, (2)Tùy-tức, theo dõi hơi thở; (3) Chỉ, ngưng tất cả ý-nghĩ, tư-tưởng lại; (4) Quán, dùng tâm quán-xét tâm, suy-nghĩ sâu-xa; (5) Hoàn, quay trở lại; (6) Tịnh, làm cho tâm trở nên trong-sạch và yên-tĩnh. Ngồi Thiền là lần-lượt thực-hành sáu phép-tu đó.

- Bỉ ngạn: Bỉ = kia;Ngạn = bờ. Bỉ-ngạn là bờ bên kia, tức là bờ giác-ngộ. Đáo bỉ ngạn là đến bờ giác- ngộ bên kia; bờ bên nầy là bờ mê-lầm.

- Người thông-suốt: người hiểu rõ mọi việc, tức là đã đạt được Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật, cái Trí đưa ta đến bờ giác.

- Kết-sử: Kết = ràng-buộc; Sử = sai-khiến. Có mười Kết-sử ràng-buộc tâm-trí ta, xúi-dục làm quấy, xin kể mấy kết-sử chánh: tham, sân, si, mạn, nghi, khát-ái,v.v... Dẹp xong các kết-sử, chứng A-la-hán.

- Đoạn-tận: Đoạn = cắt đứt; Tận = dứt hết xong.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc ba mươi tỳ-kheo nghe được hai pháp Chỉ và Quán trong phép tu Thiền-định mà chứng được quả A-la-hán. Chẳng phải chỉ đến nghe mà đắc quả ngay, vì còn phải tu-tập nữa, tuy Tích chuyện chỉ kể ra vắn-tắt như thế.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là nêu lên hai điểm quan-trọng trong khi ngồi Thiền: (1) dừng lại tất cả ý- tưởng, (2) quán-sát thâm-sâu tâm mình, theo dõi mọi biến-chuyển bên trong, để chấm-dứt vọng-tưởng.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 384:

Bài Kệ nêu rõ công-năng của hai pháp Chỉ và Quán, là dẹp tan mọi kết-sử, chứng đắc Trí-huệ Bát-nhã, và được giác-ngộ và giải-thoát

Xin phân-tách từng câu:

1) Khi an-trú (trong)hai pháp:Chỉ, Quán: khi đã tu-tập thật thuần-thục cả hai pháp Chỉ (=ngưng được tất cả tư-tưởng) và Quán (=theo dõi thật sát mọi biến-chuyển trong tâm, suy-nghĩ sâu-xa), thì...

2) Bà-la-môn đạt tới bỉ-ngạn: chữ Bà-la-môn, ở đây, có nghĩa là bực A-la-hán, bực ấy đã đến bờ giác bên kia, tức là đã hoàn-toàn giác-ngộ và giải-thoát (nhờ an-trú trong hai

pháp Chỉ và Quán).

3) Đối với "người thông-suốt" nầy, Mọi kết-sử đều đoạn-tận: Người thông-suốt, ở đây, là người đã đạt được Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật, cái trí đưa ta đến bờ giác-ngộ và giải-thoát, người ấy chẳng còn bị các kết-sử ràng-buộc được nữa. Đó là nhờ công-năng của hai pháp-tu Chỉ và Quán, khiến tâm trở nên hoàn-toàn thanh-tịnh.

(266).-Tích chuyện Ma-vương thưa hỏi Đức Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Ma-vương tới hỏi Phật.

Có một hôm, Ma-vương hoá hình thành một người thường, đến thưa hỏi Đức Phật: "Bạch Thế-tôn, Ngài thường nói đến bỉ-ngạn, chẳng hay nghĩa đó ra làm sao?" Đức Phật quán thấy Ma-vương giả- dạng, mới đáp: ‘Nầy Ma-vương, ông đừng hòng qua mặt được Như-Lai. Đối với ông, thử-ngạn hay bỉ- ngạn nào có quan-hệ chút gì đâu! Bỉ-ngạn là bờ bên kia, chỉ có bực A-la-hán đã tận-diệt mọi phiền- não, hoàn-toàn giải-thoát, mới đạt tới bờ giác-ngộ bên kia."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người chẳng chấp bờ nầy, bờ nọ,
Cả hai bờ chẳng chấp có, không.
Thoát-ly phiền-não, hết trói buộc,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 385.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ma-vương = Vua Ma trên cõi Trời, thường đi cám-dỗ làm quấy.

- Như-Lai: Như = như thế; Lai = đến; Đức Phật tự-xưng là Như-Lai khi nói với kẻ khác. Pali là Tathàgata. Các đệ-tử gọi Phật là Thế-tôn.

- Chấp = ôm chặt trong ý-nghĩ, chẳng chịu buông-bỏ.

- Bà-la-môn = Brahmana, ở đây, nghĩa là bực chứng quả A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: Ma-vương giả dạng đến hỏi Đức Phật nghĩa chữ bỉ-ngạn. Đức Phật đáp, bực A-la-hán đã dứt hết phiền-não, mới đáo bỉ ngạn, tức là đến bờ giác-ngộ bên kia.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 385:

Bài Kệ cũng rất giản-dị, đặt nặng ở chữ chấp. Chấp là cứ ôm khư khư trong lòng, chẳng chịu buông-bỏ để khỏi bị ràng-buộc. Bực A-la-hán (bài Kệ gọi là Bà-la-môn) chẳng chấp

bờ nầy, bờ nọ; ...chẳng chấp có, không; ...thoát-ly phiền-não, hết trói buộc, là bực đã đến bỉ-ngạn.

(267).- Tích chuyện một vị Bà-la-môn hỏi Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Bà-la-môn đến thưa hỏi Đức Phật, thế nào là Bà-la-môn.

Thuở ấy có một người Bà-la-môn nghĩ rằng: "Phật Cồ-đàm gọi các đệ-tử là Bà-la-môn; ta đây thuộc giai-cấp Bà-la-môn, vậy ta phải được gọi là Bà-la-môn như họ." Nghĩ xong, người ấy đến chùa, thưa hỏi Đức Phật về vấn-đề đó. Đức Phật đáp: "Ta chẳng gọi là Bà-la-môn những người sanh trong giai- cấp nầy. Ta chỉ gọi là Bà-la-môn những ai đã chứng được quả-vị A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó vị Bà-la-môn chứng được sơ-quả Tu-đà-huờn:

Người hành Thiền, ẩn-cư, vô-nhiễm,
Thoát-ly lậu-hoặc, nhiệm-vụ xong,
Thành-đạt được mục-đích tối-tôn,
Như -Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 386.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Cồ-đàm: Gotama, họ của Đức Phật Thích-ca.

- Giai-cấp = tầng-lớp trong xã-hội. Ở Ấn-độ xưa, có bốn giai-cấp: (1) Bà-la-môn, Brahmana, tu-sĩ; (2)Sát-đế-lợi, Khattiya, vua quan; (3) Phệ-xá, Vessa, buôn-bán; (4)Thủ-đà-la, Sudda, thợ, làm ruộng.

- Sơ-quả = quả-vị đầu-tiên, tức là quả Tu-đà-huờn (Sotàpatti.). Còn gọi là Nhập-Lưu, được vào dòng nước Thánh; hay Thất-Lai, chỉ còn tái-sanh lại bảy lần nữa ở cõi người, rồi sẽ chứng quả Thánh.

- A-la-hán: Arahant, quả-vị thứ tư, cao nhứt, dứt sạch phiền-não, chứng-đắc Niết-Bàn (chẳng còn tái- sanh trong cõi Luân-hồi nữa.)

- Ẩn-cư = ở ẩn, dấu mình ở nơi vắng người.

- Vô-nhiễm = chẳng bị nhuốm dơ, tức dẹp phiền-não, trừ lậu-hoặc

- Lậu-hoặc: Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = chỗ dơ-xấu, các lỗi-lầm. Lậu-hoặc là những phiền-não như tham, sân, si khởi lên trong tâm, lộ ra bằng cử-chỉ hay lời nói chẳng lành, chẳng sạch.

- Tối-tôn: Tối = hết sức, Tôn = đáng kính. Mục-đích tối-tôn là mục-đích cao-cả nhứt, tức là chứng đắc Niết-bàn, hết bị tái-sanh nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ, một người sanh trong giai-cấp Bà-la-môn đến hỏi Đức Phật, có được gọi là Bà-la-môn như các đệ-tử Phật hay không? Đức Phật đáp, Bà-la-môn, ở đây, có nghĩa là bực A-la-hán.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 386:

Bài Kệ định-nghĩa thế nào là bực A-la-hán, được Phật gọi là Bà-la-môn: hành Thiền, ẩn-cư, vô-nhiễm, hết lậu-hoặc, xong nhiệm-vụ, chứng được Niết-bàn là mục-đích cao-thượng, đáng tôn-quí nhứt.

Xin phân-tách từng điểm:

1) Người hành Thiền: tu-tập Thiền tức là tu Tâm, làm sao cho tâm được hoàn-toàn thanh-tịnh, để trí- huệ phát sáng. Người hành Thiền quán-sát mọi biến-chuyển trong tâm, chận được các vọng-tưởng, khiến tâm trở nên vắng-lặng, an-nhiên, do đó vui trong tự-tại.

2) Ẩn-cư: biết sống một mình, nghĩa là vứt bỏ các thú-vui vật-chất thấp-hèn trong xã-hội, gạt bỏ các phiền-não để giữ tâm được vắng-vẻ; chớ chẳng phải chỉ tìm nơi rừng sâu, non cao mà ẩn thân.

3) Vô-nhiễm: chẳng bị nhuốm dơ, tức là thân-tâm thanh-tịnh, giới-đức vẹn-toàn, do đó, các sự cám-dỗ của các dục-lạc, các tội-lỗi chẳng thể nào làm lung-lay được ý-chí quyết theo con đường lành.

4) Thoát-ly lậu-hoặc: chẳng còn bị các lậu-hoặc, tức là các phiền-não như tham, sân, si, mạn, nghi, tà- kiến theo khuấy rối nữa. Nói cách khác, đã dẹp xong hết mười kết-sử, hết bị sai-khiến, được thoát-ly, nên hoàn-toàn tự-do, tự-tại.

5) Nhiệm-vu xong: Nhiệm-vụ nào? Làm xong nhiệm-vụ thanh-lọc thân-tâm, khiến việc tu-tâm cho thanh-tịnh đã hoàn-tất.

6) Đạt mục-đích tối-tôn: Thường, ta ăn chay, đi chùa, lạy Phật, tụng kinh là để cầu phước, được may- mắn, sung-sướng cả đời. Đó là mục-đích tốt, nhưng còn thấp, so với mục-đích tối-tôn, cao hơn, là thoát Khổ vĩnh-viễn, khi chứng được vô-sanh, (nghĩa là chẳng phải tái-sanh mãi trong cõi Luân-hồi lận-đận), được vào cảnh-giới an-vui, thường-hằng, tự-tại của Niết-bàn, đó mới là mục-đích cao-quí nhứt.

(268).- Tích chuyện Tôn-giả A-nan nhìn hào-quang Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu-viện Đông-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề- cập đến việc Tôn-giả A-nan khen ngợi hào-quang toả ra từ Đức Phật.

Hôm ấy vào ngày rằm tháng Bảy, bầu trời trong xanh chẳng gợn chút mây. Tôn-giả A-nan đứng nhìn mặt trời sắp lặn, tia nắng hồng chiếu cả phương Tây. Sau rặng cây, nơi phương Đông, trăng rằm rạng- rỡ đang toả ánh-sáng vàng dịu mát qua khe lá. Vừa lúc ấy, vua Ba-tư-nặc, xứ Câu-tát-la, trong y-phục lộng-lẫy nạm vàng và kim-cương chói lọi, bước vào. Đưa vua vào trong, Tôn-giả A-nan nhìn thấy Trưởng-lão Ca-lưu-đà-di

đang ngồi thiền, trong cơn đại-định, gương mặt rạng-rỡ cả góc phòng. Bấy giờ Đức Phật đang ngồi trên bồ-đoàn, thân-tướng trang-nghiêm, ánh hào-quang toả ra vô cùng rực-rỡ. Tôn-giả A-nan buột miệng, thưa: "Bạch Thế-tôn, ánh tà-dương, vầng trăng rằm, trang-phục hoàng-gia lộng-lẫy, gương mặt rạng-rỡ trong thiền-định, chẳng rực-rỡ bằng ánh hào-quang toả ra từ thân-tướng của Thế-tôn." Đức Phật đáp lời bằng bài Kệ sau đây:

Ban ngày mặt trời chiếu sáng,
Ban đêm ánh trăng tỏ rạng.
Khí-giới chói loà Sát-đế-lỵ,
Đắc thiền-định sáng nơi Phạm-chí.
Chỉ riêng đức Phật chiếu hào-quang
Rạng-rỡ đêm ngày khắp thế-gian. (Kệ số 387.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- A-nan: tên vị thị-giả (= hầu bên cạnh) của Đức Phật Thích-ca, tiếng Pali là Ànanda.

- Hào-quang: ánh-sáng toả ra từ bực tu-hành cao, nhờ định-lực.

- Ba-tư-nặc, Câu-tát-la: tên vua Pasenadi, xứ Kosala.

- Ca-lưu-đà-di: đại-đệ-tử của Phật Thích-ca, tên Pali: Kàludàyi.

- Đại-định: tâm trạng lắng-yên, thâm-sâu của thiền-giả.

- Bồ-đoàn = nệm lót bên dưới để ngồi Thiền.

- Thân-tướng: hình-dáng của thân-thể.

- Tà-dương: mặt trời xế chiều sắp lặn.

- Trang-phục hoàng-gia: y-phục của nhà vua.

- Sát-đế-lỵ = phiên-âm chữ Khattiya, giai-cấp vua chúa ở Ấn-độ.

- Phạm-chí: đồng một nghĩa với chữ Bà-la-môn, Brahmana.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: Tôn-giả A-nan khen ngợi hào-quang toả từ thân-tướng của Đức Phật. Hào- quang đó rực-rỡ hơn cả y-phục của vua, hơn cả gương mắt rạng-rỡ của người ngồi Thiền nhập-định, hơn cả ánh sáng mặt trời và mặt trăng.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là đức-hạnh từ-bi của Đức Phật chói sáng ngày đêm khắp cả thế-gian.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 387:

Bài Kệ cho rằng hào-quang của Đức Phật hơn cả mọi ánh-sáng, vì chiếu cả ngày đêm, khắp thế-gian. Hào-quang ấy tượng-trưng cho đức-hạnh cao-quí của Đức Phật, chẳng chi sánh bằng.

(269).- Tích chuyện một vị Bà-la-môn ẩn-sĩ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Bà-la-môn ẩn-cư tu khổ-hạnh.

Thuở ấy, có một vị Bà-la-môn ở Xá-vệ, sống cuộc đời ẩn-dật, tu theo lối khổ-hạnh. Một hôm, ông ta nghĩ, Đức Phật gọi các đệ-tử của Ngài là bực xuất-gia; ta sống ẩn-cư, tu khổ-hạnh, thì cũng đáng gọi là người xuất-gia. Ông ta đến gặp Phật và nói lên ý-nghĩ ấy. Đức Phật đáp: "Nầy ẩn-sĩ, chẳng phải chỉ sống độc-cư mà đủ để được gọi là bực xuất-gia. Hãy nghe bài Kệ nầy kể rõ những đức-tánh của người xuất-gia."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó mà vị Bà-la-môn chứng được quả-vị thứ nhứt là Tu- đà-huờn:

Lìa ác-nghiệp là Bà-la-môn.
Sống trong an-tịnh là Sa-môn.
Tự mình dứt bỏ mọi ô-nhiễm
Nên được gọi là bực xuất-gia.
(Kệ số 388.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ẩn-sĩ: người sống nơi xa-vắng, ít tiếp-xúc với kẻ khác.

- Khổ-hạnh = lối tu ép-xác, sống quá kham-khổ.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà. Người xuất-gia là kẻ bỏ đời sống thế-tục, rời gia-đình, đi tu. Ở đây, xuất-gia = ra khỏi nơi ô-uế.

- Tu-đà-huờn: quả-vị thứ nhứt, dịch là Nhập-Lưu, nghĩa là được gia-nhập vào dòng nước Thánh, còn được gọi là Thất-Lai, nghĩa là còn tái-sanh lại bảy lần nữa, sẽ chứng quả Thánh. Tiếng Pali: Sotàpatti. Chứng quả Tu-đà-huờn, khi: (1) bỏ được thân-kiến, tức là chẳng chấp thân-tâm nầy làm Ngã, Ta; (2) hết Nghi, tức là hết nghi-ngờ về Chánh-Pháp; (3) bỏ giới-cấm-thủ, tức là chẳng theo các lối cúng-tế tà- đạo.

- Ác-nghiệp: Nghiệp ác gồm có: (1)thân làm ác; (2) miệng nói ác; (3) ý nghĩ ác.

- Sa-môn: tu-sĩ Phật-giáo; tiếng Pali: Samanera, có ba nghĩa: (1) cần-giả, siêng làm điều thiện; (2) tức- giả, ngưng làm điều ác; (3) bần-giả, cam chịu nghèo khó để tu-hành.

- Ô-nhiễm = dính dơ; ở đây, bị các phiền-não, tội-lỗi nhuốm dơ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: một vị Bà-la-môn ẩn-cư tu khổ-hạnh, tự cho mình là bực xuất-gia như các tỳ- kheo. Đức Phật đọc bài Kệ nói rõ thế nào mới xứng-danh là bực xuất-gia.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 388:

Bài Kệ nêu ra: (1) bỏ ác-nghiệp, thân, miệng, ý đều lành; (2) sống an-tịnh, trong-sạch và vắng-vẻ; (3) lìa xa các cấu-nhiễm (= tội-lỗi, phiền-não nhuốm dơ tâm), là những đặc-tánh căn-bản của một bực xuất-gia.

Ý-nghĩa của bài Kệ: xuất-gia là ra khỏi nơi ô-uế, phiền-não.

(270).- Tích chuyện về đức nhẫn-nhục của Tôn-giả Xá-lợi-phất.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ-giảng-pháp, có đề-cập đến đức nhẫn-nhục của Tôn-giả Xá-lợi-phất.

Tôn-giả Xá-lợi-phất là vị đại-đệ-tử nổi tiếng thông-minh bực nhứt, đứng đầu Tăng-đoàn. Tôn-giả thường được khen-ngợi là người nhẫn-nhục, chẳng hề tức-giận khi bị ai nói hỗn-hào, hay hành-hung.

Tiếng đồn vang xa, có một người Bà-la-môn ganh-tị, chẳng phục, muốn tìm cách khởi-hấn để xem Tôn-giả quả có nhịn-nhục được chăng. Một hôm, Tôn-giả Xá-lợi-phất đi khất-thực. Vị Bà-la-môn bước theo sau, thình-lình vung tay đập mạnh vào lưng Tôn-giả Xá-lợi-phất. Tôn-giả vẫn bình-thản, bước đi, chẳng hề quay lại xem ai đã đánh mình. Lại một cú đấm mạnh nữa, Tôn-giả vẫn điềm-nhiên đi tới. Vị Bà-la-môn ngạc-nhiên trước thái-độ trầm-tĩnh của Tôn-giả, mới sanh ra hối-hận, liền đến trước Tôn-giả, qùi xuống tạ lỗi. Tôn-giả ôn-tồn chấp-nhận lời hối-tiếc. Vị ấy bước theo thưa tiếp: "Bạch Tôn-giả, Ngài có tha tội cho thì mai nầy xin Ngài đến nhà con, để con cúng-dường."

Hôm sau, Tôn-giả Xá-lợi-phất cầm bình bát đến nhà kẻ đã hành-hung mình để khất-thực. Các vị tỳ- kheo khác thấy thế mới nghĩ bụng, kẻ Bà-la-môn kia chẳng bị khiển-trách, lại được tha tội dễ-dàng như thế, biết đâu lại chẳng sanh tâm hiếp-đáp các vị Tăng khác. Họ liền thưa trình sự-việc lên Đức Phật. Đức Phật trả lời với hai bài Kệ sau đây:

Chớ nên đánh-đập vị Phạm-chí.
Bị đập, Phạm-chí chớ trả thù.
Xấu-hổ thay, ai đập Phạm-chí!
Xấu-hổ hơn, Phạm-chí trả thù!
(Kệ số 389.)
Đối với người được gọi là Phạm-chí,
Lợi chẳng nhỏ, nếu bỏ ý trả thù.
Đến mức nào, tâm tác-hại bị chận,
Đến chừng ấy, tiêu-trừ xong khổ-hận.
(Kệ số 390)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xá-lợi-phất: còn được gọi là Xá-lợi-tử, tên tiếng Pali là Sàriputta là vị đại-đệ-tử đệ-nhứt trí-huệ của Phật Thích-ca.

- Nhẫn-nhục: nhịn-nhục, bền chí chịu đựng chẳng tức-giận.

-Hành-hung: Hành = làm;Hung = dữ.Hành-hung, làm dữ, đánh-đập

- Ganh-tị: cà-nanh, ghen-ghét, đòi bằng hay hơn kẻ khác.

- Khởi-hấn: gây chuyện để đánh nhau.

- Phạm-chí = đồng nghĩa với Bà-la-môn (Brahmana); ở trong Phẩm Bà-la-môn nầy, chữ Phạm-chí, Bà-la-môn lại có nghĩa là bực A-la-hán.

- Tâm tác-hại: Tác = làm; Hại = gây ra đau-khổ, hư-hại. Người có tâm tác-hại làm hại kẻ khác, gây ra đau-khổ cho họ. Trái ngược với tâm tác-hại là tâm từ-bi.

- Khổ-hận: đau-khổ và thù-oán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại đức nhẫn-nhục và tánh trầm-tĩnh của Tôn-giả Xá-lợi-phất: đang đi bị đập sau lưng, chẳng quay lại xem ai đánh mình, cứ thản-nhiên đi tới. Ý-nghĩa Tích chuyện lại nằm trong bài Kệ.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 389 và 390:

Ý-nghĩa của hai bài Kệ là đức nhẫn-nhục. Xin phân-tách hai bài Kệ:

1) "Xấu-hổ thay, ai đập Phạm-chí!": Tại sao xấu-hổ? Vì đã hành-hung một người tu-hành hiền-lành, chẳng hề làm hại gì đến ai.

2) "Xấu hổ hơn, Phạm-chí trả thù": Tại sao lại xấu-hổ hơn? Thông-thường, bị đập, đập lại trả-thù, đâu có chi quá xấu-hổ. Nhưng đã là Phạm-chí, nguyện tu-hành, bỏ cả sân-si, nay vì tức-giận mà trả thù, do đó, chẳng xứng với danh-nghĩa tu-hành, nên mới xấu-hổ hơn.

3) "Đối với người được gọi là Phạm-chí, Lợi chẳng nhỏ, nếu bỏ ý trả thù": Lợi chi mà chẳng nhỏ? Có ý trả thù là đang tạo ý-nghiệp ác, rồi sẽ bị tái-sanh vào cõi dữ. Đã là bực Phạm-chí, tu-tập để chứng được vô-sanh, thì lia hẳn được ác-ý trả-thù là lợi-lạc to-lớn khỏi còn bị ý-nghiệp dẫn đi tái-sanh trong các nẻo dữ của Luân-hồi.

4) Hai câu chót: tâm tác-hại được chận đứng chừng nào, thì sự khổ-hận được tiêu-trừ đến chứng ấy. Chận cách nào? Bằng tâm từ-bi.

(271).- Tích chuyện Ni-bà Ba-xà-ba-đề.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Ni-bà Ba-xả-ba-đề, dì ruột của Đức Phật.

Khi Thái-tử Tất-đạt-ta sanh ra được bảy ngày, Hoàng-hậu Ma-gia từ-trần; dì của Thái-tử là bà Ba-xà- ba-đề lên làm Hoàng-hậu, nuôi-dưỡng Thái-tử như con đẻ. Bấy giờ, bà Ba-xà-ba-đề cũng vừa sanh hoàng-tử Nan-đà được năm ngày, giao cho người vú nuôi, còn bà thì cho Thái-tử bú. Đến khi Thái-tử xuất-gia đi tu, thành Đạo, trở về thành Ca-tỳ-la-vệ thuyết-pháp, bà Ba-xà-ba-đề thỉnh-cầu Đức Phật cho phụ-nữ được gia-nhập Giáo-hội với tư-cách tỳ-kheo-ni. Đức Phật chẳng hứa-khả, mà trở về rừng Đại-lâm ở Tỳ-da-ly. Khi đức Vua Tịnh-phạn đã qua đời, bà Ba-xà-ba-đề liền cùng với năm trăm cung- nữ, cạo đầu, mặc nâu-sồng, đi chơn không, đến gặp Phật và thỉnh-cầu lần nữa. Đức Phật vẫn chẳng khứng. Tôn-giả A-nan nhìn thấy cảnh-tượng thê-thảm các vị phu-nhơn, áo quần rách-rưới, chơn tay trầy-trụa, đứng khóc lóc ngoài sân, động lòng vào năn-nỉ Phật. Đức Phật bảo, nếu chịu tuân-theo tám điều giới-luật đặc-biệt, thì được chấp-nhận vào Giáo-hội. Bà Ba-xà-ba-đề ưng-thuận tuân theo, và sau đó bà lên cầm đầu Ni-đoàn.

Thời-gian sau, có một số tỳ-kheo-ni nghĩ lầm, cho rằng bà Ba-xà-ba-đề lúc trước chẳng có làm lễ chánh-thức xuất-gia, chẳng có vị giáo-thọ đỡ-đầu, nên họ chẳng chịu dự các lễ Bố-tát, lễ An-cư kiết- hạ, do bà Ba-xà-ba-đề tổ-chức. Họ đến trình lý-do lên Đức Phật. Đức Phật dạy: "Nầy chư tỳ-kheo-ni, sao lại nghĩ sai-lầm như thế. Chính ta đưa ra tám điều giới-luật đặc-biệt để thành-lập Ni-đoàn, lại chính Ta là giáo-thọ đỡ-đầu cho Ni-bà Ba-xà-ba-đề. Chư ni chẳng nên nghi-nan về một bực A-la-hán như thế."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Với người, ác-nghiệp chẳng tạo nhơn,
Bằng thân, bằng miệng hay bằng ý,
Tự điều-phục trong ba đường ấy,
Như-lại gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 391.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ni-bà: bên Tăng có Hoà-thượng, Thượng-toạ, Đại-đức thì bên Ni có các cấp tương-đương: Ni-bà, Ni-sư và Ni-cô.

- Ba-xà-ba-đề: tên người dì ruột của Đức Phật, Pali là Mahàpajàpati

- Tất-đạt-ta: tên của Đức Thích-ca, khi chưa đi tu, Pali: Siddhatta

- Ma-gia: tên Hoàng-hậu, mẹ của Đức Phật, Pali là Màyà.

- Ca-tỳ-la-vệ: thủ-đô nước Xá-vệ (Sàvatthi), Pali là Kapilavatthu.

- Tỳ-kheo-ni: nữ tu-sĩ Phật-giáo, tiếng Pali là Bhikkhuni.

- Hứa-khả = hứa cho, ưng-thuận.

- Tỳ-da-ly: tên xứ nầy, tiếng Pali là Vesàlì.

- Mặc nâu-sồng = mặc áo màu dà, như người tu-hành.

- Tám điều giới-luật đặc-biệt: gồm có các điều bắt-buộc chư ni phải nhận sự ưu-tiên của chư tăng, như: một ni-cô dầu cao tuổi đạo cũng phải đứng sau một vị tỳ-kheo dầu chỉ mới thọ-giới có một ngày. Tám điều giới-luật đặc-biệt, tiếng Pali là Garudhamma.

- Ni-đoàn = đoàn-thể các nữ tu-sĩ Phật-giáo.

- Lễ Bố-tát = lễ tụng-đọc giới-luật vào đầu tháng và giữa tháng, tiếng Pali là Uposatha.

- Lễ an-cư kiết-hạ: vào ba tháng mùa mưa, tăng-ni chẳng đi ra ngoài khất-thực (sợ đạp côn-trùng), tu- tập nơi tịnh-xá (Pali: Pavàranà)

- Giáo-thọ: vị Tỳ-kheo dạy giáo-lý cho chư Tăng-ni.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại tiểu-sử của Ni-bà Ba-xa-ba-đề, dì ruột của Đức Phật. Bà đã đi bộ hơn trăm dặm đường để xin Phật chấp-nhận cho đi tu. Ý-nghĩa của Tích chuyện nêu lên quyết-tâm tu-hành của một vị Hoàng-hậu, để làm gương cho giới phụ-nữ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ:

Bài Kệ ít liên-quan đến Tích chuyện, dạy giữ ba nghiệp: thân, miệng, ý cho thanh-tịnh, bằng cách tự mình kềm-chế lấy chính mình.

Hai câu đầu của bài Kệ được dịch ra hơi khúc mắc, xin viết lại cho xuôi câu, như thế nầy: Đối với người tu-hành, chẳng nên tạo nguyên-nhơn gây ra ác-nghiệp, bằng thân, bằng miệng hay bằng ý.

(272).- Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất mỗi đêm hướng về thầy dạy đạo, lạy rồi mới đi ngủ.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc Tôn-giả Xá-lợi-phất, mỗi đêm hướng về Thầy dạy đạo của mình, lễ-lạy rồi mới đi nghỉ.

Thuở ấy, có một số tỳ-kheo thấy mỗi đêm, Tôn-giả Xá-lợi-phất thường hướng về một phương, thành- kính lễ-lạy, rồi mới đi ngủ. Họ cho rằng Tôn-giả còn chưa bỏ thói quen lễ-lạy sáu phương của các

người Bà-la-môn ngoại-đạo, nên mới đến trình lên Đức Phật. Đức Phật cho gọi Tôn-giả Xá-lợi-phất đến hỏi. Tôn-giả thưa: "Bạch Thế-tôn, con nhớ đến công-ơn của Trưởng-lão Át-bệ chỉ dạy cho con bài Kệ về Lý Nhơn-duyên, nhờ đó mà con tìm đến quy-y Tam-bảo và tu-hành đến nay. Mỗi đêm, con hướng về Người để lễ-lạy, và nằm ngủ đầu con hướng về đấy." Đức Phật rất bằng lòng và nói lên bài Kệ sau đây:

Trước nhờ ai chỉ ta vào cửa

Hiểu sâu Chánh-pháp Như-Lai dạy.
Hãy trang-trọng kính-lễ người ấy,
Như Bà-la-môn thờ thần lửa.
(Kệ số 392.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Lễ-lạy sáu phương: sáu phương là: Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Đây là tục-lệ Bà-la-môn ngoại-đạo, mỗi sáng lễ-lạy như thế. Trong Kinh Thiện-sanh (Singàla), thuộc Trường-Bộ-Kinh (Digha Nikàya) Đức Phật có dạy: phải hiểu sáu phương tượng-trưng cho: (1) cha-mẹ, (phương Đông); (2) thầy học,(phương Nam); (3) vợ-con,(phương Tây); (4) bạn-bè,(phương Bắc); (5) tôi-tớ (phương dưới); (6) các bực sa-môn (phương trên). Lạy sáu phương là giữ đúng bổn-phận mình đối với sáu hạng vừa kể, chớ chẳng phải để cầu phước theo ngoại-đạo mê-tín.

-Trưởng-lão Át-bệ (Assaji) = một trong năm vị tỳ-kheo nhóm Kiều-trần-như, trước đồng-tu khổ-hạnh với tu-sĩ Cồ-đàm, sau được Đức Phật giảng cho nghe Kinh Chuyển Pháp-Luân ở vườn Lộc-Uyển.

- Bài Kệ về Lý Nhơn-Duyên: xem lại trang 32, Tập 1, có cắt nghĩa

Muôn pháp do nhơn-duyên sanh
Cũng do nhơn-duyên mà diệt.
Thầy ta, Phật Đại Sa-môn
Thường nói rõ đúng như thế.
- Quy-y Tam-Bảo: tìm về nương-tựa ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một số tỳ-kheo lầm tưởng Tôn-giả Xá-lợi-phất còn giữ thói quen lễ sáu phương của ngoại-đạo. Tôn-giả giải-thích, vì kính-trọng Trưởng-lão Át-bệ đã chỉ đường cho mình vào cửa Đạo, nên mới hướng về Ngài mà lạy mỗi đêm như thế.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 392:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng, phải nhớ ơn và kính-lễ người đã đưa mình vào cửa Đạo.

Xin nói thêm: (1) "chỉ ta vào cửa" là chỉ cho ta vào cửa Đạo; (2)"Như Bà-la-môn thờ thần lửa": thờ lửa là mê-tín ngoại-đạo, phải bỏ; ở đây, bài Kệ chỉ muốn so-sánh hai sự thành-kính mà thôi, chớ chẳng khuyên ta thờ lửa. Vả lại, ở câu Kệ nầy, chữ Ba-la-môn chẳng hề có nghĩa là A-la-hán, như ở các bài Kệ khác trong Phẩm Bà-la-môn.

(273).- Tích chuyện vị Bà-la-môn Gia-thi-la.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Bà-la-môn tên Gia-thi-la.

Thuở ấy, có một người Bà-la-môn tu khổ-hạnh, nghĩ rằng, ta sanh ra thuộc dòng-dõi Bà-la-môn, vậy phải được gọi là Bà-la-môn đúng theo nghĩa các tỳ-kheo của đạo Phật. Anh ta đến nói lên ý-nghĩ với Đức Phật. Đức Phật đáp: "Nầy Phạm-chí, chẳng phải vì dòng-dõi, giai-cấp, hay vì tóc bện, mà ta gọi là Bà-la-môn. Người nào thông-hiểu thấu-đáo Bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu mới thật là bực Bà-la-môn."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Đâu vì giai-cấp, họ-hàng, tóc bện,
Mà được trở thành bực Bà-la-môn.
Chỉ ai CHÂN, CHÁNH, TINH đủ trọn-vẹn
Người ấy quả thật là Bà-la-môn.
(Kệ số 393.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Gia-thi-la: tên người Bà-la-môn nầy, tiếng Pali là Jatila.

- Tu khổ-hạnh = tu ép-xác, chịu kham-khổ quá mức.

- Bốn Chơn-Lý Nhiệm-Mầu: là Tứ Diệu-Đế, gồm có: (1) Khổ-đế, chơn-lý về đời là khổ; (2) Tập-đế, chơn-lý về nguồn-gốc gây ra sự Khổ; (3) Diệt-đế, chơn-lý về sự tận-diệt nổi Khổ; (4) Đạo-đế, chơn-lý về Bát-Chánh-Đạo, con đường thánh-lộ đưa đến sự chấm-dứt Khổ.

- Chân = chơn-lý, Sự-thật; Chánh = đúng-đắn, thẳng ngay; Tịnh = trong-sạch và vắng-lặng.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện là chẳng phải vì dòng-dõi, giai-cấp mà được gọi là Bà-la-môn, theo nghĩa A- la-hán; mà phải thông-hiểu, tu-tập viên-mãn Tứ-Diệu-Đế mới xứng danh là vị Bà-la-môn.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 393:

Bài Kệ nêu lên ba đức-tánh cần tu-tập mới xứng-danh Bà-la-môn:

1) Chân: hiểu rõ chơn-lý của Tứ-Diệu-đế;

2) Chánh: theo đúng con đường Bát-Chánh-Đạo;

3) Tịnh: sống cuộc đời tu-hành thanh-tịnh.

(274).- Tích chuyện người Bà-la-môn lừa-gạt.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tu-viện Cưu-ta-ga, xứ Tỳ-da-ly, trong một kỳ giảng-pháp, có đề- cập đến một người Bà-la-môn lừa-gạt.

Thuở ấy, trong thành Tỳ-da-ly, có một người Bà-la-môn nghĩ ra một cách để lừa-gạt dân-chúng. Anh ta leo lên cửa thành, lộn đầu xuống treo tòn-ten như con dơi, và nói

rằng: "Mau đem đến cho ta đủ một trăm con trừu, một trăm tiền vàng và một chục người nô-lệ, bằng không ta buông mình xuống thì cả

thành Tỳ-da-ly nầy sẽ bị tiêu-diệt." Dân-chúng nghe nói hoảng-sợ, xúm nhau đem đủ số tiền, thú và nô-lệ cho y và mời y trở xuống đất. Bấy giờ, các vị tỳ-kheo nghe được tin-tức đó mới thưa trình cùng Đức Phật. Đức Phật bảo, kẻ lừa-dối kia chỉ phỉnh-gạt được người ngu, còn bực có trí ai lại tin hắn."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Ngu ơi! Bện tóc có ích gì?
Mặc áo da dê được lợi chi?
Nội-tâm phiền-não còn rối-rắm,
Sao cố điểm tô ở ngoại-vi?
(Kệ số 394.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Cưu-ta-ga: tên tu-viện nầy, tiếng Pali là Kùtàgàra.

- Tỳ-da-ly: tên xứ nầy, tiếng Pali là Vesàli.

- Phỉnh-gạt = lừa dối, gạt-gẫm.

- Nội-tâm: Nội = bên trong; Tâm = lòng. Nội-tâm là trong lòng.

- Điểm tô = trang-điểm, chưng-diện cho đẹp.

- Ngoại-vi: Ngoại = bên ngoài; Vi = chung-quanh. Ngoại-vi là bên ngoài; ở đây, muốn nói cứ lo chưng-diện bề ngoài, chẳng lo tu tâm bên trong để cho dứt được các phiền-não còn rối-rắm.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc buồn-cười của dân-chúng thành Tỳ-da-ly bị người Bà-la-môn lừa-gạt. Đức Phật bảo người ngu dễ bị gạt, còn người có trí thì không.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 394:

Nhơn vệc người Bà-la-môn lừa gạt dân ngu, Đức Phật dạy, mấy kẻ Bà-la-môn lo chưng-diện bên ngoài, bện tóc, mặc áo da dê nào có ích-lợi chi cho việc tu-tập, chẳng biết lo dứt trừ phiền-não rối-rắm ở bên trong tâm là những kẻ ... ngu ơi là ngu!

(275).- Tích chuyện Ni-bà Kỷ-sa-cơ tu khổ-hạnh.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ trên đỉnh núi Linh-thứu, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng- pháp, có đề-cập đến Nữ trưởng-lão Kỷ-sa-cơ, vị Ni-bà tu khổ-hạnh vào bực nhứt.

Một hôm, vua Trời Đế-Thích cùng với chư Thiên đến đảnh-lễ Đức Phật tại núi Linh-sơn. Bấy giờ, Nữ Trưởng-lão đang thi-triển thần-thông, vừa bay đáp xuống, định vào lạy Đức Phật. Thấy chư Thiên đang đứng trước hương-phòng, Ni-bà bước lui ra. Vua Trời Đế-Thích trông thấy, mới thưa hỏi Phật đó là ai vậy. Đức Phật đáp: "Nầy Thiên-đế, đó là tỳ-kheo-ni Kỷ-sa-cơ. Trước đây, khi đứa con trai yêu- quí vừa mất, Kỷ-sa-cơ đau-buồn đến gặp Như-Lai. Sau khi nghe giảng về lý vô-thường, bất-toại- nguyện và vô-ngã của muôn pháp hữu-vi, Kỷ-sa-cơ chứng được sơ-quả, gia-nhập Ni-đoàn, tu khổ- hạnh, mặc áo phấn-tảo, sống cô-độc nơi rừng vắng, chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người mặc áo phấn-tảo,
Da lộ gân, thân gầy,
Cô-độc hành-thiền giữa rừng cây,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 395.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ni-bà, Nữ Trưởng-lão: nữ tu-sĩ Phật-giáo có nhiều tuổi đạo, ngang hàng với Hoà-thượng bên nam- giới.

- Kỷ-sa-cơ = tên vị Ni-bà nầy, tiếng Pali là Kisàgotamì; tiểu-sử được kể lại nơi Tích chuyện số (93), trang 299, Tập 2, Kinh nầy.

- Tu khổ-hạnh = tu theo kỷ-luật khắt-khe, ăn-mặc rất kham-khổ.

- Vua Trời Đế-Thích: vua cõi trời Đao-lợi, tên tiếng Pali là Sakka.

- Linh-thứu, Linh-sơn = tên đỉnh núi Gijjhakùta giống hình chim thứu (=kên-kên), xoè cánh ra; gần thành Vương-xá (Ràjagaha), xứ Ma-kiệt-đà (Magadha). Nơi đây, Đức Phật từng giảng Kinh Pháp- Hoa.

- Thi-triển thần-thông = dùng các sức đặc-biệt khác thường như bay bổng trên không, đi trên mặt nước, nhờ ở định-lực tu-hành cao.

- Hương-phòng = căn phòng có hương thơm, dành riêng cho Đức Phật, tiếng Pali là Gandhakutì.

- Vô-thường = chẳng thường còn, thay đổi luôn và sẽ bị hoại-diệt.

- Bất-toại-nguyện = chẳng làm vừa-ý, thường gây ra đau-khổ.

- Vô-ngã = chẳng có linh-hồn, chẳng có tự-ngã, bổn-thể rỗng.

- Muôn pháp hữu-vi: tất cả sự-vật có hình-tướng, bị thay đổi, sẽ tiêu-hoại; thường được dịch là sự-vật bị điều-kiện-hoá, nghĩa là tuỳ theo điều-kiện chung quanh mà biến-đổi để đi đến hoại-diệt.

- Sơ-quả: quả-vị đầu-tiên: Tu-đà-huờn, hay Nhập-Lưu, Thất-Lai.

- Áo phấn-tảo: còn gọi là nạp-y, lượm các giẻ rách bỏ nơi đống rác, đem về giặt, may làm áo.(Phấn = bụi dơ, phẩn; tảo = quét, rác.)

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt. Bực A-la-hán diệt xong phiền-não, dứt mọi ham-muốn, chứng vô- sanh (=chẳng còn bị tái-sanh trong cõi Luân-hồi), sống an-nhiên, tự-tại trong cảnh Niết-bàn.

- Hành-thiền: tu-tập Thiền-định, giữ thân-tâm an-tịnh.

- Bà-la-môn: nghĩa đặc-biệt ở đây là A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Đức Phật giới-thiệu bà Kỷ-sa-cơ tu khổ-hạnh với vua Trời Đế-Thích.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là dẫn đến bài Kệ về lối tu khổ-hạnh, tự đặt mình trong kỷ-luật khắt-khe, chịu kham-khổ để sớm đạt được mục-tiêu chứng đắc vô-sanh, sống an-nhiên trong cảnh Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 395:

Bài Kệ mô-tả người tu khổ-hạnh để sớm chứng-đắc được quả-vị A-la-hán. Xin phân-tách từng câu:

1) "Người mặc áo phấn-tảo": Áo phấn-tảo bằng giẻ vụn, dơ, lượm ở đống rác, tượng-trưng cho sự từ- khước các tiện-nghi vật-chất, như ăn mặc đẹp.

2)"Da lộ gân, thân gầy": vì ăn-uống kham-khổ, thân-thể gầy, lộ gân; mục-đích là kềm-chế thân để thanh-lọc tâm.

3)"Cô-độc hành-thiền giữa rừng cây": biết "sống một mình" chuyên-tâm tu tập Thiền-định, dẹp mọi phiền-não, tham-muốn.

4) "Như-lai gọi là Bà-la-môn": xứng-danh là bực A-la-hán.

(276).- Tích chuyện vị Bà-la-môn ở Xá-vệ đến hỏi Phật.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị Bà-la-môn đến thưa hỏi Đức Phật.

Thuở ấy, ở nước Xá-vệ, có một người Bà-la-môn, cha-mẹ thuộc giai-cấp Bà-la-môn, đến hỏi Đức Phật, sanh ra từ bụng mẹ Bà-la-môn có đáng được gọi là Bà-la-môn như các vị tỳ-kheo chứng-quả A-la-hán chăng? Đức Phật đáp: "Nầy Phạm-chí, ta chẳng gọi là Bà-la-môn, kẻ nào chỉ vì sanh ra từ cha-mẹ thuộc dòng Bà-la-môn. Bực Bà-la-môn phải là người đã dẹp xong các lậu-hoặc, cắt đứt sự luyến-ái vào cuộc đời ở cõi Luân-hồi."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Như-Lai chẳng gọi là Bà-la-môn
Kẻ từ bụng mẹ Phạm-chí sanh ra,

Nếu tâm còn phiền-não
Chỉ đáng gọi "mầy tao".
Người thoát-ly luyến-ái và phiền-não,
Như-Lai mới bảo là Bà-la-môn.
(Kệ số 396.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xá-vệ: tên nước nầy, nơi Đức Phật sanh ra, tiếng Pali: Sàvatthi.

- Bà-la-môn = Phạm-chí = giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ, tiếng Pali là Brahmana. Trong Phẩm Bà-la- môn của Kinh Pháp-Cú, chữ Bà-la-môn được Phật dùng để chỉ các bực tu-hành đã chứng quả A-la- hán.

- Lậu-hoặc = Lậu = rỉ chảy ra; Hoặc = chổ dơ-bẩn; điều sái-quấy. Chữ Lậu-hoặc, dịch chữ Àsava, nghĩa đen là mủ chảy ra từ mụt nhọt, nghĩa bóng chỉ các phiền-não (như tham, sân, si) khởi lên trong tâm, bộc lộ ra ngoài bằng cử-chỉ xấu, lời nói ác.

- Luyến-ái: Luyến = mê-luyến, tríu-mến; Ái =thương, thích. Chữ Ái-luyến hay Khát-ái, hay Tham-ái, dùng để dịch chữ Tanhà, sự thèm-khát, cố đòi cho được, như kẻ uống nước mặn bị khát. Chính sự luyến-ái, bám vào đời sống vui ít khổ nhiều nầy là nguyên-nhơn tạo nên Khổ

- Luân-hồi: Luân = bánh xe; Hồi = trở lại; Luân-hồi, dịch chữ Pali Samsàra, chỉ vòng lẩn-quẩn sanh ra chết đi, sanh lại để chết nữa, cứ như bánh xe lăn tròn vòng quay mãi.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư cao nhứt trong hàng Thanh-văn (Thanh-văn, Pali là Savaka, các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh mà tu-tập; Thanh = âm-thanh, Văn = nghe.) Bực A-la-hán (Arahant) đã dứt hết các phiền-não trong tâm (chẳng còn tham, sân, si, mạn, nghi, tà-kiến) bỏ hết mọi ham-muốn (tận- diệt tham-ái, Tanhà), chứng được vô-sanh (chẳng còn bị tái-sanh nữa, nên khỏi phải chịu Khổ trong Luân-hồi), sống tự-tại, an-nhiên trong cảnh Niết-Bàn(= tâm trạng người dứt mọi khổ-đau, sống trong cảnh hằng vắng-lặng, an-vui.)

- Như-Lai: Như = như thế; Lai = đến. Chữ Như-Lai dịch chữ Pali là Tathàgata, (Tathà = như thế; gata = đi qua); Đức Phật thường tự-xưng là Như-Lai khi nói chuyện với kẻ khác; các đệ-tử gọi Ngài là Thế- tôn. Tronh Kinh Kim-Cang, chữ Như-Lai được định-nghĩa: chẳng từ đâu tới, cũng chẳng đi về đâu, để chỉ đến pháp-thân của Phật.

- "Mầy-tao": tạm dùng tiếng sỗ-sàng bình-dân mày, tao, mi, tớ của Việt-Nam để dịch chữ Bho trong nguyên-văn Pali: Bhoyadi. Chữ Bho dùng để nói, một cách thiếu lễ-độ, với kẻ dưới hay ngang hàng. Thiện-Nhựt xin chấp tay sám-hối sự vụng-về trong lời dịch nầy.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất đơn-sơ nhưng ý-nghĩa rất thâm-trầm: một người mà cha-mẹ là dòng Bà-la-môn đến hỏi Phật, anh ta có được gọi là Bà-la-môn chăng? Theo nghĩa thông-thường, hắn quả là người Bà-la- môn, nhưng hắn chẳng có được các đức-tánh của bực Bà-la-môn mà Đức Phật dành cho các bực đã chứng quả Thánh A-la-hán.

Nghĩa sâu của Tích chuyện là chớ quá tự-hào vì được sanh vào nơi dòng-họ sang.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 396:

Chỗ đáng ghi nhớ trong bài Kệ là: Người.. nếu tâm còn phiền-não, chỉ đáng gọi là "mầy tao", chẳng cần phải tôn-trọng, vì người ấy còn kém đức-hạnh. Với người đã thoát-ly luyến-ái và phiền-não, ta mới tôn-kính mà gọi là bực Bà-la-môn.

(277).- Tích chuyện Tỳ-kheo Úc-ga.

Tích chuyện nầy tiếp theo Tích chuyện số (245) về người diễn trò nhào lộn.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến tài nhào-lộn của tỳ-kheo Úc-ga.

Thuở ấy, thanh-niên Úc-ga là con nhà giàu, vì mê nhan-sắc cô đào trong gánh xiệc, xin cưới cô, rồi bỏ nhà, theo gánh hát. Được cha vợ dạy cho nghề nhào-lộn, Úc-ga trình-diễn cũng được nhiều người hoan-nghinh. Một hôm, Úc-ga đang trỗ tài nhào lộn, thì đoàn khất-thực của Đức Phật đi đến. Dân- chúng quay lại nghe Đức Phật thuyết-pháp. Đứng trên cây sào cao hơn mười thước, Úc-ga lắng nghe lời Phật dạy, mới tỉnh-ngộ, xin xuất-gia. Từ đó, Úc-ga tinh-tấn tu-hành, chứng được quả-vị A-la-hán. Các vị đồng-tu thường hỏi Úc-ga, khi leo lên cây sào cao như thế, trong lòng có sợ-hãi không. Úc-ga trả lời, không. Các vị tỳ-kheo chẳng tin, mới bạch lại với Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, một vị A-la-hán đã tháo bỏ xong mọi xiềng-xích kết-sử, chẳng bao giờ sợ-hãi cả."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người đã cắt đứt mọi kết-sử,
Chẳng còn sợ-hãi, chẳng đắm-trước,
Thoát khỏi tất cả mọi ràng-buộc,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 397.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Úc-ga: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Uggasena.

- Gánh xiệc: Xiệc, (chữ Pháp: cirque), gánh hát diễn trò nhào lộn.

- Tỉnh-ngộ: Tỉnh = thức-tỉnh, hết mê; Ngộ = hiểu rõ. Tỉnh-ngộ là nay hiểu rõ biết trước mình đã lầm.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt; tiếng Pali là Arahant. Theo giáo-lý Bắc-tông, chữ A-la-hán có ba nghĩa: (1) Ứng-cúng, xứng-đáng được Trời, Người cúng-dường; (2) Sát-tặc, giết hết giặc, giặc phiền- não; (3) Vô-sanh, chẳng còn bị tái-sanh trong Luân-hồi nữa.

- Xiềng-xích: dây sắt để trói tay, còng chơn.

- Kết-sử: Kết = buộc chặt; Sử = sai-khiến. Có mười kết-sử là những mối ràng-buộc, thúc-đẩy, sai-sử con người làm điều quấy. Tiếng Pali là Sanyojana, dịch là thúc-thằng (thúc = trói buộc; thằng = sợi dây). Các kết-sử quan-trọng là tham, sân, si, mạn, nghi, giới-cấm-thủ, thân-kiến.

- Đắm-trước: Đắm = say-đắm; Trước = dính vào, gắn vào. Đắm-trước là vì mê-say, ham-muốn quá nên mắc kẹt vào đó.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nhắc lại cuộc đời phiêu-lưu của Úc-ga, có tài nhào-lộn, sau xin xuất-gia, tu-tập chuyên- cần, chứng được quả A-la-hán. Được hỏi khi leo cao trên cây sào, có sợ-hãi không, Úc-ga đáp là không. Ý-nghĩa của Tích chuyện là với người đã bỏ mọi ràng-buộc, hết tham-đắm nữa, thì chẳng còn sợ-hãi gì nữa.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 397:

Bài Kệ rất rõ nghĩa, cùng có một ý-nghĩa như Tích chuyện: đối với người đã lìa khỏi mọi ràng-buộc, thì chẳng còn sợ-hãi chi nữa.

(278).- Tích chuyện đấu trâu.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến hai người Bà-la-môn đấu trâu.

Thuở ấy, ở thành Xá-vệ, có hai người Bà-la-môn, mỗi người có một con trâu cui; người nào cũng cho rằng trâu mình mạnh và giỏi nhứt, chẳng ai chịu thua ai. Sau cùng, họ đem trâu ra đấu với nhau. Họ dẫn trâu ra bờ sông, lấy dây buộc trâu vào một chiếc xe đổ đầy đất cát, rồi cho trâu kéo lên bờ, con nào lên được trước thì thắng. Đôi trâu hùng-hục kéo, chẳng xe nào chuyển bánh cả, lát sau, dây đứt hết. Có một nhóm tỳ-kheo đi tắm, trông thấy, mới về trình sự-việc lên Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư tỳ-

kheo, các sợi dây buộc trâu mà ta nhìn thấy đó, cũng dễ tháo gỡ, cũng dễ bứt đứt. Nhưng các sợi đai sân-hận, với dây cương tham-ái ở bên trong tâm, rất khó tháo, tỳ-kheo các ông phải nên sớm cắt bỏ đi."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Bỏ đai da"sân", cắt cương "ái-mộ";
Chặt dây "tà-kiến", phụ-tùng "tùy-miên".
Phá chốt "vô-minh", đã giác-ngộ,

Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 398.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Trâu cui = trâu đực, to-lớn, mạnh-mẽ và hơi ... cứng đầu.

- Sợi đai = dây da buộc ở bụng ngựa.

- Dây cương = dây buộc vào mõm ngựa, để điều-khiển ngựa chạy theo ý mình.

- Sân-hận: Sân = giận; Hận = hờn, thù.

- Tham-ái: Tham = ham muốn quá; Ái = thương, thích.

- Ái-mộ: Ái = thương, thích; Mộ = mến, tríu-mến.

- Tà-kiến: Tà = xiêng-xéo, chẳng ngay thẳng; Kiến = ý-kiến. Trái với Tà-kiến là Chánh-kiến, ý-kiến ngay thẳng, đứng-đắn, chơn-chánh.

- Phụ-tùng: Phụ = phụ-thuộc; Tùng = theo. Đồ phụ-tùng là những vật phụ-giúp vào một vật khác, để cho tốt hơn.

- Tuỳ-miên: còn đang ngủ đó (miên = ngủ); ý nói chưa bị diệt hẳn, gốc còn đó, sẽ có hồi nổi trở dậy.

- Chốt = cái then để gài cửa; chặn, khóa, đóng lại.

- Vô-minh: Vô = chẳng; Minh = sáng. Vô-minh là si-mê, ngu-tối.

- Giác-ngộ: Giác = biết; Ngộ = hiểu rõ. Giác-ngộ là nay hoàn-toàn biết rõ, hiểu rõ, chẳng còn mê-tối như trước nữa.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Nhơn việc đấu trâu, dây buộc trâu bị đứt, Đức Phật dạy, còn có sự ràng-buộc quan-trọng hơn là các sợi dây trói thú-vật bên ngoài dễ thấy, dễ tháo đó: sự sân-hận, sự tham-ái bên trong tâm, cần phải mau mau cắt đứt để sớm được giác-ngộ và giải-thoát.

(2) Ý-nghĩa của Bài Kệ số 398:

Muốn hiểu bài Kệ số 398 cho dễ, cần phải tưởng-tượng một con ngựa, với tất cả những đồ bắt-kế ngựa, như dây đai, yên, cương v.v. để khớp ngựa lại.

Ý-nghĩa của bài Kệ: sự ràng-buộc của các phiền-não, kết-sử, còn chặt-chẽ, khó tháo-gỡ hơn các sợi dây trói buộc bên ngoài.

Xin phân-tách từng "món" ràng-buộc được kể trong bài Kệ:

1) Bỏ đai da "sân": Giận là một tình-cảm mạnh và dai-dẳng, tựa như sự bền-chặt của sợi đai bằng da trâu đang trói-buộc. Người giận dai thường nói trong bụng: mối hận nầy sống để bụng, chết mang theo! Giận như thế, chỉ có hại cho mình, tâm chẳng yên. Để

dẹp mối giận, dùng sự nhẫn-nhục mà đối- trị. Tha-thứ cho kẻ làm mình giận, đó là mình tha cho tâm mình khỏi mang nặng tình-cảm xấu.

2) Cắt cương 'ái-mộ': sự luyến-ái là một tình-cảm êm-dịu nhưng sức mạnh thúc-dục, sai-khiến mình lại lớn, khó mà tránh chẳng tuân theo được; cũng tựa như sợi dây cương buộc ở miệng ngựa, hễ giựt mạnh bên nào là ngựa phải quay đầu về bên ấy. Vì êm-dịu chẳng muốn cởi-bỏ đi, nên sự luyến-ái mới ràng-buộc lâu, đeo-đẳng mãi. Để dẹp sự luyến-ái, phải bỏ tánh so-đo, quá thương vật nầy, quá ghét vật kia, giữ tâm cho bình-thản, đừng tríu-mến mà cũng đừng ghét-bỏ.

3) Chặt dây 'tà-kiến': Tà-kiến là các ý-nghĩ sai-lầm, vì ngu-tối mà nuôi-dưỡng trong tâm. Dùng trí- huệ sáng-suốt mà chặt đứt tà-kiến

4) Phụ-tùng 'tùy-miên': nói cho dễ hiểu, đó là các tình-cảm chẳng tốt, còn đang nằm yên ngủ trong tâm, gặp cơ-hội sẽ nổi dậy. Thường có bảy món phụ-tùng 'tùy-miên': dục (=ham-muốn), tham, sân, si, mạn, nghi và tà-kiến. Bỏ các phụ-tùng nầy cách nào? Phải tỉnh-giác, hễ chúng chổi dậy, là biết ngay để dẹp chúng xuống.

5) Phá chốt 'vô-minh': đây là hình-ảnh rất linh-động, ví sự vô-minh, ngu-tối như cái then cài kín, chẳng cho tâm-trí mở rộng ra để vươn lên Chơn-lý. Phá cái chốt vô-minh bằng cách nào? Phải chăm- chỉ và chuyên-cần học-tập Chánh-pháp.

6) Đã giác-ngộ: Giác-ngộ là hiểu-hiết rõ. Có giác-ngộ nhỏ, khi nhờ tỉnh-giác mà nhận thấy lỗi mình; có giác-ngộ lớn, khi chứng được đạo và quả. Trở thành bực Đại-giác thì còn lâu, còn dài và chẳng dễ, nhưng hãy tỉnh-giác, một niệm quấy khởi lên, chánh-niệm biết ngay, đó là con đường đi từ tiểu-ngộ đến đại-giác, tuy chậm mà chắc.

(279).- Tích chuyện bốn anh em lỗ-mãng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bốn người anh em Bà-la-môn ăn nói lỗ-mãng.

Thuở ấy ở thành Vương-xá, có một người Bà-la-môn tên Bát-lạp-hoà, vợ lại tin theo đạo Phật, mỗi khi nhảy mũi hay giựt mình bị ai thình-lình đụng phải, thì miệng bà liền nói: "Nam-mô Phật!". Hôm ấy, Bát-lạp-hoà mời bạn-hữu đến ăn tiệc. Trong khi bưng món ăn lên, người vợ bỗng nhảy mũi, và nói to: "Nam-mô Phật!" Người chồng chẳng ưa gì đạo Phật, tức mình lên, mới đến gặp Phật, định nói hỗn với Phật và đặt câu hỏi thật khó cho Phật trả lời. Anh ta hỏi hai câu. Câu thứ nhứt: "Phải giết chết những gì để có thể được sống an-vui và có hạnh-phước?" Đức Phật đáp: "Phải giết sân-hận mới sống được hạnh-phước." Câu thứ hai: "Diệt pháp nào thì được chấp-nhận?" Đức Phật bảo: "Chư Phật trong ba đời đều khen ngợi sự tận-diệt sân-hận." Nghe Phật giải-đáp rõ-ràng, vị Bà-la-môn lấy làm thoả-mãn, liền xin Đức Phật cho quy-y, và xuất-gia ngay hôm ấy.

Bát-lạp-hoà còn có ba người em tánh hay lỗ-mãng cũng như anh ngày trước. Người em thứ nhì, tên Ác-câu, khi hay tin anh mình đã gia-nhập Tăng-đoàn, liền nổi-giận, chạy đến chùa, nói nhiều lời hỗn- láo với Đức Phật. Đức Phật điềm nhiên hỏi: "Nầy ông Ác-câu, thí-dụ như nhà ông mở tiệc mời khách đến ăn. Nếu khách chẳng nhận dự tiệc, thì các thức ăn lại thuộc về ai?" Ác-câu đáp, thì tôi sẽ ăn hết. Đức Phật nói tiếp: "Ông đã

dùng lời thô-ác nói với Ta mà Ta chẳng nhận, vậy các lời lỗ-mãng đó lại quay về với ông." Ác-câu bừng tỉnh, hiểu được chỗ thâm-thúy trong lời Phật dạy, liền qùi xuống xin quy-y.

Hai người em của Ác-câu, hay tin hai anh mình nay đã làm tỳ-kheo, tức-giận lắm, đến nói lời thô-ác với Đức Phật và cũng được Đức Phật lấy sự nhẫn-nhục và trầm-tĩnh mà cải-hoá. Chư Tăng tán-thán công-đức Phật cải-hoá cả bốn anh em Bát-lạp-hoà. Đức Phật dạy: "Đừng bao giờ làm hại kẻ đã hại mình, hãy nhẫn-nhục chịu đựng mà làm nơi nương-tựa cho kẻ khác."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng sân-hận, nhận lời trách-móc,
Cam chịu cực-hình và roi-vọt
Lấy nhẫn làm sức mạnh ba quân,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 399.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Lỗ-mãng: lời nói hung-dữ làm mất lòng người nghe.

- Bát-lạp-hoà: tên vị nầy, Pali là Bhàradvàja; Ác-câu = Akkosaka.

- Nam-mô Phật: Pali là Namo Buddha = Kính lạy Đức Phật.

- Sân-hận: Sân = giận; Hận = hờn, thù-oán.

- Quy-y: Quy = quay về; Y = nương-tựa. Quy-y = tìm về nương-tựa tinh-thần nơi Đức Phật, Chánh- Pháp và Tăng.

- Tăng-đoàn: đoàn thể các vị tu-sĩ Phật-giáo, từ bốn người trở lên

- Thâm-thúy = ý-nghĩa sâu-xa, đúng với Chơn-lý.

- Cực-hình: hình-phạt nặng-nề.

- Nhẫn-nhục = nhịn-nhục bền chí chịu đựng, chẳng oán hờn.

- Ba quân = quân-đội; lính bộ, lính thủy, lính cởi ngựa (ngày xưa.)

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Đức Phật cảm-hoá cả bốn người anh em lỗ-mãng bằng đức nhẫn-nhục và sự trầm-tĩnh.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: hoà-nhã trước lời hỗn-láo, sẽ khiến cho kẻ đối-thoại phải hổ-thẹn trong lòng.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 399:

Ý-nghĩa của bài Kệ nằm gọn trong câu: "Lấy nhẫn làm sức mạnh ba quân", có nghĩa là dùng sự nhẫn- nhục để đối-phó với mọi sự khó-khăn, cũng như đó là sức mạnh của Quân-đội chống-đỡ kẻ thù.

Thông-thường, hễ nhịn ai thì người khác cho đó vì yếu-kém mà chịu thua, để bị hiếp-đáp. Nhưng biết nhịn khi mình yếu, chẳng gây thêm đổ-vỡ, đó là khôn-ngoan tránh trước cái hại to-lớn. Vả lại, biết

mình đang nhịn, chẳng phải là mình đang thua đâu; trái lại, người biết nhịn là người đang thắng. Thắng ai đâu? Thắng chính mình, thắng được lòng oán-ghét đang nổi lên khỏi kéo dài để làm khổ lòng mình.

(280).- Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất nhẫn-nhục nghe mẹ nhiếc-móc.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến đức nhẫn-nhục của Tôn-giả Xá-lợi-phất khi bị mẹ nhiếc-móc.

Thuở ấy, Tôn-giả hướng-dẫn một số đông tỳ-kheo trở về quê cũ ở làng Na-la-ca, đến trước cửa nhà mình mà khất-thực. Mẹ của Tôn-giả, vốn là người ngoại-đạo, mời tất cả vào nhà, dọn thực-phẩm lên đãi. Khi sớt món ăn vào bát của Tôn-giả Xá-lợi-phất, bà mẹ nói: "Con lại đi ăn đồ thừa, bỏ cả gia-tài to-lớn để làm tỳ-kheo, hại cả nhà mẹ của con!" Tôn-giả lẵng-lặng ngồi nghe, mặt chẳng đổi sắc. Khi chia thức ăn cho các tỳ-kheo, bà mẹ lại nói: "Các ông bắt con tôi theo hầu-hạ, đây thức-ăn, dùng đi!" Tôn-giả im-lặng thọ-thực, rồi từ-tốn đứng dậy, ôm bình bát về chùa.

Các vị tỳ-kheo đi theo, khen ngợi đức nhẫn-nhục của Tôn-giả với Đức Phật. Đức Phật bảo: "Đối với bực A-la-hán, chẳng hề nổi nóng, chẳng hề để sân-hận khởi lên bao giờ."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Chẳng sân-hận, làm tròn bổn-phận.
Giới-hạnh trang-nghiêm, tham-ái tận,
Căn nhiếp-phục, thân nầy là chót,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 400.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Xá-lợi-phất: tên Tôn-giả, tiếng Pali là Sàriputta, nghĩa là con của bà Sàri. Sàri là chim Thu, nên Tôn- giả còn được gọi là Xá-lợi-tử, hay là Thu-tử.

- Na-la-ca: tên làng nầy, tiếng Pali là Nàlaka.

- Trúc-lâm, Vương-xá: tịnh-xá cất trong vườn trúc của vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara), gần thủ-đô Vương-xá (Ràjagaha) nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

- Nhiếc-móc = mắng-mỏ.

- Thọ-thực: đang ăn các đồ-ăn nhận được.(Thọ = nhận; Thực = ăn)

- Giới-hạnh trang-nghiêm: giữ tròn các điều răn-cấm cẩn-thận

- Tham-ái tận: Tham = ham muốn quá; Ái- = thương, thích; Tận = dứt hết sạch. Tham-ái tận là dứt hết mọi ham-muốn.

- Căn nhiếp-phục: Căn là các giác-quan như mắt, tai, mũi, lưỡi,.. Nhiếp-phục = khéo kềm-giữ, chẳng cho chạy theo cảnh-sắc bên ngoài.

- Bà-la-môn: ở đây có nghĩa là bực A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại gương nhẫn-nhục của Tôn-giả Xá-lợi-phất. Sự nhẫn-nhục nầy rất khó thực-hiện, vì Tôn-giả bị mẹ mắng-mỏ ngay trước mặt các vị tỳ-kheo học-trò của mình.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 400:

Ý-nghĩa của bài Kệ đề-cao đức nhẫn-nhục, như nơi bài Kệ trước. Xin phân-tách từng câu, để ghi thêm vài điểm quan-trọng:

1) Chẳng sân-hận, làm tròn bổn-phận: Bổn-phận nào? Bổn-phận của tỳ-kheo: tu sao cho dứt phiền- não, để chứng quả-vị A-la-hán;

2) Giới-hạnh trang-nghiêm: Giới đứng đầu trong tam-học (=giới, định, huệ), giữ giới hoàn-toàn mới có định-tâm, và trí-huệ phát-sáng.

3) Căn nhiếp-phục: làm chủ các giác-quan, chẳng cho dính-mắc theo cảnh-vật bên ngoài, để giữ tâm bên trong thanh-tịnh.

4) Thân nầy là chót: tức là chẳng còn bị tái-sanh để mang lại thân-tâm khác ở cõi Luân-hồi; nói cách khác, đã chứng được vô-sanh.

5) Như-Lai gọi là Bà-la-môn: đấy là bực A-la-hán (Arahant).

(281).- Tích chuyện Ni-bà Bích-Liên.

Tích chuyện nầy tiếp theo Tích chuyện số (54) về Nữ Trưởng-lão Bích-Liên.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến Ni-bà Bích-Liên.

Thuở ấy, tỳ-kheo-ni Bích-Liên sống một mình trong am vắng nơi rừng Hắc-lâm, bị kẻ bất-lương là Nan-đà hãm-hiếp.

Khi biết sự-việc đó, các tỳ-kheo mới hỏi Phật, chẳng biết bực A-la-hán có còn dục-tình, cảm thấy khoái-lạc về nhục-thể nữa không, vì dầu sao thân vật-chất của mọi người cũng giống nhau. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, bực A-la-hán chẳng đắm mình trong thú-vui thể-xác, chẳng vướng vào các trần, chẳng đeo theo sự thoả-mãn của các căn, khác nào như nước đổ trên lá sen, như hột cải để trên đầu mũi kim."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Như nước đổ trên lá sen,
Như hột cải trên đầu kim,
Người dục-lạc chẳng ố-hoen,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 401.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ni-bà: tỳ-kheo-ni ngang hàng với Hoà-thượng bên nam-giới.

- Bích-Liên: tên Ni-bà, tiếng Pali là Uppalavannà, bông sen xanh.

- Hắc-lâm = khu rừng u-tối, tiếng Pali là Andhavana. (Hắc = đen)

- Hãm-hiếp = cưỡng-bức ép việc gian-dâm.

- Dục-tình = sự ham-muốn giao-hợp giữa trai gái.

- Dục-lạc = Dục = muốn; Lạc = thú vui. Dục-lạc là thú vui vật-chất.

- Khoái-lạc = sự sung-sướng, nhứt là về thể-chất.

- Căn, trần: sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi và da; các trần là sắc (hình-sắc), thanh (âm-thanh), hương, vị, xúc (cảm-xúc), pháp (sự-vật).

- ố-hoen: nhiễm dơ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nhắc lại câu hỏi của các vị tỳ-kheo, A-la-hán còn hưởng dục-lạc về thân-xác không? Đức Phật đáp, A-la-hán đã dẹp bỏ mọi dục-lạc; các thú-vui vật-chất chẳng cám-dỗ được, như nước đổ trên lá sen chẳng dính, như hột cải để trên mũi kim chẳng đứng vững.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 401:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ-ràng: có dẹp bỏ mọi dục-lạc, lìa xa mọi thú-vui vật-chất và thể-xác, thì mới chứng được quả-vị A-la-hán.

(282).- Tích chuyện người nô-lệ đắc quả A-la-hán.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị A-la-hán, trước làm nô-lệ cho một người Bà-la-môn.

Thuở ấy, có một người nô-lệ trẻ tuổi, được chấp-nhận vào Tăng-đoàn, tu-hành thật tinh-tấn nên sớm chứng quả A-la-hán. Một hôm, vị ấy cùng với Đức Phật, đi khất-thực trong thành Xá-vệ. Bỗng người chủ cũ trông thấy, mới chạy lại nắm chặt lấy áo cà-sa. Đức Phật hỏi nguyên-do, người chủ bảo, đấy là kẻ nô-lệ của ông ta. Đức Phật bảo: "Vị tỳ-kheo nầy đã đặt gánh-nặng xuống đất rồi!" Người chủ chẳng hiểu, hỏi lại, Đức Phật mới cho biết vị tỳ-kheo nay được giải-thoát hoàn-toàn, vì đã chứng xong quả-vị

A-la-hán.

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó người chủ chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Ai ngay tại cõi đời nầy,
Chứng-tri đau-khổ mảy-may chẳng còn,
Siêu-thoát, bên đường buông gánh nặng,
Như-lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 402.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Nô-lệ: đầy-tớ ở suốt đời với chủ, chẳng có tự-do cá-nhơn.

- Cà-sa: tiếng Pali: kàsàya, áo màu vàng của tu-sĩ Phật-giáo.

- A-la-hán:Arahant, quả-vị thứ tư, diệt hết mọi ham-muốn, chứng được vô-sanh, hoàn-toàn giải-thoát khỏi mọi đau-khổ của Luân-hồi.

- Tu-đà-huờn: Sotàpatti, quả-vị thứ nhứt, còn gọi là Nhập-Lưu, được dự vào dòng Thánh, hay Thất- Lai, chỉ còn tái-sanh bảy lần nữa.

- Chứng-tri: chính mình biết rõ nơi mình (Tri = biết)

- Siêu-thoát: Siêu = vượt lên trên; Thoát = thoát khỏi.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện là mặc dầu là kẻ nô-lệ, nếu biết tu-hành tinh-tấn, sẽ chứng được quả-vị cao- quí là A-la-hán.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 402:

Ý-nghĩa bài Kệ nói về người đã giải-thoát hoàn-toàn (= chứng quả A-la-hán). Khi nào được giải- thoát? Khi tự-mình chứng-tri (= biết rõ) nơi mình chẳng còn mảy-may đau-khổ, buông bỏ gánh nặng của thân-tâm, sống an-nhiên, tự-tại. Thế nào là bỏ gánh nặng? Đó là xem thân-tâm năm uẩn nầy vô- thường, chẳng tríu-mến đến nó nữa.

(283).- Tích chuyện Ni-bà Khê-ma.

Tích chuyện nầy tiếp theo Tích chuyện số (244) về Hoàng-hậu Khê-ma.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ trên núi Linh-sơn, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Ni-bà Khê- ma.

Một hôm, vào lúc sắp rạng đông, vua Trời Đế-Thích và chư Thiên đến núi Linh-sơn chiêm-bái Đức Phật. Bấy giờ, ni-bà Khê-ma thi-triển thần-thông cũng bay đến núi để đảnh-lễ Đức Phật. Thấy có chư Thiên đang quay-quần trước hương-phòng, ni-bà cúi xuống lễ Phật, rồi bước ra. Vua Trời Đế-Thích trông thấy mới thưa hỏi Đức Phật đó là ai vậy. Đức Phật đáp: "Nầy Thiên-đế, đó là tỳ-kheo-ni Khê-ma, người nữ đệ-tử có trí-huệ

xuất-sắc nhứt trong Ni-đoàn, kiến-thức thật sâu-xa, biết phân-biệt rõ-ràng đường chánh với nẻo tà."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người có trí, kiến-thức sâu xa,
Phân-biệt rành đường chánh nẻo tà,
Thành-đạt được mục-tiêu tối-thượng,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 403.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ni-bà: hay Nữ-Trưởng-lão, là bực cao-cấp trong hàng ni-chúng.

- Khê-ma: tên vị Ni-bà, tiếng Pali là Khemà.

- Núi Linh-sơn: tên núi nầy, tiếng Pali là Gijjhakuta, ngọn giống hình chim thứu(=kên-kên); Đức Phật nói Kinh Pháp-Hoa tại núi nầy.

- Trời Đế-Thích: Sakka, vua cõi Trời Đao-lợi.

- Chiêm-bái: Chiêm =nhìn; Bái = lạy. Chiêm-bái là kính nhìn và lạy

- Thi-triển thần-thông: xử-dụng các khả-năng khác thường như bay bổng trên không, đi trên mặt nước, nhờ định-lực tu-tập cao.

- Thiên-đế = vua Trời.

- Hương-phòng: căn phòng có hương thơm dành riêng cho Phật.

- Kiến-thức: Kiến = thấy; Thức = biết. Kiến-thức là sự hiểu-biết.

- Tối-thượng: Tối = hết-sức; Thượng = cao; Tối-thượng là cao nhứt.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện chẳng có ý-nghĩa chi đặc-biệt, ngoài việc dùng để giới-thiệu tài-đức của Ni-bà Khê-ma với vua Trời Đế-Thích, và dẫn đến bài Kệ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 403:

Bài Kệ nêu lên Trí-huệ Bát-nhã Ba-la-mật của bực A-la-hán. Trí-huệ đó là gì? Bát-nhã (chữ Phạn: Prajna) là Trí-huệ; Ba-la-mật (Phạn: Paramitra) là đưa qua bờ bên kia, bờ giác-ngộ. Nhờ Trí-huệ nầy mà vị tu-hành được giác-ngộ và giải-thoát, chứng quả A-la-hán Bất-tử, đó là mục-tiêu tối-thượng được nói trong câu thứ ba của Bài Kệ.

(284).- Tích chuyện Trưởng-lão Thi-sa và vị thần-linh.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Thi-sa và vị thần-linh trong động núi.

Thuở ấy, vào cuối mùa mưa, tỳ-kheo Thi-sa được Đức Phật chỉ-dạy một đề-tài thiền-quán, liền lên núi, tìm được một hang động vừa-ý, sống một mình ở đấy để tu-tập. Động ấy vốn là nơi nương-tựa một vị thần-linh. Khi Thi-sa đến ở, vị thần-linh phải lánh ra ngoài, vì chẳng dám cùng cư-trú với bực tu-hành giới-đức thật thanh-tịnh. Hằng ngày, Tỳ-kheo Thi-sa đi vào làng khất-thực tại nhà một nữ tín-chủ có một người con trai còn nhỏ tuổi. Vị thần-linh chẳng dám hiện lên để mời tỳ-kheo Thi-sa đi ở chỗ khác, mới nghĩ ra một kế giành lại động đá. Vị ấy liền nhập vào đứa bé, khiến nó trợn ngược mắt, ngoẹo đầu ra sau, trông rất dễ sợ. Bà mẹ hoảng-hốt, khóc lóc. Vị thần hiện lên mách kế, ngày mai có tỳ-kheo nào đến khất-thực, cứ năn-nỉ xin dội nước vào chơn đứa con, thì nó sẽ khỏi bịnh.

Sáng hôm sau, khi dưng thực-phẩm cúng-dường xong, người mẹ khóc, nhờ Tỳ-kheo Thi-sa dội nước rửa chơn cho con để cứu nó. Thi-sa vừa xối nước vào chơn đứa bé, thì nó trở lại bình-thường. Ông liền từ-giả, trở về động. Tới hang đá, vị thần-linh chận lại và bảo rằng: "Ông vừa phạm giới, sáng nay hành-nghề trị bịnh ở nhà thí-chủ, chẳng xứng-đáng làm tỳ-kheo." Thi-sa nhớ lại mình chỉ dội nước vào chơn đứa bé, theo lời yêu-cầu của mẹ nó, chớ nào có vi-phạm giới-luật hành nghề trị bịnh đâu. Quán thấy giới-đức mình hoàn-toàn thanh-tịnh, tâm Thi-sa tràn ngập một niềm phỉ-lạc lâng-lâng, rồi đi sâu vào đại-định, chứng được quả A-la-hán, ngay tại cửa động. Sau khi xuất-định, trưởng-lão Thi-sa bảo vị thần-linh biết và khuyên nên đi tìm nơi ẩn-trú ở chỗ khác.

Khi trở lại chùa, Trưởng-lão thuật lại việc bị thần-linh ngăn-trở ở cửa động, các vị tỳ-kheo khác hỏi, lúc ấy Trưởng-lão có khởi tâm tức-giận không. Trưởng-lão lắc đầu. Các vị tỳ-kheo còn chưa tin, mới trình lại với Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, tỳ-kheo Thi-sa nay đắc quả A-la-hán, chẳng còn tức-giận nữa." Nhơn sự-việc vừa qua của Trưởng-lão Thi-sa, Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây để nêu lên đức-độ của một bực A-la-hán:

Chẳng thân-thiết quá với cả hai:
Kẻ tại-gia, như hàng tăng-lữ;
Thiểu-dục, độc-thân, đi đó đây,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 404.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Thi-Sa: tên của Trưởng-lão, tiếng Pali là Tissa.

- Đề-tài thiền-quán: một đầu-đề để suy-nghĩ sâu-xa khi ngồi Thiền; ví-dụ như quán thân bất-tịnh, quán lý vô-thường, v.v.

- Nữ tín-chủ: người đàn-bà có lòng tin-tưởng nơi đạo Phật, thường hay cúng-dường các vị tu-hành.

- Hành nghề trị bịnh: Theo giới-luật Khất-sĩ, tỳ-kheo chẳng được có nghề riêng để sanh sống, mà phải đi khất-thực. Vì lẽ nầy mà cấm việc tỳ-kheo đi trị bịnh cho các tín-chủ, để

được đền ơn.

- Phỉ-lạc: tiếng Pali là Piti, niềm vui nhẹ-nhàng trong lòng khi đắc được định-tâm.

- Đại-định: tâm an-định thâm-sâu, khi chứng cảnh thiền.

- Quá thân-thiết: quá thân-mật, đi xa quá sự xã-giao thường.

- Tại-gia = tu tại-gia, tu tại nhà, chẳng thọ giới tỳ-kheo ở chùa.

- Hàng Tăng-lữ = các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni nói chung.

- Thiểu-dục: Thiểu =ít; Dục = muốn; Thiểu-dục = bớt ham muốn

- Độc-thân: ở một mình.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc tranh-chấp động đá trên núi giữa vị tỳ-kheo và vị thần-linh. Vị thần-linh tìm kế vu-oan cho vị tỳ-kheo là phạm giới hành nghề trị bịnh, chận ngoài cửa hang chẳng cho vào. Tỳ- kheo Thi-sa chẳng hề tức-giận, quán thấy giới-đức mình thanh-tịnh, khởi tâm phỉ-lạc, nhập vào đại- định, chứng được quả-vị A-la-hán.

Nhơn việc nầy, Đức Phật dạy, bực A-la-hán chẳng quá thân-thiết với kẻ tăng người tục, sống một mình, ít ham-muốn, rày đây mai đó.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 404:

Bài Kệ nêu lên đức-độ của vị A-la-hán trong cuộc sống ẩn-dật. Xin phân-tách các điểm chánh:

1)"Chẳng quá thân-thiết với cả hai: Kẻ tại-gia, như hàng tăng-lữ": Tại sao tỳ-kheo chẳng nên quá thân-thiết với kẻ tăng người tục? Vì quá thân-thiết sẽ sanh ra suồng-sã, rồi dễ đi đến tình-cảm lăng- nhăng, khiến giới-đức mất thanh-tịnh.

2)"Thiểu-dục": ít ham-muốn, biết tự-chế, dễ khép mình vào kỷ-luật tu-hành.

3)"Độc-thân": biết sống một mình chẳng cảm thấy cô-đơn, vui "làm bạn" với những tiến-bộ của mình trên đường tu-tập.

4)"Đi đó đây": chẳng quyến-luyến ở mãi một nơi, để khỏi bị ràng-buộc; ngay cả ngồi nghỉ cũng chẳng chọn mãi một gốc cây, nay gốc cây nầy, mai gốc cây nọ, để cắt đứt sự trìu-mến.

(285).- Tích chuyện vị tỳ-kheo bị đánh đập.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một vị tỳ-kheo bị đánh đập.

Thuở ấy, có một vị tỳ-kheo được Đức Phật chỉ-dạy một đề-tài thiền-quán, đi vào rừng sâu, nỗ-lực tu- tập ngày đêm, đắc được định-tâm, chứng được quả-vị A-la-hán. Vị ấy liền quay về chùa Kỳ-viên để tạ ơn Phật. Dọc đường, đi ngang qua một căn nhà, nghe

tiếng cãi-vã dữ-dội của hai vợ chồng giận nhau. Bỗng người vợ bỏ nhà, ra đi, bước theo sau vị tỳ-kheo. Người chồng rượt theo, trông thấy, nổi cơn ghen, hăm-doạ, chửi mắng vị tỳ-kheo là quyến-rũ vợ mình. Anh ta chạy đến đánh đập vị tỳ-kheo rất tàn-nhẫn. Người vợ càng can, người chồng càng mạnh tay đánh. Vị tỳ-kheo vẫn im-lìm chịu đựng, chẳng chút giận-hờn.

Về đến chùa, các vị tỳ-kheo khác trông thấy các vết thương, vừa băng-bó, vừa hỏi chuyện. Nghe kể lại trận đòn ghen oan-ức, các vị tỳ-kheo hỏi, có tức-giận không. Thấy nạn-nhơn lắc đầu, các vị tỳ-kheo chẳng tin, trình cớ-sự lên Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, một vị A-la-hán đã buông bỏ gậy- gộc và gươm-đao từ lâu, nên chẳng hề tức-giận khi bị hành-hung."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Kẻ nào đao trượng đã từ-khước,
Đối mọi chúng-sanh cường hay nhược,
Chẳng hề giết, chẳng hề bảo giết,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn
(Kệ số 405.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đề-tài thiền-quán: đầu-đề để chiêm-nghiệm khi ngồi Thiền.

- Định-tâm: tâm an-định, chẳng xao-động, trong khi ngồi Thiền.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, tiếng Pali: Arahant. Có ba nghĩa: (1) ứng-cúng, xứng đáng được Trời, Người cúng-dường; (2)sát tặc, giết hết giặc, giặc phiền-não; (3) vô-sanh, chẳng còn bị tái-sanh trong cõi Luân-hồi nữa.

- Buông bỏ gậy-gộc và gươm-đao: ý nói đã từ-khước việc dùng võ-lực đánh đập lại kẻ khác.

- Hành-hung: Hành = làm; Hung = dữ. Hành hung là đánh đập dữ

- Đao trượng: Đao = gươm đao; Trượng = gậy gộc.

- Từ-khước: dứt bỏ, chẳng dùng, chẳng theo.

- Cường, nhược: Cường = mạnh-bạo; Nhược = yếu-ớt.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại vị tỳ-kheo bị trận đòn ghen oan-ức, thân-thể bị thương-tích, mà chẳng hề oán-giận, chẳng chống trả lại. Đức Phật, nhơn việc nầy, nêu lên đức-tánh quí của bực A-la-hán: tâm vô-tác-hại, chẳng hề muốn gây thương-tổn về vật-chất cũng như về tinh-thần, đối với mọi chúng-sanh.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 405:

Bài Kệ dạy ta về tâm vô-tác-hại của bực A-la-hán: từ bỏ hẳn việc dùng võ-lực gây đau-khổ cho mọi chúng-sanh. Chẳng những chẳng dùng sức mạnh để chống lại sức mạnh, mà cả việc chẳng sát-hại các sanh-vật nhỏ-nhít, yếu-ớt như côn-trùng. Chẳng những chẳng gây đau-khổ về vật-chất, mà còn tránh cả các hành-động, lời nói gây tổn-thương về tinh-thần. Chẳng những chính mình chẳng sát-hại, mà còn phải can-thiệp để ngăn kẻ khác sát-hại; tránh thái-độ dửng-dưng mà vô-tình làm đồng-loã với kẻ hung- bạo.

(286).- Tích chuyện bốn vị Sa-di.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến bốn vị Sa-di còn nhỏ tuổi mà đã chứng đắc quả A-la-hán.

Thuở ấy, có một người đàn-bà sửa-soạn thức ăn để cúng-dường. Bà nhờ chồng đến chùa Kỳ-viên thỉnh cho được bốn vị Trưởng-lão đã chứng-đắc quả-vị A-la-hán, đến để nhận lễ. Người chồng đến chùa thỉnh và có bốn vị sa-di tên là Sơn-khí-ca, Bàn-đi-ta, Sơ-phà-ca và Lê-va-ta, được chỉ-định đi đến nhà. Người đàn-bà thất-vọng, bảo chồng phải mời cho được bốn vị Trưởng-lão đến. Người chồng gặp được Tôn-giả Xá-lợi-phất, liền thỉnh đến nhà. Vào đến cửa, trông thấy bốn vị Sa-di đang ngồi chờ, Tôn-giả mới hỏi đã thọ-thực chưa, và thực-phẩm được chuẩn-bị cho mấy người. Khi được biết cả bốn vị Sa-di còn chưa thọ-thực, Tôn-giả liền bỏ ra về. Người đàn-bà lại giục chồng đi mời lần nữa. Chuyến nầy, Tôn-giả Mục-kiền-liên đến, khi biết thực-phẩm chỉ đủ cho bốn người, cũng lại ra về như Tôn-giả Xá- lợi-phất.

Trời đã trưa, các vị Sa-di đã bắt đầu cảm thấy đói. Vua Trời Đế-Thích nhìn thấy tình-cảnh của các vị Sa-di, liền hiện xuống làm một vị Bà-la-môn già-cả, đi vào nhà. Người đàn-bà mừng-rỡ lắm, mời lên ngồi trên. Nhưng vị ấy đến lạy chào bốn vị Sa-di, xong lại ngồi dưới đất, nói mình thật là Vua Trời Đế- Thích đang kính-lễ bốn vị A-la-hán. Vợ chồng người tín-chủ nghe nói, rất hân-hoan, mới dâng thực- phẩm lên. Sau khi thọ-thực, cả năm vị thi-triển thần-thông, bay bổng lên không-trung; vua Đế-Thích trở về cung Trời Đao-lợi, quí vị Sa-di quay lại chùa Kỳ-viên.

Chiều hôm ấy, các vị tỳ-kheo hỏi bốn vị sa-di trẻ tuổi, hồi trưa bị đói, vì gia-chủ chê họ còn nhỏ, chẳng chịu dưng thực-phẩm cho ăn, có tức-giận không. Các vị lắc đầu. Đức Phật bảo: " Bực A-la-hán chẳng hề tức-giận, ngay cả với kẻ chống-đối, hay khinh-khi mình."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Thân-thiện giữa những người thù-nghịch,
Ôn-hoà giữa bọn địch hung-hăng,
Vô-nhiễm giữa những ai hằng đắm-chấp,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 406.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di: người mới vào tập-sự tu ở chùa, chưa thọ-giới tỳ-kheo. Tiếng Pali là Sàmanera. Ở đây, bốn vị Sa-di vì còn nhỏ, chưa đủ hai mươi tuổi để thọ-giới tỳ-kheo, nhưng tu-tập giỏi nên chứng A-la-hán.

- A-la-hán: Arahant, quả-vị thứ tư, cao nhứt. Bực A-la-hán dẹp bỏ xong mọi phiền-não, lìa mọi ham- muốn, chứng được vô-sanh (=chẳng còn bị tái-sanh ở cõi Luân-hồi), tự-tại trong cảnh Niết-bàn.

- Tên tiếng Pali của các vị Sa-di: Sơn-khí-ca (Samkicca); Bàn-đi-ta (Pandita); Sơ-phà-ca (Sopàka) và Lê-va-ta (Revata).

- Trưởng-lão: Thera, vị tu-sĩ đạo-đức cao trong hàng tỳ-kheo.

- Tôn-giả Xá-lợi-phất: tên tiếng Pali là Sàriputta.

- Tôn-giả Mục-kiền-liên: tên tiếng Pali là Moggallàna.

- Vua Trời Đế-Thích: vi vua trên cung trời Đao-lợi (Tàvatimsa), có tên là Sakka.

- Bà-la-môn: Brahmana, giai-cấp tu-sĩ ở xã-hội Ấn xưa. Trong bài Kệ, chữ Bà-la-môn lại có nghĩa là bực A-la-hán.

- Thi-triển thần-thông = xử-dụng các khả-năng khác thường, như bay bổng, đi vào lửa, v.v. nhờ định- lực tu-tập cao.

- Thân-thiện: có nhiều tình-cảm tốt đối với ai.

- Ôn-hoà: Ôn = ấm-áp; Hoà = hoà-thuận. Người ôn-hoà là người hiền-lành, chẳng gây-gổ, chẳng hiếp-đáp ai.

- Đắm-chấp: Đắm = mê-đắm; Chấp = cố-chấp.Người đắm-chấp là người say-mê, bám chặt vào một điều gì thì chẳng hề lơi ra.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại bốn vị Sa-di bị đói, vì bà chủ nhà chờ mời được bốn vị Trưởng-lão lớn tuổi mới chịu dâng-cúng thực-phẩm. Được hỏi bị đói, bị đối-xử như thế, có tức-giận không, cả bốn vị đều trả lời không, vì họ đã chứng được quả-vị A-la-hán, trong tâm đã dẹp sạch phiền-não tham, sân, si.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 406:

Bài Kệ nêu lên đức-tánh cao-quí của vị A-la-hán vì tâm thanh-tịnh và bình-thản, nên chẳng hề bị hoàn- cảnh sai-sử, lôi-cuốn, do đó mà biết thân-thiện giữa những người thù-nghịch, biết ôn-hoà giữa những người hung-hăng: chẳng ô-nhiễm giữa những người mê-đắm.

Giữ được tâm bình-thản trong mọi hoàn-cảnh là khó, vì:

1) thân-thiện với người thân thì dễ, mà rất khó khi gặp người thù-nghịch cứ chống-đối luôn;

2) ôn-hoà với người hiền thì dễ, mà rất khó khi gặp kẻ hung-hăng thường gây-hấn với mình;

3) vô-nhiễm giữa người mê-đắm rất khó, vì bị cám-dỗ luôn.

(287).- Tích chuyện Trưởng-lão Đại-Phan.

Tích chuyện nầy tiếp theo Tích chuyện số (17) về Tôn-giả Tiểu-Phan-tha-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Đại-Phan.

Trưởng-lão Đại-Phan đã chứng-đắc quả-vị A-la-hán, khi em Ngài là Tiểu-Phan mới thọ-giới tỳ-kheo. Trí thông-minh của Tiểu-Phan rất chậm-lụt, vì trong tiền-kiếp, Tiểu-Phan cứ theo chọc-ghẹo một vị Tăng ngu-tối. Tiểu-Phan học một bài Kệ bốn câu mà cả bốn tháng chưa thuộc. Trưởng-lão Đại-Phan thấy thế bảo em, thà hoàn-tục còn hơn.

Các vị tỳ-kheo khác nghe nói, mới đến bạch Phật: "Bạch Thế-tôn, một vị A-la-hán như Trưởng-lão Đại-Phan, có còn nóng-giận không? Sao lại bảo người em học chậm phải hoàn-tục?" Đức Phật đáp: "Nầy chư tỳ-kheo, một vị A-la-hán chẳng còn phiền-não, làm sao nổi nóng được? Tỳ-kheo Đại-Phan chỉ vì muốn xây-dựng cho em nên nói thế."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người chẳng còn chi bám dính nổi,
Tham, sân, kiêu-mạn, tị, hiềm,
Cũng như hột cải rơi khỏi đầu kim,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 407.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đại-Phan: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Mahàpanthika.

- Tiểu-Phan: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Cùlapanthika, phiên-âm theo tiếng Hán-Việt là Châu-lợi- bàn-đà-già.

- Tiền-kiếp = kiếp trước, đời trước trước đời nầy.

- Hoàn-tục: Hoàn = trở về; Tục = đời sống thế-tục. Hoàn-tục là bỏ cuộc tu-hành trong chùa, trở lại đời sống có gia-đình ngoài xã-hội.

- Thế-tôn: Thế = đời, thế-gian; Tôn = tôn-trọng. Thế-tôn tức là Đức Phật, bực được cả thế-gian tôn- kính.

- Kiêu-mạn = phách-lối, quá tự-cao, xem mình là hơn tất cả.

- Tị, hiềm: Tị = ganh-tị, ghen-ghét; Hiềm = hiềm-nghi, nghi-ngờ.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: Trưởng-lão Đại-Phan thấy em mình kém thông-minh, học bài Kệ trong bốn tháng chẳng thuộc, bảo em nên hoàn-tục đi. Các vị tỳ-kheo khác cho là Trưởng lão nóng-giận em, mới

đến thưa trình với Phật. Đức Phật bảo, đối với người đã chứng A-la-hán như Trưởng-lão Đại-Phan, chẳng hề nổi nóng, vì trong tâm đã dẹp xong mọi phiền-não rồi.

Ngoài ý-nghĩa chẳng nổi sân ra, còn một ý-nghĩa khác: Tiểu-Phan vì kiếp trước chọc ghẹo một vị tăng ngu-tối, nên kiếp nầy phải làm một tăng-nhơn bị kém trí thông-minh: đó là quả báo.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 407:

Cũng như các bài Kệ trước trong Phẩm Bà-la-môn, bài Kệ nầy nêu đức-tánh chẳng bị ô-nhiễm của một vị A-la-hán: Người, chẳng còn chi bám dính nổi, chẳng còn chi làm ô-uế được. Đức-tánh nầy được bài Kệ nêu lên với hình-ảnh hột cải nhỏ để trên đầu mũi kim, chẳng thể nào dính vào cây kim được.

Trong số các tâm-sở bất-thiện: tham, sân, kiêu-mạn, tị, hiềm, hai tâm-sở tham, sân và tâm-sở si là quan-trọng và khó đối-trị, thường được gọi là căn-bản phiền-não; còn các tâm-sở bất-thiện khác như kiêu-mạn, ganh-tị, hiềm-nghi, v.v. được gọi là tuỳ-phiền-não, hay là các phiền-não phụ-thuộc, vì chúng dựa theo các tâm-sở chánh tham, sân, si mà cùng phát-khởi lên trong tâm.

Muốn đối-trị các tâm-sở bất-thiện nói chung, cần phải tỉnh-giác luôn luôn, mỗi khi chúng khởi lên, ta liền biết mà chận chúng đi.

(288).- Tích chuyện Trưởng-lão Phí-linh-đa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Phí-linh-đa

Thuở ấy, tỳ-kheo Phí-linh-đa tánh hay trịch thượng, thường xưng-hô với kẻ khác như là nói với cấp dưới của mình. Nhiều vị tỳ-kheo khác bất-mãn, mới thưa trình cùng Đức Phật. Đức Phật quán thấy, trải qua nhiều đời kiếp, Phí-linh-đa sanh trong gia-tộc Bà-la-môn, nên thường tự xem mình là người cao-quí, còn những kẻ khác thấp kém hơn mình. Mặc-cảm tự-tôn đó cho đến đời nầy vẫn còn dấu-vết. Đức Phật mới bảo các tỳ-kheo: "Nầy chư Tăng, Phí-linh-đa tuy ăn nói thiếu nhã-nhặn, vì thói quen nhiều đời trước, chớ trong tâm chẳng có ác-ý muốn làm mất lòng người khác. Người chứng được quả A-la-hán chẳng hề làm hại ai."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây:

Người nói lời hoà-nhã, êm tai,
Lời xây-dựng, cùng lời chơn-thật,

Chẳng bao giờ nói mích lòng ai,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 408.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Phí-linh-đa: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Pilindavaccha.

- Tịnh-xá Trúc-Lâm: Tịnh-xá = ngôi tu-viện yên-tịnh; Trúc-lâm = rừng trúc. Tịnh-xá Trúc-lâm được vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) xây trong vườn trúc gần thành Vương-xá (Ràjagaha)

- Bất-mãn = chẳng vừa ý, hơi có ý giận.

- Quán thấy = dùng con mắt-tâm mà nhìn bên trong.

- Mặc-cảm tự-tôn = Mặc-cảm là tình-cảm chìm-lắng trong tiềm-thức lâu đời, thường khởi lên nơi tâm mà người chủ-động ít ngờ đến. Tự-tôn là xem mình cao hơn kẻ khác. Trái với mặc-cảm tự-tôn là mặc- cảm tự-ti.

- Nhã-nhặn, hoà-nhã = dịu-hiền, dễ nghe, dễ thương.

- Bà-la-môn: Brahmana, giai-cấp tu-sĩ ở xã-hội Ấn ngày xưa. Chữ Bà-la-môn trong bài Kệ lại được dùng với nghĩa là A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện chê kẻ ăn nói trịch-thượng.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 408:

Ý-nghĩa bài Kệ rất rõ ràng, khen ngợi người nói lời hoà-nhã.

(289).- Tích chuyện vị tỳ-kheo lượm vải.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp có đề-cập đến một vị tỳ-kheo lượm vải ngoài đường.

Một hôm, có vị tỳ-kheo trên đường đi khất-thực về, trông thấy một miếng vải bị gió bay dưới đất, mới cúi xuống lượm lên. Nào ngờ, đó là miếng vải của một người Bà-la-môn đem phơi. Người nầy thấy vị ty-kheo nhặt lấy, mới chạy theo đòi lại, miệng nói hỗn: "Ê! Tên trọc kia, sao lấy trộm vải của ta?" Vị tỳ-kheo ngỏ lời xin lỗi.

Về đến chùa, vị ấy thuật lại cho các bạn nghe. Các vị đồng-tu khác hỏi trêu-chọc, vải dài ngắn, ngang được mấy tấc, màu vàng hay màu trắng, v.v. Vị tỳ-kheo đáp: "Dài, ngắn, trắng, vàng chi cũng mặc-kệ, ta đâu còn chút ham-muốn bám-víu vào vật chi." Các vị tỳ-kheo khác nghe nói, cho rằng vị ấy tự nhận mình đã chứng đạo-quả A-la-hán, mới trình cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, một vật chẳng được cho, vị A-la-hán chẳng hề lấy."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người chẳng lấy của chửa được cho,
Dầu đó là vật nhỏ hay to,
Dài hay ngắn, hoặc thô, hoặc đẹp,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 409.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Như-Lai: tiếng Phật tự-xưng khi nói với ai. Như = như thế; Lai = đến. Ý muốn nói, ta là người đến đây như thế. Tiếng Pali là Tathàgata.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện nhắc lại giới thứ hai của người tu tại-gia: lấy vật chẳng được cho là phạm tội trộm cắp.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 409:

Bài Kệ rất rõ nghĩa, dạy ta tránh tội trộm-cắp.

(290).- Tích chuyện Tôn-giả Xá-lợi-phất và việc dâng y.

Vào một thời kia, Đức Phật ở tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Tôn- giả Xá-lợi-phất và việc dâng y.

Vào mùa mưa năm ấy, Tôn-giả Xá-lợi-phất có hướng-dẫn một số đông tỳ-kheo đến trú tại một tu-viện trong ngôi làng nhỏ. Cuối mùa mưa, Tôn-giả dặn các tỳ-kheo, hễ có thiện-nam, tín-nữ nào làm lễ dâng-cúng y-phục cho chư Tăng, thì phải trình cho Tôn-giả biết trước. Sau đó, Tôn-giả trở về chùa Kỳ- viên để đảnh-lễ Đức Phật. Các vị tỳ-kheo nghe nói như thế, mới tưởng-lầm là Tôn-giả còn tham-luyến vào tứ sự cúng-dường, mới đến thưa trình cùng Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, Xá-lợi-phất chẳng hề còn chút tham-ái nào cả. Khi dặn bảo về việc dâng-y, Xá-lợi-phất muốn tạo cơ-hội cho các thiện-nam tín-nữ được thêm công-đức bố-thí, và các sa-di có đủ y-phục."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Bất cứ điều gì, người chẳng tham-cầu,
Trong đời nầy hay vào các đời sau,
Dứt tham-ái, nên được giải-thoát,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 410.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Dâng-y: buổi lễ vào cuối mùa An-cư kiết-hạ, dưng-cúng áo cà-sa

- Tứ-sự cúng-dường: bốn thứ lễ-vật để dưng-cúng chư Tăng, ni: thực-phẩm, quần-áo, giường chiếu, và thuốc-men.

- Thiện-nam, tín-nữ: tiếng để chỉ chung những người tin-tưởng vào đạo Phật, thường đến giúp chư Tăng, ni ở chùa.

- Bố-thí: Bố = rộng khắp; Thí = hiến-tặng. Bố-thí là hiến-dâng của-cải, công-sức hay lời an-ủi đến người cần đến.

- Sa-di: người mới tập-sự tu ở chùa, chưa thọ giới tỳ-kheo. Phái nữ gọi là Sa-di-ni. Tiếng Pali Sa-di là Samanera.

- Tham-cầu: tham-lam và mong-cầu.

-Tham-ái: Tham = ham quá chừng; Ái = thương, thích. Tham-ái, tiếng Pali là Tanhà. Đây là nguyên- nhơn tạo ra Khổ ở đời.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc hiểu-lầm của các tỳ-kheo về ý-định của Tôn-giả Xá-lợi-phất trong việc tổ- chức lễ dâng-y cho chư Tăng, Ni. Lễ dâng-y có hai ý-nghĩa: tạo phước cho thiện-nam tín-nữ, giúp cho các sa-di có đủ y-phục.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 410:

Ý-nghĩa quan-trọng của bài Kệ là nói về sự tham-ái. Tham-ái là nguyên-nhơn tạo ra Khổ ở đời, đó là Chơn-lý thứ hai, Tập-đế, trong Tứ-Diệu-đế. Vì mình thích, mình ham, nên mình mới bị ràng-buộc lâu mà chẳng chịu cởi bỏ ra. Dẹp được tham-ái là được giải-thoát ngay.

(291).- Tích chuyện Tôn-giả Mục-kiền-liên bị hiểu lầm.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc Tôn-giả Mục-kiền-liên bị hiểu lầm.

Tích chuyện nầy cũng giống với Tích chuyện số (290) về Tôn-giả Xá-lợi-phất. Tôn-giả Mục-kiền-liên cũng bị nghi-ngờ là còn luyến-ái vào các sự-vật ở ngoài đời thế-tục, nhơn lễ dâng-y. Nhơn việc hiểu lầm nầy, Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người lìa tham-ái, tri-kiến đủ,
Ngộ Chơn-lý, chẳng chút nghi-nan,
Chứng cảnh-giới Bất-tử Niết-Bàn,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 411.)
TÌM HIỂU:

Việc Tìm Hiểu ở đây, quan-trọng nơi bài Kệ số 411: bực A-la-hán đã lià tham-ái, đầy-đủ Trí-huệ để ngộ được Chơn-lý, dứt mọi sự nghi-ngờ, nên chứng được Niết-Bàn, là cảnh-giới Bất-tử, nghĩa là chẳng hề chết. Tại sao chẳng hề chết? Vì chẳng còn bị tái-sanh lại, thì làm sao có thêm một đời sống Khổ ở cõi Luân-hồi, mà phải bị chết nữa được. Bất-tử và Vô-sanh cả hai chữ đều đồng một nghĩa như nhau.

(292).- Tích chuyện Sa-di Lê-va-ta.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Đông-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến vị Sa-di Lê-va-ta còn trẻ mà đã đắc quả A-la-hán.

Một hôm, các vị tỳ-kheo khen-ngợi đức-hạnh của Tôn-giả Lê-va-ta, còn trẻ tuổi mà được danh-tiếng cao, dân-chúng cúng-dường rất hậu-hĩ. Mặc dầu sống ẩn-cư nơi rừng vắng, Tôn-giả Lê-va-ta đã thi- triển thần-thông, xây dựng nhiều chùa tháp cho chư Tăng trú-ngụ. Đức Phật nghe lời tán-thán đó, mới bảo rằng: "Nầy chư tỳ-kheo, người đã dứt bỏ được tham-ái như Lê-va-ta, các mối ràng-buộc về điều thiện, điều ác đều được vượt lên trên hết."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:
Đời nầy, kẻ vượt thoát ràng-buộc,
Của cả hai điều thiện và ác,
Chẳng sầu, thanh-tịnh và giải-thoát,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 412.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sa-di Lê-va-ta: tiếng Pali là Samanera Revata. Vì còn nhỏ tuổi chưa thọ-giới tỳ-kheo, nên vẫn gọi là Sa-di, mặc dầu đã chứng quả A-la-hán. (Sa-di = người còn tập-sự tu, chưa chánh-thức là tỳ-kheo.)

- Chùa Đông-viên: do bà Vi-sa-kha xây cất ở phiá Đông chùa Kỳ-viên, tên tiếng Pali là Pubbàràma.

- Hậu-hĩ: rất nhiều và quí.

- Thi-triển thần-thông: xử-dụng các khả-năng khác thường như bay bổng trên không, biến-hoá, đi trên mặt nước, v.v.

- Tán-thán = khen ngợi và thán-phục.

- Tham-ái: Tham = ham quá; Ái =thương, thích. Tham-ái, dịch chữ Pali Tanhà, là nguồn-gốc gây ra Khổ, tức là Tập-Đế trong Tứ-Diệu-đế.

- Các mối ràng-buộc: ở đây trỏ vào các tâm-sở bất-thiện: tham, sân, si, mạn, nghi và tà-kiến.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: vượt khỏi mọi ràng-buộc của Thiện và Ác. Thế nghĩa là sao? Điều ác ràng-buộc đã đành, vì gây ra nghiệp dữ, lôi ta theo nẻo ác của Luân-hồi (địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh). Còn điều lành lại cũng ràng-buộc hay sao? Cũng ràng-buộc như thường, vì tạo nên nghiệp lành, đưa ta đến các cõi lành của Luân-hồi (cõi Trời, thần và người).

Thế thì Tôn-giả Lê-va-ta đã thoát được cả hai mối ràng-buộc đó bằng cách nào? Tôn-giả làm lành, tránh được nghiệp dữ; Tôn-giả chẳng dừng lại đó như những người tu phước, mà Tôn-giả còn đi xa hơn, tu giới-định-huệ để chứng-đắc quả A-la-hán, thoát khỏi vòng sanh-tử của Luân-hồi, khiến cho cả hai nghiệp lành, nghiệp dữ đều chấm-dứt hết.

Đó là nghĩa sâu của Tích chuyện.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 412:

Ý-nghĩa của bài Kệ cũng giống với ý-nghĩa của Tích chuyện, nhưng được Phật nói rõ thêm. Xin phân- tách từng điểm:

1) "Đời nầy, kẻ vượt thoát ràng-buộc, Của cả hai điều: thiện và ác": đây là nói đến ngay trong đời nầy, dứt được nghiệp lành và dữ, tức là đã chứng được vô-sanh, thoát vòng tái-sanh của Luân-hồi. Nói cách khác, đó là bực A-la-hán trong hiện đời.

2) "Chẳng sầu": "Sầu" là vì Khổ; nay dứt khổ, tức là "chẳng sầu" và vì chẳng khổ-sầu, cho nên được an-vui, đó là tánh-cách an-lạc của cảnh-giới Niết-bàn.

3) "Thanh-tịnh": trong-sạch và yên-tịnh, vắng-lặng; đó là tánh-cách tịch-diệt của cảnh-giới Niết-Bàn.

4) "Giải-thoát": hết bị trói-buộc trong vòng lẩn-quẩn khổ-đau của cảnh sanh-tử nữa, mà hằng được tự- tại: đó là tánh-cách an-nhiên, tự-tại của cảnh-giới Niết-bàn.

Tóm lại, ý-nghĩa sâu của bài Kệ nói lên các tánh-cách an-lạc, tịch-diệt và giải-thoát của cảnh-giới Niết-bàn mà bực A-la-hán đang hưởng ngay trong hiện-đời.

(293).- Tích chuyện Trưởng-lão Can-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Can-đà.

Can-đà, tiếng Pali có nghĩa là mặt trăng, là biệt-hiệu mà người đương-thời gán cho một người, khi sanh ra có một vầng sáng chói ở rún. Nguyên người ấy, vào thời Đức Phật Ca-diếp có dưng-cúng một

khúc gỗ chiên-đàn để tạc tượng thờ Phật trong ngôi tháp, nên khi tái-sanh, có điểm lạ nơi rún chói sáng lên. Bọn ngoại-đạo lợi-dụng lòng mê-tín của dân chúng, chở Can-đà lên xe đi rong, ai muốn rờ vào rún chói sáng đó thì phải trả một đồng tiền.

Khi đến gần chùa Kỳ-viên thấy các thiện-nam, tín-nữ vào nghe Đức Phật giảng-pháp, bọn ngoại-đạo bảo rằng, Can-đà có thần-thông còn hơn Đức Phật. Người ta chẳng tin,

họ mới dẫn Can-đà vào chùa, để khoe ... cái rún chói sáng. Nhưng vào đến bên trong chùa, rún Can-đà chẳng chiếu lên, đến khi trở ra mới chiếu trở lại. Chính Can-đà cũng lấy làm lạ, mới quay trở vào, hỏi Đức Phật đã dùng thần-chú nào mà làm tắt ngúm ánh-sáng nơi rún của anh ta, xin chỉ-dạy cho anh thần-chú đó. Đức Phật bảo, muốn học, phải thọ-giới tỳ-kheo trước đã. Can-đà liền bảo bọn ngoại-đạo ra ngoài chờ, bao giờ học xong thần-chú, sẽ gặp nhau lại.

Tỳ-kheo Can-đà được chỉ các phép quán thân bất-tịnh, tâm vô-thường, nỗ-lực tu-tập, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán. Đến khi các bọn ngoại-đạo đến thăm hỏi đã học xong thần-chú chưa, thì Trưởng-lão Can-đà bảo họ: "Các ông nên trở về đi, ta nay đã chứng-đắc được Đạo và Quả rồi, chẳng theo các ông nữa đâu." Các vị tỳ-kheo khác nghe vậy, mới đến thưa trình với Đức Phật, có phải Can-đà nay đã chứng được quả-vị A-la-hán rồi chăng? Đức Phật đáp: "Nầy chư Tăng, Can-đà dẹp xong mọi lậu-hoặc, chứng quả A-la-hán."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người nào như vầng trăng thanh-tịnh,
Rạng-rỡ, trắng trong và trầm-tĩnh,
Luyến-ái vào hiện-hữu dứt xong,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 413.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Can-đà: biệt-hiệu nầy tiếng Pali là Candàbha. (Candà =mặt trăng).

- Đức Phật Ca-diếp: Kassapa, đản-sanh trước Đức Phật Thích-ca.

- Gỗ chiên-đàn: một loại gỗ màu sậm, có mùi thơm như trầm.

- Thần-chú: chơn-ngôn, lời nói bí-mật có hiệu-lực lạ thường.

-Quán thân bất-tịnh: quán-sát tấm thân bên trong chứa 32 chỗ dơ-dáy như mủ, nước tiểu, v.v. sanh ra nhàm chán thú-vui nhục-dục.

- Quán Tâm vô-thường: quán-sát tâm bên trong cứ thay-đổi luôn, để kềm-giữ lại mà được định-tâm khi tu Thiền.

- Đạo và Quả: Đạo = đường-lối tu-tập (Magga); Quả = quả-vị chứng được (Phala) khi tu-tập thành- công.

- Lậu-hoặc: Lậu: rỉ chảy ra; Hoặc = chỗ dơ. Lậu-hoặc là phiền-não như tham, sân, khởi lên trong tâm, lộ ra bằng cử-chỉ và lời nói xấu-ác.

- Luyến-ái vào hiện-hữu: mê-đắm vào hiện-hữu (= đời sống hiện nay). Có ba thứ luyến-ái vào ba cõi ở thế-gian: (1)dục-ái, mê cõi dục (đang sống đây); (2) sắc-ái, mê cõi sắc; (3) vô-sắc-ái, mê cõi vô-sắc.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại một người có điểm lạ trên thân-thể, rún chói sáng, theo bọn ngoại-đạo làm tiền những kẻ mê-tín dị-đoan. Đến khi vào gặp Phật, rún chẳng chói nữa, tưởng Phật có thần-chú chi bí- hiểm mới xin theo học. Nhưng được Phật chỉ dạy phép quán Tứ-niệm xứ, người ấy theo tu-tập tinh-tấn mà chứng được quả-vị A-la-hán.

Tích chuyện chẳng kể thêm, nhưng nếu ta chiêm-nghiệm kỹ, thì thấy; ngay khi được Phật chỉ dạy phép quán thân bất-tịnh, tâm vô-thường, người ấy đã chứng được quả-vị thứ nhứt là Tu-đà-huờn, vì: (1) dẹp bỏ thân-kiến, chẳng xem thân nầy là Ta nữa (nói chi là cái rún chói sáng!); (2) dứt được nghi-ngờ nơi Chánh-pháp mà nỗ lực tu; (3) bỏ luôn bọn ngoại-đạo tà-kiến, dứt được giới cấm-thủ ngay. Sau đó, lần- lượt chứng các quả-vị kế-tiếp, cho đến cõi vô-sanh của Niết-bàn.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 413:

Ý-nghĩa Tích chuyện nêu trên, đã được Đức Phật diễn rõ bằng thơ, trong bài Kệ đầy ý-nhị nầy.

(294).- Tích chuyện Trưởng-lão Sĩ-hoa-ly.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ trong rừng Cung-đà-na, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến việc Trưởng-lão Sĩ-hoa-ly.

Thuở ấy, ở thành Cung-đà-cô-ly-gia, gần bộ-tộc Thích-ca, có nàng công-chúa mang thai đến bảy năm mà chưa sanh-nở. Công-chúa rất tin-tưởng nơi ngôi Tam-Bảo, nên nhờ chồng đến đảnh-lễ Đức Phật và trình-bày về hoàn-cảnh của mình. Khi nghe hoàng-tử thuật lại việc vợ mang thai nặng-nề quá lâu như thế, Đức Phật bảo: "Nầy vương-tử, nguyện-cầu cho công-chúa sớm sanh được con trai kháu- khỉnh!"Hôm ấy, công-chúa sanh được hoàng-nam. Cả triều vui mừng, nhà vua mới thiết lễ trai-tăng, thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến dự. Đức Phật và chúng tăng lưu lại thành Cung-đà trong bảy ngày, để thuyết-pháp.

Về sau, hoàng-nam lớn lên đi tu, gia-nhập Tăng-đoàn mang tên là Tỳ-kheo Sĩ-hoa-ly. Tu-hành rất tinh- tấn, Sĩ-hoa-ly sớm chứng được đạo-quả A-la-hán. Dân chúng rất ngưỡng-mộ và lễ-vật dâng-cúng cho Trưởng-lão Sĩ-hoa-ly nhiều hơn tất cả mọi người.

Vào một buổi chiều, có vị tỳ-kheo muốn biết vì sao Trưởng-lão Sĩ-hoa-ly tài-đức như thế mà lại phải nằm lâu trong bụng mẹ đến bảy năm. Đức Phật đáp: "Nầy chư Tăng, trong một tiền-kiếp, Sĩ-hoa-ly là vị hoàng-tử tài-giỏi, nhưng chẳng may, nước bị giặc xâm-lăng. Để giải-phóng nước nhà, hoàng-tử đã bao-vây một kinh thành chặt-chẽ. Trong bảy năm trời, dân-chúng trong thành đói khát, nhiều kẻ bị chết. Vì hành-động độc-ác đó, nên kiếp nầy, Sĩ-hoa-ly phải chịu bảy năm ở cảnh u-tối trong bụng mẹ. Nhưng ngày nay, Sĩ-hoa-ly đã chứng quả A-la-hán, đang cất bước thênh-thang trong cảnh-giới Niết- Bàn."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người thoát khỏi vũng lầy ‘tham-ái’,
Trải qua đường ‘phiền-não’ hiểm-nguy,
Vượt trùng-dương ‘Luân-hồi’ mê tối,
Sang đến bờ ‘thiền-định’, dứt nghi,
Tịch-tĩnh, chẳng bấu-víu điều chi,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 414.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sĩ-hoa-ly: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là Sìvali.

- Rừng Cung-đà-na: tên khu rừng nầy tiếng Pali là Kundadhàna.

- Thành Cung-đà-cô-ly-gia: tên thành nầy, Pali là Kundakoliya.

- Tam-Bảo: ba ngôi báu: Phật, Pháp và Tăng.

- Lễ trai-tăng: lễ dưng-cúng thực-phẩm lên các vị tỳ-kheo.

- A-la-hán: Arahant, quả-vị thứ tư, cao nhứt. Bực A-la-hán dứt hết phiền-não, lìa mọi ham-muốn, chứng vô-sanh (hết bị tái-sanh)

- Xâm-lăng: đánh chiếm đất nước.

- Giải-phóng: đuổi giặc ra khỏi nước, giành lại nền độc-lập, tự-chủ.

- Vũng lầy: vũng bùn-lầy. Tham-ái = quá ham sống theo thú-vui

- Trùng-dương: biển cả sóng to. Luân-hồi: tái-sanh trở lại.

- Tịch-tĩnh: Tịch = vắng-vẻ; Tĩnh = yên-lặng.

- Bà-la-môn: Brahmana, giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ. Ở trong bài Kệ, chữ Bà-la-môn lại có nghĩa là bực A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại vì sao Sĩ-hoa-ly phải nằm trong bụng mẹ bảy năm mới được sanh ra: đó là quả- báo của việc vây thành trong bảy năm, ở kiếp trước.

Ý-nghĩa của Tích chuyện ngoài việc quả-báo ra, còn nói đến con đường tu-tập để chứng đắc quả-vị A- la-hán. Vượt qua con đường đó như thế nào, bài Kệ sẽ nói rõ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 414:

Bài Kệ số 414 ghi lại các đoạn đường tu-tập để chứng quả A-la-hán, bằng các danh-từ cụ-thể, tượng- trưng. Xin phân-tách các điểm quan-trọng trên đoạn đường đó:

1. Vũng lầy ‘Tham-ái’: Tham-ái, bám vào đời sống, là vũng sình níu chặt con người vào cõi tử-sanh của Luân-hồi. Bắt đầu tu là bỏ ngay sự tham-ái, để rút chơn ra khỏi vũng

lầy, mà cất bước lên đường.

2) Đường hiểm-nguy 'Phiền-não': đường hiểm-nguy là đoạn đường chông-gai, gây trở-ngại khiến ta bỏ dở nửa chừng. Hiểm-nguy do đâu gây ra? Ba mối độc chánh: tham, sân, si, có nghi đi kèm.

3) Trùng-dương 'Luân-hồi': sự sống đi chết lại triền-miên ví như các ngọn sóng lặn hụp nơi biển cả, biển Luân-hồi. Vượt được trùng-dương Luân-hồi là chứng được vô-sanh, chẳng bị tái-sanh nữa, chẳng bị sóng dập gió dồn nữa giữa biển cả minh-mông.

4) Sang bờ 'thiền-định' dứt nghi: lên đến được bờ giác-ngộ, chẳng còn nghi-ngờ gì, bằng phương-cách tu Thiền-định.

5) Tịch-tĩnh, chẳng bấu-viú điều chi: từ nay sống trong sự vắng-lặng an-nhiên của cảnh Niết-bàn tịch- tĩnh, hoàn-toàn giải-thoát, vì buông-bỏ tất cả, chẳng còn bấu-víu vào bất-cứ điều chi nữa.

(295).- Tích chuyện Trưởng-lão Sơn-đà.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Sơn-đà.

Tỳ-kheo Sơn-đà vốn con nhà giàu-có ở Xá-vệ, sau khi gia-nhập Tăng-đoàn, liền rời chuà Kỳ-viên đi đến thành Vương-xá, vào khu rừng vắng để tu-tập thiền-định. Bấy giờ ở thành Xá-vệ có hội hoa-đăng, đèn đuốc rực-rỡ, thiên-hạ vui-vầy. Cha mẹ của Sơn-đà, nhớ đến con nay chịu cực-khổ, chẳng được hưởng các thú-vui tưng-bừng đang diễn ra tại đây. Ông bà ngồi khóc. Có một nàng dâm-nữ đi ngang, nghe thấy, mới hỏi duyên-cớ. Nghe xong nổi-niềm thương nhớ con, nàng ấy liền đề-nghị: "Con có cách làm cho chàng Sơn-đà hoàn-tục, trở lại xum-họp với gia-đình, nhưng chẳng biết ông bà thưởng cho con bao nhiêu tiền?"Hai ông bà hứa cho nhiều tiền-bạc. Cô dâm-nữ mượn trước một số tiền to, rồi đi đến thành Vương-xá.

Cô mướn một ngôi nhà lầu xinh-đẹp, nằm trên đường đi khất-thực hằng ngày của tỳ-kheo Sơn-đà. Cô chuẩn-bị thức-ăn thật ngon, để cúng-dường ngoài cổng. Tuần sau, cô mời vị tỳ-kheo vào sân. Rồi cô mua kẹo cho trẻ nhỏ, bảo chúng chạy giỡn ở sân; khi tỳ-kheo Sơn-đà đến khất-thực, cô viện cớ trẻ ồn- ào, mời vị tu-hành vào nhà, để thọ-thực. Hôm sau nữa, cô cũng mời vào, lấy cớ từng dưới nhà chưa kịp dọn-dẹp sạch-sẽ, mời tỳ-kheo Sơn-đà lên lầu. Cả hai vừa bước vào phòng, cô khoá chặt cửa lại, rồi giở giọng quyến-rũ. Lời cô dịu-dàng, thân cô ưỡn-ẹo. Tỳ-kheo Sơn-đà giựt mình, biết mình đang sa vào cạm-bẫy. Tự-trách mình chẳng tỉnh-giác, lơ-là để mắc phải tội-lỗi, vị tỳ-kheo liền chấp tay, khẩn-thiết hướng về chùa Kỳ-viên, cầu Đức Phật cứu-giúp. Bấy giờ, Đức Phật quán thấy cảnh lâm-nguy của tỳ- kheo Sơn-đà, Ngài phóng đạo hào-quang đến căn lầu, hiện thân lên nói: "Nầy tỳ-kheo, hãy quyết-tâm dẹp bỏ mọi dục-vọng, mọi tham-ái, chớ chạy theo các thú-vui nhục-dục thấp-hèn và tạm-bợ." Tâm Sơn-đà phấn-khởi lên, liền nhập-định. Đức Phật mới nói lên bài Kệ sau đây, nhờ đó tỳ-kheo Sơn-đà chứng ngay được quả-vị A-la-hán, thi-triển thần-thông, bay theo sau Phật về chùa Kỳ-viên:

Ai đời nầy dục-lạc lià bỏ,
Rời gia-đình theo ngõ xuất-gia,
Dục-ái, hữu-ái đà đoạn-tận,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 415.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Sơn-đà: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Sundarasamudda.

- Hoa-đăng: Hoa = bông hoa; Đăng = đèn. Hội hoa-đăng là buổi lễ về đêm, có đèn hoa rực-rỡ.

- Dâm-nữ: cô gái bán dâm, mua vui cho đàn-ông.

- Hoàn-tục: Hoàn = trở về; Tục = đời sống thế-tục. Hoàn-tục là bỏ cuộc đời tu-hành, trở về sống lại với gia-đình trong xã-hôi.

- Vương-xá: Ràjagaha, thủ-đô nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

- Tho-thực: Thọ = nhận; Thực = ăn. Thọ-thực là ăn, tiếng nhà chùa.

- Uỡn-ẹo = uốn-éo để khêu gợi.

- Tỉnh-giác: Tỉnh = chẳng mê; Giác = biết. Người tỉnh-giác luôn luôn chú-ý, đang làm, nói, nghĩ điều gì thì tâm bên trong biết mình đang làm, nói, nghĩ về điều đó, và chỉ điều đó mà thôi, chẳng lo ra.

- Khẩn-thiết: Khẩn = gấp, mau; Thiết = thành-tâm, tha-thiết.

- Quán thấy = trong cơn thiền-định, nhìn thấy rõ bằng mắt-tâm

- Hào-quang = ánh-sáng rực-rỡ toả ra từ bực tu-hành định-lưc cao

- Nhục-dục: Nhục = thịt; Dục = ham-muốn. Nhục-dục là ham muốn thú-vui về thể-xác, giữa dàn-ông, đàn-bà.

- Thi-triển thần-thông: xử-dụng các khả-năng khác thường như bay bổng trên không, đi vào lửa đỏ, v.v. nhờ ở định-lực tu-hành cao.

- Dục-lạc: Dục = ham muốn; Lạc = thú-vui. Chữ dục-lạc ở đây, chỉ các thú-vui vật-chất thấp và tạm.

- Dục-ái: Dục = cõi dục-giới, nơi con người đang sanh-sống; Ái = thương; Dục-ái ở đây là quá mến- thích cảnh sống ở cõi dục-giới. (Có ba cõi trong thế-gian: (1) cõi dục-giới; (2) cõi sắc-giới; và (3) cõi vô-sắc-giới.)

- Hữu-ái: Hữu = hiện-hữu, đời sống hiện-tại; Ái = thương. Hữu-ái ở đây có nghĩa là tham sống hoài, muốn được tái-sanh lại mãi trong cõi Luân-hồi.

- Đoạn-tận: Đoạn = cắt đứt đoạn; Tận = dứt hết cả. Đoạn-tận là tiêu-diệt hết tận, chẳng còn gì.

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ. Trong bài Kệ, chữ Bà-la-môn lại có nghĩa là bực A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc cám-dỗ của một dâm-nữ, nhưng chẳng thành-công để quyến-rũ tỳ-kheo Sơn-đà vào tội-dâm, để hoàn-tục. Nhờ trong phút lâm-nguy, khẩn-thiết tưởng-niệm đến Phật, Sơn-đà thoát nguy.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là lời tự-trách mình thiếu tỉnh-giác của tỳ-kheo Sơn-đà. Nếu tâm luôn luôn tỉnh-giác, chắc-chắn sẽ đoán ngay được sự nguy-hiểm khi bước chơn vào nhà người dâm-nữ.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 415:

Bài Kệ nêu ra ba điểm: (1) lià bỏ dục-lạc; (2) rời gia-đình để xuất-gia; (3) đoạn-tận dục-ái và hữu-ái. Xin lần-lượt xét qua các điểm

1)Ai đời nầy dục-lạc lià-bỏ: bỏ các thú-vui vật-chất, để tìm thú-vui tinh-thần, tu-hành chứng quả để thoát Khổ vĩnh-viễn.

2)Rời gia-đình theo ngõ xuất-gia: đó là con đường giải-thoát, nhưng người thường lại cho là cực-khổ.

3) Dục-ái, hữu-ái đà đoạn-tận: cắt đứt hẳn sự tríu-mến vào đời sống Luân-hồi, tức là dục-ái, hữu-ái, để tìm về cuộc sống giải-thoát, an-nhiên, tự-tại trong cảnh Niết-bàn, bằng cách chứng quả A-la-hán.

(296).- Tích chuyện Trưởng-lão Gia-tị-la.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp có đề- cập đến Trưởng-lão Gia-tị-la.

Sau khi Đức Phật Ca-diếp nhập Niết-Bàn, có một vị Trưởng-lão đi quyên tiền xây tháp để thờ xá-lợi Phật. Đến nhà người thợ-bạc, hai vợ chồng đang cãi-vã, vị Trưởng-lão bị xô-đuổi. Người chồng quát với vị tu-hành: "Đem tượng Phật quăng xuống sông cho rảnh, quyên với góp gì, mau đi ra!" Người vợ nói: "Sao lại hỗn-láo với bực tu-hành? Giận em, cứ mắng em, đánh em cũng được, cớ sao lại mạ-lỵ Đức Phật và vị Trưởng-lão. Tội nầy to lắm!" Người chồng sực-tỉnh, vội tạ lỗi và dâng ba bình hoa bằng vàng để thờ trong tháp của Đức Phật Ca-diếp.

Đến kiếp nầy, người thợ bạc sanh ra làm con ngoại-hôn của một thiếu-nữ nhà giàu. Khi sanh con, sợ mang tiếng, người mẹ để con vào một cái nồi, thả trôi sông. Bấy giờ, có người đàn-bà đi tắm, vớt nồi lên, nuôi đứa bé, đặt tên là Gia-tị-la. Lớn lên được mẹ nuôi gởi đến ở trọ nhà người phú-thương trong thành Ta-xi-la để ăn học, Gia-tị-la được chủ nhà mến, mới gả con gái cho. Hai vợ chồng trẻ được cha tặng một ngôi nhà đẹp-đẽ trong thành. Lại may mắn đào được trong vườn một hủ vàng to. Sau sanh được ba người con trai, thì Gia-tị-la xuất-gia, tu-hành rất tinh-tấn, chứng được quả-vị A-la-hán.

Một hôm, Gia-tị-la và các tỳ-kheo khác cùng theo chơn Đức Phật đến nhận lễ cúng-dường tại nhà cũ của mình. Các người con trai của Gia-tị-la dâng-cúng thực-phẩm trong mười lăm ngày liên-tiếp. Trở về tịnh-xá, các tỳ-kheo hỏi Gia-tị-la, về nhà thấy vợ con và tiền-bạc, có nhớ tiếc chăng. Gia-tị-la bảo, chẳng còn quyến-luyến vào điều chi cả. Các tỳ-kheo chẳng tin, trình với Đức Phật. Đức Phật bảo: "Gia-tị-la đã chứng-đắc quả A-la-hán, đâu còn khát-ái và kiêu-mạn nữa."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Ai đời nầy, khát-ái lià bỏ
Rời gia-đình, theo ngõ xuất-gia,
Dục-ái, hữu-ái đà đoạn-tận
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 416.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Gia-tị-la: tên vị tỳ-kheo nầy, tiếng Pali là Jatila.

- Phật Ca-diếp: Đức Phật giáng-sanh trước Đức Phật Thích-ca; tiếng Pali là Kassapa Buddha.

- Nhập Niết-bàn = lià bỏ xác thân, vào cõi Niết-Bàn yên-vắng.

- Quyên = đi xin tiền, góp lại để làm việc ích-lợi chung.

- Xá-lợi =Sarìra, ngọc xá-lợi, tro cốt bực Thánh sau khi hoả-táng.

- Mạ-lỵ = nói lời thô-cộc, hỗn-láo với ai.

- Tháp = ngôi nhà mồ xây nóc nhọn nhô cao lên, để thờ-phượng.

- Con ngoại-hôn = Ngoại = ở ngoài; Hôn = đám cưới. Con ngoại-hôn sanh ra do vợ-chồng chẳng chánh-thức cưới nhau.

- Phú-thương: Phú = giàu; Thương = buôn-bán.

- Ta-xi-la: thành nầy tên tiếng Pali là Taxila.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà; Xuất-gia là lìa bỏ nhà đi tu.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, chẳng còn bị tái-sanh nữa.

- Cúng-dường: đọc trại chữ Hán-Việt cung-dưỡng = cung-cấp để nuôi-dưỡng.Tứ sự cúng-dường: thức-ăn, quần-áo, giường, thuốc-men.

- Khát-ái = tham-ái = dục-ái = hữu-ái, đồng một nghĩa.

- Kiêu-mạn: Kiêu = kiêu-căng, phách-lối; Mạn = chữ Phạn là mano, tự-cao, coi mình là hơn kẻ khác.

- Đoạn-tận = Đoạn = cắt; Tận = hết; Đoạn-tận là cắt đứt hết tiệt.

- Bà-la-môn: Brahmana, giai-cấp tu-sĩ; ở đây có nghĩa là A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện kể lại tiểu-sử của Tỳ-kheo Gia-tị-la: vì kiếp trước có lời hỗn-láo với một vị Trưởng-lão, nhưng biết hối lỗi và dưng-cúng bình vàng để thờ Phật, nên kiếp nầy Gia-tị-la sanh ra bị thả trôi sông, nhưng về sau lại được giàu-có. Nhưng ý-nghĩa của Tích chuyện, ngoài vấn-đề quả-báo ra, còn là lời dạy của Đức Phật: tu đến bực A-la-hán thì dẹp xong khát-ái, kiêu-mạn, lìa bỏ hết ham-muốn, sống an- nhiên.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 416:

Hai bài Kệ số 415 và 416 giống nhau in hệt (có hai chữ tuy khác: dục-lạc và khát-ái, nhưng nghĩa rất gần nhau), xin xem lại ở bài trước.

(297).- Tích chuyện Trưởng-lão Giô-thi-ca.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Giô-thi-ca.

Thuở ấy, ở thành Vương-xá có chàng thanh-niên tên Giô-thi-ca, nhà cửa thật sang-trọng, lộng-lẫy, lại được thần-linh giữ cửa. Vua Tần-bà-sa-la dẫn Thái-tử A-xà-thế đến viếng nhà, hết lời khen-ngợi. Giô- thi-ca đem viên hồng-ngọc ra tặng Vua. Thái-tử trông-thấy cảnh huy-hoàng đó, nguyện rằng khi lên làm vua, sẽ xung-công cơ-nghiệp đó.

Về sau, Thái-tử A-xà-thế, nghe lời xúi-dục của tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa, nổi lên cướp ngôi vua, giam cha trong ngục, bỏ đói cho chết. Vua A-xà-thế dẫn quân đến chiếm nhà của Giô-thi-ca, nhưng bị thần giữ cửa ngăn-cản. Bấy giờ, vua A-xà-thế mới dẫn quân đến tịnh-xá Trúc-lâm, thấy Giô-thi-ca đang ngồi nghe Phật giảng-pháp. Vua A-xà-thế nổi giận, sai quân lính bắt. Giô-thi-ca biết vua chiếm nhà mình chẳng được, mới đến đây tìm. Ông liền xoè bàn tay ra, có mấy chiếc nhẫn, bảo vua cứ cởi ra mà lấy. Vua cởi mãi chẳng được. Giô-thi-ca nói: "Tôi có lời nguyện, vật của tôi chẳng ai dành lấy được, trái với ý muốn của tôi." Nói xong, Giô-thi-ca lấy chiếc khăn tay trải ra, chống các ngón tay xuống khăn, các chiếc nhẫn tuột ra, lấy đem dưng cho vua A-xà-thế. Sau đó, Giô-thi-ca xin Đức Phật cho xuất-gia. Nhờ tinh-tấn tu-hành, chẳng bao lâu, Giô-thi-ca chứng được quả-vị A-la-hán.

Một hôm, các vị tỳ-kheo hỏi Giô-trhi-ca có còn nhớ tiếc ngôi nhà đẹp-đẽ nữa không, Giô-thi-ca đáp, bây giờ chẳng còn tham-luyến gì nữa cả. Các tỳ-kheo chẳng tin, mới trình Phật. Đức Phật liền bảo: "Giô-thi-ca đã chứng quả A-la-hán rồi, mọi tham-dục đều dứt hẳn."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ số 416 (đã được ghi ở bài trước.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Giô-thi-ca: tên vị Trưởng-lão nầy, tiếng Pali là Jotika.

- Trúc-lâm, Vương-xá: tịnh-xá Veluvana nầy cất trong vườn trúc, do vua Tần-bà-sa-la dưng cúng Phật, gần thành Vương-xá (Ràjagaha.)

- Tần-bà-sa-la: Bimbisara, vua nước Ma-kiệt-đà (Magadha), bị con mình là Thái-tử A-xà-thế (Ajàtasattu) cướp ngôi.

- Xung-công = lấy bỏ vào kho nhà-nước.

- Cơ-nghiệp = tài-sản, sự-nghiệp.

- Đề-bà-đạt-đa: tên vị tỳ-kheo, anh của Tôn-giả A-nan, tánh kiêu-mạn, đòi thay-thế Đức Phật cầm đầu Tăng-đoàn. Tên Pali: Devadatta.

- Chiếc nhẫn = chiếc cà-rá đeo ở ngón tay.

- A-la-hán: Arahant, quả-vị thứ tư, cao nhứt. Chữ A-la-hán có ba nghĩa: (1) ứng-cúng, xứng-đáng được Trời, Người cúng-dường; (2) sát-tặc, giết hết giặc, giặc phiền-não; (3) vô-sanh, chẳng còn bị tái- sanh trong cõi Luân-hồi, sống tự-tại, giải-thoát trong cảnh Niết-bàn.

- Tham-dục: Tham = ham quá chừng; Dục = muốn.

B.- Nghĩa Ý:

Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Trưởng-lão Giô-thi-ca từ bỏ cả nhà cửa, của-cải để đi tu, chứng được quả-vị A-la-hán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện, cũng như ý-nghĩa của bài Kệ số 416 nơi Tích chuyện nầy, đều nói lên đức- tánh xả-bỏ của bực A-la-hán. Xả-bỏ là chẳng luyến-tiếc điều chi cả; nhờ chẳng luyến-tiếc, nên chẳng bị ràng-buộc, do đó mà được giải-thoát.

(298).- Tích chuyện Trưởng-lão Na-ta-bút (1).

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Na-ta-bút.

Na-ta-bút là con một người vũ-nữ, thường đi ra đường ca hát, nhảy múa. Một hôm, Na-ta-bút theo chơn các vị tỳ-kheo đến chùa, nghe Phật giảng pháp. Na-ta-bút hiểu được mới xin xuất-gia, thọ-giới tỳ-kheo. Kể từ đó, Na tinh-tấn tu-hành, chẳng bao lâu chứng được quả-vị A-la-hán. Một hôm, đang đi khất-thực, thấy có đứa bé múa hát bên lề đường, các vị tỳ-kheo hỏi Na-ta-bút, có còn mê-thích ca múa nữa không. Na-ta-bút đáp, đã từ lâu, dứt bỏ mọi mê-luyến rồi. Các vị tỳ-kheo chưa tin, về tịnh-xá, thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, Na-ta-bút đã vượt qua mọi ràng-buộc, chứng A-la-hán rồi."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người tách khỏi ràng-buộc cõi người, Vượt lên trên câu-thúc cõi Trời,

Thoát-ly mọi hệ-lụy Như-Lai gọi là Bà-la-môn. (Kệ số 417.)

TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Na-ta-bút: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là Nataputtaka.

- Vũ-nữ: phụ-nữ có tài nhảy múa.

- Thọ-giới tỳ-kheo = làm lễ nhận tuân 250 giới-cấm của tỳ-kheo.

- A-la-hán: quả-vị thứ tư, cao nhứt, chứng được vô-sanh, nghĩa là thóat khỏi sự tái-sanh trong vòng Luân-hồi.

- Câu-thúc: Câu = bắt giữ; Thúc = bó-buộc. Câu-thúc là trói buộc.

- Hệ-lụy: Hệ = sợi dây tơ; Lụy = buộc lại. Hệ-lụy là ràng buộc.

- Bà-la-môn: Brahmana, nghĩa gốc là giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ. Trong các bài Kệ thuộc phẩm Bà-la- môn, chữ Bà-la-môn lại được Đức Phật dùng theo nghĩa chữ A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Na-ta-bút, trước ham nhảy múa, ca hát, sau đi tu chứng được quả-vị A-la- hán. Khi gặp một đứa trẻ ca múa, các tỳ-kheo hỏi Trưởng-lão Na-ta-bút còn mê vũ nữa không, Trưởng-lão bảo, không. Đức Phật nói, đã chứng A-la-hán rồi thì mọi mê-luyến ràng-buộc đều dẹp tan.

Cũng như Tích chuyện trước, ý-nghĩa giải-thoát mọi ràng-buộc được nêu trong Tích chuyện nầy.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 417:

Bài Kệ nói lên sự hoàn-toàn giải-thoát mọi ràng-buộc của bực A-la-hán. Ràng-buộc ở cõi người, thì khi xuất-gia, ta đang cởi bớt đi, để qua một bên các lo-lắng về gia-đình. Còn ràng-buộc ở cõi Trời là gì? Đó là phải tái-sanh lại ở các cõi khác, khi đã hưởng hết phước nơi cõi Trời. Bực La-hán chẳng còn tái-sanh nữa, nên thoát được mọi hệ-lụy.

(299).- Tích chuyện trưởng-lão Na-ta-bút (2)

Tích chuyện nầy trùng với Tích chuyện số (298), tên và sự-việc giống nhau, nhưng lại xảy ra ở hai nơi khác.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Na-ta-bút.

Thuở ấy, ở thành Vương-xá có người tên Na-ta-bút rất ham múa hát. Một hôm, được nghe Đức Phật giảng-pháp, Na-ta-bút liền xin quy-y và thọ-giới tỳ-kheo. Do tu-tập tinh-tấn, chẳng bao lâu Na-ta-bút chứng được quả-vị A-la-hán. Các bạn đồng-tu hỏi, bây giờ còn ham-mê ca múa nữa không, Na-ta-bút lắc đầu. Đức Phật bảo: "Na-ta-bút chứng quả A-la-hán, đã buông-bỏ mọi ham-thích về muôn sự-vật."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người đã bỏ điều thích, điều phiền,
Kiên-trì, chẳng ô-nhiễm, thản-nhiên,
Khắc-phục xong thế-giới ‘năm uẩn’,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 418.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Na-ta-bút: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là: Nataputtaka.

- Trúc-lâm: tịnh-xá Veluvana ở gần thủ-đô Vương-xá (Ràjagaha) thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

- Kiên-trì: Kiên =kiên-nhẫn, bền chí; Trì = giữ. Kiên-trì = rất bền chí

- Khắc-phục: thắng được, bắt phải theo lịnh mình.

- Thế-giới ‘năm uẩn’ = là thân-tâm con người gồm có năm uẩn: (1)sắc-uẩn, thân vật-chất; (2) thọ-uẩn, các cảm-thọ; (3) tưởng-uẩn, các tư-tưởng; hành-uẩn, các hành-động; (5) thức-uẩn, các hiểu-biết. Sắc- uẩn thuộc về thân; và tâm thì gồm bốn uẩn còn lại.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện: giống Tích chuyện trước.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 418:

Bài Kệ nêu nhiều đức-tánh của bực A-la-hán, xin lần-lượt phân-tách:

1) ‘Người đã bỏ điều thích, điều phiền’: Thông thường, hễ gặp việc vừa ý, mình thích, muốn có hoài; gặp việc trái ý, mình ghét, muốn bỏ mau đi. Tánh phân-biệt so-đo đó gây thêm đau-khổ. Người thản- nhiên, điềm-tĩnh, chẳng quá vui, cũng chẳng quá buồn, tâm quân-bình, thanh-thản, là đang sống trong sự an-lạc; vui vì nhờ chẳng cảm thấy phiền, an-lạc vì vắng bóng phiền-não ở nơi tâm.

2) ‘Kiên-trì, chẳng ô-nhiễm, thản-nhiên’: Ba đức-tánh nầy giúp cho tâm an-tịnh. Kiên-trì là bền-chí, nhẫn-nại trước sự trái-ý. Chấp-nhận sự-việc trái-ý là tránh cho sự buồn-phiền nổi lên trong tâm: đang gặp chuyện khó, đó là một mối khổ, rồi lại nổi lên sự giận-ghét việc khó đó, là đang chồng thêm một nổi khổ nữa cho tâm. Vậy, sự kiên-trì tránh cho ta mối khổ thứ hai đó, do chính ta tạo nên.

Chẳng ô-nhiễm là chẳng để hoàn-cảnh lôi-cuốn tâm; đây là mình làm chủ tâm mình, mà đồng-thời cũng làm chủ luôn cả hoàn-cảnh. Muốn chẳng bị ô-nhiễm, phải tỉnh-giác đề-phòng, giữ tâm lắng-yên, mặc cho cảnh bên ngoài có cám-dỗ, có thúc-dục, mình cứ giữ vững.

Thản-nhiên là "như-như chẳng động", việc đâu còn có đó, vội gì mà phải sợ cuống lên. Nếu biết kiên- trì, nếu biết giữ chẳng ô-nhiễm, thì thái-độ thản-nhiên sẽ tự đến cho mình.

3) 'Khắc-phục xong thế-giới năm uẩn': Câu nầy có nghĩa là mình làm chủ cả thân-tâm của mình. Làm chủ bằng cách nào? Làm chủ thân-tâm bằng sự tỉnh-giác, làm gì, nói gì, nghĩ gì, cũng biết chính mình đang làm, đang nói, đang nghĩ; chớ chẳng phải cái máy đang làm, cái loa đang nói, hay con vẹt lia-lia cái mỏ mà chẳng hiểu nó đang nói gì.

Tóm lại, bực A-la-hán chính là người tỉnh-giác, làm chủ được thân-tâm, nên lúc nào cũng thản-nhiên, chẳng mảy may xao-động trước hoàn-cảnh xung quanh. Tập đến được mức đó, cần phải kiên-trì.

Trên đây là ý-nghĩa của bài Kệ số 418, mà cũng là đường-lối tu-tập chung cho cả hai: xuất-gia và tại- gia. Bực xuất-gia sẽ chứng được A-la-hán, sống tự-tại trong cảnh-giới Niết-Bàn. Còn người tại-gia, tuy chưa chứng A-la-hán, nhưng tu-tập được tánh thản-nhiên, tâm thanh-tịnh, thì ngưỡng cửa an-lạc của Niết-Bàn tại thế-gian nầy cũng gần kề.

(300).- Tích chuyện Trưởng-lão Văn-di-sa.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Văn-di-sa.

Thuở ấy, ở thành Vươbg-xá có một người Bà-la-môn tên Văn-di-sa có được biệt-tài mỗi khi gõ vào đầu-lâu người chết thì biết kẻ ấy tái-sanh về đâu. Văn-di-sa cùng một nhóm Bà-la-môn, đi khắp xóm làng, rao lên ai chịu trả hai mươi đồng, thì nói cho biết thân-nhơn đã mất, nay sanh về đâu.

Họ đi dạo như thế, cho đến một hôm tới gần chùa Kỳ-viên, nơi đông-đảo dân chúng đang tu-tập nghe Đức Phật giảng-pháp. Họ bảo, ở đây, có Bà-la-môn Văn-di-sa tài-giỏi lắm, biết cả nơi thác-sanh của người chết. Dân-chúng chẳng tin, thách họ vào gặp Đức Phật. Bấy giờ Đức Phật mới sai các tỳ-kheo đem lại năm cái đầu-lâu của năm người, sắp thành một hàng: kẻ bị sa địa-ngục, kẻ bị đoạ vào loài súc- sanh, kẻ được tái-sanh làm người, kẻ được sanh lên Trời và một chiếc của vị chứng A-la-hán. Văn-di- sa nói đúng bốn cái trước, còn đầu-lâu thứ năm hắn chẳng biết thác-sanh về đâu. Đức Phật bảo: "Nầy Văn-di-sa, ông chẳng biết được nơi thác-sanh của người chủ đầu-lâu chót nầy; nhưng ta biết được." Văn-di-sa mới hỏi Phật nhờ thần-chú nào mà biết được, hắn muốn học thần-chú đó được không. Đức Phật đáp, muốn học thì trước phải làm lễ thọ-giới tỳ-kheo. Văn-di-sa bảo mấy người Bà-la-môn ra về đi, còn mình ở lại chùa tu-tập. Được Đức Phật chỉ-dạy phép quán thân bất-tịnh với ba mươi hai chỗ ô- uế bên trong thân, Văn-di-sa nỗ-lực tu-tập quán-chiếu, chẳng bao lâu chứng-đắc được quả-vị A-la-hán.

Hai bài Kệ sau đây được Đức Phật nói lên khi nhắc đến việc Trưởng-lão Văn-di-sa đắc quả A-la-hán:

Người khéo vượt qua, hiểu triệt-để
Lẽ sống chết của mọi chúng-sanh,

Vô-nhiễm, giác-ngộ Tứ-diệu-đế,
Như-lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 419.)
Bực mà người, Trời, Càn-thát-bà,
Chỗ thọ-sanh, chẳng tìm ra được,
Lậu-hoặc-tận, chứng A-la-hán,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 420.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Văn-di-sa: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là: Vangisa.

- Vương-xá: tên thủ-đô Ràjagaha của nước Ma-kiệt-đà (Magadha)

- Đầu-lâu: xương sọ người chết.

- Tái-sanh: Tái = một lần nữa; sanh = sanh ra. Theo thuyết Luân-hồi của nhà Phật, chúng-sanh khi chết đi, tùy theo nghiệp mà sanh trở lại.

- Thác-sanh, Thọ-sanh = đồng-nghĩa với tái-sanh.

- Súc-sanh = thú-vật.

- Thần-chú: còn gọi là chơn-ngôn, các lời nói bí-mật, tin rằng có hiệu-lực phi-thường.

- Lễ thọ-giới tỳ-kheo: lễ nhận tuân theo 250 giới-cấm của tỳ-kheo.

- Quán thân bất-tịnh = suy-xét sâu-xa về lẽ trong thân-thể con người có nhiều chỗ dơ-dáy, như mủ, đờm, nước tiểu, ghèn, v.v. Phép quán thân bất-tịnh nằm trong Pháp Tứ-niệm-Xứ (= bốn đề-tài quán- chiếu: (1) thân bất-tịnh, (2) thọ là khổ; (3) tâm vô-thường; (5) pháp vô-ngã.

- Triệt-để: Triệt = thấu tận; Để = đáy. Hiểu triệt-để là hiểu cặn-kẽ.

- Vô-nhiễm = chẳng dính dơ, chẳng lây chỗ xấu.

- Giác-ngộ: Giác = biết; Ngộ = hiểu. Giác-ngộ là hiểu-biết suốt cả.

- Tứ-diệu-đế = bốn Chơn-lý nhiệm-mầu: (1) Khổ-đế, đời là khổ; (2) Tập-đế, nguyên-nhơn gây ra Khổ là tham-ái; (3) Diệt-đế, cảnh-giới đã diệt hết Khổ, tức là Niết-Bàn; (4) Đạo-đế, con đường Thánh-đạo đưa đến sự diệt Khổ vĩnh-viễn, tức là Bát-Chánh-đạo.

- Càn-thát-bà: Gandhabba, Hương-thần hay Nhạc-thần, một hạng chúng-sanh trên cõi Trời.

- Lậu-hoặc-tận = diệt hết các lậu-hoặc, tức là các phiền-não, như tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến, v.v.(Lậu-hoặc = phiền-não; tận = dứt)

- A-la-hán: Arahant, quả-vị thứ tư cao nhứt, chứng được vô-sanh.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại việc Văn-di-sa có tài đặc-biệt biết được nơi thác-sanh của người chết, bằng cách gõ vào đầu-lâu. Đến khi gặp Phật, Văn chẳng biết nơi thác-sanh của vị A-la-hán, mới xin quy-y, rồi nỗ-lực tu-tập, sau chứng được quả A-la-hán.

Ý-nghĩa của Tích chuyện là: biết được nơi thác-sanh của kẻ khác chưa đủ, phải tu-tập thêm để chứng được vô-sanh (chứng quả A-la-hán) mới hết bị vướng vào vòng lẩn-quẩn khổ-đau của Luân-hồi.

(2) Ý-nghĩa của hai bài Kệ số 418 và 419:

Bài Kệ trước nói về sự giác-ngộ của bực A-la-hán; bài Kệ sau nói về sự vô-sanh của bực A-la-hán. Xin phân-tách từng câu cả hai bài:

Bài Kệ số 418:

1) 'Người khéo vượt qua, hiểu triệt-để, Lẽ sống chết của mọi chúng-sanh': (a) "Khéo vượt qua" là được giải-thoát, dứt mọi ràng-buộc. (b)"Hiểu triệt-để lẽ sống-chết của mọi chúng-sanh" là giác-ngộ được lẽ sanh-tử, biết thấu-suốt chúng-sanh từ đâu tới, sống đau-khổ như thế nào, rồi sẽ đi về đâu, và làm sao thoát được khổ vĩnh-viễn.

2) 'Vô-nhiễm, giác-ngộ Tứ-diệu-đế': (a)Vô-nhiễm là bực Thánh chẳng bị nhuốm dơ, làm chủ được tâm bên trong và hoàn-cảnh bên ngoài. (b)"Giác-ngộ Tứ-diệu-đế" là thông-suốt Chánh-pháp, hiểu rõ bốn Chơn-lý Nhiệm-mầu, biết Khổ do đâu sanh, biết cách diệt-trừ Khổ

Bài Kệ số 419:

3) 'Bực mà người, Trời, Càn-thát-bà, Chỗ thọ-sanh, chẳng tìm ra được': xin viết lại cho xuôi câu: "Bực mà Trời, Người còn chẳng biết được nơi thọ-sanh". Tại sao chẳng biết được nơi thọ-sanh của bực ấy? Vì bực ấy đã chứng vô-sanh, đâu còn tái-sanh lại nữa mà có chỗ thọ-sanh để biết được. Đó là bực hoàn-toàn giải-thoát khỏi cảnh Luân-hồi.

4) 'Lậu-hoặc-tận, chứng A-la-hán': (a) Dứt được mọi lậu-hoặc là dẹp xong mọi phiền-não, thân-tâm hoàn-toàn thanh-tịnh. (b) Chứng A-la-hán là đắc được vô-sanh, chẳng còn sanh-tử, tử-sanh, trôi lăn trong cảnh Khổ của Luân-hồi. Chớ lầm Vô-sanh là diệt mất hết; phải hiểu: Vô-sanh = Vô tái-sanh, chẳng còn bị nghiệp lôi-kéo trôi lăn trong sáu nẻo của Luân-hồi, nay được tự-tại, an-nhiên mãi nơi cảnh Niết-Bàn

(301).- Tích chuyện Ni-bà Đàm-ma.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại tịnh-xá Trúc-lâm, gần thành Vương-xá, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Ni-bà Đàm-ma.

Thuở ấy, ở thành Vương-xá, có một vị ưu-bà-tắc tên là Vi-sa-kha, nhà giàu, nhờ nghe được Đức Phật giảng-pháp mà chứng được quả-vị A-na-hàm. Một hôm, vị ấy nói vợ rằng: "Kể từ nay, xin bà nhận lấy hết tài-sản sự-nghiệp nầy, tôi chẳng còn muốn dự vào việc nhà nữa." Người vợ là bà Đàm-ma liền đáp: "Ai lại dại gì nuốt vào đờm-dãi của kẻ

khác đã phun nhổ ra? Tôi xin phép ông, kể từ nay, được xuất- gia làm tỳ-kheo-ni." Sau khi được chồng đồng-ý, bà xin thọ-giới tỳ-kheo-ni, rồi theo các vị ni-cô khác đến một tu-viện nhỏ trong làng vắng, nỗ-lực tu-tập, chẳng bao lâu, chứng được quả-vị A-la-hán và trở lại thành Vương-xá. Người chồng đến thăm, muốn thử xem sức học Đạo của bà Đàm-ma đến mức nào, mới hỏi thế nào là bốn Đạo, bốn Quả. Bà Đàm-ma trả lời rất rõ ràng thấu-đáo về ba Đạo-Quả đầu, đến Đạo-Quả thứ tư, ông Vi-sa-kha chẳng hiểu nổi, mới hỏi thêm. Bà Đàm-ma nói: "Ông còn chưa đủ sức để hiểu rõ Đạo và Quả của bực A-la-hán; nếu ông muốn biết, thì tới thưa với Đức Phật." Ông Vi-sa- kha mới đến trình Phật. Đức Phật nói: "Nầy Vi-sa-kha, tỳ-kheo-ni Đàm-ma đã trả lời câu hỏi của ông rồi; ông có hỏi thêm, ta cũng chỉ đáp như thế." Đức Phật nói như thế là có ý bảo Bà Đàm-ma nay đã chứng quả-vị A-la-hán, nhìn thấy rõ trình-độ tu-tập của chồng.

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Người chẳng hề bám-víu vào chi
Trong quá-khứ, vị-lai, hiện-tại,
Chẳng nắm giữ, vì chẳng có gì,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 421.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Ni-bà: hay Sư-bà, vị tỳ-kheo-ni cao-cấp, ngang hàng với bực Hoà-thượng bên Nam-giới.

- Đàm-ma: tên vị Ni-bà, tiếng Pali là Dhammadinnà.

- Ưu-bà-tắc: còn gọi là cận-sự-nam, tiếng Pali là Upàsaka, người thiện-nam tu tại-gia, đến chùa làm công-quả. Nữ-giới là Ưu-bà-di, hay cận-sự-nữ, tiếng Pali là Upàsika.

- Vi-sa-kha: tên vị Ưu-bà-tắc nầy, tiếng Pali là Visàkha.

- A-na-hàm: Anàgàmi, quả-vị thứ ba, còn gọi là Bất-Lai, nghĩa là chẳng sanh lại cõi Người nữa, sanh lên Trời, tu tiếp chứng A-la-hán.

- A-la-hán: Arahant, quả-vị cao nhứt, chứng được vô-sanh. Chữ A-la-hán có ba nghĩa: (1) ứng-cúng, xứng-đáng được sự cúng-dường của Trời, Người; (2) sát-tặc, giết hết giặc, giặc phiền-não như tham, sân, si; (3) vô-sanh, tức là vô-tái-sanh, chẳng còn sanh lại trong cõi Luân-hồi nữa, mà tự-tại trong cảnh-giới Niết-bàn an-lạc.

- Đờm-dãi = chất nhờn dơ trong miệng khạc phun ra.

- Xuất-gia: Xuất = ra khỏi; Gia = nhà; Xuất-gia là lìa nhà đi tu ở chùa

- Tỳ-kheo-ni: Bhikkhuni, nữ tu-sĩ Phật-giáo, tuân theo 350 giới-cấm

- Đạo, Quả: Đạo = con đường, đường-lối tu-tập, Pali là Magga; Quả = kết-quả của việc tu-tập thành- công, Pali là Phala. Trong hàng Thanh-văn (Savaka), các đệ-tử sống gần bên Phật, nghe kinh mà tu- tập, có bốn Đạo và bốn Quả: (1) Tu-đà-hườn-hướng và

Tu-đà-huờn-quả; (2) Tư-đà-hàm-hướng và Tư- dà-hàm-quả; (3) A-na-hàm-hướng và A-na-hàm-quả; (4) A-la-hán-hướng và A-la-hán-quả.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất ý-nhị: chồng muốn giao sản-nghiệp cho vợ để lo đường tu-hành; vợ bảo, ai thèm nhận gánh-nặng đó và xin xuất-gia. Vợ tu ở chùa, mau chứng quả A-la-hán. Chồng tu tại-gia chỉ chứng quả thứ ba là A-na-hàm, muốn thử xem vợ tu đến bực nào. Đến chừng vợ nói đến đạo-quả A-la-hán, chồng chẳng hiểu nổi, đi hỏi Phật, mới vở lẽ vợ mình đã đắc quả Thánh, mình còn thua một bực.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 421:

Bài Kệ rất rõ nghĩa: bực A-la-hán xả-ly tất cả, nên được hoàn-toàn giải-thoát. Xả-ly (=bỏ) những gì? Tất cả, từ quá-khứ, hiện-tại đến tương-lai. Ý-nghĩa thâm-trầm nhứt là ở câu thứ ba: "Chẳng nắm-giữ, vì chẳng có gì", còn gì đâu nữa mà nắm giữ, thân-tâm có cũng như không, sống chết xem ngang nhau, an-nhàn, tự-tại nơi cảnh Niêt-bàn.

(302).- Tích chuyện Trưởng-lão Chỉ-man.

Tích chuyện nầy tiếp theo Tích chuyện về Trưởng-lão Vô-não, số 142.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến Trưởng-lão Chỉ-man.

Thuở ấy, vua Ba-tư-nặc và Hoàng-hậu Mạt-lợi, xứ Câu-tát-la, thiết-lập một trai-đàn Đại-bố-thí để dưng-cúng lễ-vật và thực-phẩm lên Đức Phật và năm trăm vị tỳ-kheo. Buổi lễ được tổ-chức vô cùng trọng-thể: mỗi vị tỳ-kheo được che mát trên đầu, bằng một chiếc lọng gấm trắng, do một con voi được luyện tập thuần-thục cầm giữ. Tuy nhiên, số voi được huấn-luyện còn thiếu một, phải đem một con đại-tượng chưa được tập-luyện cầm lọng che cho Trưởng-lão Chỉ-man. Con đại-tượng ngày thường rất hung-hăng, nhưng khi Trưởng-lão đến gần nó, nó lại tỏ ra ngoan-ngoãn, đứng yên chẳng gây chút trở- ngại.

Sau buổi lễ, các vị tỳ-kheo hỏi Trưởng-lão Chỉ-man có sợ-hãi chăng, khi đứng gần con đại-tượng hung-hăng. Trưởng-lão đáp, không. Đức Phật bảo: "Nầy chư Tăng, người đã chứng được quả-vị A-la- hán như tỳ-kheo Vô-não đâu còn sợ-hãi điều gì nữa, nói chi là con đại-tượng."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Bực ngưu-vương chẳng hề úy-kỵ, Bực đại-sĩ anh-hùng cao-quí,

Bực chiến-thắng, chẳng hề nhiễm-ô,
Bực tẩy-tịnh, bực đại-giác-ngộ,
Như-lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 422.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Chỉ-man: Chỉ = ngón tay; Man = chùm. Tên thật của Trưởng-lão là Ahimsaka, dịch là Vô-não (= chẳng gây phiền-não cho ai), nhưng vì theo ngoại-đạo, giết người lấy ngón tay kết thành chùm, đeo ở ngực, nên người đời gán cho tên là Angulimàla, phiên-âm là Ương-quật ma-la, dịch là Chỉ-man. Xem tiểu-sử ở Tích chuyện số 142.

- Ba-tư-nặc, Mạt-lợi: tên tiếng Pali là Pasenadi và Mallikà.

- Câu-tát-la: tên xứ nầy tiếng Pali là Kosala.

- Trai-đàn: thiết-lập một đài cao để cúng-dường và nghe pháp

- Chiếc lọng = một cây dù lớn, đẹp, mặt trên tròn, bằng-phẳng.

- Đại-tượng = con voi lớn.

- Ngưu-vương: Ngưu = trâu; vương = vua. Ngưu-vương là trâu chúa

- Úy-kỵ = Úy =sợ; Kỵ = chống-đối. Úy-kỵ = sợ-hãi và lo ngại.

- Đại-sĩ: Đại = lớn; Sĩ = bực tôn-quí. Kinh sách Bắc-tông gọi cấp Bồ-tát là Đại-sĩ, như Bồ-tát Quán- âm gọi là Quán-âm đại-sĩ .

- Tẩy-tịnh: Tẩy = rửa;Tịnh = sạch. Bực tẩy-tịnh là bực rất trong-sạch

- Đại-giác-ngộ: Đại = lớn; Giác = biết; Ngộ = hiểu. Bực đại-giác-ngộ là bực đã thông hiểu hoàn-toàn về lẽ sống-chết của chúng-sanh.

- Bà-la-môn: Brahmana, giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ. Trong các bài Kệ của Phẩm Bà-la-môn nầy, chữ Bà-la-môn lại có nghĩa là A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý:

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện rất giản-dị: Trưởng-lão Chỉ-man chẳng hề sợ-hãi khi đứng gần bên một con đại-tượng hung-hăng.

Ý-nghĩa của Tích chuyện dẫn đến bài Kệ, nói lên đức vô-úy của bực A-la-hán.

(2) Ý-nghĩa của bài Kệ số 422:

Bài Kệ nêu lên các đức-tánh quí-báu của bực A-la-hán, trong đó sự vô-úy được đề-cao. Có nhiều danh- từ được dùng theo nghĩa tượng-trưng, xin phân-tách ra như sau:

1) Bực ngưu-vương, chẳng hề úy-kỵ: Tánh chẳng hề úy-kỵ, chẳng sợ-hãi gì cả, được ví với con trâu chúa có sức mạnh hung-hăng.

2) Bực đại-sĩ: bực Bồ-tát (Bodhisatta), bực đã tự-giác, quên nình đi lo chia-xẻ sự giác-ngộ với kẻ khác (gọi là giác-tha)

3) Anh-hùng cao-quí, bực chiến-thắng, chẳng hề nhiễm-ô:: Chiến-thắng ai? Chiến-thắng được sự cám- dỗ (= Ma-vương), tội-lỗi.

4) Bực tẩy-tịnh: Tẩy-tịnh là rửa sạch. Rửa cái chi? Rửa sạch cõi lòng, cho tâm được thanh-tịnh, khiến cho tội-lỗi chẳng nhiễm được.

5) Bực Đại-giác-ngộ: Sao gọi là đại-giác? Vì đã tự-giác, đi giác-tha, và đã giác-hành viên-mãn (công- cuộc giáo-hoá chúng-sanh đã hoàn-tất). Bực Đại-giác chính là Đức Phật. Ngài đã tự-mình giác-ngộ lấy, đó là tự-giác. Đi giáo-hoá chúng-sanh trong bốn mươi năm cho họ được giác-ngộ theo, đó là giác- tha. Công-cuộc giáo-hoá của Ngài kéo dài đến phút chót của cuộc đời, để lại Chánh-pháp cho đời sau, đó là giác-hành viên-mãn.

(303).- Tích chuyện ông Đề-va-hy.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, trong một kỳ giảng-pháp, có đề cập đến vị Bà-la-môn tên là Đề-va-hy

Thuở ấy, một hôm Đức Phật bị đau bụng. Ngài sai Trưởng-lão Ưu-bà-hoà đến nhà vị Bà-la-môn Đề- va-hy xin nước nóng. Ông Đề-va-hy rất hoan-hỉ được dịp dâng-hiến chút gì lên Đức Phật. Ngoài bình nước nóng, ông còn trao cho Trưởng-lão một chén mật-mía nữa, rồi theo chơn Trưởng-lão vào thăm- viếng Đức Phật. Trưởng-lão pha nước cho Đức Phật tắm-rửa, xong lấy mật-miá hoà với nước nóng đem dâng. Đức Phật uống xong, hết đau bụng. Bấy giờ, vị Bà-la-môn mới thưa: "Bạch Thế-tôn, hiến- tặng cho ai thì được phước lớn?" Đức Phật đáp: "Nầy Đề-va-hy, cúng-dường cho bực đã dẹp xong mọi tội-ác sẽ được lợi-lạc to lớn nhứt."

Rồi Đức Phật nói lên bài Kệ sau đây:

Bực Thánh biết cả quá-khứ mình,
Thấy cảnh Trời, cùng các đoạ-xứ,
Ngay đời nầy, chấm dứt sanh-tử,
Với thắng-trí tự mình cải-tiến,
Hoàn-tất đạo-quả được viên-thành,
Như-Lai gọi là Bà-la-môn.
(Kệ số 423.)
TÌM HIỂU:

A.- Nghĩa Chữ:

- Đề-va-hy: tên vị Bà-la-môn nầy, tiếng Pali là Devahita.

- Ưu-bà-hoà: tên vị Trưởng-lão, tiếng Pali là Upavàna.

- Mật mía = ép mía nấu kẹo lại nước lỏng sền-sệt.

- Cúng-dường: đọc trại chữ Hán-Việt cung-dưỡng, cung-cấp và nuôi dưỡng. Tiếng nhà chùa, chỉ sự dâng-hiến phẩm-vật cho các tu-sĩ.

- Bực Thánh = bực đã dứt được nghiệp, chẳng còn bị tái-sanh trong vòng Luân-hồi (Samsàra) nữa. Trong bốn quả-vị, ba quả Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, vì còn tái-sanh, nên gọi là bực Hiền; đến quả A-la-hán, chứng được vô-sanh, nên gọi là bực

Thánh.

- Các đoạ-xứ = ba nẻo dữ (Apàya)trong cõi Luân-hồi: (1) địa-ngục; (2) ngạ-quỉ (= quỉ đói), (3)súc- sanh (= thú-vật).

-Thắng-trí: Thắng = hơn tất cả; Trí- = trí-huệ; Thắng-trí,ở đây, là Trí-huệ Bát-nhã ba-la-mật, trí-huệ đưa ta đến bờ bên kia, bờ giác-ngộ.

- Cải-tiến: Cải = sửa-đổi; Tiến = tiến-bộ. Cải-tiến là sửa đổi tốt hơn.

- Hoàn-tất: Hoàn = tròn; Tất = xong; Hoàn-tất là xong-xuôi hết cả, ở đây, là chứng được quả-vị A-la- hán, giải-thoát khỏi Luân-hồi.

- Viên-thành: Viên = tròn, trọn; Viên-thành là xong trọn-vẹn.

- Bà-la-môn: giai-cấp tu-sĩ xưa ở Ấn-độ. Chữ Bà-la-môn trong Tích chuyện có nghĩa là giai-cấp. Nhưng trong bài Kệ, chữ Bà-la-môn lại có nghĩa là bực A-la-hán.

B.- Nghĩa Ý;

(1) Ý-nghĩa của Tích chuyện:

Tích chuyện thuật lại vị Bà-la-môn Đề-va-hy dâng nước nóng và mật mía lên Đức Phật, rồi hỏi Phật, hiến-tặng cho ai thì được phước lớn. Đức Phật đáp, cúng-dường cho bực Thánh, đã diệt hết tội-ác thì hưởng được lợi-lạc to-lớn nhứt.

Ý-nghĩa của Tích chuyện: công-đức bố-thí đem lại phước lành to.

(2) Ý-nghĩa bài Kệ số 423:

Bài Kệ nói về bực Thánh: (1)biết đời quá-khứ, (2) thấy được sáu cõi trong Luân-hồi, (3)chấm-dứt sự sanh-tử lẩn-quẩn theo nghiệp-báo, (4)dùng thắng-trí tự cải-tiến và (5) hoàn-tất được các đạo-quả.

Xin lần-lượt phân-tách năm điểm vừa nêu:

(1) 'Biết cả quá-khứ mình': đó là túc-mạng minh, nhớ lại được hết các kiếp trước của mình;

(2) 'Thấy cảnh Trời và các đoạ-xứ': đây là thấy rõ cả sáu cõi trong Luân-hồi, gọi là Thiên-nhãn-minh, thấy biết chúng-sanh luân-chuyển theo nghiệp-báo, trong vòng Luân-hồi. Sáu cõi gồm có: ba đường lành: cõi người, cõi thần và cõi Trời; ba đường dữ: cõi địa-ngục, cõi ngạ-quỉ và cõi súc-sanh.

(3) 'Ngay đời nầy, chấm-dứt tử-sanh': ngay hiện-đời, chứng được vô-sanh, nghĩa là chẳng còn bị tái- sanh lại, để rồi chết nữa, hết quanh đi quẩn lại trong vòng đau-khổ của Luân-hồi, mà được tự-tại, an- vui trong cảnh vắng-lặng của Niết-bàn.

(4) 'Với thắng-trí, tự mình cải-tiến': nhờ tu-luyện theo giới, định, huệ, giữ giới cho ba nghiệp thân, miệng, ý được thanh-tịnh, tập định cho tâm được thanh-tịnh, mở-mang được trí-huệ chói-sáng, đó là tự mình cải-tiến lấy mình, từ phàm-phu trở nên bực hiền-thánh. Nói cách khác, sự tự-cải-tiến đưa đến sự chấm-dứt tất cả các phiền-não, các

lậu-hoặc, khiến thân-tâm hoàn-toàn được giải-thoát. Đây là chứng được Lậu-tận-minh.

(5)'Hoàn-tất đạo-quả được viên-thành': tu-tập tinh-tấn nên lần-lượt chứng được bốn đạo và bốn quả, từ cấp Tu-đà-hườn, qua Tư-đà-hàm, A-na-hàm, để rồi chứng nốt quả-vị vô-sanh của A-la-hán.

Nói tóm lại, bài Kệ nêu lên sự chứng-đắc Tam-minh của bực Thánh: (1) túc-mạng-minh, (2) thiên- nhãn-minh và (3) lậu-tận-minh.

-ooOoo-

Xin thưa nốt vài điều.

Trước khi chấm dứt việc lược-dịch và tìm hiểu về KINH PHÁP CÚ, Thiện-Nhựt xin được phép thưa thêm vài điều, liên-quan đến bản Kinh và cách xử-dụng Kinh nầy trong việc tu-tập.

1) Kinh PHÁP-CÚ, DHAMMAPADA, là quyển thứ hai trong Tiểu-Bộ-Kinh (Khuddhaka Nikàya) thuộc Tạng Kinh (Suttanta Pitaka), trong hệ Pali. Kinh ghi lại 423 bài Kệ ngắn, được chính Đức Phật Thích- Ca nói lên suốt trong thời-gian bốn mươi năm truyền-giảng Chánh-Pháp của Ngài, để dạy cho các đệ- tử xuất-gia cũng như tại-gia. Sau khi Đức Phật nhập Niết-Bàn, các vị Trưởng-lão sợ lời vàng-ngọc của bực Đạo-sư bị quên-lãng, mới họp nhau lại, đọc-tụng để ghi nhớ. Mãi đến gần ba trăm năm sau, vào thời-đại vua A-dục (Asoka), Kinh mới được ghi bằng chữ viết, trong kỳ Kết-tập Kinh-Tạng lần thứ ba.

Các Tích chuyện, gồm có 303 bài, (trong bản Pali ghi là 305 bài, vì Tích-chuyện số (205) được phân ra làm ba bài: Vô-thường, Khổ và Vô-ngã) được tin rằng do Ngài Phật-Âm (Buddhaghosa) chép lại vào khoảng thế-kỷ thứ 5 sau Tây-lịch. Các Tích chuyện dẫn đến các bài Kệ đã giúp cho việc tìm hiểu Kinh Pháp-cú được dễ-dàng hơn.

Kinh Dhammapada được dịch ra rất nhiều thứ tiếng, xem như một kho-tàng Chơn-lý rất quí-báu trong văn-chương của nhơn-loại. Bản dịch Anh-văn của Max Muller được xuất-bản năm 1870.

Kinh Pháp-Cú lại được xem như quyển sách gối đầu giường; các tu-sĩ Nam-tông ngay khi bước vào cửa Đạo, phải học thuộc lòng các bài Kệ trong Kinh Pháp-Cú, trước khi học các bản Kinh khác.

2) Giữa rừng giáo-lý cao-siêu của Đức Phật, Kinh Pháp-Cú nổi bật lên với những thí-dụ giản-dị, thông-thường, xảy ra hằng ngày, lời chỉ-dạy thật rõ-ràng và thiết-thực: đó là điểm cao-quí nhứt của Kinh Pháp-Cú, chẳng những thích-hợp cho các tu-sĩ xuất-gia theo con đường giác-ngộ và giải-thoát, mà còn có ích-lợi to-lớn trong cuộc sống ở xã-hội cho hàng tại-gia, dầu đó là người kiến-thức rộng-rãi, hay người bình-dân ít học.

3) Thiện-Nhựt xin chấp tay sám-hối, trong khi lược-dịch, đã bỏ bớt nhiều chi-tiết nhiệm-mầu trong các Tích chuyện, đã viết lại một cách vụng-về bằng văn-vần các bài Kệ thâm-trầm đầy ý-vị trong bản nguyên-tác bằng chữ Pali. Mục-đích là khiến cho phần dịch-thuật và tìm-hiểu được gọn-gàng và dễ hiểu mà chẳng đi xa quá với lời

giảng-dạy cao-quí của Đức Từ-phụ.

Trong phần Tìm Hiểu, vì muốn tránh cho người đọc phải giở lại các trang phía trước xem lại các danh- từ chuyên-môn về Phật-học, nên Thiện-Nhựt đã giải-nghĩa một danh-từ rất nhiều lần. Tuy nhiên, Thiện-Nhựt nghĩ sự lập-lại đó cũng có một công-dụng là vừa nhắc-nhở người đọc nghĩa đã được học qua, vừa nhẹ-nhàng và từ-từ đưa cất vào tiềm-thức mà chẳng cần phải khổ-công ghi nhớ.

Ước mong to-lớn của Thiện-Nhựt là, khi các Tập sách tìm hiểu về Kinh Pháp-Cú nầy vào tay người đọc, thì chúng sẽ được xem qua, hơn thế nữa, được đọc lên cho con cháu nghe, và quí hơn nữa là đem các bài Kệ ra ngâm-nga cho chính mình nghe, và dùng để ru cho con cháu ngủ. Nếu một Tích chuyện, một bài Kệ, ngay cả một câu Kệ, mà được người chưa biết chữ Việt chỉ nghe thuật lại mà đọc lên được trôi chảy, đem kể lại cho người khác nghe thêm, chắc-chắn là giáo-lý của Đức Phật còn sống mãi và truyền-tụng mãi trong dân-gian.

Đọc Tích chuyện hiểu được ý-nghĩa thú-vị, tụng bài Kệ thưởng-thức lời dạy quí-báu của Đức Phật, đó là đang thấy được hương-vị của bài pháp, gọi là pháp-vị. Nhưng còn phải biết nếm pháp-vị nữa, bằng cách theo đó mà tu-tập, tự cải-tiến lấy mình. Đấy mới là cách xử-dụng đúng-đắn Kinh Pháp-Cú nầy đó.

Thành-tâm sám-hối về các lỗi-lầm trong khi lược-dịch và tìm hiểu, Thiện Nhựt cầu mong trên được các bực cao-minh chỉ dạy thêm, và chung quanh được các bạn đạo vui lòng khuyến-khích.

Montreal, 09 Tháng 04, 2001, Thiện Nhựt kính thưa.

Sách Tham-khảo:

1. The Dhammaoada, Verses & Stories, Myanmar Pitaka Association, Yangon, 1990.

2. Dhammapada, A Practical Guide To Right Living, Venerable Buddharakkhita, Sukhi Hoti Dhamma Publications.

3. Kinh Pháp Cú, H.T. Minh-Châu, Phật-Học-Viện Vạn Hạnh, Saigon, 1977.

4. Kinh Pháp-Cú, Dhammapada, Venerable Narada, Phạm-Kinh-Khánh dịch, Paris 1981

5. Kinh Pháp-Cú, T.T. Trí-Đức, Phật-Học-Viện Quốc-Tế, 1985.

-ooOoo-

Chân thành cám ơn đạo hữu Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 10-2007).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.